





LÉP TRỐTXKI

đời tôi

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI CẢM ƠN

Cuốn sách này được ra đời nhờ sự góp sức của một tập thể anh em gồm có những người trốn-kít và những người không xu hướng đảng phái chính trị, trong số đó, có người ở Việt Nam, có người ở Pháp, có người ngụ cư ở Đông Âu.

Mặc dầu ở cách xa nhau hàng ngàn cây số, họ đã liên lạc, phân công và hợp tác với nhau trong việc dịch thuật, hiệu đính, chỉnh lý, sửa chữa bản thảo và in ấn.

Thay mặt bộ biên tập Tủ sách Nghiên cứu, chúng tôi xin chân thành cảm ơn hết thảy các bạn và mong rằng sự hợp tác này sẽ tiếp tục để những cuốn sách khác của Trótxki có điều kiện ra

mắt đồng đảo độc giả, theo chương trình đã ấn định.

Paris tháng Ba năm 1998 Hoàng Khoa Khôi

LỜI GIỚI THIỆU

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày tên sát nhân gốc Tây Ban Nha Ramon Méccade [Ramon Mercader] thực hiện bản án của những ông chủ từ Mạc Tư Khoa dành cho người sáng lập Đế tứ Quốc tế.

Trong khi Trốtxki [Trotsky] còn sống cũng như sau khi ông bị giết, tên tuổi ông thường xuyên là đề tài bôi nhọ, vu cáo và thóa mạ của những kẻ tự đặt mình dưới sự dắt dẫn của điện Cẩm Linh.

Độc giả các quốc gia xã hội chủ nghĩa (cũ) nói chung, và Việt Nam nói riêng, biết rất sơ sài về Trốtxki. Có thời muốn kết tội một ai, chỉ cần vu cho anh ta là trốt-kít! Một thời gian dài, trong những tài liệu tuyên truyền cộng sản, cái tên Trốtxki đồng nghĩa với *phát-xít, bán nước, phản cách mạng, chỉ điểm, điệp viên cho đế quốc...*

Vậy, hẳn nhiều người có thể đặt câu hỏi: "Trốtxki là ai?"

*

Nhắc đến Trốtxki, những người am tường lịch sử thường nghĩ đến hình ảnh một nhà cách mạng "*siêu việt*" (chữ của báo chí phương Tây đương thời), lãnh tụ chủ chốt của thợ thuyền Xanh-Pêtec-bua [Saint-Petersbourg] trong các cuộc cách mạng 1905 và 1917 trên cương vị chủ tịch Xô-viết thành phố. Đặc biệt, giữ chức chủ tịch Ủy ban Quân sự Cách mạng, bên cạnh Lênin [Lénine], Trốtxki là người lãnh đạo tối cao của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng Nga năm 1917. Chính Lênin về sau cũng phải công nhận: trong những ngày cách mạng tháng Mười, không có người bên-sevích nào hơn Trốtxki. Là người sáng lập và tổ chức Hồng quân Liên Xô kiêu hùng một thời, Trốtxki còn có vai trò chính trị và quân sự nổi bật trong thời nội chiến Nga. Không phải ngẫu nhiên mà trong "*di chúc chính trị*" viết khi lâm trọng bệnh, Lênin từng khẳng định: "*Về mặt cá nhân, hẳn có lẽ đồng chí ấy [Trốtxki] là người tài năng nhất trong Ban Trung ương [đảng bên-se-vích] hiện nay*".

Dĩ nhiên những chi tiết này đều bị Xtalin [Staline] và bè cánh của ông ta xuyên tạc hoặc giấu nhẹm trong những thập kỷ kế tiếp. Chẳng những thế, trong cả ba vụ án ngụy tạo lớn ở Mạc Tư Khoa thời kỳ 1936-1938, Trốtxki còn là bị cáo chính (văng mặt!) với những tội danh bịa đặt như "*kẻ cầm đầu mọi tổ chức đối lập*", "*người khơi mào và tổ chức chính yếu các hành động khủng bố*"... Mười năm sau ngày thành lập nhà nước Xô-viết mà Trốtxki là một trong những

người có công lớn nhất sau Lênin, tên tuổi và hình ảnh ông bị xóa khỏi mọi sách báo, tự điển, tổng luận, phim ảnh.

Vào những năm "*cải tổ*" và "*công khai*" cuối thập niên 80 ở Liên Xô (cũ), đại đa số các nhà cách mạng bên-se-vích bị chết oan uổng dưới triều đại Xtalin đều được phục hồi danh dự. Nhưng chưa bao giờ Trótxki, tác giả những cuốn sách đề cập đến cốt lõi của thể chế xta-linnít như *Cuộc cách mạng bị phản bội*, *Trường phái giả mạo lịch sử kiểu xta-lin-nít...*, được đưa vào danh sách "minh oan" này.

"*Chủ nghĩa trótx-kít là kẻ thù hung hãn nhất của chủ nghĩa lê-nin-nít*": đó vẫn là lời đánh giá chính thức của phe cộng sản "chính thống" Nga.

Ngày nay, theo đánh giá của nhiều sử gia và các nhà nghiên cứu nghiêm túc, Trótxki và chủ thuyết "cách mạng thường trực" của ông là một nhánh đặc biệt trong lịch sử những phong trào cách mạng mác-xít. Trong sự nghiệp chính trị của ông, nhân tố "*người anh hùng cô đơn*" luôn tồn tại như một nét chủ đạo. Trótxki "cô đơn", vì trong mọi trường hợp, ông đều cấp tiến và đều theo đuổi những giải pháp độc đáo so với thời đại ông sống. Về căn bản, nhiều ý tưởng và vấn đề ông đặt ra, cho đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự và đáng để chúng ta suy ngẫm.

*

Có điều, nếu chỉ nhìn nhận Trótxki như một chính khách xuất sắc - có tầm nhìn chiến lược sáng suốt, sâu rộng và nhiều khi có những ý tưởng vượt thời đại -, thì dẫu *đúng* nhưng chưa *đủ*. Người ta đã không quá lời khi nói rằng Trótxki còn là một cây bút siêu việt. Nói về tài diễn thuyết của Trótxki, Lunatrácxki [Lounatcharsky] cho rằng ông là diễn giả "*cừ khôi nhất thời đại*" với những bài phát biểu đậm tính văn chương. Phải nói rằng, tài văn chương của Trótxki, có lẽ không thua kém tài diễn thuyết của ông là bao.

Một đặc điểm nổi bật là các nhà chính trị cách mạng mác-xít nổi tiếng nửa cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này thường là những học giả, những cây bút xuất sắc trên báo chí. Mặt mạnh của họ cố nhiên là ở các bài viết, bài luận về đề tài *triết học* hay *chính luận*: với mục đích "tải đạo" (theo nghĩa *tuyên truyền những ý tưởng, những đường lối của bản thân họ hay đảng họ*). Trong một thời kỳ mà *bạo lực* chưa được coi là liều thuốc chính yếu để chữa mọi căn bệnh, nhiều khi một cuốn sách sắc sảo, một bài báo đánh thép có tác động mạnh đến xã hội đương thời hơn súng đạn.

Về mặt này, Trótxki không thuộc ngoại lệ. Nói về sự nghiệp cầm bút của ông, cần phải nhấn mạnh rằng trước hết ông là một nhà báo chính luận tài ba. Trong đời hoạt động cách mạng chìm nổi, Trótxki từng là chủ nhiệm, đồng thời ông cũng là cộng tác viên và là cây bút chủ lực của nhiều tờ báo, tạp chí Nga ngữ như *Tạp chí phương Đông*, *Bình minh*, *Tia lửa*, *Báo nước Nga*,

Buổi đầu, Sự thật, Tư tưởng Kiếp [Kiev], *Tiếng nói của chúng ta, Thế giới mới...* (trước năm 1917) và *Thông tin Đối lập...* (sau ngày bị trục xuất khỏi Nga). Trong số đó, không ít tờ có tiếng vang lớn cả ở Tây Âu. Ngoài ra, trong thời gian sống lưu vong ở nước ngoài, Trótxki cũng viết thường xuyên cho báo chí xã hội Pháp, Đức, Áo, Ba Lan... với phong cách được giới hiểu biết đương thời đánh giá là "*chói lợi*", "*quyến rũ*" và "*xuất chúng*". Bản thân Lênin - ngay trong lần đầu gặp gỡ - cũng phải thừa nhận chàng trai 24 tuổi Trótxki là một "*ngòi bút*" (Piêrô) [Péro] "*có năng lực phi thường*" (Piêrô là biệt danh do các đồng sự dành cho Trótxki, bằng chứng công nhận bút lực lớn lao của ông).

Nếu không tham gia phong trào công nhân và cách mạng, rất có thể Trótxki đã trở thành một văn sĩ thuần túy. Nhưng, hoạt động tuyên truyền và tổ chức phong trào từ thừa thanh niên cùng những ngày tháng tù đầy biệt xứ đã biến ông thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp. Từ đó trở đi, nói chung, Trótxki thường dùng cây bút của mình như một vũ khí sắc bén trên chính trường (như lời bộc lộ của chính ông: "*Kể từ năm 1897, tôi chiến đấu chủ yếu bằng ngòi bút. Thành thử, lịch sử đời tôi đã đọng lại trên những trang in hầu như liên tục trong suốt ba mươi hai năm*".)

Vốn có học thức sâu rộng, thông thạo nhiều ngoại ngữ, Trótxki không ngừng trau dồi tầm hiểu biết của mình qua sách vở thuộc đủ các thể loại trong những năm lưu lạc qua Áo, Đức, Thụy Sĩ, Anh, Pháp, Hunggari [Hongrie], Mỹ, Canada [Canada]... trước cách mạng tháng Mười 1917. Chính vì thế, những bài viết của ông không chỉ bó gọn trong khuôn khổ chính trị, ý thức hệ, đảng phái...: các tác phẩm của ông về đời sống nông dân Nga, xã hội Nga, văn hóa Nga... cũng đều có giá trị không nhỏ. Cạnh đó, tác phẩm *Văn học và cách mạng* cho ta thấy một quan niệm rộng rãi, bao dung về mối quan hệ giữa văn nghệ và quyền uy, rất khác (và có nhiều nét trái ngược) với chính sách văn nghệ ở nhiều xứ cộng sản theo mô hình xta-lin-nít. Đó là chưa nói đến những diễn giải mang tính phê bình về lịch sử văn học Nga với nhiều sắc thái rất "đặc thù" Trótxki.

Dĩ nhiên, một độc giả bình thường không quan tâm đến chính trị cùng mọi khái niệm phức tạp và rối rắm của nó, hẳn sẽ đặt câu hỏi: "*Trótxki có một văn nghiệp 'thuần túy' không?*" Đây là điều cần khẳng định, đồng thời cũng là một "điểm son" khiến Trótxki có chỗ đứng cao hơn trên văn đàn so với các chính trị gia, triết gia... chỉ viết những tác phẩm mang nội dung chính luận.

Từ những năm còn rất trẻ, Trótxki đã có nhiều tiểu luận văn học đặc sắc về các văn hào cổ điển Nga như Goóccki [Gorki], Anđrâyép [Andréiev], về các nhà văn phương Tây như Ípxen [Ibsen], Haotman [Hauptmann] hay Môpátxăng [Maupassant]. Phải nói con mắt sắc sảo của Trótxki đã khiến ông có biệt tài trong thể loại "chân dung văn học" này: về sau, Trótxki còn

nhiều phác thảo rất hay và đậm tính thơ về các văn hào (Maiacốpski [Maiakovsky], Goócđki, Manrô [Malraux]...), bạn bè, đồng chí và người thân (Lunatrácđki, Córúpđcaia [Kroupskaia], Riadanốp [Riazanov], Lép Xêđốp [Léon Sedov]...). Với kẻ thù, địch thủ của mình (Xtalin, Iagôđđ [Iagoda]...), ông cũng có những biếm họa tinh táo và sắc nét. Ngay trong *Đời tôi*, người đọc cũng hay gặp những bức chân dung, nhiều khi ngắn gọn mà rất đủ ý và hóm hỉnh. Đây là sở trường chính của ông.

Nhưng, muốn hiểu rõ tư cách con người cũng như văn phong, nghệ thuật cầm bút của Trốtxđki, không gì hơn là đọc *Đời tôi*, một cuốn sách thuộc thể loại văn-hồi ký mà tác giả đã cho ra đời từ đầu thập niên 30. Giới sử học tìm thấy ở đây nguồn tư liệu vô cùng quý giá về cách mạng Nga và những người khởi sự nó. Đối với độc giả "ngoại đạo" thông thường, cuốn sách cũng có thể đem đến nhiều thông tin, dữ kiện bổ ích về một thời kỳ tuy đã xa vời, nhưng vẫn có những tác động không nhỏ đến thời đại chúng ta đang sống. Đặc biệt, *Đời tôi* rất có ích cho thế hệ thanh niên, muốn tìm hiểu quá khứ trên căn bản tài liệu và sự thực.

*

Viết hồi ký - trong đó cố làm đẹp và biện minh cho những thất bại hay sai lầm của mình trong quá khứ - là việc làm thường thấy và dễ hiểu của các chính khách, các lãnh tụ cao cấp khi họ không còn ở tột đỉnh của quyền lực. Nhưng *Đời tôi* của Trốtxđki, xét trên nhiều phương diện, là một cuốn hồi ký đặc biệt. Được viết khi các sự kiện còn nóng hổi và tác giả cuốn sách còn theo đuổi một cuộc đấu tranh không khoan nhượng, khi đa số các nhân vật chính còn sống - thậm chí còn hoạt động chính trị tích cực -, *Đời tôi* vừa trung thực, vừa mang tính luận chiến sắc sảo, khác những tự truyện của các chính khách về già, không còn quan hệ với "đời", viết sách chỉ nhằm "trà dư tửu hậu" và ngâm ca ngợi bản thân.

Trong số những địch thủ của Xtalin, có lẽ Trốtxđki là người duy nhất có thời gian và điều kiện để viết lại cuộc đời mình cùng mọi thăng trầm của cuộc cách mạng Nga: đa số các yếu nhân khác của đảng Cộng sản (bôn-sevích) Liên Xô như Camênhép [Kamenev], Dinôviép [Zinoviev], Bukharin [Boukharine], Rúcốp [Rykov], Rađéc [Radek]..., hoặc bị hành quyết sau những phiên tòa ngụy tạo (mặc dù đã quy phục, "hồi cải" và trở thành con rối trong tay bộ máy đàn áp khổng lồ G.P.U. - N.K.V.D.), hoặc gục ngã trong lao tù của "nhà độc tài đỏ".

Ngành mật vụ của Xtalin đã phạm sai lầm gây tai hại lớn cho họ khi cho phép Trốtxđki rời Liên Xô được mang theo toàn bộ những thư từ, giấy tờ cá nhân của ông. Được lưu trữ trong các kho văn khố và thư khố ở Bốtđtôn [Boston], Xtenpho [Stanford] và Amxtécđđam [Amsterdam], những tư liệu đó vô cùng quý báu và không thể thiếu được cho các sử gia cũng như những người muốn tìm hiểu về phong trào công nhân và cách mạng Âu châu đầu thế kỷ XX nói chung,

cũng như cách mạng Nga và Trốtxki nói riêng. Những văn kiện ấy đã giúp Trốtxki một phần không nhỏ trong quá trình viết hồi ký.

Trong di cảo để lại của Trốtxki, chúng ta được biết ông đã có ý định viết những hồi tưởng về cuộc đời mình ngay trong thời kỳ bị đày ải và lưu trú tại Anma-Ata [AlmaAta] (đầu tháng 2-1928). Mùa xuân năm 1929, kho thư khố Amxtécđam công bố một bài viết bằng tiếng Nga dài bảy trang của Trốtxki, có đáng dấp một bản tiểu sử tự thuật. Dường như đó chính là dàn ý đầu tiên cho cuốn hồi ký đồ sộ sau này.

Trốtxki khởi sự công việc vào giữa hè năm 1928 theo lời khuyên của Prêôboragienxki [Préobrajensky]. Cuốn hồi ký cũng được Racốpxki [Rakovsky] tán đồng, trong một lá thư gửi Trốtxki được lưu trữ trong kho tư liệu ở Bốtxtôn, ông coi nó rất có ý nghĩa về mặt nguyên tắc. Trong vòng gần một năm tại Anma-Ata, Trốtxki đã hoàn thành chừng một phần ba *Đời tôi*: ông hoàn tất những chương về thời niên thiếu và thanh niên, về hai lần đi đày ở Xibêri [Sibérie]. Xét về mặt văn học, có thể nói rằng đây là phần tươi tắn nhất, nhuần nhuyễn nhất và chứa nhiều dấu ấn cá nhân nhất trong cuốn hồi ký.

Ngày 18-1-1929, theo quy ết định của Ban Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô, cơ quan mật vụ G.P.U. buộc Trốtxki lập tức phải rời khỏi quê hương bởi "*những hoạt động chống chính quyền Xô-viết*" (!) của ông. Sau khi bị "*các nền dân chủ Tây Âu*" khước từ, Trốtxki đến Cônxtantinốp [Constantinople] (Thổ Nhĩ Kỳ) ngày 12-2-1929, rồi định cư ở đảo Prinkipô [Prinkipo].

Với sự trợ giúp của vợ (Natalia Xêđôva [Natalia Sédova]) và con trai (Lép Xêđốp), Trốtxki bắt tay ngay vào việc bổ sung những phần đã khởi thảo và viết tiếp những chương mới của *Đời tôi*. Ông dự định sẽ cho ra đời cuốn sách đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày sinh của mùa m1929. Để thực hiện dự kiến gấp gáp ấy, Trốtxki có một phương thức làm việc độc đáo và khá... "khoa học": như lời thuật lại của một sử gia, cạnh ngòi bút, ông còn làm việc với... hồ dán và kéo! Chẳng hạn, câu chuyện về cuộc vượt ngục từ Xibêri lần thứ hai, vốn viết từ năm 1907 (trong cuốn sách *1905*, rất được ưa chuộng trong thời kỳ lưu vong), nay được chép lại hầu như y nguyên trong hồi ký (trừ một số chi tiết nhỏ mà ông cố tình viết khác đi trong lần xuất bản trước để đánh lạc hướng cảnh sát Nga hoàng). Tương tự như vậy, những tình tiết về vụ trục xuất khỏi Tây Ban Nha năm 1916 - tạp chí *Đất hoang đở* đăng tải đầu thập niên 20 và sau đó, được xuất bản dưới dạng sách có minh họa - cũng được ông đưa toàn vẹn, không chút sửa đổi vào *Đời tôi*. Một số trang cuối của cuốn sách cũng từng được ra mắt trên tờ *Thông tin Đối lập* số tháng 7-1929. Cạnh đó, gần nửa số trang viết về Lênin trong cuốn hồi ký là một phần tác phẩm mang tên *Lênin* của ông, do Nhà xuất bản Quốc gia Mạc Tư Khoa ấn hành năm 1924.

Trong số những phần cuối của *Đời tôi*, có khá nhiều đoạn do vợ và con trai Trốtxki viết. Khi

còn ở AnmaAta, ông đã đề nghị Lép và Natalia ghi chép lại đầy đủ mọi chi tiết cần thiết. Trong hồi ký, những đoạn này được Trótxki đưa vào ngoặc kép và nêu rõ xuất xứ; tất nhiên, chúng đã được chỉnh lý kỹ càng trong thời gian gia đình Trótxki cư ngụ trên đảo Prinkipô. Phải nhấn mạnh sự trợ giúp đáng kể của Xêđốp trong những trang viết của Trótxki: theo chính lời ông, "*sự cộng tác của anh [Xêđốp] thật vô giá*" và "*thực ra, trong hầu hết những sách vở tôi viết sau năm 1928, cạnh tên tôi cần đề thêm tên Xêđốp nữa*".

Như đã nói ở trên, Trótxki tự đặt cho mình một thời hạn rất gấp rút để hoàn tất cuốn hồi ký. Ông ký khá nhiều hợp đồng với các tòa báo lớn ở châu Âu cho việc đăng tải *Đời tôi*. Do thời gian bó buộc, thoạt tiên Trótxki không định viết kỷ lưỡng về thời kỳ sau cách mạng tháng Mười (1917); ta có thể nhận biết điều này qua mục lục và dàn ý đầu tiên còn lưu lại trong bản thảo *Đời tôi*. Nhưng do việc ẩn loát tại Đức bị chậm trễ, đến cuối năm 1929, chỉ mới có *Quyển một* của cuốn sách được ra đời. Càng ngày, bản thảo càng được bổ sung bằng những dữ liệu, sự kiện mới nhất: Trótxki viết thêm nhiều chương mới phản ánh cuộc đấu tranh chống lại Xtalin của ông và các cộng sự. Cứ như thế, *Quyển hai* đồ sộ hơn nhiều so với dự kiến và người đọc có cảm tưởng dù ở xa, Trótxki vẫn theo sát và cập nhật tình hình chính trị của đất nước Xô- viết đương thời.

Bản tiếng Nga của *Đời tôi* do Nhà xuất bản Granit (Berlin) ấn hành lần đầu năm 1930. Trong vòng vài năm ngắn ngủi, cuốn sách được dịch ra 20 thứ tiếng, trong đó có tiếng Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Hà Lan, Trung Hoa, Nhật Bản và Do Thái. Những người hâm mộ Trótxki còn dịch vài chương của cuốn sách ra Quốc tế ngữ và in thành những tập nhỏ để giáo dục con cái. Chiến dịch tuyên truyền cho *Đời tôi* trên báo chí cũng đạt được mục đích: vài nhà xuất bản năng động không chờ nguyên bản tiếng Nga mà dịch gấp cuốn sách từ những bản gián tiếp như Anh ngữ hay Đức ngữ. Đặc biệt, *Đời tôi* rất được phổ biến ở Đức: cuốn sách có mặt trong hầu hết các quầy sách ở nước này do sự vận động và giới thiệu của Phoranzo Phemphe [Franz Pfemfert], chủ nhiệm tạp chí *Die Aktion*, một môn đệ của chủ nghĩa trótx-kít.

Tuy nhiên, cuốn sách cũng làm nhiều kẻ điên đầu. Báo chí cực hữu - cũng như báo chí "cộng sản" Tây Âu - tìm mọi cách bôi nhọ Trótxki và thuyết phục độc giả tẩy chay cuốn hồi ký. Ở Liên Xô, người ta nói và bàn tán nhiều về *Đời tôi*, nhưng đọc và truyền bá cuốn sách bị coi như trọng tội. Cũng ít ai được thấy tận mắt cuốn sách của ông. Nhưng trong số sách vở ấn hành ở Tây Âu của Trótxki, đây là tác phẩm *duy nhất* lọt về Nga: vào thập kỷ 30, một số ít văn nghệ sĩ và lãnh đạo đảng, nhà nước Xô- viết còn được ra nước ngoài, chính họ giấu giếm và mang lậu cuốn hồi ký về nước.

*

Đời tôi được chia làm hai phần với số trang gần tương đương.

Quyển một (Chương I - Chương XXIII) bao gồm những sự kiện trong vòng 38 năm, từ ngày cậu bé Brônsten [Bronstein] cất tiếng khóc chào đời (ngày 8-11-1879) tại một làng nhỏ thuộc chính phủ Khécxôn [Kherson] (Ucoraina [Ukraine]) đến khi Trốtxki trở về Nga sau những năm dài lưu vong, trên cương vị một nhà cách mạng ưu tú, được ưa chuộng nhất thời ấy.

Quyển một chứa nhiều trang rất sinh động và hấp dẫn, đó là phần thành công nhất của tác phẩm, xét về mặt văn chương. Chúng ta đọc Trốtxki thoải mái nhất khi ông đi thẳng vào những vấn đề cụ thể: trong những đoạn ấy, có thể thưởng thức trực tiếp phong cách hóm hỉnh, ý nhị và và trong sáng của tác giả. Trong một số đoạn tả cảnh, tả tình hay độc thoại, đối thoại, ta có cảm giác như đang đọc một tác phẩm văn học thực thụ chứ không phải một hồi ký thuần túy. Các trang sách về thời thơ ấu, thuở đến trường, về những năm tháng đầu trên con đường cách mạng của Trốtxki là những đoạn như vậy.

Quyển hai (Chương XXIV - Chương XLV) bắt đầu với những ngày sôi động của cách mạng tháng Mười 1917 và kết thúc bằng cảnh nhà cách mạng - ở tuổi ngũ tuần - bị lưu đày và lang bạt trên những xứ sở xa lạ, với niềm tin mãnh liệt pha chút cay đắng về lý tưởng của mình.

Trong phần này, người đọc có dịp tìm hiểu kỹ những sự kiện phức tạp diễn ra trên chính trường Nga-Liên Xô. Thoạt đầu là cuộc cách mạng tháng Hai (năm 1917) khiến nước Nga đứng trước tình trạng "nhị quyền", đến thắng lợi của cách mạng tháng Mười, đưa chính quyền vào tay đảng bôn-se-vích, một chính đảng nhỏ nhưng biết lợi dụng thời cơ, có chiến thuật linh hoạt và kỷ luật nghiêm thích hợp với hoàn cảnh. Kế đó là những năm nội chiến đẫm máu, khi nhà nước Xô-viết non trẻ đứng trước cảnh "thù trong, giặc ngoài", đến thời kỳ hòa bình với những khó khăn chồng chất. Trốtxki dành nhiều trang nói về những tranh chấp quyền lực trong nội bộ thượng đỉnh đảng bôn-se-vích sau khi Lênin mất, kết cục dẫn đến thất bại của phe "Tả đối lập" trước tập đoàn quan liêu xta-lin-nít, khiến người đứng đầu phe này bị đày ải và trục xuất khỏi Liên bang Xô-viết.

Quyển hai là một nguồn tư liệu khả tín về những gì xảy ra trong hậu trường đảng bôn-se-vích Liên Xô, vốn bị bè phái của Xtalin giấu bắt trong nhiều thập kỷ liền. Đọc phần này (và cuốn *Cuộc cách mạng bị phản bội* về sau), độc giả có thể hiểu thể chế độc tài quan liêu xta-linnít đã phản bội cuộc cách mạng tháng Mười như thế nào, và tại sao Liên bang Xô-viết không tiến triển như ý muốn của những người đã sáng lập ra nó.

*

Vài lời về hình thức nghệ thuật và nội dung cuốn hồi ký.

Đọc *Đời tôi*, ta có thể thấy sự khác biệt trong hình thức và chất lượng giữa các chương, các

phần của cuốn sách.

Văn phong của tác giả thay đổi tùy theo từng đoạn, khi thì mang phong thái trong sáng của văn học cổ điển Nga, khi thì khô khan do sự pha trộn với văn phong đặc trưng cho các văn kiện mác-xít kinh điển với những ngôn từ của phong trào công nhân và xã hội đầu thế kỷ XX.

Trong *Đời tôi*, ta thấy tác giả hiểu biết chính xác diễn tiến của cách mạng Nga thời kỳ "hậu chiến", khi Lênin bị thất bại nặng nề trước Xtalin và bộ máy quan liêu của đảng. Nhưng qua cuốn sách, Trốtxki không hề dả động đến chuyện ông đã không đứng dứt khoát về phía Lênin - lúc ấy đang lâm trọng bệnh - như mọi lần, mỗi khi ông đồng tình với Lênin.

Qua các trang sách của *Đời tôi*, người đọc có thể ngạc nhiên về giọng văn khá "cầm chừng", xa lạ với phong cách "nảy lửa" của Trốtxki, khi ông tố cáo những sai lầm và tội ác của ban lãnh đạo đảng Cộng sản Liên Xô. Ông không nói về tình cảnh đất nước sau khi Lênin mất, về âm mưu, thủ đoạn và các hành vi của Xtalin, về những quyết định "mật" của Bộ Chính trị đảng Cộng sản Liên Xô... Có giả thuyết cho rằng vào thời kỳ ấy, Trốtxki còn nghĩ đến việc *trở về*. Ông cho rằng những mâu thuẫn nội tại trong ban lãnh đạo đảng - nhất là sự đối đầu giữa Xtalin và Bukharin - sẽ dẫn đến khủng hoảng không lối thoát, và trong tình hình như vậy ông sẽ có điều kiện trở lại chính trường. Ngoài ra, Trốtxki còn cân nhắc kỹ lưỡng để ngòi bút của ông khỏi bị lợi dụng, chống lại những lợi ích của Liên Xô.

*

Bản dịch này được dựa chủ yếu vào bản Pháp ngữ, có tham khảo, đối chiếu, chỉnh lý và hiệu đính theo bản tiếng Hunggari. Để độc giả có điều kiện hiểu rõ và tường tận hơn về những nhân vật, sự kiện và khái niệm - nhiều khi phức tạp và xa lạ - của thừa xa xưa, chúng tôi mạnh dạn bổ sung *Đời tôi* bằng các chú giải không có trong nguyên tác.

Cho đến nay, đánh giá di sản chính trị và tinh thần, cũng như hệ tư tưởng và lý thuyết của Trốtxki vẫn là đối tượng quan tâm của nhiều người. Điều chắc chắn là tấn thảm kịch Trốtxki vẫn để lại nhiều thông điệp đáng lưu tâm cho thời đại chúng ta.

Khi người đọc cầm trên tay ấn bản Việt ngữ đầu tiên của cuốn sách thì *Đời tôi* đã sắp được bảy mươi năm tuổi.

Năm mươi bảy năm sau ngày bị thảm sát, tác giả cuốn sách này vẫn chưa hề được khôi phục chính thức ngay tại quê hương mình.

Một sự chậm trễ kếp mang tính trớ trêu của lịch sử!

Nhưng, xét cho cùng, Trốtxki không cần ai phục hồi danh dự cho mình. Cuộc đời của ông, sự nghiệp của ông cùng những tác phẩm ông để lại cũng đủ chứng minh giá trị đích thực của ông, người đã từng cống hiến đời mình cho lý tưởng cộng sản và phấn đấu tới cùng chống lại những

kẻ phản bội nó như Xtalin.

Tháng Chín năm 1997 Hoàng Nguyễn

QUYỂN THỨ NHẤT

TỰA

Thời đại chúng ta, một lần nữa, có quá nhiều những hồi ký, có lẽ nhiều hơn bao giờ hết. Bởi vì có biết bao nhiêu chuyện để kể. Thời đại càng nhiều kịch tính bao nhiêu thì lịch sử đương đại lại càng được quan tâm bấy nhiêu. Nghệ thuật vẽ tranh phong cảnh đã không thể nảy sinh ở sa mạc Xahara [Sahara]. Các thời kỳ "chồng chéo" như hiện nay tạo ra nhu cầu phải nhìn nhận ngày hôm qua, giờ đã trở nên xa xôi, dưới con mắt những kẻ đã tích cực tham gia vào đó. Điều này giải thích sự nở rộ của thể văn hồi ký kể từ cuộc chiến tranh sau chót. Và đây cũng có thể là lý do của cuốn sách này.

Cuốn sách được ra đời nhờ một lần tạm nghỉ trong sự nghiệp hoạt động chính trị sôi động của tác giả. Cônxtantinốp đã trở thành một chặng bất ngờ, tuy không ngẫu nhiên của đời tôi. Tôi dựng một lều trại tạm thời ở đây, không phải là lần đầu, và kiên nhẫn đợi chờ những gì sẽ xảy ra. Hoàn toàn không thể tưởng tượng nổi cuộc đời một nhà cách mạng nếu thiếu một chút về "định mệnh" nào đó. Dù sao đi nữa, khúc chuyển hồi ở Cônxtantinốp là khoảng khắc thuận lợi nhất để nhìn lại phía sau, chừng nào các tình huống còn chưa cho phép tôi tiếp bước.

Thoạt đầu, tôi đã viết những phác thảo tự thuật ngắn cho báo chí và tôi cho rằng thế cũng đủ. Phải ghi nhận ngay là từ chốn lưu đầy này, tôi không theo dõi được tác động của những bài viết ấy đến độc giả. Nhưng mọi công việc đều có cái luận lý riêng của nó. Tôi chỉ cảm thấy điều này khi sắp hoàn thành các bài viết. Khi ấy, tôi quyết định sẽ viết một cuốn sách. Tôi chọn một cung bậc khác, rộng hơn rất nhiều và làm lại từ đầu. Điểm chung duy nhất giữa những bài báo và cuốn sách này là chúng cùng chung một đề tài. Trên mọi phương diện khác, đó là hai tác phẩm riêng biệt.

Tôi đặc biệt giảnh nhiều thời gian để nói kỹ lưỡng về giai đoạn hai của cách mạng Xô-viết, mở đầu bằng việc Lênin ốm và một chiến dịch chống "chủ nghĩa trốt-kít" được công bố. Như bạn đọc sẽ thấy, cuộc đấu tranh giành quyền lực của những kẻ kế nghiệp bất tài không thể coi là đụng độ cá nhân. Nó mở ra một chương mới trong chính trị: đó là sự phản bội cuộc cách mạng tháng Mười và chuẩn bị cho một Técmiđo [Thermidor]. Từ đó, nghiễm nhiên suy ra lời giải đáp cho câu hỏi mà người ta hay đặt cho tôi: "Ông đã để mất quyền lực như thế nào?".

Tự truyện chính trị của một nhà cách mạng nhất thiết phải đụng chạm đến nhiều vấn đề lý luận có liên quan một phần đến sự phát triển xã hội của nước Nga và một phần đến toàn thể nhân loại, nhất là về những giai đoạn gay go được gọi là cách mạng. Lẽ cố nhiên, trong khuôn khổ cuốn sách này, tôi không thể xem xét đến cùng những vấn đề lý thuyết phức tạp ấy. Ví dụ

như lý thuyết về *cách mạng thường trực* - một học thuyết đã đóng vai trò lớn lao trong đời tôi, và điều quan trọng hơn, hiện đang có tính thời sự sâu sắc tại các nước phương Đông -, đã xuyên suốt cuốn sách như một nét nhạc chủ đạo vang vọng từ xa. Nếu độc giả nào chưa hài lòng về điều này, tôi có thể nói rằng tôi sẽ phân tích các vấn đề của cách mạng trong một cuốn sách riêng biệt, ở đó tôi sẽ thử tổng kết mọi kinh nghiệm quan trọng nhất mang tính lý thuyết của những thập niên cuối này.

Vì trong nh ững trang sách của tôi sẽ xuất hiện vô số chính khách và không phải bao giờ họ cũng được mô tả dưới thứ ánh sáng họ mong muốn, cho bản thân hoặc cho đảng của họ, hẳn trong số đó thế nào cũng có nhiều người cho rằng câu chuyện của tôi thiếu tính khách quan cần thiết. Ngay việc tôi công bố một số đoạn của cuốn sách này trên báo chí cũng đã gây nên nhiều ý kiến phản đối. Đây là điều không tránh khỏi. Chắc chắn, nếu hồi ký này chỉ đơn thuần là một phiên bản của đời tôi - điều mà tôi không hề muốn - thì nó cũng đã đủ để gây nên những bất đồng quan điểm bắt nguồn từ các cuộc xung đột được nhắc đến ở đây. Nhưng tập sách này không phải là bản sao tẩm hình vô tri, mà là bộ phận cấu thành của đời tôi. Qua những trang sách, tôi tiếp tục cuộc chiến đấu mà tôi đã hiến dâng cả đời mình. Khi trình bày, tôi vừa phân tích và đánh giá; khi kể, tôi tự vệ và trong nhiều trường hợp tôi còn tấn công. Tôi cho rằng đó là cách duy nhất để một bản tự truyện có tính khách quan dưới một ý nghĩa cao hơn, tức là làm cho nó biểu đạt con người, hoàn cảnh và thời đại một cách thích đáng nhất.

Trong trường hợp này, tính khách quan không phải là sự lãnh đạm giả tạo, sự giả dối trước bè bạn và kẻ thù, gián tiếp gợi ý bóng gió cho độc giả những điều mà người viết cảm thấy bất tiện khi phải nói thẳng tuột ra. Kiểu khách quan ấy không khác gì thứ cam bẫy của giới thượng lưu. Tôi không cần đến nó. Khi tôi buộc phải nói về mình - cũng chưa từng thấy ai viết tự truyện mà lại không nói về mình -, thì không có lý do nào để tôi phải che giấu những cảm tình hay ác cảm, tình yêu hay lòng căm thù của tôi.

Đây là một cuốn sách luận chiến, phản ánh tính năng động của một đời sống xã hội được thiết lập trên nền tảng những mâu thuẫn. Học trò lão xược với thầy giáo; những lời chua chát đầy ganh tị được che đậy bằng bề ngoài thân thiện trong phòng khách; sự cạnh tranh không ngừng trên chốn thương trường; cuộc chạy đua điên cuồng trong mọi lĩnh vực kỹ thuật, khoa học, nghệ thuật, thể thao; các mâu thuẫn quyền lợi sâu sắc lúc lên lúc xuống ở chốn nghị trường; cuộc chiến dữ dội hàng ngày của báo chí; những cuộc đình công của thợ thuyền; súng nổ vào những người biểu tình; bọc chứa đầy thuốc nổ mà các nước láng giềng văn minh gửi cho nhau bằng đường hàng không; những ngọn lửa nội chiến hầu như không bao giờ tắt trên hành tinh của chúng ta - tất cả đều là những dạng khác nhau của cuộc "luận chiến" xã hội, từ tính chất thường nhật, tự nhiên, bình dị, hầu như không nhận ra nổi mặc dầu tính căng thẳng

của nó, cho đến thứ luận chiến được đẩy tới những thái cực bùng nổ như núi lửa và các cuộc chiến tranh, cách mạng. Thời đại chúng ta đang sống như thế đó. Chúng ta sinh ra, hít thở và trưởng thành cùng với nó. Làm sao có thể không luận chiến, nếu muốn trung thành với "tổ quốc trong thời gian" của mỗi chúng ta?

Nhưng có một tiêu chuẩn khác sơ đẳng hơn: sự thành thật, đơn giản khi trình bày các sự việc. Tựa như cuộc đấu tranh cách mạng triệt để nhất cũng không thể bỏ qua những tình huống thời gian và hoàn cảnh, tác phẩm mang tính luận chiến nhất cũng cần giữ những tỷ lệ nhất định giữa người và việc. Tôi muốn hi vọng rằng tôi đã chú trọng đến đòi hỏi đó, trong toàn thể và trong cả những chi tiết.

Ở vài trường hợp nhất định, thật ra không nhiều, tôi thuật lại những cuộc nói chuyện dưới hình thức đối thoại. Sau từng ấy năm, không ai có thể đòi hỏi người viết kể lại những cuộc đàm thoại đúng từng câu, từng chữ. Tôi cũng không có ý định ấy. Một vài cuộc đối thoại chỉ mang tính tượng trưng. Nhưng trong đời mỗi người, có những lúc, những khoảng khắc mà một vài cuộc trò chuyện này khác đặc biệt khắc sâu trong trí nhớ của họ. Thông thường, người ta không chỉ kể lại một đôi lần những cuộc nói chuyện như thế với người thân hay bạn hữu chính trị, thành thử chúng đọng lại trong tâm tưởng. Cố nhiên, ở đây trước hết tôi nghĩ đến các cuộc nói chuyện chính trị.

Tôi muốn lưu ý bạn đọc rằng tôi thường tin tưởng vào trí nhớ của mình. Những lời trần thuật của tôi đã nhiều lần trải qua các kiểm nghiệm khách quan và đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, ở điểm này tôi thấy cũng cần giải thích đôi chút. Nếu trí nhớ của tôi về địa thế - chưa kể đến trí nhớ về âm nhạc - là khá kém, còn trí nhớ thị giác cũng như ngôn ngữ học là khá bình thường thì trí nhớ của tôi về tư tưởng lại vượt xa mức trung bình. Vả lại, trong cuốn sách này, các tư tưởng cùng sự phát triển của chúng và cuộc đấu tranh của con người cho các tư tưởng đó nói chung lại chiếm phần chủ yếu.

Quả thật, trí nhớ không phải là một cái máy đếm tự động. Nó cũng hoàn toàn không vô tư. Nhiều khi, nó làm nổi bật lên, hoặc nhận chìm vào ngõ tối những tình tiết bất lợi cho bản năng sinh tồn của nó, lắm lúc nó làm thế chỉ vì tự ái. Nhưng chuyện này lại thuộc về lĩnh vực "phân tâm học", một môn nhiều khi thâm thúy và bổ ích nhưng lắm lúc cũng thất thường và độc đoán.

Thi ết nghĩ khỏi phải nói rằng tôi đã không ngừng kiểm tra hồi ức của mình bằng các tư liệu. Cho dù các điều kiện làm việc của tôi có khó khăn đến mấy đây là nói về sự tìm tòi trong các thư viện và kho lưu trữ -, tôi vẫn có khả năng kiểm nghiệm lại những hoàn cảnh và những thời điểm trọng yếu nhất khi cần đến.

Kể từ năm 1897, tôi chiến đấu chủ yếu bằng ngòi bút. Thành thử, lịch sử đời tôi đã đọng lại

trên những trang in hầu như liên tục trong suốt ba mươi hai năm. Cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng trong đảng từ năm 1905 rất phong phú về mặt tình tiết cá nhân. Không ai nương nhẹ những ngón đòn, kể cả tôi lẫn các đối thủ. Tất cả mọi điều này đã để lại dấu ấn trên báo chí. Từ ngày cách mạng tháng Mười diễn ra, lịch sử phong trào cách mạng chiếm vị trí đáng kể trong những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Xô-viết trẻ tuổi và các học viện lớn. Người ta tìm tòi tất cả những gì đáng chú ý trong các kho lưu trữ cách mạng, trong các ban ngành của cảnh sát Nga hoàng, rồi công bố chúng cùng với các chứng cứ hiển nhiên và chi tiết. Trong những năm đầu tiên, khi chưa cần phải che giấu hoặc ngụy trang gì, công việc ấy đã được hoàn tất một cách hết sức tận tâm. Các tác phẩm của Lênin và một phần các tác phẩm của tôi được Nhà xuất bản Quốc gia ấn hành, mỗi tập lại kèm theo những chú giải đầy đủ và cần thiết về sự nghiệp của tác giả, cũng như về mọi sự kiện thuộc giai đoạn tương ứng. Dĩ nhiên, việc này giúp tôi thiết lập dễ dàng một mạng lưới thời gian chính xác và tránh được những sai lầm trong sự việc, ít ra là những sai lầm thô thiển nhất.

Không thể phủ nhận rằng cuộc đời tôi đã không hoàn toàn theo dòng chảy thường lệ. Nhưng, phải tìm những nguyên nhân của điều đó trong các hoàn cảnh thời đại chứ không phải trong bản thân tôi. Cố nhiên, cũng có một số nét cá nhân trong những công việc tốt hay xấu mà tôi đã thực hiện. Có điều, trong những điều kiện lịch sử khác, những đặc tính cá nhân ấy có thể chìm đắm trong giấc ngủ ngon lành, cũng như vô số những thiên hướng và đam mê của con người, vốn không được môi trường xã hội đòi hỏi. Ngược lại, những yếu tố khác, hiện đang bị gạt bỏ hay đè nén, lại có thể được biểu hiện. Cái khách quan vượt lên cái chủ quan và cuối cùng nó trở thành nhân tố quyết định.

Sự nghiệp tích cực và có ý thức của tôi - bắt đầu từ năm tôi mười bảy, mười tám tuổi - nằm trong cuộc chiến đấu thường xuyên cho những tư tưởng nhất định. Trong đời tư của tôi, không có những sự kiện mà bản thân chúng đáng được công luận lưu ý. Mọi việc ít nhiều đáng chú ý trong quá khứ của tôi đều gắn liền với cuộc đấu tranh cách mạng và nhờ đó chúng trở nên có ý nghĩa. Đó là điều duy nhất chứng tỏ lý do tại sao tôi công bố cuốn hồi ký của mình.

Nhưng nguồn gốc một số khó khăn nhất định cho tác giả cũng xuất phát từ đây. Những sự việc thuộc đời tư của tôi hòa quyện với những sự kiện lịch sử đến nỗi khó tách rời chúng khỏi nhau. Tuy nhiên, cuốn sách này không phải là một luận văn về đề tài lịch sử. Tôi lựa chọn các sự kiện không theo ý nghĩa khách quan của chúng, mà theo một chuẩn mực: chúng liên quan đến mức nào tới những vụ việc thuộc đời tư tôi. Thành thử, không có gì lạ nếu trong khi phân tích một số sự kiện và cả những giai đoạn, tôi đã không tuân thủ tỉ lệ phải có đối với một công trình nghiên cứu lịch sử. Tôi đành phải lần mò, dùng kinh nghiệm để tìm ra ranh giới giữa một cuốn tự truyện và một tác phẩm lịch sử viết về cách mạng. Không để lẫn lộn việc miêu tả đời

người vào một cuốn sách nghiên cứu lịch sử, nhưng tôi lại phải giúp người đọc nắm bắt được quá trình phát triển xã hội. Xuất phát từ giả thiết độc giả đã biết các nét cơ bản của những sự kiện lớn, tôi chỉ cần giúp họ bổ sung trí nhớ bằng cách nhắc lại ngắn gọn sự kiện lịch sử theo thứ tự của chúng.

Khi cuốn sách này ra đời, tôi sẽ tròn năm mươi tuổi. Ngày sinh của tôi trùng lặp với ngày cách mạng tháng Mười. Các nhà thần bí học và các đồ đệ của Pitago [Pythagore] muốn rút ra từ đó những kết luận gì, tùy họ. Bản thân tôi chỉ nhận ra sự trùng hợp kỳ lạ này ba năm sau cách mạng tháng Mười. Cho đến năm lên chín, tôi sống tại một vùng quê hẻo lánh xa xôi và không bước chân khỏi đó bao giờ. Trong tám năm tiếp tới, tôi theo học trung học. Một năm sau khi ra trường, tôi bị bắt lần đầu. Như rất nhiều người cùng thời với tôi, trường đại học của tôi là nhà tù, là lưu đày và biệt xứ. Tôi bị giam hai lần trong các nhà tù của Nga hoàng, tổng cộng bốn năm. Tôi bị đi đày lần thứ nhất gần hai năm và lần thứ hai vài tuần. Hai lần tôi trốn khỏi Xibêri. Tôi sống lưu vong hai lần, cả thảy mười hai năm tại nhiều nước châu Âu, châu Mỹ - hai năm trước cách mạng năm 1905 và gần mười năm sau khi cuộc cách mạng này bị đè bẹp. Trong chiến tranh, năm 1915 tôi bị xử tù vắng mặt tại nước Đức của triều đại Hôhendôlécno [Hohenzollern]. Năm sau, tôi bị trục xuất từ Pháp qua Tây Ban Nha, ở đấy sau khi bị giam ít ngày tại nhà tù Madrid [Madrid] và qua một tháng quản thúc của cảnh sát Cadix [Cadix], tôi bị tống sang Mỹ. Tôi được tin về cuộc cách mạng tháng Hai ở đó. Tháng Ba 1917, trên đường từ Niu Oóc [New York] trở về nước, tôi bị người Anh bắt và giam một tháng trong trại tập trung ở Canada. Tôi đã tham gia các cuộc cách mạng 1905 và 1917 và từng là chủ tịch Xô-viết Pê-téc-bua [Petersbourg] năm 1905, rồi 1917. Tôi trực tiếp tham gia cách mạng tháng Mười và là thành viên của chính phủ Liên Xô. Với tư cách dân ủy Ngoại giao, tôi đã dẫn đầu các cuộc thương thuyết hòa bình ở Bô-rét-Litốp-xcơ [Brest-Litovsk] với các phái đoàn Đức, Áo-Hung, Thổ Nhĩ Kỳ và Bungari [Bulgarie]. Trên cương vị dân ủy Quốc phòng và Hải quân, trong vòng năm năm, tôi đã tổ chức Hồng quân và phục hồi Hạm đội đỏ. Trong năm 1920, ngoài những công việc trên, tôi còn chỉ đạo hệ thống đường sắt, hồi ấy đang ở trong tình trạng khốn đốn.

Nhưng, không kể những năm nội chiến, phần chủ yếu của đời tôi là công tác đảng và viết văn. Năm 1923, Nhà xuất bản Quốc gia tiến hành in toàn tập những tác phẩm của tôi. Họ đã ấn hành được mười ba tập, ngoài năm tập sách về quân sự được in trước đó. Việc xuất bản bị ngừng lại vào năm 1927, khi những cuộc khủng bố chống "chủ nghĩa trốt-kít" đặc biệt trở nên kịch liệt.

Tháng Giêng 1928, tôi bị đi đày bởi chính phủ Xô-viết hiện tại. Tôi trải qua một năm ở biên giới Trung Quốc, rồi tháng 2-1929 tôi bị trục xuất đi Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi viết những dòng này ở Cônxtantinốp.

Dù có được trình bày một cách phác thảo như trên, cuộc đời tôi cũng không đơn điệu. Trái lại, nếu chỉ dựa vào số lượng những bước ngoặt, những tình huống bất ngờ, những xung đột gay go, những bước thăng trầm, có thể nói cuộc đời ấy có quá nhiều chuyện "ly kỳ". Tuy nhiên, xin được nói rằng không bao giờ tôi tự tìm kiếm những chuyện ly kỳ ấy. Trong những thói quen của mình, tôi là người mô phạm và bảo thủ thì đúng hơn. Tôi thích và biết đánh giá tính kỷ luật và hệ thống. Và hoàn toàn không phải là nghịch lý khi nói rằng tôi không dung thứ được sự lộn xộn và phá hoại. Đó là sự thực. Tôi luôn là một học sinh rất chăm chỉ và cẩn thận, hai đức tính ấy được tôi giữ gìn trong suốt cuộc đời sau này. Trong những năm nội chiến, khi vượt qua những chặng đường dài gấp nhiều lần đường xích đạo trên xe hỏa, tôi vui mừng mỗi khi trông thấy một hàng rào mới được gọt đẽo từ những tấm gỗ bách tươi. Biết tôi có sở thích đó, Lenin đã thân mật chế giễu tôi vài lần. Một cuốn sách hay làm tôi có thể tìm thấy những tư tưởng mới, một cây bút tốt giúp tôi truyền bá các suy nghĩ riêng tư đến người khác - đối với tôi đã và đang là những kết quả đáng quý và gần gũi nhất của nền văn hóa. Tôi chưa bao giờ hết ham muốn học hỏi và nhiều lần trong đời, tôi có cảm tưởng cách mạng đã cản trở tôi làm việc có phương pháp. Vậy mà tôi vẫn dành gần một phần ba thế kỷ trong cuộc đời có ý thức của mình cho cuộc đấu tranh cách mạng và nếu cần phải làm lại, tôi sẽ đi lại con đường ấy mà không ngần ngại.

Tôi viết những dòng này trong cảnh lưu đày lần thứ ba trong đời, giữa lúc các bạn bè thân thiết nhất bị đày ải và tù tội trong nước Cộng hòa Xô-viết mà họ đã góp phần quyết định để xây dựng nên. Một vài người trong số họ đã do dự lùi bước, đã đầu hàng địch thủ. Người thì vì cạn kiệt trữ lượng tinh thần; kẻ bởi không tìm thấy lối thoát trong cái thiên la địa võng của hoàn cảnh; số còn lại bởi sự o ép về vật chất. Đã hai lần tôi thấy quần chúng rời bỏ ngọn cờ chiến đấu: sau thất bại của cách mạng năm 1905 và khi Thế chiến nổ ra. Từ một khoảng cách khá gần, bằng kinh nghiệm bản thân, tôi biết các cao trào và thoái trào của lịch sử, tôi biết chúng bị những quy luật tự thân chi phối, không thể nhanh chóng biến cải chúng chỉ bằng sự nóng vội. Tôi đã quen tìm kiếm triển vọng của lịch sử không thông qua góc độ số phận cá nhân mình. Bốn phần hàng đầu của người cách mạng là nhận biết tính hợp lý của những sự kiện và tìm thấy chỗ đứng cho bản thân trong đó. Và đây cũng là niềm thỏa mãn cá nhân cao nhất với một kẻ tự cảm thấy còn bốn phần với ngày hôm nay.

Lép Trốtxki Prinkipô ngày 14 tháng Chín 1929

CHƯƠNG I IANỐPCA

Người ta nói tuổi thơ là thời gian hạnh phúc nhất của cuộc đời. Có phải lúc nào cũng vậy không? Không, chỉ ít người có tuổi thơ hạnh phúc. Sự lý tưởng hóa tuổi thơ bắt nguồn từ nền

văn học cũ của những kẻ có đặc quyền, đặc lợi. Một tuổi thơ được đảm bảo, đầy đủ, được cung phụng và đùa chơi thỏa thích, không gợn một bóng mây, trong những gia đình thế tập giàu có và học thức - đọng lại trong ký ức như một bãi cỏ nhỏ bên bờ rừng thưa ngập ánh nắng ở bước đầu của đường đời. Các lãnh chúa lớn trong văn chương hoặc những ca sĩ bình dân của họ đã tụng ca cái ý tưởng về tuổi thơ thắm nhuần màu sắc quý tộc ấy. Trái lại, nếu có lúc nhìn lại phía sau, đại đa số chỉ thấy một tuổi thơ tăm tối, bần cùng, vất vưởng. Cuộc sống đánh vào kẻ yếu và còn ai yếu hơn lũ con trẻ?

Vào thuở ở đầu đời, tôi không bị đói và rét. Khi tôi ra đời, cha mẹ tôi đã khá giả. Nhưng đây là thứ no đủ ngật nghèo của những con người vừa đi lên từ cảnh túng bấn và không muốn dừng lại giữa chừng. Căng thẳng đến từng cơ bắp, mọi ý nghĩ đều hướng về công việc và tích lũy. Trong guồng sống ấy, phần dành cho trẻ con là quá ít. Chúng tôi không thiếu thốn, nhưng cũng không được biết đến sự hào phóng và chiều chuộng của cuộc sống. Tuổi thơ không sống trong tôi như một cánh rừng thưa tràn ánh nắng như trong tâm trí một số ít ỏi; cũng không phải là hang sâu ảm đạm của đói khát, bạo lực và nhục mạ như tình cảnh thời niên thiếu của nhiều người, của đa số. Đó là những năm tháng thơ ấu xám xịt trong một gia đình tiểu tư sản tại vùng nông thôn hẻo lánh, nơi thiên nhiên thì khoáng đạt nhưng phong tục đạo đức, cách nhìn và nỗi quan tâm thì quá sâu thẳm và hạn hẹp.

Bầu không khí tinh thần bao trùm lên những năm đầu của đời tôi và bầu không khí sau này, khi tôi đã sống một cách có ý thức, là hai thế giới riêng biệt, chẳng những cách nhau bởi vài thập niên và nhiều biên giới quốc gia mà còn bởi những cạnh sắc hiểm trở của các sự kiện lớn và những sục lở nội tại, khó thấy hơn, nhưng không phải không đáng kể đối với một cá nhân. Lần đầu tiên khi phác họa những kỷ niệm này, nhiều lúc tôi cảm thấy dường như không phải tôi miêu tả thời thơ ấu của bản thân, mà chính là miêu tả về một chuyến du hành thời xưa cũ tại một xứ sở xa xăm. Tôi cũng đã thử nói về mình ở ngôi thứ ba. Nhưng cái hình thức giả tưởng ấy dễ rơi vào thứ văn chương thuần túy và đó là điều tôi muốn tránh trước nhất.

Mặc dầu có mâu thuẫn giữa hai thế giới kể trên, cá tính thống nhất chuyển từ thế giới này sang thế giới kia qua những đường mòn bí mật. Điều đó cắt nghĩa tại sao, nói chung, người ta chú ý đến tiểu sử và tự truyện của những người đã có một vị trí lớn trong đời sống xã hội, vì lý do này khác. Bởi thế, tôi sẽ cố kể lại chi tiết hơn về thời thơ ấu và những năm tháng đi học của tôi, không tìm cách báo trước hoặc suy đoán, nghĩa là không bắt các sự việc phải tuân theo những tổng quát hóa mang tính tiên nghiệm. Một cách đơn giản, tôi thuật lại như sự việc đã xảy ra và như ký ức còn lưu lại về quá khứ.

Đôi khi, hình như tôi còn nhớ được cả những lúc tôi ôm chầm lấy bầu vú mẹ. Nhưng chắc hẳn là tôi đã mơ về mình những điều tôi nhìn thấy ở các đứa trẻ khác. Tôi có những kỷ niệm mơ

hồ về một cảnh đã diễn ra dưới một cành táo tây trong vườn khi tôi mới được một tuổi rưỡi. Nhưng ký ức ấy cũng chẳng đáng tin là bao. Sự việc sau cũng khắc sâu trong trí nhớ tôi: tôi ở Bôbrinhét [Bobrinetz] với mẹ tôi, trong gia đình X., ở đấy có một con bé lên hai hoặc ba tuổi. Người ta gọi tôi là "chú rể" và con bé là "cô dâu". Hai đứa chơi đùa trên chiếc sàn được quét sơn trong phòng khách. Rồi con bé biến đâu mất để thằng bé trở lại một mình, bần thần tựa vào chiếc tủ con nhiều ngăn như người trong cơn mơ. Mẹ tôi trở lại với bà chủ nhà. Người mẹ nhìn thằng bé và thấy gần nó có một bãi nước nhỏ. Rồi bà lại nhìn đứa con, lắc đầu về trách móc và bảo nó:

- Con không th ấy xấu hổ à?...

Thằng bé nhìn mẹ rồi nhìn lại mình, sau đó liếc vũng nước như một cái gì không liên quan đến nó.

- Không sao, không sao cả - bà chủ nhà nói -, trẻ con mãi chơi là chúng quên hết ấy mà. Chú bé chẳng cảm thấy xấu hổ hay hối hận gì. Chú độ mấy tuổi vào thời ấy nhỉ? Có thể hai, cũng có thể ba tuổi.

Cũng trong thời gian ấy, một lần đi dạo với chị bảo mẫu trong vườn, chúng tôi gặp phải một con rắn lục.

- Này, Liôva [Liova], nhìn kia kìa - chị chỉ cho tôi một vật gì lấp lánh trong cỏ và nói. - Có một cái hộp thuốc lá được vùi ở đây này.

Chị cầm một cái que và đào bới chiếc hộp. Chị ấy cũng chưa quá mười sáu tuổi. Cái hộp đựng thuốc lá duỗi ra và biến thành một con rắn, trườn trên đám cỏ rồi kêu phì phì.

- -i chà, ối chà!

Chị bảo mẫu thét lên, kéo tay tôi và bỏ chạy. Vất vả lắm tôi mới theo kịp. Sau đó, chúng tôi kể đến không kịp thở về chuyện xảy ra.

Tôi còn nhớ một cảnh diễn ra từ thời niên thiếu trong nhà bếp của "ông bà chủ". Cả cha lẫn mẹ tôi đều vắng nhà. Trong gian bếp, ngoài những người ở và các chị đầu bếp còn có khách khứa của họ. Alếchxandơ [Alexandre], anh của tôi về nghỉ hè cũng quanh quẩn ở đây. Anh thượng cả hai chân lên một cái xềng gỗ như người đi thăng bằng trên đôi cà kheo và cứ thế, anh nhảy liên hồi trên nền đất nện của nhà bếp. Tôi nài anh cho tôi chơi với, nhưng vừa trèo lên thì đã bị ngã và òa khóc. Anh đỡ tôi dậy và bế tôi khỏi bếp.

Chắc tôi phải lên bốn khi được ai đó đặt lên lưng một con ngựa cái lớn, lông xám, hiền như một con cừu, không yên cương, chỉ sơ sài một đoạn dây thừng để làm "phanh". Choạng hai chân, hai tay tôi nắm lấy bờm ngựa. Con ngựa cái từ từ đưa tôi đến một cây lê và đi qua dưới một cành vượn ngang tầm bụng tôi. Chẳng hiểu sao tôi trượt khỏi hông ngựa và ngã sòng xoài xuống cỏ. Tôi không thấy đau nhưng nhón nhác.

Thời thơ ấu, tôi hầu như không có những thứ đồ chơi phải đi mua. Chỉ một lần mẹ đem về cho tôi một con ngựa bằng giấy bồi và một quả bóng từ Kháccốp [Kharkov]. Tôi chơi búp bê với em tôi bằng những đồ tự làm. Một lần, các em gái của cha tôi, cô Phênhia [Fénia] và cô Raixa [Raissa] làm cho chúng tôi mấy con búp bê bằng vải vụn rồi cô Phênhia nguệch ngoạc vẽ mắt, miệng và mũi cho chúng. Những con búp bê ngày ấy đối với tôi thật khác thường, đến nay tôi còn nhớ chúng.

Một tối mùa đông, người thợ máy của chúng tôi, anh Ivan Vaxiliêvích [Ivan Vassiliévitch] cắt bìa và dán lại thành một toa tàu có cả cửa sổ và bánh xe cho tôi. Anh tôi về nghỉ lễ Giáng sinh, lập tức tuyên bố anh cũng có thể làm một toa tàu như thế trong nháy mắt. Rồi anh liền bóc cả toa tàu của tôi, lôi thước, bút chì và kéo ra, anh vẽ hồi lâu và sau khi cắt theo vạch kẻ thì thấy các mảnh của toa tàu không khớp với nhau.

Nhiều lần, họ hàng hoặc người quen của chúng tôi lên thành phố, họ hỏi tôi muốn quà gì từ Êlídavétgorát [Elisavetgrad] hoặc Nhicôlaiép [Nikolaiev]. Khi ấy mắt tôi sáng lên. Xin cái gì bây giờ? Thường người ta góp ý kiến ngay với tôi. Người thì đồ chơi con ngựa, người thì sách, người bút chì màu, người giày trượt tuyết. Và tôi trả lời: "giày trượt tuyết nửa-Helipécxơ [Halifax]" vì đã nghe anh tôi nói đến thứ đó. Nhưng những kẻ hứa hẹn quên bằng lời hứa ngay từ khi bước chân khỏi cửa. Tôi thì nuôi hi vọng hàng tuần và sau đó còn đau khổ rất lâu vì thất vọng.

Một con ong đậu lên bông hướng dương trong khu vườn nhỏ có rào đậu. Tôi biết loài ong đốt nên thận trọng, thế là tôi bứt một chiếc lá ngưu bàng và dùng lá ấy để bắt con ong bằng hai ngón tay. Đột nhiên, tôi cảm thấy đau buốt không chịu nổi. Tôi rống lên và chạy đến nhà xưởng tìm Ivan Vaxiliêvích. Anh nặn nọc ong ra và lấy thuốc nước bôi vào ngón tay tôi.

Ivan Vaxiliêvích có một cái lọ, vốn để đựng quả ngâm trong đó anh chứa những con nhện sỏi trong dầu hướng dương. Người ta cho đó là thứ thuốc tốt nhất để chữa những vết cắn. Tôi cũng đi bắt nhện sỏi cùng Vichia Ghéctôpanốp [Vitia Gertopanov]. Muốn bắt được chúng, phải buộc một cục sáp vào một sợi chỉ vòng xuống hố nhện. Chú nhện bám cả tám chân vào sáp và bị dính luôn ở đó. Rồi chỉ còn việc tống nó vào một bao di êm rỗng. Nhưng có lẽ việc đi bắt nhện sỏi phải thuộc về thời kỳ muộn hơn.

Tôi nhớ vào một buổi tối dài mùa đông, cạnh chén trà, người lớn nói về việc họ đã mua Ianovka [Ianovka] trong hoàn cảnh và thời điểm nào, khi ấy bọn trẻ lên mấy và Ivan Vaxiliêvích đến làm việc cho chúng tôi từ hồi nào. Mẹ tôi nói "chúng ta đã mang sẵn Liôva từ trại về đây" và bà ranh mãnh nhìn tôi. Tôi suy nghĩ và hỏi: "Vậy con sinh ra ở trại à?". "Không - mọi người trả lời. - Con sinh ra ở đây, ở Ianốpca".

- Vậy sao mẹ lại bảo con đã có sẵn ở trại và chỉ cần đưa con về đây?...

- Thế là mẹ nói đùa đấy...

Tôi không hài lòng lắm về câu trả lời và suy nghĩ: sao lại kỳ quặc thế? Nhưng tôi im lặng vì nhìn thấy trên nét mặt mọi người cái cười đặc biệt của những kẻ đã biết chuyện, cái cười tôi không thích chút nào.

Thời gian được tính từ kỷ niệm những buổi uống trà đêm đông như thế. Tôi sinh vào tháng Mười, ngày 26. Như vậy cha mẹ tôi đã rời trại đến Ianốpca vào mùa xuân hoặc mùa hạ năm 1879.

Tôi ra đời vào năm những quả tạc đạn đầu tiên làm rung động chế độ Nga hoàng. Một chính đảng khủng bố mang tên Tự do Nhân dân hình thành trước đó ít lâu - hai tháng trước khi tôi sinh đã tuyên án tử hình Nga hoàng Alếchxandơơ Đệ nhị (ngày 26 tháng Tám 1879). Vụ mưu sát bằng bom vào đoàn tàu của Nga hoàng được tổ chức ngày 19 tháng Mười một. Một cuộc chiến khủng khiếp bắt đầu, dẫn đến cái chết của Alếchxandơơ Đệ nhị ngày 1 tháng Ba 1881 nhưng cũng khiến đảng Tự do Nhân dân bị tiêu vong.

Chiến tranh Nga-Thổ kết thúc trước đó một năm. Tháng Tám 1879, Bítxmác [Bismarck] đặt nền móng cho Liên minh ÁoĐức. Cũng vào năm ấy, Dôla [Zola] xuất bản cuốn tiểu thuyết *Nana* trong đó hoàng thân xứ Ganlơ [Galles] đương thời - người tổ chức tương lai của Liên minh được thể hiện như một kẻ hâm mộ các nàng diễn viên ca kịch. Luồng gió phản động - thổi càng mạnh trong nền chính trị Âu châu, kể từ chiến tranh Pháp-Đức và sau thất bại của Công xã Pari [Paris] - vẫn chưa hề giảm. Ở Đức, đảng Xã hội Dân chủ khốn khổ dưới đạo luật đặc biệt của Bítxmác. Năm 1879, Víchto Uygô [Victor Hugo] và Lui Blăng [Louis Blanc] đệ đơn lên Quốc hội Pháp đòi ân xá cho các chiến sĩ Công xã.

Nhưng những cuộc tranh cãi nghị trường, những tin tức ngoại giao, hoặc thậm chí những vụ nổ mìn cũng không có tiếng vang đến làng Ianốpca, nơi tôi sinh ra và trải qua chín năm đầu đời.

Trong các thảo nguyên mênh mông của chính phủ Khécxôn và cả vùng Nôvôrốtxiťcxơ [Novorossisk], vương quốc của lúa mì và lũ cừu vẫn sống theo những luật lệ riêng. Nhờ không gian bao la và đường xá tồi tệ, nó được cách ly vững vàng khỏi sự xâm lấn của chính trị. Các gò mộ trên thảo nguyên còn lại như các cột mốc ghi dấu thời đại của những làn sóng di cư lớn. Cha tôi là nhà nông, lúc đầu nghèo thôi, nhưng sau này khá giả hơn. Khi còn rất trẻ, ông đã theo gia đình rời một khu dân cư Do Thái vùng Pôntava [Poltava] đi lập nghiệp trong vùng thảo nguyên mênh mông miền Nam. Thời đó tại các vùng Khécxôn và Êcachêrinhốtxláp [Ekaterinoslav], có gần bốn mươi tụ điểm quần cư nông nghiệp Do Thái với dân số chừng hai mươi lăm ngàn người. Các nhà nông Do Thái sống bình đẳng với những nông dân, chẳng những trong pháp luật (cho đến năm 1881) mà còn cả trong sự khốn cùng. Tích lũy ban đầu được kiếm bằng cố gắng không mệt mỏi, lao động cật lực không nương nhẹ bản thân và người khác,

cứ thế cha tôi ngày càng đi lên.

Tại trại Grômôcolây [Gromoklei], những chứng từ khai sinh không được ghi chép cẩn thận cho lắm. Nhiều thứ chỉ được ghi nhận về sau này. Trước khi vào trường trung học, gia đình tôi mới hay rằng tôi không đủ tuổi vào lớp một, thế là thay cho 1879, năm sinh của tôi được ghi vào giấy khai sinh là 1878. Bởi vậy lúc nào tôi cũng có hai ngày sinh: một ngày chính thức và một ngày của gia đình.

Trong chín năm đầu của cuộc đời, hầu như tôi không ra khỏi làng. Làng được gọi là Ianốpca vì người ta mua nó của một địa chủ tên là Ianốpxki [Ianovsky]. Ông lão Ianốpxki, xưa là lính trơn, sau leo được đến chức đại tá. Dưới triều Alếchxandơơ Đệ nhị, ông được lòng cấp trên và họ cho ông chọn năm trăm mẫu đất tại các vùng thảo nguyên hoang dã tại Khécxôn. Ông đại tá xây một nhà nhỏ bằng đất lợp mái rạ cùng một số công trình phụ đơn sơ tương tự trên thảo nguyên. Tuy nhiên, công việc làm ăn của ông không chạy. Sau khi ngài đại tá mất, gia đình ông đến ngụ cư tại Pôntava. Cha tôi đã mua hơn một trăm mẫu và ngoài ra còn thuê của nhà Ianốpxki độ hai trăm mẫu nữa. Tôi còn nhớ rất rõ bà đại tá, một phụ nữ bé tí, khô quắt: cứ mỗi năm bà đến một hai lần để thu tiền thuê đất và xem mọi thứ có đâu vào đấy không. Người ta cho một xe ra đón bà ở nhà ga và khi bà đến, họ lại đặt một chiếc ghế để bà bước xuống dễ dàng khỏi toa xe có lò xo. Mãi sau này cha tôi mới có một chiếc xe ngựa bốn bánh, lúc ấy ông cũng đã có ngựa kéo. Chúng tôi nấu xúp gà và làm món trứng thết bà đại tá già. Đi dạo trong vườn với chị tôi, bà lấy những móng tay khô và nhỏ cào vào những cây ăn quả cho chảy nhựa rồi quả quyết rằng đó là thứ kẹo bánh ngon lành nhất.

Đất trồng tía của chúng tôi rộng ra, đàn ngựa và gia súc tăng lên. Chúng tôi thử nuôi giống cừu Mêrinốt [Mérinos] nhưng không thành công. Ngược lại chúng tôi có rất nhiều lợn. Được thả tự do trong sân, chúng lấy mõm ủi tất cả đất đai xung quanh và cuối cùng phá tan tành vườn rau. Việc kinh doanh được tiến hành với một nỗ lực lớn nhưng theo phương thức cũ: người ta chỉ áng chừng được lỗ lãi từ đâu đến. Cũng vì thế mà khó đánh giá được tổng giá trị tài sản. Toàn bộ tiền của đều nằm trong đất, lúa mì, hạt và sản phẩm mà sản phẩm thì luôn nằm trong vựa hoặc trên đường đến các cảng. Đôi khi trong lúc uống trà hoặc ăn tối, cha tôi sực nhớ ra:

- À! Ghi lấy cái này cho tôi, tôi đã cầm trước 1300 rúp của ông cầm đồ, trích 660 rúp gửi cho bà đại tá, 400 cho Đembốpxki [Dembovsky], ghi luôn vào đó là tôi đã đưa 100 rúp cho Phêôđôxia Antônốpnà [Féodosia Antonovna] vào mùa xuân, khi tôi ở Êlídavétgorát.

Công việc kế toán sổ sách đại khái được làm như thế. Tuy nhiên, dần dà nhưng kiên nhẫn, cha tôi vẫn cứ đi lên.

Chúng tôi ở trong cái nhà đất nhỏ do ông đại tá già xây. Mái nhà bằng rạ chìa ra và dưới đó có vô số tổ chim sẻ. Tường bị nứt nẻ phía mặt ngoài và rần rết làm tổ trong những kẽ nứt này.

Lắm lúc người ta tưởng đó là rắn lục và lấy ấm xa-môva rót nước sôi vào kẻ hở, nhưng vô ích. Những ngày mưa to, trần nhà bị dột, nhất là ở hàng hiên: người ta đặt trên nền đất nện chén, bát và chậu để hứng. Các căn phòng đều nhỏ với những cửa sổ tối tăm. Trong hai phòng ngủ và phòng của trẻ con, sàn đất là nơi sản sinh vô số bọ chét. Phòng ăn được lát gỗ và cọ bằng cát vàng mỗi tuần một lần. Gia đình tôi mời bà đại tá ở trong một căn phòng sàn bóng nhoáng, dài chừng tám bộ, được gọi một cách long trọng là "phòng khách".

Trong khu vườn bao quanh nhà có hoa keo vàng, hoa hồng bạch và hồng nhung, mùa hè thêm hướng dương. Sân không được rào dậu. Tòa nhà lớn lợp ngói do cha tôi xây bằng đất sét gồm xưởng, nhà bếp của chủ và phòng cho người ở. Rồi đến cái vựa "tiểu", vựa "đại" đều lát gỗ và cuối cùng là cái vựa "mới" để đựng thóc. Tất cả đều lợp lau sậy. Để nước không rò vào và hạt không lên men, cả ba vựa đều được xây trên những bệ đá. Khi trời quá nóng hoặc quá lạnh, bọn chó, lợn và gia cầm trốn biệt vào đó. Lũ gà mái tìm thấy ở đây chỗ kín đáo để giấu trứng. Nhiều lần tôi phải bò giữa những hàng đá để moi trứng ra ngoài: người lớn không chui vừa vào đây. Trên nóc của vựa thóc lớn, thường xuyên có vạc đến làm tổ. Giơ mỏ đỏ lên trời, chúng nuốt chửng rắn rết và ếch nhái, nom thật dễ sợ! Con rắn run rẩy cựa quậy ngoài mỏ chim và trông cứ như là nó ăn con vạc từ bên trong ra.

Vựa được chia ra thành những ngăn đựng lúa mì mới thơm phức, hạt đại mạch nhọn xù xì, hạt lanh dẹt dính gần như chảy nước, hạt cườm có ánh xanh đen, yến mạch tinh và nhẹ. Không phải lúc nào cũng vậy, nhưng khi có khách đến, người ta cho lũ trẻ em chơi trốn tìm cả ở trong vựa. Lách qua vách, tôi trèo lên đồng lúa mì cao và lăn xuống phía bên kia. Khép mình đến đầu gối, tôi trùng khuỷu tay trong cái đồng di động; hạt lúa mì chui vào đôi giày thường là rách nát của tôi và lùa cả vào tay áo. Cửa vựa được đóng và ai đó đã treo lên đó một ổ khóa nhưng không quay chìa để đánh lừa: luật chơi được đặt ra như vậy. Tôi nằm dài trong vựa lúa tươi mát, chìm vào đồng hạt mì hít thở bụi thực vật và nghe Xênhia [Sénia] V. hoặc Xênhia Gi-xki hoặc Xênhia X. hoặc chị Nida [Nisa] của tôi hoặc ai đó nữa - lần lượt tìm ra những kẻ nấp trốn, nhưng không sao tìm ra tôi đang vui trong đồng lúa mì tươi.

Chuồng ngựa và bò, chuồng lợn và sân nuôi gà ở phía bên kia của nhà ở, tất cả được nhào trát tạm bợ bằng đất sét, sành nho và rơm rạ. Cách nhà chừng một trăm bước có một giếng với cái cần vọt chìa cao lên trời. Sau nữa là dòng suối mà nông dân thường lấy nước tưới rau. Hàng năm, cứ vào mùa xuân, nước lớn lại làm trôi mất đập, phải củng cố nó bằng rơm, đất và phân. Có một chiếc cối xay trên gò cao ngay bên bờ suối. Một cái lán được tiện bằng gỗ phiến chứa chiếc máy hơi nước mười mã lực và một đôi trục lăn. Thời thơ ấu của tôi, phần lớn thời giờ mẹ tôi làm việc ở đấy. Cối xay không chỉ phục vụ cho việc kinh doanh của gia đình tôi mà còn cho cả vùng lân cận. Nông dân ở xa từ mười đến mười lăm dặm mang lúa mì đến đây thuê xay và

trả công gia đình tôi bằng một phần mười số lượng. Vào thời kỳ cao điểm, trước khi đập lúa, cối xay làm việc hai mươi tư trên hai mươi tư tiếng mỗi ngày và khi tôi biết đếm, biết viết, thỉnh thoảng tôi phải cân các bao lúa mì và tính xem cần trả lại bao nhiêu bột cho những nông dân mang mì đến. Trong vụ gặt, người ta đóng cửa cối xay và dùng động cơ hơi nước để đập lúa. Sau này, có một động cơ cố định đặt tại nhà và nhà cối xay được xây lại bằng đá, lợp phiến thạch. Căn nhà đất của ông bà chủ cũng được thay thế bằng một nhà lớn bằng gạch, lợp tôn. Nhưng những việc này chỉ xảy ra vào năm tôi gần mười bảy tuổi. Trong kỳ nghỉ cuối tuần, tôi tính toán khoảng cách giữa các cửa sổ và kích thước các cửa lớn cho ngôi nhà tương lai, nhưng không sao ra kết quả. Khi về làng lần sau, tôi thấy đã có móng đá. Số phận không cho tôi được ở trong căn nhà này. Ngày nay, tại đó có một trường học Xô-viết...

Những người nông dân có khi phải chờ đợi nhiều tuần liền ở cối xay. Ai ở gần thì đặt các bao của họ theo thứ tự rồi quay về nhà. Những kẻ ở xa sống trên xe của họ, ngày mưa gió họ nằm trên các bao bì trong nhà cối xay. Có lần một khách hàng thấy biến mất cái dây cương. Ai đó thấy một gã thiếu niên không thuộc vùng này rình mò quần quanh bên con ngựa. Thế là họ lục lại cỗ xe ngựa của bố nó và thấy chiếc dây cương giấu dưới cỏ khô. Cha đứa bé, một nông dân râu ria xồm xoàm, tính tình cau có, quay về hướng Đông khoát tay làm dấu và thề rằng chỉ có cái thằng trời đánh, cái thằng sống tù ấy mới làm chuyện này, rồi ông ta sẽ rút ruột thằng vô lại. Nhưng chẳng ai tin. Người nông dân tóm cổ thằng bé, hất nó xuống đất và vục lấy vục để vào người nó bằng cái dây cương ăn cắp. Nấp sau lưng người lớn, tôi nhìn quang cảnh ấy. Thằng bé gào la thề sẽ không bao giờ tái phạm nữa. Quanh nó đám đông đứng lặng lẽ, thờ ơ với tiếng kêu la của thằng bé, họ hút thuốc lá và nói lầm bầm dưới bộ râu rằng người nông dân không đánh thực sự, lão ta vờ vĩnh thôi và lẽ ra phải nện cả ông bố nữa.

Sau lán và chuồng trại là những kho đựng lúa, mái dài hàng hai, ba chục xaghen [sagenet], cái bằng lau sậy, cái bằng rơm rạ, dựa trên những cột đặt ngay ở nền đất không có bức tường chống nào. Người ta đổ hàng đồng hạt trong những kho ấy và cho chạy máy quạt gió hay máy sàng vào những ngày mưa gió. Phía sau các mái che là sân đập lúa mì. Bên kia khe nước là một khu được bao quanh cho gia súc, lổn nhổn đầy phân khô.

Tất cả thời thơ ấu của tôi đều gắn liền với căn nhà nhỏ của ông đại tá và chiếc ghế đi-văng cũ trong phòng ăn. Tôi ăn trưa, ăn tối, chơi búp bê với em tôi và sau này, tôi đọc sách trên cái đi-văng ộp gỗ dán màu gụ ấy. Lớp vỏ bọc bị thủng hai chỗ. Lỗ nhỏ nằm về phía chiếc ghế bành của Ivan Vaxiliêvích và lỗ to ở chỗ tôi ngồi, cạnh cha tôi.

Ivan Vaxiliêvích nói:

- Đã đến lúc cần bọc lại nó bằng nỉ mới.

- Đáng ra phải làm việc này từ lâu rồi - mẹ tôi đáp -, chúng ta đã không bọc lại nó từ năm người

ta sát hại Nga hoàng.

Cha tôi chống chế:

- Chà, cứ đến cái thành phố chết tiệt ấy là phải chạy ngược chạy xuôi, người xà-ích cáu kỉnh, thế là chỉ còn nghĩ đến chuyện chuồn cho lẹ, quên khuấy cả việc mua bán.

Xuyên ngang phòng ăn, dưới cái trần thấp là một giá gỗ khổng lồ sơn trắng, trên đó đặt đủ mọi thứ: những đĩa thức ăn ngoài tầm nhảy của con mèo, đinh, dây rợ, sách vở, lọ mực nút bằng cục giấy, một chiếc bút cũ với cái ngòi đã han gỉ. Tôi không thiếu ngòi bút. Có những tuần tôi lấy con dao ăn gọt những chiếc ngòi gỗ để vẽ lại những chú ngựa mà tôi thấy trong các số báo ảnh *Niva* (Cánh đồng) cũ. Con mèo cái ở mãi trên cao tít, dưới trần nhà, nơi ống khói của lò sưởi nổi gồ lên. Nó đẻ và chăm sóc lũ con ở đó. Những khi quá nóng, nó cắn cổ những chú mèo con và lao xuống bằng một cú nhảy táo bạo. Tất cả những người khách cao lớn đến nhà chúng tôi đều bị đập đầu vào cái giá gỗ khi họ đứng dậy khỏi bàn ăn; vì thế, người ta có thói quen chỉ lên trần báo cho khách biết: "Cẩn thận, cẩn thận đấy".

Trong phòng khách, đáng chú ý hơn cả là một cây đàn cla-vơ-xin chiếm ít nhất một phần tư gian nhà. Tôi không nhớ chúng tôi có nó từ bao giờ. Một bà địa chủ phá sản ở cách chúng tôi chừng 15-20 dặm chuyển lên thành phố và bán tổng tất cả đồ đạc. Chúng tôi mua của bà cái đi-văng, ba chiếc ghế kiểu thành Viên [Vienne] và cái đàn cla-vơ-xin cũ, hỏng, để mãi trong nhà kho với bộ dây đứt. Cây đàn giá mười sáu rúp và được chở về Ianốpca trên một chiếc xe bò. Khi người ta tháo dỡ nó ở trong xưởng, một đôi chuột chết được lôi ra từ dưới bàn hòa âm. Mùa đông năm ấy, trong nhiều tuần lễ liền, chiếc đàn clavo-xin chiếm cả căn xưởng. Ivan Vaxiliêvích lau chùi, dán lại gỗ, đánh véc-ni cho nó, anh kiếm được một bộ dây mắc lên đàn và chỉnh lại tiếng. Toàn bộ phím đàn được sửa lại và cuối cùng không thể kìm được, cây đàn cũng lên tiếng dù hơi rè. Ivan Vaxiliêvích chuyển những ngón tay thần diệu đã quen với phím đàn phong cầm của anh sang bàn phím clavo-xin, anh chơi bản *Camarinxcaia* [Kamarinskaia], một bản *Pônca* [Polka] và *Oh, Mein lieber-Augustin*. Chị cả tôi bắt đầu học nhạc. Đôi khi anh tôi cũng mỗ cò xuống cây đàn, anh đã học vĩ cầm vài tháng ở Êlidavétgorát. Cuối cùng tôi cũng chơi vung vẩy một ngón tay dựa theo bản nhạc soạn cho vĩ cầm của anh tôi. Tôi không có "tai nhạc" và tình yêu của tôi với âm nhạc vĩnh viễn chỉ vô vọng và một chiều. Cũng trên cây đàn cla-vơ-xin ấy, Môixây Kharitônôvích M-xki [Moisei Kharitonovitch M-sky], một người hàng xóm của chúng tôi đã trở tài bằng bàn tay phải "có thể biểu diễn hòa tấu dương cầm" của ông.

Mùa xuân, cái sân trở thành một biển bùn. Ivan Vaxiliêvích tự đẽo những đôi guốc gỗ, thực ra là những chiếc giày cao gót và tôi khoái trá nhìn anh bước đi từ cửa sổ, người cao lên đến gần nửa ácsin [arshin]. Chẳng bao lâu xuất hiện trong trang trại một cụ già làm nghề thuộc da. Hình như không ai biết tên ông. Ông đã hơn tám mươi tuổi. Đó là một cựu chiến binh thời

Nhicôlai [Nicolas] Đệ nhất, đã từng phục vụ hai mươi năm trong quân đội. Dáng người to, vai rộng, râu và tóc trắng toát, đi đứng nặng nề khó khăn, ông đi đến cái lán nơi đặt xưởng đã chiến của ông. "Cái chân tôi nó yếu lắm rồi" - ông nói. Nhưng đã mười năm nay ông ca cẩm như thế. Ngược lại, bàn tay thuộc da của ông còn chắc hơn những gọng kìm. Móng tay ông như những phím ngà, rất nhọn.

- Mà có muốn ông chỉ cho thấy Mátxcova [Mouscou] không? - ông già hỏi tôi.

Dĩ nhiên là tôi muốn. Ông già tóm lấy tôi bằng đôi tay to lớn và nhắc bổng tôi lên. Những móng tay kinh khủng cọ vào tai làm tôi đau và cảm thấy nhục nhã. Dẩy dựa đôi chân, tôi đòi ông ta đặt xuống đất.

- Nếu mà không muốn thì thôi - ông già nói.

Dù cẩu, tôi cũng không chịu đi.

- Đây - ông già nói -, trèo thang lên cái lán này mà xem trên gác xép có gì.

Tôi cảm thấy có cạm bẫy và ngập ngừng. Số là trên gác xép, anh thợ phụ ở nhà máy xay Cônxtanchin [Konstantin] đang tiêu khiển với chị nấu bếp Cachiusa [Katioucha]. Cả hai đều đẹp, vui tính và lao động giỏi.

- Khi nào thì anh cưới Cachiusa? - bà chủ hỏi Cônxtanchin.

- Chúng con thấy cứ như thế này là hơn - Cônxtanchin đáp. - Muốn cưới phải mất đến chục rúp, thà mua cho Cachiusa đôi ủng còn hơn.

Mùa hè cháy bỏng, căng thẳng của thảo nguyên trôi qua với cường độ làm việc kinh khủng, với mùa gặt và thời lao khổ phải làm việc xa nhà; những ngày đầu của mùa thu gần đến, khi ấy chúng tôi tính sổ một năm lao động gần như khổ sai. Việc đập lúa đang độ khẩn trương nhất. Mọi hoạt động dồn lại trên sân đập lúa, sau những nhà kho cách nhà chường một phần tư dặm. Một đám mây bụi trấu bay mù mịt trên sân. Thùng trống của máy đập kêu ầm ầm. Anh thợ xay Philíp [Philippe] đeo kính đứng cạnh thùng. Bộ râu đen của anh đầy bụi xám. Người ta chuyển cho anh từng bó lúa từ xe bò, anh đỡ lấy mà không thèm nhìn, sau đó mở nút dây buộc, xòe bó lúa ra và thả vào thùng. Cái máy nuốt lấy cả ôm, làu nhàu như con chó ngoạm được cục xương; những chiếc thùng rũ rơm, gặt rơm ra ngoài như chơi đùa. Trấu chạy về một phía theo ống dẫn. người ta cuộn nó về phía đụn lúa và tôi thì đứng ở cuối các tấm ván, tay nắm dây điều khiển. "Cẩn thận đấy con, kéo ngã!" cha tôi la lên. Nhưng tôi đã ngã hàng chục lần rồi, khi thì vào rơm, khi thì vào trấu. Đám mây bụi xám dày lên phía trên chiếc máy đập, cái thùng trống kêu ầm ỹ, trấu chui vào áo sơ mi, vào mũi làm người ta hắt hơi lia lịa. "Kìa Philíp, từ từ chứ!" - cha tôi kêu lên khi cái thùng trống gầm lên quá dữ tợn. Tôi nâng cây gõ lên nhưng tuột tay làm nó rơi thẳng vào một ngón tay. Cơn đau làm tôi tối tăm mặt mũi. Tôi lén lẩn đi để không ai trông thấy mình khóc rồi chạy về nhà. Mẹ tôi dội nước lạnh lên ngón tay tôi rồi lấy giẻ quấn lại.

Nhưng cơn đau không giảm. Ngón tay mừng mủ hành hạ tôi mất mấy ngày.

Những bao mì được chất đầy các vựa lúa, các kho, chúng được xếp lên nhiều tầng và che vải bạt ngoài sân. Ông chủ cũng hay đích thân đứng cạnh nơi sàng sảy, giữa mấy trụ nhà và chỉ cho mọi người thấy phải quay bánh xe như thế nào để lúa trấu ra và sau đó chỉ cần hắt gọn một cái là hạt gạo sạch rơi hết xuống thành đồng. Dưới các mái che và các lán được quây lại cho khuất gió, người ta quay máy sàng. Hạt lúa được làm sạch và chuẩn bị đem đi bán.

Dân buôn kéo đến, mang theo những chiếc bình bằng đồng và những cái cân đặt trong hộp đánh bóng cẩn thận. Họ xem thóc, đề nghị một giá và tìm cách đưa tiền đặt cọc. Chúng tôi tiếp đãi họ lịch sự, mời trà và bánh bích cốt với bơ nhưng không bán cho họ. Đây chưa phải là những khách sộp. Ông chủ đã vượt qua những hình thức buôn bán nhỏ. Ông có một mối giao hàng riêng tại Nhicôlaiép. "Hạt lúa có thể nằm đây một thời gian - cha tôi nói Nó không đòi ăn đâu". Sau đó một tuần, chúng tôi thường nhận được thư, hoặc thỉnh thoảng điện tín, từ Nhicôlaiép: giá lúa mì đã lên năm cô-pếch mỗi pút [poud]. "Thế là chúng ta đã được lợi một ngàn cácbôvantri [karbovantsi] - ông chủ hề hả - Tiền bắt được đấy!". Nhưng ngược lại, cũng có khi giá cả đi xuống. Những sức mạnh huyền bí của thị trường thế giới cũng tìm đường tới tận Ianốpca. Từ Nhicôlaiép về, cha tôi rầu rĩ nói: "Người ta nói rằng... gọi là cái quái gì nhỉ... Áchentina [Arghentina] năm nay xuất khẩu nhiều mì".

Làng mạc yên tĩnh vào mùa đông. Chỉ có cối xay và xưởng hoạt động hết công suất. Nhà được sưởi bằng rơm rạ do kẻ ăn người ở trong nhà mang lên, họ ôm từng bó lớn, rơi vãi một phần dọc đường và cứ mỗi lần như thế họ lại phải quét lại. Thật là vui khi tổng rơm vào lò và nhìn chúng bốc cháy. Một hôm, bác Grigôri [Gregory] thấy tôi và em Ôlia [Olia] trong phòng ăn, xanh xao vì nhiễm độc than khí. Tôi quay cuồng giữa phòng và không thấy gì trước mặt, khi chú gọi, tôi lảo nhao ra mê man bất tỉnh. Trong những ngày đông chúng tôi hay ở nhà một mình, nhất là khi cha tôi đi công chuyện và mọi thứ trong nhà đều vào tay mẹ tôi. Đôi khi vào lúc hoàng hôn, tôi và em gái tôi ngồi sát vào nhau trên ghế đi-văng, mắt mở to và không dám cử động vì sợ. Thỉnh thoảng từ bên ngoài băng giá, một bóng người khổng lồ lao vào căn nhà ăn tối tắm trong chiếc áo da đồ sộ, cổ to lật ngược, mũ bê-rê, găng tay, ủng dọ chạm vào nhau ken két, râu ria dính những mảnh băng và cất giọng oang oang trong bóng tối: "Chào cả nhà!". Chúng tôi kè vai nhau, chết lặng trong một góc đi-văng và không dám đáp lại. Khi ấy, người khổng lồ châm một que diêm và phát hiện ra chúng tôi. Hóa ra là một ông hàng xóm. Thỉnh thoảng, không chịu đựng nổi nỗi cô đơn trong phòng ăn, bất chấp trời băng giá, tôi chạy ra phòng ngoài, mở cửa và nhảy lên viên đá lớn phẳng trước thềm; từ đó tôi gào vào bóng tối: "Masơca [Machka], Masơca! Về phòng ăn, về ngay phòng ăn!" - cứ như thế nhiều lần, rất nhiều lần, vì Masơca bận nhiều việc ở nhà bếp, nhà người ở và những nơi khác. Cuối cùng mẹ tôi từ

nhà cối xay về, bà thắp đèn lên và mang ra một cái ấm xa-mô-va.

Buổi tối chúng tôi thường ở trong phòng ăn cho đến khi thấy buồn ngủ. Mọi người đi ra đi vào, mang đến hoặc lấy đi những chùm chìa khóa, cạnh bàn ăn, công việc được cắt đặt và chuẩn bị cho ngày hôm sau. Trong những giờ khắc ấy, tôi, em Ôlia, chị Lida và có khi cả người hầu gái, sống một cuộc sống hoàn toàn phụ thuộc vào người lớn và ngạt thở vì họ. Đôi khi người ta buông một câu và gọi cho chúng tôi sự nhớ đến một kỷ niệm riêng, đặc biệt nào đó. Tôi nháy mắt nhìn em tôi, em bụm miệng cười; ai đó trong số người lớn lơ đãng nhìn em. Tôi lại nháy mắt lần nữa; em cố giấu cơn cười dưới tấm vải dầu và đập trán vào bàn. Tôi bật cười theo và đôi khi cái cười cũng lây sang cả chị tôi, chị tìm cách giữ vẻ trang nghiêm của cô gái mười ba, lập lờ giữa bọn trẻ và người lớn. Nếu cái cười trở nên quá ồn ào, tôi phải chui xuống gầm bàn, len vào chân những người lớn và sau khi dẫm phải đuôi con mèo, tôi chạy trốn sang các xó nhỏ được gọi là "phòng bọn trẻ". Vài phút sau, mọi thứ bắt đầu từ đầu. Cười nhiều quá, ngón tay run đến nỗi không cầm được cả cốc nữa. Đầu, môi, tay, chân của tôi rã rời và hòa tan trong tiếng cười. "Các con làm sao vậy?" - mẹ tôi hỏi, vẻ mệt mỏi. Hai vòng đời, vòng trên và vòng dưới, những khi ấy hòa vào nhau được một lúc. Người lớn nhìn bọn trẻ với vẻ thăm dò, đôi khi độ lượng nhưng cũng lắm khi bức bối. Thế là tiếng cười bất ngờ lại bật lên ồn ào. Ôlia lại cúi đầu xuống bàn, tôi nhào xuống chiếc ghế dài, Lida cắn môi dưới còn cô hầu gái thì biến vào sau cửa.

- Nào, thôi, chúng mày đi ngủ đi! - người lớn nói.

Nhưng chúng tôi không chịu ra, cứ nấp trong các góc và sợ phải trông thấy nhau. Em tôi được bế ra khỏi phòng còn tôi lắm khi ngủ luôn trên đi-văng. Ai đó đến bế tôi đi. Đang ngái ngủ, có khi tôi thét lên như điên. Tôi thấy hình như mình bị đàn chó bao quanh hoặc lũ rắn thở phì phì dưới chân, hay bị những tên cướp bắt vào rừng. Cơn ác mộng của tuổi thơ đi vào đời sống người lớn. Người ta tìm cách dỗ dành, vuốt ve, ôm ấp tôi. Thành thử từ cười đến mơ, từ mơ đến ác mộng, từ ác mộng đến khi thức dậy, tôi lại chìm vào giấc mơ, nhưng lần này trên giường đệm lông chim ở phòng ngủ có lò sưởi.

Như thế mùa đông là thời kỳ đầm ấm nhất trong năm. Có những ngày liên tục cha mẹ tôi dường như không ra khỏi nhà. Vào lễ Giáng sinh, anh chị tôi đều nghỉ học và về nhà. Chủ nhật, sau khi đã tắm rửa, đầu tóc chỉnh tề, anh Ivan Vaxiliêvích cầm kéo và lược để tỉa đầu, trước tiên cho cha tôi rồi đến Xasa [Sacha], cậu học sinh trường Hiện đại và cuối cùng mới đến tôi. Xasa hỏi:

- Anh Ivan Vaxiliêvích, anh có biết cắt kiểu Capun [Capoul] không?

Mọi người ngẩng đầu nhìn Xasa, còn anh kể rằng ở Êlidavétgorát, một người thợ cạo cắt cho anh kiểu Capun tuyệt vời nhưng ngay hôm sau ông thanh tra nhà trường đã nghiêm khắc khiển

trách anh về tội đó.

Cắt tóc xong, chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Cha tôi và Ivan Vaxiliêvích chiếm hai chiếc ghế bành ở hai đầu bàn, lũ trẻ con ngồi trên đi-văng và mẹ tôi ngồi đối diện với chúng tôi. Cho đến khi chưa lấy vợ, Ivan Vaxiliêvích ăn cùng với chúng tôi. Vào mùa đông, bữa ăn kéo dài và sau đó chúng tôi còn trò chuyện. Ivan Vaxiliêvích hút thuốc và nhả ra những vòng khói tài tình. Đôi khi mọi người bắt Xasa hoặc Lida ngồi đọc chuyện. Cha tôi ngồi ngủ gà ngủ gật trên tầng thấp của lò sưởi, nhưng thường bị phát hiện. Buổi tối, thỉnh thoảng lắm chúng tôi cũng chơi bài đurắc [dourak], khi đó khá ồn ào, chúng tôi cù nhau và cười như nắc nẻ, đôi lúc còn cãi cọ chút đỉnh. Thú nhất là đánh ăn gian với cha tôi, ông chơi rất lơ đãng và khi thua cũng cười, khác hẳn với mẹ tôi, chơi giỏi hơn, luôn hồi hộp và cảnh giác theo dõi để không bị anh cả tôi ăn gian. Trạm bưu điện gần nhất cách lanốpca hai mươi ba cây số, đến được đường sắt thì phải hơn ba mươi lăm cây. Còn xa mới đến được các công sở, các cửa hàng, các trung tâm trong thành phố; những sự kiện lịch sử lớn thì còn xa hơn nữa. Nhịp điệu lao động nông nghiệp là nhân tố duy nhất điều hành cuộc sống ở đây. Tất cả những thứ khác đều trở nên không đáng kể: mọi thứ, trừ giá lúa mì trên thị trường thế giới. Những năm ấy người ta không đưa báo, tạp chí đến làng; chúng chỉ có về sau này, khi tôi đã là học sinh trường Hiện đại. Thư từ chỉ đến một cách ngẫu nhiên, rất hiếm hoi. Đôi khi, người hàng xóm mang một lá thư từ Bôbrinhét, anh ta cũng giữ lại trong túi một hai tuần. Nhận được thư là cả một sự kiện, điện tín thì chứng tỏ một tai họa đã xảy ra.

Người ta giải thích cho tôi là điện được báo đi trên dây thép, thế mà chính mắt tôi trông thấy một người cưỡi ngựa mang đến từ Bôbrinhét và phải trả cho anh ta hai rúp năm mươi cô-pếch. Điện báo là một mảnh giấy cũng như một lá thư và chữ trong đó được viết bằng bút chì. Thế thì làm sao nó đi được trên giây thép, hay là bị gió đẩy đi? Người ta trả lời tôi: đó là vì có điện.

Điều này lại càng mù mịt. Một hôm chú Abram hăm hở giải thích cho tôi:

- Dòng điện chạy trong dây thép và ghi lại dấu hiệu trên một cuộn băng. Nhắc lại đi!

Tôi nhắc lại:

- Điện chạy trong đường dây và ghi lại dấu trên cuộn băng.

- Thế cháu đã hiểu chưa?

Tôi hiểu.

- Nhưng sau đó làm sao ra được bức thư? - tôi hỏi vì nghĩ đến mảnh giấy điện báo thường được mang về từ Bôbrinhét.

- Thư nó đi riêng đến - chú tôi trả lời.

Tôi hồ nghi không hiểu tại sao lại cần đến dòng điện nếu cái "thư" được ngựa đưa đến. Nhưng chú tôi nổi cáu:

- Để cho tao yên với cái thư của mày - ông la lên -, tao giải thích cho mày thế nào là điện báo mà mày thì cứ nói chuyện cái thư!

Thế là vấn đề này vẫn mù mờ đối với tôi.

Một lần bà Pôlina Pêtrốpna [Polina Petrovna], một nữ địa chủ ở Bôbrinhét đến thăm gia đình chúng tôi. Bà đeo những đôi hoa tai lớn và có một món tóc dài trải xõa xuống trán. Sau đó mẹ tôi đưa bà về lại Bôbrinhét và tôi cũng đi theo. Khi đi qua cái gò cách nhà mười một dặm, tôi thấy những cột dây thép và nghe tiếng dây kêu u... u.

- Điện báo nó đi như thế nào hở mẹ? - tôi hỏi mẹ.

- Con hỏi bà Pôlina Pêtrốpna ấy - lúng túng mẹ tôi đáp -, rồi bà ấy sẽ giải thích cho con.

Bà Pôlina Pêtrốpna giải thích cho tôi như sau:

- Các dấu trên cuộn băng tương đương với những chữ cái, một điện báo viên phiên ra thành chữ trên giấy và một người cưỡi ngựa mang tờ điện báo ấy đi.

Như thế thì hiểu được.

- Nhưng dòng điện thì đi như thế nào vì cháu chẳng nhìn thấy gì cả? - tôi nhìn đường dây thép và hỏi.

- Dòng điện đi bên trong - bà Pôlina Pêtrốpna đáp. - Những đường dây thép ấy được làm theo hình ống và dòng điện chạy bên trong.

Điều này cũng sáng sủa và tôi yên tâm một thời gian dài. Bốn năm sau, khi thầy giáo vật lý giảng về sóng điện từ, tôi còn cảm thấy khó hiểu hơn thế nhiều.

Mặc dầu không phải không có mâu thuẫn, song về cơ bản, cha mẹ tôi rất hòa thuận với nhau trong suốt cuộc đời bận rộn, tuy hai người xuất thân từ những thành phần xã hội khác nhau. Mẹ tôi thuộc một gia đình tiểu tư sản thành thị, khinh thường người nông dân tay chân nứt nẻ. Nhưng cha tôi thời trai trẻ là một thanh niên khôi ngô, cao ráo với gương mặt rắn rỏi và quyết đoán. Ông đã gom góp một chút tiền nên vài năm sau mới mua được trang trại Ianốpca. Trôi dạt từ thủ phủ của vùng về một làng quê ở thảo nguyên, người phụ nữ trẻ ấy không dễ dàng hòa nhập vào các điều kiện nghiệt ngã của nền kinh tế nông nghiệp, nhưng cuối cùng bà cũng quen dần và bị trói buộc vào đó gần bốn mươi lăm năm. Trong tám đứa trẻ ra đời từ cuộc hôn nhân của cha mẹ tôi, bốn đứa còn sống sót. Tôi là thứ năm theo thứ tự. Bốn đứa chết từ thuở sơ sinh vì bệnh bạch hầu, bệnh sốt phát ban; chúng chết gần như không ai để ý, cũng như chẳng mấy ai quan tâm đến những đứa sống sót. Đất đai, đàn gia súc, gia cầm, nhà cối xay đòi hỏi một sự chú ý đặc biệt. Mùa tiếp mùa, công việc đồng áng liên miên lấn át những tình cảm gia đình. Trong gia đình không có sự yêu thương vô về, nhất là trong những năm đầu, nhưng công việc đã tạo nên mối quan hệ gắn bó giữa cha và mẹ tôi. "Lấy một cái ghế cho mẹ"- cha tôi nói mỗi khi thấy mẹ bước tới thềm nhà, người trắng toát vì bụi cối xay. "Masoca, chuẩn bị ấm

nước nhanh lên - khi khác, mẹ tôi lại kêu lên như thế, ngay cả khi chưa bước chân vào đến nhà. - Ông sắp ở đồng về rồi đấy''. Cả hai đều biết rất rõ cái giới hạn tột cùng của sự mệt nhọc thể xác.

Cha tôi hơn mẹ tôi rõ ràng cả về tinh thần lẫn tính cách. Ông sâu sắc hơn, điềm đạm hơn và tế nhị hơn. Ông có cái nhìn sắc sảo hiếm có khi đánh giá, không chỉ về vật mà cả về người.

Thường thường cha mẹ tôi không mấy khi mua sắm, đặc biệt là trong những năm đầu; cả cha lẫn mẹ tôi đều biết dè sẻn từng đồng cô-pếch. Nhưng cha tôi biết, không một chút sai lầm, về giá trị những gì mình mua. Từ mảnh dạ, cái mũ, con ngựa hay cỗ máy, ở đâu ông cũng có ý thức về chất lượng.

- Cha không thích những đồng xu này sau này ông nói với tôi như để thanh minh về tính keo kiệt của mình, nhưng cha cũng không thích nếu thiếu chúng. Thật là một tai họa lớn khi cần tiền mà lại thiếu.

Cha tôi nói sai ngữ pháp, lẫn lộn tiếng Nga với tiếng Ucraina và nặng về tiếng Ucraina hơn. Ông đánh giá con người theo phong thái, khuôn mặt, cách ứng xử và thường thường ông đúng. - Thế nào ấy, tôi không thích cậu sinh viên này - ông nói về một người khách mới đến chơi -, có phải là hấn ta hơi ngốc nghếch không?

Lũ trẻ không bằng lòng vì cha nghĩ thế về khách, nhưng trong lòng chúng thấy ông nói đúng. Chỉ đôi lần đến thăm một nhà lạ là ông đoán ra rất đúng mặt bên trong của đời sống gia đình ấy.

Sau nhiều lần sinh đẻ và công việc, mẹ tôi bị ốm một thời gian và phải đi điều trị đều đặn tại một thầy thuốc ở Khaccốp. Những lần đi lại như vậy là sự kiện lớn, phải chuẩn bị lâu la từ trước. Mẹ tôi để dành tiền, sắp xếp những lọ bơ, bánh quy bơ, gà quay và nhiều thứ khác. Bà dự kiến phải tiêu pha nhiều tiền. Mỗi lần khám bệnh, mẹ tôi trả ba rúp cho bác sĩ. Mọi người nói nhiều về chuyện đó, cả trong gia đình, cả trước mặt khách khứa, vừa nói vừa giơ ba ngón tay với một bộ mặt đầy ý nghĩa đặc biệt: trong đó có sự tôn sùng khoa học nhưng cũng có ý phàn nàn vì nó quá tốn kém và cả lòng hãnh diện vì chúng tôi có khả năng trả những khoản tiền không thể tưởng tượng ấy. Chúng tôi hồi hộp chờ mẹ về. Bà về với một chiếc áo dài mới, trông thật lịch sự giữa căn nhà bếp ở Ianốpca. Bà còn mang về một cái bếp dầu dùng để nấu nướng trong mấy tuần, một quả bóng cao su và một con ngựa bằng giấy bồi cho tôi, một con búp bê cho em gái tôi.

Hồi còn nhỏ, cha tôi đối xử với chúng tôi dịu dàng và điềm đạm hơn. Mẹ tôi hay cáu kỉnh, đôi khi vô lý do, đơn giản bà muốn trút lên đầu lũ trẻ sự mệt nhọc hay thất bại gì đó của công việc. Thời ấy, khi cần gì chúng tôi thường xin cha nhiều hơn. Nhưng thời gian trôi qua, ông trở nên khắt khe bởi những khó khăn trong cuộc sống, những mối lo ngày càng tăng với sự tấn tới của

công việc kinh doanh - nhất là trong khủng hoảng nông nghiệp thập niên tám mươi -, và những thất vọng do lũ trẻ gây ra.

Những mùa đông dài, khi tuyết vùng thảo nguyên bao phủ lanốpcá tứ bề và vun thành đống cao quá cửa sổ xung quanh nhà, mẹ tôi thích ngồi đọc sách. Bà ngồi trên cái tầng thấp hình tam giác của phòng sưởi, đặt chân lên một chiếc ghế, hoặc những khi hoàng hôn xuống rất nhanh vào mùa đông bà chuyển sang ghế bành của cha tôi cạnh cánh cửa sổ nhỏ đầy những bông tuyết và đọc thì thầm, nhưng vẫn nghe rõ từng câu, một cuốn tiểu thuyết đã cũ mòn của thư viện Bôbrinhét, ngón tay mệt mỏi lần theo các hàng chữ. Bà thường bị dừng lại ở một từ nào đó và lúng túng trước những câu rắc rối. Đôi khi, một đứa con "nhắc bài" làm cho bà hiểu khác hẳn những gì đã đọc. Nhưng bà vẫn kiên trì và đọc không biết mệt mỏi: trong những giờ rỗi rãi của những ngày đông yên tĩnh, có thể nghe ngay từ thềm cửa ra vào tiếng đọc thì thầm và đều đặn của bà.

Cha tôi đã già khi ông tập đánh vần để ít nhất cũng đọc được các tựa đề sách của tôi. Năm 1910 ở Béclin [Berlin], tôi rất cảm động nhìn ông cố hết sức để hiểu cuốn sách tôi viết về đảng Xã hội Dân chủ Đức.

Khi cách mạng tháng Mười diễn ra, cha tôi đã là một người hết sức sung túc. Mẹ tôi mất vào năm 1910 song cha tôi còn sống đến khi chính quyền Xô-viết được thiết lập. Trong giai đoạn cao điểm của cuộc nội chiến đặc biệt kéo dài ở phía Nam, khi các chính quyền bị thay đổi liên tục, ông già bảy mươi tuổi ấy đã phải đi bộ vài trăm cây số để tìm một chỗ ẩn náu tạm thời ở Ôđétxa [Odessa]. Hồng quân nguy hiểm đối với ông vì ông là địa chủ, còn Bạch vệ săn đuổi ông vì ông là cha tôi. Sau khi quân đội Xô-viết quét sạch phương Nam, ông có thể về Mátxcova. Cố nhiên cách mạng tháng Mười đã tước đoạt mọi thứ ông dành dụm được trong đời. Trong hơn một năm, ông quản lý một nhà cối xay nhỏ của nhà nước tại vùng ngoại ô Mátxcova. Xiurupa [Tsiouroupa], dân ủy Bộ Lương thực và Thực phẩm thời ấy thích nói chuyện với cha tôi về những vấn đề kinh tế. Cha tôi mất vào mùa xuân năm 1922 vì bệnh dịch tả, đúng lúc tôi đang thuyết trình tại Đại hội lần thứ tư Quốc tế Cộng sản.

Nơi chủ yếu, quan trọng nhất ở lanốpcá là nhà xưởng, chỗ làm việc của Ivan Vaxiliêvích Grêben. Anh phục vụ cha tôi từ năm hai mươi tuổi, đúng vào lúc tôi ra đời. Anh mày tào với bọn trẻ, kể cả những đứa lớn, chúng tôi gọi anh là "anh" và gọi "Ivan Vaxiliêvích" một cách kính trọng. Khi bị gọi nhập ngũ, cha tôi đi cùng anh và bỏ tiền hối lộ ai đó, thế là Grêben được ở lại lanốpcá. Đó là một người rất tài giỏi và điển trai, ria màu vàng suộm và chòm râu cằm để kiểu Pháp. Anh thạo tất cả mọi việc: sửa chữa máy hơi nước, trông coi nồi hơi, tiện những chiếc ốc vít bằng thép và gỗ, những vòng bi bằng đồng đặt trên lò xo, sửa đồng hồ quả quýt, đồng hồ để bàn, điều chỉnh đàn dương cầm, bọc đệm bàn ghế và lắp một cái xe đạp hoàn chỉnh

tuy không có lớp. Xong lớp dự bị, trong khi chờ vào lớp đệ nhất, tôi tập xe đạp trên bộ khung ấy. Từ xa, những người Đức nhập cư đến nhà xưởng nhờ sửa chữa máy gieo hạt, máy bó lúa và mời Ivan Vaxiliêvích đến chỗ họ khi họ cần mua một chiếc máy đập hoặc máy hơi nước. Người ta hỏi cha tôi về những vấn đề kinh tế và hỏi Ivan Vaxiliêvích về kỹ thuật. Trong nhà xưởng có cả những thợ phụ và thợ học nghề. Tôi đã phải học lại rất nhiều việc từ những thợ học nghề này.

Người đến học việc đầu tiên là Xênhia Ghécôpanốp [Sénia Gertopanov], con một địa chủ xưa kia cũng giàu có nhưng đã hoàn toàn phá sản; hẳn không lưu lại đây được lâu vì bị Ivan Vaxiliêvích đuổi đi. Vichia Ghécôpanốp, một thanh niên khôi ngô, rắn rỏi thể chân anh ta, rồi đến Đavít Sécnhikhốpxki [David Chernikhovsky], con ông già Hécơ [Hersh], một thợ xay có bộ râu khó tưởng tượng được. Đavít yếu nhưng chăm làm. Ở xưởng, một vài lần anh sửa cái dây treo quần cho cha anh, vốn bị sa ruột.

- Làm cái gì thế, Đavítca [Davidka]? Một cái dây cương cho bố cậu à? - anh cai Phôma [Foma] hỏi.

Đavít cười lúng túng và vội vã quay về công việc của anh.

Nhiều lần tôi làm gien cho êcu và đinh vít ở trong xưởng. Tôi rất thích công việc này vì kết quả có ngay trong tay. Đôi khi tôi cũng đòi hòa màu trên một cái đĩa bằng đá rất nhẵn. Nhưng chẳng mấy chốc, tôi đã mệt và ngày càng hỏi nhiều xem như vậy đã được chưa. Ivan Vaxiliêvích thọc ngón tay vào hỗn hợp ấy và lắc đầu tỏ ý chưa được. Cuối cùng tôi trả đĩa đá cho một người học việc.

Đôi khi Ivan Vaxiliêvích ngồi lên trên một cái rương con đựng đồ nghề để trong góc, sau bàn thợ. Anh hút thuốc và nhìn mơ hồ vào không trung, có lẽ anh suy nghĩ hoặc nhớ lại một cái gì, cũng có thể anh chỉ nghỉ ngơi vô tư lự. Những lúc đó, tôi trườn đến bên anh và vắn vẽ một sợi ria dày màu vàng suộm, hoặc chăm chú nhìn bàn tay với những ngón rất đặc biệt của người thợ cả. Tất cả làn da trên tay anh lấm tấm những chấm đen: đó là những mảnh vô cùng bé đã chui vĩnh viễn vào da thịt khi anh mài sắc đĩa mài. Ngón tay dinh dính như những rễ cây, nhưng hoàn toàn không cứng, nó bè ra ở đầu cùng, hết sức linh hoạt và ngón tay cái có thể bẻ thành vòng cung. Mỗi ngón tay biết tự mình hoạt động theo mỗi cách, chung sức lại chúng tạo thành một ê-kíp tuyệt vời. Dù còn rất bé, tôi vẫn nhìn và cảm thấy bàn tay ấy không cầm búa hay kìm như những bàn tay khác. Ngón cái bàn tay trái có một đường sẹo vòng tròn nằm hơi chếch. Đúng vào ngày tôi ra đời, Ivan Vaxiliêvích bị lưỡi rìu bập phải tay, ngón tay treo lủng lẳng chỉ còn dính một tý da. Cha tôi tình cờ nhìn thấy người thợ máy trẻ này đang đặt bàn tay lên một tấm ván chuẩn bị chặt rời hẳn ngón tay. "Khoan, dừng lại đã - cha tôi kêu lên -, ngón tay có thể liền lại được". "Ông cho là nó sẽ liền lại à?" người thợ máy hỏi và thả cái rìu xuống.

Ngón tay cái dính lại thật và hoạt động tốt, chỉ có điều là không thể bẻ cong nó về phía sau như ngón cái của bàn tay phải.

Ivan Vaxiliêvích sửa một cái súng cổ kiểu Bécđan [Berdan] thành súng bắn đạn chì và thử độ chính xác của nó: theo thứ tự, mỗi người bắn một viên để làm tắt một cây nến đặt cách vài bước. Không phải ai cũng thành công. Tình cờ cha tôi bước vào. Khi nâng khẩu súng lên vai và bắn, tay ông run run và ông cầm súng cũng không vững. Tuy nhiên, ông làm tắt ngay ngọn nến. Cha tôi có con mắt chắc chắn trong mọi việc và Ivan Vaxiliêvích cũng hiểu điều đó. Hai người không bao giờ bất hòa mặc dù đối với kẻ khác, cha tôi sử sự như một ông chủ, thường rầy la và cảnh cáo họ.

Trong xưởng tôi luôn luôn có việc. Tôi thối bệ lò được Ivan Vaxiliêvích thiết kế theo cách riêng của anh: không thấy chiếc quạt gió vì nó nằm trên gác xép và điều này khiến những người đến thăm phải kinh ngạc. Tôi quay bánh xe của máy tiện đến một nhòai, nhất là khi người ta tiện những hòn bi tròn có khóa bằng gỗ keo để làm cái móc. Ngoài ra, trong nhà xưởng người ta còn nói nhiều chuyện thật lý thú. Không phải lúc nào họ cũng giữ phép lịch thiệp, nói đúng hơn là chẳng bao giờ họ giữ ý tứ. Ngược lại, tầm nhìn của tôi được mở rộng không phải ngày này sang ngày khác, mà giờ này qua giờ khác. Phôma kể về các đại điền trang nơi anh đã làm việc và những cuộc phiêu lưu của các ông chủ, bà chủ. Phải nói rằng anh không có thiện cảm mấy với họ. Anh thợ xay Philip nhập cuộc với những kỷ niệm thời quân ngũ. Ivan Vaxiliêvích đặt câu hỏi, xoa dịu mọi người và bổ sung điều này, điều khác vào những chuyện đã kể.

Anh Iasoca [Iachka] - thợ đốt lò, đôi khi kiêm thợ rèn - là một người tóc hung, mặt mày ủ dột, chừng ba mươi tuổi và không ở đâu lâu một chỗ. Luôn luôn có một cái gì đó thúc đẩy anh: khi thì mùa thu, khi thì mùa xuân, anh biến đi và nửa năm sau mới quay lại. Ít khi anh uống rượu nhưng khi đã uống thì ra trò. Anh rất mê săn bắn nhưng đã bán cả khẩu súng của mình để uống. Phôma kể chuyện một lần Iasoca đi chân đất vào một cửa hiệu ở Bôbrinhét: đôi chân trần của anh dính đầy bùn đen ngoài ruộng, anh hỏi mua một mồi đạn cho khẩu súng hỏa mai của mình. Cố tình làm đổ cái hộp, anh cúi xuống nhặt mồi đạn, giữa chừng giẫm chân lên một cái và cứ thế anh tha nó đi.

- Phôma bạ phải không? - Ivan Vaxiliêvích hỏi.

- Anh ấy bạ làm gì? Iasoca trả lời -, lúc đó tôi không có lấy một cô-pếch.

Tôi thấy cách kiếm những thứ người ta đang cần như thế thật tuyệt vời và đáng bắt chước.

- Igonát [Ignat] nhà ta đã đến - cô hầu phòng Masoca báo tin. - Nhưng Đunca [Dounka] lại không có ở đây, chị ấy về nhà nhân ngày lễ rồi.

Khi nói về anh thợ đốt lò Igonát, người ta nói Igonát "nhà ta" để phân biệt với Igonát gù lưng, ông này vốn là hương trưởng trước Tarát [Tarass]. Igonát "nhà ta" bị gọi đi tòng quân. Ivan

Vaxiliêvích thân chinh đo vòng ngực của anh ta và nói: "Chẳng bao giờ người ta bắt hẳn đi đâu". Hội đồng Kiểm tra cho Igonát vào bệnh viện một tháng để khám. Ở đó, anh làm quen với những công nhân thành phố và quyết định thử vận may trong một nhà máy. Igonát đi ứng thị thành và mặc một cái áo khoác da ngắn thêu diêm dúa. Anh ở suốt ngày trong xưởng để kể về thành phố, về công việc, về các tập tục, máy móc và lương lậu.

- Đúng rồi, nhà máy... - Phôma trầm ngâm nói.

- Nhà máy không phải như một cái xưởng - Philip nói để vào.

Và thế là mọi người suy tư nhìn về hướng nhà xưởng.

- Nhiều máy lắm hả? - Víchto [Victor] háo hức hỏi.

- Như rừng...

Tôi mở to mắt lắng nghe và tự tưởng tượng ra một nhà máy như ngày xưa tôi tưởng tượng ra rừng: cả trên, cả phải, cả trái, cả đằng sau, cả đằng trước - chẳng thấy gì ngoài máy móc và Igonát đứng giữa những cỗ máy ấy, lưng thắt chặt một chiếc dây da. Chúng tôi còn được biết Igonát có cả một chiếc đồng hồ quả quýt. Người ta chuyền tay nhau xem. Buổi tối ông chủ đi dạo trong sân với Igonát, theo sau có anh thư ký. Tôi cũng quần quanh bên họ, lúc cạnh cha tôi, lúc thì cạnh Igonát.

- Thế thức ăn thì sao? Anh mua bánh mì trong hiệu à? Cả sữa nữa? Phải trả tiền thuê nhà hả?

- Đúng thế, phải trả tiền tất cả - Igonát gật đầu công nhận. - Có điều tiền lương cũng khác.

- Tôi biết là khác, nhưng tất cả những gì cậu kiểm được xem ra đều đi theo cái ăn cả.

- Thế mà Igonát quả quyết nói -, trong nửa năm tôi cũng may mặc được chút ít, lại còn tậu được cái đồng hồ nữa, trong túi tôi đây này.

Và anh lại lôi chiếc đồng hồ ra để khoe. Lý lẽ này không ai cãi lại được. Ông chủ lặng thinh rồi hỏi:

- Hẳn cậu cũng uống chứ, Igonát? Ở đấy cậu có những ông chủ, họ tập cho cậu nốc rượu ngay chứ gì?

- Làm gì có chuyện ấy, tôi đâu có thêm cái thứ vốt-ca đó.

- Thế thì - bà chủ hỏi -, Igonát, anh đưa Đunca đi theo chứ?

Igonát nhìn sang một bên, cười với vẻ hối hận thoáng qua, nhưng không trả lời.

- Chà! Tao đã biết mà - bà chủ nói -, mày lại dính với con nào ở thành thị, thú thật đi, đồ lừa đảo!

Và như thế Igonát đi khỏi Ianốpca.

Lũ trẻ con bị cấm vào nhà người ở. Nhưng ai quản được chúng? Bao giờ ở đó cũng có nhiều điều lý thú. Một thời gian dài, đầu bếp của chúng tôi là một bà có gò má dô, mũi dị dạng. Chồng bà, một ông già liệt nửa bộ mặt, trông coi gia súc. Những người như họ bị gọi là caxáp vì họ

xuất thân từ vùng nội địa của chính phủ. Đôi vợ chồng này có một cô con gái tám tuổi rất xinh, mắt xanh và tóc vàng. Nó đã quen việc cha mẹ nó cãi nhau liên miên.

Ngày chủ nhật, các cô gái lại chơi trò lục lọi tìm kiếm trong tóc nhau hoặc trong tóc các chàng trai. Trong phòng người ở, trên một bó rơm, hai cô Tachiana [Tatiana] - cô lớn và cô bé - nằm ườn cạnh nhau. Gã coi ngựa Aphanátxi [Afanassi] - con anh thư ký Pútđơ [Poud] và anh của cô đầu bếp Parátxca [Paraska]

- ngồi bắt ngang giữa hai cô: chân đặt lên Tachiana bé và cùi tay chống lên người Tachiana lớn.

- Đây, thưa quan tổng trấn Môhamét [Mohamed] - anh thư ký nói với vẻ ghen tức -, chẳng phải đã đến lúc dắt ngựa đi uống nước ư?

Gã Aphanátxi tóc hung này cùng với anh Mutudốc [Moutouzok] tóc đen là những người hay hành hạ tôi. Khi vô tình tôi đến đúng vào lúc chia cháo đặc, thế nào cũng có một giọng nói giễu cợt vang lên: "Nào Liôva, ăn trưa với chúng tôi chứ", hoặc "Đây Liôva, cậu xin bà cho chúng tôi một ít thịt gà đi". Những khi ấy tôi lúng túng và rón rén đi ra.

Đến lễ Phục sinh, người ta làm bánh xốp và nhuộm trứng cho công nhân. Cô Raixa rất khéo tay trong việc nhuộm trứng. Bà mang mấy quả trứng tô màu từ trại về và cho tôi hai quả. Sau hầm rượu, trên một sườn dốc, người ta lăn trứng, đập quả nọ vào quả kia xem trứng của ai cứng nhất? Tôi đã gần thắng cuộc, chỉ còn lại Aphanátxi. "Đẹp chứ, phải không?" - tôi chỉ cho anh những quả trứng vẽ. "Cũng khá Aphanátxi trả lời với bộ mặt hờ hững. - Cậu có muốn mình đập trứng không, xem của ai cứng hơn?". Tôi không dám từ chối lời thách thức. Aphanátxi cầm trứng đập và quả trứng vẽ của tôi bị đập đầu."Nào thấy chưa, trứng của tôi cứng hơn - Aphanátxi nói -, thử quả khác xem nào?" Tôi ngoan ngoãn chìa nốt quả kia ra. Aphanátxi lại đập: "Tôi lại thắng rồi". Anh vồ lấy cả hai quả trứng và đi không ngoảnh lại. Tôi ngờ ngác nhìn anh ta và muốn bật khóc nhưng sự đã rồi.

Những người thợ làm việc thường xuyên cả năm cho gia đình chúng tôi chỉ chiếm số ít. Trong những năm trồng trọt lớn, đội ngũ vài trăm công nhân phần lớn là những người làm theo thời vụ, đến từ Kiép, Trécnhigốp [Tchernigov], Pôntava. Người ta thuê họ làm việc cho đến lễ Thiên mạc, tức là ngày 1 tháng Mười. Vào những năm được mùa, chính phủ Khécxôn thu nạp hai, ba trăm ngàn công nhân loại ấy. Trong bốn tháng hè, những thợ gặt đàn ông được nuôi ăn và lĩnh bốn mươi đến năm mươi rúp, đàn bà hai mươi đến ba mươi rúp. Cánh đồng là nhà của họ, khi mưa thì đã có các đụn rơm. Bữa trưa của họ gồm có món củ cải hầm và cháo đặc, bữa tối có cháo kê. Người ta không cho họ ăn thịt, về chất béo hầu như họ chỉ được ăn dầu thực vật nhưng cũng rất ít. Thành thử đôi lúc họ cũng bất bình. Công nhân bỏ gặt, tụ tập trong sân, nằm sắp trong bóng râm các vựa thóc, họ giơ lên không những bàn chân trần nứt nẻ, bị rạ cứa nát và chờ đợi. Khi ấy người ta cho họ sữa chua hoặc dưa đỏ, hoặc nửa túi cá khô và họ lại quay về

làm việc, nhiều khi còn ca hát. Điều này xảy ra ở tất cả các trang trại nông nghiệp. Có những người thợ gặt tuổi khá cao, lực lưỡng, rám nắng đến làm việc ở Ianốpca trong mười năm liền vì biết rằng ở đó luôn có công việc cho họ. Họ được lĩnh hơn những người khác vài rúp và thỉnh thoảng được một ly vodka vì họ giữ được nhịp điệu lao động. Những người khác đem cả gia đình tới đây thành một ổ. Họ đi bộ hàng tháng trời từ xứ sở của mình, sống bằng bánh mì và đêm ngủ trong chợ. Có một vụ hè các công nhân đều lần lượt mắc chứng quáng gà. Khi hoàng hôn xuống họ đi lại chậm chạp, hai cánh tay giơ ra phía trước. Một người cháu của mẹ tôi đến thăm gia đình, anh viết một bài tường thuật về chuyện này, được Hội đồng Tự quản địa phương chú ý. Họ cử một thanh tra đến chỗ chúng tôi. Cả cha lẫn mẹ tôi đều rất bức dọc với việc làm của cậu "phóng viên", người mà họ vẫn yêu quý. Bản thân cậu cũng không thích thú gì với sáng kiến này. Sự việc cũng không đem lại hậu quả đáng tiếc: ông thanh tra xác định nguyên do của căn bệnh là vì chế độ ăn uống thiếu mỡ, phổ biến trong gần hết miền này, bởi ở đâu người ta cũng nuôi công nhân như vậy, có nơi còn tệ hơn.

Trong nhà xưởng, nhà người ở, nhà bếp, sân sau, thế giới mở rộng ra trước mắt tôi và khác so với trong gia đình. Cuốn phim cuộc sống không bao giờ hết mà tôi mới chỉ ở những khúc đầu. Khi tôi còn bé, sự có mặt của tôi không làm phiền ai. Họ tha hồ mở miệng, không bị ai cản trở, nhất là khi vắng mặt Ivan Vaxiliêvích hoặc anh thư ký, những người dù sao cũng tham gia ít nhiều vào ban điều khiển. Bên ánh lửa của lò rèn hoặc bếp nấu ăn, cha mẹ tôi, những người thân thích và bà con hàng xóm nhiều khi xuất hiện trước mắt tôi dưới một ánh sáng hoàn toàn mới. Rất nhiều điều trong những câu chuyện hồi đó vĩnh viễn đọng lại trong tôi và có thể trên nhiều phương diện, chúng đã đặt nền móng cho cái nhìn của tôi về xã hội hiện đại.

CHƯƠNG II NHỮNG NGƯỜI HÀNG XÓM TRƯỜNG HỌC ĐẦU TIÊN

Cách trang trại lanốpcă chừng một dặm, hoặc có thể gần hơn, là trang trại của dòng họ Dembốpxki. Cha tôi thuê một phần đất của họ và hai bên đã có quan hệ làm ăn với nhau trong nhiều năm. Chủ trang trại là Phêôđôxia Antônốpcă, một nữ địa chủ già người Ba Lan, một thời làm quản gia. Sau cái chết của ông chồng thứ nhất giàu có, bà lấy Cadimia Antônôvích [Casimir Antonovitch], anh quản lý trang trại kém bà chừng hai mươi tuổi. Nhưng đã từ lâu Phêôđôxia Antônốpcă không sống cùng người chồng thứ hai này và anh ta vẫn tiếp tục quản lý trang trại. Cadimia Antônôvích là một người Ba Lan cao lớn, có bộ ria mép dày, vui tính và ồn ào. Ông ta thường đến uống trà với chúng tôi bên chiếc bàn hình bầu dục lớn và kể hai, ba lần những chuyện rỗng tuếch, lặp đi lặp lại một số từ và búng ngón tay đom độp.

Cadimia Antônôvích có một bọ ong tuyệt vời, đặt xa các chuồng ngựa, chuồng gia súc vì loài ong không chịu được mùi ngựa. Những chú ong hút nhụy hoa từ những cây ăn quả, cây keo trắng, cây cải dầu, cây lúa mạch đen; tóm lại chúng có chỗ để bay nhảy. Thỉnh thoảng, Cadimia Antônôvích tự tay đem đến cho chúng tôi một tấm ong trong lớp mật vàng trong suốt được ép giữa hai cái đĩa và phủ lên trên bởi một lớp khăn mặt.

Một lần Ivan Vaxiliêvích dẫn tôi đến nhà Cadimia Antônôvích để xin bồ câu giống về nuôi. Cadimia Antônôvích mời trà chúng tôi trong một gian ở góc căn nhà lớn trống trải. Có bơ, pho mát tươi và mật trên những chiếc đĩa lớn miệng loe mùi hôi hám. Tôi uống trà trong tách và lắng nghe câu chuyện chậm chậm.

- Mình không quá chặm chân đấy chứ? - tôi hỏi nhỏ Ivan Vaxiliêvích.

- Khoan, chờ chút nào! Cadimia Antônôvích đáp. - Phải có thời giờ để lũ bồ câu yên vị dưới mái nhà đã. Chúng nó có bạt ngàn ở đó.

Tôi thấy sốt ruột quá. Cuối cùng, chúng tôi cầm đèn và trèo lên gác xép một nhà kho.

- A! Giờ thì hãy cẩn thận đấy! - Cadimia Antônôvích nói với tôi.

Gác xép dài và tối tăm bị các xà gỗ cắt ngang dọc. Mùi chuột, bụi bặm, mạng nhện và mùi cứt chim bốc lên. Chúng tôi tắt đèn đi.

- Chúng ở đây này, bắt đi! - Cadimia Antônôvích nói thì thầm.

Vừa dứt lời, một cái gì không thể tả nổi diễn ra. Trong bóng tối như mực, điệu múa của lũ quỷ địa

ngục bắt đầu: tầng gác xép bồng bềnh xoay vần như một cơn gió lốc. Trong một giây phút, tôi tưởng như cả thế giới sụp đổ và thế là kết thúc tất cả. Tôi chỉ hồi lại dần dần khi nghe những

giọng nói căng thẳng: "Thêm một con nữa, vào đây, vào đây, nhét vào túi này, thế". Ivan Vaxiliêvích xách túi và trên suốt đường về, tất cả những gì xảy ra ở căn gác xếp lại tiếp diễn trên lưng anh.

Chúng tôi d ựng một chuồng nuôi bồ câu dưới mái nhà xưởng. Cứ mỗi ngày tôi lại treo thang hàng chục lần để đem nước, hạt kê, hạt mì và vụn bánh mì cho lũ chim. Một tuần lễ sau, hai quả trứng con xuất hiện trong một tổ. Nhưng chưa kịp vui vì phát hiện mới mẻ ấy, lũ bồ câu đã bắt đầu bay về nơi ở cũ, con nọ nối tiếp con kia. Chúng tôi chỉ còn lại ba đôi, những con đã bị chặt đầu cánh, nhưng một tuần sau khi lông cánh mọc lại chúng cũng lìa bỏ chiếc chuồng bồ câu được trang trí tuyệt vời có cấu trúc theo hệ thống hành lang. Thử nghiệm nuôi bồ câu của chúng tôi kết thúc ở đó.

Gần Êlidavétgorát, cha tôi thuê đất của bà T-xcaia. Bà là một địa chủ góa chồng, trạc bốn mươi tuổi và rất có tính cách. Một ông cha cố cũng góa bụa luôn luôn quần quanh bên bà. Ông ta thích âm nhạc, chơi bài và nhiều thứ khác nữa. Bà T-xcaia cùng ông cha cố góa vợ đến Ianốpca xem xét lại các điều kiện thuê đất. Chúng tôi dành cho họ phòng khách và buồng bên cạnh. Họ được mời ăn món gà rán bơ, rượu anh đào và món bánh varêniki [varéniki] nhân anh đào chua. Sau bữa trưa, tôi ở lại trong phòng và thấy ông cha cố ngồi sát bà T-xcaia và thì thầm vào tai bà một chuyện gì đó, hẳn là rất ngộ nghĩnh. Ông ta lật tà áo thầy tu của mình lên, rút hộp thuốc lá mạ bạc có khắc chữ khỏi túi quần kẻ sọc rồi châm một điếu và nhả ra những vòng khói thật khéo; trong khi bà T-xcaia vắng mặt, ông kể rằng bà ta chỉ ưa xem những mẫu đối thoại trong các tiểu thuyết. Mọi người mỉm cười lịch sự nhưng tránh không phát biểu ý kiến vì biết rằng ông cha cố sẽ kể hết lại cho bà khách và còn chêm thêm phần của mình vào nữa.

Cha tôi đã thuê đất của bà T-xcaia cùng với Cadimia Antônôvích. Hồi đó ông này đã góa vợ và thay đổi trong phút chốc: những sợi bạc trong bộ râu ông biến mất, thay vào đó ông đeo một cổ áo hồ cứng, một cà vạt có ghim và trong túi có ảnh một bà khác. Cũng như tất cả mọi người, đôi lúc Cadimia Antônôvích cũng chế diễu bác Grigôri, nhưng bác lại thổ lộ hết mọi nỗi niềm tâm sự với cậu và còn cho cậu xem một bức ảnh rút ra từ phong bì.

- Nhìn này - Cadimia nói v ới bác Grigôri, lúc ấy đương mê mẩn -, tôi nói với cô ấy: "Thưa bà, đôi môi của bà được sinh ra để hôn".

Sau đó, Cadimia Antônôvích cưới người đàn bà ấy nhưng sau lễ thành hôn một năm hay năm rưỡi gì đó, ông chết bất ngờ: trong trang trại của bà T-xcaia, một con bò tót dùng cặp sừng húc chết ông...

Cách nhà tôi chừng tám dặm là đại điền trang vài ngàn mẫu đất của anh em Ph-der. Nhà của họ giống như một lâu đài, nội thất sang trọng, có phòng khách, phòng chơi bi-a và nhiều thứ khác. Hai anh em Ph-der, Lép [Lev] và Ivan thừa hưởng tất cả từ cha họ, ông Chimôphây [Timofei],

và ăn dần dần vào đó. Trang trại được giao cho một người quản lý nhưng rồi ngày càng thất thoát.

- Chớ có nhầm nhé, nhà Đavít Lêônchêvích [David Leóntievitch] vách đất nhưng ông ấy giàu hơn tôi đấy. - Đôi khi người anh cả Ph-der nói về cha tôi như thế và khi nghe điều này, ông cụ hài lòng ra mặt.

Một lần, người em Ivan cưỡi ngựa qua lanốpcá cùng hai thợ săn súng chéo vắt vai và một bầy chó săn trắng. Chưa bao giờ vùng lanốpcá thấy cảnh tượng như thế.

- Chẳng bao lâu họ sẽ bắn sạch đi cả gia sản đó - cha tôi nói vọng theo, vẻ không hài lòng.

Số phận những gia đình địa chủ vùng Khécxôn ấy đã được định đoạt từ trước. Họ trải qua một quá trình tiến hóa vô cùng nhanh chóng và càng ngày, tiến trình ấy càng theo hướng bại sản, mặc dù ở đây có khá nhiều loại người: quý tộc lâu đời, viên chức được khen thưởng do cống hiến, rồi cả dân Ba Lan, Đức và Do Thái đã mua được đất từ trước năm 1881. Trong số những sáng lập viên các vương triều tại thảo nguyên này, có nhiều người lỗi lạc trong chủng loại của họ: đó là những kẻ thành đạt và có bản chất tham tàn. Thật ra tôi chẳng biết cụ thể một ai trong số họ, vào đầu thập kỷ tám mươi họ đã qua đời cả. Trong số đó, nhiều người khởi đầu với một đồng xu lẻ nhưng với những nước cờ táo bạo, những công cụ lăm khi phạm pháp, họ chiếm được những miếng khổng lồ. Thế hệ thứ hai đã lớn lên giữa các điều kiện sống quý tộc còn non trẻ: nói tiếng Pháp, chơi bi-a, sống bừa bãi, phóng túng. Khủng hoảng nông nghiệp những năm tám mươi do sự cạnh tranh bên kia bờ đại dương đã giáng một đòn không thương tiếc vào đám người này. Họ rụng như lũ ruồi mùa thu. Thế hệ thứ ba cho ra đời rất nhiều kẻ vô lại, vô dụng, mất cân bằng và sớm bại liệt.

Gia đình Ghécôpanốp là kết quả thuần túy nhất của giới quý tộc suy đồi. Một làng lớn và cả thị trấn mang tên họ: Ghécôpanốpxki [Gertopanovsky]. Ngày xưa cả vùng này thuộc sở hữu của gia đình họ. Đến giờ ông già của nhà này vẫn còn bốn trăm mẫu đất nhưng đều đã bị cầm cố một vài lượt. Cha tôi thuê mảnh đất ấy và tiền thuê được chuyển về ngân hàng. Chimôphây Ixaêvích [Timofei Issaévitch] sống bằng nghề viết thuê đơn từ, kiến nghị và thư từ cho nông dân. Khi đến chơi nhà chúng tôi, ông ta thủ thuốc lá và đường trong ống tay áo. Vợ ông cũng làm như thế. Sùi bọt mép, bà ta kể về thời niên thiếu, về những chị nông nô, những cây đàn dương cầm, hàng tơ lụa và đồ nước hoa. Hai đứa con trai của họ hầu như mù chữ. Thằng em Víchto học nghề trong xưởng chúng tôi.

Cách lanốpcá năm, sáu dặm có một gia đình địa chủ Do Thái: dòng họ M-xki. Đây là một gia đình lỗ lã, loạn óc. Ông già Môixây Kharitônôvích chừng sáu mươi tuổi, nổi bật với nền giáo dục quý phái: ông nói thạo tiếng Pháp, biết chơi dương cầm và hiểu chút ít về văn học. Tay trái ông kém, nhưng bàn tay phải, theo ông, có thể dùng để biểu diễn đàn. Ông bỏ những móng tay

thiếu chăm sóc lên bàn phím chiếc clavier cũ như thể nó là một chiếc sinh. Bắt đầu với một bản *Pôlônêđơ* [Polonaise] của Ôghinxki [Oguinsky], ông đảo sang một khúc *Ráp-xô-đi* [Rapsodie] của Lít-x-tơ [Liszt] lúc nào không biết, rồi lại tức khắc chuyển qua *Kinh cầu nữ đồng trinh*. Khi nói chuyện ông cũng hay nháy cóc như thế. Đột nhiên ông ngừng đàn, lại gần chiếc gương và nếu không có ai quanh đó, ông lấy điều thuốc đang cháy dụi vào bộ râu để sửa sang chúng. Ông hút liên miên đến ngạt thở và dường như có vẻ chán chường. Đã mười lăm năm nay ông không nói một lời với vợ, một bà già nặng nề.

Đavít, cậu con trai ba mươi lăm tuổi của ông luôn xuất hiện với một mảnh vải trắng băng trên mặt và con mắt đỏ hoe, nhấp nháy trên mảnh băng. Đã một lần suýt nữa anh ta tự tử. Khi đang ở trong quân ngũ, anh ta trót nói một câu tục tằn gì đó với viên sĩ quan. Ông này đánh anh, Đavít giáng trả một cái tát rồi chạy về trại lính và toan dùng súng tự sát. Viên đạn xuyên qua má, vì thế anh phải đeo vĩnh viễn cái băng trắng. Lẽ ra anh ta đã bị trừng phạt nặng nề. Nhưng vào thời đó, ông già Kharitôn [Khariton], người thành lập ra dòng họ này vẫn còn sống. Đó là một người giàu có, chuyên chế, tham bạo và ít học. Ông làm náo động cả tỉnh, cuối cùng cháu ông được coi là kẻ không làm chủ bản thân. Cũng có thể điều này không xa sự thực là bao. Từ dạo đó, Đavít sống với cái má bị thủng và có dấu hiệu bị điên.

Sự sa sút của dòng họ M-xki vẫn tiếp diễn vào thời thơ ấu của tôi. Trong những năm đầu đời, Môixây Kharitônôvích còn đến thăm gia đình tôi trên một cỗ xe bốn bánh với những chú ngựa tuyệt đẹp. Còn rất bé (khoảng bốn năm tuổi), tôi đến nhà họ M-xki với anh cả tôi. Họ có một vườn lớn, luôn được chăm sóc cẩn thận, cả lũ công cũng dạo chơi ở đó. Lần đầu tiên tôi được thấy những con vật kỳ lạ ấy, một cái vương miện nhỏ trên cái đầu ngọ nghĩnh, những mảnh gương bé nhỏ, kỳ diệu trên cái đuôi huy hoàng và những móng đeo ở chân.

Rồi những chú công biến mất và cùng với chúng, nhiều thứ khác nữa.

Hàng rào quanh vườn đổ sụp. Lũ gia súc dẫm nát bồn hoa và phá tan những cây ăn quả. Môixây Kharitônôvích đến lanôpca trên một chiếc xe thùng ngựa kéo như loại xe của nông dân. Con cái ông ta tìm cách khôi phục trang trại, không phải theo kiểu cách quý tộc mà theo kiểu nông dân.

- Chúng tôi sẽ mua một con nghê, cứ mỗi sáng chúng tôi cũng ra đồng như Brônsten vẫn làm - họ nói.

- Họ không làm nổi đâu - cha tôi nói.

Đavít được cử đi chợ phiên Êlídavétgôrát để mua "con nghê". Anh dạo khắp chợ, xem ngựa với con mắt một lính kỵ binh và cuối cùng cũng chọn được ba con. Mãi đến tối anh mới trở về làng. Nhà đầy khách khứa, họ mặc những bộ quần áo mỏng mùa hè. Abram xách đèn xuống bậc thềm để xem ngựa, theo sau anh là các bà, lũ học sinh và thiếu niên. Ngay lập tức, Đavít cảm

thấy như cá gặp nước, anh ta liền bắt đầu ca tụng lũ ngựa, nhất là một con theo ý anh "giống hệt một tiểu thư".

Abram gãi gãi chòm râu và nhắc đi nhắc lại:

- Ừ..., toàn ngựa tốt cả...

Buổi tối kết thúc bằng bữa tiệc và cuộc chơi bời ngoài vườn. Đavít tháo một chiếc giày của một bà khách dễ thương, rút đầy bia vào đó và đưa lên miệng.

- Anh định uống thật đấy à? bà khách kêu lên và đỏ mặt vì hoảng sợ hoặc kinh ngạc.

- Đến bắn súng vào người mình tôi còn chẳng sợ nữa là... người hùng đáp lại và tợp một hơi bia từ chiếc giày.

- Cậu đừng tự khoe chiến tích của mình thì hơn - mẹ anh đột nhiên lên tiếng, thường thường bà vẫn hay yên lặng. Đó là một phụ nữ cao lớn, người đã nhão. Bà phải gánh vác tất cả công việc của trang trại.

- Đây là lúa mì mùa thu à? - Abram M-xki hỏi cha tôi để tỏ ra là người thạo việc.

- Chà, tất nhiên chẳng phải mì mùa xuân rồi.

- Nhicôpônca [Nikopolka] phải không?

- Tôi đã nói với ông là mì thu mà ily.

- Tôi biết là mì thu, nhưng giống nào kia chứ? Nhicôpônca hay Ghiếcca [Ghirka]?

- Tôi chưa bao giờ nghe có giống Nhicôpônca vào mùa thu. Có thể ai đấy có, nhưng tôi thì không. Tôi chỉ có giống Xandômiếcca [Sandomirka] thôi.

Cố gắng của Abram không đạt được kết quả gì. Một năm sau mảnh đất ấy lại phải để cho cha tôi thuê.

Những người Đức nhập cư làm thành một nhóm riêng biệt. Trong số họ có những người giàu thực sự. Họ dẻo dai hơn những người khác, các phong tục gia đình của họ cũng cứng rắn hơn. Con trai rất ít khi được gửi ra thành phố, con gái thường làm việc đồng áng. Nhưng nhà cửa của họ được làm bằng gạch, lợp tôn sơn màu xanh lá cây hoặc màu đỏ; họ có những giống ngựa nòi, yên cương được chăm sóc kỹ càng; những chiếc xe có lò xo của họ cũng thường được gọi là xe thùng kiểu Đức.

Sống gần chúng tôi nhất là Ivan Ivanôvích Đônơ [Ivan Ivanovitch Dorn], một người đàn ông to béo nhưng nhanh nhẹn, chân trần đi giày cao cổ, má rúm nắng, râu ria lởm chởm và mái tóc đã bạc. Ông ta lúc nào cũng đi một chiếc xe thùng đẹp, sơn lòe loẹt, được kéo bởi những con ngựa ô giống, đi đến đâu đất đá tung tóe đến đó. Những người như Đônơ khá đông. Nổi bật trong số họ là Phandơ-Phen [Folz-Fein], ông vua cừ, Kannichtverstan của thảo nguyên.

Những đàn cừ vô tận đi qua.

- Lũ cừ này của ai?- Của Phandơ-Phen.

Những người nông dân đánh xe đi qua, họ chở cỏ khô, rơm trấu.

- Chở cho ai vậy? - Cho Phandơ-Phen.

Một chiếc xe sơn trang trí chở đầy những tấm da thú chồng chất thành hình kim tự tháp do ba chú ngựa phi nước kiệu chạy vụt qua. Viên quản lý của Phandơ-Phen ngồi ở chân của kim tự tháp đó. Hoặc đột nhiên một đàn lạc đà chạy hùng hục với vẻ bề ngoài đáng sợ. Phandơ-Phen là người duy nhất nuôi lạc đà. Ông ta có lũ ngựa đực giống châu Mỹ và bò tót Thụy Sĩ.

Tổ tiên của dòng họ này lúc đó mới chỉ là Phandơ, chưa có Phen, là *Schafmeister* của quận công Ôndenbua [Oldenbourg], ông này nhận được của quốc khố một khoản tiền lớn để nuôi cừu Mêrinốt. Ông quận công nợ chừng một triệu rúp và không hoàn thành nhiệm vụ của mình. Phandơ mua lại cơ ngơi và cai quản nó không theo cách của một quận công mà như một *Schafmeister*. Các đàn cừu của ông ta được nhân lên nhanh chóng, đồng thời các bãi cỏ trang trại cũng được mở rộng. Con gái ông ta lấy Phen, một người chăn nuôi cừu. Như thế là hai triều đại nuôi cừu hợp lại với nhau. Cái tên Phandơ-Phen vang lên như tiếng ầm ầm của hàng vạn con cừu, tiếng be be, tiếng kêu và tiếng còi của những kẻ chăn cừu trên thảo nguyên với gậy đeo trên lưng, tiếng sữa của vô số chó chăn cừu. Ngay cả thảo nguyên cũng thở ra cái tên ấy trong những ngày tột đỉnh nóng bỏng hay băng giá.

Tôi đã để lại phía sau năm năm đầu tiên của đời mình. Kinh nghiệm của tôi được nhân lên. Cuộc sống vô cùng sáng tạo và chăm chỉ thực hiện những phối hợp tại một vùng nông thôn nhỏ, hẻo lánh cũng như trên vũ đài thế giới. Các sự kiện cứ lần lượt tràn đến với tôi, việc này nối tiếp việc kia.

Mọi người đưa từ cánh đồng về một nữ công nhân bị rắn lục cắn, cô gái khóc lóc than thở. Người ta thắt chặt phần chân bị sưng tấy phía trên đầu gối của cô và dầm vào một cái thùng nhỏ đựng sữa chua. Rồi cô được đưa đến bệnh viện ở Bôbrinhét. Sau khi trở lại làm việc, cô khập khiễng trên cái chân bị thương trong chiếc tất bẩn và rách rưới và các công nhân gọi cô là "tiểu thư".

Một con lợn giống đọt vào trán, vào vai, vào tay người cho nó ăn. Đó là một chú lợn khổng lồ được mua về để tái tạo đàn lợn. Anh chàng bị cắn hoảng sợ khóc sứt sứt như một đứa trẻ. Người ta cũng đưa anh ta đi bệnh viện.

Hai công nhân trẻ đứng ném đĩa vào người nhau trên những xe chở đầy lúa. Tôi nhìn chăm chăm vào cảnh tượng đó. Một cái đĩa đâm vào hông một trong hai người, anh ta ngã lăn xuống và gào lên.

Tất cả những chuyện này xảy ra trong vòng một mùa hè. Mà mùa hè năm nào cũng đầy những sự kiện như thế.

Trong một đêm mùa thu, toàn bộ mái gỗ nhà cối xay bị hất xuống suối. Cọc nhà đã một từ lâu

và dưới sức gió bão, các vách gỗ rung chuyển như những cánh buồm. Chiếc máy hơi nước, các bánh xe vận hành và bộ phận nghiền phơi trần ra trong đồng đồ nát. Giữa những tấm ván, lũ chuột khổng lồ nhảy đại ra giẫm đè cả lên nhau.

Có phần lén lút, tôi theo người xách nước ra đồng săn chuột. Phải rót nước cẩn thận vào hang chuột, không nhanh quá nhưng cũng không chậm quá. Chúng tôi cầm gậy trong tay và chờ đợi cho đến lúc một mồm chuột nhỏ xuất hiện ở miệng lỗ với bộ lông ẩm ướt dính bẹp xuống đất. Một con chuột đồng già có thể cầm cự được lâu, nó căng đuôi rút nút cái lỗ, nhưng xô nước thứ hai khiến nó phải đầu hàng và lao vào cái chết. Phải chặt chân con chuột chết và căng lên một sợi dây: Hội đồng Quản trị địa phương trả một cô-pếch cho mỗi con chuột bị giết. Trước đó chỉ cần đưa ra cái đuôi là đủ, nhưng nhiều tay tinh quái có thể làm hàng tá đuôi từ lớp da chuột nên Hội đồng Quản trị quyết định cứ phải trình cái chân. Tôi trở về nhà, người ướt đầm dĩa và lấm bùn đến tận cổ. Gia đình không tán thành những chuyến đi như thế, người ta thích hơn nếu tôi ngồi trên đi-văng và vẽ chàng Ođíp [Oedipe] mù bên nàng Antigôn [Antigone].

Một lần tôi đi về nhà với mẹ tôi bằng xe trượt tuyết từ thành phố gần nhất là Bôbrinhét. Bị tuyết làm mờ mắt, chiếc xe đu đưa trong cuộc hành trình khiến tôi ngủ gà ngủ gật. Đến một khúc ngoặt xe đổ kênh và tôi ngã sấp mặt xuống đất, bị vùi dưới cái chăn và cỏ khô. Tôi nghe tiếng gọi lo lắng của mẹ nhưng không lên tiếng trả lời được. Người đánh xe mới đến làm việc ở gia đình tôi là một gã trẻ trung, cao ráo và tóc đỏ hung, anh ta nâng cái chăn lên và phát hiện ra chỗ "trú ẩn" của tôi. Chúng tôi lại yên vị trên chiếc xe trượt và tiếp tục đi. Nhưng khi ấy tôi bắt đầu phàn nàn về chuyện mình nổi gai ốc vì lạnh. Gã đánh xe trẻ có bộ râu hung đỏ quay lại hỏi, để lộ ra hàm răng trắng, khỏe:

- Nổi gai ốc à?

Tôi nhìn miệng anh ta và nói:

- Vâng, chú biết đấy, cứ như là có kiến bò...

Anh đánh xe bật cười:

- Không sao cả - anh nói -, chúng ta sắp về đến nhà rồi!

Và anh ta quất con ngựa màu cà phê sữa.

Đêm hôm sau, cũng người đánh xe ấy biến mất cùng chú ngựa. Trang trại được báo động. Một đội kỵ binh chuẩn bị sẵn lòng, anh cả tôi dẫn đầu. Anh đóng yên cương cho con ngựa Mút-xơ [Mutz] và thề sẽ trừng trị nghiêm khắc tên ăn trộm kia.

- Trước hết hãy tóm cổ nó đã - cha tôi nói giọng rầu rĩ.

Sau hai ngày đêm, đoàn "kỵ sĩ" trở về. Anh tôi phàn nàn sương mù đã ngăn anh đuổi kịp thằng trộm ngựa. Thế ra anh chàng đẹp trai vui tính ấy lại là tên ăn trộm ngựa? Hắn có hàm răng trắng đẹp thế kia mà?

Bị cơn sốt hành hạ, tôi vật vã. Tay, chân và đầu khiến tôi vương vীu, chúng sưng lên như chạm vào tường, vào trần nhà; tôi không thoát khỏi nỗi đau đớn vì chúng đến từ bên trong. Họng tôi đau và người tôi nóng bỏng. Mẹ rồi cha tôi nhìn vào họng, họ liếc nhau lo lắng và quyết định đặt viên đá xanh lên chỗ đau.

- Tôi sợ nó bị bạch hầu - mẹ tôi nói.

- Nếu Liôva bị bạch hầu thì nó đã "trương lên" từ lâu rồi - Ivan Vaxiliêvích đáp.

Tôi đoán mơ hồ "trương lên" tức là chết như em gái Rôdôtroca [Rosotchka] của tôi. Nhưng tôi không tin điều đó có thể xảy ra với mình và bình thản nghe cuộc nói chuyện. Cuối cùng người ta quyết định đưa tôi đi Bôbrinhét. Mẹ tôi không hay theo những phong tục nhưng bà cũng không dám ra thành phố vào ngày thứ bảy. Ivan Vaxiliêvích đi cùng tôi ra thành phố.

Chúng tôi đến nhà chị Tachiana bé, trước là đày tớ của chúng tôi và bây giờ lấy chồng ở Bôbrinhét. Họ không có con, như thế không sợ bị lây lan. Bác sĩ Satunốpxki [Chatounovsky] khám họng tôi, đo nhiệt độ và theo thói quen của ông, ông tuyên bố chưa thể biết là bệnh gì. Chị chủ nhà Tanhia cho tôi một chai bia, bên trong có cả một nhà thờ bằng que và những tấm ván nhỏ. Tay và chân tôi đã hết khó chịu. Tôi trở nên khỏe hơn. Việc này xảy ra khi nào? Không lâu trước "công nguyên".

Chuyện ấy xảy ra như thế này. Chú Abram, một ông già ích kỷ, có thể đi qua trước mặt lũ trẻ con hàng tuần mà không nói với chúng một lời, một hôm trong lúc vui vẻ đã gọi tôi vào hỏi:

- Cháu nói ngay cho chú biết, thành thực vào; chúng ta đang ở năm nào? Không biết à? Năm 1885! Nhắc lại đi và nhớ lấy, sau này chú sẽ hỏi lại.

Như thế là sao? Tôi không hiểu được

- Đúng năm nay là năm 1885 - bà chị họ Ônga [Olga] dịu dàng của tôi nói -, và năm sau sẽ là 1886.

Tôi không tin vào điều đó. Nếu giả sử thời gian có một cái tên thì 1885 phải tồn tại vĩnh viễn, tức là rất, rất lâu, cũng như hòn đá lớn dùng làm bậc thềm ở cửa ra vào, như nhà cối xay và cuối cùng, như bản thân tôi chẳng hạn. Em gái chị Ônga, Bêchia [Betia] chẳng biết nên nghe ai. Cả ba chúng tôi đều cảm thấy bần khoản khi bước chân vào một lĩnh vực mới mẻ, dường như ta bất thành linh mở toang cánh cửa một căn phòng tranh tối tranh sáng, không có chút đồ đạc nào và trong đó tiếng vọng lại rất dài. Cuối cùng tôi phải chịu đầu hàng. Mọi người đều bảo chị Ônga có lý. Như vậy năm đầu tiên có đánh số mà tôi ý thức được là 1885. Nó đánh dấu sự kết thúc một khoảng thời gian không hình thù, giai đoạn tiền sử của đời tôi, của một thế giới hỗn mang: niên đại đời tôi được tính từ điểm thắt nút đó. Lúc ấy tôi lên sáu. Đối với nước Nga, đó là một năm mất mùa, khủng hoảng và diễn ra sự náo động lớn đầu tiên trong giới thợ thuyền. Nhưng với tôi, tôi chỉ ngạc nhiên khi được biết mỗi năm lại có một cái tên không thể nắm bắt

nổi. Tôi băn khoăn cố tìm ra mối quan hệ huyền bí giữa thời gian và những con số. Rồi năm tháng cứ nối tiếp nhau, ban đầu chậm chạp sau nhanh dần lên. Nhưng trong một thời gian dài, 1885 vẫn nổi bật lên như một năm "chị cả", năm gốc. Nó đã mở đầu "kỷ nguyên" của tôi. Một lần sự cố như sau xảy ra: trước bậc thềm, tôi ngồi lên thùng xe, nắm dây cương và đợi cha tôi. Lũ ngựa non liền cuốn tôi đi vượt quá nhà, vừa lúa, vườn rau, chúng ra khỏi đường, chạy xuyên cánh đồng đi về phía trang trại của Đembốpxki. Sau lưng tôi nhiều tiếng kêu vọng tới. Trước mặt chúng tôi là một cái hào. Lũ ngựa chạy như điên. Chỉ khi đến ngay trước cái hào chúng mới bất thành linh quay ngang làm cho xe gần đổ và dừng lại. Người đánh xe chạy sau chúng tôi, sau anh là hai ba người công nhân, xa hơn nữa có cha tôi và cuối cùng là mẹ tôi đang kêu gào và chị tôi vò tay về thất vọng. Khi tôi chạy lại chỗ mẹ tôi, bà vẫn còn kêu gào. Tôi không giấu được rằng cha tôi đã cho tôi hai cái bạt tai và ông thì nhợt nhạt như người sắp chết. Tôi cũng không mếch lòng vì sự việc đã xảy ra thật lạ lùng.

Có lẽ cũng vào năm đó tôi cùng cha đi Êlídavétgorát. Chúng tôi xuất hành từ rạng sáng và không vội vã. Ở Bôbrinhét người ta cho ngựa ăn; chiều tối chúng tôi đến Vosivaia [Vchivaia], theo phép lịch sự chúng tôi gọi chệch là Sovivaia [Chvivaia]; chúng tôi đợi ở đó đến rạng đông bởi vùng ngoại vi thành phố luôn có bọn cướp hoành hành.

Không một thủ đô nào trên thế giới - kể cả Pari lẫn Niu Oóc - lại gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ như Êlídavétgorát, thành phố với những vỉa hè, những mái nhà màu xanh lá cây, những ban công, những cửa hiệu, những viên cảnh sát và những khối cầu đỏ treo trên các sợi dây mỏng tại cửa ra vào các quầy hàng. Trong vài tiếng đồng hồ, tôi mở to mắt ngắm nhìn trực diện bộ mặt của nền văn minh.

Sau "công nguyên" một năm, tôi bắt đầu đi học. Một buổi sáng sau khi đã ngủ kỹ và tắm rửa qua loa (ở Ianốpcá bao giờ người ta cũng tắm rửa vội vã), thưởng thức một ngày mới - trước hết là trà pha sữa và bánh mì bơ - tôi bước vào phòng ăn. Mẹ tôi ngồi trong đó với một người lạ mặt, thân hình mảnh khảnh, nụ cười nhợt nhạt và có vẻ khúm núm. Cả mẹ tôi lẫn người lạ mặt đều nhìn tôi khiến tôi thấy rõ họ đang nói chuyện về mình. Mẹ tôi gọi tôi:

- Liôva, chào thầy đi con. Đây là thầy giáo của con.

Tôi nhìn thầy vẻ lo lắng nhưng không phải là không có chút tò mò. Thầy chào tôi với vẻ khá ái mà các thầy đều có trước đứa học sinh tương lai khi có sự hiện diện của bố mẹ nó.

Trước mặt tôi, mẹ chuyển câu chuyện sang phần công xá: với chùng ấy rúp và chùng ấy pút bột mì, thầy sẽ nhận dạy tôi môn tiếng Nga, số học và *Kinh Thánh* bằng tiếng Do Thái cổ trong lớp học của thầy nơi quần cư. Khối lượng các kiến thức khoa học chỉ được xác định một cách khá mơ hồ vì mẹ tôi cũng chẳng biết được bao nhiêu về chúng. Trong chén trà sữa tôi đã cảm thấy mùi vị của sự biến đổi sắp xảy ra trong đời.

Chủ nhật sau, cha tôi dẫn tôi đến khu quần cư và cho tôi trọ tại nhà dì Rakhen [Rakhel]. Trên chuyến xe ấy, chúng tôi cũng chở đến cho dì bột mì và đại mạch, vùng kê và mọi thứ thực phẩm khác.

Grômôcôlây và Ianốpca cách nhau bốn dặm. Khu quần cư nằm hai bên sườn một thung lũng. Những người Do Thái ở một bên, còn người Đức ở bên kia. Hai bộ phận này rất khác biệt nhau. Trong khu người Đức, nhà cửa được chăm sóc tỉ mỉ, mái ngói hoặc mái lợp lau sậy; họ có những chú ngựa to khỏe, những chị bò cái lông láng bóng. Bên phía người Do Thái là những nhà gỗ nhỏ bé, đổ nát, mái sứt mẻ và đàn gia súc khốn khổ.

Có vẻ kỳ lạ là ngôi trường đầu tiên để lại cho tôi quá ít kỷ niệm. Tám bảng đá đen, trên đó tôi viết những chữ cái đầu tiên của tiếng Nga; ngón tay trở gầy gò của thầy giáo tỳ xuống quản bút, buổi đọc đồng thanh *Kinh Thánh*; một thằng bé bị phạt vì tội ăn cắp - toàn những mẫu vụn mớ hồ, những vết mờ nhạt, không hình ảnh nào nổi bật trong số chúng. Có lẽ một ngoại lệ là hình ảnh vợ thầy giáo; một người đàn bà cao lớn, béo tốt, thỉnh thoảng lại can thiệp vào đời sống nhà trường một cách bất ngờ. Một hôm ngay trong giờ học, bà đến phàn nàn với chồng rằng thứ bột mới mua có mùi hôi; trong khi ông thầy giáo chìa cái mũi nhọn vào bàn tay chứa bột của bà, bà hất tất cả chỗ bột đó vào mặt ông và cho đó là trò đùa. Lũ con trai, con gái cười vang. Một mình thầy giáo đứng tiu nghỉu. Tôi thấy thương ông thầy đứng giữa lớp, mặt đầy bột. Tôi sống ở nhà dì Rakhen tốt bụng nhưng không chú ý mấy đến dì. Chú Abram ngụ trị tại căn nhà chính cùng cổng ra vào. Ông hoàn toàn không để ý đến các cháu trai, cháu gái. Tuy nhiên, có khi ông gọi tôi vào và thưởng cho một cái xương có cả tủy rồi nói:

- Cái xương này mười rúp chú cũng chẳng bán.

Ngôi nhà của chú gần như đầu khu quần cư. Phía đối diện là nhà của một người Do Thái cao, gầy và đen, bị coi là một tên trộm ngựa và bậc thầy của mọi việc mờ ám khác. Ông này có một đứa con gái và cô ta cũng bị nói xấu đủ điều. Cách nhà ấy không xa là nhà một người Do Thái trẻ, có râu cằm màu hung vàng rực. Anh làm nghề máy mũ lưỡi trai. Vợ anh ta có lần đi tìm gặp ông thanh tra chính phủ khi ông này đi kinh lý và đến nhà chú Abram. Chị phàn nàn về việc con gái tên trộm ngựa đã quyến rũ chồng chị. Ông thanh tra có vẻ không giúp được chị mấy. Một hôm khi đi học về, tôi thấy một đám đông la hò, khạc nhổ, lôi kéo trên đường phố một cô gái trẻ, đó là con gái tên trộm ngựa. Cái cảnh như trong *Kinh Thánh* ấy mãi mãi đọng lại trong tâm trí tôi. Vài năm sau, chú Abram lại lấy chính người phụ nữ ấy làm vợ. Hồi đó theo lời kể của những người trong chung cư, cha cô ta đã bị đày đi Xibêri như một phần tử bất hảo.

Masa [Macha], chị vú nuôi xưa kia của tôi hiện là người hầu gái ở nhà chú Abram. Tôi hay chạy đến tìm chị ở nhà bếp. Đối với tôi, chị là hiện thân của những mối quan hệ với Ianốpca. Nhưng chị còn những người khách khác, đôi khi họ rất nôn nóng, lúc ấy họ nhẹ nhàng đẩy tôi ra. Vào

một buổi sáng đẹp trời, cùng với tất cả bọn trẻ con ở trong nhà, tôi được biết Masa đã sinh ra một đứa bé. Với vẻ hồi hộp đầy thích thú, chúng tôi thì thầm về chuyện đó trong các góc nhà. Vài ngày sau mẹ tôi từ Ianốpca đến và bà xuống bếp thăm Masa cùng đứa bé. Tôi cũng lon ton theo sau mẹ. Masa đứng trong phòng, trùm một chiếc khăn lên mắt và một đứa bé nhỏ nhoi nằm nghiêng trên chiếc đi-văng rộng. Mẹ tôi nhìn Masa rồi đứa bé. Bà im lặng và lắc cái đầu, vẻ chê trách. Masa lặng lẽ nhìn chăm chăm xuống sàn rồi ngược lên ngắm đứa bé và nói:

- Bà thấy không, nó gối đầu lên cánh tay nhỏ như là người lớn ấy.

- Thế chị không tiếc là nó bỏ đi rồi à? - mẹ tôi hỏi.

- Không, anh ấy quá cao sang đối với con - Masa trả lời, vẻ không thật lòng.

- Nói dối! Chị còn thương nó... - mẹ tôi hòa giải đáp lại.

Một tuần sau đứa trẻ chết trong những hoàn cảnh cũng kỳ bí như khi nó ra đời.

Tôi thường đi từ trường về làng và hầu như tất cả những lần ấy, tôi ở lại chơi một tuần hoặc hơn. Tôi không thân với một người bạn cùng học nào vì không tôi biết nói tiếng Do Thái kiểu Đông Âu. Việc học hành chỉ kéo dài vài tháng, hẳn vì thế mà tôi ít có kỷ niệm về trường. Tuy nhiên thầy Suphe [Schufer] ở Grômôcolây đã dạy tôi biết đọc và viết, tôi sử dụng lợi ích của hai môn này trong suốt cuộc đời về sau. Vì thế tôi nhớ đến người thầy đầu tiên với một lòng biết ơn.

Tôi bắt đầu đọc sách in. Tôi sao chép những bài thơ, bản thân tôi cũng làm thơ. Sau này tôi và người em họ Xênhia Gixki định ra một tạp chí. Nhưng con đường mới này đầy chông gai. Mới chỉ biết sơ qua về nghệ thuật viết lách, nó đã trở thành một sự cám dỗ nguy hiểm đối với tôi. Một lần khi còn lại một mình trong phòng ăn, tôi viết bằng chữ in những từ đặc biệt mà tôi đã nghe thấy trong nhà xưởng và nhà bếp, nhưng không được nói trong gia đình. Tôi biết làm như thế là không đúng nhưng những từ ấy lại quyến rũ tôi vì chúng bị cấm đoán. Tôi quyết định nhét mảnh giấy tai hại ấy vào một cái hộp diêm và tôi sẽ chôn sâu sau vựa lúa. Còn lâu mới hoàn thành được tác phẩm khi chị tôi bước vào phòng ăn và tò mò muốn xem tôi làm gì. Tôi giật tờ giấy khỏi bàn và nắm chặt. Mẹ tôi cũng bước vào ngay sau chị tôi. Họ đòi xem tờ giấy tôi viết. Xấu hổ quá tôi ném nó sau lưng chiếc đi-văng. Chị tôi muốn lấy nó ra nhưng tôi gào lên như điên: "Để em, để em tìm!" Tôi trườn xuống dưới đi-văng và xé tờ giấy ra từng mảnh nhỏ. Sự thất vọng và nước mắt của tôi thật vô bờ.

Vào lễ Giáng sinh, chắc chắn là năm 1886 vì khi đó tôi đã biết viết, trong giờ uống trà buổi tối, một đám người hóa trang tràn vào phòng ăn. Mọi việc bất ngờ đến nỗi tôi kinh hoàng ngã sấp xuống chiếc ghế dài tôi đang ngồi. Mọi người trấn an tôi và tôi thích thú lắng nghe câu chuyện về ông vua Míchsa [Mikcha]. Lần đầu tiên, một thế giới sân khấu kỳ ảo được mở ra trước mắt tôi. Tôi rất đổi ngạc nhiên khi biết người thủ vai chính là anh thợ Prôkhốp [Prokhov] của chúng

tôi, một người lính mới giải ngũ.

Ngày hôm sau, tôi cầm giấy và bút chì lên vào buồng người ở sau khi họ vừa ăn xong bữa trưa và tôi cầu khẩn "ông vua" Míchsa đọc lại cho tôi chép các đoạn độc thoại. Prôkhốp từ chối nhưng tôi bám vào người anh, tôi đòi, tôi xin và không cho anh một lối thoát nào. Cuối cùng chúng tôi ngồi bên cửa sổ và tựa vào thành cửa nham nhở, tôi bắt đầu ghi đoạn văn có vần của "vua" Míchsa. Chưa đầy năm phút, cha tôi nhìn ra cửa thấy cảnh tượng ấy, ông nghiêm khắc nói với tôi:

- Liôva, về phòng ngay, con!

Tôi khóc mãi đến tối, không ai dỗ được.

Tôi làm thơ, những dòng thơ thảm hại, có thể là chứa đựng sự say mê sớm phát triển đối với văn học, nhưng chắc chắn không hứa hẹn một tương lai thi sĩ. Chị tôi biết những bài thơ của tôi, mẹ tôi biết qua chị rồi cha tôi biết qua mẹ. Người ta bắt tôi đọc thơ trước mặt khách khứa. Tôi bị làm tình làm tội đến là khổ sở. Tôi từ chối. Mọi người tìm cách thuyết phục tôi, thoát đầu dễ dàng rồi sau đó có phần gay gắt, cuối cùng hăm dọa. Tôi cũng hay chạy trốn. Nhưng người lớn biết cách duy trì những dự định của họ. Tim đập loạn xạ, nước mắt lưng tròng, tôi đọc thơ, giữa chừng cảm thấy xấu hổ vì những câu vay mượn hoặc lạc vần.

Nhưng dầu sao đi nữa, tôi cũng đã nếm vào trái cây tri thức. Giờ này qua giờ khác, cuộc sống mở rộng trước mắt tôi. Trên chiếc đi-văng thủng ở phòng ăn, tôi đã bị những thế giới khác lôi cuốn. Việc đọc sách mở ra một giai đoạn mới trong đời tôi.

CHƯƠNG III GIA ĐÌNH VÀ HỌC ĐƯỜNG

Năm 1888 bắt đầu những sự kiện lớn trong đời tôi. Tôi được gửi đi học ở Ôđétxa. Sự việc diễn ra như sau: Mùa hè, một người cháu của mẹ tôi về làng, anh tên là Môixây Philíppôvích Spenxe [Moisei

Filippovitch Spenzer], một thanh niên hai mươi tám tuổi, thông minh và tốt bụng. Theo cách nói đương

thời, Spenxe cũng hơi "để cháy mình" và vì thế sau khi tốt nghiệp trung học, anh không được vào đại học.

Anh cũng làm báo và làm thống kê đôi chút. Spenxe về nông thôn để tránh bệnh lao. Môn-hia [Monia] - tên

gọi trong gia đình của anh - là niềm tự hào của mẹ và các chị em do những khả năng xuất sắc và tính tình

của anh. Sự quý trọng ấy lan sang cả gia đình tôi. Ai nấy đều vui mừng từ trước khi anh đến.

Cùng mọi

người, tôi cũng rất mong anh. Khi Mônhia bước vào phòng ăn, tôi đang còn đứng trên bậc thềm một phòng nhỏ ở góc - vẫn thường được gọi là "phòng bọn trẻ" -, không thể nhích lên một bước vì cả hai mũi giày cao cổ đều há miệng toang hoác. Không phải vì nghèo khổ - hồi đó chúng tôi đã rất khá giả rồi - nhưng ở nông thôn người ta không chú ý đến những điều ấy, ai nấy còn phải làm việc cật lực và mọi nhu cầu thì không lớn lắm.

- Chào cậu, chàng trai nhỏ - Môixây Philíppôvích nói. - Lại đây nào...

- Chào anh đưa bé trả lời nhưng không động đậy.

Giữa những tràng cười lúng túng, người ta kể cho khách biết sự thể và anh vui vẻ nhắc tôi qua ngưỡng cửa rồi ôm chặt vào mình, đưa tôi ra khỏi tình thế khó khăn.

Trong bữa trưa, Mônhia được tất cả mọi người chú ý: mẹ tôi tiếp anh những miếng ngon nhất, bà

hỏi anh ăn có vừa miệng không và gạn hỏi anh thích những món gì.

Buổi tối khi đàn bò về chuồng, Mônhia nói với tôi:

- Mình đi uống sữa tươi mới vắt đi, cầm lấy cốc... nhưng chú ý đừng cho tay vào trong cốc nhé, cầm bên ngoài thôi, chú bồ câu bé bỏng của tôi ạ.

Tôi học được ở Mônhia nhiều điều trước đó tôi chưa biết: phải cầm cốc thế nào, tắm rửa ra sao,

làm thế nào đọc cho đúng một số từ ngữ và tại sao sữa vừa vắt lại rất bổ cho phổi. Spenxe đi dạo, viết lách,

chơi ky; anh dạy tôi môn số học và tiếng Nga, chuẩn bị cho tôi vào lớp một. Tôi theo anh hào hứng nhưng

cũng đượm một nỗi băn khoăn: tôi cảm thấy ở anh mầm mống của một kỷ luật với những nhu cầu cao hơn.

Đó là khởi đầu của nền văn minh thành thị.

Mônhia rất thân mật đối với mọi bà con của anh ở nông thôn, anh hay nói đùa và hát bằng một giọng nam cao mềm mại. Nhưng cũng có những khoảng khắc anh sa sầm mặt, lặng lẽ và kín đáo ngồi vào

bữa trưa. Những khi ấy mọi người băn khoăn nhìn anh và gạn hỏi: anh làm sao thế, ốm à? Anh đáp ngắn

gọn và lẩn tránh. Cứ không rõ ràng như thế và phải đến cuối kỳ anh ở với chúng tôi, tôi mới

đoán ra
nguyên nhân của những cơn lạng lẽ này: Mônghia bị chấn động bởi sự thô lỗ hoặc bất công của
miền thôn dã.
Không phải chú hay dì của anh là những người chủ cay nghiệt, không, không có lý do nào để
khẳng định
như vậy - mối quan hệ với công nhân và nông dân ở đây cũng không tệ hơn các trang trại khác.
Nhưng
cũng chẳng khác hơn là bao. Nghĩa là người ta đối xử cứng rắn với họ. Một lần, anh thư ký dùng
chiếc roi da
dài quất vào một người chăn cừu vì anh này đã giữ bầy ngựa cho đến tối mịt bên bờ nước.
Mônghia tái mặt
và nghiêng rặng thì thầm:
- Đồ khốn kiếp!
Và tôi cảm thấy quả thực đó là điều khốn nạn. Không biết nếu không có Mônghia, tôi có cảm
thấy
như thế không? Tôi chắc là có. Nhưng rõ ràng anh đã giúp tôi thấy điều đó. Chỉ một việc này
cũng khiến
tôi biết ơn anh một đời.
Spence chuẩn bị cưới cô hiệu trưởng một trường nhà nước ở Ôđétxa dành cho các nữ sinh Do
Thái.
Ở Ianốpca không ai biết cô, nhưng ngay từ đầu, ai nấy đều cho rằng hẳn cô phải là người ưu tú:
vì là nữ
hiệu trưởng và vì là vợ tương lai của Mônghia. Người ta định vào mùa xuân sang năm sẽ đưa tôi
đến Ôđétxa,
tôi sẽ trọ tại gia đình Spence và vào trường trung học.
Người thợ may trong khu quần cư may vội vã cho tôi bộ trang phục, mọi người bỏ vào một cái
thùng to những lọ bơ, mứt và các thứ quà khác để biếu bà con ngoài thành phố. Phút giã từ kéo
dài, tôi
khóc to, mẹ tôi cùng các chị tôi cũng khóc và khi đó lần đầu tiên tôi cảm thấy Ianốpca và mọi
người ở đó
quý báu biết chừng nào đối với tôi. Cỗ xe ngựa chở chúng tôi vượt qua thảo nguyên đến nhà ga.
Tôi khóc
một mạch cho đến khúc rẽ ra đường lớn. Từ Nôvuri Bugor [Novy Boug], chúng tôi đáp tàu hỏa
tới

Nhicôlaiép và xuống tàu thủy ở đó. Tiếng còi tàu làm tôi thấy rờn rợn sau lưng, nó vang lên như báo hiệu một cuộc sống mới. Nhưng đây mới là sông Bugơ [Boug], biển cả vẫn còn ở trước mặt tôi. Rất nhiều, rất nhiều thứ khác nữa đang chờ đợi tôi. Bến cảng đây rồi, một người đánh xe, một phố nhỏ mang tên Pốcrốpxki [Pokrovosky] và một tòa nhà lớn cũ kỹ, ở đó có trường dành cho các nữ sinh với cô hiệu trưởng.

Người ta quan sát tôi từ mọi phía, hôn lên trán và lên má tôi: thoát đầu là một phụ nữ trẻ, rồi một bà già, mẹ cô. Như thường lệ, Môixây Philíppôvích vẫn bông đùa, anh hỏi tôi về lanốpcá, về tất cả những người sống ở đó mà chúng tôi biết và về cả những con bò cái. Nhưng lúc này, lũ bò cái là những con vật vô nghĩa đến mức tôi cảm thấy phát ngượng khi phải nhắc đến chúng giữa nhóm người thanh lịch như thế. Căn nhà không lớn. Người ta dành cho tôi một góc trong phòng ăn, được che chắn bởi một bức màn. Tôi đã ở đây trong bốn năm đầu của đời học trò.

Lập tức tôi tự khép mình hoàn toàn vào quyền lực của thứ kỷ luật hấp dẫn nhưng khắt khe của Môixây Philíppôvích mà tôi đã dự cảm từ hồi ở làng. Trật tự sống trong gia đình không đến nỗi nghiêm khắc, quy củ thì đúng hơn: chính vì thế trong thời gian đầu tôi thấy nó nghiêm ngặt. Tôi phải đi ngủ vào lúc chín giờ. Chỉ sau này khi học lên những lớp cao, người ta mới cho phép tôi ngủ muộn hơn. Dần dà tí một, từng bước người ta dạy tôi phải biết chào buổi sáng, phải rửa tay và các móng, không được đưa dao lên miệng, phải cảm ơn người phục vụ khi họ dọn thức ăn cho mình, không được đến chậm trễ và nói xấu ai sau lưng họ. Tôi được biết vài chục từ mà chúng tôi coi như không có vấn đề gì ở làng, không phải tiếng Nga chính gốc mà là tiếng Ucoraina bị nói sai lạc đi. Ngày này qua ngày khác, tôi tìm ra những mảnh mới của một môi trường văn minh hơn cái nơi tôi đã sống trong chín năm đầu của cuộc đời mình. Ngay cả kỷ

niệm về nhà xưởng cũng bắt đầu phai mờ, mất sức quyến rũ trước những cảm dỗ của văn học cổ điển và sân khấu. Tôi trở thành một tiểu thị dân. Nhưng đôi khi hình ảnh xóm làng chột sáng rực trong ý thức của tôi, hấp dẫn như một thiên đường bị đánh mất. Những lúc ấy tôi buồn bã đứng ngồi không yên, tôi lấy ngón tay viết những lời chúc tụng mẹ tôi lên kính cửa sổ hoặc vùi đầu vào gối mà khóc.

Cuộc sống ở gia đình Môixây Philíppôvích khá đậm bạc, tiền tài chỉ vừa đủ. Ông chủ nhà không có việc làm cố định. Anh dịch và chú giải những vở bi kịch Hy Lạp hoặc viết những mẩu chuyện cho trẻ em. Spenxe nghiên cứu kỹ Slôsse [Schlosser] và các sử gia khác để lập nên những niên biểu, cạnh đó anh giúp vợ quản lý nhà trường. Chỉ sau này anh mới thành lập một nhà xuất bản nhỏ, phát triển rất khó khăn trong những năm đầu nhưng sau đó thăng tiến rất nhanh. Mười, mười hai năm sau, Spenxe trở thành người xuất bản sách quan trọng nhất miền Nam nước Nga, anh có một nhà in lớn và là chủ nhân một cơ nghiệp.

Tôi sống sáu năm trong gia đình ấy, đúng vào thời kỳ đầu tiên của nhà xuất bản. Tôi làm quen với công việc sắp chữ, sửa bản in thử, lên trang, in ấn, gấp và đóng bìa. Việc sửa bản in thử là trò giải trí làm tôi thích thú. Tôi rất thích tờ giấy mới in xong, say mê ấy có từ những năm xa xôi thuở còn đi học. Như lệ thường trong các gia đình tư sản và nhất là tiểu tư sản, đội ngũ kẻ hầu người hạ đóng một vai trò không mấy nổi bật nhưng khá quan trọng trong đời tôi. Đasa [Dacha], cô hầu đầu tiên có một tình bạn đặc biệt bí mật với tôi: cô trao cho tôi những chuyện bí ẩn nhất của mình. Sau bữa trưa, khi mọi người đã đi nghỉ, tôi lên xuống nhà bếp. Ở đó Đasa nói đủ thứ chuyện linh tinh, không ra đầu, ra đũa về cuộc đời và mối tình đầu của cô.

Sau Đasa, gia đình lại có một cô hầu người Do Thái vùng Ghitômia [Jitomir] đã ly hôn với chồng.

"Anh ấy ác lắm, thật đáng kinh tởm" - cô phàn nàn với tôi.

Tôi bắt đầu dạy cô ta tập đọc. Mỗi ngày cô bỏ ra ít nhất nửa giờ trước bàn tôi, cố học hỏi bí quyết

của bảng chữ cái và quá trình sắp xếp chúng thành một từ.

Hồi đó, một đứa bé được sinh ra trong gia đình và nhà cần một chị vú nuôi. Sau đó, tôi viết thư hộ cho chị này. Cô than vãn và kêu ca trong thư gửi người chồng đã sang châu Mỹ. Theo yêu cầu của cô, tôi cố mô tả lời cô nói với những màu sắc ảm đạm nhất rồi thêm vào: "Riêng chỉ có đứa bé đang bú của chúng ta là một vì sao sáng trên bầu trời ảm đạm của đời em". Chị vú nuôi thích thú đến tuyệt đỉnh. Bản thân tôi

cũng khoái khi đọc bức thư, chỉ cảm thấy phiền phiền vì đoạn cuối lại có lời xin một ít đô-la.

Rồi chị vú nuôi lại đề nghị:

- Bây giờ cậu giúp cho một thư nữa.

- Cho ai? - tôi hỏi, sẵn sàng chuẩn bị cho tác phẩm.

- Cho người anh họ tôi - chị vú nuôi trả lời, nhưng trong giọng chị có gì không quả quyết lắm.

Lá thư này cũng nói về một đời sống ảm đạm, nhưng không hề dả động đến "một vì sao" nào cả,

và kết thúc rằng chị đồng ý đến thăm người nhận thư nếu anh ta muốn.

Cô vú nuôi vừa ra khỏi cửa thì cô hầu, học trò của tôi bước vào; chắc chắn cô đã nghe ngóng ở ngoài cửa.

- Chẳng phải là anh họ gì đâu - cô thì thầm vào tai tôi vẻ bất bình

- Thế thì là ai? - tôi hỏi.

- Một ai đó, thế thôi...- cô trả lời.

Và tôi có dịp trầm ngâm về sự rắc rối trong những mối quan hệ con người.

Tới bữa trưa, chị Phanni Xôlômônốpna [Fanny Solomonovna] nói với tôi kèm một nụ cười bí hiểm:

- Kìa thi sĩ, cậu không muốn ăn xúp nữa à?

- Sao? - tôi hoảng hốt hỏi.

- -, không sao! Cậu biên thư hộ chị vú nuôi, vậy cậu là thi sĩ rồi còn gì... Cậu viết thế nào nhỉ: "... một vì sao sáng trên bầu trời ảm đạm..."; đúng là một thi sĩ thực thụ rồi!

Và không kìm được nữa, chị phá lên cười.

Môixây Philíppôvích trấn an tôi:

- Cậu viết hay đấy. Nhưng cậu biết không, đừng viết hộ thư cho cô ấy nữa, để chị Phanni viết thì hơn.

Mặt rối rắm của cuộc sống mà mọi người không muốn nói ra trong gia đình cũng như trên học

đường, không vì thế mà không tồn tại; chúng còn khá mạnh và có mặt ở mọi nơi để thu hút sự chú ý của một chú bé lên mười. Người ta không cho chúng vào lớp học cũng như vào nhà qua cửa chính, nhưng chúng tự tìm thấy đường thông qua nhà bếp.

Người Do Thái được dành mười phần trăm trong các trường của nhà nước, chỉ số ấy được đặt ra năm 1887. Hầu như vô vọng nếu muốn được vào trường Trung học Cổ điển: phải có ô dù hoặc đút lót.

Trường Trung học Hiện đại khác với Trung học Cổ điển ở chỗ tại đó người ta không dạy những ngôn ngữ cổ điển, ngược lại chương trình toán học, vạn vật học và các ngôn ngữ hiện đại được mở rộng hơn. Chỉ số nói trên cũng được áp dụng cho các trường Trung học Hiện đại nhưng người ta thi vào đó ít hơn, thành thử các thí sinh có nhiều hi vọng được nhận hơn.

Thời ấy trên các báo và tạp chí, người ta tranh cãi hồi lâu về cách giáo dục cổ điển và hiện đại. Phái thủ cựu cho rằng giáo dục cổ điển truyền cho con người một thứ kỷ luật; nói đúng hơn họ hi vọng một công dân đã chịu đựng ê a tiếng Hy Lạp thời thơ ấu thì suốt đời cũng sẽ chịu đựng được thể chế Nga hoàng.

Ngược lại, những người có tư tưởng tự do - dù không phủ nhận chủ nghĩa cổ điển, anh em cùng vú nuôi với chủ nghĩa tự do vì cả hai cùng được sinh ra trong thời Phục hưng -, nhưng họ vẫn ủng hộ ngành học hiện đại. Vào thời kỳ tôi phải quyết định học loại nào, cuộc tranh luận này đã lắng xuống do một thông tư đặc biệt của chính phủ, cấm việc tranh cãi ngành học nào hơn ngành học nào.

Mùa thu, tôi thi vào năm thứ nhất trường Trung học Hiện đại Xanh Pôn [Saint Paul]. Kết quả cuộc thi ấy khá thường; tôi được điểm "3" môn tiếng Nga và điểm "4" môn số học. Điểm thi như thế không đủ bởi chỉ số nói trên đòi hỏi một sự chọn lọc rất chặt chẽ. Hệ thống thi cử còn nặng nề thêm vì nạn đút lót.

Người ta quyết định cho tôi vào lớp dự bị, đó là một lớp tự thực hoạt động phụ bên cạnh trường công. Từ lớp đó, người Do Thái được lên năm thứ nhất vẫn theo chỉ số nói trên, nhưng được ưu tiên so với sinh viên ngoại trú.

Trường Trung học Hiện đại Xanh Pôn do người Đức sáng lập. Nó thuộc về cộng đồng Tin Lành Luthơ [Luthe] và đáp ứng nhu cầu của nhiều kiều dân Đức sống ở Ôđétxa và khắp miền Nam. Mặc dù trường này được hưởng các "quyền lợi nhà nước" nhưng vì nó chỉ có sáu lớp, người ta buộc phải học năm thứ bảy trong một trường Trung học Hiện đại khác, nếu muốn vào trung cấp hay đại học. Có lẽ bằng cách đó, chính phủ hi vọng sẽ loại bỏ được những học sinh ưu tú nhất của dân tộc Đức vào năm cuối. Hơn nữa, ngay trong trường Xanh Pôn, bản thân thứ "tinh thần" Đức ấy càng mai một dần, năm này qua năm khác.

Học sinh người Đức chiếm không đầy một nửa sĩ số. Các thầy giáo người Đức bị loại bỏ thẳng thừng khỏi ban lãnh đạo trường.

Trong trường, những ngày đầu tiên đầy đau buồn, niềm vui chỉ đến vào sau đó. Tôi đi học với bộ đồng phục mới, đầu đội chiếc cát-két mới tinh buộc dải màu vàng, lại được tô điểm bằng một huy hiệu tuyệt vời: những chữ đầu tiên của tên trường cuộn vào nhau giữa hai cành cây, mỗi cành có ba lá. Tôi đeo trên lưng một cái cặp mới tinh đựng sách học, bìa đóng sáng loáng và mới nguyên cùng một hộp bút đẹp có chiếc bút chì gọt nhọn đầu, quản bút mới tinh và một cái tẩy. Hào hứng, tôi dạo khắp phố dài Útxpenxcaia [Ouspenskaia] với cả bộ đồ lộng lẫy ấy, lòng vui khi nghĩ rằng còn xa mới tới trường. Tôi tưởng tượng tất cả những người qua lại đều nhìn ngắm bộ đồ nghề tuyệt vời của tôi với vẻ khâm phục, thậm chí ghen tị. Vô cùng tự tin và tò mò, tôi nhìn chăm chăm vào mọi gương mặt đi ngược chiều. Nhưng hoàn toàn

bất ngờ,
một thằng bé cao gầy, khoảng mười ba tuổi - có lẽ từ một xưởng nào ra vì nó cầm một vật gì đó bằng tôn -
dừng lại cách tôi hai bước, ngửa đầu về phía sau khạc ầm ỉ và nhổ một bãi to vào vai áo choàng mới tinh
của tôi, rồi nó khinh bỉ nhìn tôi và tiếp tục đi chẳng nói chẳng rằng.
Điều gì khiến nó hành động như vậy? Ngày nay, tôi thấy rõ ràng: một chú bé bần cùng, áo rách như sơ mướp, đi đôi giày rách nát không tất, phải làm những việc bẩn thỉu cho chủ, trong khi đó các cậu
con ông chủ vênh vang, hãnh diện trong bộ đồng phục học sinh đẹp đẽ... và bằng hành động của mình, đứa
bé đã thể hiện sự phản kháng xã hội của nó. Nhưng trong giây phút đó tôi nào biết khái quát hóa. Tôi lau
chùi vai áo rất lâu bằng lá cây dẻ, không kìm nổi sự phật ý bất lực và đi hết chặng đường còn lại với tâm
trạng đen tối.
Đòn thứ hai chờ tôi ở sân trường.
- Thưa thầy Piốt Páplovích [Pierre Pavlovitch], lại có một thằng còi lóp dự bị cũng mặc đồng phục!
- bọn học sinh la lên.
Sao vậy? Nguyên là thế này: lớp dự bị được coi là lớp tư thực nên học sinh lớp này bị cấm ngặt không được mặc đồng phục. Ông giám thị Piốt Páplovích, một thầy có bộ râu đen giải thích cho tôi: phải
cắt huy hiệu trên mũ cát két, cắt phù hiệu trên cổ áo, cắt vòng trên thắt lưng và thay khuy áo có chạm
phượng hoàng bằng những khuy xương thường. Tai họa thứ hai đến với tôi như thế.
Hôm đó chúng tôi không phải học. Học sinh người Đức và những bọn còn lại cùng đến nhà thờ Tin Lành mà nhà trường được mang tên. Lập tức một thằng bé mập mạp che chở và bảo tôi
ngồi cạnh trên
một chiếc ghế băng trong nhà thờ, nó lưu ban và đang học lại lớp dự bị, thông thạo mọi nội quy, tập quán.
Lần đầu tiên tôi được nghe đại phong cầm (đàn ống) và âm thanh của nó làm hồn tôi rung động. Rồi xuất
hiện một người cao lớn, râu cạo nhẵn, áo ve trắng và tiếng nói của ông tràn khắp tòa nhà, tạo

nên một làn

sóng âm thanh chạy đuổi nhau. Ông nói bằng một ngôn ngữ tôi không hiểu khiến bài thuyết giáo dường bề

hơn gấp hàng chục lần

- Ai vậy? - tôi hỏi vẻ hồi hộp.

- Đích thân ông mục sư Binneman [Binnemann] thầy Cácxơn [Karlsohn] giảng giải -, ông ấy thông thái vô cùng, đó là người thông minh nhất ở Ôđétxa.

- Thế ông ấy nói gì?

- Cậu biết đấy, ông ấy nói tất cả những gì phải nói trong các dịp như thế này - lời giảng giải của Cácxơn không còn hào hứng như trước. - Ông nói chúng ta phải học giỏi, phải chăm chỉ và sống hòa thuận

với bạn bè...

Sau này tôi mới biết thằng bé có gò má cao sừng bái Binneman ấy là đứa đại lười nhác trong đám

học sinh, nó luôn gây gỗ và đánh nhau loạn xạ trong các giờ nghỉ.

Ngày thứ hai đã an ủi tôi. Tôi nổi lên ngay về môn số học và chép lại đúng các mẫu chữ trên bảng.

Thầy giáo Ruđencô [Rudenko] khen tôi trước lớp và cho tôi hai điểm "5" liền. Điều đó hòa giải tôi với các

khuy xương mà tôi mang trên áo. Trong các lớp dưới, đích thân thầy hiệu trưởng Khorítxchian Khorítxchianôvích Svanêbắc [Christian Christianovitch Schwane-bach] dạy tiếng Đức. Đó là một người ăn

mặc rất chải chuốt, sở dĩ trèo lên được địa vị cao như thế chỉ vì ông ta là con rể của Binneman.

Bắt đầu giờ

học, ông kiểm tra tay tất cả học trò và thấy tay tôi sạch. Sau đó vì tôi chép cẩn thận các từ tiếng Đức ở trên

bảng, thầy hiệu trưởng khen tôi và cho tôi một con "5". Như thế sau ngày học đầu tiên ấy, tôi về nhà với

trọng lượng nặng trĩu của ba điểm "5". Tôi giữ chúng trong cặp như một cửa quý, không đi mà chạy trên

phố nhỏ Pốcrốpxki với lòng khát khao được gia đình khen ngợi.

Tôi đã trở thành học sinh như thế. Tôi dậy sớm uống vội vàng chén trà buổi sáng, nhét vào túi áo

choàng bữa ăn trưa bọc trong mảnh giấy và vội vã chạy đến trường cho kịp giờ đọc kinh buổi

sáng. Không
bao giờ tôi chậm trễ. Tôi luôn ngồi ngoan ngoãn trên chiếc ghế dài. Tôi nghe giảng chăm chú
và chép cẩn
thận những thứ thầy viết trên bảng. Ở nhà tôi chăm chỉ chuẩn bị bài vở. Tôi luôn đi nằm đúng
giờ để ngày
hôm sau lại uống vội chén trà sáng, rồi lại chạy đến trường với nỗi lo chậm giờ đọc kinh buổi
sáng. Tôi lên
lớp đều đặn, lớp này tiếp nối lớp khác. Khi gặp một thầy giáo ngoài phố, tôi chào với một lòng
kính trọng
lớn nhất có thể có.

Trong số những người bên tôi có rất nhiều kẻ kỳ quặc, tỉ lệ này đặc biệt cao trong giới giáo
viên.

Ở trường Xanh Pôn, trình độ các thầy giáo cao hơn mức trung bình. Nhà trường có một tiếng
tốt và không
phải không có lý do: chế độ ở đây nghiêm ngặt, mọi đòi hỏi cũng cao; năm này qua năm khác,
dây cương
càng căng hơn. Nhất là sau khi ông hiệu trưởng Svanêbắc được ông Nhicôlai Antônôvích
Caminxki
[Nikolas Antonovitch Kaminsky] thay thế.

Ông này nếu xét về nghiệp vụ thì là một nhà vật lý, còn về tâm tính là kẻ thù ghét con người.
Không bao giờ ông nhìn thẳng vào người ông nói chuyện. Ông lướt qua các hành lang và các
lớp không
một tiếng động trên đôi giày đế lót cao su. Giọng nói của ông mỏng và rè, chẳng cần cất cao
cũng gây nên
sợ hãi. Nhìn bề ngoài Caminxki có vẻ cân bằng nhưng bên trong không bao giờ ông thoát khỏi
trạng thái
cáu kỉnh dồn ép. Ngay cả với những học trò giỏi nhất ông cũng giữ một thái độ trung lập có
tính đối phó.

Ông cũng đối xử với tôi như thế.

Là nhà vật lý, Caminxki sáng chế ra một thiết bị để chứng minh định luật Bôilơ-Mariốt [Boyle-
Mariotte] về tính nén được của các chất khí. Sau khi giới thiệu thiết bị ấy, thế nào cũng có hai
ba đứa học
sinh thì thảo với nhau, nhưng cốt để thầy nghe được:

- Cừ thật đấy!

Thỉnh thoảng còn có đứa nào đó đứng lên và nghi hoặc hỏi:

- Thừa thầy, thế ai làm ra cái thiết bị này?

Caminxki hững hờ trả lời với giọng như người bị cúm:

- Tôi đấy.

Mọi người nhìn nhau và những kẻ có nguy cơ lưu ban thở dài thán phục hết sức to. Khi thầy Caminxki thay thế thầy Svanêbắc vì vấn đề Nga hóa, ông Antôn Vaxiliêvích

Corugianốpxki [Anton Vassiliévitch Kryjanovsky] dạy môn ngôn ngữ và văn học được bổ nhiệm làm

thanh tra học tập. Đó là một người láu lỉnh, râu màu hung, cựu học sinh chủng viện, có thoáng một chút tư

tưởng tự do. Ông ta rất thích quà biếu và rất tài che giấu những suy nghĩ bên trong của mình dưới bộ mặt

vui tươi giả tạo. Vừa được bổ nhiệm làm thanh tra, ông đã tỏ ra nghiêm khắc và bảo thủ hơn.

Corugianốpxki dạy tiếng Nga từ năm thứ nhất. Ông quý tôi vì khả năng đọc-viết và vì tôi thích học tiếng

Nga. Theo một thông lệ được đặt ra chặt chẽ, ông đọc to giữa lớp những bài viết của tôi và cho tôi điểm "5"

cộng.

Thầy giáo dạy toán Iurotrencô [Iourtchenko] là một người mập lùn, lãnh đạm và láu lỉnh.

Người ta

đặt cho ông cái biệt hiệu "Bindiugionhích" [Bindioujnik], trong ngôn ngữ ở Ôđétxa nghĩa là "người lái xe

tải". Iurotrencô mày tao với tất cả học sinh từ năm thứ nhất đến năm cuối và không lựa chọn khi ăn nói.

Với vẻ bình dân có tính toán, ông làm cho học sinh kính trọng đến một mức nào đó, nhưng điều này bốc

hơi theo thời gian khi bọn trẻ biết ông ta ăn của đút lót. Vả lại các thầy giáo khác cũng ăn của đút lót bằng

nhiều cách. Cậu học trò nào dốt, nếu là người vùng khác, thì đến trọ ở nhà ông thầy dạy môn mà anh ta lo

ngại nhất. Nhưng nếu là người Ôđétxa thì cậu ta sẽ xin học thêm với giá cắt cổ từ thầy giáo nào đe dọa cậu

nhiều nhất.

Một thầy giáo dạy toán khác, ông D lôtranxki [Zlotchansky] thì hoàn toàn trái ngược với

lurotrencô: gầy gò với bộ ria nhọn trên khuôn mặt vàng vố xanh nhợt, lòng trắng con mắt lúc nào cũng đục, cử chỉ mệt mỏi như vừa mới ngủ dậy, cứ từng phút, ông khạc ầm ầm ra đờm đặc và nhổ ngay trong lớp.

Người ta biết ông có một mối tình bất hạnh, ông chơi bời trác táng và uống rượu. Dłotrankski là nhà toán học không tồi nhưng dường như không lúc nào ông để ý đến học trò, đến những tiết học, thậm chí ông coi thường cả môn toán. Vài năm sau ông ta cắt họng bằng lưỡi dao cạo.

Mối quan hệ của tôi với hai thầy giáo toán lúc nào cũng cân bằng và mỹ mãn vì tôi giỏi môn này.

Khi học đến những lớp trên của trường trung học, tôi còn cân nhắc cả đến việc theo con đường toán học thuần túy.

Dạy sử là ông Liubimốp [Lioubimov], vóc dáng to lớn và thẳng đuốn, ông đeo kính gọng vàng trên cái mũi nhỏ, khuôn mặt đều đặn được viền bởi chòm râu trẻ và khỏe. Chỉ khi ông cười, người ta mới thấy - ngay cả đối với bọn trẻ chúng tôi - vẻ oai vệ và chững chạc ấy chỉ là ảo tưởng, ông là người kém nghị lực, rụt rè, nhút nhát, luôn bị cái gì đó giằng xé. Lúc nào ông cũng sợ người ta biết hoặc có thể biết gì đó về ông.

Tôi chìm vào môn lịch sử với sự chú ý ngày càng tăng, dù còn rất tản mạn. Từng bước một, tôi mở rộng phạm vi kiến thức từ những cuốn giáo khoa tồi tệ của nhà nước đến các giáo trình giảng dạy ở đại học hoặc các pho sách nặng của Slösse. Không chút nghi ngờ, trong sự say mê của tôi về lịch sử bao hàm một thứ tinh thần thể dục: tôi học thuộc lòng vô số tên tuổi và chi tiết vô bổ, chỉ làm bề bộn thêm trí nhớ, với mục đích thỉnh thoảng đặt thầy giáo vào tình huống khó khăn.

Liubimốp không có khả năng giữ kỷ luật trong lớp. Đôi khi trong giờ học, đột nhiên ông hoảng hốt, giận giữ nhìn quanh, tìm cách chộp lấy những tiếng thì thào mà ông cho rằng chúng xúc phạm đến ông.

Những lúc ấy cả lớp đều ngạc nhiên và đề phòng thận trọng. Liubimốp còn dạy cả ở một trường trung học nữ, ở đó người ta cũng bắt đầu nhận thấy những biểu hiện kỳ quặc ở ông. Kết cục là một bận, trong một cơn điên, ông tự treo cổ ở móc của một cửa sổ.

Chúng tôi sợ thầy địa lý Giucốpxki [Joukovsky] như sợ lửa. Ông ta nghiên học sinh như một chiếc cối xay thịt. Trong giờ học ông đòi hỏi một sự yên lặng tuyệt đối không thực hiện nổi. Nhiều khi ngừng một học sinh đang trả lời, ông đóng tai như một con chim nghe ngóng nguy hiểm từ phương xa. Cả lớp biết điều này nghĩa là gì: khi ấy phải cứng đờ người ra, không động đậy và cố nhịn thở, nếu được. Tôi chỉ nhớ đến độc một trường hợp khi Giucốpxki nói tay một chút, hôm ấy hình như là ngày sinh nhật của ông theo tôi nghĩ. Ai đó trong số học sinh bật ra một nhận xét nửa riêng tư, nghĩa là không liên quan trực tiếp đến tiết học; Giucốpxki cho qua. Bản thân điều này cũng đã là một biến cố lớn. Nhưng tức thì Vácke [Wacker], một thằng nịnh bợ bật dậy từ chiếc ghế băng và nói với nụ cười khẩy:

- Mọi người đều nói rằng Loubimov chẳng bằng cái đế giày của Giucốpxki.

Giucốpxki lập tức đờ người lại:

- Nói cái gì thế? Ngồi xuống!

Tức thì trong lớp lại xuất hiện sự im lặng đặc biệt chỉ có trong các giờ địa lý. Vácke ngồi sụp xuống như bị sét đánh. Từ mọi phía, những khuôn mặt trách móc và khinh bỉ hướng về hắn.

- Lạy Chúa, đúng thế đấy ạ- Vácke thì thảo, vẫn mong làm động tâm ông thầy địa lý vốn không ưa hắn chút nào.

Thầy giáo chính dạy môn tiếng Đức tên là Xtruvê [Struhve], một người Đức cao lớn, đầu to, râu dài đến thắt lưng. Chân nhỏ như chân một đứa trẻ, ông vắn cái thân hình nặng nề ấy như một cái chum. Là một người vô cùng chân thật, Xtruvê đau khổ vì những kém cỏi của học sinh, ông lo lắng, động viên, bực bội vì phải cho một con "2"- không bao giờ ông cho điểm "1". Ông cố không để cho bất kỳ ai phải lưu ban.

Xtruvê đã xin vào trường cho đứa cháu chị đầu bếp của ông, thằng Vácke đã nói ở trên; một kẻ

vừa kém
năng khiếu vừa đáng ghét. Xtruvê là một nhân vật hơi hài hước, nhưng nhìn chung chúng tôi có
thiện cảm
với ông.
Dạy tiếng Pháp là ông Gútxtáp Xamôilôvích Buốcnang [Gustave Samoilovitch Burnand] người
Thụy Sĩ. Đó là một người gày còm, trông nghiêng dẹt như bị lôi từ êtô ra, hơi hói đầu, môi xấu
mỏng quẹt
và xanh nhợt, mũi nhọn. Trên trán ông có một cái sẹo bí hiểm hình chữ "X". Tất cả học sinh
đều nhất trí
không thể chịu đựng được Buốcnang và điều này có lý do. Mặc chúng khó tiêu, suốt trong giờ
học ông
nuốt một thứ kẹo gì đó và tìm thấy trong mỗi học sinh một kẻ thù cá nhân. Cái sẹo trên trán
ông là đầu đề
của vô số những suy đoán và giả thuyết. Một số học sinh cho rằng vào thời thanh niên, Gútxtáp
tham gia
một cuộc đấu kiếm và địch thủ của ông đã để lại một chữ thập nghiêng trên trán ông. Vài tháng
sau, giả
thuyết ấy bị bác bỏ. Theo thuyết này, không có trận quyết đấu nào cả, trong một lần phẫu thuật
người ta đã
lấy một mảnh da trán để vá lên mũi ông. Lũ học sinh quan sát kỹ lưỡng cái mũi của ông thầy
tiếng Pháp và
những kẻ táo bạo nhất khẳng định chúng thấy rõ đường vá. Bọn trầm tĩnh hơn giải thích vết
sẹo bằng một
tai nạn xảy ra thời thơ ấu của ông: ông thầy tội lỗi bị ngã từ thang xuống và rách trán. Nhưng
người ta gạt
bỏ cách giải thích này vì nó quá thô sơ. Vả lại, tuyệt đối không thể hình dung được Buốcnang
dưới những
nét của một trẻ thơ.
Người gác cổng chính, kẻ có vai trò đáng kể trong đời sống chúng tôi, là một người Đức cứng
rắn,
vô cùng oai vệ với chòm râu má bắt đầu hoa râu. Ông ta tên là Antôn [Anton]. Khi giải quyết
những vụ đi
chậm, phạt mất bữa trưa, giam trong nhà ngục, dường như Antôn chỉ đóng vai trò kẻ thừa hành
nhưng trong

thực tế ông có quyền lực rất lớn và nên giữ những mối quan hệ thân thiện với ông. Tôi đối với ông khá thờ ơ, cũng như ông đối với tôi vì tôi không thuộc số "khách hàng" của ông; tôi luôn đi học đúng giờ, chiếc cặp đeo lưng luôn ngăn nắp và lúc nào cũng mang thẻ học sinh trong túi trái áo vét-tông. Nhưng có hàng tá học sinh hàng ngày phải lệ thuộc vào Antôn và phải mua lấy cảm tình của ông bằng cách này cách khác. Dù sao đối với chúng tôi, ông vẫn là một trong những nền tảng của trường Xanh Pôn. Ngạc nhiên biết bao khi sau kỳ nghỉ hè, chúng tôi được biết vì mê mẩn và ghen tuông, ông già Antôn đã nã một phát súng vào cô gái mười tám tuổi, con một người gác cổng khác, và hiện đương ngồi tù. Như vậy đó, trong cuộc sống chùng mịch của học đường và cả đời sống bị bóp nghẹt, dồn nén vào bên trong xã hội đương thời, những thảm cảnh cá nhân cứ chen vào, mỗi lần tạo ra một cảm giác thái quá, như một tiếng rên vang lên trong một tòa đại sảnh trống rỗng.

Gần nhà thờ Xanh Pôn có một cô nhi viện. Một góc sân chơi của chúng tôi được dành cho cô nhi viện này. Những đứa trẻ của cô nhi viện ra sân chơi với bộ mặt buồn bã, trong bộ quần áo vải xanh bạc màu vì bị giặt là nhiều lần, chúng lê bước ủ dột trong góc của mình, rồi buồn rầu cúi đầu lên lại thang gác trở về nơi chúng ở. Mặc dầu sân chơi là sân chung và không có chướng ngại vật nào ngăn cản giữa góc trẻ mồ côi và góc của chúng tôi, bọn học sinh Trung học và lũ "cô nhi" - như cách chúng tôi gọi - tạo thành hai thế giới hoàn toàn cách biệt. Tôi đã thử nói chuyện hai, ba lần với các chú bé mặc quần áo vải xanh nhưng chúng trả lời tôi bằng giọng uể oải vẻ bất đắc dĩ rồi vội vã quay về: chúng được lệnh nghiêm ngặt không được quan hệ với học sinh trường trung học. Trong bảy năm ròng, tôi dạo chơi trong sân trường mà không biết tên đứa nào trong số trẻ mồ côi. Hẳn là vào đầu năm học, ông mục sư Binneman đã ban phát phước lành cho chúng bằng cách rút ngắn phần nghi lễ.

Ở phần sân tiếp liền với cô nhi viện, người ta dựng những dụng cụ thể dục phức tạp: vòng, sào, thang đứng và thang nghiêng, xà treo, xà đơn và nhiều thứ khác. Ngay sau khi được vào học, tôi muốn lập lại một tiết mục mà một đứa trẻ ở viện cô nhi đã làm ngay trước mắt tôi. Trèo lên chiếc thang

đứng, tôi treo người lên bậc trên cùng bằng những ngón chân, đầu quay xuống đất, hai tay nắm lấy bậc thang thứ nhất, dùng đầu ngón chân, tôi đạp khỏi bậc trên để uốn người 180 độ trên không trung và nhảy xuống đất một cách dẻo dai. Nhưng tôi thả tay quá muộn nên sau khi uốn vòng xong, cả người tôi đập vào thang. Ngực tôi như bị nằm trong một gọng kìm, tôi ngạt thở và lăn lộn dưới đất như một con sâu, tay bấu víu vào chân bọn trẻ xung quanh. Rồi tôi ngất đi. Sau lần ấy, tôi trở nên thận trọng hơn trong môn thể dục. Tôi không biết mấy về cuộc sống ngoài đường phố, trên quảng trường cũng như thế giới của thể thao và các thứ giải trí ngoài trời. Những điều này tôi cố gắng bù lại vào các dịp nghỉ hè ở nông thôn. Đối với tôi, thành phố là nơi giành cho học tập và đọc sách. Tôi cho những cuộc đánh nhau của bạn bè trong phố là một điều nhục nhã. Mặc dù những lý do để xảy ra điều đó thì không bao giờ thiếu. Học sinh trường Trung học Cổ điển do có khuy mạ bạc và phù hiệu, được gọi là "cá trích bạc", còn học sinh trường Trung học Hiện đại hai tay áo có nạm đồng màu vàng, bị gọi là "cá trích hun khói". Ở phố Iamxcaia [Iamskaia], trên đường đi học về, tôi bị một anh học sinh trường Cổ điển cao như sếu vườn theo đuổi một cách kiên trì và gạn hỏi:

- Ở chỗ chú mày, có bao nhiêu tên bị "hun khói"?

Vì tôi không trả lời câu hỏi khách quan ấy, anh ta dùng vai hích tôi.

- Sao anh cứ chòng ghẹo tôi thế? - tôi nói với anh bằng một giọng lịch sự bắt buộc. Sững sờ, anh ta suy nghĩ một phút rồi hỏi
- Mày có súng cao su không?
- Súng cao su? Là cái gì vậy? - tôi hỏi lại

Anh sếu vườn "cổ điển" chẳng nói chẳng rằng rút từ trong túi ra một vật nho nhỏ; đó là một sợi cao su buộc giữa hai nhánh của một cái ná bằng gỗ và một viên đạn chì.

- Tao nấp sau cái cửa sổ con trên mái nhà và bắn bồ câu, sau đó đem đi nướng. Tôi ngạc nhiên nhìn anh bạn mới. Một việc như thế đối với tôi không phải không thú vị, nhưng tôi thấy nó lạc lõng và không hợp với môi trường thành thị.

Trong số bọn con trai, nhiều đứa chèo thuyền ra biển và buông câu ở đầu ngọn sóng. Tôi hoàn toàn không biết những thú vui ấy. Điều kỳ lạ là hồi đó, biển không chiếm một vị trí nào trong cuộc đời tôi, mặc dầu tôi đã sống bảy năm bên bờ biển. Trong suốt thời gian ấy tôi không đi thuyền bao giờ, không câu cá và chỉ gặp gỡ biển mỗi khi về làng và quay lại. Khi Cácxơn xuất hiện vào ngày thứ hai với cái mũi cháy nắng bị trầy da và khoe đã câu cá ngoài khơi, niềm vui ấy xa lạ và chẳng liên quan gì đến tôi. Vào thời ấy tôi chưa có thú ham mê săn bắn và đi câu.

Ở lớp dự bị tôi chơi khá thân với Cốttxchia [Kostia] R., con một thầy thuốc. Anh ít hơn tôi một tuổi, người cũng thấp hơn, bề ngoài bình thản, kỳ thực anh chính là một tay hài hước láu lỉnh với cặp mắt tinh nhanh. Anh biết tường tận thành phố và tạo được lợi thế đáng kể với tôi về khoản này. Cốttxchia R. không thuộc loại chăm chỉ nhất, còn tôi luôn là một học sinh giỏi ngay từ đầu. Ở nhà, Cốttxchia R. chỉ nói chuyện về người bạn mới của mình. Cuối cùng mẹ anh, một bà người nhỏ quắt, đến đề nghị chị Phanni Xôlômônốpna:

- Những cậu bé của chúng ta - bà nói - có thể học chung với nhau được không? Sau một cuộc hội ý ngắn mà tôi cũng được tham gia, nhà Spenxe quyết định đồng ý. Trong vòng hai hoặc ba năm chúng tôi ngồi cùng ghế, cho đến ngày Cốttxchia R. bị lưu ban và vì thế hai đứa xa nhau.

Nhưng quan hệ giữa chúng tôi sau đó vẫn tiếp tục.

Cốttxchia R. có một người chị hơn anh hai tuổi học trong trường Trung học Cổ điển nữ. Chị có những cô bạn gái, những cô này lại có những anh em trai. Các cô gái học nhạc. Bọn con trai quanh quẩn bên bạn gái của các chị mình. Vào những ngày sinh nhật, các bậc cha mẹ mời bọn trẻ. Thế là hình thành một thế giới nhỏ của những cảm tình, những ganh đua, mọi người nhảy van-xơ, tham gia các trò vui, có những ghen tuông và hiềm khích. Gia đình ông A., một thương gia giàu, là trung tâm thế giới nhỏ ấy. Họ

sống cùng nhà với bố mẹ Cốttxchia, cùng tầng gác, cả hai căn hộ cùng hướng ra một hành lang, ở đó có những cuộc gặp gỡ tình cờ và không tình cờ. Ở nhà ông A., bầu không khí hoàn toàn khác, không như tôi đã quen ở gia đình Spenxe. Lúc nào cũng có nhiều con trai và con gái đều là học sinh trung học, họ tán tỉnh nhau cạnh nụ cười bao dung của người mẹ. Trong những cuộc trò chuyện, người ta thường kể tên một người đã phải lòng một người khác nào đó. Về vấn đề này, bản thân tôi luôn tỏ ra kiêu kỳ và như vậy cũng khá giả dối.

- Khi cậu mê cô nào, nhất định phải nói cho mình biết đấy nhé - cô chị cả nhà A., một cô gái mười

bốn tuổi nói với tôi bằng giọng kẻ cả.

- Có mất gì đâu, tôi có thể hứa được - tôi đáp giọng trang trọng với vẻ kiêu kỳ của một đứa bé tự

biết giá trị của mình: tôi đã là học sinh năm thứ hai rồi cơ mà.

Chừng hai tuần sau các cô gái làm những hoạt cảnh. Cô trẻ nhất làm hình tượng buổi đêm, trên nền một cái khăn đen lớn được giơ cao lăm tăm những vì sao bạc bằng giấy

- Cậu xem nó xinh không? - cô chị cả nói và huých nhẹ tôi bằng cùi tay.

Tôi chỉ nhìn, trong thâm tâm tôi cũng đồng ý thế và đột nhiên quyết định: đã đến lúc phải giữ lời

hứa của mình.

Sau đó không lâu cô chị cả tiếp tục tra hỏi tôi:

- Cậu không có gì nói với mình à?

- Trời ơi! - tôi cụp mắt xuống và trả lời. - Có chứ.

- Ai thế?

Tôi không còn sức để nói ra lời. Cô chị đề nghị tôi chỉ cần nói chữ cái đầu tiên. Như vậy dễ hơn.

Cô chị cả tên là Anna, cô em út là Bécta [Berta]. thành thử tôi đã nói không phải chữ đầu mà là chữ thứ hai

trong bảng chữ cái (B).

- Bê (B)? - Anna nhắc lại vẻ thất vọng và câu chuyện dừng lại ở đó.

Hôm sau tôi đến nhà Cốttxchia học và cũng như mọi lần, tôi đi qua cái hành lang dài ở tầng ba về

hướng sân chơi. Từ bậc nghỉ ở cầu thang, tôi đã thấy hai chị em với bà mẹ ngồi ở hành lang trước cửa nhà

họ. Khi chỉ cách nhóm phụ nữ này vài bước, tôi cảm thấy bị đâm chông chéo bởi những mũi kim trong cái

nhìn chế nhạo của họ. Cô em không mỉm cười, ngược lại cô nhìn đi chỗ khác vẻ lạnh lùng kinh
khủng. Tức
thì tôi hiểu ngay là mình đã bị phản bội. Bà mẹ và cô chị bắt tay tôi với một ý rõ ràng: "Này
cậu, giờ thì
chúng tôi đã biết sau cái bộ dạng nghiêm túc của cậu là thứ gì rồi". Cô em chìa bàn tay cho tôi
như một
mảnh gỗ, không thèm nhìn và không đáp lại cái xiết tay của tôi. Sau đó, tôi còn phải đi một
đoạn ngắn nữa
trên hành lang rồi quay ngang dưới con mắt hành hạ của hội đàn bà. Trong suốt thời gian ấy,
tôi cảm thấy
những cái nhìn giết người xuyên vào lưng tôi. Sau cuộc phản bội tai quái ấy, tôi quyết định
đoạn tuyệt với
đám người xảo quyệt này, không đến nhà họ nữa, quên họ đi, tống họ vĩnh viễn khỏi trái tim
tôi. May mà
kỳ nghỉ hè sắp bắt đầu đã giúp tôi trong chuyện này.

Giữa chừng, hoàn toàn đột ngột, người ta nhận thấy tôi bị cận thị. Tôi được đưa đến một bác sĩ
nhãn khoa, ông kê đơn cho tôi mua kính. Không thể nói rằng tôi buồn phiền vì thế: dù sao đôi
kính cũng
cho tôi một vẻ quan trọng. Tôi đã tưởng tượng ra trước cái cảnh tôi đeo kính khi trở về
lanốpcà và tôi khoái
chí. Nhưng với cha tôi thì cặp kính là một đòn ông không chịu nổi. Ông cho rằng tất cả chỉ là giả
vờ, làm
điều và nhất quyết buộc tôi cất kính đi. Tôi cố thuyết phục ông rằng trong lớp tôi không thấy
chữ cái trên
bảng và tôi không đọc được các bảng treo trên đường phố, nhưng vô ích. Thành thử lúc về
lanốpcà tôi chỉ
có thể đeo trộm kính mà thôi.

Tuy nhiên khi về thôn quê, tôi bạo dạn, hiên ngang và tháo vát hơn nhiều. Dường như tôi hất
được
khỏi vai thứ kỷ luật của phố phường. Tôi cưỡi ngựa một mình đến Bôbrinhét và trở về ngay
trong buổi
chiều hôm ấy. Đó là một cuộc thử sức đường dài năm chục cây số. Ở Bôbrinhét, tôi đeo kính và
không nghi
ngờ về ấn tượng gây ra trong phố.

Tại Bôbrinhét chỉ có một trường thị trấn cho con trai. Trường Trung học Cổ điển gần nhất ở Êlídavétgorát, cách đó chừng năm chục cây số. Nhưng Bôbrinhét có một tiền học đường Trung học cho nữ.

Các nữ sinh trường này làm bạn với các cậu con trai trường thị trấn. Nhưng tình thế thay đổi hẳn trong vụ hè. Bọn Trung học Cổ điển và Hiện đại từ Êlídavétgorát trở về với đồng phục lông lầy, điệu bộ thanh nhã, chúng làm lu mờ lũ học sinh ở Bôbrinhét. Mâu thuẫn thật khốc liệt. Bị xúc phạm, bọn con trai trường thị trấn làm thành những tổ xung kích nhỏ và không chỉ dùng đá và gậy gộc, chúng sử dụng cả dao. Một lần, tôi ngồi bình yên trên cành dâu trong vườn một gia đình quen và đang thưởng thức những quả chín thì bị ai đó ném một hòn đá lớn vào đầu. Đây chỉ là một tình tiết nhỏ trong cuộc chiến đấu kéo dài và không loại trừ đổ máu, chỉ dừng lại sau khi các đẳng cấp đặc quyền, đặc lợi ấy đi khỏi Bôbrinhét vào đầu năm học mới.

Ở Êlídavétgorát tình hình lại khác: trong suốt năm, học bọn học sinh Cổ điển và Hiện đại chiếm lĩnh đường phố và mọi trái tim. Nhưng khi hè đến bọn sinh viên đại học trở về từ Kháccốp, Ôđétxa và các đô thị xa hơn - nơi có trường đại học - lũ Cổ điển tức khắc bị dồn vào hậu trường. Mâu thuẫn ở đây cũng rất tàn khốc. Không thể tả xiết sự phản trắc của các cô nữ sinh trung học. Nhưng ở đây, theo những luật lệ đã định hình, vũ khí tinh thần được ưu tiên sử dụng hơn.

Ở làng tôi chơi bóng chày, chơi ky, tôi hướng dẫn các trò chơi nhỏ có đặt cược và nói những lời khiếm nhã với con gái. Cũng ở đó, tôi tập đi xe đạp trên cái thiết bị hai bánh hoàn toàn do Ivan Vaxiliêvích làm ra. Việc này giúp tôi sau này bạo dạn ra tập ở sân đua xe đạp Ôđétxa. Còn hơn thế: ở nông thôn tôi một mình cai quản một con ngựa đực giống thuần chủng, mắc vào xe đua. Thời kỳ đó ở Ianốpca, người ta đã có những con ngựa đẹp dùng để kéo xe. Tôi mời bác Brốtxki [Brodsky], vốn làm nghề nấu bia, đi dạo chơi với tôi.

- Nhưng cháu không để lật ngã bác đấy chứ? - bác hỏi. Brótxki là người bản tính không ưa chuyện

mạo hiểm.

- Lật làm sao được hả bác! - tôi nói vẻ phật ý khiến bác thở dài và đành ngồi lên xe sau lưng tôi. Tôi ra khỏi tường rào, vượt qua cái rãnh ra con đường cạnh nhà cối xay mà cơn mưa mùa hè mới

xối lên. Con ngựa hồng muốn ra chỗ thoáng đạt, nó bực bội vì phải leo một sườn dốc và chạy ngúng nguẩy.

Tôi căng dây cương, dậm cả hai chân lên phần trước xe và nâng người lên vừa đủ để bác khỏi thấy cảnh tôi

núu cả thân hình vào dây cương. Nhưng con ngựa đực cũng thuộc giống tự ái. Nó trẻ hơn tôi ba lần, nó lên

bốn còn tôi thì mười ba. Lồng lên với cái xe nhẹ, nó tức tối như một con mèo muốn vút khỏi cái vỏ đồ hộp

bị buộc vào đuôi. Tôi cảm thấy sau lưng, bác Brótxki đã thôi hút thuốc, thở dồn dập hơn và chuẩn bị đưa ra

một thứ tối hậu thư nào đó. Tôi ngồi lại vững chãi hơn, thả lỏng dây cương và để thêm tự tin, tôi đánh lười

theo nhịp xóc của con ngựa giống đang chạy.

- Đừng giỡn chú nhóc ạ! - tôi nói giọng bề trên với con ngựa khi nó thử chạy nước kiệu và dang rộng khuỷu tay.

Tôi cảm thấy bác tôi đã bình tĩnh trở lại và lại rút thuốc lá. Tôi đã thắng cuộc, mặc dầu tim đập mạnh như nước đua của con ngựa hồng.

Trở lại thành phố, tôi lại cúi đầu khuất phục trước cái ách kỷ luật. Tôi chịu đựng nhưng không phải cố gắng lắm. Các trò chơi và thể thao nhường chỗ cho sách vở và một phần sân khấu. Tôi phục tùng

thành phố tuy không tiếp xúc với nó mấy. Đời sống đô thị hầu như trôi qua bên cạnh tôi. Và không phải chỉ

bên cạnh tôi. Ngay những kẻ trưởng thành cũng cố gắng không thò đầu ra cửa sổ. Có lẽ Ôđétxa là thành

phố sen đầm nhất trong nước Nga cảnh binh thời ấy.

Trong thành phố, nhân vật chính là gã thị trưởng có biệt danh Lục-nhị (Dêlônuri [Zélionoi] Đê nhị), cựu chuẩn đô đốc hải quân. Quyền lực vô biên của hắn được phối hợp với một tính khí không gì

phanh hãm nổi. Vô số giai thoại về hắn được những người dân Ôđétxa truyền miệng thì thầm với nhau. Ở nước ngoài, trong một nhà in tự do, vào những năm ấy người ta ấn hành cả một tập sách về những chiến tích của cựu chuẩn đô đốc Lục-nhị. Tôi chỉ thấy hắn một lần từ sau lưng. Và như thế cũng là quá đủ. Gã thị trưởng vươn cả thân hình lên khỏi đội ngũ lính tráng của hắn, tuôn ra bằng một giọng khàn khàn những lời chửi rửa trên khắp đường phố và vùng vẫy nắm đấm. Trước mặt hắn, những cảnh binh sắp thành hàng ngũ, tay đặt lên vành mũ và những người tạp dịch cầm mũ trên tay. Sau các bức màn che cửa, thấp thoáng những khuôn mặt hoảng sợ. Tôi kéo lại dây quàng chiếc túi đeo lưng và rảo bước về nhà. Khi muốn làm sống lại trong ký ức hình ảnh nước Nga chính thống thời niên thiếu, tôi thấy trước mặt mình cái lưng của gã thị trưởng, thấy nắm đấm của hắn vùng vẫy trong không khí và nghe thấy những lời chửi rửa không mấy khi được đưa vào các pho tự điển.

CHƯƠNG IV SÁCH VÀ NHỮNG XUNG ĐỘT ĐẦU TIÊN

Thiên nhiên và con người chiếm ít chỗ trong đời sống tinh thần hàng ngày của tôi so với sách vở và tư tưởng, không chỉ vào những năm còn đi học mà cả sau này, trong thời thanh niên của tôi. Mặc dầu được sinh ra ở nông thôn, tôi không nhạy cảm lắm với thiên nhiên. Tôi chỉ phát triển khả năng để ý và thấu hiểu tự nhiên vào thời sau này, khi tôi đã để lại sau lưng không chỉ thời niên thiếu mà cả những năm đầu của thời thanh niên. Một thời kỳ dài, con người đi qua ý thức của tôi như những chiếc bóng tình cờ. Tôi tự tìm hiểu bản thân và sách vở và trong đó, tôi lại kiếm tìm bản thân và tương lai của mình.

Tôi bắt đầu đọc sách từ năm 1887, hồi Môixây Philíppovich đến Ianốpca: anh mang theo một chồng sách, trong số đó có cả những cuốn giọng điệu rất dân dã của Tônxtôi [Tolstoi]. Trong thời gian đầu, chúi vào sách không phải là một công việc nhẹ nhàng gì, thậm chí còn mệt nhọc là khác. Mỗi cuốn sách mới đem lại những trở ngại mới: những từ ngữ lạ lẫm, những tình cảnh sống khó hiểu và sự bấp bênh phân chia thực tại và hư ảo. Trong đa số trường hợp tôi không có ai để hỏi. Những khi ấy tôi thường lạc lối, tôi bỏ cuộc rồi lại bắt đầu từ đầu, niềm vui

mơ hồ của sự hiểu biết trộn lẫn với nỗi sợ hãi những thứ mới lạ. Có thể so sánh việc đọc sách của tôi thời ấy như một chuyến đi xe ngựa buổi đêm trong thảo nguyên: ta nghe thấy tiếng bánh xe nghiêng, tiếng người thì thào, những đống củi ven đường xuất hiện từ bóng tối; dường như mọi thứ đều quen thuộc, cùng lúc ấy, ta không biết điều gì đang xảy ra, ai đi và mang vác cái gì, ta không biết cả chính mình đang đi đâu, tiến hoặc lùi. Và không có ai giải thích cho bạn, theo kiểu của bác Grigôri, rằng "đó là những nông dân chở ngũ cốc cho chúng ta".

Ở Ôđétxa có nhiều sách vở hơn hẳn và tôi được hướng dẫn một cách chăm chú và ân cần. Tôi bắt đầu ngẫu nhiên sách vở. Chỉ có thể tách tôi khỏi chúng khi mọi người bắt tôi đi dạo. Khi đi chơi, tôi sống lại những gì đã đọc và vội vã muốn biết phần tiếp theo. Cứ tối tối, tôi xin thêm mười lăm phút nữa, hoặc ít ra dăm phút, để đọc hết một chương. Tối nào cũng xảy ra những cuộc cãi cọ lật vật về chuyện đó.

Sự ham muốn được thấy, được biết, được chiếm lĩnh nảy sinh và tìm thấy lối thoát trong quá trình tiếp thu không mệt mỏi những trang sách in; bàn tay và đôi môi con trẻ của tôi lúc nào cũng vươn về ly rượu của sáng tạo văn học. Những điều thú vị, cảm động, niềm vui, nỗi buồn mà sau này cuộc sống sẽ giành cho tôi đều đã chứa đựng trong những cảm xúc khi tôi đọc sách, như mối liên tưởng hứa hẹn nào đó, như một bức phác thảo rụt rè và nhẹ nhàng bởi cây bút chì hoặc màu nước.

Trong những năm đầu tôi trọ học ở Ôđétxa, các buổi đọc sách chung ban đêm là những giờ, hay đúng hơn là những nửa giờ đẹp nhất trong ngày, khi tôi đã làm xong bài tập về nhà và chưa đi ngủ. Moisei Philíppôvích là người đọc, anh hay đọc Pútsoikin [Pouchkine] hoặc Nhêcoraxốp [Nékrassov] và thường đọc Nhêcoraxốp hơn. Nhưng cứ đến giờ đã định là chị Phanni Xôlômônốpna luôn lên tiếng:

- Liôvútscá [Liovouchka], đến giờ đi ngủ rồi đấy.

Tôi nhìn chị van vãn.

- Này cậu bé, phải đi ngủ thôi - Môixây Philíppôvích nói.

- Thêm năm phút nữa mà! tôi van nài và người ta cho thêm năm phút. Sau đó tôi hôn từ biệt anh

chị và đi ngủ với cảm giác rằng tôi có thể nghe anh đọc suốt đêm, nhưng vừa đặt đầu xuống gối là tôi đã ngủ ngay.

Xôphia [Sófhia], một nữ sinh lớp tám trường Trung học Cổ điển, bà con xa của tôi, tình cờ đến trọ tại gia đình Spenxe vài tuần để tránh cơn dịch sốt phát ban ở nhà cô. Đó là một cô gái rất có năng khiếu và đọc nhiều, dù cô hơi thiếu bản sắc và cá tính. Cô tàn tạ rất nhanh. Tôi hâm mộ cô, cứ mỗi ngày lại tìm thấy ở cô những kiến thức và phẩm chất mới và thường xuyên cảm thấy sự kém cỏi của mình. Tôi chép lại cho cô chương trình thi và giúp cô vô số những việc lật

vật. Sau bữa trưa, khi người lớn đi ngủ, chúng tôi đọc cho nhau nghe rồi dự định cùng làm chung một tập thơ châm biếm với nhan đề *Du lịch lên cung trăng*. Trong công việc này tôi thường xuyên để mất nhịp thơ. Vừa gọi ra được một ý nhỏ nào đó, người chị cùng cộng tác với tôi liền nắm bắt lấy, phát triển nhanh đề tài và đưa ra hàng loạt khả năng khác; cô tìm vần rất dễ dàng và hầu như cuốn tôi theo. Khi thời gian sáu tuần tránh bệnh dịch đã trôi qua và Xôphia trở về nhà, tôi cảm thấy mình đã lớn.

Trong số những người quen biết xuất sắc của gia đình, có Xécgây Ivanôvích Xutrépxki [Serguei Ivanovitch Sytchovsky], một nhà báo già lãng mạn, một học giả và nhà bình luận nổi tiếng ở miền Nam về Sếchxpia [Shakespeare]. Đó là một người có tài nhưng hỏng vì rượu chè. Vì quá chén, ông luôn có mặc cảm tội lỗi đối với mọi người, kể cả với con trẻ. Ông quen Phanni Xôlômônốpna từ thời còn trẻ và thân mật gọi cô là Phaniútsca [Faniouchka]. Ngay từ buổi đầu, Xécgây Ivanôvích rất quý tôi. Sau khi gạn hỏi tôi về những gì xảy ra trong trường, ông giao cho tôi một đề tài: so sánh hai bài thơ *Nhà thơ và người buôn sách* của Pútơkin và *Nhà thơ và người công dân* của Nhêcơraxốp. Tôi lạnh toát cả người. Tôi chưa đọc tác phẩm thứ hai trong hai tác phẩm kể trên và Xutrépxki làm tôi rất sợ vì tư cách nhà văn của ông. Hai từ ấy đối với tôi là một tiếng vang dội từ một đỉnh cao xa vời.

- Chúng ta sẽ đọc ngay hai bài thơ này - Xécgây Ivanôvích nói và bắt đầu đọc với giọng tuyệt vời.

- Cháu hiểu chứ? Thế thì bắt đầu đi!

Tôi được đưa vào phòng, người ta trao cho tôi tác phẩm của Pútơkin và Nhêcơraxốp cùng giấy và mực.

- Nhưng em không thể làm được - tôi thì vào tai chị Phanni Xôlômônốpna một cách ảo não -, em viết gì bây giờ.

- Đừng hồi hộp - chị trả lời và vuốt ve tóc tôi -, em hiểu thế nào thì cứ viết như thế, đơn giản thôi mà. Chị có đôi tay nhẹ nhàng và giọng nói dịu dàng. Tôi tự trấn tĩnh lại một chút, nghĩa là tìm cách vượt lên được tính tự ái bản thân đang bị khiếp đảm và bắt đầu viết,

Gần một giờ sau, mọi người bắt tôi nộp bài. Tôi cầm tờ giấy lớn đầy chữ viết và trao nó vào tay nhà văn với một nỗi run rẩy chưa từng biết đến trong nhà trường. Xécgây Ivanôvích im lặng đọc lướt qua vài dòng rồi quay lại phía tôi, mắt ông tỏa ra những tia lửa, ông kêu lên:

-Này, thử nghe cậu ta viết... Thế mới thực là một chàng trai cừ khôi chứ!

Và ông đọc to:

- "Nhà thơ sống cùng với thiên nhiên thân yêu mà mỗi âm thanh vui hay buồn đều có tiếng dội trong tim anh..."

Xécgây Ivanôvích giơ ngón tay lên:

- Tuyệt vời quá..."mà mỗi âm thanh", các vị nghe chứ, "vui hay buồn, đều có tiếng dội trong tim anh"...

Và những câu nói ấy ghi sâu vào trái tim tôi, khiến tôi nhớ suốt đời...

Bữa trưa Xécgây Ivanôvích đùa cợt nhiều, ông hồi tưởng, kể chuyện, hứng khởi vì ly vốt-ca luôn

được chuẩn bị sẵn cho ông. Thỉnh thoảng ông lại nhìn tôi từ góc bàn phía bên kia và kêu lên:

- Cậu viết cừ quá, phải ôm hôn cậu mới được.

Ông dùng khăn mặt lau chùi cẩn thận bộ ria và đôi môi rồi đứng dậy khỏi ghế và loay hoay đi vòng quanh bàn. Tôi ngồi đợi như đợi một tai họa, một tai họa vui mừng nhưng vẫn cứ là một tai họa.

- Đứng dậy cậu, Liôvôtroca [Liovotchka], đến trước ông ấy đi - Môixây Philíppôvích thì thảo với tôi.

Sau bữa trưa, Xécgây Ivanôvích đọc thuộc lòng bài thơ châm biếm *Giấc mơ của Pôpốp* [Popov].

Tôi quan sát hết sức chăm chú bộ ria xám bạc mà những lời hài hước được tuôn ra từ đó. Tình trạng nửa

say, nửa tỉnh của nhà văn không làm uy tín của ông bị suy suyển chút nào trong mắt tôi. Lũ trẻ con rất có

khả năng triu tượng hóa mọi việc.

Đôi khi trước lúc hoàng hôn, tôi đi dạo với Môixây Philíppôvích và nếu anh đang vui vẻ, chúng tôi nói về đủ thứ chuyện khác nhau. Một lần, anh kể cho tôi nội dung vở nhạc kịch *Phauxtơ* [Faust] mà anh

rất thích. Tôi nghe như muốn nuốt lấy lời của anh và mơ ước được xem vở ấy một lần trên sân khấu. Cứ

theo giọng người kể, tôi cảm thấy chúng tôi đang đến gần một đoạn rắc rối. Tôi cố vũ cho người kể và sợ

không được biết đoạn tiếp sau của câu chuyện. Nhưng Môixây Philíppôvích tự làm chủ được mình và anh

tiếp tục như sau: "Và thế rồi... Grétchen [Gretchen] có một đứa con trước ngày cưới..."

Khi qua được điểm kịch tính ấy, cả hai chúng tôi đều cảm thấy dễ chịu hơn và câu chuyện kết thúc

không mấy khó khăn.

Lần khác tôi phải nằm với một miếng gạch trên họng. Để an ủi, người ta cho tôi đọc *Ôliver Tuýttxơ*

[Oliver Twist] của Đíchken [Dickens]. Câu nói đầu tiên của ông bác sĩ trong nhà hộ sinh - nhận xét rằng

người phụ nữ không đeo nhẫn trên tay - khiến tôi thấy ngỡ ngàng:

- Thế nghĩa là thế nào? - tôi hỏi Môixây Philíppôvích. - Sao lại có chuyện cái nhẫn ở đây? Anh trả lời với giọng ngập ngừng:

- Thế này, cậu ạ... khi người ta chưa có gia đình thì không có nhẫn.

Tôi lại nhớ đến Grétkin. Và số phận của Ôliver Tuýttxơ tỏa ra trong suy tưởng của tôi từ chiếc nhẫn, chiếc nhẫn không có ấy. Thế giới những mối quan hệ con người thuộc phạm vi cấm đoán tràn vào ý

thức của tôi qua sách vở, và còn rất nhiều điều tôi nghe được tình cờ, thường là những lời thô tục, khiếm

nhã, giờ đây được khái quát hóa, được làm đẹp và nâng lên một mức độ cao hơn trong văn học. Vào thời gian ấy, tác phẩm mới ra đời của Tônxôi mang tên *Sức mạnh của bóng tối* làm sôi động

dư luận. Người ta nói đến nó với nhiều ngụ ý và bình luận cuốn sách một cách sa đà.

Pôbêđônốtxép

[Pobiédonotsev] xin Alếchxanđơơ Đệ tam cấm trình diễn vở này trên sân khấu. Tôi biết Môixây

Philíppôvích và Phanni Xôlômônốpnà - sau khi đã bắt tôi đi ngủ - cùng nhau đọc vở bi kịch ấy ở phòng bên.

Tôi chỉ nghe tiếng thì thầm đều đều.

- Thế em có được đọc không? - tôi gạn hỏi.

- Không, chú bồ câu của tôi ạ, còn quá sớm đối với em - họ trả lời tôi bằng một giọng cương quyết

khiến tôi không dám nài nỉ thêm.

Tuy nhiên tôi nhận thấy cuốn sách mỏng mới tinh này xuất hiện trên một ngăn sách quen thuộc.

Thừa lúc người lớn đi vắng, tôi vẫn cứ đọc vở kịch ấy của Tônxôi. Nó tác động đến tôi ít hơn nhiều so với

điều những người nuôi dạy tôi lo ngại. Những đoạn bi thảm nhất - như đoạn đứa bé bị bóp cổ hay chuyện

những mẫu xương bị vỡ vụn ra như thế nào - không cho tôi một cảm giác thực tế khủng khiếp, tôi chỉ coi chúng như một hư cấu sách vở, một ý tưởng sân khấu, tóm lại tôi hoàn toàn không hiểu bản chất của câu chuyện.

Trong vụ nghỉ hè, trên nóc tủ, ngay dưới trần nhà và giữa đám giấy cũ, tôi tìm thấy một quyển sách do anh cả tôi đem về từ Êlìdavétgơrát. Mở ra tôi thấy một vẻ gì lạ thường và bí hiểm trong đó. Đây là

biên bản tòa án về việc một cô gái nhỏ bị giết sau khi bị hãm hiếp. Cuốn sách đầy ắp những nhận xét về y

tế và pháp lý, tôi đọc nó trong trạng thái hoàn toàn hoảng sợ, như một kẻ lạc vào rừng trong đêm tối, đụng

đầu vào những cây cối hình thù ma quái lơ mờ dưới ánh trăng và không tìm nổi đường ra.

Nhưng ấn tượng

ấy đã tan đi rất nhanh. Tâm lý con người, đặc biệt là tâm lý trẻ em có những đệm, những phanh hãm, những

lối thoát, những bộ phận giảm tốc, đó là một hệ thống lớn được thiết lập hoàn thiện để phòng ngừa những

va chạm quá đột ngột hoặc quá sớm.

Tôi đến nhà hát lớn lần đầu tiên khi học lớp dự bị. Đó là một điều khó tưởng tượng và không thể

diễn tả nổi. Người ta cho tôi đi xem một vở kịch tiếng Ucraina mang tựa đề *Nada Xtôđôlia* [Nazar

Stodolia], tôi cùng đi với ông khán trường Grigôri Khôlốt [Gregory Kholod]. Lần ấy, mặt tôi tái nhợt - sau

này ông Grigôri kể lại điều đó với Phanni Xôlômônốpna - và tôi cảm thấy đau khổ vì không đủ sức chứa

được hết niềm vui tràn ngập trong lòng. Trong giờ giải lao giữa các hồi, tôi không nhúc nhích khỏi chỗ

ngồi để khỏi bỏ qua chút gì, lạy Chúa lòng lành! Buổi biểu diễn kết thúc bằng một vở hí kịch *Anh bạn cùng*

nhà thổi kèn lệnh. Căng thẳng của vở bi kịch được giải tỏa bằng những trận cười thỏa thuê. Tôi cựa quậy

người trên ghế ngồi, ngoảnh đầu về phía sau rồi lại căng mắt lên sân khấu.

Về nhà tôi kể lại vở *Anh bạn cùng nhà thổi kèn lệnh* và thêm vào câu chuyện các chi tiết mới để

gây nên những tràng cười như tôi vừa mới trải qua. Và tôi buồn rầu nhận thấy mình không đạt được mục đích.

- Thế cậu không thích vở *Nada Xtôđôlia* phải không? - Môixây Philíppôvích hỏi tôi. Tôi cảm thấy sự trách móc trong những câu nói ấy; nhớ lại những đau khổ của Nada, tôi đáp:

- Sao lại không? Vở kịch thật tuyệt vời.

Trước ngày lên năm thứ ba, tôi sống một thời gian ngắn gần Ôđétxa ở nhà chú tôi, một kỹ sư. Một

bữa, tôi được xem một buổi biểu diễn nghiệp dư trong đó anh Corugoliacốp [Krougliakov], học sinh trường

tôi thủ vai người đầy tớ. Đó là một cậu bé yếu phổi, mặt đầy những vết hoe, có cặp mắt rất thông minh

nhưng rất ốm yếu. Tôi rất quyến luyến anh và vật nài anh tổ chức chung một buổi biểu diễn với tôi. Cuối

cùng chúng tôi chọn *Người hiệp sĩ keo kiệt* của Pútsokin. Tôi đóng vai người con, còn Corugoliacốp đóng

vai người cha. Tôi hoàn toàn tuân thủ sự hướng dẫn của anh và bỏ ra nhiều ngày liền để học thuộc lòng các

khổ thơ Pútsokin. Thật là một trạng thái đầy hồi hộp và xúc động tuyệt vời! Nhưng chẳng bao lâu tất cả đều

sụp đổ: cha mẹ Corugoliacốp cấm anh diễn kịch, viện lý do anh không được khỏe. Sau ngày tựu trường anh

chỉ có mặt ở trường vài tuần đầu. Mỗi lần tôi đợi anh ở cổng trường để nói chuyện với anh về văn học trên

quãng đường về nhà. Nhưng ít lâu sau, Corugoliacốp vắng mặt hoàn toàn. Tôi biết anh ốm, vài tháng sau

được tin anh chết vì bệnh lao.

Ma lực của sân khấu chiếm lĩnh tôi trong nhiều năm. Sau đó tôi mê nhạc kịch Ý mà thành phố Ôđétxa rất tự hào. Đang còn học năm thứ sáu, tôi đã dạy tư nhằm mục đích kiếm tiền để đi xem hát. Trong

nhiều tháng liền, tôi thầm yêu trộm nhớ một giọng nữ cao có cái tên bí ẩn là Giudéppina Uyghét

[Giuseppina Huguette] và tôi tưởng như nàng từ trên trời lượn xuống sân khấu nhà hát kịch Ôđétxa chỉ

trong một quãng thời gian ngắn.

Tôi không được phép đọc báo chí, nhưng về khoản này chế độ cũng không nghiêm khắc lắm. Và dần dần, đôi khi cũng phải nhượng bước, tôi được quyền đọc báo, chủ yếu là những tờ ra từng kỳ. Báo chí

Ôđétxa nói nhiều nhất về sân khấu, đặc biệt là về nhạc kịch và dư luận công chúng dường như chỉ va chạm

nhau trong sự sùng bái sân khấu. Chỉ trong lĩnh vực đó, các báo chí được phép bày tỏ chút ít sự say mê của mình.

Trong thời gian này, một ngôi sao viết báo giải trí từng kỳ tên là Đôrôxêvích [Dorochévitch] đang

lên như diều. Một thời gian ngắn, Đôrôxêvích trở thành người chủ của những suy tưởng mặc dầu ông chỉ

viết về những chuyện nhỏ nhặt, nhiều khi còn vô nghĩa. Nhưng rõ ràng ông có tài và dưới hình thức mạnh

dạn của những tin tức xét ra là vô hại, dường như ông đã đục một lỗ thông hơi cho cái thành phố Ôđétxa bị

bế quan tỏa cảng bởi Dêliônưi Đệ nhị. Tôi sốt ruột vồ lấy tờ báo buổi sáng, lục tìm chữ ký của Đôrôxêvích.

Các bài báo của nhà văn này đã làm say mê những ông bố có tư tưởng tự do và cả những đứa con chưa có ý tưởng cực đoan.

Ngay từ những năm đầu, tôi đã ham mê viết văn; sự ham mê ấy theo đuổi tôi, khi yếu, khi mạnh,

nhưng tóm lại nó ngày càng lớn lên. Thế giới các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ luôn luôn là thứ hấp dẫn nhất

đối với tôi, tôi biết lối vào thế giới đó chỉ mở ra với một số ít người ưu tú.

Lên năm thứ hai, chúng tôi quyết định ra một tờ tạp chí. Về việc đó rất nhiều lần tôi hỏi ý kiến Môixây Philíppôvích, anh còn đặt tên cho tờ tạp chí là *Cáplia* [Kaplía] (Giọt nước), ngụ ý lớp thứ hai trường Trung học Hiện đại Xanh Pôn đóng góp giọt nước nhỏ bé này vào đại dương văn học. Nhân dịp ấy tôi làm một bài thơ mang tính cương lĩnh. Đa số thơ và truyện ngắn là của tôi. Một trong những cây vẽ của chúng tôi trang trí tờ bìa rất rườm rà. Ai đó đề nghị giới thiệu tờ tạp chí cho ông Corugianốpxki. Anh I. trọ học ở nhà thầy giáo đảm nhận việc này. Anh đã thực hiện nhiệm vụ một cách xuất sắc: rời khỏi ghế, anh lại bàn thầy giáo, quả quyết đặt tờ *Cáplia*

lên bàn, cúi chào lễ phép và trở về chỗ ngồi bằng những bước chân

manh mẽ. Cả lớp nín thở và im phăng phắc.

Ông Corugianốpxki nhìn tờ bìa, nhãn đôi lông mày cùng râu mép và râu cằm rồi bắt đầu đọc

phẩm của chúng tôi. Một sự im lặng bao trùm cả lớp học, chỉ có tiếng ào xào khe khẽ của các

trang giấy tờ

tạp chí. Rồi thầy Corugianốpxki đứng lên bục và đọc bằng một giọng trầm lắng bài *Giọt nước nhỏ trong*

trẻo của tôi.

- Có hay không? - thầy hỏi.

- Thưa hay ạ! - tiếng trả lời khá đồng thanh.

- Hay thì cũng hay đấy - thầy Corugianốpxki nói -, nhưng tác giả của nó không biết thi pháp. N

ào,

hãy thử xem, anh có biết thế nào là một âm tiết không?

Quay về phía tôi, ông đoán ra ngay tôi dưới cái bút danh khá lộ liễu. Tôi thú thật với thầy là tôi

không biết.

- Vậy thì tôi sẽ nói cho các anh nghe về chuyện này.

Và thế là để dành phần ngữ pháp và cú pháp vào các buổi khác -, ông giảng giải cho lũ học sinh

lớp hai về những bí ẩn của âm luật học. Cuối cùng ông nói:

- Về phần tờ tạp chí, tốt hơn cả là đừng làm tạp chí, cũng chẳng cần đến "đại dương văn học",

chỉ

nên là một cuốn vở bài tập...

Bởi vì trong thực tế, người ta cấm ra tạp chí trong nhà trường. Nhưng giải pháp lại đến từ một

phía

khác. Đời học sinh êm đềm của tôi đột ngột bị cắt đứt, tôi bị đuổi khỏi trường Trung học Hiện

đại Xanh

Pôn.

Từ thuở thơ ấu ban đầu, tôi đã có nhiều cuộc xung đột xuất phát từ "mảnh đất của cuộc

chiến chống lại sự chà đạp luật pháp", như cách nói của một luật gia. Tôi thường xuyên gấn bó

hay đoạn tuyệt với bạn bè trên cơ sở ấy. Sẽ quá dài nếu điểm qua tất cả các tình huống, nhưng

trong nhà trường tôi đã có hai vụ nghiêm trọng.

Xung đột trầm trọng nhất của tôi xảy ra với ông Buốcnang khi tôi học lớp hai, chúng tôi gọi

ông là "người Pháp" tuy ông là người Thụy Sĩ. Trong nhà trường, tiếng Đức được dạy trên một

tầm gần như tiếng Nga. Nhưng với tiếng Pháp thì mọi thứ trở nên khá khó khăn. Đại đa số học

sinh mới được làm quen với thứ tiếng này lần đầu trong nhà trường, đặc biệt, tiếng Pháp là ngoại ngữ khó đối đối với học sinh Đức, con cái những kiều dân. Buốcnang sát phạt ghê gớm những học sinh này. Nạn nhân đầu bảng của ông là Vácke, một kẻ quả thực học rất kém. Nhưng một hôm, số đông - thậm chí tất cả mọi người đều có ý kiến là Buốcnang không công bằng khi cho Vácke điểm "1". Hơn thế nữa, vào hôm đó Buốcnang cũng đặc biệt khát máu vì ông ta đã nuốt một liều gấp đôi số kẹo chữa bệnh tiêu hóa.

- Cho ông ấy một bản hợp tấu đi! - lũ học sinh thì thảo, nháy mắt nhìn nhau và lấy cùi tay huých nhau. Tôi cũng thuộc số ấy, không phải những đứa cuối, thậm chí còn thuộc loại đầu tiên đề xuất ra.

Trước đó, đã nhiều lần chúng tôi tổ chức những bản "hợp tấu" như thế, nhất là với ông giáo dạy vẽ mà chúng tôi thù ghét vì bản tính ngu xuẩn đến độc ác của ông ta.

Một bản "hợp tấu" là như thế này: khi thầy giáo đi ra cửa, cả lớp tiễn thầy bằng một tiếng ầm ì to, nhưng không đứa nào hé môi để không bắt được quả tang thủ phạm. Đã hai lần chúng tôi tiễn Buốcnang như thế, nhưng rất khế, chỉ thì thảo thôi vì chúng tôi sợ ông. Nhưng lần này chúng tôi táo tợn ra mặt. Ông "người Pháp" vừa cắp sách cuốn sổ đầu bài của lớp thì một tiếng hú vang lên từ góc trái và lan thành một làn sóng đậm đặc đến chiếc ghế băng gần cửa ra vào. Tôi cũng làm hết sức mình. Buốcnang đã ra đến thềm cửa, ông quay ngoắt trở lại và nhào vào giữa lớp, đứng đối diện với lũ trẻ thù địch, mặt mày tái nhợt, mắt tóe lửa nhưng lặng thinh không nói gì. Bọn trẻ ngồi ở bàn liền lấy lại ngay vẻ mặt vô tội nhất, đặc biệt là những đứa ngồi ở bàn đầu. Lũ ở cuối lớp làm bộ lục lọi cặp như chẳng có việc gì xảy ra. Buốcnang dừng lại nửa phút rồi quay ra cửa, giận dữ tới mức tà áo căng ra như cánh buồm. Lúc đó một tiếng hú đồng thanh tiễn ông "người Pháp", theo ông rất xa dọc hành lang.

Đầu giờ học hôm sau Buốcnang, Svanêbắc và ông chủ nhiệm Maye [Mayer] cùng đến lớp. Chúng tôi gọi Maye là "con cừu" vì ông có đôi mắt lồi, cái trán dô ra bướng bỉnh và trí óc đần độn. Svanêbắc nói lời khai mào, cẩn thận cố tránh những hiểm hóc của lối chia động từ và biến thể tiếng Nga, Buốcnang hầm hè trả thù, còn Maye trợn tròn mắt dò xét lũ học sinh từng đứa một, ông gọi tên những thằng nghịch nhất và nói với chúng:

- Này, chắc chắn là có mày vào đấy!...

Một số chối, lũ còn lại im lặng. Như thế, mười hoặc mười lăm cậu bị phạt "nhịn bữa trưa": phải lưu lại lớp một hai giờ. Những đứa khác được thả ra, tôi cũng ở trong số ấy, mặc dầu khi điểm danh tôi thấy dường như Buốcnang nhìn tôi soi mói. Tôi không làm gì để được thả nhưng cũng không tự đi đầu thú. Ra khỏi lớp, tôi còn có ý tiếc rẻ vì giá ở lại cùng chúng bạn thì vui hơn.

Sáng hôm sau, trên đường đi đến trường và đã gần như quên hết câu chuyện bữa trước, tôi gặp ở cổng trường một cậu bạn cùng lớp thuộc nhóm bị phạt:

- Nay nghe đây - anh nói với tôi -, tai họa đấy, hôm qua Đanhilốp [Danilov] mách lẻo cậu với Maye rồi, Maye đã cho mời Buốcnang, cả ông hiệu trưởng cũng đến. Họ gạn hỏi xem cậu có phải là đầu trò không.

Lòng dũng cảm của tôi như biến đâu mất. Vừa đúng lúc đó, thầy chủ nhiệm Piốt Páplovích xuất hiện:

- Đến chỗ ông hiệu trưởng đi.

Việc ông chủ nhiệm đứng chờ tôi trước cửa và nói với một giọng như thế chẳng báo hiệu điều gì tốt lành.

Hỏi đường những người trực cửa, tôi đến một hành lang chưa từng biết, tại đó có phòng của hiệu trưởng và tôi dừng lại trước cửa. Khi ông hiệu trưởng đi qua cạnh tôi, ông nhìn tôi một cách ý nghĩa và lắc đầu. Tôi đứng đờ người, dở sống dở chết. Ông hiệu trưởng lại ra khỏi phòng và chỉ nói: "Tốt, tốt". Tôi cảm thấy chẳng tốt chút nào.

Vài phút sau đến lượt các thầy giáo ra khỏi phòng hội đồng ở bên cạnh, đa số đi vội về lớp họ và chẳng ai để ý đến tôi. Đáp lại lời chào của tôi, Corugianốpxki nhăn mặt láu lỉnh như muốn nói: "Cậu dính vào một việc tồi tệ, tiếc cho cậu nhưng chẳng làm được gì".

Còn Buốcnang, khi tôi lễ phép chào ông, ông ta đến sát gần tôi, cúi hẳn người xuống rồi vung tay nói:

- Cậu học sinh đứng đầu năm thứ hai lại là một con quái vật về đạo đức.

Ông dừng lại một giây, phủ lên người tôi một hơi thở không mấy nhẹ nhàng rồi nhắc lại "một con quái vật về đạo đức". Sau đó ông quay lưng và bỏ đi.

Một chút sau "con cừu" cũng đến chỗ tôi.

- A! Đồ lợn - Maye nói vẻ thích thú ra mặt -, rồi chúng ông sẽ cho mày biết tay!

Cực hình bắt đầu kéo dài từ đây. Người ta không cho tôi vào lớp và bỏ buổi dạy ngày hôm ấy.

Một cuộc thẩm vấn diễn ra. Buốcnang, ông hiệu trưởng, Maye, thanh tra Caminxki làm thành một ban điều tra tối cao về vụ "quái vật đạo đức", là tôi.

Hình như câu chuyện đã bắt đầu như thế này: trong giờ bị phạt lưu, một học sinh đã nói với Maye: "Thật bất công, thưa thầy; người kêu thì được thả ra: B. (Brônsten) kích động những người khác và anh ta cũng kêu, thế mà được thả ra. Có Cácxơn ở đây này, cậu ấy cũng biết đấy". "Không thể có chuyện ấy Maye trả lời. - B. là một đứa ngoan".

Nhưng Cácxơn, chính cái thằng hồi xưa đã nói cho tôi biết ông mục sư Binneman là người thông minh nhất Ôđétxa, lại chứng nhận lời của đứa tố giác, và bọn khác cũng làm theo. Maye liền cho mời Buốcnang. Được các thầy giáo khuyến khích và thúc đẩy từ trên; bắt chước lẫn nhau, có thêm mười, mười hai đứa trong lớp đứng ra tố cáo tôi.

Thế là đột nhiên bọn chúng nhớ lại bao nhiêu thứ: "Năm ngoái trong buổi đi dạo chơi B. đã nói

thế này, thế nọ về thầy hiệu trưởng..., B. đã đưa bài cho anh này, anh nọ..., B. cũng tham gia trong bản "hợp tấu" tiền thầy Đomigorốtxki [Zmigrodsky]..."

Vácke, đưa mà vì nó chúng tôi đã làm tất cả chuyện này, thuật lại rất mùi mẫn như sau.

- Tất nhiên tôi đã khóc khi thầy Gútxtáp Xamôilôvích cho tôi điểm "1". B. sấn lại gần, đặt tay lên vai tôi và nói: "Đừng khóc nữa Vácke, chúng ta sẽ viết một lá thư lên ông thanh tra để ông ấy tổng cổ Buốcnang đi".

- Một lá thư, cho ai cơ?

- Cho ông thanh tra!

- Không thể thế được! Thế mà trả lời ra sao?

- Dĩ nhiên tôi không nói gì hết

Đanhilốp còn bồi thêm:

- Vâng, vâng, B. đã đề nghị chúng tôi viết một lá thư lên ông trưởng phòng giáo dục huyện, nhưng không ký tên vào đó để khỏi bị đuổi học; mỗi người chỉ viết một chữ cái vào lá thư thôi.

- Ra là vậy - Buốcnang nuốt nước bọt la lên. - Nghĩa là mỗi đứa chúng mày viết một chữ cái để kết lại thành một từ!

Không trừ một ai, tất cả đều bị thẩm vấn. Một số đứa chối thẳng thừng, bắt luận phải trái.

Trong số này có Cốtchia R., anh khóc cay đắng khi thấy người ta dìm chết bạn tốt nhất của anh, một học sinh đứng đầu lớp. Những người phủ nhận ngoan cố bị bọn tố giác bôi xấu, chúng bảo họ là bạn thân thiết của tôi. Bầu không khí trầm lắng bao trùm lên lớp học. Đa số co mình lại im lặng. Trong vụ này Đanhilốp đóng vai trò số một, điều đã và cũng sẽ không xảy ra với hẳn bao giờ. Tôi đứng sững ở hành lang trước phòng ông hiệu trưởng, cạnh một chiếc tủ đánh véc-ni vàng, như một kẻ tội nhân trầm trọng, bị buộc tội chống lại nhà nước. Lần lượt, những nhân chứng được gọi lên phòng hiệu trưởng để đối chất với bị cáo. Cuối cùng tôi bị tổng về nhà.

- Anh về đi và bảo bố mẹ anh đến trường.

- Cha mẹ tôi ở xa, tận nhà quê cơ.

- Thế thì bảo những người bảo lãnh anh đến đây.

Mới hôm qua tôi là người đứng đầu lớp, vượt xa kẻ thứ hai. Những nghi ngờ của Maye cũng không hề đụng chạm đến tôi. Thế mà hôm nay tôi bị xô từ đỉnh cao xuống, còn Đanhilốp, kẻ mà ai cũng biết là đứa lười biếng và hư hỏng nổi tiếng, lại lẳng mạ tôi trước cả lớp và ban lãnh đạo nhà trường.

Vậy việc gì đã xảy ra? Có lẽ vì tôi đã quá cương quyết bảo vệ một kẻ bị áp bức, người chẳng gần gũi gì với tôi và bản thân cậu ta cũng chẳng gọi cho tôi tí chút tình cảm nào? Hay vì tôi quá tin vào sự đoàn kết trong lớp học?

Dĩ nhiên, việc rút ra những kết luận kể trên là điều tôi không mấy nghĩ đến trên đường về qua phố nhỏ Pốcrốpki. Mặt mày ủ dột, tim đập lộn xộn, nghẹn ngào trong tiếng khóc, tôi kể lại việc đã xảy ra: những người bảo lãnh ra sức an ủi tôi, dù chính họ cũng phát hoảng. Chị Phanni Xôlômônốpna đến tìm gặp ông hiệu trưởng, ông thanh tra Corugianốpki, ông Iuroscô, chị cố giải thích, thuyết phục, dựa vào cả kinh nghiệm giáo dục của bản thân chị.

Chị làm tất cả những việc đó mà tôi không biết. Tôi ngồi nhàn trong góc học tập của mình, chiếc cặp đeo vai của tôi được khóa lại, lăn lóc trên bàn và tôi ngao ngán. Sẽ ra sao đây?

Ông hiệu trưởng nói: chúng tôi sẽ triệu tập Hội đồng Giáo dục để xem xét mọi mặt về vấn đề này. Câu nói thật dễ sợ.

Phiên họp trôi qua. Môixây Philíppôvích đi xem kết quả. Tôi bồn chồn, hồi hộp chờ anh về, hơn nhiều so với những lần sau này khi chờ phán quyết của tòa án Nga hoàng. Tôi nghe tiếng kẹt thường ngày của cửa ra vào dưới nhà, tiếng những bước chân quen thuộc leo lên bậc thang sắt, cửa phòng ăn mở ra và cùng lúc ấy chị Phanni Xôlômônốpna cũng xuất hiện ở buồng bên. Tôi vén nhẹ tấm màn che.

- Bị đuổi học - Môixây Philíppôvích nói, giọng rất mệt mỏi.

- Bị đuổi? - Phanni Xôlômônốpna nghẹn ngào hỏi lại.

- Ừ, bị đuổi - Môixây Philíppôvích nhắc lại, giọng còn nhỏ hơn.

Tôi không nói gì chỉ đưa mắt nhìn Môixây Philíppôvích và chị Phanni Xôlômônốpna rồi rút lui sau tấm màn che.

Trong kỳ nghỉ hè, Phanni Xôlômônốpna về ít bữa tại nhà chúng tôi ở Ianốpca, chị kể về tôi:

- Khi nghe nói từ ấy, cậu ta xanh mét cả người khiến tôi cũng phát hoảng.

Tôi không khóc, tôi đau khổ vì bị hành hạ.

Trong phiên họp của Hội đồng Giáo dục, người ta tranh luận về ba hình thức đuổi học: đuổi và cấm không được vào học bất cứ một trường nào khác, đuổi vĩnh viễn khỏi trường Trung học Hiện đại Xanh Pôn, hoặc đuổi nhưng tôi được quyền trở lại học trường cũ. Hình thức thứ ba nhẹ nhàng nhất được quyết định

Tôi run rẩy nghĩ đến việc cha mẹ tôi sẽ tiếp nhận tin này như thế nào. Những người bảo lãnh tôi tìm mọi cách để chuẩn bị cho cha mẹ tôi tiếp nhận cú đòn này và giảm nhẹ nó. Phanni Xôlômônốpna viết một lá thư dài cho chị cả tôi, chị dặn dò về cách báo tin cho cha mẹ tôi. Tôi ở lại Ôđétxa cho đến cuối năm học và trở về nhà vào kỳ nghỉ hè như thường lệ.

Trong những đêm dài, khi cha mẹ tôi đã đi ngủ, tôi kể cho anh chị tôi sự việc đã diễn ra như thế nào, tôi sắm lại vai các thầy và các học trò. Anh và chị tôi còn những kỷ niệm rất mới mẻ về đời học sinh của họ. Cùng lúc đó, họ xem xét tôi dưới cái nhìn của người hơn tuổi, khi lắc đầu, khi thì cười phá lên vì những điều tôi kể. Một hôm đang cười, chị tôi chuyển sang khóc, gục đầu

xuống bàn và nức nở hồi lâu. Họ quyết định là tôi sẽ tạm lánh ở nhà một người bạn nào đó một, hai tuần và trong khi tôi đi vắng, chị tôi sẽ thuật lại tất cả cho cha tôi nghe. Bản thân chị cũng sợ phải làm nhiệm vụ đó. Sau thất bại trong chuyện học hành của anh cả tôi, cha đặt hết kỳ vọng vào tôi. Những năm học đầu cũng hứa hẹn một thành công rực rỡ và bây giờ, tất cả biến thành mây khói trong phút chốc...

Một tuần sau, khi cùng anh bạn Grisa [Gricha] (chính là cháu của ông Môixây Kharitônôvích, người có bàn tay trái "thích hợp cho cả việc hòa tấu nhạc") trở về nhà, tôi hiểu ngay là mọi người đã biết hết. Mẹ tôi vồn vã tiếp đón Grisa, nhưng làm ra vẻ không để ý đến tôi. Trái lại, cha tôi xử sự như chẳng có chuyện gì xảy ra. Chỉ vài hôm sau, trong một ngày nóng bức, khi đi làm đồng về và ngồi hóng mát ở cửa ra vào, ông đột nhiên hỏi tôi trước mặt mẹ:

- Nói cho bố biết, con đã huýt sáo vào ông hiệu trưởng như thế nào? Thế này phải không? Hai ngón tay đút vào miệng?

Ông làm cử chỉ huýt sao và bật cười

Mẹ tôi ngạc nhiên và nhìn cả hai người, từ cha sang tôi. Nụ cười trên gương mặt bà xen lẫn vẻ bất bình: làm sao có thể bông đùa về những chuyện kinh khủng như thế?

Nhưng cha tôi vẫn tiếp tục gạn hỏi:

- Chỉ cho cha thấy con đã huýt sáo như thế nào?

Và càng ngày ông càng cười vui vẻ. Dù buồn bực đến mấy, rõ ràng ông thấy thích đùa con của ông, dù đứng đầu lớp, vẫn dám cả gan huýt sáo những ông sếp cấp bậc cao. Tôi quả quyết với ông là chúng tôi không huýt sáo mà chỉ rì rầm vô hại thôi, nhưng không sao thuyết phục được ông. Cha tôi nhất định cho là tôi đã huýt sáo. Cuối cùng mẹ tôi òa khóc.

Suốt vụ hè tôi hầu như không chuẩn bị gì cho kỳ thi. Những việc xảy ra đã làm tôi chán học một thời gian. Với tôi đây là một mùa hè bực dọc, cáu tiết, những cuộc cãi lộn nổ ra bất cứ lúc nào. Tôi về lại Ôđétxa hai tuần trước khi thi, nhưng ở đó tôi cũng chỉ học hành uể oải. Có lẽ tôi chuẩn bị môn tiếng Pháp kỹ hơn. Nhưng trong kỳ thi Buốcnang chỉ hỏi tôi vài câu qua loa. Các thầy khác còn hỏi ít hơn. Tôi được vào năm thứ ba. Ở đó tôi gặp lại hầu hết mọi người: những kẻ đã phản bội tôi, bảo vệ tôi hoặc đứng tránh ra một bên. Điều này quyết định những mối quan hệ của tôi trong một thời gian dài. Tôi đã không nói chuyện với nhiều kẻ, cả chào hỏi cũng không, ngược lại đối với những người đã đứng cạnh tôi trong giờ phút khó khăn, tôi càng trở nên thân thiết hơn.

Có thể nói rằng đó là một thử thách chính trị đầu tiên đối với tôi. Những nhóm người đã hình thành trong tình huống ấy: bọn phản bội và ghen ghét một bên, những người trung thực và dũng cảm ở cực bên kia và bọn trung lập ở giữa, chúng dao động và không có lập trường ổn định. Trong những năm tiếp theo, ba nhóm ấy vẫn tồn tại, tôi còn gặp lại chúng nhiều lần trong

những hoàn cảnh khác nhau.

Người ta chưa quét hết tuyết trên các đường phố, nhưng trời đã ấm lên. Các mái nhà, hàng cây và lũ chim sẻ cho thấy xuân đã về. Cậu học sinh năm thứ tư đi học về, trái với lệ thường, cậu cầm một sợi dây da của chiếc cặp trong tay vì chiếc khóa đã bị tung ra. Cậu cảm thấy chiếc áo dài trên mình thật vô ích và nặng nề, nó làm cậu toát hết mồ hôi. Cậu bé nhìn mọi vật xung quanh - và trước hết là bản thân cậu - bằng một cặp mắt khác hẳn. Tia nắng đầu xuân cho cậu biết có những thực tế hùng vĩ gấp bội so với một trường học, với ông thanh tra, với chiếc cặp buộc lơ lửng trên vai, hơn những bài học, những ván cờ, những bữa trưa, hơn cả đọc sách và nhà hát và cuối cùng, hơn cả đời sống thường ngày. Nỗi lo nghĩ về những thứ xa lạ, những thế lực không cưỡng được trùm lên mọi cá nhân, xoáy vào đứa bé đến tận xương tủy và gọi cho nó nỗi đau ngọt ngào, âm dịu của sự bất lực.

Cậu ta về đến nhà, đầu óc quay cuồng, khúc nhạc đau đón vang động trong tai, nó ném chiếc cặp lên bàn, nằm xoài ra giường, vùi đầu vào chiếc gối và bật lên khóc mà không hề biết. Để tìm nguyên cớ cho những giọt nước mắt của mình, cậu nhớ lại những cảnh buồn bã trong các bài tập đọc và trong chính đời nó, và cứ như bỏ thêm củi vào lò, cậu khóc, khóc mãi bằng những giọt nước mắt lo âu của tuổi xuân. Nó sắp tròn mười bốn tuổi.

Từ thời thơ ấu, đứa bé đã bị một bệnh mà các thầy thuốc trong những hồ sơ chính thức gọi là bệnh viêm niêm mạc dạ dày và ruột mãn tính. Căn bệnh ấy cứ ngấm ngấm hành hạ cậu suốt đời. Cậu bé thường xuyên phải uống thuốc và ăn theo chế độ. Những chấn động thần kinh hầu như bao giờ cũng tác động trở lại bộ máy tiêu hóa của nó. Vào năm thứ tư, căn bệnh nặng đến mức cậu không thể tiếp tục việc học hành. Sau một thời gian dài chữa trị nhưng vô hiệu, các thầy thuốc quyết định cho thằng bé về ở nông thôn.

Trong những giờ phút ấy, tôi đã chấp nhận quyết định của các bác sĩ với một nỗi vui mừng hơn là phiền muộn. Nhưng còn phải được sự đồng ý của cha mẹ tôi. Và còn phải tìm được một gia sư ở làng để khỏi mất một năm học. Điều này gây nên những tổn kém mà ở lanốtca thì mọi người không ưa những sự tiêu pha tốn kém. Tuy nhiên nhờ Môixây Philíppôvích, công việc được sắp xếp ổn thỏa. Người ta tìm được một thầy phụ đạo: ông G., người bé nhỏ, mớ tóc dày bắt đầu hoa râm ở hai thái dương, vốn là một sinh viên đại học. Đó là một người hơi tự phụ, hơi lông bông, ba hoa và không có tính khí, thuộc loại người rủi ro chỉ mới có nửa học vấn đại học. Ông làm thơ và đã in được hai bài trên một tờ báo ở Ôđétxa. Lúc nào ông cũng đem hai số báo ấy bên mình và sẵn sàng đưa ra khoe.

Mối quan hệ của chúng tôi đầy sóng gió và xuống dốc thường xuyên. Ban đầu, G. ngày càng suồng sã với tôi, ông luôn nhấn mạnh chỉ muốn là bạn tôi. Nhằm mục đích ấy, ông chìa tôi xem tấm hình một cô Clápđia [Klavdia] nào đó và nói về mối quan hệ phức tạp của ông với cô này.

Rồi đột nhiên ông tháo lui và đòi hỏi ở tôi sự kính trọng của học trò đối với thầy giáo. Tất cả mớ bong bong ấy có một kết cục chẳng ra sao: chúng tôi cãi vã ồn ào rồi đoạn tuyệt vĩnh viễn. Nhưng hình ảnh ông gia sư cũng để lại những dấu ấn trong tôi: dù sao một người tóc đã hoa râu lại thổ lộ với tôi chuyện kín phức tạp về quan hệ của ông với một phụ nữ, người nhìn trong ảnh rất hấp dẫn. Tôi cảm thấy mình già dặn hơn từ dạo đó.

Ở các lớp trên, thầy Gamốp [Gamov] dạy môn văn thay thầy Corugianốpxki. Đó là một người còn trẻ, tóc vàng hoe, mũi mũi, cận thị nặng và ốm yếu, ông chẳng cảm thấy một chút hứng thú hay yêu mến gì với bộ môn của mình. Chúng tôi uể oải bước thấp bước cao theo ông từ chương này sang chương khác của cuốn sách giáo khoa. Thêm vào đấy, Gamốp không tận tâm mấy, ông kéo dài đến vô tận việc chấm bài cho chúng tôi. Năm thứ năm chúng tôi phải làm bốn bài luận ở nhà trong một học kỳ. Tôi ngày càng ham thích loại bài này. Không chỉ đọc những sách tham khảo được thầy giáo hướng dẫn, tôi còn đọc rất nhiều cuốn khác, ghi lại những số liệu, những sự kiện để trích dẫn, tôi đánh dấu và biến hóa những câu văn tôi thích, tóm lại tôi học với tinh thần hăng hái không phải bao giờ cũng dừng lại ở mức "đạo văn" vô tội. Có mấy học sinh cũng như tôi, không coi bài luận là công việc khổ sai. Những học sinh năm thứ năm hồi hộp chờ sự phán xét bài vở của mình; người lo lắng, kẻ hi vọng. Nhưng "quan tòa" không lên tiếng. Điều này cũng xảy ra ở tam cá nguyệt thứ hai. Đến tam cá nguyệt thứ ba, tôi nộp một quyển vở chứa đầy các bài luận. Một, hai, rồi ba tuần trôi qua. Không một chút tăm hơi. Bằng lời lẽ thận trọng, chúng tôi nhắc Gamốp. Ông thoái thác. Đến giờ sau lablônốpxki [Iablonsky], một trong những tác giả sốt sắng nhất, hỏi thẳng thừng Gamốp:

- Thầy giải thích ra sao về việc chúng em không được biết kết quả bài tập và thực sự điều gì đã xảy ra với những cuốn vở ấy?

Gamốp thô bạo ngắt lời anh. Iablônốpxki không chịu lùi bước. Nhíu đôi lông mày vốn dĩ đã sát nhau trên sống mũi, anh nóng nảy lay lay nắp bàn và cao giọng rằng không thể làm như thế được.

- Tôi khuyên anh im đi và ngồi xuống - Gamốp trả lời. Nhưng Iablônốpxki không ngồi xuống và cũng không im lặng.

- Mời anh ra khỏi lớp - Gamốp quát lên.

Quan hệ của tôi với Iablônốpxki đã xấu đi từ lâu. Chuyện xảy ra giữa tôi với ông Buốcnang hồi năm thứ hai làm tôi thận trọng hơn. Nhưng lần này tôi vẫn cảm thấy không thể im lặng được và tôi tuyên bố:

- Thừa thầy Antôn Mikhailôvích [Anton Mikhailovitch], bạn Iablônốpxki nói đúng và tất cả chúng em ủng hộ bạn ấy...

- Đúng, đúng thế - vài người khác cũng nói.

Gamốp bắt đầu bối rối rồi nổi giận:

- Thế này là thế nào? - ông gào lên lạc cả tiếng. - Bản thân tôi cũng biết phải làm gì và vào khi nào... Các anh không được ra lệnh cho tôi... các anh phá rối trật tự...

Chúng tôi đã đánh trúng vào điểm yếu của ông.

- Chúng tôi muốn được thấy bài luận của mình, có thể thôi - một người thứ ba đứng lên nói.

Gamốp không tự kiềm chế được nữa.

- Iablônốpski, ra khỏi lớp!

Iablônốpski không nhúc nhích.

- Đi, đi thôi! Còn đợi gì nữa? - người ta thì thào với anh từ mọi phía.

Nhún vai, đảo lòng trắng mắt trên khuôn mặt rám nâu, Iablônốpski giẫm mạnh chân lên sàn, cật ra khỏi lớp và sập cửa thật mạnh

Đầu giờ học sau, Caminxki lặng lẽ vào lớp, vẫn trên đôi giày đế cao su. Điều này không báo hiệu chút gì tốt lành. Cả lớp im lặng như ri. Bằng một giọng kim hơi rè như của một kẻ vừa qua cơn say rượu, ông hiệu trưởng cất lời cảnh cáo ngắn gọn nhưng vô cùng nghiêm khắc trước toàn lớp: ông dọa đuổi những kẻ phạm tội rồi thông báo các mức trừng phạt: Iablônốpski nhận hai mươi tư giờ giam cấm cố và hạnh kiểm "3", tôi bị hai mươi tư giờ cấm cố, kẻ phản kháng thứ ba nhận mười hai giờ. Đó là đòn ngáng thứ hai trên con đường học hành của tôi. Lần này, vụ việc không có những hậu quả nghiêm trọng hơn. Gamốp không trả bài cho chúng tôi và mọi việc kết thúc như thế.

Cũng trong năm đó Nga hoàng mất. Sự việc có vẻ khủng khiếp gần như không thể tin được, nhưng cũng xa vời như một cơn động đất ở một xứ sở xa lạ. Tôi không thấy thương tiếc và cảm tình với vị Nga hoàng ốm yếu đó, chúng tôi cũng chẳng buồn bã vì cái chết của ông. Ngày hôm sau khi đến trường, tôi cảm thấy một nỗi kinh hãi, khiếp đảm không giải thích nổi ở đó.

- Nga hoàng đã mất - lũ học sinh nói với nhau và không biết nói gì thêm, không tìm được lời lẽ để biểu lộ tình cảm vì chúng cũng không biết thứ tình cảm ấy là gì.

Ngược lại, chúng biết chúng được nghỉ học và mừng rỡ ngấm ngầm trong lòng, nhất là những đứa không chuẩn bị bài hoặc sợ bị gọi lên bảng. Ông gác cổng hướng tất cả mọi người về phía hội trường lớn, ở đó đang chuẩn bị tang lễ. Một cha cố đeo kính gọng vàng buông vài lời ngắn gọn thích hợp với hoàn cảnh: con cái buồn rầu khi cha chúng mới mất: nỗi đau còn lớn hơn bao nhiêu khi người cha của cả một dân tộc ra đi.

Nhưng chúng tôi chẳng thấy buồn gì cả. Nghi lễ kéo dài. Mỗi một và chán ngắt. Mọi người được lệnh phải khâu một mảnh băng tang lên cánh tay áo trái và một mảnh nữa lên vành mũ cát kết. Ngoài ra, mọi việc vẫn tiếp diễn như thường lệ.

Ở năm thứ năm các học sinh đã bắt đầu bàn bạc về việc lựa chọn những trường cao hơn và con

đường theo đuổi sau này. Người ta nói nhiều về kỳ tuyển sinh, về các giáo sư đại học Pê-téc-bua tìm cách đánh hỏng thí sinh như thế nào, họ ra đề hóc búa ra sao và ai là những chuyên gia ở Pê-téc-bua giúp việc chuẩn bị thi cử cho các thí sinh. Trong số học sinh đàn anh, một số hàng năm vẫn lên Pê-téc-bua, vẫn hỏng thi, vẫn về chuẩn bị lại rồi lại lao đầu vào thử thách. Chỉ riêng ý nghĩ về các kỳ thi tương lai đã làm không ít kẻ lạnh gáy từ hai năm trước đó.

Không có sự cố gì đặc biệt trong năm thứ sáu. Ai cũng muốn kết thúc năm học càng nhanh càng tốt. Buổi thi tốt nghiệp diễn ra rất long trọng, trong phòng lớn, với sự tham gia của các giáo sư đại học được phòng giáo dục quận gửi đến. Mỗi lần như thế ông hiệu trưởng lại trình trọng mở phong bì do ngài trưởng phòng giáo dục gửi đến, trong đó có bài thi viết. Sau khi đề thi được đọc lên, chúng tôi đồng thanh thở dài vì khiếp đảm như thế cả lũ bị chìm xuống nước lạnh. Thần kinh căng thẳng đến mức mọi người cảm thấy hoàn toàn không giải nổi các bài tập. Nhưng rồi chúng tôi thấy mọi thứ cũng chẳng đến nỗi kinh khủng lắm. Khi hai giờ làm bài gần kết thúc, các thầy giáo giúp chúng tôi đánh lừa sự cảnh giác của những vị đại diện. Làm bài xong tôi không nộp mà ngồi rón lại trong phòng thi, được sự chấp thuận ngầm của thanh tra Corugianốp-xki, tôi trao đổi thư từ sôi nổi với các bạn đang còn trầy trật với bài vở.

Lớp bảy được coi là lớp phụ. Trường Xanh Pôn vốn không có lớp bảy, thành thử phải đăng ký học một trường khác. Trong khoảng thời gian chờ đợi, chúng tôi là những "công dân" tự do. Nhân dịp này, ai nấy đều sắm một bộ thường phục. Hôm phát chúng chỉ tốt nghiệp, chúng tôi tập trung thành một nhóm đông tại vườn mùa hè, nơi các nữ ca sĩ tập kỹ hát trên bục, học sinh vốn bị cấm ngặt vào đây. Tất cả đều thắt cà vạt, hai chai bia được đặt trên bàn và chúng tôi phì phèo thuốc lá trong miệng. Ai nấy thầm cảm thấy lo lắng về sự liều lĩnh của mình.

Chúng tôi vừa mở chai bia thứ nhất thì thầy giám thị Vinhem [Wilhelm] xuất hiện bên bàn, ông có biệt danh "con dê cái" vì giọng nói eo éo. Theo bản năng chúng tôi toan đứng dậy và cảm thấy tim hơi thất lại. Nhưng không có gì đáng sợ.

- À, thì ra các anh đã ở đây rồi... - Vinhem nói giọng đượm buồn và hào hiệp chìa tay bắt từng người. Anh K. nhiều tuổi nhất trong số chúng tôi - người có một chiếc nhẫn ở ngón tay út - thẳng thắn mời ông cạ chén với chúng tôi. Điều này đã hơi quá. Vinhem nghiêm túc từ chối lời mời, ông vội vã chào chúng tôi và lại đi lùng sục các học sinh khác vi phạm khu vườn cấm. Càng yên tâm hơn bao giờ hết, chúng tôi lao vào uống bia.

Bảy năm tôi sống trong trường Hiện đại, kể cả năm dự bị, không thiếu những niềm vui, nhưng rõ ràng niềm vui ít hơn những tủi hờn. Những kỷ niệm thời học sinh của tôi, dù không phải hoàn toàn màu đen, nhưng cũng nhuộm màu xám. Đứng ngoài mọi sự cố của trường học, nặng nề hay vui vẻ, chúng tôi cảm thấy sự thờ ơ lạnh nhạt và hệ thống hành chính hình thức đè nặng lên mình. Khó nhắc được tên một thầy giáo nào mà tôi thực sự hồi tưởng lại với lòng yêu quý.

Mặc dù trường tôi không thuộc loại tồi nhất. Dẫu sao, trường vẫn dạy cho tôi những kiến thức sơ đẳng, thói quen làm việc có phương pháp và khiến tôi tuân thủ kỷ luật bên trong. Sau này, những thứ ấy trở nên cần thiết đối với tôi. Cùng lúc đó, trái hẳn với mục đích được đề ra, nhà trường đã gieo trong tôi sự căm thù đối với thể chế hiện hành. Dù sao những hạt giống ấy cũng không rơi vào sỏi đá.

CHƯƠNG V NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ

Tôi không rời khỏi làng trong chín năm đầu của cuộc đời mình. Bảy năm tiếp theo, tôi về làng mỗi vụ hè, đôi khi cả vào dịp lễ Giáng sinh và Phục sinh. Cho đến năm gần mười tám tuổi, tôi gắn bó mật thiết với lanốpcà và với tất cả những gì xung quanh nó. Trong những năm đầu của thời thơ ấu, làng quê có ảnh hưởng hết sức lớn lao đối với tôi. Giai đoạn tiếp theo, ảnh hưởng đó bị cạnh tranh bởi tác động của thành phố và nó đã phải nhường bước trên toàn trận tuyến.

Nông thôn cho tôi ki ến thức về nông nghiệp, về máy xay, máy bó lúa của Mỹ. Nó đưa tôi gần gũi với những nông dân người trong vùng đến xay thuê và cả những người từ các tỉnh thuộc chính phủ Ucoraina đến kiếm ăn với một cái liềm và bị vất vai. Sau này, nhiều điều trong cuộc sống thôn dã bị lãng quên, mờ nhạt trong ký ức tôi, nhưng ở mỗi bước ngoặt mới của cuộc đời chúng lại xuất hiện và giúp tôi trong việc này, việc khác.

Trong môi trường tự nhiên của nó, nông thôn cho tôi thấy những điển hình của tầng lớp quý tộc bại sản hay của sự đầu cơ tư bản đang lên. Nó bộc lộ cho tôi khá nhiều biểu hiện của mối quan hệ giữa người với người trong cái thô thiển tự nhiên của những mối quan hệ ấy. Do vậy tôi cảm nhận thấm thía hơn một thứ văn hóa khác, cao hơn nhưng cũng chứa đựng lắm mâu thuẫn hơn là văn hóa đô thị.

Ngay từ các vụ nghỉ hè đầu, đã có sự đối chiếu thành thị và nông thôn trong nhận thức của tôi. Tôi trở về nhà với một nỗi hăm hở vô biên. Tim tôi như nhảy lên vì vui mừng. Tôi mong gặp lại tất cả mọi người và khoe mình với họ. Cha tôi đón tôi ở Nôvuri Bugor. Tôi cho ông xem tất cả những điểm "5" của mình và giảng giải với ông: từ giờ trở đi tôi đã là học sinh lớp một, tôi rất cần một bộ đồng phục lễ hội.

Chúng tôi đi ban đêm bằng xe hòm, một anh thư ký trẻ làm nhiệm vụ đánh xe. Trong thảo nguyên, nhất là ven bờ thung lũng, không khí lạnh và ẩm ướt trùm lên người, thành thử tôi được trùm trong một chiếc áo choàng dạ lớn. Say sưa vì thay đổi chỗ ở, vì đi đường, vì những kỷ niệm và cảm tưởng, càng ngày tôi càng kể không biết mệt về học đường, về những buổi đi tắm, về cậu bạn Cốttxchia R. của tôi, về nhà hát. Không ngừng một phút, tôi kể từ đầu đến cuối, trước tiên là chuyện *Nada Xtôđôlia*, rồi đến *Anh bạn cùng nhà thổi kèn lệnh*. Cha tôi lắng nghe,

thỉnh thoảng thiếp đi rồi lại choàng dậy và cười thỏa mãn. Anh thư ký trẻ lâu lâu quay đầu lại và nhìn ông chủ: chà, câu chuyện thật hay!...

Tờ mờ sáng tôi thiếp đi và chỉ thức dậy khi đến Ianốpca. Tôi thấy căn nhà nhỏ kinh khủng, bánh mì nhà quê thì màu xám. Tất cả lối sống nông thôn với tôi vừa thân thuộc vừa xa lạ. Tôi cũng kể cho mẹ và các chị em tôi về sân khấu, nhưng đã không nồng nhiệt như hồi đêm với cha tôi. Trong xưởng tôi gặp Vichia và Đavít, họ thay đổi đến mức tôi gần như không nhận ra: cả hai đều lớn lên nhiều và vạm vỡ. Nhưng họ cũng nhìn tôi với con mắt khác. Họ thừa "anh" với tôi ngay. Tôi phản đối.

- Làm sao có thể khác được? anh chàng Đavít rám nắng, gầy gò và trầm tĩnh đáp lại. - Anh đã là người có học thức.

Trong thời gian tôi đi vắng, Ivan Vaxiliévích đã lấy vợ. Nhà bếp của kẻ ăn những người ở nằm cạnh xưởng, được sửa thành căn hộ cho anh; nhà bếp chuyển vào một nhà mới, tường đất, ngay sau xưởng.

Tuy nhiên không phải chỉ có thế. Đột nhiên tôi cảm thấy một bức tường dựng lên giữa tôi và những gì đã đánh dấu thời thơ ấu của tôi. Mọi thứ đều như thế nhưng cũng không phải như thế nữa. Người và vật hình như đã bị thay thế. Tất nhiên trong vòng một năm, những thay đổi này khác đã xảy ra. Nhưng cái chính là cách nhìn của tôi đã thay đổi. Ngay từ lần thăm nhà đầu tiên, một thứ xa cách đã diễn ra giữa tôi và gia đình: thoát đầu trong những việc nhỏ nhặt rồi với năm tháng, nó trở nên nghiêm trọng và sâu sắc hơn.

Ảnh hưởng kép của thành thị và nông thôn đã tác động đến cả thời kỳ đi học của tôi. Ở thành phố, tôi cư xử tự tin hơn hẳn mọi người: trừ một vài xung đột hiếm hoi, nhưng dữ dội như với ông "người Pháp", hoặc với thầy dạy văn và ngôn ngữ, tôi tiến bước khá đều đặn, tuân thủ đầy cương kỷ luật của gia đình và nhà trường. Nguyên nhân điều này tôi thấy một phần nằm ở tập quán sống của gia đình Spenxe, nơi những mối quan hệ cá nhân được tạo dựng trên các yêu cầu hợp lý và những tiêu chuẩn tương đối cao; phần khác trong guồng sống đô thị. Nói đúng ra, những mâu thuẫn của thành thị không nhỏ hơn chút nào so với mâu thuẫn ở nông thôn, ngược lại thậm chí còn lớn hơn; nhưng ở thành phố chúng được che đậy, sắp xếp, quy chế hóa hơn nhiều. Những người thuộc các giai cấp xã hội khác biệt chỉ tiếp xúc với nhau trong các vụ việc làm ăn, ngoài ra họ dường như không tồn tại đối với nhau. Ngược lại ở nông thôn, mỗi người buộc phải sống dưới con mắt những người khác. Mối lệ thuộc của người này vào người khác cũng hiển hiện rõ ràng như chiếc lò so trời lên khỏi tấm đệm ghế cũ. Ở làng, tính tôi không điềm đạm mà hay sinh sự hơn rất nhiều. Ngay cả với chị Phanni Xôlômônốpna khi chị về nhà tôi chơi, mỗi khi chị thận trọng đứng về phía mẹ hoặc chị tôi, tôi cũng hay gây gổ và tỏ ra hỗn láo với chị mặc dù ở thành phố quan hệ giữa tôi với chị chẳng những tốt mà còn đầy tình

thương mến. Những cuộc đụng độ đôi khi chẳng bắt nguồn từ đâu, nhưng lắm lúc chúng bị gây ra bởi những việc nghiêm trọng hơn.

Mặc bộ quần áo mới giặt, thắt lưng da có khóa đồng, đội mũ cát-két gắn một huy hiệu vàng lấp lánh dưới nắng, tôi hoàn toàn choáng lộn. Phải phô điều này cho mọi người được biết chứ! Tôi cùng cha đi xe ra đồng vào thời cao điểm của vụ gặt mùa thu. Anh thợ cả Áckhíp [Arkhip] hay cầu nhàu nhưng hiền hậu đi đầu lên một đỉnh đồi, theo sau anh là mười một thợ gặt và mười hai chị bó lúa. Mười hai cái liềm cắt lúa và bầu không khí bị hun đốt. Khi làm việc, Áckhíp vận chiếc quần đơm một khuy sừng, các chị xếp lúa mặc váy rách hoặc áo sơ mi bằng vải mộc. Từ xa, nghe tiếng lưỡi hái mà tưởng như tiếng bầu không khí nóng rung rung.

- Đưa đây cho tôi - cha tôi nói, để xem rạ mùa đông như thế nào...

Ông đón lưỡi hái từ tay Áckhíp và thế vào chỗ anh. Tôi nhìn ông hồi hộp. Động tác của cha tôi đơn giản, quen thuộc, dường như ông không làm việc mà chỉ chuẩn bị làm; bước chân ông nhẹ nhàng thăm dò như thể ông tìm nơi để có thể ra tay. Ông sử dụng lưỡi hái trong tay một cách đơn giản, hoàn toàn không hăm hở, thoạt nhìn có thể cho rằng ông chưa được chắc tay lắm, nhưng nhát cắt rất thấp, rất bằng - ông tiện đứt và thuận tay hất sang trái những gì đã bị hót thành một dải liên tục.

Áckhíp liếc nhìn cảnh đó và có thể thấy rằng anh tán thưởng công việc của cha tôi. Những kẻ còn lại nhìn theo nhiều cách: người thì thân thiện - thấy chưa, ông chủ thạo việc; kẻ khác lạnh lẽo - gặt cho mình mà lại, hèn gì, với cả cũng chỉ là làm mẫu thôi.

Có thể tôi chưa diễn đạt được thành lời những gì mình thấy, nhưng tôi cảm thấy vô cùng chính xác cái cơ chế phức tạp của những mối quan hệ. Khi cha tôi bước sang một thửa ruộng khác, tôi cũng tập thử với lưỡi hái.

- Cậu để rạ dưới gót giày, dưới gót giày, còn phần để phía trước thì thả lỏng ra, đừng đè chặt! Song trong cơn hồi hộp, tôi không biết cái mũi giày hay cái đế giày ở đâu và vùng lưỡi hái lần thứ ba thì đã cắm phập nó vào đất.

- Hê, hê, cứ thế thì chẳng mấy chốc sẽ đi toi cái lưỡi hái - Áckhíp nói. - Cậu còn phải học ông nhiều.

Tôi cảm thấy trên mình cái nhìn chế giễu của một cô gái xếp lúa, người rám nắng và đầy bụi bặm; vệt vàng rút lui, mồ hôi của tôi tuôn ra như suối dưới cái mũ cát-két có gắn huy hiệu đẹp.

- Về mà ăn bánh ngọt với mẹ - tôi nghe giọng chế nhạo của Mutudốc sau lưng. Tôi biết anh thợ gặt đen như củ súng này: anh nhập cư hẩn ở Ianốpca sau ba năm làm việc tại đây. Đó là một người khéo tay nhưng hay đặt điều nói xấu, năm ngoái anh cố tình nói những lời độc địa về ông bà chủ trước mặt tôi.

Tôi thích sự bạo dạn và can đảm của anh ta, đồng thời những lời nhạo báng thô lỗ của anh làm

nảy nở trong tôi sự thù ghét bất lực. Tôi muốn nói một lời nào đó để biến anh thành đồng minh của tôi, hoặc trái lại, lấy quyền lực để bịt miệng anh nhưng tôi lại không biết những thứ đó... Khi ở đồng về nhà, tôi thấy bên cửa ra vào một phụ nữ đi đất. Dựa vào tường, chị ngồi xổm bên tấm đá, không dám ngồi lên nó; đó là mẹ của Ignátca [Ignatka], cậu mục đồng cảm hấp. Chị đi bộ bảy dặm để xin một rúp, nhưng chẳng có ai ở nhà và không ai cho chị đồng rúp ấy. Chị sẽ còn đợi đến chiều. Trái tim tôi se lại khi nhìn bóng hình chị, con người thể hiện cả sự khốn cùng và nhẫn nhục.

Một năm sau tình hình cũng không khá hơn tại Ianópca. Còn trái lại nữa là khác. Chơi bóng chày về, tôi gặp cha tôi đi từ đồng, mệt mỏi và bức dọc, toàn thân đầy bụi bặm, theo sau là một nông dân bé nhỏ ăn mặc lôi thôi, chân trần lấm chấm đen, ông ta rảo bước và cầu khẩn cha tôi: - Lạy Chúa, cho con xin lại con bò cái, con thề sẽ không để nó vào ruộng nhà ông nữa.

Cha tôi trả lời:

- Con bò của mày chỉ ăn có mười cô-pếch, nhưng làm tao hại đến mười rúp đấy!

Người nông dân lại van vỉ nhưng trong lời cầu khẩn của ông có pha chút căm hờn.

Cảnh tượng này làm tôi rung động đến tận đường gân thớ thịt sâu thẳm nhất. Tâm trạng hưng khởi của tôi sau trận đấu bóng chày dưới các cây lê, nơi tôi đã đánh bại oanh liệt các chị gái, đột nhiên nhường chỗ cho nỗi thất vọng tràn trề.

Tôi đi rất nhẹ qua trước mặt cha tôi rồi nhào vào phòng ngủ, nằm vật ra giường và khóc nức nở không ngừng dù tôi đã có thể học sinh năm thứ hai. Cha tôi qua lối vào phòng ăn, người nông dân theo ông đến bậc thềm, chân đất dậm lên nền. Tôi nghe thấy tiếng người nói rồi người nông dân bước đi.

Mẹ tôi từ trạm xay lúa về, tôi nhận ra giọng bà, tôi nghe thấy mọi người chuẩn bị bữa trưa rồi tiếng bà gọi tôi. Tôi không trả lời, chỉ khóc. Cuối cùng tôi cảm thấy nước mắt cũng có hương vị của niềm hạnh phúc tuyệt vời. Cửa mở và mẹ tôi cúi xuống bên tôi.

- Sao thế con, Liôvôtrôca?

Tôi không trả lời. Cha mẹ tôi thì thầm.

- Con khóc vì cái lão nông dân loắt choắt ấy chứ gì? Nhưng lão ta đã nhận lại được con bò cái, lại chẳng bị phạt xu nào.

- Không phải vì thế đâu - tôi đáp, mặt vùi vào gối, xấu hổ với ý nghĩ: thế mà cũng khóc.

- Ngay cả tiền phạt ông ta cũng không phải nộp - mẹ tôi tiếp tục trấn an.

Cha tôi đoán ra lý do làm tôi buồn và ông nói với mẹ tôi. Chỉ cần liếc qua là ông đã nhận ra khá nhiều việc

Một hôm trong lúc chủ nhà đi vắng, một tên đội trưởng hiến binh thô tục, tham lam, hỗn láo đến nhà tôi, y đòi kiểm tra thẻ căn cước của các công nhân. Thấy hai tờ đã quá hạn, y liền cho

gọi chủ nhân từ đồng về và tuyên bố: họ bị bắt giữ và sẽ bị chuyển hồi về nguyên quán cùng đoàn tù khổ sai trong lần gần nhất.

Trong số những kẻ "phạm tội", có một ông già cổ rám nắng hằn những vết nhăn sâu, người kia là cháu họ ông, một thanh niên. Cả hai quỳ gối trần trên nền đất nện ở cửa ra vào, ông già quỳ trước và anh thanh niên sau ông, họ cúi sát đất lạy lục và lạy đi lạy lại:

- Nhân danh Chúa cao vời, xin rủ lòng thương chúng con!

Tên hiến binh vạm vỡ, đậm mồ hôi vung vẩy thanh kiếm, nhấp chút sữa lạnh được đem lên từ kho chứa dưới hầm và đáp lại:

- Tao chỉ làm phúc ngày lễ thôi mà bữa nay lại là ngày thường...

Tôi thấy mình như đứng trên lửa bỏng và lắp bắp một câu phản đối gì đó bằng giọng nghẹn ngào.

- Đây không phải chuyện của cậu - tên hiến binh nghiêm khắc nói, tách rời từng âm tiết một.

Chị cả tôi giơ ngón tay ra hiệu tôi đừng nói vào. Tên hiến binh đưa hai người thợ đi.

Tôi giữ chân kế toán trong vụ hè. Lần lượt, tôi, anh và chị tôi ghi vào sổ đăng ký các công nhân được tuyển dụng, điều kiện tuyển dụng cùng những khoản chi trả bằng hiện vật hoặc bằng tiền.

Khi tổng kết, thanh toán, tôi hay phụ việc cho cha tôi, khi ấy chúng tôi thường có những cuộc cãi cọ ngắn, bị nén lại vì sự có mặt của các công nhân. Người ta không lừa ai bao giờ, song các điều kiện trong hợp đồng luôn được diễn giải rất chặt chẽ. Các ông thợ, nhất là những người nhiều tuổi nhận ra cậu bé đứng về phía họ và điều đó làm cha tôi bực bội.

Sau những cuộc cãi vã kịch liệt, tôi cấp nách một cuốn sách, bỏ đi và đôi khi không trở về ăn bữa trưa. Sau một lần cãi cọ như thế, tôi bất ngờ gặp cơn giông ngoài đồng, sấm rền không ngớt, thảo nguyên nín thở dưới cơn mưa rào lớn, dường như các tia chớp tấn công tôi lúc từ phía này, lúc từ phía khác. Tôi đi đi lại lại, người ướt sũng, lội bì bõm trong đôi giày và chiếc mũ cát-két của tôi biến thành một máng nước. Khi trở về đến nhà, mọi người liếc mắt nhìn trộm tôi. Chị tôi bắt tôi thay quần áo khô và cho tôi ăn.

Cuối kỳ nghỉ hè, theo thường lệ tôi cùng cha tôi trở về thành phố. Những khi đổi tàu, chúng tôi không thuê người vác mà tự mang lấy hành lý. Cha tôi xách những thứ nặng nhất và cứ nhìn đáng lưng và cánh tay dang ra của ông, tôi biết ông khó nhọc. Tôi thấy thương ông và cố xách những gì tôi xách được. Thỉnh thoảng trong số hành lý, chúng tôi cũng mang một chiếc thùng lớn đựng quà cáp của dân làng đem biếu bà con ở Ôđétxa, khi ấy phải thuê người vác. Cha tôi trả công rất chi li. Người phụ vác không bằng lòng và lắc đầu về phật ý. Việc này bao giờ cũng làm tôi cảm thấy khó chịu. Nếu tôi đi xe tàu một mình và phải thuê người vác, tôi tiêu vung tiền túi rất nhanh, bao giờ cũng sợ trả chưa đủ và tôi bắn khoả tìm ánh mắt của người phụ vác. Tôi phản ứng lại tính dè sẻn của gia đình như vậy và suốt đời tôi vẫn thế.

Ở nông thôn cũng như ở thành thị, tôi đã sống trong môi trường tiểu tư sản, nơi mà mọi cố gắng đều hướng về sự làm giàu. Thành thử, tôi xa cách môi trường nông thôn những năm đầu của thời thơ ấu và cả thế giới thành thị của những năm tôi đi học. Tôi rời bỏ bản năng góp nhặt, lối sống và tầm nhìn tiểu tư sản bằng một động lực bất ngờ và xa rời chúng trong suốt cuộc đời.

Trong các vấn đề tôn giáo và dân tộc, thành thị và nông thôn không đối lập với nhau, ngược lại, chúng bổ sung cho nhau từ nhiều mặt.

Gia đình tôi không có tư tưởng sùng đạo. Thoạt tiên, một vài biểu hiện bên ngoài còn sót lại bởi ảnh hưởng của sức ỳ: trong những ngày lễ lớn, cha mẹ tôi đến nhà thờ Do Thái của khu kiều dân, ngày thứ bảy mẹ tôi không may áo quần, ít ra cũng không may trước mặt mọi người.

Nhưng những tập tục nghi lễ ấy càng yếu dần đi theo ngày tháng, khi lũ trẻ lớn lên và gia đình cũng khá giả hơn. Từ thời thanh niên, cha tôi đã không tin vào Chúa và sau này ông nói thẳng ra điều đó trước mặt vợ con. Mẹ tôi muốn tránh vấn đề này, mỗi khi nhắc đến nó bà lại ngược mắt nhìn trời.

Khi tôi lên bảy hoặc tám tuổi, mọi người coi lòng tin vào Chúa như một thứ chính thống. Có lần, một ông khách - như thường lệ, cha mẹ tôi đem khoe những đứa con mình và bắt tôi phải đưa ra những bức tranh cùng thơ ca do tôi làm - đã hỏi tôi:

- Thế Chúa Trời là gì?

- Chúa Trời là một loại người - tôi trả lời không chút ngập ngừng.

Nhưng ông khách lắc đầu.

- Không, không, Chúa Trời không phải là người

- Thế thì Chúa Trời là gì? đến lượt tôi vặn lại vì ngoài con người ra, tôi chỉ biết thú vật và cây cỏ.

Ông khách và cha mẹ tôi lúng túng đưa mắt và mỉm cười với nhau như cách người lớn vẫn làm khi lũ trẻ con đã động đến các vấn đề nan giải muôn thuở.

- Chúa Trời là một đấng tinh thần - ông khách nói.

Đến lượt tôi mỉm cười bối rối nhìn lên mặt người lớn xem họ có chế giễu tôi không.

Nhưng không, hoàn toàn không phải trò đùa. Không còn cách nào khác, tôi phải chấp nhận điều này. Tôi quen nhanh chóng với chuyện Chúa Trời là một đấng tinh thần thuần túy. Cũng như một kẻ mọi rợ, tôi liên hệ ý tưởng Chúa Trời với ý tưởng về tinh thần của chính tôi mà tôi gọi là linh hồn, tôi đã biết rằng, tinh thần tức hơi thở sẽ mất đi khi con người qua đời. Nhưng lúc đó tôi chưa biết đây là một học thuyết có tên là thuyết vật linh.

Vào kỳ nghỉ hè đầu tiên, khi tôi sắp sửa ngủ trên chiếc ghế dài trong phòng ăn, tôi bắt chuyện về Chúa Trời với D., một sinh viên đến chơi lanhnhỏpca, anh cũng nghỉ trưa trên chiếc đi-văng.

Thời đó, tôi bán tín bán nghi về sự hiện hữu của Chúa Trời. Tôi không chú ý đặc biệt đến vấn đề này, nhưng giá có một câu trả lời xác đáng thì cũng hay.

- Sau khi người ta chết, linh hồn biến đi đâu? - tôi hỏi, đầu ngả trên gối.

- Thế nó biến đi đâu khi người ta ngủ? - trả lời.

- Nhưng mà những khi ấy,... vẫn... - tôi đáp lại, cố chống cơn buồn ngủ.

D. tiếp tục tấn công:

- Thế linh hồn một con ngựa biến đi đâu khi nó lăn quay ra chết?

Lời bác bỏ ấy khiến tôi thỏa mãn hoàn toàn và tôi chìm vào giấc ngủ thanh thản.

Trong gia đình Spenxe, tuyệt đối không có tư tưởng tôn giáo, trừ một bà cô già nhưng không ai tính đến. Tuy nhiên, cha tôi muốn tôi biết *Kinh Thánh* trong nguyên bản, đó là một trong những điều tự đắc cơ bản của ông. Vì thế ở Ôđétxa, tôi có những tiết học riêng về *Kinh Thánh* với một cụ già rất thông thái. Những buổi học ấy chỉ kéo dài vài tháng, chúng không hề củng cố chút nào về đức tin trong tôi. Phát hiện trong lời nói của ông thầy một chút sắc thái lập lờ đối với văn bản chúng tôi đang nghiên cứu, tôi hỏi ông bằng sự thận trọng của nhà ngoại giao:

- Nếu chúng ta đặt giả thiết - như nhiều người nghĩ - rằng không có Chúa Trời thì thế giới xuất hiện như thế nào?

- Hừm - thầy trả lời -, con có thể đặt câu hỏi này cho chính bản thân người đó.

Cụ già chỉ giảng giải bằng những lời vòng vo như thế. Tôi hiểu rằng người dạy đức tin cho tôi cũng chẳng tin vào Chúa Trời và vì thế, cuối cùng tôi hoàn toàn yên tâm.

Học sinh của trường Trung học Hiện đại thuộc nhiều dân tộc và tôn giáo khác nhau. Tùy theo từng tôn giáo, giáo lý "thánh hiền" được nhiều thầy giảng giải: một linh mục nhà thờ chính thống, một mục sư Tin Lành, một cha Thiên Chúa giáo và một giáo trưởng Do Thái.

Ông linh mục là cháu họ của vị tổng giám mục và như lời thiên hạ, ông được các bà sủng ái. Đó một thanh niên đẹp như trong tranh, có mái tóc vàng hoe giống chúa Kitô, nhưng hoàn toàn là kẻ thế tục với cặp kính gọng vàng, mái tóc bông vàng chóe và trung diện đến mức không ai chịu nổi. Trước giờ học giáo lý, các học sinh được chia ra từng nhóm, những kẻ không theo đạo chính thống bị đưa ra khỏi lớp, đôi khi ngay trước mặt ông linh mục. Đối với họ, ông ta có một vẻ mặt đặc biệt: ông khinh khỉnh nhìn những người đi ra, tuy có giảm đi chút ít bởi tấm lòng rộng lượng của chúa Kitô.

- Các anh đi đâu? - ông hỏi một trong những người ra khỏi lớp.

- Chúng con theo Thiên chúa giáo người kia đáp.

- A! Thiên chúa giáo...

Ông linh mục lặp lại và đu đưa cái đầu.

- Tốt, tốt, tốt... thế còn các anh kia?

- Chúng con là Do Thái.

- Do Thái, trẻ con Do Thái, ờ... ờ... ờ...

Một ông cha cố Ba Lan nhập vào đám học sinh Thiên Chúa giáo như một bóng đen, lúc nào ông cũng đi nép vào tường, ông đến rồi vụt biến đi chẳng ai nhận ra đến nỗi trong những năm đi học chưa bao giờ tôi thấy rõ khuôn mặt cạo nhẵn nhụi của ông. Một người tốt bụng tên là Dieghenman [Ziegelmann] dạy *Kinh Thánh* và lịch sử dân tộc Do Thái bằng tiếng Nga cho các học sinh Do Thái. Chẳng ai coi trọng những giờ học ấy.

Vấn đề dân tộc không bao giờ làm tôi bận tâm vì không dễ nhận ra nó trong đời sống thường nhật. Mặc dù những đạo luật đặc biệt ban bố năm 1881 khiến cha tôi không được mua đất - đó luôn là tham vọng của ông - và chỉ được thuê đất bằng tên người khác; nhưng tất cả những điều này đụng chạm đến tôi quá ít. Là con một địa chủ khá giả, tôi thuộc về giai cấp có lợi quyền hơn là những người bị áp bức.

Trong gia đình và ở trang trại, người ta dùng thứ tiếng Nga có lẫn tiếng Ucoraina. Khi tôi đăng ký vào trường học, một định lượng hạn chế (*numerus clausus*) mười phần trăm đối với người Do Thái khiến tôi mất một năm học, nhưng sau đó lúc nào tôi cũng thuộc số học sinh đứng đầu lớp và tôi không cảm thấy trực tiếp tác động của định lượng ấy. Các học sinh thuộc dân tộc thiểu số trong trường cũng không bị đàn áp ra mặt. Ở một mức độ nào đó, thành phần chủng tộc phong phú - chẳng những của các học sinh mà cả trong số giáo viên - cũng góp phần tạo nên điều này. Nhưng vẫn có thể cảm thấy một thứ chủ nghĩa sô- vanh tiềm ẩn và thỉnh thoảng nó nổ ra. Thầy giáo dạy sử Liubimốp khoái trá vặn hỏi một học sinh Ba Lan về việc những người theo đạo chính thống bị tổ tiên anh ta đàn áp như thế nào ở Bêlôrútchia và Lítva [Lithuanie]. Míchkiêvích [Mickiévitch], một cậu bé da nâu gầy gò, mặt mày tái mét, răng nghiến chặt đứng trước mặt thầy giáo và không nói một lời nào.

-Này, anh làm sao đấy? - Liubimốp thúc giục cậu ta với một vẻ thích thú trông thấy. - Sao anh lại im lặng?

Một học sinh không chịu được nữa nói:

- Míchkiêvích cũng là người Ba Lan và là người Công giáo.

- À, à thế à... - Liubimốp kéo dài giọng với một vẻ ngạc nhiên giả trá. - Ở trường này, không có những sự phân biệt như thế...

Tôi phản ứng gay gắt trước những điều giả dối đều cáng của ông thầy dạy sử đối với các học sinh Ba Lan, sự gây gổ độc ác của lão Buốcnang "người Pháp" với học sinh người Đức và cái lắc đầu của tay linh mục trẻ khi nhìn thấy "lũ trẻ con Do Thái". Sự bất bình đẳng giữa các dân tộc hằn đã là một trong những động lực ngầm ngấm khiến tôi chán ghét chế độ, nhưng lý do này hoàn toàn tan biến đi trong những bất công khác của xã hội và chẳng những không đóng vai

trò cơ bản, sự bất bình đẳng ấy còn không có vai trò độc lập.

Ý thức về ưu thế của toàn thể đối với bộ phận, của quy luật đối với sự việc, của lý thuyết đối với kinh nghiệm cá nhân đã nảy sinh sớm trong tôi và lớn mạnh lên cùng với tháng năm. Thị thành đóng vai trò quyết định trong việc hình thành ý thức này, cái ý thức sau đó trở nên nền tảng thế giới quan của tôi. Khi bọn học sinh - đã học vật lý và khoa học tự nhiên - nói những điều mê tín về ngày thứ hai, cho đó là một ngày xấu, hoặc bảo điều bất hạnh sẽ tới nếu một cha cố qua đường trước mặt họ, tôi vô cùng phẫn nộ và coi đó là một xúc phạm đến tư tưởng. Tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì để lôi kéo các bạn tôi ra khỏi những tín ngưỡng nhục nhã ấy.

Khi ở lanốpca người ta phải vất vả lắm để tính diện tích một thửa ruộng có dạng hình thang, tôi dùng theo cách của Ơcolít [Euklitde] và giải phẳng bài toán trong vòng hai phút. Nhưng đáp số của tôi không phù hợp với kết quả "thực nghiệm" và người ta không tin tôi. Tôi chỉ cho họ sách giáo khoa hình học, tôi thề thốt về khoa học, tôi giận dữ, tôi hỗn hào nhưng không thuyết phục được ai và đành chịu thất vọng.

Tôi tranh cãi dữ dội với Ivan Vaxiliêvích, người thợ máy của làng vì anh không từ bỏ hi vọng thiết kế một động cơ vĩnh cửu vào một lúc nào đó. Với anh, định luật bảo toàn năng lượng là thứ lý thuyết không mấy liên quan đến đối tượng anh tìm tòi.

- Sách là một chuyện, còn thực hành lại là chuyện khác... - anh nói.

Tôi không hiểu được và không chịu được những người nhân danh sai lầm thông thường hoặc những mơ tưởng phi lý để từ bỏ các chân lý bất di, bất dịch.

Về sau này, ý thức rằng cái tổng quát có ưu thế trên cái cá biệt đã trở thành bộ phận không thể tách rời trong các công trình văn học và trong đường lối chính trị của tôi. Chủ nghĩa kinh nghiệm thiển cận, thái độ cúi đầu trước sự việc - đôi khi chỉ là một sự tưởng tượng, nhiều lúc bị suy diễn sai trái - đối với tôi thật đáng thù ghét. Tôi tìm các quy luật trên các sự kiện. Cố nhiên việc này lắm khi dẫn tôi đến những tổng quát hóa vội vàng, nhầm lẫn, nhất là trong những năm tôi còn trẻ, khi tôi còn thiếu các hiểu biết đầy đủ về khoa học và cuộc đời. Nhưng trong mọi lĩnh vực, tôi chỉ cảm thấy mình có khả năng tiến bộ và tung hoành nếu tôi nắm được trong tay sợi dây khái quát hóa. Chủ nghĩa xã hội cách mạng cấp tiến trở thành trục chính của đời sống tinh thần trong tôi, xuyên suốt cuộc đời, bắt nguồn chính từ sự thù nghịch tư tưởng với những thứ đấu tranh tầm thường bới lông tìm vết, với chủ nghĩa kinh nghiệm và nói chung, với tất cả những thứ không được hình thành trong một ý thức hệ, không được khái quát hóa trên phương diện lý thuyết.

Tôi thử nhìn lại bản thân mình thời đó. Không chút nghi ngờ, tôi là một cậu bé đầy tự phụ, sôi sục, có thể là khó gần. Khi đưa bé ấy vừa đi học, nó không có mấy ý thức về sự trội hơn đối với các bạn cùng lứa. Đúng là ở làng người ta đem nó ra khoe với khách đến chơi, nhưng tại đó nó

không có ai để so sánh khả năng của mình. Còn lũ trẻ thành phố đôi khi về lanốpca, chúng luôn có cái uy thế "bề trên" không thể với tới được của các học sinh trung học, đó là chưa kể đến lợi thế về tuổi tác khiến người ta chỉ có thể nhìn chúng từ dưới lên.

Ngược lại, trường học là một đấu trường cạnh tranh kịch liệt. Kể từ giây phút được đứng đầu lớp, bỏ xa đứa thứ nhì, chú bé người lanốpca cảm thấy nó có khả năng hơn những kẻ khác. Lũ trẻ chơi với nó thừa nhận nó hơn bọn chúng. Điều này không thể không ảnh hưởng đến tính tình của nó. Các thầy giáo cũng rất hay khen ngợi nó; một vài thầy như ông Corugianốpxki còn đưa nó lên vị trí rất cao. Nói chung các thầy đối xử với nó tốt nhưng dè chừng. Ở lũ học sinh thì có sự phân chia: nó có những bạn bè rất thân thiết nhưng cũng có những kẻ thù địch.

Nó không phải không biết tự phê bình, thậm chí còn đòi hỏi rất cao với bản thân. Nó chưa bằng lòng với kiến thức đã có và những nét chính trong tính khí nó, với thời gian, ý thức ấy càng trở nên mạnh mẽ. Nó giận dữ khi thấy mình chưa nói sự thực, nó luôn luôn trách mình khi chưa đọc những cuốn sách mà các bạn khác tự tin nhắc đến... Cố nhiên những điều này gắn liền với tính tự ái của nó. Ý tưởng muốn thành người giỏi hơn, thông minh hơn, hiểu biết hơn, không để cho nó yên. Nó suy nghĩ về số phận con người và đặc biệt, số phận nó nói riêng.

Một buổi tối, Môixây Philíppôvích đi qua trước mặt tôi và trịnh trọng hỏi:

- Này cậu em, cậu có suy nghĩ về cuộc đời không?

Người bảo lãnh tôi thường dùng đến lối tu từ đùa cợt bằng một kiểu nói châm biếm như trên sân khấu. Nhưng lần này, câu hỏi ấy khiến tôi cảm thấy như bỏng rát cả cơ thể. Đúng, tôi đang suy nghĩ về cuộc đời; chỉ có điều tôi chưa biết định nghĩa tất cả những bản khoăn, day dứt của một cậu bé đứng trước tương lai bằng khái niệm ấy. Tôi có cảm tưởng người bảo lãnh của tôi đã thấu tỏ tất cả.

- Nào, thấy chưa, có phải là tôi đoán đúng không? - anh nói bằng giọng khác hẳn, vỗ nhẹ vào lưng tôi và về phòng mình.

Trong gia đình Spenxe có những chính kiến về chính trị không? Có, đó là những ý tưởng tự do chủ nghĩa ôn hòa; trong trường hợp Môixây Philíppôvích, là cảm tình mơ hồ với chủ nghĩa xã hội pha chút sắc thái dân túy và tư tưởng Tônxtôi. Người ta hầu như không bao giờ nói chuyện chính trị, nhất là trước mặt tôi: có thể họ sợ tôi nói quá đi vài lời trước bạn bè và gây tai họa cho gia đình. Khi trong câu chuyện của người lớn, tình cờ ai đó nhắc đến những sự kiện liên quan đến phong trào cách mạng - ví dụ "chuyện này xảy ra vào năm Alếchxanđơơ Đệ nhị bị ám hại" - thì điều đó như từ một quá khứ xa xôi, dường như người ta nói: "vào năm Cômôlô [Colomb] tìm ra châu Mỹ".

Môi trường tôi sống xa lạ với chính trị. Trong những năm đi học, tôi không có những chính kiến chính trị và cũng không thấy nhu cầu cần phải có. Nhưng những khuynh hướng tự phát

của tôi lại mang tính đối lập. Tôi thù ghét sâu sắc trước chế độ hiện hành, trước những bất công chuyên chế. Cái đó đến với tôi từ đâu? Từ thời đại Alếchxandơơ Đệ tam, từ chế độ cảnh sát bạo hành, từ sự bóc lột của lũ địa chủ, những hà lạm của bọn viên chức, từ sự cự tuyệt quyền lợi cho các dân tộc thiểu số, những bất công trong trường, ngoài phố, từ những quan hệ mật thiết của tôi với nông dân, người ở, công nhân, từ những câu chuyện nghe được trong nhà xưởng, từ tinh thần nhân đạo bao trùm trong gia đình Spenxe, từ thơ Nhêcoraxốp và những cuốn sách khác, tóm lại, từ bầu không khí xã hội đương thời. Tôi phát hiện ra trong mình có cá tính phản kháng ấy do tiếp xúc với hai người bạn cùng lớp: Rốtđêvích [Rodzevitch] và Côlôgorivốp [Kologrivov].

Voladimira [Vladimir] Rốtđêvích là con một đại tá, học giỏi thứ nhì trong lớp. Anh năn nỉ xin với bố mẹ cho phép mời tôi đến chơi nhà vào một ngày chủ nhật. Họ tiếp tôi khá lạnh nhạt nhưng cũng tử tế. Ông đại tá và bà vợ ít trò chuyện với tôi, dường như họ muốn thử tôi. Trong ba bốn giờ ở gia đình Rốtđêvích, có lẽ hai lần tôi vấp phải một cái gì đó xa lạ làm tôi lo ngại, thậm chí thù ghét: khi người ta đụng chạm đến vấn đề tôn giáo hoặc quyền lực. Cái giọng bảo thủ hiền từ ngự trị trong gia đình ấy làm tôi như bị thụi vào ngực. Voladimira bị cha mẹ cấm không được gần tôi, thành thử quan hệ chúng tôi đứt đoạn. Sau cuộc cách mạng thứ nhất, ở Ôđétxa có một gã "trăm đen" rất nổi danh mang họ Rốtđêvích, hẳn là một thành viên của gia đình này.

Ấn tượng của tôi về Côlôgorivốp còn mạnh mẽ hơn. Anh được vào thẳng học kỳ hai, năm thứ hai. Đó là một chàng trai cao ráo và dị hình, khá kỳ quặc trong lớp. Anh chăm chỉ đến mức không thể tưởng tượng được. Hễ có thể là anh học thuộc lòng tất cả mọi thứ. Ngay trong tháng đầu đến trường, anh đã mù đầu vì thế. Khi bị thầy giáo địa lý gọi lên bảng trả lời, chẳng chờ câu hỏi Côlôgorivốp đã tuôn ngay:

- Giêxu Kitô [Jesus Christ] giáo giảng hòa bình...

Anh tưởng đang học giờ giáo lý Cơ đốc, giờ này liền sau giờ địa lý.

Một lần trò chuyện với Côlôgorivốp - anh khá nể tôi vì tôi đứng đầu lớp - tôi buông một câu phê bình ông hiệu trưởng hay một ai đó không nhớ nữa.

- Có thể nói như thế về thầy hiệu trưởng được không? Côlôgorivốp hỏi với vẻ phật ý thành thật.

- Tại sao không? - Tôi hỏi lại, ngạc nhiên một cách thành thật không kém.

- Nhưng ông ấy là cấp trên của chúng ta. Và nếu cấp trên của cậu ra lệnh cho cậu đi bằng đầu thì nhiệm vụ của cậu là tuân lệnh chứ không được kêu ca.

Đây là những lời lẽ của anh ta. Câu tuyên bố đầy tính công thức ấy làm tôi ngạc nhiên. Lúc đó tôi không nghĩ ra rằng anh ta chỉ nói những điều đã được nghe nhiều lần trong cái gia đình

phong kiến của anh. Và mặc dù chưa có chính kiến riêng nhưng tôi cảm thấy có những cái nhìn mà tôi không thể chấp nhận được, cũng như tôi không ăn nổi thức ăn thiu thối.

Đồng thời với mỗi căm thù mù quáng nhằm vào chế độ chính trị của nước Nga, tôi bắt đầu lý tưởng hóa ngoại quốc - Tây Âu và Mỹ - mà không nhận thấy. Căn cứ vào những nhận xét được bổ sung bằng trí tưởng tượng và những điều tản mạn, rải rác, tôi hình dung ra hình ảnh một nền văn hóa cao, bao trùm tất cả mọi người, không trừ ai. Sau này, tôi còn thêm vào đấy quan niệm về một chế độ dân chủ lý tưởng. Chủ nghĩa duy lý thời non trẻ của tôi bảo tôi rằng nếu chúng ta hiểu được cái gì đó thì tức thời ta cũng thực hiện được chúng. Vì thế tôi thấy thật vô lý chuyện châu Âu vẫn còn mê tín, giáo hội vẫn có một vai trò lớn và ở Mỹ người da đen vẫn bị khủng bố. Cái cách lý tưởng hóa được tiếp thu lúc nào không biết từ môi trường tiểu tư sản và tự do chủ nghĩa vẫn còn cho đến tận sau này, khi những tư tưởng cách mạng bắt đầu thâm nhập vào tôi. Trong những năm đó, hẳn tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu tôi đã biết - nếu tôi có thể biết - rằng nước Cộng hòa Đức do những người xã hội dân chủ nắm quyền cho phép những kẻ theo chủ nghĩa quân chủ cư trú, nhưng lại chối từ quyền tỵ nạn của những nhà cách mạng. Từ đó, may là tôi đã không ngạc nhiên trước nhiều điều. Cuộc sống loại trừ khỏi con người tôi chủ nghĩa duy lý và dạy tôi phép biện chứng. Có là Hécman Muynle [Hermann Müller] đi chăng nữa cũng không thể làm tôi ngạc nhiên.

CHƯƠNG VI SỰ CÔNG PHÁ

Sự phát triển chính trị nước Nga kể từ giữa thế kỷ trước phải được tính bằng những giai đoạn mười năm. Những năm sáu mươi, thời kỳ sau chiến tranh Còrum [Crimée] là thời đại ánh sáng, thế kỷ XVIII ngấn ngủi của chúng tôi. Trong thập kỷ tiếp theo, giới trí thức tìm cách rút ra các kết luận thực tiễn từ những ý tưởng khai sáng: mở đầu, họ đi về với nhân dân, tuyên truyền cách mạng và kết thúc bằng sự khủng bố. Những năm bảy mươi đi vào lịch sử chủ yếu như giai đoạn của đảng Tự do Nhân dân. Các phần tử ưu tú nhất của thể hệ này tự thiêu hủy mình trong ngọn lửa của những vụ nổ bom. Kẻ thù đứng vững trên mọi vị trí. Tiếp theo đó, những năm tám mươi là thập kỷ của sự sa sút, thất vọng, bi quan, của những tìm tòi tôn giáo và luân lý. Tuy nhiên, nấp dưới bóng phản động, các lực lượng tư bản vẫn âm ỉ hoạt động. Thập kỷ chín mươi đến cùng những cuộc đình công và tư tưởng mác-xít. Sự trỗi dậy mới đạt tới đỉnh cao vào những năm đầu của thế kỷ chúng ta: năm 1905.

Thập kỷ tám mươi gắn liền với tên tuổi Pôbêđônốtxép, Tổng quản Hội đồng Giáo hội Nga, đại diện kinh điển của chế độ chuyên chế và bất động toàn diện. Những người tự do chủ nghĩa coi ông ta như một kẻ quan liêu thuần túy, xa lạ với mọi sự trên đời. Nhưng không phải vậy. Pôbêđônốtxép biết đánh giá một cách khôn ngoan hơn, nghiêm túc hơn các nhà tự do về những mâu thuẫn tiềm ẩn sâu kín trong đời sống nhân dân. Ông hiểu rằng nếu họ thả lỏng những chiếc ốc vít, áp lực từ dưới lên sẽ làm bật tung "cái vung" xã hội và tan tành tất cả mọi thứ vốn được Pôbêđônốtxép và cả các nhà tự do coi là nền móng của văn minh và đạo đức. Bằng cách riêng của ông, Pôbêđônốtxép nhìn nhận sâu sắc hơn những người tự do. Không phải lỗi của ông mà quá trình lịch sử tỏ ra mạnh hơn cái hệ thống Bidanxơ [Byzance] vốn được bảo vệ hết lòng bởi vị quân sư của Alếchxandơơ Đệ tam và Nhicôlai Đệ nhị.

Trong những năm tám mươi đen tối, khi tất cả dường như đã tiêu tan đối với các nhà tự do chủ nghĩa, Pôbêđônốtxép cảm thấy làn sóng âm ỉ và lòng đất chuyển rung dưới chân mình. Ông không yên lòng ngay cả trong những năm lặng lẽ nhất của triều đại Alếchxandơơ Đệ tam. Ông viết cho những kẻ tâm phúc của mình:

Điều đó đã rất nặng nề, đang còn nặng nề và - phải nói một cách đắng cay - sẽ vẫn nặng nề. Linh hồn tôi không thoát khỏi cảm giác đè nén vì lúc nào tôi cũng nhìn thấy và cảm thấy tinh thần của thời đại như thế nào và những con người đã biến chuyển ra sao... So sánh hiện tại với quá khứ xa xăm, chúng ta cảm thấy đang sống trong một thế giới khác, trong đó *mọi thứ đang trở về thời nguyên thủy hỗn mang* và chúng ta bất lực trong cái trào lưu ấy.

Số phận cho Pôbêđônốtxép sống được đến năm 1905, khi chính những sức mạnh trong lòng đất - vốn làm ông khiếp sợ - nổ bùng trên bề mặt và những vết nứt sâu đầu tiên làm thành

một mạng lưới giảng phủ khắp nền móng và bức tường chính của tòa nhà cũ kỹ.

1891 được coi là năm chính thức của sự rạn nứt chính trị ở Nga, đáng nhớ bởi mùa màng thất bát và đói kém. Thập kỷ mới để ra vấn đề công nhân, không chỉ ở nước Nga. Năm 1901, đảng Xã hội Đức thông qua bản cương lĩnh tại Écphuốc [Erfurt]. Giáo hoàng Lêôn [Léon] XIII đưa ra một thông cáo về tình hình giới thợ thuyền. Ghiôm [Guillaume] Đệ nhị cũng bận tâm đến những tư tưởng xã hội trong đó sự dốt nát lơ lửng đi đôi với thứ lãng mạn quan liêu. Sự thân cận của Nga hoàng với nước Pháp thúc đẩy làn sóng tư bản đổ vào Nga. Vítte [Witte] được cử làm bộ trưởng Tài chính, đây là khởi đầu của kỷ nguyên bảo hộ công nghiệp. Chủ nghĩa tư bản phát triển bão táp để ra cái "tinh thần thời đại" khiến Pôbêđônốtxép dự cảm thấy nhiều điều nhọc nhằn, trần trở.

Như hệ quả của những biến đổi chính trị, có thể thấy rõ sự năng động, chủ yếu trong giới trí thức. Những nhà mác-xít trẻ tiến bước ngày một đông và cương quyết. Đồng thời, chủ nghĩa dân túy đã ngủ yên cũng bắt đầu thức tỉnh. Tác phẩm mác-xít công khai đầu tiên ra đời năm 1893 dưới ngòi bút của Xtruvê [Strouvé]. Hồi ấy tôi mới mười bốn tuổi và những vấn đề này còn xa lạ với tôi.

Al ếchxanđơơ Đệ tam mất năm 1894. Như thường lệ trong những trường hợp tương tự, phái tự do đặt hi vọng vào người kế vị. Nhưng nhà vua mới đáp họ bằng một cái tát náy lửa. Tiếp các đại biểu Demxtvô [Zemstvo], vị Nga hoàng trẻ coi những hi vọng lập hiến của họ là "mơ tưởng vô nghĩa". Tuyên bố này được đăng tải trên mọi báo chí. Người ta truyền miệng nhau rằng trong bản thảo bài diễn văn của Nga hoàng, đoạn trên được ghi là "mơ tưởng không có chỗ đứng"; nhưng do quá xúc động, nhà vua đã nói thô thiển hơn ý ngài muốn.

Lúc đó tôi mười lăm tuổi. Một cách tự phát, tôi đứng về phe "mơ tưởng vô nghĩa" mà không về phía Nga hoàng. Tôi tin tưởng mơ hồ rằng sự phát triển từng bước sẽ đưa nước Nga lạc hậu đến gần châu Âu tiền tiến. Ngoài ra, tôi không có những lý tưởng chính trị sâu xa hơn.

Về mặt chính trị, Ôđétxa là thành phố thương mại, ồn ào, nhiều màu sắc và có thành phần dân cư hỗn tạp, bị các trung tâm khác bỏ rất xa. Thời đó, tại Pêtécbuga, Mátxcova, Kiép đã có khá nhiều nhóm xã hội hoạt động trong các trường học. Còn ở Ôđétxa thì vẫn chưa.

Phrیدrich Ăngghen [Friedrich Engels] mất năm 1895. Tại nhiều thành phố Nga người ta tưởng nhớ đến ông trong những buổi nói chuyện bí mật ở các câu lạc bộ sinh viên và học sinh. Tôi sắp được mười sáu tuổi nhưng chưa biết đến cả cái tên Ăngghen và có lẽ không nói nổi điểm nào cụ thể về Mác [Marx]; xét cho cùng tôi chưa biết gì về ông.

Thiên hướng chính trị của tôi trong nhà trường mang tính đối lập khá mù mịt, nhưng chỉ đến thế. Ở học đường vào thời tôi, không bao giờ người ta bàn về những vấn đề cách mạng. Người ta chỉ thì thào rằng trong phòng thể dục tư của ông Nôvắc [Novak], một người Tiệp, có

các nhóm hội họp gì đó, có cả những vụ bắt bớ và chính vì thế, Nôvắc - cũng là thầy dạy thể dục ở trường tôi - đã bị đuổi khỏi trường và một sĩ quan thể chân ông.

Trong môi trường mà tôi lui tới bởi quan hệ với gia đình Spenxe, người ta bất bình với chế độ nhưng cho là không thể lay chuyển được nó. Những kẻ mạnh dạn nhất cùng lắm chỉ mơ tưởng đến một hiến pháp sau vài thập kỷ nữa. Ianốpca càng không đáng nhắc đến.

Khi tốt nghiệp trường Trung học Hiện đại, tôi trở về làng với những tư tưởng dân chủ mơ hồ của mình, cha tôi liền ôm đầu và tuyên bố ngay, vẻ gay gắt:

- Có ba trăm năm nữa cũng không được như thế...

Ông tin tưởng sắt đá rằng những cố gắng cải cách là vô ích và ông lo sợ cho con trai mình.

Năm 1921, khi đã thoát khỏi hiểm họa Bạch vệ và Hồng quân, cha tôi đến gặp tôi ở điện Còremelin, tôi nói đùa với ông:

- Cha có nhớ không, cha bảo rằng chế độ Nga hoàng còn tồn tại đến ba trăm năm nữa...

Ông già cười hóm hỉnh và trả lời tôi bằng tiếng Ucraina:

- Lần này thì chân lý của con đã thắng rồi...

Trong giới trí thức đầu những năm chín mươi, các tư tưởng của Tônxtôi đang hấp hối, chủ nghĩa mác-xít ngày càng chiến thắng những ý tưởng dân túy. Tiếng vang của cuộc đấu tranh tư tưởng này được phản ánh trên khắp các báo thuộc mọi khuynh hướng. Đâu đâu người ta cũng nhắc đến những thanh niên tràn đầy niềm tin, họ tự gọi mình là "duy vật". Tôi chỉ nhận thấy điều đó lần đầu vào năm 1896.

Các vấn đề đạo đức cá nhân dính líu mật thiết đến ý thức hệ thụ động của những năm tám mươi trượt qua tôi trong một giai đoạn mà "tu thân" đối với tôi như một nhu cầu hữu cơ của sự trưởng thành tâm tưởng, hơn là sự định hướng trí tuệ. Nhưng sự tu thân ấy rơi ngay vào vấn đề "thế giới quan", điều này đưa tôi đến một lựa chọn cơ bản: "dân túy hay mác-xít?" Cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng chỉ lôi cuốn tôi chậm vài năm so với biến chuyển tư tưởng chung diễn ra trong nước. Khi tôi mới tìm hiểu các vấn đề cơ bản của kinh tế học và tự đặt cho mình câu hỏi "nước Nga có phải qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa không?" thì những nhà mác-xít thế hệ trước đã tìm ra con đường đến với giới công nhân và trở thành những người xã hội dân chủ.

Trên đường đến ngã tư đầu tiên của đời tôi, tôi vốn ít được chuẩn bị về chính trị, dù đã là một thanh niên mười bảy tuổi. Quá nhiều vấn đề đột ngột đặt ra trước mắt tôi cùng một lúc, không hề theo thứ tự cần thiết. Tôi nhảy cóc từ vấn đề này sang vấn đề khác. Chỉ một điều chắc chắn: một trữ lượng dồi dào những tư tưởng phản kháng xã hội đã lắng đọng trong ý thức tôi. Chúng gồm có gì? Thiệt cảm với những kẻ bị áp bức và bất bình trước bất công. Có lẽ cảm giác cuối này mạnh hơn cả. Từ thời thơ ấu, sự bất bình đẳng hết sức thô bỉ và phô trương giữa con người

xuất hiện trong mọi ấn tượng của tôi, sự bất công thường nhuộm màu láo xược và không bao giờ bị trừng phạt, nhân phẩm luôn bị giày đạp. Chỉ cần nghĩ đến việc nông dân bị trừng trị về thể xác. Tôi cảm nhận hết sức sâu sắc những điều đó trước khi biết bất cứ một thứ lý thuyết gì và đây là cả một kho ấn tượng với sức công phá lớn. Có lẽ chính vì thế, tôi do dự trong một thời gian dài trước khi rút được những kết luận lớn mà lẽ ra tôi đã phải có từ những quan sát thuộc giai đoạn đầu đời.

Nhưng sự tiến hóa của tôi còn có mặt khác nữa. Thời kỳ chuyển đổi thế hệ, lắm khi cái đã chết lại cuốn theo cái đang sống. Điều này cũng xảy ra với thế hệ những nhà cách mạng Nga mà tuổi niên thiếu được hình thành trong bầu không khí ngột ngạt của thập niên tám mươi. Tuy có những triển vọng lớn do học thuyết mới mở ra, trong thực tế, những nhà mác-xít bị hạn chế bởi thứ tình cảm bảo thủ rơi rớt từ năm 1880: họ bất lực trước những khởi xướng mới, họ rút lui khi gặp chướng ngại, họ đẩy cách mạng đến một tương lai vô định và họ có xu hướng coi chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp tiến hóa của vài thế kỷ.

Trong một gia đình như gia đình Spence, tiếng nói phê phán chính trị đúng ra phải mạnh hơn nhiều nếu nó được vang lên sớm hơn hay muộn hơn vài năm. Nhưng tôi đến chỗ họ vào những năm im ắng nhất. Hầu như trong gia đình không có những cuộc nói chuyện về chính trị, người ta né tránh các vấn đề lớn. Ở nhà trường, tình hình cũng tương tự. Dĩ nhiên tôi cũng ngấm bầu không khí ấy của những năm tám mươi. Và sau này, khi tôi bắt đầu tự rèn luyện thành người cách mạng, đôi khi tôi chợt nhận ra mình đã nghi ngờ tác động của quần chúng, tôi suy nghĩ một cách sách vở, trừu tượng - và do đó - với tư tưởng hoài nghi về cách mạng. Tôi phải chiến đấu với tất cả những điều này trong bản thân - bằng suy ngẫm, bằng học hỏi sách vở, nhất là qua việc trau dồi kinh nghiệm - cho đến ngày tôi vượt lên sức ỳ của tâm lý.

Tuy nhiên trong cái rủi cũng có cái may. Có thể chính hoàn cảnh khiến tôi phải chiến thắng một cách có ý thức trong bản thân những tàn dư của thập kỷ tám mươi, đã tạo điều kiện khiến tôi xem xét nghiêm túc hơn, cụ thể hơn và sâu sắc hơn về các vấn đề cơ bản trong hành động của quần chúng. Chỉ có gì ta giành được trong đấu tranh mới có tính lâu bền. Nhưng điều này đã thuộc về các chương khác của cuốn tự thuật.

Vào năm thứ bảy, tôi không học ở Ôđétxa mà ở Nhicôlaiép. Đó là một thành phố quê mùa, trình độ giáo dục của nhà trường cũng thấp hơn. Nhưng năm tôi học ở đây (1896) lại đánh dấu bước ngoặt của tuổi thiếu niên tôi. Một câu hỏi đặt ra trong tôi: đâu là vị trí của tôi trong xã hội loài người? Tôi sống trong một gia đình mà những đứa trẻ đã trưởng thành và đụng chạm ít nhiều đến các trào lưu mới. Đáng chú ý là trong thời gian đầu, tôi cương quyết bác bỏ "những điều không tưởng của chủ nghĩa xã hội". Tôi làm bộ một kẻ hoài nghi đã trải qua tất cả những điều đó. Tôi luôn phản ứng về các vấn đề chính trị với một giọng nhạo báng vẻ bề trên. Bà chủ trọ

nhìn tôi vẻ ngạc nhiên và còn nêu gương tôi với các con bà - dù thực ra bà cũng không tin lắm vào lời mình - những anh này lớn tuổi hơn tôi đôi chút và nghiêng về cánh tả. Về phần tôi, đó chỉ là một cuộc chiến không cân sức cho sự độc lập bản thân. Tôi cố thoát khỏi ảnh hưởng cá nhân của những nhà xã hội trẻ tuổi mà số phận đã đưa tôi đến với họ. Cuộc chiến đấu ấy chỉ kéo dài vài tháng. Những tư tưởng thời thượng đã tỏ ra mạnh hơn, hơn nữa, tự đáy lòng, tôi không mong gì hơn là quy thuận họ. Ngay sau những tháng đầu ở Nhicôlaiép, cung cách cư xử của tôi đã thay đổi tận gốc rễ. Tôi từ bỏ vai trò bảo thủ và mạnh mẽ lao sang cánh tả khiến một số bạn mới của tôi phải hoảng sợ.

- Thế này là thế nào? - bà chủ trọ của tôi gạn hỏi. - Có lẽ tôi nhầm khi đưa anh ra làm gương cho các con tôi.

Tôi bỏ hẳn việc học. Những kiến thức mang về từ Ôđétxa cũng tạm đủ để tôi duy trì vị trí đứng đầu lớp chính thức, nhưng càng ngày tôi càng nghỉ học nhiều. Một bạn ông thanh tra đến nhà tôi xem vì sao tôi hay vắng mặt. Tôi cảm thấy bị xúc phạm tột độ. Nhưng ông ta tỏ ra lịch sự, ông nhận thấy trong gia đình tôi trọ cũng như ở phòng tôi, mọi thứ đều trật tự. Cuối cùng ông lặng lẽ ra về. Dưới tấm đệm tôi nằm có vài cuốn sách bất hợp pháp.

Ngoài những thanh niên có cảm tình với chủ nghĩa mác-xít, ở Nhicôlaiép lần đầu tiên tôi gặp các cựu tù nhân bị lưu đày đang sống dưới sự quản thúc của cảnh sát. Đó là những nhân vật hạng hai từ thời kỳ suy thoái của phong trào dân túy. Những người xã hội dân chủ còn chưa được thả khỏi nơi tù đày: họ vẫn đang bị gửi đi. Hai dòng chảy ngược làm thành những luồng xoáy ý thức hệ. Tôi cũng quay cuồng trong đó một thời gian. Thế giới của những người dân túy bốc lên mùi mốc. Chủ nghĩa mác-xít làm tôi sợ vì cái "hẹp hòi" của nó. Bị sự sốt ruột hành hạ, tôi cố gắng nắm bắt bản chất những hệ tư tưởng. Nhưng chúng không dễ đầu hàng. Quanh tôi, tôi không thấy ai có thể là chỗ dựa chắc chắn. Và ngoài ra, mỗi buổi nói chuyện mới lại làm tôi cay đắng, thất vọng đau đớn về sự kém cỏi của mình.

Tôi làm quen và quan hệ bạn bè với một người làm vườn gốc Tiệp tên là Sovigốpxki [Chvigovsky]. Lần đầu tiên, tôi gặp một công nhân thông thạo báo chí, đọc được tiếng Đức, hiểu biết các tác phẩm cổ điển và tham gia một cách hoàn toàn tự tin trong các cuộc tranh luận giữa những người mác-xít và dân túy. Căn nhà vườn một buồng của ông là nơi gặp gỡ của lũ học sinh vắng lai, những tù nhân cũ và một số thanh niên địa phương. Qua Sovigốpxki có thể kiếm được các cuốn sách cấm. Trong câu chuyện của các cựu tù nhân, tên một số nhà dân túy được nhắc đến: Giêliabốp [Jéliabov], Pêrốpxcaia [Perovskaia], Phigơne [Figner], không phải như những anh hùng trong huyền thoại mà như các nhân vật sống động mà nếu không phải họ - những kẻ đang bị tù đày - thì các đồng sự cao tuổi hơn của họ đã có cơ hội gặp gỡ. Tôi cảm thấy mình như một mắt xích nhỏ được gắn vào sợi dây lớn.

Tôi nhào vào sách vở, sợ rằng cả một đời cũng không đủ để chuẩn bị hành động. Tôi đọc một cánh nóng nảy, vội vã và vô hệ thống. Sau những tài liệu bất hợp pháp thời kỳ trước, tôi chuyển sang *Luận lý* của Giôn Xtua Min [John Stuart Mill], rồi chìm vào *Văn hóa nguyên thủy* của Líppe [Lipper] khi chưa đọc đến nửa cuốn *Luận lý*. Tôi coi thuyết vị lợi của Bentam [Bentham] như đỉnh cao tư tưởng nhân loại. Sau vài tháng, tôi cảm thấy mình hoàn toàn là đệ tử của Bentam. Cũng theo chiều hướng đó, tôi say mê mỹ học hiện thực của Trécnu-sép-xki [Tchernychevsky]. Chưa ngốn xong Líppe, tôi đã lao vào *Lịch sử cách mạng Pháp* của Minhê [Mignet]. Mỗi cuốn sách đều có cuộc sống riêng trong tôi, chúng không tìm được chỗ đứng của mình trong một hệ thống. Tôi chiến đấu căng thẳng, đôi khi điên cuồng để hệ thống hóa. Đồng thời tôi lại xa cách với chủ nghĩa mác-xít một phần vì nó đã tự tạo nên một hệ thống hoàn chỉnh.

Cũng vào thời gian đó, tôi bắt đầu đọc báo, nhưng không như hồi ở Ô-đét-xa mà trên phương diện chính trị. Có uy tín nhất là tờ báo mang tư tưởng tự do *Rút-xkiê Vê-đôm-ô-xchi* [Rousskia Viédomosti] (Tin tức nước Nga) xuất bản ở Mátxcova. Chúng tôi không chỉ đọc mà hầu như còn nghiên cứu tờ báo, từ những xã luận của các giáo sư bất lực đến các bài phổ biến khoa học nhiều kỳ. Tờ báo tự hào nhất với đội ngũ phóng viên ở nước ngoài, đặc biệt là tại Béclin. Nhờ *Rút-xkiê Vê-đôm-ô-xchi*, lần đầu tôi có ý niệm về đời sống chính trị Tây Âu, nhất là về những đảng phái nghị trường. Bây giờ khó tưởng tượng được chúng tôi đã đọc những bài nói chuyện của Bêben [Bebel] và ngay cả của Ô-gien Rích-te [Eugen Richter] với vẻ hồi hộp như thế nào. Và đến nay, tôi vẫn nhớ một câu nói mà Đaxinski [Daszinski] ném vào mặt bọn cảnh binh đang kéo vào tòa nhà quốc hội: "Tôi đại diện cho ba vạn công nhân và nông dân Galixi [Galicie], kẻ nào dám động đến tôi?" Hầu như chúng tôi nhìn thấy bằng con mắt nội tâm của mình hình ảnh khổng lồ của nhà cách mạng xứ Galixi. Viễn cảnh sân khấu của chế độ đại nghị, tiếc thay, đã huỷ hoại chúng tôi một cách tai ác. Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội Đức, bầu cử tổng thống ở Mỹ, xáo trộn trong Rây-xrát [Reichsrat] (Áo), hoạt động của lũ bảo hoàng Pháp - tất cả những điều này thu hút mạnh mẽ chúng tôi hơn nhiều so với số phận riêng của chính mình.

Giữa lúc ấy, quan hệ giữa tôi với gia đình xấu đi. Cha tôi đi bán bột mì ở Nhicô-lai-ép, không biết bằng cách nào, đã biết những mối quen biết mới của tôi. Cảm thấy hiểm nguy sắp đến với tôi, song ông vẫn hi vọng ngăn ngừa tôi bằng sức mạnh của uy quyền người cha. Chúng tôi có vài cuộc nói chuyện sóng gió. Tôi tỏ ra bất trị khi bảo vệ sự tự lập và quyền lựa chọn đường đi cho chính mình. Cuối cùng, tôi từ chối sự trợ giúp vật chất của gia đình, bỏ chỗ trọ học sinh và chuyển đến ở cùng Sô-vi-gốp-xki, lúc đó anh vừa thuê một cái vườn khác to hơn với căn nhà gỗ rộng hơn. Ở đây, sáu người chúng tôi sống thành một "công xã". Mỗi mùa hè, quân số chúng tôi tăng thêm một, hai học sinh bị lao và cần bầu không khí trong lành. Tôi bắt đầu mở lớp dạy. Chúng tôi sống khắc khổ, không có đồ trải giường và ăn thứ xúp hồ lươn tồi tệ tự nấu. Mặc áo dài

xanh, đội mũ rơm vành tròn, chúng tôi ve vẩy chiếc gậy đen trong tay. Ở thành phố, người ta đồn đại rằng chúng tôi thuộc một giáo phái bí mật nào đó. Chúng tôi đọc không theo một hệ thống nào rồi tranh luận dữ dội, say sưa vạch ra tương lai và hạnh phúc theo lối riêng của mình.

Ít lâu sau, chúng tôi lập một hội truyền bá những sách vở hữu ích trong quần chúng. Chúng tôi thu nhập tiền quyên góp, mua những sách rẻ tiền nhưng không biết cách phổ biến. Trong vườn của Sovigópxki, có một công nhân làm thuê và một thiếu niên học nghề làm việc. Chúng tôi bỏ sức truyền bá cho họ là chính. Nhưng gã công nhân lại là một tên sen đầm trá hình, được cài vào làm việc ở vườn để theo dõi chúng tôi. Tên hăn là Kirin Thôơgiépxki [Kirill Tjorjevsky]. Thằng bé học nghề cũng do hăn đưa tới. Nó cuôm của chúng tôi một bọc to đựng sách phổ thông và đem về đồn cảnh sát. Khởi đầu của chúng tôi rõ ràng là không may mắn. Nhưng lòng tin của chúng tôi vào thành công sắp tới thì không gì lay chuyển được.

Tôi viết cho một tờ dân túy tại Ôđétxa một bài bút chiến chống tạp chí mác-xít đầu tiên ở địa phương. Bài báo gồm nhiều đề từ, trích dẫn và chỉ trích nanh nọc, phần nội dung thì kém hơn nhiều. Tôi gửi bài báo qua bưu điện và một tuần sau đích thân đi nhận hồi âm. Ông tổng biên tập nhìn tác giả - một chàng trai có mớ tóc xù khổng lồ trên trán và mặt chưa gợn chút lông tơ nào - qua cặp kính to sụ, vẻ thiện cảm. Bài báo không được đăng. Như thế chẳng ai mất gì cả và tôi là kẻ mất ít nhất.

Khi ban lãnh đạo thư viện công cộng (được lựa chọn bằng bầu bán) muốn nâng niên phí từ năm lên sáu rúp, chúng tôi thấy đó là ý đồ xa rời dân chủ và giống chuông báo động. Trong mấy tuần, chúng tôi không làm gì khác ngoài việc tổ chức đại hội các hội viên thư viện. Chúng tôi dốc sạch túi, góp những đồng rúp và nửa rúp và ghi tên những hội viên mới, cấp tiến hơn; trong số họ, nhiều người chẳng những không có nổi sáu rúp mà còn chưa đủ hai mươi tuổi như điều lệ đòi hỏi. Quyển sổ khiếu nại của thư viện bị chúng tôi biến thành tập hợp những bài đả kích chua cay. Trong kỳ họp hàng năm, có hai phái đối chọi nhau: một bên gồm các viên chức, giáo viên, các địa chủ tự do và sĩ quan hải quân; bên kia, chúng tôi, đại diện phe dân chủ. Chúng tôi đã chiến thắng trên toàn trận tuyến: phục hồi lệ phí năm rúp và bầu ra ban lãnh đạo mới. Một lúc chạy theo nhiều mục tiêu, chúng tôi quyết định tổ chức một trường đại học tự do trên cơ sở dạy lẫn nhau. Có khoảng hai chục thính giả. Tôi phụ trách những bài giảng về khoa học xã hội. Nghe oách lắm. Tôi dốc toàn lực chuẩn bị cho khóa học. Nhưng sau hai bài giảng khá thành công trên tổng thể, tôi cảm thấy mình hoàn toàn cạn nguồn. Một người khác - phụ trách phần lịch sử cách mạng Pháp - lúng túng ngay từ mấy câu đầu và hứa rằng sẽ giảng bằng bài viết. Cố nhiên anh ta không giữ lời hứa. Sự nghiệp chúng tôi chấm dứt tại đó.

Tôi cùng anh chàng giảng viên thứ hai kia - là anh cả trong mấy anh em nhà Xôcôlôpxki

[Sokolovsky] - quyết định viết một vở kịch. Vì mục đích ấy, chúng tôi còn rời khỏi "công xã" một thời gian và thuê một buồng riêng; chúng tôi không cho ai địa chỉ. Vở kịch của chúng tôi chứa đầy nội dung xã hội, được trình bày trên nền cuộc đấu tranh giữa các thế hệ. Mặc dù cả hai tác giả vở kịch còn ngờ vực chủ nghĩa mác-xít, hình tượng nhà dân túy trong kịch có dáng vẻ một kẻ tàn tật trong khi sự tươi trẻ, sức sôi và hi vọng lại là đặc tính của những nhà mác-xít trẻ. Mới biết ảnh hưởng của thời đại mạnh đến chừng nào! Đoạn lãng mạn được đặc tả như sau: một nhà cách mạng thế hệ trước bị cuộc đời giày đạp lại mê một cô gái mácxít, nhưng bị cô cho một bài độc thoại không thương tiếc về sự sụp đổ của phong trào dân túy.

Chúng tôi bỏ nhiều công sức vào vở kịch. Đôi khi chúng tôi cùng viết, động viên và sửa chữa cho nhau, thỉnh thoảng chúng tôi chia nhau công việc và mỗi người trong ngày phải xong một cảnh hoặc một màn độc thoại. Phải nói rằng những cuộc độc thoại như thế không hề thiếu trong vở kịch.

Tối tối Xôcôlốpxki đi làm về, anh tha hồ thảo ra những lời than vãn của nhà cách mạng thập kỷ bảy mươi với cuộc đời tan nát. Tôi cũng về từ mấy lớp dạy thêm hay từ chỗ Sovigôpxki. Cô con gái bà chủ trọ mang ấm xa-mô-va ra. Xôcôlốpxki móc túi lôi bánh mì và xúc xích. Thế rồi, cách ly với bên ngoài bởi cái vỏ thép kỳ bí, các nhà soạn kịch làm việc căng thẳng suốt phần còn lại của buổi tối. Chúng tôi viết xong toàn bộ hồi một, không quên chêm vào một cảnh gây ấn tượng trước khi màn hạ. Các hồi khác - còn bốn hồi nữa - mới chỉ được phác thảo.

Tuy nhiên càng đi sâu vào công việc, chúng tôi càng thấy nguội lạnh. Sau một thời gian ngắn, chúng tôi đi đến quyết định rời bỏ cái phòng trọ bí mật và hoãn phần kết của vở bi kịch. Tập bản thảo được Xôcôlốpxki chuyển sang một nhà khác. Sau này khi chúng tôi ngồi tù ở Ôđétxa, Xôcôlốpxki nhờ thân nhân của anh tìm tập bản thảo. Có lẽ anh thoáng nghĩ thời kỳ tù đầy sẽ là dịp thích hợp để hoàn thành vở kịch. Nhưng bản thảo đã biến mất không dấu tích. Khả năng lớn nhất là những người cất giữ nó thấy đốt đi là tốt hơn cả, sau khi các tác giả bất hạnh bị bắt. Tôi nhẹ nhõm hơn với ý nghĩ trên đường đời không bằng phẳng của mình, tôi đã để mất những bản thảo quan trọng gấp bội phần.

CHƯƠNG VII TỔ CHỨC CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN

Mùa thu năm 1896, tôi vẫn trở về thăm làng. Nhưng đây chỉ là một sự hòa hoãn ngắn với gia đình. Cha tôi muốn tôi thành kỹ sư. Còn tôi vẫn do dự không biết chọn gì: toán học thuần túy mà tôi cảm thấy rất hấp dẫn hay cách mạng, thứ đang dần dần xâm chiếm tôi. Cứ mỗi lần đụng đến vấn đề này là cãi lộn gay gắt lại diễn ra trong gia đình. Mọi người sa sầm mặt, ai nấy đau khổ, chị cả tôi khóc thầm và không ai biết điều gì sẽ tới. Chú tôi, vốn là kỹ sư và chủ một nhà máy ở Ôđétxa, đến chơi và rủ tôi về nhà ông một thời gian. Ấu cũng là lối thoát tạm thời, giúp

tôi khỏi ngõ cụt.

Tôi ở nhà chú mấy tuần. Chúng tôi tranh luận về lợi nhuận và giá trị thặng dư. Chú tôi có khả năng chiếm lĩnh lợi nhuận hơn là giải thích chúng. Tôi trì hoãn việc đăng ký vào khoa toán trường đại học. Tôi ở Ôđétxa và tìm kiếm một cái gì đó. Tìm gì ư? Trước tiên tôi tìm chính mình. Ngẫu nhiên, tôi làm quen với những người công nhân, tôi tìm sách vở bất hợp pháp, tôi dạy học và diễn thuyết bí mật cho các học sinh một trường dạy nghề, tôi tranh luận với những người mác-xít và cố gắng không đầu hàng. Tôi đáp chiếc tàu mùa thu cuối cùng trở về Nhicôlaiép và lại đến ở trong vườn của Sovigópxki.

Quá kh ứ lại tiếp diễn. Chúng tôi thảo luận những số mới nhất của các tạp chí cấp tiến, tranh luận về học thuyết Đácuy-n [Darwin], bốc cháy trong sức nóng của sự chờ đợi và chuẩn bị một cái gì đó mơ hồ, vô định. Điều gì thúc đẩy trực tiếp chúng tôi vào công việc tuyên truyền cách mạng? Khó trả lời câu hỏi ấy. Sự thúc đẩy đến từ bên trong. Ở môi trường trí thức mà tôi lui tới, không ai gánh vác công tác cách mạng thực sự. Chúng tôi nhận thức được rằng giữa những cuộc đàm thoại bất tận bên bàn trà và một tổ chức cách mạng, có cả một vực sâu thực sự. Chúng tôi biết mối liên lạc với công nhân đòi hỏi mọi cuộc *bạo phản* lớn, từ này được nhắc đến một cách trang trọng, gần như kỳ bí. Chúng tôi không nghi ngờ rằng trước sau chúng tôi sẽ đi từ những buổi trà đến *bạo phản*, nhưng không ai nói đến chuyện điều này sẽ xảy ra như thế nào trong thực tế. Để bào chữa cho sự trì hoãn ấy, chúng tôi thường nói với nhau: "Còn phải chuẩn bị đã...". Và điều này cũng không xa sự thực là bao.

Nhưng có một cái gì đó di chuyển trong không gian và đột ngột đưa chúng tôi vào con đường cách mạng. Chuyển biến này không xảy ra trực tiếp ở Nhicôlaiép mà trong khắp đất nước, trước hết tại các thủ đô, nhưng có tiếng vang đến cả chỗ chúng tôi.

Năm 1896, những cuộc đ ình công vang dội của khối thợ dệt nổ ra ở Pê-téc-bua. Giới trí thức phấn khích. Sinh viên đại học mạnh dạn hơn khi cảm thấy sự thức tỉnh của những trữ lượng quần chúng hùng hậu. Các kỳ nghỉ hè, Giáng sinh và Phục sinh, nhiều học sinh về Nhicôlaiép mang theo tiếng vọng của cuộc đấu tranh diễn ra tại Pê-téc-bua, Mátxcova và Kiép. Một số bị đuổi khỏi trường đại học; những học sinh trung học ngày hôm qua trở về với vầng hào quang của người chiến sĩ.

Tháng Hai 1897, m ột nữ sinh đại học tên là Vé-trô-va [Vétrova] tự thiêu trong pháo đài Pi-ốt-Paven [Pierre-Paul]. Tấn thảm kịch chưa bao giờ được giải tỏa này làm chấn động tất cả chúng tôi. Những cuộc bắt bớ và đày ải ngày càng tăng.

Nh ững cuộc biểu tình do vụ Vé-trô-va gây ra là tiền đề cho hoạt động cách mạng đầu tiên của tôi. Chuyện xảy ra như sau:

Tôi đi dạo phố với Grigô-ri Xô-cô-lốp-xki, người trẻ nhất trong "công xã" chúng tôi. Anh chừng

trạc tuổi tôi.

- Chúng ta cũng nên bắt đầu thôi chứ - tôi nói với anh.

- Phải bắt đầu thôi - Xôcôlốpki đáp.

- Nhưng bằng cách nào?

- Thì thế, bằng cách nào?

- Phải tìm gặp giới công nhân, đừng chờ ai cả, đừng hỏi han ai mà phải tìm anh em công nhân và bắt tay vào việc.

- Tôi nghĩ rằng có thể tìm được họ - Xôcôlốpki nói. - Ngày xưa tôi có quen một ông bảo vệ trong công viên thành phố, thành viên một giáo phái đọc *Kinh Thánh* gì đó. Tôi sẽ đến chỗ ông ấy.

Trong ngày hôm đó Xôcôlốpki đến chỗ ông ta ở công viên. Đã từ lâu ông không làm việc ở đây, nhưng có một chị thay thế ông, chị này quen một người cũng thuộc giáo phái nói trên. Qua người quen của chị phụ nữ mà chúng tôi không quen biết này, cùng ngày ấy, Xôcôlốpki làm quen với mấy công nhân, trong số đó có anh thợ điện Ivan Andrêévích Mukhin [Ivan Andréievitch Moukhine], chẳng bao lâu sau sẽ là nhân vật chính của tổ chức.

Xôcôlốpki trở về từ cuộc tìm kiếm, mắt ngời sáng:

- Thế mới là người chứ! Những con người thực sự!

Ngày hôm sau, nhóm chúng tôi gồm năm, sáu người tập trung trong một quán rượu. Cái máy hát gầm rú trên đầu chúng tôi, chúng tôi nói chuyện giữa âm thanh ầm ĩ để không ai nghe được.

Mukhin, người mảnh khảnh, râu cằm nhọn, nheo cặp mắt trái thông minh nhìn khuôn mặt không râu ria của tôi với vẻ thân mật nhưng dò xét; giữa những khúc nghỉ tinh quái, anh giảng giải rành rọt:

- Với tôi, trong chuyện này, sách *Phúc Âm* như một điểm tựa. Tôi bắt đầu bằng đạo và sẽ chuyển sang đời. Cách đây mấy bữa, tôi đã vạch ra chân lý cho bọn Stundít [Stundistes] bằng những hạt đậu...

- Hạt đậu á? Như thế nào?

- Rất giản đơn: tôi đặt một hạt đậu lên bàn đó là Nga hoàng -, rồi tôi đặt nhiều hạt khác vòng quanh đó là những bộ trưởng, giám mục, tướng tá, xa hơn nữa là lũ quý tộc, thương nhân, đồng hạt đậu này là đám thường dân. Rồi tôi hỏi: Nga hoàng ở đâu? Thính giả chỉ hạt đậu ở giữa. Các bộ trưởng ở đâu? Anh ta chỉ, rồi lặp lại những lời đáp hết như tôi vừa nói với anh. Bây giờ hãy để ý đây, xem này - Ivan Andrêévích nói, anh nheo mắt trái và dừng một lúc. - Rồi tôi xáo trộn đồng đậu. Thử tìm xem, đâu là Nga hoàng? Đâu là các bộ trưởng? Làm sao mà biết được, anh ta trả lời. Bây giờ không thể tìm ra họ nữa rồi. Thì chính thế, tôi đáp, đúng là không thể tìm ra họ

nữa. Chỉ cần xáo trộn tất cả những hạt đậu.

Hào hứng, tôi thấy rục cả người khi nghe Ivan Andrêevích nói. Phải như thế, vậy mà chúng tôi cứ suy đi tính lại, mò mẫm và chờ đợi. Máy hát cứ gào rú - thế là có *bạo loạn*, Ivan Andrêevích lật đổ cơ chế giai cấp nhờ những hạt đậu. Vậy là tìm ra cách tuyên truyền cách mạng.

- Có điều xáo trộn chúng bằng cách nào? Vấn đề là ở chỗ đó - Mukhin nói với giọng khác hẳn, anh nghiêm khắc nhìn tôi vẻ dò xét. Đây là chuyện khác, chẳng phải là đồng hạt đậu nữa rồi, phải không?

Bây giờ thì anh chờ một câu trả lời từ tôi.

Từ hôm đó, chúng tôi ngập đầu trong công việc. Chúng tôi không có những người kỳ cựu dẫn dắt, không đủ kinh nghiệm cá nhân, nhưng chưa bao giờ chúng tôi chững lại hoặc bối rối. Tất cả tuần tự nối đuôi nhau một cách tự nhiên như trong cuộc nói chuyện với Mukhin ở quán rượu.

Đời sống kinh tế Nga cuối thế kỷ trước nhanh chóng chuyển về hướng Đông-Nam. Ở miền Nam, những nhà máy khổng lồ lần lượt mọc lên. Tại Nhicôlaiép cũng có hai nhà máy, trong thành phố này, vào năm 1897, có tám ngàn công nhân nhà máy và gần hai ngàn thợ thủ công. Trình độ văn hóa của công nhân cũng như lương bổng của họ tương đối cao, trong số họ không mấy ai mù chữ. Trong một chừng mực nào đó, các giáo phái thế chỗ những tổ chức cách mạng, họ đấu tranh có hiệu quả với giáo hội chính thống. Chưa từng biết những cuộc bạo động lớn, giới sen đầm ở Nhicôlaiép còn thêm thiếp trong giấc ngủ yên lành. Tình trạng ấy vô cùng may mắn cho chúng tôi. Nếu cảnh binh kiểm soát cẩn trọng hơn, hẳn chúng tôi đã bị bắt ngay từ những tuần đầu. Nhưng chúng tôi là những kẻ đi đầu và có mọi thuận lợi vì thế. Lũ cảnh binh chỉ tỉnh dậy sau khi chúng tôi làm rung động công nhân ở Nhicôlaiép.

Khi làm quen với Mukhin và các bè bạn của anh, tôi tự xưng là Lovốp [Lvov]. Sự dối trá đầu tiên của tôi trong thời bạo loạn không dễ dàng đối với tôi. Tôi thấy khó xử khi phải "đánh lừa" những người mà tôi đã gặp gỡ vì một chính nghĩa lớn lao và tốt đẹp như thế. Nhưng cái bí danh Lovốp chẳng bao lâu đã gắn chặt với tôi và tôi cũng quen nó.

Những công nhân tràn đến chỗ chúng tôi, dường như họ đã chờ chúng tôi từ lâu trong các nhà máy. Mỗi người kéo đến một anh bạn, một số đưa cả vợ đến, nhiều công nhân già gia nhập nhóm chúng tôi cùng con cái của họ. Chúng tôi không đi tìm công nhân, chính họ đi tìm chúng tôi. Là những lãnh đạo trẻ và thiếu kinh nghiệm, chẳng bao lâu chúng tôi đuối hơi trong cái phong trào do chúng tôi dấy lên. Mỗi lời nói của chúng tôi đều có tiếng vọng. Trong các buổi học hay nói chuyện bất hợp pháp được tổ chức ở nhà, trong rừng, bên bờ sông, thường thường có từ hai mươi đến hai trăm người tham dự, đôi khi hơn. Họ đa số là thợ bậc cao, có lương bổng không tồi. Trong nhà máy đóng tàu ở Nhicôlaiép, hồi ấy người ta đã làm tám tiếng một

ngày. Những công nhân này không bận tâm đến việc đình công, họ tìm những mối quan hệ xã hội công bằng. Một số trong họ tự coi mình thuộc phái Báp-tít [Baptistes], Stundít hay Cơ đốc giáo, nhưng trong chuyện này không có tinh thần giáo điều của giáo phái: đơn giản, những công nhân ấy chỉ xa rời giáo hội chính thống, với họ, theo Báp-tít là một đoạn ngắn trên con đường cách mạng. Những tuần đầu nói chuyện với họ, một số còn dùng những công thức thường thấy trong giáo phái và so sánh hiện tại với thời nguyên thủy của Thiên chúa giáo. Nhưng chẳng bao lâu, hầu như tất cả bọn họ đều vứt bỏ lối nói dài dòng mà đám công nhân trẻ thường ra mặt chế giễu.

Cho đến nay tôi vẫn nhìn thấy những công nhân tuyệt diệu nhất bằng cặp mắt tâm hồn mình, như thể họ còn sống. Cô-rốt-cốp [Korotkov], anh thợ mộc chạm thơ lên gỗ, hay đội chiếc mũ cứng, trùm đùa cợt; đã từ lâu anh xa rời mọi thứ thần bí.

- Tôi là một người *duy lý* - trịnh trọng nói, anh hiểu từ ấy là "duy lý".

Và khi Tarát Xavêlêvích [Tarass Savéliévitch], môn đệ lâu đời của *Phúc Âm*, người đã có cháu chắt, kể đến lần thứ một trăm chuyện những con chiên Thiên Chúa giáo đầu tiên cũng hội họp bí mật như chúng tôi, Cô-rốt-cốp liền ngắt lời:

- Chuyện Chúa Trời của ông chỉ đáng giá thế này đây!

Rồi anh giật mũ khỏi đầu, giật dữ ném vào bụi cây. Lát sau, anh lại đi tìm mũ. Việc xảy ra trong rừng, trên một mảnh đất cát pha.

Bị lôi cuốn bởi những tình cảm mới, nhiều công nhân bắt đầu làm thơ. Cô-rốt-cốp viết một bản "hành khúc vô sản" bắt đầu bằng câu: "Chúng ta là những anpha và ômega, là khởi đầu và kết thúc...". Nhét-xchê-rencô [Nestérenko] - cũng là thợ mộc làm sườn nhà, tham gia câu lạc bộ của Alếch-xan-đơ-ra Lơ-vốp-na Xô-cô-lốp-xcaia [Alexandra Lvovna Sokolovskaia] cùng con trai - soạn một bài mang hơi hướng dân ca Ucraina về Các Mác. Rồi họ đồng ca hát bài ấy. Nhưng bản thân Nhét-xchê-rencô đã kết thúc thảm hại: hấn liên lạc với cảnh sát và tổ giác cả tổ chức.

Anh thợ phụ Ê-phim-ốp [Efimov] là một thanh niên mắt xanh, tóc vàng, người to lớn. Xuất thân từ một gia đình sĩ quan, sống trong đám cận bã của thành phố, anh biết đọc và viết, hơn nữa, còn đọc nhiều. Tôi tìm ra anh trong một quán ăn nghèo khó giữa những kẻ lang thang.

Ê-phim-ốp làm công nhân bốc vác ở bến cảng, anh không rượu chè, không hút sách, khá giữ gìn ý tứ và lịch sự, nhưng ở anh có cái gì đó bí mật khiến anh có vẻ ủ dột, dù chỉ mới hai mốt tuổi.

Ít lâu sau Ê-phim-ốp kể với tôi chuyện anh làm quen một tổ chức

"Narô-đô-vôn-xư" [Norodovoltsy] (Tự do Nhân dân) gì đó và đề nghị đưa chúng tôi bắt liên lạc với họ.

Ba đưa chúng tôi - tôi, Mukhin và Ê-phim-ốp - uống trà trong cái quán "Nước Nga" ồn ào, nghe tiếng gào diếc tai của chiếc máy hát và chờ đợi. Cuối cùng, Ê-phim-ốp đưa mắt chỉ cho chúng tôi

một người to lớn, vạm vỡ, có bộ râu của kẻ lái buôn: "Ông ta đấy". Người này uống trà rất lâu ở một bàn riêng, rồi khoác chiếc áo lên người và làm dấu bằng một động tác máy móc về phía những bức tranh thánh.

- Thì ra một nhà cách mạng là thế đấy! - Mukhin sững sờ.

Ông thành viên đảng Tự do Nhân dân tránh tiếp xúc với chúng tôi, qua Êphimốp, ông ta chuyển đến chúng tôi một lời giải thích mơ hồ gì đó. Câu chuyện này vĩnh viễn không có lời giải đáp. Về phần Êphimốp, chẳng bao lâu anh tính nợ với cuộc đời: anh tự tử bằng hơi ngạt. Có thể anh chàng khổng lồ mắt xanh này chỉ đơn thuần là trò chơi trong tay một tên cảnh sát chó săn nào đó, nhưng cũng có thể còn tệ hơn...

Mukhin là thợ điện, anh thiết lập trong nhà một hệ thống báo động phức tạp để phòng trường hợp cảnh sát ập tới. Anh hai mươi bảy tuổi, đôi lúc ho ra máu, rất khôn ngoan trong cuộc sống và gần như là một cụ già trong mắt tôi. Suốt đời anh là người cách mạng. Sau lần thứ nhất bị đi đày, anh phải vào tù, rồi lại đi đày. Tôi gặp lại anh ở Khácốp sau hai mươi ba năm xa cách, trong kỳ họp của đảng Cộng sản Ucraina. Chúng tôi ngồi hồi lâu trong một góc, nhắc lại quá khứ, ôn lại một số biến cố và kể cho nhau nghe những điều biết được về những người đã hoạt động với chúng tôi trong buổi bình minh cách mạng. Trong kỳ họp này, Mukhin được bầu vào Ban Kiểm tra Trung ương đảng Cộng sản Ucraina. Bằng cả đời mình, anh xứng đáng với sự lựa chọn ấy. Nhưng sau đó ít lâu, anh nằm liệt giường và không bao giờ đứng dậy nữa.

Sau khi quen biết nhau, Mukhin giúp tôi làm quen với mọi người bạn, cũng thuộc một giáo phái nào đó. Anh tên là Babencô [Babenko], có một ngôi nhà riêng và những cây táo trong vườn. Đi cà nhắc, cử chỉ chậm chạp, lúc nào cũng tỉnh táo, Babencô dạy cho tôi cách uống trà với táo, thay chanh.

Babencô bị bắt cùng nhiều người khác, ngồi tù khá lâu rồi trở về Nhicôlaiép. Số phận bắt chúng tôi xa nhau hoàn toàn. Năm 1925, tình cờ tôi đọc trong một tờ báo nào đó mẫu tin Babencô, cựu thành viên "Liên minh Công nhân miền Nam nước Nga" đang sống ở tỉnh Cuban [Kouban]. Lúc ấy anh không đi lại được. Tôi xin được cho ông già đi chữa bệnh ở Étxentuki [Essentouki], vào năm 1925 việc này không còn đơn giản nữa. Rồi anh khởi chân. Tôi đến thăm anh ở viện điều dưỡng. Anh không biết Trốtxki và Lovốp chỉ là một! Chúng tôi lại uống trà với táo và gọi lại quá khứ. Chẳng biết anh ngạc nhiên đến độ nào khi ít lâu sau, anh nghe tin Trốtxki là một tên "phản cách mạng"!

Xung quanh tôi có rất nhiều gương mặt đáng chú ý, không thể kể ra được hết. Đó là một tập thể tuyệt vời, trẻ trung và có học thức: tất cả mọi người đều học trường Kỹ thuật Hàng hải. Họ hiểu ngay khi mới nói đến nửa lời, như vậy việc tuyên truyền cách mạng đơn giản hơn nhiều so với chúng tôi tưởng. Chúng tôi ngạc nhiên và ngây ngất vì hiệu quả công việc. Qua những mẫu

chuyện được nghe về công tác cách mạng, chúng tôi biết thông thường chỉ thuyết phục được vài công nhân. Nếu mỗi nhà cách mạng lôi kéo nổi hai, ba người thì đó đã là một thành công đáng kể. Thế mà ở chỗ chúng tôi, trong thực tế, con số những người gia nhập hoặc muốn gia nhập đoàn thể là vô hạn. Chỉ thiếu sách vở tuyên truyền và người lãnh đạo. Các giảng viên của nhóm giảng từ tay nhau bản viết tay duy nhất, đã nhàu nát của cuốn *Tuyên ngôn đảng Cộng sản* (Mác và Ăngghen); bản này do nhiều người chép lại, thiếu khá nhiều và đầy lỗi.

Chẳng bao lâu chúng tôi cũng bắt đầu sản xuất sách vở. Đây chính là khởi đầu sự nghiệp văn chương của tôi và gần như trùng với bước đầu hoạt động cách mạng của tôi. Tôi viết các bản tuyên ngôn, những bài báo rồi chép lại bằng chữ in cho máy in. Thời ấy chúng tôi không hề biết trên thế giới đã có máy chữ. Tôi vẽ những chữ cái rất cẩn thận, coi chuyện sao cho một công nhân hầu như không biết đọc và viết cũng nhẩm ra được - không mấy khó khăn lắm - bản tuyên bố lấy từ máy ra là vấn đề danh dự. Mỗi trang giấy đòi hỏi ít nhất hai giờ làm việc. Có khi tôi gù lưng cả tuần với công việc và chỉ ngừng những khi cần họp hành và bàn bạc công việc của tổ. Nhưng vui biết bao khi được biết ở các nhà máy, công xưởng, người ta đọc như chết đói, chuyền tay và tranh cãi sôi nổi như thế nào những tờ truyền đơn bí mật in chữ tím. Họ hình dung tác giả những tờ báo như một nhân vật mạnh mẽ và huyền bí, anh ta xông xáo vào mọi nhà máy, biết những gì xảy ra trong các phân xưởng, và đáp lại các sự kiện sau hai mươi tư giờ đồng hồ bằng những tờ truyền đơn mới.

Lúc đầu, chúng tôi đun chảy loại mực dùng để in và in những bản tuyên bố ở nhà, ngay trong phòng chúng tôi. Một người đứng gác ngoài sân. Diêm và dầu hỏa luôn được đặt gần lò sưởi để mở, phòng khi nguy hiểm, chúng tôi có thể thiêu hủy mọi bằng chứng. Tất cả những điều này đều vô cùng ngây thơ. Nhưng cảnh sát Nhicolaiép cũng chẳng giàu kinh nghiệm hơn chúng tôi là mấy.

Sau này, cơ sở in của chúng tôi được chuyển tới căn hộ của một công nhân đứng tuổi, ông bị mù vì tai nạn lao động. Không chút ngần ngại, ông giao căn nhà ông cho chúng tôi.

- Đối với người mù, đâu chẳng là nhà tù? - ông nói thản nhiên với nụ cười châm biếm.

Dần dà chúng tôi chất đống ở nhà ông một lượng đáng kể gli-xê-rin, giê-la-tin và giấy. Chúng tôi làm việc ban đêm. Căn phòng thấp, tồi tàn, thật sự có vẻ cùng khổ. Chúng tôi nấu món hồ lộn cách mạng trong một cái chảo gang rồi rót nó lên tấm sắt tây. Ông mù cử động chắc chắn hơn chúng tôi trong căn phòng tối và giúp chúng tôi. Một công nhân trẻ và một nữ công nhân nhìn nhau vẻ tôn kính mỗi lần tôi nhắc khỏi máy tờ báo mới vừa in xong.

Nếu ai đó nhìn từ trên xuống với con mắt "có lý trí" vào đám thanh niên đi lại trong cảnh tranh tối tranh sáng, quanh chiếc máy in khốn khổ, hẳn người ấy thấy thật lố bịch biết bao cái ý nghĩ của chúng tôi muốn lật đổ một chế độ lớn mạnh đã tồn tại bao thế kỷ nay. Thế mà ý đồ đó được

thực hiện trong thời hạn một thế hệ: từ những đêm ấy đến 1905 chỉ có tám năm, và đến 1917 cũng chỉ gần hai chục năm.

Tôi cho rằng tuyên truyền bằng miệng ít đem lại niềm vui như tuyên truyền bằng viết. Kiến thức của tôi còn hổng và tôi chưa biết cách trình bày một cách thích đáng. Hầu như chúng tôi không có những bài diễn văn theo đúng nghĩa của nó. Chỉ đọc một lần, tôi phải phát biểu một bài gì đó trong rừng vào dịp 1 tháng Năm. Tôi bối rối vô cùng. Mỗi lời lẽ của tôi, trước khi rời khỏi cổ họng, đều có vẻ giả tạo một cách quá đáng. Nhưng thỉnh thoảng, những cuộc nói chuyện trong câu lạc bộ cũng không đến nỗi thất bại. Về toàn cục, công tác cách mạng tiến tới hết tốc lực. Tôi duy trì và phát triển những mối quan hệ của mình với Ôđétxa. Buổi tối tôi ra cảng Nhicôlaiép, mua một vé hạng ba giá một rúp, nằm trên boong tàu thủy, càng gần ống khói càng tốt, gối trên chiếc áo vét-tông, tôi đắp lên người cái áo choàng. Sáng thức dậy ở Ôđétxa, tôi đi đến những địa chỉ quen biết. Đêm hôm sau tôi lại ở trên tàu. Bằng cách đó tôi không mất thời giờ đi lại vô ích.

Quan hệ của tôi với Ôđétxa phát triển một cách bất ngờ. Bên cửa thư viện công cộng, tôi làm quen với một công nhân đeo kính: chúng tôi nhìn nhau dò hỏi và đoán xem kẻ kia là ai. Anh là Anbe Pôliắc [Albert Poliak], công nhân sắp chữ, người tổ chức ra nhà in trung ương của đảng, nổi tiếng sau này. Mối quen biết này mở ra mọi giai đoạn mới trong đời sống của tổ chức chúng tôi. Vài ngày sau, tôi mang về Nhicôlaiép một va-li đầy sách vở bất hợp pháp in ở nước ngoài. Đó là những cuốn sách tuyên truyền mỏng, mới tinh, bìa màu tươi tắn. Chúng tôi mở va-li nhiều lần để chiêm ngưỡng kho báu ấy. Sách vở được phân phát nhanh chóng và làm tăng hẳn uy tín chúng tôi trong giới công nhân.

Trong một cuộc nói chuyện tình cờ với Poliắc, tôi được biết kỹ thuật viên Srenden [Schrenzel] thường tự xưng là kỹ sư và quanh quẩn bên chúng tôi từ lâu nay - là một tên khiêu khích già đời. Ngu xuẩn và hay quấy rối, Srenden luôn đội một cái mũ cát-két có phù hiệu. Tự bản năng, chúng tôi ngờ vực hẳn nhưng hẳn có biết việc này khác về một số người. Tôi mời Srenden đến nhà Mukhin. Ở đây, tôi vạch ra mọi chi tiết của đời y từ gốc đến ngọn mà không cần nêu tên y khiến y sợ đến phát cuồng. Chúng tôi dọa thủ tiêu y nếu y giao nộp chúng tôi. Lời cảnh cáo ấy hẳn có hiệu quả vì chúng tôi được yên trong vòng ba tháng. Ngược lại, sau khi chúng tôi bị bắt, Srenden khai chông chất, hết điều khủng khiếp này đến điều khủng khiếp khác.

Chúng tôi đặt cho tổ chức của mình cái tên "Liên minh Công nhân miền Nam nước Nga", hi vọng kết hợp với những thành phố khác. Tôi thảo điều lệ Liên minh trong tinh thần đảng Xã hội Dân chủ. Chính quyền cố chống lại chúng tôi bằng những cuộc nói chuyện trong các nhà máy. Nhưng ngay hôm sau chúng tôi đáp lại bằng một bản tuyên bố. Cuộc đấu tay đôi ấy khiến cho không chỉ giới thợ thuyền mà cả những tầng lớp rộng rãi trong dân cư thành phố phải hồi

hộp. Cuối cùng, cả thành phố nói về những người cách mạng rải truyền đơn tràn ngập trong các nhà máy. Tên chúng tôi được thì thầm mọi ngả. Nhưng cảnh sát vẫn chần chừ, chúng không tin "mấy thằng nhãi ở nhà tay làm vườn" có thể làm một chiến dịch như vậy và cho rằng đằng sau chúng tôi là những nhà lãnh đạo kinh nghiệm hơn. Chắc chúng nghi đó là những cựu tù nhân đi đày về. Nhờ thế, chúng tôi lại được lợi thêm hai ba tháng. Nhưng cuối cùng, rõ ràng lũ mật thám dò được ra tung tích chúng tôi, và sở cảnh binh lần lượt biết hết các tổ của chúng tôi. Chúng tôi quyết định tự phân tán và rời Nhíchôlaiép vài tuần để đánh lạc hướng cảnh sát. Tôi phải về chỗ cha mẹ ở làng, Xôcôlốpxaia và em trai đi Êcachêrinhốtxláp v. v... Đồng thời, chúng tôi đi đến một quyết định cứng rắn: trong trường hợp bắt bớ hàng loạt diễn ra, chúng tôi sẽ không ẩn náu mà để bị bắt giữ để bọn cảnh binh không thể nói với công nhân: "Thấy chưa, lãnh đạo của các anh đã bỏ rơi các anh rồi đó!"

Trước khi tôi đi, Nhíchchêrencô đòi tôi phải giao tận tay anh một nắm tuyên ngôn. Anh ta định thời điểm gặp gỡ rất muộn tại một nơi sau nghĩa trang. Tuyết dày bao phủ khắp nơi, trắng sáng. Khoảng đất sau nghĩa trang hoàn toàn hoang vắng. Tôi gặp Nhíchchêrencô ở chỗ hẹn. Nhưng đúng lúc tôi giao cho anh ta bó giấy rút từ chiếc áo dài, một người rời khỏi bức tường nghĩa trang, đi ngang qua sát chúng tôi và dùng khuỷu tay huých vào Nhíchchêrencô.

- Ai vậy? - tôi ngạc nhiên hỏi.

- Tôi không biết - Nhíchchêrencô đáp, mắt nhìn theo bóng người vừa đi khỏi.

Hắn đã có quan hệ với cảnh binh từ dạo ấy, thế mà tôi không hề nghi ngờ chút nào.

Những cuộc bắt bớ hàng loạt xảy ra ngày 28 tháng Giêng 1898. Tổng cộng hơn hai trăm người bị "nhòm ngó" tới. Cuộc đàn áp bắt đầu. Một trong số những người bị bắt, anh lính Xôcôlốp [Sokolov] sợ hãi đến mức định tự tử bằng cách nhảy từ hành lang tầng một của nhà tù xuống, nhưng anh thoát chết, chỉ bị giập xương trầm trọng. Một người bị giam khác, anh Lêvândốpxki [Lévandovsky] bị bọn cảnh binh hành hạ đến phát điên. Còn nhiều nạn nhân khác.

Nhiều người bị bắt do ngẫu nhiên. Một số người được chúng tôi tin tưởng lại bỏ rơi, thậm chí phản bội chúng tôi. Và ngược lại, những người lâu nay không được ai biết đến, lại tỏ ra có ý chí mạnh mẽ. Vì một lý do gì đó, một thợ tiện người Đức chừng năm mươi tuổi, anh Aogútxtơ Đônơ [August Dorn] bị bắt và giam giữ lâu. Anh chỉ đảo qua chỗ chúng tôi ở câu lạc bộ một hai lần. Đônơ cư xử thật tuyệt vời, anh làm âm ỉ nhà tù bằng những bài hát Đức, thực ra không phải lúc nào cũng nghiêm chỉnh. Anh bông đùa bằng thứ tiếng Nga rất tồi và giữ tinh thần cho đám thanh niên. Tại nơi tạm giam những người bị đi đày ở Mátxcova, chúng tôi ngồi cùng một phòng, Đônơ gọi cái ấm xa-môva đến chỗ anh và kết thúc màn đối thoại như sau:

- Này ấm, mày không muốn đến đây thì Đônơ phải đến chỗ mày vậy!

Mặc dầu cảnh ấy lặp lại ngày này qua ngày khác, ai nấy đều phá lên cười thật lòng.

Tổ chức ở Nhicôlaiép bị một đòn nặng nề nhưng không tan vỡ. Chẳng mấy chốc chúng tôi được những người khác thay thế. Những nhà cách mạng và cả bọn cảnh binh đều trở nên có kinh nghiệm hơn.

CHƯƠNG VIII NHỮNG NHÀ TÙ ĐẦU TIÊN CỦA TÔI

Tháng Giêng 1898, trong lần cảnh sát cắt vó hàng loạt, tôi bị bắt không phải ở Nhicôlaiép mà trong trang trại của một đại điền chủ tên là Xôcôpních [Sokovnike], nơi Sovigôpxki xin vào làm vườn. Tôi ghé qua đó trên đường từ Ianôpca đi Nhicôlaiép, mang theo chiếc cặp lớn chứa đầy bản thảo, hình vẽ, thư từ và nhiều tư liệu bất hợp pháp khác. Sovigôpxki giấu qua đêm những tài liệu nguy hiểm ấy vào một cái hố đựng bắp cải và đến bình minh, khi sắp đi trồng cây, anh mới lôi nó ra đưa cho tôi vì tôi muốn làm việc. Đúng lúc đó cảnh sát ập tới. Sovigôpxki còn kịp ném cái cặp ra sau một bể nước bên lối ra vào. Anh cũng kịp nói thầm với bà quản gia - bà cho chúng tôi ăn trưa dưới sự giám sát của lũ cảnh binh - rằng hãy đem cái gói đi và giấu càng kỹ càng tốt. Bà già thấy tốt hơn cả là đem chôn chiếc cặp trong vườn, dưới đồng tuyết. Chúng tôi chắc mẩm những tài liệu ấy sẽ không lọt vào tay kẻ địch. Nhưng mùa xuân đến, tuyết tan, cỏ mọc cao lên để lộ chènghềnh chiếc cặp. Chúng tôi thì ngồi tù. Mùa hạ, người ta làm cỏ trong vườn của điền chủ. Hai đứa nhỏ, con của một công nhân, chơi ở vườn phát hiện ra chiếc cặp, chúng đem lại cho bố; người này mang đến nộp nhà chủ. Hoảng sợ, ông điền chủ có đầu óc tự do này liền đi Nhicôlaiép và trao mớ giấy tờ cho một đại tá cảnh binh. Bản thảo viết tay được dùng làm bằng chứng để tố giác nhiều người.

Cái nhà tù cũ kỹ ở Nhicôlaiép hoàn toàn không thích hợp cho việc giam giữ tù chính trị, nhất là chúng tôi lại quá đông. Tôi cùng bị giam một buồng với anh thợ đóng sách trẻ lavích [lavitch]. Căn phòng rất lớn, có thể chứa ba chục người, không có chút đồ đạc gì và chỉ được sưởi tí chút. Ở cửa ra vào, có một "con mắt" lớn hình chữ nhật mở ra hành lang thông trực tiếp ra sân. Lúc ấy là thời kỳ băng giá lạnh lẽo tháng Giêng. Ban đêm, người ta quăng cho chúng tôi một cái đệm rơm trải sàn, đến sáu giờ sáng lại cắt đi. Tỉnh giấc và mặc quần áo là cả một cực hình. Mặc áo choàng, đội mũ và đi giày cao su, tôi ngồi sát lavích, lưng dựa vào chiếc lò sưởi ấm ấm, chúng tôi mơ màng và ngủ gà ngủ gật một hai tiếng. Có lẽ đó là lúc dễ chịu nhất trong ngày. Chúng tôi không bị gọi đi lấy khẩu cung. Chạy từ góc này sang góc khác cho ấm người, chúng tôi triền miên theo những kỷ niệm, phỏng đoán và hi vọng. Tôi bắt đầu dạy lavích học. Cứ như thế được ba tuần rồi thì có sự thay đổi. Người ta bắt tôi mang cả đồ đạc lên văn phòng nhà tù và tôi bị giao cho hai tên cảnh binh cao lớn. Tôi bị chuyển đi nhà tù Khécxôn bằng xe ngựa. Nhà tù Khécxôn còn cũ kỹ hơn nhà tù Nhicôlaiép. Xà-lim rộng nhưng cửa sổ lại hẹp, bị che bởi một tấm lưới nặng nề làm ánh sáng rất khó lọt qua. Tôi cô đơn vô cùng. Không được đi

đạo, không có lảng giềng. Không thấy gì vì cửa sổ bị bít kín vào mùa đông. Tôi không được nhận quà từ bên ngoài. Tôi không có trà, không có đường. Mỗi ngày, tôi được nhận khẩu phần ăn của tù nhân một lần, vào buổi trưa: món xúp. Bánh mì đen rắc muối dùng cho cả bữa sáng và bữa trưa. Tôi đọc thoại rất lâu rằng mình có quyền tăng khẩu phần buổi sáng lẫn vào phần buổi chiều không? Những lý do tôi tìm ra vào buổi sáng đã trở nên vô lý và tội lỗi khi chiều tối. Đến giờ ăn tối, tôi căm thù kẻ ăn sáng. Tôi không có quần áo lót để thay. Ba tháng liền tôi chỉ có độc một chiếc quần lót ấy. Tôi không có xà phòng. Rận, rệp nhà tù ăn tươi nuốt sống tôi. Tôi tự đặt cho mình nhiệm vụ đi chéo trong phòng một ngàn một trăm mười một bước. Khi đó, tôi sắp được mười chín tuổi. Tôi sống trong sự cô độc tuyệt đối đến mức sau này, dù trải qua hai tá nhà tù, tôi không thấy ở đâu như thế. Tôi không có lấy một quyển sách, một cây bút chì, một tờ giấy. Xà-lim không được thông gió. Rừng không khí trong đó như thế nào, tôi có thể đánh giá được qua những cái nhăn mũi của tên trại phó nhà giam, thỉnh thoảng đến gặp tôi. Tôi gặm nhấm mẩu bánh mì trại giam, đi lại theo đường chéo của buồng và làm thơ. Tôi biến khúc hát *Cái dùi cui* của những người dân tụy thành khúc hát vô sản *Cái máy*. Tôi còn soạn một bài ca cách mạng theo điệu *Camarinxcaia*. Những vần thơ ấy chất lượng khá trung bình nhưng sau đó lại rất phổ biến: cho đến nay chúng vẫn được xuất hiện trong các tập nhạc. Có điều, đôi khi cái khắc khoải của cảnh cô đơn làm tôi mòn mỏi. Lúc đó, con số một ngàn một trăm mười một bước chân được tôi đếm một cách cứng cỏi hơn hẳn trên đế giày mòn vẹt. Cuối tháng thứ ba, khi bánh mì nhà tù, đệm rom và chấy rận đã trở thành những yếu tố không thể tách rời trong đời sống của tôi, bình thường như ngày và đêm, vào một buổi tối, các giám thị đem đến xà-lim một đồng tướng những đồ vật từ một thế giới khác trong mộng tưởng: quần áo lót sạch, chăn, gối, bánh mì trắng, trà, đường, thịt giảm bông, đồ hộp, táo, cam, đúng thế, những quả cam màu sắc thật tươi... Cho đến nay, sau ba mươi một năm, tôi vẫn xúc động khi nhắc lại tên những vật kỳ diệu trên và chợt nhận thấy mình đã quên không kể đến một lọ mứt, bánh xà phòng và chiếc lược.

- Mẹ anh mang đến đấy - tên trại phó bảo.

Và dù trong thời đó tôi không mấy hiểu tâm hồn con người, nhưng nghe giọng y, tôi hiểu ngay là y đã ăn hối lộ.

Ít lâu sau, tôi được chuyển bằng tàu thủy về Ôđétxa và bị giam trong xà-lim cá nhân tại một nhà tù mới xây vài năm theo kỹ thuật tối tân nhất. Sau khi đã ở Nhicôlaiép và Khécxôn, xà-lim riêng tại Ôđétxa là nơi lý tưởng. Chúng tôi đánh moóc-xơ [morse], gửi thư và "điện thoại" cho nhau bằng cách gào qua cửa sổ

- tóm lại, sự liên lạc hầu như liên tục. Tôi "gõ" những vần thơ của tôi làm hồi ở Khécxôn cho các bạn hàng xóm, để đáp lại họ báo tin tức cho tôi. Qua cửa sổ, tôi được Sovigôpxki cho biết

gối giấy của tôi đã lọt vào tay cánh binh, nhờ thế tôi dễ dàng làm hỏng kế hoạch của đại tá Dremliuga [Dremliouga], ông này muốn nhử tôi vào bẫy. Phải nói rằng trong giai đoạn ấy, chúng tôi còn chưa theo chiến thuật về sau này, là từ chối trả lời mọi câu hỏi khi bị khảo cung. Nhà tù chật ních những người bị bắt sau thất bại toàn diện của phong trào mùa xuân tại nước Nga. Ngày 1 tháng Ba 1898, trong khi tôi bị giam ở nhà tù Khécxôn, Đại hội thành lập đảng Xã hội Dân chủ được tổ chức tại Minxơ [Minsk]. Chỉ có chín người tham gia. Hầu như ngay lập tức, họ bị chìm vào làn sóng bắt bớ. Vài tháng sau không còn ai nhắc tới Đại hội này. Nhưng những hệ quả của nó về sau có ảnh hưởng đến lịch sử nhân loại... Bản Tuyên ngôn được thông qua vẽ ra viễn cảnh sau đây của cuộc đấu tranh chính trị:

... càng đi về phía Đông châu Âu, giai cấp tư sản càng hèn hạ và khốn nạn trên phương diện chính trị, do đó những nhiệm vụ văn hóa và chính trị mà giai cấp vô sản phải gánh vác lại càng to lớn hơn.

Về phương diện lịch sử, có cái gì chưa chát trong việc tác giả bản tuyên ngôn - Piốt Xtruvê, nhân vật rất được nhiều người biết đến - sau đó lại trở thành lãnh tụ phong trào tự do, và cuối cùng là nhà báo của trào lưu phản động, tôn sùng giáo hội và chủ nghĩa quân chủ.

Trong những tháng đầu ở nhà tù Ôđétxa, tôi không nhận được sách vở từ bên ngoài và buộc phải bằng lòng với lượng sách của thư viện nhà tù, phần lớn gồm những tạp chí tôn giáo và lịch sử có nội dung bảo thủ, được ấn hành từ nhiều năm. Tôi nghiền ngẫm chúng với sự thèm khát không nguôi. Tôi làm quen với mọi giáo phái và dị giáo thời cổ đại và hiện đại, những ưu đãi đặc biệt đối với sự tôn thờ chính giáo, những lý lẽ tốt nhất để chống đạo Thiên Chúa, Tin Lành, tư tưởng Tônxtôi và học thuyết Đácuy-n. Tinh thần Cơ đốc - tôi đọc trong tờ *Pravôxlápnoîe Ôbôdorêniê* [Pravoslavnoié Obozrenié] (Tạp chí Chính giáo)

- yêu những môn khoa học thực sự và trong số đó, các môn khoa học tự nhiên, như những bà con tinh thần của đức tin. Câu chuyện con lừa của Balaam biết tranh luận với nhà tiên tri là điều kỳ diệu không thể bác bỏ, ngay cả theo quan điểm khoa học: "Bởi vì có cả những con vẹt, thậm chí hoàng yến biết nói nữa cơ mà." Lý lẽ này của tổng giám mục Nhicanô [Nikanor] làm tôi bận tâm trong nhiều ngày; đôi khi trong cơn mơ tôi cũng thấy nó. Các bài nghiên cứu về ma vương hoặc ác quỷ, về những chúa tể của chúng, về quỷ Satăng và cội âm đen tối - với sự ngu xuẩn được pháp điển hóa hàng thiên niên kỷ - luôn làm tôi ngạc nhiên và gây nổi hào hứng cho tư duy trẻ trung, duy lý của tôi. Những công trình tràng giang đại hải về thiên đường, về bài trí bên trong và vị trí của nó đều được kết thúc bằng nhận xét đượm vẻ buồn bã: "Chưa có những dữ kiện chính xác về địa điểm của thiên đường". Tôi tự thầm nhắc câu nói này khi ăn trưa, lúc uống trà và đi dạo. Như vậy người ta không có số liệu gì vĩ độ địa lý của cội thiên đường cực lạc. Mỗi khi có dịp, tôi luôn tranh luận về thần học với hạ sĩ cánh binh Míchlin [Mikline]. Đó là

là một kẻ keo kiệt, dối trá và độc ác, nhưng vô cùng thành thạo kinh truyện và sùng đạo tuyệt đối. Leo thật nhanh trên những bậc thang sắt, tay vung vẩy chùm chìa khóa, ông ta lẩm nhẩm các bài hát nhà thờ. Tìm cách gây ấn tượng với tôi, Michlin nói:

- Chỉ vì một cách gọi thôi, lẽ ra phải nói là "Đức mẹ của Chúa", tên dị giáo Ariút [Arius] lại gọi là "mẹ của Kitô" nên y đã bị vỡ bụng đấy.

- Thế tại sao tất cả những tên dị giáo bây giờ lại bình an vô sự?

- Bây giờ, bây giờ... thời thế đã đổi khác rồi - Michlin đáp, vẻ phật ý.

Theo yêu cầu của tôi, chị tôi từ làng lên thăm mang cho tôi bốn cuốn *Phúc Âm* bằng tiếng nước ngoài. Dựa vào những kiến thức thu nhận được trong nhà trường về tiếng Đức và Pháp, tôi đọc và đối chiếu từng dòng một cuốn sách ấy bằng cả tiếng Anh và Ý. Trong vài tháng tôi tiến bộ đáng kể. Cũng phải nói rằng năng khiếu về ngôn ngữ của tôi khá bình thường. Cho đến giờ tôi vẫn không biết hoàn hảo một ngôn ngữ nào mặc dầu tôi đã sống dài hạn ở nhiều nước châu Âu khác nhau.

Trong thời gian gặp mặt, tù nhân bị lừa vào những chiếc chuồng hẹp bằng gỗ, ngăn cách những người đến thăm bởi hai lớp lưới sắt. Khi vào thăm lần đầu, cha tôi tưởng tôi phải sống trong cái cũi chật hẹp ấy suốt thời gian bị cầm tù. Cảm giác rùng mình khiến ông không nói nên lời. Ông chỉ mấp máy đôi môi trắng bệch và lặng thinh trước những câu hỏi của tôi. Không bao giờ tôi quên gương mặt ông lúc ấy. Khi mẹ tôi đến, bà đã được cha tôi báo trước nên tỏ vẻ bình tĩnh hơn.

Tiếng vọng những sự kiện tầm cỡ thế giới chỉ đến với chúng tôi như những mảnh vụn rời rạc. Cuộc chiến ở Nam Phi không tác động mấy đến chúng tôi. Chúng tôi vẫn là dân tỉnh lẻ thực thụ theo đúng nghĩa của từ này. Chúng tôi giải thích cuộc chiến tranh giữa người Anh và Bôe [Boers] như thắng lợi tất yếu của tư bản lớn đối với tư bản nhỏ. Vụ Đơrâyphuyt [Dreyfus], đạt đến đỉnh cao vào lúc bấy giờ, thỉnh thoảng thu hút chúng tôi bằng tính bi kịch của nó. Một lần chúng tôi nhận được tin vẹt là ở Pháp có đảo chính và nền quân chủ được tái thiết. Cảm giác nhục nhã không gì rửa nổi khiến chúng tôi rầu rĩ. Lũ cảnh binh lo lắng chạy dọc các hành lang và cầu thang sắt để chấm dứt sự đập phá và kêu la. Chúng tưởng chúng tôi bất bình vì bữa ăn trưa quá tệ. Nhưng không, đó là sự phản đối kịch liệt âm mưu phục hồi nền quân chủ Pháp của cánh tù nhân chính trị.

Những bài báo về hội Tam Điểm đăng trên các tạp chí thần học khiến tôi chú ý. Trào lưu kỳ lạ ấy xuất phát từ đâu? Chủ nghĩa mác-xít giải thích hiện tượng này ra sao? - tôi tự hỏi. Trong một thời gian khá dài, tôi chống lại chủ nghĩa duy vật lịch sử (tôi dựa vào lý thuyết đa nhân tố lịch sử, lý thuyết này như đã biết - đến nay vẫn là chiều hướng phổ biến nhất của khoa học xã hội). Con người gọi những mặt khác nhau của các hoạt động xã hội của họ là những nhân tố, họ

gán cho khái niệm ấy một tính *siêu* xã hội và giải thích một cách mê muội những hoạt động xã hội của chính mình như sản phẩm của tác động tương hỗ của những lực độc lập ấy. Các nhân tố ấy đến từ đâu, chúng phát triển trong những điều kiện nào từ xã hội nhân loại nguyên thủy? Chủ nghĩa chiết trung chính thức hầu như không đụng chạm đến vấn đề này. Trong buồng giam, tôi hào hứng đọc hai tiểu luận nổi tiếng của Antônio Labriôla [Antonio Labriola], học giả mácxít già người Ý, theo xu hướng Hêghen [Hégel]. Hai bản này lọt vào nhà tù bằng tiếng Pháp. Labriôla thuộc số ít những nhà văn thuộc hệ La Tinh nắm vững duy vật mác-xít, trong phương diện triết học lịch sử chứ không phải trong lĩnh vực chính trị mà ông vốn mù. Dưới vẻ hào hoa tài tử, bài viết của ông chứa nhiều điểm sâu sắc thực sự. Labriôla thanh toán một cách tuyệt vời chủ thuyết đa nhân tố lịch sử chất chứa trên đỉnh Ôlimpơ [Olympe] của lịch sử và ngự trị số kiếp chúng ta từ những đỉnh cao vợi vợi. Và dù đã ba chục năm trôi qua kể từ ngày tôi đọc các tiểu luận của ông, trình tự tư tưởng khái quát của ông khắc sâu trong ký ức tôi cũng như điệp khúc: "Tư tưởng không rơi từ trên trời xuống". Sau những bài viết ấy, các lý thuyết gia Nga về tính đa dạng của những nhân tố - như Láprốp [Lavrov], Mikhailốpski [Mikhailovsky], Carêiép [Karéiev] và nhiều người khác - đều yếu ớt trong mắt tôi. Rất lâu về sau, tôi vẫn không tài nào hiểu nổi những nhà mácxít đã bị ảnh hưởng bởi cuốn sách căn cỗi mang tựa đề *Kinh tế và luật pháp* của giáo sư người Đức Stamle [Stammler], một trong vô số cố gắng để mở một lối cho dòng chảy tự nhiên và lịch sử từ con vi trùng amíp đến thời chúng ta - vượt qua những vòng khép kín của các phạm trù vĩnh cửu - thực tế chỉ là những phiên bản còn đọng lại trong não bộ mấy nhà thông thái róm.

Chính vào thời đó tôi bắt đầu chú ý đến vấn đề hội Tam Điểm. Trong nhiều tháng trời, tôi hằng hái đọc những sách vở liên quan đến hội này, do họ hàng và bạn bè mang từ thành phố lên. Tại sao, vì có gì mà từ đầu thế kỷ XVII, những thương gia, nghệ sĩ, chủ ngân hàng, viên chức và trạng sư lại quyết định tự gọi mình là "thợ nề", lặp lại nghi thức phường hội thời Trung cổ? Thử hỏi cái hội giả trang kỳ lạ ấy bắt nguồn từ đâu? Bức tranh dần dần sáng tỏ. Phường hội thời xưa không chỉ là một nhóm sản xuất, nó còn là một tổ chức mang tính đạo đức và phong tục riêng. Từ mọi phía, nó quyết định đời sống của dân thị thành, đặc biệt là phường hội những thợ bán thủ công, bán nghệ sĩ thuộc ngành xây dựng. Việc nền kinh tế theo kiểu phường hội bị giải thể đánh dấu sự khủng hoảng tinh thần của một xã hội vừa thoát khỏi thời Trung cổ. Đạo đức mới hình thành chậm hơn rất nhiều so với sự sụp đổ của đạo đức cũ. Từ đó, nảy ra sự cố gắng - thường thấy trong lịch sử nhân loại - nhằm giữ lại những hình thức kỷ luật đạo đức mà tiến trình lịch sử (trong trường hợp này là những cơ sở phường hội của sản xuất) đã đào thải từ lâu. Cuối cùng, hội Tam Điểm hành động trở thành một thứ Tam Điểm tư biện. Nhưng như điều thường thấy ở các trường hợp tương tự, những hình thức đạo đức và phong tục lạc hậu

mà con người cố giữ lại cho mình - chính vì tính hình thức của chúng - đã chứa đựng một nội dung mới và khác hẳn dưới tác động đời sống. Trong một số xu hướng của hội Tam Điểm, có thể nhận thấy trực tiếp những nhân tố phong kiến phản động khá mạnh, chẳng hạn trong hệ thống nghi thức kiểu Tô Cách Lan. Tuy vậy vào thế kỷ XVIII, ở nhiều nước, các dạng của hội Tam Điểm được bổ sung bằng sự khai sáng tác chiến, nội dung của học thuyết khai sáng từng đóng vai trò tiền cách mạng; cánh tả của họ tiến đến phong trào Cácbonari [Karbonari] (ở Ý). Vua Lui [Louis] XVI và bác sĩ Ghiôtanh [Guillotine] (người sáng chế ra chiếc máy chém) cũng là hội viên Tam Điểm. Ở miền Nam nước Đức, hội Tam Điểm bắt đầu mang tính cách mạng công khai; trong cung của nữ hoàng Catêrina [Catherine] Đệ nhị, nó trở thành biểu hiện giả dối của hệ thống tôn ti trật tự quý tộc và viên chức. Vị nữ hoàng hội viên Tam Điểm ấy đã dày ông Nôvicốp [Novikov] đi Xibêri, ông này cũng là một hội viên Tam Điểm.

Nếu ngày nay, vào thời kỳ hàng may sẵn trở nên rẻ tiền và hầu như không còn ai nghĩ đến việc dùng chiếc áo rơ-đanh-gốt [redingote] của ông nội mình thì trong lĩnh vực tư tưởng, áo rơ-đanh-gốt và váy kri-nô-lin [krinoline] vẫn được sử dụng rộng rãi. Trữ lượng tư tưởng được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, dù gối và chăn bà nội đã bốc mùi chua mốc. Kể cả những kẻ buộc phải thay đổi quan niệm cũng thường nhồi nhét các ý đồ của mình trong những hình thức cũ. Cách mạng diễn ra trong kỹ thuật sản xuất có tác động lớn hơn nhiều so với cuộc cách mạng trong tư tưởng chúng ta; ở đó, người ta vẫn luôn thích vá vúi và khâu lộn quần áo hơn là may một chiếc mới. Bởi thế, những tín đồ tiểu tư sản Pháp của thể chế đại nghị - cố gắng chống lại lực ly tán của những hoàn cảnh đương thời bằng cái vẻ giả mạo nào đó của mối quan hệ đạo đức giữa con người - thấy không còn gì hơn là chui vào một chiếc tạp dề trắng và tự vũ trang bằng cái com-pa hoặc sợi dây dọi. Như thế, thực ra họ không có ý xây dựng một tòa nhà mới mà chỉ muốn đi vào một tòa nhà cũ kỹ của nghị viện hoặc chính phủ.

Vì ở trong nhà tù, cứ mỗi lần phát vở mới người ta lại thu cuốn cũ đã viết đầy, tôi dùng quyển vở một ngàn trang có đánh số để nghiên cứu vấn đề Tam Điểm. Trong đó tôi chép bằng chữ rất nhỏ những đoạn trích từ vô số sách vở và xen vào cách nhìn nhận của tôi về hội Tam Điểm và quan niệm duy vật lịch sử.

Việc này làm tôi mất tổng cộng gần một năm. Tôi hoàn chỉnh một số chương, chép lại vào những cuốn vở được đưa lậu từ ngoài vào và gửi chúng cho bạn bè tại các phòng giam khác để họ đọc. Chúng tôi có một hệ thống rất phức tạp gọi là "điện thoại" để làm việc này. Nếu phòng giam của người nhận tài liệu không xa tôi lắm, anh ta sẽ lấy một vật nặng buộc vào một sợi dây, thò tay hết sức qua song sắt và lắc nó đi. Trước đó, chúng tôi đã thảo luận cách chuyển giao bằng cách gõ báo hiệu; khi ấy tôi cũng luồn một cái chổi ra ngoài, càng xa càng tốt. Khi vật nặng quần được vào quanh chổi, tôi kéo nó vào phòng và buộc bản thảo vào đầu sợi dây. Nếu

người nhận ở xa hơn thì phải truyền qua hàng loạt những "ga trung gian", dĩ nhiên điều này làm cho mọi việc phức tạp lên nhiều.

Vào cuối thời gian ngồi tù ở Ôđétxa, quyển vở dày của tôi - được hạ sĩ cảnh binh Uxốp [Oussov] xác nhận và ký tên chứng thực - đã trở thành một kho tàng thực sự mang tính uyên bác lịch sử và có chiều sâu triết học. Không biết ngày nay có thể đem nó ra in ở dạng như đã được viết không? Cùng một lúc, quá nhiều loại kiến thức thuộc đủ mọi lĩnh vực đổ xuống đầu tôi từ các thời kỳ và các quốc gia khác nhau. Tôi sợ mình muốn nói quá nhiều thứ một lúc trong tác phẩm đầu tay của mình. Nhưng tôi cho rằng những suy nghĩ và kết luận chính đều đúng. Vào hồi đó tôi đã cảm thấy mình đứng khá vững trên đôi chân và cảm giác ấy càng mạnh khi công việc càng tiến triển. Ngày nay tôi dám đánh đổi tất cả để tìm lại cuốn vở lớn ấy! Nó theo tôi suốt cả thời gian đi đày; thật ra lúc đó tôi thôi không nghiên cứu lịch sử hội Tam Điểm nữa và chuyển sang học hỏi hệ thống kinh tế của Mác. Khi tôi trốn ra nước ngoài, Aléchxandơra Lơvốpna chuyển cho tôi quyển vở từ nơi lưu đày nhân dịp cha mẹ tôi đến thăm tôi ở Pari năm 1903. Cuốn vở ấy cùng một ít bản thảo, thư từ tôi viết trong lúc di tản đã nằm lại Gionevơ [Genève] khi tôi về lại Nga một cách bất hợp pháp; sau đó nó thuộc kho lưu trữ của tờ *Íchcờra* [Iskra] (Tia lửa): nơi đó trở thành nhà mồ trước thời hạn của cuốn vở. Sau khi trốn khỏi Xibêri ra nước ngoài, tôi cố tìm lại tác phẩm của mình nhưng vô hiệu. Hẳn là bà chủ nhà người Thụy Sĩ được giao phó việc giữ gìn các bản thảo đã dùng quyển vở này để nhóm lò hoặc vào những nhu cầu khẩn thiết khác. Tôi không tránh khỏi việc buông một lời trách móc với người phụ nữ khả kính này.

Nghiên cứu phong trào hội Tam Điểm trong tù với lượng sách vở rất hạn chế trong tầm tay là điều bổ ích đối với tôi. Thời đó tôi hoàn toàn không biết đến những tài liệu mác-xít cơ bản. Các tiểu luận của Antônio Labriôla là những bài đả kích mang tính triết học và như thế, chúng đòi hỏi những kiến thức mà tôi chưa có và đành phải thay thế bằng các phỏng đoán. Sau khi từ giả những thử nghiệm của Labriôla, tôi có một mớ giả thuyết trong đầu. Công trình về hội Tam Điểm là thử thách cho những giả thuyết ấy. Tôi không phát hiện được gì mới. Những kết luận mang tính phương pháp luận của tôi đều đã được tìm thấy từ lâu và còn được áp dụng trong thực tiễn. Nhưng tôi tự lẫn mò và tiến đến chúng, trong một chừng mực nào đó, nhờ vào sức của chính mình. Tôi cho rằng điều này có tác động đến toàn bộ sự phát triển tư tưởng của tôi sau này. Về sau, tôi tìm thấy trong các công trình của Mác, Ăngghen, Plêkhanốp [Plékhanov], Mêrinh [Mehring] sự xác nhận những điều mà lúc trong tù, tôi mới chỉ coi là ý kiến cá nhân, còn cần phải lý giải và kiểm tra lại. Ngay từ đầu, tôi không chấp nhận duy vật lịch sử dưới hình thức giáo điều, bắt buộc. Lần đầu tiên, biện chứng đến với tôi không bằng những định nghĩa trừu tượng mà như một thứ lò xo sống động, tôi tìm thấy ngay trong quá trình lịch sử bởi vì tôi

gắng sức để hiểu nó.

Vào thời gian ấy, những cơn sóng bắt đầu dâng lên cao khắp đất nước. Trong hoàn cảnh này, biện chứng lịch sử cũng thỏa sức hoạt động, nhưng nó đã đi vào thực tế và trên một quy mô rộng lớn. Phong trào sinh viên, học sinh chuyển thành những cuộc biểu tình. Kỵ binh Cốt đắc [Cosaques] đàn áp sinh viên bằng roi ngựa. Những người mang tư tưởng tự do bất bình vì con cái họ bị hành hạ. Đảng Xã hội Dân chủ vững mạnh lên, ngày càng hòa nhập vào phong trào công nhân. Hoạt động cách mạng thôi không còn là đặc quyền của các nhóm trí thức. Số công nhân bị cầm tù ngày càng tăng. Trong nhà tù, dù có phải chen chúc chật chội, vẫn còn dễ thở hơn. Vào cuối năm thứ hai, chúng tôi nhận bản án về vụ "Liên minh Công nhân miền Nam nước Nga": bốn bị cáo chính bị đày bốn năm ở Đông Xibêri. Chúng tôi còn phải ở lại hơn sáu tháng trong nhà tạm giam Mátxcova. Thời kỳ ấy đi đôi với việc nghiên cứu lý thuyết cao độ của tôi. Ở đây, lần đầu tôi nghe nói đến L ênin và cũng tại đây, tôi đọc cuốn sách vừa mới xuất bản của ông về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản Nga. Cũng tại đây, tôi viết và chuyển ra ngoài cuốn sách mỏng về phong trào công nhânNhicôlaiép, được in tại Giơnevơ sau đó ít lâu. Chúng tôi bị chuyển đi từ trại giam Mátxcova vào mùa hè. Dọc đường chúng tôi dừng lại nhiều lần ở những nhà tù khác. Chúng tôi chỉ đến nơi lưu đày được ấn định vào mùa thu năm 1900.

CHƯƠNG IX ĐI ĐÀY LẦN THỨ NHẤT

Chúng tôi xuôi dòng Lêna [Léna]. Dòng nước lôi chậm chậm những chiếc xà-lan chở đầy tù nhân và cai tù. Những đêm trường lạnh lẽo. Chiếc áo lông chúng tôi mặc phủ đầy sương giá vào tờ mờ sáng. Dọc đường khi đến những làng mạc đã được định trước, người ta thả một hai tù nhân lên bờ. Cho đến thị trấn Útxchi-Cút [Ousti-Kout], tôi còn nhớ chúng tôi đã lênh đênh khoảng ba tuần. Tại đấy, tôi được ở lại cùng một phụ nữ khá thân quen, cũng bị xử trong vụ Nhicôlaiép. Alếchxanđơra Lovốpna là một trong những nhân vật tuyệt vời nhất của "Liên minh Công nhân miền Nam nước Nga". Lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội và tinh thần chí công vô tư của cô đã đem lại cho cô một uy tín vô cùng lớn về mặt đạo đức. Công việc chung gắn bó chúng tôi với nhau. Để khỏi bị đi đày riêng rẽ, chúng tôi đã làm lễ thành hôn ở nhà giam Mátxcova.

Thị trấn có chừng trăm mái nhà nhỏ. Chúng tôi chuyển ra ở rìa ngoài làng. Quanh chúng tôi là rừng, phía dưới là sông. Xa hơn về phía Bắc, dọc bờ Lêna có những mỏ vàng. Vàng làm cả con sông ánh rực một màu. ÚtxchiCút đã có một thời khấm khá hơn với những cuộc ăn chơi điên cuồng, trộm cắp và cướp bóc. Nhưng vào thời chúng tôi nó đã thuần đi. Còn lại tệ nghiện ngập. Ở nơi chúng tôi sống, ông bà chủ nhà uống liên miên không ngừng. Đây là một cuộc sống đen tối, bế tắc ở nơi cùng trời cuối đất. Ban đêm, lũ gián sột soạt đầy nhà thật đáng sợ. Chúng bò

lên bàn, lên giường, lên tận mặt. Thỉnh thoảng, chúng tôi đành rời nhà một hai ngày, mở toang mọi cửa ngõ mặc dầu nhiệt độ xuống tới 30 độ âm. Vào mùa hè, lũ rỉn biến cuộc sống chúng tôi thành địa ngục. Có lần, những con rỉn đã đốt chết một con bò cái lạc trong rừng. Những người nông dân phải che mặt bằng một cái lưới đan bằng lông đuôi ngựa, tắm dầu mỡ bắn thiu. Đến mùa xuân và mùa thu, thị trấn ngập ngựa và lầy lội trong biển bùn. Thiên nhiên ở đây rất đẹp. Nhưng trong những năm ấy tôi hoàn toàn thờ ơ với nó. Dường như tôi tiếc rẻ nếu phải để tâm và tốn thời gian vào việc nhìn ngắm thiên nhiên. Tôi sống ở khoảng giữa rừng và sông mà thực ra không để ý đến chúng. Sách vở và những mối quan hệ cá nhân hầu như thu hút tôi toàn diện. Tôi nghiên cứu Mác và đôi lúc lại phải xua những chú gián bò ra từ các trang sách.

Lêna là con đường thủy lớn chuy ên chở người lưu đày. Những kẻ được trả tự do đi ngược về phía Nam theo dọc sông. Mối quan hệ giữa các nhóm người bị đi đày ngày càng đông theo ngọn trào cách mạng - hầu như không bao giờ bị đứt đoạn. Mọi người trao đổi thư từ đến độ chúng trở thành những luận văn thực sự. Ông thống đốc tỉnh Iécécútxcơ [Irkutsk] tương đối dễ tính trong việc cho phép thay đổi chỗ ở. Tôi cùng Aléchxandơra Lovốpna dời chỗ ở đi 250 dặm về phía Đông, gần sông Ilim, nơi các bạn thân chúng tôi sinh sống. Tại đây, trong một thời gian ngắn, tôi làm "nhân viên văn phòng" cho một triệu phú lái buôn. Những nhà kho đầy lông thú, các cửa hiệu và quán của ông ta rải trên một diện tích bằng cả nước Bỉ và Hà Lan cộng lại. Đó là một lãnh chúa khổng lồ trong địa hạt thương mại. Có hàng ngàn người Tungút [Toungouses] làm việc dưới quyền ông, ông ta gọi họ là "các con Tungút của ta". Cả đến tên mình ông cũng không biết ký, thế vào đó, ông vẽ một chữ thập. Ông sống dè sẻn, hà tiện cả năm để rồi tung cả chục ngàn rúp vào hội chợ ở Nhigiorhi Nôvôgôrốt [Nijni-Novgorod]. Tôi làm việc cho ông ta trong vòng một tháng rưỡi. Một hôm, tôi ghi trên hóa đơn - đáng lẽ là một pao sun-phát đồng thì lại nhầm thành một pút (hơn 16 kg) - và gửi bản thanh toán quá trớn ấy đến một cửa hiệu xa tít mù tắp. Tôi hoàn toàn mất uy tín vì vụ này và buộc phải thôi việc. Chúng tôi lại trở về Útxchi-Cút. Mùa đông năm ấy thật khắc nghiệt, nhiệt độ xuống dưới 44 độ Réômua [Réaumur]. Người đánh xe dùng chiếc khăn tay để bứt những mảnh băng đóng cứng trên mõm ngựa. Cháu gái mười tháng của tôi được đặt trên lòng. Nó thở qua một cái ống cuộn bằng da thú đặt trên đầu. Cứ qua mỗi ga chúng tôi lại lo lắng lo âu cháu khỏi bao che; tuy nhiên cuộc hành trình cũng kết cục may mắn. Nhưng chúng tôi không phải ở lâu tại Útxchi-Cút. Vài tháng sau, ông thống đốc cho phép chúng tôi lùi xuống phía Nam hơn chút nữa, ở Véckhôlêncơ [Verkholensk], tại đó chúng tôi cũng có bạn bè.

Tầng lớp quý tộc trong nhóm người bị đi đày được đại diện bởi những nhà dân túy già, với năm tháng họ đã gần như ổn định cuộc sống. Những người mác-xít trẻ hợp thành một giới riêng. Ngay trong thời kỳ tôi ở đây, có một đội công nhân ulla về phía Bắc: họ đa số ít học và bị

chính quyền bút khởi đám đình công một cách ngẫu nhiên. Đối với những người này, tù đầy là một trường học không gì thay thế nổi để họ có dịp tìm hiểu về chính trị và văn hóa nói chung. Những bất đồng tư tưởng - thường xảy ra ở nơi con người buộc phải sống trong hệ khép kín - bị rắc rối thêm bởi các vụ cãi cọ. Các xung đột mang tính cá nhân, đặc biệt là những vụ việc xuất phát từ lý do tình ái, rất dễ biến thành những tấn thảm kịch. Có khá nhiều vụ tự tử như thế. Ở Vécxhônxcơ, chúng tôi lần lượt cử nhau trông coi một sinh viên người Kiép. Có lần tôi để ý thấy trên bàn anh có những vụn sắt lấp lánh. Chỉ sau này mọi người mới vỡ nhẽ anh làm đạn chì cho khẩu súng săn của mình. Anh tì nòng súng vào tim và đập cò bằng ngón chân cái. Chúng tôi chôn anh trên một quả đồi trong bầu không khí yên lặng. Thời ấy, chúng tôi ngại cả việc đọc điều văn, sợ như thế là giả dối.

Trong mọi khu quần cư lớn của người bị đi đầy đều có một khu mộ những kẻ tự vẫn. Một số tù nhân hòa vào môi trường, nhất là những người ở thành phố. Số khác đam mê rượu chè. Chỉ bằng biện pháp tự giáo dục cao độ, người ta mới có thể được cứu vãn trong cảnh lưu đầy cũng như tù tội. Phải nói rằng trong thực tế, chỉ có những người mác-xít nghiên cứu và học tập lý luận.

Trong những cuộc hành trình lớn trên sông Lêna thuở ấy, tôi được biết Décginxki [Dzerjinsky], Urítxki [Ouritsky] và những nhà cách mạng trẻ tuổi khác, sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong tương lai. Vào một đêm xuân tối trời, cạnh đồng lửa trên bờ Lêna ngập nước, Décginxki đọc cho chúng tôi nghe một bài thơ của anh viết bằng tiếng Ba Lan. Khuôn mặt và giọng nói của anh thật tuyệt vời, thi phẩm thì có phần kém hơn. Ngay cuộc đời con người đó đã trở thành bài thơ thảm khốc nhất.

Không lâu sau khi đến Útxchi -Cút, tôi bắt đầu gửi bài cho tờ báo *Vôxtốchnôie Ôbôdrênhié* [Vostotchnoié Obozrénié] (Tạp chí phương Đông) của tỉnh Iécécútxcơ. Đây là tờ báo tỉnh lẻ hợp pháp do những nhà dân túy già bị đi đầy sáng lập, nhưng đôi khi nó bị những người mác-xít thâm tóm. Tôi bắt đầu bằng những bài phóng sự về làng mạc và xúc động, hồi hộp chờ bài đầu tiên được in. Được tòa soạn đồng ý, tôi chuyển sang phê bình văn học và viết báo.

Để tìm bút danh, tôi mở bừa một tự điển tiếng Ý và tình cờ bám lấy từ *antidoto*; trong rất nhiều năm tôi ký cái tên Antiđơ -ttô [Antide Oto] dưới các bài báo và bông đùa giải thích cho bạn bè biết rằng tôi muốn bơm liều thuốc giải độc mác-xít vào báo chí hợp pháp. Hoàn toàn đột ngột, tờ báo tăng gấp đôi tiền thù lao cho tôi: thay vì hai, tôi nhận được bốn cô-pếch mỗi dòng. Đó là bằng chứng cao nhất về sự thành công. Tôi viết về giai cấp nông dân, về các nhà văn cổ điển Nga, về Ípxen, về Haotman và Nítơ [Nietzsche], về Môpátxăng và Êtxtônê [Estonier], về Lêônhiét Anđrâyép [Léonide Andréiev] và Goócki. Tôi thức bao đêm sửa đi sửa lại những bản thảo, lục tìm một ý cần thiết hoặc một từ bị thiếu. Tôi trở thành một nhà văn.

Từ năm 1896 khi còn cố thoát khỏi những tư tưởng cách mạng và từ năm 1897, khi tôi đã thực hiện công tác cách mạng nhưng vẫn chối bỏ học thuyết mác-xít bằng cả chân tay, tôi đi một quãng đường đáng kể. Đến thời bị đi đày, chủ nghĩa mác-xít đã vĩnh viễn trở thành cơ sở thế giới quan và phương pháp luận tư tưởng của tôi. Và ở đây, trong lúc bị tù đày, tôi cũng dùng cách nhìn ấy để tiếp cận những điều được gọi là "vấn đề vĩnh cửu" của đời người: tình yêu, cái chết, tình bạn, chủ nghĩa lạc quan, bi quan và những thứ khác nữa. Tùy theo từng thời đại và từng môi trường xã hội, con người có những cách yêu, chết và hi vọng khác nhau. Giống như cây nhờ rễ nuôi hoa và trái bằng nhựa hút từ đất, con người tìm thấy thức ăn cho cả những tình cảm và tư tưởng cao nhất của mình trong mảnh đất kinh tế của xã hội. Trong các bài tôi viết về văn học thời đó, nói cho cùng tôi chỉ nghiên cứu một đề tài: quan hệ tương hỗ giữa cá nhân và xã hội. Gần đây những bài ấy được in lại trong một tập riêng. Nếu hiện nay phải viết lại chúng, tất nhiên tôi sẽ làm theo cách khác. Nhưng xét về cơ bản thực ra tôi chẳng phải thay đổi gì.

Vào lúc đó, chủ nghĩa mác-xít chính thức hoặc hợp pháp đang trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng. Giờ đây bằng kinh nghiệm trong cuộc sống, tôi biết các nhu cầu mới của xã hội tự cần một cách hưng bạo cho mình một bộ đồng phục tư tưởng từ tấm vải lý thuyết với những mục đích hoàn toàn khác biệt. Trước những năm chín mươi, đại đa số trí thức Nga còn ngụp lặn trong chủ nghĩa dân túy, phủ nhận sự phát triển của chế độ tư bản và lý tưởng hóa chế độ công xã ở nông thôn của những người dân túy, mặc dầu chủ nghĩa tư bản đã gõ cửa mọi nhà và hứa hẹn mọi thứ lợi lộc cũng như vai trò chính trị đáng kể cho giới trí thức. Trí thức tư sản cần lưỡi dao sắc của chủ nghĩa mác-xít để cắt cuống rốn dân túy đã nối họ với thứ quá khứ đáng thù ghét. Đây là lời giải thích cho hiện tượng tại sao những lý tưởng mác-xít lại lan tràn nhanh chóng trong các năm cuối của thế kỷ trước. Nhưng khi lý thuyết mác-xít vừa làm xong nhiệm vụ của mình, nó bắt đầu trở nên nặng nề với giới trí thức. Biện chứng chỉ tốt khi nó chứng tỏ tính tiến bộ của những phương pháp tư bản về sự phát triển. Nhưng ở chỗ mà chủ nghĩa tư bản bắt đầu bị phủ nhận một cách cách mạng, tầng lớp trí thức liền cảm thấy phép biện chứng trở nên gò bó và tuyên bố rằng nó đã lỗi thời. Ở ranh giới giữa hai thế kỷ, trùng lặp với những năm tôi bị tù đày, giới trí thức Nga đã bước qua giai đoạn phê bình chủ nghĩa mác-xít một cách tổng quát. Họ giữ lấy phần biện minh lịch sử cho chủ nghĩa tư bản và gạt bỏ sự phủ nhận có tính cách mạng đối với chủ nghĩa này. Bằng những đường vòng như thế, các trí thức dân túy-vô chính phủ trở thành tầng lớp trí thức tự do-tư sản.

Sự phê bình chủ nghĩa mác-xít ở châu Âu lúc đó đã có một mảnh đất màu mỡ ở nước Nga, hoàn toàn độc lập với những giá trị mà nó có thể có. Chỉ cần nhắc đến việc Êđua Bécxten [Edouard Bernstein] trở thành một trong những người hướng đạo được ưa chuộng nhất trên

con đường từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tự do. Triết học "quy phạm" ngày càng lẩn át có hiệu quả phép biện chứng mác-xít. Chính kiến bắt đầu hình thành trong xã hội tư sản cần những chuẩn mực không thể đánh đổ được, không chỉ nhằm chống lại sự độc đoán của chế độ chuyên chế quan liêu mà còn để chống lại sự vùng lên của quần chúng cách mạng. Sau khi học thuyết của Hêghen bị lật đổ, Căng [Kant] cũng không đứng vững được lâu. Chủ nghĩa tự do Nga hình thành muộn màng và ngay từ đầu đã được xây dựng trên vùng đất hỏa sơn. Mệnh lệnh nhất quyết đối với nó là thứ quá trừu tượng và không bền vững. Phải cần những phương tiện mạnh hơn nhằm chống lại quần chúng cách mạng. Bọn duy tâm tiên nghiệm biến dần thành những con chiên chính giáo. Giáo sư kinh tế chính trị học Bungacốp [Boulgakov] khởi đầu bằng sự xét lại chủ nghĩa mác-xít trong vấn đề nông nghiệp rồi chuyển sang chủ nghĩa duy tâm và cuối cùng, ông chui vào chiếc áo thầy tu. Thực ra Bungacốp chỉ khoác chiếc áo ấy sau đó vài năm.

Trong những năm đầu của thế kỷ này, nước Nga như một phòng thí nghiệm mênh mông của ý thức hệ xã hội. Tôi quan tâm khá nhiều đến lịch sử hội Tam Điểm, đủ để tôi nhận ra chức năng bổ trợ của các tư tưởng trong quá trình lịch sử. "Tư tưởng không rơi từ trên trời xuống" - tôi nhắc đi nhắc lại lời cụ Labriôla.

Đây không còn là sự quan tâm thuần túy mang tính khoa học mà đã là việc lựa chọn con đường chính trị. Việc xét lại chủ nghĩa mác-xít trong mọi hướng đã giúp tôi - cũng như nhiều nhà cách mạng trẻ khác - tập trung tư tưởng và mài sắc vũ khí tinh thần. Chúng tôi cần chủ nghĩa mác-xít không chỉ để thanh toán tư tưởng dân túy, thực ra vốn không ảnh hưởng bao nhiêu đến chúng tôi, mà trước hết để tiến hành cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa tư bản ngay trên địa hạt của chính nó. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại đã tôi luyện chúng tôi không chỉ trong lý thuyết mà cả về chính trị. Chúng tôi trở thành những nhà cách mạng vô sản.

Trong cùng thời gian đó, chúng tôi vấp phải sự phê bình của cánh tả. Trong một khu quần cư xa nhất về phía Bắc, hình như là Viliuixơ [Viliouisk] thì phải, có một người tù bị đi đày là Makhaixki [Makhaisky], khá được biết đến sau đó ít lâu. Makhaixki bắt đầu bằng sự phê bình chủ nghĩa cơ hội trong đảng Xã hội Dân chủ. Cuốn vở in sao đầu tiên của ông với nội dung tố cáo chủ nghĩa cơ hội trong đảng Xã hội Dân chủ Đức đã gặt hái được thành công lớn trong các khu quần cư của những người bị tù đày. Makhaixki dành cuốn thứ hai để phê phán hệ thống kinh tế mác-xít và dẫn đến một kết luận bất ngờ: chủ nghĩa xã hội là một thể chế xã hội trong đó giới trí thức có tay nghề bóc lột tầng lớp công nhân. Trong cuốn thứ ba, dưới tinh thần nghiệp đoàn-vô chính phủ, Makhaixki phủ nhận sự cần thiết của đấu tranh chính trị. Trong vài tháng trời, công trình của Makhaixki thu hút sự chú ý của các tù nhân dọc bờ Lêna. Đối với tôi,

đó là một liều huyết thanh vô cùng hiệu quả chống chủ nghĩa vô chính phủ, thứ chủ nghĩa rất hăng hái khi phủ nhận bằng lời lẽ nhưng lại thiếu sinh khí, thậm chí rụt rè khi phải sáng lọc những kết luận thực tiễn.

Lần đầu tiên, tôi gặp một người vô chính phủ bằng xương bằng thịt tại khu tạm giam Mátxcova. Đó là một thầy giáo kín đáo, ít nói và cứng rắn tên là Ludin [Louzine]. Trong tù, anh có xu hướng gần gũi tù thường phạm và thích nghe họ kể những mẩu chuyện giết người, cướp bóc. Ludin không ưa tranh luận lý thuyết. Có một lần duy nhất, tôi không để anh yên với câu hỏi "trong một tập thể tự trị, hoạt động của đường sắt phải được quản lý ra sao?", anh cự lại:

- Đồ quý! Nếu sau này có tình trạng vô chính phủ, đi lại bằng đường sắt làm quái gì! Với tôi, câu trả lời như thế là hoàn toàn đủ.

Ludin tìm cách lôi kéo thợ thuyền về phía anh ta, giữa chúng tôi đã xảy ra một cuộc đấu tranh lặng

lẽ, không khỏi mang tính thù địch.

Chúng tôi cùng Ludin đến Xibêri. Đó là lúc những dòng lũ mùa xuân chảy ngập bờ. Ludin quyết định vượt sông Lêna bằng thuyền. Anh không hoàn toàn tỉnh táo và thách tôi cùng theo anh. Tôi chấp nhận lời thách thức ấy. Dòng sông cuộn sóng cuốn trôi những cột xà gỗ và xác động vật chết, có khá nhiều vùng xoáy. Chúng tôi thực hiện chuyến vượt sông đầy lo ngại một cách may mắn. Bằng giọng ử dột, Ludin thừa nhận tôi là một "đồng chí tốt" hoặc một thứ gì đó tương tự. Mâu thuẫn giữa chúng tôi có phần dịu đi.

Nhưng chẳng bao lâu sau người ta chuyển anh lên phương Bắc. Ở đó sau vài tháng, anh dùng dao đâm viên phụ trách cảnh binh huyện. Ông này không phải là người ác và vết thương cũng không đến nỗi trầm trọng. Trước tòa, Ludin tuyên bố rằng thực ra anh không thù ghét gì ông phụ trách cảnh binh nhưng qua ông ta, anh muốn giáng một đòn vào chính quyền chuyên chế nhà nước. Ludin bị kết án khổ sai.

Trong khi ở các khu quần cư tù đầy xa xôi, tận cùng xứ Xibêri tuyết phủ, người ta tranh cãi sôi nổi về sự phân hóa trong nông dân Nga, về các *trade union* Anh, về mối quan hệ giữa mệnh lệnh nhất quyết và các quyền lợi giai cấp, về những vấn đề chủ nghĩa Đácquyn và chủ nghĩa mácxít thì một cuộc đấu tranh độc đáo về tư tưởng đã nổ ra trong giới chính phủ.

Tháng Hai 1901, Hội đồng Giáo hội Tối cao Nga đã rút phép thông công của Lép Tônxtôi. Lệnh của Giáo hội được đăng tải trên tất cả các mặt báo. Tônxtôi bị buộc vào sáu tội như sau:

1. Phủ nhận Đức Chúa Giêxu, người được vinh danh trong Thánh ba ngôi, 2. Phủ nhận Đức Chúa Giêxu từng phục sinh từ cõi chết,
3. Phủ nhận sự trinh bạch của Đức Mẹ Đồng trinh trước và sau khi sinh ra Chúa, 4. Phủ nhận cuộc sống ở thế giới bên kia và lễ công bằng tối cao, 5. Phủ nhận tác dụng hành động ban ân

huệ của Thánh Thần,

6. Nhạo báng phép màu của lễ ban thánh thể.

Những vị giáo chủ râu rậm, tóc trắng cùng vị chỉ huy của họ - Pôbêđônốt-xép - và các nhân vật trụ cột khác của nhà nước coi chúng tôi, những người cách mạng, chẳng những là lũ tội phạm mà còn là bọn cuồng tín điên rồ; họ mới là đại diện cho lý trí lành mạnh dựa trên kinh nghiệm lịch sử của toàn nhân loại. Lũ người ấy đòi hỏi nhà nghệ sĩ hiện thực vĩ đại phải tin vào sự trinh tiết khi thụ thai cũng như tin vào Thánh thần trong mỗi chúng ta qua mẩu bánh mì không men. Chúng tôi đọc đi đọc lại danh mục những tà thuyết Tôn-xtôi và cứ mỗi lần như thế, với nỗi ngạc nhiên mới, chúng tôi lại tự nhủ: không, chính chúng tôi mới dựa vào kinh nghiệm của toàn thể loài người, tương lai chính là chúng tôi, còn những kẻ ngự trị trên kia không đơn thuần gây tội ác mà còn là lũ gàn dở. Và chúng tôi biết chắc chắn rằng chúng tôi sẽ lập lại trật tự trong cái nhà thương điên ấy.

Tòa nhà cổ lỗ của nhà nước rạn nứt ở từng tấm ghép. Trong cuộc đấu tranh này, ngoài chúng tôi, chính giới sinh viên đại học là người mở màn. Nóng vội, họ đi đến những hành động khủng bố. Sau những tiếng súng của Cácpôvích [Karpovitch] và Banmasốp [Balmachov], giới tù đầy xốn xang như nghe còi báo động. Bắt đầu những cuộc tranh luận về chiến lược khủng bố. Sau một số giao động lẻ tẻ, những người tù mác-xít phản đối khủng bố. "Hóa học của những chất nổ không thể thay thế quần chúng", chúng tôi nói vậy. Những chiến sĩ đơn độc tự hủy hoại mình trong cuộc đấu tranh anh dũng mà không vận động nổi giai cấp công nhân. Nhiệm vụ chúng tôi không phải là trừ khử lũ bộ trưởng Nga hoàng mà là lật đổ chế độ ấy bằng một cuộc cách mạng. Bên bờ đường gầy khúc ấy, bắt đầu xuất hiện ranh giới giữa những người xã hội dân chủ và xã hội cách mạng. Và nếu nhà tù đối với tôi là thời kỳ huấn luyện lý thuyết thì đi đầy là giai đoạn quyết định bước đường chính trị của tôi.

Hai năm của đời tôi trôi qua như thế. Trong khoảng thời gian này, bao nhiêu nước trôi qua dưới những trụ cầu ở Pê-téc-bua, Mátxcova và Vácsava [Varsovie]. Phong trào đã chuyển từ bí mật qua công khai trên đường phố. Ở một số vùng, tầng lớp nông dân bắt đầu nổi dậy. Những tổ chức xã hội dân chủ được thành lập ở Xibêri tại các tuyến đường sắt và người ta bắt liên lạc với tôi. Tôi thảo cho họ các bản kêu gọi và truyền đơn. Sau ba năm gián đoạn, tôi lại tham gia vào cuộc đấu tranh tích cực.

Những người bị đi đầy không còn muốn ở yên tại nơi quy định cho họ. Một cơn dịch đào tẩu diễn ra. Mọi người phải đăng ký để chờ đến lượt. Hầu như trong mỗi làng mạc đều có những nông dân chịu ảnh hưởng các nhà bôn-sê-vích thuộc thế hệ cao tuổi hơn từ thuở ấu thời. Những người này bí mật chở các tù chính trị bằng tàu thuyền, xe ngựa và xe trượt tuyết và đưa họ đi từ nơi này qua nơi khác. Tóm lại, cảnh sát Xibêri cũng bất lực như chúng tôi. Không gian

mệnh mỏng vừa có lợi và vừa có hại cho họ. Khó mà tóm lại được người tù chạy trốn. Nhưng anh ta có nhiều khả năng chết đuối dưới sông hoặc chết công trong rừng tai-ga.

Phong trào cách mạng lan rộng nhưng vẫn tản mạn. Mỗi địa phương, mỗi thành phố đấu tranh riêng rẽ. Chế độ Nga hoàng có ưu thế vô cùng lớn trên phương diện thống nhất hành động. Vào thời đó, sự cần thiết phải lập ra một đảng tập trung lóe ra trong nhiều bộ óc. Tôi viết một bản thuyết trình về đề tài này, các bản sao được phân phát trong các vùng có người bị tù đầy và gây nên những cuộc tranh cãi sôi nổi. Chúng tôi tưởng hình như ở Nga cũng như trong đám di cư ra nước ngoài, những người bạn đồng chính kiến với chúng tôi chưa để ý đúng mức đến vấn đề này. Nhưng họ đã nghĩ đến và hành động. Mùa hè năm 1902, tôi nhận được cuốn vở qua đường Iécxcơ, dưới bìa có kẹp những tài liệu tuyên truyền mới nhất được in ở nước ngoài trên loại giấy rất mỏng. Nhờ vậy chúng tôi được biết ở ngoại quốc, tờ báo mác-xít mang tên *Iskra* đã ra đời với mục đích lập nên một tổ chức tập trung những nhà cách mạng chuyên nghiệp và gắn bó họ trong hành động bằng kỷ luật sắt. Chúng tôi nhận được cuốn sách của Lênin in ở Giơnevơ nhan đề *Làm gì?* trong đó ông dành toàn thể nội dung để nghiên cứu vấn đề này. Những bản thuyết trình viết tay, những bài báo và những lời tuyên bố tôi gửi đến "Liên minh Xibêri" trong phút chốc trở nên không đáng kể và thiển cận trước nhiệm vụ mới mẻ và lớn lao đang được đặt ra. Phải làm ăn ở nơi khác. Tôi quyết định trốn tù.

Lúc đó chúng tôi đã có hai cháu gái, đứa nhỏ gần được bốn tháng. Hoàn cảnh sống ở Xibêri khá khắc nghiệt. Nếu tôi trốn đi thì Alếchxanđơra Lovốpna phải chịu một gánh nặng gấp đôi. Nhưng cô giải quyết vấn đề ấy bằng một lời duy nhất: cần phải thế! Với cô, nhiệm vụ cách mạng phải được đặt lên trên mọi vấn đề khác và trước hết, trên các vấn đề riêng tư. Chính cô là người đầu tiên đưa ra ý định phải trốn tù khi chúng tôi nhận thức được những nhiệm vụ mới và quan trọng. Về điểm này, cô phá tan mọi nghi ngại của tôi. Sau khi tôi trốn mấy ngày, cô vẫn giấu được bọn cảnh binh việc tôi vắng mặt. Từ nước ngoài, tôi hầu như không thư từ được với cô. Tiếp đó cô còn bị đi đầy lần thứ hai. Sau này, chúng tôi chỉ còn gặp nhau đôi lần một cách tình cờ. Cuộc đời đã chia lìa chúng tôi nhưng mối quan hệ tư tưởng và tình bạn không gì phá vỡ nổi, vẫn còn mãi mãi.

CHƯƠNG X TRỐN THOÁT LẦN THỨ NHẤT

Mùa thu sắp đến và như chúng tôi đã dự tính, đường xá xấu đến nỗi không thể đi lại được. Để đẩy nhanh việc chạy trốn, chúng tôi quyết định làm hai mẻ cùng một lúc. Một nông dân bạn tôi nhận đưa tôi cùng cô E. G. - nữ dịch giả các tác phẩm của Mác - trốn khỏi vùng Véckhônxcơ. Ban đêm trên một cánh đồng, anh dẫn chúng tôi trong xe ngựa và phủ bằng chiếu và cỏ khô như một thứ hàng chuyên chở. Đồng thời, để có lợi thế hai ngày trước cảnh sát,

chúng tôi đặt tại nhà một người gỗ vào chần, làm ra vẻ tôi bị ốm. Người đánh xe đưa chúng tôi đi theo kiểu Xibêri, tức là với tốc độ gần hai chục dặm một giờ. Lưng tôi chịu xóc bởi mọi hốc rãnh và tôi đếm từng tiếng kêu rên cổ nén lại của người bạn gái đồng hành. Chúng tôi thay ngựa hai lần dọc đường. Gần đến đường sắt, tôi chia tay cô bạn đồng hành để giảm những sai lầm hoặc hiểm nguy cho cả đôi bên. Tôi lên tàu hỏa ngồi và không có sự cố đặc biệt gì xảy ra; ở đó có một va-li đựng quần áo lót có hồ bột, vài chiếc cà-vạt cùng vài thứ khác của nền văn minh - do các bạn tôi tại Iéc-cút-xơ mang đến. Tôi có trong tay một cuốn của Hô-mê-rơ [Homère] do Gô-ni-ê-đích [Gniéditch] dịch ra tiếng Nga dưới thể thơ lục ngôn. Trong túi có một hộ chiếu mang tên Trốt-xki do tôi đã ghi một cách ngẫu nhiên, không ngờ người ta sẽ gọi tôi suốt đời bằng cái tên ấy.

Tôi đi về phía Tây theo đường sắt Xibêri. Các cảnh bình nhà ga thò ơ diễu qua cạnh tôi. Những phụ nữ Xibêri đẩy đà mang gà, lợn quay, sữa đóng chai và hàng núi bánh mì ròn ra ga bán. Mỗi ga có vẻ như một cuộc triển lãm về kinh tế vùng Xibêri. Trong suốt chuyến đi, cả toa tàu uống nước chè và nhai loại bánh mới rẻ tiền. Tôi đọc những vần thơ lục ngôn và mơ màng về nước ngoài. Cuối cùng chuyến tẩu thoát thực ra cũng chẳng có gì lãng mạn. Nó chìm trong những buổi uống trà bất tận.

Tôi dừng lại một thời gian ở Xamara [Samara], tổng hành dinh trong nước của tờ *Ích-cờ-ra*. Đứng đầu bộ tham mưu ấy là Crgiurgianốp-xki [Krjijanovsky], hiện nay là chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Mang bí danh "Cole" [Khler] (Lanh lợi), anh và vợ anh là bạn của Lênin trong đảng Xã hội Dân chủ ở Pê-téc-bua trong thời gian 1894-95 và cả lúc họ bị đi đày ở Xibêri. Liên ngay sau khi cách mạng 1905 bị dập tắt, Cole cùng hàng ngàn chiến sĩ khác rời bỏ đảng và trên cương vị kỹ sư, anh chiếm một vị trí rất có uy tín trong giới công nghệ. Những đảng viên hoạt động bất hợp pháp phàn nàn chuyện anh từ chối giúp đỡ cả những việc mà trước kia phe tự do chủ nghĩa từng giúp họ. Sau mười, mười hai năm gián đoạn, Crgiurgianốp-xki tái nhập đảng, lúc đó đã giành được chính quyền. Đó là con đường một số lớn trí thức đã đi theo, ngày nay họ là chỗ dựa của Xtalin.

Ở Xamara, có thể nói tôi chính thức gia nhập tổ chức *Ích-cờ-ra* dưới một bí danh Cole đã đặt cho tôi: "Piê-rô" (Ngồi bút). Điều này chứng tỏ người ta đã thừa nhận những thành công trong thời làm báo của tôi ở Xibêri. Tổ chức *Ích-cờ-ra* bắt đầu bằng việc gây dựng lại đảng. Đại hội lần thứ nhất họp tháng 3-1898 ở Minxơ không thành công trong việc thành lập một tổ chức đảng tập trung. Những vụ bắt bớ hàng loạt làm tan vỡ bộ máy non trẻ, chưa có cơ sở cần thiết trong nước. Sau việc này, phong trào cách mạng phát triển trong những tụ điểm tách biệt và tương đối mang tính cục bộ địa phương. Đồng thời, trình độ tư tưởng xuống dốc. Trong cuộc đấu tranh để giành quyền chúng, những người xã hội dân chủ đẩy các khẩu hiệu chính trị vào hậu

trường. Một khuynh hướng mang tên "kinh tế" được hình thành và lớn mạnh nhờ sự phát triển mạnh mẽ trong thương mại, công nghiệp cũng như phong trào đình công. Đến tận cùng thế kỷ trước, một cuộc khủng hoảng rõ rệt nổ ra làm trầm trọng thêm toàn bộ những mâu thuẫn trong nước và thúc đẩy cao trào chính trị. *Íchcòra* tiến hành một cuộc chiến đấu quyết liệt với những đại diện tinh lẻ của phe "kinh tế", nhằm lập ra một đảng cách mạng tập trung. Bộ Tổng tham mưu của *Íchcòra* nằm ở nước ngoài, điều này đảm bảo sự ổn định tư tưởng của tổ chức. Tổ chức này thống nhất những nhà cách mạng được gọi là "chuyên nghiệp", gắn bó chặt chẽ họ bởi sự thống nhất của lý thuyết và công tác thực tiễn. Thời đó, đa số các chiến sĩ của *Íchcòra* thuộc tầng lớp trí thức. Họ đấu tranh để nắm uy thế trong các ủy ban xã hội dân chủ địa phương và chuẩn bị một đại hội đảng đủ sức đảm bảo thắng lợi những tư tưởng và phương pháp của *Íchcòra*. Đây là một phác thảo, một "bản nháp" của tổ chức cách mạng - vừa phát triển, tôi luyện, tấn công và phòng thủ, vừa gắn bó ngày càng mật thiết hơn với quần chúng công nhân, ngày càng đặt ra những nhiệm vụ nặng nề hơn - mười lăm năm sau sẽ lật đổ giai cấp tư sản và giành chính quyền.

Theo lệnh văn phòng bộ chỉ huy tại Xamara, tôi đi Kháccốp, Pôntava và Kiép để gặp gỡ vài nhà cách mạng đã gia nhập *Íchcòra* hoặc còn ở diện phải thuyết phục. Tôi trở về Xamara với kết quả khá nghèo nàn: ở miền Nam các mối liên lạc còn yếu, tại Kháccốp địa chỉ liên lạc bí mật không tồn tại, còn ở Pôntava tôi rơi vào thứ chủ nghĩa yêu nước cục bộ. Không thể làm được gì bằng những chuyến đi đột ngột như thế, phải làm việc nghiêm túc hơn.

Tuy nhiên, Lenin người có quan hệ liên lạc thư từ rất sống động với ban chỉ huy ở Xamara - giục tôi ra nước ngoài. Cole đưa tiền đi đường kèm những chỉ dẫn cần thiết để tôi có thể vượt biên giới Áo, đoạn gần CamênhétPôđônxcơ [Kamenetz-Podolsk].

Một loạt chuyện phiêu lưu mang tính hài hước hơn là bi thảm bắt đầu ngay từ nhà ga Xamara. Để lữ cảnh binh không chú ý tới, tôi quyết định chỉ lên tàu vào phút chót. Một sinh viên tên là Xôlôviốp [Soloviov] có nhiệm vụ mang chiếc va-li lên tàu, chiếm một chỗ và chờ đợi tôi; hiện nay anh là một lãnh tụ Công đoàn Dầu lửa. Tôi dạo chơi bình thản trên cánh đồng khá xa nhà ga, thỉnh thoảng liếc nhìn đồng hồ. Đột nhiên, tôi chợt nghe tiếng chuông thứ hai. Tôi nhận ra là người ta báo nhằm thời điểm xuất phát và mở hết tốc lực chạy về phía nhà ga. Đến lúc ấy, Xôlôviốp vẫn nghiêm túc chờ tôi trên toa nhưng khi vừa có tín hiệu tàu chuyển bánh, anh xách va-li nhảy xuống và liền bị các nhân viên nhà ga cùng lữ cảnh binh bao vây. Việc xuất hiện một kẻ chạy đến dứt hơi sau khi tàu đã chuyển bánh (là tôi) thu hút sự chú ý của tất cả mọi người. Đám cảnh binh dọa làm biên bản phạt Xôlôviốp, nhưng rồi họ quên khuấy đi giữa những tràng nhạo báng cay nghiệt đổ lên đầu chúng tôi.

Tôi đến vùng biên giới một cách may mắn. Ở ga cuối, một cảnh sát đòi xem hộ chiếu của

tôi. Tôi thực sự ngạc nhiên khi thứ giấy tờ chính tay tôi làm lấy lại được anh ta cho là hoàn toàn hợp pháp.

Công việc tổ chức cú vượt biên bất hợp pháp nằm trong tay một học sinh trung học, ngày nay là một nhà hóa học lỗi lạc, đứng đầu một viện khoa học của nước Cộng hòa Xô-viết. Chàng học sinh tự nhận mình là người xã hội cách mạng. Biết tôi thuộc tổ chức *Íhcòra*, đột nhiên anh lên giọng đe dọa và buộc tội:

- Anh có biết trong mấy số cuối này, tờ *Íhcòra* mở một cuộc đả kích nhục nhã chống lại chủ nghĩa khủng bố không?

Tôi định sa vào cuộc tranh luận mang tính lý thuyết thì anh ta giận dữ bồi thêm:

- Tôi cóc đưa anh qua biên giới nữa!

Kết luận này làm tôi choáng váng nhưng nó hoàn toàn hợp lý. Mười lăm năm sau, với vũ khí trong tay, chúng tôi phải lật đổ chính quyền của tập đoàn xã hội cách mạng. Nhưng trong giây phút này, vấn đề nhỏ nhất của tôi cũng lớn hơn mọi triển vọng lịch sử. Tôi cố chứng tỏ không thể trừng phạt tôi vì một bài báo của tờ *Íhcòra* và cuối cùng tôi tuyên bố sẽ không nhúc nhích trước khi có một người dẫn đường.

Chàng học sinh dịu giọng:

- Thôi được, nhưng đến đây anh hãy nói với họ đây là lần cuối cùng!

Đêm hôm ấy, anh ta cho tôi ở trong căn nhà trống của một người làm nghề chào hàng, sống độc thân và đến hôm sau mới về. Tôi nhớ lơ mơ là phải trườn qua cửa sổ mới vào được căn nhà bị chủ nhân khóa trái.

Trong đêm, tôi bừng tỉnh bởi một luồng sáng bất thành linh. Một người lạ mặt nhỏ bé đội mũ cứng vành cúi xuống nhìn tôi, một tay cầm ngọn nến, tay kia cầm gậy. Một chiếc bóng khổng lồ đội mũ vành cứng cũng bò lại phía tôi từ trần nhà.

- Anh là ai? - tôi hỏi vẻ tức tối.

- Thế mới kỳ chứ! - người lạ mặt đáp, giọng buồn thảm. - Nằm trên giường người ta mà lại hỏi người ta là ai!

Tôi cố thanh minh với anh ta là lẽ ra ngày mai anh mới về, nhưng không thành công.

- Tôi biết rõ khi nào tôi phải về! - anh ta phản bác và phải công nhận anh có lý.

Tình thế trở nên rắc rối.

- Tôi hiểu ra rồi - ông chủ nhà kêu lên, vẫn không ngừng chiếu đèn vào mặt tôi -, lại một thủ thuật nữa của Alếchxandơơ đây mà. Thôi được, ngày mai tôi sẽ xử cho anh ta vài câu!

Tôi vui mừng ủng hộ ý kiến may mắn ấy, rằng anh chàng Alếchxandơơ xa xôi kia là lý do của mọi sự hiểu nhầm.

Phần còn lại của đêm tôi ở lại nhà anh chào hàng và được anh thân thiện mời trà.

Sáng hôm sau, cậu học sinh trung học thanh minh âm ỹ với ông chủ nhà rồi giao tôi cho những kẻ buôn lậu ở thị trấn nhỏ mang tên Brôđi [Brody].

Suốt ngày tôi nằm trên đệm rom của một nông dân Ucoraina làm nghề phơi ngũ cốc; anh cho tôi ăn dưa hấu.

Đêm, dưới trời mưa tầm tã, chúng tôi khởi hành qua biên giới. Chúng tôi chập choạng, lang thang khá lâu trong màn đêm, bị vấp ngã luôn luôn.

- Này, leo lên lưng tôi đi! - anh dẫn đường nói. - Trước mặt ta có nước đấy...

Tôi phản đối. Anh chàng Ucoraina vật nài:

- Không thể qua bờ bên kia mà ướt như chuột lột được!

Tôi phải để cho anh công, tuy vậy giày cũng ngấm đầy nước.

Chừng mười lăm phút sau, chúng tôi đã sấy khô trong căn nhà gỗ một người Do Thái thuộc lãnh thổ Áo của thị trấn Brôđi. Chủ nhà cam đoan với tôi rằng người dẫn đường cố tình đưa tôi đến chỗ nước sâu để vùi thêm nhiều tiền. Về phần mình, anh chàng Ucoraina chia tay tôi rất vui vẻ và còn dặn tôi phải cảnh giác với người Do Thái, bao giờ cũng lấy đất gắp ba kẻ khác. Khoản tiền dự trữ của tôi quả nhiên cạn đi nhanh chóng. Tôi còn phải đi tám cây số trong đêm mới đến nhà ga gần nhất. Khó khăn và nguy hiểm nhất là quãng đường một hai cây số dọc biên giới, chúng tôi phải theo một đường nhỏ bị mưa xói mòn trước khi gặp đường quốc lộ. Một công nhân Do Thái già chở tôi trên chiếc xe ngựa hai bánh.

- Không chóng thì chầy tôi cũng phải bỏ xác ở đây - ông ta lầu bầu.

- Sao thế?

- Lũ lính gọi dừng lại và nếu cậu không trả lời là chúng bắn liền. Ngọn đèn canh đêm của chúng nó kia kìa. Còn may là đêm nay khá an toàn.

Quả thực màn đêm thật an toàn: một đêm thu tối tăm mù mịt, mưa không ngừng quất vào mặt và bùn vổ bập bênh dưới móng ngựa. Xe chúng tôi leo lên một quả đồi, bánh xe cứ trượt đi; ông già động viên con ngựa bằng tiếng thì thầm khản đặc cố nén trong họng. Bánh xe lún sâu trong bùn, chiếc xe nhẹ nghiêng dần về một phía và thỉnh thoảng nhào. Bùn thánng Mười sâu và lạnh buốt. Tôi ngã sóng xoài, ngập đến nửa người và tai hại nhất là mất cặp kính cặp mũi trong bùn. Nhưng kinh hoàng hơn cả là đúng vào giây phút xe đổ, một tiếng kêu vang lên ở đâu đó, ngay gần chúng tôi, một tiếng than tuyệt vọng, một lời kêu cứu, tiếng thét huyền bí cầu xin trời và trong màn đêm đen đặc, khó biết được cái tiếng bí ẩn, đầy tính biểu đạt nhưng vẫn không phải tiếng của của con người, tiếng đó phát ra từ đâu.

- Nó làm hại chúng ta rồi, nói thật với cậu đấy - ông già lắp bắp bởi tuyệt vọng. - Nó làm hại ta...

- Nhưng là cái gì vậy? - tôi nín thở hỏi.

- Một con gà trống, trời đánh thánh vật nó, con gà trống bà chủ giao tôi đem đến đồ tế để làm

lông vào ngày thứ bảy.

Những tiếng kêu rợn tóc gáy bây giờ vang lên theo một chu kỳ thời gian đều đặn.

- Nó làm hại chúng ta, đồn gác chỉ cách đây hai trăm bước, lũ lính sẽ nhào ra ngay bây giờ...

- Vặn cổ nó đi! - tôi thì thảo giận dữ.

- Cổ ai cơ?

- Con gà trống ấy!

- Nhưng tìm nó ở đâu bây giờ? Nó bị cái gì đè lên rồi...

Cả hai chúng tôi bò, trượt trong đêm tối, hai tay mò mẫm trong bùn; trên đầu chúng tôi mưa vẫn rơi như roi quất. Chúng tôi nguyên rửa con gà trống và số phận của chúng tôi. Cuối cùng, ông già lòi được nạn nhân khốn khổ bị vùi dưới chân của tôi. Con vật biết ơn im lặng ngay.

Chúng tôi chung sức dựng chiếc xe dây và tiếp tục cuộc hành trình. Đến ga, tôi mất đến ba tiếng đồng hồ để hong và tắm rửa trước khi tàu đến.

Sau khi đổi tiền, tôi mới biết mình không còn đủ tiền để đến đích, tức là đến Durích [Züürich], nơi tôi phải có mặt ở chỗ Ácxenrốt [Akselrod]. Tôi lấy một vé đến Viên: ở đó rồi sẽ hay.

Điểm làm tôi lạ nhất ở Viên là mặc dầu đã học tiếng Đức trong trường, tại đây tôi không hiểu ai và đa số người qua lại cũng không hiểu tôi. Tuy nhiên, tôi cũng giải thích được cho một ông già đội mũ cát-két rằng tôi muốn đến tòa soạn báo *Arbeiter-Zeitung*. Tôi quyết định phải giải thích cho chính Víchto Átle [Victor Adler] người đứng đầu đảng Xã hội Dân chủ Áo - biết rằng những lợi ích của cách mạng Nga đòi hỏi tôi phải đi Durích tức khắc. Ông già dẫn đường hứa sẽ đưa tôi đến nơi yêu cầu. Chúng tôi đi suốt một tiếng. Thì ra tòa soạn báo đã chuyển đi hai năm nay rồi. Chúng tôi lại đi tiếp nửa giờ nữa. Ở đó, người gác cổng tuyên bố: không phải giờ tiếp khách! Tôi không còn tiền để trả công người dẫn đường, tôi đang đói và quan trọng nhất là tôi phải đến Durích. Lúc đó, một vị cao lớn - bề ngoài không mấy thân thiện - đi xuống cầu thang. Tôi hỏi ông về Átle...

- Anh biết hôm nay là thứ mấy không? - ông hỏi vẻ nghiêm khắc.

Tôi chẳng hay biết gì. Qua một quãng đường dài trên tàu hỏa, xe ngựa, trong nhà anh làm nghề chào hàng, trong vựa rơm chàng Ucoraina, trong cuộc chiến đấu ban đêm với chú gà trống, tôi đã đánh mất khái niệm về thời gian.

- Hôm nay là chủ nhật - ông cao lớn nói, tách bạch từng âm tiết và tỏ ý muốn đi tiếp.

- Chẳng sao cả - tôi nói. - Tôi cần gặp Átle.

Khi ấy người nói chuyện với tôi đáp lại bằng giọng một đại đội trưởng đương chỉ huy giữa chiến trận khốc liệt:

- Không thể gặp bác sĩ Átle vào ngày chủ nhật, anh hiểu chứ?

- Nhưng tôi có chuyện cần kíp lắm! - tôi cố nài nỉ.

- Cho dù việc của anh có cần kíp gấp mười lần thế này đi nữa cũng không được, hiểu không? Ông ta chính là Phòrlít Aoxtéclít [Fritz Austerlitz], người làm cả tòa soạn báo khiếp đảm vì cái giọng nói "sấm sét", như văn hào Uygô từng mô tả.

- Cho dù anh đến báo tin Nga hoàng các anh bị giết, anh nghe rõ chưa? Và rằng cách mạng nổ ra ở chỗ các anh, biết chưa? Thì điều này cũng không cho anh quyền quấy rầy buổi nghỉ ngơi ngày chủ nhật của bác sĩ!

Aoxtéclít quả thật làm tôi vị nể bởi giọng nói ầm ầm như sóng cuộn. Tuy nhiên tôi cảm thấy ông nói những điều ngu xuẩn. Không thể đặt buổi nghỉ ngơi ngày chủ nhật đứng trên lợi ích cách mạng! Tôi quyết định sẽ không lùi bước. Tôi cần phải đến Durích. Ban biên tập tờ *Íchcòra* đang chờ tôi. Ngoài ra, tôi vượt ngục từ Xibêri về đây, lẽ ra điều này phải được người ta coi trọng chứ. Đứng ở chân cầu thang, tôi chặn đường người đối thoại đáng sợ. Cuối cùng, tôi cũng đạt được điều mong muốn: Aoxtéclít cho tôi địa chỉ mà tôi khao khát. Tôi đến nhà Átle cùng người dẫn đường cũ.

Một người thấp, lưng còng gần như gù, mí mắt phồng lên trên khuôn mặt mệt nhọc ra mở cửa cho tôi. Ở Viên, lúc đó đang diễn ra kỳ bầu cử vào Lantác [Landtag]; ngày hôm trước Átle đã phát biểu trong nhiều cuộc họp và ban đêm ông còn ngồi viết những bài báo và lời hiệu triệu. Con dâu ông cho tôi biết tất cả những điều này sau đó mười lăm phút.

- Xin bác sĩ thứ lỗi vì tôi đã quấy rầy buổi nghỉ ngơi ngày chủ nhật của ông...

- Tiếp đi, cứ nói tiếp đi! - Átle nói, vẻ cứng rắn nhưng với một giọng không làm người ta sợ mà còn có ý động viên. Trí tuệ toát ra từ mọi nếp nhăn trên mặt ông.

- Tôi là người Nga...

- -, không phải nói điều này, chừng ấy thời gian đủ để tôi đoán ra rồi...

Trong khi bác sĩ nhanh chóng tìm hiểu tôi bằng ánh mắt, tôi kể lại cho ông nghe cuộc nói chuyện ở thềm cửa tòa soạn báo.

- Thế à? Người ta nói vậy với anh à? Ai nhỉ? Một người cao lớn? Và còn hét lên nữa? Đúng rồi, Aoxtéclít đấy. Anh bảo ông ta hét lên à? Chỉ có thể là Aoxtéclít thôi! Đừng quá quan tâm đến chuyện đó. Nếu anh mang tin cách mạng từ nước Nga qua, anh có thể bấm chuông nhà tôi ngay cả ban đêm. Cachia [Katia]! Cachia! đột nhiên ông kêu lên.

Cô con dâu ông bước vào. Đó là một người Nga.

- Nào, bây giờ công việc của anh sẽ thuận lợi đấy - ông nói rồi từ giã chúng tôi.

Cuộc hành trình tiếp tục của tôi đã được đảm bảo.

CHƯƠNG XI LƯU VONG LẦN THỨ NHẤT

Từ Durích, tôi qua Pari đến Lônđôn [London] vào mùa thu năm 1902 trong một buổi sớm

mai, có lẽ vào tháng Mười. Tôi làm điệu bộ như diễn viên kịch câm khiến một anh đánh xe hiệu được và chở tôi đến địa chỉ ghi trên giấy. Nơi ấy là nhà ở của Lênin. Từ trước đó, ở Durích người ta đã bảo tôi phải gõ cửa ba lần. Nađegiorđa Cônxtanchinốpna [Nadejda Konstantinovna] mở cửa cho tôi, tôi nghĩ hẳn bà bị đánh thức khỏi giường ngủ. Lúc đó còn quá sớm và bất kỳ ai thông thạo những hành vi thuộc nếp sống văn minh hơn tôi chắc đã phải bình tâm đợi một hai giờ ở nhà ga chứ không đến gõ cửa người lạ vào lúc tinh mơ ấy. Nhưng trong tôi vẫn còn sự căng thẳng của chuyến tẩu thoát khỏi Véckhônlenxơ. Cũng với cung cách man rợ ấy, tôi đã quấy rối Ácxenrốt ở Durích, có điều không phải lúc bình minh mà vào giữa đêm.

Lênin còn nằm trên giường và trên khuôn mặt ông, sự vồn vã pha lẫn vẻ ngạc nhiên có lý. Cuộc gặp gỡ và trò chuyện đầu tiên của chúng tôi đã diễn ra trong cảnh như vậy. Voładimia Ilích [Vladimir Ilitch] và Nađegiorđa Cônxtanchinốpna đã biết về tôi thông qua lá thư của Cole và họ đợi tôi. Tôi được tiếp đón bằng câu "*Ngồi bết đã đến*".

Tôi lập tức tuôn ra những ấn tượng về nước Nga từ cái bọc ít ỏi: những mối liên lạc ở miền Nam rất yếu ớt, địa chỉ gặp gỡ tại Kháccốp không tồn tại, tòa soạn báo *Iugionuri Rabôtri* [Ioujny Rabotchy] (Công nhân miền Nam) chống lại sự sát nhập, biên giới Áo nằm trong tay một anh học trò không muốn giúp đỡ những người thuộc phái *Íchcòra*. Những sự kiện trần trụi nói trên không khiến tôi vui thích mấy, nhưng lòng tin vào tương lai thì chan chứa.

Có lẽ vào buổi sáng ấy hoặc hôm sau, tôi đi dạo rất lâu với Lênin trong lòng Lônđôn. Đứng trên cầu, ông chỉ cho tôi điện Oétminxtơ [Westminster] và những dinh thự đáng chú ý khác. Tôi không nhớ lời lẽ của ông nhưng ông nói với một sắc thái như sau: "Đây là Oétminxtơ trứ danh của *chúng nó*". *Chúng nó*, cố nhiên không để nói người Anh mà ám chỉ giai cấp thống trị. Sắc thái hoàn toàn không nhấn mạnh xuất phát từ nội tâm ấy được diễn đạt chủ yếu qua giọng nói, bao giờ cũng thấy ở Lênin mỗi khi ông nói về những giá trị văn minh, những tiến bộ mới, những cuốn sách quý báu của Bảo tàng Anh quốc hay về hệ thống tin tức của nền báo chí lớn châu Âu; sau đó nhiều năm, về pháo binh Đức hoặc không lực Pháp: "Bọn chúng có khả năng và đã có, đã làm hoặc đã đạt được. Ôi lũ kẻ thù gớm ghiếc!". Cái bóng vô hình của giai cấp thống trị trong mắt ông dường như trải khắp nền văn minh toàn nhân loại; ông luôn cảm nhận cái bóng ấy một cách chắc chắn, hiển nhiên như ánh sáng ban ngày.

Lần ấy có lẽ tôi không để ý mấy đến nghệ thuật kiến trúc của Lônđôn. Từ Véckhônlenxơ, tôi đi thẳng ra nước ngoài, đây lại là lần đầu tiên trong đời nên Viên, Pari và Lônđôn tương đối trùng lặp trong tôi. Vấn đề nhỏ nhất của tôi cũng lớn hơn những "chi tiết" của lâu đài Oétminxtơ. Vả lại, tất nhiên Lênin dẫn tôi dạo chơi lâu như thế cũng không phải vì điều đó. Mục đích của ông là làm quen và "sát hạch" tôi một cách vô hình. Và quả thực, kỳ thi đã được thực hiện trên tất cả những môn của "giáo trình".

Tôi kể cho ông nghe về những cuộc tranh luận ở Xibêri, chủ yếu về vấn đề một tổ chức tập trung, tôi nói với ông về bản tường trình tôi viết về đề tài này, về cuộc xung đột kịch liệt giữa tôi và những người dân tụy già tại Iéc-cút-xơ trong thời gian tôi ở đó vài tuần; về ba cuốn vở của Makhaixki và tất cả những thứ khác. Lênin tỏ ra biết lắng nghe.

- Thế về mặt lý luận, mọi sự đi đến đâu?

Tôi nói rằng ở trại tam giam Mátxcova, chúng tôi đã cùng nhau nghiên cứu cuốn sách nhan đề *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga* của Lênin, rằng tại nơi lưu đày chúng tôi nghiên ngẫm *Tư bản luận* nhưng bị mắc lại ở tập hai. Chúng tôi chăm chú theo dõi cuộc tranh luận giữa Bécxten và Caoxki [Kautsky] qua những tư liệu gốc. Trong số chúng tôi, không ai đứng về phía Bécxten. Trên lĩnh vực triết học, chúng tôi rất mê cuốn sách của Bốcđanốp [Bogdanov], người thống nhất chủ nghĩa mác-xít với môn tri thức luận của Mắc [Mach] và Avênariút [Avenarius]. Vào lúc đó, Lênin cũng nhận định rằng cuốn sách của Bốcđanốp chứa đựng những ý tưởng không tồi.

- Tôi không phải là triết gia - ông nói, giọng pha chút băn khoăn -, nhưng Plêkhanốp đang kịch liệt lên án triết học của Bốcđanốp, coi nó như một dị bản trá hình của chủ nghĩa duy tâm. Vài năm sau, Lênin nghiên cứu triết học của Mắc và Avênariút trong một công trình lớn, về căn bản ông đánh giá theo cách của Plêkhanốp.

Trong lúc nói chuyện, tôi hồi tưởng lại: những số liệu thống kê đồ sộ mà Lênin sử dụng trong cuốn sách của ông về chủ nghĩa tư bản Nga đã gây ấn tượng lớn cho những người bị đi đày.

- Nhưng có thể làm việc đó ngày một ngày hai đâu... - Vo-la-đim-ia Ilích đáp, hơi bối rối.

Cố nhiên ông rất vui khi thấy các đồng chí thuộc thế hệ trẻ hơn đã đánh giá đúng công sức lao động khổng lồ mà ông đã đầu tư cho các tác phẩm chính phân tích kinh tế. Khi nói về công việc của tôi, câu chuyện chỉ bàn đến những điều đại cương. Chúng tôi dự tính tôi sẽ ở nước ngoài một thời gian nữa, tìm hiểu các tài liệu được ấn hành, quan sát đây đó rồi mọi thứ sẽ tính sau. Sau một thời gian, tôi định bí mật trở về nước Nga để tiếp tục làm công tác cách mạng. Na-đê-gi-ơ-da Cônxtanchinốpna dẫn tôi về chỗ ở cách đó vài góc phố, tòa nhà mà Daxulích [Zassoulitch], Máctốp [Martov] và Blumenphen [Blumenfeld] (lãnh đạo nhà in báo *Ích-cờ-ra*) đã ở. Có một phòng trống dành cho tôi. Trong căn nhà, theo phong tục người Anh, các phòng ở không phân bố theo chiều ngang mà theo chiều dọc: phòng dưới cùng của bà chủ nhà, sau đó các phòng trên của người thuê. Ngoài ra, có một phòng chung nơi chúng tôi thường uống cà phê, hút thuốc và bàn tán những chuyện bất tận. Ở đó vô cùng lộn xộn, một phần bởi lỗi Daxulích nhưng Máctốp cũng tham gia. Sau chuyến đến thăm đầu tiên, Plêkhanốp gọi phòng này là "sào huyệt".

Giai đoạn ngắn ngủi ở Lôn-đôn của đời tôi bắt đầu như thế. Tôi háo hức lao vào chồng báo

Íchcòra vừa ấn hành và các tập san *Daria* [Zaria] (Bình minh) do cùng một tòa soạn in ra. Đó là những tài liệu xuất sắc, chiều sâu khoa học được phối hợp với nhiệt tình cách mạng. Tôi mê *Íchcòra* thẳng thừng, xấu hổ về sự kém cỏi của mình và đem hết sức để cố bù đắp càng nhanh càng tốt. Chẳng bao lâu tôi cộng tác với tờ báo, thoạt đầu viết những đoạn ghi chú ngắn rồi những bài về chính trị, thậm chí cả xã luận.

Cũng trong thời gian này tôi diễn thuyết ở Oaitơ-Sapen [White-Chapel], ở đó tôi độ sức với Traicốpxki [Tchaikovsky], vị lão trượng của những kiều dân, và Tréckêdốp [Tcherkézov], một nhân vật không mấy trẻ trung của phái vô chính phủ. Tôi thật sự ngạc nhiên khi nghe những lập luận ấu trĩ mà các cụ già đáng kính này dùng để đả phá chủ nghĩa mác-xít. Tôi nhớ tôi trở về nhà trong trạng thái vô cùng hưng phấn, hầu như không cảm thấy hè phố dưới đế giày mình. Tôi liên lạc được với Oaitơ-Sapen và nói chung, với thế giới bên ngoài nhờ Alếchxâyép [Alexéiev], cư dân lâu đời ở Lônđôn, một người mác-xít di tản có quan hệ với tòa soạn *Íchcòra*. Ông giúp tôi quen với đời sống thường nhật ở Anh và nói chung, đối với tôi ông là nguồn gốc mọi kiến thức. Alếchxâyép hết sức tôn kính Lênin:

- Tôi cho rằng - ông nói nhiều lần - đối với cách mạng thì Lênin quan trọng hơn Plêkhanốp. Cố nhiên, tôi không kể lại điều này với Lênin nhưng tôi nói với Máctốp. Không thấy ông nói gì. Một ngày chủ nhật, tôi đi cùng Lênin và Córúpxcaia tới một nhà thờ ở Lônđôn, tại đó có một cuộc mít-tinh lớn của những người xã hội dân chủ xen giữa các bài thánh ca. Diễn giả là một người thợ sắp chữ in từ Úc về, anh ta nói về cách mạng xã hội. Sau đó tất cả cử tọa đứng dậy và đồng thanh hát: "Lạy Chúa quyền năng tuyệt đối của chúng con, xin Người làm cho không còn vua chúa và bọn giàu có nữa". Tôi không tin vào mắt và tai của mình.

Khi chúng tôi ra khỏi nhà thờ, Lênin nói về điều này:

- Trong giai cấp vô sản Anh, những yếu tố cách mạng và xã hội sống cùng nhau một cách tản mạn, nhưng chúng lại kết hợp với chủ nghĩa bảo thủ, với tôn giáo và các thành kiến nên không thoát ra và khái quát hóa được.

Sau khi ra về từ nhà thờ xã hội dân chủ, chúng tôi ăn trưa trong căn phòng nhỏ một ngôi nhà hai gian. Như mọi lần, người ta lại bông đùa: tôi có tự tìm thấy đường về nhà không? Bởi lẽ tôi rất vụng về trong việc nhận biết đường phố; thiên về hệ thống hóa, tôi gọi nhược điểm ấy của mình là "sự đàn độn về địa hình". Sau này tôi tiến bộ đôi chút trên phương diện này nhưng mọi kết quả không tự đến một cách dễ dàng.

Những khái niệm ít ỏi về Anh ngữ tiếp thu được trong nhà tù Ôđétxa hầu như không tăng thêm trong thời gian tôi ở Lônđôn. Các sự kiện ở Nga chiếm hết tâm trí tôi. Chủ nghĩa mác-xít tại Anh không có gì đặc sắc. Trung tâm các tư tưởng xã hội dân chủ thời đó nằm ở Đức và chúng tôi theo dõi sát sao cuộc đấu tranh giữa phe mác-xít chính thống và những kẻ xét lại.

Ở Lônđôn cũng như ở Giơnevơ sau này, tôi gặp Daxulich và Máctốp nhiều hơn Lênin. Chúng tôi sống chung một nhà ở Lônđôn, còn tại Giơnevơ, chúng tôi thường cùng ăn tối trong những tiệm ăn nhỏ nên mỗi ngày tôi gặp Máctốp và Daxulich nhiều lần. Ngược lại, Lênin sống cùng gia đình; ngoài những buổi họp chính thức, mọi lần hội kiến với ông đều mang tính quan trọng của một sự kiện nhỏ.

Những thói quen và sự thích thú lối sống giang hồ, lãng tử của Máctốp hoàn toàn xa lạ với Lênin. Ông biết rằng thời gian, mặc dù mang tính tương đối, là giá trị quan trọng nhất. Lênin dành nhiều thời giờ trong thư viện của Bảo tàng Anh quốc, ông nghiên cứu lý thuyết và thường viết những bài báo ở đó. Được ông giúp đỡ, tôi cũng có thể vào nơi thánh đường này. Tôi cảm thấy cơn đói không thể dập tắt, gần như tôi ngạt thở trong dòng chảy của sách vở. Nhưng chẳng bao lâu sau tôi phải quay trở về lục địa.

Sau những buổi "diễn thuyết thử nghiệm" của tôi ở Oaitơ-Sapen, người ta cử tôi đi nói chuyện ở Bruýchxen [Bruxelles], Liegiơ [Liège] và Pari. Tôi phải bảo vệ quan điểm duy vật lịch sử chống lại những phê bình của một trường phái Nga mang tên "trường phái chủ quan". Lênin tỏ ra rất muốn biết đề tài này. Tôi đưa ông xem một dàn ý chi tiết; ông khuyên tôi nên viết thành một bài báo cho số *Daria* sắp tới. Nhưng tôi không đủ dũng cảm để xuất hiện bên cạnh Plêkhanốp và những vị khác với một bài báo mang hơi hướng lý thuyết.

Đang ở Pari, tôi nhận được điện tín gọi về Lônđôn. Số là phải đưa tôi một cách bất hợp pháp về Nga: ở đó người ta phàn nàn về những thất bại và tình trạng thiếu nhân sự, họ buộc tôi trở về. Nhưng tôi chưa kịp về tới Lônđôn thì kế hoạch đã thay đổi. Đóttơ [Deutsch] lúc đó đang ở Lônđôn và rất quý mến tôi, sau này kể với tôi rằng ông đã can thiệp để "bênh vực" tôi như thế nào. Ông chứng tỏ "chàng thanh niên ấy" (Đóttơ chỉ gọi tôi theo cách này) cần phải sống một thời gian ở nước ngoài để học tập và Lênin đồng tình với ông.

Hoạt động trong tổ chức *Íchcờra* ở Nga rất hấp dẫn; tuy nhiên tôi sẵn sàng chấp nhận ở nước ngoài thêm một thời gian nữa. Tôi trở lại Pari, trái với ở Lônđôn, tại đây có một khu quần cư lớn dành cho sinh viên Nga. Các đảng phái cách mạng chiến đấu với nhau kịch liệt để tranh giành ảnh hưởng trong đám sinh viên. Sau đây là một trang trong hồi ký của Natalia Ivanốpna Xêđôva [Natalia Ivanovna Sédova] liên quan đến thời kỳ này:

Mùa thu 1902 có nhiều buổi diễn thuyết trong khu người Nga ở Pari. Nhóm *Íchcờra* (tôi thuộc nhóm này) đầu tiên gặp Máctốp, rồi Lênin. Cuộc đấu tranh chống phái kinh tế và xã hội cách mạng diễn ra. Một đồng chí trẻ đến nhóm của chúng tôi. Anh vừa trốn khỏi tù đầy. Anh đến nhà Êcachêrina Mikhailốpna Alếchxanđơrôva [Ecatherine Mikhailovna Alexandrova], một cựu thành viên đảng Tự do Nhân dân, nay về với *Íchcờra*. Lũ thanh niên chúng tôi rất mến chị Alếchxanđơrôva, thích nghe chị nói chuyện và chịu ảnh hưởng của chị. Khi người cộng tác viên

trẻ tuổi của *Íchcòra* xuất hiện ở Pari, Alếchxandơrôva nhờ tôi tìm cho anh ấy một phòng trọ ở gần đó. Có một phòng trống trong căn nhà nơi tôi ở, giá thuê là mười hai phờ-răng một tháng, nhưng nó rất nhỏ, hẹp và tối như nhà ngục. Khi tôi mô tả cho chị Alếchxandơrôva, chị ngắt lời:

- Được, được rồi, khỏi phải nhiều lời... Anh ấy ở đó là tốt, phải lấy căn phòng này...

Khi đồng chí trẻ (người ta không cho chúng tôi biết tên anh) đã dọn đến ở, Alếchxandơrôva tra hỏi tôi:

- Này, anh ấy có chuẩn bị bài diễn thuyết không?

- Em không biết - tôi trả lời -, hẳn là có. Đêm qua khi lên cầu thang, em nghe thấy anh ấy huýt sáo trên phòng...

- Bảo anh ấy hãy chuẩn bị cho cẩn thận thì hơn là huýt sáo.

Chị Alếchxandơrôva rất lo lắng không biết buổi diễn thuyết của "anh ta" có thành công không? Nhưng sự lo ngại ấy trở nên không có cơ sở. Buổi diễn thuyết rất thành công, cả khu sinh viên hào hứng, người chiến sĩ trẻ tuổi của *Íchcòra* vượt quá mọi sự mong đợi.

Tôi tìm hiểu Pari kỹ càng hơn Lônđôn nhiều. Trong việc này, cũng có ảnh hưởng của L.I. Xêđôva. Tôi sinh ra và lớn lên ở nông thôn, nhưng ở Pari tôi mới bắt đầu đến gần thiên nhiên. Cũng ở đây tôi gặp nghệ thuật đích thực. Phát hiện ra nghệ thuật cũng khó khăn như việc tìm đến với thiên nhiên. Xin được trích đoạn từ những ghi chép sau này của Xêđôva:

Cảm tưởng chung về Pari của anh: "Nó giống Ôđétxa nhưng Ôđétxa vẫn hơn". Cái kết luận trái với lương tri ấy có thể được giải thích như sau: đời sống chính trị hoàn toàn chiếm hết tâm trí L.D., anh chỉ nhận thấy mọi biểu hiện khác của cuộc sống khi sự việc buộc anh phải chú ý tới; khi ấy anh cảm thấy như bị quấy rối bởi một cái gì không thể tránh khỏi. Tôi không đồng tình với đánh giá của anh về Pari và có phần chế nhạo anh.

Vâng, đúng thế. Tôi đi vào thủ đô của thế giới như một kẻ bưng bình, bắt kham. Thoạt đầu tôi "phủ nhận" Pari, thậm chí còn tìm cách lờ tịt nó đi. Xét cho cùng, đây là cuộc đấu tranh để tự bảo vệ của một kẻ mọi rợ. Tôi cảm thấy dễ gần gũi được với Pari và thực sự chấp nhận nó, tôi phải tiêu phí mình rất nhiều. Ngược lại tôi có lĩnh vực riêng của mình, một lĩnh vực có yêu cầu rất cao và không chấp nhận mọi sự cạnh tranh: cách mạng. Dần dà, khó nhọc lắm tôi mới làm quen được với nghệ thuật. Tôi giao chiến với điện Luvrơ [Louvre], với vườn Luýchxămbua [Luxembourg] và các buổi triển lãm. Tôi thấy Rubenxơ [Rubens] quá no nê và tự mãn, còn Puyvi đơ Savan [Puvis de Chavannes] quá khắc khổ và thiếu sắc màu. Những chân dung của Carie [Carrière] làm tôi tức tối vì vẻ dờ dang mờ ảo của chúng. Về điêu khắc và kiến trúc tôi cũng gặp phải tình trạng như vậy. Về căn bản, tôi chống lại nghệ thuật cũng như thời xưa tôi từng chống đối cách mạng rồi chống chủ nghĩa mác-xít và sau này trong nhiều năm, tôi chống lại Lênin cùng các phương pháp của ông. Chẳng bao lâu, cuộc cách mạng 1905 sẽ làm gián

đoạn quá trình thích nghi của tôi với châu Âu và nền nghệ thuật. Chỉ đến chuyến ra nước ngoài lần thứ hai, tôi mới gần gũi lại với nghệ thuật. Tôi chú ý, đọc và đôi khi còn viết nữa. Nhưng tôi không vượt quá giới hạn sự ham mê kiểu tài tử. Ở Pari, tôi được nghe nói về Giô-rét [Jaurès]. Đó là thời kỳ nội các Văng-đêch-Rút-xô [Waldeck-Rousseau]. Min-lơ-răng [Millerand] là bộ trưởng Pháp lý và Galip-hê [Galiffet] là bộ trưởng Bộ Chiến tranh. Tôi tham gia biểu tình trên đường phố của những người thuộc phái Ghét-đơ [Guesdes] và cùng với họ, tôi hăng hái la hét mọi thứ để thóa mạ Min-lơ-răng. Lúc đó Giô-rét chưa gây cho tôi ấn tượng mạnh. Tôi cảm thấy ông là một địch thủ quá trực tiếp. Phải vài năm sau tôi mới đánh giá được nhân vật đặc biệt ấy, điều này không làm giảm quan điểm của tôi về chủ nghĩa Giô-rét.

Các sinh viên mác-xít yêu cầu Lênin làm ba cuộc nói chuyện về vấn đề nông nghiệp ở trường Cao học, vốn do những giáo sư bị cấm khỏi các trường đại học Nga tổ chức ở Pari. Đội ngũ giáo sư có tư tưởng tự do đề nghị diễn giả bất kham cố tránh những cuộc tranh luận chùng nào hay chùng ấy. Nhưng Lênin từ chối mọi bó buộc liên quan đến vấn đề này và ông mở đầu bài thứ nhất như sau: chủ nghĩa mác-xít là một học thuyết cách mạng, do đó xét về bản chất, nhất thiết phải có tranh luận.

Tôi còn nhớ Lênin rất hồi hộp trước buổi nói chuyện đầu tiên. Nhưng khi lên diễn đàn, ông lập tức làm chủ được bản thân, ít ra bề ngoài ông tỏ ra như vậy. Giáo sư Gam-ba-rốp [Gambarov] đến nghe Lênin nói, ông nói với Đốt-tơ cảm tưởng của mình bằng những từ sau đây: "Một giáo sư thực sự!" Dường như ông cho đó là lời ca ngợi lớn nhất.

Chúng tôi quyết định đưa Lênin đi xem nhạc kịch và Xê-đô-va được giao việc tổ chức. Lênin đến nhà hát Opéra Comique (Ca hài kịch) với chiếc cặp văn hay mang khi diễn thuyết. Chúng tôi làm thành một nhóm trên tầng cao nhất của nhà hát: ngoài Lênin, Xê-đô-va và tôi, tôi nhớ hình như có cả Máctốp. Chuyển đi nhà hát ca kịch ấy gắn liền với một kỷ niệm không liên quan gì đến âm nhạc. Lênin mua một đôi giày ở Pari nhưng quá chật. Tình cờ tôi cũng cần thay giày khẩn cấp. Lênin cho tôi đôi giày và thoát tiên hình như nó vừa vặn với tôi. Trên quảng đường đến nhà hát vẫn chưa xảy ra sự cố gì. Nhưng ngay ở nhà hát "Opéra Comique", tôi đã cảm thấy trục trặc. Trên đường về, tôi trải qua những cực hình thảm khốc và Lênin còn chế giễu tôi suốt buổi một cách không thương xót vì chính ông cũng bị đôi giày ấy hành hạ trong nhiều giờ. Từ Pari, tôi đi diễn thuyết tại các khu sinh viên Nga ở Bruýt-xen, Liegiơ, Thụy Sĩ và các thành phố Đức. Tại Hài-đen-béc [Heidelberg], tôi đến nghe ông già Cuno Phise [Cuno Fischer] nhưng không bị học thuyết Căng cuốn rũ. Triết học quy phạm xa lạ với tôi một cách hữu cơ. Có ai lại nằm trên ổ rơm khô khi cạnh đó có cỏ mềm thơm phức?... Hài-đen-béc nổi tiếng là "hang ổ" của những sinh viên duy tâm Nga. Trong số họ có Ápxen-chiép [Avksentiev], bộ trưởng Bộ Nội vụ trong chính thể tương lai của Kê-rê-n-xki [Kérensky]. Ở đó tôi đã phải chiến đấu dữ dội để bảo vệ

thuyết duy vật biện chứng.

CHƯƠNG XII ĐẠI HỘI ĐẢNG V À SỰ CHIA RẼ

Lênin ra nước ngoài trong độ chín muồi vào năm ba mươi tuổi. Ở Nga, ông giữ vai trò lãnh đạo trong các nhóm sinh viên, các tổ dân chủ xã hội đầu tiên cũng như trong các khu của người đi đày. Lênin không thể không cảm thấy sức mạnh của ông, ngay cả vì lý do đơn thuần: những ai đã gặp, đã làm việc với ông đều thừa nhận điều đó. Ông ra nước ngoài với hành trang lớn về lý luận và kho kinh nghiệm cách mạng đáng kể. Ở đây, ông phải cộng tác với nhóm "Giải phóng sức lao động" và trước hết, với Plêkhanốp, người diễn giải xuất sắc học thuyết mác-xít, người thầy của nhiều thế hệ lý thuyết gia, chính trị gia, nhà báo, nhà hùng biện, một tên tuổi vang lừng châu Âu và có những mối quan hệ bao trùm châu lục. Cạnh Plêkhanốp, còn hai người có uy tín vô cùng lớn: Daxulích và Ácxenrốt. Vêra Ivanốpna Daxulích thuộc lớp người hàng đầu không chỉ vì quá khứ anh hùng của chị. Chị còn có đầu óc vô cùng sâu sắc, với kho kiến thức khổng lồ chủ yếu về lịch sử và một trực giác hiếm có. Thờ trước Daxulích lập nên mối quan hệ giữa nhóm "Giải phóng sức lao động" và ông già Ăngghen. Khác với Plêkhanốp và Daxulích - những người gắn bó mật thiết hơn với chủ nghĩa xã hội La Tinh - Ácxenrốt đại diện cho thế giới tư tưởng của phái xã hội dân chủ Đức, anh mang những kinh nghiệm của phái này để thực hiện trong Nhóm. Tuy nhiên vào những năm ấy, giai đoạn suy tàn của Plêkhanốp đã bắt đầu. Nhân tố làm ông suy yếu chính là điều đem lại sức mạnh cho Lênin: cách mạng đang đến gần. Tất cả hoạt động của Plêkhanốp thiên về việc chuẩn bị tư tưởng cho cách mạng. Là nhà tuyên truyền và luận chiến tuyệt vời của chủ nghĩa mác-xít, nhưng ông không phải chính trị gia cách mạng của giai cấp vô sản. Cách mạng càng đến gần, ông càng cảm thấy đất trượt dưới chân mình một cách rõ rệt. Hẳn Plêkhanốp cũng nhận biết được điều đó và vì thế ông gay gắt với đám trẻ.

Người lãnh đạo chính trị của *Íchcờra* là Lênin, còn Máctốp là cây bút chính luận mạnh nhất. Máctốp viết dễ dàng và liên tục, cũng như khi ông nói. Sát cánh với Lênin lúc đó là bạn chiến đấu gần gũi nhất -, ông cảm thấy không thoải mái. Họ còn xưng hô "cậu", "tớ" với nhau nhưng trong mối quan hệ giữa hai người đã có những làn gió lạnh. Máctốp sống chủ yếu cho hiện tại, cho những lợi ích nhất thời, cho công việc viết lách thường ngày của nhà báo, cho các tin tức và những buổi nói chuyện. Lênin, sau khi đã chà đi xát lại hiện tại, đi sâu bằng suy tưởng vào ngày mai. Máctốp có vô số những trực cảm, giả thuyết và đề nghị rất xuất sắc mà chính ông cũng thường quên đi nhanh chóng. Nhưng Lênin luôn nắm bắt những thứ ông cần vào đúng thời điểm cần thiết. Những tư tưởng mong manh của Máctốp nhiều lần làm Lênin phải lắc đầu, vẻ e ngại. Hồi đó sự khác nhau trong đường lối chính trị của họ chưa được kết tinh, có thể nói

chúng chưa hề xuất hiện. Sau này khi xảy ra sự chia rẽ ở Đại hội II, những cộng tác viên của *Íchcòra* phân chia làm "cứng rắn" và "mềm mỏng". Cách gọi ấy như ta biết, rất thông dụng trong thời gian đầu. Nó chứng tỏ nếu như chưa có một đường phân chia rõ rệt thì cũng đã có sự khác biệt trong cách đề cập vấn đề, trong tính cương quyết và kiên trì để đi đến đích. Về phần Lênin và Máctốp, có thể nói rằng trước Đại hội và trước khi xảy ra việc ly khai, Lênin đã "cứng rắn" và Máctốp "mềm mỏng". Cả hai đều biết rõ điều này. Lênin nhìn Máctốp bằng con mắt phê phán và hơi ngờ vực dù ông đánh giá rất cao Máctốp. Ngược lại Máctốp nhận thấy cái nhìn ấy, ông cảm thấy khó xử và cúi gập đôi vai gầy. Khi gặp gỡ và chuyện trò với nhau, trong câu chuyện của họ đã thấy không có những nhấn mạnh về thân mật hay những lời bông đùa, ít nhất là trước mặt tôi. Lúc nói chuyện, Lênin không nhìn thẳng vào mặt Máctốp và cái nhìn của Máctốp đại đi dưới cặp kính cận mũi nghiêng về phía trước mà ông không lau bao giờ. Và khi Lênin nói chuyện với tôi về Máctốp, trong giọng của ông có một sắc thái đặc biệt: "Thế nào, Giuli (tức Máctốp) nói vậy hả?" Cái tên Giuli được đọc lên theo một cách nào đó, đặc biệt hơi nhấn mạnh, dường như ông muốn cảnh cáo: "Anh ta tốt, thậm chí giỏi là khác, có điều quá mềm mỏng." Còn Máctốp, rõ ràng ông chịu ảnh hưởng của Vêra Ivanốpna Daxulích, chị cách ly ông khỏi Lênin không phải về mặt chính trị mà về tâm lý.

Mối liên lạc với nước Nga nằm toàn bộ trong tay Lênin. Thư ký của tòa soạn chính là Nađegiorđa Cônxtanchinốpna Corúpxcaia. Bà ở trung tâm tất cả công tác tổ chức, bà tiếp đón các đồng chí từ xa đến, hướng dẫn và tiễn đưa người ra đi, bà tổ chức nhiều mối quan hệ, thỏa thuận các chỗ hẹn, bà viết, mã hóa và giải mã các bức thư. Trong phòng của Corúpxcaia, gần như lúc nào cũng có mùi giấy bị đốt bốc từ những lá thư bí mật mà bà sưởi trên mặt lò để đọc. Bà hay phàn nàn một cách nhẹ nhàng là không nhận được nhiều thư, rằng người ta đã nhầm mã số hoặc viết bằng mực bí mật làm cho dòng này đè lên dòng khác...

Trong công vi ệc tổ chức-chính trị, Lênin cố gắng phụ thuộc tối thiểu vào phe cực trào, trước hết là Plêkhanốp; với ông, Lênin đã có những xung đột nặng nề trong thời gian này bởi các lý do khác nhau, đặc biệt vì dự thảo cương lĩnh của đảng. Dự thảo đầu tiên của Lênin đối lập với Plêkhanốp khiến Plêkhanốp phê bình rất thô bạo bằng giọng chế giễu trịch thượng đặc trưng của ông trong những trường hợp tương tự. Nhưng cố nhiên không thể đe dọa và làm Lênin nản lòng bằng cách ấy. Xung đột trở nên mang tính bi kịch. Daxulích và Máctốp nhận vai trò trung gian: Daxulích về phía Plêkhanốp và Máctốp về phía Lênin. Hai vị trung gian đều rất sẵn sàng hòa giải, vả lại họ vô cùng thân thiện với nhau. Theo lời của Vêra Ivanốpna, chị nói với Lênin:

- Ghêoócghi [Georges] (tức Plêkhanốp) là giống chó săn thỏ - cắn nhấm nạn nhân một thời gian rồi thả ra; còn ông là giống bun-độc có cái cắn chết người.

Sau này khi kể lại cho tôi, Vêra Ivanốpna nói thêm:

-Điều này làm ông ấy (Lênin) rất khoái. "Tôi cần chết người, chị bảo thế à?" - ông nhắc lại vẻ thỏa mãn.

Vêra Ivanốpna bắt chước lối nhấn mạnh trong câu nói Lênin một cách đáng yêu.

Tất cả những vụ đụng độ nghiêm trọng ấy xảy ra trước khi tôi qua nước ngoài. Tôi không ngờ có những chuyện này. Tôi cũng không biết các cuộc tranh luận trong nội bộ tòa soạn còn dữ dội hơn khi người ta bàn đến tôi. Bốn tháng sau khi tôi đến, Lênin viết cho Plêkhanốp như sau:

Pari ngày 2 tháng Ba 1903,

Tôi có đề nghị như sau với tất cả thành viên của tòa soạn: đưa Piêrô bằng cách chỉ định vào ban biên tập với các quyền bình đẳng như những thành viên khác (tôi cho rằng với cách chỉ định ấy, đa số đơn thuần không đủ mà phải có sự nhất trí của toàn thể). Chúng ta *rất cần* một thành viên thứ bảy, vừa để thuận tiện lúc bầu (sáu là số chẵn) và sự chỉ định này còn làm mạnh thêm lực lượng tòa soạn. Đã từ nhiều tháng nay, số báo nào cũng có bài của Piêrô. Anh hoạt động hết sức tích cực cho *Íchcòra*, anh diễn thuyết nhiều (và đạt được thành công lớn). Trong mục thời sự, Piêrô rất có ích, thậm chí không thể thiếu được đối với chúng ta. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một người có năng lực phi thường, đáng tin tưởng, hăng hái và còn tiến xa hơn nữa. Ngoài ra, trong lĩnh vực dịch thuật và văn chương bình dân, Piêrô cũng sẽ làm được nhiều điều.

Những lý lẽ phản bác có thể đưa ra:

1. Piêrô còn trẻ,
2. (có thể) trong một ngày gần đây, Piêrô sẽ trở về Nga,
3. ngòi bút của Piêrô (không ngoặc kép) còn chút dấu vết loại văn giải trí từng kỳ, diễn đạt quá rối rắm.

Trả lời 1. Tôi giới thiệu Piêrô không phải để anh chiếm một vị trí độc lập mà để làm thành viên trong ban biên tập. Ở đó, rồi Piêrô sẽ có thực tế cần thiết. Hiển nhiên anh có cái "nhảy" của một nhà chính trị trong đảng, một thành viên của nhóm; còn kiến thức và kinh nghiệm là thứ có thể đạt được trong cuộc sống. Cũng hiển nhiên là Piêrô đang cố gắng và làm việc. Sự lựa chọn Piêrô còn cần thiết để động viên và buộc anh ở lại mãi mãi với chúng ta.

Trả lời 2. Nếu Piêrô tham gia vào mọi công việc của chúng ta, có thể anh chẳng vội vã đi đâu. Nhưng dù nếu anh đi, quan hệ về mặt tổ chức với ban biên tập sẽ không phải là điều bất lợi mà là lợi thế vô cùng lớn.

Trả lời 3. Những khuyết điểm về văn phong không phải là lỗi lớn. Anh ấy sẽ tự rèn luyện. Hiện tại anh còn bằng lòng (và cũng không tự nguyện gì lắm) để người ta "uốn nắn". Trong ban biên tập sẽ có những tranh luận, bầu bán và những "mệnh lệnh" sẽ mang tính hình thức và bắt buộc

hơn.

Vì thế tôi đề nghị:

1. Cả sáu thành viên tòa soạn *nhất trí* chỉ định Piêrô,
2. Sau khi đưa Piêrô vào làm việc, hãy qui định lâu dài các mối quan hệ và hình thức bầu bán trong nội bộ tòa soạn, xây dựng bản điều lệ chuẩn xác. Điều đó là cần thiết *đối với chính chúng ta* và quan trọng với Đại hội.

T.B. Tôi cho là sẽ *hết sức bất tiện* và khó xử nếu *trì hoãn* sự chỉ định bổ sung vì tôi thấy rõ ràng sự bất mãn khá nghiêm trọng của Piêrô (tất nhiên anh không nói thẳng ra): anh thấy mình vẫn luôn luôn lơ lửng trong không trung và lúc nào cũng bị coi là một "chàng trẻ tuổi" (ít ra là đối với anh). Nếu chúng ta không nhận Piêrô ngay và chẳng hạn, một tháng sau anh quay trở về Nga, tôi tin chắc Piêrô sẽ coi đó là sự từ chối không đưa anh vào tòa soạn. Chúng ta có thể "đánh mất" anh và điều này vô cùng bất hạnh.

Tôi chỉ biết đến lá thư này trong thời gian gần đây, tôi đăng nguyên vẹn (trừ một số chi tiết chuyên môn nhất định) bởi nó đặc trưng ở mức độ cao nhất tình hình trong nội bộ tòa soạn, bản thân con người Lênin và quan hệ đối với tôi. Về cuộc đấu tranh trong tòa soạn xảy ra sau lưng tôi liên quan đến vấn đề đưa tôi vào ban biên tập, tôi không hay biết gì như đã nói ở trên. Khi Lênin viết tôi "bất mãn khá nghiêm trọng" vì không được vào ban biên tập, điều này sai và hoàn toàn không đúng với trạng thái tinh thần tôi lúc đó. Thực tế tôi không hề nghĩ đến nó. Tôi nhìn lên ban biên tập như cậu học trò trước thầy giáo mình. Tôi mới hai mươi ba tuổi. Thành viên trẻ nhất của ban biên tập là Máctốp cũng hơn tôi bảy tuổi và Lênin hơn tôi mười tuổi. Tôi vô cùng thỏa mãn với số phận đã đưa tôi đến gần tổ chức tuyệt vời ấy. Tôi có thể học hỏi rất nhiều từ mọi người trong nhóm và tôi chăm chỉ làm việc đó.

Tại sao Lênin lại viện cớ tôi bất mãn? Tôi nghĩ rằng đây đơn thuần chỉ là một bước chiến thuật. Qua lá thư Lênin muốn chứng minh và thuyết phục người khác chấp nhận lý lẽ của ông. Lênin cố tình làm cho các thành viên khác của tòa soạn lo lắng về sự bất mãn giả định và việc tôi có thể rời bỏ *Íchcờra*. Ở ông, đây chỉ là một luận cứ phụ. Vì thế, ông gọi tôi là "chàng trẻ tuổi". Ông già Đóttơ hay gọi tôi như vậy, nhưng chỉ mình ông thôi. Chính Đóttơ là người có mối quan hệ rất thân ái với tôi tuy ông không có và cũng không thể có một chút ảnh hưởng chính trị nào đối với tôi. Lênin dùng từ đó chỉ để thuyết phục những người cực đoan: phải coi tôi là người đã chín muồi về chính trị.

Tám ngày sau khi Lênin gửi lá thư đi, Máctốp viết cho Ácxenrốt:
Lôndôn ngày 10 tháng Ba 1903,

Voladimira Ilích đề nghị chúng ta nhận Piêrô, người mà anh đã từng biết, làm thành viên của tòa soạn với quyền ngang những người khác. Những công trình văn học của

Piêrô chứng tỏ một cách không thể chối cãi rằng anh rất có tài; về mặt chính trị, hiển nhiên Piêrô thuộc về chúng ta. Piêrô hoàn toàn gắn bó với quyền lợi của *Íchcòra* và nhờ tài hùng biện vô song, anh tạo được ảnh hưởng lớn ở đây (nước ngoài). Piêrô là một diễn giả tuyệt vời, không thể hơn được. Voladimia Ilích lập luận như thế và bản thân tôi cũng tin chắc về điều đó. Piêrô có kiến thức sâu rộng và anh luôn cố gắng để bổ sung thêm. Tôi ủng hộ vô điều kiện đề nghị của Voladimia Ilích.

Trong lá thư này, Máctốp chỉ là tiếng vang trung thành của Lênin. Nhưng ông không nhắc lại luận điểm do Lênin đưa ra về sự bất mãn của tôi. Tôi sống cùng một nhà với Máctốp, sát bên nhau, ông biết tôi từ khoảng cách rất gần nên không thể khẳng định rằng tôi sốt ruột chờ đợi để được vào ban biên tập.

Tại sao Lênin quá nhấn mạnh việc chỉ định tôi vào ban biên tập? Ông muốn có một đa số ổn định. Trong nhiều vấn đề quan trọng, tòa soạn chia ra làm hai "bộ tam": nhóm cựu trào (Plêkhanốp, Daxulích, Ácxenrốt) và nhóm trẻ (Lênin, Máctốp, Pôtrexốp [Potressov]). Lênin không nghi ngờ chuyện tôi sẽ đứng về phía ông trong các vấn đề gay gắt nhất. Một hôm, khi cần phản đối Plêkhanốp, Lênin gọi riêng tôi ra và tinh quái nói:

- Hãy để Máctốp nói trước! Máctốp tra dầu mỡ mọi thứ rồi anh sẽ mài sắc...

Và ông liếc nhìn tôi. Nhận thấy chút vẻ ngạc nhiên trên mặt tôi, ông nói thêm:

- Tôi thích mài sắc hơn, nhưng lần này đối địch với Plêkhanốp, tốt hơn cả là cứ tra dầu mỡ. Đề nghị của Lênin cho tôi tham gia vào ban biên tập gặp phải sự phản đối của Plêkhanốp. Hơn thế nữa, đề nghị ấy là nguyên nhân chính làm Plêkhanốp luôn có ác cảm với tôi vì ông đoán ra: Lênin tìm một đa số vững chãi nhằm chống lại ông. Việc điều chỉnh nhân sự của ban biên tập được hoãn lại cho đến Đại hội. Tuy nhiên tòa soạn quyết định: không phải chờ đến Đại hội, tôi sẽ được tham dự các phiên họp với quyền tư vấn. Plêkhanốp kiên quyết chống lại cả giải pháp này. Nhưng Vêra Ivanốpna nói với ông:

- Thế thì tôi sẽ mang anh ta lại!

Và quả ả nhiên, chị "mang" tôi đến kỳ họp gần nhất. Không hay biết những cuộc tranh luận xảy ra sau hậu trường, tôi khá sững sờ khi thấy Ghêoócghi Valenchinôvích [Valentinovitch] tiếp tôi với vẻ lạnh lùng đặc biệt. Ông là bậc thầy của trò này. Ác cảm của Plêkhanốp đối với tôi kéo dài rất lâu, về cơ bản nó không bao giờ hết. Tháng Tư 1904, trong một lá thư gửi Ácxenrốt, Máctốp nói về "sự căm ghét cá nhân dành cho đương sự (là tôi) nhục nhã và thấp hèn đối với ông ta (Plêkhanốp)."

Nhận xét về văn phong của tôi trong lá thư Lênin gửi cho Plêkhanốp rất đáng để ý. Cả hai ý kiến đều đúng đắn: tôi viết khá cầu kỳ và không tự nguyện chấp nhận những "uốn nắn" của người khác. Hồi ấy tôi mới viết được độ hai năm và những vấn đề văn phong chiếm một chỗ

lớn, riêng biệt trong công việc của tôi. Tôi chỉ mới bắt đầu ham thích văn học. Như đứa trẻ con khi răng mới nhú, chúng có nhu cầu cọ răng vào bất cứ vật gì, kể cả vào những thứ không được hợp cho lắm; cũng như thế, sự tìm tòi bột phát về từ ngữ, công thức, hình ảnh ứng với giai đoạn tôi ở tuổi mọc răng trong nghề viết. Chỉ với thời gian tôi mới tinh lọc được phong cách của mình. Nhưng vì sự cố gắng cho hình thức không ngẫu nhiên, hời hợt mà phù hợp với những quá trình tâm tưởng nội tại; không có gì lạ nếu tôi bảo vệ theo bản năng nhân cách nhà văn đang hình thành ở tôi trước sự xâm nhập của những cây bút đã có bản sắc, nhưng khác biệt với tôi, dù tôi luôn tôn trọng ban biên tập...

Giữa chừng, thời điểm họp Đại hội xích lại gần và cuối cùng, một quyết định được đưa ra: rời tòa soạn sang Thụy Sĩ, cụ thể là Gionevơ; đời sống ở đó rẻ hơn rất nhiều và liên lạc với nước Nga cũng đơn giản hơn. Lênin cũng chấp thuận, dù khá miễn cưỡng. Xêđôva viết:

Ở Gionevơ, chúng tôi dọn đến hai buồng nhỏ sát mái nhà. L.D. bị thu hút bởi công việc chuẩn bị cho Đại hội. Tôi sẵn sàng trở về Nga để làm công tác đảng ở đó. Các đại biểu đầu tiên lục tục kéo đến, họ họp hành không ngừng. Trong công cuộc chuẩn bị, vai

trò lãnh đạo của Lênin là không thể chối cãi, mặc dù không phải lúc nào cũng nhận thấy được. Một bộ phận đại biểu đến Đại hội với những hồ nghi và đòi hỏi. Việc chuẩn bị chiếm rất nhiều thời gian. Trong các cuộc họp của chúng tôi, việc xây dựng điều lệ tổ chức rất được quan tâm, trong đó đặc biệt quan trọng là tương quan giữa cơ quan ngôn luận trung ương (tờ *Íchcòra*) và Ban Trung ương hoạt động tại Nga. Tôi ra nước ngoài với suy nghĩ tòa soạn phải phụ thuộc vào Ban Trung ương. Đây cũng là ý kiến của đa số môn đệ Nga thuộc *Íchcòra*.

- Như thế không được - Lênin bác lại. - Tương quan lực lượng không phải như vậy. Nào, làm sao họ lãnh đạo được chúng ta từ đáy sâu của nước Nga? Không thể thế được, chúng ta là một trung tâm vững mạnh. Chúng ta mạnh hơn về ý thức và chúng ta sẽ lãnh đạo từ đây.

- Nhưng đây chính là sự chuyên chính toàn diện của tòa soạn? - tôi hỏi.

- Thì có gì sai? Lênin đáp. - Trong tình hình hiện tại rất cần phải như thế.

Những kế hoạch tổ chức của Lênin gây cho tôi chút hồ nghi. Nhưng còn xa tôi mới nghĩ rằng chính những vấn đề này sẽ làm nổ tung Đại hội đảng.

Tôi được sự ủy nhiệm của "Liên minh Xibêri" - tổ chức có liên lạc mật thiết với tôi trong thời gian đi đày - cùng đại biểu Tula [Toula], bác sĩ Ulianốp [Oulianov] (em ruột Lênin) đến Đại hội. Nhưng để tránh lưới mật thám, chúng tôi không đi từ Gionevơ mà từ Niông [Nion], một ga xép yên tĩnh sau đó, ở đây chuyển tàu tốc hành chỉ dừng có nửa phút. Đúng là dân tỉnh lẻ nước Nga, chúng tôi không đợi tàu ở bên lề ra phải đợi. Khi chuyển tốc hành đến, chúng tôi cầm cổ chạy qua các đường ray định leo bừa lên một toa. Nhưng chưa kịp đu lên thì tàu đã

chuyển bánh. Ông trưởng ga thấy hai hành khách lao qua đường ray liền thổi còi báo động. Tàu dừng lại. Sau khi lên toa tàu, người soát vé lập tức cho chúng tôi hay: đây là lần đầu trong đời anh ta gặp phải những kẻ ngu si như chúng tôi, chúng tôi phải nộp phạt năm chục phờ-răng vì đã làm tàu dừng lại. Đến lượt mình, chúng tôi làm cho anh ta hiểu rằng bọn tôi không biết một câu tiếng Pháp nào. Thực ra điều này không hoàn toàn đúng, nhưng lại rất hợp lý: anh chàng soát vé béo tốt người Thụy Sĩ ấy la hét thêm chừng ba phút rồi để chúng tôi yên. Cách đối xử của anh cũng thật phải lẽ: chúng tôi đâu có năm chục phờ-răng để trả. Một lúc sau, khi đi kiểm tra vé, anh ta lại phàn nàn với mọi người chuyện hai ông khách phải nhặt từ đường tàu lên. Anh chàng bất hạnh ấy nào ngờ chúng tôi lên đường để thành lập một đảng.

Đại hội được khai mạc tại Maison du peuple, trụ sở Hội Công nhân Bruýchxen. Chúng tôi họp trong một nhà kho tương đối heo hút để tránh những cái nhìn nhòm ngó. Ở đó người ta chứa những kiện len và chúng tôi bị vô số rệp tấn công. Chúng tôi gọi chúng là "đạo quân của Anxen [Ansèle]" lên đường tấn công xã hội tư sản. Những phiên họp là cả một sự tra tấn thể xác thực sự. Và còn tồi tệ hơn: ngay từ những ngày đầu, các đại biểu nhận ra họ bị theo dõi. Tôi sử dụng hộ chiếu một người Bungari không quen biết tên là Xamôcôpliep [Samokovliev]. Trong tuần lễ thứ hai, tôi cùng Daxulich ra khỏi tiệm ăn nhỏ "Chim trĩ vàng". Đêm đã khuya, D., một đại biểu Ôđétxa chặn đường và không nhìn chúng tôi, anh thì thầm:

- Một thằng mật thám đi theo các vị đấy, hãy chia tay nhau đi. Nó sẽ bám theo người đàn ông...

D. là một chuyên gia sành sỏi về môn theo dõi, ở mặt này, đôi mắt anh chính xác như một dụng cụ đo lường thiên văn. Anh thuê phòng ở tầng trên một ngôi nhà cạnh quán "Chim trĩ vàng" và biến cửa sổ của mình thành một đài quan sát.

Tôi tạm biệt Daxulich và tiếp tục đi thẳng. Trong túi tôi có cái hộ chiếu Bungari và năm phờ-răng.

Tên mật thám, một gã Phơlamăng [Flamand] cao gầy và mũi tẹt, theo sau tôi. Đã quá nửa đêm, phố xá hoàn toàn vắng lặng. Bất thành linh tôi quay lại:

- Thưa M'sieur, đây là phố gì?

Tên Phơlamăng giật mình lùi lại và dựa lưng vào tường.

- Tôi không biết...

Y chắc chắn sẽ nhận được một phát súng lục.

Tôi tiếp tục đi thẳng trên đại lộ. Đâu đó một chiếc đồng hồ đánh chuông. Đến chỗ ngoặt đầu tiên, tôi rẽ vào một phố nhỏ và bắt đầu chạy thục mạng. Tên Phơlamăng rượt theo tôi. Thế là trong đêm khuya, hai người đàn ông không quen biết đuổi nhau trên đường phố Bruýchxen. Đến nay tôi vẫn còn nghe tiếng giày lộp cộp của họ.

Tôi chạy quanh ba cạnh một tòa nhà rồi lại dẫn tên Pholamãng ra đại lộ. Cả hai đều mệt nhọc và giận dữ, chúng tôi lại đi bước một, về ủ rũ. Tôi thấy hai ba chiếc xe ngựa ở đường. Nhưng lên một xe thì có ích gì vì tên mật thám sẽ nhảy ngay lên chiếc kia. Chúng tôi cứ tiếp tục đi. Đại lộ dài vô tận hình như cũng sắp kết thúc, chúng tôi đã ra phía ngoài thành phố. Có một chiếc xe ngựa duy nhất đứng cạnh một quán đêm nhỏ. Tôi nhảy đại vào trong xe.

- Đi ngay, nhanh lên! Tôi vội lắm!

- Đi đâu?

Tên mật thám đồng tai nghe. Tôi nói tên một công viên cách nơi tôi ở chừng năm phút đi bộ.

- 100 sous!

- Thì cứ đi mà!

Người đánh xe nắm lấy dây cương. Tên mật thám bổ nhào vào quán và trở ra với một người hầu bàn, y lấy ngón tay chỉ vào kẻ thù đang tẩu thoát.

Nửa giờ sau tôi đã ở trong phòng mình. Tôi thắp nến và chợt nhận ra một bức thư trên chiếc tủ nhỏ đầu giường. Trên bức thư có cái tên Bungari của tôi. Ai có thể viết đến cái địa chỉ này nhỉ? Thì ra trong phong bì có một "giấy mời" với nội dung: "Sieur Samokowlieff hãy tới trình diện ở sở cảnh sát vào mười giờ sáng ngày mai, mang theo hộ chiếu." Như vậy, một tên mật thám khác tối hôm qua đã theo tôi về tận nhà và cuộc chạy đuổi ban đêm trên đại lộ chỉ là một thứ diễn tập vô tư của hai kẻ tham gia. Những đại biểu khác cũng nhận được "giấy mời" tương tự. Ai đến trình diện ở sở cảnh sát đều bị buộc phải rời khỏi Bỉ trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Tôi không đến đó mà qua thẳng Luânđôn. Đại hội được chuyển sang đây.

Háctinh [Harting] người điều khiển mạng lưới mật vụ Nga ở Béclin hồi đó - viết báo cáo gửi ban chuyên trách cảnh binh hữu quan: "Cảnh sát thành phố Bruýchxen ngạc nhiên vì làn sóng người nước ngoài; họ ngờ có mười người hoạt động vô chính phủ". Đến lượt chính Háctinh làm cảnh sát Bruýchxen "ngạc nhiên". Tên thật y là Héckenman [Heckelmann], một tay khiêu khích năng nổ, bị tòa án Pháp kết án khổ sai vắng mặt. Sau đó, y thành tướng Ôkhorana [Okhrana] của Nga hoàng rồi được thưởng Bắc đẩu Bội tinh với một tên giả. Nhưng Háctinh lại nhận được thông tin từ một *agent provocateur* khác, bác sĩ Gitômírski [Jitomirsky], tay này tham gia tích cực vào quá trình chuẩn bị Đại hội từ Béclin. Tất cả những điều này chỉ được phát hiện sau đó nhiều năm. Hình như chế độ Nga hoàng nắm trong tay mọi đầu mối. Tuy vậy, điều này cũng không cứu vãn nổi chúng...

Trong Đại hội, mâu thuẫn nội bộ của tòa soạn *Íchcòra* bộc lộ rõ rệt. Lập trường của những người "cứng rắn" và "mềm mỏng" bắt đầu được phác họa. Sự bất đồng nổ ra chủ yếu quanh điểm một của bản Điều lệ tổ chức: ai có thể coi là thành viên của đảng? Lênin muốn Điều lệ phải nói rõ ràng: đảng là một tổ chức bất hợp pháp. Nhưng Máctốp lại muốn bất kỳ ai hoạt

động dưới sự chỉ đạo của tổ chức bất hợp pháp thì đều là thành viên của đảng. Trong thực tiễn, mâu thuẫn ấy không có tầm quan trọng trực tiếp vì theo ý kiến của cả đôi bên, chỉ thành viên các tổ chức bất hợp pháp mới có quyền bầu bán. Tuy nhiên, rõ ràng là có hai khuynh hướng trái ngược nhau. Lênin muốn quy định một cách chuẩn xác và nghiêm khắc những mối quan hệ trong nội bộ đảng. Máctốp thiên về những khái niệm mờ mịt hơn. Những phe cánh hình thành quanh vấn đề này sẽ quyết định tiến trình sắp tới của Đại hội và cả thành phần ban lãnh đạo. Sau hậu trường, có một cuộc đấu tranh để giành giật từng đại biểu. Lênin dùng mọi cách để lôi kéo tôi đứng về phía ông. Cùng với Coraxicốp [Krassikov], ông rủ tôi đi dạo rất lâu. Giữa đường cả hai đều cố gắng chứng minh cho tôi thấy con đường của tôi và Máctốp không đồng nhất vì Máctốp "mềm mỏng". Coraxicốp nêu đặc điểm từng thành viên của *Íchcòra* một cách tàn nhẫn đến mức Lênin phải nhăn mặt và tôi thì rùng mình. Trong mối quan hệ với tòa soạn, nói chung tôi vẫn là một thanh niên đa cảm. Buổi nói chuyện ấy đẩy tôi ra xa hơn là quyến rũ tôi lại gần. Những bất đồng ý kiến vẫn còn mơ hồ, mọi người mò mẫm ban đêm và hành động trong khoảng vô lường.

Mọi người quyết định triệu tập một cuộc họp các thành viên kỳ cựu của *Íchcòra* để đổ nước sạch vào cốc. Nhưng ngay việc lựa chọn một chủ tọa cũng gây ra những khó khăn.

- Tôi đề nghị cử chú nhỏ tuổi nhất - Đốttrơ nói, nhằm tìm một lối thoát cho tình thế.

Bằng cách ấy tôi đã thành chủ tọa của những người *Íchcòra* trong một phiên họp mà sự phân ly giữa bên-sê-vích và men-sê-vích trở nên rõ rệt. Thần kinh của mọi người đều căng thẳng đến tột độ. Khi rời phiên họp, Lênin sập mạnh cánh cửa. Đây là lần duy nhất chính mắt tôi thấy ông mất tự chủ trong một vụ đụng độ thuộc nội bộ đảng.

Tình hình trở nên nghiêm trọng hơn. Những mâu thuẫn bộc lộ ngay ra trong Đại hội. Lênin còn làm một thử nghiệm để thu hút tôi về phía những người "cứng rắn". Ông phái người em, bác sĩ Đờmitri [Dmitri] và nữ đại biểu D. đến chỗ tôi. Cuộc trao đổi kéo dài nhiều giờ trong một công viên. Những phái viên muốn giữ tôi bằng mọi giá.

- Chúng tôi được lệnh kéo anh về bằng bất kỳ giá nào.

Cuối cùng, tôi thẳng thắn cự tuyệt và không theo họ.

Sự chia rẽ nổ ra bất ngờ đối với mọi người tham dự Đại hội. Bản thân Lênin người đấu tranh tích cực nhất - cũng không dự kiến và không muốn sự phân liệt ấy. Những sự kiện xảy ra vô cùng trầm trọng với cả hai phe. Sau Đại hội, Lênin ở trong trạng thái thần kinh rất tồi suốt mấy tuần liền.

Trong những ghi chép của Xêđôva, ta có thể đọc:

Từ Lônđôn, hầu như ngày nào L.D. cũng viết thư. Những lá thư ngày càng đượm vẻ lo lắng và cuối cùng, lá thư kể về sự chia rẽ trong đội ngũ *Íchcòra* tuyệt vọng báo tin: *Íchcòra* không còn

nữa, *Íchcòra* đã chết... Chúng tôi đau đớn trải qua sự phân liệt của *Íchcòra*. Chẳng bao lâu sau khi L.D. trở về từ Đại hội, tôi đi Pêtécbuia mang theo những tư liệu của Đại hội, được chép bằng thứ chữ nhỏ ly ti trên giấy mỏng và nhét trong bìa cuốn tự điển *Larút-xơ* [Larousse].

Tại sao trong Đại hội, tôi lại đứng về phía những người "mềm mỏng"?

Trong số các thành viên của tòa soạn, tôi thân nhất với Máctốp, Daxulích và Ácxenrốt. Họ có ảnh hưởng vô cùng lớn và không thể chối cãi đối với tôi. Cho đến trước Đại hội, trong tòa soạn có những sắc thái dị biệt nhưng không có những bất đồng quan điểm rõ rệt. Tôi xa vời với Plêkhanốp nhất: sau những xung đột đầu tiên, chung quy cũng chỉ có tầm quan trọng thứ yếu, Plêkhanốp tiếp tục thù ghét tôi. Lênin đối xử với tôi tuyệt vời nhưng trong mắt tôi, giờ đây ông là người công kích một ban biên tập, một tòa soạn mà theo tôi rất thống nhất và mang cái tên *Íchcòra* mê hồn. Hành động muốn chia đôi ban biên tập của ông, tôi cho là bất kính.

Tập trung cách mạng là một nguyên tắc cứng nhắc, độc đoán và nghiêm khắc. Nhiều khi nó không thương tiếc cả một số người hoặc một số nhóm mà hôm qua còn chung ý kiến với nhau. Không phải ngẫu nhiên mà trong từ ngữ của Lênin, ta hay gặp những cụm từ *không thể dung hòa, không thể nhân nhượng*. Chỉ có sự vươn lên của cách mạng, độc lập với mọi vấn đề cá nhân thấp hèn, mới có thể minh chứng cho sự *không thể dung thứ* ấy.

Năm 1903, Lênin mới chỉ nêu ý kiến đưa Ácxenrốt và Daxulích ra khỏi tòa soạn *Íchcòra*. Tôi không chỉ kính trọng mà còn rất yêu quý họ. Lênin cũng đánh giá họ rất cao vì quá khứ của họ. Nhưng ông đi đến kết luận: càng ngày họ càng cản trở chúng tôi trên con đường đi đến tương lai. Là nhà tổ chức, ông quyết định loại trừ họ khỏi cương vị lãnh đạo. Đó là điều tôi không thể qui phục. Tất cả con người tôi chống lại sự loại trừ không thương tiếc những nhân vật cựu trào đã đi tới bậc thềm của đảng. Bất bình của tôi lúc đó dẫn tới sự đoạn tuyệt với Lênin trong Đại hội II. Tôi thấy cách xử sự của ông không thể chấp nhận được, nó khủng khiếp và bạo ngược, mặc dù về mặt chính trị cách cư xử ấy lại đúng và do đó, cần thiết cho tổ chức. Sự đoạn tuyệt với những nhân vật cựu trào bị mắc lại trong thời kỳ chuẩn bị, xét về mọi mặt là không thể tránh khỏi. Lênin hiểu điều đó trước ai hết. Ông còn cố gắng giữ lại Plêkhanốp, tách ông này khỏi Daxulích và Ácxenrốt. Nhưng, như những sự kiện sắp tới chứng tỏ, cố gắng ấy cũng không đem lại kết quả nào.

Như vậy, sự đoạn tuyệt của tôi với Lênin diễn ra trên khía cạnh "đạo đức", thậm chí cá nhân. Nhưng đó chỉ là bề ngoài. Tôi đối nghịch với ông về mặt chính trị, có điều việc này biểu hiện ra trong lĩnh vực tổ chức.

Tôi tự coi mình là tín đồ của chủ nghĩa tập trung. Nhưng, không còn nghi ngờ gì nữa, trong giai đoạn đó tôi chưa hoàn toàn thấy hết việc đảng cách mạng cần một chủ trương tập trung không khoan nhượng và kiên quyết để dẫn dắt hàng triệu quần chúng vào cuộc chiến đấu chống xã

hội cũ. Tuổi thiếu niên của tôi trôi qua trong bầu không khí ảm đạm thời phản động và kéo dài tiếp năm năm ở Ôđétxa. Lênin còn là thanh niên vào những năm tổ chức "Tự do Nhân dân" hoạt động. Những người trẻ hơn tôi vài tuổi đã được giáo dục trong những năm thịnh vượng của nền chính trị mới. Khi Đại hội diễn ra ở Lônđôn năm 1903, một cuộc cách mạng trong mắt tôi vẫn là lý thuyết trừu tượng đến quá nửa. Tư tưởng tập trung của Lênin, đối với tôi, chưa được bắt nguồn từ một quan niệm cách mạng sáng sủa và được dẫn đo một cách độc lập. Và nhu cầu phải tự mình hiểu được vấn đề rồi từ đó rút ra những kết luận cần thiết luôn là yêu cầu bức thiết nhất của đời sống tinh thần tôi.

Cạnh những bất đồng về nguyên tắc chỉ mới được phác thảo, xung đột nổ ra trong Đại hội lại càng nghiêm trọng thêm do những người cự trào không thấu hiểu sự lớn mạnh và tầm quan trọng của Lênin. Trong và liền ngay sau Đại hội, Ácxenrốt và các thành viên khác của tòa soạn rất bất bình trước cách xử sự của Lênin và sự bất bình ấy đi kèm với nỗi ngạc nhiên: sao ông ấy lại làm thế? "Bởi ông ta cũng mới ra nước ngoài ít lâu thôi mà - những nhân vật cự trào suy luận. - Ông ta đến để học hỏi và thái độ của ông ấy cũng là thái độ một học trò. Lòng tự tin này từ đâu ra? Sao ông ấy lại làm tất cả những chuyện này?"

Nhưng Lênin dám làm và ông đã làm. Muốn vậy, ông phải thấy rõ việc những người cự trào không có khả năng nắm trong tay sự lãnh đạo trực tiếp những tổ chức đang chiến đấu cho đội tiền phong vô sản giữa hoàn cảnh một cuộc cách mạng đang đến gần. Phe cự trào đã nhầm - và không chỉ có họ nhầm: Lênin không còn đơn thuần là một chiến sĩ ưu tú, ông đã là một lãnh tụ, ông vươn lên hết mình để đạt mục đích và theo ý tôi, ông tự cảm thấy mình là một lãnh tụ vĩnh viễn; cạnh những người hơn tuổi, những bậc thầy, ông nhận thấy mình mạnh hơn và cần thiết hơn đối với đảng. Trong cái tập thể khá mù mờ quây tụ quanh tờ *Íchcờra* thời bấy giờ, Lênin là người duy nhất hình dung được hoàn toàn và triệt để về ngày mai với tất cả mọi nhiệm vụ gian nan, những xung đột tàn khốc cùng những nạn nhân không kể xiết của nó. Ở Đại hội, Lênin chinh phục nhưng không hi vọng giữ được Plêkhanốp; đồng thời ông đánh mất Máctốp vĩnh viễn. Dường như Plêkhanốp cảm thấy một điều gì đó ở Đại hội này. Ít ra, ông đã nói như sau về Lênin với Ácxenrốt:

- Người ta nhào nặn ra những Rôbétxpie [Robespierre] từ thứ bột ấy đấy...

Bản thân Plêkhanốp đóng một vai trò không đáng ghen tị mấy trong Đại hội. Chỉ đọc một lần, trong ủy ban dự thảo cương lĩnh của Đại hội, tôi được thấy và nghe ông nói với tất cả sức mạnh của ông. Plêkhanốp mang trong đầu một sơ đồ sáng sủa, được hoàn thiện một cách khoa học của bản cương lĩnh. Tự tin ở mình, ở kiến thức của mình, ở sự hơn người của mình, mắt ánh lên một tia vui pha chút lửa mĩa mai, với bộ ria mép hoa râm và nhọn, cử chỉ hơi tuồng nhưng linh động và với những điệu bộ biểu cảm, trên cương vị chủ tọa, Plêkhanốp làm ngời sáng cuộc họp

đồng người như một cây pháo bông sống của kiến thức và sự sắc sảo.

Máctốp, lãnh tụ những người men-sê-vích, là một trong những gương mặt bi thảm nhất của phong trào cách mạng. Là một cây bút tài ba, một chính trị gia sáng tạo, một tư duy sâu sắc, ông cao hơn rất nhiều so với trào lưu tư tưởng mà ông dẫn đầu. Nhưng tư tưởng của Máctốp còn thiếu sự can đảm, sự sáng suốt của ông không được nghị lực hỗ trợ. Bản tính nhẫn nại không thay thế được những gì ông thiếu. Phản ứng đầu tiên của Máctốp trước mọi sự kiện bao giờ cũng biểu hiện một nhiệt tình cách mạng. Nhưng tư tưởng của ông đổ gục nhanh chóng vì thiếu nghị lực làm lò xo nâng đỡ. Quan hệ của chúng tôi không vượt qua được thử thách của những sự kiện lớn đầu tiên trong cuộc cách mạng đang đến.

Dù sao, Đại hội II cũng là một chặng đáng kể trong đời tôi, ít nhất vì nó làm tôi đoạn tuyệt với Lênin trong vài năm. Bây giờ khi nhìn lại quá khứ trong tổng thể, tôi không hối tiếc về điều đó. Tôi trở lại với Lênin chậm hơn nhiều so với người khác, nhưng tôi đi trên con đường riêng của tôi, trải qua và suy ngẫm những kinh nghiệm của cách mạng, của phản cách mạng và nội chiến. Nhờ những hoàn cảnh ấy, tôi trở lại với Lênin bền vững và nghiêm túc hơn so với các "môn đệ" của ông, những kẻ mà khi Lênin còn sống chỉ biết lặp đi lặp lại lời lẽ và cử chỉ của bậc thầy và sau khi ông mất, đã tỏ ra là những kẻ kế tục bất tài, những công cụ vô ý thức trong tay các lực lượng thù địch.

CHƯƠNG XIII TRỞ VỀ NƯỚC NGA

Mối quan hệ của tôi với phái thiểu số trong Đại hội II không được dài lâu. Ngay từ những tháng đầu, đã có hai đường lối hình thành trong phe thiểu số ấy. Tôi cho rằng phải chuẩn bị càng nhanh càng tốt sự hợp nhất với đa số. Tôi coi sự ly khai chỉ như một chuyển cảnh có tầm vóc lớn, thế thôi, không hơn không kém. Với một số người khác, chia cắt xảy ra ở Đại hội là khởi điểm theo hướng cơ hội chủ nghĩa. Đối với tôi, suốt năm 1904 chứa chất đầy những xung đột trên các vấn đề về chính trị và tổ chức với nhóm lãnh đạo men-sê-vích. Các vụ tranh chấp xoay quanh hai điểm chính: phải có thái độ như thế nào đối với phái tự do và những người bên-sêvích? Tôi đồng ý rằng cần kịch liệt chống lại những cố gắng của phái tự do nhằm chiếm sự ủng hộ của quần chúng, đồng thời, cũng vì lý do ấy, tôi đòi hỏi ngày càng kiên quyết sự hợp nhất giữa hai nhóm xã hội dân chủ. Tháng Chín 1904, tôi tuyên bố rời bỏ phái thiểu số một cách hình thức vì trong thực tế, tôi đã không thuộc về họ từ tháng Tư. Trong thời kỳ này, tôi sống cách biệt đám dân di cư Nga vài tháng ở Muyních [München], nơi được coi là thành phố dân chủ nhất và nghệ thuật nhất của nước Đức đương thời. Tôi biết khá đầy đủ về những người xã hội dân chủ xứ Bavari [Bavière], về các bảo tàng của thành phố và các nhà biếm họa *Simplicissimus*.

Ngay từ khi Đại hội đang họp ở Lônđôn, một phong trào đình công mạnh mẽ làm sục sôi toàn miền Nam nước Nga. Những cuộc nổi dậy của nông dân ngày càng nhiều. Các trường đại học cũng náo động. Chiến tranh Nga-Nhật làm phong trào khựng lại một thời gian, nhưng thất bại quân sự của chế độ Nga hoàng tỏ ra là động lực khổng lồ cho cuộc cách mạng. Báo chí trở nên mạnh dạn hơn, những hành động khủng bố diễn ra dày đặc, phái tự do xông xáo, một chiến dịch tiệt chủng bắt đầu. Những vấn đề cơ bản của cách mạng được đặt ra rõ ràng. Đối với tôi, những gì trừu tượng đã thực sự trở nên có nội dung xã hội. Phái men-sêvích, đặc biệt Daxulich, ngày càng đặt hi vọng vào những người thuộc phái tự do.

Trước khi họp Đại hội, sau một phiên họp của tòa soạn, ở quán cà phê Landôntơ [Landolt], Daxulich bắt đầu phàn nàn bằng cái giọng dè dặt, năn nỉ đặc biệt mà chị thường có trong những dịp như thế, rằng chúng tôi công kích quá mạnh phái tư sản tự do. Đó là điểm nhạy cảm nhất của chị.

- Hãy xem họ cố gắng như thế nào - chị nói và tránh cái nhìn của Lênin, mặc dù chị dành chủ yếu câu chuyện này cho ông. Xtruvê đòi hỏi những người tư sản tự do Nga không đoạn tuyệt với chủ nghĩa xã hội, nếu không họ cũng phải chịu số phận khốn khổ của chủ nghĩa tự do Đức; ông ta muốn họ noi gương bọn xã hội cấp tiến Pháp.

- Cần phải choảng đám ấy mạnh hơn nữa! - Lênin mỉm cười nói, như để trêu chọc Vêra

Ivanốpna.

- Ô kìa, hay thật đấy! - chị kêu lên về thất vọng hoàn toàn. - Họ lại gần chúng ta, thế mà chúng ta lại choảng họ!

Tôi hoàn toàn đồng tình với Lênin về vấn đề này, một vấn đề ngày càng có tầm quan trọng quyết định với thời gian.

Mùa thu 1904 - th ời kỳ xảy ra chiến dịch tiệt chủng, chẳng mấy chốc đi đến ngõ cụt của phái tự do - tôi tự đặt câu hỏi: "tiếp tục như thế nào?". Và cũng chính tôi tự trả lời: chỉ một cuộc tổng đình công mới có thể đưa ra lối thoát, tiếp tới là khởi nghĩa của giai cấp vô sản, dẫn đầu quần chúng nhân dân chống lại chủ nghĩa tự do. Quan điểm ấy càng làm sâu thêm vực thẳm giữa những người men-sê-vích và tôi.

Sáng sớm ngày 23 tháng Giêng 1905, tôi trở về Giơnevơ sau chuyến đi diễn thuyết, mệt mỏi và đau như người vì một đêm trần trọc trên tàu hỏa. Một chú bé bán cho tôi tờ báo hôm trước. Người ta viết vào thời tương lai về một cuộc biểu tình của công nhân tại Cung điện Mùa đông. Tôi cho là cuộc biểu tình hẳn đã không xảy ra. Một hai giờ sau tôi đến tòa soạn *Íchcờra*. Máctốp hồi hộp đến cực độ.

- Không xảy ra chứ? - tôi hỏi.

- Không là thế nào? - ông lao về phía tôi -. Suốt đêm chúng tôi thức trong tiệm cà phê để đọc những bản điện tín mới nhất. Thế ra anh không biết gì à? Nhìn đây, coi đây này...

Ông ấn vào tay tôi số báo trong ngày. Tôi lướt qua mười dòng đầu của bài tường thuật theo thể loại điện báo về "ngày chủ nhật đẫm máu". Một làn sóng nóng bỏng bao phủ lên óc khiến tôi ù tai.

Tôi không thể tiếp tục ở nước ngoài được nữa. Tôi không liên lạc với những người bên-sê-vích từ ngày Đại hội kết thúc. Tôi cũng đã đoạn tuyệt về mặt tổ chức với những người men-sê-vích. Như thế tôi phải tự lo liệu cho mình. Các sinh viên Nga kiếm cho tôi một hộ chiếu. Tôi đi Muyních cùng vợ tôi, cô ấy trở lại nước ngoài vào mùa thu 1904. Pácvút [Parvus] cho chúng tôi trọ tại nhà anh. Ở đây, anh đọc bản thảo bài viết của tôi về các sự kiện trước ngày 9 tháng Giêng và hết sức tán thưởng:

Các sự kiện đã hoàn toàn chứng thực dự đoán này. Bây giờ không ai có thể phủ nhận tổng đình công là phương pháp đấu tranh chủ yếu. Cuộc bãi công chính trị đầu tiên đã xảy ra ngày 9 tháng Giêng, dù nó còn phải núp dưới chiếc áo thầy tu. Chỉ cần nói thêm rằng cách mạng Nga có thể đưa một chính phủ công nhân dân chủ lên nắm chính quyền.

Pácvút đã viết một lời tựa cho tập sách của tôi trong tinh thần như vậy.

Không chút nghi ngờ, Pácvút là nhà mác-xít lỗi lạc cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này. Anh hoàn toàn nắm được phương pháp luận mác-xít, có tầm nhìn sâu rộng, anh để ý mọi sự kiện

quan trọng diễn ra trên vũ đài quốc tế; Pácvút là một cây bút xuất chúng với một tư duy vô cùng dũng cảm, một phong cách mạnh dạn, gân guốc. Những công trình trước đây của anh đã giúp tôi hiểu các vấn đề của cuộc cách mạng xã hội, nhờ anh tôi mới hình dung việc cướp chính quyền của giai cấp vô sản không phải một mục tiêu xa vời lơ lửng trong khoảng không vũ trụ mà là nhiệm vụ thực tiễn của thời đại chúng ta.

Tuy nhiên, lúc nào ở Pácvút cũng có một cái gì đó thật vô độ và không bền vững. Nhà cách mạng ấy bị ám ảnh bởi một ý tưởng hoàn toàn bất ngờ: anh muốn làm giàu. Vào những năm tháng đó, hầu như Pácvút cũng gắn ước mơ này vào quan niệm cách mạng - xã hội của anh. - Bộ máy đảng đã quá xương xẩu - anh phàn nàn -, khó mà thấy nổi cả những gì diễn ra trong đầu Bében. Những người cách mạng mác-xít chúng ta cần một tờ nhật báo lớn, ra cùng một lúc bằng ba thứ tiếng thông dụng ở châu Âu. Nhưng muốn được thế phải có tiền, thật nhiều tiền! Thì ra trong cái đầu nặng nề, nhung nhúc những thịt như đầu chó bun-độc ấy, ý tưởng làm cách mạng xã hội và làm giàu lại quện vào nhau.

Pácvút tìm cách mở ra ở Muyních một nhà xuất bản tư nhân, nhưng anh thất bại khá thảm hại. Sau đó anh về Nga và tham gia cuộc cách mạng 1905. Mặc dù có đầu óc sáng tạo và tài tình, anh chẳng bộc lộ chút gì những ưu điểm của một lãnh tụ.

Thời kỳ suy tàn của Pácvút bắt đầu sau thất bại của cách mạng 1905. Anh chuyển từ Đức sang Viên rồi từ đó qua Cônxtantinốp và chạm trán với Thế chiến thứ nhất tại đây. Lập tức, Pácvút làm giàu nhanh chóng do những vụ chuyên chở gì đó cho quân đội. Đồng thời anh công khai tuyên bố bên vực sứ mạng tiến bộ của quân phiệt Đức, đoạn tuyệt vĩnh viễn với cánh tả và trở thành kẻ khởi xướng phe cực hữu của đảng Xã hội Dân chủ Đức. Khỏi phải nói, tôi đoạn tuyệt mọi quan hệ chính trị và cá nhân với anh kể từ Thế chiến.

Từ Muyních, tôi cùng Xêđôva đi tiếp đến Viên. Làn sóng những người di cư đã chảy về Nga. Víchto Átle ngập cổ trong công việc: ông xoay sở tiền bạc, hộ chiếu, địa chỉ cho những người di tản... Trong nhà ông, một thợ cắt tóc đã thay đổi diện mạo của tôi, vốn dĩ rất quen thuộc với lũ mật thám Nga hoạt động ở nước ngoài.

- Tôi vừa nhận được một bức điện tín của Ácxenrốt - Átle thông báo với tôi -. Bức điện báo tin Gapôn [Gapone] đã ra nước ngoài và tự xưng là người xã hội dân chủ. Tiếc thật... Nếu y biến đi vĩnh viễn thì còn để lại một sự tích đẹp. Làm dân di tản, y chỉ có thể là một thằng hề...

Và ông nói thêm, mắt ánh lên một tia lửa nhỏ làm dịu bớt sự châm biếm gay gắt:

- Anh biết không, loại người như thế thà là thứ tử vì đạo cho lịch sử thì hay hơn làm đồng chí của chúng ta...

Ở Viên, tôi được tin đại công tước Xécgây [Serge] bị ám sát. Các sự kiện xảy ra dồn dập. Báo chí xã hội dân chủ hướng về phía Đông. Vợ tôi về trước để kiếm nhà ở và thiết lập những mối liên

lạc bất hợp pháp ở Kiép. Tôi đến Kiép vào tháng Hai với hộ chiếu của một tay thiếu úy về hưu tên là Ácbudốp [Arbouzov], ở đó trong vòng mấy tuần tôi phải chuyển hết nhà này sang nhà khác. Thoạt đầu tôi ở nhà một anh luật sư trẻ, anh này sợ cả cái bóng của mình, rồi sang nhà một giáo sư trường Cao đẳng Kỹ thuật, cuối cùng đến nhà một góa phụ có tư tưởng tự do. Một thời gian tôi còn phải ẩn náu trong một viện chữa mắt. Theo chỉ thị của bác sĩ trưởng - ông biết những hoạt động của tôi - một chị y tá đưa tôi loại thuốc nhỏ mắt vô hại và còn cho tôi ngâm chân làm tôi khá xấu hổ. Là kẻ phiến loạn, tôi phải thận trọng gấp đôi: tôi thảo những bản tuyên ngôn một cách giấu diếm để chị y tá khỏi thấy, chị có nhiệm vụ theo dõi ngặt nghèo, không cho tôi làm mệt mắt. Đến giờ đi thăm bệnh nhân, ông giáo sư - sau khi đã tổng được một anh phụ tá ít tin cậy - nhào vào phòng tôi cùng một chị phụ tá mà ông tin tưởng. Ông nhanh chóng khóa cửa bằng chìa và kéo màn cửa sổ, như thể đang khám mắt cho tôi. Rồi cả ba người cùng cười, thận trọng nhưng vui vẻ.

- Anh có thuốc lá không? - vị giáo sư hỏi.

- Tôi có.

- Quantum satis? - ông lại hỏi.

- Quantum satis - tôi trả lời.

Và chúng tôi lại cùng cười. Thế là buổi khám kết thúc và tôi lại quay về với những bản tuyên ngôn. Cách sống này làm tôi khá thích thú. Tôi chỉ cảm thấy hơi khó xử trước mặt chị y tá già tốt bụng, chị chuẩn bị cho tôi ngâm chân rất chu đáo.

Hồi đó ở Kiép có một nhà in bí mật nổi tiếng, nó vẫn tồn tại được nhiều năm ngay dưới mũi tên tướng cánh binh Nôvítxki [Novitsky] mặc dù những bại lộ liên tiếp xảy ra xung quanh. Ở đây, vào mùa xuân năm 1905, người ta in ra những bản tuyên ngôn của tôi. Nhưng những lời kêu gọi quan trọng hơn được giao cho anh kỹ sư trẻ Coraxin [Krassine], tôi làm quen với anh ở Kiép. Coraxin là thành viên Ban Trung ương đảng bôn-sê-vích và có một nhà in bí mật lớn, trang bị đầy đủ ở vùng Cápcado [Caucasus]. Từ Kiép, tôi viết bài gửi cho nhà in ấy, chúng được in đặc biệt tốt trong những hoàn cảnh bất hợp pháp.

Giống như cách mạng, đảng rất trẻ trong thời kỳ ấy. Trong cách đối xử với con người cũng như trong việc giải quyết công việc, người ta thấy ngay sự non nớt và bối rối. Cố nhiên Coraxin cũng không hoàn toàn thoát khỏi những nhược điểm ấy. Nhưng trong anh đã có cái cứng rắn, cương quyết của loại người "thừa hành". Anh làm việc xuất sắc trên cương vị kỹ sư, được mọi người đánh giá cao, phạm vi kiến thức của anh rộng và phong phú hơn rất nhiều so với bất kỳ một thanh niên cách mạng nào thời đó. Trong các khu công nhân, các xóm kỹ sư, các cung điện của giới chủ nhà máy tự do tại Mátxcova, trong các nhóm văn học - đâu đâu Coraxin cũng có những mối quan hệ. Anh phối hợp rất khéo léo tất cả những thứ đó và trước mặt anh, mọi khả

năng thực tiễn - hoàn toàn không thể đạt tới với kẻ khác - được mở ra. Năm 1905, trong khi vẫn thực hiện những công việc chung của đảng, Coraxin là người điều khiển các lĩnh vực nguy hiểm nhất: các nhóm chiến đấu, mua sắm vũ khí, điều chế chất nổ... Dù có tầm nhìn rộng trong chính trị và trong đời sống nói chung, Coraxin là con người của những kết quả trực tiếp. Sức mạnh của anh ở đó, đồng thời cũng là nhược điểm của anh. Sắp xếp tỉ mỉ các lực lượng trong nhiều năm, tự huấn luyện về chính trị và biến kinh nghiệm thành lý luận: không, Coraxin không có năng khiếu về việc này. Khi cách mạng 1905 không đem lại những mong mỏi mà nó từng hứa hẹn, kỹ thuật điện tử và công cuộc công nghiệp hóa nói chung trở thành nhiệm vụ hàng đầu của Coraxin. Trong lĩnh vực này, Coraxin cũng tỏ ra là một kẻ thừa hành tuyệt vời, một người đạt những kết quả xuất sắc. Không thể nghi ngờ, những thành công lớn anh giành được trên cương vị kỹ sư đem lại cho Coraxin sự hài lòng cá nhân mà anh đã từng có khi là nhà cách mạng. Thoạt tiên, anh đón nhận biến cố tháng Mười với vẻ ngạc nhiên và hiềm khích, coi đó như một hành động phiêu lưu nhuộm màu thất bại ngay từ đầu. Trong một thời gian dài, anh không tin chúng tôi có thể tránh được sự tan vỡ. Nhưng sau đó khả năng làm việc trên quy mô lớn lại lôi cuốn anh.

Đối với tôi, quan hệ với Coraxin năm 1905 là một vật báu thực sự. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở Pêtéc-bua. Anh cũng cho tôi địa chỉ những chỗ hẹn bí mật. Chỗ hẹn đầu tiên và quan trọng nhất tại Học viện Pháo binh mang tên hoàng thân Cônxtanchin [Konstantin], nơi làm việc của bác sĩ trưởng Alếchxandơr Alếchxandơrôvích Lítkenxơ [Alexandre Alexandrovitch Litkens]. Số phận đã gắn tôi với gia đình bác sĩ trong thời gian dài. Tại nhà bác sĩ Lítkenxơ trên đại lộ Dabancanxki [Zabalkansky] hay ngay trong tòa nhà Học viện, tôi đã lẩn trốn nhiều lần trong những ngày và đêm bồn chồn năm 1905. Đôi khi, ngay trước mắt người gác cổng, nhiều người lên nhà bác sĩ trưởng thăm tôi, đây là những kẻ mà cả thang gác lẫn sân Học viện đều chưa từng thấy bao giờ. Nhưng đám lính có thiện cảm với bác sĩ Lítkenxơ, không ai tố cáo và chúng tôi vượt qua tất cả. Alếchxandơr, đứa con trai lớn mười tám tuổi của bác sĩ, khi ấy đã là thành viên của đảng; vài tháng sau anh lãnh đạo phong trào nông dân ở vùng Ôriôn [Oriël] nhưng cuối cùng anh ốm và mất vì thần kinh quá căng thẳng. Épgoráphơ [Evgraf] - em trai của Alếchxandơr - lúc ấy còn là học sinh trung học, sau này có vai trò quan trọng trong cuộc nội chiến và trong công tác giáo dục của chính quyền Xô-viết, nhưng rồi anh bị bọn cướp ám hại năm 1921 ở Cờ-rum.

Về mặt công khai, tôi sống ở Pêtéc-bua bằng giấy tờ một địa chủ tên là Vikenchiép [Vikentiev]. Trong các nhóm cách mạng, tôi lại có tên Piốt Pêtrôvích [Pierre Petrovitch]. Đứng về mặt tổ chức, tôi không thuộc một nhóm nào. Tôi tiếp tục cộng tác với Coraxin, anh được coi là một người bên-sê-vích dễ dung hòa thời đó. Điều này càng làm chúng tôi gần gũi nhau hơn và cũng

vì quan điểm của tôi lúc ấy. Nhưng cũng trong thời gian đó, tôi giữ mối liên lạc với một nhóm men-sêvích địa phương, đại diện rất tích cực cho xu hướng cách mạng. Dưới ảnh hưởng của tôi, nhóm này có quan điểm tẩy chay Viện Duma [Douma] đầu tiên, vì thế các thành viên men-sêvích xung đột với chính trung tâm của họ ở ngoài nước. Nhưng chẳng bao lâu, nhóm men-sêvích bại lộ do một thành viên tích cực phản bội: gã Đôbrôtxcốc [Dobroskok], biệt danh "Nhikolai kính gong vàng" tỏ ra là một tên khiêu khích nhà nghề. Y biết tôi hiện đang ở Pêtéc-bua và còn trực tiếp quen tôi. Vợ tôi bị bắt nhân một cuộc mít-tinh trong rừng ngày 1 tháng Năm. Tôi buộc phải lẩn náu tạm thời. Lúc đó là mùa hè, tôi đi Phần Lan.

Ở đây tôi có thể thở phào đôi chút. Tôi tiếp tục công việc viết lách miệt mài, xen lẫn những cuộc dạo chơi ngắn. Tôi ngẫu nhiên báo chí, theo dõi sự hình thành của các đảng phái, tôi sưu tầm những mảnh cắt từ báo và phân loại các sự kiện. Trong giai đoạn này, tôi đưa ra phác họa cuối cùng về các lực lượng nội tại của xã hội Nga và những triển vọng của cách mạng ở xứ này. Hồi đó tôi viết:

Nước Nga đứng trước bậc thềm một cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Vấn đề ruộng đất là cơ sở cuộc cách mạng này. Giai cấp (hoặc đảng phái) nào lôi kéo được nông dân theo mình chống lại chế độ Nga hoàng và điền chủ quý tộc, giai cấp (hoặc đảng phái) ấy sẽ giành được chính quyền. Chủ nghĩa tự do và giới trí thức dân chủ không thể đạt kết quả này: thời điểm lịch sử của họ đã chấm dứt. Giai cấp vô sản đã chiếm được mặt tiền của cuộc cách mạng. Chỉ có đảng Xã hội Dân chủ - thông qua giới công nhân - mới lôi kéo được giai cấp nông dân. Điều này mở ra trước đảng Xã hội Dân chủ Nga triển vọng giành được chính quyền sớm hơn ở các quốc gia phương Tây. Nhiệm vụ trực tiếp của đảng Xã hội Dân chủ là hoàn thiện hóa cuộc cách mạng dân chủ. Nhưng một khi đã cướp được chính quyền, đảng của giai cấp vô sản không thể tự bằng lòng với việc thực hiện một chương trình dân chủ. Nó buộc phải thi hành những chính sách xã hội. Chặng đường đi được theo hướng này sẽ tùy thuộc không chỉ vào những tương quan lực lượng nội bộ mà còn phụ thuộc tình hình trên toàn thế giới. Như thế, đường lối chiến lược chủ yếu đòi hỏi đảng Xã hội Dân chủ phải đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa tự do để giành ảnh hưởng trong giai cấp nông dân và tự đặt cho mình mục tiêu giành chính quyền ngay trong thời kỳ cách mạng tư sản diễn ra.

Câu hỏi về triển vọng chung của cách mạng gắn bó mật thiết với các vấn đề chiến thuật. Khẩu hiệu chính trị chính của đảng là triệu tập Hội nghị Lập hiến. Nhưng cuộc đấu tranh cách mạng đặt ra câu hỏi: ai triệu tập, và triệu tập bằng cách nào thứ Hội nghị Lập hiến ấy? Triển vọng cho thấy cuộc khởi nghĩa nhân dân do giai cấp vô sản lãnh đạo sẽ tiến đến việc hình thành một chính phủ cách mạng lâm thời. Giai cấp vô sản giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc cách mạng, điều này đảm bảo cho họ một vai trò quyết định trong Chính phủ Lâm thời.

Về vấn đề này, một cuộc tranh luận rộng rãi đã nổ ra trong các giới lãnh đạo thượng đỉnh của đảng, cũng như giữa tôi và Coraxin. Tôi viết ra giấy những luận đề trong đó tôi chứng minh thắng lợi toàn diện của cách mạng trước chế độ Nga hoàng là sự thành lập chính quyền của giai cấp vô sản dựa trên nông dân, hoặc sẽ là sự giai cấp vô sản giành lấy chính quyền vào tay mình. Coraxin hoảng sợ trước cách đặt vấn đề cương quyết như vậy. Anh chấp nhận khẩu hiệu về Chính phủ Lâm thời và chương trình dự kiến cho chính phủ ấy do tôi đặt ra, nhưng anh đòi chúng tôi đừng quyết định trước vấn đề về một đa số xã hội dân chủ trong chính phủ. Các luận điểm của tôi được in ở Pêtéc-bua dưới hình thức đó và Coraxin nhận phần bảo vệ chúng tại Đại hội đảng toàn quốc họp vào tháng Năm ở nước ngoài. Nhưng Đại hội chung ấy đã không được tổ chức. Tuy nhiên, Coraxin tham gia các cuộc tranh luận về Chính phủ Lâm thời ở Đại hội những người bên-sê-vích và trình bày các luận điểm của tôi dưới dạng đề nghị bổ sung cho quyết định của Lênin. Chi tiết này thú vị về chính trị đến mức tôi buộc phải trích dẫn từ biên bản của Đại hội III:

Về dự thảo nghị quyết của đồng chí Lênin Coraxin nói -, tôi thấy nhược điểm của nó ở chỗ không nhấn mạnh vấn đề Chính phủ Lâm thời và không vạch ra rõ ràng mối tương quan giữa Chính phủ Lâm thời và cuộc khởi nghĩa vũ trang. Trong thực tế, Chính phủ Lâm thời bắt nguồn từ khởi nghĩa nhân dân và là cơ quan riêng của cuộc khởi nghĩa ấy... Ngoài ra trong dự thảo nghị quyết, tôi thấy ý kiến sau cũng không đúng: Chính phủ Lâm thời chỉ xuất hiện *sau* thắng lợi cuối cùng của khởi nghĩa vũ trang và *sau* sự sụp đổ của chế độ chuyên chế. Không, chính phủ ấy xuất hiện ngay trong quá trình khởi nghĩa và tham gia tích cực nhất, đảm bảo cho khởi nghĩa thắng lợi nhờ ảnh hưởng về mặt tổ chức của nó. Nghĩ rằng những người xã hội dân chủ chỉ có thể tham gia trong Chính phủ Lâm thời kể từ khi chế độ chuyên chế hoàn toàn sụp đổ là ngây thơ: lúc kẻ khác đã móc được hạt dẻ khỏi vỏ thì chẳng còn ai nghĩ đến chuyện chia sẻ nó với chúng ta.

Những điều kể trên hầu như lặp lại từng chữ sự diễn đạt trong đề luận của tôi.

Trong bản báo cáo thuyết trình, Lênin đề cập đến vấn đề này theo ý nghĩa lý luận thuần túy. Ông chấp nhận quan điểm của Coraxin với thiện cảm sâu sắc. Lênin nói:

Về toàn cục, tôi đồng tình với ý kiến của đồng chí Coraxin. Với tư cách một nhà lý luận, tất nhiên tôi chú ý đến khía cạnh lý thuyết của vấn đề. Tầm quan trọng của mục đích cuộc đấu tranh đã được đồng chí Coraxin chỉ ra rất đúng đắn và tôi hoàn toàn đứng về phía đồng chí ấy. Không thể chiến đấu nếu chúng ta không tin vào khả năng chinh phục đỉnh cao, vốn là mục tiêu của cuộc chiến...

Dự thảo nghị quyết được chỉnh lý theo hướng này. Sẽ không thừa nếu chúng ta ghi nhận rằng trong cuộc luận chiến xảy ra những năm gần đây, hàng ngàn lần người ta đã lấy nghị quyết về Chính phủ Lâm thời của Đại hội III để chống lại "chủ nghĩa trốt-kít". Các "giáo sư đỏ" được đào luyện trong lò xta-linnít không hề có chút khái niệm rằng trong khi tìm một hình mẫu của chủ nghĩa lê-nin-nít nhằm chống lại tôi, họ đã trích dẫn chính những dòng do tôi viết ra.

Hoàn cảnh sống của tôi ở Phần Lan hoàn toàn không gợi nhớ đến cuộc cách mạng thường trực: đồi núi, rừng thông, ao hồ, bầu không khí mùa thu trong suốt, vẻ tĩnh lặng. Cuối tháng Chín, tôi còn tiến sâu hơn nữa vào lãnh thổ Phần Lan: tôi ở tại một nhà nghỉ cô quạnh có tên là "Rauha" nằm giữa rừng, bên bờ hồ. Rauha tiếng Phần Lan có nghĩa là yên tĩnh. Khu nhà nghỉ mênh mông ấy hoàn toàn hoang vắng vào cuối mùa. Một nhà văn Thụy Điển cùng một nữ diễn viên Anh đã sống những ngày cuối cùng ở đó, rồi họ ra đi không trả tiền. Ông chủ đuổi theo họ đến tận Helsingfors [Helsingfors]. Vợ ông ta bị bệnh nặng nằm liệt giường, bà nốc rượu sâm banh để trợ tim. Vả lại, tôi cũng không thấy bà bao giờ. Bà ta mất trong khi chồng đi vắng. Xác chết nằm ở buồng ngay phía trên phòng tôi. Anh bồi bàn chính đi Helsingfors tìm ông chủ. Chỉ còn độc một cậu bé phục vụ. Tuyết đầu mùa đến sớm và rơi dữ dội. Các cây thông được bao phủ bởi lớp vải liệm bằng tuyết. Nhà nghỉ trở nên thật hoang vu. Cậu bé ở tít trong nhà bếp, đầu đó dưới tầng hầm. Bên trên phòng tôi là cái xác bà chủ. Tôi còn lại một mình. Tất cả những điều này quả thực là "rauha"

- sự yên tĩnh lớn. Không một bóng người, không một âm thanh. Tôi chỉ viết lách và dạo chơi.

Một buổi tối, người đưa thư mang lại một xấp báo ở Pêtéc-bua. Tôi mở hết tờ này đến tờ khác - dường như một cơn bão dữ dội ulla vào cửa sổ đang mở. Cuộc đình công toàn quốc dâng lên, lan rộng và lan truyền từ thành phố này sang thành phố khác. Trong cái yên lặng của khách sạn, tiếng giấy báo sột soạt vang lên chẳng khác gì tiếng gầm của núi lở. Cách mạng đang tiến lên hết tốc lực. Tôi gọi chú bé để thanh toán tiền xong rồi thuê một chiếc xe và để lại nơi đây sự "yên tĩnh", tôi đi về phía núi lở. Ngay tối hôm đó tôi đã đăng đàn ở Pêtéc-bua, trong đại giảng đường trường Cao đẳng Kỹ thuật.

CHƯƠNG XIV 1905

Có thể nói cuộc đình công tháng Mười đã nổ ra không theo một kế hoạch nào. Những người thợ in khởi đầu ở Mátxcova, nhưng làn sóng này dịu dần đi. Các đảng phái dự tính cuộc chiến quyết định sẽ nổ ra nhân dịp kỷ niệm ngày 9 (22) tháng Giêng. Vì thế, tôi làm việc không vội vã tại nơi ẩn náu ở Phần Lan. Nhưng cuộc đình công đột xuất, tưởng như đã hấp hối ấy lại bất ngờ lan sang ngành đường sắt và từ đó nó không ngừng bước. Kể từ ngày 10 tháng Mười, cuộc đình

công diễn ra với những khẩu hiệu mang nội dung chính trị, khởi đầu từ Mátxcova và truyền đi toàn quốc. Thế giới chưa từng thấy một cuộc tổng đình công lớn như vậy. Tại nhiều tỉnh thành đã có những cuộc đụng độ ngoài đường phố với quân đội. Tuy nhiên, nhìn về tổng thể, những sự kiện tháng Mười dừng lại ở tầm một cuộc đình công chính trị, chưa chuyển sang khởi nghĩa vũ trang. Dù vậy, chế độ chuyên chế hoang mang phải lùi bước. Bản Tuyên ngôn Lập hiến ngày 17 (30) tháng Mười được ban bố. Nói đúng ra, chế độ Nga hoàng dù bị thương nhưng vẫn nắm trong tay bộ máy nhà nước. Đường lối của chính phủ - theo đánh giá của Vítte, hơn bao giờ hết, "là phối hợp của sự hèn hạ, mù quáng, quỷ quyệt và ngu xuẩn." Và cách mạng đã thắng một trận đầu, chưa toàn vẹn nhưng đầy hứa hẹn.

Chi tiết quan trọng nhất của cuộc cách mạng Nga năm 1905 cố nhiên nằm trong khẩu hiệu "Cho chúng tôi ruộng đất" của nông dân.

Sau này Vítte viết như thế. Dĩ nhiên chúng ta có thể đồng ý với ông ở điểm này. Nhưng Vítte lại viết tiếp:

Tôi không thấy Xô-viết của công nhân có một tầm quan trọng nào đặc biệt. Và nó cũng không xứng đáng được như thế.

Điều này chỉ chứng tỏ kẻ xuất sắc nhất trong hàng ngũ quan lại cũng không hiểu nổi ý nghĩa các sự kiện, rằng đó là lời cảnh cáo cuối cùng gửi đến giai cấp thống trị. Vítte đã chết kịp thời để khỏi phải xét lại ý kiến mình về tầm quan trọng của Xô-viết công nhân.

Tôi về đến Pêtéc-bua khi cuộc đình công tháng Mười lên đến cực điểm. Phong trào không ngừng lan rộng nhưng có nguy cơ thất bại mà không đem đến một kết quả gì vì nó không được một tổ chức quần chúng lãnh đạo. Tôi trở về từ Phần Lan với một kế hoạch bầu ra một hội đồng không đảng phái, cử một ngàn công nhân lại cử một đại diện cho mình.

Đúng vào hôm tôi về, tôi được nhà báo Gioócđanxki [Iordansky], sau này là đại sứ Li ên Xô ở Ý, cho biết rằng những người men-sêvích đã đưa ra khẩu hiệu "Một hội đồng cách mạng thông qua bầu bán", ở đó năm trăm công nhân có một đại diện. Tôi đồng tình với điều này. Các ủy viên Ban Trung ương bên- sêvích đang ở Pêtéc-bua lúc đó kiên quyết phản đối việc thành lập một hội đồng vô đảng phái bằng con đường bầu bán. Họ lo rằng hội đồng này sẽ cạnh tranh với họ. Những công nhân bên-sê-vích hoàn toàn không e ngại như thế. Ngược lại, các lãnh đạo chủ chốt xử sự một cách bẽ phái đối với Xô-viết. Điều này diễn ra đến tận tháng Mười một khi Lênin trở về nước Nga. Chúng ta có thể viết nên một chương sách đáng tham khảo về các phương pháp lãnh đạo của những người "lê-nin-nít" khi Lênin vắng mặt. Lênin vượt xa các đồng thân cận nhất của ông đến mức cạnh ông, họ cảm thấy chẳng phải lo lắng gì trong việc tự giải quyết những vấn đề về lý luận và chiến thuật. Họ đã bắt lực một cách ghê gớm khi Lênin không ở bên họ trong những tình huống nguy kịch. Điều này xảy ra vào mùa thu năm 1905 và

mùa xuân năm 1917. Trong hai dịp đó cũng như trong nhiều trường hợp khác, có tầm lịch sử nhỏ hơn, chỉ bằng trực giác, quần chúng của đảng đã cảm thấy đường lối đúng đắn, chính xác hơn nhiều so với các lãnh tụ nửa vờ bị bỏ rơi. Lênin trở về nước quá muộn, đó là một lý do khiến nhóm bên-sê-vích không chiếm được vị trí lãnh đạo trong các sự kiện của cuộc cách mạng đầu tiên.

Tôi đã kể chuyện N.I. Xêđôva bị một đội kỵ binh bắt tại cuộc mít-tinh ngày 1 tháng Năm trong rừng. Cô bị giam gần nửa năm trong tù rồi bị trục xuất và bị cảnh sát quản thúc ở Tòvéc [Tver]. Khi bản Tuyên ngôn tháng Mười được ban bố, cô trở về Pê-téc-bua. Dưới cái tên Vikenchiép, chúng tôi thuê một buồng tại nhà một ông, sau này tôi mới biết là chuyên nghề đầu cơ ở Sở Giao dịch Chứng khoán. Công việc làm ăn của ông ta không chạy. Nhiều tay đầu cơ buộc phải sống tằn tiện tại gia. Sáng nào chúng tôi cũng mua tất cả các loại báo chí từ một cậu bé bán báo. Ông chủ nhà đôi khi cũng mượn vợ tôi báo, ông đọc và nghiêng răng. Mỗi ngày ông một sa sút. Một lần, gần như nhào vào phòng chúng tôi, ông ta giận dữ vung vẩy tờ báo trong tay:

- Coi đây này! - ông gầm lên và lấy ngón tay chỉ vào bài báo mới nhất của tôi mang tựa đề *Chào anh chàng quét sân thành Pê-téc-bua* -, xem này, bây giờ chúng nó khuấy động cả lũ quét sân nữa. Tôi mà tóm được thằng tù khổ sai ấy, tôi sẽ bắn tan xác nó bằng cái này...

Rồi ông rút một khẩu súng lục khỏi túi và vung vẩy trên không. Ông có vẻ không minh mẫn và cần sự đồng cảm. Vợ tôi chạy đến tòa soạn báo cho tôi cái tin đáng sợ ấy. Cần phải tìm một chỗ trọ khác nhưng chúng tôi không có lấy một phút rỗi rãi, thành thử đành phó mặc mọi sự cho số phận. Chúng tôi sống như thế ở nhà ông đầu cơ tuyệt vọng đến ngày tôi bị bắt. May là cả chủ nhà lẫn cảnh binh đều không bao giờ biết ai là kẻ ẩn náu dưới cái tên Vikenchiép. Sau khi tôi bị bắt, cảnh sát cũng chẳng buồn lục soát nơi tôi trọ.

Trong Xô-vi ết, tôi tham gia với bí danh Ianốp-xki để ghi nhớ cái làng nhỏ nơi tôi ra đời. Trên báo, tôi ký Trốtxki dưới các bài viết. Tôi cộng tác liền một lúc với ba tờ báo. Cùng Pác-vút, chúng tôi đứng đầu tờ báo nhỏ *Rút-xaia Gadeta* [Russkaia Gazeta] (Báo nước Nga) và biến nó thành cơ quan chiến đấu cho quần chúng. Trong vài ngày, số lượng ấn bản tăng từ ba mươi lên một trăm ngàn. Một tháng sau đã có nửa triệu người đặt mua. Nhưng kỹ thuật của chúng tôi không thể theo kịp mức độ hâm mộ của người đọc đối với tờ báo. Cuối cùng, chúng tôi chỉ giải quyết được mâu thuẫn ấy bởi cuộc tập kích của nhà chức trách. Ngày 13 tháng Mười một, chúng tôi liên kết với những người bên-sê-vích tung ra một tập san chính trị mới có tầm cỡ: tờ *Natralô* [Natchalo] (Buổi đầu) . Lượng báo tăng từng giờ. Văng Lênin, tờ *Nôvaia Giurđin* [Novaia Jizn] (Đời mới) của những người bên-sê-vích có vẻ tẻ nhạt. Ngược lại, *Natralô* vô cùng được ưa chuộng. Tôi nghĩ tập san này hơn bất kỳ tờ nào trong vòng nửa thế kỷ nay - xích gần

nhất đến nguyên mẫu kinh điển của nó, tờ *Die Neue Rheinische Zeitung* (Báo mới trên sông Ranh) do Mác xuất bản năm 1848. Camênhép - thành viên tòa soạn *Nôvaia Giurđin* - sau này kể với tôi chuyện khi đi tàu, anh quan sát cảnh những số báo mới được lưu hành như thế nào ở các ga. Những hàng người dài dằng dặc chờ tàu ở Pêtéc-bua. Mọi người chỉ ưa thích báo chí cách mạng.

- *Natralô! Natralô! Natralô!* người ta kêu trong hàng.

-*Nôvaia Giurđin!*

Rồi lại:

- *Natralô! Natralô! Natralô!*

Và Camênhép thú th ực:

- Khi ấy tôi bức tức tụt nhủ: rõ ràng những tay viết *Natralô* làm khá hơn chúng ta... Ngoài *Rút-xaia Gadeta* và *Natralô*, tôi còn viết các bài xã luận cho *Idvêtxchia* [Izvestia] (Tin tức), cơ quan chính thức của Xô-viết. Tôi cũng thảo ra vô số lời kêu gọi, tuyên ngôn và quyết định. Năm mươi hai ngày tồn tại của Xô-viết đầu tiên đầy ắp công việc: Xô-viết, Ban Chấp hành Xô-viết, những cuộc mít- tinh lớn không ngừng và ba tờ báo. Bản thân tôi cũng không biết chúng tôi đã sống như thế nào trong cơn nước xoáy ấy. Nhưng trong quá khứ, có nhiều điều tưởng chừng không thể hiểu nổi bởi các hồi tưởng đã đánh mất dấu vết của sự hoạt động: người ta chỉ nhìn lại bản thân thuở nào từ bên ngoài. Và trong những ngày ấy chúng tôi đã hoạt động hết mình. Chẳng những quay tròn trong vòng xoáy, chúng tôi còn khuấy động chúng. Tất cả đều được làm vội vã nhưng không đến nỗi tồi, một vài việc thậm chí còn rất tốt là đảng khác. Phụ trách biên tập, bác sĩ Đờmitri Hécđensten [Dmitri Herzenstein] - một nhà dân chủ già - thỉnh thoảng đến thăm tòa soạn trong bộ áo khoác hoàn hảo màu đen có hai hàng khuy. Ông đứng giữa phòng và nhìn cái đồng hồ mang do chúng tôi tạo nên với vẻ thân mật trông thấy. Một năm sau ông phải ra hầu tòa vì tính cách mạng không kiềm chế của tờ báo mà ông vốn không có chút ảnh hưởng nào. Ông già ấy không chối bỏ chúng tôi. Ngược lại, nước mắt lưng tròng, ông kể cho các quan tòa nghe: khi làm công việc biên tập tờ báo được ưa chuộng nhất, chúng tôi chỉ ăn uống vội vàng thứ pa-tê khô cứng bọc trong giấy mà người gác đêm đem về từ hàng bánh mì gần nhà. Ông phải chịu một năm tù vì một cuộc cách mạng thất bại - thay cho hội di tản và pa-tê khô...

Sau này, Vít-tê vi ết trong hồi ký: "Năm 1905, đại đa số nước Nga dường như mất trí." Cái trí óc thủ cựu ấy sở dĩ thấy cuộc cách mạng như một thứ "chứng bệnh điên cuồng tập thể" vì cách mạng đã làm căng thẳng đến cực điểm sự điên rồ "bình thường" của các mâu thuẫn xã hội. Cũng như thế, khi người ta không muốn nhận ra bản thân mình trong một bức biếm họa táo bạo. Tuy nhiên sự tiến hóa hiện tại làm các mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, mạnh mẽ hơn

và sắc bén hơn, tăng cường chúng đến độ không chịu đựng nổi và hậu quả là nó tạo nên một tình thế trong đó tối đại đa số bị "mất trí". Nhưng trong những trường hợp như thế, chính cái đa số điên rồ kia lại trở nên thiếu sáng suốt trong tấm áo chèn của người điên. Nhờ vậy mà lịch sử mới tiến triển được.

Hỗn mang cách mạng hoàn toàn không giống một cơn động đất hoặc một trận lụt. Trong cái hỗn độn của cách mạng, một trật tự mới lập tức hình thành, con người và tư tưởng phân chia theo những trục mới một cách tự nhiên. Cách mạng chỉ có vẻ điên cuồng ghê gớm với những kẻ bị nó lật đổ và quét đi. Với chúng tôi, cách mạng là yếu tố ruột thịt dù khá xáo động. Tất cả đều có thời cơ và vị trí của nó. Một số người còn thời gian để sống cuộc sống cá nhân, để yêu đương, để tìm thêm những mối quan hệ quen biết, thậm chí còn tới cả những nhà hát cách mạng. Pác-vút thích thú một vở kịch châm biếm mới đến mức anh mua liền năm chục vé buổi diễn hôm sau để mời bạn bè. Cần phải nói rõ là hôm trước anh mới lĩnh tiền nhuận bút cho các cuốn sách của mình. Khi bị bắt, cảnh sát tìm thấy trong túi Pác-vút năm chục vé xem hát. Chúng nặn óc hồi lâu để hiểu cho ra cái điều bí ẩn cách mạng ấy. Cảnh sát không biết rằng Pác-vút bao giờ cũng hào hiệp...

Xô-vi ết huy động những khối quần chúng khổng lồ. Tất cả công nhân, triệu người như một, đều đứng bên Xô-viết. Ở nông thôn nổ ra những cuộc bạo loạn. Điều này cũng xảy ra trong hàng ngũ quân đội trở về từ vùng Viễn Đông sau hòa ước Poóc-mút [Portsmouth]. Nhưng các lực đoàn cấm vệ và lính Cô-dắc vẫn còn khá mạnh. Tất cả những yếu tố của một cuộc cách mạng thành công đã có, nhưng chưa chín muồi.

Ngày 18 (31) tháng Mười, một hôm sau khi bản Tuyên ngôn được ban bố, hàng vạn người tập trung trước trường Đại học Pê-téc-bua, họ còn hùng hục khí thế đấu tranh sau trận chiến và say sưa với thắng lợi ban đầu. Từ ban công, tôi nói với họ rằng thắng lợi nửa vời không phải là điều chắc chắn, rằng kẻ thù của chúng ta không thể dung hòa, rằng một cạm bẫy đang rình rập chúng ta; tôi xé tan bản Tuyên ngôn của Nga hoàng và tung các mảnh vụn vào gió. Nhưng mọi báo động chính trị như vậy chỉ tạo nên vài vết xước hời hợt trong tâm tưởng quần chúng. Quần chúng còn phải trải qua trường học của những sự kiện lớn lao.

Tôi còn nhớ hai cảnh sinh hoạt của Xô-viết Pê-téc-bua liên quan đến dịp này. Cảnh thứ nhất diễn ra ngày 29 tháng Mười khi trong thành phố, người ta chỉ nói về cuộc tàn sát mà bọn "trăm đen" đang chuẩn bị. Từ nhà máy, các đại biểu đến thẳng phiên họp Xô-viết, họ lên diễn đàn và đệ trình những vũ khí mà giới công nhân tự trang bị cho mình để chống lại "trăm đen". Họ vung vẩy những con dao Phần Lan, những quả đấm sắt, dao găm, những chiếc roi bện bằng sợi thép, nhưng vẫn vui vẻ và đùa cợt chứ chưa có vẻ lo âu gì. Dường như họ nghĩ rằng chỉ cần sẵn sàng phản kháng là mọi vấn đề sẽ được giải quyết tức khắc. Đại đa số chưa ý

thức được đây là cuộc chiến sinh tử. Rồi những ngày tháng Chạp sẽ dạy cho họ hiểu điều đó. Tối ngày 3 tháng Chạp, Xô-viết Pêtéc-bua bị quân đội bao vây. Tất cả các cửa ra vào đều bị đóng kín. Từ trên tầng cao nhất, nơi Ban Chấp hành họp, tôi kêu to với hàng trăm đại biểu đang chen lấn ở dưới:

- Đừng tỏ ra chống đối, đừng trao vũ khí cho kẻ thù!

Ai nấy đều có những vũ khí bỏ túi, những khẩu súng lục. Và khi đó, trong phòng họp bị các đội bộ binh, kỵ binh và pháo binh bao vây tứ bề, công nhân bắt đầu đập phá vũ khí của họ. Những bàn tay khéo léo nện các khẩu Maudơ [Mauser] lên Braoninh [Browning] và ngược lại. Đây không còn là trò đùa như ngày 29 tháng Mười trước đó. Trong những tiếng chan chát, kọt kệt và loảng xoảng của kim loại bị đập vỡ, có cả tiếng nghiêng rảng của giai cấp vô sản. Lần đầu tiên những người công nhân hiểu rằng họ phải cố gắng nhiều hơn, kịch liệt hơn mới hòng lật đổ và đập nát kẻ thù.

Thắng lợi nửa chừng của cuộc đình công tháng Mười - bên cạnh những kết luận mang tính chính trị của nó - đối với tôi còn có ý nghĩa lý luận vô giá. Không phải phong trào đối lập của tư sản tự do, không phải những cuộc nổi dậy tự phát của nông dân, không phải những hoạt động khủng bố của giới trí thức mà chính cuộc đình công của giới thợ thuyền đã buộc chế độ Nga hoàng lần đầu tiên phải quỳ gối. Quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản đã là một thực tế không thể chối cãi. Tôi nghĩ lý thuyết về cách mạng thường trực vừa vượt qua thử thách lớn đầu tiên. Rõ ràng cuộc cách mạng mở ra cho giai cấp vô sản triển vọng giành chính quyền. Những năm tháng của thời kỳ phản động sắp tới không khiến tôi rời bỏ quan điểm đó. Cũng từ đây tôi rút ra các kết luận cho cả phương Tây. Nếu ở nước Nga giai cấp vô sản non trẻ còn mạnh như thế thì sức mạnh cách mạng của họ tại những nước phát triển nhất còn đến mức nào?

Lunatrác-xki với phong cách thiếu chính xác và cầu thả của anh, sau này đã đánh giá quan niệm cách mạng của tôi như sau:

Đồng chí Trốtxki (năm 1905) chủ trì quan điểm hai cuộc cách mạng (tư sản và xã hội) không trùng khớp với nhau nhưng lại móc nối với nhau khiến chúng ta được là nhân chứng của một cuộc *cách mạng thường trực*. Bộ phận Nga của nhân loại và cùng với họ, toàn thế giới đang bước vào giai đoạn cách mạng thông qua biến cố chính trị của giai cấp tư sản và họ không thể ra khỏi giai đoạn này trước chiến thắng của cách mạng xã hội. Không thể chối cãi, đồng chí Trốtxki khi nêu ra những ý kiến như thế, đã tỏ ra vô cùng sáng suốt dù đồng chí ấy có nhầm chừng mười lăm năm năm.

Nhận xét về sai lầm mười lăm năm của tôi sau này được Radéc nêu lại, nhưng không phải vì thế mà sâu sắc hơn. Năm 1905 mọi dự kiến và khẩu hiệu của chúng tôi đều được xây dựng trên

thắng lợi - chứ không phải thất bại - của cách mạng. Lúc đó chúng tôi không thực hiện được nền cộng hòa, cũng không làm được cách mạng ruộng đất hoặc không đòi được quyền làm việc tám giờ một ngày. Như vậy phải chăng chúng tôi nhằm khi nêu ra những yêu sách nói trên? Thất bại của cách mạng khép lại mọi viễn cảnh, không chỉ những điều mà tôi đã xét đến về mặt lý luận. Vấn đề không ở chỗ thời hạn của cuộc cách mạng mà là sự phân tích những động lực thúc đẩy nội tại và tiên đoán các bước phát triển trên toàn cục của cuộc cách mạng.

Tôi có quan hệ thế nào với Lênin trong cuộc cách mạng 1905? Sau khi ông mất, lịch sử đích thực bị viết lại. Cả với năm 1905 người ta cũng thiết lập một cuộc đấu tay đôi giữa hai nguyên lý - cái tốt và cái xấu. Nhưng thực tế là thế nào? Lênin không hề tham gia trực tiếp vào công việc của Xô-viết, ông cũng không phát biểu ở đó. Chẳng cần phải nói rằng ông đã chăm chú theo dõi mỗi bước đi của Xô-viết, thông qua các đại biểu của phe bên-sê-vích ông có ảnh hưởng đến đường lối chính trị của Xô-viết và ông đã làm sáng tỏ hoạt động của Xô-viết trong tờ báo của ông. Lênin không bất đồng với đường lối chính trị của Xô-viết trong bất cứ vấn đề nào. Cùng lúc đó, như các tư liệu đã chứng thực, tất cả các nghị quyết của Xô-viết - trừ vài quyết nghị tình cờ và ít quan trọng - đều do tôi thảo ra và đệ lên Ban Chấp hành, rồi chính tôi thay mặt Ban Chấp hành báo cáo trước Xô-viết. Khi hình thành một ủy ban liên hiệp các đại biểu bên-sê-vích và men-sê-vích, lại vẫn tôi nhân danh ủy ban phát biểu trước Ban Chấp hành. Và giữa chừng không xảy ra bất kỳ một xung đột nào.

Trước khi tôi trở về từ Phần Lan, chủ tịch đầu tiên của Xô-viết là Khorúxtalép [Khroustalev], một trạng sư trẻ tuổi. Anh là hiện tượng ngẫu nhiên của cách mạng, một thứ trung gian giữa Gapôn và những người xã hội dân chủ. Khorúxtalép làm chủ tịch nhưng anh không chỉ đạo về chính trị. Sau khi anh bị bắt, một đoàn chủ tịch mới được bầu ra, đứng đầu là tôi.

X véctrôcốp [Svertchkov], một thành viên khá xuất sắc của Xô-viết, hồi tưởng: Lãnh đạo tư tưởng của Xô-viết là L.D. Trốtxki. Chủ tịch Xô-viết Nôxa [Nosar]- Khorúxtalép chỉ là một thứ bình phong, anh không thể tự quyết định trong bất kỳ một vấn đề nào mang tính lý thuyết. Tự ái một cách bệnh hoạn, Khorúxtalép căm ghét L.D. Trốtxki bởi anh ta thường xuyên phải xin ý kiến và chỉ dẫn từ Trốtxki.

Lunatrácxki kể lại trong hồi ký của mình:

Tôi còn nhớ ai đó nói trước mặt Lênin: "Ngôi sao Khorúxtalép đã đến lúc tàn và Trốtxki là người mạnh nhất hiện nay trong Xô-viết". Lênin dường như sa sầm nét mặt một khoảng khắc rồi ông nói: "Trốtxki đã chiếm lĩnh tình thế bằng sức lao động không mệt mỏi và xuất sắc."

Quan hệ giữa hai tòa soạn hết sức thân mật. Không có cuộc luận chiến nào xảy ra giữa đôi bên. Tờ *Nôvaia Giurđin* của những người bên-sê-vích

viết như sau:

Số *Natralô* đầu tiên vừa ra đời. Chúc mừng người bạn chiến đấu của chúng ta. Xin nhắc trong số đầu tiên này có bài tường thuật xuất sắc về cuộc đình công tháng Mười của tác giả Trótxki.

Người ta không viết như vậy khi đấu đá nhau. Nhưng cũng không hề có cuộc chiến nào. Trái lại, báo chí chúng tôi bảo vệ nhau, chống lại phê bình của phe tư sản. Sau khi Lênin trở về, tờ *Nôvaia Giurdin* bênh vực những bài viết của tôi về cách mạng thường trực. Các tờ báo - cũng như hai khuynh hướng - đều có mục tiêu hợp nhất. Ban Trung ương của những người bên-sê-vích với sự tham gia của Lênin đã nhất trí tán thành một quyết định cho rằng sự phân liệt chỉ là kết quả của những điều kiện di tản và các sự kiện cách mạng đã khiến cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng không còn chỗ đứng. Đó cũng là đường lối mà tôi tán thành trong *Natralô*, cạnh sự phản kháng thụ động của Máctốp.

Dưới áp lực của quần chúng, ở giai đoạn đầu những người men-sê-vích trong Xô-viết cố gắng đứng về cánh tả. Trong hàng ngũ họ, biến chuyển chỉ xảy ra sau đòn đầu tiên của bọn phản động. Lãnh tụ của họ, Máctốp than vãn trong một lá thư gửi Ácxenrốt vào tháng 2-1906:

Đã hai tháng rồi... tôi không thể kết thúc bất kỳ tác phẩm nào của mình... Có lẽ tôi đau thần kinh, có lẽ tôi quá suy nhược về tinh thần - nhưng tôi không thể làm chủ được tư duy của mình.

Máctốp không biết gọi tên căn bệnh của mình. Thế mà nó đã có một cái tên hoàn toàn rõ ràng: *chủ nghĩa men-sê-vích*. Trong thời cách mạng, chủ nghĩa cơ hội trước hết đồng nghĩa với sự hoảng loạn và tạo ra kết quả là con người "không làm chủ được tư duy" của mình.

Khi phái men-sê-vích công khai sám hối và bắt đầu lên án đường lối chính trị của Xô-viết, tôi bảo vệ đường lối ấy, trước hết trong báo chí Nga rồi trong báo tiếng Đức và tạp chí Ba Lan của Rôda Luýchxămbua [Rosa Luxembourg]. Từ cuộc đấu tranh cho những truyền thống và phương pháp của 1905, tôi đã cô đúc được một cuốn sách thoát đầu mang tên *Nước Nga trong cách mạng*, sau đó được tái bản nhiều lần ở một số nước dưới cái tên 1905. Sau biến cố tháng Mười, cuốn sách ấy trở thành giáo trình chính thức của đảng, không chỉ ở Nga mà trong nhiều đảng cộng sản phương Tây. Chỉ sau khi Lênin mất và bắt đầu một chiến dịch được chuẩn bị chu đáo nhằm chống lại tôi thì cuốn sách về năm 1905 mới bị đưa ra trước làn mưa đạn. Trước tiên những phê bình chỉ bó gọn dưới dạng vài nhận xét thiếu não và nhỏ mọn mang tính gây gổ, nhưng dần dà chúng mạnh dạn lên, mở rộng ra, hùng hổ lên, rồi ren thêm đến mức láo xược và càng ồn ào nhằm át đi những lo lắng của chính chúng. Bằng cách như vậy, người ta đã tạo ra huyền thoại về chuyện đường lối của Lênin và Trótxki không đồng nhất trong cuộc cách mạng 1905.

Cách mạng 1905 là bước ngoặt trong đời sống của đất nước, đời sống của đảng và đời sống

của cá nhân tôi. Tôi trở nên chín chắn hơn. Công tác cách mạng đầu tiên của tôi ở Nhicôlaiép là một thử nghiệm quê mùa, được thực hiện mờ mịt trong bóng tối. Tuy nhiên thử thách ấy không vô bổ. Về sau này có lẽ không bao giờ tôi còn dịp tiếp xúc gần gũi với những công nhân ở cơ sở như tại Nhicôlaiép. Khi ấy tôi hoàn toàn chưa "có tên tuổi" và không có gì phân biệt giữa họ và tôi. Những điển hình cơ bản của giai cấp vô sản Nga để lại dấu ấn vĩnh viễn trong tâm trí tôi. Sau này, trong thực tế tôi chỉ gặp các phiên bản khác nhau của những người công nhân ấy. Trong tù, hầu như tôi nghiên cứu các học thuyết cách mạng từ ABC. Hai năm rưỡi bị giam cầm, hai năm đi đày tạo cho tôi khả năng đặt nền móng cho những vấn đề lý thuyết cơ bản của thế giới quan cách mạng. Lặn ra nước ngoài đầu tiên là trường học lớn về chính trị đối với tôi. Dưới sự hướng dẫn của các nhà cách mạng mác-xít lỗi lạc, tôi học cách tiếp cận các sự kiện theo những triển vọng lịch sử lớn và gắn chúng với những quan hệ quốc tế. Vào cuối thời kỳ di tản, tôi tách rời cả hai nhóm bên-sê-vích và men-sêvích đang nắm vai trò lãnh đạo. Tôi trở lại nước Nga tháng 2-1905 trong khi các lãnh tụ di tản khác chỉ về vào tháng Mười hoặc tháng Mười một. Trong số những đồng chí ở Nga, không ai đáng để tôi học hỏi. Ngược lại, bản thân tôi ở vào vị trí một người thầy. Những sự kiện của cái năm bão táp ấy gần như nghiền lại cùng nhau. Phải tìm được chỗ đứng tức khắc trong mọi vấn đề. Mực chưa kịp khô trên những bản tuyên ngôn, chúng tôi đã gửi thẳng đến nhà in. Những nền móng lý luận tìm được trong nhà tù và nơi lưu đày, giờ đây được áp dụng lần đầu tiên vào cuộc chiến đấu. Tôi cảm thấy vững vàng trước các sự kiện. Tôi hiểu cơ chế hoạt động của chúng - ít nhất tôi cảm thấy thế. Tôi hình dung ra tác động của chúng lên ý thức của công nhân và tôi dự kiến được ngày mai trong những đường nét lớn. Từ tháng Hai đến tháng Mười, tôi tham gia các sự kiện, chủ yếu thông qua viết lách. Nhưng vào tháng Mười, đột nhiên tôi chìm vào làn sóng khổng lồ, đối với tôi là thử thách nghiêm trọng nhất. Phải quyết định ngay trong những tình huống nóng bỏng. Cũng cần ghi nhận rằng những quyết định ấy - bằng một cách nào đó - đã tự hình thành trong tôi, rất tự nhiên. Tôi không quan tâm đến việc những kẻ khác sẽ nói như thế nào, ít khi tôi có điều kiện thảo luận với ai - mọi chuyện đều phải làm rất vội vã. Sau này tôi ngạc nhiên và cảm thấy xa lạ khi Máctốp, người thông minh nhất trong số men-sê-vích, luôn luôn tỏ ra bị động và sững sờ trước mọi sự kiện lớn. Không nghĩ ngợi - tôi có quá ít thời gian để tự xét mình -, tôi cảm thấy mình đã vượt qua những năm tháng học trò. Không phải theo nghĩa tôi đã ngừng học tập: không, bởi nhu cầu và lòng hăng say học hỏi của tôi vẫn tươi rói trong tôi đến cuối đời. Nhưng từ đây trở đi, không còn như một học sinh, tôi tiếp tục học hỏi trên tư cách một người thầy. Khi bị bắt lần thứ hai tôi đã hai mươi sáu tuổi. Và ông già Đóttơr cũng chứng thực sự trưởng thành của tôi: trong tù ông long trọng từ bỏ cách gọi "chàng trẻ tuổi" đối với tôi, từ đó ông gọi tôi bằng tên họ và phụ danh.

Trong cuốn sách *Những hình bóng cách mạng* mà tôi đã từng trích dẫn (hiện nay bị cấm đoán), Lunatrácxki đánh giá như sau về vai trò của các lãnh tụ cách mạng đầu tiên:

Trong tầng lớp vô sản Pêtécbu-a, Trốtxki vô cùng được ưa chuộng vào thời ông bị bắt, sự ưa chuộng ấy chỉ tăng lên do cách xử sự *kiểu mẫu* (?) và *anh dũng* (?) trước tòa án. Tôi cần phải nói rằng trong số những lãnh tụ xã hội dân chủ thời kỳ 1905-1906, mặc dầu còn trẻ, Trốtxki hiển nhiên là người được chuẩn bị tốt nhất, ông là người mà những năm tháng di tản ít để lại dấu ấn hẹp hòi nhất, như tôi đã nói, vào thời ấy Lênin cũng bị hạn chế bởi điều này. Ông [Trốtxki] thấy hơn ai hết thế nào là một cuộc chiến quyền lực. Và từ cuộc cách mạng ấy, ông là người được nhiều nhất trên phương diện tiếng tăm: xét về đại thể, cả Lênin lẫn Máctốp đều không được chút gì về khoản này. Plêkhanốp mất rất nhiều do những khuynh hướng tự do mà ông bộc lộ ra thời kỳ ấy. Ngược lại, từ thời điểm này Trốtxki vươn lên vị trí hàng đầu.

Những dòng chữ viết năm 1923 càng có ý nghĩa khi hiện tại Lunatrácxki đang viết đúng điều ngược lại - với một phong cách không mấy "kiểu mẫu" và cũng không mấy "anh dũng". Một sự nghiệp lớn không thể thiếu trực giác, nghĩa là không thể thiếu một tiềm thức có thể phát triển và tăng cường nhờ các công việc lý luận và thực hành, nhưng trước hết phải là thiên bẩm trong con người. Khả năng học hỏi lý thuyết, thói quen nghề nghiệp trong thực hành không thể thay thế nổi cái nhìn sắc sảo của nhà chính trị cho phép chúng ta nhận biết được mình trong một tình thế nhất định, khiến chúng ta đánh giá được nó trong toàn thể và tiên đoán được sự phát triển kế tiếp. Năng khiếu ấy có tầm quan trọng quyết định trong những giai đoạn chứa đựng những thúc đẩy bất ngờ, những chuyển biến dữ dội; nói cách khác, giữa hoàn cảnh cách mạng. Tôi thấy những sự kiện 1905 đã làm nảy nở trong tôi cái trực giác cách mạng và cho phép tôi có thể dựa vào nó một cách chắc chắn trong thời gian về sau. Tôi cũng ghi lại ngay ở đây: sai lầm tôi phạm phải, dù quan trọng đến mấy đi nữa - vì có những sai lầm mang tầm quan trọng vô cùng lớn -, luôn chỉ đụng chạm đến những vấn đề phụ trong tổ chức và chiến thuật, không bao giờ chúng mang tính thiết yếu hoặc chiến lược. Trong việc đánh giá toàn thể tình hình chính trị và những viễn cảnh cách mạng của nó, tôi có thể thanh thản khẳng định: tôi không phải tự chê trách mình bởi những sai lầm nghiêm trọng.

Trong đời sống nước Nga, cách mạng 1905 là cuộc tổng diễn tập của 1917. Riêng với cá nhân tôi nó cũng có ý nghĩa tương tự. Tôi đi vào các sự kiện năm 1917 một cách hoàn toàn cương quyết và tin tưởng vì với tôi chúng chỉ là tiếp nối và phát triển của sự nghiệp cách mạng bị ngắt quãng bởi việc các thành viên Xô-viết Pêtécbu-a bị bắt bớ ngày 3 tháng Chạp 1905. Những cuộc bắt bớ xảy ra hai ngày sau khi chúng tôi công bố bản Tuyên ngôn "tài chính"; nó đưa ra trước công luận khả năng vỡ nợ của chế độ Nga hoàng và cảnh cáo: các khoản nợ của

đồng họ Rômanốp [Romanov] sẽ không được nhân dân thừa nhận một khi họ giành được thắng lợi.

Bản Tuyên ngôn của Xô-viết các đại biểu công nhân nói như sau:

Chế độ chuyên chế chưa bao giờ được nhân dân tín nhiệm và thừa nhận. Do đó, chúng tôi quyết định không cho phép việc trả các khoản nợ do chính phủ Nga hoàng vay mượn trong khi họ tuyên chiến công khai và thắng thừng với cả dân tộc.

Vài tháng sau, Sở Giao dịch Chứng khoán Pari đáp lại tuyên ngôn của chúng tôi bằng việc cho Nga hoàng tiếp tục vay 750 triệu phờ-răng. Báo chí phản động và tự do chế nhạo những lời đe dọa yếu ớt của Xô-viết nhằm vào các cơ quan tài chính Nga hoàng và các chủ ngân hàng châu Âu. Sau đó chúng cố quên bản tuyên ngôn. Nhưng tự nó sẽ gây tiếng vang. Phá sản về tài chính của Nga hoàng đã được chuẩn bị bằng cả quá khứ - nổ ra đồng thời với sự tan vỡ của quân đội. Sau khi cách mạng tháng Mười thành công, sắc lệnh ngày 10 tháng Hai 1918 của Hội đồng Dân ủy tuyên bố hủy bỏ toàn bộ các món nợ của Nga hoàng. Sắc lệnh ấy đến nay vẫn còn hiệu lực. Những kẻ nói rằng cách mạng tháng Mười không chịu nhận bất kỳ một trách nhiệm nào, đã nhầm. Cách mạng thừa nhận mọi nghĩa vụ của *bản thân*. Những bốn phận mà cách mạng cam kết ngày mừng 2 tháng Chạp 1905 đã được thực hiện ngày 10 tháng Hai 1918. Cách mạng có quyền nhắc nhở các chủ nợ của chế độ Nga hoàng: "Thưa các ngài, chúng tôi đã cảnh cáo trước và kịp thời cho các ngài!"

Trên phương diện này cũng như ở tất cả các mặt khác, 1905 đã chuẩn bị cho 1917.

CHƯƠNG XV XÉT XỬ, LƯU ĐÀY, TRỐN THOÁT

Chu kỳ tù tội thứ hai của tôi bắt đầu. Tôi chịu đựng dễ hơn nhiều so với lần đầu, hơn nữa, những hoàn cảnh cũng nhẹ nhàng hơn rất nhiều so với tám năm về trước. Tôi bị giam một thời gian ngắn trong nhà tù Còrétxtư [Kresty] (Thánh giá) rồi trong pháo đài Piốt-Paven và cuối cùng, trong nhà giam sơ bộ. Trước khi chuyển chúng tôi đi Xibêri, tôi bị đẩy sang trại tạm giam. Tổng cộng tôi bị mười lăm tháng tù. Mỗi nhà tù đều có những đặc điểm buộc tôi phải thích nghi với chúng. Nhưng sẽ rất mệt mỏi nếu phải miêu tả tất cả và dù bề ngoài có khác nhau đi nữa, các nhà giam vẫn tương tự nhau. Tôi lại có thời gian chuyên tâm về khoa học và văn học một cách có phương pháp. Tôi chú ý đến các vấn đề lý luận của tô tức ruộng đất và lịch sử những quan hệ xã hội Nga. Tôi soạn thảo một công trình lớn về tô tức nhưng chưa kịp kết thúc, sau này bị thất lạc trong những năm đầu sau biến cố tháng Mười. Đối với tôi, đó là tổn thất nặng nề nhất kể từ khi công trình về lịch sử hội Tam Điểm bị tiêu hủy. Kết quả những tìm tòi của tôi về lịch sử xã hội Nga là bài viết nhan đề *Tổng kê và viễn ảnh*, hồi đó là cơ sở hoàn chỉnh cho thuyết cách mạng thường trực.

Sau khi chuyển đến trại tạm giam, các trạng sư được quyền đến thăm chúng tôi. Quốc hội Đuma thứ nhất làm sôi động đời sống chính trị. Báo chí lại mạnh dạn lên. Các nhà xuất bản mác-xít hoàn hồn. Các nhà báo chính luận chiến đấu lại có đất dụng võ. Trong tù tôi viết nhiều, các trạng sư để bản thảo trong cặp và mang trộm ra ngoài. Giai đoạn này tôi viết bài đả kích mang tựa đề *Piốt Xtruvê trong chính trị*. Tôi làm việc say sưa đến nỗi những cuộc đi dạo cũng làm tôi khó chịu. Bài đả kích ấy chĩa mũi dùi vào chủ nghĩa tự do, về thực chất nó biện hộ cho Xô-viết Pê-téc-bua, cho cuộc khởi nghĩa tháng Chạp ở Mátxcova và nói chung, cho đường lối chính trị cách mạng, chống lại sự phê phán của chủ nghĩa cơ hội. Báo chí bên-sêvích đón chào bài viết với vẻ thân thiện rõ rệt. Những người men-sêvích dường như lặng thinh. Bài báo được lan truyền hàng vạn bản trong vài tuần.

Đờmítρι Xvéctơcốp, người bạn tù của tôi, sau này kể lại giai đoạn tù ấy trong cuốn *Vào buổi bình minh cách mạng* của anh:

Trốtxki viết một mạch cuốn sách *Nước Nga và cách mạng* và chuyển từng phần ra khỏi nhà tù. Trong cuốn sách ấy, lần đầu tiên (không chính xác! - L.T.) anh nêu rõ ràng suy nghĩ cuộc cách mạng khởi sự ở Nga không thể dừng lại chừng nào nó chưa đạt được hệ thống xã hội chủ nghĩa. Lý thuyết (của Trốtxki) về "cách mạng thường trực" - hồi ấy người ta gọi ý tưởng trên bằng cái tên này - hầu như không được ai thừa nhận vào lúc đó. Tuy nhiên anh vẫn cương quyết trung thành với lập trường của mình và đã thấy - trong trạng thái nhiều nước trên thế giới - những biểu hiện sụp đổ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và khả năng đến gần tương đối của một cuộc cách mạng xã hội...

Xvéctơcốp tiếp tục:

Phòng giam của Trốtxki chẳng mấy chốc biến thành một thư viện. Người ta gửi đến cho anh hầu như tất cả những cuốn sách ít nhiều đáng chú ý; anh đọc chúng và viết lách từ bình minh đến khuya. "Tôi thấy khỏe lạ thường" - anh nói với chúng tôi. - "Tôi ngồi làm việc và biết chắc chắn là không còn ai đến bắt tôi... Các vị thấy chứ, đây là một cảm giác lạ thường trong biên giới nước Nga Xa hoàng..."

Để nghỉ ngơi, tôi đọc các tác phẩm kinh điển văn học châu Âu. Nằm dài trên chiếc giường gỗ, tôi say sưa đọc chúng với vẻ khoái trá xác thịt như những tay sành ăn uống nhấm nháp thứ rượu vang hảo hạng hay hút điếu xì gà thơm. Đó là những giờ đẹp đẽ nhất. Có thể nhận ra bằng chứng việc đọc sách vở cổ điển trong toàn bộ những bài tôi viết hồi đó dưới dạng các đề từ, trích dẫn. Cũng trong thời gian ấy tôi làm quen với những "grands seigneurs" của nền tiểu thuyết Pháp. Nghệ thuật truyện ngắn trước hết là nghệ thuật của nước Pháp. Dù tôi thạo tiếng Đức hơn tiếng Pháp một chút - đặc biệt trong lĩnh vực thuật ngữ khoa học - nhưng tôi đọc các tác phẩm văn học Pháp dễ hơn Đức. Đến ngày hôm nay tôi vẫn giữ trọn vẹn tình yêu của mình

với tiểu thuyết Pháp. Ngay cả dưới thời nội chiến - trong toa xe hỏa - tôi cũng dành thời gian để đọc các tác phẩm mới nhất của văn học Pháp.

Nói cho cùng, tôi không thể phàn nàn về những nhà tù của mình. Chúng là trường học tốt đối với tôi. Tôi rời cái phòng giam được bao bọc kín mít của pháo đài Piott-Paven với một sự luyến tiếc nào đó: thật là nơi lý tưởng cho công việc trí tuệ, yên tĩnh, bình lặng và không bị ai quấy rầy.

Ngược lại, trại tạm giam chật ních những người và vô cùng náo động. Tôi có dịp gặp gỡ nhiều tử tù ở đó: các hành động khủng bố và làn sóng cướp bóc vũ trang lan tràn khắp nước. Nhờ Quốc hội Duma thứ nhất, chế độ quản lý trong tù khá tự do. Các xà-lim không bị đóng vào ban ngày, chúng tôi được đi dạo chung. Chúng tôi mê mãi chơi nhảy cừu hàng tiếng đồng hồ: bọn tử tù cũng nhảy và giơ lưng làm cừu cùng mọi người khác. Vợ tôi vào thăm tôi một tuần hai lần. Lính trực làm ngơ trước việc chúng tôi trao thư từ và bản thảo cho nhau. Một ông khá cao tuổi trong số họ đối xử đặc biệt tốt với chúng tôi. Tôi tặng ông một cuốn sách kèm ảnh và chữ ký theo yêu cầu của ông.

- Các con gái tôi đều là học sinh - ông thì thào vẻ nhiệt tình và bí hiểm nháy mắt về phía tôi.

Vào những năm của chính quyền Xô-viết, tôi gặp lại ông và tôi đã làm mọi việc có thể để giúp ông trong thời kỳ cùng cực nhất.

Pácvút đi dạo với ông già Đóttơ trong sân chơi. Tôi cũng hay nhập bọn với họ. Có một tấm ảnh chụp ba chúng tôi trong bếp nhà giam. Ông già Đóttơ không biết một mảy may tìm cách vượt ngục cho cả nhóm, ông lôi kéo Pácvút dễ dàng và kiên trì mời mọc tôi. Tôi phản đối vì bị lôi cuốn bởi tầm quan trọng chính trị của phiên tòa sắp mở. Nhưng Đóttơ để lộ cho quá nhiều người biết dự kiến của mình. Một giám thị tìm thấy bộ dụng cụ sửa khóa trong thư viện nhà tù, nơi trung tâm của chiến dịch. Thật ra lãnh đạo nhà tù muốn lấp liếm chuyện này vì họ ngờ bọn cảnh binh lén đưa bộ đồ nghề vào để thay đổi chế độ nhà tù. Tuy nhiên lần vượt ngục thứ tư của Đóttơ được tổ chức ở Xibêri chứ không phải từ nhà tù Pê-téc-bua.

Sự phân biệt giữa các khuynh hướng trong đảng lại diễn ra mạnh mẽ sau thất bại tháng Chạp. Việc Duma bị giải tán phản chiếu mọi vấn đề của cuộc cách mạng. Tôi viết một cuốn sách nhỏ mang tính chiến lược về các vấn đề này và được Lênin cho in tại một nhà xuất bản bên-sê-vích. Những người men-sê-vích đã rút lui trên toàn trận tuyến. Nhưng những mối quan hệ giữa các khuynh hướng trong nhà tù không quá gay gắt như bên ngoài. Điều này cho phép chúng tôi viết một công trình tập thể về Xô-viết Pê-téc-bua, có sự công tác của cả những người men-sê-vích. Vụ án các đại biểu Xô-viết mở ra ngày 19 tháng Chín trong những tuần lễ "trắng mặt" của các tòa án quân sự đặc biệt Xtô-lu-pin [Stolypine]. Sân của tòa Pháp đình và các phố lân cận biến

thành một trại lính. Toàn bộ lực lượng cảnh binh Pê-téc-bua được huy động. Nhưng bản thân vụ xét xử diễn ra khá tự do: bọn phản động muốn làm tổn hại vĩnh viễn uy tín của Vít-tê bằng cách phôi trèn "tư tưởng tự do" và sự yếu đuối của ông trước cách mạng. Khoảng bốn trăm nhân chứng được nêu tên, trong đó hơn hai trăm người đến hầu tòa và khai báo. Công nhân, nhà sản xuất, cảnh binh, kỹ sư, người ở, thường dân, nhà báo, nhân viên bưu điện và điện báo, cảnh sát trưởng, học sinh trung học, cố vấn thành phố, trẻ quét sân, nghị sĩ, bọn du côn, đại biểu, giáo sư và lính - tất cả đều qua trước tòa án dưới hỏa lực chòng chéo của những câu hỏi phát ra từ bục diễn đàn và hàng ghế quan tòa, biện lý, bào chữa và bị cáo - nhất là từ phía bị cáo - họ đi từng bước, nhích từng tý một, tái hiện cả thời kỳ hoạt động của Xô-viết công nhân. Các bị cáo được thanh minh. Tôi nói về chỗ đứng của cuộc khởi nghĩa vũ trang trong cách mạng, thế là đạt được mục đích chính. Khi tòa án từ chối cho gọi nghị sĩ Lô-pukhin [Lopoukhine] - ông này vào mùa thu 1905 đã mở ra một nhà in trong một ban ngành của cục cảnh sát, ủng hộ việc khủng bố -, chúng tôi đình chỉ cuộc đối thoại và đòi trở lại nhà giam. Các trạng sư, nhân chứng và công chúng cũng theo bước chúng tôi rời phiên tòa. Quan tòa còn trơ lại với biện lý. Họ tuyên án trong lúc chúng tôi vắng mặt. Biên bản tốc ký của phiên tòa đặc biệt kéo dài một tháng này cho đến nay vẫn chưa được công bố, thậm chí tôi cho là cũng chưa tìm lại được. Tôi đã thuật lại các chi tiết chính yếu trong cuốn sách *1905* của mình.

Cả cha và mẹ tôi đều đến dự phiên tòa. Hai cụ có phản ứng khác nhau trước những gì thấy được. Hành động của tôi không còn có thể giải thích như một trò quá trớn con trẻ như thời tôi ở Nhicô-laiép, trong vườn của Sovigôpxki. Tôi đã là tổng biên tập nhiều tờ báo, là chủ tịch Xô-viết, là nhà văn có tên tuổi. Những điều này làm các cụ vị nể. Mẹ tôi trò chuyện với các trạng sư, cố lắng nghe và nghe mãi những điều tốt đẹp về tôi. Khi tôi nói, bà không hiểu hết nội dung và lặng lẽ khóc. Rồi mẹ tôi nức nở khi chừng hai chục trạng sư lần lượt đến bắt tay tôi. Trước đó, một trong số những trạng sư đề nghị tòa tạm ngưng do sự xúc động chung. Đó là A.S. Darútnui [Zaroudny], sau này là bộ trưởng Tư pháp trong nội các Kê-renxki và chính ông đã bỏ tù tôi vì tội phản quốc. Nhưng đây là chuyện của mười năm về sau...

Trong giờ giải lao, các cụ nhìn tôi vẻ hạnh phúc tràn trề. Mẹ tôi chắc mẩm chẳng những tôi sẽ được tha bổng mà người ta còn phải gán cho tôi một huân chương gì đó. Tôi quả quyết với mẹ rằng bà phải chuẩn bị tư tưởng về việc tôi sẽ bị kết án khổ sai. Hoảng hốt và ngơ ngác, hết nhìn tôi lại nhìn các trạng sư, bà cố hiểu tại sao mọi sự lại như thế. Cha tôi mặt nhợt nhạt, lặng lẽ ngồi vừa sung sướng vừa rã rời.

Chúng tôi bị tước mọi quyền công dân và bị đày đi một nơi được quy định. Có thể coi đây là một bản án tương đối nhẹ, chúng tôi tưởng sẽ bị kết án khổ sai. Nhưng bị đày đi một nơi quy định hoàn toàn không giống loại câu lưu hành chính như tôi bị lần đầu. Đày ải kiểu này là vô

thời hạn, mọi mưu toan trốn chạy bị phạt thêm ba năm khổ sai. Việc đánh bốn mươi lăm roi kèm theo hình phạt đã bị bãi bỏ trước đó hai ba năm.

Tôi viết cho vợ ngày 3 tháng Giêng 1907:

Thế là bọn anh bị nhốt ở trại tạm giam được hai tuần nay. Thú thực anh chia tay xà-lim nhà giam tạm bợ này với nỗi bồn chồn căng thẳng. Anh đã quá quen với cái lỗ nhỏ mà trong đó anh có thể làm việc thả cửa. Ở trại tạm giam, như anh biết, bọn anh sẽ bị nhốt chung - còn gì mệt nhọc hơn nữa? Tiếp đó là những bản thủ, bừa bộn và lộn xộn rất quen thuộc trên đường đi đày. Ai mà biết bao giờ bọn anh mới đến được chỗ chỉ định? Và ai đoán được khi nào bọn anh mới trở về từ nơi ấy? Chẳng phải cứ ngồi tịt trong xàlim 462, đọc sách, viết và chờ đợi lại chẳng hay hơn sao? Người ta đột ngột chuyển bọn anh qua đây mà không hề báo trước. Họ phát quần áo tù nhân cho bọn anh tại cái sân rộng trước nhà giam. Bọn anh làm từ đầu đến cuối thủ tục ấy với vẻ tò mò của lũ học sinh. Thật ngộ nghĩnh khi thấy kẻ khác mặc quần xám, áo choàng nỉ xám và mũ xám. Tuy nhiên bọn anh không mang trên lưng con át rô cổ điển. Họ cho phép các anh giữ lại đồ lót và giày. Cả lũ rầu rĩ nhào vào phòng trong bộ quần áo mới...

Việc được giữ lại đôi giày có ý nghĩa to lớn với tôi: tôi giấu một chiếc hộ chiếu tuyệt vời trong đế giày và những đồng tiền vàng trong đôi gót cao.

Tất cả chúng tôi bị dẫn điểu đến một thị trấn mang tên -pđốcxơ [Obdorsk], ngoài vòng cực khá xa. Đường sắt gần nhất cách -pđốcxơ một ngàn năm trăm dặm, trạm bưu điện cách tám trăm dặm. Cứ hai tuần mới có thư và báo. Vào thời kỳ bùn lầy mùa xuân và thu, có khi tháng rưỡi, hai tháng liền hoàn toàn không có bưu chính.

Dọc đường, người ta áp dụng những biện pháp an ninh đặc biệt đối với chúng tôi. Đoàn áp tải từ Pêtéc-bua không thuộc diện đáng tin cậy. Và quả thật: viên hạ sĩ đứng canh trong toa chở tù, kiểm soát trần, anh đọc cho chúng tôi nghe những bài thơ cách mạng mới nhất. Ở toa bên cạnh, một tiểu đội cảnh binh ngồi, họ bao quanh xe chúng tôi ở mỗi nhà ga. Đồng thời chính quyền nhà tù rất tử tế với chúng tôi. Cán cân cách mạng-phản cách mạng vẫn còn dao động, chưa thể biết ai sẽ thắng. Viên sĩ quan chỉ huy cả đoàn bắt đầu bằng việc cho chúng tôi xem quyết định của cấp trên cho phép không còng tay chúng tôi, dù pháp luật bắt buộc như vậy. Ngày 11 tháng Giêng, tôi viết như sau cho vợ về cuộc hành trình:

Nếu anh nói viên sĩ quan tỏ ra ân cần và lịch sự thì khỏi phải nói về lính tráng của y: gần như tất cả đều đọc bản tường thuật vụ xét xử các anh và họ bày tỏ nỗi đồng cảm nồng hậu nhất. Cho đến phút cuối những người lính không biết họ phải áp tải ai và áp tải đi đâu. Cứ dựa vào cung cách thận trọng mà người ta điều họ từ Mátxcova đến Pêtéc-bua, họ tưởng sẽ hộ tống những tử tù đến Sô-lút-xen-bua [Schlüsselbourg] để hành quyết. Trong sân trước nhà giam, anh nhận thấy đoàn áp tải rất xúc động và ân cần lạ lùng, dường như họ cũng có chút tâm thức tội lỗi. Chỉ

khi lên tàu anh mới hay lý do. Họ mừng rỡ biết bao khi biết đoàn "đại biểu công nhân" do họ dẫn độ chỉ bị kết án đi đày thôi. Một số cảnh binh đi hộ tống không hề chú ý mũi vào toa bọn anh. Họ chỉ gác vòng ngoài: bao quanh xe tại các trạm ga, đứng canh trước cửa và có vẻ như họ chỉ giám sát đám lính áp tải là chính.

Những lá thư viết dọc đường được đội áp tải ngấm thả vào các thùng thư.

Chúng tôi đi xe lửa đến Chiumen [Tioumen], từ đó chuyển sang xe ngựa trượt. Mười bốn người đi đày mà có tới năm mươi hai lính hộ tống, chưa kể viên đại úy, một viên đội và một hạ sĩ quan. Chúng tôi có cả thấy bốn mươi hai xe trượt. Từ Chiumen chúng tôi qua Tôbônxcơ [Tobolsk] dọc sông Ôbi [Obi].

Tôi viết về cho vợ:

Trong thời gian gần đây, mỗi ngày bọn anh vượt từ chín trăm đến một ngàn dặm về phía Bắc, tức là ngót một vĩ độ. Do việc di chuyển liên tục ấy, sự suy giảm văn hóa - nếu có thể nói đến văn hóa ở đây - hiển hiện trước mắt bọn anh một cách gay gắt đến độ nhức mắt. Mỗi ngày, bọn anh tụt xuống thêm một bậc thang gần vương quốc lạnh lẽo và man rợ.

Sau khi đã vượt qua những vùng có bệnh dịch tả hoành hành, ngày 12 tháng Hai, ngày thứ ba mươi ba của cuộc hành trình, chúng tôi đến Bêrêdốp [Bérézov], nơi xưa kia bạn chiến đấu của Piốt [Pierre] Đệ nhất, hoàng thân Mensicốp [Menchikov] đã sống thời đày ải. Người ta cho chúng tôi nghỉ hai hôm tại đây. Chúng tôi còn phải đi khoảng năm trăm dặm nữa mới đến - pđốcxơ. Chúng tôi được dạo chơi tự do. Nhà chức trách không lo có ai bỏ trốn từ đó. Chỉ có độc nhất một con đường về dọc sông Ôbi, theo đường dây điện báo: mọi kẻ trốn chạy đều bị tóm cổ ngay.

Ở Bêrêdốp có một nhân viên trắc địa bị đi đày tên là Rốtscốpxki [Rochkovsky]. Tôi tranh luận với anh về kế hoạch chạy trốn. Anh nói có thể thử bằng cách đi thẳng về hướng Tây dọc sông Xốtxva [Sosva], phía núi Uran [Ural]. Bằng một cỗ xe tuần lộc, có thể đến những phân xưởng hầm mỏ, cạnh nhà máy Bôgốtxlốpxki [Bogoslovsky] có một đường sắt hẹp, lên tàu đi đến Cútsva [Kouchva], nơi đó nối với đường sắt lớn Pécmơ [Perm]. Từ đây có thể đi Pécmơ, Viátca [Viatka], Vôlốcxđơ [Vologda], Pêtécxbua, Hêđinhphô...

Tuy nhiên dọc sông Xốtxva không có đường xá gì hết. Quá Bêrêdốp là xứ sở hoang dã và âm lạnh vĩnh cửu. Hàng ngàn dặm không một đồn cảnh binh, không đâu có một quần cư của người Nga. Chỉ có rải rác những lều trại của dân -txchiắc [Ostiak] du mục. Nói gì đến điện báo! Ngay cả ngựa cũng không có, đi đường chỉ nhờ lũ tuần lộc. Cảnh binh không thể đuổi kịp. Nhưng có nguy cơ lạc trong hoang mạc, trong tuyết. Lúc ấy là tháng Hai, thời kỳ của những trận bão tuyết...

Bác sĩ Phâytxơ [Feit] - một nhà cách mạng già, thành viên nhóm chúng tôi - dạy tôi cách giả

đau thần kinh tọa, nhờ vậy tôi được ở lại thêm vài ngày tại Bêrêdốp. Tôi thực hiện thành công cái phần không đáng kể ấy của kế hoạch đã định. Ai cũng biết không thể kiểm tra được việc đau thần kinh tọa. Tôi được vào bệnh viện, ở đó nội quy hoàn toàn thoải mái. Tôi biến khỏi đây mấy tiếng liền mỗi khi thấy mình "khá hơn". Thầy thuốc khuyến khích tôi đi dạo. Như đã nói, không ai lo tù trốn khỏi Bêrêdốp vào mùa này trong năm. Cần phải quyết định. Cuối cùng tôi đồng ý chọn hướng Tây: thẳng tới núi Uran.

Rốtscôpxki hỏi ý kiến một nông dân trong vùng có tục danh là "Chân dê". Con người bé nhỏ, khô khan và thận trọng ấy trở thành người tổ chức vụ trốn chạy. Ông cộng tác hoàn toàn vô tư với chúng tôi. Khi vai trò bị lộ, "Chân dê" bị trừng phạt rất tàn nhẫn. Sau cách mạng tháng Mười khá lâu, "Chân dê" mới biết chính tôi là người được ông giúp đỡ mười năm trước. Mãi năm 1923, ông đến chỗ tôi tại Mátxcova và khiến tôi vô cùng mừng rỡ. Chúng tôi mặc trang phục đại lễ của Hồng quân cho ông, đưa ông đi nhiều nhà hát, biểu ông máy hát và vô số thứ quà khác. Sau đó ít lâu, ông già mất tại quê hương vùng cực Bắc của ông.

Từ Bêrêdốp, chúng tôi phải xuất phát bằng một cỗ xe tuần lộc. Tất cả việc thành bại chỉ xung quanh vấn đề có tìm nổi người hướng đạo chịu mạo hiểm đi vào con đường nguy hiểm vào mùa này không? "Chân dê" tìm được một anh chàng người Durian [Zyriane], khéo léo và giàu kinh nghiệm như đa số dân thuộc bộ tộc đó.

- Nhưng anh ta không say đấy chứ?

- Không say là thế nào? Y uống bí tử ấy chứ. Nhưng anh ta nói thạo tiếng Nga, tiếng Durian và hai thổ ngữ -txchiắc ở hạ lưu và thượng lưu, những tiếng ấy hầu như không giống nhau. Không thể tìm đâu một người đánh xe như thế đâu: một tay lái cá đấy.

Chính cái tay lái cá ấy sau này đã phản bội "Chân dê". Nhưng hẳn giúp tôi tẩu thoát thành công. Thời điểm khởi hành được dự định vào đêm chủ nhật. Hôm ấy, nhà chức trách địa phương tổ chức một buổi biểu diễn sân khấu nghiệp dư. Tôi xuất đầu lộ diện ở trại lính, cũng là nơi dựng rạp hát. Rồi tại đó tôi gặp tay phụ trách cảnh binh tỉnh, tôi bảo với ông ta rằng tôi đã khá lên rất nhiều và có thể đi -pđốcxơ vào những ngày gần nhất. Tất cả mưu mẹo này đều khá xấu xa nhưng tôi không thể bỏ qua.

Khi đồng hồ đánh mười hai tiếng, tôi lên đến sân nhà "Chân dê". Một xe trượt tuyết nông dân đã sẵn sàng ở đó. Tôi nằm dài trong xe, lưng lót một áo lông. "Chân dê" phủ lên tôi một lớp rơm lạnh giá và đóng băng, ông buộc chéo lại và chúng tôi khởi hành. Bó rơm tan băng và những dòng suối nhỏ lạnh toát chảy ràn rụa trên mặt tôi.

Được vài dặm chúng tôi dừng lại. "Chân dê" mở dây thừng. Tôi bò ra khỏi đồng rơm. Người đánh xe huýt sáo. Có những tiếng đáp lại, tiếc là đó là tiếng người say rượu. Anh chàng Durian đã quá chén và anh ta còn mang theo bạn bè. Bước đầu như thế là bất lợi nhưng không còn

cách lựa chọn nào khác. Tôi chuyển sang chiếc xe tuần lộc cùng gói hành lý nhỏ của mình. Tôi mặc trên người hai áo lông - một có lông bên trong, một đệm lông ngoài -, một tất lông và ủng lông, mũ bọc lông hai lớp và đôi giày cũng vậy, tóm lại tôi có một bộ trang phục y hệt người - txchiắc. Trong gói hành lý tôi có vài chai rượu: thứ hàng trao đổi đáng tin cậy nhất trong hoang mạc tuyết phủ này.

Xvécơcốp viết trong hồi ký:

Từ trên tháp cứu hỏa thành Bêrêdốp, có thể quan sát - ít nhất trong vòng một dặm - mọi cử động trên nền tuyết trắng theo hướng ra ngoài thành phố hoặc ngược lại. Một giả thuyết có lý là cảnh sát sẽ tra hỏi nhân viên trực cứu hỏa xem có ai rời thành phố đêm đó không? Rốtscôpxki sắp xếp cho một người dân - cùng lúc đó - chở một con bê mới làm thịt đi về hướng Tôbônxcơ. Sự việc ấy - ta có thể đoán biết - được ghi nhận và hai ngày sau khi cảnh sát phát hiện ra Trốtxki đã bỏ trốn, họ liền đuổi theo con bê. Như vậy, cảnh sát mất thêm hai ngày nữa...

Nhưng mãi về sau tôi mới biết điều đó.

Chúng tôi theo con đường dọc sông Xốtxva. Người đánh xe chọn lũ tuần lộc trong số một đàn vài trăm con. Thoạt đầu anh chàng say này ngủ gà ngủ gật nhiều lần, nhưng lúc ấy lũ tuần lộc dừng lại. Tình thế thật hiểm nguy với cả hai chúng tôi. Cuối cùng anh ta không phản ứng chút nào khi tôi lay anh. Lúc ấy tôi tháo chiếc mũ khỏi đầu anh, tóc anh nhanh chóng bị phủ bởi một lớp sương tuyết và cái hũ rượu ấy tỉnh dần. Chúng tôi tiếp tục đi. Quả thực là một chuyến đi tuyệt vời trong sa mạc tuyết tinh nguyên, giữa vương quốc của những khóm thông và dấu chân thú vật. Lũ tuần lộc chạy rất hăng, chúng thè lưỡi thở hồng hộc: tru-trutru... Con đường mòn khá hẹp, lũ thú chạy chen chúc và tôi phải ngạc nhiên vì chúng không làm vướng nhau trong chuyển động. Những con vật kỳ diệu không hề biết đói, biết mệt. Trước khi chúng tôi lên đường, lũ tuần lộc đã nhịn đói một ngày và bây giờ cũng thế, chúng tôi còn đi ít nhất một ngày nữa mà chúng không được ăn. Anh chàng đánh xe giải thích rằng bây giờ chúng mới "lấy đà". Chúng chạy đều đặn không biết mệt, từ tám đến mười dặm một giờ. Tự chúng kiếm ăn lấy. Chúng tôi buộc vào cổ lũ tuần lộc một thanh củi và thả chúng tự do. Sau đó chúng chọn một chỗ mà qua tuyết, chúng đánh hơi thấy mùi rêu. Lũ tuần lộc lấy móng đào thành một hố sâu rồi dầm gàn hết thân mình trong đó và lao vào ăn. Đối với những con vật ấy, tôi có tình cảm giống như anh phi công đối với động cơ của anh ta khi đang bay ở độ cao vài trăm mét trên đại dương. Một trong ba con tuần lộc, con đầu, bị sái cổ. Chúng tôi hoảng sợ biết mấy! Phải thay nó. Chúng tôi đi tìm lều trại của người -txchiắc. Những trại này rải rác cách nhau vài chục dặm. Người dẫn đường của tôi, chỉ nhờ những dấu hiệu nhỏ nhất nhất, vẫn tìm ra một điểm cư ngụ du mục. Anh ta cảm thấy mùi khói từ nhiều dặm xa.

Chúng tôi mất hơn một ngày để thay tuần lộc. Nhưng bù lại, lúc bình minh tôi được chứng kiến một cảnh tượng tuyệt vời: ba người -txchiắc dùng dây thông lọng bắt lũ tuần lộc trong đàn vài trăm con, có chó săn đuổi theo. Chúng tôi lại đi, khi qua rừng, lúc qua đầm lầy tuyết phủ. Có lúc chúng tôi vượt qua những cánh rừng mênh mông bị lửa thiêu trụi. Chúng tôi đun tuyết lấy nước và dùng nó nấu trà. Người dẫn đường của tôi ưa rượu hơn nhưng tôi cảnh giác kiểm soát và ngăn anh không vượt quá giới hạn.

Con đường bề ngoài có vẻ giống nhau, kỳ thực chúng thay đổi luôn. Cứ nhìn dáng những con tuần lộc thì biết. Bây giờ chúng tôi đi qua một khoảng trống: giữa những bụi cây phong và lòng sông. Chúng tôi đi rất khó nhọc. Gió xóa ngay trước mắt chúng tôi những vệt nước hẹp mà xe trượt để lại. Con tuần lộc thứ ba cứ mỗi phút lại chệch khỏi đường. Nó lún vào tuyết đến bụng hoặc hơn thế nữa, cố leo lên đường bằng vài cú nhảy chói vọt, ép con ở giữa và xô con dẫn đường sang một bên. Đoạn tiếp cuộc hành trình được mặt trời sưởi ấm nên càng khó đi, làm dây cương bị đứt hai lần: cứ mỗi lần chúng tôi dừng lại, đẩy xe đóng băng dính chặt vào lòng đường và không thể lung lay được. Sau hai chặng đầu, lũ tuần lộc mệt mỏi trông thấy...

Nhưng rồi mặt trời lặn, đường đóng băng và chúng tôi lại rong ruổi dễ dàng hơn. Đường mềm, không lún là loại tốt nhất, theo người đánh xe. Lũ tuần lộc rảo chân êm ru và thoải mái kéo chiếc xe. Cuối cùng chúng tôi tháo dây cương con thứ ba và buộc nó sau xe vì không còn phải kéo nặng nữa, lũ tuần lộc hay chạy chệch có thể làm vỡ trục xe. Xe chúng tôi trượt đều đều, không tiếng động như một con thuyền trên mặt hồ phẳng như gương. Trong cảnh tranh tối tranh sáng dày đặc ấy, rừng như to lớn hơn. Tôi tuyệt đối không nhận ra đường và hầu như không cảm thấy chuyển động của xe. Những hàng cây như bị phù phép vù đi cạnh chúng tôi, những bụi cây biến mất trong nháy mắt, những gốc cây gãy đầy tuyết phủ, những cây phong lênh khênh gần như bay vút cạnh xe. Tất cả đầy vẻ bí hiểm. Tru-trutru..., hơi thở đều đặn và vội vã của lũ tuần lộc vang lên trong bầu không khí tĩnh lặng như tờ của rừng buổi đêm.

Chuyến đi kéo dài một tuần. Chúng tôi đi được bảy trăm cây số và đến gần Uran. Trên đường, càng ngày chúng tôi càng gặp nhiều đoàn người chờ xe trượt. Tôi tự xưng với mọi người là kỹ sư trong đoàn thám hiểm địa cực của bá tước Tôn [Toll]. Gần đến Uran, chúng tôi gặp một ông, xưa đã tham gia đoàn thám hiểm ấy và biết thành phần của đoàn. Ông hỏi tôi dồn dập. May mà ông ta say rượu. Tôi tìm được lối thoát bằng chai rượu rum tôi mang theo người để phòng mọi hậu họa. Sau đó, mọi sự xảy ra đều tốt đẹp.

Ở vùng Uran đã có thể đi lại bằng ngựa. Tại đây tôi xưng là viên chức và đến được con đường sắt nhỏ cùng một viên thuế vụ đang đi kiểm tra trong vùng. Cảnh sát nhà ga thờ ơ nhìn tôi trút bỏ những chiếc áo lông của dân -txchiắc.

Trên con đường nối với đường sắt Uran, tình hình tôi hoàn toàn chưa đảm bảo. Tại nhánh

đường sắt này, mọi người "lạ mặt" đều bị để ý, người ta có thể bắt tôi tại bất kỳ một nhà ga nào theo điện tín gửi từ Tôbônxcơ. Tôi sống trong nỗi hồi hộp thường xuyên. Nhưng hai mươi tư giờ sau, khi lên toa tàu ẩm cúng ở Pécmơ, tôi cảm thấy mình đã thắng cuộc. Con tàu qua những ga mà cách đây ít lâu những cảnh binh, đội áp tải và chỉ huy cảnh binh đã đón tiếp chúng tôi long trọng đến mức nào. Nhưng lần này tôi đi theo hướng ngược lại với những tình cảm hoàn toàn khác. Những phút đầu trên toa tàu rộng và hầu như trống không, tôi thấy sao chật hẹp và ngột ngạt! Tôi ra đầu toa, ở đó gió lộng và tối tăm, tôi kêu to không tự chủ từ lồng ngực - tiếng reo của niềm vui và tự do!

Tại chỗ dừng đầu tiên, tôi đánh điện cho vợ tôi và bảo cô ra đón ở một đầu mỗi đường sắt. Vợ tôi không ngờ nhận được bức điện này hoặc ít nhất cũng không ngờ lại nhận được nhanh thế. Điều đó thật dễ hiểu. Đường về Bêrêdốp kéo dài hơn một tháng. Báo chí Pêtéc-bua mô tả rất chi tiết cuộc hành trình lên phương Bắc của chúng tôi. Những lá thư viết trên đường đi, giờ mới đến nơi. Ai nấy đều tưởng tôi còn trên đường đi - pđốcxơ. Thế mà đường về chỉ mất mười một ngày. Rõ ràng là vợ tôi không thể ngờ tới cuộc gặp gỡ tại vùng lân cận Pêtéc-bua. Và như thế càng hay: chúng tôi vẫn cứ gặp nhau!

Thử xem N.I. Xêđốp-va kể lại chuyện này như thế nào trong hồi ký của cô:

Nhận được bức điện ở Têriôki [Térioki] - một thị trấn Phần Lan gần Pêtéc-bua, nơi tôi sống hoàn toàn lẻ loi với đứa con trai nhỏ -, tôi không thể ngồi yên một chỗ vì cảm động và mừng vui. Cùng ngày tôi nhận được lá thư của L.T., anh viết dọc đường khi đi. Lá thư này - ngoài việc mô tả chuyến đi - còn dặn tôi đem cho anh sách vở và những vật dụng cần thiết ở phương Bắc, nếu sau này tôi đi - pđốcxơ. Tất cả có vẻ như anh thay đổi ý định đột ngột và giờ đây anh lao trở về trên những con đường không thể theo dõi được và hẹn tôi ở một trạm ga nơi các tàu gặp nhau. Nhưng lạ thay, tên nhà ga biến mất khỏi bức điện. Sáng hôm sau tôi đến Pêtéc-bua và cố tìm trong sách chỉ dẫn tên nhà ga mà tôi phải mua vé. Tôi không dám hỏi han gì và lên đường mà thực chất cũng không biết phải xuống ở ga nào. Tôi mua vé đi Viátca và lên đường vào buổi tối. Toa tàu đầy những điền chủ vừa đi mua thực phẩm từ các cửa hiệu sang trọng tại Pêtéc-bua, họ về nhà để tổ chức vũ hội hóa trang. Cuộc nói chuyện chỉ xoay quanh bánh tráng, trứng cá muối, cá, rượu vang và những thứ tương tự; chúng làm tôi khó chịu - tôi lo lắng khi nghĩ đến điểm hẹn và khắc khoải vì ý nghĩ về những tai họa ngẫu nhiên có thể xảy ra... Tuy vậy trong thâm tâm tôi vẫn hi vọng sẽ gặp anh. Tôi vô cùng sốt ruột chờ buổi sáng khi chuyển tàu ngược lại vào ga Xaminô [Samino] - tôi mới biết tên ga dọc đường và sẽ ghi nhớ suốt đời. Hai đoàn tàu dừng lại, cả tàu tôi đi và chiếc ngược chiều. Tôi nhào ra ga: chẳng có ai! Tôi lại nhảy lên chiếc tàu kia, hoảng hốt tột độ, tôi chạy qua các toa: cũng không có ai. Cuối cùng tôi thấy chiếc áo lông của L.D. trong một toa - như vậy, anh ở đây, đúng là ở đây! Nhưng đâu? Tôi ào

xuống tàu và lao ngay vào vòng tay L.D., anh vừa chạy ra từ nhà ga và cũng tìm tôi. L.D. giận dữ vì bức điện của anh bị đánh sai và anh định làm âm ỉ ngay lập tức. Phải khó khăn lắm mới làm anh dịu đi. Khi đánh điện cho tôi, tất nhiên anh hiểu có thể không phải tôi mà lũ cảnh sát sẽ đón anh ở ga. Nhưng anh nghĩ có tôi anh sẽ dễ chịu hơn ở Pê-téc-bua và anh tin vào số phận may mắn của mình. Chúng tôi vào ngồi trong toa và cùng nhau tiếp tục cuộc hành trình. Tôi ngạc nhiên về thái độ nhẹ nhõm và vẻ hồ hởi của L.D., anh cười và nói to trên tàu cũng như ở các ga. Tôi lại muốn biến anh thành người vô hình, cất dấu anh thật kỹ bởi anh có nguy cơ bị tù khổ sai vì tội đào tẩu. Thế mà anh lại ngồi trong toa, ngay trước mắt mọi người và bảo tôi đây là phương sách tự vệ tốt nhất.

Từ nhà ga, chúng tôi đến thẳng Học viện Pháo binh, nơi ở của những người bạn tin cậy của chúng tôi. Chưa khi nào trong đời, tôi thấy những bộ mặt sừng sốt như lúc ấy trong gia đình Lítkenxơ. Tôi đứng đó - giữa phòng ăn lớn - tựa một bóng ma và ai nấy đều nín thở ngấm tôi. Sau khi chúng tôi ôm hôn mọi người, một lần nữa họ lại ngạc nhiên và không tin vào mắt mình. Cuối cùng, họ cũng phải thừa nhận: đúng là tôi. Đến giờ tôi còn cảm thấy những giây phút ấy mới hạnh phúc làm sao! Nhưng hiểm nguy vẫn tồn tại, còn xa tôi mới thoát được chúng. Bác sĩ là người đầu tiên nhắc nhở tôi điều đó. Thậm chí, trong một ý nghĩa nhất định, chỉ từ giờ những nguy hiểm mới thực sự bắt đầu. Chắc chắn người ta đã gửi những bức điện từ Bê-rê-dốp thông báo việc tôi mất tích. Ở Pê-téc-bua, rất nhiều người thuộc Xô-viết công nhân quen biết tôi. Vợ tôi và tôi quyết định đi Phần Lan, nơi các quyền tự do đạt được trong cách mạng vẫn được duy trì lâu hơn nhiều so với ở Pê-téc-bua. Điểm nguy hiểm nhất là nhà ga Phần Lan. Ngay trước lúc tàu sắp khởi hành, vài sĩ quan cảnh binh lên tàu và kiểm tra các toa. Vợ tôi ngồi đối diện cửa sổ, nhìn vào mắt cô tôi biết nguy cơ lớn thế nào. Chúng tôi căng thẳng thần kinh đến tột độ trong vòng một phút nhưng các cảnh binh hoàn toàn bình thản nhìn chúng tôi rồi đi tiếp. Họ không thể làm gì tốt hơn thế.

Cả Lênin và Máctốp đã rời Pê-téc-bua từ lâu và sống ở Phần Lan. Sự hòa nhập giữa các phe phái diễn ra ở Đại hội Xtốckhôm [Stockholm] tháng 4-1906 đã lại bắt đầu nứt nẻ. Cách mạng tiếp tục thoái trào. Phái men-sê-vích đồng thanh hối tiếc những việc họ phạm phải năm 1905. Những người bên-sê-vích không hối tiếc gì hết, họ đặt mục tiêu làm nổ ra một cuộc cách mạng mới. Tôi đến thăm Lênin và Máctốp ở các đô thị bên cạnh. Như mọi lần, phòng của Máctốp lộn xộn kinh khủng, tại góc nhà có một núi báo cao bằng đầu người. Khi nói chuyện, Máctốp thỉnh thoảng lại lao đầu vào đồng ấy và lấy ra các bài báo ông cần. Bàn làm việc đầy những bản thảo lấm tấm tàn thuốc lá. Hai tròng kính cặp mũi cầu bấn lủng lẳng trên cái mũi thon mảnh của ông. Như thường lệ, Máctốp có vô số ý tưởng thông minh và sắc sảo nhưng ông thiếu một ý tưởng quan trọng nhất: không biết sắp tới mình sẽ làm gì.

Như mọi lần, phòng của Lênin luôn có một trật tự hoàn hảo. Ông không hút thuốc. Những tờ báo cần thiết được đánh dấu và luôn có sẵn trong tầm tay. Và quan trọng nhất: khuôn mặt giản dị nhưng khác thường của ông ánh lên vẻ cứng rắn và lòng tự tin kiên nhẫn.

Chưa rõ cách mạng thực sự thoái trào hay chỉ tạm dừng bước đôi chút trước khi cất cánh. Nhưng dù thế này hay thế khác, cần phải chiến đấu chống bọn hoài nghi, phải xem lại về mặt lý luận những kinh nghiệm năm 1905, phải đào tạo cán bộ cho một phong trào mới hoặc một cuộc cách mạng tiếp theo. Lênin nói ông thích những bài viết trong tù của tôi nhưng trách tôi không rút được những kinh nghiệm cần thiết về mặt tổ chức, nghĩa là không đứng về phía bên-sê-vích. Trong chuyện này ông có lý.

Khi già t ừ, ông cho tôi một loạt địa chỉ ở Hendinhphô, đối với tôi chúng thật vô giá. Những người quen Lênin mách cho tôi đã giúp tôi thu xếp cùng gia đình ở -cbiôn [Oglbion], một nơi thuận tiện gần Hendinhphô. Sau chúng tôi, Lênin cũng sống ở đó một thời gian. Viên cảnh sát trưởng Hendinhphô là một *phần tử tích cực*, tức là một người Phần Lan có tư tưởng cách mạng quốc gia. Ông hứa sẽ báo cho tôi biết nếu có hiểm nguy đe dọa từ Pêtéc-bua. Tôi ở -cbiôn vài tuần với vợ và đứa con trai, cháu sinh ra khi tôi đang trong tù. Tại đây, trong cô đơn, tôi viết về cuộc hành trình của mình trong cuốn sách nhỏ *Đi và về*. Bằng tiền nhuận bút nhận được, xuyên qua Xtốckhôm tôi ra nước ngoài. Vợ và con tôi tạm thời phải ở lại Nga. Một chị *tích cực* trẻ người Phần Lan đưa tôi đến biên giới. Hồi ấy họ còn là bạn chúng tôi. Năm 1917 các phần tử tích cực thay lông đổi cánh thành phát-xít và là kẻ thù tệ hại của Cách mạng tháng Mười.

Trên một tàu hơi nước Bắc Âu, tôi bắt đầu một chuyến di tản mới, lần này sẽ kéo dài mười năm.

CHƯƠNG XVI LƯU VONG LẦN THỨ HAI VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐỨC

Đại hội đảng 1907 họp ở một nhà thờ theo xu hướng xã hội. Đại hội đông đúc, kéo dài, đầy sóng gió và hỗn loạn. Tại Pêtéc-bua, Quốc hội Duma thứ hai vẫn hội họp. Nhiệt tình cách mạng thuyên giảm nhưng người ta vẫn còn rất để ý đến nó, kể cả trong chính trường Anh. Những người tự do có tên tuổi mời các đại biểu danh tiếng nhất của Đại hội đến nhà để trưng với khách của họ. Tuy nhiên, thoái trào cách mạng bắt đầu và thể hiện bằng sự hăng h ục của quỹ đảng. Không đủ tiền để kết thúc Đại hội, chưa nói gì đến việc đưa các đại biểu ra về. Khi cái tin buồn bã ấy được thông báo dưới vòm nhà thờ, cắt đứt cuộc tranh luận xung quanh vấn đề khởi nghĩa vũ trang, các đại biểu ngạc nhiên và lo lắng nhìn nhau. Làm gì bây giờ? Chẳng lẽ cứ ở mãi trong cái nhà thờ Lônđôn? Nhưng rồi xuất hiện một lối thoát hoàn toàn bất ngờ. Một nhà tự do

Anh bằng lòng cho cách mạng Nga mượn ba ngàn đồng bằng Anh, nếu tôi nhớ không nhầm, nhưng ông đòi hỏi tất cả các đại biểu của Đại hội phải ký nhận tờ "hối phiếu cách mạng". Ông nhận được một tờ giấy chứa vài trăm chữ ký, viết bằng đủ các thứ chữ của mọi dân tộc ở Nga. Nhưng ông người Anh ấy còn phải đợi lâu mới được hoàn trả khoản tiền nợ. Trong những năm thuộc thời kỳ phản động và chiến tranh, đảng không dám nghĩ đến việc trả những món tiền như thế. Chỉ chính phủ Liên Xô mới thanh toán được món nợ của Đại hội Lônđôn. Cách mạng thực hiện nghĩa vụ của mình, mặc dù thường có một sự chậm trễ nào đó.

Trong những ngày đầu của Đại hội, một người có tầm vóc cao, xương xẩu, khuôn mặt tròn, lưỡng quyền cao, đội chiếc mũ tròn chặn tai ở phía cuối nhà thờ.

- Tôi là người khâm phục ông - người ấy nói với nụ cười vồn vã.

- Khâm phục tôi? - tôi ngạc nhiên hỏi.

Số là ông này nói về bài báo đả kích chính trị tôi viết trong tù. Người nói chuyện với tôi chính là Mácxim [Maxim] Goócki. Đây là lần đầu tiên tôi thấy ông tận mắt.

- Tôi nghĩ không cần chứng tỏ nhiều về chuyện tôi cũng khâm phục ông - tôi đáp.

Hồi đó Goócki gần với những người bên-sêvích. Cùng đi với ông có một nữ nghệ sĩ rất nổi tiếng, bà Andơrâyêva [Andréeva]. Chúng tôi cùng nhau đi dạo khắp Lônđôn.

- Ông thử tưởng tượng xem, chị ấy nói được tất cả các thứ tiếng - Goócki nói và lắc đầu về khâm phục về phía Andơrâyêva.

Bản thân Goócki chỉ biết tiếng Nga, nhưng ông nói mới hay làm sao!

Khi một người hành khất vừa khép cánh cửa chiếc xe ngựa của chúng tôi, Goócki quay về phía người phụ nữ, vẻ năn nỉ:

- Phải cho anh ta những đồng xu này thôi.

Andơrâyêva đáp lại:

- Cho rồi, Alêsenca [Aléchenka] ạ, anh ta đã nhận rồi mà.

Ở Đại hội Lônđôn, tôi có quan hệ gần gũi hơn với Rôda Luýchxămbua, người tôi đã quen năm 1904. Đó là một phụ nữ bé nhỏ, thanh mảnh có vẻ bề ngoài gần như ốm yếu; chị có gương mặt quý phái, đôi mắt tuyệt vời và cái nhìn thông minh. Rosa chinh phục mọi người bởi tính tình và tư tưởng cương nghị. Phong cách chắc nịch, chính xác, quyết liệt, mãi mãi phản ánh trí tuệ anh dũng của chị. Đó là một con người đa dạng và giàu sắc thái. Cách mạng và những đam mê, con người và nghệ thuật nhân loại, thiên nhiên cùng chim chóc và cỏ cây đều có thể làm rung lên những dây tơ trong tâm hồn chị.

Chị viết cho Luida [Louise] Caoxki:

Tôi cần một người tin rằng tôi quay cuồng trong cơn lốc của lịch sử thế giới chỉ do một sự hiểu nhầm mà thôi, kỳ thực tôi sinh ra để chặn ngỗng.

Mối quan hệ của tôi với Rôda không đạt đến mức độ cá nhân thân thiết. Chúng tôi gặp nhau quá ít, quá hiếm hoi. Tôi chỉ khâm phục chị từ xa và rất có thể thời đó tôi chưa đánh giá chị đầy đủ.

Về vấn đề được gọi là "cách mạng thường trực", Luýtxămbua cũng bảo vệ lập trường về nguyên lý như tôi. Một hôm, trong cuộc nói chuyện ngoài hành lang, giữa Lênin và chúng tôi nảy ra một cuộc tranh luận - nửa đùa cợt - về đề tài này. Các đại biểu xúm lại thành nhóm, chen chúc quanh chúng tôi.

- Tất cả chỉ vì chị ấy nói tiếng Nga chưa thạo - Lênin nói về Rôda.

- Ngược lại, chị nói rất thạo ngôn ngữ chủ nghĩa mác-xít tôi đáp.

Các đại biểu cười và chúng tôi cùng cười với họ.

Ở Đại hội, tôi lại có dịp trình bày lập trường của mình về vai trò của giai cấp vô sản trong cách mạng tư sản và đặc biệt, quan hệ giữa họ với giai cấp nông dân. Về vấn đề này, Lênin phát biểu trong lời tổng kết:

Quan điểm của Trốtxki là giai cấp vô sản và nông dân chung những quyền lợi, chung những lợi ích trong cuộc cách mạng hiện nay...

vì thế

Ở đây, hiển nhiên có sự đồng thuận trong những vấn đề cơ bản của mối quan hệ với các đảng tư sản.

Chỉ cần nói ngắn ấy về câu chuyện thêu dệt rằng năm 1905, dường như tôi đã "lờ đi" giai cấp nông dân.

Cũng phải nói thêm là bài phát biểu của tôi tại Đại hội Lônđôn năm 1907 - bây giờ tôi vẫn thấy tuyệt đối đúng - đã được in lại nhiều lần sau cách mạng tháng Mười như một hình mẫu về quan hệ của người bôn-sê-vích với giai cấp nông dân và tư sản.

Từ Lônđôn, tôi đi Béclin để gặp vợ tôi, cô phải đến từ Pêtécbuia. Khi ấy, cả Pác-vút cũng đã vượt ngục từ Xibêri. Ở Đrétxđen [Dresden], anh giải quyết việc in ấn cuốn *Đi và về* trong nhà in xã hội dân chủ của Cađen [Kaden]. Tôi viết thêm một lời tựa về chính bản thân cuộc cách mạng cho cuốn sách ngắn thuật lại vụ tẩu thoát của tôi. Trong vài tháng, bài tựa ấy được phát triển thành một cuốn sách mang tựa đề *Russland in der Revolution* (Nước Nga trong cách mạng). Tôi cùng vợ tôi và Pác-vút đi bộ đến vùng Thụy Sĩ Xắcxông (vùng nói tiếng Đức). Lúc đó vào cuối mùa hè, thời tiết rất đẹp, những buổi sáng hơi lành lạnh, chúng tôi uống sữa và hít thở không khí núi. Tôi cùng vợ tôi thả xuống thung lũng bằng những con đường chưa có người đi nhưng việc này suýt làm tôi mất mạng. Sau đó chúng tôi đến Tiệp, vào thành phố nhỏ Hít-sô-béc [Hirschberg] - nơi nghỉ mát của những viên chức nhỏ - và ở lại đó vài tuần.

Lúc tiền sắp cạn - chuyện này xảy ra khá đều đặn -, Pác-vút hoặc tôi viết một bài cho báo chí xã

hội dân chủ. Ở Hítso-béc, tôi viết một cuốn sách về đảng Xã hội Dân chủ Đức cho nhà xuất bản bôn-sê-vích ở Pê-téc-bua. Trong cuốn này, tôi trình bày lần thứ hai một suy nghĩ (lần đầu vào năm 1905): bộ máy khổng lồ của đảng Xã hội Dân chủ Đức trong thời điểm xã hội tư bản khủng hoảng có thể trở thành lực lượng chính yếu của trật tự bảo thủ. Nhưng vào thời ấy, bản thân tôi cũng không ngờ giả thuyết lý luận ấy sẽ được chứng tỏ đến mức nào trong thực tế về sau. Chúng tôi chia tay nhau ở Hítso-béc. Tôi đi dự Đại hội ở Xtút-gát [Stuttgart], vợ tôi về Nga với con, còn Pác-vút đi Đức.

Tại Đại hội Quốc tế, người ta còn cảm thấy hơi thở của cách mạng Nga 1905, ai nấy đều theo cánh tả. Nhưng đã có thể nhận ra sự vỡ mộng đối với các phương pháp cách mạng. Người ta còn chú ý chút đỉnh đến các nhà cách mạng Nga nhưng không khỏi mang chút châm biếm: "À, thế là các anh lại trở về với chúng tôi!"

Tháng Hai 1905, khi qua Viên để trở về Nga, tôi hỏi Vích-to Át-le: ông nghĩ gì về sự tham gia của những người xã hội dân chủ vào Chính phủ Lâm thời trong tương lai? Át-le trả lời theo lối nói của ông:

- Các anh còn khối việc phải làm với chính phủ *hiện tại*, bận óc với chính phủ *tương lai* làm quái gì!

Tại Xtút-gát tôi nhắc lại câu chuyện này với Át-le.

- Thú thực các anh đã gần với Chính phủ Lâm thời hơn là tôi tưởng.

Nhìn chung, Át-le rất có thiện cảm với tôi bởi xét đến cùng, quyền phổ thông đầu phiếu ở Áo là một thắng lợi do Xô-viết các đại biểu công nhân Pê-téc-bua dành được.

Quen-sơ [Quelch] - đại biểu Anh, người đã giúp tôi vào được Bảo tàng Anh quốc năm 1902 - phát biểu không được lễ độ cho lắm tại Đại hội Xtút-gát, ông gọi cuộc họp các nhà ngoại giao là *hội nghị của bọn cướp*. Điều này hiển nhiên không làm hài lòng hoàng thân Buylốp [Bülow], vì thế dưới áp lực của Béclin, chính quyền miền Vuốc-ten-béc [Württemberg] đã trục xuất Quen-sơ. Bê-ben cảm thấy không tự chủ được. Nhưng đảng không dám làm gì để chống lệnh trục xuất. Họ không tổ chức nổi đến một cuộc biểu tình để phản đối. Đại hội Quốc tế xử sự như một bầy học sinh: đứa to mồm bị tổng khởi lớp và lũ còn lại thì lặng thinh. Dù con số đảng viên đảng Xã hội Dân chủ có lớn đến mấy, người ta thấy rõ sự yếu ớt của nó.

Tháng Mười 1907, tôi đã ở Viên. Chẳng bao lâu vợ tôi cũng đưa con sang. Trong lúc chờ đợi một làn sóng cách mạng mới, chúng tôi dọn về vùng ngoại ô thành phố ở Hút-ten-đoóc-phơ [Hütteldorf]. Bảy năm sau chúng tôi rời Viên không cùng với làn sóng cách mạng mà với một thứ khác, đã nhấn chìm cả châu Âu trong bể máu.

Tại sao chúng tôi lại chọn Viên trong khi toàn thể người Nga di cư đều tập trung ở Thụy Sĩ và Pari? Bởi trong giai đoạn đó, đời sống chính trị Đức gần với tôi nhất. Chúng tôi không định cư

được ở Béclin vì luôn bị cảnh sát quấy rầy. Thành thử chúng tôi chọn Viên. Nhưng trong vòng bảy năm ấy, tôi theo dõi đời sống Đức còn chăm chú hơn đời sống Áo vì nó quá giống con sóc đang nhào lộn trên chiếc bánh xe.

Tôi biết Víchtô Átle từ năm 1902, ông được mọi người công nhận là lãnh tụ của đảng. Giờ đây đã đến lúc tôi làm quen với môi trường trực tiếp của ông, cũng như toàn bộ đảng của ông. Mùa hè năm 1907, tôi làm quen với Hinphécđinh [Hilferding] tại nhà Caoxki. Lúc đó Hinphécđinh đang ở đỉnh cao cách mạng của mình, điều này không ngăn cản ông căm ghét Rôđa Luýcxămbua và coi thường Các Lípnhếch [Karl Liebknecht]. Nhưng như nhiều người khác, ông sẵn sàng có những kết luận cấp tiến nhất về nước Nga. Ông khen các bài của tôi mà tờ *Die Neue Zeit* (Thời mới) đã kịp dịch từ báo chí Nga trước khi tôi trốn ra nước ngoài và hoàn toàn bất ngờ đối với tôi, ông đề nghị chúng tôi xưng hô "cậu", "tớ" với nhau ngay khi mới vào đầu câu chuyện. Nhờ vậy quan hệ giữa chúng tôi bề ngoài có vẻ gần gũi. nhưng sự gần gũi ấy không có một cơ sở đạo đức hoặc chính trị nào.

Hồi đó, Hinphécđinh coi thường sâu sắc đảng Xã hội Dân chủ Đức vốn ù lỳ và thụ động, ông đối lập nó với hoạt động tích cực của người Áo. Tuy nhiên lời chỉ trích ấy không vượt quá bốn bức tường. Một cách công khai, Hinphécđinh vẫn là một nhân viên bàn giấy ăn lương của đảng Đức, không hơn không kém. Những lần qua Viên, Hinphécđinh đến thăm tôi và tối tối ông lại đưa tôi đến quán cà phê với những người bạn mác-xít Áo của ông. Khi qua Béclin tôi cũng đến thăm Hinphécđinh. Một lần chúng tôi gặp gỡ Mắc Đôn-an [MacDonald] tại một quán cà phê Béclin. Êđua Bécxten làm phiên dịch, Hinphécđinh hỏi và Mắc Đôn-an trả lời. Giờ đây tôi không còn nhớ những câu hỏi và lời đáp vì chúng chẳng có gì đặc biệt ngoài sự nhàm chán. Trong đầu, tôi tự hỏi: trong số ba người, ai là kẻ đi xa nhất khỏi cái mà tôi thường hiểu là chủ nghĩa xã hội. Tôi không biết phải trả lời thế nào.

Trong thời gian diễn ra cuộc hòa đàm ở Bô-rét-Litôpxcơ, tôi nhận được một lá thư của Hinphécđinh. Không chờ điều gì long trời lở đất nhưng tôi vẫn tò mò khi mở phong bì. Từ khi cách mạng tháng Mười diễn ra, đây là tiếng nói trực tiếp đầu tiên từ phương Tây xã hội chủ nghĩa. Và tôi thấy gì? Hinphécđinh đề nghị chúng tôi thả tự do cho một tù nhân thuộc thứ "bác sĩ" rất đông đảo ở Viên. *Bức thư không hề có một chữ nào nói về cách mạng!* Tuy nhiên, Hinphécđinh vẫn xưng "cậu", "tớ" với tôi trong thư. Tôi nghĩ rằng mình hoàn toàn không có một thứ ảo vọng gì về ông. Thế mà tôi vẫn không thể tin vào mắt mình.

Tôi còn nhớ Lênin vồn vã hỏi:

- Người ta bảo đồng chí nhận được thư của Hinphécđinh phải không?
- Vâng.
- Thế nào, ông ta viết gì?

- Xin thả một tù nhân đồng hương.
- Và ông ta nói gì về cách mạng?
- Chẳng nói một chút gì hết.
- Chẳng-nói-một-chút-gì-hết?
- Đúng vậy!
- Không thể thế được!

Lênin trợn mắt như muốn đâm xuyên qua người tôi.

Tôi hơn ông một điểm là tôi đã có thì giờ nghiền ngẫm cái suy nghĩ: đối với Hinphécđinh, cách mạng tháng Mười và tấn thảm kịch Bờrét chỉ là dịp để ông can thiệp giúp một người quen. Tôi miễn cho bạn đọc khỏi phải biết hai ba từ mà Lênin buông ra trong cơn kinh ngạc.

Nhờ Hinphécđinh, tôi làm quen với các bạn của ông ở Viên: -tô Baoe [Otto Bauer], Mặc Átle [Max Adler] và Các Renne [Karl Renner]. Đó là những người rất thông thái, họ tỏ ra hiểu biết hơn tôi trong những lĩnh vực khác nhau. Tôi thích thú, có thể nói tôn kính, theo dõi cuộc nói chuyện đầu tiên của họ ở quán cà phê "Trung tâm". Nhưng chẳng bao lâu, tôi đâm ra ngờ vực: họ không phải là những nhà cách mạng. Hơn thế nữa, họ còn là những điển hình đối lập với mẫu người cách mạng. Điều đó được thể hiện trong mọi thứ: trong cách tiếp cận vấn đề, trong ý kiến về chính trị và đánh giá tâm lý, trong sự tự mãn - tự mãn chứ không phải tự tin -, thậm chí tôi còn phát hiện ra cái nhỏ mọn trong giọng nói của họ.

Điều làm tôi sửng sò là các nhà mác-xít thông thái ấy hoàn toàn bất lực trong việc sử dụng phương pháp mác-xít, khi những vấn đề chính trị lớn - đặc biệt là những bước ngoặt cách mạng - xảy ra. Việc này được chứng thực lần đầu qua trường hợp của Renne. Chúng tôi ngồi đến khuya trong quán cà phê, lúc đó không còn tàu điện đi về Húttendoócphơ nơi tôi ở, thành thử Renne đề nghị tôi nghỉ đêm ở nhà ông. Khi ấy chàng công chức có học thức và tài năng của dòng họ Hápsơbua [Habsbourg] này chưa hề nghĩ rằng số phận bất hạnh của đế chế Áo-Hung - mà anh là trạng sư lịch sử - sẽ đưa anh ta lên chức Quốc trưởng Cộng hòa Áo. Trên đường về nhà từ tiệm cà phê, chúng tôi trò chuyện về triển vọng phát triển của nước Nga, nơi mà trong thời gian ấy, lực lượng phản cách mạng đã củng cố được vị thế của nó. Renne trầm ngâm về vấn đề này theo phép lịch sự và vẻ thờ ơ của một người ngoại quốc có học vấn. Điều làm ông bận tâm hơn nhiều là nội các Áo sắp tới của nam tước Béc [Beck]. Điểm cơ bản trong những ý kiến của ông về nước Nga là Liên minh các địa chủ và giai cấp tư sản - nổi bật trong Hiến pháp của Xtôlupin sau vụ đảo chính ngày 3 tháng Sáu 1907 hoàn toàn tương ứng với sự phát triển của các lực lượng sản xuất trong nước, bởi vậy Liên minh có mọi cơ may để tồn tại.

Tôi phản bác, theo ý tôi khối lãnh đạo của địa chủ và tư sản thúc đẩy một cuộc cách mạng thứ hai, hẳn sẽ đưa giai cấp vô sản Nga lên nắm chính quyền. Tôi còn nhớ cái nhìn thoáng qua ngạc

nhiên và độ lượng của Renne dưới ngọn đèn ga ngoài phố. Chắc ông coi tiên đoán của tôi như một mớ lộn xộn xuất phát từ sự dốt nát, giống như lời tiên tri thần bí kiểu *Khải huyền* mà cách đây vài tháng, một người Áo đã đưa ra trong Đại hội Xã hội Quốc tế ở Xtútgát; lần ấy ông ta tiên đoán về ngày giờ của cuộc Thế chiến sắp tới.

- Anh nghĩ thế à? - Renne hỏi. - Dĩ nhiên, có thể tôi không biết đầy đủ tình hình ở Nga - ông nói thêm với vẻ lịch sự chết người.

Kéo dài câu chuyện là vô ích: chúng tôi không cùng chung một mảnh đất dưới chân. Rõ ràng đối với tôi, con người ấy xa lạ với biện chứng cách mạng chẳng khác gì vị hoàng đế Ai Cập bảo thủ nhất.

Các ấn tượng đầu tiên của tôi càng sâu hơn về sau này. Những con người ấy biết rất nhiều và trong khuôn khổ thói quen nghề nghiệp về chính trị - họ có thể viết những bài báo mác-xít xuất sắc. Nhưng họ xa lạ đối với tôi. Tôi càng tin điều này khi phạm vi quan hệ và quan sát của tôi được mở rộng. Lúc họ nói chuyện với nhau, khi thì chủ nghĩa sô-vanh không che đậy, khi thì thói khoác lác của những kẻ kiếm lời nhỏ mọn, khi thì nổi kinh hoàng với cảnh sát, khi thì sự thô thiển với phụ nữ được thể hiện chân thật hơn nhiều so với mọi bài viết của họ. Tôi thẳng thốt kêu lên trong lòng:

- Thế mà là một nhà cách mạng ư?

Ở đây, tôi không nói đến những công nhân, ở họ quả thật người ta có thể tìm thấy những nét tiểu tư sản, dĩ nhiên đơn sơ và ngây thơ hơn. Không, tôi tiếp xúc với tinh túy của chủ nghĩa mác-xít Áo thời tiền chiến cũng như với những nghị sĩ, những nhà văn và nhà báo. Qua những dịp gặp gỡ ấy, tôi hiểu dần ra rằng tâm lý cá nhân có thể quấy trộn biết bao yếu tố khác nhau và có một khoảng không trống rỗng ngằn nào giữa sự hấp thụ thụ động một phần nhất định của hệ thống với sự hóa thể tâm lý toàn bộ của chính nó và sự giáo dục nhân cách theo tinh thần của hệ thống. Hình thể tâm lý người mác-xít chỉ có thể hình thành ở giai đoạn có những đảo lộn xã hội, khi cách mạng làm đổ vỡ các truyền thống và phong tục. Ngược lại, nhà mác-xít Áo nhiều khi chỉ là một kẻ nhỏ nhen, anh ta nghiên cứu phần này, phần khác của chủ nghĩa mácxít như những kẻ khác học pháp lý và sống trên lợi tức của tư bản. Ở Viên - một thành cổ của một đế chế đầy đẳng cấp, tự phụ và hư danh - những viện sĩ của chủ nghĩa mác-xít khoái trá tặng nhau các danh hiệu *Herr Doktor*. Nhiều khi các công nhân gọi họ là *Genosse Herr Doktor*.

Trong bảy năm ở Viên, tôi chưa có lấy một lần trò chuyện cởi mở với bất kỳ ai trong số những chính trị gia thượng đỉnh ấy, dù là thành viên đảng Xã hội Dân chủ Áo, tôi dự các cuộc hội họp, tôi tham gia những cuộc tuần hành, tôi cộng tác làm sách báo và đôi khi diễn thuyết ngắn bằng tiếng Đức. Tôi cảm thấy những nhà lãnh đạo xã hội dân chủ thật xa lạ, đồng thời - không mấy

khó khăn - tôi tìm được tiếng nói chung với các công nhân xã hội dân chủ trong các cuộc họp và biểu tình ngày 1 tháng Năm.

Trong những điều kiện như thế, thư từ của Mác và Ăngghen đối với tôi là tập sách không thể thiếu được và vô cùng gần gũi. Bởi lẽ tôi kiểm tra được ở đó - trên đại thể và bằng cách chắc chắn nhất - không chỉ những tư tưởng mà toàn bộ những đánh giá của tôi về thế giới. Các lãnh tụ ở Viên của đảng Xã hội Dân chủ cũng dùng những khái niệm giống như tôi. Nhưng chỉ cần quay quanh trục chùng dăm độ bất kỳ một công thức nào trong số đó là đủ để phủ một nội dung hoàn toàn khác lên cùng một khái niệm.

Mối liên kết của chúng tôi chỉ là tạm thời, hời hợt và ảo tưởng. Thư từ giữa Mác và Ăngghen không phải là phát hiện lý luận đối với tôi: đó là một phát hiện tâm lý. *Toutes Proportinos gardées* - tôi nhận ra từ từng trang sách, rằng tôi rất gần gũi với họ về tinh thần. Họ cũng gần với tôi trong cách đánh giá con người. Tôi đoán được những điều họ chưa nói ra, tôi chia sẻ với họ những cảm tình, những bất bình và những căm ghét. Mác và Ăngghen là những người cách mạng đến tận xương tủy. Và trong khi ấy, ở họ lại không có chút bóng hình nào của tư tưởng giáo phái và khổ hạnh. Cả hai - đặc biệt Ăngghen -, vào bất cứ giây phút nào đều có thể nói được về bản thân họ: không có gì thuộc về con người lại xa lạ đối với họ. Nhưng nhân sinh quan cách mạng mà họ thấu triệt từ tâm não luôn nâng họ vượt khỏi những ngẫu nhiên của số phận và những bất ngờ của con người. Sự ti tiện chẳng những không phù hợp với họ mà cả với sự hiện diện của họ. Những thứ tầm thường không bám nổi vào đế giày của họ. Những lời bình phẩm, thiện cảm, bông đùa của họ - dù bình thường nhất - bao giờ cũng đượm không khí những đỉnh cao tâm hồn. Họ có thể nêu ý kiến chết người về ai đó nhưng không bao giờ họ đơm đặt. Họ có thể thẳng tay nhưng không bao giờ xảo trá. Những chói lọi bên ngoài, những chức tước, phẩm hàm, danh hiệu chỉ tạo nên trong lòng họ phản ứng duy nhất: sự khinh bỉ thản nhiên. Những gì mà lũ thiển cận và những bộ óc tầm thường coi là tinh thần quý tộc ở họ, thực chất là ưu thế cách mạng của họ. Dấu hiệu chủ yếu của điều này là sự độc lập hữu cơ và tuyệt đối với công luận trong mọi thời điểm và tình huống. Đọc thư từ của họ tôi cảm thấy rõ ràng hơn khi đọc sách họ - rằng sợi dây chắc chắn gắn bó mật thiết tôi với thế giới của Mác và Ăngghen khiến tôi không thể dung hòa với những nhà mác-xít Áo.

Những con người này huênh hoang về đầu óc thực tế và năng lực trong công việc, nhưng ngay trong địa hạt đó họ cũng là những kẻ nhỏ mọn. Năm 1907, nhằm tăng những khoản thu nhập, đảng quyết định mở một nhà máy bánh mì riêng. Đó là một sự phiêu lưu lớn, nguy hiểm về nguyên tắc và vô vọng trong thực tiễn. Ngay từ đầu tôi chống lại dự kiến ấy nhưng chỉ nhận được những nụ cười khoan dung vẻ bề trên trong giới mác-xít thành Viên. Gần hai thập kỷ sau, trải qua mọi bất hạnh đủ kiểu, đảng Áo thua lỗ và đành nhượng lại cơ sở này cho tư nhân một

cách nhục nhã. Để cự lại sự bất mãn của những công nhân đã gánh chịu rất nhiều hy sinh vô ích, -tô Baoc tìm cách chứng tỏ việc rời bỏ doanh nghiệp là cần thiết. Ông ta nhắc lại cả những lời cảnh cáo mà tôi đưa ra ngay vào thời điểm công việc bắt đầu. Nhưng Baoc không giải thích cho công nhân biết tại sao ông không thấy trước những điều mà tôi thấy và tại sao ông không coi trọng những lời nhắc nhở - hoàn toàn không phải kết quả của sự sáng suốt cá nhân tôi. Bởi tôi không căn cứ vào tình hình chung của thị trường bột mì, vào trạng thái quần chúng đảng viên mà vào hiện trạng của đảng vô sản trong xã hội tư bản. Điều này có vẻ đặc sệt lý thuyết, thế mà tiêu chuẩn tôi nêu ra lại thực tế nhất. Những tiên đoán của tôi trở thành sự thật, điều này chỉ chứng tỏ ưu thế của phương pháp mác-xít trước trường phái mác-xít giả hiệu của Áo. Về mọi mặt, Víchto Átle thuộc một cung bậc cao hơn rất nhiều so với các cộng sự của ông. Nhưng từ lâu, ông đã trở thành một kẻ hoài nghi. Nhiệt huyết chiến sĩ của ông bị tiêu hao trong những lộn độn, long đong nhỏ mọn ở Áo. Không một triển vọng nào biến thành hiện thực và đôi khi Átle phản kháng quay lưng lại với chúng:

- Tiên tri là một nghề bạc bẽo, nhất là ở Áo - ông nói.

Đó là điệp khúc thường xuyên của ông những lúc trò chuyện.

Trong những cuộc nói chuyện bên hành lang Đại hội Xtútgát, nói về tiên tri kiểu Áo, ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần:

- Muốn nói gì tùy các vị! Về phần mình tôi cho là những tiên đoán chính trị dựa trên *Khải huyền* còn dễ chịu hơn mọi lời tiên đoán trên cơ sở duy vật lịch sử.

Dĩ nhiên ông đùa nhưng đó không chỉ là một lời nói dí dỏm. Và đây là điều làm tôi ngược hẳn với Átle trong giây phút sinh tử: tôi không tưởng tượng nổi hoạt động chính trị cũng như đời sống tinh thần nói chung lại có thể tồn tại khi không có một dự cảm lịch sử khoáng đạt. Víchto Átle trở thành một kẻ hoài nghi và như thế, ông chịu đựng và thích nghi với đủ mọi thứ, đặc biệt với chủ nghĩa quốc gia đang đục rỗng đảng Xã hội Dân chủ Áo.

Quan hệ của tôi với các lãnh tụ tối cao của đảng càng xấu đi nhiều thêm khi tôi công khai chống lại chủ nghĩa sô-vanh của đảng Xã hội Dân chủ Áo-Đức. Chuyện này xảy ra năm 1909. Trong những cuộc gặp gỡ với các nhà xã hội Bancăng [Balkans] - nhất là những người Xécbi [Serbie], trong số họ có Đơmitri Tusôvích [Dmitri Toussevitch], sau này là sĩ quan và hy sinh trong cuộc chiến vùng Bancăng -, nhiều lần tôi được nghe những lời bất bình về chuyện tất cả báo chí tư sản Xécbi đều trích dẫn một cách khoái trá độc địa những lời bài xích sặc mùi sô-vanh nhằm vào Xécbi của tờ *Arbeiter Zeitung*, coi đó là bằng chứng chứng tỏ tình đoàn kết công nhân quốc tế chỉ là chuyện hoang đường. Tôi viết một bài rất thận trọng và ôn hòa chống lại chủ nghĩa sô-vanh của *Arbeiter Zeitung* cho tờ *Die Neue Zeit*. Caoxki cho in sau một hồi đắn đo ghê gớm. Ngay hôm sau, một người di tản Nga già có quan hệ rất thân thiết với tôi tên là X.L.

Cliatrocô [Kliatchko] cho biết tôi đã gây ra một sự bất bình rất lớn trong nội bộ giới lãnh đạo đảng. "Sao mà anh ta dám!..." Trong những cuộc trò chuyện riêng tư, -ttô Baoe và những nhà mác-xít Áo khác thống nhất rằng Lâyne [Leitner] - biên tập viên mục quốc tế của báo - đã dám đi quá xa. Átle cũng đồng tình với ý kiến này, dù không tán thành, nhưng ông cũng đành chịu đựng những khuynh hướng sô-vanh cực đoan. Nhưng trước sự can thiệp táo bạo của người ngoài, mọi lãnh tụ đều đồng tình và nhất trí. Sau này, vào một ngày thứ bảy, -ttô Baoe đến gần bàn của tôi và Cliatrocô trong một quán cà phê và xạc cho tôi một trận nên thân. Phải thú nhận là tôi khá bối rối khi nghe những lời xối xả ấy. Điều làm tôi sửng sốt không phải giọng lên lớp của Baoe mà chính là lý lẽ ông ta đưa ra.

- Những bài báo của Lâyne thì có vai trò quái gì? - ông ta cao giọng, vẻ hài hước. - Không hề tồn tại một chính sách ngoại giao nào đối với đế chế Áo-Hung. Chẳng có công nhân nào đọc các bài báo ấy đâu. Chúng hoàn toàn không có chút giá trị gì.

Tôi mở to mắt và lắng nghe. Hóa ra những con người ấy chẳng những không tin vào cách mạng, họ còn chẳng tin vào chiến tranh. Trong các tuyên ngôn ngày 1 tháng Năm của họ, họ có đề cập đến chiến tranh và cách mạng nhưng chẳng bao giờ coi đó là chuyện nghiêm túc. Họ hoàn toàn không nhận ra trong cái tổ kiến mà họ xúm vào như những kẻ rồ dại, đã xuất hiện một chiếc ủng lính không lồ. Sáu năm sau họ buộc lòng phải nhận ra: rõ ràng có một chính sách ngoại giao đối với Áo-Hung. Nhưng về phần mình, ngay từ khi cuộc chiến xảy ra, họ đã dùng cái cách ăn nói xấc xược mà Lâyne và bọn sô-vanh cùng một giuộc đã dạy cho họ.

Ở Béclin có một thứ tinh thần khác ngợ trị - có thể chẳng khác hơn bao nhiêu, nhưng khác. Tính chất quan lại nực cười của các viện sĩ Viên có vẻ nhẹ hơn, những mối quan hệ cũng đơn giản hơn. Ở đây chủ nghĩa quốc gia ít được thể hiện hơn, hoặc ít nhất chúng không có lý do để xuất hiện thường xuyên và ồn ào như ở Áo là quốc gia gồm nhiều chủng tộc khác nhau. Dường như tình cảm quốc gia đã hòa vào lòng tự hào của đảng: tại Đức có đảng Xã hội Dân chủ mạnh nhất, cây vĩ cầm số một của Quốc tế!

Đối với người Nga chúng tôi, đảng Xã hội Dân chủ Đức là người mẹ, người dạy dỗ, là tấm gương sống. Chúng tôi lý tưởng hóa nó từ xa. Những cái tên như Bêben và Caoxki được đọc lên một cách thành kính. Mặc dù về mặt lý luận tôi đã có những dự cảm lo lắng kể trên đối với đảng Xã hội Dân chủ Đức, trong giai đoạn ấy tôi hoàn toàn sống dưới vòng luẩn quẩn của nó. Thực tế sau đây cũng góp một vai trò lớn về chuyện này: tôi cư trú ở Viên và thỉnh thoảng mới đi Béclin một chuyến, tôi so sánh hai thủ đô của xã hội dân chủ và tự nhủ một cách an ủi: "Không, Béclin không phải là Viên!"

Tại Béclin, hai lần tôi có dịp đến thăm các cuộc gặp gỡ hàng tuần của cánh tả, được tổ chức vào ngày thứ sáu ở quán ăn Rengôn [Rheingold]. Nhân vật trung tâm của các dịp hội họp ấy là

Phor anxơ Mêrinh [Franz Mehring]. Các Líp nếch cũng hay xuất hiện, lúc nào ông cũng đến muộn và ra về sớm nhất. Lần đầu tiên Hinphécđinh đưa tôi đến đó. Khi ấy ông vẫn còn tự coi mình là người cánh tả dù ông thù ghét Rôđa Luýchxămbua với sự căm ghét mà Đaxinski đã reo rắc ở Áo.

Tôi không giữ được gì trong trí nhớ của mình về những cuộc nói chuyện ở đây. Co mặt lại, Mêrinh giật giật cái má - đó là tật của ông -, ông châm biếm hỏi tôi: trong số những "tác phẩm bất tử" của ông, cuốn nào đã được dịch ra tiếng Nga.

Trong cuộc nói chuyện, Hinphécđinh gọi những người cánh tả Đức là những nhà cách mạng. - Thôi đi, chúng tôi mà là những nhà cách mạng ư? - Mêrinh ngắt lời -, họ mới là những nhà cách mạng!

Và ông khẽ gật đầu về phía tôi.

Tôi biết Mêrinh quá ít và quá nhiều lần được chứng kiến bọn thiến cận chế nhạo cách mạng Nga, thành thử không biết Mêrinh đùa cợt hay ông nói nghiêm chỉnh. Nhưng hóa ra Mêrinh nói nghiêm chỉnh và ông đã chứng tỏ điều này bằng cả phần đời còn lại của ông.

Tôi gặp Caoxki lần đầu năm 1907. Pácvút đưa tôi đến nhà ông. Tôi không khỏi xúc động khi leo lên bậc thang căn nhà gọn gàng, xinh xắn ở Phorítnao [Friedenau], cạnh Béclin. Một ông già nhỏ nhắn, vui vẻ có mái tóc bạc và cặp mắt trong xanh chào tôi bằng tiếng Nga. Cùng tất cả những điều tôi đã biết về ông, tôi thấy ông rất hấp dẫn. Đặc biệt lôi cuốn trong ông là vẻ thanh thản, không chút bận rộn vô ích mà sau này tôi mới hiểu ra, đó là nhờ uy tín không thể chối cãi và sự yên lặng nội tại của ông. Kẻ thù của Caoxki gọi ông là "Giáo hoàng của Quốc tế". Thông thường bạn bè cũng gọi ông như thế theo nghĩa yêu quý. Nhân dịp thượng thọ thất thập, bà mẹ già của Caoxki - tác giả những tiểu thuyết có khuynh hướng xã hội mà bà luôn đề tặng "cho con và người thầy" - nhận được lời chúc mừng của các nhà xã hội Ý, họ gọi bà là "alla mamma del papa", nghĩa là *bà mẹ của Giáo hoàng*.

Caoxki cho rằng sứ mệnh lý luận chủ yếu của ông là dung hòa tinh thần cải lương và cách mạng. Nhưng chính ông cũng được tạo ra, về mặt tư tưởng, trong thời kỳ cải lương. Đối với ông, thực tiễn chỉ là cải lương. Cách mạng là một viễn vọng lịch sử mù mịt. Caoxki đón nhận chủ nghĩa mác-xít như một hệ thống hoàn bị và truyền bá nó với tư cách bậc thầy. Việc phân tích những sự kiện lớn vượt quá khả năng của ông. Thời tàn lụi của ông đã bắt đầu từ cuộc cách mạng 1905. Buổi nói chuyện riêng với Caoxki không bồi bổ thêm cho tôi được mấy. Tư duy ông gòc cạnh, khô cằn, ít sáng tạo, thiếu cảm giác tâm lý; cách đánh giá của ông sơ lược, những lời bông đùa của ông nhằm chán. Những lý do này khiến Caoxki trở thành một diễn giả rất yếu. Tình bạn của ông với Rôđa Luýchxămbua trùng hợp với giai đoạn hoạt động sáng tạo xuất sắc nhất của ông. Nhưng ít lâu sau cách mạng 1905, những dấu hiệu lạnh nhạt đầu tiên xuất hiện

trong mối quan hệ giữa hai người. Caoxki rất có thiện cảm với cuộc cách mạng Nga và từ xa, ông bình phẩm nó không tồi. Nhưng con người ông chống lại sự du nhập các phương thức cách mạng vào Đức. Trước khi diễn ra cuộc biểu tình ở phố Công viên Tréptốp [Treptow], tôi gặp Rôda Luýchxămbua tại nhà Caoxki đúng lúc chị đang tranh luận kịch liệt với chủ nhà. Dù họ vẫn xưng hô thân mật và trò chuyện với giọng bạn bè gần gũi, nhưng có thể thấy sự bất bình cố kìm nén từ những lời đối đáp ngắn gọn của Rôda và sự bối rối nội tại từ những câu nói của Caoxki, ông cố giấu diếm chúng bằng những lời bông đùa không kém phần bối rối. Chúng tôi cùng nhau tới nơi biểu tình: Rôda, Caoxki, vợ ông, Hinphécđinh, Guxtáp Échxten [Gustav Eckstein] (đã quá cố) và tôi. Những cuộc đụng độ kịch liệt vẫn tiếp diễn giữa đường: Caoxki chỉ muốn đến như kẻ quan sát, còn Rôda Luýchxămbua lại muốn tham gia cuộc biểu tình. Mâu thuẫn đối kháng giữa hai người nổ ra công khai năm 1910 về vấn đề đấu tranh cho quyền bầu cử ở nước Phổ. Lúc ấy, Caoxki khai triển triết học *chiến lược ăn mòn đối phương* (Ermattungsstrategie) để đối lập với *chiến lược nhằm quật ngã kẻ thù* (Niederwerfungsstrategie). Đó là hai xu hướng không thể dung hòa. Con đường Caoxki theo càng ngày càng thích nghi sâu sắc với chế độ hiện hành. Trong trường hợp đó, không phải xã hội tư bản mà chính lý tưởng cách mạng của quần chúng công nhân bị "ăn mòn". Tất cả những kẻ tầm thường, mọi viên chức, mọi tên cơ hội đều ủng hộ Caoxki. Ông dặt cho họ những tấm vải tư tưởng để họ che đậy vẻ trần truồng của họ.

Chiến tranh nổ ra, chiến lược của những chiến hào tiếp nối chiến lược ăn mòn về chính trị. Caoxki thích nghi với chiến tranh cũng như với hòa bình thuở trước. Nhưng Rôda chứng tỏ chị đã trung thành với lý tưởng như thế nào...

Tôi còn nhớ người ta tổ chức mừng thọ lục tuần cho Lêđêbua [Ledebour] ở nhà Caoxki. Trong số khách mời có cả Aogútxtơ Bêben [Auguste Bebel], lúc đó đã ngoài bảy mươi. Đây là giai đoạn đảng Xã hội Dân chủ Đức đạt đến đỉnh cao. Sự thống nhất trong chiến thuật dường như tuyệt đối. Các chiến sĩ kỳ cựu ghi nhận những thành công và tin tưởng hướng về tương lai. Lêđêbua - người được mừng thọ - vẽ những bức biếm họa ngộ nghĩnh giữa bữa ăn. Tại buổi lễ có tính nội bộ ấy, tôi được làm quen với Bêben và Giulia [Julia] của ông. Những kẻ có mặt, kể cả Caoxki, nghe như muốn nuốt từng lời của ông già Aogútxtơ. Chẳng cần nói là tôi cũng vậy. Con người Bêben đại diện cho sự vươn lên chậm chạp nhưng bền bỉ của giai cấp mới. Dường như từ đầu đến chân, ông già khô khan này được đúc bởi một nghị lực lúc nào cũng vươn tới mục tiêu duy nhất, kiên trì nhưng không thể bẻ gãy. Trong cách suy nghĩ, trong những lời hùng biện, trong các bài viết và sách vở của ông, Bêben hoàn toàn không tiêu phí chút năng lượng tinh thần nào mà không nhằm đáp ứng những nhiệm vụ thực tiễn trực tiếp. Đó chính là vẻ đẹp đặc biệt của xúc cảm chính trị trong ông. Bêben đại diện cho một giai cấp tự học trong những

giờ phút nghỉ ngơi hiếm hoi, tiết kiệm từng phút một và ngẫu nhiên tham lam những gì thực sự cần thiết. Quả là một gương mặt vô song! Bêben mất trong thời gian giữa cuộc chiến Bancăng và Thế chiến thứ nhất, khi Đại hội hòa bình Bucarét [Bucarest] diễn ra. Tôi được tin này tại một nhà ga ở Plôétsti [Ploesti] (Rumani [Roumanie]) và không thể tin đó là sự thật: "Bêben qua đời. Đảng Xã hội Dân chủ sẽ ra sao?" Tôi liền nhớ lại lời Lêđêbua về nội tình đảng Đức: "20% cấp tiến, 30% cơ hội, còn lại theo Bêben."

Người nổi nghiệp được Bêben lựa chọn là Hade [Haase]. Không chút nghi ngờ, tinh thần lý tưởng của Hade đã lôi cuốn ông già: không phải thứ lý tưởng cách mạng rộng lớn, điều này Hade không có, mà là một thứ lý tưởng được diễn giải hẹp hơn, thường nhật hơn, cá nhân hơn, chẳng hạn vì lợi ích của đảng, anh sẵn sàng từ bỏ chức trạng sư khá giả ở Côníchxơbéc [Köönigsberg]. Những nhà cách mạng Nga hết sức sững sờ khi Bêben nhắc đến sự hy sinh không mấy anh dũng ấy trong bài diễn văn đọc tại đại hội đảng, hình như họp ở Giêna [Iéna]; ông còn kiên trì đề cử Hade làm phó chủ tịch Ban Trung ương đảng.

Tôi biết Hade khá rõ. Sau một Parteitag (phiên họp đảng), chúng tôi đi một chuyến ngắn ở Đức, cùng nhau đến thành phố Nurenéc [Nuremberg]. Hiền hậu và cẩn trọng trong các quan hệ cá nhân, nói cho cùng trong chính trị Hade vẫn là một kẻ tầm thường lương thiện, một nhà dân chủ hạn hẹp thiếu bản lĩnh cách mạng cũng như thiếu một chân trời rộng rãi về lý luận, bản chất ông là vậy. Xét về khuynh hướng triết học, ông tự coi - có phần lúng túng - là một môn đệ của Căng. Trong những tình huống nguy kịch, ông có thiên hướng tránh các quyết định không thể đảo ngược, tìm đến những phương sách nửa vời và chờ thời. Không có gì lạ nếu sau này đảng và những người xã hội độc lập chọn ông là người lãnh đạo.

Các Lípnếch đại diện một mẫu người khác hẳn. Chúng tôi quen biết nhau trong nhiều năm, giữa những lần gặp gỡ lại có những khoảng trống lớn. Căn hộ của ông ở Béclin là đại bản doanh của những người Nga di cư. Khi cần phải lên tiếng phản đối việc cảnh sát Đức giúp đỡ chế độ Nga hoàng, đầu tiên chúng tôi tìm đến Lípnếch và rồi ông đi gõ mọi cánh cửa và mọi cái đầu. Là nhà mác-xít thông thái, tuy nhiên Lípnếch không phải là một lý thuyết gia. Đó là một con người hành động. Bản tính cương quyết, đam mê và đầy tinh thần hy sinh, ông có trực giác chính trị, nhạy cảm với quần chúng và với các tình thế, vô cùng táo bạo và sẵn sàng khởi xướng. Đó là một nhà cách mạng. Chính vì thế, ông luôn thơ thẩn như một kẻ nửa xa lạ, nửa quen biết trong cái tòa nhà của đảng Xã hội Dân chủ Đức, nơi ngự trị một chế độ quan liêu nhần nhục, luôn sẵn sàng lui bước. Biết bao kẻ tầm thường, có đầu óc dung tục đã khinh thường và chế nhạo Lípnếch ngay trước mắt tôi.

Tại Đại hội đảng Xã hội Dân chủ họp đầu tháng Chín 1911 tại Giêna, theo đề nghị của Lípnếch, lẽ ra tôi phải phát biểu về chính sách vũ lực mà chính phủ Nga hoàng áp dụng ở Phần Lan.

Nhưng trước khi đăng đàn chúng tôi được biết qua điện tín tin Xtôlupin bị ám sát ở Kiép. Bêben lập tức hỏi tôi dồn dập: vụ ám sát này có ý nghĩa gì? Đảng nào phải chịu trách nhiệm? Với bài phát biểu, liệu tôi có thu hút sự chú ý không hay ho gì cho tôi từ phía cảnh sát Đức không?

- Đồng chí sợ bài phát biểu của tôi sẽ gây nên những rắc rối nhất định nào đó? - tôi thận trọng hỏi ông già vì nhớ lại sự việc xảy ra với Quensor ở Xtútgát.

- Vâng - Bêben trả lời -, thú thực tôi muốn anh đừng đăng đàn thì hơn.

- Nếu vậy, đồng chí đừng nghĩ đến nó nữa.

Bêben thở phào nhẹ nhõm.

Năm phút sau, Lípnech chạy đến chỗ tôi, rất khẩn khoản.

- Có thực họ đề nghị anh đừng nói không? V à anh chấp thuận?

- Làm sao mà không chấp thuận được cơ chứ? - tôi chống chế. - Vì ở đây Bêben là chủ nhà chứ không phải tôi.

Lípnech tuân nổi bất bình của ông trong một bài phát biểu, ông công kích kịch liệt chính phủ Nga hoàng, bất chấp các dấu hiệu nhắc nhở của Chủ tịch đoàn, họ lo những biến cố rắc rối như bị buộc tội phạm thượng chẳng hạn.

Mầm mống những gì diễn ra sau này nằm trong các mẫu chuyện nhỏ trên đây.

Khi các tổ chức công đoàn Tiệp phản đối ban lãnh đạo Đức, những nhà mác-xít Áo - chống lại sự ly khai công đoàn - đã sử dụng một lý lẽ khá khéo léo dưới dạng chủ nghĩa quốc tế.

Plêkhanốp phát biểu về vấn đề này tại Đại hội Quốc tế ở Copenhaghen [Kopenhagen]. Như mọi người Nga, ông cũng ủng hộ hoàn toàn và không hạn chế lập trường của người Đức chống lại người Tiệp. Ông già Átle người đề cử Plêkhanốp vào nhiệm vụ này - cho rằng trong một việc khó xử như thế, chọn một người Nga đóng vai trò chánh thẩm phán tố cáo chủ nghĩa sô-vanh Xlavor [Slaves], là hơn cả. Cố nhiên tôi không thể có gì chung với thứ chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi thiển cận khốn khổ của Nêmet [Nemec], Sucúp [Soukup] hoặc Smêran [Smeral], kẻ kiên trì tìm cách chứng tỏ cho tôi thấy cái lý của người Tiệp. Nhưng đồng thời, tôi hiểu quá sâu sắc đời sống nội tại của phong trào công nhân Áo nên không gán toàn bộ tội lỗi - hoặc chỉ tội lớn nhất - cho người Tiệp. Nhiều điều chứng tỏ rằng nhìn về toàn khối, đảng Tiệp cấp tiến hơn đảng Áo-Đức và những tên sô-vanh kiểu Nêmet sử dụng khéo léo bất bình chính đáng của quần chúng công nhân Tiệp đối với lãnh đạo của Viên.

Trên đường từ Viên đến Đại hội Copenhaghen, tại một ga nơi tôi cần đổi tàu, hoàn toàn tình cờ tôi gặp Lênin từ Pari đến. Chúng tôi phải chờ đợi gần một tiếng và do đó một cuộc trò chuyện kéo dài đã diễn ra, rất thân mật trong nửa đầu và kém phần thân thiện ở nửa sau. Tôi chứng minh rằng trong việc ly khai của các công đoàn Tiệp, trước hết ban lãnh đạo Viên phải chịu

trách nhiệm: họ hết sức trang trọng kêu gọi thợ thuyền các nước - và cả thợ thuyền Tiệp đấu tranh, nhưng cùng lúc đó lại bắt tay với quân chủ trong hậu trường. Lênin rất thích thú lắng nghe. Ông có khả năng chú ý đặc biệt: hướng cái nhìn vào không gian xa vời, ông nghiêm khắc nhấn mạnh những gì cần thiết từ câu chuyện của người đối thoại.

Tuy nhiên, câu chuyện giữa chúng tôi có một tính chất khác hẳn khi tôi kể cho Lênin bài báo của tôi đăng trên tờ *Vorwärts* (Tiến lên) về đảng Xã hội Dân chủ Nga. Bài báo được viết nhân dịp Đại hội Copenhaghen và phê phán gay gắt cả hai phe men-sê-vích lẫn bôn-sê-vích. Trong bài này, điểm quan trọng nhất là vấn đề "trưng dụng". Sau thất bại của một cuộc cách mạng, những cuộc trưng dụng bằng vũ khí và những vụ tấn công của bọn khủng bố có thể phá hoại cả một đảng cách mạng nhất. Đại hội Lônđôn - qua số phiếu bầu của những người men-sê-vích, những người Ba Lan và một số người bôn-sê-vích đã cấm sự trưng dụng. Những câu hỏi vang lên từ các hàng ghế cử tọa "còn Lênin? ông ta nói gì?" chỉ được đáp lại bằng nụ cười bí ẩn. Sau Đại hội Lônđôn, những cuộc trưng dụng vẫn tiếp diễn gây thiệt hại cho đảng. Tôi đã tập trung một đòn vào điểm đó trên tờ *Vorwärts*.

- Đồng chí viết thế à? - Lênin hỏi với giọng trách móc khi tôi nhắc lại theo trí nhớ những ý chính và những diễn đạt chủ yếu nhất của bài báo do sự khẩn khoản của ông.

- Có thể đánh điện ngăn không cho in được không?

- Không - tôi đáp -, bài báo phải ra sáng nay. Vả lại, tại sao lại phải ngăn không cho in? Bài báo ấy đúng, như nó được viết ra.

Thực ra bài viết không đúng vì nó dựa trên cơ sở thống nhất đảng bằng sự hợp nhất của những người bôn-sê-vích và men-sê-vích - loại trừ những kẻ cực đoan - khi trong thực tiễn, đảng hình thành trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống phe men-sê-vích.

Trong cuộc họp riêng của phái đoàn Nga tham dự Đại hội Copenhaghen, Lênin muốn mọi người lên án bài báo của tôi. Đây là xung đột sâu sắc nhất trong suốt cuộc đời chúng tôi. Ngoài ra hồi đó Lênin còn yếu, ông bị hành hạ bởi cơn đau răng khủng khiếp và phải quấn khăn trùm mặt.

Trong đoàn đại biểu, một bầu không khí thù địch xuất hiện đối với bài báo và tác giả của nó, những người men-sê-vích cũng bất mãn về nội dung chủ yếu chống lại họ của bài viết.

Tháng Mười 1910, Ácxenrốt viết cho Máctốp:

Bài báo của anh ta (Trốtxki) trong *Die Neue Zeit* mới đáng giận làm sao! Còn đáng giận hơn cả bài trong *Vorwärts*.

Lunatrácxki kể lại:

Plêkhanốp - vốn hoàn toàn không ưa Trốtxki - lợi dụng tình huống này và tổ chức một thứ phiên tòa. Tôi cho đó là điều bất công. Tôi bênh Trốtxki khá tích cực và nói chung, với sự ủng

hộ của Riadanốp, tôi góp phần làm hỏng kế hoạch của Plêkhanốp...

Đa số các đại biểu chỉ biết bài báo qua lời kể lại của kẻ khác. Tôi đòi họ phải tìm hiểu bài viết. Dinôviép cố chứng tỏ: không cần đọc bài báo mới lên án được nó. Đa số không đồng tình với ý kiến này. Hình như Riadanốp đã đọc và dịch luôn bài viết ấy.

Theo những cuộc truyện trò sơ bộ bên hành lang, ai nấy cứ tưởng bài báo là một thứ gì kinh khủng lắm, đến mức khi đọc nó người ta có cảm giác ngược hẳn: nó hoàn toàn vô hại. Tuyệt đại đa số đại biểu Nga khước từ việc lên án bài báo. Nhưng giờ đây, điều đó không ngăn cản tôi lên án bài viết của mình như một đánh giá sai lầm về chủ nghĩa bôn-sê-vích.

Về vấn đề các công đoàn Tiệp, tại Đại hội phái đoàn Nga ủng hộ nghị quyết ở Viên và chống lại nghị quyết ở Praha [Prague]. Tôi đưa ra một đề nghị chỉnh lý nhưng không thành công. Rút cục bản thân tôi cũng không hoàn toàn thấy rõ phần "chỉnh lý" mà sau này chúng tôi cần thực hiện cho đường lối toàn diện của đảng Xã hội Dân chủ. Việc chỉnh lý lẽ ra là một cuộc "thánh chiến" chống lại đảng Xã hội Dân chủ. Nhưng chúng tôi chỉ bước vào con đường này vào năm 1914.

CHƯƠNG XVII CHUẨN BỊ MỘT CUỘC CÁCH MẠNG MỚI

Trong những năm của thời kỳ phản động, công việc của tôi phần lớn là viết những bài diễn giải về cách mạng 1905 và đặt cơ sở lý luận cho con đường dẫn đến cuộc cách mạng thứ hai.

Trước khi ra nước ngoài ít lâu, tôi đi thăm các khu người Nga di cư và các quần cư sinh viên để trình bày với họ hai bài thuyết trình: một bài về *Số phận của cách mạng Nga (trong tình trạng chính trị hiện nay)*, bài kia có nhan đề *Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội (những triển vọng xã hội-cách mạng)*. Bài thứ nhất chúng tôi kinh nghiệm năm 1905 đã khẳng định triển vọng của cách mạng Nga, xét về mặt cách mạng thường trực. Bài thứ hai nối liền cách mạng Nga với cách mạng thế giới.

Tháng Mười 1908, tôi bắt đầu xuất bản ở Viên một tờ báo Nga mang tựa đề *Prápđa* [Pravda] (Sự thật) dành cho đông đảo quần chúng công nhân. Tờ báo được đưa vào nước Nga bằng đường buôn lậu, qua biên giới Galixi hoặc biển Hắc Hải. Tồn tại trong vòng ba năm rưỡi, ra nhiều nhất là hai số mỗi tháng, nhưng việc xuất bản đòi hỏi công sức lao động lớn và tỉ mỉ. Việc giao dịch thư từ bí mật với nước Nga chiếm mất nhiều thời giờ. Hơn nữa, tôi còn có quan hệ chặt chẽ với liên minh bất hợp pháp của những thủy thủ Hắc Hải và giúp họ ẩn hành một tờ báo.

Cộng tác viên chính của tôi ở tờ *Prápđa* là Adônphơ Giôphê [Adolf Joffé], sau này trở thành nhà ngoại giao Xô-viết nổi tiếng. Tình bạn của chúng tôi bắt đầu từ những ngày ở Viên. Giôphê là một người rất đáng quý về mặt tư tưởng, anh hiền hậu và hết lòng vì công việc. Giôphê dồn hết sức lực và tiền tài để ẩn hành tờ *Prápđa*. Anh chữa chạy bệnh đau thần kinh theo phương pháp phân tâm học ở chỗ Anphrết Átle [Alfred Adler], một bác sĩ nổi tiếng ở Viên, khởi đầu như một môn đệ của giáo sư Phơrôidơ [Freud] nhưng sau chống lại sự phụ và sáng lập trường phái riêng của ông về tâm lý cá nhân. Qua Giôphê, tôi được biết các vấn đề của khoa phân tâm học, tôi thấy chúng vô cùng hấp dẫn mặc dù trên phương diện này, còn khá nhiều điều mờ mịt và mông lung, mở đường cho trí tưởng tượng và sự diễn giải độc đoán.

Một cộng sự khác của tôi là anh sinh viên Xcôbêlêp [Skobélev], sau này là bộ trưởng Bộ Lao động trong nội các Kêrenxki. Năm 1917 chúng tôi đã nhìn nhau chăm chăm như những kẻ thù. Trong một thời gian, thư ký tòa soạn tờ báo là Víchto Cốp [Victor Kopp], hiện nay là đại sứ Liên Xô tại Thụy Sĩ.

Giôphê về Nga để giải quyết những vụ việc liên quan đến tờ *Prápđa* ở Viên. Anh bị bắt ở Ôđétxa, ngồi tù một thời gian dài rồi bị đi đày ở Xibêri và chỉ được tự do nhờ cách mạng tháng Hai 1917.

Giôphê là một trong những chiến sĩ tích cực nhất của biến cố tháng Mười. Chỉ có thể cảm phục lòng can đảm cá nhân của con người đang lâm trọng bệnh ấy. Giờ đây, tôi vẫn như thấy trước mắt bóng hình lưng lừng như gấu của anh trên một cánh đồng bị đạn tạc cày xéo gần thành Pêtéc-bua vào mùa thu năm 1919. Trong bộ trang phục chải chuốt theo lối ngoại giao, nụ cười mềm mại trên khuôn mặt bình thản, tay cầm chiếc ba-toong, dường như dạo chơi trên Unter den Linder, Giôphê thích thú ngắm nhìn đạn nổ rất gần chúng tôi, không rảo bước và cũng không đi chậm lại. Đó là một diễn giả giỏi giang, chín chắn và nhiệt thành; anh viết cũng cừ như thế. Trong mọi việc anh luôn để ý đến từng chi tiết nhỏ nhất, đây là đức tính còn rất thiếu ở nhiều nhà cách mạng. Lênin đánh giá cao công tác ngoại giao của Giôphê. Trong nhiều năm liền, tôi có quan hệ mật thiết với anh hơn bất kỳ ai khác. Ở anh, không thể đo nỗi lòng tận tâm trong tình bạn cũng như sự trung thành trong tư tưởng.

Giôphê kết thúc đời mình một cách bi thảm. Những căn bệnh di truyền làm cơ thể anh mòn mỏi. Anh cũng đau khổ không kém trước chiến dịch mại lỵ vô liêm sỉ của bọn kế nghiệp nhằm vào những người mác-xít. Không chống nổi bệnh tật và vì thế, không theo đuổi được cuộc đấu tranh chính trị, Giôphê tự vẫn vào mùa thu năm 1927. Bức thư anh viết cho tôi trước khi chết bị lũ tay sai của Xtalin đánh cắp từ chiếc tủ con bên giường ngủ của anh. Những dòng chữ nhằm kêu gọi sự chú ý của bè bạn bị Iarốt-xláp-xki [Iaroslavsky] và một số kẻ có tinh thần đòi bại tương tự cắt khỏi văn bản, bị xuyên tạc và báo cáo lại một cách dối trá. Nhưng điều đó không ngăn trở tên tuổi Giôphê được ghi lại vĩnh viễn trong cuốn sách cách mạng như một trong những tên tuổi vinh quang nhất.

Trong những ngày đen tối nhất, vô vọng nhất của thời kỳ thoái trào, Giôphê và tôi vững vàng chờ đợi cuộc cách mạng mới, đúng như nó sẽ diễn ra vào năm 1917.

Xvéc-tơ-cốp, trong những năm ấy là người men-sê-vích và hiện nay là xta-lin-nít, viết như sau trong hồi ký về tờ *Prápđa* ở Viên:

Trong tờ báo này, anh [Trốt-xki] kiên trì và ngoan cố bảo vệ ý tưởng về một cuộc cách mạng "thường trực" của Nga, nghĩa là anh cố chứng tỏ một khi cách mạng đã nổ ra, nó không thể dừng lại trước khi chế độ tư bản bị lật đổ và hệ thống xã hội chủ nghĩa lan ra trên khắp thế giới. Người ta chế nhạo anh, buộc tội anh là lãng mạn, cả những người bên-sê-vích và men-sê-vích đều cho là anh phạm phải bảy điều cấm nhưng anh vẫn kiên trì và giữ vững quan điểm của mình, không hề bối rối trước những đợt tấn công.

Năm 1909, tôi nêu đặc điểm những quan hệ cách mạng giữa giai cấp vô sản và nông dân trong tờ tạp chí Ba Lan của Rô-da Luých-xămbua như sau:

Sự dẫn độn bản địa là thứ tai ương lịch sử của các phong trào nông dân. Những làn sóng đầu

tiên của cách mạng năm 1905 đã phá vỡ sự hạn hẹp về chính trị của thứ nông dân nổi dậy trong làng mình để chống lại lãnh chúa và giành lại đất đai, nhưng khi mặc áo lính anh ta lại bắn vào công nhân. Cần phải khảo sát tất cả các sự kiện của cách mạng như một loạt bài học tàn nhẫn mà nhờ đó lịch sử đã đưa vào đầu nông dân ý tưởng về mối quan hệ giữa nhu cầu sở hữu ruộng đất địa phương và vấn đề trung tâm của chính quyền nhà nước.

Nhắc đến ví dụ về nước Phần Lan, ở đó đảng Xã hội Dân chủ có tác động to lớn tại nông thôn nhờ lập trường về vấn đề những người sản xuất nhỏ, tôi kết luận:

Ảnh hưởng của đảng ta trong quần chúng nông dân còn lớn đến đâu khi sau này đảng lãnh đạo một phong trào mới - rộng hơn gấp bội phần - của cả quần chúng thành thị lẫn nông thôn! Dĩ nhiên chỉ trong trường hợp chúng ta không tự hạ vũ khí, không e sợ trước những bả cám dỗ của quyền lực chính trị mà làn sóng mới chắc chắn sẽ đưa chúng ta tới.

Chỉ cần nói từng ấy về chuyện "bỏ qua giai cấp nông dân" hoặc "bỏ qua vấn đề ruộng đất" mà người ta kết tội tôi.

Ngày 4 tháng Chạp 1909, khi cách mạng có vẻ như bị đè bẹp vĩnh viễn và vô vọng, tôi viết như sau trên tờ *Prápdá*:

Ngay từ bây giờ, qua những đám mây đen của thế lực phản động đang bao phủ, chúng ta vẫn thấy ánh sáng thắng lợi của một tháng Mười mới.

Thời ấy, không chỉ phái tự do mà cả những người men-sê-vích cũng chế giễu những lời nói trên, họ chỉ thấy trong đó những khẩu hiệu tuyên truyền chẳng chứa đựng một nội dung nào. Giáo sư Miliucốp [Millioukov] - kẻ có thể tự hào về việc phát minh ra khái niệm "chủ nghĩa trốt-kít" - phản bác lại tôi:

Ý tưởng về chuyên chính vô sản là hoàn toàn ấu trĩ và không ai ở châu Âu sẽ ủng hộ nó một cách nghiêm chỉnh.

Tuy nhiên, những sự kiện xảy ra trong năm 1917 đã làm lay chuyển tận gốc vẻ tự tin đáng khâm phục của vị giáo sư tự do chủ nghĩa kia.

Trong những năm thoái trào tôi nghiên cứu các vấn đề về tình hình chung của công-thương nghiệp trên phạm vi toàn cầu cũng như quốc gia. Lợi ích cách mạng đã dẫn dắt tôi theo hướng này: tôi muốn tìm hiểu phụ thuộc tương hỗ giữa những dao động công-thương nghiệp với các giai đoạn của phong trào cộng nhân và cuộc đấu tranh cách mạng. Ở trường hợp này - cũng như trong các vấn đề cùng loại - tôi cố tránh nhất việc thiết lập một mối quan hệ máy móc giữa chính trị và kinh tế. Các phản ứng qua lại cần được suy ra từ cả quá trình với tất cả mọi phức tạp của nó.

Khi tôi còn ở thị trấn Hítso-béc, một vùng nhỏ ở Tiệp thì tại thị trường chứng khoán Niu Oóc nổ

ra ngày thứ sáu đen tối. Hôm ấy báo trước một cuộc khủng hoảng tầm cỡ thế giới, một cuộc khủng hoảng sẽ có ảnh hưởng không thể tránh khỏi đến nước Nga đang bị cuộc chiến Nga-Nhật và cuộc cách mạng sau đó lay chuyển. Những hậu quả của cuộc khủng hoảng đó là gì? Trong đảng, phải nói thêm là ở cả hai phía, ý kiến bao trùm là khủng hoảng sẽ làm tăng cuộc đấu tranh cách mạng. Tôi theo một quan điểm khác. Sau thời kỳ những cuộc chiến lớn và những thất bại lớn, khủng hoảng không nâng giai cấp công nhân lên mà đè nó xuống, cướp đi niềm tin, sức lực của nó và phân hóa nó về mặt chính trị. Chỉ một cuộc chấn hưng mới trong công nghiệp - trong những trường hợp như thế này - mới có thể siết chặt đội ngũ vô sản, nâng nó dậy, trả lại niềm tin cho nó và khiến nó có khả năng trong cuộc chiến tiếp tục. Nhận định ấy bị phê phán và không gây được tin tưởng. Hơn thế nữa, các kinh tế gia chính thống của đảng còn phát triển một ý tưởng: hoàn toàn không thể có chấn hưng công nghiệp trong hệ thống phản cách mạng.

Ngược với họ, tôi xuất phát từ luận cứ cho một bước tiến mới trong kinh tế là không thể tránh khỏi. Điều này sẽ gây nên một làn sóng đình công mới, do đó cuộc khủng hoảng kinh tế mới có thể thúc đẩy cuộc đấu tranh cách mạng.

Dự kiến này đã hoàn toàn được chứng minh. Chấn hưng công nghiệp diễn ra năm 1910, độc lập với thời kỳ phản cách mạng. Nó gây nên những cuộc bãi công. Năm 1912 người ta xả súng vào công nhân các mỏ vàng dọc sông Lêna, tạo nên tiếng vang dữ dội trong toàn quốc. Năm 1914, khi cuộc khủng hoảng đã là một thực tế hiển nhiên, một lần nữa Pê-téc-bua lại trở thành chiến trường của các chiến lũy công nhân. Pô-en-carê [Poincaré] cũng là một nhân chứng của điều này khi ông đến thăm Nga hoàng vào đêm trước của cuộc chiến.

Kinh nghiệm lý luận và thực tiễn ấy có giá trị không gì sánh nổi đối với tôi sau này. Tại Đại hội lần thứ ba Quốc tế Cộng sản, đại đa số các đại biểu đã chống lại tôi khi tôi bảo lưu ý kiến rằng một cuộc chấn hưng kinh tế ở châu Âu sau chiến tranh là điều không thể tránh khỏi và sẽ là điều kiện đầu tiên cho những khủng hoảng cách mạng tiếp tục. Gần đây tôi lại phải trách cứ Đại hội lần thứ sáu Quốc tế Cộng sản vì Đại hội này không hiểu chút nào sự thay đổi hiện trạng kinh tế và chính trị ở Trung Quốc, người ta đã sai lầm khi tính đến chuyện sau những thất bại nặng nề của cách mạng, cách mạng vẫn tiếp tục phát triển do cuộc khủng hoảng kinh tế trong nước ngày càng trầm trọng hơn.

Tự thân sự biến chứng của quá trình ấy chẳng phải là quá phức tạp. Nhưng nêu nó ra trong những nét tổng quát thì dễ hơn là tìm thấy nó ở mọi lúc, trên cơ sở những sự kiện sống động. Về vấn đề này, cho đến nay tôi vẫn vấp phải những thành kiến dai dẳng nhất, dẫn đến những sai lầm thô thiển và những hậu quả rất nặng nề trong chính trị.

Trong việc đánh giá số phận sắp tới của chủ nghĩa men-sê-vích và những nhiệm vụ tổ chức của

đảng, từ *Prápđa* còn xa mới đạt được sự chính xác của Lênin. Tôi vẫn luôn hi vọng một cuộc cách mạng mới sẽ buộc những người men-sêvích đi vào con đường cách mạng như điều đã xảy ra vào năm 1905. Tôi chưa đánh giá đầy đủ tầm quan trọng của sự lựa chọn tư tưởng ban đầu, cũng như bản lĩnh chính trị cần được rèn luyện. Trong những vấn đề phát triển nội bộ đảng, tôi sai lầm khi chủ trương một thuyết định mệnh *xã hội-cách mạng*. Đây là một lập trường lệch lạc. Nhưng nó vẫn còn cao hơn rất nhiều so với cái thứ định mệnh *quan liêu* không chút nền tảng tư tưởng, vốn đặc trưng cho đại đa số những kẻ phê phán tôi hiện nay trong Quốc tế Cộng sản. Năm 1912, khi người ta nhận thấy rõ ràng có một sự chấn hưng mới trong chính trị, tôi thử triệu tập một cuộc họp thống nhất với sự tham gia của các đại diện mọi phe phái thuộc đảng Xã hội Dân chủ Nga. Thời kỳ đó, không phải tôi là người duy nhất hi vọng lập lại sự thống nhất trong đảng Xã hội Dân chủ Nga. Rôđa Luýchxămbua là một bằng chứng. Chị viết như sau vào hè năm 1911:

Dù thế nào đi nữa, sự thống nhất của đảng còn có thể cứu vãn được nếu người ta *buộc* cả hai phái phải triệu tập một cuộc họp chung.

Tháng Tám 1911, chị nhắc lại ý kiến này:

Cách duy nhất để cứu vãn sự thống nhất là thực hiện một cuộc họp gồm những người được cử từ Nga đến vì ở Nga ai nấy đều muốn có hòa bình và thống nhất, họ đại diện cho lực lượng duy nhất bắt được các chú gà trống ngoài nước thấy ra lẽ phải.

Trong giới bên-sêvích, khuynh hướng hòa giải rất mạnh vào thời kỳ này, vì thế tôi không mất hi vọng điều đó sẽ khiến Lênin cũng tham gia cuộc họp chung. Nhưng Lênin chống lại sự họp nhất bằng toàn bộ sức lực của ông. Toàn bộ quá trình sau này của những sự kiện chứng tỏ ông có lý. Cuộc họp được tổ chức tháng 8-1912 ở Viên, không có sự tham gia của nhiều người bên-sê-vích. Về mặt hình thức, tôi rơi vào "một khối" với những người men-sê-vích và một số nhóm bên-sê-vích ly khai. Khối này không có cơ sở chính trị, tôi bất đồng ý kiến với phe men-sê-vích trong tất cả mọi vấn đề thiết yếu. Cuộc đấu tranh chống lại họ lại tiếp tục ngay sau ngày cuộc họp bế mạc. Hàng ngày, những xung đột trầm trọng mới lại diễn ra từ sự đối lập sâu sắc giữa hai khuynh hướng: khuynh hướng cách mạng xã hội và khuynh hướng cải lương dân chủ.

Ngày 4 tháng Năm, trước Hội nghị ít lâu, Ácxenrốt viết như sau:

Từ lá thư của Trốtxki, tôi nhận ra một thực tế vô cùng nghiêm trọng đối với tôi: sự thực anh ấy hoàn toàn không có ý tiến lại gần chúng ta và các bạn chúng ta ở Nga một cách nghiêm chỉnh... vì lợi ích một cuộc đấu tranh chung chống kẻ thù.

Quả thực tôi không hề và cũng không thể có ý định liên kết với những người men-sêvích để chống lại phe bên-sê-vích.

Sau cuộc họp, Máctốp phàn nàn trong một lá thư gửi Ácxenrốt:

... [Trốtxki] làm sống lại những tập tục xấu nhất của chủ nghĩa cá nhân trong văn học của Lênin và Plêkhanốp.

Những thư từ giữa Ácxenrốt và Máctốp mới được công bố cách đây vài năm chứng tỏ cả hai đều thù ghét tôi lắm. Nhưng dù giữa họ và tôi có một vực thẳm, bản thân tôi không bao giờ có tình cảm tương tự đối với họ. Ngay bây giờ, tôi vẫn hồi tưởng lại một cách biết ơn vì bao điều tôi đã đạt được nhờ họ trong những năm tháng thời thanh niên.

Tình ti ết "Khối tháng Tám" được ghi trong sách giáo khoa "chống trốt-kít" thời những kẻ kế nghiệp. Đối với những người còn mới mẻ và những kẻ không biết gì, người ta thuật lại quá khứ như thể chủ nghĩa bôn-sê-vích lập tức được ra đời với toàn thể quân trang, quân dụng trong phòng thí nghiệm lịch sử. Sự thực lịch sử cuộc đấu tranh giữa bôn-sê-vích và men-sê-vích cũng chính là lịch sử những cố gắng hợp nhất không ngừng. Khi Lênin về Nga năm 1917, ông còn cố gắng thêm một lần cuối cùng để điều đình với những người men-sê-vích theo chủ nghĩa quốc tế. Tháng Năm khi tôi từ Mỹ về, đa số các tổ chức xã hội dân chủ ở các tỉnh đã bao gồm những người bôn-sê-vích và men-sê-vích thống nhất. Trong Hội nghị của đảng tổ chức tháng 3-1917 vài ngày trước khi Lênin về -, Xtalin đang đàn ủng hộ sự hợp nhất với đảng của Xêrêtelì [Tsêrêtelì]. Ngay cả sau khi cách mạng tháng Mười thắng lợi, Dinôviép, Camênhép, Rưcốp, Lunatrácxki và vài chục người khác còn đấu tranh hăng hái cho một chính phủ liên hợp với những người xã hội cách mạng và men-sê-vích. Và cũng chính những con người ấy ngày nay cố gắng duy trì đời sống tư tưởng của họ bằng cách loan truyền những chuyện hoang đường kinh khủng về Hội nghị Hợp nhất ở Viên năm 1912!

Từ *Kiépxcaia Muxli* [Kievskaja Mysl] (Tư tưởng Kiép) đề nghị tôi làm phóng viên chiến trường ở Bancăng. Đề nghị ấy càng hợp thời hơn vì Hội nghị tháng Tám đã tỏ rõ sự thất bại từ trong trứng nước. Tôi cảm thấy nhu cầu phải bút khởi công việc của đám di cư Nga, ít ra là trong một thời gian ngắn. Trong vài tháng sống ở bán đảo Bancăng vào thời kỳ chiến tranh, tôi đã học hỏi được rất nhiều điều.

Tôi đến vùng Đông Nam tháng 9 -1912: tôi thấy cuộc chiến không những có thể xảy ra mà còn không tránh khỏi. Nhưng khi thấy những đoàn dài lính dự bị đi trên đường phố Bêôgôrát [Belgrade], khi nhìn tận mắt từ đây sẽ không còn đường quay trở lại, rằng quả thật chiến tranh sẽ xảy ra trong những ngày tới, khi được biết một vài người tôi quen thân đã vác súng ra biên giới và họ sẽ là những người đầu tiên chém giết và bị chém giết, khi ấy, cuộc chiến tranh mà tôi hình dung quá nhẹ nhàng trong tâm tưởng và trong các bài báo bỗng trở nên vô lý và không thể nào tin được. Dường như tôi thấy những bóng ma khi tôi ngẩng nhìn binh lính ra mặt trận - trung đoàn bộ binh 18 - trong bộ quân phục rằn ri, đi giày bện và những nhánh lá xanh cài trên

mũi. Chiếc giày bện và cành lá nhỏ trên đầu hợp cùng mọi quân trang đầy đủ để sẵn sàng giao chiến khiến người lính giống như một vật hy sinh. Và trong cái điên cuồng của chiến tranh, vào giờ phút ấy, không gì làm cháy bỏng tâm tưởng tôi như những cành lá xanh và những đôi giày nông dân ấy.

Thế hệ hiện nay đã quá xa cách những tập quán và tâm trạng của cuộc chiến năm 1912! Từ hồi đó, tôi đã nhận thấy quan điểm đạo lý và nhân đạo về quá trình lịch sử là một cách nhìn cần cỗi nhất. Nhưng tôi không đề cập đến những lời giải thích, đây là những cảm nghĩ của tôi. Tâm hồn tôi thấm nhuần trực tiếp cảm xúc bi thảm không nói ra được của lịch sử: sự bất lực trước số phận, nỗi đau cháy lòng cho đám người thiêu thân ấy.

Lời tuyên chiến được vang lên hai ba ngày sau. Tôi viết: Ở Nga các bạn biết và tin ngay vào những điều này; nhưng tại đây, ngay chiến trường, tôi không tin nổi. Phối hợp những sự việc rất trung bình, rất thường nhật, rất người - như những chú gà, những điều thuốc, những đứa trẻ chân đất thò lò mũi dài với hiện trạng bi thảm khó tưởng tượng của chiến tranh, điều này hoàn toàn khó hiểu đối với tôi. Tôi biết lời tuyên chiến đã được đưa ra, tôi biết cuộc chiến đã bắt đầu nhưng tôi vẫn chưa quen để tin vào những điều này.

Thế mà tôi vẫn phải tin, tin thực sự và lâu dài. Những năm 1912-1913 đã giúp tôi gần gũi các nước Xécbi, Bungari, Rumani và... cuộc chiến tranh. Đây là sự chuẩn bị quan trọng về nhiều mặt, không những cho 1914 mà cả cho 1917. Trong các bài báo tôi mở cuộc chiến chống sự dối trá của chủ nghĩa thân Xlavor và nói chung, chống chủ nghĩa sô-vanh, chống những ảo tưởng của cuộc chiến, chống những phương pháp đánh lạc hướng dư luận được tổ chức có khoa học.

Tòa soạn báo *Kiépxcaia Muxli* tương đối có bản lĩnh khi họ cho in một bài của tôi trong đó tôi thuật lại những hành động tàn bạo, thú vật của người Bungari đối với các thương binh và tù binh Thổ Nhĩ Kỳ, rồi tôi tố cáo âm mưu căm lạng của báo chí Nga.

Bài báo này làm dấy lên một cơn bão bất bình từ phía báo chí tự do Nga. Ngày 30 tháng Giêng 1913, qua báo chí, tôi đặt một câu hỏi "ngoài nghị viện" cho Miliucốp về những hành động tàn ác của người Xlavor đối với người Thổ Nhĩ Kỳ. Bị dồn vào chân tường, Miliucốp - kẻ bảo vệ chí cốt nước Bungari chính thống - đáp lại bằng những lời ấp úng thảm hại. Cuộc bút chiến kéo dài nhiều tuần kèm theo những ám chỉ không tránh khỏi của báo chí chính phủ: sau biệt danh Antidơ - ttô không phải một gã di cư tầm thường mà là một điệp viên Áo-Hung ẩn náu.

Trong một tháng sống ở Rumani, tôi gần bó với Đôbrugheanu-Ghêrê [Dobrougeanu-Gherea] và củng cố vĩnh viễn tình bằng hữu với Racốpki, người tôi đã quen từ năm 1903.

Một nhà cách mạng Nga thuộc "thế hệ 1870" dừng lại Rumani khi đi qua nước này vào đúng

đêm trước của cuộc chiến Nga-Thổ; tình thế buộc anh ở lại đó. Vài năm sau, dưới cái tên Ghêrêa, đồng hương của chúng tôi có một ảnh hưởng lớn, trước tiên tới giới trí thức Rumani và sau đó tới các công nhân tiến bộ. Phê bình văn học dựa trên cơ sở xã hội là lĩnh vực chính để Ghêrêa rèn luyện ý thức cho những nhóm tiên phong của giới trí thức Rumani. Xuất phát từ những vấn đề mỹ học và đạo đức cá nhân, anh đã đưa họ đến chủ nghĩa xã hội khoa học. Thời thanh niên, đại đa số các nhà chính trị thuộc hầu hết các đảng phái Rumani đều đã qua một trường học ngắn hạn về chủ nghĩa mác-xít dưới sự dìu dắt của Ghêrêa. Nhưng điều này hoàn toàn không ngăn cản họ theo đuổi một đường lối chính trị ăn cướp, phản động lúc trưởng thành.

Người bạn khác của tôi, Khorítxchian Racốpxki là một trong những gương mặt quốc tế nhất của phong trào châu Âu. Là người gốc Bungari - ra đời tại thành phố Côten [Kotel], trái tim Bungari - nhưng anh mang quốc tịch Rumani bởi sự thất thường của tấm bản đồ Bancăng; là một thầy thuốc được đào tạo theo trường Pháp nhưng theo những mối quan hệ, cảm tình và sự nghiệp văn chương, anh lại là người Nga. Racốpxki nói được tất cả các thứ tiếng của bán đảo Bancăng, ngoài ra anh biết thêm bốn thứ tiếng châu Âu; trong những giai đoạn khác nhau anh đã tích cực tham gia nội bộ bốn đảng Xã hội - Bungari, Nga, Pháp và Rumani - rồi trở thành một nhà lãnh đạo Liên bang Xô-viết, một trong những sáng lập viên Quốc tế Cộng sản, chủ tịch Hội đồng Dân ủy Ucoraina, đại diện ngoại giao của Liên Xô ở Anh và Pháp; sau nữa, anh cũng chia sẻ số phận của phe đối lập cánh tả. Những đặc tính cá nhân của Racốpxki - cái nhìn rộng rãi mang tầm quốc tế và tâm hồn cao thượng sâu xa - khiến Xtalin, con người có những đặc điểm hoàn toàn trái ngược, đặc biệt căm ghét anh.

Năm 1913, Racốpxki là người tổ chức và lãnh đạo đảng Xã hội Rumani, sau này gia nhập Quốc tế Cộng sản. Đảng ngày càng lớn mạnh. Racốpxki biên tập tờ nhật báo của đảng và cấp vốn cho tờ báo. Bên bờ Hắc Hải, không xa Mangalia là mấy, Racốpxki thừa hưởng một trang trại nhỏ mà tiền thu hoạch được anh dùng để trợ cấp cho đảng Xã hội Rumani cùng rất nhiều đảng phái và các nhân vật cách mạng nước ngoài khác. Mỗi tuần Racốpxki ở Bucarét ba ngày, anh viết báo, viết bài, chủ trì các phiên họp của Ban Trung ương, nói chuyện trong các cuộc mít-tinh lớn và các đoàn biểu tình ngoài phố. Sau đó anh đáp tàu hỏa về bờ Hắc Hải, mang về trang trại dây, đinh và một số dụng cụ khác. Anh đi xe ra đồng, kiểm tra công việc của chiếc máy kéo mới và chạy theo nó trên những luống cày, vẫn trong bộ áo choàng thành thị. Ngay hôm sau Racốpxki đã phải hối hả trở về để kịp tham dự một cuộc mít-tinh hoặc một phiên họp. Tôi theo anh trong các chuyến đi và khâm phục nghị lực sức sôi không biết mệt mỏi, tinh thần luôn sáng khoái và mối quan tâm tể nhị đối với những kẻ bình thường. Trên các đường phố Mangalia, chỉ trong vòng một phần tư giờ đồng hồ, Racốpxki chuyển từ tiếng Rumani qua tiếng Thổ, từ tiếng

Thở qua tiếng Bungari, sau đó sang tiếng Đức và tiếng Pháp khi nói chuyện với những người nhập cư, những đại diện thương nghiệp, rồi cuối cùng lại đàm đạo tiếng Nga với một kẻ thuộc một trong vô số các xcốpét [skoptsy] Nga sống tại vùng phụ cận. Anh nói chuyện như một điền chủ, một bác sĩ, một người Bungari, một công dân Rumani và thông thường nhất, như một người xã hội. Trước mắt tôi, anh là một kỳ quan sống đi qua các phố phường của cái thành phố nhỏ xa xôi, vô tư, lười biếng bên bờ biển. Nhưng khi màn đêm tới, Racốpxki lại theo con tàu đến chiến trường. Và cả ở Bucarét, Xôphia [Sofia], Pari, Pêtécbuga hoặc Khácốp, anh đều cảm thấy thoải mái và vững vàng.

Những năm tôi ra nước ngoài lần thứ hai cũng là thời kỳ tôi cộng tác với báo chí dân chủ Nga. Tôi xuất hiện trên tờ *Kiépxcaia Muxli* với bài báo dài về tạp chí *Simplicissimus* ở Muyních; tờ này đã lôi cuốn tôi một thời gian đến mức tôi chăm chú xem tất cả các số kể từ đầu, khi những bức vẽ của T.T. Hâyne [Heine] vẫn còn thấm đượm một giác quan xã hội mạnh mẽ.

Cùng thời gian đó tôi còn có dịp tìm hiểu kỹ hơn về văn học hiện đại Đức. Tôi viết cả một bài báo lớn mang nội dung phê bình xã hội về Vêđêkindơ [Wedekind] vì ở nước Nga, song song với thoái trào cách mạng, người ta càng quan tâm đến ông.

Kiépxcaia Muxli là tờ báo cấp tiến mang màu sắc mác-xít phổ biến nhất ở miền Nam nước Nga. Một tờ báo như thế chỉ có thể tồn tại ở Kiép, nơi đời sống công nghiệp còn chậm tiến, các mâu thuẫn xã hội chưa phát triển và giới trí thức còn mang nhiều truyền thống của chủ nghĩa cấp tiến. *Mutatis mutandis*, có thể nói tờ báo cấp tiến này xuất hiện ở Kiép cũng bởi những lý do đã làm tờ *Simplicissimus* xuất hiện ở Muyních. Tôi đụng đến những đề tài đủ loại, đôi khi rất mạo hiểm xét trên bình diện kiểm duyệt. Những bài báo không dài lắm nhiều khi lại là kết quả của công cuộc chuẩn bị vô cùng rộng rãi. Cố nhiên trong một tờ báo xuất bản hợp pháp và vô đảng phái, tôi không thể nói tất cả những điều tôi muốn. Nhưng chưa bao giờ tôi viết những thứ tôi không muốn. Các bài tôi viết cho tờ *Kiépxcaia Muxli* được Nhà xuất bản Quốc gia Xô-viết in lại thành nhiều tập. Tôi không phải chối bỏ chút gì về những điều tôi đã viết. Có lẽ sẽ không thừa nếu nhắc lại rằng tôi đã cộng tác với báo chí tư sản với sự đồng tình chính thức của Ban Trung ương, trong đó đa số đứng về phe Lênin.

Tôi đã nhắc đến chuyện ngay sau khi tới Áo, chúng tôi liền dọn đến ở ngoại ô. Vợ tôi viết: Tôi thích Húttendôócphơ. Căn hộ ở đây tốt hơn tôi mong muốn vì các nhà nghỉ thường được thuê vào mùa xuân, còn chúng tôi lại thuê trong thời gian thu đông. Qua cửa sổ có thể thấy những đỉnh núi nhuộm màu thu đỏ sẫm. Không phải rẽ ra phố, có thể ra cánh đồng qua một cửa có song thưa ngoài vườn. Vào những ngày chủ nhật mùa đông, dân thành Viên đi dạo về phía núi trên chiếc xe con và ván trượt tuyết, họ đội mũ màu sặc sỡ và mặc áo nịt len. Đến tháng Tư chúng tôi phải rời bỏ nơi này vì giá thuê nhà tăng gấp đôi; trong vườn và cả ở ngoại,

hoa tím đã nở, mùi hương luồn qua những cánh cửa sổ để mở và làm căn phòng ngào ngát hương thơm. Xêriôgia [Sérioja] sinh ra ở đây. Chúng tôi buộc phải dọn đến Xiêvêrinh [Sievering], một nơi bình dân hơn. Những đứa trẻ nói tiếng Nga và đồng thời cả tiếng Đức. Ở vườn trẻ và nhà trường chúng phải nói tiếng Đức, thành thử ở nhà khi chơi với nhau chúng vẫn tiếp tục trò chuyện bằng thứ tiếng này, nhưng hễ tôi hoặc cha chúng gọi, lập tức chúng chuyển sang tiếng Nga. Nếu chúng tôi nói với lũ trẻ bằng tiếng Đức, chúng cảm thấy bối rối và đáp lại bằng tiếng Nga. Trong những năm cuối chúng còn học được cả cách nói của thành Viên và chúng nói hết sức thành thạo.

Bọn trẻ đến chơi gia đình Cliatơcô, ở đó tất cả mọi người - ông chủ nhà, bà vợ và lũ con đã lớn - đều rất quan tâm đến chúng. Họ chỉ cho lũ trẻ nhiều điều thú vị và tặng chúng những món quà tuyệt vời.

Các con chúng tôi cũng quý Riadanốp, nhà nghiên cứu nổi tiếng về Mác. Riadanốp hồi đó sống ở Viên, những động tác táo bạo của anh trong môn thể dục đã tác động mạnh vào trí tưởng tượng các con tôi. Chúng thích anh vì cả bản tính ấm ã nữa. Một lần người ta cắt tóc cho đứa bé và tôi cũng ngồi ở đó. Xêriôgia vẫy tôi lại và thì thầm vào tai:

- Con muốn họ cắt cho con giống như chú Riadanốp.

Nó mê cái đầu to trọc lốc của Riadanốp, không như của những kẻ khác mà đẹp hơn nhiều. Khi chúng tôi đăng ký cho Liôvích [Liovik] đi học ở trường, vấn đề về môn giáo lý được đặt ra. Theo luật pháp Áo đương thời, cho đến mười bốn tuổi, trẻ con phải được giáo dục theo tín ngưỡng của cha chúng. Vì trong lý lịch của chúng tôi không có ghi nhận gì về tôn giáo, chúng tôi chọn cho Liôvích đạo Tin Lành vì đó là thứ tôn giáo nhẹ hơn cả đối với đôi vai và tâm hồn một đứa trẻ.

Giáo lý của Luthơ được một cô giáo dạy trong trường, nhưng sau những giờ chính quy. Liôvích thích các giờ học ấy, cứ nhìn mắt cháu thì biết, nhưng nó thấy không cần thiết phải trình bày dài dòng về điều này ở nhà. Một tối tôi nghe thấy nó thì thầm gì đó trên giường.

- Đây là một bài kinh, mẹ biết đấy, có những câu rất đẹp như là thơ vậy - cháu trả lời câu hỏi của tôi.

Ngay khi ra nước ngoài lần đầu, cha mẹ tôi cũng đến thăm tôi. Họ từng qua chỗ tôi tại Pari và Viên cùng cháu gái đầu của tôi, lâu nay vẫn sống cùng ông bà ở làng quê. Cha mẹ tôi đến Béclin năm 1910. Khi ấy họ đã hoàn toàn làm lành với số phận tôi. Lý lẽ cứng cỏi cuối cùng có lẽ là việc cuốn sách đầu tiên của tôi được xuất bản bằng tiếng Đức.

Mẹ tôi ốm nặng, bà bị nắm tia. Trong mười năm cuối đời, bà chịu đựng bệnh tật như thêm một gánh nặng nữa, nhưng vẫn làm việc không ngừng. Tại Béclin, các bác sĩ phẫu thuật lấy đi một thận của bà. Lúc đó bà sáu mươi tuổi. Trong những tháng đầu sau khi mổ, sức khỏe bà hầu như

bình thường. Trường hợp này gây nên sự chú ý khá rộng rãi trong giới y học. Nhưng chẳng bao lâu, căn bệnh lại tái diễn và cướp bà đi trong vòng vài tháng. Mẹ tôi mất ở Ianốpca, nơi bà đã sống cả cuộc đời bận bịu và nuôi dạy con cái. Chương lớn của đời tôi trong thời kỳ lưu trú ở Viên sẽ không đầy đủ nếu không nói về những người bạn gần gũi nhất ở đây: ông già di cư X. L. Cliatrocô và gia đình ông. Lịch sử toàn bộ chuyến ra nước ngoài lần thứ hai của tôi gắn bó mật thiết với gia đình này, một tổ ấm của những mối quan hệ rộng rãi ở châu Âu, một trung tâm thực sự của những chính kiến chính trị đa dạng và nói chung, của những hoạt động trí óc; ở đây mọi người chơi nhạc và nói bốn thứ tiếng châu Âu. Cái chết vào tháng Tư 1914 của ông chủ gia đình Xêmiôn Lovôvích [Sémion Lvovitch] khiến tôi và vợ tôi buồn vô hạn.

Viết về người em rất tài năng của mình, Lép Tônxtoi cho rằng Xécgây [Serge] chỉ thiếu một vài khuyết điểm nhỏ để trở thành nghệ sĩ lớn. Cũng có thể nói như thế về Xêmiôn Lovôvích: ông có đủ mọi nhân tố để trở thành chính trị gia lỗi lạc, trừ những khuyết điểm cần thiết. Trong gia đình Cliatrocô, mọi người luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ và tiếp đón thân tình chúng tôi, tất nhiên chúng tôi thường xuyên cần thiết cả hai thứ đó.

Nhuận bút tờ *Kiépxcaia Muxli* trả cho tôi lẽ ra đủ cho cuộc sống thanh đạm của chúng tôi. Nhưng có những tháng mà công việc cho tờ *Prápđa* khiến tôi không viết nổi một dòng có thù lao. Những khi ấy khủng hoảng nổ ra. Vợ tôi biết rất rõ con đường đến hiệu cầm đồ, còn tôi cũng nhiều lần phải bán lại những cuốn sách tôi mua được trong thời kỳ sung túc hơn cho bọn buôn sách. Có khi đồ đạc nghèo nàn của chúng tôi bị lấy làm vật bảo đảm cho tiền thuê nhà. Chúng tôi nuôi hai con nhỏ và không được ai giúp đỡ. Cuộc sống đè nặng gấp đôi lên vai vợ tôi. Dù vậy cô vẫn tìm được sức lực và thì giờ giúp tôi trong công tác cách mạng.

CHƯƠNG XVIII KHỞI ĐẦU CUỘC CHIẾN TRANH

Trên các rào dậu và bờ tường thành Viên, xuất hiện hàng chữ: "Alle Serben müssen sterben!". Câu này đã trở thành tiếng gọi tập hợp của lũ trẻ ngoài đường phố. Con trai thứ của chúng tôi, Xêriôgia - lúc nào cũng sẵn sàng tinh thần kháng cự -, đã tuyên bố trên bồn cỏ ở Xievering: "Hoch Serbien!". Cậu bé về nhà với những vết thâm tím trên người và được kinh nghiệm đầu tiên về chính trị quốc tế.

Biucanơn [Buchanan] - cựu đại sứ Anh ở Pêtécboa - trong hồi ký của ông đã hào hứng nói về "những ngày kỳ diệu đầu tháng Tám" khi "nước Nga hoàn toàn biến đổi". Chúng ta cũng tìm thấy sự khoái trá tương tự trong các hồi ký những vị lãnh đạo khác, mặc dù họ không hiện thân đầy đủ cho sự tự mãn thiển cận của giới cầm quyền như Biucanơn. Tại mọi trung tâm châu Âu, những ngày đầu tháng Tám đều "kỳ diệu", tất cả các nước đều "biến đổi" để lao vào công cuộc tàn phá lẫn nhau.

Điều bất ngờ nhất là sự bùng nổ tinh thần yêu nước của quần chúng tại Áo-Hung. Thử hỏi cái gì đã thúc đẩy anh thợ đóng giày thành Viên, chàng Pötspexin [Pospesil] nửa Đức nửa Tiệp hoặc chị bán rau Phòrao Marét [Frau Maresch] hay anh đánh xe Phòrăngcơ [Frankl], đi biểu tình trước Bộ Chiến tranh? Một tư tưởng quốc gia? Loại gì? Bản thân đế chế Áo-Hung chính là sự phủ nhận của tư tưởng quốc gia. Không, động lực nằm ở chỗ khác.

Rất nhiều người sống ở thế giới này và cuộc đời của họ ngày lại ngày, trôi qua đơn điệu không chút hi vọng. Xã hội đương thời dựa trên họ. Tiếng chuông báo động của tổng động viên tác động vào cuộc sống họ như một lời hứa hẹn. Gạt bỏ tất cả những gì quen thuộc và làm họ chán chường, họ đi vào cái mới và cái khác thường. Những biến đổi khó nhận ra hơn vẫn chờ họ. Tốt hay xấu hơn? Tốt hơn, hẳn là thế: đối với Pötspexin, làm gì có thứ tệ hơn cái anh đã có trong hoàn cảnh "bình thường".

Tôi đã quanh quẩn trên các phố trung tâm thành Viên quen thuộc và quan sát đám đông lạ thường ở khu phố Ring (Vòng cung) choáng ngợp, với những hi vọng mới được nhen lên trong họ. Và những hi vọng ấy phải chẳng đã biến thành hiện thực một phần? Vào thời khác, phải chẳng những người phu khuôn vác ngoại thành, chị thợ giặt, anh thợ giày, người giúp việc và thợ học việc cũng cảm thấy như mình làm chủ được tình thế trong khu phố Ring? Chiến tranh đụng chạm đến mọi người, thành thử những kẻ bị áp bức, những người bị cuộc sống lừa gạt, khi ấy dường như bình đẳng với những người giàu, những kẻ mạnh. Xin đừng coi đấy là nghịch lý, nhưng trong không khí của đám quần chúng biểu tình ca ngợi chiến công của dòng họ Hápsơbua, tôi nhận ra một số nét rất thân thuộc từ những ngày tháng Mười 1905 ở Pêtéc-bua. Chiến tranh không phải vô ích, trong lịch sử nó thường là mẹ đẻ của cách mạng.

Vậy mà khác nhau biết bao nhiêu nói đúng hơn: đối lập nhau biết bao nhiêu thái độ của các giai cấp thống trị đối với chiến tranh và cách mạng. Biucanơ thấy những ngày tháng Tám ấy "kỳ diệu" và nước Nga đã thức tỉnh. Ngược lại, bá tước Vítte viết như sau về những ngày đau thương nhất của cách mạng 1905:

Tuyệt đại đa số ở nước Nga như mắc chứng điên cuồng.

Giống như cách mạng, chiến tranh cũng hoàn toàn làm trượt cuộc sống khỏi con đường ray quen thuộc. Nhưng cách mạng hướng những đòn của mình vào thể chế hiện hành. Ngược lại, chiến tranh trong thời gian đầu chỉ làm mạnh thêm chính quyền nhà nước, chỗ dựa bền vững duy nhất trong cảnh hỗn độn do nó gây ra cho đến khi bản thân cuộc chiến chưa làm đổ sập chính quyền đó. Những hi vọng mà người ta đặt vào các phong trào xã hội và dân tộc ở Praha hoặc Toriétxtơ [Trieste], cũng như ở Vácsava hoặc Tiphơlít [Tiflis] - hoàn toàn không có cơ sở trong thời kỳ đầu của cuộc chiến.

Tháng Chín 1914, tôi vi ết thư gửi về Nga:

Việc động viên và tuyên chiến dường như xóa hết mọi mâu thuẫn dân tộc và xã hội trong nước. Nhưng đó chỉ là một thời hạn lịch sử, một thứ tạm hoãn trong chính trị. Các hồi phiếu được chuyển sang thời điểm khác, nhưng cuối cùng cũng phải được thanh toán đầy đủ.

Trong những dòng bị kiểm duyệt trên, cố nhiên không chỉ Áo-Hung mà nước Nga và trước hết, nước Nga là đối tượng tôi suy nghĩ.

Các sự kiện chồng chất lên nhau. Chúng tôi nhận qua điện tín tin Giôrét bị ám sát. Báo chí chứa đầy những điều dối trá điên cuồng khiến sự ngờ vực và hi vọng vẫn còn lại, ít nhất trong vòng vài giờ. Nhưng chẳng bao lâu khả năng ấy cũng tan biến. Jaurés bị kẻ thù ám sát và bị chính đảng ông phản bội.

Theo nhận xét của tôi, các nhà lãnh đạo đảng Xã hội Dân chủ Áo có thái độ như thế nào đối với chiến tranh? Một số vui ra mặt, họ bôi nhọ người Xécbi và người Nga, không mấy phân biệt giữa chính phủ và nhân dân các nước ấy; về bản chất, chủ yếu họ là những người quốc gia, văn hóa xã hội chỉ phủ lên họ một lớp mỏng nhưng chẳng mấy chốc cũng bong khỏi họ. Tôi còn nhớ Hanxơ Đóttơ [Hans Deustch] - sau này trở thành một thứ bộ trưởng Bộ Chiến tranh - đã nói rất chân thành về tính chất không tránh khỏi và chức năng tẩy rửa của chiến tranh, bởi cuối cùng nó sẽ giải thoát nước Áo khỏi "cơn ác mộng" Xécbi. Một số khác - đứng đầu là Víchto Átle - nhìn nhận chiến tranh như một thứ tai họa ngoại lai mà họ phải chịu đựng. Tuy nhiên thái độ bàng quan thụ động ấy chỉ nhằm che giấu cánh quốc gia tích cực. Một số tư tưởng gia sâu sắc nhắc nhiều, một cách bóng gió, đến chiến thắng của Đức năm 1871, từng làm chấn hưng nền công nghiệp Đức và cùng với nó, cả phong trào xã hội dân chủ.

Ngày mùng một tháng Tám, Đức tuyên chiến với nước Nga. Trước đó người Nga đã bắt đầu rời khỏi Viên. Sáng ngày 3 tháng Tám, tôi đi Viênxailơ [Wienzeile] để bàn bạc với các đại biểu xã hội về những việc mà người Nga di cư như chúng tôi cần phải làm. Bị sức ì chi phối, trong phòng làm việc, Phridrich Átle [Friedrich Adler] vẫn tiếp tục lục tìm sách vở, giấy tờ, chuẩn bị tem cho Đại hội Quốc tế Xã hội sẽ họp ở Viên. Nhưng dự kiến về Đại hội thực ra đã thuộc về quá khứ... Những lực lượng mới đã xuất hiện trên vũ đài...

Ông già Átle đề nghị tôi lập tức cùng ông đến ngọn nguồn trực tiếp, tức ông phụ trách cảnh sát chính trị Gâyê [Geyer], để lấy tin tức. Ngồi trong xe, trên đường đến sở cảnh sát, tôi chỉ cho Átle thấy cuộc chiến đã tạo ra một bầu không khí như ngày hội.

- Chỉ cái lũ không phải ra mặt trận mới mừng rỡ - ông trả lời tôi ngay. - Ngoài ra, bây giờ tất cả những kẻ thần kinh không ổn định, tất cả những thằng điên đều nhào ra đường phố: đây là thời cơ của chúng. Vụ ám sát Giôrét chỉ mới là khởi điểm. Cuộc chiến mở rộng cửa cho mọi bản năng, mọi biểu hiện điên rồ...

Vốn là bác sĩ tâm thần trong chuyên ngành ban đầu của ông, Átle thường tiếp cận những sự

kiến chính trị - "nhất là những sự kiện ở Áo", ông nói mỉa mai - theo quan điểm tâm thần học. Lúc đó ông không hề nghĩ chính con trai ông sẽ phạm một tội ác chính trị! Trong tạp chí *Kampf* do con trai ông là Phridrich biên tập, trước khi xảy ra cuộc chiến ít lâu, tôi đã viết một bài trong đó tôi vạch rõ tính chất vô nghĩa của khủng bố cá nhân. Đáng chú ý là ông chủ nhiệm rất tán thành bài báo này. Hành động khủng bố của anh không gì khác hơn là sự bột phát của kẻ cơ hội lúc tuyệt vọng. Sau khi tìm được lối thoát cho nỗi thất vọng, Phridrich Átle lại trở về con đường cũ xưa kia.

Gâye đặt ra một giả thuyết thận trọng: sáng ngày mai, có thể có lệnh giam giữ người Nga và người Xécbi.

- Như vậy ông khuyên tôi nên đi?

- Càng sớm càng tốt.

- Được thôi, ngày mai tôi sẽ cùng gia đình đi Thụy Sĩ.

- Hừm... tôi muốn ông đi ngay hôm nay thì hơn.

Cuộc nói chuyện trên xảy ra vào ba giờ chiều, sáu giờ mười phút tối tôi đã ngồi trên tàu hỏa đến Durich cùng toàn thể gia đình. Tôi để lại nơi này những mối quan hệ suốt bảy năm, những sách vở, tài liệu lưu trữ, những công việc mới bắt đầu, trong đó có một cuộc bút chiến với giáo sư Masarich [Masaryk] về tương lai nền văn hóa Nga.

Bức điện báo tin đảng Xã hội Dân chủ Đức đầu hàng khiến tôi bị chấn động mạnh hơn là bản tuyên chiến, mặc dầu tôi chưa từng lý tưởng hóa một cách ngây thơ chủ nghĩa xã hội Đức. Tôi đã viết năm 1905 và sau đó còn nhắc lại nhiều lần:

Các đảng Xã hội châu Âu đã dựng nên chủ nghĩa bảo thủ của họ, tư tưởng này ngày càng mạnh khi chủ nghĩa xã hội càng cuốn hút được nhiều quần chúng... Bởi thế đảng Xã hội Dân chủ, đến một thời điểm nhất định, sẽ trở thành một trở ngại trực tiếp trong cuộc đụng độ giữa công nhân và tư sản phản động. Nói cách khác, tư tưởng bảo thủ trong tuyên truyền xã hội của đảng vô sản, một lúc nào đó, sẽ cản trở cuộc đấu tranh trực tiếp của giai cấp vô sản để giành chính quyền.

Trong trường hợp có chiến tranh, tôi không trông chờ các nhà lãnh đạo chính thức của Quốc tế có khả năng đưa ra những sáng kiến cách mạng nghiêm chỉnh. Nhưng tôi cũng không tin đảng Xã hội Dân chủ lại có thể đơn giản bỏ sát đất trước chủ nghĩa quân phiệt quốc gia.

Khi tờ báo *Vorwärts* (ấn hành ở Thụy Sĩ) tường thuật phiên họp ngày 4 tháng Tám của Râystác [Reichstag], không do dự, Lênin tuyên bố đó là một ấn bản giả mạo do Đại bản doanh Bộ Tham mưu Đức phát hành nhằm đánh lạc hướng và dọa dẫm kẻ thù. Dù có khả năng phán đoán, Lênin vẫn còn đặt niềm tin mãnh liệt vào đảng Xã hội Dân chủ Đức. Cùng lúc ấy, tờ *Arbeiter Zeitung* ở Viên đón mừng ngày đầu hàng của chủ nghĩa xã hội Đức là "ngày trọng đại

của dân tộc Đức". Đó là tuyệt đỉnh đối với Aoxtéclít! Aoxtéclít "của họ"!... Tôi không coi số báo *Vorwärts* là giả mạo: những kinh nghiệm trực tiếp đầu tiên nhận được ở Viên đã chuẩn bị cho tôi chờ đón sự việc tệ hại nhất. Vậy mà cuộc bỏ phiếu ngày 4 tháng Tám vẫn là một trong những ấn tượng bi thảm nhất của đời tôi. Ăngghen nói thế nào về điều này? - tôi tự hỏi. Câu trả lời thật rõ ràng. Và Bêben sẽ làm gì? Về điểm này, tôi đã không tìm thấy câu trả lời hoàn toàn sáng sủa. Nhưng Bêben không còn nữa. Thay thế ông, chúng ta thấy Hade, nhà dân chủ chất phác thiện cận, không chút hơi hướng lý luận và cách mạng. Trong tình huống nguy kịch, ông ta có thiên hướng tránh những quyết định không thể rút lại, tìm đến những biện pháp nửa vời và chờ đợi. Đây là những sự kiện đã vượt quá sức ông. Và sau ông là những Sâyđôman [Scheidemann], Êbéc [Ebert], Venxơ [Wels]...

Thụy Sĩ là tấm gương phản chiếu của Đức và Pháp nhưng dưới hình thức trung lập, nghĩa là cùn rĩ hơn và hoàn toàn bị thu nhỏ. Để tạo nên ấn tượng chung mạnh hơn, trong nghị viện Thụy Sĩ có hai nghị sĩ xã hội cùng tên, cùng họ: Giôhan Xigơ [Johann Sigg] ở Durích và Giăng Xigơ [Jean Sigg] ở Giơnevơ. Người đầu thân Đức cuồng nhiệt, người thứ hai thân Pháp còn cuồng nhiệt hơn. Đó là tấm gương phản chiếu của Quốc tế tại Thụy Sĩ.

Đến gần tháng thứ hai của cuộc chiến, trên đường phố Durích tôi chạm trán với ông gi à Mônkenbua [Molkenbuhr], ông tới đây để tác động dư luận. Trả lời câu hỏi "đảng của ông hình dung tiến trình Thế chiến như thế nào?", thành viên kỳ cựu của Voócxtan [Vorstand] đáp:

- Trong hai tháng sắp tới chúng ta sẽ kết liễu Pháp rồi quay lại phương Đông quật ngã quân đội Nga hoàng; ba tháng nữa, nhiều lắm là bốn, chúng ta sẽ đem lại một nền hòa bình bền vững cho châu Âu.

Tôi chép lại - đúng từng chữ một - câu trả lời ấy vào nhật ký, cố nhiên Mônkenbua không phát biểu ý kiến cá nhân mình. Ông chỉ truyền lại ý kiến chính thức của đảng Xã hội Dân chủ. Cùng thời gian đó, đại sứ Pháp ở Pêtécbuga cá cược với Biucanơ năm đồng bảng Anh rằng chiến tranh sẽ kết thúc trước lễ Giáng sinh. Không, những người "không tưởng" chúng tôi biết điều này, điều khác chính xác hơn các nhà xã hội dân chủ thực tiễn hay giới ngoại giao.

Thụy Sĩ - nơi tôi phải đợi chờ bên lề cuộc chiến - khiến tôi nhớ lại nhà trọ Phần Lan ở Rauha, nơi tôi được tin về làn sóng cách mạng năm 1905. Cố nhiên ở Thụy Sĩ người ta cũng tổng động viên quân đội và tại Baden [Basel] còn có thể nghe thấy tiếng gầm của đại bác. Vậy mà các nhà trọ lớn ở Thụy Sĩ, nơi thừa thãi pho-mát và thiếu khoai tây là nỗi lo lớn nhất, làm ta liên tưởng đến một ốc đảo yên tĩnh bị vây bởi vòng lửa chiến tranh và tôi tự hỏi: có lẽ cũng không còn lâu cái ngày tôi có thể rời ốc đảo Rauha "yên tĩnh" ở Thụy Sĩ này để gặp lại công nhân thành Pêtécbuga trong giảng đường Học viện Kỹ thuật. Nhưng cái ngày ấy chỉ đến sau đó ba mươi ba tháng.

Nhu cầu ghi nhận những gì đang diễn ra khiến tôi phải viết nhật ký. Từ ngày 9 tháng Tám, tôi đã viết:

Hoàn toàn hiển nhiên: không còn là những lầm lỗi, những bước tiến của một số kẻ cơ hội, những lời tuyên bố vụng về trên diễn đàn nghị viện, những cuộc bỏ phiếu cho ngân sách của phái xã hội dân chủ đại công quốc Baden [Baden], những thử nghiệm của nội các Pháp và cũng không phải tư cách bội bạc của một số lãnh tụ; vấn đề là *sự tan rã của Quốc tế* trong giai đoạn cần trách nhiệm cao nhất, so với nó mọi thứ trước đó chỉ là công cuộc chuẩn bị.

Ngày 11 tháng Tám, tôi vi ết trong nhật ký:

Chỉ có sự thức tỉnh của phong trào xã hội cách mạng - phong trào này phải lập tức nắm lấy những hình thức dữ dội nhất - mới có thể đặt nền móng cho một Quốc tế mới. Những năm tháng sắp tới sẽ là thời kỳ cách mạng xã hội.

Tôi tham gia tích c ực vào đời sống của đảng Xã hội Thụy Sĩ. Trong các tầng lớp dưới, đường lối quốc tế của đảng mang lại những cảm tình hầu như nhất trí. Tôi rời mỗi cuộc họp đảng với niềm tin được nhân lên gấp đôi về lập trường đúng đắn của mình. Điểm tựa đầu tiên của tôi, được tìm thấy trong "Liên minh Công nhân Entrắc [Eintracht]", hoàn toàn mang tính quốc tế nếu xét về thành phần. Theo giao ước của tôi với ban lãnh đạo Liên minh, đầu tháng Chín tôi thảo một dự thảo Tuyên ngôn chống chiến tranh và chống chủ nghĩa xã hội quốc gia. Ban lãnh đạo mời các lãnh tụ đảng đến dự một cuộc họp, tại đây tôi phát biểu bằng tiếng Đức để bảo vệ bản Tuyên ngôn. Nhưng các lãnh tụ không đến họp. Họ thấy quá mạo hiểm khi phải mình định lập trường trong một vấn đề nguy hiểm như thế, họ thà chờ đợi và hạn chế hoạt động trong khuôn khổ phê bình trong phòng kín những điều "thái quá" của chủ nghĩa xô-vanh Pháp và Đức. Nhưng phiên họp Entrắc hầu như nhất trí chấp nhận Tuyên ngôn, bản này vẫn thực sự thúc đẩy công luận trong đảng dù phải bỏ qua một số điểm nhỏ. Kể từ đầu cuộc chiến, có lẽ đây là tài liệu quốc tế đầu tiên do một tổ chức công nhân công bố.

Trong nh ững ngày tháng đó, lần đầu tiên tôi chạm trán trực tiếp với Radéc, anh từ Đức qua Thụy Sĩ vào đầu cuộc chiến. Trong đảng Đức anh ở cánh cực tả và tôi hi vọng tìm thấy ở anh một người cùng tư tưởng. Thực vậy, Radéc tuyên bố về tầng lớp lãnh đạo của đảng Xã hội Dân chủ Đức với vẻ nghiêm khắc lạ lùng. Trong chuyện đó chúng tôi nhất trí với nhau. Nhưng qua các dịp trò chuyện, tôi ngạc nhiên nhận thấy anh không hề nghĩ đến khả năng nổ ra của một cuộc cách mạng vô sản trong chiến tranh và nói chung, trong một tương lai gần. Không, anh đáp, nhìn trong tổng thể, lực lượng sản xuất của toàn nhân loại vẫn chưa phát triển đầy đủ. Tôi đã phải nghe quá nhiều lần chuyện các lực lượng sản xuất của Nga vẫn chưa đủ để giai cấp công nhân giành chính quyền. Nhưng tôi không hề tưởng tượng một câu trả lời như vậy lại xuất phát từ một chính trị gia cách mạng của một nước tư bản hàng đầu. Sau khi tôi đi khỏi

Durích ít lâu, Radéc diễn thuyết một bài dài trong "Liên minh Entrắc", anh chứng minh rằng giang đại hải rằng thế giới tư bản vẫn chưa được chuẩn bị cho một cuộc cách mạng xã hội.

Trong tập hồi ký của ông, nhà văn Thụy Sĩ Brúpbakhe [Brupbacher] thuật lại khá thú vị về bài diễn thuyết của Radéc và nói chung, về ngã tư đường của những người xã hội Durích giai đoạn đầu chiến tranh. Đáng chú ý, Brúpbakhe lại cho rằng những ý kiến hồi đó của tôi là... hòa bình chủ nghĩa. Không thể đoán ra ông muốn nói gì. Quá trình tiến hóa của Brúpbakhe thời ấy được tập trung lại trong tựa đề cuốn sách của chính ông: *Từ tiểu tư sản đến bên-sê-vích*. Tôi biết khá rõ về tư tưởng hồi ấy của Brúpbakhe để hoàn toàn chấp nhận nửa đầu của nhận định trên. Ngoài ra, tôi không muốn chịu bất kỳ trách nhiệm gì về nửa sau.

Khi các báo chí xã hội Đức và Pháp đưa ra bức tranh rõ ràng về thảm trạng chính trị và đạo đức của chủ nghĩa xã hội chính thức, tôi gạt cuốn hồi ký ra một bên để viết một bài về chiến tranh và Quốc tế. Dưới tác động cuộc nói chuyện đầu tiên với Radéc, tôi viết cho cuốn sách nhỏ ấy một bài tựa trong đó tôi còn nhấn mạnh hơn: cuộc chiến hiện tại không phải gì khác ngoài sự nổi dậy của các lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa trên phạm vi toàn cầu chống lại một bên là chế độ tư hữu, bên kia là các biên giới quốc gia... Cũng như mọi cuốn sách khác, tập sách nhỏ mang tên *Chiến tranh và Quốc tế* của tôi có một số phận nhất định, trước tiên ở Thụy Sĩ rồi ở Đức và ở Pháp, sau này ở Mỹ và cuối cùng ở Liên bang Xô-viết. Thiết tưởng cần nói vài lời ở đây về tất cả những chuyện này.

Bản thảo tiếng Nga được dịch bởi một người Nga không thạo tiếng Đức lắm. Một giáo sư Durích tên là Ragado [Ragaz] nhận phần biên tập bản dịch ấy. Đây là dịp để tôi làm quen với nhân vật đặc biệt này. Là một con chiên ngoan đạo, thậm chí xét về học thức và nghề nghiệp, Ragado là một nhà thần học; đồng thời đứng ở nhánh cực tả của chủ nghĩa xã hội Thụy Sĩ, ông chấp nhận cả những phương pháp thái quá nhất cho cuộc chiến đấu chống chiến tranh và tán thành cách mạng vô sản. Tôi rất cảm tình với Ragado vì ông và vợ ông tiếp cận những vấn đề chính trị hết sức nghiêm chỉnh, điều này khiến họ rất khác biệt với các viên chức xã hội dân chủ Áo, Đức, Thụy Sĩ và bao kẻ khác, những kẻ không biết một ý thức hệ tư tưởng nào.

Nếu tôi không nhầm, sau này Ragado buộc phải hy sinh bậc giảng đại học cho các tư tưởng của mình. Trong giới của ông, điều này không nhỏ. Nhưng bên cạnh lòng kính trọng đối với con người đặc biệt này, qua các cuộc nói chuyện, tôi cảm thấy sự tồn tại - hầu như về mặt thực thể - của một tấm màn mong manh, nhưng hoàn toàn không thể chọc thủng giữa hai chúng tôi. Ông là người thần bí đến tận tâm can. Mặc dù không tìm cách áp đặt tín ngưỡng của mình cho người khác, thậm chí ông cũng không nói đến nó, nhưng trong mọi lời lẽ của ông, bản thân cuộc khởi nghĩa vũ trang cũng bị hơi lạnh của một thứ thế giới bên kia bao trùm, khiến tôi rùng mình khó chịu. Từ ngày bắt đầu biết suy tưởng, tôi trở thành nhà duy vật, trước tiên theo

bản năng rồi sau đó bằng ý thức. Không những không cảm thấy sự thiếu vắng của những thế giới khác, nhưng tôi cũng không bao giờ duy trì được mối quan hệ tâm lý với những kẻ có thể thừa nhận cùng một lúc cả Đácuyln lẫn Thánh ba ngôi.

Nhờ Ragador, bản tiếng Đức của cuốn sách được ấn hành tuyệt đẹp. Ngay từ tháng 12-1914, nó đã tìm được đường qua Áo và Đức, từ Thụy Sĩ. Trước tiên, những người cánh tả Thụy Sĩ - Phridrich Plätten [Friedrich Platten] và những kẻ khác - lo việc này. Viết cho các nước nói tiếng Đức, cuốn sách trước hết chĩa mũi dùi vào đảng Xã hội Dân chủ Đức, đảng lãnh đạo Đế nhị Quốc tế. Tôi còn nhớ một nhà báo tên là Henman [Heilmann], cây vĩ cầm hàng đầu của giàn nhạc sô-vanh chủ nghĩa, gọi cuốn sách là "điên rồ, nhưng vẫn mạch lạc trong sự điên rồ ấy". Không thể mong mỗi một lời khen nào hơn! Cố nhiên, không thiếu những lời ám chỉ cho rằng cuốn sách là một công cụ tuyên truyền khéo léo cho Liên minh.

Sau này ở Pháp, bất ngờ tôi đọc trong báo Pháp một mẩu tin qua điện tín từ Thụy Sĩ. Theo đó, một tòa án Đức xử tù vắng mặt tôi vì cuốn sách nhỏ viết tại Durich. Từ đó, tôi rút ra kết luận: cuốn sách đã trúng đích. Bằng bản án mà tôi không vội vàng tuân thủ, các quan tòa thuộc dòng họ Hôhendôlécno đã giúp tôi một việc vô giá. Với những kẻ vu khống và mật thám của Liên minh, bản án của phiên tòa Đức lúc nào cũng là một khó khăn lớn khi họ cố chứng tỏ tôi thực chất là điệp viên của Đại bản doanh Đức.

Tất cả những điều này không ngăn trở nhà chức trách Pháp chặn lại cuốn sách của tôi ở biên giới vì nó mang "nguồn gốc Đức". Để bảo vệ cuốn sách khỏi kiểm duyệt Pháp, một bài viết lập lòe xuất hiện trên tờ báo của Guxtáp Écvê [Gustave Hervé]. Tôi nhớ Sáclo Ráppôpô [Charles Rappoport] viết bài ấy, ông khá nổi tiếng và cũng gần là một nhà mác-xít. Ráppôpô sản xuất khá nhiều trò chơi chữ, nhiều đến mức một người, nếu chỉ làm việc này suốt đời, cũng chỉ có thể làm ra ngần ấy.

Sau cách mạng tháng Mười, một người làm nghề xuất bản ở Niu Oóc có sáng kiến cho in cuốn sách mỏng tiếng Đức của tôi dưới dạng một cuốn sách bìa dày kiểu Mỹ. Theo lời kể của anh, tổng thống Uynxơn [Wilson] đã điện thoại gọi anh mang bản in thử đến Nhà Trắng: đó là lúc tổng thống đang sáng chế mười bốn điểm của ông và theo lời những kẻ am tường, tổng thống không chịu nổi việc những người bên- sê-vích lấy mất của ông mọi diễn đạt hay nhất. Trong vòng hai tháng cuốn sách được bán ở Mỹ với số lượng mười sáu ngàn bản. Nhưng rồi tiếp đến thời kỳ những cuộc hòa đàm ở Bô-rét-Litôpxơ. Báo chí Mỹ chống đối tôi dữ dội và cuốn sách lập tức biến mất khỏi thị trường.

Ở nước Cộng hòa Xô-viết, cuốn sách ấy được tái bản nhiều lần và trở thành tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu quan hệ giữa chủ nghĩa mác-xít và chiến tranh. Nó chỉ bị biến mất khỏi "thị trường" của Quốc tế Cộng sản sau năm 1924, khi người ta phát hiện ra "chủ nghĩa

trốt-kít". Cũng như thời trước cách mạng, hiện nay cuốn sách bị cấm đoán. Hóa ra sách vở quả thực cũng có một số phận nhất định.

CHƯƠNG XIX PARI VÀ DIMMÉCVAN

Trên cương vị phóng viên chiến trường của tờ *Kiépxcaia Muxli*, tôi qua biên giới Pháp ngày 19 tháng Mười một 1914. Tôi càng sẵn sàng nhận lời mời của tờ báo vì nhiệm vụ này tạo cho tôi khả năng thấy được cuộc chiến ở khoảng cách gần hơn.

Quang cảnh Pari thật buồn bã. Tối tối, các phố xá lại chìm trong bóng đêm. Những khinh khí cầu lơ lửng trên thành phố. Sau khi quân Đức bị chặn lại tại sông Mácno [Marne], chiến tranh càng gay go và tàn bạo hơn. Trong cảnh hỗn mang không bờ bến đang xâu xé châu Âu, cảnh sự im lặng của quần chúng công nhân bị đảng Xã hội Dân chủ lường gạt và phản bội, bộ máy hủy diệt sống cuộc đời riêng. Nền văn minh tư bản lao mình vào cái vô nghĩa, cố chọc thủng bộ xương sọ dày của nhân loại.

Vào giây phút khi quân Đức tiến gần đến Pari và những nhà tư sản yêu nước Pháp bắt đầu rời bỏ thủ đô, hai người Nga di cư ở đó cho ra đời một tờ nhật báo nhỏ bằng tiếng Nga. Tờ báo có nhiệm vụ giải thích cho kiều dân Nga lưu lạc tại Pari hiểu rõ những sự kiện đang xảy ra và duy trì tinh thần đoàn kết quốc tế trong họ. Trước khi ấn hành số báo đầu, "quỹ" của nhà xuất bản có vừa vặn ba mươi phờ-răng. Không kể "tĩnh táo" nào tin việc có thể cho ra một tờ nhật báo với cái vốn ban đầu ấy. Và thực vậy: mặc dầu tòa soạn và các cộng tác viên làm việc không lương, mỗi tuần ít nhất một lần tờ báo lại qua một cơn khủng hoảng tưởng chừng không lối thoát.

Nhưng người ta vẫn luôn tìm thấy lối thoát. Các thợ in trung thành với tờ báo thà nhịn đói, các chủ nhiệm chạy khắp thành phố nhằm kiếm vài chục phờ-răng - và số báo tiếp theo lại ra đời. Cứ thế, dưới những đòn của sự thiếu hụt và kiểm duyệt - đôi khi biến đi để rồi lại hiện ra ngay dưới một tiêu đề khác - tờ báo sống được hai năm, tức là cho đến cách mạng tháng Hai 1917. Sau khi đến Pari, tôi hăng hái cộng tác ngay với *Nasê Xlôvơ* [Naché Slovo] (Tiếng nói của chúng ta), lúc đó còn được gọi là *Gôlôtxơ* [Golos] (Tiếng nói). Đối với tôi, tờ nhật báo này cũng là công cụ chính để định hướng trong dòng thời cuộc. Những kinh nghiệm học được ở tờ *Nasê Xlôvơ* sau này cũng có ích khi tôi phải trực tiếp phụ trách công tác quân sự.

Gia đình tôi chỉ chuyển đến Pháp vì chuyển đến Pháp v1915. Chúng tôi cư trú ở Sévrơ [Sèvres], trong một căn nhà nhỏ do một người bạn trẻ - họa sĩ người Ý Ronê Parétxơ [René Parece] - nhường lại. Lũ trẻ bắt đầu đi học trong trường Sévrơ. Mùa xuân thật tuyệt vời, cây cỏ đặc biệt dịu dàng và mơn trớn. Nhưng ngày càng nhiều phụ nữ vận đồ tang. Học sinh thành trẻ mồ côi. Hai đạo quân đào hố tự chôn mình dưới lòng đất. Trên tờ báo của mình, Clêmăngxô

[Clémenceau] bắt đầu công kích Giôphơơ [Joffre]. Bọn phản động ngầm chuẩn bị đảo chính. Tin tức về chuyện đó lan truyền từ miệng này qua miệng khác. Trong một hai ngày liền, trên các trang của tờ *Temps* (Thời báo), người ta gọi nghị viện là "nơi tụ hội của những con lừa", không hơn không kém. Tuy thế, chính tờ *Temp* này lại đòi hỏi thật nghiêm khắc việc các nhà xã hội phải tôn trọng khối thống nhất dân tộc.

Giôrét không còn nữa. Tôi đến tiệm cà phê Croissant (Café du Croissant - quán cà phê Bánh sừng bò) nơi ông bị ám sát để muốn tìm lại dấu vết gì đó của ông. Tôi xa ông về chính trị. Nhưng không thể không cảm thấy sức cuốn hút của nhân vật kiệt xuất này. Thế giới nội tại của Giôrét được tạo bởi những truyền thống dân tộc, những nguyên lý đạo đức siêu hình, tình thương kẻ khốn cùng và trí tưởng tượng thi sĩ. Đồng thời, ông có những nét quý phái rõ rệt, cũng như Bêben đơn giản là người bình dân về mặt tinh thần, đạo đức. Tuy nhiên, cả hai vượt hẳn lên trên cái di sản họ để lại.

Tôi được nghe Giôrét trong các cuộc mít-tinh nhân dân ở Pari trong các Đại hội Quốc tế và trong các phiên họp ủy ban. Và mỗi lần, tôi lại nghe ông như thể mới nghe lần đầu. Không trở thành khuôn sáo, về cơ bản không bao giờ ông lặp lại mình, luôn luôn tự phát hiện những cái mới về mình, lúc nào ông cũng huy động được những nguồn ẩn tinh thần. Bên cạnh sức mạnh oai nghiêm, nguyên sơ như một dòng thác, trong ông lại ẩn nự nhiều vẻ dịu dàng, bừng sáng trên khuôn mặt như ánh sáng phản chiếu của nền văn hóa cao cả nhất. Ông xô những tảng đá, găm như sấm, làm lung chuyển các nền móng, nhưng không bao giờ ông mũ ni che tai trước những kẻ khác, lúc nào ông cũng sẵn sàng, tỉnh táo lắng tai nghe mọi lời phản hồi, để rồi lập tức phản bác, bắt bẻ đối phương không thương xót, ông quét sạch các trở ngại đôi khi như trận cuồng phong, đôi khi lại độ lượng, mềm mại như một người thầy, một người anh lớn.

Giôrét và Bêben là hai đối cực, đồng thời là hai đỉnh cao của Đệ nhị Quốc tế. Cả hai đều là những nhà dân tộc sâu sắc: Giôrét với cái vốn tu từ học La Tinh nồng cháy, Bêben với cái khô khan của người theo đạo Tin Lành. Tôi yêu quý cả hai, nhưng theo cách khác nhau. Bêben tiêu phí đến cùng thể lực của mình, Giôrét ngã xuống lúc tài hoa đang nở rộ, nhưng cả hai đều ra đi đúng lúc. Cái chết của họ dựng lên một cái mốc, đánh dấu sự kết thúc sứ mệnh lịch sử tiến bộ của Đệ nhị Quốc tế.

Đảng Xã hội Pháp ở trong trạng thái hoàn toàn phá sản về tinh thần, Không ai thay thế được vị trí Giôrét. Vaiăng [Vaillant], vị "chống quân phiệt" cực trào nhả ra hàng ngày những bài báo sản sinh trong tinh thần sô-vanh cực đoan nhất. Tôi tình cờ gặp ông già ở Ủy ban Hành động, gồm những đại diện các chính đảng và công đoàn. Vaiăng là cái bóng của chính mình - bóng của chủ nghĩa Blăngki [Blanqui] với truyền thống chiến tranh Xăng Quylốt [Sansculotte] thời Rây môn Pôncarê [Raymond Poincaré]]. Nước Pháp tiền chiến, đặc trưng bởi nhịp độ tăng dân

số không đáng kể và những hình thức bảo thủ của đời sống kinh tế và tư tưởng, trong con mắt Vaiăng là quốc gia duy nhất hoạt động và tiến bộ, là dân tộc được ân sủng và đi giải phóng, nước duy nhất mà các dân tộc khác chỉ cần tiếp xúc đã thức tỉnh về tinh thần. Chủ nghĩa xã hội của ông mang tính sô-vanh, chủ nghĩa sô-vanh của ông mang tính cứu thế.

Guylơ Ghétxđơ [Jules Guesde] - lãnh tụ cánh mác-xít của đảng Xã hội, kẻ tự tiêu hủy những trứ lực tốt cùng trong cuộc chiến đấu dai dẳng suy kiệt chống những sùng bái trong nền dân chủ - chỉ đủ sức để đặt uy tín tinh thần chưa từng hoen ố của mình trước "bàn thờ" nền quốc phòng. Tất cả đều hỗn loạn. Mácxen Xăngba [Marcel Sembat], tác giả cuốn sách *Vua hay hòa bình* là trợ lý của Ghétxđơ trong chính phủ... Briăng [Briand]. Pie Rơnôđen [Pierre Renaudel] trở thành "thủ lĩnh" của đảng một thời gian. Bởi rốt cuộc cũng phải đặt ai đó vào vị trí bỏ trống của Giôrét. Rơnôđen cố rung lưối bắt chước vị lãnh tụ bị ám sát bằng động tác. Lôngghê [Longuet] gắng theo kịp Rơnôđen, nhưng điều ông ta gọi là cánh tả có phần khá ngượng ngập. Tất cả cách xử sự của ông khiến người ta nhớ lại Mác không phải chịu trách nhiệm về đàn cháu của mình. Phong trào Công đoàn Chính thống mà người đại diện là Giuô [Jouhaux] (chủ tịch "Confédération Générale") kiệt sức trong vòng hai mươi tư giờ đồng hồ. Ông ta "phủ nhận" nhà nước trong thời bình để rồi quỳ gối trước nó trong chiến tranh. Tay hề cách mạng Écvê mới hôm qua còn là kẻ chống quân phiệt, nay lộn ngược chiếc áo vét và như một kẻ sô-vanh cực đoan, ông ta cũng vẫn là một tay hề tự mãn. Để điều cốt thẳng thừng hơn những ý tưởng ngày hôm qua, tờ báo của ông ta vẫn ra với tựa đề *La Guerre Sociale* (Cuộc chiến tranh xã hội).

Nhìn chung, tất cả có vẻ như một hội giả trang tang tóc, một vũ hội hóa trang của thần chết. Bất giác tôi tự nhủ: không, dù sao chúng ta cũng được nặn bằng thứ chất liệu nghiêm chỉnh hơn - những sự kiện không làm chúng ta bất ngờ. Đã thấy trước được ít nhiều, ngay bây giờ chúng ta cũng tiên đoán được nhiều điều và chúng ta chuẩn bị cho nhiều tình huống. Biết bao lần chúng tôi đã nắm chặt tay khi tập đoàn Rơnôđen, tập đoàn Écvê và những kẻ cùng loại cố kết thân từ xa với Các Lípnech! Cũng có một vài nhân tố đối lập tản mạn chỗ này, chỗ kia - trong đảng, trong các công đoàn, nhưng thực tế họ hầu như không có dấu hiệu hoạt động.

Trong số kiều dân Nga, chính trị gia kiệt xuất nhất tôi gặp ở Pari chắc chắn là Máctốp, thủ lĩnh phe men-sê-vích, một trong những kẻ tài ba nhất tôi có dịp tiếp xúc trong đời. Điều bất hạnh của ông là ở chỗ số phận đã run rủi ông thành một chính trị gia trong một thời kỳ cách mạng mà không cho ông một trứ lượng nghị lực cần thiết. Kết cấu tinh thần của Máctốp thiếu sự cân bằng và điều đó thể hiện bi thảm mỗi lần những sự kiện lớn xảy ra. Tôi được quan sát Máctốp trong ba giai đoạn lịch sử: năm 1905, năm 1914 và năm 1917. Phản ứng đầu tiên của Máctốp trước các sự kiện hầu như lúc nào cũng mang màu sắc cách mạng. Nhưng Máctốp chưa kịp ghi lại những ý tưởng của mình thì mọi thứ hoài nghi đã tấn công ông từ mọi hướng. Trong

kho tư tưởng phong phú, mềm dẻo và đa dạng của ông, thiếu một cái giá để tựa là nghị lực. Trong thư từ viết cho Ácxenrốt năm 1905, khi cuộc cách mạng thứ nhất đạt đến đỉnh cao, Máctốp cay đắng phàn nàn là ông không xếp đặt nổi các ý nghĩ của mình. Và quả thực, ông cũng không làm nổi việc đó đến tận lúc thời kỳ phản động quay trở lại. Đầu cuộc chiến, Máctốp lại kêu ca với Ácxenrốt rằng các sự kiện đẩy ông đến giới hạn của sự điên rồ. Cuối cùng vào năm 1917, ông bước một bước rụt rè về cánh tả nhưng trong phái của ông, ông nhường quyền lãnh đạo cho Xêrêtel và Đan [Dan], nghĩa là hai nhân vật cùng lăm chĩa đến mắt cá chân ông, người thứ nhất về mặt trí tuệ và người thứ hai về mọi mặt.

Ngày 14 tháng Mười 1914, Máctốp viết như sau cho Ácxenrốt:

Dường như chúng ta có thể thỏa thuận với Lênin mau lẹ hơn với Plêkhanốp. Hình như bây giờ Lênin chuẩn bị đóng vai trò chiến sĩ chống lại chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế.

Nhưng bầu không khí trên không kéo dài bao lâu ở Máctốp. Ông đã héo hon khi gặp tôi ở Pari. Sự cộng tác của chúng tôi với *Nasê Xlôvơ* đã thành cuộc chiến quyết liệt từ những ngày đầu, kết cục Máctốp rút khỏi ban biên tập và thôi luôn cả vai trò cộng tác viên.

Sau khi đến Pari ít lâu, tôi cùng Máctốp đi tìm Mônát [Monatte], một biên tập viên của tờ *La vie Ouvrière* (Đời sống công nhân), cơ quan ngôn luận của công đoàn. Là cựu giáo viên, sau này Mônát làm thợ sửa lỗi trong nhà in và có dáng dấp một công nhân Pari điển hình. Con người thông minh và có tính khí ấy không chấp nhận, dù chỉ trong một phút, việc hòa hoãn với chủ nghĩa quân phiệt và nhà nước tư sản. Được thôi, nhưng tìm chỗ thoát ở đâu? Về điểm này chúng tôi không nhất trí với nhau. Mônát "phủ nhận" nhà nước và đấu tranh chính trị. Sau khi chống đối thẳng thừng chủ nghĩa sô-vanh trong công đoàn, nhà nước thấy kế sự phủ nhận đó và buộc Mônát phải mặc quần đỏ.

Nhờ Mônát, tôi làm quen với nhà báo Rốtxmê [Rosmer], anh cũng thuộc trường phái công đoàn vô chính phủ, nhưng như các sự kiện đã chứng tỏ - ngay từ hồi đó anh đã gần chủ nghĩa mác-xít hơn nhiều so với đám theo Ghétxđơ. Từ dạo ấy, chúng tôi duy trì một tình bạn thân thiết, trải qua mọi thử thách của chiến tranh, của cách mạng, của chính quyền Xô-viết và của sự thất bại của phe đối lập...

Cũng trong giới đó tôi làm quen với một số nhân vật của phong trào công nhân Pháp mà đến giờ tôi chưa hề biết: Merơhem [Merrheim], thư ký Liên đoàn Thợ luyện kim, một người thận trọng, kín đáo và quy lụy, xét về mọi mặt anh kết thúc khá buồn thảm; nhà báo Ghinbô [Guilbeaux], sau bị kết án tử hình vắng mặt vì tội danh "phản bội Tổ quốc" bịa đặt; "bố già" Buốđơrông [Bourderon], thư ký Công đoàn Thợ đóng thùng; thầy giáo Lôriô [Loriot], người đi tìm lối thoát trên con đường chủ nghĩa xã hội cách mạng, và nhiều người khác nữa.

Hàng tuần chúng tôi gặp nhau ở bến Gienmáp (Quai Jemappe), đôi khi chúng tôi tụ họp

đông hơn ở Grônggiơ-ô-Ben [Gronge-auxBelles], trao đổi với nhau những tin tức mới được sau hậu trường về chiến tranh và hoạt động ngoại giao. Chúng tôi phê phán chủ nghĩa xã hội chính thức, cố gắng nắm bắt các dấu hiệu thức tỉnh của chủ nghĩa xã hội, làm vững niềm tin ở những kẻ còn do dự và chuẩn bị cho tương lai.

Ngày 4 tháng Tám 1915, tôi vi ết trên *Nasê Xlôvơ*:

Dù thế, chúng ta đứng trước ngày kỷ niệm đẫm máu này mà không hề nao núng về tinh thần hoặc bi quan về chính trị. Là những người cách mạng quốc tế, chúng ta đứng vững trong tai họa khủng khiếp nhất của thế giới, trên vị trí phân tích, phê phán và nhìn xa trông rộng của chúng ta. Chúng ta không chấp nhận bất kỳ một thứ mắt kính "quốc gia" nào mà các bộ tham mưu mời chào - chẳng những với giá rẻ mạt mà họ còn thưởng công cho chúng ta! Chúng ta vẫn tiếp tục nhìn nhận sự việc đúng như chúng có, tiếp tục gọi chúng bằng tên của chúng và dự kiến luận lý sự vận động kế tiếp của chúng.

Và bây giờ ờ, sau mười ba năm, tôi chỉ có thể nhắc lại những lời như thế. Không ngày nào chúng tôi rời cái cảm giác chúng tôi đứng cao hơn tư tưởng chính trị chính thống - kể cả chủ nghĩa xã hội "ái quốc" -, và điều này không xuất phát từ lòng tự phụ vô cơ sở. Không có gì cá nhân trong cái cảm giác ấy, nó xuất phát từ lập trường nguyên lý của chúng tôi: chúng tôi đã chiếm lĩnh đỉnh cao. Quan điểm phê phán trước hết cho chúng tôi khả năng nhìn nhận rõ rệt hơn về triển vọng của chiến tranh. Như mọi người đều biết, cả hai bên tham chiến đều tính đến một thắng lợi nhanh chóng. Có thể kể ra vô số ví dụ của tinh thần lạc quan nhẹ dạ ấy:

Trong m ột thời gian, đồng nghiệp người Pháp của tôi có tinh thần lạc quan đến mức ông cuộc với tôi năm đồng bảng Anh, rằng chiến tranh sẽ kết thúc trước lễ Giáng sinh.

Biucanơ viết như thế trong hồi ức của ông. Trong thâm tâm, bản thân Biucanơ cũng cho rằng cuộc chiến sẽ kết thúc muộn nhất là vào lễ Phục sinh.

Từ mùa thu năm 1914, trái với mọi tiên đoán chính thức, ngày này qua ngày khác chúng tôi nhận định trên báo chí rằng chiến tranh còn kéo dài vô vọng và toàn châu Âu sẽ đổ nát khi ra khỏi cuộc chiến. Hàng chục lần, chúng tôi viết trên tờ *Nasê Xlôvơ* rằng sau chiến tranh - khi khói và hơi độc đã tan nước Pháp cùng lắm cũng chỉ thành một nước Bỉ lớn trên vũ đài quốc tế trong trường hợp Đồng minh chiến thắng. Chúng tôi tiên đoán chắc chắn sự chuyển chính tâm cơ thế giới của Hoa Kỳ trong thời gian sắp tới. Chúng tôi viết có lẽ đã đến lần thứ một trăm vào ngày 5 tháng Chín 1916:

Chủ nghĩa đế quốc đánh cuộc vào những kẻ mạnh trong cuộc chiến này; thế giới sẽ thuộc về họ.

Từ lâu gia đình tôi đã chuyển từ Sèvres về Pari, tại khu phố nhỏ Uđơri (Rue Oudry). Pari ngày càng trống trải. Những chiếc đồng hồ ngoài phố thay nhau ngừng chạy. Không hiểu tại

sao có rơm bần thò ra từ miệng con sư tử Benpho [Belfort]. Chiến tranh ngày càng chôn sâu bản thân nó dưới lòng đất. Cần phải ra khỏi chiến hào, ra khỏi hốc, khỏi sự đình đốn, bất động - đó là tiếng hét của lòng yêu nước. Di chuyển! Vận động! Sự điên rồ khủng khiếp của trận Vécđoong [Verdun] xuất phát từ đây. Trong những ngày ấy, dây dưa giữa đòn sấm sét của bộ máy kiểm duyệt thời chiến, tôi viết như sau trên tờ *Nasê Xlôvơ*:

Dù các trận đánh ở Vécđoong có tầm quan trọng quân sự to lớn đến đâu đi nữa, tầm cỡ chính trị của chúng còn lớn hơn rất nhiều, không thể so sánh được. Ở Béclin và những nơi khác (sic) người ta muốn "vận động" - thế thì họ sẽ nhận được nó. Các vị nghe rõ không? Ở Vécđoong, người ta đã rên *ngày mai của chúng ta*.

Mùa hạ năm 1915, nghị sĩ Ý Môgari [Morgari] bí thư khuynh hướng xã hội trong nghị viện Rôma [Rome] đến Pari. Đó là một người ngây thơ, ông có ý đồ kêu gọi các nhà xã hội Pháp và Anh tham gia một hội nghị quốc tế. Tại sân thượng tiệm cà phê nằm trên một đại lộ, cùng với Môgari, chúng tôi gặp gỡ vài nghị sĩ xã hội, chẳng hiểu sao họ tự cho mình là "cánh tả". Mọi thứ trôi qua dễ dàng chừng nào cuộc nói chuyện còn nằm trên khuôn khổ những lời lẽ hòa bình chủ nghĩa luân thuyết và nhắc lại chung chung việc cần thiết phải gây dựng lại những quan hệ quốc tế. Nhưng khi Môgari vừa đổi giọng thâm trầm và bắt đầu nói về chuyện cần kiểm một số hộ chiếu giả để qua Thụy Sĩ - rõ ràng ông bị nóng mặt bởi khía cạnh "Cácbônari" của vấn đề - thì các ngài nghị sĩ đều thuôn mặt. Một vị, tôi không nhớ là ai, vội vàng ra hiệu cho người bồi bàn và thanh toán hết mọi khoản của cuộc gặp mặt. Bóng ma Môlie [Molière] hiện lên trên sân thượng ấy và tôi tin rằng hồn ma Răbôlê [Rabelais] cũng đi cùng với ông. Cuộc gặp gỡ kết thúc ở đó. Trên đường về nhà chúng tôi cười rũ rượi với Máctốp, vừa vui vừa bức bối.

Mônát và Rốtxmê đã bị động viên, họ không đến được chỗ chúng tôi. Tôi đến cuộc họp cùng Merôhem và Buốđorông, những người hòa bình chủ nghĩa rất ôn hòa. Không ai cần hộ chiếu giả vì chính phủ vẫn chưa bỏ đến tận cùng những phong tục thời bình, họ đã cấp giấy tờ hợp lệ cho tất cả chúng tôi.

Grim [Grimm], lãnh tụ xã hội ở Bécnơ [Berne], gánh trách nhiệm tổ chức Hội nghị, vào thời ấy ông gắng sức vượt cao hơn bản tính thiện cận của đảng ông và bản thân. Grim chuẩn bị địa điểm cho Hội nghị tại một làng nhỏ mang tên Dimmécvan [Zimmerwald] nằm trên cao giữa những quả núi, cách Bécnơ mười ki-lô-mét. Các đại biểu chen chúc nhau trong bốn chiếc xe ngựa mui trần và đi lên núi. Người qua lại tò mò nhìn đoàn người kỳ lạ ấy. Các đại biểu tự bông đùa rằng nửa thế kỷ sau ngày Đệ nhất Quốc tế thành lập, nay lại có thể chất tất cả những người quốc tế lên bốn chiếc xe. Nhưng không có chút hoài nghi nào trong những lời lẽ khôi hài ấy. Sợi dây lịch sử hay bị đứt đoạn. Khi ấy cần nối chúng lại. Đó chính là điều chúng tôi đã làm ở Dimmécvan.

Hội nghị (từ ngày 5 đến 8 tháng 9-1915) diễn ra đầy giông bão. Cánh cách mạng do Lênin đứng đầu và nhóm hòa bình gồm đa số các đại biểu khó nhất trí với nhau trong một tuyên bố chung do tôi khởi thảo. Bản tuyên bố còn xa mới nói được tất cả những điều cần nói, tuy vậy nó vẫn là một bước tiến đáng kể. Lênin đứng về phía cực tả của Đại hội, trong nhiều vấn đề ông đứng một mình trong phe cánh tả ấy. Về hình thức, tôi không thuộc cánh tả ở Dimmécvan dù tôi gần nó trong mọi vấn đề thiết yếu. Tại Dimmécvan, Lênin làm căng mạnh chiếc lò xo hợp tác quốc tế sau này. Trong cái làng nhỏ miền núi Thụy Sĩ ấy, ông đã đặt những viên đá tảng đầu tiên của một Quốc tế cách mạng.

Trong bài phát biểu của mình, các đại biểu Pháp nhấn mạnh tầm quan trọng to lớn của *Nasê Xlôvơ* đối với họ: tờ báo thiết lập quan hệ tư tưởng giữa họ với phong trào quốc tế các nước khác. Racôpxki lưu ý *Nasê Xlôvơ* đã đóng vai trò quan trọng trong việc dự thảo đường lối chính trị quốc tế của các đảng Xã hội Dân chủ vùng Bancăng. Đảng Ý cũng biết *Nasê Xlôvơ* qua những bài dịch của Balabanôva [Balabanova]. Tuy nhiên, tờ báo được báo chí Đức nhắc đến nhiều nhất, kể cả báo chí chính thống: như Ronôđen tìm cách dựa vào Lípnech, Sâyđoman cũng rất muốn coi chúng tôi là đồng minh của họ.

Bản thân Lípnech không đến được Dimmécvan. Ông đã trở thành tù binh của quân đội dòng họ Hôhendôlécno trước khi là tù nhân trong nhà ngục. Lípnech gửi một lá thư đến Hội nghị trong đó ông cho biết chuyển biến dứt khoát của ông từ đường lối hòa bình sang đường lối cách mạng. Tên ông được nhắc tới nhiều lần trong Hội nghị, nó đã thực sự trở thành khái niệm trong cuộc đấu tranh làm tan nát chủ nghĩa xã hội quốc tế.

Từ Dimmécvan, những người tham dự bị nghiêm cấm không được gửi đi bất kỳ bài viết nào về hội nghị, để phòng chuyện những tiết lộ thông tin quá sớm trên báo chí sẽ gây khó khăn cho các đại biểu tại biên giới quê hương khi họ trở về nước. Vài ngày sau, cái tên Dimmécvan - vốn chưa được ai biết đến đến vào lúc đó - lan tràn khắp thế giới. Điều này làm ông chủ khách sạn điếng người. Ông bác tốt bụng người Thụy Sĩ tuyên bố với Grim rằng ông hi vọng có thể nâng giá cơ ngơi của ông lên rất cao, vì thế ông sẵn lòng bỏ một khoản tiền nhất định vào quỹ tiền tệ của Đệ tam Quốc tế. Tuy nhiên, tôi cho rằng chẳng mấy chốc ông ta đã thay đổi ý định.

Hội nghị Dimmécvan đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào phản chiến tại nhiều nước. Những người Spáctakít ở Đức mở rộng hoạt động của họ. Ở Pháp, ủy ban phục hồi các quan hệ quốc tế được thành lập. Những công nhân thuộc các khu cư ngụ của cộng đồng Nga ở Pari siết chặt hàng ngũ quanh tờ *Nasê Xlôvơ*, cứu nó khỏi tình trạng thiếu thốn tài chính và mọi khó khăn khác. Máctốp trong giai đoạn đầu còn cộng sự hăng hái với báo, nay rời bỏ nó. Sau vài tháng, xét về căn bản, những bất đồng quan điểm thứ yếu còn phân cách tôi với Lênin ở Dimmécvan đã được xóa bỏ hoàn toàn.

Nhưng giữa chừng, những đám mây đen tụ họp trên đầu chúng tôi và ngày càng dày đặc trong năm 1916. Dưới dạng "thông báo", tờ báo phản động *Liberté* (Tự do) đăng tải những bài kết tội chúng tôi là thân Đức. Càng ngày chúng tôi càng nhận được nhiều thư hăm dọa nặc danh. Những lời buộc tội và đe dọa hằn xuất phát từ đại sứ quán Nga. Nhiều khuôn mặt đáng ngờ thường xuyên lẩn khuất quanh nhà in. Écvê đem cảnh sát ra để dọa nạt chúng tôi. Chủ tịch Ủy ban Phụ trách Kiềm dân Nga, giáo sư Đurokhem [Durkheim] cho biết người ta bàn tán trong các giới thượng đỉnh về chuyện cấm tờ *Nasê Xlôvơ* và trục xuất chủ nhiệm của nó. Tuy nhiên sự việc ngày càng bị trì hoãn. Người ta không sinh sự nổi vì tôi không vi phạm pháp luật, không vi phạm cả những luật định độc đoán của mạng lưới kiểm duyệt. Cần phải có một cơ sở coi được. Cuối cùng họ cũng tìm ra, hay nói đúng hơn, cũng nặn ra được một lý do như thế.

CHƯƠNG XX BỊ TRỤC XUẤT KHỎI PHÁP

Sau khi tôi đến Cônxtantinốp, một số báo chí Pháp còn tuyên bố rằng lệnh trục xuất tôi ra khỏi nước này vẫn còn hiệu lực đến ngày nay, tức là sau mười ba năm. Nếu quả vậy, chúng ta lại có thể thấy rõ: không phải mọi giá trị đều mất đi trong tai họa khủng khiếp nhất của hoàn cầu. Đúng là trong những năm ấy, đạn chì đã giết đi hàng loạt thế hệ. Bao nhiêu thành phố bị san bằng. Các vương miện vương hầu lẫn lóc trên những khoảng đất bỏ trống ở châu Âu. Biên giới quốc gia đổi thay. Biên giới nước Pháp đã cấm cửa tôi cũng xê dịch. Nhưng trong cuộc đảo lộn khổng lồ ấy, cái lệnh mà Manvi [Malvy] ký vào đầu thu 1916 vẫn còn nguyên vẹn. Rút ra kết luận gì đây, khi sau đó, bản thân Manvi cũng bị đi đày biệt xứ, rồi ông ta lại trở về nước? Thì sao? Trong lịch sử, sản phẩm của bàn tay con người nhiều khi tỏ ra mạnh hơn kẻ đã tạo ra nó.

Thật ra một luật gia kỹ tính có thể phản bác rằng ông không thấy tính liên tục cần thiết trong hiệu lực của pháp lệnh ấy. Chẳng hạn năm 1918, phái bộ quân sự Pháp ở Mátxcova đã để tôi toàn quyền sử dụng những sĩ quan đang tại chức. Làm sao có được điều này với một người ngoại quốc "bất trị" bị trục xuất khỏi Pháp? Hoặc giả một ví dụ khác: ngày 10 tháng Mười 1922, Heriô [Herriot] đến thăm Mátxcova và hoàn toàn không nhằm mục đích nhắc tôi nhớ đến lệnh trục xuất. Ngược lại chính tôi đã động đến lệnh ấy khi ngài Heriô thân ái hỏi bao giờ tôi định đến thăm Pari. Nhưng, nhắc lại quá khứ tôi chỉ có ý đùa là chính. Cả hai chúng tôi đều cười, tất nhiên mỗi người mỗi khác nhưng vẫn là cười cùng với nhau. Lại cũng là một sự thực nữa: năm 1925, thay mặt các nhà ngoại giao có mặt trong lễ khánh thành nhà máy điện Satura [Chatoura], ngài đại sứ Pháp, ông Hécbét [Herbette] đã đáp từ bài diễn văn của tôi với những lời lẽ ân cần nhất để rồi từ đó, cái tai hoài nghi nhất cũng không bắt được chút tiếng vang nào của sắc lệnh do ông Manvi ký.

Thì sao? Chẳng phải ngẫu nhiên mà một trong hai viên thanh tra dẫn độ tôi từ Pari đến Irun đã nói:

- Các chính phủ đến rồi lại đi, chỉ có sở cấm là ở lại!

Để hiểu rõ hơn hoàn cảnh tôi bị trục xuất khỏi Pháp, cần trình bày vắn tắt việc tờ báo nhỏ tiếng

Nga do tôi biên tập đã hoạt động trong những điều kiện ra sao. Kẻ thù chính yếu của tờ báo dĩ nhiên là đại sứ quán Nga hoàng. Ở đó người ta chăm chỉ dịch ra tiếng Pháp các bài trên *Nasé Xlôvơ* rồi chuyển tới Quai d'Orsay và Bộ Chiến tranh, kèm theo những lời bình luận thích hợp. Từ đây, người ta hoảng hốt gọi điện thoại đến ông Salơ [Chasles], kiểm duyệt viên quân sự của chúng tôi, một người đã sống nhiều năm ở Nga trước Thế chiến trên cương vị một giáo viên Pháp văn. Salơ không có tính cách quyết đoán lắm. Ông luôn giải quyết các hoài nghi của mình theo phương châm "thà bỏ đi còn hơn giữ lại". Tiếc rằng ông đã không áp dụng nguyên tắc này

với bài tiểu sử rất kém cỏi về Lênin ông viết vài năm sau. Là một kiểm duyệt viên yếu bóng vía, chẳng những Salơ bảo vệ Nga hoàng, nữ hoàng, Xadônốp [Sazonov] hoặc bảo vệ những mộng tưởng chinh phục eo biển Đắcđanen [Dardanelles] của Miliucốp mà ông ta còn bênh vực cả Rátxpuchin [Raspoutine]. Chẳng khó gì cũng có thể vạch ra: cuộc chiến chống lại tờ *Nasé Xlôvơ* - vì sự thực, đây là một cuộc chiến dai dẳng - không phải vì chủ nghĩa quốc tế của tờ báo mà do tinh thần cách mạng chống lại chế độ Nga hoàng của nó.

Lần đầu tiên chúng tôi nhận thấy chế độ kiểm duyệt đạt đến đỉnh cao của căn bệnh cấp tính vào thời kỳ người Nga thắng trận ở Galixi: thắng lợi quân sự nhỏ nhất nhất cũng khiến đại sứ quán Nga hoàng trở nên hỗn xược đến cực độ. Lần này, mọi sự suy đồn đến mức họ xóa toàn bộ bài truy điệu bá tước Vítte, ngay đến cả tên bài, dù nó chỉ vốn vẹn năm chữ cái: W-Í-T-T-Ê.

Cần phải nói thêm là cũng trong thời gian đó, cơ quan ngôn luận chính thức của hải quân Pêtécboa cho đăng tải những bài báo vô cùng trơ tráo đối với Cộng hòa Pháp; người ta chế nhạo các "tiểu vương" - nghị sĩ - trong nghị viện Pháp. Kẹp nách một tờ tạp chí Pêtécboa, tôi đến sở kiểm duyệt.

- Th ực ra tôi chẳng dính dáng gì đến tất cả chuyện này ngài Salơ nói -, mọi chỉ thị liên quan đến tờ báo các ông đều đến từ Bộ Ngoại giao. Có lẽ ông muốn nói chuyện với một nhà ngoại giao của chúng tôi?

Nửa giờ sau tại một phòng của Bộ Chiến tranh, tôi thấy xuất hiện một vị thượng lưu tóc hoa râm, dáng dấp chính khách. Cuộc đối thoại giữa chúng tôi đại khái diễn ra như thế này (sau đó ít lâu tôi ghi lại ra giấy):

- Ông có thể giải thích cho tôi biết tại sao người ta lại cắt đi trong báo chúng tôi bài viết về một viên chức Nga đã nghỉ hưu, hơn thế nữa, bị thất sủng, vả lại, vừa mới mất? Chính xác hơn, việc này liên quan gì đến chiến sự?

- Nào, ông cũng biết đấy, những bài báo như thế làm *họ* không thoải mái - vị chính khách đáp và hất đầu không dứt khoát về phía tòa nhà đại sứ quán Nga.

- Nhưng chúng tôi viết chính là để họ không thoải mái...

Nhà ngoại giao mỉm cười độ lượng với lời đáp của tôi, như thể đó là một câu pha trò dí dỏm.

- Chúng tôi đang ở trong thời chiến. Chúng tôi lệ thuộc các đồng minh của mình.

- Phải chăng ông muốn nói nội tình nước Pháp được đặt dưới sự kiểm soát của đường lối ngoại giao Nga hoàng? Trong trường hợp này, phải chăng tổ tiên các ông đã lắm khi chặt đầu Lui Capê [Louis Capet]?

- -, ông quá lời! Vả lại xin ông chớ quên điều này: chúng tôi đang trong thời chiến...

Từ đó về sau câu chuyện trở nên uế oải. Với nụ cười tinh tế, nhà ngoại giao giải thích cho tôi hay: các bậc thượng lưu cũng là người trần thế, người sống không thích ta nói xấu về kẻ đã

chết. Sau cuộc hội kiến, mọi việc vẫn tiếp diễn như xưa. Ông kiểm duyệt lại gạch, xóa. Nhiều khi thay vì tờ báo, chúng tôi cho ra một tờ giấy trắng. Không bao giờ chúng tôi làm trái ý ông. Và ngài Salơ lại càng ít khi dám trái ý những kẻ ủy nhiệm ông.

Tuy nhiên vào tháng 9-1916, sở cảnh sát thông báo lệnh trục xuất tôi khỏi nước Pháp. Tại sao? Người ta chẳng thêm giải thích với tôi một lời. Dần dần tôi mới vỡ ra: nguyên nhân là một vụ khiêu khích đê tiện do mật vụ Nga tổ chức ở Pháp.

Khi nghị sĩ Giăng Lôngghê lên tiếng phản đối, nói đúng hơn là bày tỏ nỗi buồn phiền của ông vì lệnh trục xuất tôi - những hành động phản đối của Lôngghê lúc nào cũng vang lên như một giai điệu vô cùng mềm mại -, thủ tướng Pháp Briăng đáp như sau:

- Nhưng ông có biết người ta đã tìm thấy tờ *Nasê Xlôvơ* ở Mácxây [Marseille] trong tay những lính Nga đã ám hại ông thiếu tá của họ không?

Lôngghê không tính đến chuyện ấy. Ông biết về đường lối "Dimmécvan" của tờ báo và có thể chấp nhận nó bằng cách này hay cách khác, nhưng việc giết hại một thiếu tá quả thực làm ông bất ngờ. Lôngghê hỏi tin tức từ những người bạn Pháp của tôi, những người này lại hỏi tôi nhưng tôi cũng không biết gì hơn họ về vụ giết người ở Mácxây. Tình cờ các phóng viên báo chí tự do Nga - những nhà "ái quốc" vốn thù ghét tờ *Nasê Xlôvơ* - lại dính vào vụ này và họ làm sáng tỏ mọi tình huống của câu chuyện.

Số là cùng lúc với việc gửi lính Nga đến lãnh thổ Cộng hòa Pháp - những đội quân này được gọi là "tượng trưng" vì có quân số không đáng kể -, chính phủ Nga hoàng cũng huy động tức thì một lượng điệp viên cân xứng cùng những *agent provocateur*. Trong số này, có một tên Uynninh [Winning] nào đó (nếu tôi không nhầm) đến từ Lônđôn với thư ủy nhiệm của lãnh sự Nga. Thoạt đầu Uynninh muốn lôi kéo những phóng viên Nga ôn hòa nhất để họ tuyên truyền "cách mạng" trong hàng ngũ binh lính. Nhưng tại đây y bị cự tuyệt thẳng cánh. Uynninh không dám tìm đến tòa soạn *Nasê Xlôvơ*, thành thử chúng tôi không mấy may hay biết về y. Sau thất bại ở Pari, Uynninh đến Tulông [Toulon], tại đó dường như y thành công chút ít trong tầng lớp lính thủy Nga, những người này chưa kịp hiểu tường tận về y.

- Địa bàn ở đây rất thuận lợi cho công việc của chúng tôi, hãy gửi cho chúng tôi sách vở và báo chí cách mạng - từ Toulon, Uynninh viết cho nhiều nhà báo Nga (y chọn những nơi gửi đến một cách ngẫu nhiên) nhưng không nhận được hồi âm.

Ở Tulông, có một vụ náo loạn lớn nổ ra trên chiếc tuần dương hạm Nga mang tên Átxcônđơ [Askold]. Vụ này bị dập tắt thô bạo. Vai trò của Uynninh quá rõ ràng ở đó, thành thử hẳn cảm thấy cần kịp thời chuyển hoạt động đến Mácxây.

Tại đây địa bàn cũng khá "thuận lợi". Không phải không có sự tham gia của Uynninh mà những cuộc nổi loạn đã xảy ra trong đám lính Nga, kết cục viên thiếu tá Craode [Krause] bị ném đá

đến chết trong sân trại lính. Binh lính dấn vào vụ này bị bắt, người ta tìm thấy nơi họ ở một số báo *Nasê Xlôvơ*. Khi các nhà báo Nga đến Mácxây để tìm hiểu sự thể, các sĩ quan cho biết trong thời gian xảy ra vụ bạo loạn, một anh chàng Uynnhinh nào đó đã nhét vào tay tất cả mọi người một số *Nasê Xlôvơ*, bất kể "đương sự" có muốn hay không. Chỉ vì vậy mới có thể tìm thấy tờ báo ở chỗ những kẻ bị bắt: họ còn chưa đủ thì giờ để đọc nó.

Cần ghi nhận rằng ngay sau cuộc hội kiến giữa Lôngghê và Briăng, tức là trước khi vai trò của Uynnhinh được làm sáng tỏ, tôi đã viết thư ngỏ cho Guylơ Ghétxđơ trong đó tôi nêu giả thiết tờ *Nasê Xlôvơ* có thể bị một tên khiêu khích đặt vào tay những người lính vào giây phút thích hợp. Giả thuyết ấy được xác nhận một cách không thể chối cãi bởi những kẻ thù truyền kiếp của tờ báo - và sớm hơn rất nhiều so với tôi chờ đợi. Nhưng điều này không được tính đến. Hoàn toàn rõ ràng, đường lối ngoại giao Nga hoàng khiến chính phủ Cộng hòa hiểu rằng nếu họ cần lính Nga, phải lập tức thiêu cháy cái tổ của những người cách mạng Nga. Mục tiêu ấy đã đạt: chính phủ Pháp - vẫn do dự cho đến khi ấy - liền cấm tờ *Nasê Xlôvơ* và bộ trưởng Nội vụ Manvi ký nghị định trục xuất tôi khỏi Pháp, văn bản này được chuẩn bị trước tại sở cảnh sát.

Bấy giờ chính phủ đã cảm thấy an toàn. Briăng coi chuyện xảy ra ở Mácxây là lý do trục xuất tôi, ông ta thông báo không chỉ cho Giăng Lôngghê mà còn cho nhiều nghị sĩ khác, trong số họ có Lâygơ [Leysgues], chủ tịch một ủy ban nghị viện. Điều này không thể không có tác động. Nhưng một tờ báo được kiểm duyệt chặt chẽ và bán tự do tại các quầy báo Pari như *Nasê Xlôvơ* không thể cố động việc giết hại một thiếu tá, thành thử vụ này vẫn bị bao phủ bởi tấm màn bí ẩn chừng nào nội tình vụ khiêu khích chưa sáng tỏ. Tại nghị viện, các nghị sĩ cũng biết điều này. Tôi nghe kể rằng Panhlovê [Painlevé] - bộ trưởng Giáo dục thời ấy - đã kêu lên khi được thông báo về hậu trường vụ này:

- Thật nhục nhã... chúng ta không thể để như thế được!

Nhưng người ta đang ở trong thời chiến, Nga hoàng lại là đồng minh của Pháp. Không thể lột mặt nạ của Uynnhinh. Lệnh của Manvi được thi hành.

Sở cảnh sát cho biết tôi bị trục xuất đến một nước do tôi lựa chọn. Đồng thời, lập tức họ lưu ý: Anh và Ý từ chối vinh dự cho tôi tận hưởng lòng hiếu khách của họ. Không còn cách nào khác, tôi đành trở lại Thụy Sĩ. Nhưng tiếc thay, đại diện ngoại giao nước này từ chối thẳng thừng việc cấp thị thực cho tôi. Tôi gửi điện tín đến bạn bè ở đó và nhận được hồi âm đáng yên tâm: vấn đề này sẽ được giải quyết tích cực. Tuy nhiên đại diện ngoại giao Thụy Sĩ vẫn giữ nguyên lệnh cấm. Sau này tôi mới biết sứ quán Nga - được Đồng minh ủng hộ - đã gây áp lực cần thiết với Bécnơ và các nhà chức trách Thụy Sĩ cố tình trì hoãn giải quyết vấn đề để Pháp có thời gian tổng tôi đi nơi khác. Muốn đến Hà Lan và Bắc Âu, tôi phải qua nước Anh nhưng chính phủ Anh cũng kiên quyết khước từ quyền quá cảnh của tôi. Chỉ còn lại Tây Ban Nha. Nhưng lần này tôi

từ chối vì không muốn tự mình đến bán đảo Ibêrich [Ibérique]. Tôi kéo co với cảnh sát Pari gần sáu tuần lễ. Lũ mật thám theo gót tôi, đứng canh trước nhà tôi và tòa soạn báo, không khi nào chúng rời mắt khỏi tôi.

Cuối cùng, nhà đương cục Pari quyết định dùng những biện pháp cứng rắn hơn. Cảnh sát trưởng Lôrăng [Laurent] gọi tôi đến và cảnh cáo rằng ông ta sẽ cử hai viên thanh tra đến chỗ tôi vì tôi không chịu tình nguyện ra đi.

- Họ sẽ mặc thường phục - ông nói thêm, giọng rất ân cần.

Sứ quán Nga hoàng đã đạt mục đích: tôi bị trục xuất khỏi Pháp.

Có thể có vài điểm sai nhỏ trong câu chuyện tôi kể dựa trên những ghi chép hồi ấy. Nhưng xét về thực chất thì tôi chính xác. Vả lại đa số những ai dính dáng đến chuyện này nay còn sống cả, nhiều người trong số họ hiện ở Pháp. Các giấy tờ, chứng từ vẫn còn đó. Phục hồi sự thực quả thật không phải điều quá hao công tốn sức. Về phần mình, tôi dám đoan chắc rằng nếu moi được lệnh trục xuất của Manvi khỏi kho lưu trữ cảnh sát và đưa đi thử dấu vân tay, hẳn có thể thấy dấu ngón tay trở của ngài Uynnhinh tại một góc nào đó.

CHƯƠNG XXI QUA TÂY BAN NHA

Hai viên thanh tra cảnh binh chờ tôi tại nhà ở khu phố nhỏ Udori. Một người tầm vóc nhỏ, trông hơi già, người kia lực lưỡng, đầu hói, đen như hắc ín, tuổi chừng bốn mươi lăm. Bộ thường phục khá nực cười trên người họ và khi trả lời, họ bất giác đưa tay lên một cái lưỡi trai vô hình. Trong lúc tôi giã từ bạn bè và gia đình, hai ông cảnh sát quá lịch sự đứng nấp sau cánh cửa. Lúc ra đi, người nhiều tuổi hơn còn ngả mũ nhiều lần:

- *Excusez, Madame!*

Một tên mật thám đợi dưới cửa, y đã theo dõi tôi không mệt mỏi và điên cuồng trong hai tháng cuối. Thân thiện như không có gì xảy ra, hắn sửa lại tấm chăn len và đóng cửa xe sau khi tôi lên. Y giống như người thợ săn chuyên chở con thú đến cho người đặt hàng. Chúng tôi khởi hành.

Chuyến tàu tốc hành, toa hạng ba. Tôi vỡ ra rằng viên thanh tra cao tuổi hơn lại là một chuyên gia về địa lý: Tômxơ [Tomsk], Cadan [Kazan], hội chợ Nhigionhi-Nôvôgôrôt...- ông biết hết. Ông ta biết tiếng Tây Ban Nha, quen thuộc đất nước chúng tôi đến. Người kia - anh chàng cao lớn ngăm đen - im lặng hồi lâu và cau có ngồi co quắp cạnh chúng tôi. Nhưng rồi anh cũng lên tiếng:

- Ch ủng tộc La Tinh dậm chân tại chỗ, nó đã bị các nòi giống khác vượt qua hết rồi - đột nhiên anh tuyên bố, trong khi cắt một lát thịt mỡ với bàn tay lông lá đeo những chiếc nhẫn lớn.
- Bởi vì thừa ngài, có cái gì trong văn học? Đâu đâu cũng thấy suy đồi. Trong triết học cũng thế.

Từ thời Đêcátơ [Descartes] và Pátxcan [Pascal] đến nay, mọi sự đều ngừng trệ... Cái chúng tộc La Tinh dậm chân tại chỗ rồi.

Tôi sững sốt đợi nghe tiếp nhưng anh ta im lặng và nhai mẩu bánh mì kẹp thịt mỡ.

- Ít lâu trước đây các ông đã có Tônxtôi nhưng với chúng tôi, Ípxen gần gũi hơn là Tônxtôi. Rồi anh ta lại yên lặng.

Ông già, phật ý vì cái dòng tri thức ấy, liền bắt đầu giảng giải tầm quan trọng của tuyến đường sắt

Xibêri. Sau đó, nhằm bổ sung và giảm nhẹ những ý kiến bi quan của bạn đồng nghiệp, ông ta nói thêm:

- Vâng, chúng tôi thiếu đầu óc sáng kiến. Ai nấy đều muốn thành viên chức. Điều này thật đáng buồn nhưng không thể phủ nhận được.

Tôi nhần nhục nghe cả hai người, không phải không có chút tò mò.

- Theo dõi ư? -, bây giờ không làm nổi điều đó! Theo dõi chỉ thực sự nếu nó vô hình, đúng không?

Phải nói thẳng ra: tàu điện ngầm giết chết sự theo dõi. Cần phải quy định cho những kẻ bị theo dõi: đừng

lên tàu điện ngầm! Có thế mới theo dõi được...

Và anh chàng da ngăm đen bật cười, sa sầm mặt. Ông già bồi thêm, gắng xoa dịu:

- Nhiều khi chúng tôi theo dõi ai đó mà cũng chẳng biết tại sao lại phải theo dõi...

- Cảnh sát chúng tôi là lũ người hoài nghi anh chàng ngăm đen lại tuyên bố, chẳng cần đầu đuôi gì. - Các ông có những ý tưởng của các ông. Nhưng chúng tôi phải canh giữ những gì đang tồn tại. Cứ thử

xem Đại Cách mạng của chúng tôi. Là một trào lưu tư tưởng vĩ đại biết nhường nào! Vậy mà mười bốn

năm sau cuộc cách mạng ấy, nhân dân còn bất hạnh hơn bao giờ hết. Ông đọc Tenơ [Taine] mà xem... Cảnh

sát chúng tôi là những kẻ bảo thủ do chức vụ. Chủ nghĩa hoài nghi là triết học duy nhất hợp với nghề

nghề chúng tôi. Xét đến cùng, chẳng ai chọn được đường đời cho mình. Làm gì có tự do ý chí. Tất cả đều

là tiền định trong tiến trình của sự vật...

Rồi anh ta ung dung nhắc chai rượu vang đỏ lên miệng. Sau đó, đóng nút chai, anh tiếp lời:

- Ông Rơnăng [Renan] bảo các tư tưởng mới mẻ bao giờ cũng đến quá sớm. Quả thực là như vậy. Giữa chừng, anh chàng da ngăm đen nhìn bàn tay tôi với vẻ nghi ngờ vì tôi tình cờ đặt lên

năm

xoay cánh cửa. Để y yên tâm, tôi lại thọc tay vào túi.

Trong thời gian đó, ông già lại tấn công: ông nói về người Bắtxcơ [Basques], về ngôn ngữ, phụ nữ,

đầu tóc của họ và nhiều thứ tương tự khác. Chúng tôi đến ga Henday [Hendaye].

- Nhà văn lãng mạn lớn của chúng tôi là Đêrulét [Déroulède] đã sống ở đây. Ông ấy chỉ cần được

thấy những rặng núi nước Pháp. Một Đôn Kihôtê [Don Quijote] trong xó xỉnh Tây Ban Nha của ông - anh

chàng ngăm đen mỉm cười khoan dung nhưng kiên quyết. - Xin ông theo chúng tôi đến phòng cảnh sát nhà

ga.

Ở Irun, một cảnh sát Pháp hỏi tôi điều gì đó nhưng người áp giải ra hiệu với anh ta và vội vã dẫn

tôi đi qua các hành lang rối rắm của nhà ga.

- *C'est fait avec discrétion? N'est-ce pas?* anh ngăm đen hỏi. - Từ đây ông có thể đáp tàu điện đi Xanh Xêbắtxchiêng [Saint Sébastien]. Ông phải làm ra vẻ đi du lịch để tránh gây nghi ngờ cho cảnh sát Tây

Ban Nha, họ cũng rất đa nghi. Và từ đây chúng ta không còn quen biết nhau nữa, đúng không? Chúng tôi lạnh lẽo chia tay nhau.

Từ Xanh Xêbắtxchiêng, nơi tôi có dịp ngắm biển và kinh hoàng vì giá cả đắt đỏ, tôi đi Mađrít: tôi

roi vào một thành phố mà ở đó, tôi hoàn toàn không quen biết ai và cũng chẳng ai biết tôi. Hơn nữa tôi

không biết tiếng Tây Ban Nha, ngay giữa sa mạc Xahara hoặc pháo đài Piốt-Paven tôi cũng không thể cô

đơn hơn. Không còn cách lựa chọn nào khác, đành phải nhờ đến ngôn ngữ của nghệ thuật. Hai năm nay,

chiến tranh đã khiến tôi quên rằng nghệ thuật vẫn tồn tại trên thế gian này. Với vẻ tham lam của kẻ lữ hành

đói khát, tôi ngẫu nhiên những vật báu vô giá của bảo tàng Mađrít và như xưa, tôi cảm thấy có cái gì "vĩnh

cửu" trong nghệ thuật ấy. Những bức họa thiên tài của Vêlaquêđơ [Vélasquez], Ribêra [Ribera] hay Bốtơ [Bosch] tràn trề niềm vui cuộc đời ngây thơ. Người trông coi phòng tranh, một bác

già cho tôi mượn chiếc kính lúp để quan sát hình dáng những nông dân, những chú lừa và chó nhỏ li ti trong tranh của Mien [Miel]. Không thể nào cảm thấy chiến tranh ở đây. Tất cả đều vững vàng và nguyên xi tại chỗ. Những sắc màu sống cuộc đời không chịu ai kiểm soát của chúng. Trong những cuộc dạo chơi bảo tàng, tôi ghi lại như sau vào sổ tay:

Giữa chúng ta và những người xưa ấy - tôi không muốn coi thường hoặc hạ thấp họ - một nghệ thuật mới được dựng lên ngay từ trước chiến tranh, sâu kín hơn, cá nhân hơn, nhiều sắc thái, chủ quan hơn và căng thẳng hơn. Cuộc chiến chắc hẳn sẽ cuốn đi trong một thời gian dài những tâm trạng ấy và cung cách ấy, cùng với những say mê và đau khổ của quần chúng - nhưng điều này hoàn toàn không có nghĩa là trở về những hình thức xưa, dù đẹp đến mấy: đến cái hoàn thiện của môn giải phẫu học và thực vật học, đến những cặp đùi kiểu Rubenxơ (mặc dù sau cuộc chiến, những cặp đùi hằn đóng một vai trò lớn trong nền nghệ thuật mới thêm khát cuộc sống). Khó đoán được, nhưng từ những cảm xúc vô song xuất phát từ trong lòng nhân loại văn minh, một nền nghệ thuật mới phải được ra đời.

Co ro trong khách sạn, tôi đọc báo chí Tây Ban Nha với cuốn tự điển trong tay và chờ hồi âm các thư gửi đi Thụy Sĩ và Ý. Tôi vẫn còn hi vọng đến được các xứ ấy.

Ngày thứ tư, tôi nhận được một lá thư từ Pari trong đó có địa chỉ một người xã hội Pháp tên là Gabiê [Gabier]. Ông đứng đầu một hãng bảo hiểm ở đây. Mặc dầu có địa vị xã hội vững chắc, Gabiê kiên quyết phản đối đường lối vệ quốc của đảng ông. Cũng từ ông, tôi được biết đảng Tây Ban Nha hoàn toàn chịu ảnh hưởng chủ nghĩa xã hội quốc gia của Pháp. Chỉ ở Bắcxêlôn [Barcelone] nơi có những người hoạt động công đoàn - mới có phe đối lập đáng kể. Chủ tịch đảng Xã hội, Anghilanô [Anguillano] - người tôi muốn đến thăm - đang bị tù mười lăm ngày vì anh tuyên bố thiếu lễ độ về một vị thánh công giáo nào đó. Vào thời xưa, hẳn Anghilanô đã bị thiêu sống trên giàn lửa rồi.

Tôi vẫn đợi hồi âm từ Thụy Sĩ, tôi học vẹt những từ Tây Ban Nha, tôi trò chuyện với Gabiê và thăm các bảo tàng. Ngày 9 tháng Mười một, trong một nhà trọ nhỏ mà Gabiê sắp đặt cho tôi, cô hầu phòng gọi tôi ra hành lang với điệu bộ hoảng hốt. Ở đó có hai anh chàng vẽ bề ngoài khó nhăm lẩn, không được nhã nhặn lắm, chúng mời tôi đi theo. Đến đâu ư? Cố nhiên là ra sở cảnh sát Mađrít. Tại đó, tôi bị bắt ngồi trong một góc.

- Điều này có nghĩa là tôi bị bắt? - Tôi hỏi.

- Vâng, *par una hora, dos horas*.

Tôi ngồi liền tại chỗ trong tư thế ấy suốt bảy giờ đồng hồ. Chín giờ tối, người ta đưa tôi lên tầng trên. Tôi đứng trước một đỉnh Ôlimpơ khá đông đảo.

- Tóm lại, tại sao các vị bắt tôi?

Câu hỏi đơn giản ấy hoàn toàn khiến cử tọa sững sờ. Lần lượt họ đưa ra các giả thuyết khác

nhau. Một vị viện dẫn những khó khăn nhất định do chính phủ Nga gây ra trong việc cấp hộ chiếu cho người nước ngoài vào Nga.

- Nếu ông biết chúng tôi đã tốn bao nhiêu tiền của để truy nã những kẻ vô chính phủ ở nước tôi
- một vị khác nói như muốn gây thiện cảm với tôi.
- Nhưng xin quý vị thứ lỗi, tôi không thể đồng thời chịu trách nhiệm về cảnh sát Nga và những người vô chính phủ Tây Ban Nha.
- Dĩ nhiên rồi, cố nhiên, chúng tôi chỉ nêu nó như một ví dụ thôi...
- Ông có tư tưởng gì? - cuối cùng, vị thủ trưởng hỏi tôi sau hồi lâu suy nghĩ.

Tôi trình bày các tư tưởng của tôi dưới dạng dễ hiểu.

- Nào, ông thấy đấy! - người ta đáp.

Cuối cùng, qua người thông ngôn vị thủ trưởng tuyên bố: họ đề nghị tôi rời Tây Ban Nha trong thời hạn ngắn nhất và cho đến khi ấy, tự do của tôi sẽ bị "hạn chế đôi chút".

- Tư tưởng của ông *trop avancées* đối với Tây Ban Nha - ông ta thành thật thổ lộ qua người thông ngôn.

Nửa đêm, một nhân viên dẫn tôi đến nhà tù bằng xe ngựa. Đờ dưng cá nhân của tôi trải qua sự lục soát không tránh khỏi ở trung tâm nhà tù hình sao năm cánh, gồm năm tòa nhà ba tầng lớn. Những cầu thang đều bằng thép. Bầu không khí im lặng đặc biệt buổi đêm của nhà tù đầy ứ khí và ác mộng. Những bóng điện yếu ớt ngoài hành lang. Mọi thứ đều quen thuộc với tôi, ở đâu cũng vậy. Tiếng ồn khi cánh cửa bọc sắt hé mở. Một phòng lớn tranh tối tranh sáng, mùi nhà tù hôi thối, kinh tởm, một chiếc giường khốn khổ. Tiếng ồn của cánh cửa bị sập lại. Đã bao lần như thế rồi nhỉ, trong đời?

Tôi mở cửa thông hơi sau tấm lưới sắt. Một làn không khí mát rượi ulla vào. Để nguyên bộ quần áo cài khuy đến tận cổ, tôi nằm dài trên giường và đắp bằng chiếc áo choàng. Chỉ lúc đó tôi mới hiểu sự ngu xuẩn của những gì đã diễn ra. Tôi ở Madrid - và trong tù. Chẳng bao giờ tôi nghĩ đến điều này. Idovônxki [Isvolsky] đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Bị giam ở Madrid! Nằm dài trên giường của "nhà tù kiểu mẫu" Madrid, tôi phá lên cười từ tâm can. Cứ thế, tôi cười cho đến khi ngủ thiếp đi.

Giờ đi dạo, tù thường phạm cho tôi biết trong cái nhà tù này có những phòng phải trả tiền và những phòng khác không mất tiền. Phòng hạng nhất giá 1,5 pêxêta [peseta] một ngày, phòng hạng nhì 75 xentimô [centimo]. Mọi người bị giam đều có quyền chuyển sang phòng trả tiền, nhưng họ không được từ chối loại phòng không mất tiền. Phòng tôi thuộc loại hạng nhất và phải trả tiền. Tôi lại cười rữ, rất thật lòng. Xét cho cùng thì mọi thứ đều hợp lý. Làm sao có được bình đẳng trong nhà tù ở một xã hội hoàn toàn xây dựng trên bất bình đẳng? Ngoài ra, tôi cũng được biết những người ở phòng phải trả tiền được đi dạo một ngày hai lần, mỗi lần một

giờ, còn những kẻ khác chỉ được tổng cộng nửa giờ. Điều này cũng lại hợp lý. Lá phổi của tên tham ô trả 1,5 phờ-răng một ngày có quyền được hưởng nhiều không khí hơn của anh thợ bãi công, thở không mất tiền.

Ngày thứ ba, tôi bị gọi đi đo người và người ta bảo tôi nhúng các ngón tay vào mực in để lăn dấu lên phiếu lưu trữ. Tôi từ chối. Khi ấy người ta dùng "bạo lực" nhưng với phép lịch sự tinh tế. Tôi nhìn về phía cửa sổ trong khi người quản tù lễ phép bôi bẩn bàn tay tôi, ngón này tiếp ngón khác và ấn nó hàng chục lần lên các loại phiếu và giấy tờ khác nhau - ban đầu tay phải rồi đến tay trái. Tiếp đó, họ cho tôi ngồi và bảo tôi cởi giày. Tôi lại cự tuyệt và sự việc trở nên khó khăn hơn. Các nhân viên quản trị lúng túng quay tròn quanh tôi. Cuối cùng, đột ngột họ đưa tôi đi vì có người đến thăm: Gabiê và Anghilanô, anh mới được thả ngày hôm qua từ một nhà tù khác. Hai người cho tôi hay là họ đã làm đủ mọi việc để tôi được phóng thích. Ngoài hành lang tôi gặp cha tuyên úy. Cha bày tỏ mối cảm tình Thiên Chúa giáo với tư tưởng hòa bình của tôi và nói thêm để an ủi:

- *Paciencia, paciencia!*

Quả thực tôi cũng chả còn cách nào khác.

Sáng ngày 12, một nhân viên thông báo tôi phải đi Cadích ngay tối hôm đó và hỏi tôi có muốn trả tiền vé không. Nhưng hoàn toàn không có ý đi Cadích, thành thử tôi từ chối thẳng thừng việc trả tiền đi đường. Trả tiền phòng trong nhà tù kiểu mẫu là đủ với tôi lắm rồi.

Thế là chiều hôm ấy tôi đi từ Madrít đến Cadích. Vua Tây Ban Nha chịu mọi phí tổn đi lại.

Nhưng tại sao Cadích? Tôi xem lại bản đồ một lần nữa. Cadích ở tận cùng bán đảo châu Âu về phía Tây Nam: từ Bêrêdốp tôi qua Uran đến Pêtécbua trên cỗ xe tuần lộc, từ đó đi đường vòng đến Áo, từ Áo ngang Thụy Sĩ qua Pháp, từ Pháp sang Tây Ban Nha và cuối cùng, qua toàn bộ bán đảo Ibêrich đến Cadích. Hướng đi chung là từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Ở đây là tận cùng của lục địa, bắt đầu đại dương. *Paciencia!*

Các nhân viên dẫn độ tôi hoàn toàn không giữ bí mật về lộ trình: ngược lại, họ kể rất chi tiết về chuyện của tôi với bất kỳ ai muốn nghe, thêm nữa, theo khía cạnh tốt nhất: tôi không làm bạc giả, chỉ là một *caballero* nhưng có những tư tưởng không hợp lắm. Mọi người an ủi rằng khí hậu ở Cadích rất tốt.

Tôi gạn hỏi những người áp tải:

- Làm sao các ông phát hiện ra tôi?

- Rất đơn giản: qua một bức điện từ Pari...

Tôi cũng từng nghĩ như vậy. Văn phòng ở Madrít nhận được một bức điện từ sở cảnh sát Pari: "Một tên vô chính phủ nguy hiểm tên là... vượt biên ở Xanh Xêbátxchiêng. Y muốn lưu trú tại Madrít". Thành thử người ta đã chờ đợi, đã lùng tìm và lo lắng khi không thấy tôi suốt tuần lễ

đầu. Cảnh sát Pháp rất "tế nhị" đưa tôi qua biên giới, một trong hai viên cảnh binh - kẻ sùng bái Môngtenhơ [Montaigne] và Rơ-năng - còn hỏi tôi "*C'est fait avec discrétion? N'est-ce pas?*"; nhưng cùng lúc đó, cũng chính sở cảnh sát ấy lại điện đến Măđrăđ rằng một tên "vô chính phủ" nguy hiểm đã qua các cửa Irun và Xanh Xêbátxchiêng.

Trong tất cả chuyện này, người đảm nhiệm vai trò chính là Bidê-"Phôpa" [Bidet-"Fauxpas"], chỉ huy cái gọi là "cảnh sát hành chính". Y là linh hồn của việc theo dõi và trục xuất tôi. Bidê nổi lên trong đám đồng nghiệp về sự lỗ mãng và quỷ quyệt lạ thường. Y đã thử đàm đạo với tôi bằng một giọng mà các sĩ quan cảnh binh Nga hoàng cũng không dám dùng. Đến cuối mọi cuộc nói chuyện, bao giờ tôi cũng sôi máu và to tiếng. Ra khỏi phòng, tôi còn cảm thấy trên lưng cái nhìn căm ghét của hắn.

Khi Gabiê đến thăm, tôi nói với ông chắc chắn Bidê-"Phôpa" là kẻ chuẩn bị vụ bắt bớ tôi. Nhờ tôi, cái tục danh ấy được lan truyền trong báo chí Tây Ban Nha.

Không đầy hai năm sau, nhờ số phận đặc biệt run rủi, tôi được miễn nguyện hết sức bất ngờ với ngài Bidê.

Mùa hè năm 1918, một lần tôi được gọi lên Bộ Dân ủy Quốc phòng và người ta cho tôi biết Bidê Bidê sấm sét - đang bị giam trong một nhà tù Xô-viết. Tôi không tin ở tai mình. Thì ra chính phủ Pháp gửi Bidê trong một phái bộ quân sự với mục đích làm do thám và tổ chức bạo loạn tại nước Nga Xô-viết. Và y đã vụng về để bị tóm. Không thể chờ một sự trả đũa lớn hơn từ nữ thần Nê-mêđiđa [Némésis], nhất là nếu ta nói thêm rằng sau đó ít lâu, ngài bộ trưởng Nội vụ Manvi - người đã ký quyết định trục xuất tôi khỏi Pháp - cũng bị nội các Clê-măng-xô tống khỏi nước này vì tội "âm mưu hòa bình chủ nghĩa". Sự trùng lặp của các sự kiện? Cứ như nó được chuẩn bị cho một kịch bản phim!

Khi Bidê bị dẫn đến Bộ Dân ủy Quốc phòng, tôi không nhận ra y ta ngay. Tên sấm sét ấy chỉ còn là một kẻ phàm phu tục tử tầm thường và ỉu xiu. Tôi sửng sốt nhìn hắn.

- *Mais oui, monsieur* y cúi đầu nói với tôi -, *C'est moi*.

Quả thật, đúng là Bidê.

- Nhưng sao lại thế này? Việc xảy ra thế nào?

Tôi thành thực ngạc nhiên. Bidê dang cánh tay như một nhà triết học và nói với lòng tin của một cảnh binh tĩnh tại:

- *C'est la marche des événements*.

Đúng thế! Một cách diễn đạt tuyệt vời. Trong ký ức tôi hiện ra anh chàng ngăm đen có tư tưởng định mệnh đã áp giải tôi đến Xanh Xêbátxchiêng: "Làm gì có tự do ý chí. Tất cả đều là tiền định trong tiến trình của sự vật..."

- Nhưng này ông Bidê, ông không lịch sự gì mấy với tôi hồi ở Pari!...

- -, dù buồn bã đến mấy tôi cũng phải thừa nhận điều này, thưa ngài dân ủy. Tôi hay nghĩ đến nó khi nằm trong nhà giam.

Và y nói thêm, về ý tứ:

- Đôi khi con người cũng cần phải biết nhà tù nó thế nào, nhìn từ bên trong. Nhưng dù sao tôi vẫn hi vọng cách rằng sử sự của tôi ở Pari sẽ không đem lại cho tôi những hậu quả tai hại.

Tôi trấn an hẳn về điều này.

- Trở về Pari, tôi sẽ không bao giờ làm lại nghề này nữa - y đảm bảo với tôi.

- Thật vậy ư, ông Bidê? *On revient toujours à ses premiers amours*.

Tôi hay kể lại màn kịch này cho bạn bè đến nỗi tôi nhớ đoạn đối thoại như nó mới vừa xảy ra hôm qua. Sau này, Bidê được phóng thích nhân một cuộc trao đổi tù binh và tôi không biết gì thêm về số phận của y.

Nhưng từ Bộ Dân ủy Quốc phòng, chúng ta cần quay lại Cadích một thời gian.

Sau khi đã thảo luận với thống đốc thành phố, viên cảnh sát trưởng Cadích cho tôi biết tám giờ sáng ngày hôm sau tôi sẽ bị đưa đi La Havan [La Havane]. Dịp may tình cờ, có một chiếc tàu khởi hành đến đó.

- Đi đâu cơ?

- La Havan

- La Havan?

- Phải, La Havan!

- Tôi không muốn tới đó!

- Nếu vậy, chúng tôi buộc lòng phải giữ ông dưới khoang tàu.

Ông thư ký phòng lãnh sự Đức, bạn của viên cảnh sát trưởng - ông ta tham dự câu chuyện với tư cách thông ngôn - khuyên tôi *sich mit den Realitäten abzufinden*.

Paciencia, paciencia! Thế này thì thật là quá quắt. Tôi lại tuyên bố rằng mọi việc không thể diễn ra như vậy. Cùng một đám mật thám, tôi chạy đến bưu điện qua các phố xá của thành phố tuyệt vời mà khi ấy tôi chẳng nhận ra mấy, tôi gửi những bức điện "urgente" (khẩn) cho Gabiê, Anghilanô, cho ông giám đốc Sở mật thám, cho ông bộ trưởng Nội vụ, cho ông thủ tướng Rômanônét [Romanones], cho báo chí tự do, cho các nghị sĩ cộng hòa, tôi huy động mọi lý lẽ có thể đưa vào khuôn khổ một bức điện. Rồi tôi gửi thư từ đi khắp mọi nơi có thể.

Tôi viết cho nghị sĩ Ý Sêrati [Serrati]:

Bạn thân mến, bạn thủ tướng tượng hiện nay bạn đang ở Tòvéc, trong vòng kiểm soát của cảnh sát Nga và người ta muốn trục xuất bạn đi Tôkiô [Tokio], nơi bạn không hề muốn đến...

Trước ngày bị tống đi La Havan, tình trạng của tôi ở Cadích cũng gần như thế.

Rồi cùng với lũ mật thám, tôi lại chạy thật nhanh tới chỗ ông cảnh sát trưởng. Nhân nhượng trước những ép buộc của tôi, ông điện cho Madrid - phí tổn do tôi chịu - rằng tôi thà ở tù tại Cadích để chờ một chuyến tàu đi Niu Oóc còn hơn là đi La Havan. Tôi không muốn đầu hàng. Thật là một ngày nóng bỏng!

Trong lúc đó, nghị sĩ cộng hòa Cátxt rôviđô [Castrovido] chất vấn chính phủ trong viện Côrô-tét [Cortes] về việc tôi bị bắt và bị trục xuất. Một cuộc tranh luận nổ ra trên báo chí. Những tờ báo cánh tả công kích cảnh sát, nhưng với tư cách thân Pháp, họ lên án chủ nghĩa hòa bình của tôi. Những tờ cánh hữu thiện cảm với tính "thân Đức" (bởi không phải ngẫu nhiên mà tôi bị trục xuất khỏi Pháp!) nhưng lại ngại tư tưởng "vô chính phủ" của tôi. Trong cái khối hỗn tạp ấy, không ai hiểu được gì. Tuy nhiên, tôi được phép chờ ở Cadích chuyến tàu gần nhất đi Niu Oóc. Đó là một thắng lợi đáng kể!

Trong vài tuần tiếp đó, tôi chịu sự quản thúc của cảnh sát Cadích. Nhưng đây là thứ kiểm soát hòa bình và thân thiện, không như ở Pari. Ở đó trong hai tháng cuối, tôi phải tiêu hao không biết bao nhiêu năng lượng để lánh lũ mật thám. Tôi lẩn tránh trong tắc-xi, tôi lén vào phòng chiếu bóng tối om, nhảy vào tàu điện ngầm trong giây phút chót hoặc bất ngờ tụt xuống toa xe ngay trước khi cửa toa đóng lại... Những tên mật thám cũng nhanh mắt, chúng nghĩ ra đủ mọi thứ mưu mẹo trong quá trình săn đuổi tôi: chúng chiếm đoạt xe cộ, đứng canh ngoài cửa rạp phim, đột nhập lên các toa tàu điện và tàu điện ngầm như những trái bom, khiến hành khách và người kiểm tra vé bất bình đến cao độ. Xét cho cùng, tất cả những thứ đó cũng chỉ là *l'art pour l'art*. Hoạt động chính trị của tôi hoàn toàn diễn ra trước mắt cảnh sát. Nhưng lũ chó săn hỗn hển theo dấu chân tôi làm tôi khó chịu và khiến tinh thần thể thao sống dậy trong tôi.

Còn ở Cadích thì lại khác: tay mật thám tuyên bố bây giờ anh ta đi nhưng rồi sẽ trở lại vào một giờ nào đó và tôi phải kiên nhẫn ngồi chờ tại khách sạn. Mặt khác, anh ta cương quyết bảo vệ quyền lợi của tôi, giúp đỡ tôi khi mua bán và nhắc tôi từng cái ổ gà trên vỉa hè. Khi một bác bán hàng rong bán một tá tôm hùm luộc cho tôi với giá hai rêan [real], tay mật thám giận dữ văng tục, vung vẩy tay hăm dọa và đến lúc người bán hàng đã ra khỏi quán cà phê, anh ta còn chạy theo và làm ầm lên trước cửa hiệu khiến mọi người bâu lại.

Cố không để mất thời gian, tôi nghiên cứu lịch sử Tây Ban Nha trong thư viện thành phố, tôi học thuộc lòng cách chia động từ tiếng Tây Ban Nha và gia tăng vốn từ Anh ngữ nhằm chuẩn bị sang châu Mỹ. Ngày lại ngày trôi qua lúc nào không biết. Tối tối, tôi thường buồn rầu nhận thấy sắp tới ngày đi mà tôi vẫn chưa tiến bộ được bao nhiêu.

Tôi thường chỉ có một mình ở thư viện, không kể những con mọt đã gặm nhấm nhiều pho sách văn học từ thế kỷ XVIII. Đôi khi, phải gắng sức mới đoán nổi tên một tác gia hoặc một dữ kiện ngày tháng.

Tôi tìm thấy trong sổ tay hồi đó của tôi ghi chú nhỏ sau đây:

Một sử gia của cách mạng Tây Ban Nha nói về những kẻ đầu cơ chính trị: năm phút trước thắng lợi của phong trào quần chúng, họ còn lên án nó là tội lỗi và rồ dại, nhưng sau đó họ lại tìm cách ngoi lên hàng đầu. Cũng sử gia ấy tiếp tục viết: những đức ông tài ba này xuất đầu lộ diện trong tất cả các cuộc cách mạng sắp tới và chúng là kẻ to mồm nhất. Người Tây Ban Nha gọi loại người mánh lới như chúng là *panzistas*, xuất phát từ chữ *panse* (bụng). Mọi người đều biết tên anh bạn cũ thân thiết của chúng ta - Xanchô Panxa [Sancho Pansa] - cũng xuất phát từ đây. Cách gọi ấy thật khó dịch, nhưng khó khăn ở đây chỉ trên quan điểm ngôn ngữ học và không mang đặc tính chính trị. Đó là một điển hình quốc tế thực sự.

Sau năm 1917, tôi còn nhiều dịp để tin ở điều đó.

Cần chú ý là báo chí Cadix hoàn toàn không nói gì đến chiến tranh, cứ như thể nó không tồn tại. Khi trò chuyện, tôi lưu ý những người Tây Ban Nha rằng trong tờ *El Diario de Cadiz*, tờ báo địa phương được truyền bá rộng rãi nhất, không hề có những mẩu tin chiến sự. Người ta ngạc nhiên trả lời tôi:

- Không có lẽ? Vô lý!... À, mà đúng thật!...

Như vậy, chính họ cũng không nhận ra điều này. Nhưng rốt cục cuộc chiến xảy ra đâu đó ở phía bắc rặng Pirê-nê [Pyrenées]. Bản thân tôi cũng bắt đầu mất thói quen nghĩ đến chiến tranh.

Con tàu thủy đi Niu Oóc xuất phát từ Bắcxêlôna. Tôi xin phép đến thành phố này để gặp gia đình.

Ở Bắcxêlôna tôi lại có những khó khăn mới với cảnh sát, tôi lại phản kháng và đánh những bức điện. Lũ mật thám lại xuất hiện. Gia đình tôi đến Bắcxêlôna. Trong thời gian vừa rồi, mọi người cũng trải qua nhiều lo âu, khắc khoải ở Pari. Nhưng nay mọi sự đã ổn thỏa. Chúng tôi đi thăm thành phố cùng với lũ mật thám. Các con trai tôi thích biển và hoa quả ngoài phố. Chúng tôi đã yên lòng với việc đi Mỹ. Mọi cố gắng, nài nỉ của tôi để được qua Ý đến Thụy Sĩ đều không đạt kết quả nào. Thật ra - nhờ sự chạy vạy của các nhà xã hội Ý và Thụy Sĩ - cuối cùng tôi cũng được cấp giấy phép nhưng khi ấy gia đình tôi đã ở trên con tàu hơi nước Tây Ban Nha rời cảng Bắcxêlôna ngày 25 tháng Chạp. Cố nhiên, sự chậm trễ nọ không hề vô tình. Trên phương diện này, Idovôn-xki đã khéo xếp đặt mọi sự.

Cánh cửa châu Âu khép lại với tôi ở Bắcxêlôna. Cảnh sát đưa tôi và gia đình lên chiếc tàu mang tên Môn-xê-rát [Montserrat] của một hãng "viễn dương" Tây Ban Nha. Con tàu này sẽ cập bến Niu Oóc sau mười bảy ngày. Mười bảy ngày hẳn là một thời hạn rất hấp dẫn vào thời Cô-lôm-bô, pho tượng ông vươn cao trên hải cảng Bắcxêlôna.

Biển cực kỳ dữ dội trong thời điểm tồi tệ nhất của năm. Con tàu làm mọi cách để nhắc chúng tôi: cuộc đời chẳng đáng bao nhiêu. Chiếc Môn-xê-rát là một đồng sắt gỉ, không mấy thích hợp

trong việc giao thông trên đại dương. Nhưng trong thời chiến, lá cờ trung lập Tây Ban Nha làm giảm đi nhiều nguy cơ bị đánh chìm. Vì thế, hãng tàu thủy này đòi giá cao, cho hành khách ở tồi tàn và nuôi họ còn tệ hơn.

Dân số trên tàu có thành phần rất hỗn tạp và nói chung không mấy hấp dẫn. Trên boong tàu, tôi thấy nhiều kẻ đào tẩu - đa số thuộc loại có máu mặt - từ nhiều nước khác nhau. Một họa sĩ mang những bức tranh, tài năng, gia đình và tài sản của mình rời xa tuyến lửa, với sự bảo trợ của người cha già. Một võ sĩ quyền Anh - đồng thời là nhà văn, anh em họ với -txca Oaidor [Oscar Wilde] - tuyên bố thắng thừng: anh thích đánh quai võ hàm các ngài *yankees* trong một môn thể thao cao quý hơn là giơ sườn ra trước lưỡi lê của người Đức. Nhà vô địch bi-a - một *gentleman* không chê vào đâu được - bất bình vì lệnh động viên tràn cả đến lứa tuổi ông. Và tất cả những điều này để làm gì? Cho sự giết chóc vô nghĩa ư? Không! Và ông nhấn mạnh cảm tình của mình với những tư tưởng Dimmécvan. Những hành khách khác cũng tương tự như thế: lính đào ngũ, những tay phiêu lưu, đầu cơ hoặc những phần tử "bất hảo" bị tổng khởi châu Âu - có ai là người muốn vượt Đại Tây Dương vào mùa này trên một con rùa Tây Ban Nha ọp ẹp? Còn khó hơn nếu ta muốn tìm hiểu tường tận đặc điểm của hành khách hạng ba. Họ chõng chất lên nhau, ít cử động, ít trò chuyện vì ít ăn, họ lãnh đạm bởi từ một sự khốn cùng độc địa và quá quen thuộc - đến một sự khốn cùng khác, hiện còn chưa được biết đến. Châu Mỹ phục vụ cho châu Âu đang tham chiến và cần thêm nhân công mới, miễn là họ không đem lại cho nó bệnh đau mắt hột, tư tưởng vô chính phủ và các thứ bệnh khác.

Con tàu đem lại cho các con tôi một trường quan sát vô tận. Mỗi bận, chúng lại phát hiện được một cái gì đó.

- Cha biết không, chú thợ đốt lò là người rất tốt. Một *Republican*. - Bọn trẻ thường xuyên di chuyển từ nước này qua nước khác, thành thử chúng có một kiểu nói "quy ước" nào đó.

- Một người cộng hòa? Thế các con hiểu như thế nào về điều này.

- Chú giảng mọi thứ rất rõ cho bọn con: chú nói *Alphonso* rồi chú pằng-pằng!

Thế thì quả thực đó là một người cộng hòa, tôi công nhận quan sát của các con tôi. Bọn trẻ đem đến cho anh đốt lò thứ nho khô Magala và nhiều đồ ăn ngon khác. Chúng còn giới thiệu chúng tôi với nhau. Anh đốt lò cộng hòa chỉ chạc hai mươi tuổi và đã có những tư tưởng rất rõ ràng về vấn đề quân chủ.

Mùng 1 tháng Giêng 1917. Trên tàu mọi người chúc nhau một năm mới tốt lành. Tôi đã đón hai năm chinh chiến ở đất Pháp, năm thứ ba trên đại dương. Thử hỏi 1917 sẽ đem đến những gì? Ngày 13 tháng Giêng. Chủ nhật. Chúng tôi đến gần Niu Oóc. Mọi người tỉnh giấc lúc ba giờ. Ai nấy đứng lạng trên boong tàu. Trời tối. Lạnh. Gió. Mưa. Trên bờ, lở nhố những tòa nhà ẩm ướt. Tân thế giới!

CHƯƠNG XXII Ở NIU OÁC

Như thế, tôi đến Niu Oác, một đô thị thô thiển lạ thường của sự tự động hóa tư bản chủ nghĩa, nơi mỹ học của chủ nghĩa lập thể ngự trị ngoài phố và đạo lý của đồng đô-la thắng thế trong lòng. Niu Oác gây ấn tượng mạnh với tôi vì nó thể hiện hoàn thiện nhất tinh thần thời hiện đại.

Tôi cho rằng đa số huyền thoại được đặt ra về tôi là trong thời gian tôi lưu trú ở Hoa Kỳ. Nếu tại Na Uy nơi tôi chỉ quá cảnh, các nhà báo có đầu óc sáng tạo còn đặt chuyện tôi làm nghề mổ cá thu thì ở Niu Oác nơi tôi sống hai tháng - báo chí đã gán cho tôi vô số thứ nghề nghiệp, nghề này lý thú hơn nghề khác. Nếu tôi gom góp tất cả những cuộc phiêu lưu mà báo chí dán cho tôi, hẳn đã có một thứ tiểu sử thú vị hơn nhiều so với cuốn sách tôi viết ở đây. Nhưng tôi buộc phải làm bạn đọc Mỹ thất vọng. Nghề duy nhất mà tôi làm ở Niu Oác là nghề của một nhà cách mạng xã hội. Và vì nó diễn ra trước cuộc chiến tranh "giải phóng", "dân chủ", cái nghề này cũng không bị xua đuổi hơn nghề buôn rượu lậu ở Hoa Kỳ. Tôi viết bài, làm chủ nhiệm một tờ báo và diễn thuyết trong các cuộc mít-tinh của giới công nhân. Tôi ngập đầu trong công việc và không cảm thấy lạc lõng.

Trong một thư viện ở Niu Oác, tôi chăm chỉ nghiên cứu đời sống kinh tế Hoa Kỳ. Tôi sững sốt trước các số liệu tăng trưởng của nền xuất khẩu của nước này trong thời gian cuộc chiến xảy ra. Đối với tôi, đó thực sự là một phát kiến lớn. Không những báo trước việc Hoa Kỳ sẽ tham chiến, chúng còn quyết định vai trò đáng kể của nước này trên thế giới, khi cuộc chiến kết thúc. Tôi liền viết vài bài báo và đi diễn thuyết về đề tài này. Từ hồi ấy, vấn đề "Mỹ và Âu" vĩnh viễn là một trong những chủ đề được tôi quan tâm hàng đầu. Hiện nay tôi vẫn chăm chú nghiên cứu vấn đề này và muốn dành cho nó một cuốn sách. Để hiểu tương lai nhân loại, không đề tài nào có ý nghĩa hơn.

Sau khi đến Niu Oác một ngày, tôi viết trong tờ báo Nga *Nôvui Mir* [Novy Mir] (Thế giới mới): Tôi rời châu Âu đắm máu với niềm tin sâu sắc vào cuộc cách mạng sắp tới. Và tôi đã đặt chân lên bờ cái Tân Thế giới khá già cỗi này, hoàn toàn không mang chút ảo mộng "dân chủ" nào.

Mười ngày sau, tôi phát biểu trong một cuộc "gặp gỡ" quốc tế: Bản chất sự kiện kinh tế có tầm quan trọng đặc biệt là ở chỗ: châu Âu suy tàn ngay tại nguồn của cái cơ bản của mình, còn châu Mỹ thì cứ giàu lên. Và trong khi thèm thuồng nhìn ngắm Niu Oác, tôi - vẫn cảm thấy mình là người Âu - khắc khoải tự hỏi: liệu châu Âu có trụ được không? Phải chăng nó sẽ thành một nhà mồ? Và trọng tâm đời sống kinh tế và văn hóa sẽ dịch chuyển sang đây, châu Mỹ?

Dù có nh ững thành tựu trong cái gọi là sự ổn định của châu Âu, câu hỏi này vẫn mang tính thời sự cho đến tận bây giờ.

Tôi diễn thuyết bằng tiếng Nga và tiếng Đức trong một số khu ở Niu Oóc, ở Philađenphia [Philadelphie] và các thành phố lân cận. Kiến thức tiếng Anh của tôi dạo ấy yếu hơn hiện nay, thành thử tôi không dám nghĩ đến chuyện đăng đàn trước công chúng bằng thứ ngoại ngữ này. Tuy nhiên ở Niu Oóc, nhiều lần tôi thấy người ta viện dẫn các bài nói chuyện của tôi bằng tiếng Anh. Mới đây thôi, biên tập viên một tờ báo ở Cônxtantinốp kể chuyện về một buổi diễn thuyết giả tưởng ấy của tôi, trong đó anh ta có mặt khi còn là sinh viên tại Mỹ. Thú thực tôi không đủ can đảm để nói cho anh ta biết chắc hẳn anh là nạn nhân của trí tưởng tượng bản thân. Nhưng trời hỡi, anh chàng ấy còn lặp lại "hồi tưởng" nọ trên những trang báo của anh ta, lần này với vẻ tự tin hơn.

Chúng tôi thuê một căn nhà trong xóm thợ và mua chịu các đồ đạc nội thất. Căn phòng giá 18 đô- la một tháng này có nhiều tiện nghi hơn hẳn so với châu Âu: điện, lò ga, phòng tắm, điện thoại, thang máy tự động chở hàng (có thể chở cả rác rưởi khi xuống). Tất cả những thứ này lập tức làm các con tôi thích Niu Oóc. Trong một thời gian, máy điện thoại là trung tâm cuộc sống của chúng tôi. Chúng tôi chưa từng biết dụng cụ kỳ bí ấy ở Viên cũng như ở Pari.

Gác cổng nhà chúng tôi là một người da đen. Vợ tôi đưa cho ông ta tiền thuê nhà một quý nhưng không nhận được biên lai vì hôm trước, chủ nhà đem cuốn sổ đi kiểm tra. Hai ngày sau khi chúng tôi đến ở, ông da đen biến mất và cuỗm theo tiền thuê nhà của vài người khách trọ. Ngoài tiền nong, chúng tôi còn gửi ông giữ hộ hành lý. Chúng tôi rất hoảng hốt. Khởi đầu thế là dở rồi. Nhưng mọi đồ đạc của chúng tôi vẫn còn nguyên. Và khi mở chiếc thùng gỗ để bát đĩa, chúng tôi vô cùng sửng sốt khi tìm thấy những đồng đô-la của chúng tôi, được cuộn cẩn thận trong giấy. Người gác cổng chỉ đem theo tiền những kẻ thuê nhà đã nhận biên lai hợp lệ. Không nhẹ tay với ông chủ, nhưng người da đen không muốn gây thiệt hại cho những người thuê nhà. Quả là một người tuyệt vời! Chúng tôi rất cảm động vì sự lưu tâm đó và luôn nghĩ về ông với tấm lòng biết ơn. Tôi thấy câu chuyện nhỏ ấy có một tầm quan trọng rất lớn lao. Dường như nó cho ta thấy một mảnh của vấn đề "da đen" tại Hoa Kỳ.

Vào những ngày tháng ấy, Hoa Kỳ ráo riết chuẩn bị cho chiến tranh. Trong việc này như thường lệ - những người hòa bình chủ nghĩa lại là những người đóng góp nhiều nhất. Họ đọc những bài diễn văn rẻ tiền về cái lợi của hòa bình so với chiến tranh và lặp đi lặp lại đoạn kết với lời hứa ủng hộ chiến tranh nếu nó trở nên "cần thiết". Briăng cũng tuyên truyền trong cái tinh thần ấy. Các nhà xã hội cùng gầy chung một sợi dây đàn với đám hòa bình chủ nghĩa. Và ai cũng biết: đối với những tín đồ hòa bình chủ nghĩa, chiến tranh chỉ tòi tẹ vào thời bình. Khi người Đức tuyên bố cuộc chiến toàn diện bằng tàu ngầm, hàng núi quân trang, quân dụng

chất đồng tại mọi sân ga miền Đông Hoa Kỳ và các hải cảng trên toàn quốc, làm tắc nghẽn các tuyến đường sắt. Lập tức, giá cả hàng tiêu dùng tăng vọt. Tôi thấy ở cái thành phố Niu Oóc vốn rất giàu có, hàng vạn phụ nữ và các bà mẹ xuống đường, đảo lộn hòm xiểng, rổ rá các quầy hàng rong ngoài phố và làm tan nát những cửa hiệu nhỏ. Cả thế giới này sẽ ra sao sau cuộc chiến? - tôi tự vấn và hỏi những người khác.

Lời tuyên bố được chờ đợi từ lâu vang lên ngày 3 tháng Hai: Hoa Kỳ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đức. Ngày lại ngày, khúc nhạc xô-vanh càng vang lên mạnh mẽ. Giọng nam cao (của các tín đồ hòa bình chủ nghĩa) và giọng kim (của những người xã hội) không phá hỏng chút nào bản hòa tấu. Tôi đã có dịp quan sát tất cả những điều này ở châu Âu và sự động viên tinh thần ái quốc kiểu Mỹ chỉ là lặp lại mọi điều đã thấy. Tôi ghi nhận các giai đoạn của diễn biến trong tờ báo tiếng Nga của tôi và thầm nghĩ: sao nhân loại lại ngu dốt đến thế? Học hoài mà chẳng hiểu! Từ cửa sổ tòa soạn, tôi được mục kích quang cảnh sau. Một ông già mắt toét nhèm, râu xám và dựng đứng, dừng lại trước một thùng rác và moi từ trong ra một mẩu bánh mì. Ông già cố bẻ nó, ông đưa mẩu bánh cứng như đá lên miệng rồi đập vài lần vào cạnh thùng rác. Nhưng vô hiệu, mẩu bánh cứ ì ra. Khi ấy, ông nhìn quanh vẻ lo lắng pha lẫn bối rối, dứt "báu vật" tìm thấy dưới cái vệt-tông màu nâu sẫm và tập tễnh đi tiếp trên phố Xanh Mác Polết-xơ [Saint Mark's Place]... Chuyển cảnh nhỏ nhoi này diễn ra ngày 2 tháng Ba 1917. Nó không thay đổi được chút nào các kế hoạch của giai cấp thống trị. Mục đích của giai cấp này là biến chiến tranh thành một thứ không tránh khỏi và phái hòa bình chủ nghĩa phải ủng hộ lời tuyên chiến.

Tại Niu Oóc, Bukharin là một trong số những người đầu tiên đón chúng tôi, anh cũng vừa bị trục xuất khỏi bán đảo Xcăngđinavơ [Scandinavie]. Bukharin biết gia đình chúng tôi từ thời kỳ ở Viên và anh tiếp chúng tôi với vẻ hào hứng con trẻ, vốn là đặc tính của anh. Mặc dầu chúng tôi mệt mỏi và đã quá khuya, ngay hôm đầu anh dẫn chúng tôi đi thăm thư viện công cộng. Công việc chung của chúng tôi ở Niu Oóc mở đầu một quá trình mà Bukharin ngày càng quyến luyến với tôi, mãi đến năm 1923, khi đó cảm giác ấy mới đảo ngược hoàn toàn. Bản chất con người ấy là luôn luôn phải dựa dẫm, phải tồn tại và phải gắn bó với ai đó. Những lúc ấy, Bukharin chỉ là một người đang lên đồng, qua anh một kẻ khác nói và hành động. Cần để ý đến anh ta, bằng không thì, bằng một cách không tự giác và hầu như khó nhận biết, anh sẽ rơi vào ảnh hưởng ngược lại như người ngã vào bánh ô tô. Không bị quản thúc, anh sẽ lãng mạ hết lời thần tượng của anh, cũng hăng hái như lúc anh thần thánh hóa họ. Tôi chưa bao giờ thật sự coi trọng Bukharin và để mặc anh muốn làm gì thì làm, tức là để anh rơi vào ảnh hưởng của kẻ khác. Sau khi Lênin qua đời, trước tiên Bukharin là con rối của Dinôviép và tiếp đó là của Xtalin. Giờ đây, khi tôi viết những dòng này, Bukharin lại qua một cơn khủng hoảng mới và chịu đựng những ảnh hưởng tinh thần nào đó, lạ lẫm và không quen biết đối với tôi.

Thời gian đó Cônlôntai [Kollontai] cũng ở Mỹ. Chị đi vắng luôn và nói chung chúng tôi ít gặp gỡ nhau. Trong chiến tranh, chị đi một bước ngoặt mạnh mẽ về phía tả, chị rời hàng ngũ men-sêvích để đứng cùng những người bên-sê-vích cánh tả. Kiến thức ngoại ngữ và tính khí của chị khiến chị trở thành một nhà tuyên truyền quý báu. Nhưng những quan điểm lý luận của chị vẫn còn mờ mịt. Thời ở Niu Oóc, đối với chị, chẳng có gì được coi là đủ tính cách mạng. Chị liên hệ thư từ với Lênin. Làm méo mó các sự kiện và tư tưởng qua lăng kính cực tả thời đó của chị, Cônlôntai chuyển cho Lênin những thông tin về nước Mỹ và đặc biệt, về hoạt động của tôi. Trong những hồi âm của Lênin, có thể thấy tiếng vang của những thông tin sai lệch và thành kiến của chị đối với tôi từ hồi đầu.

Sau này, trong cuộc đấu tranh chống lại tôi, những kẻ kế nghiệp bất tài không quên sử dụng những ý kiến sai lầm mà về sau, bản thân Lênin cũng phủ nhận - bằng lời nói và bằng chính hành động của ông.

Trở về Nga, hầu như ngay từ những ngày đầu, Cônlôntai đã gia nhập phe đối lập cực tả, chẳng những để chống tôi mà chống cả Lênin. Chị đả phá kịch liệt "thứ đường lối của Lênin và Trốtxki" để rồi sau đó cúi đầu một cách cảm động trước thể chế của Xtalin.

Về mặt ý thức hệ, đảng Xã hội Hoa Kỳ cực kỳ lạc hậu, ngay cả so với chủ nghĩa xã hội quốc gia châu Âu. Tuy nhiên, cái vẻ dương dương tự đắc của báo chí Hoa Kỳ - lúc ấy đang còn đứng ở vị trí trung lập - đối với châu Âu "trong cơn sóng gió" vẫn còn thấy được trong tư tưởng những nhà xã hội nước này. Một số, như Hinquít [Hillquit] sẵn sàng đóng vai trò "ông bác" xã hội châu Mỹ, người đến châu Âu đúng lúc để hòa giải các đảng phái thù địch trong Đại hội Quốc tế. Cho đến nay, tôi vẫn không nín được cười thầm khi nhớ lại các lãnh tụ của chủ nghĩa xã hội Mỹ. Những người nhập cư - thời trẻ từng đóng một vai trò gì đó ở châu Âu - nhanh chóng đánh mất những điều kiện tất yếu về mặt lý thuyết mà họ mang theo trong cuộc chiến chen chúc cho sự thành đạt bản thân. Ở Hoa Kỳ, có một tầng lớp đông đảo các thầy thuốc, trạng sư, nha sĩ, kỹ sư và những kẻ tương tự, đã thành đạt hoặc thành đạt nửa chừng; họ chia sẻ thời giờ rỗi rãi quý báu của mình để tham gia khúc hòa tấu của những danh nhân châu Âu và đảng xã hội Mỹ. Sự từng trải của họ gồm những mẫu, những mảnh các ý kiến thông thái tiếp thu được thời họ còn cắp sách đến trường. Hơn nữa, tất cả bọn họ đều có xe hơi, họ luôn luôn được bầu vào các ban lãnh đạo, các tổ và các phái bộ của đảng. Cái giới tự đắc này ghi dấu ấn tinh thần lên chủ nghĩa xã hội Mỹ. Đối với họ, Uynxơn có uy tín hơn Mác rất nhiều. Tóm lại, đó là những dạng tựa tựa như ông Bápbít [Babbitt], người bổ sung những vụ việc buôn bán bằng các suy tư dăm dúi trong ngày chủ nhật về tương lai nhân loại. Những con người ấy sống trong những bộ lạc quốc gia nhỏ, trong đó sự đoàn kết tư tưởng thường chỉ để che giấu các quan hệ làm ăn. Mỗi bộ lạc có một lãnh tụ, thường là người giàu nhất trong bọn. Tất cả đều rất khoan dung với mọi thứ tư

tưởng, miễn là những tư tưởng ấy không phá hoại uy tín truyền thống của họ và không đe dọa - lay Chúa! - sự phồn vinh cá nhân họ. Báp-bít bậc nhất trong các Báp-bít là Hinquít, lãnh tụ xã hội lý tưởng của những nha sĩ thành đạt.

Lần tiếp xúc đầu tiên của tôi đối với những con người ấy đủ khiến họ ghét tôi ra mặt. Những cảm giác của tôi, có lẽ trầm lắng hơn, chắc chắn không phải những thiện cảm. Chúng tôi thuộc về những thế giới khác nhau. Trong mắt tôi, họ đại diện cho bộ phận thối nát nhất của cái thế giới tôi đã và đang đấu tranh.

Ông già O'gien Đép [Eugene Debs] nổi bật trong thế hệ già bằng ngọn lửa nội tại không thể dập tắt của lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Là nhà cách mạng chân thành nhưng lãng mạn và mang tâm hồn của một mục sư, hoàn toàn không phải là chính trị gia và lãnh tụ, Đép chịu ảnh hưởng của những kẻ kém ông về mọi mặt. Nghệ thuật lớn nhất của Hinquít là giữ được Đép ở phía cực tả mà không phải đoạn tuyệt quan hệ làm ăn với Gôm-péc [Gompers].

Đép là người có sức lôi cuốn mạnh trong các quan hệ cá nhân. Khi chúng tôi gặp nhau, ông luôn ôm chặt và hôn tôi; phải thừa nhận là ông già ấy không thuộc hạng người "lạnh lẽo". Khi đám Báp-bít phong tỏa tôi, Đép không tham gia, ông chỉ cay đắng lảng ra xa.

Hầu như từ những ngày đầu, tôi tham gia tòa soạn tờ nhật báo tiếng Nga *Nô-vui Mir*, trong đó ngoài Bukharin còn có sự cộng tác của Vô-lô-đác-xki [Volodarsky] - sau này bị bọn xã hội cách mạng sát hại ở vùng phụ cận Pê-tơ-rô-gơ-rát [Pétrograd] - và Trú-t-nốp-xki [Tchoudnovsky], cũng bị thương ở đó và sau bị giết ở U-cô-raina. Tờ báo trở thành trung tâm tuyên truyền cách mạng quốc tế. Trong mọi liên đoàn quốc gia của đảng xã hội đều có những cộng tác viên biết tiếng Nga. Nhiều thành viên của liên đoàn Nga nói tiếng Anh. Vì thế các tư tưởng của *Nô-vui Mir* thâm nhập trong các giai tầng rộng rãi của giới công nhân Mỹ. Các quan chức của chủ nghĩa xã hội chính thức lo lắng. Những cuộc chiến bẽ đảng hung bạo nổi lên chống người khách từ châu Âu mới tới đất Mỹ ngày hôm qua, chẳng biết chút gì về tâm lý Mỹ mà toan áp đặt những phương pháp hão huyền của anh ta vào giới thợ thuyền nước này. Cuộc chiến nổ ra vô cùng dữ dội. Trong liên đoàn Nga, bọn Báp-bít "dày dạn" và "ưu tú" bị đẩy lùi lập tức. Trong liên đoàn Đức, ông già Sluê-tê [Schlueter] - chủ nhiệm tờ *Volkszeitung* và bạn chiến đấu của Hinquít - đành chịu mất ảnh hưởng trước biên tập viên trẻ Lô-rơ [Lore], nhưng anh này lại thuộc phái chúng tôi. Những người Lét-tô-ni [Lettonie] một lòng một dạ theo chúng tôi đến cùng. Liên đoàn Phần Lan cũng hướng về chúng tôi. Chúng tôi thâm nhập ngày càng thành công vào Liên đoàn Do Thái vốn rất vững, họ có một tòa lầu mười ba tầng, từ đó mỗi ngày tuôn ra hai mươi vạn bản *Vorwaerts*, bốc lên mùi thiu thối của thứ xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản đa cảm, sẵn sàng phản bội một cách tệ hại nhất. Trong hàng ngũ quần chúng công nhân bản địa Mỹ, những quan hệ và ảnh hưởng của đảng xã hội và cụ thể, của cánh cách mạng chúng tôi kém phần rộng rãi. *The*

Call (Tiếng gọi), tờ báo tiếng Anh của đảng được viết theo tinh thần hòa bình trung lập, nội dung nghèo nàn, trống rỗng. Chúng tôi quyết định bắt đầu bằng việc phát hành một tờ tuần báo mác-xít chiến đấu. Công cuộc chuẩn bị đang rầm rộ thì bị cản trở bởi... cách mạng Nga Sau hai ba ngày lặng im bí hiểm, những tin tức mơ hồ và hỗn độn về cuộc cách mạng ở Pêtơrôgơrát bắt đầu lọt ra ngoài qua đường điện tín. Giới công nhân gồm nhiều chủng tộc ở Niu Oóc lặng đi vì hồi hộp. Người ta muốn nhưng cũng không dám hi vọng. Báo chí Mỹ hoàn toàn lưỡng lự. Từ mọi nơi, các nhà báo, nhà phỏng vấn, các phóng viên và người viết phóng sự lũ lượt đổ dồn đến tòa soạn *Nôvuri Mir*. Trong một thời gian, tờ báo của chúng tôi trở thành trung tâm hội tụ của cả giới báo chí Niu Oóc. Các tòa soạn và tổ chức xã hội điện thoại cho chúng tôi không dứt.

- Chúng tôi nhận được điện tín báo tin thứ chính phủ Gutrôcốp [Goutchkov]-Miliucốp đã hình thành ở Pêtécubua. Thế là thế nào?

- Nghĩa là ngày mai nội các Miliucốp-Kêrenxki sẽ được thành lập.

- Ra thế! Còn sau đó?

- Sau đó ư? Rồi sẽ đến lượt chúng tôi.

- -!

Cuộc nói chuyện trên lặp lại vài chục lần. Hầu như những người chất vấn đều cho là tôi nói đùa. Trong một cuộc họp thu hẹp của những người xã hội dân chủ Nga - chỉ gồm các vị được coi là quan trọng nhất - tôi đọc một diễn văn trong đó tôi cố chứng tỏ đảng của giai cấp cần lao nhất thiết sẽ dành được quyền hành trong giai đoạn hai của cách mạng Nga. Hiệu quả đạt được gần giống như khi tôi ném một hòn đá xuống đầm lầy nhưng nhúc nhúc những chú ếch nhái ngạo mạn và no nê. Bác sĩ Inghécman [Ingermann] không quên giảng giải cho cử tọa: tôi không biết đến cả bốn phép tính số học cơ bản của chính trị và chẳng nên mất thời giờ vô ích - dù chỉ là dăm phút để gạt bỏ những câu nói lung củng, lộn xộn của tôi.

Quần chúng công nhân đón chờ những triển vọng của cách mạng theo một cung cách hoàn toàn khác. Những cuộc mít-tinh đông đảo với bầu không khí hăng hái chưa từng có diễn ra trong tất cả các khu của Niu Oóc. Khi được tin lá cờ đỏ tung bay trên Cung điện mùa Đông, quần chúng phấn chấn hò reo khắp mọi nơi. Không chỉ các kiều dân Nga, nhiều khi cả lớp con cháu không biết tiếng mẹ đẻ của họ cũng đến dự những buổi họp ấy để hít thở không khí hào hứng do cách mạng mang đến.

Không mấy khi tôi ở nhà. Gia đình tôi cũng sống cuộc sống phức tạp ri êng của nó. Vợ tôi chăm lo xếp đặt tổ ấm gia đình. Lũ trẻ tìm thấy những bạn mới. Được ưa chuộng hơn cả là anh lái xe của bác sĩ M. Vợ ông bác sĩ ấy cùng vợ tôi đi dạo với bọn trẻ và tỏ ra rất thân mật với chúng. Nhưng chị cũng chỉ là một phụ nữ bình thường. Còn anh lái xe mới thật là một thầy phù thủy,

một người khổng lồ, một siêu nhân! Chỉ bằng cái phẩy tay, anh khiến chiếc xe quy thuận. Ngồi cạnh anh trên xe là một hạnh phúc tuyệt vời. Khi vào một hàng bánh ngọt, lũ trẻ phật ý kéo tay mẹ chúng và hỏi:

- Sao chú tài xế không đi cùng với chúng ta?

Khả năng thích nghi của trẻ con thật vô bờ bến. Ở Viên, chúng tôi thường sống trong những xóm thợ, vì thế bọn trẻ - ngoài tiếng Nga và tiếng Đức - còn nói rất thành thạo thổ ngữ thành Viên. Nhiều lần bác sĩ Anphrét Átle rất hài lòng xác nhận: chúng nói thứ thổ ngữ ấy giỏi như bất cứ ông già *Fiakerkutscher* nào của thành Viên. Trong trường học ở Durích, bọn trẻ buộc phải chuyển sang thổ ngữ Durích vì đây là ngôn ngữ trong nhà trường ở các lớp dưới, ở đó tiếng Đức được dạy như ngoại ngữ. Tại Pari, lũ trẻ phải đột ngột xoay sang tiếng Pháp. Các cháu học thành thạo ngôn ngữ mới này trong vòng vài tháng. Nhiều khi tôi ghen tị với chúng vì vẻ thoải mái, nhẹ nhõm khi chúng nói tiếng Pháp. Thời gian không đầy một tháng ở Tây Ban Nha và trên con tàu Tây Ban Nha cũng đủ để lũ trẻ nắm được nhiều từ và ngữ thông thường nhất. Cuối cùng, tại Niu Oóc, chúng học hai tháng liền trong một trường Mỹ và nắm vững những nét chủ yếu của tiếng Anh. Sau cách mạng tháng Hai, bọn trẻ tiếp tục học ở Pêtorôgorát. Đời sống học đường bị xáo trộn. Các ngoại ngữ bay hơi khỏi tâm trí của các cháu còn nhanh hơn khi chúng đọng lại thuở trước. Nhưng các con tôi nói tiếng Nga theo kiểu của người nước ngoài. Nhiều lần, chúng tôi ngạc nhiên nhận thấy cấu trúc một câu tiếng Nga của chúng nói hết như dịch từ tiếng Pháp. Tuy vậy, các cháu lại không thể nói lại được một lần nữa chính câu nói ấy bằng tiếng Pháp. Lịch sử những chặng đường di tản của chúng tôi được ghi lại như vậy đấy trong những bộ óc non trẻ, tựa như trên những cuộn giấy cổ bằng cỏ lác được viết chồng chéo nhiều lần.

Khi từ tòa soạn, tôi gọi điện cho vợ tôi báo tin cách mạng nổ ra ở Pêtéc-bua, con trai thứ của chúng tôi đang nằm viện vì bệnh bạch hầu. Cháu lên chín. Nhưng đã từ lâu cháu biết rõ cách mạng đồng nghĩa với đình chiến, với việc trở về Nga và với hàng ngàn hạnh phúc khác. Cháu nháy chồm lên và múa may mừng cách mạng trên giường. Điều này chứng tỏ cháu đã khỏi bệnh.

Chúng tôi cố gắng rời Mỹ bằng chuyến tàu thủy đầu tiên. Tôi chạy đi chạy lại đến các lãnh sự xin giấy tờ và thị thực. Tối hôm trước ngày khởi hành, bác sĩ cho phép đứa nhỏ mới lành bệnh được đi dạo. Vợ tôi cho cháu đi trong nửa giờ rồi sửa soạn hành lý. Đã bao lần cô phải làm từ đầu đến cuối công việc ấy! Nhưng không thấy cháu về. Tôi thì ở tòa soạn báo. Ba giờ khắc khoải trôi qua. Điện thoại kêu vang trong nhà chúng tôi. Ban đầu một giọng đàn ông không quen biết, rồi tiếng của Xéc-gây:

- Con đang ở đây!

Đây là một đồn cảnh sát ở đầu bên kia Niu Oóc. Cậu bé muốn nhân chuyến đi dạo đầu tiên ấy để giải đáp một câu hỏi đã hành hạ cháu từ lâu: quả thực có phố Thứ Nhất (First Avenue) không? - chúng tôi ở phố 164, nếu tôi không nhầm. Dĩ nhiên cháu đã lạc, lần la hỏi người qua đường và được họ đưa đến đồn cảnh sát khu vực. May sao, cháu nhớ được số điện thoại của chúng tôi.

Một giờ sau, khi vợ tôi cùng cháu đầu đến đồn cảnh sát, họ được tiếp đón vui vẻ như một vị khách chờ đợi từ lâu. Cậu bé Xêriôgia mặt đỏ bừng và đang chơi bài với một chú cảnh sát. Để che giấu nỗi bối rối do sự chăm sóc quá tận tình của cơ quan hành chính, cháu chăm chỉ nhai kẹo cao su Mỹ màu đen cùng các bạn mới của nó. Bù lại, đến nay Xêriôgia vẫn còn nhớ số điện thoại của chúng tôi ở Niu Oóc.

Quá cường điệu nếu bảo tôi đã làm quen với Niu Oóc. Tôi quá vội vã ngụp lặn trong công việc của đảng xã hội Mỹ. Cách mạng Nga cũng đến quá nhanh. Vồn vện, tôi chỉ nắm bắt được chút gì đó từ nhịp sống của con quái vật có tên là Niu Oóc. Tôi trở về châu Âu trong tâm trạng của một kẻ mới thoáng nhìn vào bên trong cái lò tôi luyện tương lai nhân loại. Tôi tự an ủi sẽ có ngày trở lại nơi đây. Đến nay tôi vẫn chưa từ bỏ hi vọng ấy.

CHƯƠNG XXIII TRONG TRẠI TẬP TRUNG

Ngày 25 tháng Ba, tôi đến tổng lãnh sự Nga ở Niu Oóc: ở đây chân dung Nhicôlai Đệ nhị đã được hạ khỏi tường nhưng bầu không khí nặng nề của một đồn cảnh sát Nga cũ vẫn tiếp tục ngự trị. Sau một vài trở ngại và trì hoãn không tránh khỏi, ông tổng lãnh sự bằng lòng cấp các giấy tờ hợp lệ để tôi có thể về Nga. Tại phòng lãnh sự Nga ở Niu Oóc, sau khi tôi điền xong các tờ khai, người ta tuyên bố chính quyền Anh sẽ không gây trở ngại gì cho chuyến quá cảnh của tôi. Thành thử, mọi sự dường như đầu vào đấy.

Ngày 27 tháng Ba, tôi cùng gia đình và vài người đồng hương xuống con tàu thủy Na Uy mang tên Corítxtianiápgióóc [Christianiafjord]. Mọi người giã từ chúng tôi bằng hoa và những bài diễn văn. Chúng tôi trở về đất nước cách mạng. Có đầy đủ hộ chiếu và thị thực. Cách mạng, hoa và thị thực làm thành một bản hòa tấu tràn ngập tâm hồn phiêu lãng của chúng tôi.

Ở Heliphécxơ [Halifax] (Canada) nơi nhà chức trách hải quân Anh kiểm tra tầu, các sĩ quan cảnh binh chỉ xem xét hộ chiếu những công dân Mỹ, Na Uy, Đan Mạch và các nước khác một cách hình thức. Nhưng những người Nga chúng tôi thực sự bị hỏi cung: chúng tôi có tư tưởng gì, có kế hoạch chính trị gì, v. v...? Tôi từ chối không chuyện trò với họ về vấn đề này. Tôi nói: các ngài có thể xem xét những thông tin liên quan đến nhân dạng tôi, nhưng thế là hết; nội tình chính trị Nga hiện thời chưa thuộc quyền kiểm soát của hải quân Anh.

Nhưng điều này không ngăn trở Masen [Machen] và Oátxtút [Wastwood], hai sĩ quan điều

tra, - sau khi cuộc hỏi cung thứ hai thất bại - dò hỏi các hành khách khác về tôi. Hai viên sĩ quan này nhấn mạnh tôi là một *terrible socialist* (nhà xã hội ghê gớm).

Toàn bộ cuộc điều tra thật khiếm nhã và đã đẩy những nhà cách mạng Nga vào một tình thế bị phân biệt đối xử thái quá so với các hành khách khác, những người không có cái rủi ro đại diện cho một quốc gia đồng minh với Anh. Đến nỗi nhiều người - sau khi bị truy hỏi - đã lập tức bày tỏ sự phản kháng quyết liệt với chính quyền Anh vì hành vi của các cảnh sát. Tôi không làm điều đó; sau này tôi sẽ phàn nàn trực tiếp với Bendêbút [Belzébuth] về lũ quỷ sứ này. Tuy nhiên, lúc đó chúng tôi cũng chưa nhìn thấy hết diễn biến sắp tới của các sự việc.

Ngày 3 tháng Tư, những sĩ quan Anh - được các thủy thủ đi kèm - xuất hiện trên boong tàu Coríxtianiápgióc. Nhân danh thủy sư đô đốc địa phương, họ ra lệnh cho tôi cùng gia đình và năm hành khách phải rời tàu. Được hỏi về nguyên do của đòi hỏi ấy, họ hứa đến Heliphécxơ sẽ đưa sự việc đáng tiếc "ra ánh sáng". Chúng tôi coi lệnh này là bất hợp pháp và từ chối không tuân thủ. Những thủy thủ có vũ trang lao vào chúng tôi và dù số lớn hành khách la ó phản đối *shame, shame* (xấu hổ, nhục nhã!), họ xốc chúng tôi xuống một chiếc xuồng tuần tiễu và chở về Heliphécxơ dưới sự hộ tống của một tuần dương hạm. Tôi bị chèn một chục thủy thủ giữ chặt, con trai đầu của tôi chạy đến giúp tôi, cháu ra sức thui một sĩ quan bằng nắm đấm nhỏ bé và kêu lên:

- Con cho lão ấy một phát nữa, ba nhé?

Nó mười một tuổi. Cháu nhận được bài học đầu tiên của nền dân chủ Anh.

Cảnh sát để vợ và con tôi ở Heliphécxơ. Chúng tôi, những người còn lại, bị đưa lên xe lửa về trại

Amhéc [Amherst], nơi giam giữ tù binh Đức. Tại đây, trong văn phòng tiếp nhận, chúng tôi bị lục soát như chưa từng thấy bao giờ, ngay cả khi tôi bị giam ở pháo đài Piốt-Paven. Trong nhà tù Nga hoàng, khi chúng tôi bị bắt cởi hết quần áo và cảnh sát sờ nắn khám người, việc đó được làm kín đáo, không để người khác nhìn thấy. Ở đây, ngược lại, các đồng minh dân chủ buộc chúng tôi trải qua những thủ tục nhục nhã ấy trước mặt hàng tá người. Nhân vật chính của vụ lục soát, tên trung sĩ Ônxen [Olsen] người Thụy Điển- Canada, vĩnh viễn đọng lại trong tâm trí tôi với cái đầu sen đầm đỏ hung kiểu tội phạm. Bọn cận bã điều khiển từ xa thừa biết chúng tôi là những nhà cách mạng Nga chính trực trên đường trở về quê hương vừa được cách mạng giải phóng.

Chỉ đến sáng hôm sau, đáp lại những đòi hỏi và phản kháng liên tục của chúng tôi, viên chỉ huy trại, đại tá Môrítxơ [Morris] mới đưa ra lý do chính thức khiến chúng tôi bị bắt giam:

- Các ông là người nguy hiểm đối với chính phủ Nga hiện tại - y tuyên bố cụt lủn.

Viên đại tá vốn không quá hùng biện, hơn nữa, khuôn mặt ông ta có vẻ bưng bưng một cách đáng ngờ ngay từ sáng sớm.

- Nhưng chính các đại diện của chính phủ Nga ở Niu Oóc đã cấp giấy thông hành hợp lệ cho chúng tôi về Nga. Vả lại, hãy để cho cái chính phủ Nga ấy tự lo lấy thân!

Đại tá Môrítxơ ngẫm nghĩ, quai hàm giật giật nhai đi nhai lại rồi nói thêm:

- Các ông cũng nguy hiểm cho cả phe Đồng minh...

Người ta không cho chúng tôi xem bất kỳ một lệnh bắt giữ nào. Nhân danh cá nhân, ông đại tá còn nói: là những người cư trú chính trị, cố nhiên chúng tôi có lý do rời bỏ đất nước mình và cũng đừng ngạc nhiên về những sự việc xảy ra. Đối với ông, cách mạng Nga không hề tồn tại. Chúng tôi cố giải thích cho ông rằng các bộ trưởng Nga hoàng - những kẻ đã khiến chúng tôi phải cư trú chính trị thời xưa - nay đã đều ngồi tù vì họ chưa kịp di tản. Nhưng tất cả những điều này đều quá phức tạp đối với viên đại tá, kẻ từng lập thân tại các thuộc địa Anh và trong cuộc chiến chống người Bô. Khi nói chuyện, tôi không tỏ ra kính trọng ông đến mức cần thiết khiến ông ta găm gù sau lưng tôi:

- Thằng này cứ thử rơi vào tay ông ở bờ biển Nam Phi mà xem...

Đó cũng là câu cửa miệng của ông.

Về mặt luật pháp, vợ tôi không phải là người di cư chính trị vì cô ra nước ngoài bằng hộ chiếu hợp lệ. Tuy nhiên cô cũng bị bắt giữ cùng hai con trai nhỏ, một lên chín, một lên mười một. Tôi không phóng đại khi nói lũ trẻ cũng bị bắt giữ. Thoạt đầu, các nhà chức trách Canada cố tách chúng khỏi mẹ để đưa vào một trại tể bần. Hoảng hốt vì chuyện ấy, vợ tôi tuyên bố không bao giờ cho phép họ chia rẽ cô với các con. Chỉ nhờ sự phản kháng của cô mà lũ trẻ mới được cùng cô đến ở nhà một cảnh sát người Anh lai Nga, anh này chỉ cho các con tôi ra đường dưới sự quản thúc của anh, kể cả khi lũ trẻ không đi cùng mẹ chúng, tránh việc họ gửi đi những thư từ hoặc điện tín "bất hợp pháp". Chỉ mười một ngày sau, vợ con tôi mới được chuyển đến một khách sạn với điều kiện hàng ngày phải ra trình báo ở sở cảnh sát.

Trại tù binh Amhéc đặt trong tòa nhà rêu phong cổ mộc của một xưởng đúc cũ; người ta tịch thu xưởng này của một ông chủ người Đức. Các phản gỗ được xếp thành ba tầng và hai hàng, dọc theo tường nhà. Tám trăm người bị giam giữ trong điều kiện như thế. Không khó khăn gì cũng có thể tưởng tượng ra bầu không khí phòng ngủ này ban đêm. Mọi người vật vã trong các hành lang giữa các tấm ván, dùng cùi tay huých nhau, người nằm, kẻ đứng, họ chơi bài hoặc đánh cò. Số đông thạo nghề vật như đục đẽo, lắp ráp các đồ vật trong nhà, một vài người vô cùng khéo léo. Đến nay tôi vẫn giữ ở Mátxcova một vài tuyệt phẩm do các tù nhân Amhéc làm ra. Có năm người quần trí trong số những tù nhân, mặc dù họ đã cố gắng anh dũng để tự duy trì thể xác và tinh thần. Chúng tôi ăn và ngủ cùng một buồng với những kẻ bất hạnh điên khùng ấy.

Trong số tám trăm tù nhân cùng sống với tôi gần một tháng, có khoảng năm trăm thủy thủ từ

những tàu chiến Đức bị người Anh đánh đắm và chừng hai trăm công nhân rơi vào cuộc chiến ở Canada, ngoài ra còn có khoảng một trăm tù thường phạm thuộc tầng lớp sĩ quan và dân sự. Quan hệ của chúng tôi với các bạn tù người Đức tiến triển ngày một tốt đẹp khi họ hiểu rằng chúng tôi là những người cách mạng xã hội và bị bắt vì thế. Các sĩ quan và hạ sĩ quan thủy quân già cả - họ sống biệt lập, cách chúng tôi một tấm gỗ ván - lập tức coi chúng tôi là kẻ thù. Nhưng ngược lại, quần chúng trong quân ngũ ngày càng có thiện cảm với chúng tôi. Một tháng trải qua trong trại tập trung giống như một cuộc mít-tinh khổng lồ duy nhất. Tôi nói chuyện với các tù nhân về cách mạng Nga, về Líp-nếch, về Lênin, về những nguyên nhân tan vỡ của Quốc tế cũ, về sự tham chiến của Hoa Kỳ. Ngoài những cuộc diễn thuyết công khai, thường xuyên có những cuộc nói chuyện theo từng nhóm. Ngày lại ngày, tình bạn giữa chúng tôi càng được thắt chặt.

Về tâm trạng, đám tù nhân thuộc quân ngũ chia làm hai loại. Một loại nói: "Thôi, đủ rồi, phải làm một lần cho dứt điểm". Họ mơ mộng đến chuyện xuống đường tại những nơi công cộng. Loại khác nói: "Tôi thì có dính dáng gì đến tất cả những chuyện ấy? Không, chẳng bao giờ tôi để lọt vào tay bọn chúng nữa..."

- Nhưng cậu lẩn tránh bọn chúng bằng cách nào cơ chứ? - những người khác hỏi.

Anh thợ mỏ Babinxki [Babinski], to cao, mắt xanh, người Xilêdia [Silésie] nói:

- Tôi sẽ đem vợ con vào rừng sâu rồi đặt bẫy sói quanh nhà và chỉ ra khỏi nhà với khẩu súng trong tay. Cứ thử đến gần tôi mà xem...

- Thế tôi, cậu cũng không cho đến gần à, Babinxki?

- Cậu cũng không. Tôi cóc tin ai sắt...

Các thủy thủ tìm mọi cách để giúp tôi đỡ khổ. Tôi phải cương quyết phản đối để giành quyền tự xếp hàng lĩnh bữa trưa và tham gia những công việc chung: quét nhà, gọt khoai tây, rửa bát đĩa và dọn các công trình phụ.

Quan hệ giữa đám lính trơn trong quân ngũ và các sĩ quan đầy hiềm khích. Trong số sĩ quan, vài kẻ mặc dầu là tù binh, vẫn lập những phiếu hạnh kiểm thủy thủ "của họ". Cuối cùng, họ cũng thừa kiện với trưởng trại, đại tá Mô-rít-xơ. Họ phàn nàn tôi tuyên truyền "phản quốc". Ngài đại tá Anh quốc lập tức đứng về phía chủ nghĩa ái quốc của dòng họ Hô-hen-dô-léc-nơ và cấm tôi tiếp tục nói chuyện trước công chúng. Nhưng điều này chỉ xảy ra vào những ngày cuối cùng của tôi ở trại và càng làm tôi gần gũi hơn nữa với anh em thủy thủ và công nhân. Họ đáp lại sự cấm đoán của ngài đại tá bằng một bản kháng cáo gồm 535 chữ ký. Bản "trung cầu dân ý" thực hiện dưới bàn tay phũ phàng của tên thượng sĩ Ô-n-xen hoàn toàn bù đắp mọi khó khăn tôi phải chịu đựng trong trại Amhéc.

Trong suốt thời gian chúng tôi bị giam giữ ở trại, các nhà chức trách cố tình bác bỏ quyền

được liên lạc với chính phủ Nga của chúng tôi. Họ không chuyển những bức điện của chúng tôi đến Pêtorôgorát. Chúng tôi cố khiếu nại việc cấm đoán ấy trong bức điện gửi thủ tướng Anh Lôi Gioóc [Lloyd George]. Nhưng bức điện ấy cũng không được chuyển đi. Đại tá Môrítxơ đã quen với việc đơn giản hóa luật *habeas corpus* ở các thuộc địa. Hơn nữa, chiến tranh cũng che chở ông ta. Trước khi cho phép tôi đi gặp vợ tôi, ngài trưởng trại đặt điều kiện tôi không được nhờ vợ chuyển bất cứ thư từ gì đến lãnh sự Nga. Điều ấy nghe như không thật, thế mà đã xảy ra. Tôi từ chối việc gặp gỡ. Cố nhiên, ông lãnh sự cũng không vội vã giúp đỡ chúng tôi. Ông ta còn đợi chỉ thị. Mà để hiểu là các chỉ thị đã đến chậm.

Phải nói rằng cho đến nay tôi vẫn chưa hiểu hoàn toàn rõ ràng toàn bộ cái cơ chế bí ẩn của việc bắt giữ và phóng thích tôi. Hẳn chính quyền Anh đã ghi tên tôi vào sổ đen khi tôi hoạt động ở Pháp. Bằng mọi cách, nó đã trợ giúp chính phủ Nga hoàng tống tôi khỏi châu Âu. Chắc chắn chính phủ Anh đã dựa trên cơ sở các hồ sơ cũ ấy, cộng thêm tin tức mới về hoạt động "phản quốc" của tôi ở Mỹ, để hạ lệnh bắt tôi tại Heliphécxơ.

Khi tin tôi bị bắt lan đến báo chí cách mạng Nga, sứ quán Anh ở Nga - chắc hẳn không lo ngại trước chuyển về nước của tôi - đã gửi thông cáo chính thức đến các báo ở Pêtorôgorát, cho biết những người Nga bị bắt giữ ở Canada đã "lên đường với sự giúp đỡ tài chính của đại sứ quán Đức để lật đổ Chính phủ Lâm thời". Điều này, ít nhất cũng rõ ràng.

Tờ *Prápđa* do Lênin chỉ đạo đã trả lời Biucanơ ngày 16 tháng Tư (có lẽ chính Lênin viết): Thử hỏi chúng ta có thể tin được không, dù chỉ trong giây lát, vào sự cả tin của bản thông cáo, rằng Trốtxki - cựu chủ tịch Xô-viết các đại biểu công nhân Pêtécbua năm 1905, nhà cách mạng từng khẳng khái hy sinh hàng chục năm của đời mình cho sự nghiệp cách mạng - lại có thể dính líu đến một kế hoạch do chính phủ Đức bỏ tiền? Bởi đây là sự vu khống hiển nhiên, tệ hại, vô liêm sỉ đối với một nhà cách mạng. Ông nhận được tin ấy của ai, ông Biucanơ? Tại sao ông không nói?... Sáu kẻ lồi chân kéo tay đồng chí Trốtxki và họ đã làm tất cả điều này nhân danh tình hữu nghị của ông với Chính phủ Lâm thời...

Chính phủ Lâm thời có vai trò gì trong tất cả vụ này? Điều đó còn chưa rõ ràng lắm. Không cần phải chứng minh việc Miliucốp, lúc đó là Ngoại trưởng, đồng tình việc bắt bớ tôi tự đáy lòng. Ngay từ năm 1905, y đã điên cuồng chống "chủ nghĩa trốt-kít": bản thân khái niệm này cũng xuất phát từ y. Nhưng vào năm 1917, Miliucốp phụ thuộc các Xô-viết và y càng phải mưu mô, thủ đoạn vì các đồng minh xã hội-ái quốc của y chưa bắt đầu khùng bố những người bên-sê-vích.

Đại sứ Anh Biucanơ hình dung sự việc như sau trong hồi ký của ông:

Trốtxki và những kẻ khác bị bắt ở Heliphécxơ trong khi người ta làm sáng tỏ ý đồ của Chính phủ Lâm thời đối với họ.

Theo Biucanơ, Miliucốp được thông báo ngay về việc tôi bị bắt. H ình như từ ngày 8 tháng Tư, đại sứ Anh đã chuyển lên chính phủ của ông ta lời đề nghị phóng thích tôi của Miliucốp. Nhưng hai ngày sau, cũng ngài Miliucốp ấy đã rút lại lời thỉnh cầu và bày tỏ hi vọng chúng tôi sẽ tiếp tục bị giam giữ ở Helipécxơ. Và Biucanơ rút ra kết luận cuối cùng:

Như vậy, chính Chính phủ Lâm thời là người phải chịu trách nhiệm về sự giam giữ họ kéo dài.

T ất cả những điều ấy đều rất có thể. Biucanơ chỉ quên không làm sáng tỏ trong hồi ký của ông ta về số phận sau đó của khoản tiền tôi nhận được từ chính phủ Đức nhằm lật đổ Chính phủ Lâm thời. Không có gì lạ: sau khi tôi về Pêtơrôgơrát, bị dồn đến chân tường, Biucanơ đành thú nhận trong báo chí là ông ta hoàn toàn không biết gì về số tiền đó. Chưa bao giờ người ta dối trá nhiều như trong thời kỳ "đại chiến tranh giải phóng". Nếu những điều bịp bợm đều bùng nổ thì hành tinh chúng ta đã tan thành bụi khói từ rất lâu trước hiệp ước Vécxay [Versailles].

Cu ối cùng Xô-viết cũng can thiệp và Miliucốp đành nhượng bộ. Giờ đã điểm vào ngày 29 tháng Tư: chúng tôi được thả khỏi trại tập trung. Nhưng ngay việc trả tự do cũng diễn ra bằng vũ lực. Đơn giản, người ta ra lệnh cho chúng tôi gói ghém hành lý và đi theo toán lính canh. Chúng tôi đòi được biết mình bị đưa đi đâu và nhằm mục đích gì. Họ từ chối. Các tù nhân lo ngại, nghĩ chúng tôi sẽ bị giam giữ trong một pháo đài. Chúng tôi lại yêu cầu họ phải gọi điện cho viên lãnh sự Nga ở thành phố gần nhất. Điều này cũng bị khước từ. Chúng tôi có đủ cơ sở để đừng tin vào lòng tốt của các ngài cướp biển ấy. Chúng tôi tuyên bố không tự nguyện rời trại, chùng nào họ chưa cho biết chặng kế tiếp của cuộc hành trình mới. Viên chỉ huy ra lệnh dùng vũ lực. Toán lính hộ tống xách tuột hành lý của chúng tôi ra ngoài. Chúng tôi vẫn ương ngạnh nằm dài trên tấm phản. Và chỉ khi đám hộ tống cảm thấy cần phải xốc nách chúng tôi đi như họ đã làm trên tàu thủy trước đó một tháng, nhưng lần này còn phải vượt qua một đoàn thủy thủ bị kích động, viên chỉ huy mới nhượng bộ. Theo phong cách đặc thù của thực dân Anh, y thông báo chúng tôi sẽ được chuyển sang một chiếc tàu Đan Mạch sắp khởi hành về Nga. Khuôn mặt đỏ gay của y co gập. Y không sao chịu nổi việc chúng tôi sắp thoát khỏi tay y. Giá chúng tôi lọt vào tay y ở bờ biển Nam Phi thì phải biết!...

Các b ạn tù long trọng tiễn chúng tôi khỏi trại. Trong lúc các sĩ quan lui vào phòng riêng của họ và chỉ vài kẻ thò mũi vào những khe hở trên vách, thủy thủ và công nhân xếp thành hàng suốt dọc hành lang. Ban nhạc chơi một bản hành khúc cách mạng bằng các phương tiện tại chỗ, những bàn tay bè bạn chìa về phía chúng tôi từ mọi hướng. Một tù nhân đọc bài diễn văn ngắn chào mừng cách mạng Nga và nguyện rửa đế chế Đức. Đến giờ tôi vẫn thấy ấm lòng khi nghĩ lại tình thân của chúng tôi với anh em thủy thủ Đức ở trại Amhéc vào cực điểm của chiến tranh.

Sau này, tôi còn nhận những bức thư thân thiết từ nhiều bạn Đức ấy.

Khi t ừ biệt Masen, trước mặt viên sĩ quan cảnh binh Anh đã bắt giữ và chứng kiến sự ra đi của chúng tôi, tôi dọa sẽ lập tức chất vấn Ngoại trưởng Miliucốp trong Hội nghị Lập hiến về việc cảnh sát Anh- Canada đã ngược đãi các công dân Nga như thế nào.

Viên cảnh binh lạnh lợi đáp:

- Mong rằng không bao giờ ông vào được Hội nghị Lập hiến...

(Hết quyển 1)

Sách của Tủ sách Nghiên cứu *Đã xuất bản*

- Quan liêu ở Việt Nam (Nhóm Đệ tứ Việt Nam tại Pháp, 1976)
- Dân chủ xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản (Vũ Gia Minh, 1980)
- Vấn đề Ba Lan (Hà Cương Nghị, 1981)
- Cuộc cách mạng bị phản bội (Lép Trốtxki, 1993)
- Tờ trình bí mật của Krúpsép về Xtalin (1994)
- Người Việt ở Pháp 1940-1954 (Đăng Văn Long, 1997)
- Về nạn súng bái cá nhân và những hậu quả của nó (Nhikita Khorútsốp, phát hành trên mạng Internet, 1998)
- Đòi tôi (Lép Trốtxki, tập 1, 1998)

Sắp xuất bản:

- Đòi tôi (Lép Trốtxki, tập 2)
- Văn học và cách mạng (Lép Trốtxki)
- Đệ tam Quốc tế sau thời Lênin (Lép Trốtxki, 2 tập)
- Cách mạng thường trực (Lép Trốtxki)

Địa chỉ liên hệ:

Tủ sách Nghiên cứu Boite Postale 246
75224 Paris Cedex 11, France

MỤC LỤC

- Lời cảm ơn
- Lời giới thiệu.....

QUYỂN THỨ NHẤT

Tựa

.....

Chương I: Ianốpca.....	Chương II: Những người hàng xóm	
Trường học đầu tiên.....	Chương III: Gia đình và học đường.....	Chương IV:
Sách và những xung đột đầu tiên	Chương V: Nông thôn và thành	
thị.....	Chương VI: Sự công phá.....	Chương VII: Tổ
chức cách mạng đầu tiên	Chương VIII: Những nhà tù đầu tiên của tôi	
.....	Chương IX: Đi đày lần thứ nhất	Chương X: Trốn thoát
lần thứ nhất.....	Chương XI: Lưu vong lần thứ nhất	
Chương XII: Đại hội đảng và sự chia rẽ	Chương XIII: Trở về nước Nga	
.....	Chương XIV: 1905	Chương XV: Xét
xử, lưu đày, trốn thoát	Chương XVI: Lưu vong lần thứ hai và chủ nghĩa xã hội	
Đức.....	Chương XVII: Chuẩn bị một cuộc cách mạng	
mới.....	Chương XVIII: Khởi đầu cuộc chiến tranh.....	Chương XIX: Pari và
Dimmécvan	Chương XX: Bị trục xuất khỏi Pháp.....	
Chương XXI: Qua Tây Ban Nha	Chương XXII: Ở Niu Oóc	
.....	Chương XXIII: Trong trại tập trung.....	
Sách của Tủ sách Nghiên cứu.....	Mục lục	

.....

LÉP TRỐTXKI

đời tôi

TẬP 2

TỦ SÁCH NGHIÊN CỨU 1999

LÉP TRỐTKI

đời tôi

tập hai

TỦ SÁCH NGHIÊN CỨU

1999Lép Trótxki: Đời tôi

Nguyên tác:

**ЛЕЕВ ТРОЦКИЙ:: МОЯ ЖИЗНЬ II--
III**

Tủ sách Nghiên cứu dịch theo bản tiếng Pháp:

Léon Trotsky: Ma Vie

Nhà xuất bản Gallimard, Paris 1953

Hoàng Nguyễn đối chiếu, sửa chữa và chỉnh lý theo bản tiếng Hung:

Lev Trockij: Életem

Nhà xuất bản Kossuth, Budapest 1989

Trình bày bìa: Hoàng Giang

In lần thứ nhất tại Hungary, 1999

Tủ sách Nghiên cứu giữ bản quyền ấn bản Việt ngữ Vietnamese Copyright ©1998 by Tủ sách Nghiên cứu

QUYỂN THỨ HAI

CHƯƠNG XXIV Ở PÊTORÔGORÁT

Chuyến đi từ Helipécxơ [Halifax] về Pêtorôgorát [Pétrograd] vụt qua không để lại ấn tượng gì, dường như chúng tôi đi trong đường hầm. Quả thực đó cũng là một đường hầm, đường hầm dẫn đến cách mạng. Ở Thụy Điển, tôi chỉ nhớ độc một thứ là phiếu bánh mì, thời ấy lần đầu tiên tôi thấy chúng.

Ở Phần Lan, trên toa tàu hỏa, tình cờ tôi chạm trán Phandécvenđe [Vandervelde] và Đơ Man [De

Man], họ cũng đi Pêtorôgorát.

-- Ông nhận ra chúng tôi chứ? -- Đơ Man hỏi.

-- -! Sao không! -- tôi trả lời --, dù con người đổi thay nhiều trong thời chiến. Chúng tôi chấm dứt câu chuyện "niềm nở" với lời ám chỉ bóng gió không mấy lịch sự ấy. Thời thanh niên, Đơ Man cố trở thành người mác-xít và ông cũng đã công kích Phandécvenđe khá

thành công. Sau đó, Đơ Man chấm dứt sự ve vãn ngây thơ thừa thiếu thời -- ông ta phủ nhận về mặt chính trị trong chiến tranh và tiếp đó, cả trong lý luận. Không hơn không kém, ông chỉ còn là kẻ thừa hành trong chính phủ Bỉ.

Về phần Phandécvenđe, ông là nhân vật kém cỏi nhất trong nhóm lãnh đạo Quốc tế. Ông được bầu làm chủ tịch chỉ vì không thể bầu một người Đức hoặc Pháp vào cương vị đó. Về mặt lý luận, Phandécvenđe chỉ biết cóp nhặt. Ông cũng chỉ biết luồn lách giữa những trào lưu tư tưởng của chủ nghĩa xã hội như chính phủ của ông xoay xở giữa các cường quốc. Ông chẳng có uy tín gì trong giới mác-xít Nga. Ở cương vị một diễn giả, Phandécvenđe không bao giờ vượt quá sự tầm thường hào nhoáng. Trong chiến tranh, ông đổi chức chủ tịch Quốc tế lấy chiếc ghế thượng thư hoàng gia. Tôi đã đấu tranh kịch liệt với ông trong tờ báo của tôi ở Pari [Paris]. Đáp lại, Phandécvenđe kêu gọi các nhà cách mạng Nga thỏa hiệp với chế độ Nga hoàng. Và bây giờ, ông đi Pêtorôgorát để đề nghị cách mạng Nga chiếm lĩnh vị trí của Nga hoàng trong hàng ngũ Liên minh. Chúng tôi chẳng có gì để nói với nhau.

Ở Biêlôxtrốp [Biéloostrov], tôi được một đoàn đại biểu đón tiếp, gồm những người quốc tế thống nhất và Ban Trung ương bôn-sêvích. Không ai đại diện cho phe men-sê-vích, kể cả các nhà "quốc tế" như Máctốp [Martov] và những người khác.

Tôi ôm Urítxki [Ouritsky], người bạn cũ tôi gặp gỡ lần đầu ở Xibêri [Sibérie] vào đầu thế kỷ này. Urítxki là cộng tác viên thường trực tại bán đảo Bắc Âu của tờ *Nasê Xlôvơ* [Naché Slovo] (Tiếng nói của chúng ta) xuất bản ở Pari và trong chiến tranh, anh là liên lạc viên của chúng tôi

với nước Nga. Một năm sau ngày chúng tôi gặp lại nhau, Urítxki bị một nữ thanh niên xã hội cách mạng ám sát.

Trong phái đoàn này, lần đầu tiên tôi gặp Carakhan [Karakhan], sau này trở thành nhà ngoại giao Xô-viết nổi tiếng. Đại diện cho những người bên-sê-vích là anh thợ luyện kim Phêđôrốp [Fédorov], chẳng bao lâu sẽ là chủ tịch phân ban công nhân trong Xô-viết Pêtơrôgơrát.

Trước khi đến ga Biêlôxetxốp, qua một tờ báo Nga mới in, tôi được biết Trécnốp [Tchernov], Xêrêteli [Tsérételli] và Xcôbêlêp [Skobélev] đã vào Chính phủ liên hiệp Lâm thời. Sự xếp đặt của các phe phái chính trị lập tức hoàn toàn rõ ràng trước mắt tôi. Cùng những người bên-sê-vích, chúng tôi phải chiến đấu không khoan nhượng chống đám men-sê-vích và dân túy ngay từ những ngày đầu.

Chúng tôi được đón tiếp rất trọng thể tại nhà ga Phần Lan ở Pêtơrôgơrát. Urítxki và Phêđôrốp đọc diễn văn. Trong đáp từ, tôi nói về sự cần thiết phải chuẩn bị một cuộc cách mạng thứ hai, lần này sẽ là cuộc cách mạng của chúng ta. Khi đột nhiên được quần chúng nâng bổng lên, tôi liền nhớ lại Heliphécxơ, ở đó tôi cũng ở trong tình thế như vậy. Nhưng bây giờ tôi ở giữa những bàn tay bè bạn. Vô số cờ quạt tung bay quanh chúng tôi. Trong một khoảng khắc, tôi thấy gương mặt xúc động của vợ tôi cùng dáng vẻ xanh xao và lo lắng của lũ trẻ. Chúng phân vân không hiểu người ta nâng cha chúng lên như thế là tốt hay xấu? Cách mạng đã từng làm bọn trẻ thất vọng một lần rồi.

Đang sau, ở cuối sân ga, tôi nhận thấy Phandécvenđê và Đơ Man. Họ cố tình tụt lại, dường như không dám liều lĩnh hòa mình vào quần chúng. Các thượng thư xã hội mới toanh của nước Nga không dành cho đồng nghiệp Bỉ của họ một cuộc đón tiếp nào. Ai nấy còn nhớ quá rõ vai trò mới đây của Phandécvenđê.

Liền sau cuộc đón tiếp ở nhà ga, tôi nhào vào cơn lốc khổng lồ trong đó người và việc xoay tròn như cọng rơm trong dòng nước lũ. Đa số những sự kiện lớn nhất lại nghèo nàn nhất về kỷ niệm mang tính cá nhân: đó là cách ký ức tự bảo vệ để chống lại sự quá tải. Hình như tôi đến ngay phiên họp của Ban Chấp hành. Trơkhêítđê [Tchkhéidzé] -- chủ tịch vĩnh viễn thời đó -- chào tôi lạnh nhạt. Những người bên-sê-vích đề nghị đưa tôi vào Ban Chấp hành với tư cách cựu chủ tịch Xô-viết năm 1905. Một sự bối rối diễn ra. Phe men-sê-vích thì thảo với đám dân túy. Hồi đó họ còn chiếm một đa số áp đảo trong mọi cơ sở cách mạng. Họ quyết định chấp nhận tôi trong vai trò tư vấn. Tôi nhận thẻ ủy viên cùng một cốc trà và một mẩu bánh mì đen.

Chẳng những các con tôi mà tôi cùng vợ tôi cũng lạ lẫm khi nghe tiếng Nga và nhìn những hàng chữ Nga trên đường phố Pêtơrôgơrát. Chúng tôi rời bỏ thủ đô đã mười năm nay, khi ấy đứa con đầu của tôi mới hơn một tuổi, đứa thứ hai được sinh ra ở Viên [Vienne].

Ở Pêtorôgorát, có một đạo quân bảo vệ địa phương đông đảo, nhưng đã hoàn toàn bất lực. Binh lính đi dọc phố, hát vang những bài ca cách mạng và đeo băng đỏ trên ngực. Tất cả những điều này có vẻ kỳ lạ như trong mơ. Các tàu điện chở đầy ắp binh lính. Trên một số đại lộ, mọi người vẫn tập luyện: những xạ thủ nằm rạp theo lệnh rồi xông thẳng theo hàng tấn công sang bên kia đường và lại nằm rạp xuống. Con quái vật chiến tranh vẫn lừng lững sau lưng cách mạng và đổ bóng lên cách mạng. Nhưng quần chúng hầu như đã không tin vào chiến tranh. Hình như cái trò luyện tập này vẫn tồn tại chỉ vì người ta quên không thổi còi kết thúc. Chiến tranh đã là điều không thể tiếp tục. Vậy mà không chỉ các nhà dân chủ lập hiến mà cả những lãnh tụ cái gọi là "dân chủ cách mạng" cũng không tài nào hiểu nổi. Họ vô cùng hoảng sợ nếu phải thả cái vây của Đồng minh ra.

Tôi bị ết qua loa Xêrêtelì và hoàn toàn không quen Kêrenxki [Kérensky]; tôi hơi quen Trơkhêltdê, còn Xcôbêlêp từng là học trò của tôi; tôi đã đối chọi với Trécnốp trong những buổi diễn thuyết ở nước ngoài; tôi thấy Gốt [Gotz] lần đầu tiên. Đây là nhóm chủ chốt trong phe dân chủ của Xô-viết.

Cố nhiên Xêrêtelì vượt những kẻ khác cả một cái đầu. Tôi gặp ông lần đầu tiên tại Đại hội Luânđôn [London] năm 1907, ở đó ông đại diện cho phe xã hội dân chủ của Quốc hội Đuma [Douma] thứ II. Ngay từ thời gian ấy, trong những năm còn trẻ, Xêrêtelì đã là một diễn giả giỏi và có phong thái đạo đức quyến rũ. Những năm tháng tù đầy càng làm tăng uy tín chính trị của ông. Xêrêtelì trở về vũ đài cách mạng vào độ chín muồi và ông chiếm ngay được vị trí hàng đầu trong số các đồng chí và đồng minh của ông. Trong số những địch thủ của chúng tôi, ông là người duy nhất đáng được coi trọng. Nhưng cũng như lịch sử thường xảy ra, phải có một cuộc cách mạng để chứng tỏ Xêrêtelì không phải là nhà cách mạng. Kẻ nào không muốn lạc lối trong mớ bòng bong của cách mạng, người ấy phải tiếp cận cách mạng Nga không phải từ quan điểm Nga, mà từ viễn cảnh của thế giới. Ngược lại, Xêrêtelì chỉ tiếp cận các vấn đề theo góc độ những kinh nghiệm xứ Grudia [Géorgie], ông xuất phát từ kinh nghiệm có được trong Quốc hội Đuma thứ II. Nhãn quan chính trị của ông hạn hẹp lạ thường, học vấn của ông tỏ ra là thứ học vấn nông cạn. Ông tôn sùng sâu sắc chủ nghĩa tự do. Ông nhìn tính năng động không gì xoay chuyển nổi của cách mạng bằng đôi mắt kẻ tư sản ít học, lo ngại cho nền văn minh. Càng ngày, ông càng coi đám quần chúng thức tỉnh như một lũ dân đen ngu muội nổi loạn. Ngay từ những lời nói đầu tiên của ông, chúng tôi nhận rõ ông là kẻ thù. Lênin [Lénine] gọi ông là kẻ thiến cận. Câu nói quá nghiêm khắc, nhưng đây là một câu nói rất trúng. Xêrêtelì là người có khả năng và lương thiện, nhưng thiến cận.

Lênin gọi Kêrenxki là kẻ huyênh hoang rỗng tuếch. Cho đến nay, chẳng phải thêm gì mấy vào nhận xét ấy. Kêrenxki đã và vẫn là một nhân vật ngẫu nhiên của lịch sử, một kẻ gặp thời.

Mỗi làn sóng mạnh mẽ mới của cách mạng huy động những đám quần chúng còn nguyên sơ và chưa biết nhận xét rõ ràng, nhất thiết phải nâng lên đầu ngọn sóng những kẻ "anh hùng" trong giấy lát, lập tức họ bị quáng vì hào quang của bản thân. Kêrenxki xuất thân từ di sản của Gapôn [Gapone] và Khorúttxtalép [Khroustalev]. Ông là hiện thân của cái ngẫu nhiên trong quy luật lịch sử. Những bài phát biểu xuất sắc nhất của ông cũng chỉ như thứ bọt bèo trong cốc nước. Năm 1917, thứ nước ấy sôi bùng và bốc hơi. Những làn sóng hơi nước trông như một thứ hào quang.

Thời trước, Xcôbêlép bước vào chính trường dưới sự dẫn dắt của tôi tại Viên, ở đó anh là sinh viên. Rồi tòa soạn báo *Prápđa* [Pravda] ở Viên, anh về vùng quê Cápcadơ [Caucase] và tìm cách ứng cử vào Quốc hội Đuma thứ IV. Anh đã thành công. Trong Đuma, Xcôbêlép chịu ảnh hưởng của phe men-sêvích và cùng họ tham dự cách mạng tháng Hai. Quan hệ của chúng tôi đã đứt đoạn từ lâu. Tôi bỗng gặp lại anh trên cương vị bộ trưởng Bộ Lao động mới toanh ở Pêtơrôgơrát. Trong Ban Chấp hành, anh hào hứng tiến lại phía tôi và hỏi tôi nghĩ gì về "điều đó". Tôi đáp lại:

-- Tôi nghĩ rằng chẳng bao lâu chúng tôi sẽ tính sổ với các anh.

Cách đây chưa lâu, Xcôbêlép vừa cười vừa nhắc lại lời tiên đoán thân tình ấy, đã trở thành hiện thực sáu tháng sau.

Ít lâu sau thắng lợi tháng Mười, Xcôbêlép tự tuyên bố là người bên-sê-vích. Tôi cùng Lênin phản đối việc đưa anh vào đảng. Giờ đây, cố nhiên anh theo phe Xtalin [Staline]. Xét về phương diện này, câu chuyện hoàn toàn dễ hiểu.

Tôi cùng vợ và các con chuyển đến một khách sạn nào đó có tên là Kiépckie Nômêra [Kievskyé Noméra], ở đó người ta cho thuê phòng theo tháng. Chúng tôi chỉ có một phòng và cũng phải khó khăn mới có được. Hôm sau, một sĩ quan đến chỗ chúng tôi trong bộ quân phục lộng lẫy từ đầu đến chân.

-- Đồng chí không nhận ra tôi ư?

Tôi không nhận ra anh ta

-- Tôi là Lôghinốp [Loguinov]...

Thế là sau vẻ bề ngoài sáng chói của người sĩ quan, tôi hồi tưởng lại trong ký ức một anh thợ tiện trẻ từ năm 1905. Là thành viên một chi đội tác chiến, anh đã nấp sau các cột trụ ngoài phố chiến đấu với lũ cảnh sát và gần bó với tôi bởi lòng hăng hái của một thanh niên. Sau năm 1905, tôi mất tin tức anh.

Mãi đến giờ, Lôghinốp mới cho tôi biết thực tế chưa bao giờ anh là anh vô sản Lôghinốp. Tên thật của anh là Xêrêbơrốpckki [Sérébrovsky], cựu sinh viên Học viện Kỹ thuật. Xuất thân từ một gia đình giàu có, nhưng thời trẻ anh hòa nhập rất giỏi vào giới thợ thuyền. Trong những

năm thoái trào thời phản động, anh trở thành kỹ sư, đã từ lâu anh xa rời cách mạng và được chính phủ bổ nhiệm làm giám đốc hai xí nghiệp lớn nhất của Pêtorôgorát trong chiến tranh.

Cách mạng tháng Hai tác động đến anh trong một chừng mực nào đó, làm thức tỉnh quá khứ trong anh. Qua báo chí, anh biết tôi trở về. Và bây giờ anh đứng trước mặt tôi và khẩn khoản mời tôi cùng gia đình chuyển ngay đến nhà anh. Chúng tôi nhận lời sau một chút do dự.

Chúng tôi rơi vào một căn nhà mệnh mông và giàu có dành cho vị giám đốc nhà máy, ở đó Xêrêbôrốpski sống với người vợ trẻ. Họ không có con. Tất cả đã được chuẩn bị sẵn. Trong cái thành phố vất vả, đói khát và đổ nát này, chúng tôi tưởng như đang ở thiên đường.

Nhưng câu chuyện lập tức mang màu sắc khác khi chúng tôi đã động đến chính trị. Xêrêbôrốpski là nhà ái quốc trứ danh. Sau này chúng tôi mới biết, anh căm ghét điên cuồng những người bên-sê-vích và coi Lênin là tay sai của Đức. Thật ra, anh có trở nên thận trọng hơn khi những lời nói đầu tiên của anh gặp phải sự phản đối. Nhưng hoàn toàn không thể chung sống cùng một mái nhà với anh. Thế là chúng tôi rời khỏi căn nhà của những người chủ niềm nở, nhưng xa lạ với chúng tôi và quay về căn phòng khách sạn. Sau chuyện đó, Xêrêbôrốpski còn rủ các con tôi đến nhà anh một lần nữa. Anh đãi chúng trà và mút hoa quả, để tỏ lòng biết ơn, lũ trẻ kể với anh về bài phát biểu của Lênin trong một cuộc mít-tinh lớn. Gương mặt bọn trẻ đỏ bừng, chúng mừng rỡ vì được nói chuyện và ăn mút.

-- Nhưng Lênin là gián điệp Đức đấy! -- ông chủ nhà tuyên bố.

Sao? Sao lại có thể nói những lời như thế? Bọn trẻ lập tức đặt chén trà và bỏ đĩa mật xuống.

Chúng nhẩy cẫng lên và thẳng anh nói:

-- Chà! Chú biết không, đây là chuyện xỏ lá!

Nó không tìm thấy trong vốn từ ngữ của nó cách diễn đạt nào khác, hợp hơn với tình thế lúc đó.

Đến lượt ông chủ phạt ý. Quan hệ giữa chúng tôi chấm dứt từ lần gặp gỡ ấy.

Sau thắng lợi tháng Mười, tôi kéo Xêrêbôrốpski vào làm việc trong Xô-viết. Như nhiều người khác, anh vào đảng thông qua những công việc hoàn thành trong Xô-viết. Hiện nay, anh là ủy viên Ban Trung ương đảng của Xtalin, một trụ cột của chế độ. Nếu năm 1905, anh đã có thể làm ra vẻ một người vô sản thì giờ đây anh dễ dàng hơn nhiều để người ta tưởng anh là bên-sê-vích.

Sau "những ngày tháng Bảy" sẽ nói tới trong đoạn dưới, làn sóng vu khống những người bên-sê-vích tràn ngập phố phường thủ đô. Tôi bị chính phủ Kêrenxki bắt giữ và hai tháng sau khi trở về từ nước ngoài, tôi lại vào nhà ngục Corétxtư [Kresty] rất quen biết. Trưởng trại

Amhéc [Amherst], đại tá Môrítxơ [Morris] hẳn phải khoái trá khi đọc tin này trong báo buổi sáng và chắc không chỉ mình ông ta có sự thỏa mãn ấy. Ngược lại, các con tôi bất bình.

-- Cái th ứ cách mạng gì thế này -- chúng trách móc với mẹ chúng --, nếu người ta giam bố, khi thì trong trại tập trung, lúc thì trong nhà tù?

Đồng ý với chúng, mẹ chúng nói đây vẫn chưa phải là cuộc cách mạng thực sự. Nhưng những giọt hoài nghi cay đắng đã ngấm dần vào tâm hồn lũ trẻ.

Sau khi rời nhà tù của nền "dân chủ cách mạng", chúng tôi dọn vào căn hộ nhỏ do bà vợ góa một nhà báo tự do cho thuê trong một tòa nhà tư sản lớn. Công cuộc chuẩn bị cho cách mạng tháng Mười được thực hiện hết tốc lực. Tôi được bầu làm chủ tịch Xô-viết Pêtơrôgơrát. Tên tôi bị biến thể lung tung trên báo chí. Trong tòa nhà, chúng tôi ngày càng bị bao vây bởi một bức tường hiềm khích và căm ghét. Anna Ôxipốpna [Anna Ossipovna], chị đầu bếp của chúng tôi phải chịu những công kích thường xuyên của các bà nội trợ trong nhà, khi chị đến ủy ban nhà cửa để lấy bánh mì. Các con tôi bị trù dập trong nhà trường, người ta gọi chúng là "chủ tịch" nhằm ám chỉ cha chúng. Khi vợ tôi trở về nhà từ nơi làm việc của cô là Nghiệp đoàn Thợ mộc, người gác cổng nhìn theo cô với con mắt hằn học. Thật là một cực hình khi phải lên thang gác. Bà chủ căn hộ ngày càng hay gọi điện thoại hỏi xem chúng tôi đã phá phách đồ đạc của bà chưa? Chúng tôi muốn chuyển đi, nhưng đi đâu? Trong thành phố không có một căn nhà cho thuê nào. Tình thế ngày càng trở nên không thể chịu đựng nổi. Rồi sau đó, vào một ngày rất đẹp trời, cuộc phong tỏa đột ngột chấm dứt, dường như có một bàn tay vạn năng đã quét nó đi. Khi gặp vợ tôi, ông gác cổng cúi gập đầu chào, điều này chỉ diễn ra với những người thuê nhà có vai vế nhất. Ở ủy ban nhà cửa, người ta bắt đầu phát bánh mì không chậm trễ và hăm dọa. Không ai sập cửa ầm ĩ trước mặt chúng tôi. Ai đã làm tất cả việc này? Thầy phù thủy nào vậy? Nào, ông thầy phù thủy là Nhicôlai Máckin [Nikolai Markine]. Phải nói về anh bởi chính anh, một tập thể Máckin, đã dẫn dắt cách mạng tháng Mười đến thắng lợi.

Máckin là thủy thủ hạm đội Bantích [Baltique], là pháo thủ và là một người bôn-sê-vích. Thoạt nhìn, ta không thấy ngay điều đó. Anh hoàn toàn không thích phô trương. Không biết ăn nói, Máckin khó khăn khi tìm các từ ngữ. Ngoài ra, anh còn rụt rè và lạnh lùng như bị sức mạnh bên trong dồn ép. Máckin được đúc nguyên khối từ chất liệu quý hiếm nhất. Tôi chẳng hay biết gì về anh khi anh đã chăm lo đến gia đình tôi. Anh làm quen với lũ trẻ. Trong căng-tin ở điện Xmôn-nui [Smolny], anh thết chúng nước trà và bánh mì kẹp thịt; thông thường hơn, anh dành cho chúng những niềm vui nho nhỏ rất hiếm hoi trong thời kỳ nghiệt ngã ấy. Anh luôn xuất hiện mà chẳng ai hay biết để xem mọi việc có ổn thỏa không. Tôi không hề biết đến anh. Qua các con tôi và Anna Ôxipốpna, anh biết chúng tôi sống trong môi trường thù địch. Máckin qua chỗ ông gác cổng và ủy ban nhà cửa, hơn nữa, tôi cho rằng anh không đến một mình mà với

một nhóm thủy thủ. Hẳn anh đã tìm được những lời lẽ rất thuyết phục bởi mọi thứ đột nhiên thay đổi quanh chúng tôi. Như thế, một thứ chuyên chính vô sản đã được thiết lập trong tòa nhà tư sản của chúng tôi trước bước ngoặt tháng Mười. Mãi sau này chúng tôi mới biết đây là sản phẩm của người thủy thủ biển Bantích, bạn các con trai tôi.

Ban Chấp hành Trung ương đối đầu với chúng tôi, dựa vào các ông chủ nhà in, họ tước mất tờ báo của Xô-viết Pêtorôgorát khi tờ này theo đa số bên-sê-vích. Chúng tôi cần một tờ mới. Tôi cho Máckin biết chuyện này. Máckin thoát ần thoát hiện, lộn nhào trong nước, anh đến những kẻ cần thiết, nói chuyện với các thợ in và sau vài ngày, chúng tôi đã có tờ báo mới. Chúng tôi đặt cho nó cái tên *Rabôtri i Xôndát* [Rabotchii i Soldat] (Công nhân và binh lính). Biển đêm thành ngày, Máckin ngồi trong tòa soạn và chỉ đạo mọi công việc.

Trong những ngày tháng Mười, thân hình chắc nịch và gương mặt rám nắng, đăm chiêu của Máckin luôn xuất hiện ở những nơi nguy hiểm nhất, vào những thời điểm cần thiết nhất. Thỉnh thoảng, anh chỉ đến gặp tôi để thông báo mọi việc đều tốt đẹp và hỏi tôi có cần gì không.

Máckin tích tụ kinh nghiệm, anh thiết lập nền chuyên chính vô sản ở Pêtorôgorát.

Bỗng nhiên, lũ đạo tặc cặn bã bắt đầu cướp bóc các hầm rượu giàu có của thủ đô và các dinh thự. Ai đó chỉ huy cái phong trào nguy hiểm này, mưu toan đốt cách mạng thành tro bụi trong ngọn lửa rượu cồn. Máckin lập tức đánh hơi thấy nguy cơ và lao ngay vào trận chiến. Anh tổ chức bảo vệ các hầm rượu, ở nơi nào không thể được, anh cho phá hủy các kho. Đi ủng cao, anh dẫm lún đến tận đầu gối vào dòng rượu vang đắt đỏ trộn lẫn những mảnh chai. Rượu chảy ri rỉ qua cống rãnh xuống sông Nêva [Néva], thấm cả vào tuyết. Những kẻ say xỉn nốc ngay thứ rượu đó từ rãnh. Với khẩu súng lục trong tay, Máckin chiến đấu cho một tháng Mười tỉnh táo. Ướt như chuột lột và ngấm hương vị những thứ rượu hảo hạng nhất, anh trở về nhà, nơi hai đứa con trai đang thất tim chờ cha. Lấy rượu làm phương tiện, Máckin đẩy lùi cuộc tấn công của bè lũ phản cách mạng.

Khi tiếp quản Bộ Ngoại giao, tôi thấy dường như không thể bắt tay vào việc. Kể từ những phó thủ tướng đến các nữ nhân viên đánh máy, ai nấy đều tham gia phá hoại ngầm. Các cánh cửa bị đóng kín, chìa khóa thì biến mất. Tôi tìm Máckin, anh biết bí mật của thứ tác động trực tiếp. Hai ba chính khách bị giam trong vòng hai tư tiếng đồng hồ và ngày hôm sau, Máckin đã mang chìa khóa đến và mời tôi đến Bộ. Nhưng tôi bận bịu những nhiệm vụ chung của cách mạng trong điện Xmôn-nui. Khi ấy, trong một thời gian, Máckin giữ chức dân ủy Ngoại giao không chính thức. Bằng cách riêng của mình, anh lao ngay vào bộ máy của Hội đồng Dân ủy. Máckin thanh trừng cương quyết, anh tổng cổ bọn chính khách cao sang và bịp bợm khỏi Bộ. Anh tổ chức lại các văn phòng. Anh tịch thu hàng lậu được chở liên tục từ nước ngoài dưới danh nghĩa bưu phẩm ngoại giao và phát cho trẻ em bơ vơ, không nơi nương tựa. Anh lựa chọn những tư

liệu mật đáng lưu ý nhất và cho ẩn hành dưới dạng những tập sách mỏng cùng các ghi chú riêng của anh; anh chịu trách nhiệm cá nhân về điều đó. Máckin không đeo huy hiệu hay văn bằng đại học, anh viết nhiều khi còn sai chính tả. Những ghi chú của anh đôi khi cũng khiến ta ngạc nhiên vì sự bất ngờ trong suy tưởng. Nhưng nhìn chung, Máckin đã kiên quyết đóng những chiếc đinh của ngành ngoại giao vào đúng chỗ cần thiết. Nam tước Phôn Quylôman [Von Kühlmann] và bá tước Trécnin [Czernin] từng ngẫu nhiên vồ lấy các cuốn vở vàng úa của Máckin ở Bờrét-Litôpxcơ [Brest-Litovsk].

Sau đó nội chiến nổ ra. Máckin lấp các kẽ hở nơi nào cũng đầy rẫy vào thời ấy. Lúc này, anh lo thiết lập nền móng chuyên chính ở một miền Viễn Đông nào đó. Rồi anh chỉ huy một hạm đội nhỏ trên sông Vônga và truy quét kẻ thù. Cứ mỗi lần biết Máckin có mặt ở một nơi nguy hiểm, tôi cảm thấy yên tâm hơn và ấm lòng. Nhưng giờ tận số của anh đã điểm. Trên sông Cama [Kama], một viên đạn của kẻ thù đã bắn trúng Nhicôlai Ghêoócghiêvích Máckin và đánh quỵ anh trên đôi chân thủy thủ vững vàng. Khi nhận được bức điện báo tin anh mất, dường như một cột đá hoa cương đổ sụp trước mặt tôi. Trên chiếc bàn nhỏ của các con tôi có bức ảnh anh đội mũ thủy thủ, dính dải băng bông lỏng.

-- Các con! Các con ơi! Máckin đã bị giết hại...

Ngay giờ đây, tôi vẫn nhớ hai khuôn mặt nhỏ bé tái nhợt, méo mó vì đau đớn.

Đối với các con tôi, chàng Nikolai buồn bã cư xử bình đẳng, anh cho chúng biết cả những suy nghĩ và bí mật của đời anh. Mắt đắm lệ, anh kể với Xêriôgia [Sérioja] -- lúc ấy mới lên chín -- về người phụ nữ anh rất yêu thương từ lâu, nay rời bỏ anh và vì thế tâm hồn anh đen tối và thiếu não. Vừa thì thào sợ hãi vừa khóc, Xêriôgia đã tiết lộ bí mật đó với mẹ nó. Và anh bạn dịu dàng ấy -- người đã cởi mở tâm hồn mình trước các con tôi như với những kẻ bình đẳng -- đồng thời là chú gấu biển lão luyện, là nhà cách mạng và anh hùng thực sự, như trong chuyện cổ tích đẹp nhất. Chẳng lẽ Máckin, người từng luyện bắn súng lục và súng cácbin dưới tầng hầm của Bộ, lại chết thật sao? Hai thân hình nhỏ bé run rẩy dưới chăn trong bầu không khí yên lặng buổi đêm, khi cái tin tang tóc ấy đến với chúng tôi. Chỉ người mẹ nghe thấy tiếng khóc không gì an ủi nổi của chúng.

Cuộc đời bị cuốn theo cơn bão táp của những buổi mít-tinh. Ở Pêtơrôgơrát, tất cả những diễn giả cách mạng mà tôi gặp đều đã khản đặc hoặc mất giọng hoàn toàn. Cách mạng 1905 dạy tôi phải giữ gìn các dây thanh quản, nhờ vậy gần như tôi có thể "hoạt động" được thường xuyên. Những cuộc mít-tinh diễn ra trong nhà máy, trường học, nhà hát, rạp xiếc, trên đường phố và quảng trường. Thường thường, tôi về nhà sau nửa đêm, người mệt lử. Trong giấc ngủ chập chờn, trần trọc, trong óc tôi hiện ra những lý lẽ tốt nhất để chống lại các địch thủ chính trị. Bấy giờ sáng, đôi khi còn sớm hơn, tôi bị lôi khỏi giấc ngủ bởi tiếng đập cửa đáng ghét và không thể

chịu đựng nổi: người ta gọi tôi đến cuộc mít-tinh ở Pê-téc-khốp [Peterhof], hoặc các thủy thủ Cờ-nô-stát [Kronstadt] mang xuồng máy đến đón tôi. Mỗi dịp như thế, tôi lại cảm thấy mình không chịu nổi cuộc mít-tinh mới. Nhưng những trữ lượng thần kinh của tôi lại bất ngờ hoạt động, tôi nói một giờ, đôi khi hai giờ và trong lúc nói, tôi bị vây chặt bởi những đoàn đại biểu đến từ các nhà máy hoặc các khu phố khác. Hóa ra ở ba hay năm nơi khác, mấy ngàn công nhân đã chờ đợi tôi từ một, hai, ba giờ rồi. Trong những ngày ấy, quần chúng thức tỉnh kiên nhẫn biết bao khi chờ nghe những lời nói mới!

Những cuộc mít-tinh được tổ chức ở rạp Xiếc Hiện đại có ý nghĩa đặc biệt. Không riêng tôi mà cả các địch thủ của tôi đều chú ý đặc biệt đến chúng. Bởi họ coi rạp Xiếc như thành trì của tôi và chưa bao giờ dám tới diễn thuyết ở đó. Ngược lại, khi tấn công phe dung hòa trong Xô-viết, lần khi tôi bị ngắt lời bởi những tiếng kêu thù địch:

-- Đây không phải là rạp Xiếc Hiện đại đâu nhé!

Câu nói đó đã trở thành một điệp khúc. Thường thường, tôi phát biểu trong rạp xiếc vào buổi chiều, đôi khi vào đêm khuya. Thính giả của tôi là những công nhân, binh lính, những bà mẹ lao động, những đứa trẻ ngoài đường phố -- tóm lại, đó là những kẻ thuộc tầng lớp dưới, bị áp bức của thủ đô. Không còn chỗ để rơi lọt một chiếc kim, cử tọa chồng chất lên nhau. Những chú nhóc ngồi trên vai bố. Những hài nhi ôm chặt bầu vú mẹ. Không ai hút thuốc. Khán đài có nguy cơ sụp đổ trong mọi giây phút vì lượng người quá tải tới mức không chịu đựng nổi. Tôi lên bục diễn thuyết qua một "chiến hào" chật hẹp giữa những cơ thể người, nhưng cũng có khi tôi được chuyển tay từ người này qua người khác. Bầu không khí nặng những hơi thở bị dồn nén gần như bùng lên, nổi căng thẳng thỉnh thoảng bật ra thành tiếng kêu, tiếng gào thét say sưa đặc biệt của rạp Xiếc Hiện đại. Quanh tôi, trên tôi, những khuỷu tay chen lấn nhau, những lồng ngực, những cái đầu... Dường như tôi nói từ chiếc hang nóng bỏng của những cơ thể người. Khi vùng tay hơi rộng một chút, bao giờ tôi cũng đụng phải ai đó, nhưng luôn được người ấy đáp lại bằng một cử chỉ khiến tôi hiểu rằng không sao đâu, đừng để tâm đến anh ta, cứ tiếp tục đi. Dường như cơn mỏi mệt được quên đi trong luồng điện căng thẳng toát ra từ khối người bị đốt nóng vì say mê. Họ muốn biết, muốn hiểu, muốn tìm con đường riêng. Đôi khi, hầu như tôi cảm thấy trên da thịt mình sự đòi hỏi của khối quần chúng khao khát tri thức được kết tinh này. Khi ấy, những lý lẽ, từ ngữ được chuẩn bị trước lại rút lui và nhường chỗ dưới áp lực khẩn thiết của lòng đồng cảm; từ những vị trí kín đáo, những từ ngữ, lý lẽ khác, bất ngờ với diễn giả nhưng cần thiết với quần chúng, lại xuất hiện trong bộ binh phục hoàn thiện. Và tôi có cảm giác dường như bản thân tôi cũng theo dõi diễn giả từ một góc nào đó, tôi không theo nổi những suy nghĩ của anh ta và tôi chỉ lo để đừng lộn nhào khỏi bục diễn giả như một kẻ mộng du khi nghe lập luận của chính mình.

Rạp Xiếc Hiện đại là như thế. Nó có bộ mặt riêng: hùng hực, mềm mại và vô độ. Những đứa trẻ sơ sinh êm ả dính chặt vào bầu vú mẹ, từ đó phát ra những tiếng kêu chào đón hoặc đe dọa. Bản thân quần chúng cũng giống một hài nhi bám chặt vào núm vú cách mạng bằng đôi môi khô héo. Nhưng hài nhi đó lớn lên rất nhanh.

Ra khỏi rạp Xiếc Hiện đại còn khó hơn vào. Quần chúng không muốn làm vỡ khối thống nhất đã hình thành, họ không chịu giải tán. Thân thể mỗi nhũ, tâm thần tiêu tán, tôi phải bơi ra cửa trên vô số những cánh tay nâng cao quá đầu. Đôi khi trong đám đông, tôi nhận ra hai con gái tôi, chúng sống với mẹ ở gần đó. Con chị mười sáu tuổi, đứa em mười lăm. Tôi chỉ có một thoáng thời gian để ra hiệu trước cặp mắt lo lắng, hoặc nắm bàn tay mềm mại và ấm áp của chúng. Rồi đám đông lại tách chúng tôi ra.

Khi tôi ra đến bên ngoài, quần chúng cũng tràn khỏi rạp xiếc. Màn đêm ập xuống, đường phố rộn rã tiếng kêu và rầm rập bước chân. Đâu đó, một cánh cửa mở ra, nuốt lấy tôi và lại khép vào. Bạn bè đẩy tôi vào tòa lâu đài mà Nhicôlai [Nicolas] Đệ nhị đã xây cho nữ diễn viên balê thượng thặng Cờsexinxcaia [Ksesinskaia]. Bộ Tổng tham mưu của những người bôn-sêvích được xếp đặt ở đó. Trên bộ ghế bọc bằng tơ lụa, những bộ áo choàng lính màu xám hội họp, những chiếc ủng nặng dẫm lên sàn gỗ từ lâu không được đánh bóng. Tôi có thể đợi ở đây cho đến khi quần chúng giải tán, rồi lại đi tiếp.

Vào một chiều, sau cuộc mít-tinh, đi qua những đường phố vắng vẻ, tôi nghe tiếng bước chân ở đằng sau. Hôm qua cũng thế, thậm chí, dường như ngày hôm kia cũng vậy. Nắm chặt khẩu súng ngắn, tôi đột ngột quay lại và tiến lên mấy bước:

-- Anh muốn gì? -- tôi hỏi, giọng đe dọa.

Tôi liếc thấy một gương mặt trẻ, trung thành.

-- Cho phép tôi được bảo vệ đồng chí. Kẻ thù của chúng ta cũng đến rạp xiếc.

Đó là anh sinh viên Pôđơnanxki [Poznansky]. Từ đó anh không rời tôi nửa bước. Trong những năm tháng cách mạng, Pôđơnanxki luôn ở bên tôi, anh hoàn thành những nhiệm vụ rất khác nhau nhưng lúc nào cũng đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao. Anh lo việc bảo vệ tôi, trong các chiến dịch anh làm việc như một thư ký. Pôđơnanxki tìm ra những kho vũ khí đã bị quên lãng từ lâu, anh kiểm các cuốn sách cần thiết, anh tổ chức những đại đội thiện chiến từ con số không. Bản thân anh cũng chiến đấu, hồi trước ở mặt trận, sau này trong hàng ngũ phe đối lập. Hiện nay Pôđơnanxki đang bị đi đày. Tôi hi vọng tương lai sẽ còn run rủi cho chúng tôi gặp nhau.

Ngày 3 tháng Chạp, tôi diễn thuyết về hoạt động của chính phủ Xô-viết ở rạp Xiếc Hiện đại. Tôi giải thích về tầm quan trọng của việc công bố các thư từ ngoại giao giữa chính phủ Nga hoàng và Kêrenxki. Tôi kể lại với các thánh giả trung thành của tôi: khi tuyên bố "nhân dân không thể

đổ máu cho những hiệp định mà họ không ký kết, hơn nữa, không đọc và không thấy", phe dung hòa trong Xô-viết đã gào lên với tôi:

--Đừng nói với chúng tôi bằng thứ ngôn ngữ ấy! Ở đây không phải như ở rạp Xiếc Hiện đại đâu nhé!

Và tôi lặp lại câu trả lời với nhóm dung hòa:

-- Tôi chỉ có thể nói bằng một ngôn ngữ, ngôn ngữ của người cách mạng; tôi dùng ngôn ngữ ấy trong các cuộc mít-tinh trước nhân dân, tôi cũng sẽ dùng ngôn ngữ ấy với phe Đồng minh và với nước Đức.

Theo bài tường thuật trên báo chí, những tràng vỗ tay náo nhiệt vang lên ở đoạn này.

Quan hệ của tôi với rạp Xiếc Hiện đại chỉ đứt đoạn vào tháng Hai, khi tôi chuyển về Mátxcova [Moscou].

CHƯƠNG XXV VỀ NHỮNG KẺ VU CÁO

Đầu thán9 thán1917, khi tôi đến Pêtơrôgôrát, chiến dịch về "toa tàu kẹp chì" mà Lênin dùng để về nước đang ở độ sôi nổi nhất. Các bộ trưởng xã hội mới toanh là đồng minh của Lôi Gioóc [Lloyd George], người đã không cho phép Lênin đi qua nước Anh trở về Nga. Và cũng chính các vị ấy đã truy lùng Lênin bởi ông phải quá cảnh ở Đức. Những kinh nghiệm đi đường của tôi bổ xung vào kinh nghiệm của Lênin, có sức thuyết phục ở khía cạnh ngược lại. Tuy nhiên, điều này không ngăn cản việc tôi cũng trở thành đối tượng của cùng một sự vu khống ấy. Thoạt tiên, Biucanơn [Buchanan] là kẻ lan truyền. Dưới dạng một lá thư ngỏ gửi ngoại trưởng Nga -- vào tháng Năm, Trêrêscô [Téréchtchenko], chứ không phải Miliucốp [Milioukov], giữ cương vị này --, tôi thuật lại chuyến viễn du của tôi qua Đại Tây Dương. Để kết luận, tôi đặt câu hỏi sau:

-- Thừa ông bộ trưởng, ông thấy ổn thỏa không khi nước Anh được đại diện bởi một kẻ tự bôi nhọ thanh danh mình bằng một lời vu khống trơ tráo như thế và sau đó, y không làm gì để văn hồi danh dự mình?

Không có h ồi âm. Tôi cũng không chờ đợi nó. Nhưng nhằm bảo vệ viên đại sứ Đồng minh, tờ báo của Miliucốp đã lặp lại lời kết tội, lần này dưới chính tên của ông ta. Tôi quyết định bêu bợn vu khống lên thập giá một cách long trọng nhất. Đúng lúc ấy, Đại hội liên Nga lần thứ I của các Xô-viết đang diễn ra. Ngày 5 tháng Sáu, hội trường chật ních người. Cuối phiên họp, tôi xin phát biểu về một trường hợp cá nhân.

Ngày hôm sau, tờ báo thù địch với những người bên-sê-vích của Goócki [Gorki] đã ghi lại lời bế mạc của tôi và nói chung, toàn bộ sự việc như sau:

"Miliuc ốp buộc tội chúng tôi là những tay sai nhận tiền của chính phủ Đức. Từ diễn đàn của nền dân chủ cách mạng này, tôi đề nghị với báo chí trung thực Nga (Trốtxki [Trotsky] quay về phía bàn các nhà báo) hãy truyền đi những lời của tôi: chừng nào Miliucốp chưa rút lại lời buộc tội ấy, ông ta vẫn còn mang trên trán dấu nung của kẻ vu khống ô nhục"

Lời tuyên bố cương quyết và trọng thể của Trốtxki được cả phòng đồng thanh hoan nghênh. Không phân biệt phe phái, toàn thể Đại hội vỗ tay nhiệt liệt trong nhiều phút.

Đừng quên là trong Đại hội, có đến chín phần mười là địch thủ của chúng tôi. Nhưng đó chỉ là một thành công ngắn ngủi, như các sự việc sau này sẽ chứng tỏ. Tất cả những điều này là một thứ nghịch lý của chính thể đại nghị.

Từ *Retro* [Rietch] (Ngôn từ) tìm cách nhận lời thách thức trong cuộc đấu: hôm sau, nó đưa tin tôi đã nhận của tổ chức ái quốc Đức "Vedein" tại Niu Oóc [New York] một vạn đô-la để lật đổ Chính phủ Lâm thời. Điều này ít ra cũng có một phần sự thật. Thực ra, chuyện xảy ra như sau: hai ngày trước khi trở về châu Âu, những công nhân Đức mà tôi đã nhiều lần đến diễn thuyết, tổ chức một cuộc mít-tinh giã từ cùng các bạn bè và tín đồ người Mỹ, Nga, Léttoni [Lettonie], Do Thái, Litva [Lithuanie] và Phần Lan của tôi; ở đó, họ tổ chức quyên góp cho cách mạng Nga. Người ta thu được 310 đô-la. Các công nhân Đức, qua trung gian là vị chủ tịch của họ, bỏ thêm vào đó 100 đô-la. Với sự đồng tình của những người tổ chức cuộc mít-tinh, ngày hôm sau, tôi chia số tiền 310 đô-la nhận được cho năm kiều dân trở về Nga, họ không đủ tiền mãi lộ. Câu chuyện "một vạn đô-la" là như vậy.

Hầu như cùng lúc ấy, tôi cũng thuật lại việc này trong tờ nhật báo

Nôvaia Giurđin [Novaia Jizn] (Đời mới) của Goócki (số ra ngày 27 tháng Sáu) và kết thúc bằng bài học đạo đức sau:

Từ nay, để đưa ra một hệ số đúng mức cho những chuyện thêu dệt về tôi của các vị đối trá, vu khống, của lũ bồi bút dân chủ lập hiến và bọn vô lại khác nói chung, tôi thấy cần phải nhấn mạnh rằng trong cả đời tôi, chưa bao giờ tôi có được mười ngàn đô-la, nhưng đến một phần mười số tiền đó cũng không. Có thể lời thú nhận này làm giảm uy tín tôi trong số cử tọa dân chủ lập hiến hơn tất cả những lời vu khống của ngài Miliucốp. Nhưng đã từ lâu, tôi yên tâm với chuyện phải sống suốt đời mà không cần một dấu hiệu thiện cảm nhỏ nhất nào của bọn tư sản tự do.

Sau vi ệc này, mưu mô ấy dịu dần. Tôi tóm lược kết quả toàn bộ chiến dịch này trong cuốn sách mỏng mang tên *Gửi bọn vu khống!* và gửi nó đến nhà in. Một tuần sau đó, "những ngày tháng Bảy" bùng nổ và ngày 23 tháng Bảy, tôi bị Chính phủ Lâm thời bắt giam vì tội "phục vụ hoàng đế Đức". Cuộc điều tra được tiến hành bởi những chuyên gia pháp lý giàu kinh nghiệm của chính phủ Nga hoàng, họ không có thói quen để tâm tỉ mỉ vào những chứng cứ hay lý lẽ. Và

lại, thời cuộc lúc đó cũng quá sôi động. Khi tôi được đọc hồ sơ điều tra, nổi bất bình của tôi đối với những lời buộc tội đều cang chỉ dui đi sau cái cười do sự ngu ngốc không thể tả nổi của tập hồ sơ.

Tôi ghi nhận như sau trong biên bản điều tra sơ bộ vào ngày 1 tháng
Chín:

Nhận thấy rằng tài liệu đầu tiên được đưa ra trước công luận (lời khai của viên chuẩn úy Écmôlencô [Ermolenko]) -- cho đến nay vẫn đóng vai trò chính trong chiến dịch chống đối đảng tôi và bản thân tôi, với sự tiếp tay của một số viên chức ngành tư pháp -- hiển nhiên là kết quả của sự giả mạo có ý thức, không phải để làm sáng tỏ các tình huống của sự việc mà nhằm làm rối mù chúng một cách ác ý; nhận thấy rằng trong tài liệu này, thẩm phán Aléchxandơrốp [Alexandrov] đã cố tình bỏ qua một cách rõ rệt những vấn đề và hoàn cảnh quan trọng nhất mà việc làm sáng tỏ chúng tất yếu sẽ chứng minh sự giả trá trong các lời khai của nhân chứng Écmôlencô, kẻ tôi không hề quen biết; xét đến tất cả những điều này, về mặt chính trị và đạo đức, tôi cảm thấy thấp hèn nếu phải tham gia vào quá trình điều tra; hơn thế nữa, tôi thấy mình có thẩm quyền vạch ra trước dư luận trong nước bản chất đích thực của những lời kết tội, bằng mọi các phương tiện mà tôi có.

Chẳng bao lâu, lời buộc tội bị nhấn chìm trong các sự kiện lớn, không những đã nuốt trôi các ông quan tòa dự thẩm mà cả nước Nga cũ kỹ cùng những anh hùng "giờ chót" kiểu Kêrenxki.

Tôi đã tưởng không phải trở lại đề tài này nữa. Nhưng vào năm 1928, có một nhà văn đã nhắc lại và khuếch trương thêm những luận điệu vu cáo cũ. Tên ông ta là Kêrenxki. Năm 1928, tức mười một năm sau ngày xảy ra những sự kiện cách mạng, đã đột ngột đưa ông lên rồi lại quét ông đi theo đúng quy luật, Kêrenxki khẳng định Lênin và những người bên-sê-vích khác là tay sai của chính quyền Đức, rằng họ có quan hệ với Bộ Tham mưu Đức, nhận tiền của Đức để thực hiện các nhiệm vụ bí mật nhằm làm thất bại quân đội Nga và chia cắt nước Nga. Ông ta trình bày tất cả những điều này trong vài chục trang sách nực cười, đặc biệt từ trang 290 đến 310. Căn cứ trên những sự kiện năm 1917, tôi có khái niệm khá rõ ràng về sự phát triển tinh thần và đạo đức của Kêrenxki; vậy mà sau những gì đã xảy ra, không bao giờ tôi tin giờ đây ông ta lại dám tung ra một lời "buộc tội" như vậy. Tuy nhiên, sự thể xảy ra đúng như thế.

Kêrenxki viết:

Việc Lênin đã phản bội nước Nga vào lúc chiến tranh lên tới cực điểm là một *sự thật lịch sử không thể bác bỏ và hiển nhiên*. (trang 293)

Vậy ai đã cung cấp những bằng chứng không thể bác bỏ ấy? Họ làm việc này ở đâu?

Kêrenxki bắt đầu kể lễ đông dài: Bộ Tổng tham mưu Đức chiêu mộ các điệp viên trong số tù binh Nga và gài vào quân đội Nga. Một tên gián điệp như thế -- không biết thực hay giả (nhiều khi chính họ cũng không hay) -- trực tiếp đến tìm Kêrenxki để tiết lộ tất cả kỹ thuật của mạng lưới gián điệp Đức. Nhưng rồi ở trang 295, Kêrenxki buồn rầu nhận xét:

Nhưng sự "tố cáo" ấy chẳng có tầm quan trọng gì đặc biệt.

Thì chính thế! Ngay từ những điều Kêrenxki nói ra, chúng ta cũng thấy rõ ràng là một kẻ phiêu lưu kém cỏi nào đó đã muốn dắt mũi ông ta. Tình tiết này có quan hệ gì đến Lênin và những người bên-sê-vích nói chung? Chẳng có gì cả. Bản thân Kêrenxki cũng thừa nhận tình tiết đó không có ý nghĩa gì. Thế sao ông ta lại đem kể lại với chúng ta? Để thổi phồng vai trò cá nhân và tăng thêm tính quan trọng cho những "tố cáo" sắp tới. Bất chước kẻ đưa tin, Kêrenxki cũng muốn dắt mũi người đọc.

Quả thực, ông ta nói, trường hợp thứ nhất này không có tầm quan trọng đặc biệt, *nhưng* từ một nguồn khác, chúng tôi nhận được những thông tin "có giá trị lớn". Thông tin ấy "*chứng tỏ triệt để* mối quan hệ giữa những người bên-sê-vích và Bộ Tham mưu Đức" (trang 295). Xin bạn đọc để ý: "chứng tỏ triệt để". Ông ta nói tiếp:

Cũng như thế, có thể xác định những công cụ và phương pháp mà nhờ đó, mối liên lạc trên được duy trì.

Có thể xác định ư? Câu nói không rõ ràng gì cả. Người ta đã xác định chúng chưa? Rồi ta sẽ biết tất cả. Chỉ cần một chút kiên nhẫn: suốt mười một năm, sự "tố giác" ấy chín muồi trong tâm linh sâu thẳm của kẻ sinh ra nó.

Tháng Tư, một sĩ quan người Ucoraina [Ukraine] tên là Iácmôlencô [Iarmolenko] đến trình diện ở đại bản doanh tướng Alếchxâyép [Alexéiev].

Dường như trước đây, chúng ta đã từng nghe cái tên này. Đó là nhân vật then chốt của tất cả vụ việc. Cần nói ngay rằng Kêrenxki cũng không thể chính xác ngay cả khi ông ta không cần phải nói sai sự thật. Tên bịp bợm nhỏ nhoi được ông ta đưa lên sân khấu không phải là Iácmôlencô, mà là Écmôlencô: ít nhất các quan tòa dự thẩm của ngài Kêrenxki cũng gọi y như thế trong giấy tờ lưu trữ. Vậy là chuẩn úy Écmôlencô (Kêrenxki chỉ nói mơ hồ "một sĩ quan" là có dụng ý) đến trình diện ở đại bản doanh như một điệp viên giả của Đức, nhằm tố cáo những tay sai đích thực của Đức. Nhà ái quốc vĩ đại này -- kẻ mà báo chí tư sản mặc dầu thù địch sâu sắc với phe bên-sê-vích, cũng buộc phải thể hiện như một nhân vật ám muội và đáng ngờ vực -- chứng tỏ một cách hiển nhiên và dứt khoát, rằng Lênin không phải là một trong những gương mặt kiệt xuất nhất của lịch sử, đơn giản ông chỉ là tay sai ăn lương của Luđêndôốpơ [Ludendorff]. Nhưng thử hỏi: làm sao Écmôlencô biết được điều bí ẩn ấy và y đưa ra những

chứng có gì để thuyết phục Kêrenxki? Theo chính lời Écmôlencô, y được Bộ Tham mưu Đức ủy nhiệm việc tuyên truyền cho phong trào ly khai ở Ucraina.

Hắn đã nhận được tất cả (!) chỉ dẫn cần thiết về các phương pháp và thủ tục để nhờ đó, hắn duy trì mối quan hệ với các nhân vật lãnh đạo (!) Đức; về các ngân hàng (!) qua đó người ta chuyển cho hắn những khoản tiền cần thiết; ngoài ra, về những điệp viên quan trọng nhất, trong số đó, cạnh nhiều tên Ucraina ly khai, có cả Lenin.

Có thể đọc nguyên văn tất cả những điều nói trên trong các trang 295 và 296 của kiệt tác này. Bây giờ, ít nhất chúng ta cũng biết phương cách đối xử của Bộ Tổng tham mưu Đức với lũ gián điệp. Khi bỗng nhiên chợt tìm ra một chuẩn úy vô danh và gần như mù chữ có ý muốn làm gián điệp "ngầm", đáng ra phải đặt hắn dưới sự giám sát của một chuẩn úy quân báo Đức nào đó, thì Bộ Tổng tham mưu lại cho tên này bắt làm quen với các "nhân vật lãnh đạo Đức", cho hắn biết căn cứ cơ cấu hoạt động của cả mạng lưới gián điệp Đức, thậm chí còn cung cấp cho hắn danh sách các ngân hàng -- không chỉ *một* mà *tất cả* --, thông qua đó, các vụ chuyển nhượng tiền tệ của Đức được tiến hành. Nói thế nào thì nói, tôi không thoát nổi cảm giác Bộ Tổng tham mưu Đức đã hành động ngu muội đến tận cùng. Tuy nhiên, cảm giác đó chỉ xuất hiện bởi trong câu chuyện này, ta không nhìn nhận Bộ Tổng tham mưu Đức như nó có trong thực tế, mà như cách tưởng tượng của hai chuẩn úy Max und Moritz: chuẩn úy quân đội Écmôlencô và chuẩn úy chính trị Kêrenxki.

Cố nhiên, mặc dù kém cỏi, thiếu cận và mang quân hàm thấp đi nữa, Écmôlencô vẫn có thể có vị trí đáng kể trong cơ quan quân báo Đức thì sao? Kêrenxki muốn chúng ta nghĩ như vậy. Rủi thay, chúng ta chẳng những biết cuốn sách của Kêrenxki mà còn không lạ nguồn gốc nguyên thủy của nó.

Trong việc này, bản thân Écmôlencô khờ dại hơn Kêrenxki. Trong lời khai của hắn, được trình bày theo phong cách một tên phiêu lưu kém cỏi và ngu đần, Écmôlencô cho biết cả khoản tiền hắn nhận được: Bộ Tổng tham mưu Đức thưởng hắn 1.500 rúp -- đồng tiền này rất mất giá vào thời bấy giờ -- cho việc tổ chức ly khai Ucraina và lật đổ Kêrenxki. Qua những lời khai đã được công bố, Écmôlencô thành thực nói rằng hắn cay đắng phàn nàn về tính bủn xỉn của người Đức, nhưng vô hiệu quả. Hắn phản đối: "Sao chỉ có từng này?" Nhưng các "nhân vật lãnh đạo" tỏ ra cố chấp.

Hơn nữa, Écmôlencô không kể việc hắn điều đình trực tiếp với ai: với Luthendôócphơ, với Hindenbuốc [Hindenburg], hoặc giả với Corônprinxơ [Kronprinz] hay với cựu hoàng đế Đức. Hắn ngoan cố không chịu tiết lộ tên các vị "lãnh đạo" đã ban cho hắn 1.500 rúp để làm tan rã nước Nga, để đi đường, hút sách và nốc rượu. Chúng tôi bạo dạn đưa ra giả thuyết phần lớn số tiền ấy đã được dùng để nhậu nhẹt. Và khi "vốn liếng" Đức ít ỏi đã cạn trong túi, gã chuẩn úy

không cầu cứu đến các ngân hàng được giới thiệu ở Béclin [Berlin] mà lại can đảm đến trình diện ở Bộ Tổng tham mưu Nga để nhận đôi chút "viện trợ ái quốc". Rất có thể trong lúc đi đường, Écmôlencô được một sĩ quan phản gián Nga đang hoạt động chống phe bên-sêvích ra đón. Và có lẽ một sĩ quan như thế đã gợi ý cho anh ta... Thành thử, dường như có hai thứ triết lý khác nhau trong bộ óc chật hẹp của tên chuẩn úy: một mặt, Écmôlencô không kìm nổi mối hận thù đối với viên chuẩn úy Đức đã ném vào mặt hắn đúng 1.500 rúp, không thêm một cô-pêch; mặt khác, hắn không cho phép mình quên là đã được các vị "chỉ huy Đức" trọng dụng, đã cho hắn biết toàn bộ hệ thống gián điệp Đức cùng tất cả các nhân viên thừa hành và tất cả các ngân hàng của hệ thống này.

"Những người Ucoraina ly khai" mà Écmôlencô tố cáo với Kêrenxki là ai? Cuốn sách không dả động đến điều này. Để tăng trọng lượng cho những lời láo dối thảm hại của Écmôlencô, Kêrenxki lại chêm vào một sự dối trá do chính ông ta sản xuất. Như chúng ta được biết từ lời khai của Écmôlencô, trong số những người ly khai, y chỉ nhắc đến tên Xcôrôpít-lôn tukhốp xki [Skoropis-Ioltoukhovsky]. Kêrenxki lờ cái tên này đi bởi nếu nhắc đến nó, ông ta buộc phải thừa nhận Écmôlencô chẳng "tố cáo" được gì. Chẳng ai lạ gì cái tên lôn tukhốp xki. Nó đã được nhắc đến vài chục lần trên báo chí thời chiến. lôn tukhốp xki không giấu giếm những quan hệ của y với Bộ Tham mưu Đức. Ngay từ cuối năm 1914, trong tờ *Nasê Xlôvơ* ở Pari, tôi đã nghiêm khắc buộc tội một nhóm nhỏ người Ucoraina ly khai, họ thiết lập quan hệ với chính quyền quân sự Đức. Tôi vạch mặt chỉ tên tất cả bọn này, trong số đó có lôn tukhốp xki.

Tuy nhiên, chúng ta được biết ở Béclin, người ta mách cho Écmôlencô không những "nhiều người Ucoraina ly khai", mà cả... Lênin. Có thể hiểu tại sao họ nhắc đến những kẻ ly khai; bản thân Écmôlencô cũng được cử về Nga để tuyên truyền ly khai. Nhưng chỉ cho hắn biết Lênin thì nhằm mục đích gì? Kêrenxki không trả lời câu hỏi đó. Và điều ấy không ngẫu nhiên. Quả thật, Écmôlencô đã đưa quàng đưa xiên một cách vô nghĩa cái tên Lênin vào những lời khai chấp vá của hắn.

Kẻ gây nguồn cảm hứng cho Kêrenxki kể rằng hắn làm gián điệp cho Đức như một người "ái quốc"; rằng hắn đòi tăng "quĩ bí mật" (1.500 rúp thời chiến!); rằng người ta đã giảng giải cho hắn biết những nhiệm vụ tương lai của hắn: thám thính, làm nổ cầu v.v... Mặc dù chẳng liên quan gì đến câu chuyện này, hắn nói: người ta báo cho hắn (*người ta* đây là ai?) rằng ở Nga, hắn sẽ "không làm việc một mình", rằng "ở Nga, Lênin và các đồng đảng cũng hoạt động theo hướng đó (!)".

Đây là nguyên văn lời khai của hắn.

Như vậy, té ra một tên tay sai nhỏ mọn vốn được tuyển mộ để phá cầu cống lại được biết một bí mật như quan hệ giả định giữa Lênin và Luthenđoócphơ dù chẳng đem lại một chút lợi ích

thực tiễn nào... Vào phần cuối lời khai -- lại hoàn toàn không liên quan đến câu chuyện, hẳn do một bàn tay thô thiển nào đó thúc đẩy --, Écmôlencô đột ngột nói thêm:

Người ta cho tôi biết (người ta đây là ai) Lênin đã tham gia các cuộc hội họp ở Béclin (với những đại diện của bộ tổng tham mưu) và đã dừng chân ở nhà Xcôrôpítlôntukhốpki, *điều này bản thân tôi cũng tin chắc.*

Chấm hết. Tin chắc *bằng cách nào*, hẳn không nhắc đến một lời. Thảm phán Alếchxandơrốp tỏ ra không hề lưu ý đến thông tin "thực tế" duy nhất này trong lời khai của Écmôlencô. Ông ta không đặt câu hỏi hiển nhiên nhất: *bằng cách nào*, viên thiếu úy đã tin chắc việc Lênin từng qua Béclin trong chiến tranh và dừng chân tại nhà Xcôrôpít-lôntukhốpki. Hoặc có thể Alếchxandơrốp đã đặt câu hỏi ấy (ông ta không thể không đặt câu hỏi!), nhưng chỉ nhận được câu trả lời ầm ớ nên ông ta quyết định không ghi nó vào biên bản này. Rất có thể! Chẳng lẽ trước tất cả cái món xào xáo ấy, phải chăng chúng ta không có quyền đặt câu hỏi: có kẻ ngu dần nào lại tin vào chuyện này? Nhưng có. Có những "nhân vật nhà nước" vờ tin vào chuyện này và cổ động độc giả cũng tin vào nó.

Phải chăng đây là tất cả? -- Vâng, gã chuẩn úy quân đội không còn gì để nói nữa. Ngược lại, ngài chuẩn úy chính trị vẫn còn có những giả thuyết và ước đoán. Chúng ta hãy lần theo dấu những phỏng đoán ấy. Kêrenxki kể:

Chính ph ủ Lâm thời tự thấy mình đứng trước nhiệm vụ khó khăn: tiếp tục theo dõi những đường dây Écmôlencô đã tiết lộ, lần theo dấu vết lũ điệp viên làm con thoi giữa Lênin và Luthêđoócphơ và bắt quả tang họ với những bằng chứng buộc tội xác thực nhất. (trang 296)

Câu nói phô trương ấy được bện từ hai sợi dây: sự dối trá và hèn hạ. Ở đây, cái tên Luthêđoócphơ xuất hiện lần đầu trong câu chuyện. Écmôlencô không khai bất kỳ một người Đức nào: cái sọ của anh chuẩn úy không có dung lượng lớn lắm. Kêrenxki cố tình nói mập mờ về những điệp viên "làm con thoi giữa Lênin và Luthêđoócphơ". Một mặt, người ta có thể nghĩ đó là những điệp viên đã được xác định rõ, chỉ còn chờ tóm cổ chúng với những bằng chứng buộc tội. Mặt khác, có vẻ như trong đầu của Kêrenxki mới chỉ có một thứ ý tưởng mơ hồ về các điệp viên ấy. Nếu ông ta muốn "theo dấu vết" của chúng thì hẳn đây mới chỉ là những dấu vết lạ lẫm, vô danh, tiên nghiệm. Với những cách nói tinh quái, kẻ vu cáo chỉ mới để lộ ra... cái gót Asin [Achille] của hắn, hay nói một cách ít kinh điển hơn, cái móng lừa của hắn.

Công cuộc điều tra được tiến hành bí mật đến nỗi theo Kêrenxki, chỉ có bốn bộ trưởng biết việc này. Ngay ngài bộ trưởng Tư pháp, ông Pêrêvécdép [Pérevézev] bất hạnh, cũng không được thông báo. Thưa bạn đọc, đây quả thực là "công việc quốc gia"! Trong khi Bộ Tổng tham mưu Đức trao cho bất kỳ ai, chẳng những danh sách các ngân hàng tin cẩn mà cả hệ thống liên lạc với các lãnh tụ của đảng cách mạng lớn nhất, Kêrenxki lại xử sự trái ngược: ngoài mình ra,

ông ta tìm lung tung được ba bộ trưởng, những kẻ khá dày dạn để có thể theo dấu các điệp viên Luthendoócphơ.

Và ông ta còn phàn nàn:

Nhiệm vụ vô cùng khó khăn, rắc rối và kéo dài. (trang 297)

Lần này, chúng ta sẵn lòng tin ông ta. Nhưng kết quả toàn diện đã đem lại thắng lợi hoàn toàn cho những cố gắng "ái quốc" của ông ta. Kêrenxki bộc lộ một cách rõ ràng:

Dầu sao đi nữa, sự thành công của công việc khiến Lenin lụn bại. Mỗi quan hệ của Lenin với nước Đức được xác nhận một cách đầy đủ.

Đề nghị bạn đọc chớ quên câu: "được xác nhận một cách đầy đủ".

Ai xác nhận và xác nhận bằng cách nào? Ở điểm này, Kêrenxki đưa vào cuốn tiểu thuyết hình sự của mình hai nhà cách mạng Ba Lan khá quen biết -- Khanétxki [Ganetsky] và Côđolốpxki [Kozlowsky] –

–, và một bà Sumenson nào đó chưa từng được ai biết tới và cũng chưa từng được chứng tỏ là tồn tại. Đó là ba liên lạc viên, họ nói như thế. Căn cứ vào đâu để Kêrenxki liệt Côđolốpxki (đã quá cố) và Khanétxki (nay còn rất khỏe mạnh) vào sổ trung gian giữa Lenin và Luthendoócphơ? Không ai biết. Écmôlencô không nêu tên những nhân vật này. Họ xuất hiện trên những trang sách của Kêrenxki cũng như trên các mặt báo vào những ngày tháng Bảy năm 1917, hoàn toàn bất ngờ, *Deus ex machina*, ở đây, rõ ràng bộ máy phản gián Nga hoàng đóng vai trò *machina* (cỗ máy).

Nhưng chúng ta hãy nghe Kêrenxki:

Chúng tôi cần bắt giữ phái viên bên-sê-vích người Đức ở biên giới Nga -- Thụy Điển, anh ta từ Xtốckhôm [Stockholm] đến và đem theo những chứng cứ không thể chối cãi về quan hệ giữa Lenin và Bộ Tổng chỉ huy Đức. Chúng tôi đã biết chính xác nội dung các tư liệu ấy. (trang 289)

Té ra phái viên ấy hình như là Khanétxki. Chúng ta thấy bốn vị bộ trưởng, thông thái nhất trong số họ cố nhiên là ngài thủ tướng, đã không uống công vô ích: phái viên của những người bên-sê-vích mang đến cho Kêrenxki từ Xtốckhôm những tư liệu có nội dung đã biết từ trước ("biết chính xác!"), chứng tỏ một cách không thể bác bỏ được Lenin là điệp viên của Luthendoócphơ.

Nhưng tại sao Kêrenxki không chia sẻ cho chúng ta bí mật của những tư liệu này? Tại sao -- ít nhất -- ông ta không trình bày ngắn gọn nội dung của chúng? Tại sao ông ta không nói, hoặc chí ít cũng nêu dẫn chứng, rằng ông ta đã biết trước nội dung những tư liệu ấy bằng cách nào? Tại sao ông ta không giải thích, nói trắng ra, vì sao phái viên của những người bên-sê-vích lại mang theo những tài liệu chứng tỏ họ là tay sai của Đức? Kêrenxki không hề nhắc tới điều đó. Lại một lần nữa, chúng ta hoàn toàn có quyền đặt câu hỏi: có kẻ ngu ngốc nào tin được

những điều đó không?

Thật ra, phái viên từ Xtốckhôm không bị bắt giữ. Người ta cũng không thu được những tư liệu tuyệt vời mà Kêrenxki đã "biết chính xác" nội dung năm 1917, nhưng vẫn xa lạ với độc giả năm 1928. Phái viên của những người bên-sê-vích cứ đi, đi mãi, nhưng không đến được biên giới Nga -- Thụy Điển. Tại sao? Chỉ bởi vì ngài bộ trưởng Tư pháp Pêrêvécdép, đã tỏ ra bất lực trong việc lần mò theo dõi, đã bép xép quá sớm cái bí mật lớn của chuẩn úy Écmôlencô cho báo chí. *Mặc dù hạnh phúc đã đến rất gần, trong tầm tay!...*

Công vi ệc kéo dài hai tháng -- nhằm phát hiện những âm mưu đen tối của phe bên-sê-vích do Chính phủ Lâm thời (chủ yếu là Trêrêscô) thực hiện -- kết cục đã *thất bại*. (trang 298)

Vâng, đúng, Kêrenxki đã nói chính xác như thế: "kết cục đã thất bại".

Trang 297, chúng ta được biết "thành công của hoạt động này là đòn chí mạng đối với Lênin", những quan hệ của Lênin với Luthendôócphơ đã bị "xác nhận một cách đầy đủ". Thế nhưng ở trang 298, chúng ta lại được đọc "công việc trong vòng hai tháng... kết cục đã *thất bại*"... Tất cả sự việc này chẳng phải như một trò hề không mấy ngộ nghĩnh ư?

Mặc dầu bốn bộ trưởng theo dõi dấu vết bà Sumenson -- người đàn bà chẳng ai quen biết -- đều thất vọng, song Kêrenxki không nản chí. Ông ta kiêu hãnh tuyên bố về mối quan hệ giữa những người bên- sêvích và Luthendôócphơ:

Hoàn toàn có ý thức về trách nhiệm trước lịch sử, tôi chỉ có thể lấy lại lời của ông biện lý tòa án Pêtơrôgorát.... (trang 298)

Đó là lúc ông ta vươn người lên với tất cả tầm cao của mình! Cũng như thế, năm 1917, những người tình nguyện, những chuẩn úy cánh tả, những cậu học sinh trung học và các cô gái dân chủ đã nhiều lần nghe ông ta nói từ điển đàn: "hoàn toàn có ý thức về trách nhiệm trước lịch sử!..." Kêrenxki "Thủy tiên", viên chuẩn úy có một không hai thuộc cái tầm cỡ như thế! Nhưng vài trang sau, sau lời thề đẹp đẽ ấy, ta lại thấy câu thú nhận não lòng:

Chính phủ Lâm thời chúng tôi đã để mất cơ hội cuối cùng (!) khẳng định sự phản bội của Lênin dựa trên những tư liệu làm bằng chứng. (trang 305)

"Mất cơ hội cuối cùng..." Ngoài một lời thề danh dự trước lịch sử, chung quy chẳng còn gì từ tất cả những thứ người ta xây dựng trên đôi vai Écmôlencô.

Nhưng nào đã hết. Sự man trá và hèn hạ của Kêrenxki rõ ràng hơn cả khi ông ta nói về tôi. Vào cuối cái danh sách những điệp viên Đức phải bị bắt theo lệnh ông ta, Kêrenxki kín đáo bồi thêm ghi chú sau đây:

Vài ngày sau, người ta cũng bắt nốt Trốtxki và Lunatrácxki

[Lounatcharsky]. (trang 309)

Đó là đoạn duy nhất Kêrenxki gài cả tôi vào mạng lưới gián điệp Đức. Ông ta làm việc này

một cách cầm chừng, không hoa hòe hoa sói, không phung phí những "lời thề danh dự". Ông ta có đủ lý do để làm như vậy. Kêrenxki không thể hoàn toàn im lặng về tội vì dù sao đi nữa, chính phủ ông ta cũng bắt giữ tôi và buộc tội cùng một tội với Lênin.

Nhưng Kêrenxki không muốn và cũng không thể nói rõ hơn về các bằng chứng kết tội tôi, bởi đối với tôi, chính phủ ông ta đã để lộ ra cái móng lừa đã nhắc ở trên một cách đặc biệt rõ ràng. Bằng chứng duy nhất lão thẩm phán Alếchxanđrốp nêu lên để chống lại tôi là tôi đã cùng Lênin đi ngang nước Đức trong toa tàu kẹp chì. Con chó già giữ nhà của ngành tư pháp Nga hoàng hoàn toàn không biết không phải tôi mà Máctốp, lãnh tụ những người men-sê-vích, đã cùng Lênin đi xuyên qua nước Đức trong toa tàu kẹp chì. Tôi về từ Niu Oóc sau Lênin một tháng, sau khi qua một trại tập trung ở Canada [Canada] và các nước Bắc Âu. Những kẻ giả mạo thảm hại hạ đẳng dựng nên lời buộc tội chống những người bên-sê-vích. Các vị ấy còn không thấy cần thiết phải xem lại trên báo, thử hỏi Trốtxki về lại Nga khi nào và bằng đường nào? Tôi bắt quả tang lão thẩm phán ở điểm ấy. Quảng vào mặt hắn đồng giấy lộn nhục nhã và quay lưng lại, tôi không thêm tiếp tục cuộc nói chuyện với hắn. Cùng lúc đó, tôi gửi ngay một bài phản đối đến Chính phủ Lâm thời.

Ở đây, người ta mới thấy Kêrenxki trắng trợn phạm tội đến mức nào và ông ta đã đánh lừa độc giả ra sao. Kêrenxki biết rõ "công lý" của ông ta thất bại nhục nhã như thế nào khi buộc tội tôi. Vì thế, khi tiện thể lừa tôi vào mạng lưới gián điệp Đức, ông ta không nói lấy một lời về chuyện bản thân ông ta và ba bộ trưởng khác đã theo dấu vết tôi khắp nước Đức ra sao, vào thời điểm tôi bị giam trong một trại tập trung ở Canada.

Kẻ vu khống tổng kết các suy tưởng của họ như sau:

Nếu Lênin không có chỗ dựa là toàn bộ tiềm lực vật chất và kỹ thuật của bộ máy tuyên truyền và cơ quan mật vụ Đức, ông ta không bao giờ có thể làm nước Nga lụn bại được. (trang 299)

Kêrenxki mu ốn tin rằng chế độ cũ (và cùng với chế độ ấy, ông ta) bị lật đổ không phải do nhân dân cách mạng mà bởi mạng lưới gián điệp Đức. Cái thứ triết học lịch sử theo đó đời sống của một nước lớn chỉ là đồ chơi trong tay tổ chức gián điệp nước láng giềng, mới dễ an ủi người ta làm sao! Nhưng nếu lực lượng quân sự và kỹ thuật của nước Đức, trong vòng vài tháng, có thể lật đổ nền dân chủ kiểu Kêrenxki và cấy vào đó chủ nghĩa bên-sê-vích một cách giả tạo thì sao lực lượng vật chất và quân sự của tất cả các nước Đồng minh, trong suốt mười hai năm, lại không thể diệt trừ cái chủ nghĩa bên-sê-vích giả tạo ấy?

Nhưng thôi, chúng ta đừng lao vào thứ tư tưởng triết học lịch sử đó. Hãy dừng lại trong thế giới các sự kiện: viện trợ kỹ thuật và tài chính của Đức gồm những gì? Kêrenxki không nói một lời về điều này.

Năm 1917, những người bên-sê-vích phát hành ở Pêtơrôgôrát một tờ báo khổ nhỏ như hồi

trước Thế chiến (năm 1912). Họ phát truyền đơn. Họ đi khuấy động phong trào. Nói cách khác, chúng tôi là một đảng cách mạng. Tìm đâu ra viện trợ của cơ quan gián điệp Đức? Không có một lời về điều này. Và có nói thì nói được gì?

Nén nổi kinh tởm và vận dụng bộ óc mĩa mai tốt lành -- ở đây, cũng cần thiết như quả chanh với kẻ bị say sóng --, chúng tôi đã phân tích "trước lịch sử" những lời khai của Kêrenxki. Không gạt đi bất kỳ lý lẽ nào, cách nhìn nhận nào của ông ta, mặc dù trong cả quá trình làm việc, chúng tôi cứ nặn óc tự hỏi: có cần nói đến những điều dơ dáy này không? Bởi rất cục Luthendóócphơ, Hindenbuốc và nhiều lãnh đạo, cộng tác viên khác của Bộ Tổng tham mưu Đức vẫn đang còn sống. Tất cả đều là kẻ thù của những người bôn-sê-vích. Cái gì ngăn cản họ nói ra một bí mật cũ? Hiện nay đảng Xã hội Dân chủ nắm quyền ở Đức và có thể xem mọi tài liệu lưu trữ. Nếu Luthendóócphơ không che giấu mối liên hệ giả mạo với Lênin trước một Écmôlencô, phải nghĩ rằng ở Đức hẳn có nhiều người, ít nhất cũng biết điều người ta không che giấu với một chuẩn úy Nga. Vậy, tại sao mọi kẻ thù không hòa hoãn của những người bôn-sê-vích và cách mạng tháng Mười lại im lặng?

Đúng là Kêrenxki có viện dẫn những hồi tưởng của Luthendóócphơ. Nhưng từ những hồi ký ấy, chỉ có một việc nổi bật: Luthendóócphơ hi vọng cách mạng tháng Hai và tháng Mười ở Nga sẽ làm tan rã quân đội Nga hoàng. Muốn vạch rõ kế hoạch này, chẳng cần đến hồi ký của vị thống chế này. Chỉ cần biết đến một thực tế: Luthendóócphơ cho phép một nhóm các nhà cách mạng Nga đi qua nước Đức. Về phần ông ta, đó là cuộc phiêu lưu xuất phát từ tình thế quân sự khó khăn của Đức. Lênin lợi dụng những tính toán của Luthendóócphơ, trong khi ông cũng có các tính toán riêng của mình. Luthendóócphơ tự nhủ: Lênin sẽ quét sạch bọn quốc gia rồi sau đó tôi sẽ bóp nghẹt Lênin cùng các bạn hữu của ông ta. Nhưng Lênin lại lập luận như sau: tôi qua nước Đức trong toa tàu được Luthendóócphơ đảm bảo và sẽ đền đáp sự hảo tâm ấy theo cách của tôi.

Rằng hai kế hoạch với những mục đích trái ngược có một điểm chung và điểm ấy là "toa tàu cặp chì", để chứng tỏ điều này, không cần đến tài năng trinh thám của Kêrenxki. Đây là sự thực lịch sử. Và sau đó, lịch sử đã có cách kiểm nghiệm những tính toán của cả hai phe. Ngày 7 tháng Mười một năm 1917, những người bôn-sêvích giành được chính quyền. Đúng một năm sau, dưới ảnh hưởng những lực lượng khổng lồ của cách mạng Nga, quần chúng cách mạng Đức lật đổ Luthendóócphơ và các ông chủ của ông ta. Lại sau mười năm nữa, chàng Nácxít [Narcisse] dân chủ bị lịch sử làm tổn thương đã tìm cách dựng lại lời vu khống ngu xuẩn với đối tượng không phải Lênin mà là một dân tộc vĩ đại và cuộc cách mạng của dân tộc này.

CHƯƠNG XXVI TỪ THÁNG BẢY ĐẾN THÁNG MƯỜI

Ngày 4 tháng Sáu, tại Đại hội các Xô-viết, phái bên-sê-vích công bố bản tuyên ngôn do tôi đề trình về cuộc tấn công do Kêrenxki dự kiến ngoài mặt trận. Tôi vạch rõ: cuộc tiến công ấy là hành động phiêu lưu đe dọa sinh mạng toàn quân đội. Nhưng Chính phủ Lâm thời đang say sưa với những lời lẽ ba hoa rỗng tuếch của mình. Các bộ trưởng coi đám quần chúng binh lính bị cách mạng khuấy đảo đến tận gốc như khối đất sét, muốn nhào nặn gì tùy ý. Kêrenxki đi khắp trận tuyến, cầu khẩn và van nài, dọa nạt, quỳ gối, hôn đất, nói tóm lại ông ta làm mọi thứ trò hề, nhưng không hề giải đáp bất kỳ vấn đề nào đang dằn vặt các binh sĩ. Tự lừa dối mình bằng những hiệu quả rẻ tiền và giành giật được sự ủng hộ của Đại hội Xô-viết, ông ta hạ lệnh mở cuộc tấn công. Khi cái điều bất hạnh đã được những người bên-sê-vích tiên đoán từ trước đã xảy ra, người ta lại đổ tội cho những người bên-sê-vích. Những cuộc truy lùng được gia tăng ráo riết. Được đảng Dân chủ Lập hiến che chở, các lực lượng phản động hoành hành khắp mọi nơi và đòi thủ cấp chúng tôi.

Lòng tin của quần chúng vào Chính phủ Lâm thời bị lay chuyển không thể cứu vãn. Trong giai đoạn hai của cách mạng, Pêtrôgrát vẫn đứng ở vị trí *avant-garde* hàng đầu so với các nơi khác. Trong những ngày tháng Bảy, thứ *avant-garde* này đụng độ công khai với chính phủ Kêrenxki. Đây chưa phải là khởi nghĩa, mới chỉ là cuộc thăm dò bề sâu. Nhưng, ngay từ khi xung đột tháng Bảy nổ ra, có thể thấy không một đạo quân "dân chủ" nào đứng sau Kêrenxki; những lực lượng ủng hộ ông ta, chống lại chúng tôi đều là những thế lực phản cách mạng.

Ngày 3 tháng Bảy, trong cuộc họp Xô-viết ở điện Tôrit [Tauride], tôi được tin trung đoàn súng máy biểu tình và cất lời kêu gọi các đơn vị khác và các nhà máy. Tin ấy làm tôi bất ngờ. Cuộc biểu tình nổ ra tự phát từ cơ sở, không rõ ai đứng ra tổ chức. Ngày hôm sau, nó tỏa rộng, khi ấy đảng chúng tôi cũng tham gia. Nhân dân tràn vào điện Tôrit. Chỉ có một khẩu hiệu: "Tất cả chính quyền về tay các Xô-viết!" Trước điện, một nhóm người đáng ngờ đứng biệt lập với quần chúng bắt bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Trécnốp và tổng ông ta lên một chiếc xe hơi. Đám đông bàng quan với ông bộ trưởng, ít nhất, người ta cũng không tỏ ra đồng cảm. Tin Trécnốp bị bắt và số phận bi thảm đang đe dọa ông lọt vào điện. Những người dân túy dự định sử dụng xe thiết giáp có gắn máy để cứu lãnh tụ của họ. Lòng dân giảm sút, điều này khiến phe dân túy cáu kỉnh: họ định hành động với bàn tay cương quyết. Tôi quyết định nhảy vào chiếc xe chở Trécnốp, lôi ông ta ra khỏi đám quần chúng để rồi trả tự do cho ông. Nhưng Raxcônnhicốp [Raskolnikov] -- đại úy bên-sê-vích chỉ huy hạm đội Bantích, người đưa các thủy thủ Cờnôstát về tham gia biểu tình -- đòi phải thả Trécnốp ngay lập tức. Anh tỏ ra rất lo lắng vì không muốn sau này người ta đổ vấy cho các thủy thủ Cờnôstát đã bắt giữ ông bộ trưởng. Tôi nghĩ phải giúp đỡ Raxcônnhicốp.

Xin nhường lời cho anh kể tiếp đoạn sau. Anh đại úy bản tính sôi nổi

thuật lại trong hồi ký của mình:

Khó đoán được cuộc nổi loạn của quần chúng còn kéo dài bao lâu nếu đồng chí Trótxki không can thiệp vào sự cố. Nhảy một bước đột ngột, đồng chí đã ở trên nóc xe và với cử chỉ khoáng đạt, cương quyết của người đã đợi chờ từ lâu, đồng chí ra hiệu mọi người yên lặng. Trong nháy mắt, ai nấy im bật, bầu không khí trầm xuống. Bằng giọng nói đồng đặc, rõ ràng, sang sảng... Lép Davidôvích [Lev Davidovitch] nói vài lời ngắn gọn (kết thúc như sau: "Ai muốn dùng vũ lực với Trécốp, hãy giơ tay lên!")... Không ai động đậy.

Rồi Raxcônnicốp viết tiếp:

Chẳng ai mở miệng nói một lời phản đối. -- Công dân Trécốp, ông được tự do! --, Trótxki trình trọng tuyên bố, đồng chí xoay toàn thân về phía ngài bộ trưởng và đưa tay mời ông ra khỏi xe. Trécốp dờ sống dờ chết. Tôi giúp ông ta bước xuống; mặt mũi nhót nhạt, đau khổ, chân bước lảo đảo không vững, ông bước lên bậc thang và biến mất trong tiền sảnh của điện. Hải lòng với kết quả đạt được, Lép Davidôvích cùng đi với ông.

Bỏ qua phong cách cường điệu, thống thiết, màn kịch được thuật lại rất chính xác. Tuy nhiên, điều đó không ngăn trở báo chí thù địch quả quyết tôi đã bắt Trécốp để sau đó hành hung ông ta. Bản thân Trécốp ngượng ngập im lặng, quả thực cũng khó xử khi một bộ trưởng "bình dân" phải thú nhận rằng ông được cứu mạng không nhờ lòng dân mà do một người ôn-sê-vích can thiệp.

Thay mặt những người biểu tình, lần lượt các đoàn đại biểu đòi Ban Chấp hành nắm lấy chính quyền. Trong số các lãnh tụ Xô-viết, Trótxki, Xêrêtel, Đan [Dan], Gôt ngời dờ dẫn, có mặt trong Đoàn chủ tịch. Họ không trả lời các đoàn đại biểu, chỉ nhìn mông lung về phía trước hoặc liếc nhìn nhau vẻ hoảng hốt và bí hiểm. Những người ôn-sê-vích giành lấy diễn đàn, ủng hộ các đoàn thể công nhân và binh lính. Các thành viên Đoàn chủ tịch im lặng. Họ chờ đợi. Chờ đợi gì? Thời gian trôi qua. Đêm đã khuya khi tiếng kèn đồng chiến thắng tràn ngập điện Tôrit. Đoàn chủ tịch bừng tỉnh như bị điện giật. Ai đó long trọng báo tin Trung đoàn Vôkhunie [Volhynie] vừa từ mặt trận trở về và tự đặt dưới quyền của Ban Chấp hành Xô-viết. Thì ra "nền dân chủ" không có lấy một đơn vị tin cậy nào trong toàn bộ các toán lính bảo vệ địa phương hùng hậu ở Pêtôrôgorát. Người ta phải chờ sự hỗ trợ vũ trang đáng tin cậy từ mặt trận. Giờ đây, tình thế bỗng biến đổi. Các đoàn đại biểu bị xua đuổi, những người ôn-sê-vích không được quyền nói năng. Những lãnh tụ của nền dân chủ quyết định trả thù chúng tôi vì nỗi sợ hãi -- do quần chúng ủng hộ chúng tôi -- đổ lên đầu họ. Từ diễn đàn của Ban Chấp hành, người ta nhắc đến cuộc bạo động vũ trang vừa bị các đạo quân trung thành đánh gục. Những người ôn-sê-vích bị coi là đảng phản cách mạng. Và tất cả chỉ nhờ việc Trung đoàn Vôkhunie trở về ủng hộ. Ba tháng rưỡi sau, cũng trung đoàn ấy, ngàn người như một, đã tham gia lật đổ nội các

Kêrenxki.

Sáng ngày mùng 5, tôi gặp Lênin. Cuộc tấn công của quần chúng đã bị dập tắt.

-- Bây giờ chắc hẳn bọn chúng sẽ bắn chúng ta hàng loạt -- Lênin nói. -- Đây là thời cơ thích hợp nhất cho chúng.

Nhưng Lênin đã đánh giá quá cao, cố nhiên không phải sự căm thù điên dại, mà tính quyết tâm và khả năng hành động của kẻ thù. Kẻ địch không xả súng bắn chúng tôi, mặc dù họ sẵn sàng làm việc đó. Nhiều người bên-sê-vích bị hành hung và sát hại trên đường phố. Bọn học sinh trường võ bị kéo nhau đến phá phách lâu đài Còsexinxcaia và nhà in báo *Prápđa*. Trước nhà in, các bản thảo phơi đầy ngoài phố. Tác phẩm đả kích *Gửi bọn vu khống!* của tôi bị thất lạc ở đây cùng nhiều bài khác. Cuộc thăm dò chiều sâu tháng Bảy trở thành cuộc chiến đơn phương. Kẻ thù chiến thắng không mấy khó khăn vì chúng tôi chưa vào cuộc. Đảng đã phải trả giá đắt vì điều này. Lênin và Dinôviép [Zinoviev] phải ẩn náu. Nhiều người bị bắt bớ và đánh đập. Bọn lính Côđắc [Cossagues] và lũ học sinh võ bị tịch thu tiền bạc của những người bị bắt, lấy có đó là tiền "Đức". Nhiều kẻ trong số những "bạn đường" và bạn hữu hời hợt quay lưng lại chúng tôi. Ở điện Tôrít, chúng tôi bị tuyên bố là phản cách mạng và trong thực tế, chúng tôi bị đặt ngoài vòng pháp luật.

Tình hình phát triển rất bất lợi trong ban lãnh đạo đảng. Lênin ở xa. Nhóm Camênhép [Kamenev] ngóc đầu dậy. Nhiều kẻ, trong số đó có cả Xtalin [Staline], đơn giản đứng ngoài cuộc để rồi biểu lộ sự khôn ngoan của mình vào ngày hôm sau. Cánh bên-sê-vích trong Ban Chấp hành Trung ương cảm thấy quá bơ vơ trong tòa lâu đài Tôrít. Họ cử đoàn đại biểu đến đề nghị tôi nói chuyện về tình hình mới, mặc dù tôi vẫn chưa phải là thành viên của đảng; nghị lễ hợp nhất chính thức được hoãn đến Đại hội đảng sắp tổ chức. Cố nhiên tôi sẵn sàng làm việc này. Cuộc nói chuyện của tôi với nhóm bên-sê-vích đặt ra các cơ sở của mối quan hệ tinh thần, chỉ có thể hình thành dưới những đòn ác liệt của kẻ thù. Tôi nói rằng sau cơn khủng hoảng hiện tại, chúng ta chờ đợi sự phục hưng nhanh chóng; rằng quần chúng sẽ gắn bó gấp đôi với chúng ta sau khi họ đã chứng kiến lòng trung thành của chúng ta với sự nghiệp; rằng trong những ngày này, phải theo dõi sát sao từng người cách mạng, bởi chỉ trong những giây phút tương tự, con người mới được đánh giá chính xác. Đến ngày nay, tôi vẫn vui mừng khi nhớ lại cảnh từ biệt nồng nhiệt và chân thành của phái đoàn bên-sê-vích.

-- Lênin không có mặt ở đây -- Muralốp [Mouralov] nói --, và giữa bao kẻ khác, Trốtxki là người duy nhất tỉnh táo.

Nếu tôi viết những hồi tưởng này trong các điều kiện khác -- mặc dù trong các điều kiện khác, chưa chắc tôi đã khởi sự viết chúng --, tôi sẽ cảm thấy khó xử khi kể lại nhiều điều tôi viết

trong những trang này. Nhưng tôi không thể không nói tới sự xuyên tạc quá khứ mang tầm vóc lớn, vốn là một trong những mưu đồ chính của lũ người kế nghiệp hiện tại. Các bạn hữu của tôi đều bị tù đày. Tôi buộc phải nói về tôi những điều mà trong các tình huống khác, không bao giờ tôi nói. Đối với tôi, đây không chỉ là sự thật lịch sử mà còn là cuộc đấu tranh chính trị vẫn tiếp diễn.

Từ thời đó, bắt đầu chớm nở tình bạn chiến đấu và chính trị không gì lay chuyển nổi giữa tôi và Muralốp. Ít nhất tôi cũng phải nói vài lời về con người này. Muralốp là người bên-sê-vích cực trạo, anh tham gia từ đầu đến cuối cuộc cách mạng 1905 tại Mátxcova. Năm 1906 ở Xéc-pukhốp [Serpoukhov], anh rơi vào một vụ tàn sát người Do Thái của lũ "trăm đen", như thường lệ, được diễn ra dưới sự bảo vệ của cảnh binh. Muralốp là một đảng trưởng phu tuyệt vời, lòng dũng cảm trong con người anh tranh đua với phẩm chất cao thượng đẹp đẽ. Cùng những người cánh tả khác, anh bị quân thù bủa vây trong văn phòng Hội đồng Tự quản Địa phương. Tay cầm súng lục, anh ra khỏi tòa nhà và tiến đến đám đông bằng những bước chân đều đặn. Bọn chúng tỏa ra. Nhưng toán xung phong "trăm đen" chặn đường anh và những tên đánh xe liền cất lời la hét thóa mạ.

-- Tránh ra! -- người khổng lồ hạ lệnh, không hề dừng bước và giơ cao cánh tay cầm súng. Nhiều kẻ nhảy bổ vào anh. Anh hạ thủ tại chỗ một tên và làm bị thương một tên khác. Đám đông sững sốt lùi bước. Vẫn giữ nhịp điệu cũ, anh thẳng tiến và rẽ đôi đám đông như một con tàu phá băng. Muralốp ra khỏi đó và đi về Mátxcova.

Vụ án xét xử anh kéo dài hơn hai năm và kết thúc bằng bản án tha bổng, mặc dù phe phản động la ó om sòm.

Muralốp học ngành nông nghiệp, trong chiến tranh, anh tại ngũ trong một đại đội thuộc binh chủng xe hơi và là người chỉ đạo những trận chiến đấu tháng Mười ở Mátxcova. Sau thắng lợi, anh trở thành tư lệnh thứ nhất quân khu Mátxcova. Vị nguyên soái quả cảm trong chiến tranh cách mạng luôn luôn là người điềm đạm, giản dị, không làm điều làm bộ. Trong các chiến dịch, anh tuyên truyền không mệt mỏi bằng những việc làm của mình: góp ý kiến cho nhà nông, gặt lúa mì và chữa bệnh cho người, cho bò cái khi rỗi rãi. Giữa những hoàn cảnh khó khăn nhất, con người anh toát ra sự thanh thản, tự tin và tình cảm ấm áp.

Chiến tranh kết thúc, chúng tôi cố gắng cùng nhau nghỉ ngơi những khi rỗi rãi. Sở thích săn bắn cũng khiến chúng tôi thêm gắn bó. Chúng tôi đã cùng nhau đi khắp miền Bắc và miền Nam, khi thì săn gấu hoặc chó sói, khi thì đuổi theo đàn trĩ và sếu. Hiện nay, Muralốp đi săn ở Xibêri trên tư cách một người đối lập bị đày ải...

Trong những ngày tháng Bảy năm 1917, Muralốp không nao núng và bảo vệ tinh thần cho nhiều người. Thời ấy, tất cả chúng tôi rất cần tự chủ để đi qua các hành lang và các phòng trong

điện Tôrit -- mà không phải khom lưng, cúi đầu -- giữa hàng rào những ánh mắt giận dữ, những tiếng nói thì thầm căm ghét, những khuỷu tay huých nhau thị uy ("nhìn kìa, nhìn kìa!") và những kẻ nghiêng răng không che giấu. Không ai khủng hơn "nhà cách mạng" dung tục -- tự đắc và ngạo nghễ --, khi anh ta bắt đầu nhận ra cuộc cách mạng bất thành lĩnh đưa anh lên cao, nay lại đe dọa sự phồn vinh tạm thời của anh. Trong những ngày ấy, phải qua chặng đường khổ ải mới đến được căng-tin của Ban Chấp hành.

Ở căng-tin, có thể mua nước chè với bánh mì đen và pho-mát, hoặc bánh mì kẹp trứng cá hạt to; ở điện Xmôn-nui -- và sau này ở điện Kremli -- có rất nhiều trứng cá. Bữa trưa có xúp bắp cải và một miếng thịt bò.

Một người lính tên là Goraphốp [Grafov] trông coi căng-tin của Ban Chấp hành. Vào lúc chúng tôi bị săn lùng đến cực điểm, khi Lênin bị tuyên bố là gián điệp Đức và phải ẩn náu trong một cái chòi, tôi nhận thấy bao giờ Goraphốp cũng đưa tôi cốc chè nóng bỏng nhất, loại bánh mì kẹp dày dặn nhất, nhưng anh không nhìn thẳng vào mặt tôi. Thật rõ ràng: Goraphốp có cảm tình với những người bên-sê-vích, cố nhiên anh giấu điều đó trước cấp trên. Tôi bắt đầu để ý kỹ hơn. Không phải Goraphốp là người duy nhất. Dễ nhận thấy cả đội ngũ phục vụ trong điện Xmôn-nui -- gác cổng, đưa thư, lính gác -- đều hướng về những người bên-sê-vích. Khi ấy, tôi tự nhủ: sự nghiệp của chúng ta đã thắng lợi một nửa. Nhưng mới chỉ một nửa.

Nhằm chống những người bên-sê-vích, báo chí tiến hành một chiến dịch diên khùng và bất lương chưa từng thấy, nó chỉ bị vượt qua bởi chiến dịch chống phe đối lập của Xtalin vài năm sau.

Vào tháng Bảy, Lunatrác-xki có vài lời tuyên bố mập mờ; không phải không có cơ sở khi báo chí diễn giải chúng như sự từ bỏ những người bên-sê-vích. Một vài tờ báo cũng gán cho tôi những lời tuyên bố tương tự. Ngày 10 tháng Bảy, tôi gửi thư đến Chính phủ Lâm thời trong đó tôi nhấn mạnh tình đoàn kết toàn diện với Lênin. Tôi kết thúc lá thư bằng những lời lẽ sau:

Các ông không có chút căn cứ gì để loại trừ tôi khỏi hiệu lực của sắc lệnh bắt giữ Lênin, Dinôviép và Camênhép... Các ông không có lý do gì để ngờ tôi không phải là địch thủ triệt để của đường lối chính cương của Chính phủ Lâm thời, cũng như các đồng chí kể trên...

Các ngài b ộ trưởng liền rút ra kết luận cần thiết từ bức thư: tôi bị bắt vì tội "làm gián điệp cho Đức".

Tháng Năm, khi Xê-rê-teli truy bắt các thủy thủ và tước vũ khí những lính bắn súng máy, tôi đã tiên đoán với ông ta: có thể vào một ngày không xa, ông phải cầu cứu chính những thủy thủ ấy để chống lại một tên tướng đang chuẩn bị dây thừng treo cổ cách mạng. Tên tướng này xuất hiện vào tháng Tám: đó là Coóc-nhilốp [Kornilov]. Xê-rê-teli cầu cứu các thủy thủ Cờ-rôn-stát. Những người này không từ chối ông ta. Chiến hạm Aurô-ra [Aurora] (Rạng đông) đi vào sông

Nêva. Như thế, dự đoán của tôi đã nhanh chóng trở thành hiện thực, nhưng tôi buộc phải theo dõi nó từ nhà tù Corétxtur. Các thủy thủ cử một đoàn đại biểu đến chỗ tôi để thỉnh thị việc họ phải bảo vệ hay tấn công Cung điện Mùa đông? Tôi khuyên họ hãy hoãn việc thanh toán Kêrenxki và trước tiên, phải xử lý Coócnilốp.

-- Cái gì đã trong tay chúng ta, nó không thể chạy được -- tôi bảo họ.

-- Hẳn sẽ không tẩu thoát chứ?

-- Không.

Vợ và các con tôi vào tù thăm tôi. Hồi đó, bọn trẻ đã có chút ít kinh nghiệm chính trị. Mùa hè, chúng ở cùng một gia đình quen biết: ông V., đại tá về hưu. Khách khứa đến đây đa phần là sĩ quan, vừa nhấp rượu vốt-ca, họ vừa chải rửa những người bôn-sê-vích. Trong những ngày tháng Bảy, những lời thóa mạ hoàn toàn không bị kìm hãm. Trong số các sĩ quan, sau đó ít lâu nhiều người đi xuống miền Nam, nơi tập trung những lực lượng Bạch vệ sau này. Bên bàn ăn, một nhà "ái quốc" trẻ gọi Lênin và Trốtxki là gián điệp Đức. Con trai đầu của tôi xách một chiếc ghế nhảy bổ vào hắn, thằng em chạy đến tiếp sức, lăm lăm cầm con dao ăn. Người lớn tách chúng ra. Lũ trẻ chui vào phòng và khóc nức nở. Hai đứa dự định sẽ bí mật đi bộ đến Pêtơrôgôrát xem người ta làm gì với những người bôn-sê-vích. May sao, mẹ chúng đến kịp thời, an ủi và đưa chúng đi.

Nhưng ở thành phố, tình thế cũng chẳng khá khẩm hơn là bao. Báo chí chê bai những người bôn-sê-vích. Cha lũ trẻ đang ngồi tù. Rõ ràng, cách mạng chưa thực hiện được những hi vọng của bọn chúng. Nhưng tất cả mọi điều này không ngăn hai đứa bé thích thú khi chúng thấy vợ tôi chuyền lên cho tôi một con dao bỏ túi qua tấm lưới phòng nói chuyện. Tôi cố an ủi chúng rằng cuộc cách mạng đích thực vẫn đang ở phía trước chúng ta.

Các con gái tôi đã bước vào chính trường một cách nghiêm chỉnh hơn. Chúng hay đến dự những cuộc mít-tinh lớn ở rạp Xiếc Hiện đại và tham gia các cuộc biểu tình. Tháng Bảy, chúng rơi vào một vụ lộn xộn, suýt bị đám đông dẫm bẹp. Một đứa mất kính, cả hai mất mũ và chúng đều lo không gặp lại người cha vừa thoáng thấy ở đằng xa.

Trong thời gian Coócnilốp tấn công thủ đô, chế độ nhà tù như ngàn cân treo sợi tóc. Ai nấy đều hiểu nếu Coócnilốp đặt chân vào thành phố, việc đầu tiên của y là tàn sát những người bôn-sê-vích bị Kêrenxki bắt giam. Ngoài ra, Ban Chấp hành Trung ương còn lo những phần tử Bạch vệ tụ tập ở thủ đô sẽ đột chiếm nhà tù. Một đơn vị quân đội khá lớn được điều đến bảo vệ nhà tù Corétxtur; cố nhiên không phải là đơn vị "dân chủ" mà là đơn vị bôn-sê-vích và sẵn sàng giải cứu chúng tôi vào bất kỳ khoảng khắc nào. Tuy nhiên, biện pháp đó lẽ ra đã là dấu hiệu cho một cuộc khởi nghĩa tức thì, nhưng chưa chín muồi trong thời gian ấy. Giữa chừng, Chính phủ Lâm thời cũng dần dần phóng thích chúng tôi, với lý do như khi họ cầu cứu các thủy thủ bôn-

sêvích đến bảo vệ Cung điện Mùa đông.

Từ nhà tù Corétxtur, tôi đến thẳng Ủy ban Bảo vệ Cách mạng vừa thành lập trước đó ít lâu. Ở đây, tôi hội kiến với những vị từng bắt giam tôi vì tội "làm tay sai cho dòng họ Hôhendôlécno [Hohenzollern]" và họ chưa có thì giờ để giải oan cho tôi. Phải thành thật thú nhận: chỉ sự hiện diện của lũ dân túy và mensê-vích cũng gọi cho người ta ước muốn "giá Coócnilốp tóm cổ chúng, nhắc bổng chúng lên và đặt lộn đầu xuống đất". Nhưng nguyện vọng ấy chẳng những không từ bi mà nó còn không "chính trị" chút nào.

Những người bên-sê-vích lao vào cuộc giao tranh tự vệ và ở đâu, họ cũng chiến đấu trên tuyến lửa. Kinh nghiệm thông qua cuộc bạo loạn của Coócnilốp bổ sung cho bài học tháng Bảy. Một lần nữa, có thể thấy rõ: không một thế lực tự chủ nào đứng sau Kêrenxki và đồng đảng. Đạo quân đứng lên chống lại Coócnilốp cũng chính là đạo quân tương lai của cách mạng tháng Mười. Chúng tôi tận dụng tình thế nguy kịch để vũ trang cho những công nhân mà trước đó, Xêrêteli từng kiên trì tước vũ khí của họ.

Thành phố trở nên yên lặng trong những ngày ấy. Người ta chờ đợi Coócnilốp, người này hi vọng, kẻ khác khiếp đảm. Lũ con tôi ngày càng nghe nói:

-- Có khi ngày mai hắn đã ở đây rồi.

Sáng dậy, chưa kịp mặc quần áo, chúng lao đến cửa sổ và căng mắt nhìn: hắn đã đến hay chưa? Nhưng Coócnilốp không đến. Đà cách mạng trong quần chúng lớn đến mức cuộc bạo loạn của Coócnilốp tự nóng chảy và bốc hơi. Nhưng không vô ích: nó hoàn toàn có lợi cho những người bên-sêvích.

Tôi viết trong những ngày xảy ra cuộc phiến loạn:

Hình phạt xứng đáng không chậm trễ. Bị săn lùng, xua đuổi, bị vu khống đến cùng cực, đảng của chúng ta chưa bao giờ lớn mạnh nhanh chóng như trong thời gian gần đây. Và không chút chậm trễ, quá trình ấy lan rộng từ các thủ đô đến nông thôn, từ thành phố đến làng mạc và quân đội... Trong ngọn lửa đàn áp, đảng của chúng ta -- không ngừng là tổ chức của giai cấp vô sản, dù chỉ trong giây phút -- đã trở thành người lãnh đạo thực sự của tất cả quần chúng bị áp bức, bần cùng, bị lừa gạt và truy hại...

Chúng tôi không thể theo kịp làn sóng dân chúng. Con số những người bên-sê-vích trong Xô-viết Pêtorôgôrát tăng từng giờ. Dần dà, chúng tôi chiếm một nửa sĩ số. Cùng lúc ấy, không một người bên-sêvích nào đại diện cho đảng trong Đoàn chủ tịch. Vấn đề đặt ra là phải bầu lại Đoàn chủ tịch. Chúng tôi đề nghị một Đoàn chủ tịch liên hợp với phe men-sê-vích và dân túy. Sau này chúng tôi mới biết Lênin không bằng lòng về chuyện này: ông ngại những khuynh hướng dung hòa ẩn náu trong hậu trường.

Nhưng rốt cục cũng không nảy sinh thỏa hiệp nào. Mặc dù còn cùng chúng tôi chiến đấu chống

Coócnihlốp trong thời gian gần đây, Xêrêtelì gạt bỏ ý kiến về một Đoàn chủ tịch liên hợp. Đó chính là điều chúng tôi mong muốn. Chỉ còn lại việc bầu cử theo danh sách.

Tôi đặt câu hỏi:

-- Kêrenxki có nằm trong danh sách kẻ thù của chúng ta hay không?

Bởi lẽ, mặc dù là thành viên Đoàn chủ tịch về hình thức, nhưng không bao giờ Kêrenxki đặt chân đến Xô-viết và ông ta dùng mọi hình thức để chứng tỏ ông ta không coi Xô-viết ra gì. Câu hỏi làm Đoàn chủ tịch bất ngờ. Họ không ưa và không kính trọng Kêrenxki, nhưng không thể bêu xấu ngài thủ tướng mà người ta vẫn tính đến trong số các thành viên Đoàn chủ tịch.

Các thành viên Đoàn chủ tịch thì thầm một lúc rồi đáp:

-- Cố nhiên có ông ta trong số đó...

Đó là điều chúng tôi chờ đợi. Hãy coi một đoạn trong biên bản:

Chúng tôi tin chắc rằng Kêrenxki không còn là thành viên của Xô-viết. (Vỗ tay nhiệt liệt.) Thì ra chúng ta nhầm. Cái bóng Kêrenxki vẫn lớn vồn giữa Trơkhêitdê và Davadiê [Zavadié]. Khi người ta đề nghị các anh hãy thông qua đường lối chính trị của Đoàn chủ tịch, các anh đừng quên như thế là người ta đề nghị chúng ta hãy thông qua đường lối chính trị của Kêrenxki. Đừng quên điều này! (Vỗ tay nhiệt liệt.)

Lời phát biểu này kéo thêm về phía chúng tôi một hai trăm đại biểu mới, hiện đang còn do dự. Xô-viết có hơn một ngàn thành viên. Bầu không khí hồi hộp cực điểm bao trùm căn phòng. Không còn là chuyện ban lãnh đạo, vấn đề là cuộc cách mạng. Sau khi bỏ phiếu, tôi đi đi lại lại ở hành lang với một nhóm bạn bè. Chúng tôi tính sẽ được kém phân nửa chừng một trăm phiếu và sẵn sàng coi đây là thành công. Hóa ra chúng tôi hơn liên minh những người xã hội cách mạng và men-sê-vích trên một trăm phiếu. Chúng tôi đã thắng trong cuộc chiến đấu. Tôi trở thành chủ tịch Xô-viết. Để từ biệt, Xêrêtelì chúc chúng tôi ở lại trong Xô-viết, ít nhất cũng được nửa thời gian của họ khi họ lãnh đạo cách mạng. Nói cách khác, địch thủ của chúng tôi chỉ cho chúng tôi mượn nhiều nhất là ba tháng để thử thách. Họ đã sai lầm một cách hổ thẹn. Chúng tôi tự tin tiến đến nắm giữ chính quyền.

CHƯƠNG XXVII ĐÊM QUYẾT ĐỊNH

Giờ thứ mười hai của cách mạng đến gần. Điện Xmôn-nưi biến thành một pháo đài. Trên nóc có gần hai tá súng máy, gia sản của Ban Chấp hành cũ. Chỉ huy điện Xmôn-nưi, đại úy Gơ-rê-cốp [Grékov] là kẻ thù quen thuộc của chúng tôi. Ngược lại, trưởng phân đội súng máy đến chỗ tôi nói: lính của anh ta đứng về phe bên-sê-vích. Tôi cử một người -- có lẽ chính là Máckin? -- đi kiểm tra các súng máy. Thì ra chúng ở trong tình trạng tồi tệ, không ai lo lau chùi. Những người lính sao nhãng công việc vì họ không có ý bảo vệ Kêrenxki. Tôi điều động một đơn vị súng máy

tin nhuệ và đáng tin cậy đến điện Xmôn-nui.

Ngày 24 tháng Mười, một buổi sáng tinh mơ xám xịt. Tôi đi từ tầng này qua tầng khác, phần để không phải ngồi yên một chỗ, phần để xem mọi việc có đầu vào đầu ra và động viên những ai cần nâng đỡ. Trên sàn lát đá của những hành lang dài vô tận và tranh tối tranh sáng trong điện Xmôn-nui, lính tráng sôi nổi lẫn ầm ầm những khẩu súng máy. Họ thuộc phân đội mới do tôi điều đến. Những khuôn mặt ngái ngủ và hoảng hốt của vài người xã hội cách mạng và men-sê-vích còn sót lại trong Xmôn-nui lấp ló ở các cửa phòng. Bản nhạc này chẳng báo hiệu điều gì hay ho cho họ. Lần lượt, họ vội vã rút khỏi điện Xmôn-nui. Chúng tôi trở thành những chủ nhân toàn quyền của tòa nhà, đang chuẩn bị nâng cao cái đầu bôn-sê-vích lên khỏi thành phố và đất nước.

Tờ mờ sáng, tôi gặp một nam và một nữ công nhân ở cầu thang, họ chạy hốt hải đến ngạt thở từ nhà in của đảng. Chính phủ cho đóng cửa cơ quan trung ương của đảng và tờ báo của Xô-viết Pê-tơ-rô-gorát. Những nhân viên chính phủ đi kèm các học sinh võ bị đã đến niêm phong nhà in. Nghe tin này, thoát tiên tôi nghĩ trong đầu: một chỉ thị mang tính hình thức chẳng lẽ có sức mạnh đến như thế trên những bộ óc?

-- Thế có thể xé bỏ băng niêm phong của nhà chức trách được không? -- cô công nhân hỏi.
-- Bứt tất cả đi -- tôi đáp --, và để các đồng chí khỏi gặp rắc rối, chúng tôi sẽ cử một đội cảnh vệ tin cần đến đó.

-- Có một tiểu đoàn công binh ở đó, binh lính sẽ đứng về phía chúng tôi -- cô công nhân nói một cách tin tưởng.

Ủy ban Quân sự Cách mạng lập tức ra một quyết định:

1. Mở lại các nhà in báo chí cách mạng,
2. Mời các ban biên tập và thợ sắp chữ tiếp tục công việc,
3. Nhiệm vụ vinh dự bảo vệ các nhà in cách mạng, chống lại những âm mưu phá hoại phản cách mạng, được giao cho các chiến sĩ vẻ vang của Trung đoàn Lít-va và Tiểu đoàn Công binh dự bị số VI.

Sau đó, các nhà in hoạt động không ngừng và cả hai tờ báo lại ra liên tục.

Ngày 24 tháng Mười, những phiền phức xuất hiện tại các trạm điện thoại: lũ sinh viên võ bị tràn vào và dưới sự che chở của họ, các nữ điện tín viên tuyên bố chống lại Xô-viết. Họ không cho chúng tôi liên lạc với bất kỳ ai. Đây là biểu hiện phá hoại đầu tiên, còn chưa đáng kể. Ủy ban Quân sự Cách mạng cử một đội thủy thủ đến trung tâm điện thoại, họ đặt trước cửa ra vào hai khẩu đại bác cỡ nhỏ. Điện thoại hoạt động trở lại. Việc chiếm những vị trí quan trọng đặc biệt bắt đầu như thế.

Ủy ban Quân sự Cách mạng họp bàn liên tục trong một phòng nhỏ ở góc tầng hai của điện

Xmôn-nui. Đây là nơi tập trung mọi thông tin về di chuyển của quân đội, về tinh thần của binh lính và công nhân, về công tác tuyên truyền trong các trại lính, về kế hoạch của những kẻ mưu toan tàn sát dân lành, về mưu đồ của bọn chính khách tư sản và sứ quán ngoại quốc, về đời sống trong Cung điện Mùa đông, về những cuộc họp hành của các đảng phái Xô-viết cũ. Tin tức được đưa đến từ mọi phía. Những công nhân, binh lính, sĩ quan, trẻ quét sân, học sinh võ bị xã hội, người giúp việc, vợ con các tiểu viên chức kéo đến Điện. Nhiều kẻ huyền thuyên những chuyện tào lao vớ vẩn, nhưng số khác cung cấp nhiều chỉ dẫn nghiêm túc và quý giá. Trong tuần cuối, hầu như tôi không nhúc nhích khỏi điện Xmôn-nui. Tôi ngủ đêm chút ít trên chiếc đi-văng bọc da, để nguyên áo quần; giữa chừng luôn bị các liên lạc viên, trinh sát, lái xe, những người đưa thư bằng xe đạp, điện tín viên đánh thức, chuông điện thoại kêu liên tục. Giây phút quyết định đến gần. Rõ ràng là không còn đường quay lại.

Đêm 24, các thành viên Ủy ban Quân sự Cách mạng phân tán về các khu phố. Tôi c òn lại một mình. Lát sau, Camê-nép đến, anh phản đối cuộc khởi nghĩa nhưng quyết định cùng tôi thức cái đêm quyết định này. Hai chúng tôi ở lại trong căn phòng nhỏ ở góc tầng hai, nó như phòng thuyền trưởng trên con tàu trong màn đêm quyết định của cách mạng. Máy điện thoại đặt trong căn phòng lớn trống rỗng bên cạnh. Chuông kêu liên hồi, người ta thông báo những tin quan trọng hoặc vô nghĩa. Bầu không khí yên lặng căng thẳng, càng nổi bật giữa hai lần chuông điện thoại réo. Để tưởng tượng ra thành phố Pê-tơ-rô-gorát vào đêm, hoang vắng dưới ánh đèn yếu ớt và những làn gió thu cắt da cắt thịt từ biển thổi vào. Lũ tư sản và viên chức co quắp trên giường, cố đoán điều gì đang xảy ra trong các đường phố bí ẩn và nguy hiểm. Khu phố công nhân ngủ giấc ngủ căng thẳng, cảnh giác của các dinh trại đóng ngoài trời. Các phiên họp ủy ban và các hội nghị của những đảng phái trong chính phủ giã giụa bất lực trong các lầu đài Nga hoàng, tại đó những bóng ma sống của nền dân chủ vấp phải những bóng ma chưa mò tan của thể chế quân chủ. Thỉnh thoảng, những bức màn lụa và những mảng mạ vàng của các căn phòng chìm trong bóng tối vì thiếu than đốt. Tại các quận và khu phố, các đội công nhân, thủy thủ và binh lính thao thức không ngủ. Những thanh niên vô sản giữ trật tự với khẩu súng máy và băng đạn quàng vai. Các đội tuần tra đốt lửa sưởi ấm trên đường phố lộng gió. Bên cạnh hai chục máy điện thoại, tiêu biểu cho đời sống tinh thần của thủ đô đang ngừng đầu, trong màn đêm mùa thu, tìm lối đi cho thời đại kế tiếp.

Trong căn phòng tầng hai, tin tức đổ dồn từ tất cả các khu, các quận ngoại ô thành phố, từ những con đường dẫn đến thành phố. Dường như chúng tôi đã dự tính trước mọi việc. Các lãnh tụ ở vị trí của họ, mỗi liên lạc được duy trì, tôi tin rằng không điều gì bị bỏ quên. Hãy soát lại một lần nữa trong óc! Đây là đêm quyết định. Trước đó ít lâu, hoàn toàn tin tưởng, tôi nói với các đại biểu Đại hội lần thứ II của Xô-viết:

Nếu các đồng chí không nao núng, sẽ không có nội chiến, kẻ thù chúng ta sẽ lập tức hạ vũ khí và các đồng chí sẽ chiếm lĩnh vị trí xứng đáng của các đồng chí.

Không thể nghi ngờ về chiến thắng. Nó đã được chuẩn bị (trong chừng mực người ta có thể chuẩn bị được thắng lợi của một cuộc khởi nghĩa). Tuy vậy, đây vẫn là những giờ phút đầy lo âu và căng thẳng, vì đêm nay là đêm quyết định.

Chính phủ huy động bọn học sinh vũ bị. Tối hôm trước, chiến hạm Aurôra nhận lệnh rời sông Nêva. Lần này, vẫn là những thủy thủ bên-sê-vích mà vào tháng Tám, Xcôbêlêp từng ngả mũ cầu xin họ đến bảo vệ Cung điện Mùa đông, chống lại quân Coócnilốp. Các thủy thủ đến Ủy ban Quân sự Cách mạng tỉnh thị: phải làm gì bây giờ? Và Aurôra đêm nay vẫn đứng ở vị trí hôm qua. Người ta gọi điện cho tôi từ Páplop-xơ [Pavlovsk] và báo tin chính phủ điều động pháo binh từ đó về. Chính phủ còn cho gọi một tiểu đoàn tiên phong từ Xácxcô-iê Xê-lô [Tsarskoié Sélo] (Làng Nga hoàng) và các học viên trường Quân bị từ Pê-téc-khốp. Kê-rê-n-xki tập trung lũ học sinh vũ bị, sĩ quan và các đơn vị xung kích nữ về Cung điện Mùa đông. Tôi ra lệnh cho các chính ủy đặt những đội phòng vệ tin cẩn trên đường về Pê-tơ-rô-gorát và cử người đi tuyên truyền ở các đạo quân do chính phủ triệu tập. Mọi cuộc nói chuyện đều diễn ra qua điện thoại, thành thử các nhân viên chính phủ có thể chộp được từng lời. Nhưng thử hỏi họ còn đủ sức để kiểm soát những cuộc trao đổi của chúng tôi không? "Nếu các đồng chí không thể dùng lời lẽ để cầm chân họ, hãy để khí giới lên tiếng. Các đồng chí phải chịu trách nhiệm!" -- tôi nhắc lại câu nói ấy nhiều lần. Nhưng bản thân tôi cũng không hoàn toàn tin vào sức mạnh của mệnh lệnh ấy. Cách mạng còn rất cả tin, độ lượng, lạc quan và nhẹ dạ. Nó dọa dùng vũ khí nhiều hơn là sử dụng thực sự. Bao giờ nó cũng tin tưởng rằng có thể giải quyết mọi việc thông qua điều đình. Và đến giờ, cách mạng thành công bằng cách đó. Nhiều toán quân thù địch đã bị tiêu tán dưới hơi thở nóng bỏng của cách mạng. Kể từ ngày 24 tháng Mười, các đơn vị chúng tôi nhận được lệnh phải sử dụng ngay khí giới trước những dấu hiệu đầu tiên của mưu toan khủng bố, tàn sát ngoài đường phố và phải hành động không khoan nhượng. Nhưng kẻ thù hoàn toàn không nghĩ đến chuyện hoạt động ngoài đường phố. Họ ẩn náu. Phố xá thuộc về chúng tôi. Các chính ủy của chúng tôi thao thức dọc mọi con đường dẫn về Pê-tơ-rô-gorát. Trường Quân chính và Pháo binh không đáp lại lời cầu cứu của chính phủ. Chỉ có một bộ phận sinh viên vũ bị ở Ô-ran-iên-baum [Oranienbaum] vượt phòng tuyến cuối của chúng tôi vào ban đêm và tôi theo dõi mọi cử động tiếp theo của chúng qua những thông tin trong điện thoại. Cuối cùng, chúng phải cử người đến thương thuyết ở điện X-môn-nư-i. Chính phủ Lâm thời không mò đầu ra chỗ dựa. Mặt đất ngày càng sụt lún dưới chân họ.

Đội bảo vệ mặt ngo ài của điện X-môn-nư-i được tăng cường bằng một phân đội súng máy

mới. Chúng tôi duy trì mối liên lạc liên tục với mọi đơn vị bảo vệ địa phương. Ở mọi trung đoàn đều có những chi đội trực chiến vững vàng. Các chính ủy đều ở vị trí của họ. Mỗi đơn vị đều có một đại biểu -- dưới sự điều động của Ủy ban Quân sự Cách mạng -- ở điện Xmôn-nui, phòng khi liên lạc với một chi đội nào đó bị đứt đoạn. Từ các quận, những phân đội vũ trang tiến ra phố phường, bấm chuông mọi cánh cửa hoặc lần lượt đột nhập vào các công sở. Hầu như đi đến đâu, các phân đội ấy đều gặp những bạn bè đang nôn nóng chờ đợi họ. Tại các nhà ga, những chính ủy đặc trách theo dõi sát sao các tàu hỏa đến và đi, đặc biệt để ý những tàu chở binh lính. Không có lý do để lo ngại. Hầu như không gặp kháng cự, không phải chiến đấu và không có tử vong, những cứ điểm quan trọng nhất của thành phố chuyển qua tay chúng tôi. Mọi người báo cáo qua điện thoại: "Chúng tôi đã đến đây rồi."

Mọi việc tiến triển tốt đẹp. Không thể hơn được thế. Tôi có thể rời máy điện thoại một thời gian. Tôi ngồi xuống ghế đi-văng. Thần kinh bớt căng thẳng đôi chút, thành thử sau đó làn sóng mệt mỏi làm tôi đỡ dần. "Cho tôi một liều thuốc!" -- tôi nói với Camênhép; thời ấy tôi còn hút thuốc, dù không thường xuyên. Tôi hít hai hơi và chỉ mới kịp thì thầm: "xem ra chưa đủ", thì đã ngất đi. Cái tật dễ ngất khi bị đau đớn thể xác hoặc mệt mỏi, tôi thừa hưởng từ mẹ. Dựa trên triệu chứng này, một bác sĩ người Mỹ kết luận tôi mắc chứng động kinh. Khi tỉnh lại, tôi thấy khuôn mặt sợ hãi của Camênhép đang cúi xuống tôi.

-- Có lẽ tôi phải đi tìm một thứ thuốc? -- anh hỏi.

-- Đồng chí nên đi kiểm chút đồ ăn gì đó thì tốt hơn nhiều -- tôi đáp sau một chút suy nghĩ. Tôi cố nặn óc xem mình ăn lần cuối khi nào, nhưng không ra. Chắc hẳn không phải hôm qua. Sáng dậy, tôi lao vào đọc báo chí tư sản và thỏa hiệp. Không có một dòng nào về cuộc nổi dậy đã

bắt đầu. Các báo chí viết quá nhiều và quá say sưa về cuộc tấn công sắp tới của bộ đội vũ trang, về sự tàn phá, về biển máu không tránh khỏi, về đảo chính, đơn thuần họ không nhận ra cuộc khởi nghĩa đã thực sự nổ ra. Báo chí coi những cuộc đàm phán của chúng tôi với Bộ Tổng tham mưu là tiền mặt và đánh giá những lời tuyên bố ngoại giao của chúng tôi là sự do dự. Cùng lúc ấy, không gây xáo trộn, không đụng độ trên đường phố, thực chất không đổ máu và không hề tốn một phát súng, các đơn vị quân đội, thủy thủ và Xích vệ lần lượt chiếm các công sở theo lệnh của Học viện Xmôn-nui.

Bọn tiểu tư sản kinh hoàng dụi mắt đứng trước một trật tự mới vừa ra đời. Chẳng lẽ những người bên-sêvích đã dành được chính quyền? Đoàn đại biểu Đuma Thành phố đến tìm tôi và đặt vài câu hỏi khó bắt chước nổi: chúng tôi có dự định hành động vũ trang không, nếu có, khi nào và như thế nào? Đuma Thành phố cần biết điều đó "ít nhất là trước hai mươi bốn giờ". Xô-viết đã có những phương sách gì để bảo đảm trật tự và an ninh? v.v... và v.v... Để trả lời, tôi đưa

ra cách diễn giải biện chứng về cách mạng và mời Đuma Thành phố cử một đại biểu tham gia công việc của Ủy ban Quân sự Cách mạng. Điều đó còn làm họ hoảng sợ hơn bản thân cuộc chính biến. Như thường lệ, tôi kết thúc cuộc nói chuyện trong tinh thần tự vệ vũ trang: "Nếu chính phủ dùng đến sắt, chúng tôi sẽ đáp lại bằng thép".

Câu hỏi tiếp theo được đặt ra như sau:

-- Liệu các ông có giải tán chúng tôi vì chúng tôi chống lại việc chuyển chính quyền sang tay các Xô-viết?

Tôi đáp:

-- Viện Đuma hiện nay đại diện cho lập trường của ngày hôm qua. Nếu xung đột xảy ra trong vấn đề quyền lực, chúng tôi sẽ đề nghị nhân dân bầu lại một Đuma Thành phố mới.

Đoàn đại biểu ra về cũng trắng tay như khi họ đến. Nhưng họ đã để lại cho chúng tôi cảm giác vững chắc về thắng lợi. Nhiều sự việc đã thay đổi trong đêm qua. Ba tuần trước, chúng tôi mới chiếm được đa số trong Xô-viết Pêtơrôgôrát. Lúc đó, hầu như chúng tôi mới chỉ có ngọn cờ, chứ chưa hề có nhà in, ngân quỹ, trụ sở. Ngay cả đến đêm hôm trước, Chính phủ Lâm thời còn hạ lệnh bắt giữ toàn bộ Ủy ban Quân sự Cách mạng và lập danh sách địa chỉ của chúng tôi. Vậy mà giờ đây, đoàn đại biểu Đuma Thành phố lại đến trình diện Ủy ban Quân sự Cách mạng đang "trong tình trạng bị bắt giữ" để hỏi han về số phận của chính nó.

Chính phủ vẫn tiếp tục hội họp trong Cung điện Mùa đông, nhưng chỉ còn là cái bóng của chính mình. Về mặt chính trị, chính phủ đã không tồn tại. Ngày 25 tháng Mười, quân đội chúng tôi bao vây Cung điện Mùa đông từ mọi phía. Một giờ trưa, tôi báo cáo tình hình với Xô-viết Pêtơrôgôrát. Một bài báo thuật lại những lời nói của tôi như sau:

Nhân danh Ủy ban Quân sự Cách mạng, tôi tuyên bố Chính phủ Lâm thời không còn nữa. (*Vỗ tay.*) Một số bộ trưởng đã bị bắt. ("*Hoan hô!*") Đám còn lại sẽ bị bắt trong vài ngày hoặc vài giờ gần nhất. (*Vỗ tay.*) Dưới quyền Ủy ban Quân sự Cách mạng, quân đội cách mạng địa phương đã giải tán cuộc họp của Tiền Quốc hội. (*Vỗ tay náo nhiệt.*) Chúng tôi đứng vững suốt đêm và kiểm soát bằng điện thoại trong khi các đơn vị binh sĩ cách mạng và công nhân tự vệ đã lặng lẽ thực hiện nhiệm vụ của mình. Người dân ngủ yên và không biết trong thời gian ấy, một chính quyền đã được thay thế bằng một chính quyền khác. Chúng tôi đã chiếm giữ các nhà ga, bưu điện, trạm điện tín, Thông tấn xã Pêtơrôgôrát, Ngân hàng Nhà nước. (*Vỗ tay náo nhiệt.*) Cung điện Mùa đông chưa bị chiếm giữ, nhưng số phận nó sẽ được định đoạt trong những phút giây gần nhất. (*Vỗ tay.*)

Bài tường thuật sơ lược này có thể đưa ra hình ảnh sai lầm về tinh thần hội nghị. Sau đây là điều tôi còn nhớ được. Khi tôi thông báo việc chuyển đổi chính quyền đã xảy ra trong đêm, trong vài giây, bầu không khí yên lặng căng thẳng bao trùm căn phòng. Rồi những tràng pháo

tay vang lên, nhưng không náo nhiệt mà có suy nghĩ. Cử tọa trầm tư suy ngẫm về các sự kiện và chờ đợi. Chuẩn bị cho cuộc chiến đấu, giai cấp công nhân chìm vào nỗi hào hứng không tả được. Nhưng khi chúng tôi bước qua ngưỡng cửa quyền lực, niềm phấn khởi thiếu suy nghĩ nhường chỗ cho những suy tư lo lắng. Bản năng lịch sử đứng đắn được thể hiện trong chuyện này. Bởi lẽ sự phản kháng vô cùng bền bỉ của thế giới cũ, cuộc chiến, cái đói, cái rét, sự phá hoại, đổ máu và chết chóc -- tất cả những điều này vẫn có thể ở trước chúng ta. "Chúng ta có thể chống cự nổi không?" -- nhiều người tự hỏi. Chính đây là lý do của sự suy nghĩ lo âu nhất thời. Ai nấy đều trả lời: "Có thể chống cự được!" Những hiểm nguy chỉ mới lấp ló trong viễn cảnh xa xôi. Trong hiện tại, mọi người đều cảm thấy một thắng lợi lớn và cảm giác ấy ca khúc khải hoàn trong huyết quản họ. Điều này thể hiện trong cuộc tiếp đón Lênin nồng nhiệt; lần đầu tiên sau gần bốn tháng ẩn náu, ông xuất hiện trước công chúng trong phiên họp này, Đêm đã khuya. Đợi giờ khai mạc Đại hội các Xô-viết, chúng tôi cùng Lênin nghỉ ngơi trong một căn phòng trống bên cạnh hội trường, ở đó chỉ có những chiếc ghế. Ai đó trải chăn lên sàn nhà, một người khác -- tôi nhớ hình như là em gái Lênin -- đi kiếm gối cho chúng tôi. Chúng tôi nằm cạnh nhau, thể xác và tinh thần dần dần lấy lại sức như chiếc lò xo bị kéo quá căng. Chúng tôi xứng đáng được nghỉ ngơi. Không ngủ được, chúng tôi khẽ nói chuyện. Chỉ đến bây giờ, Lênin mới hoàn toàn bằng lòng việc trì hoãn cuộc khởi nghĩa. Những lo âu của ông đã tan biến. Trong giọng nói của ông có những sắc thái thân mật hiếm có. Ông gạn hỏi tôi về những đội tuần tiễu hỗn hợp gồm Xích vệ, thủy thủ và binh lính.

-- Cảnh tượng mới đẹp làm sao: công nhân vũ trang sười ầm bên đồng lúa cùng binh lính! -- ông nhắc đi nhắc lại với ấn tượng sâu sắc. -- Cuối cùng chúng ta cũng đã đưa binh sĩ lại gần thợ thuyền!

Rồi đột nhiên ông nói tiếp:

-- Thế còn Cung điện mùa Đông? Vẫn chưa chiếm được à? Chớ để điều gì dừng lại giữa chừng!

Tôi cự quạ, định gọi điện hỏi về tình hình chiến sự, nhưng Lênin cản tôi:

-- Đồng chí cứ nằm xuống, tôi sẽ nhờ người khác.

Nhưng chúng tôi không nghỉ ngơi được lâu. Ở phòng bên, Đại hội các Xô-viết khai mạc.

Ulianôva [Ulianova], em gái Lênin chạy đến tìm tôi:

-- Đan diễn thuyết, người ta gọi đồng chí.

Bằng giọng nói ngắt quãng, Đan chê bai những người mưu phản và tiên đoán thất bại không tránh khỏi của cuộc khởi nghĩa. Ông ta đòi chúng tôi phải liên hợp với phe xã hội cách mạng và men-sê-vích. Các đảng phái hôm qua còn nắm chính quyền, xua đuổi và bỏ tù chúng tôi, nay lại đề nghị chúng tôi thỏa hiệp, khi đã bị chúng tôi lật đổ. Tôi trả lời Đan và thông qua ông ta, ngày hôm trước của cách mạng:

-- Sự kiện đã xảy ra là một cuộc khởi nghĩa chứ không phải âm mưu bạo phản. Một cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhân dân không cần phải minh chứng. Chúng tôi đã không ngừng tôi luyện nghị lực cách mạng của công nhân và binh lính. Chúng tôi đã công khai rèn dũa ý chí của quần chúng cho cuộc khởi nghĩa. Cuộc nổi dậy của chúng tôi đã toàn thắng. Và bây giờ các anh đề nghị chúng tôi từ bỏ thắng lợi và ký những thỏa thuận. Ký với ai chứ? Các anh chỉ là những cá nhân thảm hại, những kẻ phá sản, vai trò các anh đã chấm dứt, hãy về chỗ từ nay của các anh: trong sọt rác của lịch sử.

Đó là lời đáp lại cuối cùng trong cuộc đối thoại khổng lồ, bắt đầu ngày 3 tháng Tư, vào ngày và vào giờ phút Lênin trở về Pêtorôgorát.

CHƯƠNG XXVIII CHỦ NGHĨA TRỐT-KÍT NĂM 1917

Kể từ năm 1904 trở đi, tôi không thuộc bất kỳ khuynh hướng nào trong đảng Xã hội Dân chủ ở Nga. Chen vai sát cánh với những người bên-sê-vích, tôi tham gia cuộc cách mạng 1905-1907. Trong những năm thoái trào, tôi bảo vệ các phương pháp cách mạng -- chống lại phe men-sê-vích -- trên báo chí mác-xít quốc tế. Tuy nhiên, tôi không bỏ hi vọng những người men-sê-vích sẽ hướng về phía tả và tôi ráng làm nhiều thử nghiệm hợp nhất. Chỉ trong chiến tranh, tôi mới hiểu ra những cố gắng ấy là vô vọng. Đầu tháng Ba, tại Niu Oóc, tôi viết một loạt bài về những lực lượng giai cấp và những triển vọng của cách mạng Nga. Cùng thời gian này, Lênin gửi các *Lá thư phương xa* của ông từ Giơnevơ [Genève] về Pêtơrôgôrát. Viết ở hai bên bờ đại dương, những bài viết ấy của chúng tôi chứa đựng sự phân tích và dự đoán giống nhau. Tất cả cách đặt vấn đề -- về thái độ đối với giai cấp nông dân, tư sản, về Chính phủ Lâm thời, về chiến tranh và cách mạng thế giới -- đều hoàn toàn đồng nhất. Tại đây, quan hệ giữa "chủ nghĩa trốt-kít" và chủ nghĩa lê-ninnít được kiểm nghiệm trên viên đá mài của lịch sử. Thử nghiệm ấy diễn ra giữa những hoàn cảnh "tinh khiết". Tôi không hề biết cách đặt vấn đề của Lênin. Tôi xuất phát từ những tiền đề và kinh nghiệm cách mạng của bản thân và tôi cũng phác họa ra viễn cảnh và đường lối như Lênin.

Nhưng có thể vào thời ấy, vấn đề đã rõ ràng đối với mọi người và giải pháp cần thiết cũng đã phổ biến, ít nhất ở tầm như thế? Không, trái lại! Cách đặt vấn đề của Lênin trong giai đoạn đó -- cho đến ngày 4 tháng Tư năm 1917, tức là đến khi ông chưa xuất hiện trên vũ đài Pêtơrôgôrát -- là một ý kiến riêng mang tính cá nhân. Không ai trong số lãnh tụ đảng ở Nga lúc đó -- không một ai! -- có ý đặt ra mục tiêu chuyên chính vô sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa, dù chỉ trong tâm tưởng. Hội nghị của đảng họp trước khi Lênin về nước -- có vài chục người bên-sê-vích tham dự -- cho thấy không ai trong số họ vượt quá những yêu sách dân chủ. Không ngẫu nhiên mà các biên bản của hội nghị bị giấu kín đến ngày nay. Xtalin đồng ý ủng hộ thứ Chính phủ Lâm thời của Gutrôcốp [Goutchkov]-Miliucốp và tiến tới sự hợp nhất những người bên-sê-vích với những người men-sê-vích. Rucốp [Rykov], Camênhép, Môlôttốp [Molotov], Tômxki [Tomsky], Calinhin [Kalinine] và mọi lãnh tụ (hay gần lãnh tụ) khác hiện nay cũng có thái độ như thế (hoặc còn cơ hội hơn). Trong cách mạng tháng Hai, Iarôxlápki [Iaroslavsky], Oócgiônikiđê [Ordjonikidzé] và Pêtrôpki [Petrovsky], chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Ucoraina, còn ẩn hành cùng những người men-sê-vích tờ báo *Socialdemokrat* (Người xã hội dân chủ) ở Iacútxcơ [Iakoutsk], trong đó họ trình bày những tư tưởng cơ hội thiển cận tầm thường nhất. Nếu hiện nay người ta đăng tải lại những bài báo trong *Socialdemokrat* do Iarôxlápki làm chủ nhiệm thì điều này tương đương với việc giết

chết họ về mặt tư tưởng, nếu tồn tại cái chết tư tưởng đối với họ.

Đội cận vệ hiện nay của "chủ nghĩa lê-ninnít" là như thế đó. Trong nhiều giai đoạn của cuộc đời họ, tôi biết những con người ấy lặp lại như vệt lời lẽ của Lênin và bắt chước điệu bộ của Lênin. Nhưng đầu năm 1917, không ai hướng dẫn họ. Tình thế lúc ấy phức tạp. Đây là lúc họ cần chứng tỏ đã học được gì trong trường phái của Lênin và họ có khả năng đến đâu khi Lênin vắng mặt. Hãy thử chỉ tên một người trong số họ -- dù chỉ một người thôi! --, một người tự mình rút ra quan điểm mà Lênin (ở Giơnevơ) và bản thân tôi (ở Niu Oóc) đã trình bày một cách đồng nhất. Họ sẽ chẳng tìm ra được ai. Tờ *Prápđa* ở Pêtorôgorát, do Xtalin và Camênhép làm chủ nhiệm trước khi Lênin về nước, vĩnh viễn là thứ văn kiện của tinh thần thiển cận, mù quáng và cơ hội. Mặc dù giữa chừng, quần chúng đảng viên cũng như toàn bộ giai cấp công nhân đều tự phát hướng về cuộc đấu tranh giành chính quyền. Tóm lại, không có con đường nào khác cho đảng và cho đất nước.

Trong những năm thoái trào, để bảo vệ các triển vọng của cách mạng thường trực, cần phải có sự tiên đoán về mặt lý luận. Tháng Ba 1917, để tuyên truyền khẩu hiệu đấu tranh giành chính quyền, có lẽ chỉ cần giác quan chính trị. Trong số các lãnh tụ hiện tại, vào tháng Ba 1917, không ai -- không một ai! -- có khả năng tiên đoán và có giác quan chính trị. Không ai trong số họ vượt quá lập trường dân chủ tiểu tư sản cánh tả. Không ai trong số họ vượt qua được thử thách lịch sử.

Tôi về Pêtorôgorát sau Lênin một tháng. Lôi Gioóc cầm giữ tôi ở Canada đúng ngần ấy thời gian. Tôi thấy tình hình trong đảng bên-sê-vích đã thay đổi khá nhiều. Lênin dựa vào đông đảo quần chúng đảng viên để chống lại các lãnh tụ vụng về. Ông tiến hành cuộc đấu tranh có hệ thống "chống những nhà bên-sê-vích cực trào" -- như bản thân ông đã viết trong những ngày ấy --, đã hơn một lần đóng vai trò buồn thảm trong lịch sử đảng ta, chỉ lặp đi lặp lại một công thức được học thuộc lòng một cách vô nghĩa thay vì nghiên cứu những đặc điểm của thực tế mới mẻ và sống động.

Camênhép và Rucốp cố phản kháng lại L ênin. Xtalin im lặng, đứng tách riêng. Trong giai đoạn này, Xtalin không hề viết một bài báo nào trong đó ông ta thử đánh giá đường lối của mình ngày hôm qua và tự mở ra con đường theo lập trường lê-ninnít. Đơn giản ông ta giữ thái độ im lặng. Xtalin đã quá làm tổn hại đến thanh danh bản thân trong tháng đầu của cách mạng. Ông ta thấy rút vào bóng tối là hay hơn cả. Không ở đâu ông ta lên tiếng bảo vệ quan điểm lê-nin-nít. Ông lẩn tránh và chờ đợi. Trong những ngày tháng đầy trách nhiệm của giai đoạn chuẩn bị lý luận và chính trị cho cuộc chính biến, đơn thuần Xtalin không tồn tại về mặt chính trị.

Khi tôi về nước, những người bên-sê-vích và men-sê-vích còn cùng nhau hoạt động trong

nhiều tổ chức xã hội dân chủ. Đó là hệ quả tự nhiên của thứ lập trường được đại diện bởi Xtalin, Camênhép và những người khác, không chỉ vào thời kỳ đầu cuộc cách mạng mà cả trong thời kỳ chiến tranh. Dù vậy, phải thừa nhận rằng không ai biết đến quan điểm Xtalin vào thời chiến: ông ta không hề viết một dòng nào về vấn đề có tầm quan trọng không nhỏ này.

Hiện nay, dựa trên sách vở được xuất bản dưới bầu trời Quốc tế Cộng sản, các đoàn viên cộng sản ở Bắc Âu và thiếu niên tiền phong ở Úc lập đi lập lại và học thuộc lòng như vẹt rằng vào tháng Tám 1912, Trốtxki đã chủ trương thống nhất những người bôn-sê-vích và men-sêvích. Nhưng không thấy đâu nhắc đến chuyện tháng Ba 1917, Xtalin thuyết giảng về liên minh với đảng của Xêrêteli. Người ta cũng lờ đi chuyện cho đến giữa năm 1917, Lênin vẫn chưa vực nổi đảng ra khỏi vũng lầy mà các lãnh tụ tạm thời lúc đó -- nay trở thành những kẻ kế nghiệp bất tài -- đẩy vào. Cái thực tế là thoát đầu, không một ai trong số họ nhìn ra nội dung và chiều hướng của cách mạng một cách rõ ràng, nay được họ thể hiện như một thứ quan điểm biện chứng vô cùng sâu sắc, chống lại thứ tà thuyết trốt-kít chẳng những dám thấu hiểu quá khứ mà còn tiên đoán được cả tương lai.

Khi tr ở về Pêtéc-bua [Péttersbourg], tôi bảo Camênhép rằng không gì ngăn cách tôi với những "luận đề tháng Tư" nổi tiếng của Lênin -- có vai trò quyết định phương hướng mới của đảng --, anh ta chỉ nói: "Thật ư?!" Trước khi chính thức vào đảng, tôi đã tham gia khởi thảo những tài liệu quan trọng bậc nhất của chủ nghĩa bôn-sê-vích. Không ai nghĩ đến việc lục vấn xem tôi đã từ bỏ "chủ nghĩa trốt-kít" chưa, như lữ Casen [Cachin], Thêlôman [Thaalmann] và những đày tớ cùng loại của cách mạng tháng Mười đã từng làm hàng ngàn lần trong giai đoạn suy thoái, khi tập đoàn kế nghiệp nắm vai trò điều khiển. Nếu trong thời gian ấy, người ta có thể nhận ra việc đối lập hóa chủ nghĩa trốt-kít với chủ nghĩa lê-nin-nít thì chỉ trong ý nghĩa là vào tháng Tư, trong ban lãnh đạo cao cấp nhất của đảng, Lênin bị buộc tội là trốt-kít. Camênhép đã làm điều này không giấu giếm và dai dẳng, những kẻ khác thậm trọng hơn và ít công khai hơn. Hàng tá "bôn-sêvích cự trào" bảo tôi sau khi tôi về Nga:

-- Nay, bây giờ có hội hè trong phố *của đồng chí* đấy!

Tôi phải chứng minh rằng Lênin không "chuyển sang" lập trường của tôi, đơn giản ông chỉ phát triển quan điểm bản thân. Trong quá trình tiến triển ấy, môn số học thay thế đại số và điều này khiến tính đồng nhất của tư tưởng chúng tôi được thể hiện. Đúng là sự việc đã xảy ra như thế.

Từ những lần gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi, nhất là sau những ngày tháng Bảy, Dưới vẻ bề ngoài điềm đạm và "khô khan", Lênin là hiện thân của sự tập trung và kỷ luật nội tại cao độ. Trong những ngày ấy, quyền lực của Kêrenxki có vẻ "toàn năng", chủ nghĩa bôn-sê-vích chỉ như một "nhóm nhỏ thảm thương". Người ta xếp đặt chính thức như vậy. Bản thân đảng cũng

chưa nhận thức được về sức mạnh ngày mai của nó. Tuy nhiên, bằng bàn tay chắc chắn, Lenin dẫn dắt những người bên-sêvích đến các nhiệm vụ to lớn nhất. Tôi cũng nhập cuộc và hỗ trợ ông.

Hai tháng trước biến cố tháng Mười, tôi viết như sau:

Đối với chúng tôi, chủ nghĩa quốc tế không phải là một tư tưởng trừu tượng, nó tồn tại chỉ để người ta phản bội nó ở khắp mọi nơi (như trường hợp Xêrêtelì hoặc Tréc-nốp). Chủ nghĩa quốc tế chính là một nguyên lý mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc chi phối trực tiếp chúng ta. Đối với chúng tôi, không thể quan niệm được một thành công bền vững, có tính quyết định ngoài cuộc cách mạng châu Âu.

Lúc đó tôi chưa thể đặt Xtalin, triết gia của thứ "chủ nghĩa xã hội trong một xứ", cạnh những tên tuổi Xêrêtelì và Tréc-nốp. Tôi kết thúc bài viết bằng những lời sau:

Cách mạng thường trực để chống lại sự thâm sát thường trực! Đó là cuộc chiến đấu mà mục tiêu là số phận nhân loại.

Tất cả những điều này được in trong cơ quan ngôn luận trung ương của đảng số ra ngày 7 tháng Chín, rồi được tái bản thành tập. Tại sao những kẻ phê phán tôi hiện nay, thời ấy lại im lặng trước khẩu hiệu của tà thuyết cách mạng thường trực? Thời ấy họ ở đâu? Một số kẻ như Xtalin thận trọng chờ thời, liếc trộm bên nọ bên kia; những người khác như Dinôviép nấp dưới chân bàn.

Nhưng vấn đề sau đây còn quan trọng hơn: tại sao Lenin lại cho phép tôi tuyên truyền tà thuyết? Trong những vấn đề lý luận, Lenin không biết đến khái niệm nhân nhượng và khoan hồng. Thử hỏi làm sao ông chịu đựng để "chủ nghĩa trốt-kít" được rao giảng trên cơ quan ngôn luận trung ương của đảng?

Tại phiên họp của thành ủy Pêtrôgrát ngày 1 tháng Mười một 1917 (cho đến nay, biên bản cuộc họp có tầm quan trọng lịch sử trên mọi phương diện này vẫn bị giấu diếm), Lenin tuyên bố: từ khi Trốtxki thấy rõ không thể hợp tác với những người men-sêvích, "không có người bên-sêvích nào hơn đồng chí ấy". Bằng câu nói đó, ông chỉ rõ -- và không phải lần đầu -- rằng không phải lý thuyết về cách mạng thường trực, mà một vấn đề hẹp hơn nhiều, mặc dầu rất quan trọng -- về mối quan hệ với phe men-sê-vích -- là điều ngăn cách chúng tôi.

Hai năm sau chính h biến cố tháng Mười, Lenin viết:

Vào thời điểm giành chính quyền và thành lập nước Cộng hòa Xô-viết, chủ nghĩa bên-sê-vích thu hút về mình những gì tốt đẹp nhất từ các khuynh hướng tư tưởng xã hội gần gũi nó.

Khi Lenin nhấn mạnh như thế về các đại diện xuất sắc nhất của những khuynh hướng tư

tư tưởng xã hội gần gũi nhất với chủ nghĩa bôn-sê-vích, thử hỏi có thể xuất hiện một bóng mờ hoài nghi nào đó về việc trước tiên ông muốn nói tới cái mà hiện nay người ta gọi là "chủ nghĩa trốt-kít lịch sử"? Bởi lẽ làm gì còn trào lưu nào gần với chủ nghĩa bôn-sê-vích hơn xu hướng tôi đại diện? V à Lenin còn có thể nghĩ đến những ai? Mácxen Casen [Marcel Cachin]? Hay Thêlôman? Khi điếm qua toàn bộ sự phát triển trong quá khứ của đảng, Lenin không phân tích chủ nghĩa trốt-kít như một trào lưu thù địch hoặc xa lạ; ngược lại, ông cho đó là dòng tư tưởng xã hội gần gũi nhất với chủ nghĩa bôn-sê-vích.

Như ta thấy, bước đi thực sự của sự phát triển tư tưởng không có gì chung với bức biếm họa đối trá mà nhóm kế nghiệp bất tài đã "sáng tạo" ra, lợi dụng cái chết của Lenin và cười trên làn sóng thoái trào của cách mạng.

CHƯƠNG XXIX CHÍNH QUYỀN

Đó là những ngày đặc biệt trong đời sống của đất nước cũng như trong đời tư của cá nhân tôi. Sự căng thẳng của những đam mê xã hội cũng như của những lực lượng cá nhân đã lên đến tột độ. Quần chúng tạo ra một thời đại mới. Các lãnh tụ cảm thấy những bước đi của họ hòa nhập với bước tiến lịch sử. Trong những ngày ấy, người ta thông qua những nghị quyết và ban bố những mệnh lệnh quyết định số phận nhân dân trong suốt một thời kỳ lịch sử. Nhưng hầu như không ai tranh cãi về những quyết định đó. Tôi không thể nói là chúng được cân nhắc và suy tính đúng mực; đúng ra, người ta đã ứng tác ra chúng. Dù vậy, những quyết định ấy không tồi. Dòng chảy của thời cuộc quá mạnh mẽ, các nhiệm vụ quá rõ rệt đến mức những nghị quyết mang nặng tính trách nhiệm nhất cũng được đề ra dễ dàng, gần như một chuyện hiển nhiên "dọc đường". Và chúng cũng được chấp nhận như thế. Con đường đã được xác định, chỉ cần gọi các nhiệm vụ bằng tên của chúng, không cần biện hộ, cũng chẳng mấy khi phải kêu gọi. Không do dự, không phân vân, quần chúng nhận lấy những gì tình thế áp đặt cho họ. Dưới sức nặng các sự kiện, các "lãnh tụ" chỉ nêu ra những thứ phù hợp nhu cầu của quần chúng và yêu cầu của lịch sử.

Chủ nghĩa mác-xít tự coi nó như biểu hiện có ý thức của một quá trình lịch sử vô ý thức. Nhưng quá trình "vô ý thức" -- xét trong ý nghĩa triết học sử chứ không phải tâm lý học -- chỉ trùng hợp với biểu hiện có ý thức của nó ở các điểm cao nhất, khi quần chúng đẩy tung cánh cửa của phong tục xã hội bằng động lực tự phát và đem lại biểu hiện thắng lợi cho những nhu cầu sâu nhất của tiến trình lịch sử. Khi đó, ý thức lý luận ở tầm cao nhất của thời đại hòa nhập với hành động trực tiếp của những tầng lớp quần chúng bị áp bức tăm tối nhất và xa cách nhất với mọi thứ lý thuyết. Sự hòa hợp sáng tạo của ý thức với vô ý thức là cái người ta thường gọi là cảm hứng. Cách mạng là thứ cảm hứng không thể kìm nén của lịch sử.

Mọi nhà văn thực sự đều biết những thời điểm của tác phẩm, khi ngòi bút anh ta được một người nào khác -- một thực thể mạnh hơn -- dẫn dắt. Mọi diễn giả thực sự đều biết những giây phút, khi một cái gì khác -- mạnh hơn anh lúc thường nhật -- phát lên tiếng nói trên môi anh ta. Đây chính là "cảm hứng", vốn nảy sinh từ sự tập trung sáng tạo cao độ của toàn thể sức mạnh. Vô thức trỗi lên khỏi cái hang sâu thẳm của nó và hoạt động thay cho tư duy có ý thức, đồng hóa với nó trong một sự thống nhất cao độ.

Những giờ phút mà khi sự căng thẳng của các lực lượng tinh thần bị đẩy đến cực điểm, đôi khi cũng bao hàm mọi mặt của hoạt động cá nhân có gắn bó chặt chẽ với phong trào quần chúng. Những ngày tháng Mười là những khoảng khắc như thế đối với các "lãnh tụ". Những sức mạnh tiềm ẩn trong cơ thể, những bản năng sâu lắng, sự nhạy bén thừa hưởng từ tổ tiên hoang dã -- tất cả đều trỗi dậy, phá tan mọi cánh cửa của nếp cũ trong thế giới nội tâm và đứng ra phụng sự cách mạng cùng những khái quát ở tầng cao nhất của triết học lịch sử. Hai quá trình ấy -- quá trình cá nhân và cả quá trình quần chúng -- đều xây trên sự phối hợp của ý thức với vô thức, của bản năng đem lại sức bật cho ý chí với những tổng quát hóa tinh thần cao nhất.

Bề ngoài, tất cả những điều này xem ra chẳng có gì hào nhoáng: mọi người mệt nhoài, đói khát, không tắm rửa, mắt sưng tấy, mặt lồm chồm râu ria không cạo. Và sau này, toàn thể những con người ấy chỉ có thể kể lại rất ít về những ngày và những giờ gay go nhất.

Đây là một vài trích đoạn ghi chép của vợ tôi, tuy chúng được viết lại vào thời gian sau đó khá lâu: Chúng tôi sống ở phố Tôrit trong những ngày cuối cùng của thời kỳ chuẩn bị cho tháng Mười. L.Đ. ở lì trong điện Xmôn-nưi. Tôi vẫn tiếp tục làm việc ở nghiệp đoàn thợ mộc, tại đó những người bôn-sê-vích nắm quyền điều khiển và bầu không khí rất sôi động. Trong suốt giờ làm việc, người ta tranh luận về những vấn đề liên quan đến khởi nghĩa. Chủ tịch nghiệp đoàn theo "quan điểm Lênin-Trốtxki" (thời ấy người ta gọi như vậy), chúng tôi cùng nhau đi tuyên truyền. Cuộc khởi nghĩa được nhắc đến ở khắp nơi: ngoài đường, trong nhà ăn, khi gặp nhau ở thang gác điện Xmôn-nưi.

Chúng tôi ăn uống đạm bạc, ngủ ít. Hầu như chúng tôi làm việc hai mươi bốn tiếng một ngày. Chúng tôi còn phải xa cách lũ trẻ và đối với tôi, những ngày tháng Mười cũng là những ngày khắc khoải lo âu cho chúng. Trong trường chúng học, chỉ vốn vẹn có hai "bôn-sê-vích" -- Liôva và Xêriôgia --, và một đứa thứ ba, một "cảm tình viên" như lũ trẻ vẫn gọi. Chống lại cái bộ ba này là một nhóm con ông cháu cha rất ăn ý, con cái những người dân chủ, xã hội lập hiến và xã hội cách mạng đang nắm quyền. Như lệ thường khi những bất đồng quan điểm nghiêm trọng xảy ra, sự phê bình được bổ sung bởi những lý lẽ thực tiễn. Nhiều lần, ông hiệu trưởng phải lôi các con tôi khỏi tay những thanh niên "dân chủ" đang ủa vào chúng. Về cơ bản, bọn trẻ

chỉ làm những việc như bố chúng. Ông hiệu trưởng là một người dân chủ lập hiến. Vì thế ông thường xuyên phạt các con tôi:

-- Cầm lấy mũ mà về nhà đi!

Sau cuộc chính biến, hoàn toàn không thể để các con tôi ở lại nhà trường đó. Chúng tôi chuyển các cháu đến một trường bình dân. Ở đây mọi thứ đơn giản hơn và thô kệch hơn, nhưng chúng cũng dễ thở hơn.

L.Đ. và tôi không mấy khi ở nhà. Khi ở trường về, lũ trẻ không thấy chúng tôi, chúng cũng không thấy cần thiết phải giam mình giữa bốn bức tường. Những cuộc biểu tình, đụng độ, những phát súng nổ thường xuyên trong những ngày ấy khiến chúng tôi lo lắng về hai đứa trẻ: chúng có tâm trạng siêu cách mạng... Trong những dịp gặp gỡ vội vã, chúng vui vẻ kể với chúng tôi: đi cùng với những người Côđắc trên tàu điện, chúng thấy họ đọc lời kêu gọi *Hỡi anh em Côđắc!* của cha chúng:

-- Rồi sao nữa?

-- Họ đọc, truyền tay nhau. Điều này thật tốt...

-- Thì dĩ nhiên là tốt rồi!

Một người quen của L.Đ., kỹ sư C. -- có gia đình đông đúc và những đứa con đủ mọi lứa tuổi, anh còn thuê một bà vú nuôi -- ngỏ ý muốn đón các con tôi về nhà anh một thời gian, ở đó ít nhất có thể để mắt đến chúng. Chúng tôi đành phải bám lấy giải pháp cứu mạng ấy. Được L.Đ. giao cho đủ thứ việc khác nhau, mỗi ngày tôi qua điện Xmonnui năm lần. Chúng tôi về phố Tôrit vào đêm khuya và sáng dậy lại chia tay nhau: L.Đ. đến điện Xmonnui, tôi đến nghiệp đoàn. Song song với sự tăng trưởng của các sự kiện, thực tế những người làm việc ở điện Xmonnui không còn điều kiện để về nhà nữa. Nhiều ngày liền, L.Đ. không hề đặt chân về nhà, kể cả khi ngủ. Nhiều lúc tôi cũng ở lại Xmonnui. Chúng tôi cứ để nguyên quần áo và ngủ trên những đi-văng hoặc ghế bành. Thời tiết mùa thu không nóng nhưng khô, hơi nhiều mây kèm những cơn gió lạnh. Các phố xá trung tâm yên lặng và vắng vẻ. Trong bầu không khí yên tĩnh ấy, có một cái gì căng thẳng ngột ngạt. Điện Xmonnui sục sôi. Căn phòng khánh tiết khổng lồ tắm trong ánh điện rực rỡ của hàng ngàn ngọn đèn chùm lộng lẫy. Từ sáng đến tối, điện luôn chật ních người. Cuộc sống căng thẳng đập nhịp trong các nhà máy và công xưởng. Ngược lại, các phố xá im ắng, lặng lẽ, dường như thành phố rụt cổ lại trong cơn hoảng hốt.

Tôi còn nhớ sau cuộc chính biến hai hay ba ngày, tôi vào một phòng ở Xmonnui vào buổi sáng, ở đó tôi thấy Voladimira Ilích [Vladimir Ilitch], Lép Davidôvích và hình như cả Déginski [Dzerjinsky], rồi Giôphê [Joffé] và nhiều người khác. Da mặt ai nấy đều xám xanh, ai nấy đều có vẻ thiếu ngủ, mắt sưng húp, cổ áo bẩn, căn phòng sặc mùi thuốc lá... Ai đó ngồi bên bàn làm việc, một đám đông vây quanh bàn chờ chỉ thị. Một vòng người bao quanh Lênin và Trốtxki.

Không hiểu sao tôi có cảm giác họ đưa ra các mệnh lệnh trong giấc mơ. Trong các cử chỉ, lời lẽ, có cái gì như của người mộng du. Trong một khoảng khắc, tôi có cảm tưởng hình như tôi thấy tất cả những điều này trong mơ và cách mạng có thể thất bại nếu "họ" không được ngủ đầy giấc và không thay cổ cồn bần: giấc mơ liên hệ chặt chẽ với những chiếc cổ cồn bần này. Tôi nhớ hôm sau tôi gặp Maria Ilinichna [Maria Ilinitchna] -- em gái Lênin -- và tôi vội vã nhắc cô "đã đến lúc phải thay cổ áo cho Lênin".

-- Vâng, vâng -- cô vừa cười vừa đáp.

Nhưng vấn đề cổ áo sạch cũng đã mất cái ý nghĩa ác mộng, ngay cả trong mắt tôi.

Chúng tôi đã giành được chính quyền, ít ra là ở Pêtrôgrát. Lênin vẫn chưa có dịp thay cổ áo. Trên gương mặt mệt mỏi, đôi mắt "lê-nin-nít" bao giờ cũng tỉnh táo. Ông thân mật nhìn tôi -- cái nhìn quý mến pha chút lúng túng, bối rối -- và tôi cảm thấy sự gần gũi nội tại từ ông.

-- Đồng chí biết chứ -- ông nói giọng rụt rè --, từ những cuộc truy lùng và sống bất hợp pháp, đột nhiên lên nắm chính quyền như thế này... -- ông tìm từ ngữ thích hợp --, *es schwindelt* -- bỗng nhiên ông chuyển sang tiếng Đức và xoay bàn tay quanh đầu.

Chúng tôi nhìn nhau và cười không thành tiếng. Như thế chừng hai, ba phút rồi chúng tôi lại chuyển sang giải quyết các vụ việc tiếp theo.

Cần phải thành lập chính phủ. Ở đây, chúng tôi chỉ có vài ủy viên Ban Trung ương. Chúng tôi tổ chức họp chớp nhoáng trong góc phòng.

-- Gọi các thành viên chính phủ là gì nhỉ? -- Lênin suy nghĩ và nói to lên. -- Đừng là thượng thư nhé, cách gọi này đáng ghét và không còn được ai tin tưởng nữa.

-- Có thể gọi họ là "ủy viên" -- tôi đề nghị --, nhưng ngày nay có quá nhiều "ủy viên" rồi. Hay ta đặt tên cho họ là "cao ủy viên"?... Không, "cao ủy" cũng khó nghe lắm... Hay là "ủy viên nhân dân"?

-- Ủy viên nhân dân? Phải, tôi nghĩ thế được đấy -- Lênin chấp thuận. -- Và gọi tất cả chính phủ ra sao?

-- "Hội đồng", cố nhiên là "hội đồng" rồi... "Hội đồng Dân ủy", nghe được chứ?

-- Hội đồng Dân ủy? -- Lênin chớp lấy sáng kiến ấy. -- Được, đúng thế! Tuyệt: một từ ngữ đầy phong vị cách mạng!

Lênin thường không có khuynh hướng nghiên cứu mỹ học của cách mạng hay thưởng thức cái "lãng mạn" của nó. Nhưng càng cảm nhận sâu sắc cách mạng -- nhìn trong tổng thể -- bao nhiêu, ông càng có thể nhận định chính xác hơn bấy nhiêu về "mùi vị" của nó...

Trong những ngày đầu tiên ấy, một lần Voladimira Ilích hỏi tôi, hoàn toàn đột ngột:

-- Thế nhờ bọn Bạch vệ giết cả hai chúng ta thì sao? Xvéclốp [Sverdlov] và Bukharin

[Boukharine] có đủ sức đảm đương nhiệm vụ không?

-- Chà! Chắc chúng chẳng giết chúng ta đâu -- tôi cười và đáp.

-- À! Có trời biết được chúng sẽ làm gì -- Lênin nói và ông cũng phá lên cười.

Tôi kể mẩu chuyện này lần đầu tiên trong hồi tưởng về Lênin năm 1924. Sau này tôi mới biết, các thành viên trong "cỗ xe tam mã" thời đó -- Xtalin, Dinôviép và Camênhép -- phật ý đến tận xương tủy vì câu chuyện, dù họ không dám cãi vã về tính chân thực của nó. Tuy nhiên, sự thực vẫn là sự thực: Lênin chỉ nhắc đến Xvéclốp và Bukharin. Ngoài ra, ông không mảy may nghĩ đến ai khác trong óc.

Trừ một vài gián đoạn ngắn, Lênin sống lưu vong gần mười lăm năm; phần lớn ông biết các cán bộ chính yếu của đảng trong nước qua thư từ hoặc những lần gặp gỡ hiếm hoi ở nước ngoài. Chỉ sau cách mạng, ông mới có dịp quan sát kỹ lưỡng công tác của họ. Giữa chừng, ông phải thay đổi hoặc xem xét lại các phán đoán dựa trên lời lẽ kẻ khác. Như một con người vĩ đại ham mê đạo đức, Lênin không thể thờ ơ với bất cứ ai. Nhà tư tưởng, nhà quan sát và chiến lược ấy quan tâm tha thiết đến con người. Corúpxcaia [Kroupskaia] cũng nói đến điều đó trong hồi ký của bà. Không bao giờ Lênin đề ra ý kiến phán đoán chi li về con người một cách vội vã. Ông có cặp mắt như một kính hiển vi. Nó phóng to các đặc tính nổi bật, được đưa vào tầm nhìn của ông tùy thuộc tình thế nhất thời. Không hiếm lúc Lênin say mê con người theo nghĩa thực của từ đó. Những lúc ấy, tôi chọc tức ông:

-- Tôi biết, tôi biết, đồng chí lại có một mối tình mới.

Lênin cũng tự biết tính cách ấy của ông và để đáp lại, ông cười lúng túng, hơi phật ý.

Trong năm 1917, quan hệ của Lênin với tôi cũng trải qua nhiều giai đoạn. Ông tiếp tôi với quan điểm dè chừng và chờ đợi. Những ngày tháng Bảy đưa chúng tôi lại gần nhau. Khi đối lập với đa số lãnh tụ bên-sê-vích, tôi tung ra khẩu hiệu tẩy chay Tiền Quốc hội, Lênin viết từ nơi ẩn náu: "Hoan nghênh đồng chí Trốtxki!" Dựa vào một số dấu hiệu ngẫu nhiên và sai lạc, hình như sau đó ông nghĩ tôi đại diện cho xu hướng quá chờ thời trong vấn đề khởi nghĩa vũ trang. Lênin bộc lộ nỗi lo âu ấy trong nhiều lá thư ông viết trong tháng Mười. Ngược lại, quan hệ thân mật và tin tưởng giữa hai chúng tôi càng rõ rệt hơn trong ngày chính biến, khi chúng tôi nghỉ ngơi trên chiếc chăn trải dưới sàn nhà một căn phòng trống tranh tối tranh sáng. Hôm sau, trong phiên họp của Ban Trung ương đảng, Lênin đề cử tôi làm chủ tịch Hội đồng Dân ủy. Tôi bật dậy khỏi chỗ ngồi để phản đối lời đề nghị quá bất ngờ và không đúng chỗ ấy.

-- Nhưng tại sao cơ chứ? -- Lênin nhấn mạnh --, vì đồng chí là người đứng đầu Xô-viết Pêtơrôgôrát, tổ chức đã giành chính quyền.

Tôi yêu cầu bác bỏ đề nghị ấy không thông qua tranh luận. Mọi việc đã diễn ra như vậy.

Ngày 1 tháng Mười một, trong cuộc tranh luận sôi nổi của đảng ủy Pêtơrôgôrát, Lênin kêu lên:

-- Không có người bên-sêvích nào hơn Trốtxki!

Những lời lẽ ấy có nhiều ý nghĩa. Không phải ngẫu nhiên mà sau này, biên bản cuộc họp có câu nói này bị giấu nhem trước công luận đến tận ngày nay.

Sau khi giành được chính quyền, vấn đề chức vị của tôi trong chính phủ được đặt ra. Điều kỳ lạ là tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đó. Mặc dù đã có những kinh nghiệm của năm 1905, chưa lần nào tôi gắn liền tương lai của tôi với vấn đề quyền lực. Khá sớm, chính xác hơn là từ thời thơ ấu, tôi mơ ước trở thành nhà văn. Trong những năm tiếp theo, tôi đặt nghề cầm bút cũng như nhiều thứ tương tự dưới các mục tiêu cách mạng. Vấn đề giúp đảng lên nắm chính quyền bao giờ cũng lơ lửng trước mắt tôi. Tôi đã viết hàng chục và hàng trăm lần về chương trình của chính phủ cách mạng. Nhưng không bao giờ tôi nghĩ đến vị thế cá nhân của tôi sau khi đã giành được chính quyền. Chính vì thế, tôi sa vào tình trạng thiếu chuẩn bị. Sau cuộc chính biến, tôi cố đứng ngoài chính phủ. Tôi đề nghị được chỉ đạo ngành báo chí của đảng. Có thể trạng thái thần kinh của tôi sau chiến thắng cũng đóng một vai trò trong dự định ấy. Một tháng trước, tôi đã tham gia quá trực tiếp và mải mê vào công cuộc chuẩn bị cho khởi nghĩa. Mỗi dây thần kinh của tôi đều căng đến tột độ. Có lần Lunatrácxki đã viết: Trốtxki đi lại như một cái bình điện Lâyđen [Leyden] và hễ đụng đến anh là gây nên sự phóng điện. Mùng 7 tháng Mười một là ngày kết thúc. Tôi ở trong tình trạng một phẫu thuật viên vừa mổ xong một ca khó khăn và nguy hiểm: giờ đây tôi rửa tay, cởi áo choàng và đi nghỉ. Ngược lại, Lênin mới từ nơi ẩn náu về, ở đó ông trần trở trong ba tháng rưỡi vì phải sống tách rời sự lãnh đạo trực tiếp. Ông trở về đúng vào lúc tôi đã mệt mỏi và hoàn cảnh này càng khiến tôi sẵn sàng rút lui vào hậu trường, ít nhất thì cũng trong thời gian ngắn. Nhưng Lênin hoàn toàn không muốn nghe điều đó. Ông yêu cầu tôi lãnh đạo Bộ Nội vụ: nhiệm vụ quan trọng nhất lúc đó là chống lại các lực lượng phản cách mạng. Tôi không đồng tình với ông và cạnh những ý kiến phản bác khác, tôi viện dẫn cả vấn đề chủng tộc: tôi nói có nên trao con át chủ bài cho kẻ thù của chúng ta không, vì tôi là người Do Thái? Lênin gần như bất bình:

--Chúng ta đang ở giữa cuộc cách mạng thế giới lớn lao, những điều vật vãnh ấy thì có nghĩa lý gì?

Trong vấn đề này, giữa chúng tôi nảy ra một cuộc tranh cãi nửa hài hước.

-- Cách mạng lớn thật -- tôi đáp --, nhưng số những kẻ ngu xuẩn cũng không nhỏ.

-- Nào, thế nhưng chúng ta không theo hướng của lũ ngu xuẩn chứ?

-- Cho dù không theo hướng chúng, nhưng cũng cần tính đến sự ngu ngốc: có sao chúng ta gây ra những phiền phức không cần thiết ấy từ buổi đầu?...

Tôi đã nhắc đến chuyện vấn đề chủng tộc, vốn có vị trí rất quan trọng trong đời sống nước Nga, gần như không đóng vai trò gì trong đời tư của tôi. Từ thừa thanh niên, những thành kiến hoặc

định kiến dân tộc gây cho tôi cảm giác duy lý khó hiểu, trong những trường hợp nhất định, trong thâm tâm tôi cảm thấy thù ghét, đôi khi tởm lợm. Nền giáo dục mác-xít làm sâu sắc và biến tâm trạng ấy thành chủ nghĩa quốc tế tích cực. Dưới tác động của những năm tháng sống ở nhiều nước, được làm quen với nhiều ngôn ngữ, nhiều nền văn hóa và chính trị ngoại quốc, chủ nghĩa quốc tế ấy càng trở thành máu thịt tôi. Và nếu vào năm 1917 cũng như sau này, đôi lúc tôi nhấn mạnh nguồn gốc Do Thái của mình làm lý do từ chối một sự đề cử nào đó, thì cũng chỉ vì nguyên có chính trị mà thôi.

Tôi tranh thủ được Xvéclốp và vài ủy viên Ban Trung ương khác, họ chấp nhận lập trường của tôi. Lênin bị thiếu số. Ông nhún vai, thở dài, vò đầu vè trách móc và chỉ tự an ủi với ý nghĩ dù thế nào chúng tôi cũng chiến đấu chống bọn phản cách mạng, không phân biệt mọi chức vị hành chính. Nhưng Xvéclốp cũng cương quyết chống lại việc cử tôi sang làm công tác báo chí: -- Chúng ta sẽ đặt Bukharin vào đó. Phải để Lép Davidôvích đương đầu với châu Âu. Đồng chí hãy nhận công tác ngoại giao.

-- Thôi đi, chúng ta có thứ công tác ngoại giao gì bây giờ? -- Lênin phản đối.

Rồi ông chấp nhận, dù miễn cưỡng. Tôi cũng miễn cưỡng đồng ý. Thế là do đề xuất của Xvéclốp, tôi đứng đầu ngành ngoại giao Xô-viết trong một quý.

Về cơ bản, chức dân ủy Ngoại giao khiến tôi thoát khỏi công việc văn phòng. Với các đồng chí muốn cộng tác với tôi, hầu như không có ngoại lệ, tôi luôn khuyên họ nên tìm một địa bàn khác, hợp hơn với năng lực của họ. Sau này, trong hồi ký của mình, một người trong số họ kể lại khá thú vị cuộc nói chuyện của chúng tôi, diễn ra không lâu sau ngày thành lập chính phủ Xô-viết: "Thử hỏi chúng ta sẽ có công việc ngoại giao to tát gì ở đây? -- tôi hỏi, theo lời kể của anh ta. -- Tôi cho công bố vài lời kêu gọi cách mạng tới các dân tộc trên thế giới, thế là xong, chỉ còn việc kéo màn che cửa." Người nói chuyện với tôi thành thực buồn phiền về ý thức ngoại giao của tôi. Cố nhiên tôi cố tình phóng đại để nhấn mạnh rằng công tác ngoại giao hoàn toàn không phải là vấn đề trọng tâm lúc đó.

Nhiệm vụ chính là phát triển biến cố tháng Mười, mở rộng nó trong toàn quốc, đẩy lùi chiến dịch tấn công Pêtrôgôrát của Kêrenxki và tướng Coraxnốp [Krasnov] và chiến đấu chống bè lũ phản cách mạng. Các nhiệm vụ ấy được chúng tôi giải quyết ngoài quyền hạn các bộ, và trong suốt thời gian đó, sự cộng tác giữa tôi với Lênin là rất mật thiết và thường xuyên. Phòng làm việc của Lênin và của tôi ở điện Xmôn-nui nằm tại hai đầu đối diện của tòa nhà. Hành lang nối -- hay đúng hơn: chia cắt -- chúng tôi dài đến nỗi Lênin nói đùa là phải thiết lập mối liên lạc bằng xe đạp. Chúng tôi cũng có thể giao tiếp với nhau qua điện thoại. Nhiều lần trong ngày, tôi đi dọc hành lang dài vô tận như một tổ kiến để đến phòng Lênin bàn bạc công việc. Một thủy thủ trẻ, được gọi là thư ký của Lênin, chạy đi chạy lại không ngừng ngoài hành

lang, anh mang lại cho tôi những ý kiến của Lenin, gồm hai hoặc ba câu chắc nịch trong đó các từ quan trọng nhất được gạch dưới hai, ba lần, và phần cuối luôn có câu hỏi chắc nịch. Nhiều khi, kèm theo những ý kiến, ông gửi cả các dự thảo sắc luật đang chờ đợi đánh giá khẩn cấp. Kho lưu trữ đương thời của Hội đồng Dân ủy còn cất giữ nhiều tư liệu thời ấy, một phần do Lenin, một phần do tôi viết, các văn bản của Lenin với những chỉnh lý của tôi hoặc các đề nghị của tôi được Lenin bổ sung.

Trong giai đoạn đầu -- khoảng đến gần tháng Tám 1918 -- tôi tích cực tham gia công việc chung của Hội đồng Dân ủy. Trong giai đoạn ở điện Xmôn-nui, với sự náo nức tham lam, Lenin cố gắng đáp lại mọi vấn đề của đời sống kinh tế, chính trị, hành chính và văn hóa bằng các sắc luật. Hoàn toàn không phải niềm ham mê lãnh đạo hành chính, mà sự cố gắng muốn trình bày chương trình của đảng bằng ngôn ngữ chính quyền đã dẫn dắt ông trong việc này. Lenin biết trong thời gian trước mắt, những sắc luật cách mạng chỉ được thi hành trong phạm vi rất hạn hẹp. Nhưng để bảo đảm việc thi hành và kiểm tra, phải có một bộ máy điều hành tốt, có kinh nghiệm và thời gian. Cùng lúc đó, không ai biết được chúng tôi có bao nhiêu thời gian. Trong thời gian đầu, các sắc lệnh có giá trị tuyên truyền hơn là hành chính. Lenin vội vã nói với nhân dân: chính quyền mới như thế nào, nó muốn gì và sẽ thực hiện những mục tiêu ấy ra sao? Không biết một mỗi một cách đáng khâm phục, ông đi từ vấn đề này sang vấn đề khác, triệu tập nhiều cuộc họp nhỏ, tìm hiểu các thông tin từ các chuyên gia và bản thân ông cũng vùi đầu vào sách vở. Tôi cũng trợ giúp ông.

Trong Lenin, có một ý thức thừa kế rất mạnh, nếu nói đến công việc ông đang làm. Là nhà cách mạng lớn, ông hiểu truyền thống lịch sử có ý nghĩa như thế nào. Không thể tiên đoán được chúng tôi sẽ nắm chính quyền hay sẽ bị lật đổ. Nhưng trong mọi hoàn cảnh, cần làm sáng tỏ càng nhiều càng tốt các kinh nghiệm cách mạng của nhân loại. Rồi những người khác sẽ đến và họ sẽ đi tiếp một bước mới dựa trên con đường chúng tôi đã vạch ra và khởi sự. Trong thời gian đầu, hoạt động lập pháp diễn ra trên tinh thần đó.

Cũng từ suy tính ấy, Lenin náo nức thúc giục việc xuất bản càng nhanh càng tốt bằng tiếng Nga những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa duy vật. Ông cố gắng cho dựng càng nhiều những đài kỷ niệm -- cả những cái đơn giản nhất, những pho tượng bán thân, những tấm bảng lưu niệm -- ở mọi thành phố, và nếu có thể, cả trong những làng mạc, để những gì đã xảy ra sẽ bắt rễ vững bền trong tâm thức quần chúng và để lại vết hằn sâu nhất trong ký ức nhân dân.

Trong thời kỳ đầu, mỗi phiên họp của Hội đồng Dân ủy -- có thành phần thay đổi luôn luôn -- đều như một ứng tác lập pháp ở quy mô vô cùng lớn. Phải làm lại tất cả từ đầu. Không thể đi tìm những "tiền lệ" vì không hề có chúng trong kho dự trữ của lịch sử. Không biết một mỗi,

Lênin làm chủ tọa năm, sáu giờ liền trong Hội đồng Dân ủy, mặc dù thời ấy, ngày nào Hội đồng cũng hội họp. Theo thông lệ, các vấn đề được đưa ra thảo luận không hề có chuẩn bị, hầu như bao giờ cũng tùy theo mức độ cấp bách của chúng. Rất nhiều khi, ngay trước buổi họp, các thành viên hay chủ tịch Hội đồng vẫn không biết nội dung vấn đề cần bàn bạc. Thời gian dành cho bàn luận bao giờ cũng rất hạn hẹp, báo cáo viên chỉ được chừng mười phút. Tuy nhiên, Lênin luôn luôn lần mò ra hướng đi. Để tiết kiệm thời gian, ông chuyển cho các thành viên dự phiên họp những mẫu giấy chứa đựng các ghi chép ngắn trong đó ông đòi hỏi những thông tin cho các vấn đề này nọ. Những mẫu giấy này là một sự kiện thuộc thể thư tín rất rộng rãi và rất thú vị trong hoạt động lập pháp của Hội đồng Dân ủy lê-ninnít. Đáng tiếc là đa phần những mẫu giấy đó không được giữ gìn vì câu trả lời thường được ghi vào mặt sau của tờ giấy và thông thường, các mẫu giấy bị chủ tịch hủy ngay. Chọn thời điểm thuận lợi, Lênin đọc các điểm của dự thảo nghị quyết, lúc nào ông cũng cố ý diễn đạt gay gắt, sau đó cuộc tranh luận hoặc ngừng hẳn, hoặc chuyển sang các đề nghị thực tiễn. Các "điểm" do Lênin đề đạt thường là cơ sở của sắc lệnh.

Để điều khiển công việc này, ngoài nhiều khả năng khác, phải có một trí tưởng tượng sáng tạo khổng lồ. Một trong những giá trị quý báu nhất của trí tưởng tượng này nằm ở chỗ chúng ta có thể hình dung được người, việc và các hiện tượng như chúng có trong thực tế, ngay cả khi chưa bao giờ thấy chúng. Sử dụng kinh nghiệm của vốn sống và đường lối lý luận, liên kết những sự kiện vụn vặt, bất chợt nắm bắt được, bổ sung chúng theo những thứ quy luật không lời nào đó của sự tương xứng và xác thực, tái tạo một cách hoàn toàn cụ thể lĩnh vực nhất định nào đó của đời sống con người -- đó là sức tưởng tượng cần thiết cho nhà lập pháp, nhà lãnh đạo hành chính nhà nước, người thủ lĩnh; đặc biệt trong thời kỳ cách mạng. Sức mạnh của Lênin phần lớn tiềm ẩn trong sức tưởng tượng hiện thực.

Không cần phải nói trong khi hăng hái lập ra luật pháp, chúng tôi cũng phạm phải không ít sai lầm và lâm vào những mâu thuẫn. Nhưng nhìn chung, các sắc lệnh của Lênin xuất phát từ thời Xmonnui, tức là trong giai đoạn bão táp và lộn xộn nhất của cách mạng, sẽ muôn đời được lịch sử xác nhận như những tuyên cáo của một thế giới mới. Không chỉ các nhà xã hội học và sử gia mà các nhà lập pháp của tương lai cũng sẽ tìm thấy ở đó những kinh nghiệm quý giá.

Thời đó, những nhiệm vụ thực tiễn ngày càng chen lên hàng đầu, nhất là các vấn đề của nội chiến, của cung ứng và giao thông. Các ủy ban đặc biệt được lập ra để giải quyết các vấn đề trên, đây là lần đầu tiên chúng phải đối đầu với những điều bức thiết tương tự và phải khởi động các cơ quan có thẩm quyền này khác, hiện đang bất lực, giẫm chân tại chỗ ngay ở bậc thềm của lời giải đáp vấn đề. Trong những tháng này, tôi đã đứng đầu nhiều ủy ban như thế: ban Cung ứng -- Xiurupa [Tsiouroupa] là thành viên, đây là lần đầu anh tham gia công việc --,

ban Giao thông, ban Xuất bản và nhiều ban khác.

Về phần ngoại giao, không kể các cuộc thương lượng ở Bờ-rét-Litốp-xơ, công việc này không chiếm nhiều thì giờ của tôi. Tuy nhiên, sự việc hơi phức tạp hơn tôi từng giả định. Ngay từ đầu, đột nhiên tôi buộc phải sa vào những cuộc đàm phán ngoại giao với... tháp Épphen [Eiffel]. Trong những ngày khởi nghĩa, chúng tôi không có mấy thời gian để quan tâm đến các đài phát thanh nước ngoài. Nhưng giờ đây, trên cương vị dân ủy Ngoại giao tôi phải theo dõi thế giới tư bản nói gì về cuộc chính biến. Chẳng cần phải nói là không ở đâu chúng tôi được nghe những lời chúc tụng. Cho dù chính phủ Béclin sẵn sàng ve vãn những người bên-sêvích đến đâu đi nữa, họ cũng phát một làn sóng thù địch ở trạm Nauen, khi trạm Xácxcôie Xêlô truyền đi bản báo cáo của tôi về chiến thắng của chúng tôi trước đạo quân Kêrenxki. Nhưng nếu Béclin và Viên ít nhất vẫn còn do dự giữa sự thù hằn với cách mạng và hi vọng về một hiệp ước hòa bình có lợi, thì tất cả các nước còn lại -- không chỉ các nước tham chiến mà cả những nước trung lập -- đều truyền đi bằng nhiều thứ tiếng những tình cảm và suy nghĩ của giai cấp thống trị vừa bị lật đổ ở nước Nga.

Tuy nhiên, làn sóng từ tháp Épphen nổi bật trong dàn hợp ca ấy, bởi sự điên cuồng vô chừng mực; trong những ngày đó, nó còn phát bằng tiếng Nga, hẳn để lần mò con đường tìm đến trái tim nhân dân Nga. Nghe đài phát thanh Pari, đôi khi tôi có cảm tưởng đích thân Cólê-măng-xô [Clémenceau] đang ngồi vắt vẻo trên đỉnh tháp Épphen. Tôi biết ông ta khá rõ -- như một nhà báo -- để đủ nhận ra, nếu không phải văn phong thì ít nhất cũng là tinh thần của ông. Sự căm thù gần như tràn ngập trong da thịt ông, cơn thịnh nộ căng lên đến cực điểm trên các làn sóng ấy. Đôi khi, dường như cái đài phát thanh tự cắm nọc vào đầu bằng chiếc đuôi một con bọ cạp bị treo trên đỉnh tháp Épphen.

Chúng tôi có trong tay trạm phát thanh Xácxcôie Xêlô và không có cớ gì để im lặng. Trong nhiều ngày liền, tôi đáp lại những lời chửi rủa của Cólê-măng-xô. Tôi biết khá đầy đủ lịch sử chính trị của nước Pháp để đưa ra nhận định không mấy tốt đẹp về những nhân vật chính yếu và làm sống lại một số nét về tiểu sử của họ mà người ta đã quên đi, khởi đầu từ vụ kênh đào Panama. Cuộc đọ kiếm giữa các đài phát Pari và Xácxcôie Xêlô diễn ra suốt mấy ngày. Đóng vai trò môi trường trung hòa, ê-te chuyển đi các lý lẽ của cả hai bên một cách trung thực. Và điều gì đã xảy ra? Bản thân tôi cũng không chờ kết quả nhanh chóng như thế. Pari đột nhiên thay đổi chiến thuật: vẫn giữ nội dung thù địch, nhưng với một giọng nói lịch sự hơn. Sau này, nhiều lần tôi thích thú nhớ lại tôi đã bắt đầu sự nghiệp ngoại giao bằng việc dạy phép lịch sự cho tháp Épphen.

Ngày 18 tháng Mười một, trưởng phái đoàn quân sự Mỹ, tướng Judson đột nhiên đến thăm tôi ở điện Xôn-nui. Ông nói trước rằng hiện tại, ông chưa được phép thay mặt nước Mỹ để tuyên

bổ, nhưng ông hi vọng mọi việc sẽ *all right*. Ông hỏi chính phủ Xô-viết có ý định đình chỉ cuộc chiến cùng các nước Đồng minh hay không? Tôi trả lời các cuộc thương thuyết sắp tới sẽ hoàn toàn công khai, do đó các nước Đồng minh có thể theo dõi chúng và tham dự vào bất kỳ giai đoạn nào. Cuối cuộc nói chuyện, ông tướng yêu hòa bình tuyên bố:

-- Thời kỳ người ta phản đối và đe dọa chính quyền Xô-viết đã qua rồi, nếu giả sử đã có một thời như thế.

Nhưng như ta biết, một con én, dù đeo lon tướng, cũng không làm nên mùa xuân.

Đầu tháng Chạp, lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, tôi hội kiến với đại sứ Pháp Nulon [Noulens], cựu nghị sĩ cấp tiến, được cử đến để xây dựng mối quan hệ thân thiện với chính phủ cách mạng tháng Hai thay Palêôlôc [Paléologue], một kẻ bảo hoàng công khai, không chỉ viển vông vì cái tên của dòng họ y. Chính phủ Cộng hòa đã sử dụng hắn để kết thân với Nga hoàng. Tôi không biết tại sao Nulon -- chứ không phải người khác -- được chọn sau khi Paléologue bị gọi về nước; dù sao đi nữa ông ta không củng cố ý kiến của tôi về những người quyết định số phận nhân loại. Cuộc gặp mặt do Nulon đề xuất không đem lại kết quả gì. Sau chút lưỡng lự, cuối cùng Colê măngxô quyết định chọn chế độ dây thép gai.

Trong bốn bức tường điện Xmôn nui, tôi có một cuộc tranh luận không mấy thân thiện với tướng Nítxen [Niessel], trưởng đoàn phái bộ Pháp. Viên tướng này tôi luyện tinh thần chiến đấu của ông trong chiến sự ở hậu phương. Thời Kêrenxki, ông ta quen thói chỉ huy và không muốn từ bỏ tật xấu ấy. Thoạt đầu, tôi buộc phải mời ông ta ra khỏi viện Xmôn nui. Chẳng bao lâu, quan hệ của chúng tôi với phái đoàn quân sự Pháp còn trở nên phức tạp hơn. Số là còn có một phòng Thông tin hoạt động cạnh phái đoàn, phòng này đã biến thành công xưởng chế tạo những lời vu cáo đê tiện nhất nhằm chống lại cách mạng. Hàng ngày, tất cả các báo chí thù địch đều đăng tải những tin tức qua điện báo từ "Xtốckhôm" -- những tin này đều thuộc loại kỳ quái, hần học và ấu trĩ không kém gì nhau. Các ông chủ nhiệm báo, khi bị gạn hỏi về nguồn gốc các bức điện tín từ "Xtốckhôm", đều chỉ về phái đoàn quân sự Pháp. Tôi chính thức mời tướng Nítxen lên gặp tôi. Ngày 22 tháng Chạp, ông ta trả lời tôi bằng một tư liệu đáng để ý như sau: Ngày nào cũng vậy, nhiều nhà báo thuộc các khuynh hướng khác nhau đến tìm phái bộ để hỏi tin tức. Tôi có toàn quyền thông báo cho họ về các sự kiện quân sự ở mặt trận phía Tây, ở Xalôniki [Salonique], ở châu Á, cũng như về tình hình ở Pháp. Trong một dịp (?) gặp gỡ tương tự, một (?) sĩ quan trẻ đã tự tiện thông báo một tin tiêu dật được lan truyền (?) trong thành phố mà nguồn gốc được gán cho Xtốckhôm...

Cuối cùng, viên tướng buông một lời hứa mập mờ: ông ta sẽ "làm mọi việc để những lần tương tự về sau sẽ không tái diễn nữa."

Thật là quá đáng! Chúng tôi không dạy phép lịch sự cho đài phát từ tháp Épphen để rồi lại cho

phép tướng Nítxen xây cái tháp trợ lực cho việc xuyên tạc ở Mátxcova. Ngay hôm đó, tôi trả lời tướng Nítxen:

1. Xét rằng phòng tuyên truyền -- gọi là "phòng Thông tin" -- hoạt động cạnh phái đoàn quân sự Pháp là nguồn gốc lan truyền của những tin tức giả mạo, nhằm mục đích gây rối loạn trong dư luận quần chúng, phòng ấy phải bị đóng cửa ngay tức khắc.

2. Viên "sĩ quan trẻ" đã tạo ra những tin tức dối trá phải lập tức rời lãnh thổ nước Nga. Đề nghị ông cho biết tên của viên sĩ quan ấy ngay lập tức.

3. Phải lập tức đưa khỏi phái bộ nhân viên phục vụ việc tiếp nhận những điện tín của đài.

4. Các sĩ quan Pháp cư ngụ trong các vùng diễn ra nội chiến phải được điều ngay về Mátxcova do một lệnh đặc biệt sẽ được công bố trên báo.

5. Đề nghị thông báo cho tôi biết mọi biện pháp giải quyết của phái bộ Pháp theo những điều khoản nói đến trong bức thư này.

Dân ủy Ngoại giao Lép Trốtxki Viên sĩ quan trẻ buộc phải xuất đầu lộ diện: anh ta phải rời nước Nga như một thứ bung xung chịu tội. Viên phục vụ đón nhận điện tín phải rời khỏi khỏi tòa nhà của phái bộ. Phòng Thông tin bị đóng cửa. Các sĩ quan được gọi từ các vùng ngoại vi về trung tâm. Nhưng tất cả những điều này mới chỉ là cuộc đụng độ nhỏ ở điểm tiền tiêu.

Sau khi tôi đã chuyển sang bộ chiến tranh, một cuộc đình chiến bấp bênh thay thế những xung đột trong thời gian ngắn. Viên tướng quá cứng nhắc Nítxen được tướng Lavécno [Lavergne] thay thế, ông này khéo mềm dẻo hơn. Nhưng cuộc đình chiến kéo dài không lâu. Giống như toàn bộ đường lối ngoại giao của nước mẹ Pháp, chẳng bao lâu sau, phái đoàn quân sự Pháp trở thành trung tâm của mọi âm mưu và hành động vũ trang chống lại chính quyền Xô-viết. Nhưng điều này chỉ xuất hiện công khai sau thời kỳ Bờrét, trong giai đoạn thủ đô được dời về Mátxcova, mùa xuân và mùa hè 1918.

CHƯƠNG XXX Ở MÁTXCOVA

Việc ký kết hòa ước Bờrét-Litôpxơ làm mất ý nghĩa chính trị của cái tin tôi xin từ chức Dân ủy Bộ Ngoại giao.

Giữa chừng, Tritrêrin [Tchichérine] từ Lônđôn trở về và ông trở thành người thay thế tôi. Tôi biết Tritrêrin đã lâu. Ông là nhân viên ngoại giao, gia nhập đảng Xã hội Dân chủ trong cuộc cách mạng thứ nhất và với tư cách một người men-sê-vích, ông ngập đầu vào công việc của "các nhóm hợp tác" của đảng ở ngoài nước. Vào đầu cuộc chiến, ông có lập trường quốc gia rõ rệt, điều này được ông cố minh chứng trong nhiều lá thư gửi từ Lônđôn. Một, hai lá thư loại ấy cũng đến địa chỉ tôi. Nhưng ông gần gũi khá nhanh chóng với những người theo chủ nghĩa quốc tế và trở thành cộng tác viên tích cực của tờ *Nasê Xlôvơ* ở Pari do tôi làm chủ nhiệm. Cuối

cùng, ông bị người Anh bắt giam. Tôi đòi phải trả tự do cho ông. Các cuộc đàm phán kéo dài. Tôi dọa sẽ có những biện pháp trả đũa với người Anh.

Đại sứ Anh Biucanon viết trong nhật ký:

Trong lập luận của Trótxki, cuối cùng cũng có phần đúng: nếu chúng ta tự cho mình quyền bắt giữ những người Nga tuyên truyền hòa bình trong một nước muốn tiếp tục chiến tranh thì phe bên kia cũng có quyền bắt các công dân Anh tuyên truyền cho chiến tranh trong một nước muốn hòa bình.

Tritrêrin được trả tự do. Ông về Mátxcova thật đúng lúc. Tôi thở phào nhẹ nhõm khi trao cho ông bánh lái ngoại giao của chính phủ. Tôi không hề đặt chân vào Bộ. Thỉnh thoảng, Tritrêrin hỏi ý kiến tôi qua điện thoại. Mất đến ngày 13 tháng Ba, người ta mới công bố việc tôi rời chức lãnh đạo Bộ Dân ủy Ngoại giao; đồng thời, tôi được bổ nhiệm làm dân ủy Quốc phòng và chủ tịch Hội đồng Quân sự Tối cao, ra đời trước đó ít lâu do tôi đề xướng.

Bằng cách ấy, Lênin đạt được điều ông muốn. Ông lợi dụng đề nghị xin từ chức của tôi -- do những bất đồng quan điểm trong cuộc hòa đàm ở Bôrét -- chỉ để thực hiện ý định ban đầu của ông tùy theo hoàn cảnh đã đổi thay. Bởi lẽ kẻ thù bên trong đã chuyển từ những âm mưu bạo loạn sang việc tạo dựng các đạo quân và thành lập các mặt trận, Lênin muốn tôi lãnh đạo Bộ Dân ủy Quốc phòng. Khi ấy, ông lôi kéo được cả Xvéclốp theo ông. Tôi cố phản đối.

-- VẬY đồng chí bảo chúng ta đưa ai vào đấy? Thử nói tên xem! -- Lênin phản công. Tôi ngẫm nghĩ và nhận lời.

Tôi có được chuẩn bị để làm nghề quân sự hay không? Cố nhiên là không. Hồi xưa, tôi cũng không đi lính trong quân đội Nga hoàng. Những năm phải làm nghĩa vụ quân sự của tôi đã trôi qua trong tù đầy và lưu vong. Năm 1906, tòa án còn tước hết các quyền công dân và nghĩa vụ quân sự của tôi.

Trong chiến tranh vùng Bancăng [Balkans], tôi gần gũi hơn với các vấn đề quân sự, khi đó tôi ở vài tháng ở Xécbia [Serbie], Bungari [Bulgarie] và sau đó, ở Rumania [Roumanie]. Tuy nhiên, lúc đó tôi tiếp cận sự việc theo quan điểm chính trị tổng quát hơn là quan điểm quân sự thuần túy. Vả lại, cuộc Thế chiến đã khiến mọi người trong đó có tôi làm quen với các vấn đề quân sự. Công việc hàng ngày của tôi ở tờ *Nasé Xlôvơ* và việc cộng tác với tờ *Kiépxcaia Muxli* [Kievskaja Mysl] (Tư tưởng Kiép) khiến tôi tập trung các tin tức và những điều quan sát vào một hệ thống thống nhất. Nhưng trước hết, dù sao tôi cũng mới chỉ coi chiến tranh như sự tiếp nối của chính trị và quân đội như công cụ của thứ chính trị ấy. Đối với tôi, các vấn đề tổ chức và kỹ thuật quân sự vẫn nằm trong hậu trường. Ngược lại, tâm lý quân sự -- trại lính, hầm hào, chiến đấu, quân y viện -- là những điều tôi rất chú ý. Tất cả những điều này rất có ích cho tôi về sau.

Ở các nước theo thể chế nghị viện, nhiều khi những trạng sư hoặc nhà báo đứng đầu các Bộ Chiến tranh và Hải quân, cũng như tôi, họ thường theo dõi các sự kiện liên quan đến quân đội từ cánh cửa sổ tòa báo, có điều trụ sở tòa soạn của họ có thể đầy đủ tiện nghi hơn. Tuy thế, sự khác biệt vẫn hiển nhiên. Trong các nước tư bản, vấn đề là duy trì một quân đội đã tồn tại, nghĩa là về căn bản, có thể nói về cái vỏ bọc thuần chính trị của một hệ thống quân phiệt tự trị. Nhưng trong trường hợp chúng tôi, điều cần thiết là phải quét sạch vĩnh viễn những tàn dư của quân đội cũ và thay vào đó, dưới lửa đạn dữ dội, một quân đội mới mà cấu trúc của nó hiện tại không thể tìm thấy trong bất kỳ cuốn sách nào. Tất cả những điều này đủ giải thích tại sao tôi bắt đầu công việc quốc phòng một cách không mấy tự tin. Tôi chỉ nhận gánh vác vì không ai làm việc ấy.

Tôi không coi mình là chi ến lược gia một chút nào. Hoàn toàn không tự phụ, tôi chấp nhận lỗi chiến lược tài tử đang lan tràn, xuất phát trong đảng dưới tác động của cách mạng. Đúng là trong ba trường hợp -- cuộc chiến chống Đênhikin [Dénikine], phòng thủ Pêtorôgorát và chiến đấu chống Pinxúttxki [Pilsudski] --, tôi đại diện cho quan điểm chiến lược độc lập và khi thì chống lại Bộ Tham mưu, khi thì chống lại đa số trong Ban Trung ương để bảo vệ những ý kiến chiến lược của mình. Nhưng trong các trường hợp đó, thái độ của tôi được xác định bởi những quan điểm chính trị và kinh tế, chứ không bởi các quan điểm quân sự thuần túy. Vả lại, phải nói rằng các vấn đề chiến lược lớn cũng không thể giải quyết theo cách khác.

Tôi chuyển chuy ển công tác đúng vào dịp chính phủ thay đổi thủ phủ. Cố nhiên, việc di chuyển chính quyền trung ương về Mátxcova là một đòn lớn đối với Pêtorôgorát. Việc rời đô gặp phải sự kháng cự mãnh liệt, gần như đồng loạt. Đứng đầu phe đối lập này là Dinôviép, khi đó đã được bầu làm chủ tịch Xô- viết Pêtorôgorát. Anh có bạn đồng hành là Lunatrácxki, ít ngày sau cách mạng tháng Mười đã xin từ chức vì không muốn chịu trách nhiệm về việc phá hoại (giả tưởng) nhà thờ Vaxili Blagiennhi [Saint Basile] ở Mátxcova. Giờ đây, Lunatrácxki trở lại cương vị của mình và không muốn rời tòa nhà Xmônnuoi vì anh coi đó là "biểu tượng của cách mạng". Những người khác đưa ra các lý lẽ thực tiễn hơn. Đa số chủ yếu e ngại sự thay đổi sẽ có tác động bất lợi đến công nhân Pêtorôgorát. Kẻ thù tung tin chúng tôi đã cam kết trao Pêtorôgorát cho hoàng đế Ghiôm [Guillaume]. Nhưng chúng tôi cùng Lênin, ngược lại, thấy việc rời chính phủ về Mátxcova chẳng những an toàn hơn cho chính phủ, mà cho cả Pêtorôgorát nữa. Mưu toan chiếm đoạt thủ đô, đồng thời bắt được chính phủ bằng một cuộc tấn công chớp nhoáng, hẳn rất hấp dẫn đối với nước Đức và với cả Đồng minh. Nhưng chiếm lấy Pêtorôgorát đang đói khát khi chính phủ đã rời khỏi đây lại là một việc hoàn toàn khác.

Cu ối cùng, sự phản kháng bị bẻ gãy. Đa số các ủy viên Ban Trung ương đồng tình việc di chuyển và ngày 12 tháng Ba năm 1918, chính phủ dời trụ sở về Mátxcova. Để cân bằng việc hạ

cấp thành phố mẹ đẻ của tháng Mười, tôi ở rồn lại Pichéc [Piter] tám hoặc mười ngày. Ban quản lý đường sắt còn giữ tôi lại mấy giờ ở nhà ga: phá hoại ngầm đã giảm, nhưng vẫn còn khá mạnh. Tôi đến Mátxcova một ngày sau khi được bổ nhiệm vào chức dân ủy Quốc phòng.

Điện Kremli với những bức tường thành thời Trung cổ và vô số những mái vòm vàng chói là hiện tượng hoàn toàn nghịch lý với vai trò thành trì của nền chuyên chính vô sản. Kể ra, điện Xmôn-nui, ngày xưa là viện giáo dục của các thiếu nữ quý tộc, cũng không được xây dựng để đón những đại biểu công nhân, binh lính và nông dân...

Cho đến tháng 3 - 1918, tôi chưa từng đến Kremli cũng như chưa hề biết Mátxcova, ngoại trừ một tòa nhà: nhà tù Buturóc-a [Boutyrki], nơi tôi bị giam cầm sáu tháng vào mùa đông lạnh lẽo năm 1898-1899.

Nếu là du khách, bạn có thể chiêm ngưỡng thành Kremli cổ xưa cùng lâu đài của Ivan Bạo chúa hoặc lâu đài Goranôvitaia [Granovitaia]. Nhưng chúng tôi phải ở lại lâu ngày giữa những bức tường đó. Sự tiếp xúc mật thiết hàng ngày của hai thái cực lịch sử trái ngược, hai nền văn hóa không thể dung hòa khiến chúng tôi sửng sốt và thấy khô hạn. Đi xe trên sàn gỗ trước lâu đài Nhicôlai, nhiều lần tôi liếc sang khẩu đại bác và quả chuông Nga hoàng. Sự man rợ nặng nề của Mátxcova lộ ra ở vết nứt của quả chuông và đầu họng pháo. Hoàng tử Hăm-lét [Hamlet] hẳn có quyền nhắc lại ở nơi này: "Thời đại đã rạn nứt, có phải ta sinh ra để vá vúi lại chúng?" Nhưng trong chúng tôi không có chút "Hăm-lét" nào. Khi thảo luận những vấn đề quan trọng nhất, Lênin thường thường chỉ chấp nhận cho các diễn giả hai phút để phát biểu. Người ta có thể suy ngẫm về các mâu thuẫn trong sự phát triển của đất nước lạc hậu này chừng hơn một phút rưỡi, khi người ta đụng chạm đến quá khứ Kremli giữa hai phiên họp. Nhưng người ta không thể phát biểu dài hơn.

Nằm đối diện với phần chính của tòa nhà Cavalecxki [Kavalersky] (Hiệp sĩ), lâu đài Pôchétx-nhi [Potiechny] (Hí viện) trước cách mạng là nơi ở của các viên chức điện Kremli. Viên chỉ huy trưởng điện Kremli sử dụng toàn bộ tầng dưới cùng của lâu đài. Vào thời chúng tôi, căn hộ của ông ta đã được chia làm nhiều phần. Phòng của Lênin ở cuối hành lang, phòng chúng tôi ở đầu kia. Ăn uống ở phòng chung. Trong điện Kremli hồi đó, việc ăn uống rất tồi tệ. Thay cho thịt tươi, chúng tôi chỉ có thịt bò ướp muối. Bột và mì hột đầy cát. Chỉ có trứng cá đỏ là nhiều vì chúng tôi đã ngừng việc xuất khẩu. Thứ trứng cá đỏ không thể thiếu được ấy luôn đi kèm những năm đầu của cách mạng trong trí óc nhiều người.

Người ta sửa lại chiếc đồng hồ nhạc của tháp Xpátxcaia [Spasskaia]. Từ nay, thay bài *Cầu Chúa phù hộ cho Nga hoàng*, các chuông cổ phát ra âm điệu *Quốc tế ca* mười lăm phút một lần, chậm rãi và mơ tưởng. Xe hơi được phép đi vào đường hầm mái tròn của tháp Xpátxcaia. Trên đường hầm có một bức tranh thánh bằng kính đã vỡ, trước bức tranh là ngọn đèn đã tắt từ lâu.

Đi từ điện Kremli ra, mắt tôi luôn dừng lại trước bức tranh thánh, trong khi tai tôi lại nghe giai điệu *Quốc tế ca* từ trong vắng ra. Bên trên tháp chuông, con phượng hoàng hai đầu mạ vàng vẫn lơ lửng. Người ta chỉ vớt cái vương miện của nó. Tôi góp ý nên cầm búa và liềm lên đầu con phượng hoàng để sự "thay đổi thời cuộc" nhìn xuống chúng tôi từ đỉnh cao của tháp Xpátxcaia. Nhưng người ta không có thì giờ làm việc đó.

Mỗi ngày, Lênin và tôi gặp nhau ít nhất mười lần ở hành lang. Chúng tôi, người nọ đến chỗ người kia, trao đổi với nhau những nhận xét; những dịp gặp gỡ ấy đôi khi kéo dài mười, thậm chí mười lăm phút; đối với chúng tôi, đó là khoảng thời gian không nhỏ. Hồi ấy, Lênin hay nói chuyện, cố nhiên theo mức độ của ông. Có quá nhiều cái mới, cái lạ đang chờ chúng tôi, chúng tôi phải điều chỉnh lại bản thân và những người khác. Vì thế, chúng tôi có nhu cầu từ cái riêng đến cái chung, rồi lại từ cái chung về cái riêng. Đám mây nhỏ của những bất đồng ở Bờrét-Litôpxơ tan biến không dấu vết. Lênin hết sức chân tình và chu đáo với tôi và gia đình tôi. Ông thường tóm lũ con trai tôi ở hành lang và vui đùa với chúng.

Trong phòng tôi, đồ đạc làm bằng gỗ phong vùng Carêli [Carélie]. Trên lò sưởi, cái đồng hồ quả lắc được tô điểm bởi tượng thần Amô [Amour] và Poxuykhê [Psyché] đánh hồi chuông lạnh lạnh. Tất cả mọi thứ đều không thuận tiện cho công việc. Một vẻ nhàn nhã quý tộc toát lên từ mỗi chiếc ghế bành. Nhưng thực tế tôi không mấy khi về phòng, hơn nữa, trong các năm đầu tôi chỉ về nhà để ngủ, sau những trận "tập kích bất ngờ" từ mặt trận về Mátxcova.

Hình như ngay hôm tôi từ Pêtơrôgôrát về, tôi và Lênin trò chuyện giữa các đồ đạc bằng gỗ phong vùng Carêli này. Thần Amô và Poxuykhê phát ra những hồi chuông ngân nga làm đứt đoạn câu chuyện chúng tôi. Chúng tôi nhìn nhau, dường như cùng gặp nhau trong một suy nghĩ: quá khứ ẩn náu trong góc phòng đang lắng nghe chuyện chúng tôi. Thứ quá khứ ấy bao vây chúng tôi ở mọi phía, và chúng tôi theo dõi nó -- không mấy tôn kính, cũng không căm ghét -- với một chút mỉa mai. Không đúng nếu bảo chúng tôi đã làm quen với sự bày biện bên trong của điện Kremli; cuộc sống của chúng tôi quá năng động, chúng tôi không có thì giờ để "làm quen". Đôi lúc, chúng tôi nhìn thoáng qua trang trí trong Điện và nói với các tượng thần Amô và Poxuykhê bằng vẻ châm biếm thiện ý: "Các người không chờ đón chúng tôi, phải không? Chẳng làm gì được đâu, các người phải làm quen với chúng tôi thôi." Chúng tôi buộc các sự vật phải thuần hóa theo mình.

Chúng tôi vẫn giữ nguyên số nhân viên cấp dưới trong đội ngũ phục dịch của điện Kremli. Họ đón chúng tôi với vẻ lo âu. Chế độ cung đình ở đây hà khắc gần như thời nô lệ, chức tước được truyền từ đời cha qua đời con. Trong vô số kẻ hầu người hạ đủ loại ở điện Kremli, có không ít những ông già đã phục vụ dưới nhiều triều đại Nga hoàng.

Trong số họ, có một ông già bé nhỏ, râu cạo nhẵn nhụi, rất có ý thức trách nhiệm. Tên ông là

Xtupisin [Stoupichine], thời xưa từng khiến đám tôi tớ phải khiếp đảm. Ngày nay, lũ thanh niên nhìn ông với vẻ tôn kính xưa kia, trộn lẫn với một thứ thách thức. Không biết mỗi một, ông lê gót trong các hành lang, đẩy lại các ghế bành về chỗ của chúng, quét bụi, cố gắng duy trì ít ra là cái bề mặt của trật tự cũ. Vào bữa trưa, chúng tôi nhận được xúp báp cải loãng và món cháo lúa mạch đen chưa bóc hết vỏ, nhưng lại được bày trong những cái đĩa vẽ hình quốc huy Nga hoàng.

-- Mẹ nhìn xem, ông ấy làm cái gì kia? -- một lần Xêriôgia thì thầm với mẹ nó.

Ông già lướt đi như một cái bóng sau các ghế bành và xoay nhẹ từng cái đĩa. Xêriôgia là người đầu tiên đoán ra cốt lõi của sự việc: con đại bàng hai đầu trên rìa chiếc đĩa bao giờ cũng phải đặt ngay ngắn trước mặt thực khách.

-- Đồng chí có nhận ra ông già Xtupisin không? -- tôi hỏi Lênin.

-- Làm sao mà không nhận ra? -- ông đáp, vẻ châm biếm nhẹ nhàng.

Đôi khi, chúng tôi đặc biệt thương hại những ông già mất gốc ấy. Chẳng bao lâu, Xtupisin rất yêu quý Lênin. Khi Lênin chuyển sang một tòa nhà khác, gần trụ sở của Hội đồng Dân ủy hơn; ông già chuyển tình cảm ấy sang tôi và vợ tôi sau khi ông nhận thấy chúng tôi tôn trọng trật tự và biết đánh giá đúng đắn nỗ lực của ông.

Đội ngũ hầu cận chẳng mấy chốc được giải tán và được thay thế bằng những thanh niên thích nghi nhanh chóng hơn với chế độ mới. Xtupisin không muốn về hưu. người ta bổ nhiệm ông làm người gác cổng Cung điện lớn -- nay trở thành bảo tàng -- và ông hay đến tòa nhà Cavalcxki để "xem qua một tý", như cách nói của ông. Sau này, Xtupisin lại gác gian phòng Thánh Andơrây [André] trong các kỳ đại hội và hội nghị. Xung quanh ông, trật tự lại được thiết lập và bản thân ông cũng làm nhiệm vụ như trong các buổi tiếp khách của Nga hoàng hoặc các vương hầu, chỉ khác là hiện nay Quốc tế Cộng sản hội họp trong gian phòng. Ông chia sẻ số phận với những quả chuông tháp Xpátxcaia, thời trước ca tụng Nga hoàng, nay ca tụng cách mạng.

Năm 1926, ông già hấp hối rất lâu trong bệnh viện. Vợ tôi gửi ông một chút đồ ngọt khiến ông trào nước mắt vì biết ơn.

Mátxcova-Xô-viết đón chúng tôi trong sự hỗn độn. Ở đây cũng có một Hội đồng Dân ủy, chủ tịch là sử gia Pôcơrôpxki [Pokrovsky], người ít thích hợp nhất trong vai trò ấy.

Quyền lực của Hội đồng Dân ủy Mátxcova bao trùm cả những miền lân cận mà chẳng ai xác định được biên giới. Nó nhận về mình cả khu Áckhanghenxơ [Arkhangelsk] về phía Bắc và Cuốcxơ [Kursk] về phía Nam. Như vậy ở Mátxcova, chúng tôi thiết lập một chính quyền, chưa mấy vững vàng mà quyền lực đã lan rộng ra các vùng chính yếu của đất nước Xô-viết. Mâu thuẫn lịch sử giữa Mátxcova và Pêtơrôgorát vẫn tồn tại sau cách mạng tháng Mười. Hồi xưa

Mátxcova còn là một làng lớn khi Pêtorôgorát đã là một thành phố. Mátxcova là một xóm dân cư gồm những địa chủ, thương gia, Pêtorôgorát là thành phố của quân đội và viên chức. Mátxcova được coi là trung tâm thuần Nga, thân Xlavor, trái tim của nước Nga, nơi người ta tiếp khách với bánh mì và muối. Pêtorôgorát thuộc về châu Âu không nhân cách, ích kỷ, là trung tâm bộ não quan liêu của đất nước. Mátxcova áp dụng ngành công nghiệp dệt, Pêtorôgorát phát triển công nghiệp luyện kim. Các mặt đối lập như thế là sự phóng đại thường thấy trong văn học của những khác biệt có thể nhận ra trong thực tế. Chúng tôi cảm thấy ngay những điều này. Chủ nghĩa yêu nước địa phương có ảnh hưởng lớn đến cả những người bên-sê-vích ở Mátxcova.

Để giải quyết các mối quan hệ với Hội đồng Dân ủy Mátxcova, một ủy ban được thành lập do tôi làm chủ tịch. Đây là một công việc đặc biệt. Vô cùng kiên nhẫn, chúng tôi phân chia quyền hạn của các Hội đồng Dân ủy vùng, giành cho trung ương những gì thuộc về nó. Trong khi tiến hành công việc, chúng tôi nhận ra không cần có một chính phủ Mátxcova thứ hai. Bản thân những người Mátxcova cũng thừa nhận cần thiết phải giải thể Hội đồng Dân ủy của họ. Trong lịch sử nước Nga, lần thứ hai, giai đoạn Mátxcova trở thành giai đoạn thống nhất quốc gia và thành lập các cơ quan hành chính. Bây giờ, ngay cả Lênin cũng nôn nóng, giọng nói mỉa mai, đôi khi nhạo báng thẳng thừng, ông gạt bỏ những ai cứ tiếp tục trả lời mọi câu hỏi bằng các công thức tuyên truyền chung chung sẵn có. Pha trộn sự nổi giận và hiền từ, ông tấn công các đối thủ:

-- Này anh bạn của tôi, đồng chí tướng vẫn còn ở điện Xmôn-nui à?

Hoặc ông ngắt lời một diễn giả lạc đề nào đó:

-- Cứ như là chúng ta vẫn còn ở điện Xmôn-nui! Cố gắng vận động bộ não lên một chút nào! Đã từ lâu chúng ta không còn ở Xmôn-nui, chúng ta đã tiến bước rồi...

Không bao giờ Lênin hà tiện một hai từ ngữ dứt khoát đối với quá khứ, khi ông cần chuẩn bị cho tương lai. Trong công việc này, chúng tôi sánh vai nhau tiến bước. Lênin rất tỉ mỉ. Bản thân tôi có lẽ hơi quá mô phạm. Chúng tôi đấu tranh không mệt mỏi chống sự cầu thả và lợi lỏng. Tôi đưa ra những biện pháp nghiêm ngặt chống những chậm trễ và chống việc hội họp vào các thời điểm không chính xác. Từng bước một, sự hỗn độn lùi bước trước trật tự.

Trước các phiên họp thảo luận những vấn đề mang tính nguyên tắc hoặc những vấn đề trở nên quan trọng bởi xung đột giữa các cơ quan có thẩm quyền, Lênin thường xuyên gọi điện cho tôi và khẩn thiết đề nghị tôi tìm hiểu trước các vấn đề ấy.

Thư tịch ngày nay về những bất đồng quan điểm giữa Lênin và Trốtxki đầy rẫy những giả mạo. Cổ nhiên chúng tôi cũng có những bất đồng, nhưng trong vô số dịp, chúng tôi lại đồng tình với nhau sau một dịp trao đổi qua điện thoại, hoặc có khi hoàn toàn độc lập với nhau. Khi vỡ lẽ là

chúng tôi nhìn nhận một vấn đề nào đó giống nhau, sau đó không ai trong hai người nghi ngờ việc chúng tôi đã thành công đề ra quyết định phù hợp. Có lúc, khi Lenin e ngại trước phản kháng đáng kể của ai đó, ông nhắc tôi qua điện thoại:

-- Nhất thiết đồng chí phải đi họp. Tôi sẽ để đồng chí phát biểu trước tiên.

Tôi nói trong vài phút, giữa chừng Lenin chêm vào một hai lần: "Đúng đấy!" và điều này quyết định vấn đề. Không phải vì người ta không dám phản đối chúng tôi. Thời ấy còn chưa có sự tuân thủ ngặt nghèo ý kiến của lãnh đạo như thời nay; chưa có sự sợ hãi nhục nhã cho rằng người ta có thể làm hại bản thân do một lời nói chen không đúng chỗ hoặc một biểu quyết sai lầm. Tinh thần nô lệ quan liêu càng ít bao nhiêu, uy tín ban lãnh đạo càng cao bấy nhiêu. Nếu chúng tôi không đồng ý với Lenin, những cuộc tranh luận rất dữ dội có thể nổ ra và chúng cũng đã nổ ra. Nhưng nếu chúng tôi đồng ý với nhau, việc bàn luận vấn đề kết thúc rất nhanh chóng. Khi chúng tôi chưa có khả năng thống nhất ý kiến từ trước, Lenin chuyển cho tôi những mẫu giấy nhỏ trong phiên họp. Nếu giữa chừng ông thấy chúng tôi không đồng ý kiến, Lenin lái cuộc thảo luận theo hướng trì hoãn vấn đề. Nếu tôi không đồng ý một chuyện gì, đôi khi tôi viết những mẫu giấy trả lời với giọng khô hời làm Lenin rung rung thân mình khi đọc. Ông rất dễ cười, nhất là khi mệt. Cái nét con trẻ ấy đọng lại con người ông. Vả lại, con người kiên định nhất trong số tất cả mọi người ấy lại có những tính cách con trẻ. Tôi đắc thắng nhìn ông những lúc ông cố nén cơn cười, trong khi vẫn tiếp tục làm chủ tọa một cách trang nghiêm. Khi ấy, lưỡng quyền của ông lại càng nhô lên vì nỗ lực.

Bộ Dân ủy Quốc phòng nằm trong thành phố, đây là nơi tập trung công việc của tôi, không chỉ công việc quân sự mà cả công tác đảng, viết lách và các công việc khác. Không ai đến chỗ tôi trong tòa lâu đài Cavalcade. Họ tìm tôi ở Bộ Dân ủy trong những vụ việc chính thức, ngoài ra chẳng ai nghĩ đến chuyện "thăm hỏi" vì chúng tôi quá bận bịu. Tôi cùng vợ tôi đi làm về vào khoảng năm giờ chiều. Bảy giờ, tôi lại có mặt ở Bộ để dự các phiên họp tối. Khi cách mạng đã vào thế ổn định, nghĩa là rất lâu sau này, tôi dành những giờ buổi tối để nghiên cứu và viết lách.

Vợ tôi bắt đầu làm việc ở Bộ Dân ủy Giáo dục, tại đó cô giải quyết những vụ việc liên quan đến các bảo tàng và di tích lịch sử. Cô phải bảo vệ kỷ niệm của quá khứ trong hoàn cảnh nội chiến và đây không phải một nhiệm vụ dễ dàng. Cả Bạch vệ, cả Hồng quân đều không có xu hướng để tâm đến các di tích lịch sử, các pháo đài tỉnh lẻ hoặc các nhà thờ cổ sơ. Như thế, nhiều khi nổ ra những vụ to tiếng giữa Bộ Quốc phòng và Ban quản lý Bảo tồn và Bảo tàng. Những người gìn giữ các lâu đài và nhà thờ lớn trách quân đội ít tôn trọng văn hóa. Những chính ủy lại buộc tội những người bảo vệ các báu vật, rằng họ coi trọng vật chết hơn người sống. Kết quả là về mặt hình thức, tôi luôn có những mâu thuẫn quyền lợi hành chính với vợ tôi. Trong đề tài này, khá

nhiều chuyện hài hước đã diễn ra.

Vào thời gian này, tôi giữ liên hệ với Lenin chủ yếu qua điện thoại. Chúng tôi gọi cho nhau khá thường xuyên về những vụ việc đủ loại. Các bộ khác hay kiểm chuyện và phàn nàn về Hồng quân. Khi ấy, Lenin liền gọi cho tôi ngay. Năm phút sau, ông hỏi tôi có thể bỏ chút thời gian làm quen với một ứng cử viên Dân ủy Bộ Canh nông hay Ban Thanh tra để có ý kiến về anh ta. Một giờ sau, Lenin lại thăm dò xem tôi có nắm được tình hình cuộc luận chiến mang tính lý luận về văn hóa vô sản và tôi có ý tham gia để đối chọi với Bukharin hay không? Rồi một vấn đề mới: cơ quan quân sự có thể điều động xe tải ra mặt trận phía Nam để chở lương thực tiếp tế về các ga? Lại nửa giờ sau Lenin hỏi tôi có biết những bất đồng tư tưởng trong nội bộ đảng Cộng sản Thụy Điển? Và điều này xảy ra hàng ngày trong thời kỳ tôi ở Mátxcova.

Sau khi quân Đức bắt đầu cuộc tấn công, thái độ của người Pháp -- ít nhất là của những người tỉnh táo nhất -- thay đổi tận gốc rễ. Họ đã hiểu ra những truyền thuyết về sự thỏa hiệp bí mật giữa chúng tôi với dòng họ Hôhendôlécơ là xuẩn ngốc đến chừng nào. Họ cũng thấy rõ ràng rằng chúng tôi không thể tham gia cuộc chiến. Một số sĩ quan Pháp còn tự mời chúng tôi ký hòa ước để tranh thủ thời gian. Ý định này được một quý tộc bảo hoàng Pháp -- một gián điệp chột mang mắt giả bằng thủy tinh --, với vẻ nhiệt thành đặc biệt, đòi cho kỳ được phục vụ tôi, kể cả trong những nhiệm vụ nguy hiểm nhất.

Người thay thế Nítxen, tướng Lavécơ cho tôi những lời khuyên không ích lợi mấy nhưng dưới hình thức rất thiện ý, và với phong cách vô cùng thận trọng và khéo léo. Theo ông, từ nay chính phủ Pháp sẽ coi trọng hòa ước Bờrét và sẽ tìm cách giúp đỡ chúng tôi thành lập quân đội một cách vô tư. Ông đề nghị để tôi sử dụng các sĩ quan của phái bộ Pháp đông đúc vừa rút từ Rumani về. Hai người trong số họ -- một đại tá và một đại úy -- ở ngay đối diện Bộ Dân ủy Quốc phòng, sẵn sàng chờ lệnh tôi vào bất cứ lúc nào. Phải thú thực: tôi ngờ họ thành thạo công tác tình báo hơn là quản lý quân đội. Họ trình lên tôi những bản báo cáo viết tay mà tôi không có thì giờ lướt qua vì quá bận bịu trong những ngày ấy.

Một trong những tình tiết của giai đoạn "tạm đình chiến" ngắn ngủi ấy là việc các phái đoàn quân sự Đồng minh đến gặp tôi. Có nhiều phái đoàn hoạt động ở Mátxcova và xét về thành phần, họ cũng khá đông đảo. Chừng hai chục người nhào vào căn phòng làm việc nhỏ của tôi. Lavécơ giới thiệu họ. Vài người khách nói những lời ca tụng. Nổi bật trong nhóm này là một viên tướng Ý to béo, ông chúc mừng chúng tôi đã quét sạch những phần tử cướp bóc khỏi Mátxcova: "Bây giờ đã có thể sống yên ổn tại Mátxcova như ở bất kỳ một thủ đô nào khác trên thế giới" -- ông nói, kèm theo nụ cười rất khả ái.

Tôi cho rằng ông nói hơi quá. Nhưng về sau, rõ ràng là chúng tôi không còn gì để trao đổi với nhau nữa. Các vị khách không dám đứng dậy và ra về, tôi thì không biết làm cách nào để dứt

khỏi họ. Cuối cùng, tướng Lavécơ giúp tất cả chúng tôi ra khỏi tình cảnh khó khăn: ông hỏi tôi có phản đối gì không nếu các tùy viên quân sự thôi không quấy rầy tôi nữa. Tôi đáp: dù tôi rất tiếc vì phải từ giã một nhóm người được chọn lọc như thế, nhưng tôi không dám phản đối. Trong đời mỗi người đều có những hoạt cảnh mà ta nhớ lại với nụ cười gượng gạo. Cuộc hội kiến của tôi với các phái bộ quân sự của Liên minh là một trong số những hoạt cảnh như thế. Bộ Quốc phòng chiếm phần lớn thì giờ của tôi và ngày càng gia tăng, bởi bản thân tôi cũng phải khởi đầu tất cả từ những nền móng cơ bản. Trên phương diện kỹ thuật và tác chiến, trước hết tôi cho rằng nhiệm vụ của tôi là xếp đặt những người thích hợp vào các vị trí thích hợp và cho họ khả năng tung hoành. Công tác chính trị và tổ chức liên quan đến việc thành lập ra quân đội hoàn toàn gắn bó với công tác đảng. Đây là con đường duy nhất dẫn đến thành công. Trong số các cán bộ đảng ở Bộ Dân ủy Quốc phòng, tôi phát hiện ra bác sĩ quân y Xcolianxki [Skliansky]. Mặc dù còn trẻ -- anh vừa tròn hai sáu tuổi vào năm 1918 --, Xcolianxki nổi bật về sự am hiểu công việc, tài năng xuất sắc, về sự kiên trì, về khả năng đánh giá con người và tình huống, nghĩa là những phẩm chất làm nên một cán bộ quản lý giỏi. Tôi hội kiến với Xvéclốp, người không thể thay thế được trong những vụ việc như thế, và tôi chọn Xcolianxki làm phụ tá của tôi. Không bao giờ tôi phải hối tiếc về lựa chọn này. Chức vụ thứ trưởng Bộ Dân ủy Quốc phòng ngày càng trở nên quan trọng vì phần lớn thời gian tôi ở các mặt trận. Lúc tôi vắng mặt, Xcolianxki chủ tọa trong Hội đồng Quân sự Cách mạng, anh lãnh đạo toàn bộ công việc của Bộ Dân ủy, chủ yếu là việc cung ứng cho các mặt trận, và cuối cùng anh đại diện Bộ Dân ủy Quốc phòng trong những phiên họp của Hội đồng Quốc phòng do Lênin làm chủ tọa. Nếu có một ai mà chúng ta có thể so sánh với Lada Cécô [Lazare Carnot] của cách mạng Pháp thì người đó chính là Xcolianxki. Anh luôn luôn chính xác, không biết mệt mỏi, tỉnh táo và thông suốt công việc. Xcolianxki ký đa số các chỉ thị của Bộ Dân ủy Quốc phòng. Vì báo chí trung ương và sách vở địa phương cũng đăng tải các sắc lệnh đó, tên tuổi Xcolianxki được biết đến ở khắp mọi nơi.

Như mọi nhà quản lý nghiêm chỉnh và cương quyết khác, anh cũng có khá nhiều kẻ thù. Tài năng và tuổi đời trẻ trung của anh gây ra sự đố kỵ của khá nhiều kẻ tầm thường có tuổi. Ở sau hậu trường, Xtalin kích bác những kẻ này. Xcolianxki bị tấn công lén lút, ngầm ngấm, nhất là khi tôi vắng mặt. Lênin biết anh rất rõ trong Hội đồng Quốc phòng, ông luôn hết mình bảo vệ anh những lúc cần thiết.

-- Một cán bộ tuyệt vời -- ông luôn nhấn mạnh. -- Đồng chí ấy làm việc rất xuất sắc.

Xcolianxki không thềm để tâm đến những âm mưu. Anh lăn mình vào công việc: nghe ngóng báo cáo của các chính ủy quân sự, thu thập thông tin về công nghiệp, tính toán số lượng vỏ đạn luôn thiếu thốn, chăm hết điều thuốc này đến điều khác, anh thảo luận trực tiếp trên đường

dây điện thoại, anh điều các cán bộ chỉ huy đến máy điện thoại và lập các bản thông báo cho Hội đồng Quốc phòng. Người ta có thể gọi điện cho anh ngay cả vào hồi hai hay ba giờ sáng, Xcolianxki luôn ở vị trí của mình trong Bộ Dân ủy.

-- Thông thường đồng chí ngủ khi nào? -- tôi gạn hỏi anh và anh luôn nói đùa để tránh khỏi phải trả lời.

Tôi hài lòng nhớ lại rằng trong thực tế, Bộ Dân ủy Quốc phòng không hề biết đến những phe nhóm và sự cãi cọ đã có ảnh hưởng nặng nề trong hoạt động của các cơ quan khác. Căng thẳng trong công việc, uy tín của nhóm lãnh đạo, sự lựa chọn nhân lực đúng đắn và nghiêm khắc, loại trừ mọi thứ ăn cánh cá nhân, cảm tình móc ngoặc, tinh thần trung thực cao độ: tất cả những điều này đảm bảo cho một cơ chế đồ sộ -- không quá trật tự và có thành phần vô cùng đa dạng -- có thể hoạt động đều đặn. Và trong tất cả việc này, Xcolianxki có vai trò rất lớn.

Cuộc nội chiến đã đưa tôi khỏi công việc trong Hội đồng Dân ủy. Chỗ ở của tôi là toa tàu hỏa hoặc xe hơi. Trong những tuần hoặc những tháng rong ruổi, tôi tách quá xa khỏi công việc của chính phủ để rồi lại phải tham dự như thường vào đó trong các dịp lưu trú ngắn ngủi ở Mátxcova.

Tuy nhiên, những vấn đề quan trọng nhất được quyết định trong Bộ Chính trị. Đôi khi tôi về dự các phiên họp của Bộ Chính trị theo lời mời trực tiếp của Lenin, hoặc ngược lại, với hàng loạt vấn đề mang tính nguyên lý trong chiếc cặp da, qua trung gian Xvéclốp, tôi đề nghị triệu tập phiên họp bất thường của Bộ Chính trị.

Trong những năm tháng đó, đề tài thư từ giữa tôi và Lenin chủ yếu là các vấn đề về cuộc nội chiến: những ghi chép ngắn hoặc những bức điện tín dài bổ sung cho những cuộc nói chuyện trước đó, hoặc chuẩn bị cho những buổi trao đổi sắp tới. Mặc dầu những tư liệu ấy khá ngắn gọn và súc tích, chúng bộc lộ một cách sáng tỏ nhất những mối tương quan thực sự trong các nhóm lãnh đạo của những người bên-sê-vích. Trong tương lai gần nhất, tôi sẽ công bố khối lượng thư từ đồ sộ này, kèm theo những lời bình cần thiết. Thêm vào đó, đây sẽ là lời phủ nhận đích đáng công trình của trường phái sử học xta-lin-nít.

Khi Uynxơn [Wilson] muốn triệu tập một hội nghị hòa giải với sự tham gia của mọi chính phủ trong nước Nga -- đây là một trong những ý đồ không tưởng mang tính dạy đời của ông --, ngày 24 tháng Giêng 1919, Lenin gửi cho tôi bức điện mật sau đây đến mặt trận phía Nam:

Uynxơn đề nghị một cuộc đình chiến và kêu gọi tất cả các chính phủ của nước Nga đến hội nghị... Tôi cho rằng có lẽ đồng chí phải đến gặp Uynxơn.

Như vậy, bất đồng quan điểm thứ yếu giữa chúng tôi i thời những cuộc hòa đàm ở Bờrét không hề ngăn trở Lenin tìm đến tôi khi một nhiệm vụ ngoại giao lớn lại được đặt ra, mặc dầu

trong giai đoạn ấy công tác quân sự chiếm hết mọi thời gian của tôi. Như mọi người đều biết, sáng kiến hòa bình của Uynxon, cũng như các kế hoạch khác của ông, không đem lại được gì, thành thử cuối cùng tôi cũng không phải lên đường.

Về chuyện Lênin đánh giá công việc quân sự của tôi như thế nào, cạnh hàng trăm bằng chứng xuất phát từ ông, còn lại một mẫu chuyện đặc sắc của Mácxim Goócki [Maxime Gorki]:

Đập tay xuống mặt bàn, Lênin nói: "Các đồng chí h ấy thử chỉ cho tôi một người khác có thể tổ chức được trong vòng chưa đầy một năm một quân đội gần như mẫu mực và giữa chừng, còn chiếm được sự mến mộ của các chuyên viên quân sự. Chúng ta có một người như thế. Chúng ta có tất cả. Và chúng ta sẽ làm nên những kỳ tích."

Cũng trong buổi nói chuyện ấy, theo lời Goócki, Lênin còn nói với ông: Vâng, vâng, tôi biết. Người ta kể những chuyện dối trá về quan hệ giữa tôi với đồng chí ấy. Con người ta dối trá rất nhiều và tôi nghĩ rằng đặc biệt là về tôi và Trốtxki.

Thử hỏi Lênin sẽ nói gì ngày nay, khi những chuyện láo dối được thu dặt về quan hệ giữa hai chúng tôi đã được nâng lên tầm sự tôn thờ của nhà nước, bất chấp những thực tế, những tư liệu và lý trí tỉnh táo.

Ngày hôm sau của cuộc chính biến, khi tôi từ chối chức dân ủy Nội vụ, cạnh những lý lẽ khác tôi cũng viện lý do chủng tộc của tôi. Trong các vụ việc quân sự, có lẽ sự kiện nhỏ này sẽ đưa lại nhiều điều phức tạp hơn trong việc lãnh đạo dân sự. Nhưng Lênin đã có lý. Trong giai đoạn *đi lên* của cách mạng, vấn đề đó không đóng một vai trò nào. Đúng là trong những hành vi cổ động trong hàng ngũ Hồng quân, bọn Bạch vệ đã tìm cách reo rắc những tư tưởng bài Do Thái, nhưng vô hiệu. Có khá nhiều bằng chứng về điều này, ngay cả trong báo chí Bạch vệ. Trong tập *Áckhíp rútxcôli revôliuxi* [Arkhir russkoi revoliutsi] (Tài liệu lưu trữ về cách mạng Nga) xuất bản ở Béclin, một tác giả Bạch vệ ghi lại tình tiết tuyệt vời sau đây:

Một người Côđắc đến thăm chúng tôi, phật ý khi bị ai đó chủ tâm châm chọc rằng hiện nay anh đang phục vụ và chiến đấu dưới quyền một tên Do Thái, cụ thể là Trốtxki. Anh ta phản đối gay gắt với toàn bộ niềm tin:

-- Làm gì có chuyện ấy! Trốtxki không phải là Do Thái! Trốtxki là một người quả cảm!... Máu thịt của chúng tôi... Một người Nga... Sự thật là như thế! Còn Lênin, đó là một người cộng sản... Một tên Do Thái? Trốtxki là người cùng chung máu thịt với chúng ta... Một chiến sĩ... Một người Nga... Ông ấy thuộc về chúng ta!

Có thể gặp tư tưởng chủ đạo ấy trong cuốn *Đội kỵ binh sắt* của Baben [Babel], người tài ba nhất trong số các nhà văn trẻ của chúng ta. Vấn đề này chỉ có vai trò lớn từ khi một cuộc truy lùng chính trị đối với tôi bắt đầu. Chủ nghĩa bài xích Do Thái và sự chống đối Trốtxki ngóc đầu

dậy trong cùng một thời gian. Cả hai đều được tắm bổ từ một nguồn: phản ứng của giai cấp tiểu tư sản chống lại Tháng Mười.

CHƯƠNG XXXI NHỮNG CUỘC ĐÀM PHÁN Ở BỜRÉT - LITỐPXƠ

Đại hội các Xô-viết phê chuẩn *Sắc lệnh hòa bình* ngày 26 tháng Mười, khi chúng tôi mới chỉ có Pêtrôgrát trong tay. Ngày 7 tháng Mười một, qua đài phát thanh, tôi gửi thông điệp tới các nước Đồng minh và các cường quốc trung tâm với đề nghị ký kết một nền hòa bình chung. Các chính quyền Đồng minh, thông qua những phái viên của họ, tuyên bố với tướng Đukhônin [Doukhonine] -- tổng tư lệnh tối cao -- rằng mọi cuộc vận động theo hướng đàm phán riêng rẽ có thể dẫn đến "những hậu quả vô cùng nghiêm trọng". Để trả lời sự đe dọa ấy, tôi đưa ra lời kêu gọi tất cả công nhân, quân nhân và nông dân. Lời kêu gọi ấy quả quyết nói rằng: chúng tôi lật đổ giai cấp tư sản của chính chúng tôi không phải để rồi quân đội chúng tôi lại tiếp tục đổ máu dưới ngọn roi của tư sản nước ngoài. Ngày 22 tháng Mười một, chúng tôi ký một hiệp ước đình chiến toàn diện trên tất cả các mặt trận, từ biển Bantích đến Hắc Hải. Chúng tôi lại đưa ra đề nghị mới đến các nước đồng minh, yêu cầu họ cùng chúng tôi mở những cuộc hòa đàm. Chúng tôi không nhận được hồi âm, nhưng những lời dọa nạt cũng chấm dứt. Dù sao các chính phủ của Liên minh cũng đã hiểu ra được đôi điều.

Các cuộc hòa đàm khởi đầu ngày 9 tháng Chạp, một tháng rưỡi sau khi *Sắc lệnh hòa bình* được thông qua. Khoảng thời gian ấy thừa đủ để các nước Đồng minh thiết lập lập trường riêng của họ.

Ngay từ đầu, phái đoàn chúng tôi đã đưa ra một dự thảo cương lĩnh về những nguyên tắc cơ bản cho một nền hòa bình dân chủ. Phe đối phương đòi ngừng những cuộc đàm phán. Việc nối lại những cuộc thảo luận ngày càng bị đẩy đi xa. Các đoàn đại biểu thuộc bộ tứ Liên minh đụng phải đủ mọi thứ khó khăn nội bộ trong quá trình thảo ra câu trả lời cho lời tuyên bố của chúng tôi. Cuối cùng, họ lên tiếng vào ngày 25 tháng Chạp. Các chính phủ của bộ tứ Liên minh "tán thành" công thức của một nền hòa bình dân chủ: một nền hòa bình dựa trên cơ sở quyền tự quyết của các dân tộc, không xâm chiếm lãnh thổ và không đòi bồi thường chiến tranh. Ngày 28 tháng Chạp, một cuộc tuần hành khổng lồ cho nền hòa bình dân chủ được tổ chức ở Pêtrôgrát. Không tin tưởng vào hồi âm của người Đức, nhưng quần chúng vẫn coi đó là một thắng lợi tinh thần lớn lao của cách mạng.

Sáng hôm sau, phái đoàn của chúng tôi mang về từ Bờrét-Litốpxơ những đòi hỏi lạ lùng do Quylôman đưa ra, nhân danh các cường quốc trung tâm.

-- Để kéo dài những cuộc đàm phán, cần một người biết kéo dài thời gian -- Lênin nói.

Ông khẩn khoản thúc tôi đi Bờrét-Litốpxơ.

Phải thú thực, tôi lên đường như đến nơi tra khảo. Môi trường gồm những người xa lạ, không có gì giống tôi, bao giờ cũng làm tôi e ngại; nhất là môi trường ở Bờrét-Litôpxơ. Tôi hoàn toàn không thể hiểu được có những người cách mạng lại sẵn sàng nhận cương vị đại sứ và họ vùng vẫy trong môi trường ấy như lũ cá trong nước.

Phái đoàn Xô-viết đầu tiên do Giôphê dẫn đầu ở Bờrét-Litôpxơ bị phỉnh phờ từ mọi phía. Hoàng thân Lêôpôn [Léopold] xứ Bavari [Bavière] tiếp họ như những "thực khách" của ông ta. Các đoàn đại biểu cùng ăn bữa trưa và bữa tối với nhau. Tướng Hốpman [Hoffmann] chắc hẳn phải để ý đến cái tên Bixencô [Bitsenko] bởi trước đây người phụ nữ ấy đã hạ sát tướng Xakharốp [Sakharov]. Người Đức ngồi vào bàn lẫn với người của chúng ta, và họ cố bòn rút một cách "hữu nghị" những điều họ cần biết. Trong phái đoàn thứ nhất còn có một công nhân, một quân nhân và một nông dân ; đó là những người được lựa chọn ngẫu nhiên, họ ít được chuẩn bị để đối phó những mưu mô kể trên. Ông cụ nông dân còn hơi bị chuốc rượu trong bữa tiệc.

Bộ Tham mưu của tướng Hốpman còn ra một tờ báo có tựa đề *Rúttxki Vétxtơnhích* [Roussky Vestnik] (Sứ giả Nga); thời kỳ đầu tờ báo này lúc nào cũng nói về những người bên-sê-vích với vẻ thiện cảm gây xúc động. "Độc giả của chúng tôi hỏi chúng tôi Trốttxki là ai?" -- tướng Hốpman kể với những tù binh Nga. Và ông ta kể cho họ một cách rất cảm động về cuộc chiến đấu chống chế độ Nga hoàng của tôi, ông nói về cuốn sách của tôi mang tựa đề *Russland in der Revolution* (Nước Nga trong cách mạng) được ấn hành bằng tiếng Đức. "Toàn thế giới cách mạng, muôn người như một, phấn khởi khi nghe tin Trốttxki đã vượt ngục thành công!" Và trong đoạn tiếp, người ta có thể đọc:

Khi chế độ Nga Hoàng vừa bị lật đổ, ít ngày sau khi Trốttxki trở về từ cuộc lưu đày kéo dài nhiều năm, những kẻ thân cận chế độ ấy đã bắt giam ông.

Tóm lại, vào thời ấy, không còn nhà cách mạng háng hái nào hơn Lêôpôn xứ Bavari và Hốpman nước Phổ. Nhưng bản nhạc thân thiện này không kéo dài được lâu. Trong phiên họp ngày 7 tháng Hai ở Bờrét, phiên họp chẳng thân thiện chút nào, nhìn lại giai đoạn đã qua tôi nhận xét như sau:

Chúng tôi rất tiếc rẻ những lời tán tụng quá sớm mà báo chí chính thức của Đức và Áo-Hung đã dành cho chúng tôi. Muốn đạt được kết quả thành công trong cuộc hòa đàm, hoàn toàn không cần thiết những điều đó.

Trong ấn đề này, đảng Xã hội Dân chủ cũng chỉ lập lòe trong cái bóng của chính phủ các dòng họ Hôhendôlécơ và Hápso-bua [Habsbourg]. Saidôman [Scheidemann], Êbôt [Ebert] và những người khác thoát đầu có thái độ muốn vỗ vai chúng tôi, với vẻ bao dung. Tờ *Die Arbeiter-Zeitung* (Báo Người công nhân) ở Viên, số ra ngày 15 tháng Chạp, viết một cách thống

thiết rằng cuộc "độ kiểm" giữa Trótxki và Biucanơ tượng trưng cho cuộc đấu tranh lớn lao của thời đại chúng ta: "cuộc đấu tranh của giới vô sản chống tư bản". Trong những ngày khi những ngón tay của Quylơman và Trécnin siết chặt cuống họng cách mạng Nga, những nhà mác-xít Áo chỉ thấy đó là cuộc độ kiểm giữa Trótxki và... Biucanơ! Cho đến nay, tôi vẫn không thể nhắc đến sự giả dối ấy mà không khỏi buồn nôn.

Những nhà mác-xít của dòng họ Hápsơbua viết:

Trótxki là đại diện cho ý chí hòa bình của giai cấp công nhân Nga, giai cấp đang cố gắng dứt đứt chiếc xiềng sắt mạ vàng của tư bản Anh...

Những lãnh tụ của đảng Xã hội Dân chủ tự nguyện đeo lên cổ họ xiềng xích của tư bản Áo-Đức và trợ giúp chính phủ họ đặt chiếc xiềng ấy lên cổ của cách mạng Nga.

Trong những ngày khó khăn nhất ở Bờrét, khi tờ *Vorwärts* (Béclin) hoặc *Die Arbeiter-Zeitung* (Viên) lọt vào tay Lênin hoặc tay tôi, chúng tôi lặng lẽ chỉ cho nhau những dòng được đánh dấu bằng bút chì màu. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau rồi quay đi ngay, cảm thấy hổ thẹn vì cách cư xử của những người, dầu sao đi nữa, mới hôm qua vẫn còn là đồng chí của chúng tôi trong Quốc tế. Ai đã trải qua một cách có ý thức giai đoạn này, dứt khoát người đó phải hiểu rằng đảng Xã hội Dân chủ đã chết trên phương diện lịch sử, cho dù những dao động của tình hình chính trị có thể nào đi nữa.

Để chấm dứt sự liên lạc khiếm nhã ấy, tôi đặt ra trong báo chí chúng ta một câu hỏi: Bộ Tham mưu Đức có nói gì về Các Lípnếch [Karl Liebknecht] và Rôda Luýchxămbua [Rosa Luxemburg] cho binh lính Đức không?

Chúng tôi rải truyền đơn cho lính Đức về đề tài này. Tờ *Vétxtonhích* của tướng Hốpman im bật vì nó đã hớ. Sau khi tôi đến Bờrét, Hốpman lập tức phản đối vì chúng tôi tuyên truyền trong quân đội Đức. Tôi cự tuyệt mọi cuộc trao đổi về vấn đề này và đề nghị tướng Hốpman cứ tiếp tục tuyên truyền trong quân đội Nga: các điều kiện đều cân bằng, chỉ có tính chất của tuyên truyền là khác. Nhân dịp này, tôi lưu ý ông ta: ai cũng biết từ lâu rằng chúng tôi bất đồng quan điểm với ông trong nhiều vấn đề quan trọng; hơn thế nữa, điều đó còn được một tòa án Đức ghi nhận, chính tòa này trong chiến tranh đã kết án tôi vắng mặt. Nhận xét không mấy tế nhị này đã bùng nổ như một vụ tai tiếng lớn. Nhiều vị cao cấp nín thở. Quylơman nói với Hốpman: -- Ngài có muốn nói gì không?

Hốpman:

-- Thừa không, đủ rồi.

Trên tư cách chủ tịch phái đoàn Xô-viết, tôi quyết định cương quyết chấm dứt mối quan hệ thân thiện đã hình thành lúc nào không biết trong thời gian đầu. Qua trung gian các cố vấn quân sự của phái đoàn chúng tôi, tôi muốn phe đối phương hiểu rằng tôi không có ý đến trình

diện với hoàng thân xứ Bavari.

Người ta ghi nhận điều đó. Tôi yêu cầu phải ăn riêng vào bữa trưa và bữa tối, lấy có rằng trong giờ nghỉ ăn uống, chúng tôi cũng muốn bàn bạc với nhau. Điều này cũng được chấp thuận trong im lặng.

Ngày 7 tháng Giêng, Trécnin viết trong nhật ký của ông ta:

Trước bữa trưa, toàn bộ phái đoàn Xô-viết đến, đứng đầu là Trốttxki. Họ thông báo cho mọi người biết là họ cáo lỗi trước, nếu từ nay trở đi họ không có mặt trong những buổi ăn chung. Và nói chung cũng không mấy khi thấy họ -- lần này, dường như hoàn toàn có những ngọn gió khác đã thổi, không phải như lần gần nhất. (trang 316)

Thế vào chỗ của những quan hệ hữu nghị giả dối là mối quan hệ chính thức khô khan. Điều này càng đúng lúc hơn nữa vì từ những cuộc đàm phán sơ bộ trừu tượng, cuối cùng cũng phải chuyển sang các vấn đề cụ thể của hiệp ước hòa bình.

Quyloman hơn hẳn Trécnin một cái đầu và có lẽ ông là chính khách có trình độ nhất mà tôi được gặp trong những năm sau chiến tranh. Có thể cảm thấy ở ông một tính cách và một bộ óc thực tiễn cao hơn mức bình thường. Ngoài ra, trong ông có một trữ lượng nham hiểm lớn, chẳng những ông dùng nó với chúng tôi -- bởi ở đây ông đụng phải sự cự tuyệt --, mà còn với cả những đồng minh quý giá của ông.

Trong quá trình thảo luận về vấn đề các vùng đất bị quân đội Đức chiếm đóng, khi Quyloman chồm lên và vênh mặt tuyên bố: "Đội ơn Chúa, lãnh thổ nước Đức *chúng tôi* chưa ở đâu bị ai chiếm đóng cả!", thì bá tước Trécnin thu người lại và mặt mày tái xanh. Đúng là Quyloman ám chỉ ông. Quan hệ giữa hai người hoàn toàn không phải là thứ tình bạn không vấn đục.

Sau này, khi bàn đến vấn đề Ba Tư, vốn bị rơi vào gọng kìm chiếm đóng của quân đội nước ngoài thuộc cả hai phe, tôi nhận xét rằng Ba Tư không thuộc một liên minh nào -- không phải như Áo-Hung chẳng hạn --, thành thử đối với bất kỳ ai trong số chúng ta không có một lý do gì để nhạo báng một cách che đậy một đất nước bị xâm chiếm như Ba Tư.

Khi nghe điều đó, Trécnin cũng giật nảy mình và kêu lên:

-- Unerhört! (Tệ quá chừng!)

Về mặt hình thức, lời kêu đó nhằm vào tôi, nhưng xét về thực chất, nó được gửi đến Quyloman. Tôi còn nhớ nhiều mẫu chuyện tương tự như thế.

Cũng như một người đánh cờ giỏi, khi lâu ngày phải chơi với những đấu thủ yếu hơn nên bản thân anh ta cũng hạ xuống tầm của họ, Quyloman -- người trong chiến tranh chỉ hoạt động trong nhóm những chư hầu ngoại giao bảo hoàng thuộc các nước Thổ Nhĩ Kỳ, Bungari và các xứ trung lập -- lúc đầu có xu hướng đánh giá thấp các địch thủ cách mạng của ông và ông coi thường ván cờ. Nhiều lần, đặc biệt là trong giai đoạn đầu của cuộc đàm phán, tôi phải kinh

ngạc về tính thô sơ của những "mưu mẹo" của ông: ông không thấu hiểu tâm lý đối phương. Với cảm giác hồi hộp ngày một gia tăng và khá khó chịu, tôi đến dự cuộc hội kiến đầu tiên với các chính khách. Trong gian tiền sảnh, nơi treo quần áo, tôi chột chạm trán với Quyloman. Tôi chưa có dịp được biết ông ta. Quyloman tự giới thiệu và ông lập tức nói thêm rằng ông "rất vui mừng" vì tôi đã đến, bởi lẽ đàm phán trực tiếp với ông chủ nhà thì hay hơn là với trợ lý của ông ta. Cùng lúc đó, vẻ mặt ông chứng tỏ ông ta vô cùng hài lòng với nước cờ "ý nhị" ấy, với nó, Quyloman có ý nhằm vào tâm lý tự phụ của những kẻ mới trèo lên cao. Tôi có cảm tưởng như đặt chân vào một nơi dơ bẩn. Bất giác, tôi lùi một bước. Quyloman nhận ra sự vụng về của mình, ông thận trọng và chuyển ngay sang giọng lạnh nhạt hơn. Tuy nhiên, điều đó không ngăn trở ông ta lặp lại thủ thuật đó với trưởng phái đoàn Thổ Nhĩ Kỳ, một chính khách cung đình già. Khi giới thiệu các đồng nghiệp của ông với tôi, Quyloman chờ cho người đứng đầu phái đoàn Thổ Nhĩ Kỳ tiến xa một bước, ông nói vào tai tôi, giọng thì thầm hơi to, vẻ bí mật, cố ý cho mọi người nghe thấy:

-- Ông ấy là vị chính khách xuất sắc nhất châu Âu!

Khi tôi kể chuyện này cho Giôphê, anh cười và đáp:

-- Trong dịp gặp tôi lần đầu tiên, Quyloman cũng làm hết như thế.

Rất có thể là Quyloman muốn đến bù một cách thuần khiết cho "vị chính khách xuất sắc nhất" để đổi lấy những nhượng bộ không có gì là thuần khiết cả. Lại cũng có thể Quyloman còn có một mục đích khác nữa: bằng cách ấy, ông ta cho Trécnin hiểu rằng ông ta hoàn toàn không coi Trécnin là nhà ngoại giao giỏi nhất -- sau ông ta.

Ngày 28 tháng Chạp, theo lời Trécnin, Quyloman nói với ông ta:

-- Hoàng đế là người có lý trí duy nhất trong toàn nước Đức.

Có thể cho rằng lời tuyên bố ấy nhằm vào bản thân hoàng đế nhiều hơn là vào Trécnin. Để những lời lẽ nịnh bợ đến được người nhận, hiển nhiên là các chính khách đã giúp nhau nhiều việc. *Flattez, flattez, il en restera toujours quelque chose!*

Lần đầu, tôi phải đối mặt với loại người như thế. Chẳng cần phải nói là trước đây tôi cũng chưa từng có ảo tưởng gì về họ. Tôi đoán họ không làm nghề phù thủy. Nhưng phải thú thực là tôi tưởng trình độ của họ cao hơn đôi chút. Có lẽ tôi có thể diễn đạt cảm tưởng của tôi từ cuộc gặp gỡ đầu tiên như sau: những con người này không đánh giá cao người khác và cũng chẳng coi trọng bản thân là mấy.

Về chuyện này, kể lại tình tiết sau đây không phải là vô ích. Theo đề xuất của Víchto Átle [Victor Adler], lúc đó đang hết sức dùng mọi phương tiện để biểu lộ mỗi cảm tình cá nhân của ông với tôi, một lần, làm ra vẻ không có gì đáng quan tâm lắm, bá tước Trécnin đề nghị chuyển cho tôi về Mátxcova thư viện của tôi, bị lưu lạc ở Viên vào thời chiến. Không phải tôi không

thiết tha với tuyến tập đó vì trong những năm dài sống lưu vong, tôi đã thu thập được một bộ sưu tập đồ sộ gồm các tác phẩm văn học cách mạng Nga.

Khi tôi vừa dè dặt ngỏ lời cảm ơn đề nghị của nhà chính khách thì lập tức ông đã gợi ý tôi hãy lưu tâm đến hai tù binh Áo mà theo ông, dường như họ bị đối xử tồi ở nước ta. Sự chuyển tiếp trực tiếp, có thể nói là có ý nhấn mạnh ấy, từ chuyện thư viện sang vấn đề các tù nhân (cố nhiên không phải là lính thường mà là những sĩ quan thuộc giới có quan hệ gần gũi với bá tước Trécnin), tôi cảm thấy quá trắng trợn. Tôi đáp lạnh nhạt rằng nếu những thông tin của Trécnin về các tù binh là đúng, tôi có bốn phận làm mọi việc cần thiết, nhưng vấn đề này không hề liên quan gì đến thư viện của tôi.

Trécnin, trong hồi ký của ông, đã thuật lại khá trung thực hoạt cảnh này, không hề phủ nhận là ông đã thử gán liền hai đề tài tù nhân và thư viện; trái lại, hẳn ông hoàn toàn coi đó là chuyện thường tình. Ông kết thúc câu chuyện bằng một lời nói mập mờ hai nghĩa: "Để thấy là ông ta muốn nhận lại thư viện của ông" (trang 320).

Chỉ cần nói thêm vào kết quả câu chuyện là sau khi nhận lại được thư viện, tôi lập tức chuyển nó cho một học viện khoa học ở Mátxcova.

Tình hình lịch sử diễn biến đến chỗ những người đại diện cho chế độ cách mạng nhất mà nhân loại được biết đến lại phải ngồi vào bàn đàm phán với các đại diện đảng cấp phản động nhất của mọi giai cấp thống trị. Kẻ thù của chúng ta rất sợ sức nổ của những cuộc đàm phán với phe bên-sê-vích; thực tế sau đây cũng chứng thực điều đó: họ sẵn sàng ngừng cuộc hòa đàm chứ không chịu chuyển nó đến một quốc gia trung lập.

Trong hồi ký, Trécnin nói thẳng thừng rằng ở một nước trung lập, với sự ủng hộ của bạn bè theo chủ nghĩa quốc tế, những người bên-sê-vích nhất định sẽ giành được quyền chủ động. Ông ta chính thức viện cớ rằng trong môi trường trung lập, Anh và Pháp sẽ triển khai ngay những thủ đoạn của họ, "công khai cũng như sau hậu trường". Tôi đáp lại ông ta: đường lối chính trị của chúng tôi chẳng cần đến hậu trường, vì nhân dân Nga đã xóa bỏ tận gốc rễ phương tiện ngoại giao cũ ấy cùng hàng loạt thứ khác trong cuộc khởi nghĩa thắng lợi ngày 25 tháng Mười. Nhưng chúng tôi phải cúi đầu trước tối hậu thư và ở lại Bờrét- Litốpxcơ.

Trừ những ngôi nhà nằm ở rìa thành phố cổ và bị Bộ Tham mưu Đức chiếm đóng, Bờrét-Litốpxcơ về thực chất đã không còn tồn tại nữa. Khi tháo lui, các đạo quân Nga hoàng đã đốt cháy thành phố trong cơn giận dữ bất lực. Chắc hẳn vì thế mà tướng Hốpman đã đặt Bộ Tham mưu ở đây để dễ bề kiểm soát hơn.

Giống như chuyện nhà ở, việc ăn uống cũng vô cùng đơn sơ. Binh lính Đức phục vụ bên bàn ăn. Đối với họ, chúng tôi là những sứ giả hòa bình, họ nhìn chúng tôi với niềm tin hi vọng.

Hàng rào cao bằng dây thép gai bao phủ xung quanh những tòa nhà của Bộ Tham mưu từ mọi

hướng. Trong những lần đi dạo buổi sáng, tôi thấy những tấm bảng có viết: "Người Nga nào đến chỗ này sẽ bị bắn chết!" Đó là nói với tù binh. Tôi tự hỏi lời cảnh cáo ấy có phải cũng ứng với chúng tôi hay không? –

– bởi thực chất chúng tôi cũng là một thứ tù binh, trong một chừng mực nào đó --, và tôi quay chân trở lại.

Có một con đường chiến lược rất tuyệt vời xuyên qua Bờrét. Trong những ngày đầu, thỉnh thoảng chúng tôi đi xe ô tô của Bộ Tham mưu. Nhưng một thành viên phái đoàn chúng tôi đụng độ với một hạ sĩ quan Đức nào đó. Hốpman viết thư phàn nàn với tôi. Tôi trả lời: từ nay về sau, chúng tôi cảm ơn nhưng xin được từ chối việc sử dụng những xe hơi dành cho chúng tôi.

Những cuộc đàm phán ngày càng kéo dài. Cả chúng tôi, cả đối phương đều phải xin ý kiến chính phủ mình qua đường dây trực tiếp. Nhiều khi đường dây này bị hỏng. Chúng tôi không có điều kiện kiểm tra xem có phải những lý do kỹ thuật tự nhiên gây nên điều đó không, hay do đối phương cố ý gây ra để kéo dài thời gian?

Dù sao, các phiên họp thường bị đứt đoạn, đôi khi gián đoạn đến vài ngày. Trong một dịp "nghỉ ngơi" như thế, tôi đến tận Vácsava [Varsovie]. Thành phố sống dưới những lưỡi lê Đức. Dân chúng hết sức chú ý đến các nhà ngoại giao Xô-viết, nhưng họ vẫn tỏ ra thận trọng: không ai biết được mọi sự sẽ ra sao.

Việc kéo dài, trì hoãn cuộc đàm phán cũng có lợi cho chúng tôi. Sự thật là tôi đến Bờrét vì mục đích đó. Nhưng tôi không thể tự cho mình có công lao gì đặc biệt về khoản này. Các đồng nghiệp đàm phán của tôi đã giúp tôi trong chừng mực nhất định

Trécnin buồn rầu ghi lại trong nhật ký của ông:

Thời gian có thừa thãi, khi thì người Thổ chưa chuẩn bị xong, lúc người Bun, lúc thì người Nga kéo dài thời gian và các phiên họp bị hoãn đi hoãn lại, hoặc đơn giản là chúng bị đứt đoạn ngay sau khi vừa bắt đầu.

Về phía người Áo, họ bắt đầu kéo dài những cuộc thảo luận khi gặp một số khó khăn nhất định trước phái đoàn Ucoraina.

Tuy nhiên, điều đó không hề làm Trécnin và Quyloman bận tâm. Trong những lời phát biểu công khai, họ buộc tội phái đoàn Nga là người duy nhất phải chịu trách nhiệm về chuyện cuộc đàm phán bị kéo dài. Tôi cương quyết phản đối, nhưng vô hiệu.

Vào cuối cuộc đàm phán, không còn chút dấu vết gì về những lời tán tụng xã giao vụng về mà báo chí chính thức Đức -- thời ấy, ngoài truyền đơn bất hợp pháp, toàn bộ giới báo chí đều mang tính chính thức -- dùng để phỉnh phờ những người bên-sê-vích. Ví dụ: tờ *Taagliche Rundschau* (Toàn cảnh hàng ngày) phàn nàn về chuyện "ở Bờrét-Litôpxơ, Trốttxki tự dựng

nên cho mình một diễn đàn, từ đó tiếng nói ông ta có thể vang đi khắp thế giới" và kêu gọi phải chấm dứt càng nhanh càng tốt trạng thái nói trên. Chẳng những thế, tờ báo này còn tuyên bố thẳng thừng rằng "cả Lênin, cả Trótxki đều không muốn hòa bình, điều mà xét ra đồng nghĩa với sợi dây treo cổ và tù đầy đối với họ". Báo chí xã hội dân chủ, về cơ bản, cũng có giọng điệu tương tự. Những Saidoman, Êbót và Xtamphơ [Stampfer] coi tội lỗi lớn nhất của chúng tôi là chúng tôi đã tính đến một cuộc cách mạng ở Đức. Các vị kể trên còn cách rất xa cái suy nghĩ rằng chỉ vài tháng sau, cách mạng sẽ tóm lấy cổ họ và nhắc bổng họ lên chính quyền.

Ở Bòrét, sau một thời gian dài, tôi lại vô cùng thích thú lần giở báo chí Đức; trong đó, cuộc đàm phán tại Bòrét được trình bày rất kỹ càng và rất có dụng ý. Nhưng báo chí không choán hết được thời gian rỗi rãi của tôi. Tôi quyết định tận dụng triệt để thời kỳ nghỉ ngơi bắt buộc này; có thể thấy trước là không dễ mà tôi lại có một dịp như thế. Trong phái đoàn chúng tôi, có vài người đánh máy tốc ký giỏi, xưa kia từng làm trong Đuma Quốc gia. Theo hồi tưởng, tôi bắt đầu đọc cho họ chép những đánh giá lịch sử về chuyển biến tháng Mười. Sau đó, một cuốn sách trọn vẹn nhanh chóng được hình thành từ đây, trước hết tôi có ý dành cho công nhân ngoại quốc. Nhu cầu dẫn giải cho họ những gì đã diễn ra là rất bức thiết. Đã nhiều lần, Lênin và tôi trò chuyện với nhau về điều đó, nhưng cả hai chúng tôi không có lấy một phút rỗi rãi. Tôi không hề tính đến việc có thể viết lách ở Bòrét. Lênin thật sự mừng rỡ theo nghĩa đen của từ này, khi tôi trở về với bản thảo hoàn chỉnh về cách mạng tháng Mười. Cả hai chúng tôi đều thấy đây là một bảo đảm khiêm tốn của sự phục thù cách mạng mai sau cho một nền hòa bình đã phải trả bằng một giá đắt. Chẳng bao lâu, cuốn sách được dịch ra rất nhiều thứ tiếng châu Âu và châu Á. Mặc dù tất cả các đảng của Quốc tế Cộng sản, đứng đầu là đảng Nga, đã ấn hành cuốn sách này trong vô số lần xuất bản, điều này không hề ngăn cản lũ kẻ nghiệp tuyên bố sau năm 1923, rằng đây là sản phẩm độc hại của chủ nghĩa trótx- kit. Hiện nay, cuốn sách nằm trong thư mục sách cấm của Xtalin. Tình tiết phụ này cũng là một trong vô số những biểu hiện chuẩn bị cho một Tércmidô [Thermido] (Tháng Nóng) về mặt tư tưởng. Muốn đạt được thắng lợi, trước hết phải cắt đứt cái cuống rốn của truyền thống tháng Mười...

Các chính khách của phe đối địch cũng tìm cách sử dụng thời gian nghỉ khá dài ở Bòrét. Bà tước Trécnin chẳng những đi săn bắn, mà -- như chúng ta được biết qua nhật ký của ông -- ông ta còn đọc các hồi ký thời cách mạng Pháp để mở rộng tầm nhìn. Trécnin so sánh những người bôn-sê-vích với những người Giacôbanh [Jacobins] và cố gắng tìm kiếm từ đó những kết luận để an ủi mình. Nhà chính khách của dòng họ Hápsơbua ấy viết gì?

Sáclốt Coócđê [Charlotte Corday] đã nói: "Tôi không giết một con người, mà giết một thú dữ". -- Những người bôn-sê-vích này sẽ lại biến mất và biết đâu lại chẳng có một Coócđê dành cho Trótxki?" (trang 310, bản tiếng Đức)

Cố nhiên trong những ngày đó, tôi không được biết về những suy tư cao thượng của vị bá tước hiền từ ấy, nhưng tôi sẵn sàng tin vô điều kiện vào tính thành thật của chúng.

Thoạt nhìn người ta có thể không hiểu: thực ra giới ngoại giao Đức muốn đạt tới điều gì khi vào ngày 25 tháng Chạp, họ đưa ra những công thức dân chủ, nhưng chỉ để vài ngày sau họ lại bộc lộ những tham vọng chó sói của họ? Đối với chính quyền Đức, những cuộc tranh luận mang tính lý thuyết về quyền tự quyết quốc tế không mấy mạo hiểm, phần lớn được tung ra do chính sự đề xuất của Quyloman. Trên con đường ấy, đường lối ngoại giao của dòng họ Hôhendôlécno chưa hề gặt hái được vòng nguyệt quế, bản thân họ phải thấy rõ được điều này từ trước. Như thế, chẳng hạn Quyloman muốn chứng minh bằng mọi giá rằng việc nước Đức xâm lược Ba Lan, Litva, vùng Bantich và Phần Lan không phải gì khác, mà chính là một dạng "tự quyết" của các dân tộc này, vì nguyện vọng của dân chúng được thực thi thông qua những cơ quan "quốc gia" do... chính quyền Đức chiếm đóng lập nên. Chứng tỏ điều này không phải là chuyện dễ dàng. Nhưng Quyloman không hạ vũ khí. Ông ta kiên trì gạn hỏi tôi: phải chăng tôi sẽ thừa nhận, ví dụ như quốc vương xứ Hâyđerabát [Hyderabad] là đại diện cho nguyện vọng của dân Hindu? Tôi trả lời rằng trước hết quân đội Anh phải rút khỏi Ấn Độ và sau đó, khó có ai tưởng tượng vị Quốc vương tôn kính có thể trụ được quá hai mươi tư tiếng đồng hồ. Quyloman đón nhận những lời lẽ của tôi bằng một cái nhún vai bất lịch sự; tướng Hốpman "hừm!... hừm!..." khiến cả phòng đều nghe tiếng. Người thông ngôn phiên dịch. Các nữ tót ký viên ghi chép. Cuộc tranh luận kéo dài đến vô tận.

Trước đó đã lâu, Quyloman hoàn toàn tin chắc rằng chúng tôi sẵn sàng chơi với ông cả bốn tay, điều này tiềm ẩn sau thái độ của giới ngoại giao Đức. Có thể ông ta đã lý luận, đại loại như sau: những người bên-sê-vích nắm được chính quyền nhờ cuộc đấu tranh của họ cho hòa bình. Nhưng họ chỉ có thể yên vị với điều kiện họ ký kết được một hiệp ước hòa bình. Đúng là họ bị trói buộc bởi một số điều khoản dân chủ nhất định. Nhưng chính vì thế mà cần phải có các nhà ngoại giao! Rồi ông, Quyloman, sẽ trả lại cho những người bên-sê-vích những công thức cách mạng của họ bằng văn phong ngoại giao thích hợp; để đánh đổi, những người bên-sê-vích sẽ tạo cho ông khả năng ngầm để xâm chiếm các vùng và các dân tộc. Trước mắt toàn thế giới, sự bành trướng của nước Đức được cách mạng Nga thừa nhận. Ngược lại, những người bên-sê-vích sẽ có hòa bình.

Trong sự sai lầm của Quyloman chắc chắn có sự tham gia của những người tự do chủ nghĩa, men- sê-vích và dân túy của chúng ta, đã từ lâu họ nói về những cuộc đàm phán ở Bờrét như một tấn hài kịch mà các vai diễn đã được phân chia từ đầu.

Khi chúng tôi đã chứng tỏ một cách quá rõ ràng với những đồng nghiệp đàm phán ở Bờrét, rằng đối với chúng tôi, đây không phải là vấn đề ngụy trang, giấu giếm giả trá một việc trước

dư luận mà là những nguyên tắc chung sống giữa các dân tộc, thì Quyloman, tự ràng buộc mình bởi lập trường xuất phát của ông, coi quan điểm của chúng tôi như sự vi phạm một hiệp ước ngầm, chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của ông. Quyloman tuyệt đối không muốn rời những nguyên tắc dân chủ của ngày 25 tháng Chạp. Dựa vào môn thần học nghi nghiã vốn bất bình thường của ông, Quyloman hi vọng ông có thể chứng minh trước mắt toàn thế giới: màu trắng chẳng khác gì màu đen.

Bá tước Trécnin trợ lý vụng về cho Quyloman và theo chỉ thị của Quyloman, ông nhận phần phát biểu những lời tuyên bố thô bạo nhất và trơ tráo nhất, trong những phút khó khăn.

Trécnin hi vọng rằng bằng cách đó, ông có thể che giấu được nhược điểm của ông.

Ngược lại, tướng Hốpman đưa lại một làn gió tươi mát vào các cuộc đàm phán. Ông không tỏ ra có chút cảm tình gì với những trò ngoại giao ranh mãnh. Nhiều lần, vị tướng này thương cả hai chân đi ủng lên giữa bàn hội họp. Về phần mình, chúng tôi không nghi ngờ, dù chỉ trong một giây lát, rằng đôi ủng của Hốpman là thực tế duy nhất trong những cuộc đàm phán này.

Tuy nhiên, cũng đôi khi ông tướng ấy nhảy xổ vào cuộc tranh luận chính trị thuần túy. Nhưng ông cũng làm điều này theo cách của ông. Bực mình vì câu chuyện dông dài về quyền tự quyết của các dân tộc, vào một buổi sáng đẹp trời -- hôm ấy là ngày 14 tháng Giêng -- ông xuất hiện với một chiếc cặp chứa đầy báo chí Nga, đa số là những tờ theo khuynh hướng xã hội cách mạng. Hốpman đọc trôi chảy tiếng Nga. Bằng những câu ngắn tách rời nhau, dường như chỉ muốn cấn xé chúng tôi hoặc ra những mệnh lệnh, ông tướng lên án những người bên-sêvích đã giẫm đạp lên quyền tự do ngôn luận và tự do hội họp, đã vi phạm các nguyên tắc dân chủ; ông trích dẫn và tỏ ý hoàn toàn tán đồng những bài báo của chính đảng Nga khủng bố ấy, đảng này từ năm 1902 trở đi đã đưa sang thế giới bên kia khá đông những người bạn Nga đồng lý tưởng với Hốpman. Vị tướng phần nộ kết tội rằng chính phủ chúng ta dựa vào bạo lực. Từ miệng ông ta, câu nói có một âm thanh tuyệt vời!

Trécnin ghi lại trong nhật ký của ông:

Hốpman đã đọc bài diễn văn bất hạnh ấy. Ông ta đã bỏ công vào đó trong nhiều ngày và ông rất tự hào về thành công của mình. (trang 322)

Tôi tr ả lời Hốpman rằng trong những xã hội có phân chia giai cấp, mọi chính phủ đều dựa vào bạo lực. Chỉ khác nhau ở chỗ tướng Hốpman dùng đàn áp để bảo vệ các ông chủ lớn, còn chúng tôi bảo vệ giới lao động. Trong vài phút, hội nghị hòa bình trở thành một lớp học tuyên truyền chủ nghĩa mác-xít cho những kẻ mới nhập môn. Tôi nói:

Trong những hành động của chúng tôi, làm cho chính phủ các nước khác phải sững sốt và khiến họ quay lưng lại chúng tôi, là ở chỗ chúng tôi không bắt giam những người đình công mà lại bắt giam những nhà tư sản sa thải hàng loạt công nhân; là ở chỗ chúng tôi không ra lệnh bắn

vào những nông dân đòi ruộng đất mà lại bắt giữ những địa chủ và sĩ quan muốn bắn vào nông dân.

Khuôn mặt Hốpmán đỏ bừng bừng. Sau mỗi một tình tiết như thế, Quylôman lại quay ra hỏi Hốpmán với vẻ lịch sự chết người, rằng ông ta có muốn nói thêm gì về đề tài ấy không. Ông tướng gằn giọng, nói từng câu:

-- Không, đủ rồi!

Và ông giận dữ nhìn ra cửa sổ

Trong nhóm các chính khách, tướng tá và đô đốc hải quân của dòng họ Hôhendôlécno, Hápso-bua,

Côbu ốc [Cobourg] và Hồi giáo, cuộc tranh luận về bạo lực cách mạng quả thực có một phong vị không gì so sánh nổi. Trong số các ngài đầy ắp chức tước và phẩm vị ấy, một số người chẳng làm gì khác trong thời gian đàm phán, ngoài việc ngạc nhiên, hết nhìn tôi, nhìn Quylôman rồi lại nhìn sang phía Trécnin. Có lẽ họ muốn ai đó giải thích cho họ hiểu: lạy Chúa, cái gì diễn ra ở đây vậy! Trong hậu trường, chắc chắn Quylôman đã lặp đi lặp lại với họ rằng sự tồn tại của chúng tôi chỉ là việc trong vài tuần, cần phải lợi dụng thời gian ngắn ngủi ấy để ký kết một nền hòa bình "kiểu Đức" mà hậu quả thì những kẻ kế thừa những người bên-sê-vích sẽ phải gánh chịu.

Trong những cuộc tranh luận mang tính nguyên tắc, tôi có lợi thế hơn Quylôman cũng như tướng Hốpmán có lợi thế hơn tôi trong các vấn đề quân sự. Thành thử mới xảy ra chuyện vị tướng này tỏ ra nóng nảy muốn giới hạn vấn đề bàn cãi trong khuôn khổ tương quan lực lượng trong khi Quylôman cố gắng một cách vô ích để tạo cho nền hòa bình ký kết trên bản đồ quân sự một vẻ bề ngoài của một nền hòa bình mang tính nguyên tắc.

Để giảm nhẹ những lời tuy ên bố của Hốpmán, một bạn Quylôman nói rằng một người lính tất yếu phải sử dụng các ngôn từ cứng cỏi hơn một nhà ngoại giao. Tôi đáp rằng "chúng tôi, các thành viên phái đoàn Nga, không thuộc trường phái ngoại giao nào cả, chúng tôi là những người lính của cách mạng thì đúng hơn" và do đó, chúng tôi ưa ngôn ngữ thô kệch của người lính.

Cũng xin được nói thêm rằng cái vẻ lịch thiệp ngoại giao của bản thân Quylôman cũng khá giả tạo. Nhiệm vụ do ông ta đặt ra rõ ràng không giải quyết được... nếu thiếu sự công tác của chúng tôi. Tôi giải thích cho Quylôman:

Chúng tôi là những người cách mạng và cũng đồng thời là những người có đầu óc thực tế. Chúng tôi thích nói thẳng, không vòng vèo về sự xâm chiếm, hơn là tìm ra những tên giả cho các khái niệm thực.

Không có gì lạ nếu thỉnh thoảng Quylôman lại vứt cái mặt nạ ngoại giao và giận dữ cự lại

chúng tôi. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ cái giọng nhấn mạnh khi ông ta nói nước Đức thành thật cố gắng thiết lập lại những mối quan hệ hữu nghị với *cường quốc* láng giềng phía Đông của nó. Từ "cường quốc" vang lên một cách mỉa mai khiêu khích đến nỗi tất cả, kể cả những đồng minh của Quyloman, cũng phải rùng mình.

Cùng lúc đó, Trécnin rất sợ cuộc đàm phán bị đứt đoạn. Tôi nhận sự thách thức và nhắc lại những điều tôi đã nói trong bài phát biểu đầu tiên. Ngày 10 tháng Giêng, tôi nói:

Chúng tôi không có khả năng, cũng không có ý định nghi ngờ rằng quốc gia chúng tôi bị suy yếu do đường lối của các giai cấp thống trị cho đến thời gian gần đây. Nhưng vị trí trên hoàn cầu của một nước không chỉ do tình trạng hiện tại của cơ sở kỹ thuật của nó quyết định, còn phải tính đến những khả năng tiềm ẩn của nó, giống như sức mạnh kinh tế của Đức không chỉ được đo bằng trạng thái hiện tại của trữ lượng thực phẩm. Một đường lối chính trị rộng rãi và sáng suốt dựa trên các khuynh hướng của sự phát triển, dựa trên các nguồn lực nội bộ, một khi đã được huy động, sớm muộn sẽ biểu lộ sức mạnh của chúng.

Chưa đầy chín tháng sau, ngày 3 tháng Mười 1918, nhắc lại lời thách thức của Quyloman ở Bô-rét- Litốp-xcơ, tôi nói trong phiên họp của Ban Chấp hành Trung ương liên Nga:

Không ai trong chúng ta có chút niềm vui độc địa khi nước Đức vừa phải trải qua những tai họa khủng khiếp.

Không cần thiết phải chứng minh rằng giới ngoại giao Đức, cả quân sự lẫn dân sự, đã chuẩn bị một phần lớn cái tai họa ấy ở Bô-rét.

Chúng tôi càng diễn đạt chính xác những vấn đề của chúng tôi bao nhiêu thì Hốpman càng lẩn tránh Quyloman bấy nhiêu. Cả hai, nhất là vị tướng, chưa tìm cách giấu giếm mâu thuẫn đối kháng của họ. Khi đáp lại những lời công kích nối tiếp của Hốpman, không hề có ẩn ý, tôi nhắc đến chính phủ Đức thì viên tướng ngắt lời tôi bằng giọng nói khản đi vì giận dữ:

-- Ở đây, tôi không đại diện cho chính phủ Đức, mà cho Bộ Tổng tư lệnh Đức!

Lời tuyên bố ấy nghe như tiếng kính vỡ vì bị một hòn đá ném phải. Tôi đảo mắt lần lượt nhìn những người cùng họp ngồi phía bên kia bàn. Quyloman nhăn nhó và nhìn xuống tấm thảm. Trên khuôn mặt Trécnin, nổi bối rối vật lộn với sự thích thú độc địa.

Tôi trả lời rằng tôi không có thẩm quyền để đánh giá những mối quan hệ giữa chính phủ đế chế Đức và Bộ Tổng tư lệnh, nhưng tôi chỉ được ủy nhiệm đàm phán với chính phủ Đức.

Quyloman nghiêng răng ghi nhận lời tuyên bố của tôi và chấp nhận nó.

Cố nhiên, sẽ là ngây thơ nếu ta đánh giá quá cao tính sâu sắc của những bất đồng quan điểm giữa giới ngoại giao và Bộ Tổng tư lệnh. Quyloman tìm cách chứng tỏ rằng những lãnh thổ bị

chiếm đóng đã "tự quyết" một cách có lợi cho nước Đức, thông qua những cơ quan quốc gia có toàn quyền của họ. Về phần mình, Hốpmán giải thích rằng bởi lẽ chưa tồn tại những cơ quan toàn quyền như thế trong các vùng bị chiếm đóng nói trên, chưa thể nói đến chuyện rút quân Đức khỏi đó. Hai lập luận trên hoàn toàn trái ngược nhau, nhưng kết luận thực tiễn lại đồng nhất.

Trong vấn đề này, Quylôman tìm cách sử dụng một thủ đoạn, thoát nhìn tưởng chừng không thể tin được. Trong hồi âm viết trả lời các câu hỏi của chúng tôi do Phôn Rôdenbéc [Von Rosenberg] đọc lên, có nêu việc không thể điều động các đạo quân Đức khỏi những vùng đất bị chiếm đóng cho đến khi cuộc chiến chưa kết thúc ở mặt trận phía Tây. Từ đó tôi rút ra kết luận là việc rút quân sẽ được thực hiện *sau* khi cuộc chiến kết thúc và tôi đề nghị ấn định chính xác thời hạn ấy.

Quylôman tỏ ra vô cùng bị kích động. Chắc chắn ông ta tính đến tác động "ru ngủ" của cách diễn đạt của ông; nói cách khác, ông muốn che giấu ý đồ xâm lược bằng... sự chơi chữ. Nhìn thấy việc đó không thành, ông ta giải thích với sự hợp tác của Hốpmán, rằng sẽ không rút quân cả *trước* và *sau* cuộc chiến.

Cuối tháng Giêng, dù không hề hi vọng thành công, tôi vẫn thử xin phép chính phủ Áo-Hung để qua Viên; tôi định tiếp tục những cuộc thương lượng với các đại diện của giai cấp vô sản Áo. Tôi nghĩ rằng đảng Xã hội Dân chủ Áo là kẻ hoảng hốt nhất trước dự định một chuyến đi như thế. Cố nhiên đề nghị của tôi bị từ chối và dù vô lý đến mấy đi nữa, người ta viện cớ rằng tôi không có thẩm quyền để tiến hành những cuộc thương lượng như thế.

Tôi trả lời trong lá thư sau, gửi Trécnin:

Thưa ngài Bộ trưởng,

Xin gửi kèm đây bản sao lá thư viết ngày 26 tháng này của ngài cố vấn kiêm đại sứ -- bá tước Trácki [Czakki] -- chắc hẳn đó là hồi âm của Ngài trả lời bức điện của tôi ngày 24 trong tháng; bằng lá thư này tôi thông báo cho ngài biết rằng tôi ghi nhận việc các ngài khước từ cuộc hành trình của tôi qua Viên, với mục đích thương thuyết với giới vô sản Áo để đi đến một nền hòa bình dân chủ. Tôi buộc phải nhận định rằng trong lá thư của Ngài, những lý do thuần túy hình thức tiềm ẩn dụng ý ngăn cản cuộc điều đình riêng giữa chính phủ công-nông Nga và giai cấp vô sản Áo. Về cái nguyên cớ không thể chấp nhận được cả về hình thức lẫn nội dung được viện dẫn trong bức thư, cụ thể là tôi không có thẩm quyền cần thiết để tiến hành những cuộc thương lượng như thế, tôi muốn lưu ý Ngài, thưa Ông Bộ trưởng, rằng quyền hạn và tính chất của hành động của tôi hoàn toàn chỉ do chính phủ tôi quyết định.

Trong giai đoạn cuối của những cuộc đàm phán, "con át chủ bài" mạnh nhất trong tay Quylôman và Trécnin là thái độ độc lập và thù địch của chính phủ "Rada" [Rada] ở Kiép [Kiev]

đối với Mátxcova.

Những lãnh tụ "Rađa" đại diện cho một thứ quyền thống trị kiểu Kêrenxki ở Ucoraina. Họ không khác mấy so với mô hình của thứ chủ nghĩa Đại Nga, có lẽ chỉ thiếu cận hơn. Những đại diện của "Rađa" ở Bờrét được chính tạo hóa sinh ra để bất cứ chính khách tư sản nào cũng có thể xỏ mũi được họ. Chẳng những Quyloman mà Trécnin cũng sử dụng điều này một cách khoan dung và đáng ghét. Những nhà dân chủ khờ dại của xứ Ucoraina mở cờ trong bụng vì các tập đoàn đầy uy tín như Hôhendôlécnơ và Hápsơbua đều coi trọng họ. Khi trưởng phái đoàn Ucoraina Gôlubôvích [Goloubovitch] vừa phát biểu xong và ngồi vào bàn, anh ta cẩn thận vén hai vạt áo dài đuôi tôm đính hai hàng khuy, người ta có cảm tưởng thân hình anh ta chảy ra thành nước lập tức vì nổi sung sướng sôi sục bốc hơi trong lòng.

Như Trécnin đã thuật lại trong hồi ký, ông ta xúi giục những người Ucoraina tuyên bố công khai công kích phái đoàn Xô-viết. Những vị Ucoraina này quá sốt sáng nên đã cường điệu. Trong vòng một phần tư tiếng đồng hồ, diễn giả của họ không ngớt buông ra những lời nói thô bỉ và hỗn xược, đưa người thông ngôn Đức có lương tâm vào thế bí, anh này phải khó khăn mới tìm được từ ngữ thích hợp với giọng điệu đó.

Mô tả lại hoạt cảnh này, vị bá tước của triều Hápsơbua kể rằng tôi bối rối, mặt mày tái nhợt, run rẩy, mồ hôi toát lạnh đầm đìa khắp cơ thể... v.v... Bỏ qua những lời nói quá đáng, phải thú thực rằng quả thực hoạt cảnh ấy thuộc loại nặng nề nhất. Tuy nhiên cái đè nặng lên tôi, không phải như Trécnin tưởng, là các đồng hương của chúng tôi thóa mạ chúng tôi trước mắt người lạ... Không! Điều không chịu đựng nổi là những kẻ, dù sao đi nữa, cũng là đại diện của cách mạng, lại đem mình luồn cúi trước bọn quý tộc ngạo mạn đang khinh bỉ họ. Sự thấp hèn ẩn chứa trong cái vỏ phô trương, sự bợ đỡ tôi tớ, mê muội đến ngạt thở tuôn ra từ những kẻ dân chủ quốc gia bất hạnh ấy, những kẻ trong chốc lát đã tiến đến gần quyền lực. Trong lúc mê mải nghe, Quyloman, Trécnin và những kẻ khác thở hỗn hển như người chơi cá ngựa đặt cược cho một con ngựa sắp đến đích. Cứ sau mỗi câu, đại biểu Ucoraina lại liếc vào đám người bảo hộ anh ta để chờ một lời khích lệ; anh ta cẩn thận đọc từ mẫu giấy của mình tất cả những lời thóa mạ mà phái đoàn của anh ta đã chuẩn bị trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ, với sự cộng tác tập thể.

Vâng, đó quả là một trong những hoạt cảnh đê hèn nhất mà tôi phải tham gia. Nhưng dưới làn đạn chòng chéo của những lời lăng mạ và những cái nhìn độc địa, tôi không hề nghi ngờ, dù chỉ trong một khoảng khắc, rằng những chủ nhân đắc thắng chẳng mấy chốc sẽ tổng bọn đày tớ quá sốt sáng này ra khỏi cửa, và lũ chủ ấy chẳng bao lâu sau cũng sẽ phải giao lại vị trí mà chúng đã ngự trị yên ổn suốt mấy thế kỷ...

Trong thời gian đó, các đạo quân Xô-viết cách mạng đã tiến công thắng lợi ở Ucoraina và tự

mở một con đường đến sông Đờnhép [Dniepr]. Và đúng vào ngày khi cái ung nhọt đã chín mủi và việc các đại biểu Ucoraina thỏa thuận với Quyloman và Trécnin để bán nước đã trở nên rõ ràng, các đạo quân Xô-viết chiếm thành phố Kiép. Rađéc [Radek] trực tiếp điện thoại hỏi về tình hình của thủ đô xứ Ucoraina, và điện tín viên người Đức ở một trạm trung gian, không biết mình đang nói với ai, đã trả lời như sau:

-- Kiép thất thủ rồi!

Ngày 7 tháng Hai, trước các phái đoàn đế quốc trung tâm, tôi thông báo bức điện tín của Lênin cho biết quân đội Xô-viết đã vào Kiép ngày 29 tháng Giêng; chính phủ "Rađa" đã bị mọi người bỏ rơi và đã lẫn trốn; Ban Chấp hành Trung ương các Xô-viết Ucoraina đã trở thành cơ quan quyền lực tối cao của đất nước và đã chuyển về Kiép; chính phủ Ucoraina đã thừa nhận mối quan hệ liên bang và thống nhất hoàn toàn về ngoại giao và nội trị với nước Nga.

Trong phiên họp gần nhất, tôi nói với Quyloman và Trécnin rằng họ đang đàm phán với phái đoàn của một chính phủ mà toàn bộ lãnh thổ của nó chỉ giới hạn trong Bờrét-Litôpxơ (theo hiệp định, thành phố này thuộc về xứ Ucoraina). Nhưng chính phủ Đức, hay nói đúng hơn, bộ chỉ huy Đức lúc đó đã quyết định cho quân chiếm đoạt nước Ucoraina. Đường lối ngoại giao của các cường quốc trung tâm chỉ chuẩn bị một giấy thông hành quá cảnh cho các đạo quân Đức. Luthendôócphơ đã hành động tuyệt hay khi ông ta chuẩn bị cho sự hấp hối của quân đội dòng họ Hôhendôlécơ.

Trong những ngày ấy, trong một nhà tù Đức có một người bị giam giữ; ông bị các chính trị gia xã hội dân chủ coi là người không tưởng điên rồ và bị các quan tòa Hôhendôlécơ buộc tội phản quốc. Người tù ấy viết như sau:

Cán cân của những cuộc đàm phán ở Bờrét không phải là con số không, ngay cả khi phải công nhận một nền hòa bình mang tính đầu hàng tàn nhẫn. Nhờ các đại biểu Nga, Bờrét trở thành diễn đàn cách mạng có ảnh hưởng lớn. Nó đã tố cáo các cường quốc trung tâm, đã vạch trần sự tham lam, giả dối, xảo trá và đạo đức giả của nước Đức. Nó đã đưa ra bản án trời giáng cho chính sách hòa bình của đa số đảng (xã hội dân chủ) Đức, một đường lối giả nhân giả nghĩa thì ít mà trâng tráo thì nhiều. Nó tỏ ra có khả năng phát động những phong trào quần chúng rộng lớn tại các quốc gia khác nhau. Và kết cục bi thảm của nó -- sự can thiệp chống lại cách mạng -- đã làm rung chuyển chủ nghĩa xã hội trong từng đường gân thớ thịt. Rồi thời gian sẽ chỉ ra vụ gieo hạt năm nay cho mùa gặt sắp tới sẽ đem lại gì cho những kẻ chiến thắng hôm nay. Bọn chúng sẽ chẳng có nhiều niềm vui ở đó! (Các Lípnhéc: *Politische Aufzeichnungen, aus seinem Nachlass*, Verlag Die Aktion, 1921, S. 51)

CHƯƠNG XXXII HÒA BÌNH

Suốt mùa thu, hàng ngày các đại biểu ngoài mặt trận xuất hiện ở Xô-viết Pêtơrôgôrát để tuyên bố: nếu nền hòa bình không được ký kết trước ngày 1 tháng Mười một, chính những người lính sẽ quay về hậu phương để đòi hòa bình bằng các phương tiện riêng của họ. Điều đó đã trở thành khẩu hiệu của tiền tuyến. Quân lính rời bỏ chiến hào hàng loạt. Bước ngoặt tháng Mười làm ngừng phong trào này một thời gian, cố nhiên không lâu.

Cách mạng tháng Hai đã dạy cho binh lính biết rằng bè lũ Rátxpuchin [Raspoutine] xúi giục và lôi cuốn họ vào cuộc chiến vô nghĩa và đê hèn; họ không thấy có lý do gì để tiếp tục chiến tranh, đơn thuần chỉ vì ông trạng sư trẻ Kêrenxki cầu khẩn họ làm việc đó. Họ muốn trở về nhà, thấy lại gia đình, ruộng vườn, nhìn tận mắt cuộc cách mạng đã hứa cho họ ruộng đất và tự do. Nhưng trong lúc này, những người lính vẫn bị giữ trong các hang hốc ngoài mặt trận, bụng đói meo và quần phục đầy chấy rận. Tức giận những người lính, công nhân và nông nhân, một lần Kêrenxki gọi sự phản đối của họ là "cuộc nổi loạn của lũ nô lệ". Ông ta chỉ không hiểu một điều nho nhỏ duy nhất: cách mạng chính là sự nổi dậy của những người nô lệ không còn muốn làm nô lệ nữa.

Là người bảo trợ và cố vũ cho Kêrenxki, Biucanôn phạm phải một sơ suất khi trong hồi ký, ông ta kể lại cho chúng ta biết đối với ông ta và đồng loại, chiến tranh và cách mạng có nghĩa như thế nào. Nhiều tháng sau tháng Mười, Biucanôn mô tả bằng những lời lẽ như sau về nước Nga trong năm 1916 kinh khủng; vào năm ấy quân đội Nga hoàng thất bại, nền kinh tế đổ vỡ, đâu đâu cũng phải xếp hàng để mua thực phẩm và chính quyền chơi trò nhảy cừu do Rátxpuchin chỉ huy. Biucanôn kể về chuyến đi thăm Cờrưm [Krym] năm 1916 của ông ta như sau:

Tại một biệt thự tuyệt vời nhất mà chúng tôi đến thăm, chẳng những chúng tôi được tiếp đón với bánh mì-muối đựng trên chiếc đĩa bạc, mà khi ra về chúng tôi còn thấy trong xe một khay rượu Buốcgônơ [Bourgogne] lâu đời mà tôi đã hết lời ca ngợi khi được nhắm nháp vào bữa sáng. Thật buồn vô hạn khi nhìn lại những ngày hạnh phúc (!) đó, chúng không bao giờ trở lại và khó lòng khi nghĩ đến nỗi khốn cùng và đau khổ của những người đã tiếp đón chúng tôi với biết bao lịch thiệp và ân cần mến khách. (Bản tiếng Nga, trang 160)

Ở đây, Biucanôn không nghĩ đến những khổ đau của người lính cơ cực ngoài chiến hào, của những bà mẹ đói khát phải chầu chực xếp hàng trước các cửa hiệu; ông nói về sự đau đớn của những chủ nhân trước đây của các biệt thự tuyệt vời ở Cờrưm, của những đĩa bạc và những chai rượu Buốcgônơ lâu đời. Đọc những dòng chữ trang tráo bình thản này, người ta tự hỏi: cách mạng tháng Mười đã ra đời không vô có! Chẳng phải vô có mà cách mạng đã tổng cổ khởi đất nước chẳng những dòng họ Rômanốp [Romanov], mà cả Biucanôn cùng Kêrenxki!

Khi lần đầu tiên tôi vượt qua chiến tuyến đến Bờrét-Litôpxơ, những người bạn đồng chí

hướng với chúng tôi không thể tổ chức một cuộc biểu tình nào ít nhiều quan trọng để phản đối các yêu sách quái đản của nước Đức: các chiến hào hầu như đã trống rỗng. Sau những thử nghiệm của Biucanơ và Kêrenxki, không ai dám nhắc đến việc tiếp tục cuộc chiến, dù chỉ là nói một cách có điều kiện. Hòa bình, hòa bình bằng bất cứ giá nào!... Sau này, trong một lần từ Bô-rét trở về Mátxcova, tôi cố thuyết phục một đại biểu mặt trận của Ban Chấp hành Trung ương liên Nga để anh ủng hộ phái đoàn chúng tôi bằng một bài phát biểu kiên quyết.

-- Không thể được -- anh trả lời --, tuyệt đối không thể được! Chúng tôi không thể trở lại các chiến hào, người ta không cho phép chúng tôi về đó; họ sẽ nói chúng tôi lại tiếp tục lừa dối họ, giống như Kêrenxki...

Rõ ràng là không thể tiếp tục cuộc chiến. Trong vấn đề này, tôi không hề có chút bất đồng quan điểm nào với Lênin. Chúng tôi nhìn Bukharin và những tông đồ còn lại của thuyết "chiến tranh cách mạng" với một vẻ kinh ngạc như nhau.

Nhưng có một vấn đề khác không kém phần quan trọng: chính phủ Hôhendôléc-nơ có thể đi xa đến đâu trong cuộc chiến chống chúng tôi? Vào những ngày đó, trong một lá thư gửi bạn, bá tước Tréc-nin giải bày rằng giá như có đủ lực lượng cần thiết, họ đã chẳng cần điều đình với những người bên-sê-vích mà có thể đưa quân đến lập lại trật tự ở Pê-tơ-rô-gorát. Dĩ nhiên thì không thiếu. Nhưng đã đủ mạnh chưa? Triều đình Hôhendôléc-nơ có khả năng điều quân chống cuộc cách mạng đang phấn đấu cho một nền hòa bình không? Cách mạng tháng Hai, rồi tháng Mười có ảnh hưởng như thế nào đến quân đội Đức? Tác động ấy sẽ biểu hiện trong thời hạn nào? Vẫn chưa có lời giải đáp cho những câu hỏi đó, phải tìm chúng trong quá trình thương thuyết. Để làm được điều đó, chúng tôi cần phải trì hoãn cuộc đàm phán trong chừng mực có thể. Phải cho công nhân châu Âu có thời gian thấu hiểu bản thân sự kiện cách mạng Nga và đặc biệt là đường lối hòa bình của nó. Điều này lại càng quan trọng hơn vì báo chí các nước Liên minh, hợp lực với báo chí của bọn cơ hội và tư sản Nga, từ lâu nay, đã trình bày những cuộc thương lượng như một tấn hài kịch trong đó vai trò của các diễn viên đã được phân bố khéo léo.

Ngay ở Đức, trong phe đối lập của đảng Xã hội Dân chủ hồi đó -- số này không ngần ngại trong việc quy sự bất lực của họ cho chúng tôi -- cũng có những lời đồn đại cho rằng những người bên-sê-vích chúng tôi thông đồng với chính phủ Đức. Giả thuyết này càng có vẻ đáng tin hơn ở Pháp và Anh. Rõ ràng là nếu giới tư sản và xã hội dân chủ của Liên minh gây được mối nghi ngờ của quần chúng công nhân đối với chúng tôi thì điều đó sau này sẽ vô cùng thuận lợi cho việc Liên minh mở một cuộc can thiệp quân sự chống chúng tôi. Do đó, tôi cho rằng cho đến khi ký một hiệp định đình chiến riêng rẽ, nếu điều đó không tránh khỏi đối với chúng tôi, cần phải chứng tỏ bằng mọi giá cho giới công nhân châu Âu thấy được một cách rõ ràng và

không chối cãi được mỗi thù địch một mất một còn giữa chúng tôi với nước Đức. Chính dưới ảnh hưởng của những suy tính như thế mà ở Bờ-rét-Litôpxcơ, tôi đã tiến đến ý nghĩ phải thị uy chính trị theo chiều hướng như sau: chúng tôi ngừng chiến, giải giáp quân đội nhưng không ký kết hòa bình. Tôi lập luận: nếu đế quốc Đức không có khả năng điều động quân đội chống chúng tôi thì điều này sẽ có nghĩa là chúng tôi đã đạt được thắng lợi to lớn, có những hệ quả không tính hết được. Còn nếu ngược lại, bọn Hôhendôlécơ còn có thể giáng vào chúng tôi một đòn nữa, thì chúng tôi vẫn còn thì giờ để đầu hàng. Tôi hội kiến việc này với các thành viên còn lại trong phái đoàn, trong số đó có Camênhép, tôi được đồng tình và tôi viết thư cho Lênin. Ông trả lời: "Khi nào đồng chí về Mátxcơva, chúng ta sẽ bàn bạc chuyện đó."

-- Thật tốt, không thể đòi hỏi hơn -- Lênin trả lời những luận cứ của tôi --, nếu tướng Hốpman không thể cử quân chống lại chúng ta. Nhưng không có mấy hi vọng về điều này. Để nhằm mục đích đó, ông ta sẽ tìm được những đơn vị tinh nhuệ trong số phú nông xứ Bavari. Và đâu cần phải có nhiều quân lắm để chống lại chúng ta? Bởi chính đồng chí cũng bảo là các chiến hào đều trống không. Và nếu bọn Đức lại tiếp tục cuộc chiến thì sao?

-- Thì chúng ta buộc phải ký kết hiệp định hòa bình. Nhưng trong trường hợp này, ai nấy đều rõ là chúng ta không còn con đường nào khác. Chỉ riêng điều đó cũng đủ giáng một đòn quyết liệt vào câu chuyện thêu dệt về mối quan hệ sau hậu trường giữa chúng ta với bọn Hôhendôlécơ.

-- Điều đó cố nhiên có những mặt ưu điểm của nó, tuy nhiên tất cả ý định này tương đối mạo hiểm. Nếu chúng ta phải chết cho cách mạng Đức thì chúng ta có bốn phận phải làm việc đó. Cách mạng Đức quan trọng hơn cách mạng chúng ta rất nhiều, không thể so sánh được. Nhưng thử hỏi bao giờ nó mới diễn ra? Chúng ta không thể biết. Thành thử, lúc này, không gì quan trọng hơn cách mạng chúng ta trên thế gian này. Phải cứu vãn nó bằng bất cứ giá nào.

Vấn đề này tự nó đã không đơn giản, lại còn bị bồi thêm bằng những khó khăn vô cùng phức tạp trong nội bộ đảng. Trong đảng bên-sê-vích, ít nhất là trong giới lãnh đạo, người ta chống đối không khoan nhượng việc ký kết hiệp định đình chiến với các điều kiện của Bờ-rét. Những bản tường thuật tốc ký xuất hiện trong báo chí của ta về các cuộc đàm phán ở Bờ-rét càng duy trì và làm gay go thêm bầu không khí ấy, vốn biểu hiện rõ rệt nhất trong nhóm cộng sản cánh tả; những người này nêu ra khẩu hiệu "Chiến tranh cách mạng".

Cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng ngày càng ác liệt hơn. Trái với câu chuyện hoang đường được lưu hành sau này, cuộc đấu tranh ấy không xảy ra giữa tôi và Lênin, mà giữa Lênin và đa số các lãnh tụ đảng. Trong các vấn đề chính yếu của cuộc đấu tranh nói trên -- như có thể tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng hay không? có thể chấp nhận hay không việc một chính quyền cách mạng lại ký kết hiệp ước với đế quốc? -- tôi hoàn toàn đứng về phía Lênin, cùng

với ông, tôi trả lời "không" cho câu hỏi thứ nhất và thứ hai.

Lần đầu tiên, chúng tôi thảo luận các bất đồng quan điểm trên phương diện rộng hơn là vào phiên họp những đảng viên cốt cán ngày 21 tháng Giêng 1918. Ba lập trường được hình thành. Lênin bảo vệ ý kiến kéo dài cuộc đàm phán, nhưng đầu hàng ngay lập tức khi có tối hậu thư. Tôi thấy cần thiết phải đưa cuộc đàm phán theo hướng tuyệt giao, chấp nhận nguy cơ quân Đức tiếp tục tấn công để chỉ đầu hàng dưới sức mạnh của bạo lực hiển nhiên. Bukharin đòi tiếp tục chiến tranh để mở rộng vũ trường cách mạng.

Trong cuộc họp ngày 21 tháng Giêng, Lênin tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống những tín đồ của thuyết "Chiến tranh cách mạng" và ông chỉ giới hạn việc phê bình đề nghị của tôi trong một vài câu.

Những người chủ trương chiến tranh cách mạng được 32 phiếu, Lênin được 15 và tôi được 16 phiếu. Ngay cả kết quả bỏ phiếu cũng chưa phản ánh thật rõ ràng bầu không khí ngự trị trong đảng. "Cánh tả" còn mạnh hơn so với biểu hiện của nó trong cuộc họp này, nếu không phải trong quần chúng thì ít nhất cũng trong tầng lớp thượng đỉnh của đảng. Chính điều này đảm bảo thắng lợi tạm thời của cách diễn đạt do tôi đưa ra. Các tín đồ của Bukharin coi công thức của tôi là một bước theo hướng của họ. Ngược lại, Lênin cho rằng -- và ông hoàn toàn có lý -- việc trì hoãn một quyết định cuối cùng sau này sẽ đảm bảo cho thành công của quan điểm của ông. Vào giai đoạn đó, làm sáng tỏ thực trạng tình hình là điều rất quan trọng đối với đảng chúng ta cũng như đối với công nhân Tây Âu. Lênin bị thiếu số trong tất cả những cơ quan lãnh đạo của đảng và nhà nước. Cho đến ngày 5 tháng Ba, đã có hơn hai trăm Xô-viết đăng ký hưởng ứng lời kêu gọi các Xô-viết địa phương của Hội đồng Dân ủy về việc trình bày ý kiến về hòa bình và chiến tranh; trong số đó chỉ có hai Xô-viết lớn là Xô-viết Pêtorôgorát và Xô-viết Xêvaxtôpôn [Sébastopol] (với một số dè dặt nhất định) bỏ phiếu cho hòa bình. Ngược lại, rất nhiều trung tâm công nhân lớn như Mátxcova, Êcachêrinbua [Ekatérinbourg], Khắccốp [Kharkov], Êcachêrinôxláp [Ekatérinoslav], IvanôvôVôdônhexenxcơ [Ivanovo-Voznessensk], Cờrônstát, v.v... tuyên bố đứng về phía chủ trương chấm dứt đàm phán với đại đa số phiếu áp đảo. Những tổ chức đảng của ta cũng có lập trường như thế, chưa kể đến những người xã hội cách mạng cánh tả. Trong giai đoạn ấy, chỉ có thể làm cho quan điểm của Lênin trở nên có hiệu lực bằng cách chia cắt đảng và đảo chính nhà nước; ngoài ra không còn cánh nào khác. Ngược lại, mỗi ngày mỗi lại làm tăng thêm số người đồng ý với Lênin. Trong những hoàn cảnh như thế, công thức "không chiến, không hòa" là một cái cầu khách quan dẫn đến lập trường của Lênin. Đa số đảng viên, hoặc chí ít là đa số lãnh tụ đảng, đã đi qua chiếc cầu này.

-- Được rồi, cứ giả thiết là chúng ta từ chối không ký hiệp định hòa bình và sau đó quân Đức sẽ tiến công. Khi ấy đồng chí làm gì nào? -- Lênin gạn hỏi tôi.

-- Chúng ta ký đình chiến dưới bóng lưỡi lê. Tình thế sẽ sáng tỏ trước to àn thế giới.
-- Trong trường hợp ấy, đồng chí sẽ không ủng hộ khẩu hiệu "chiến tranh cách mạng" chứ?
-- Không đời nào!
-- Theo cách đặt vấn đề như thế, thử nghiệm này cũng không có vẻ nguy hiểm lắm. Chúng ta đánh liều để mất Extôni [Estonie] và Létôni -- Lênin nói và mỉm cười ranh mãnh, ông tiếp: -- Chỉ để làm lành với Trốttxki, mất Létôni và Extôni cũng bỏ.

Trong mấy ngày sau đó, câu ấy được ông lặp đi lặp lại.

Trong phiên họp quyết định ngày 22 tháng Giêng của Ban Trung ương, đề nghị của tôi được chấp nhận: kéo dài các cuộc đàm phán, trong trường hợp nước Đức đưa tối hậu thư, chúng tôi tuyên bố cuộc chiến kết thúc nhưng không ký kết hòa bình; sau đó, hành động tùy theo tình hình.

Đêm khuya ngày 25 tháng Giêng, trong cuộc họp chung những Ban Trung ương bên-sê-vích và các đồng minh của chúng tôi thời ấy -- những người xã hội cách mạng cánh tả --, công thức này được chấp nhận với một đa số áp đảo. Một quyết định được đưa ra: như người ta thường làm hồi đó, nghị quyết chung này được coi là nghị quyết của Hội đồng Dân ủy.

Ngày 31 tháng Giêng, từ Bôrét tôi thông báo với Lênin, lúc đó đang ở điện Xmôn-nui, qua đường dây điện thoại trực tiếp:

Giữa vô số những chuyện đồn đại và tin tức, có một bản tường thuật vô lý lọt vào báo chí Đức: theo nó, chúng ta đang chuẩn bị từ chối việc ký kết hòa bình một cách không úp mở và dường như trong vấn đề này, có sự bất đồng ý kiến giữa những người bên-sê-vích v.v... và v.v... Ở đây, tôi nghĩ đến một bức điện tín từ Xtốckhôm có nội dung tương tự, bức điện ấy coi nguồn tin này xuất phát từ tờ *Politiken* (Chính trị). Nếu tôi không nhầm, *Politiken* là cơ quan ngôn luận của Höglund. Bằng một cách nào đó, có thể hỏi ông ta: làm sao tòa soạn của ông lại có thể đăng tải những điều hỗn tạp lạ lùng đến như thế, nếu quả thực mẩu tin đó xuất hiện trên mặt báo của ông? Bởi lẽ báo chí tư sản đầy rẫy những lời đồn đại đủ kiểu, chắc người Đức sẽ không mấy quan tâm đến tin này. Nhưng đây lại là một tờ báo cánh tả mà một biên tập viên lại ở Pêtơrôgôrát. Điều đó đem lại một thứ xác tín cho bản thông báo, mặc dầu nó chỉ gieo thêm hoang mang trong đầu những người cùng phe với chúng ta.

Báo chí Áo-Hung tràn ngập tin tức về những vụ giết chóc kinh hoàng ở Pêtơrôgôrát, ở Mátxcova và nói chung, ở Nga: hàng trăm, hàng ngàn người chết, súng máy nổ liên hồi và những vụ việc tương tự. Khẩn thiết phải ủy nhiệm một người có đầu óc mang những tin tức về tình thế hàng ngày đến Hãng Thông tấn Pêtơrôgôrát và đài phát thanh. Tốt hơn hết nếu đồng chí Dinôviép đảm nhiệm công tác này, một nhiệm vụ có tầm quan trọng vô cùng to lớn. Đặc biệt, cần phải gửi những thông tin ấy cho Vôrôpxki [Vorovsky] và Lítvinốp [Litvinov]. Có thể

giao Tritrêrin làm việc đó.

Chúng ta m ới chỉ có một phiên họp duy nhất, hoàn toàn mang tính hình thức. Người Đức trì hoãn cuộc đàm phán một cách bất thường, có lẽ do khủng hoảng nội bộ. Báo chí Đức bắt đầu lu loa rầm rĩ rằng chúng ta hoàn toàn không muốn hòa bình, chúng ta chỉ tính đến chuyện mang cách mạng sang các nước khác. Những kẻ xuẩn ngốc ấy không thể hiểu được rằng đối với chúng ta, muốn phát triển cách mạng châu Âu, điều quan trọng trước nhất là phải ký kết hòa bình nhanh chóng.

Đã có những biện pháp để trục xuất đại sứ quán Rumani chưa? Tôi đoán vua Rumani đang ở Áo. Theo một tờ báo Đức, không phải tài sản quốc gia mà trữ lượng vàng của Ngân hàng Quốc gia Rumani đang ở chỗ chúng ta tại Mátxcova. Thiện cảm của nước Đức chính thống cố nhiên hoàn toàn hướng về Rumani.

Tr ốtxki của các đồng chí. Cần giải thích đôi chút về bản báo cáo này. Những tin tức truyền qua hệ thống điện tín Hiudo

[Hughes] chính th ức được coi là không bị nghe trộm. Nhưng chúng tôi có đủ cơ sở để nghĩ rằng ở Bờrét, người Đức đọc thư tín trao đổi của chúng tôi qua đường dây trực tiếp: chúng tôi đánh giá họ đúng mức trên phương diện kỹ thuật. Chúng tôi không có khả năng mã hóa tất cả thư từ, vả lại chúng tôi cũng không tin tưởng lắm vào thứ mật mã ấy. Mặc dầu tờ *Politiken* của Höglund đã đăng tải không đúng lúc một tin từ nguồn bậc nhất, và điều này gây cho chúng tôi khá nhiều tai hại. Thành thử, toàn bộ việc trao đổi tin tức trên không nhằm mấy vào mục đích thông báo cho Lênin biết và lưu ý ông rằng quyết định của chúng tôi đã bị lộ ra ở ngoại quốc, mà cái chính là để đánh lừa người Đức. Nhắm vào các nhà báo, tôi dùng cụm từ "những kẻ xuẩn ngốc" hết sức bất lịch sự để cho bức điện có vẻ "tự nhiên" ở mức cao nhất. Tôi không thể nói mưu kế nhỏ nhặt này đã đánh lừa được Quyloman đến mức nào. Dù sao đi nữa, lời tuyên bố ngày 10 tháng Hai của tôi đã tác động bất ngờ đến những kẻ thù của chúng tôi. Ngày 11 tháng Hai, Trécnin viết trong nhật ký của ông:

Trốtxki từ chối ký. Chiến tranh kết thúc, nhưng hòa bình chưa được ký kết. (trang 337)

G ần như không thể tưởng tượng được, nhưng vào năm 1924, trường phái Xtalin-Dinôviép đã cố trình bày sự việc như thế ở Bờrét, tôi đã hành động *trái ngược* với nghị quyết của đảng và chính phủ. Những kẻ giả mạo khốn khổ còn không chịu bỏ sức, ít nhất cũng để liếc mắt nhìn qua những biên bản cũ, hoặc đọc lại những lời tuyên bố của chính họ. Ngày 11 tháng Hai, tức là một ngày sau khi tôi đọc bản tuyên bố ở Bờrét, Dinôviép khẳng định tại Xô-viết Pêtorôgorát:

Phái đoàn của chúng ta đã tìm thấy lối thoát đúng đắn duy nhất trong tình thế lúc đó.

Cũng chính Dinôviép đề xuất nghị quyết tán thành việc từ chối ký hiệp định hòa bình, quyết định này được đa số thông qua với một phiếu chống, những người men-sê-vích và xã hội cách mạng bỏ phiếu trắng. Ngày 14 tháng Hai, qua bài phát biểu của tôi trong Ban Chấp hành Trung ương liên Nga, thay mặt phe bên-sê-vích, Xvéclốp trình bày dự thảo nghị quyết, khởi đầu bằng câu:

Sau khi đã nghe và thảo luận bản báo cáo của phái đoàn tham gia hòa đàm, Ban Chấp hành Trung ương liên Nga hoàn toàn tán thành cách giải quyết của các đại diện phái đoàn ở Bờrét.

Trong khoảng thời gian từ ngày 11 đến 15 tháng Hai, không có một tổ chức đảng hay Xô-viết địa phương nào lại không chuẩn y nghị quyết tán thành hành động của phái đoàn Xô-viết. Tại Đại hội đảng tháng Ba năm 1918, Dinôviép tuyên bố:

Trốtxki có lý khi đồng chí khẳng định rằng đồng chí đã hành động đúng với quyết định của đa số trong một Ban Trung ương có đủ quyền biểu quyết. Không ai nghi ngờ điều này...

Cuối cùng trong Đại hội này, bản thân Lênin cũng kể lại "trong Ban Trung ương, đề nghị không ký kết hòa bình đã được mọi người chuẩn y" như thế nào.

Tất cả những điều này không ngăn trở một tín điều được cắm rễ trong Quốc tế Cộng sản, theo nó việc từ chối ký kết hòa bình ở Bờrét là một quyết định cá nhân của Trốtxki.

Sau những cuộc đình công tháng Mười ở Đức và Áo, việc chính phủ Đức có quyết định mở cuộc tấn công hay không, đối với chúng tôi và đối với cả chính phủ Đức, không phải là điều hiển nhiên như lời tuyên bố của một số kẻ thông thái thời nay, khi sự việc đã rồi. Ngày 10 tháng Hai, các phái đoàn Đức và Áo-Hung ở Bờrét rút ra kết luận rằng "phải chấp nhận trạng thái do Trốtxki đề nghị trong các bản tuyên bố của ông". Riêng tướng Hốpman chống lại. Ngày hôm sau, theo lời Trécnin, trong phiên họp bế mạc ở Bờrét, Quylôman nói với vẻ hoàn toàn quả quyết về sự cần thiết phải chấp nhận hòa bình *de facto*. Tiếng vọng của các ý kiến trên lập tức đến tai chúng tôi. Phái đoàn chúng tôi từ Bờrét trở về Mátxcova với cảm giác quân Đức sẽ không tấn công. Lênin rất hài lòng với kết quả đạt được.

-- Nhưng chúng không đánh lừa ta đấy chứ? -- tuy vậy, ông vẫn gạn hỏi.

-- Có lẽ không -- chúng tôi giang tay trả lời.

-- Thế thì được -- Lênin nói. -- Nếu đúng như thế thì càng hay: chúng ta giữ được thể diện và ra khỏi được cuộc chiến tranh.

Nhưng hai ngày trước khi thời hạn một tuần kết thúc, tướng Xamôilô [Samoilo] ở lại Bờrét gửi điện báo cho chúng tôi tin người Đức, theo tuyên bố của tướng Hốpman, kể từ đêm 18 tháng Hai, tự coi ở trong tình trạng chiến tranh với chúng ta và do đó, họ kêu gọi Xamôilô rời Bờrét. Lênin là người đầu tiên cầm bức điện ấy trong tay. Đúng lúc đó tôi đang ở trong phòng làm việc

của ông và chúng tôi đang nói chuyện với những người xã hội cách mạng cánh tả. Lênin lắng lắng đưa cho tôi bức điện. Tôi lập tức đoán ra chuyện chẳng lành từ cái nhìn của ông. Lênin vội vã chấm dứt cuộc nói chuyện với những người xã hội cách mạng và mời họ ra về để chúng tôi có thể thảo luận trước tình hình mới.

-- Thế là bọn chúng vẫn đánh lừa ta. Chúng thắng ta năm ngày... Con mãnh thú này chẳng chịu để mất gì đâu. Giờ thì chẳng còn cách nào khác, ngoài việc ký kết những yêu sách cũ của chúng, nếu bọn chúng còn chịu duy trì những điều kiện ấy.

Tôi vẫn tiếp tục khẳng khái giữ ý kiến phải chờ Hốpman phản công thực sự để giới công nhân Đức cùng công nhân các nước Liên minh có thể thấy cuộc tấn công ấy là sự thật, chứ không phải là một đe dọa đơn thuần.

-- Không -- Lênin phản bác. -- Chúng ta không thể đánh mất một giờ nào nữa. Thử nghiệm đã kết thúc. Hốpman muốn và hẳn có thể gây nên chiến tranh. Không thể trì hoãn được nữa. Con mãnh thú này vồ mồi nhanh lắm.

Tháng Ba, Lênin nói trong Đại hội đảng:

-- Giữa chúng tôi (tức là giữa tôi và ông) có một thỏa thuận là chúng ta sẽ giữ vững chừng nào người Đức chưa đưa ra tối hậu thư, rồi sau tối hậu thư thì chúng ta đầu hàng.

Trên kia tôi đã nói về điều kiện này. Sở dĩ Lênin chấp thuận không công khai phê bình công thức của tôi trước đảng chỉ vì tôi đã hứa với ông là tôi sẽ không ủng hộ những ai chủ trương thuyết "chiến tranh cách mạng". Những đại diện chính thức của nhóm này -- Urítxki, Radéc và hình như cả Ôxinxki [Ossinsky]

-- đề nghị lập một "chiến tuyến duy nhất" với tôi. Tôi không để họ có chút nghi ngờ nào về việc không có gì giống nhau giữa quan điểm của chúng tôi. Khi Bộ Tổng tham mưu Đức cảnh cáo rằng họ đã bác bỏ cuộc đình chiến, Lênin nhắc tôi về qui ước giữa hai chúng tôi. Tôi trả lời ông: đối với tôi, điều đáng kể không phải là tối hậu thư bằng lời nói mà là một cuộc tấn công thực sự của người Đức, cuộc tấn công này sẽ làm tiêu tan mọi ngờ vực về mối quan hệ đích thực giữa chúng ta với họ.

Trong phiên họp ngày 17 tháng Hai, Ban Trung ương lấy biểu quyết một vấn đề sơ bộ: "Nếu thực tế chúng ta thấy có một cuộc tấn công của quân Đức và nếu không có cuộc nổi dậy cách mạng nào ở Đức, chúng ta có ký kết hòa bình không?" Về vấn đề cơ bản này, Bukharin và những người cùng ý kiến với anh bỏ phiếu trắng, Corexchinxki [Krestinsky] cũng theo họ. Giôphê bỏ phiếu chống, Lênin và tôi bỏ phiếu thuận. Nhưng sáng hôm sau, tôi phản đối việc gửi cấp tốc bức điện do Lênin thảo ra, với nội dung sẵn sàng ký kết hòa bình. Tuy nhiên trong ngày hôm đó, những tin tức qua điện tín cho biết quân đội Đức đã tiếp tục tiến công, chúng chiếm đoạt những thiết bị quân sự và tiến về hướng Đovinxơ [Dvinsk]. Buổi tối, tôi bỏ phiếu

tấn thành việc gửi bức điện của Lênin: lúc đó không còn gì để nghi ngờ, tin quân Đức tấn công đã được cả thế giới biết đến.

Ngày 21 tháng Hai, người Đức lại đưa ra những điều kiện mới, dường như được tìm ra để vô hiệu hóa việc ký kết hiệp định hòa bình. Vào thời điểm phái đoàn chúng tôi đặt chân đến Bờ-rét, như ai nấy đều biết, các điều kiện của người Đức còn nặng nề hơn nữa. Trong một chừng mực nào đó, tất cả chúng tôi, kể cả Lênin, đều có cảm giác người Đức chắc hẳn đã thỏa thuận với Liên minh để phá tan các Xô-viết và chuẩn bị cho hòa bình ở mặt trận phía Tây trên tử thi của cách mạng Nga. Nếu quả thực sự việc đã đến mức ấy thì không còn một sự nhân nhượng nào có thể cứu vãn nổi tình thế. Diễn biến các sự kiện ở Ucraina và Phần Lan làm nghiêng mạnh cán cân về phía chiến tranh. Mỗi giờ lại đem đến một tin không tốt lành. Chúng tôi biết tin quân Đức đã tràn vào Phần Lan và bắt đầu triệt phá các hội đồng công nhân. Tôi đụng phải Lênin tại hành lang, không xa phòng làm việc của ông. Ông hết sức lo lắng. Trước đó cũng như sau đó, không bao giờ tôi thấy ông ở trong trạng thái như thế.

-- Ừ phải -- ông nói --, chúng ta phải chiến đấu mặc dù không có phương tiện. Có lẽ không còn lối thoát nào khác.

Nhưng mười, mười lăm phút sau, khi tôi vào phòng làm việc của ông, Lênin nói:

--Không, không được thay đổi đường lối của chúng ta. Cuộc tấn công của chúng ta không thể cứu vãn nước Phần Lan cách mạng, ngược lại chắc chắn chúng ta sẽ bị thất bại. Chúng ta giúp đỡ công nhân Phần Lan trong phạm vi có thể, nhưng không được rời bỏ lập trường hòa bình. Tôi không biết giờ đây điều này có cứu nổi chúng ta hay không? Nhưng dù sao, đó là con đường duy nhất để chúng ta có thể thoát hiểm.

Tôi rất hoài nghi về khả năng có thể đạt được nền hòa bình, dù phải trả giá bằng sự đầu hàng toàn diện. Nhưng Lênin quyết định đi đến cùng con đường hạ vũ khí này. Và bởi vì ông không có đa số trong Ban Trung ương và quyết định phụ thuộc vào lá phiếu của tôi, tôi bỏ phiếu trắng để đảm bảo cho Lênin có thêm một phiếu đa số. Tôi giải thích động cơ khiến tôi bỏ phiếu trắng như vậy. Tôi suy luận như sau: nếu sự đầu hàng không mang lại hòa bình, chúng tôi sẽ tổ chức mặt trận của đảng để bảo vệ cách mạng bằng hình thức vũ trang, đó là điều kẻ thù buộc chúng tôi phải làm.

-- Tôi cho rằng -- tôi nói với Lênin trong một cuộc nói chuyện riêng -- trên phương diện chính trị, tôi nên từ chức dân ủy Ngoại giao thì hợp lý hơn.

-- Tại sao? Tôi mong rằng chúng ta sẽ không áp dụng những phương pháp theo kiểu nghị viện.

-- Nhưng với người Đức, việc tôi từ chức đánh dấu một bước ngoặt tận cội rễ trong đường lối chính trị và làm tăng lên niềm tin tưởng của chúng, rằng lần này quả thực chúng ta sẵn sàng ký kết hiệp định hòa bình.

-- Có thể -- Lênin nói, giọng suy nghĩ --, đây quả là một luận cứ chính trị xác đáng.

Ngày 22 tháng Hai, trong phiên họp Ban Trung ương, tôi báo cáo về việc phái đoàn quân sự Pháp đề trình lên tôi đề nghị chung của Pháp và Anh, theo đó họ ủng hộ chúng ta trong cuộc chiến tranh với Đức. Tôi tuyên bố chấp nhận đề nghị đó, cố nhiên với điều kiện đường lối ngoại giao của chúng ta phải hoàn toàn được độc lập. Bukharin cho rằng không thể chấp nhận bất cứ thứ hiệp định nào với bè lũ đế quốc. Lênin kiên quyết ủng hộ tôi và Ban Trung ương phê chuẩn đề nghị của tôi với 6 phiếu thuận trên 5 phiếu chống. Tôi còn nhớ Lênin đọc bản nghị quyết với những lời lẽ như sau:

Ủy nhiệm đồng chí Trótxki chấp nhận sự hỗ trợ của bọn đế quốc Pháp để chống lại bọn Đức ăn cướp.

Lênin luôn luôn ưa thích những cách diễn đạt không để lại chút nghi ngờ.

Ra khỏi phòng họp, Bukharin theo sau tôi trong hành lang dài của điện Xmôn-nui, anh nắm lấy tôi bằng cả hai tay và òa khóc nức nở.

-- Chúng ta đã làm gì? -- anh nói. -- Chúng ta biến đảng thành một đồng phân!

Thường thường, Bukharin rất mau nước mắt và thích các biểu hiện tự nhiên chủ nghĩa. Nhưng lần này tình thế diễn biến thật bi thảm. Cách mạng lâm vào cảnh trên đe dưới búa.

Ngày 3 tháng Ba, phái đoàn chúng tôi ký mà không buồn đọc hiệp ước đình chiến. Dường như đi trước những suy tưởng của Colê-măng-xô, chúng tôi có thể nói rằng hòa bình Bô-rét là một cái thòng lọng treo cổ. Ngày 22 tháng Ba, Rây-stác [Reichstag] (Quốc hội Đức) cũng phê chuẩn hiệp ước hòa bình. Các nhà xã hội dân chủ Đức đã chấp thuận từ trước những nguyên tắc của Hội nghị Véc-xây [Versailles] sau này. Những người xã hội dân chủ độc lập bỏ phiếu chống; đến nay họ mới vạch ra cái đường biểu diễn cần cỗi, cuối cùng sẽ đưa họ về điểm xuất phát.

Nhìn lại chặng đường đã qua, tại Đại hội VII của đảng bôn-sê-vích (tháng Ba năm 1918), tôi đã phác họa khá rõ ràng và kỹ lưỡng về lập trường của tôi. Tôi nói:

Nếu thực sự muốn ký kết một hiệp ước hòa bình có lợi nhất, lẽ ra chúng ta phải ký kết ngay từ tháng Mười một. Nhưng ngoài Dinô-viép, không ai lên tiếng theo chiều hướng đó: tất cả chúng ta đều theo quan điểm phải cách mạng hóa giai cấp công nhân Đức, Áo-Hung và toàn châu Âu bằng hoạt động tuyên truyền. Tuy nhiên, mọi cuộc đàm phán trước đây của chúng ta với người Đức chỉ có ảnh hưởng cách mạng hóa trong chừng mực người ta coi đó là tiền mặt. Trong phiên họp của phe bôn-sê-vích tại Đại hội liên Nga các Xô-viết lần thứ III, tôi đã báo cáo về việc cự bộ trưởng Áo-Hung Gô-rát-xơ [Gratz] tuyên bố: người Đức chỉ cần một cái có để đặt chúng ta trước tối hậu thư. Họ cho rằng ngay từ đầu, chúng ta cũng đã tính đến tối hậu thư..., rằng từ lâu nay, chúng ta đã tự nguyện ký kết *bất cứ thứ gì*, rằng chúng ta chỉ diễn một tấn hài kịch cách

mạng. Trong một tình thế như vậy, nếu chúng ta không ký, chúng ta có nguy cơ mất Revan [Reval] và các thành phố khác, nhưng nếu ký sớm quá, chúng ta có nguy cơ mất mối thiện cảm của phần lớn vô sản trên thế giới. Tôi là một trong những người cho rằng quân Đức có thể không tấn công, nhưng nếu chúng tấn công, chúng ta vẫn có thì giờ để ký thứ hòa bình này, dù phải chịu những điều kiện tồi tệ hơn nữa. Thời gian trôi qua, tôi tự nhủ, mọi người sẽ nhận thấy rằng chúng ta không còn con đường nào khác...

Đáng chú ý là cũng vào thời gian đó, Lípnech viết những dòng sau từ đáy nhà tù: Dù sao đi nữa cũng không thể khẳng định rằng đối với diễn tiến sau này của sự việc, giải pháp hiện tại tồi tệ hơn là sự đầu hàng có thể đưa ra ở Bờrét từ đầu tháng Hai. Trái lại mới đúng. Một sự đầu hàng như thế hẳn đã làm sáng tỏ từ khía cạnh xấu nhất toàn bộ sự kháng cự trước đó và khiến bạo lực cuối cùng lộ ra như một *vis haud ingrata*. Tính trâng tráo quá quắt, sự vô nhân trong hành động cuối cùng của nước Đức đã *đẩy lui vào hậu trường mọi sự nghi ngờ*. (trang 51)

Lípnech đã tiến bộ rất nhiều trong chiến tranh, khi rốt cục ông đã biết rằng có một vực thẳm ngăn cách ông với Hade [Haase], con người lương thiện nhưng thiếu nghị lực. Chẳng cần phải nói rằng Lípnech là một nhà cách mạng dũng cảm quên mình. Nhưng ông mới vừa bắt đầu xây dựng con người chiến lược trong ông. Điều đó thể hiện trong vấn đề hình thành số phận cá nhân ông và cả trong vấn đề đường lối cách mạng của ông. Những toan tính liên quan đến sự an toàn cá nhân hoàn toàn xa lạ đối với ông. Sau khi bị bắt, nhiều bạn bè của Lípnech chỉ biết lắc đầu trước "sự bông bột" quên mình của ông. Ngược lại, Lênin vô cùng quan tâm đến sự an toàn của nhóm lãnh đạo. Ông là tổng tham mưu trưởng và không bao giờ ông quên rằng trong thời chiến, phải tìm một địa điểm an toàn cho Bộ Tổng tham mưu. Lípnech là vị tư lệnh đích thân cầm quân ra trận. Một phần cũng vì thế mà rất khó khiến ông hiểu được chiến lược của chúng tôi ở Bờrét-Litôpxơ. Thoạt đầu, dường như Lípnech muốn chúng tôi thách thức và giáp mặt với số phận. Hồi đó, hơn một lần ông phê phán "đường lối chính trị của Lênin và Trốtxki" và ông hoàn toàn có lý khi ông không hề phân biệt đường lối của Lênin và của tôi trong vấn đề cơ bản đó. Tuy nhiên sau đó ông bắt đầu đánh giá đường lối chính trị ở Bờrét theo cách khác. Đầu tháng Năm, Lípnech viết:

Trước hết và hơn mọi thứ khác, các Xô -viết Nga cần thiết một cái gì đó, không phải là sự biểu dương lực lượng và dàn cảnh mà là một sức mạnh nguyên sơ cứng rắn. Để đạt được điều đó, dù sao, ngoài nghị lực, còn phải có trí tuệ và thời gian -- trí tuệ để giành được thời gian, điều không thể thiếu được ngay cả với thứ nghị lực cao nhất và thông tuệ nhất. (trang 102)

Như vậy, Lípnech hoàn toàn thừa nhận đường lối ở Bờrét của Lênin, nhằm tranh thủ thời gian. Chân lý tự mở đường tiến lên. Nhưng sự ngu xuẩn cũng dai dẳng. Giáo sư Mỹ Phiso [Fischer], trong cuốn sách dày cộp mang tựa đề *The Famine in Soviet Russia* (Nạn đói ở nước

Nga-Xô-viết) viết về những năm đầu của nước Nga-Xô-viết đã gán cho tôi cái ý nghĩ các Xô-viết không bao giờ gây chiến tranh và không bao giờ ký kết hòa bình với các chính quyền tư sản. Cũng như nhiều kẻ khác, Phiso sao lục từ Dinôviép và nói chung, từ bọn kế nghiệp; ông ta chêm vào một chút từ đầu óc thiển cận của ông. Điều đó chứng tỏ ông chẳng hiểu gì hết. Những kẻ phê bình tôi đã quá chậm trễ, từ lâu họ đã tách rời đề nghị của tôi khỏi các hoàn cảnh thời gian và không gian và biến nó thành một công thức "vạn năng" để dễ bề đẩy nó đến chỗ *ad absurdum*. Tuy nhiên, giữa chừng họ không nhận ra rằng trạng thái "không chiến, không hòa", hay nói đúng hơn "không *hiệp ước* hòa bình, không chiến tranh", tự bản thân nó không có gì là phản tự nhiên. Hiện nay chúng ta vẫn còn có những mối quan hệ như thế với các cường quốc trên thế giới: Hoa Kỳ và Anh. Đúng là những quan hệ ấy được hình thành trái với ý muốn của chúng ta, nhưng điều này không làm thay đổi bản chất vấn đề. Ngoài ra, còn có một quốc gia mà chúng ta cũng có sáng kiến thiết lập với họ thái độ "không hòa, không chiến", đó là Rumani. Lạ thay, những kẻ phê phán tôi -- trong khi gán cho tôi cái công thức "vạn năng" mà họ coi là hoàn toàn phi lý -- đã không nhận thấy rằng họ chỉ nhắc lại cái "công thức phi lý" của những mối quan hệ thực sự giữa Liên Xô và hàng loạt quốc gia khác.

Bản thân Lenin có cái nhìn như thế nào về giai đoạn Bờrét, khi chúng ta đã qua nó? Nói chung, Lenin không coi mối bất đồng mang tính giai đoạn giữa chúng tôi là điều đáng nhắc lại. Ngược lại, hơn một lần, ông nói về "tầm quan trọng rất to lớn của những cuộc đàm phán ở Bờrét trên góc độ tuyên truyền" (hãy xem, chẳng hạn, diễn văn của ông ngày 17 tháng Năm 1918).

Một năm sau thời kỳ Bờrét, Lenin phát biểu như sau trong Đại hội đảng:

Bị cô lập ghê gớm khỏi Tây Âu và các nước khác..., chúng ta không thể nắm bắt một thứ tư liệu khách quan nào khiến qua đó, chúng ta có thể phán đoán quá trình tiến triển nhanh chậm hoặc các hình thức phát triển của cách mạng vô sản phương Tây. Tình hình phức tạp ấy dẫn đến kết quả vấn đề hòa bình ở Bờrét đã gây nên nhiều bất đồng trong đảng ta" (diễn văn ngày 18 tháng Ba 1919).

Cần phải đặt thêm một câu hỏi nữa: thử hỏi, trong những ngày ấy, những kẻ sau này phê phán và buộc tội tôi đã có thái độ như thế nào? Gần một năm ròng, Bukharin đấu tranh kịch liệt chống Lenin (và chống tôi), anh đe dọa chia cắt đảng. Trong cuộc chiến ấy, anh có các bạn đồng hành là Quybusép [Kouibychév], Iarôxlápki, Búpnoop [Bubnov] và nhiều thành viên trụ cột ngày nay của phe xta-lin-nít. Trái lại, Dinôviép đòi ký ngay đình chiến, sẵn sàng từ chối diễn đàn tuyên truyền ở Bờrét. Lenin và tôi cùng phê phán lập trường ấy. Ở Bờrét, Camênhép tán đồng công thức của tôi, song khi về Mátxcova anh lại ngả theo Lenin. Rucốp lúc đó không phải là ủy viên Ban Trung ương và vì thế không tham gia các phiên họp mang tính quyết định. Décxinxki chống lại Lenin nhưng trong kỳ bỏ phiếu lần cuối, anh ngả theo Lenin. Còn Xtalin

theo lập trường nào? Cũng như mọi lần, ông ta chẳng có lập trường độc lập nào cả. Ông ta chờ đợi và mưu toan.

-- Ông cụ vẫn luôn luôn tin vào hòa bình -- Xtalin nói, đồng thời dùng vai hích tôi về phía Lênin

--, chẳng được đâu.

Rồi ông ta đến chỗ Lênin và chắc là lại lặp lại những nhận xét tương tự về tôi.

Xtalin không bao giờ công khai phát biểu quan điểm của mình. Những bất đồng ý kiến của ông ta chẳng bao giờ khiến ai để ý đến một cách đặc biệt. Không chút nghi ngờ, mối lo chủ yếu của tôi -- làm sao cho vô sản thế giới thấu hiểu thật rõ ràng cách xử lý của chúng ta trong vấn đề hòa bình -- chỉ mang tầm quan trọng thứ yếu đối với Xtalin. Ông ta để tâm đến "hòa bình trong một xứ", cũng như sau này ông ta chú ý đến "chủ nghĩa xã hội trong một xứ". Khi bỏ phiếu quyết định, Xtalin đứng về phía Lênin. Chỉ sau đó nhiều năm, để đánh vào chủ nghĩa trốt-kít, ông ta mới tự tạo ra cho bản thân một thứ "quan điểm" về các sự kiện ở Bờrét.

Tôi nghĩ không nên tiếp tục tốn thì giờ về sự việc này. Dù thế đi nữa, tôi cũng đã giành quá nhiều chỗ một cách không cân đối cho những bất đồng quan điểm ở Bờrét. Nhưng tôi thấy cần thiết phải vạch ra, ít nhất là một tình tiết, trong tất cả bề rộng của nó để nêu lên những gì đã xảy ra trong thực tế và sau này người ta xếp đặt chúng như thế nào. Ở đây, một trong những nhiệm vụ của tôi là đặt những kẻ kể nghiệp vào đúng chỗ của họ.

Về phần Lênin, không một người nghiêm túc chút đỉnh nào lại có thể nghi ngờ tôi có thứ tình cảm, mà tiếng Đức gọi là *Rechthaberei*, đối với ông. Khá lâu trước những người khác, trước công luận, tôi đã đánh giá vai trò của Lênin trong những ngày ở Bờrét. Ngày 3 tháng Mười 1918, tôi phát biểu trong phiên họp bất thường của các cơ quan cấp cao thuộc chính quyền Xô-viết:

Tôi nhận thấy tôi có bốn phận phải tuyên bố trong hội nghị đầy uy tín này, rằng trong những giờ phút quyết định, khi nhiều người trong số chúng ta -- kể cả tôi -- còn nghi ngờ tự hỏi có cần thiết, có chấp nhận được hay không việc ký hòa ước Bờrét- Litốpxcơ, đồng chí Lênin là người duy nhất -- chống lại nhiều người chúng ta với một sự kiên trì và sáng suốt vô song -- khẳng định rằng chúng ta phải qua bước đó để đến với cách mạng của giai cấp vô sản thế giới. Và bây giờ phải thú nhận rằng chúng ta đã không có lý.

Tôi không phải đợi những khám phá muộn màng của tập đoàn kể nghiệp để thừa nhận thái độ dũng cảm chính trị và thiên tài của Lênin đã cứu nền chuyên chính vô sản trong những ngày ở Bờrét. Bằng những lời trên đây, tôi đã nhận phần trách nhiệm sai lầm lớn hơn so với phần tôi phải nhận thay người khác. Tôi làm như vậy để nêu gương. Biên bản tốc ký ghi nhận lại ở đoạn này: "vỗ tay kéo dài". Bằng cách đó, đảng muốn chứng tỏ rằng đảng thấu hiểu và tán thành thái

độ của tôi đối với Lênin, vốn xa lạ với mọi thứ tầm thường và ganh tị. Tôi hiểu quá rõ vai trò của Lênin có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng, đối với lịch sử và đối với cả cá nhân tôi. Ông là người thầy của tôi. Điều này không có nghĩa là sau ông chút ít, tôi lặp lại những lời nói và cử chỉ của ông. Nhưng tôi học được ở ông phương cách để tự mình tìm đến những quyết định mà ông đã tìm thấy.

CHƯƠNG XXXIII MỘT THÁNG Ở XVIIAGIO'XCƠ

Mùa xuân và mùa hè 1918 là thời kỳ vô cùng khó khăn. Chỉ đến lúc đó, mọi hậu quả của cuộc Thế chiến mới được thể hiện. Thỉnh thoảng, người ta có cảm giác tất cả đều trôi tuột, đều tan vụn, không thể bầu vịu được vào đâu. Người ta nảy ra một câu hỏi: liệu có đủ sinh lực để duy trì chế độ mới và bảo vệ nền độc lập của nó trong một quốc gia kiệt quệ, bị tàn phá và vô vọng hay không? Không có lương thực. Không có quân đội. Các tuyến đường sắt hoàn toàn bị phá hủy. Bộ máy nhà nước vừa mới hình thành. Các âm mưu phiến loạn lan ra khắp nơi.

Phía Tây, quân Đức chiếm Ba Lan, Litva, Estônia, Bêlôrútchia [Biélorussie] và một phần lớn lãnh thổ Đại Nga. Pờxơcốp [Pskov] nằm trong tay người Đức. Ucraina trở thành thuộc địa của Áo-Hung. Trong các vùng ven sông Vônga [Volga], mạng lưới gián điệp Pháp và Anh dấy lên một đạo quân Tiệp Khắc, nguyên là tù binh. Qua viên đại diện quân sự, Bộ Tổng tham mưu Đức cho tôi biết nếu quân Bạch vệ tiến tới Mátxcova từ hướng Đông, quân Đức cũng sẽ tiến đến Mátxcova, -csa [Orcha] và Pờxơcốp từ hướng Tây để ngăn ngừa sự hình thành một trận tuyến mới ở phía Đông. Chúng tôi lâm vào cảnh trên đe dưới búa. Phía Bắc, quân đội Anh và Pháp chiếm Muốcmánxcơ [Mourmansk] và Áckhanghenxcơ, đe dọa tràn vào Vôlốđđa [Vologda]. Ở Iarôxláp [Iaroslavl], theo yêu cầu trực tiếp của đại sứ Pháp Nulon và phái viên Anh Lockhart, Xavincốp [Savinkov] tổ chức cuộc nổi loạn của binh lính Bạch vệ với mục đích thiết lập sự liên lạc qua Vôlốđđa và Iarôxláp giữa quân đội Đồng minh phía Bắc và bọn Tiệp và Bạch vệ vùng ven sông Vônga. Các băng đảng của Đútốp [Doutov] phá phách tại vùng Uran [Oural]. Phía Nam, trên sông Đông, nổ ra cuộc bạo loạn do Coraxnốp tổ chức, thời đó ông ta là đồng minh trực tiếp của quân Đức. Những người xã hội cách mạng cánh tả mưu đồ chống đối vào tháng Bảy, họ ám hại bá tước Mirobách [Mirbach] và mưu toan nổi loạn ở mặt trận phía Đông. Họ muốn buộc chúng ta phải gây chiến với người Đức. Trận tuyến của cuộc nội chiến ngày càng trở thành vòng xích siết chặt Mátxcova.

Sau khi Ximbi ếc [Simbirsk] thất thủ, một quyết định được đưa ra: tôi phải đến vùng Vônga là nơi hiểm nguy lớn nhất đang đe dọa. Tôi bắt đầu tổ chức một đoàn tàu. Thời ấy, công việc này không dễ dàng. Thiếu thốn mọi thứ, chính xác hơn là không ai biết thứ mình cần ở đâu. Công việc đơn giản nhất cũng trở thành một ứng tác phức tạp. Lúc đó tôi không nghĩ rằng tôi

sẽ phải ở trên đoàn tàu này hai năm rưỡi. Ngày 7 tháng Tám, tôi rời Mátxcova. Tôi vẫn chưa biết Cadan [Kazan] đã thất thủ trước đó ít lâu. Giữa đường tôi nhận được cái tin hãi hùng đó. Các đơn vị Hồng quân vừa được thành lập vội vã đã đầu hàng không chiến đấu và để Cadan lọt vào tay địch. Người ta cho tôi biết, một phần của Bộ Tham mưu gồm những kẻ mưu phản, phần còn lại bị tập kích bất ngờ và có những người trốn chạy tan tác dưới làn mưa đạn. Chẳng ai biết vị tổng chỉ huy và các lãnh tụ quân sự còn lại ở đâu. Đoàn tàu tôi dừng lại ở Xviagiơxcơ [Sviiajsk], một ga lớn gần Cadan nhất. Trong một tháng trời, số phận cách mạng lại được định đoạt ở đây. Đối với tôi, khoảng thời gian ấy là một trường học lớn.

Đạo quân đồn trú ở Xviagiơxcơ gồm những đơn vị rút lui từ Ximbiéc và Cadan hoặc từ các nơi khác đến tiếp viện. Mỗi đơn vị sống một cuộc sống riêng biệt. Họ chỉ có đặc điểm chung là muốn tháo lui. Ưu thế của quân địch về mặt tổ chức và kinh nghiệm thật quá lớn. Một số đại đội Bạch vệ gồm hầu hết là sĩ quan đã làm nên những kỳ tích. Sự hoảng loạn dường như bốc ra từ mặt đất. Những đơn vị Hồng quân vừa đến trong tâm trạng phấn khởi, hầu như bị sức ì của sự tháo lui cuốn đi nhanh chóng. Trong nông dân, lan truyền tin đồn các Xô-viết đã đến ngày tận số. Giới tăng lữ và dân đầu cơ ngóc đầu dậy. Các phần tử cách mạng ở nông thôn nấu mình. Tất cả đều tan thành tro bụi, không biết bầu vùi vào đâu. Dường như không thể cứu vãn nổi tình thế.

Tại mảnh đất Cadan này, trong một không gian nhỏ, có thể xem xét vô số nhân tố hình thành lịch sử nhân loại, có thể rút ra những luận cứ chống lại học thuyết định mệnh lịch sử ươn hèn, thuyết này, trong mọi vấn đề cụ thể và riêng biệt, vẫn che đậy, giấu giếm cho mình bằng những quy luật thụ động, lẩn tránh động lực quan trọng nhất của các sự kiện là con người sống động và hoạt động tích cực.

Trong những ngày ấy, thử hỏi có cần nhiều lắm không để lật đổ cách mạng? Lãnh thổ địa lý của nước Nga-Xô-viết thu nhỏ lại bằng kích thước của đại công quốc Mátxcova thuở xưa. Nó hầu như không có quân đội. Kẻ thù đe dọa từ mọi phía. Sau Cadan, có thể sẽ đến lượt Nhigiơnhì [Nijni], từ đó con đường về Mátxcova mở ra gần như vô trở ngại. Như vậy, lần này số phận cách mạng quả thực được quyết định ở Xviagiơxcơ. Và ở đó, trong những khoảng khắc nguy kịch nhất, số phận cách mạng lại luôn luôn tùy thuộc vào một tiểu đoàn duy nhất, một đại đội duy nhất hay một dân ủy duy nhất, nghĩa là về cơ bản, nó như ngàn cân treo sợi tóc. Và điều này tiếp diễn ngày này qua ngày khác.

Vậy mà cách mạng vẫn được cứu thoát. Cần phải có gì? Không nhiều: chỉ cần bộ phận tiên phong của quần chúng ý thức được nguy cơ sinh tử. Điều kiện chính của thành công là không che giấu gì hết và trước tiên, không che giấu cả sự yếu ớt của chính mình, không chơi trò ú tim với quần chúng, gọi mọi sự việc bằng đúng tên của chúng. Cách mạng còn quá vô tư lự. Thắng

lợi tháng Mười đến dễ dàng. Nhưng cách mạng chưa hề quét sạch được một cách nhanh chóng những tai ương đã gây ra nó. Sự vươn lên bột phát để đạt mục tiêu đã suy yếu. Quân thù đã vượt chúng ta chính ở chỗ chúng ta thiếu: tổ chức quân sự. Cách mạng đã học được nghệ thuật tổ chức ấy ở Cadan.

Sự tuyên truyền trong toàn quốc xuất phát từ những bức điện từ Xviiagioxcơ. Các Xô-viết, đảng, các tổ chức công đoàn thành lập những tổ nhóm mới và phái hàng ngàn đảng viên cộng sản đến Cadan. Đa số đảng viên trẻ tuổi chưa biết dùng vũ khí. Nhưng họ muốn thắng bằng mọi giá. Và đây là điểm cơ bản. Điều này đã tạo dựng một cột xương sống thẳng thắn cho cái thân hình xiêu vẹo của quân đội.

Đại tá Vaxetít [Vazetis] được chỉ định làm tổng tư lệnh mặt trận phía Đông, trước kia anh chỉ huy các tiểu đoàn xạ thủ người Léttôni. Đó là đơn vị duy nhất còn tồn tại của quân đội cũ. Những bần cố nông, công nhân và nông dân nghèo người Léttôni căm ghét lũ quý tộc vùng Bantích. Chế độ Nga hoàng đã lợi dụng sự căm thù xã hội đó trong cuộc chiến tranh với Đức. Các trung đoàn Léttôni là những đơn vị tinh nhuệ nhất của quân đội Nga hoàng. Sau cách mạng tháng Hai, hầu như mọi đơn vị ấy đều được "bôn-sêvích hóa" và có vai trò quan trọng trong cách mạng tháng Mười.

Vaxetít là người tháo vát, năng động và nhiều sáng kiến. Anh nổi bật nhân cuộc bạo loạn của những người xã hội cách mạng cánh tả. Theo lệnh của anh, vài khẩu pháo nhẹ được điều đến chỗ bọn phiến loạn. Hai, ba phát đạn bắn thẳng -- chỉ để gây hoảng loạn và không làm ai thiệt hại -- đủ khiến cho những kẻ nổi loạn tháo chạy tan tác.

Sau khi tên phiêu lưu Muraviốp [Muraviov] phản bội ở phía Đông, Vaxetít thay thế y. Khác với nhiều sĩ quan tốt nghiệp học viện, Vaxetít không lạc lối trong cái hỗn mang của cách mạng, anh vùng vẫy thoải mái trong đó, hít thở, khắc nhố: anh khích lệ, khen thưởng binh lính, anh ra lệnh, ngay cả khi không có hi vọng lệnh ấy được thực thi. Khi những "chuyên gia" khác lo ngại vượt quá quyền hạn của họ, ngược lại, trong những lúc cao hứng, Vaxetít tung ra những sắc lệnh, quên mất cả sự tồn tại của Hội đồng Dân ủy và Ban Chấp hành Trung ương liên Nga.

Chỉ một năm sau, Vaxetít bị buộc tội có những dự kiến và quan hệ đáng ngờ, vì thế anh bị giáng chức. Nhưng không có chút gì nghiêm chỉnh trong những lời buộc tội ấy. Có thể trước khi ngủ, anh có lật giở vài trang tiểu sử Napôlêông [Napoléon] và thổ lộ những suy tư về tham vọng của anh với hai, ba sĩ quan trẻ. Hiện nay, Vaxetít là giáo sư Học viện Quân sự...

Chiều ngày 6 tháng Tám, Vaxetít là một trong những người cuối cùng rời đại bản doanh Cadan, khi bọn Bạch quân đã tràn vào tòa nhà. Anh đã may mắn trốn thoát và đến Xviiagioxcơ bằng đường vòng; anh đánh mất Cadan nhưng vẫn giữ được tính lạc quan. Chúng tôi bàn luận về những vấn đề quan trọng nhất, chỉ định một sĩ quan người Léttôni tên là Xlavin [Slavine]

làm tư lệnh Tập đoàn quân thứ V, rồi chúng tôi chia tay nhau. Vaxetít trở về Bộ Tham mưu của anh, còn tôi ở lại Xviiagioxcơ.

Trong đoàn tàu, cạnh nhiều người khác, có Guxép [Gousev] cũng cùng đi với tôi. Anh được gọi là "cựu bôn-sê-vích" vì đã tham gia phong trào cách mạng năm 1905. Sau đó, trong khoảng mười năm, anh chìm trong cuộc sống tư sản, nhưng cũng như nhiều kẻ khác, anh quay về với cách mạng vào năm 1917. Về sau, Lênin và tôi gạt Guxép ra khỏi công tác quân sự vì anh dính vào những mưu mô nhỏ mọn; anh được Xtalin thu thập nhanh chóng. Chuyên môn chủ yếu của anh hiện nay là xuyên tạc lịch sử cuộc nội chiến. Guxép có được sở trường này là nhờ bản tính vô sỉ, trơ trẽn. Như toàn bộ trường phái xta-lin-nít, không bao giờ anh nhớ lại những gì anh ta đã viết hoặc nói hôm qua. Đầu năm 1924, khi chiến dịch chống tôi đã diễn ra hoàn toàn công khai, Guxép thấy vai trò thần nhiên vu cáo là hợp với anh ta hơn cả; thế nhưng hồi ức những ngày ở Xviiagioxcơ vẫn còn quá nóng hổi, mặc dầu sáu năm đã trôi qua. Điều này đã buộc Guxép có một thái độ dè dặt trong một chừng mực nhất định. Hãy xem anh ta kể gì về những sự việc ở Cadan:

Sự hiện diện của đồng chí Trốtxki đã tạo ra bước ngoặt quyết định trong tiến trình của các sự việc. Trên con tàu của mình -- dừng lại ở Xviiagioxcơ, một ga xép heo hút -- đồng chí Trốtxki mang theo tinh thần quyết thắng không gì lay chuyển nổi và bộ óc đầy sáng kiến; đồng chí gây áp lực kiên quyết lên mọi khía cạnh của công tác trong quân đội. Trên nhà ga ngổn ngang hàng hóa tiếp viện của vô số những trung đoàn hậu phương -- tại đó phân ban chính trị và hậu cần đặt trụ sở --, cũng như trong các đơn vị đồn trú của quân đội được cử lên phía trước chừng mười lăm dặm, ngay từ những ngày đầu mọi người cũng cảm thấy một sự thay đổi đến tận gốc. Điều này trước tiên được thể hiện trong lĩnh vực kỷ luật. Trong thời kỳ tinh thần chiến đấu theo lối du kích còn lan tràn và tình trạng vô kỷ luật còn phổ biến, những biện pháp cứng rắn của đồng chí Trốtxki... trước hết là rất thích hợp và cần thiết. Chỉ thuyết phục thôi thì không thể đạt được kết quả, vả lại cũng không có thì giờ để thuyết phục. Và trong vòng hai mươi lăm ngày đồng chí Trốtxki ở lại Xviiagioxcơ, chúng tôi đã hoàn thành một khối lượng công việc đồ sộ, biến các đơn vị rã rời và phân hủy của Tập đoàn quân thứ V thành những đạo quân có sức chiến đấu và chuẩn bị cho họ chiếm lại Cadan.

Sự phản bội làm tổ trong ban tham mưu, trong đội ngũ chỉ huy và ở mọi nơi mọi chỗ xung quanh chúng tôi. Kẻ thù biết phải đánh vào đâu và hầu như chúng luôn đánh trúng. Điều đó khiến mọi người nản chí. Sau khi đến ít lâu, tôi đi thăm các phân đội pháo binh ngoài trận tuyến. Một sĩ quan pháo binh dày kinh nghiệm, mắt sâu và thâm quầng, vẻ mặt bí hiểm, giới thiệu cho tôi vị trí và cách sắp xếp các khẩu pháo. Anh xin phép tôi được đi một lúc "để ra một mệnh lệnh qua điện thoại", như anh nói. Vài phút sau, hai quả tạc đạn cắm xuống đất theo hình

đĩa cách tôi chừng năm chục bước, quả thứ ba rơi sát gần tôi. Tôi chỉ kịp nằm sấp xuống đất, những mảnh đất rụng tung tóe xuống người. Viên sĩ quan pháo binh đứng bất động cách đó không xa, khuôn mặt r ám nắng tái dần đi. Kỳ lạ là lúc ấy tôi không ngờ vực gì hết, tôi nghĩ đó là chuyện ngẫu nhiên. Chỉ hai năm sau, tôi mới nhớ lại từng chi tiết nhỏ nhặt nhất của cảnh tượng trên và tôi thấy rõ ràng: tên sĩ quan pháo binh thuộc về phe địch và thông qua một trạm chuyển tiếp nào đó, hắn đã chỉ hướng bắn cho kẻ thù. Hắn đã liều lĩnh gấp đôi: hoặc cùng tôi chết dưới tạc đạn Bạch quân, hoặc bị Hồng quân xử bắn. Tôi không biết sau này số phận hắn ra sao.

Tôi v ừa trở về toa tàu của tôi thì đạn nổ ran tứ phía. Tôi nhảy chồm ra hành lang toa tàu. Một chiếc máy bay của Bạch quân lượn lơ ngay trên đầu chúng tôi. R õ ràng nó nhằm vào đoàn tàu chúng tôi. Ba trái bom trút xuống đất, vẽ ra những hình vòng cung lớn nhưng không gây thiệt hại gì. Từ nóc tàu, người ta bắn kẻ thù bằng súng trường và súng máy; chiếc máy bay đã vượt khỏi tầm bắn nhưng mọi người cứ bắn mãi. Ai nấy như bị say xỉn. Khó khăn lắm tôi mới ngăn chặn được họ. Có thể chính tên sĩ quan pháo binh đã thông báo cho bọn Bạch vệ biết thời điểm tôi trở về toa tàu. Nhưng cũng có thể chúng còn có những nguồn thông tin khác.

Sự phản bội càng tự do hoành hành bao nhiêu thì tình trạng quân sự của cách mạng càng có vẻ vô vọng bấy nhiêu. Bằng mọi giá, hơn nữa, càng nhanh càng tốt, phải chống lại thứ phản xạ tự động tháo lui, phải ngăn chặn trạng thái khi con người không còn tin ở khả năng họ có thể dừng lại, quay ngoắt lại và trực diện tấn công quân thù.

Tôi mang theo đoàn tàu gần năm chục thanh niên, đảng vi ên ở Mátxcova. Những người này được phân bố đi các nơi, lấy thân mình lấp các khoảng trống và bị tiêu hao ngay trước mắt tôi. Với sự nông nổi anh dũng và thiếu kinh nghiệm, họ tự nhận về mình những đòn của quân thù. Trung đoàn Léttôni thứ IV đồn trú bên cạnh họ. Đó là trung đoàn tồi tệ nhất của cái sư đoàn đã tan rã thành từng mảnh. Những xạ thủ nằm trong bùn, ướt đầm đìa dưới trời mưa tầm tã. Họ đòi được thay phiên. Nhưng sự tiếp viện chậm trễ vì không tìm được ai thay họ. Viên tư lệnh và ủy ban trung đoàn gửi cho tôi một bản tuyên bố: nếu trung đoàn không được đổi phiên lập tức, sẽ có "những hậu quả nguy hiểm đối với cách mạng". Đó là một lời đe dọa không úp mở. Tôi triệu tập viên tư lệnh và chủ tịch ủy ban trung đoàn đến toa tàu. Hai người rầu rĩ bảo vệ quan điểm của họ. Tôi tuyên bố họ bị bắt giữ. Trưởng ban liên lạc của đoàn tàu, người chỉ huy điện Kremli hiện nay, tước vũ khí họ ngay trong phòng của tôi. Ngoài hai chúng tôi, không có ai ở lại trong toa tàu: toàn thể đội ngũ đang chiến đấu ngoài các cứ điểm. Nếu hai tù binh chống trả hoặc nếu trung đoàn của họ rời bỏ các cứ điểm và can thiệp, tình thế có thể trở nên nguy kịch. Như thế, chúng tôi đã phải giao nộp Xviia giò xơ và chiếc cầu trên sông Vônga. Cố nhiên, nếu đoàn tàu của tôi bị địch bắt, điều này sẽ có tác động đến quân đội. Con đường về Mátxcova coi

như rộng mở. Song việc bắt giữ diễn ra dễ dàng. Trong nhật lệnh, tôi báo cho tập thể binh lính biết việc chúng tôi sẽ trao viên tư lệnh trung đoàn cho tòa án cách mạng. Trung đoàn không rời bỏ các vị trí cứ điểm. Tay tư lệnh trung đoàn cũng chỉ bị xử tù.

Những người cộng sản tìm cách thuyết phục mọi người, giảng giải và nêu gương. Nhưng rõ ràng là chỉ bằng thuyết phục, người ta không thể thay đổi được tinh thần và hơn nữa, bản thân tình thế cũng chỉ cho phép chúng tôi một khoảng thời gian quá ngắn ngủi. Chúng tôi bắt buộc phải tìm đến những biện pháp trừng phạt cứng rắn hơn. Tôi ra một nhật lệnh, in nhiều bản trên tàu và cho đọc ở mọi đơn vị quân đội:

Tôi cảnh cáo: nếu một đơn vị nào đó tự động rút lui, chính ủy của đơn vị sẽ bị xử bắn đầu tiên, sau đó đến chỉ huy đơn vị. Chúng ta sẽ cử những quân nhân dũng cảm, gan dạ vào cương vị chỉ huy. Những kẻ hèn nhát, sợ chết và bọn phản bội sẽ không thoát khỏi viên đạn trừng phạt. Tôi chịu trách nhiệm về vấn đề này trước toàn thể Hồng quân.

Dĩ nhiên chuyển biến không diễn ra ngay lập tức. Một số đơn vị vẫn tiếp tục tháo lui vô có, hoặc đơn giản, họ tan rã dưới tác động của một đòn đáng kể. XviiaGioxcơ nằm dưới biển lửa. Trên sông Vônga, một chiếc tàu thủy hơi nước sẵn sàng chờ đón các thành viên của Bộ Tham mưu. Mười người thuộc tập thể nhân viên của đoàn tàu ngồi trên xe đạp canh gác con đường mòn dành cho người đi bộ từ Bộ Tham mưu đến bến tàu. Hội đồng Quân sự Tập đoàn quân thứ V quyết định đề nghị tôi xuống tàu. Bản thân biện pháp đó hợp lý, nhưng tôi sợ nó có tác động xấu đến một đạo quân đang mất bình tĩnh và không mấy tự tin. Đây chính là giây phút quan trọng khi tình hình mặt trận đột nhiên trở nên nguy cấp. Trung đoàn mới mà chúng tôi tin cậy bao nhiêu, đã cùng chính ủy và tư lệnh rời bỏ vị trí, họ dùng lưới lê tuốt trần chiếm con tàu, nhổ neo định chạy trốn về phía Nhigionhi.

Làn sóng lo âu lan khắp mặt trận. Ai nấy đều quay về hướng sông. Tình hình hầu như vô vọng. Bộ tham mưu ở nguyên tại chỗ, mặc dầu kẻ thù chỉ cách một, hai cây số và những tạc đạn của chúng gần như nổ bên cạnh chúng tôi.

Tôi hội kiến với Máckin, con người không thể ai thay thế được. Cùng chừng hai chục chiến sĩ dày dạn, trên boong một chiến hạm nhỏ được ứng chế kịp thời, anh tiến tới con tàu hơi nước chứa đầy bọn đào ngũ và chĩa pháo vào chúng, anh kêu gọi bọn chúng đầu hàng. Trong khoảng khắc ấy, tất cả đều phụ thuộc vào kết quả cuộc chiến nội bộ này. Một phát súng duy nhất cũng có thể dẫn đến thảm họa. Đám lính đào ngũ đầu hàng không chút chống cự. Chiếc tàu cập bến, mọi người lên bờ. Tôi lập một tòa án tại chỗ trong trại lính, xử tử người chỉ huy, chính ủy và một số binh lính. Chúng tôi đặt thanh sắt nung đỏ lên vết thương mừng mủ. Tôi giải thích tình hình cho trung đoàn hiểu, không che giấu và tô điểm điều gì. Chúng tôi "gài" những người cộng sản vào đám lính. Trung đoàn trở về vị trí của mình với ban chỉ huy mới và lòng tự tin

mới. Tất cả xảy ra nhanh đến nỗi quân thù không có thì giờ lợi dụng sự chuệch choạng trong đội ngũ chúng tôi.

Cần phải thành lập không quân. Tôi cho mời kĩ sư lái máy bay Acasép [Akachev] đến, mặc dù có tư tưởng vô chính phủ, anh vẫn cộng tác với chúng tôi. Acasép tỏ ra có nhiều sáng kiến và nhanh chóng lập ra một đội không quân nhỏ. Nhờ đội này, cuối cùng chúng tôi có được sơ đồ về chiến tuyến quân địch. Rốt cục, ban lãnh đạo Tập đoàn quân thứ V không còn phải mò mẫm trong cảnh tranh tối tranh sáng nữa. Hàng ngày, phi công của chúng ta đánh phá dưới bầu trời Cadan. Thành phố phát sốt vì lo âu. Sau này, khi đã chiếm được Cadan, trong số nhiều tài liệu khác, tôi tìm được một cuốn nhật ký của một tiểu thư tư sản từng sống trong vòng vây. Xen kẽ những trang sách kể về nỗi kinh hoàng do máy bay chúng ta gây ra, là các mẫu chuyện tình ái. Cuộc sống không dừng lại. Các sĩ quan Tiệp thi đua với người Nga trên phương diện chinh phục phụ nữ. Những mối quan hệ tình ái khởi đầu trong các phòng khách Cadan rồi tiếp tục hoặc đạt đến đỉnh cao dưới hầm trú ẩn tránh bom.

Ngày 28 tháng Tám, Bạch quân tiến hành một cuộc hành quân tập hậu. Đại tá Cáppen [Kappel], sau này trở thành một tướng Bạch vệ lừng danh, dẫn đầu một đội quân đáng kể, lợi dụng đêm tối trườn vào phía sau lưng chúng tôi, chiếm lấy nhà ga nhỏ gần nhất, phá tan đường sắt, làm đổ các cột điện tín và bằng cách đó, chặn đường rút lui của chúng tôi và tấn công vào Xviiagioxco. Nếu tôi không nhầm, trong bộ tham mưu của Cáppen có cả Xavincốp. Đòn tác chiến ấy khiến chúng tôi hoàn toàn bất ngờ. Sợ làm khuấy đảo mặt trận vốn dĩ khá bấp bênh, chúng tôi chỉ điều hai hoặc ba đại đội từ tiền tuyến về. Một lần nữa, tư lệnh đoàn tàu lại huy động mọi người có trong tay và trong vùng phụ cận, ngay cả đầu bếp của chúng tôi nữa. Chúng tôi có đủ súng trường, súng máy và lựu đạn cầm tay. Tập thể trên đoàn tàu gồm toàn những chiến sĩ giỏi. Đội tiên phong đóng cứ điểm cách đoàn tàu chừng một dặm. Trận đánh kéo dài chừng tám tiếng, cả hai bên đều tổn thất, nhưng quân thù đuối sức và phải lùi bước.

Giữa chừng, việc đứt liên lạc với Xviiagioxco gây nên sự hoảng hốt lớn ở Mátxcova và suốt tuyến đường sắt. Nhiều đơn vị nhỏ thuộc các binh chủng vội vã đến tiếp ứng chúng tôi. Đường sắt được khôi phục nhanh chóng. Các lực lượng mới nhập vào quân đội. Trong thời gian đó, báo chí Cadan đưa tin tôi bị đứt liên lạc, bị bắt giữ, bị giết, rằng tôi tẩu thoát bằng máy bay, nhưng người ta tóm được con chó của tôi làm chiến lợi phẩm. Con vật trung thành này -- thông thường là loài đô-gơ [dog], lông màu nâu, đôi khi lại là một con béc-na [bernard] -- sau đó bị cầm tù trên mọi mặt trận của cuộc nội chiến. Tôi tiếp nhận điều đó một cách nhẹ nhàng vì hơn nữa, tôi cũng chẳng nuôi chó bao giờ.

Trong đêm nguy kịch nhất của chúng tôi ở Xviiagioxco, chừng ba giờ sáng, khi đi qua một lượt các phòng của bộ tham mưu, tôi nghe thấy một giọng quen thuộc từ phòng tác chiến lọt

ra. Ai đó nhắc đi nhắc lại liên hồi:

-- Cu ối cùng ông ta sẽ bị bắt, ông ta sẽ toi, cả chúng ta cũng sẽ toi mạng, tôi xin nói trước với các anh...

Tôi dừng lại trước cửa ra vào. Trước mặt tôi là hai sĩ quan tham mưu còn rất trẻ, ngồi cạnh tấm bản đồ. Người nói cúi về phía họ, rạp xuống mặt bàn, quay lưng về phía tôi. Chắc hẳn đọc thấy một cái gì đó bất ngờ trên gương mặt những người đang nói chuyện, vì bằng một cử chỉ đột ngột, anh ta quay ngoắt lại phía cửa. Đó là Bolagônravốp [Blagonravov], một người bên-sê-vích trẻ, cựu trung úy trong quân đội Nga hoàng. Nỗi hoảng sợ và xấu hổ in hằn trên mặt anh. Với tư cách chính ủy, anh có nhiệm vụ nuôi dưỡng tinh thần cho các chuyên viên quân sự. Thay vào đó, trong giờ phút nguy kịch, anh lại kích động họ chống lại tôi, về thực chất anh xúi họ đào ngũ và bị tôi bắt quả tang.

Tôi không muốn tin vào mắt và tai mình. Vào năm 1917, Bolagônravốp tỏ ra là một nhà cách mạng hăng say chiến đấu. Trong những ngày chính biến, anh là chính ủy pháo đài Piốt-Paven [Pierre-Paul], sau đó anh tham gia thanh toán cuộc nổi dậy của bọn sinh viên vũ bị. Thời ở điện Xmôn-nui, tôi đã giao cho anh những nhiệm vụ trọng yếu và anh luôn hoàn thành tốt. Một bữa, tôi nói với Lênin:

-- Một trung úy như vậy có thể trở thành một Napôlêông. Ngay cái tên của anh cũng khá phù hợp với điều đó: Bolagônravốp cũng gần giống Bônápác [Bonaparte].

Thoạt đầu Lênin bật cười vì sự so sánh lạ lùng, rồi ông ngẫm nghĩ và căng đôi lông mày, ông nói nghiêm khắc, gần như đe dọa:

-- Nhưng rồi chúng ta sẽ thanh toán bọn Bônápác chứ, phải không?

-- Nếu thượng đế cũng muốn như thế -- tôi đáp, nửa đùa cợt.

Như thế, tôi cử đúng anh chàng Bolagônravốp này ra mặt trận phía Đông, vào lúc ở đó xảy ra vụ phản bội của Muraviốp vì mọi người thiếu cảnh giác. Tại điện Kremli, trong phòng tiếp khách của Lênin, tôi trao cho anh ta những nhiệm vụ mà anh ta phải gánh vác.

-- Cái nguy là cách mạng đang đi xuống -- anh ta rầu rĩ nói.

Lúc đó là giữa năm 1918.

-- Chả lẽ đồng chí mau nản chí đến thế? -- tôi bất bình hỏi anh.

Bolagônravốp trấn tĩnh lại, đổi giọng và hứa sẽ làm mọi việc mà mọi người chờ đợi ở anh. Tôi thấy yên tâm.

Vậy mà bây giờ, trong những giờ phút gay go nhất, hầu như tôi bắt quả tang anh ở gần ranh giới của sự phản bội. Chúng tôi ra ngoài hành lang để tôi khỏi quy trách anh ta trước mặt các sĩ quan. Bolagônravốp run rẩy, mặt tái mét, tay đưa lên vành mũ:

-- Xin đừng đưa tôi ra tòa án -- anh lặp đi lặp lại, vẻ tuyệt vọng --, tôi sẽ chuộc tội, cho tôi làm

lính trơn ngoài chiến hào...

Lời tiên đoán của tôi không thành sự thật: anh chàng ứng cử viên Napôlêông run rẩy trước mặt tôi như một con gà mái bị mưa ướt. Anh ta bị hạ chức và bị chuyển đến một cương vị ít trách nhiệm hơn. Cách mạng ăn tươi nuốt sống con người và tính cách con người. Nó đẩy những người quả cảm nhất đến chỗ diệt vong và làm hư hỏng những tính cách yếu ớt. Hiện nay Bolagônravốp là thành viên của G.P.U. và là một trụ cột của thể chế. Chắc hẳn ngay từ hồi ở Xviagiơcxơ, anh ta đã là kẻ thù không đội trời chung của thuyết "cách mạng thường trực". Số phận cách mạng được định đoạt tại một nơi nào đó giữa Xviagiơcxơ và Cadan. Nó không còn con đường nào để rút lui, trừ sông Vônga. Hội đồng Quân sự của quân đội tuyên bố vấn đề an toàn cá nhân của tôi ở Xviagiơcxơ làm hạn chế sự tự do hành động của họ và họ cương quyết yêu cầu tôi bước xuống tàu. Họ làm như thế là đúng. Ngay từ đầu, tôi đã đề ra một nguyên tắc: sự có mặt của tôi ở Xviagiơcxơ không được làm cản trở hoặc hạn chế hoạt động của Bộ Tư lệnh quân đội. Tôi giữ đúng quy định đó trong tất cả các chuyến đi kinh lý ngoài mặt trận. Vậy tôi phải phục tùng và "xuống tàu", nhưng không xuống con tàu khách được chuẩn bị cho tôi mà xuống một ngư lôi hạm. Vượt qua những khó khăn vô cùng lớn, bốn chiến hạm nhỏ này được đưa đến sông Vônga qua hệ thống kênh đào Marinxki [Marie]. Thời đó, nhiều tàu thủy chạy trên sông cũng đã được trang bị đại bác và súng máy.

Dưới quyền chỉ đạo của Raxcônnhicốp, đội tàu nhỏ chuẩn bị tấn công Cadan trong đêm hôm ấy. Chúng tôi phải đi giữa hai vách đá, trên đó có đặt pháo của Bạch quân. Qua các vách đá, con sông uốn khúc và đột ngột mở rộng. Đội tàu chiến của địch đồn trú tại đó. Cadan nằm bên bờ đối diện. Chúng tôi dự tính sẽ đi qua các cao điểm được canh gác trong đêm tối mà không bị lộ, sau đó triệt hạ đội tàu địch và phá tan các ụ pháo đặt hai bên bờ sông, rồi nã pháo vào thành phố. Đoàn tàu của chúng tôi nối đuôi nhau đi thành hàng một, đèn tắt ngấm như lũ trộm đêm. Cảnh thuyền trưởng là hai hoa tiêu hàng hải trên sông Vônga, đó là hai ông già râu thưa và bạc phếch. Bị cưỡng bức lên boong tàu, họ khiếp đảm, căm thù chúng tôi, nguyên rửa số phận và run như cây sậy. Giờ đây tất cả đều phụ thuộc vào họ. Thỉnh thoảng, viên thuyền trưởng lại nhắc nhở hai người: cả hai sẽ bị bắn chết tại chỗ nếu họ đưa tàu vào chỗ nước cạn hoặc bãi cát ngầm.

Chúng tôi đã đến trước những cao điểm có lính gác đứng lơ mơ trong sương mù, khi một tràng súng máy quạt ngang mặt sông. Một phát đại bác đáp lại từ trên núi. Chúng tôi lặng lẽ tiến. Sau lưng chúng tôi, có tiếng súng đáp lại. Đạn rơi leng keng trên những cầu tàu bằng thép, những cầu tàu này che chở chúng tôi đến thắt lưng. Chúng tôi cúi gập người. Các hoa tiêu túm lại gần nhau, sục sạo đêm tối bằng cặp mắt loài mèo rừng và nín thở thì thầm với thuyền trưởng. Qua khỏi vách đá, chúng tôi rơi vào một cái lạch rộng. Đã có thể thấy ánh đèn của Cadan thấp

thoáng bên bờ đối diện. Sau lưng chúng tôi đạn nổ dày đặc, từ trên và dưới. Bên phía tay phải chúng tôi, hạm tàu địch đổ cách chúng tôi nhiều lắm là hai trăm bước, được bờ núi che chở. Có thể thấy những con tàu đậu lò mờ thành từng nhóm. Raxcôn nhicốp hạ lệnh nổ súng. Thân bằng thép của chiếc ngư lôi hạm của chúng tôi gầm lên và rền rĩ từ phát đạn đại bác đầu tiên. Chúng tôi chồm lên từng bước, cái hông thép cột kẹt đau đớn để ra những làn lửa đạn mới. Đột nhiên, ngọn lửa xé tan màn đêm tăm tối: một phát đại bác của chúng tôi trúng một xà-lan chở đầy dầu. Một ngọn đuốc bất ngờ, không chờ đợi, nhưng thật tuyệt vời bùng lên trên mặt nước Vônga. Bây giờ chúng tôi đã nã pháo vào bến cảng, có thể thấy rõ những khẩu pháo ở đó nhưng chúng không trả lời. Chắc hẳn các pháo thủ đã tháo chạy toán loạn. Con sông được chiếu sáng trên khắp bề rộng. Không ai tiến sau chúng tôi. Chúng tôi chỉ có một mình. Có lẽ pháo địch đã chặn đường tiến của các tàu khác thuộc đoàn tàu. Chiến hạm phóng thủy lôi của chúng tôi nổi rõ trên lòng sông được chiếu sáng như một con ruồi trên chiếc đĩa trắng. Chúng tôi có cảm giác sắp bị kẹt vào làn đạn đan chéo từ hải cảng và từ các cao điểm trên núi. Thật là một cảm giác khủng khiếp. Tệ hơn nữa, con tàu của chúng tôi trở nên không điều khiển được. Sợi dây xích điều khiển bánh lái bị đứt, chắc vì trúng đạn. Chúng tôi thử tìm cách dùng tay quay tay lái, nhưng sợi xích đứt quấn vào trục, bánh lái bị hỏng, con tàu không ngoặt được nữa. Phải tắt các động cơ. Chúng tôi trôi lặng lẽ về phía bờ Cadan cho đến lúc chiếc ngư lôi hạm đâm sầm vào một xà-lan cũ, chìm ngập một nửa trong nước. Tiếng đạn pháo chấm dứt hoàn toàn. Trời sáng như ban ngày và tĩnh mịch như ban đêm. Chúng tôi bị mắc bẫy. Chỉ không hiểu tại sao không bị oanh tạc. Chúng tôi đã đánh giá thấp sự tàn phá và nổi hoảng sợ do cú tập kích của chúng tôi gây ra.

Cuối cùng, các vị chỉ huy trẻ tuổi quyết định đẩy con tàu khỏi chiếc xà-lan và điều khiển hoạt động của nó bằng cách khi thì cho chạy động cơ bên trái, khi thì cho chạy động cơ bên phải. Thành công! Ngọn đuốc dầu lửa ngày càng bùng to. Chúng tôi đến eo sông có lính gác. Không ai bắn. Sau các chân núi, cuối cùng rốt cục chúng tôi chìm vào bóng tối. Người ta đưa từ buồng máy lên một thủy thủ bị ngất. Pháo trên cao điểm không hề bắn một phát nào. Có vẻ người ta không để ý đến chúng tôi. Cũng có thể không còn ai có mặt để canh gác. Chúng tôi thoát nạn. Người ta viết hai chữ "thoát nạn" mới đơn giản làm sao. Trong bóng tối, những đóm lửa thuốc lá lóe lên. Một trong những ngư lôi hạm của chúng tôi được trang bị tạm thời cháy thành than, nằm dài buồn bã trên bờ sông. Trên các tàu khác, chúng tôi thấy vài người bị thương. Chỉ lúc đó chúng tôi mới nhận ra sống mũi chiếc tàu phóng ngư lôi nhỏ của chúng tôi đã bị một viên đạn dài chừng ba tấc xuyên thủng từ bên này qua bên kia, rất kín đáo. Trời hửng sáng. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy như được sinh ra lần thứ hai.

Điều may không bao giờ đến một mình... Người ta dẫn đến chỗ tôi một phi công vừa hạ cánh,

mang tin vui trong chiếc cặp khoác vai. Một đơn vị thuộc Tập đoàn quân thứ II đã đến cửa ngõ Cadan từ hướng Đông-Bắc, dưới sự chỉ huy của một người Côđắc tên là Adin [Azine]. Họ chiếm được hai chiếc xe bọc thép, phá hủy hai ụ pháo, khiến các toán quân địch phải trốn chạy và chiếm được hai làng cách Cadan chừng mười hai cây số. Người phi công lập tức quay về, mang trong tay một chỉ thị và một lời kêu gọi. Cadan đã nằm trong gọng kìm. Cuộc tập kích vào ban đêm của chúng tôi -- như bộ phận thám báo ước lượng chớp nhoáng -- đã bẻ gãy sức kháng cự của Bạch quân. Hạm đội của địch bị phá hủy gần như hoàn toàn, các khẩu pháo trên bờ sông bị buộc phải im lặng. Cái tên "ngư lôi hạm" -- trên sông Vônga! -- có tác động đến Bạch quân hết như tiếng "xe tăng" đối với các toán quân trẻ của Hồng quân sau này, trong thời kỳ phòng thủ Pêtorôgôrát. Có tin đồn người Đức cùng chiến đấu với phe bên-sê-vích. Các tầng lớp khá giả tháo chạy hàng loạt khỏi Cadan. Người dân các khu thợ có thể ngẩng đầu. Sự bất bình lan tràn trong nhà máy thuốc súng. Tinh thần tấn công thể hiện rõ rệt trong đội ngũ của quân ta. Một tháng ở Xviiagiôxcơ có vô số những sự kiện đáng lo ngại. Mỗi ngày xảy ra một chuyện. Lắm khi tình thế về đêm cũng không khá hơn ban ngày. Lần đầu tiên, cuộc chiến tranh mở ra trước mặt tôi ở khoảng cách trực tiếp gần gũi như thế. Đây là một cuộc chiến nhỏ. Ở phía chúng tôi, cùng lắm chỉ có từ hai năm đến ba chục ngàn quân chiến đấu. Nhưng cuộc chiến tranh lớn chỉ khác cuộc chiến nhỏ này về tầm vóc. Chúng tôi trở thành nhân chứng của một mô hình tác chiến thực sự. Chính vì thế, chúng tôi cảm thấy nó một cách trực tiếp, trong mọi hành động và mọi bước ngoặt bất ngờ của nó. Cuộc chiến nhỏ trở thành một trường học lớn. Trong thời gian đó, tình thế ở Cadan thay đổi đến mức không nhận ra nổi. Những đơn vị được thu nhật, nay trở thành quân đội chính quy với sự tham gia của giới công nhân cộng sản Pêtorôgôrát, Mátxcova và các thành phố khác. Các trung đoàn được củng cố và rèn luyện. Tại các binh chủng, những chính ủy trở thành lãnh tụ cách mạng, những đại diện trực tiếp của nền chuyên chính vô sản. Các tòa án tại chỗ chứng tỏ rằng cuộc cách mạng trong cơn sinh tử đòi hỏi tinh thần hy sinh ở mức cao nhất. Bằng việc kết hợp công tác tuyên truyền, tổ chức, nêu gương cách mạng và trấn áp, trong vòng vài tuần chúng tôi đã thực hiện được sự công phá cần thiết. Từ đám quần chúng dao động, bấp bênh và tan rã, chúng tôi đã tôi luyện nên một đạo quân thật sự. Pháo binh đã chiếm phần ưu việt rõ ràng. Các chiến hạm của chúng ta làm chủ trên sông ngòi và phi công ta thống trị bầu trời. Tôi không còn nghi ngờ việc chiếm lại Cadan. Nhưng ngày 1 tháng Chín, đột ngột tôi nhận được một bức điện mật từ Mátxcova: Đồng chí phải về ngay. Ilích bị thương, không biết nặng đến mức nào. Hãy giữ bình tĩnh. 31 tháng Tám 1918. Xvéclốp.

Lập tức tôi lên đường. Tôi thấy các giới trong đảng ở Mátxcova có tâm trạng buồn bã, ảm đạm, nhưng không hề nao núng. Xvéclốp là biểu hiện tốt đẹp nhất của tinh thần ấy. Các bác sĩ

cho rằng Lênin không bị nguy hiểm đến tính mạng và họ hứa ông sẽ lành bệnh nay mai. Nói về cuộc chiến đấu sắp tới ở phía Đông, tôi đem lại hi vọng thành công nhanh chóng cho đảng rồi trở về Xviagiơxcơ không chậm trễ.

Chúng tôi l ầy lại Cadan ngày 10 tháng Chín. Hai ngày sau, Tập đoàn quân thứ nhất -- l ảng giềng của chúng tôi -- chiếm Ximbiéc. Sự kiện này không làm chúng tôi bất ngờ. Tổng tư lệnh Tập đoàn quân thứ I, Tukhatrêpxki [Toukhatchevsky], đã hứa vào giữa tháng Tám là anh sẽ chiếm lại Ximbiéc, muộn nhất là 12 tháng Chín. Anh đánh điện thông báo cho tôi: "Tôi đã thi hành mệnh lệnh. Đã chiếm lại được Ximbiéc". Giữa chừng Lênin hồi phục. Ông gửi một bức điện mừng. Trên mọi phương diện, các sự việc tiến theo chiều hướng khả quan.

Ivan Nhikitích Xmi ếcnốp [Ivan Nikitich Smirnov] trở thành chính ủy Tập đoàn quân thứ V. Việc này có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Xmiếcnốp là điển hình trọn vẹn nhất và chín muồi nhất của một nhà cách mạng, đã hơn ba mươi năm anh đứng trong đội ngũ tấn công và từ đạo đó, anh không hề biết nghỉ và không hề tìm cách nghỉ ngơi. Trong những năm đen tối nhất của thời kỳ phản động, anh cũng không ngừng đào hầm. Khi sụp lở, anh không nản chí và lại đào lại. Ở con người Ivan Nhikitích, bốn phạm là nhân tố hàng đầu. Về điểm này, nhà cách mạng gần gũi với người lính giỏi và chính vì thế, một nhà cách mạng có thể trở thành một binh sĩ xuất sắc. Tuân theo bản tính của mình, Ivan Nhikitích luôn luôn là là tấm gương của lòng can đảm và ý chí kiên quyết, nhưng anh không mắc phải sự cứng nhắc, thường đi theo những đặc tính nổi bật đó. Tất cả những chiến sĩ ưu tú nhất của quân đội đều muốn theo chuẩn mực do anh đề ra.

Larixa Râyxơne [Larissa Reissner] đã viết trong trận bao vây Cadan:
Không ai được kính trọng hơn Ivan Nhikitích. Có thể cảm thấy trong giây phút nguy biến nhất, anh sẽ là người mạnh mẽ nhất và dũng cảm nhất.

Trong con người Xmiếcnốp, không hề có chút kiểu cách r ỏm nào. Anh là người dễ gần nhất, vui vẻ nhất và hóm hỉnh nhất. Người ta càng dễ chấp nhận uy quyền của anh vì uy quyền ấy ít thấy rõ và ít mang tính mệnh lệnh, nhưng không thể chối cãi được. Quây quần xung quanh Xmiếcnốp, những người cộng sản của Tập đoàn quân thứ V hợp thành một gia đình chính trị độc đáo; cho đến nay, nhiều năm sau khi Tập đoàn quân thứ V bị giải thể, vẫn còn đóng vai trò trong đời sống của đất nước. Cụm từ "lính cự Tập đoàn quân thứ V" có một nghĩa đặc biệt trong pho tự điển cách mạng: đó là một người cách mạng thực sự, trung thành với bốn phạm và trước hết, là một con người không thể chê trách vào đâu được. Cùng Ivan Nhikitích, những người lính của Tập đoàn quân thứ V -- sau khi nội chiến đã kết thúc -- chuyển tất cả tinh thần anh hùng của họ vào lĩnh vực lao động kinh tế và hầu như không có ngoại lệ, họ đều đứng về phe đối lập. Xmiếcnốp đứng đầu nền công nghiệp quốc phòng, rồi là dân ủy Bộ Bưu điện và

Thông tin. Hiện nay anh bị đày ải ở vùng Cápcadơ. Không ít những bạn chiến đấu của anh ở Tập đoàn quân thứ Năm sống cơ cực trong các nhà tù và bị lưu đày ở Xibêri.

Nhưng cách mạng đã ăn tươi nuốt sống con người và tính cách con người. Những tin tức cuối cùng cho hay Xmiéc-nốp cũng bị bẻ gãy trong cuộc chiến đấu. Anh cố động cho việc hạ vũ khí.

Larixa Rây-xơ-ne, người từng gọi Ivan Nhí-ki-tích là "lương tâm của Xvi-i-a-gi-ơ-x-cơ", đã chiếm một vị trí xuất sắc trong Tập đoàn quân thứ V, cũng như trong suốt cuộc cách mạng. Người phụ nữ trẻ tuyệt vời ấy lướt đi suốt cuộc cách mạng như một ngôi sao băng nồng cháy, làm choáng mắt không thiếu các chàng trai ưu tú bằng vẻ rạng rỡ của mình. Chị giống như một nữ thần trên đỉnh Ô-lim-pơ [Olympe], kết hợp sự tinh tế tinh thần với lòng dũng cảm của một chiến binh. Sau khi Bạch quân chiếm Cadan, chị giả trang một nữ nông dân, đi vào vùng địch để thám thính. Nhưng bộ dạng chững chạc của chị quá khác thường. Chị bị bắt. Một sĩ quan tình báo Nhật hỏi cung chị. Trong giờ giải lao, chị lén khỏi cánh cửa ra vào được canh gác sơ sài và biến mất. Từ đó trở đi chị làm việc ở cơ quan quân báo. Sau này, chị lên một chiến hạm và tham gia những trận thủy chiến. Chị giành cho cuộc nội chiến những bài viết có giá trị văn học. Chị cũng viết xuất sắc về công nghiệp vùng Uran và về cuộc khởi nghĩa của công nhân miền Rua [Ruhr]. Chị muốn thấy tất cả, muốn biết tất cả và muốn tham gia tất cả. Trong vài năm ngắn ngủi, chị trở thành một nhà văn xuất sắc. Thoát khỏi lửa và nước, nữ thần Palát [Pallas] ấy của cách mạng đột ngột qua đời vì cơn sốt bệnh dịch tả, giữa cảnh vật yên tĩnh của Mátx-cơ-va. Chị chưa đầy ba mươi tuổi.

Các chiến sĩ được chiêu mộ từ nhiều nơi, người nọ dạy người kia, trong lửa đạn của chiến trận họ học hỏi trong vòng tám ngày, quân đội được đào tạo tuyệt vời. Tình trạng thoái trào của cách mạng -- khi Cadan thất thủ -- đã thuộc về quá khứ. Đồng thời, một biến chuyển vô cùng quan trọng đã diễn ra trong giới nông dân. Bọn Bạch vệ đã đem lại cho nông dân những bài học vỡ lòng về chính trị. Trong vòng bảy tháng tiếp theo, Hồng quân giải phóng một lãnh thổ gần một triệu ki-lô-mét vuông, có khoảng bốn mươi triệu dân cư. Cách mạng trở lại thể tiến công. Khi trốn chạy khỏi Cadan, quân Bạch vệ mang theo trữ lượng vàng của nước Cộng hòa được cất giữ ở đó từ đợt tấn công tháng Hai của tướng Hốp-man. Khá lâu về sau, lượng vàng ấy cùng Côn-trác [Koltchak] mới lọt vào tay chúng ta.

Đến khi có thể thôi bận tâm về Xvi-i-a-gi-ơ-x-cơ, tôi nhận thấy một cái gì đổi thay ở châu Âu: quân đội Đức rơi vào tình thế bế tắc.

CHƯƠNG XXXIV ĐOÀN TÀU

Bây giờ phải nói về đoàn tàu riêng của chủ tịch Hội đồng Quân sự Cách mạng. Cuộc sống riêng của tôi trong những năm tháng căng thẳng nhất của cách mạng gắn bó không thể tách rời với cuộc sống của đoàn tàu này. Mặt khác, chính đoàn tàu cũng không thể tách rời với cuộc sống của Hồng quân. Đoàn tàu nối liền tiền tuyến với hậu phương, giải quyết tại chỗ những vấn đề không thể trì hoãn, thực hiện công tác chỉ dẫn, kêu gọi chiến đấu, tiếp tế cho các chiến sĩ, phạt và thưởng.

Không thể xây dựng một quân đội mà không có những biện pháp trừng phạt. Không thể cử hàng loạt con người vào cái chết mà ban tham mưu không có trong tay quyền xử tử hình. Chừng nào những con khỉ không có đuôi có tên gọi là người, tự hào với kỹ thuật của họ, còn tổ chức quân đội và gây chiến, ban chỉ huy quân sự sẽ còn phải đặt người lính giữa cái chết có thể xảy ra trước mặt và cái chết chắc chắn chờ đợi họ sau lưng.

Tuy nhiên, cũng không thể xây dựng quân đội chỉ dựa trên sự sợ hãi. Quân đội Nga hoàng tan rã cũng không phải tại thiếu những biện pháp trừng phạt. Khi Kêrenxki thử lập lại kỷ luật bằng cách tái lập án tử hình, ông ta chỉ giáng thêm cho nó một đòn chí tử. Trên những đồng tro tàn còn nóng hổi của cuộc đại chiến, những người bôn-sê-vích thành lập một quân đội mới. Đối với những ai ít nhiều hiểu được tiếng nói của lịch sử, không cần giải thích các sự kiện ấy. Đối với quân đội mới, thứ xi-măng tốt nhất là những lý tưởng của cách mạng tháng Mười. Đoàn tàu cung cấp chính thứ xi-măng đó cho các mặt trận.

Ở các tỉnh Caluga [Kalouga], Vôrônhegiơ [Voronej] hoặc Riadan [Riazan], hàng vạn nông dân trẻ không đáp ứng lời kêu gọi tuyển quân đầu tiên của Xô-viết. Chiến tranh ở xa vùng quê họ sống, hồ sơ sổ sách không phân minh, giấy triệu tập nhập ngũ không được coi trọng. Những người vắng mặt bị liệt vào hạng đào ngũ và một cuộc đấu tranh gay gắt được mở ra chống họ. Gần mười lăm ngàn vụ việc của những kẻ "đào ngũ" như thế được tập trung trong tay chính ủy quân đội vùng Riadan. Nhân đi qua Riadan, tôi quyết định gặp gỡ họ. Mọi người cố can tôi: "Nhỡ nguy hiểm thì sao?" Nhưng mọi việc diễn ra rất êm thấm. Từ những lán trại quân đội, người ta hô hào:

-- Các đồng chí đào ngũ, hãy đi dự mít-tinh! Đồng chí Trốtxki đến thăm các bạn!

Những thanh niên ùn ùn kéo đến, hồi hộp, ầm ĩ và tò mò như lũ học sinh. Tôi hình dung họ xấu hơn. Còn họ tưởng tôi đáng sợ hơn. Trong vài phút, một tập thể đông đảo, ồn ào, vô kỷ luật nhưng không chút thù địch bao quanh tôi. Các "đồng chí đào ngũ" nhìn tôi chằm chằm như muốn nổ con người. Ở đó, ngay tại trận, tôi leo lên một chiếc bàn ngoài sân và nói chuyện với

họ trong gần một tiếng rưỡi đồng hồ. Đó là một cử tọa vô cùng niềm nở. Tôi cố gắng làm thức tỉnh lòng tự trọng của họ và cuối cùng, tôi kêu gọi họ giơ tay để biểu thị lòng trung thành với cách mạng. Trước mắt tôi, những tư tưởng mới đã thâm nhập vào con người họ. Lòng nhiệt tình thực sự bao trùm họ. Họ tiễn tôi đến tận xe, không rời mắt khỏi tôi, chẳng những đã không sợ hãi mà còn tỏ vẻ phấn chấn trông thấy. Họ la hét thả cửa và không chịu rời tôi. Sau này, tôi được biết -- không khỏi có chút tự hào -- rằng một trong những phương pháp giáo dục tốt nhất đối với họ là nói: "Này, cậu đã hứa gì với đồng chí Trốtxki?" Về sau, những trung đoàn được thành lập từ những người "đào ngũ" ở Riazan đã chiến đấu xuất sắc trên các mặt trận.

Tôi nhớ lại lớp học năm thứ hai trường Trung học Cổ điển Xanh Pôn [Saint Paul] ở Ôđétxa [Odessa]. Bốn mươi học sinh trong lớp đó không khác gì bốn mươi học sinh bất kỳ nào khác. Nhưng khi Buốcnan [Burnand] với dấu chữ "X" bí ẩn trên trán, giám thị Maye [Meyer] và Vinhem [Wilhelm], thanh tra Caminxki [Kaminsky] và hiệu trưởng Svanêbắc [Schvanebach] thẳng tay giáng xuống nhóm học sinh hay phê bình và táo bạo, lập tức bọn phản bội và lũ ghen tị dần độn ngóc đầu dậy, đặt cả lớp dưới ảnh hưởng của chúng.

Trong mỗi trung đoàn, mỗi đại đội, có những con người phẩm chất khác nhau. Những người có ý thức và quên mình gồm thành một thiểu số. Ở cực đối diện là thiểu số thứ hai, không đáng kể của những kẻ sa đọa, tham sống sợ chết hoặc kẻ thù có ý thức. Giữa hai thiểu số này là tối đại đa số những kẻ do dự, dao động. Sự tan vỡ xảy ra khi những người xuất sắc nhất ngã xuống hoặc bị loại bỏ, bọn hèn nhát và thù địch chiếm vị trí thượng phong. Trong những trường hợp như thế, những kẻ trung gian không biết phải theo ai và đến lúc nguy khốn, họ bị sự hoảng loạn cuốn đi.

Ngày 24 tháng Hai 1919, tôi nói chuyện với một cử tọa gồm các tư lệnh trẻ tuổi tại đại sảnh đường Phòng Cột [Kolomny Zal] của Trung ương Công đoàn tại Mátxcova:

Cho tôi ba ngàn lính đào ngũ, gọi đó là một trung đoàn, tôi cho họ một chỉ huy dày kinh nghiệm chiến trận, một chính ủy giỏi cùng các tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng và trung đội trưởng thích hợp; và ba ngàn lính đào ngũ trong vòng bốn tuần sẽ trở thành một trung đoàn xuất sắc ở đất nước chúng ta, đất nước của cách mạng... Trong những tuần lễ gần đây, một lần nữa chúng ta càng thêm tin tưởng về điều này qua tấm gương trận tuyến Nácva [Narva] và Pờxơcốp, ở đó chúng ta đã lập nên các đơn vị tác chiến tuyệt vời từ những mảnh tàn quân.

Trừ những cách đoạn tương đối ngắn ngủi, tôi đã sống hai năm rưỡi trên một toa tàu, xưa kia của một bộ trưởng Giao thông nào đó. Toa xe được bày biện tốt theo quan điểm tiện nghi của một Bộ, nhưng nó không mấy thích hợp cho công việc. Trong toa xe, tôi tiếp những người đến báo cáo, ở đó tôi thảo luận với các đại diện quân sự địa phương và chính quyền dân sự, ở

đó tôi tìm hiểu nội dung của những bức điện báo, ở đó tôi đọc các mệnh lệnh và các bài viết. Cũng từ đó, cùng những đồng sự, tôi rong ruổi trên xe hơi những chuyến đi dài trên các mặt trận. Những giờ rảnh rỗi, trong toa xe tôi đọc cho viết cuốn sách của tôi chống Caoxki [Kautsky] và nhiều văn kiện khác. Trong những năm ấy, tôi tin rằng tôi đã thích nghi để viết và suy nghĩ theo nhịp rung lạo xạo của đệm lò xo và các bánh xe của toa tàu Punman [Pullman] trong suốt cuộc đời mình.

Đoàn tàu tôi được sắp đặt vội vã trong đêm mừng 7 rạng sáng mừng 8 tháng Tám 1918 ở Mátxcova. Ngay sáng hôm ấy, tôi đã đáp tàu đến Xviagiơxcơ, tìm đến mặt trận Tiệp Khắc. Sau đó, đoàn tàu biến đổi liên tục, ngày càng trở nên phức tạp và hoàn thiện hơn. Từ năm 1918, nó đã trở thành một bộ máy chỉ huy lưu động. Trên tàu, có cả ban thư ký, nhà in, trạm điện báo, đài phát thanh, trạm phát điện, thư viện, nhà để xe và phòng tắm.

Đoàn tàu nặng đến nỗi phải có hai đầu máy kéo. Về sau, người ta phải chia ra làm hai đoàn. Khi tình huống buộc chúng tôi phải ở lại một thời gian dài tại một ga nào đó, một trong hai đầu máy làm nhiệm vụ liên lạc, còn đầu máy kia thường xuyên ở trong trạng thái sẵn sàng lên đường. Mặt trận luôn luôn di chuyển bất ngờ và không thể đùa cợt với điều đó.

Tôi không có trong tay lịch sử của đoàn tàu. Nó được cất giữ đâu đó trong kho lưu trữ của Bộ Quốc phòng. Thời đó các cộng sự trẻ tuổi của tôi đã soạn thảo lịch sử ấy một cách cẩn thận. Biểu đồ di chuyển của đoàn tàu được chúng tôi chuẩn bị cho cuộc triển lãm về lịch sử nội chiến và theo báo chí, nó đã thu hút được nhiều người quan tâm, theo tin tức báo chí; sau đó nó được đưa vào bảo tàng nội chiến. Hiện nay, chắc hẳn nó bị giấu kín trong một xó xỉnh hẻo lánh nào đó, cùng hàng trăm, hàng ngàn đồ vật triển lãm khác như những áp-phích, những lời kêu gọi, những mệnh lệnh, cờ quạt, ảnh, phim, sách vở và diễn văn, phản ánh các sự kiện quan trọng nhất của cuộc nội chiến và liên quan đến cá nhân tôi bằng một cách nào đó.

Từ năm 1922 đến năm 1924, tức là cho đến thất bại của phe đối lập, Nhà xuất bản Quân đội đã ấn hành những công trình của tôi về quân đội và nội chiến trong năm tập sách. Lịch sử đoàn tàu chưa có chỗ trong đó. Hiện nay tôi chỉ có thể tái tạo quỹ đạo đoàn tàu trên cơ sở ngày tháng dưới các bài xã luận trên tờ báo *Vor Puchi* [V Pouti] (Lên đường) của đoàn tàu: Xamara [Samara], Trêliabinxơ [Tchéliabinsk], Viátca [Viatka], Pêtorôgorát, Balasốp [Balachov], Xmôlenxơ [Smolensk], trở lại Xamara, rồi Rôxtốp [Rostov], Nôvôtrécátxơ [Novotcherkassk], Kiép, Ghitômia [Jitomir] và cứ như thế, vô tận. Tôi chưa có con số chính xác về tổng số đoạn đường đoàn tàu đã đi trong những năm nội chiến. Một trong những chú giải thuộc các công trình có đề tài quân sự của tôi liệt kê 36 cuộc hành trình mà tổng cộng chiều dài lên tới hơn 105 ngàn ki-lô-mét. Dựa vào trí nhớ, một bạn đồng hành cũ viết rằng trong ba năm, có lẽ chúng tôi đã đi năm vòng rưỡi quanh trái đất, nghĩa là con số của anh gấp đôi số liệu

nói trên. Và ở đây chưa kể mấy vạn cây số đi bằng xe hơi từ tuyến đường sắt đến các vùng nằm sâu trong mặt trận. Đoàn tàu vốn bao giờ cũng đến những nơi hiểm nghèo nhất, thành thử các tuyến đường ghi lại trên bản đồ đều khá chính xác, đồng thời chúng đem lại một hình ảnh rõ rệt về tầm quan trọng nhất thời của các mặt trận khác nhau. Đa số những chuyến đi rơi vào năm 1920, tức năm cuối của cuộc nội chiến. Đa phần các cuộc hành trình hướng về mặt trận phía Nam, vốn là nơi dai dẳng nhất, ngoan cường nhất và nguy hiểm nhất.

Vậy đoàn tàu của chủ tịch Hội đồng Quân sự Cách mạng đi tìm gì trên các mặt trận của nội chiến? Trong một ý nghĩa chung, câu trả lời đã rõ ràng: nó đi tìm chiến thắng. Nhưng đoàn tàu mang lại gì cho các mặt trận? Phương pháp hành động của nó ra sao? Đi công cán thường xuyên từ điểm này qua điểm khác của đất nước, mục tiêu trực tiếp của nó là gì?

Không, đây không chỉ đơn thuần là những chuyến đi thanh tra. Không! Công việc của đoàn tàu có liên quan mật thiết nhất đến việc tổ chức, giáo dục, chỉ đạo và tiếp tế cho quân đội. Chúng tôi khởi đầu tái thiết quân đội từ con số không và dưới làn lửa đạn. Và đúng là như vậy, chẳng những tại Xviagiơxcơ -- nơi tháng đầu tiên của lịch sử con tàu được ghi nhận -- mà ở mọi mặt trận khác nữa. Từ những đơn vị du kích, từ những kẻ trốn chạy trước lũ Bạch quân, từ các nông dân được huy động trong các phủ huyện lân cận, từ những toán công nhân do các trung tâm công nghiệp gửi đến, từ những nhóm đảng viên cộng sản và bộ đội chuyên nghiệp, người ta lập ra ngay lập tức, ở mặt trận, những đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn mới, đôi khi cả những sư đoàn trọn vẹn. Sau những trận chiến thất bại và những cuộc tháo lui, một đám đông tan rã, tinh thần hoảng loạn đã được rèn luyện trong hai, ba tuần thành những đơn vị có sức chiến đấu. Để được vậy, cần những gì? Nhiều mà cũng ít. Phải có những chỉ huy giỏi, hai mươi, ba mươi chiến sĩ giàu kinh nghiệm, chừng một chục đảng viên cộng sản tận tụy, phải cấp ứng cho những người chân đất, phải xây nhà tắm, phải thực thi một chiến dịch tuyên truyền cương quyết, phải cho lính tráng ăn uống no đủ, phải cung cấp quần áo lót, phát thuốc lá và diêm cho họ. Đoàn tàu giải quyết tất cả những thứ đó. Ở chỗ chúng tôi, bao giờ cũng có dự trữ vài đảng viên cộng sản tin cẩn để lấp chỗ trống, vài trăm chiến sĩ thiện nghệ cùng một số giày ủng, áo da, thuốc men, súng máy, ống nhòm, bản đồ, đồng hồ và nhiều thứ quà cáp khác. Những trữ lượng vật chất trực tiếp của đoàn tàu cố nhiên là không đáng kể so với các nhu cầu của quân đội, nhưng chúng tôi khôi phục chúng thường xuyên. Điều quan trọng nhất: hàng chục, hàng trăm lần, chúng đóng vai trò một xẻng than khiến ngọn lửa không tắt trong giây phút cần thiết.

Một trạm điện báo hoạt động ngay trên tàu. Chúng tôi liên lạc bằng đường dây trực tiếp với Mátxcơva và trợ lý của tôi, Xcolianxki ghi nhận yêu cầu tiếp tế những trang bị tuyệt đối cần thiết cho quân đội, đôi lúc cho một sư đoàn, nhưng thỉnh thoảng chỉ cho một trung đoàn thôi. Rồi sau đó, những đơn đặt hàng được thực hiện với tốc độ nhanh đến mức không thể tưởng

tượng được dù tôi không đích thân can thiệp. Cố nhiên không thể gọi phương pháp ấy là đúng đắn. Một kẻ thông thái rởm có thể nói rằng trong lĩnh vực cung ứng cũng như trong toàn bộ công tác quân sự, tính hệ thống là quan trọng hơn cả. Đúng thế. Bản thân tôi lẽ ra cũng nghiêng về phía những người thông thái rởm. Có điều, chúng tôi không muốn bị hủy diệt trước khi sáng tạo ra được một hệ thống thật chặt chẽ. Thành thử, chúng tôi đã buộc phải -- nhất là trong giai đoạn đầu -- thay thế hệ thống bằng những phương pháp hành động ứng biến, để rồi sau này cả hệ thống có thể dựa trên đó.

Những cán bộ lãnh đạo của các cục chính yếu trong quân đội, nhất là của Tổng cục Hậu cần, thường đi kèm tôi trong tất cả các chuyến đi của tôi. Chúng tôi thừa hưởng những chính ủy quân sự từ quân đội cũ. Những con người này muốn làm việc theo lối cũ, thậm chí còn làm tồi hơn vì các hoàn cảnh trở nên khó khăn gấp bội phần. Trong những chuyến đi, các nhà chuyên gia cũ tự đào tạo mình cho hợp với những yêu cầu mới và những người mới có cơ hội học hỏi trong trường học cuộc đời.

Sau khi đi thanh tra ở một sư đoàn và nhận thấy tại chỗ những nhu cầu của nó, tôi triệu tập một cuộc họp cùng đông càng tốt ở Ban Tham mưu hoặc ở toa ăn của đoàn tàu, mời đến đó các đại biểu các tổ chức đảng địa phương, các cơ quan Xô-viết và các nghiệp đoàn. Nhờ vậy tôi có thể nhận được một bức tranh không chút tô vẽ về tình hình thực tại. Ngoài ra, những phiên họp như thế còn đưa ra các kết quả thực tiễn trực tiếp. Dù có nghèo đến mấy, các cơ quan của chính quyền địa phương bao giờ cũng tỏ ra có khả năng thắt lưng buộc bụng, hy sinh cái này, cái khác cho quân đội. Đặc biệt, những hy sinh của các đảng viên cộng sản là rất đáng kể. Chúng tôi rút hàng chục người lao động từ các văn phòng và điều họ ngay vào những trung đoàn dao động. Người ta tìm thấy một số vải dự trữ để làm áo choàng và xà-cạp, một ít da thuộc làm đế giày và một tạ mỡ. Nhưng những phương tiện địa phương cố nhiên không thể đủ được. Sau những cuộc họp như thế, tôi gửi một đơn đặt hàng chính xác về Mátxcova qua đường dây trực tiếp, cố nhiên có lưu ý đến trữ lượng của trung ương, và kết quả là sư đoàn nhận được những thứ nó cần ở mức cấp thời, hơn nữa, theo đúng thời gian cần thiết. Theo gương của đoàn tàu, những cán bộ chỉ huy và chính ủy của mặt trận học được cách tiếp cận nhiệm vụ của họ -- nhiệm vụ chỉ đạo, giáo dục, cung ứng, xét xử -- không từ trên xuống mà từ dưới lên, từ mức đại đội, trung đội, theo quan điểm của một lính mới chưa hề có kinh nghiệm.

Dần dà, hình thành những cơ quan hoạt động ít nhiều có hiệu quả, tập trung vào việc cung ứng cho các mặt trận và các đạo quân. Nhưng chỉ những cơ quan ấy thì không đủ sức và không thể đủ sức đối với những nhiệm vụ đổ lên đầu họ. Thời chiến, bộ máy lý tưởng nhất cũng có khi trực trặc, nhất là trong trường hợp một cuộc vận động chiến không ngừng mà nhìn về tổng thể, đôi lúc -- tiếc thay! -- lại được xây dựng trên những hoạt động tác chiến hoàn toàn không thể

lường trước nổi. Hơn nữa, đừng quên là chúng ta chiến đấu mà không có một khoản dự trữ nào. Ngay từ 1919, không còn gì trong các kho tàng trung ương. Những áo choàng cho binh sĩ được chuyển thẳng từ xưởng may ra mặt trận. Tình hình tồi tệ nhất trên phương diện súng ống và đạn dược: thường thường, những nhà máy vũ khí ở Tula [Toula] chỉ có thể sản xuất ra lượng vũ khí vừa đủ cho từng ngày. Không một toa xe chở đạn nào có thể rời xưởng nếu không có chữ ký của tổng tư lệnh chỉ định nơi giao hàng. Việc cung cấp đạn dược và súng ống lúc nào cũng giống như một sợi dây bị căng cực độ. Đôi khi sợi dây này bị đứt. Lúc đó, chúng ta bị tổn thất cả nhân mạng lẫn lãnh thổ.

Cuộc chiến tranh đã là một điều không thể tưởng tượng nổi nếu chúng tôi không ứng tác và còn tiếp tục ứng tác trong mọi lĩnh vực. Đoàn tàu đề xưởng và đồng thời đứng ra hiệu chỉnh những ứng tác đó. Cứ mỗi lần thúc đẩy việc phát huy sáng kiến của mặt trận và bộ máy hậu phương gần nhất, chúng tôi lại lưu ý đưa dần dần những sáng kiến này vào các kênh của hệ thống chung. Tôi không dám nói là bao giờ cũng thành công. Nhưng cũng như kết cục cuộc nội chiến đã chỉ rõ, chúng tôi đã đạt được vấn đề quan trọng nhất: chiến thắng.

Đặc biệt quan trọng là những chuyến đi thăm mặt trận ở nơi mà sự phản bội của đội ngũ chỉ huy đôi lúc gây ra những chấn động tai họa. Ngày 23 tháng Tám 1918, một trong những ngày nguy kịch nhất ở Cadan, tôi nhận được một bức điện mật của Lênin và Xvéclốp:

Xviiagioxcơ. Gửi Trótxki. Sự phản bội trên mặt trận Xaratốp [Saratov], mặc dầu được phát hiện kịp thời, đã gây ra những dao động vô cùng nguy hiểm. Chúng tôi nhận thấy tuyệt đối cần thiết đồng chí phải đến đây, bởi sự xuất hiện của đồng chí ở mặt trận sẽ có ảnh hưởng tốt đến các chiến sĩ và đến toàn quân. Chúng tôi sẽ thống nhất cả việc đi thăm các mặt trận khác nữa. Chờ hồi âm của đồng chí, nói rõ ngày lên đường, tất cả bằng mật mã. Số 80, ngày 22 tháng Tám 1918. Lênin. Xvéclốp.

Tôi thấy mình tuyệt đối không thể rời Xviiagioxcơ: sự ra đi của đoàn tàu có thể làm lung lay toàn bộ mặt trận Cadan, đã trải qua những giờ phút khó khăn dù chưa có chuyện đó. Xét về mọi phương diện, Cadan quan trọng hơn Xaratốp. Chẳng bao lâu sau Lênin và Xvéclốp cũng nhận thấy điều này. Tôi chỉ đến Xaratốp sau khi chiếm lại được Cadan. Nhưng các bức điện tương tự thường đến với chúng tôi trong suốt những chuyến đi về sau của đoàn tàu. Kiép và Viátca, Xibêri và Còrum phàn nàn về tình thế khó khăn của họ, hết thành phố nọ đến thành phố kia và cùng một lúc, họ yêu cầu đoàn tàu đến hỗ trợ.

Chiến tranh mở rộng ở vùng biên ải của đất nước, thường thường cuộc chiến diễn ra tại những ngõ ngách heo hút nhất của một mặt trận trải dài tám ngàn cây số. Các trung đoàn và sư đoàn bị sống tách rời khỏi thế giới bên ngoài nhiều tháng trời. Tâm trạng vô vọng lan tràn trong quân ngũ. Nhiều lúc thiết bị điện thoại dùng cho nhu cầu liên lạc nội bộ cũng thiếu thốn.

Ở vùng biên cương, đối với quân đội, đoàn tàu là sứ giả của những thế giới khác. Chúng tôi luôn tàng trữ dây và thiết bị điện thoại trong kho. Toa xe thông tin đặc biệt có một cần ăng-ten cho phép chúng tôi dọc đường bắt được sóng của tháp Épphen, của trạm Nauen, tổng cộng gần ba chục đài phát, trong đó đứng đầu tất nhiên là các đài Mátxcova. Đoàn tàu luôn nắm bắt được những gì xảy ra trên thế giới. Chúng tôi đăng tải những thông tin quan trọng nhất trong tờ báo của đoàn tàu, dọc đường chúng tôi bình luận những tin tức ấy trong các bài báo, truyền đơn và nhật lệnh. Hành động phiêu lưu của Cáppơ [Kapp], những âm mưu bạo loạn trong nước, bầu cử ở Anh, tiến trình thu hoạch ngũ cốc hoặc những "chiến tích" của chủ nghĩa phát-xít Đức -- chúng tôi đã tường thuật sốt dẻo tất cả những điều đó và chỉ ra mối liên quan với số phận các mặt trận Axtorakhan [Astrakhan] hoặc Áckhanghenxcơ. Đồng thời, chúng tôi cũng gửi những bài báo ấy về Mátxcova qua đường dây điện tín, từ đó, qua làn sóng điện, chúng được chuyển đến báo chí toàn quốc. Sự xuất hiện của đoàn tàu đã nổi lại ngay cả đơn vị bị cô lập nhất về bộ máy tuần hoàn máu của quân đội, về đời sống của đất nước và của toàn thế giới. Những lời đồn đại hết gây hoang mang, những mối hồ nghi tan biến, khí thế được nâng cao. Sự phấn chấn tinh thần kéo dài vài tuần, đôi khi đến tận lúc đoàn tàu chúng tôi trở lại. Trong khoảng thời gian giữa những chuyến đi thăm của tôi, các thành viên Hội đồng Quân sự Cách mạng của mặt trận hoặc của toàn quân cũng đến thăm các đơn vị theo cùng một khuôn mẫu tương tự, nhưng với những nghi thức khiêm tốn hơn.

Không thể hình dung tôi có thể làm việc nổi chằng những công việc văn chương, mà mọi công việc khác nếu thiếu các cộng sự tốc ký viên như: Gơladoman [Glazmann], Xéc-múc [Sermuks] và anh thanh niên Nhê-traiép [Nétchaiev]. Dọc đường, họ làm việc đêm ngày và trên những đường ray hư hỏng, trong cơn sốt của chiến tranh, con tàu vi phạm mọi qui tắc thận trọng, cứ vùn vụt lao mình với tốc độ bảy mươi, thậm chí hơn bảy mươi cây số, khiến cho tấm bản đồ treo trên trần toa xe lắc lư liên hồi. Tôi luôn luôn nắm tay họ với nỗi ngạc nhiên và lòng biết ơn, nhìn họ vạch ra rất chắc chắn những dòng chữ li ti dù tàu xóc và rung. Chừng nửa giờ sau, khi người ta đem lại cho tôi văn bản hoàn chỉnh, tôi không cần phải sửa chữa. Đây không phải là công việc bình thường, phải gọi là chiến công thì đúng hơn. Về sau Gơladoman và Xéc-múc đã phải trả giá đắt cho quá trình phục vụ cách mạng tận tụy của họ: Gơladoman bị bọn xta-lin-nít đẩy đến chỗ phải tự tử, còn Xéc-múc bị giam cầm ở vùng Xibêri hoang dã.

Đoàn tàu có một nhà để xe rất rộng, chứa vài chiếc xe hơi và một thùng xăng. Tất cả tạo điều kiện cho chúng tôi có thể đi xa khỏi tuyến đường sắt vài trăm dặm. Trên các xe tải và xe hơi, có một đội hai, ba chục người gồm những xạ thủ và những tay súng máy cừ khôi. Xe tôi cũng có hai súng máy. Cuộc vận động chiến chứa đầy những sự kiện bất ngờ. Trong các thảo nguyên, chúng tôi luôn có nguy cơ chạm trán bọn kỵ binh Côđắc đi thám báo. Chiếc xe được

trang bị súng máy đem lại chút ít an toàn, ít nhất là khi thảo nguyên chưa biến thành một biển bùn. Tại Vôrônhegiơ, một lần vào mùa thu 1919, chúng tôi buộc phải nhích từng bước với tốc độ ba cây số một giờ. Các xe hơi lún sâu trong đất đen sũng nước, loại đất mùn đen tạo nên sự giàu có của vùng này. Mỗi lần cần thiết, ba chục người lại nhảy khỏi xe, dùng vai kích chiếc xe bị lún lên. Khi chúng tôi định vượt qua một chỗ lầy lội, chiếc xe chết máy ngay trên vũng bùn. Bực dọc, tôi nguyên rửa cái xe có trọng tâm quá thấp mà Puyvi [Püvi], anh tài xế tài ba người Extôni của tôi coi là thứ tốt nhất hoàn cầu. Anh quay lại, giơ tay chào theo lối nhà binh và nói với tôi bằng một thứ tiếng Nga ngọng:

-- Tôi xin phép được tuyên bố là các kỹ sư không thể dự kiến việc chúng ta sẽ dùng xe để lội nước.

Mặc dầu tình thế khá nghiêm trọng, tôi vẫn muốn ôm chầm lấy anh tài xế bởi câu nói ranh mãnh và chính xác của anh.

Đoàn tàu không chỉ là một cơ quan chỉ đạo quân sự và chính trị, nó còn là một công cụ chiến đấu. Theo nhiều đặc điểm, nó giống một con tàu bọc thép hơn là một trụ sở tham mưu di động. Cố nhiên, nó cũng được bọc thép từng phần, ít nhất là đầu máy và các toa có súng máy. Trên tàu, mọi người đều biết sử dụng vũ khí, không trừ một ai. Ai nấy đều mặc bộ quân phục bằng da thuộc làm tăng thêm vẻ đỉnh đạc và oai phong. Tất cả mang trên cánh tay trái, dưới vai, một huy hiệu cỡ lớn bằng kim loại, tác phẩm công phu của xưởng đúc tiền, rất được ưa chuộng trong quân đội. Hệ thống điện thoại và tín hiệu bên trong nối liền các toa tàu. Để duy trì tinh thần cảnh giác, chúng tôi thường tổ chức báo động dọc đường, cả ngày lẫn đêm. Lúc cần, chúng tôi cũng cử những phân đội vũ trang xuống tàu để thi hành "biệt kích tác chiến". Lần nào cũng vậy, sự xuất hiện của đại đội áo da ở một nơi xung yếu bao giờ cũng đem lại một tác động không gì cưỡng lại nổi. Cảm thấy đoàn tàu của chúng tôi chỉ cách tuyến lửa vài cây số, ngay cả những đơn vị mất bình tĩnh nhất -- và trước hết, đội ngũ chỉ huy của họ -- cũng định thần và tập trung hết sức lực. Trong trường hợp cán cân còn bấp bênh, chỉ một chút trọng lượng cũng đủ làm nó nghiêng hẳn. Vậy thì trong vòng hai năm rưỡi, đoàn tàu và tập thể chiến sĩ cũng thường phải đóng vai trò vi lượng mang tính quyết định như thế, có lẽ hàng mấy trăm lần. Sau khi đội "đặc nhiệm" trở về đoàn tàu, thường thường lại thiếu một, hai người. Tổng kết lại, đoàn tàu mất mười lăm người tử vong hoặc bị thương, chưa kể những người gia nhập hẳn vào các đơn vị đi chiến đấu ngoài trận tuyến và như thế, chúng tôi không biết gì về họ. Ví dụ một nhóm trong tập thể tàu chúng tôi được chuyển về một tàu bọc thép mẫu mực mang tên Lênin, một bộ phận khác được điều động đến các đơn vị chiến đấu ở Pêtorôgorát. Đoàn tàu, với tư cách một đơn vị độc lập, đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ vì công trạng tham gia chiến đấu chống Iudênhích [Ioudénitch].

Nhiều lần đoàn tàu bị bao vây, bị bắn phá và bị máy bay oanh tạc. Không có gì lạ nếu nó được bao phủ bởi một tấm màn huyền thoại thêu dệt từ những chiến công thực sự và những sản phẩm của trí tưởng tượng. Bao lần, biết bao lần những sư đoàn trưởng, tư lệnh lữ đoàn, nhưng đến cả trung đoàn trưởng cũng yêu cầu chúng tôi ở thêm lại với họ nửa giờ nữa, ngồi chuyện trò với họ trong Bộ Tham mưu, hoặc đi cùng họ bằng xe hơi hay ngựa thăm một trung đội xa xôi, hoặc ít ra cũng cử một vài người trong đội chúng tôi mang quân trang và quà tặng, để loan truyền rộng rãi cái tin đoàn tàu đã đến với mặt trận. "Điều đó có giá trị như một sư đoàn dự bị!" -- các tướng tá nói như vậy. Tin đoàn tàu đến cố nhiên cũng lọt vào hàng ngũ địch. Ở đó, người ta tô vẽ đoàn tàu bí ẩn còn đáng sợ hơn nhiều so với nó trong thực tế. Và tầm quan trọng tinh thần của nó càng được tăng gấp bội.

Đoàn tàu bị quân thù căm ghét và nó tự hào với điều này. Phái xã hội cách mạng nhiều lần dự định phá hoại nó. Trong vụ án xử phe xã hội cách mạng, Xemiônốp [Séménov] -- kẻ tổ chức vụ ám sát Vôlôđácxki [Volodarsky] và mưu sát Lênin, đồng thời tham gia chuẩn bị những kế hoạch tấn công đoàn tàu -- đã khai báo rất chi tiết. Kể ra, một chủ ý như thế cũng không phải là chuyện quá khó khăn. Nhưng thời đó, phe xã hội cách mạng đã yếu về mặt chính trị, đã đánh mất lòng tin và không còn ảnh hưởng đến giới thanh niên.

Trong một chuyến đi về phía Nam, đoàn tàu bị trật bánh ở ga Goócki. Lúc đó là ban đêm, tôi bị bắn đi và cảm thấy hãi hùng như người trải qua một cơn động đất: khi đất lở dưới chân và con người không còn chỗ bấu víu. Nửa tỉnh nửa mê, tôi ghì hết sức vào hai góc giường. Tiếng ầm ầm quen thuộc của bánh xe tàu đột nhiên dừng lại, toa xe đổ kênh về một phía và bất động. Chỉ có một tiếng kêu cô đơn, yếu ớt và rên rỉ xé dọc bầu không khí yên tĩnh của màn đêm. Cánh cửa nặng nề của toa xe méo mó đến mức không thể mở ra nổi và không ra được khỏi toa. Không thấy ai đến và như thế tôi lại càng lo ngại. Quân địch có ở đó không? Súng lục trong tay, tôi nhảy qua cửa sổ và vấp phải một người tay lăm lăm cầm chiếc đèn. Đó là anh trưởng tàu, anh không đến nổi chỗ tôi.

Toa tàu nằm nghiêng một bên, ba bánh lún sâu vào đá rầm ở nền đường xe lửa, ba bánh kia lơ lửng phía trên các đường ray. Hai đầu toa xe bị phá tan. Cái lưới phía đằng trước đè người lính gác xuống sàn. Chính anh đã thốt lên âm thanh đau đớn như tiếng trẻ em khóc trong đêm tối. Phải khó khăn lắm chúng tôi mới giải thoát được anh khỏi tấm lưới ghì chặt trên người anh. Trước sự ngạc nhiên của mọi người, hóa ra anh thoát nạn, chỉ bị vài vết bầm tím và cơn hoảng hốt.

Có cả bảy tám toa xe bị phá hủy. Toa ăn, vốn được dùng làm câu lạc bộ của đoàn tàu, chỉ còn là một đồng vỏ bào đánh véc-ni. Những người đợi đổi gác đọc sách hoặc chơi cờ vua ở đó. Họ vừa

rời toa tàu vào đúng nửa đêm, mười phút trước khi tàu trượt bánh. Ngoài ra, những toa chở sách vở, quân nhu và quà tặng cho mặt trận bị hư hỏng rất nhiều.

Không ai bị thương đáng kể.

Nguyên nhân khiến tàu trật bánh là do bẻ ghi sai. Không biết lỗi này do sơ xuất, cầu thả hay do chủ tâm xấu. May là chúng tôi chỉ đi qua ga với tốc độ ba mươi cây số một giờ.

Tập thể nhân viên của đoàn tàu còn làm nhiều việc không liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ của họ: trong những lúc đói kém, dịch tễ, trong các chiến dịch tuyên truyền, các đại hội quốc tế.

Đoàn tàu bảo trợ và đỡ đầu cho nhiều quận huyện và trại trẻ. Chi bộ cộng sản của đoàn tàu ấn hành một tờ báo riêng mang tựa đề *Na Xtòragiê* [Na Straijié] (Đứng gác). Nhiều tình tiết trong chiến đấu và nhiều mẫu chuyện ly kỳ được ghi lại trong tờ báo này. Cũng như các sách báo khác, rất tiếc tôi không giữ được số báo nào trong tập lưu trữ của tôi về chiến dịch.

Khi chúng tôi xuất quân để chuẩn bị cuộc tấn công chống Voranghen [Vrangel], tên tướng Bạch vệ này đang cố thủ ở Cờrum, ngày 27 tháng Mười 1920, tôi viết trong tờ báo *Vor Puchi* của đoàn tàu:

Đoàn tàu chúng ta lại lên đường ra mặt trận.

Những chiến sĩ của đoàn tàu từng có mặt ở chân thành Cadan trong những tuần lễ ác liệt năm 1918, khi diễn ra cuộc chiến giành lấy sông Vônga. Cuộc chiến đấu ấy đã kết thúc từ lâu. Chính quyền Xô-viết đã tiến gần tới bờ Thái Bình dương.

Những chiến sĩ của đoàn tàu chúng ta từng chiến đấu vẻ vang dưới chân thành Pêtorôgorát... Pêtorôgorát thoát hiểm và trong những năm gần đây, đã đón tiếp rất nhiều đại diện của giai cấp vô sản thế giới tại nơi này.

Đã hơn một lần, đoàn tàu chúng ta có mặt ở mặt trận phía Tây. Giờ đây chúng ta đã ký kết hiệp định hòa bình sơ bộ với Ba Lan.

Chúng ta đã có mặt tại các thảo nguyên sông Đông, khi Coraxnốp -- và sau đó, Đênhikin -- đe dọa nước Nga-Xô-viết từ phía Đông. Số phận của Coraxnốp và Đênhikin đã tàn lụi từ lâu.

Còn lại Cờrum, nơi chính phủ Pháp đã biến thành một pháo đài. Tư lệnh Bạch quân đồn trú trong cái pháo đài Pháp này là nam tước Voranghen, một tên tướng người Nga gốc Đức của đội quân tình nguyện.

Gia đình gắn bó của đoàn tàu chúng ta lại ra đi tham gia chiến dịch mới.

Mong sao đó là cuộc chiến đấu cuối cùng!

Chiến dịch Cờrum quả thực là chiến dịch cuối cùng của cuộc nội chiến. Vài tháng sau, tập thể nhân viên đoàn tàu được phục viên. Từ những trang của cuốn sách này, tôi gửi lời chào thân ái đến các cựu chiến hữu của tôi!

CHƯƠNG XXXV BẢO VỆ PÊTORÔGORÁT

Có mười sáu tập đoàn quân chiến đấu trên các mặt trận của nước Cộng hòa Xô-viết. Cách mạng Pháp cũng gần có ngàn ấy đạo quân, chính xác là mười bốn. Mỗi tập đoàn quân trong số mười sáu đạo quân Xô- viết đều có một lịch sử ngắn ngủi, nhưng chói lọi. Chỉ cần nêu con số của một trong những đơn vị ấy là gọi lên ngay hàng chục mẫu chuyện không thể tái diễn. Mỗi tập đoàn quân hình thành một bộ mặt riêng, sống động, đặc trưng, mặc dầu luôn biến đổi.

Tập đoàn quân thứ VII đồn trú tại những con đường phía Tây Pêtorôgorát. Một thời gian dài không hoạt động đã để lại dấu ấn nặng nề cho nó. Tinh thần cảnh giác đã giảm sút. Những cán bộ xuất sắc nhất, thậm chí cả những đơn vị trọn vẹn được rút khỏi tập đoàn quân và cử đến các khu vực khác, nóng bỏng hơn, của mặt trận. Đối với một đạo quân cách mạng đang cần thiết nguồn phấn khởi, việc dậm chân tại chỗ hầu như lúc nào cũng đem lại kết cục bất hạnh, thậm chí đôi lúc còn tai họa. Lần này, mọi việc cũng diễn ra như vậy.

Tháng Sáu 1919, có một phân đội Bạch vệ chiếm giữ Corátxnaia Goócxa [Kratssnaia Gorka], một pháo đài quan trọng nằm trong vịnh Phần Lan. Vài ngày sau, một đơn vị thủy binh Hồng quân giành lại pháo đài. Người ta phát hiện ra là đại tá Luncovít [Lundkvitst], tổng tham mưu trưởng Tập đoàn quân thứ VII đã thông báo lập tức mọi tin tức hắn được biết cho Bạch quân. Nhiều tên phiến loạn cũng trợ giúp hắn trong việc này. Sự kiện đó làm chấn động toàn quân đội.

Tháng Bảy, tướng Iudênhích được đề bạt làm tổng tư lệnh quân đội Bạch vệ vùng Tây-Bắc; Iudênhích được Côntrác thừa nhận là đại diện riêng của hắn. Với sự hỗ trợ của Anh và Extôni, một chính phủ Nga của vùng "Tây-Bắc" được hình thành vào tháng Tám. Hạm đội Anh đóng quân ở vịnh Phần Lan hứa hẹn sẽ giúp đỡ Iudênhích.

Cuộc tấn công của Iudênhích được ấn định vào thời điểm mà dù không có nó, chúng tôi vẫn còn đang ở trong tình trạng nguy hiểm trầm trọng. Đênhikin chiếm được Ôriôn [Orel] và đe dọa Tula, trung tâm của nền công nghiệp quốc phòng. Từ đó, con đường đến Mátxcova không xa mấy. Trận tuyến phía Nam thu hút toàn bộ sự chú ý của chúng tôi. Chỉ một đòn đánh nặng đầu tiên từ phía Tây cũng đủ làm Tập đoàn quân thứ VII mất thăng bằng. Trong thực tế, nó lùi bước mà không hề chống cự, bỏ rơi cả vũ khí và để lại phía sau quân tiếp viện. Những lãnh tụ Pêtorôgorát, trước hết là Dinôviép, thông báo với Lênin rằng kẻ địch được vũ trang tuyệt hảo về mọi mặt: súng máy tự động, xe tăng, máy bay, tàu chiến bọc thép Anh v.v... tập trung ngay ở bên hông trận tuyến. Lênin đi đến kết luận chúng ta chỉ có thể tham chiến thành công chống đạo quân sĩ quan được trang bị kỹ thuật tối tân nhất của Iudênhích, nếu chúng ta tìm cách để hở, nghĩa là làm yếu các mặt trận khác trong thực tiễn, trước hết là mặt trận miền Nam. Nhưng

không thể chấp nhận giải pháp ấy. Theo ý ông, chỉ còn độc nhất một lối thoát: bỏ rơi Pêtorôgorát và thu hẹp trận tuyến. Sau khi ngẫm nghĩ sự cần thiết của việc thu hẹp đau đớn ấy, Lênin gắng sức thuyết phục những người khác theo ý của ông.

Vừa từ phương Nam về Mátxcova, tôi đã cương quyết chống lại kế hoạch ấy. Iuđênhích và quan thầy của hắn không chỉ muốn thôn tính Pêtorôgorát: bọn chúng còn muốn kết hợp với Đênhikin tại Mátxcova. Ở Pêtorôgorát, Iuđênhích sẽ tìm thấy những trữ lượng công nghiệp và quân số đồ sộ. Hơn nữa, giữa Pêtorôgorát và Mátxcova không có những trở ngại đáng kể. Từ đó, tôi đi đến kết luận phải bảo vệ Pêtorôgorát bằng mọi giá.

Cố nhiên, trước hết tôi có thể tính đến sự ủng hộ của các đồng chí Pêtorôgorát. Corexchinxki, lúc đó là ủy viên Bộ Chính trị, đứng về quan điểm của tôi. Dường như Xtalin cũng đồng tình với tôi thì phải. Trong vòng hai mươi tư giờ đồng hồ, tôi tấn công Lênin nhiều lần. Cuối cùng, ông phải nói:

-- Thôi được, thử xem sao...

Ngày 15 tháng Mười, Bộ Chính trị thông qua bản dự thảo nghị quyết của tôi về tình hình mặt trận:

Xét thấy nguy cơ quân sự đe dọa, cần phải biến nước Nga-Xô-viết thành một chiến lũy. Với sự cộng tác của các tổ chức đảng và các công đoàn, phải thực thi việc kê khai tên tuổi những đảng viên, những người lao động Xô-viết và những công đoàn viên, xem họ có đủ khả năng phục vụ quân đội không?

Sau đó, hàng loạt biện pháp thực tiễn được đề ra. Liên quan đến Pêtorôgorát, tôi diễn đạt như sau: "Không được để thành phố lọt vào tay địch!"

Cùng ngày, tôi đệ trình Hội đồng Quốc phòng một dự thảo nghị quyết:

Phải bảo vệ Pêtorôgorát đến giọt máu cuối cùng. Không được lùi một tấc đất và nếu cần, chúng ta sẽ chiến đấu trên các đường phố của đô thành.

Tôi dự đoán đạo quân Bạch vệ gồm chừng hai vạn rưỡi lính, cho dù có tràn vào được thành phố hơn một triệu dân thì rồi cũng bị thất bại khi phải đối phó với một cuộc đề kháng quyết liệt. Ngoài ra, tôi cho rằng -- nhất là trong trường hợp Extôni và Phần Lan cùng tham chiến -- cần phải chuẩn bị kế hoạch rút lui cho quân đội và công nhân về hướng Đông-Nam: đây là khả năng duy nhất để cứu vãn phần tinh hoa của giới công nhân Pêtorôgorát khỏi một cuộc tàn sát hàng loạt.

Tôi đi Pêtorôgorát ngày 16. Hôm sau, tôi nhận được thư Lênin: 17 tháng Mười. Gửi đồng chí Trốtxki.

Đêm hôm qua... , bằng văn bản mật, chúng tôi đã gửi đến đồng chí quyết định

của Hội đồng Quốc phòng... Như đồng chí thấy, chúng tôi đã chấp nhận kế hoạch của đồng

chí. Cảnh đó, cố nhiên việc đưa công nhân Pêtorôgorát đi sơ tán ở miền Nam không bị gạt khỏi chương trình nghị sự (người ta bảo rằng đồng chí đã nói điều này với Coraxin [Krassine] và Rucốp). Nhưng đả động đến chuyện này sớm hơn mức cần thiết có nghĩa là chúng ta đầu hàng cuộc chiến. Nếu kẻ thù tìm cách bao vây và cắt đứt các mối liên lạc với Pêtorôgorát, điều này dĩ nhiên sẽ đòi hỏi những thay đổi thích hợp mà đồng chí sẽ thực thi tại chỗ... Tôi gửi kèm theo đây lời kêu gọi do tôi viết dưới sự ủy nhiệm của Hội đồng Quốc phòng. Tôi vội nên viết không được thành công lắm. Tốt hơn là đồng chí hãy để chữ ký tôi sau chữ ký của đồng chí. Chào thân ái. Lênin.

Tôi cho rằng lá thư này chứng tỏ khá rõ ràng những bất đồng mang tính ngẫu nhiên của tôi với Lênin -- những bất đồng không thể tránh khỏi trong công việc có tầm vóc lớn lao như thế --, có thể vượt qua trong thực tế mà không để lại một dấu vết gì trong quan hệ cá nhân và trong công việc chung của chúng tôi. Tôi cũng từng nghĩ trong óc là nếu tháng Mười 1919, giá thử không phải Lênin bảo vệ ý kiến bỏ rơi Pêtorôgorát, mà là tôi, chống lại Lênin, thì ngày nay, bằng mọi thứ tiếng trên thế giới này, một lượng văn chương dồi dào sẽ tố cáo biểu hiện tai hại đó của "chủ nghĩa trốt-kít".

Trong năm 1918, Liên minh đã cưỡng bức, đẩy chúng ta vào cuộc nội chiến, dường như để nhằm mục đích chiến thắng hoàng đế Ghiôm. Nhưng bây giờ là năm 1919. Nước Đức đã thất bại từ lâu. Tuy nhiên, Liên minh vẫn tiếp tục tiêu phí những khoản tiền trị giá hàng trăm triệu để gieo rắc mầm mống cái chết, đói khát và bệnh dịch trên đất nước của cách mạng. Ludênhích là một trong số những tướng đánh thuê được nuôi bằng tiền của Anh và Pháp. Y dựa lưng vào Extôni, sườn trái của y được Phần Lan che chở. Liên minh đòi hỏi hai đất nước đã được cách mạng giải phóng ấy phải trợ giúp nó để cứu hòng cách mạng. Ở Hendinhphô [Helsingfors] cũng như ở Revan, những cuộc thương lượng tiếp nhau kéo dài vô tận, cán cân khi nghiêng về bên này, lúc ngả về bên kia. Chúng tôi lo ngại hai quốc gia nhỏ, đang làm thành hai gọng kìm thù địch trên đầu Pêtorôgorát.

Ngày 1 tháng Chín, mang tính chất một lời cảnh cáo, tôi viết những dòng sau trong tờ *Prápđa*: Trong số những sư đoàn chúng tôi điều về mặt trận Pêtorôgorát lúc này, đội kỵ binh người Bắtsokia [Bachkies] không phải là đứng sau cùng và nếu bọn tư sản Phần Lan mưu toan đánh Pêtorôgorát, những người Bắtsokia sẽ tiếp tục tiến bước với khẩu hiệu "Chiếm Hendinhphô!"

Sư đoàn kỵ binh người Bắtsokia mới được thành lập gần đây. Ngay từ đầu, tôi đã có ý muốn chuyển nó về Pêtorôgorát vài tháng, tạo điều kiện cho những con người của thảo nguyên được sống một thời gian trong môi trường văn minh thành thị, để họ đến gần với công nhân, lui tới các câu lạc bộ, các cuộc mít-tinh và các nhà hát. Kèm theo ý kiến đó, giờ đây còn một suy tính

mới, cấp bách hơn: đó là ý kiến gây ra sự hoảng sợ cho giới tư sản Phần Lan bằng cách giơ cao cái bóng ma xâm lăng của người Bắtsokia đối với Phần Lan.

Tuy nhiên, những lời cảnh cáo của chúng tôi không có trọng lượng bằng các chiến thắng nhanh chóng của Iudênhích. Ngày 13 tháng Mười, y chiếm Luga [Louga]; ngày 16, y chiếm Corátxnôie Xêlô [Krassnoié Sélo] và Gáttrina [Gatchina], y điều động các lực lượng khác vào Pêtorôgorát và tìm cách chặn tuyến đường sắt Pêtorôgorát-Mátxcova. Ngày thứ mười của cuộc tấn công, Iudênhích đã vào đến Xáxcôie Xêlô (Đétxcôie [Dietskoié]). Từ những cao điểm, những lính kỵ binh tuần tiễu của y đã có thể nhìn thấy cái vòm mạ vàng của Nhà thờ lớn Thánh Ixác [Isaac].

Đi trước sự việc chưa xảy ra, đả vô tuyến truyền thanh Phần Lan tuyên bố quân Iudênhích đã chiếm được Pêtorôgorát. Những chính khách được ủy nhiệm của Liên minh ở Hendinhphô chính thức loan báo các tin ấy về cho chính phủ họ. Tin Pêtorôgorát đổ thất thủ lan truyền khắp châu Âu, khắp thế giới. Một tờ báo Thụy Điển viết về "tuần lễ thế giới của cơn sốt thành Pêtorôgorát".

Giới thống trị của Phần Lan náo động nhất trong cơn sốt này. Không chỉ giới quân đội mà chính phủ cũng tán thành sự can thiệp. Không ai muốn để mất chiến lợi phẩm. Tất nhiên đảng Xã hội Dân chủ Phần Lan hứa hẹn sẽ giữ thái độ "trung lập". Một sử gia Bạch vệ viết: "Người ta chỉ còn bàn cãi vấn đề can thiệp về mặt tài chính". Họ chỉ cần đặt một khoản tiền ký thác là năm chục triệu phờ-răng: đó là giá máu của Pêtorôgorát trên thị trường chứng khoán của Liên minh.

Vấn đề Extôni cũng không kém phần bức thiết. Ngày 17 tháng Mười, tôi viết cho Lênin: Nếu chúng ta giữ được Pêtorôgorát -- đó là điều tôi tin tưởng -- thì chúng ta sẽ có khả năng thanh toán triệt để đạo quân của Iudênhích. Cản trở duy nhất là Iudênhích sẽ được quyền cư trú ở Extôni. Nước Extôni phải khóa chặt biên cương trước sự xâm nhập của Iudênhích. Trong trường hợp ngược lại, chúng ta phải được quyền tràn vào Extôni để truy quét Iudênhích.

Đề nghị ấy được thông qua sau khi quân đội ta truy đuổi Iudênhích. Nhưng sự truy quét đó đã không diễn ra ngay lập tức.

Tôi nhận thấy một sự hoảng loạn cực độ diễn ra ở Pêtorôgorát. Tất cả đều tan rã. Các đạo quân của ta lùi bước và tan thành từng mảnh vụn. Đội ngũ chỉ huy nhìn về phía các đảng viên, các đảng viên hướng về Dinôviép. Dinôviép lại là trung tâm hội tụ của sự bất lực. Xvéclốp bảo tôi: -- Bản thân Dinôviép là sự kinh hoàng...

Mà Xvéclốp là người hiểu rõ các đồng chí của mình hơn ai hết. Quả vậy, trong những giai đoạn thuận lợi, khi "chẳng có gì đáng lo ngại" như Lênin nói, Dinôviép rất dễ thăng lên chín tầng mây. Nhưng khi có gì trắc trở, anh thường nằm dài trên một chiếc ghế dài -- không phải theo

nghĩa bóng, mà theo nghĩa đích thực của từ này -- và thở dài thườn thượt. Kể từ năm 1917, tôi có dịp nhận thấy Dinôviép không bao giờ có thái độ đứng giữa: hoặc thăng lên chín tầng mây, hoặc nằm dài trên chiếc tràng kỷ. Lần này, tôi bắt gặp anh cũng trên chiếc tràng kỷ. Xung quanh anh cũng có những người dũng cảm, ví dụ như Lasêvích [Lachévitch]. Nhưng họ cũng nản chí, mất lòng tin. Nỗi kinh hoàng cuốn lấy mọi người và có thể cảm thấy điều đó ở mọi nơi. Từ điện Xmônưi, tôi gọi điện thoại điều một chiếc xe hơi ở nhà xe quân đội. Xe không đến đúng giờ đã định. Qua giọng nói của nhân viên thừa hành, tôi cảm thấy sự thờ ơ, vô vọng, tâm trạng chấp nhận số phận đã tấn công cả đến những giai tầng dưới của bộ máy hành chính. Cần phải vận dụng những biện pháp đặc biệt vì quân thù đã đặt chân ở ngoài cửa ngõ thành phố. Như trong những trường hợp tương tự, bây giờ tôi cũng dựa vào đội ngũ nhân viên của đoàn tàu tôi. Tôi có thể tin tưởng vào những con người này trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Họ kiểm tra, gây áp lực, tạo ra những mối liên lạc, thế chân những kẻ vô dụng, lấp các lỗ hổng. Từ bộ máy chính thức đã đánh mất bộ mặt của nó, tôi tụt xuống hai hoặc ba tầng: tôi đi thăm đảng bộ các khu, các nhà máy, xí nghiệp, các trại lính. Với ý nghĩ chẳng bao lâu nữa, thế nào thành phố cũng lọt vào tay Bạch quân, không ai dám xuất đầu lộ diện. Nhưng khi trong các cơ sở dưới, mọi người cảm thấy chúng ta không giao nộp Pêtorôgorát và nếu cần thiết, chúng ta sẽ bảo vệ nó trong những cuộc giáp chiến trên các đường phố, quảng trường, thì bầu không khí đột nhiên thay đổi. Những người quả cảm và quên mình ngẩng đầu. Những phân đội nam và nữ, được vũ trang bằng thiết bị công binh, đổ dồn từ các nhà máy về thành phố. Công nhân Pêtorôgorát hồi đó có bộ dạng khốn khổ: đến nay tôi vẫn thấy trước mắt những bộ mặt bạc nhược, nhợt nhạt vì thiếu ăn, những bộ quần áo tồi tả, những đôi ủng thùng đế, thường là cộc cạch lẻ bộ.

-- Chúng ta không để mất Pêtorôgorát chứ, các đồng chí?

-- Không, không để mất!

Nhiệt tình đặc biệt cháy lên từ ánh mắt những người phụ nữ. Những người mẹ, người vợ, những cô gái không muốn xa rời tổ ấm gia đình vốn không mấy hấp dẫn của họ, nhưng dù sao cũng đã được sưởi ấm.

-- Không, chúng ta không giao nộp thành phố! -- những giọng nữ vang lên và những bàn tay họ lại nắm chặt cán xẻng như thể nắm khẩu súng.

Một số lớn phụ nữ biết sử dụng súng thật hoặc ngồi vào bên súng máy. Chúng tôi chia thành phố thành các khu, đặt dưới quyền chỉ đạo của các Ban Tham mưu công nhân. Các cứ điểm chiến lược quan trọng nhất được bao quanh bằng dây thép gai. Chúng tôi lựa chọn trước một số vị trí cho pháo binh và định trước những điểm cần nhắm. Trên các quảng trường và các ngã tư chính yếu, chúng tôi đặt gần sáu mươi cỗ pháo ở nơi trú ẩn. Chúng tôi củng cố các kênh đào,

các công viên nhỏ, các tường nhà, các hàng rào và nhà cửa. Dọc các quận ngoại vi và dọc sông Nêva [Néva], chúng tôi đào chiến hào. Tất cả mặt phía Nam thành phố trở thành một pháo đài. Chúng tôi dựng chướng ngại vật trên đường phố và quảng trường. Một tinh thần mới từ những khu thợ lan đến các trại lính, các vùng hậu phương và các đạo quân ngoài trận tuyến. Iudênhích chỉ còn cách Pêtorôgorát mười, mười lăm dặm, y đã đến những cao điểm ở đồi Puncôvô [Poulkovo], nơi tôi từng qua hai năm trước, khi cuộc cách mạng vừa mới toàn thắng đã phải chiến đấu chống các đạo quân của Kêrenxki và Coraxnốp để tự bảo vệ mạng sống của mình. Nay, lại một lần nữa, số phận Pêtorôgorát treo đầu sợi tóc. Phải ngăn chặn đà tiến của quân địch, ngay lập tức và bằng bất cứ giá nào.

Trong nhật lệnh ngày 18 tháng Mười, tôi yêu cầu:

Không ai được viết các bài phóng sự dối trá, ví dụ biến những cuộc hoảng loạn thành những cuộc giao tranh kịch liệt. Truyền bá những tin tức sai sự thực cũng bị trừng phạt như tội phản bội. Trong thời chiến có thể xảy ra những sai lầm, nhưng không được nói sai, nói dối.

Cũng như bất cứ bao giờ vào những giờ phút khó khăn, tôi thấy cần thiết phải nói rõ sự thật trần trụi trước toàn đất nước và toàn quân đội. Tôi nêu ra trước dư luận sự thật về cuộc rút lui vô nghĩa ngày hôm đó:

Một đại đội của trung đoàn xạ thủ phát hoảng vì nghe tin vòng vây địch xuất hiện bên sườn. Trung đoàn trưởng hạ lệnh rút lui. Trung đoàn đã tháo chạy 8-10 cây số và lùi bước đến tận Alếchxandơrôpca [Alexandrovka]. Sau khi kiểm tra mới vỡ ra rằng một đơn vị của ta đóng ở bên sườn trung đoàn này... Tuy nhiên, trung đoàn bỏ chạy ấy cũng không đến nỗi quá tồi. Khi vừa lấy lại được lòng tự tin, trung đoàn đã lập tức quay trở lại, họ vội vã rảo bước, có khi còn chạy; mồ hôi đầm đìa, mặc dù trời lạnh giá, họ vẫn vượt được tám dặm một giờ, đuổi được kẻ thù có quân số ít ỏi khỏi các cứ điểm, chiếm lại các vị trí cũ mà chỉ bị tổn thất không đáng kể.

Trong câu chuyện nhỏ mọn này, lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong suốt cuộc chiến, tôi phải đóng vai trò một trung đoàn trưởng. Khi làn sóng những kẻ bỏ chạy gần tràn ngập tòa nhà Bộ Tham mưu ở Alếchxandơrôpca, tôi nhảy lên con ngựa đầu tiên tôi gặp trên đường và bắt các toán quân ấy quay trở lại. Trong những khoảng khắc đầu, một sự lộn xộn không tả xiết ngự trị, không ai hiểu được điều gì xảy tới, nhiều người tiếp tục tháo chạy. Từ lưng ngựa, tôi bắt từng người một phải quay lại. Chỉ lúc đó tôi mới nhận thấy Côđolốp [Kozlov] đang phi nước kiệu theo tôi, anh là lính liên lạc của tôi, một nông dân vùng ngoại ô Mátxcova, từng là cựu chiến binh thời Thế chiến. Anh hoàn toàn say sưa trước tình thế. Lăm lăm khẩu súng lục trong tay, anh chạy lên chạy xuống dọc theo các hàng lính, nhắc lại những lời kêu gọi của tôi, vung vẩy vũ khí và hét đến khản cổ:

-- Đừng sợ, anh em, đồng chí Trốtxki dẫn dắt chúng ta đấy!

Giờ đây, cuộc tấn công cũng diễn ra với nhịp độ như việc rút chạy trước đó ít lâu. Không một người lính Hồng quân nào dừng lại phía sau. Được độ hai dặm thì tiếng đạn bay vù vù bên tai, kinh tởm, những người bị thương đầu tiên ngã xuống. Không còn nhận ra được trung đoàn trưởng nữa. Anh có mặt ở những nơi nguy kịch nhất và đến khi trung đoàn chiếm lại được những cứ điểm bị bỏ rơi, anh bị thương cả hai chân. Tôi trở về Bộ Tham mưu bằng xe tải. Dọc đường, chúng tôi đưa những thương binh lên xe. Kích thích đầu tiên đã được truyền đi. Tôi cảm thấy tự đáy lòng: chúng ta sẽ bảo vệ được Pêtorôgorát.

Ở đây, có lẽ phải dừng lại ở một vấn đề mà ít nhất bạn đọc đã đặt ra hai lần, cụ thể là: một người đứng đầu toàn quân có quyền liêu lĩnh an toàn cá nhân trong những cuộc chiến đấu khu vực hay không? Câu trả lời của tôi là vấn đề này không có những qui luật mang tính tuyệt đối, cả trong hòa bình, cả trong chiến tranh. Tất cả đều phụ thuộc vào các tình huống. Trong các chuyến đi ngoài mặt trận của tôi, các sĩ quan đi cùng tôi thường nói: "Ở những ngõ ngách như thế, ngày xưa ngay cả các sư đoàn trưởng cũng không ló mặt vào". Về vấn đề này, các nhà báo tư sản cho là tôi "tìm kiếm quảng cáo", họ chuyển sang thứ ngôn ngữ dễ hiểu đối với họ những gì vượt quá tầm nhìn của họ.

Trong thực tế, những hoàn cảnh khi sáng lập Hồng quân, sự lựa chọn đội ngũ nhân sự và bản thân tính chất của cuộc nội chiến đòi hỏi cách xử sự ấy chứ không phải cách khác. Bởi lẽ phải làm lại tất cả: kỷ luật, kỹ năng tác chiến và uy tín của lãnh đạo quân sự. Đặc biệt là trong thời gian đầu, chúng tôi không có khả năng cung cấp cho quân đội mọi thứ cần thiết một cách có kế hoạch từ một trung tâm duy nhất. Cũng vậy, chúng tôi không thể khiến đạo quân được xây dựng vội vàng trong lửa đạn ấy có một đà tiến cách mạng chỉ bằng những thông tư và những lời kêu gọi trù tượng. Trước mắt những người lính, cần phải giành được thứ uy tín ngay từ lúc đầu để ngày mai có thể minh chứng sự đòi hỏi nghiêm ngặt của Bộ Tổng tư lệnh đối với họ. Nơi nào không có truyền thống, ở đó cần phải nêu gương rõ ràng. Mạo hiểm cá nhân là phí tổn đầu tư không thể tránh khỏi trên con đường dẫn đến thắng lợi...

Phải lay động giới cán bộ chỉ huy đã hoảng hốt trước những thất bại, khiến họ tỉnh táo lại, phải chỉnh đốn đội ngũ. Còn có những thay đổi lớn hơn nữa trong hàng ngũ chính ủy. Chúng tôi cắt cử các đảng viên cộng sản đến tăng cường ở mọi đơn vị. Đôi lúc cũng có một số lực lượng mới được điều động đến. Các thiếu sinh quân được đưa ra tiền tuyến. Trong vòng hai ba ngày, chúng tôi đã chấn chỉnh được bộ máy tiếp tế hoàn toàn lỏng lẻo. Người lính Hồng quân được ăn uống no đủ, có quần áo lót để thay, có giày mới để đi, được nghe một vài bài nói chuyện, đã trở nên hào hứng, sáng khoái, định thần và trở thành những con người khác hẳn.

21 tháng Mười 1919 là ngày có tầm quyết định. Quân ta lùi đến tận các cao điểm ở Puncôvô. Tiếp tục lùi bước có nghĩa là chấp nhận cuộc chiến trong nội thành thủ đô. Cho đến lúc ấy, Bạch

quân tiến bước mà chỉ gặp phải sự kháng cự không đáng kể. Ngày 21, quân ta cố thủ ở tuyến Puncôvô và đánh bật kẻ thù. Cuộc tấn công của địch bị chứng lại. Iudênhích có thì giờ tập trung quân tiếp viện và củng cố đội ngũ. Cuộc chiến ngày một kịch liệt. Đến tối 23, chúng ta chiếm lại Đétxcôie Xêlô và Páplopxcôie [Pavlovsk]. Giữa chừng, láng giềng của chúng tôi, Tập đoàn quân thứ XV bắt đầu gây áp lực với kẻ thù từ phía Nam, họ ngày càng đe dọa hậu phương và phía hữu của Bạch quân. Một bước ngoặt diễn ra. Những đơn vị buồn phiền vì trước đây bị tấn công bất ngờ và bị thất bại nhiều lần, nay đua nhau chiến đấu quên mình và anh dũng. Số thương vong khá nhiều. Bộ chỉ huy Bạch quân khẳng định chúng tôi thiệt hại nhiều hơn họ. Có thể như thế: địch thủ giàu kinh nghiệm và lắm vũ khí hơn. Nhưng về phía chúng ta, cái hơn là tinh thần hy sinh. Những công nhân và nông dân trẻ tuổi, những thiếu sinh quân Mátxcova và Pêtơrôgôrát không nề hà tính mạng, họ dùng súng máy và súng lục tấn công xe tăng địch. Bộ Tham mưu Bạch quân viết về "sự điên rồ anh dũng" của Hồng quân.

Trong những ngày gần đó, hầu như tôi không thấy tù binh. Rất ít lính Bạch vệ trốn chạy sang phía chúng tôi. Bây giờ, số tù binh và lính Bạch vệ đào ngũ đột nhiên tăng vọt. Nhận thấy cuộc chiến ngày càng trở nên khốc liệt, ngày 24 tháng Mười tôi công bố một nhật lệnh như sau:

Bất cứ chiến sĩ nào giao đao với một tù binh hoặc một lính đào ngũ
không vũ khí sẽ bị trừng trị nghiêm khắc.

Chúng tôi tiến bước. Người Extôni cũng như người Phần Lan đều không nghĩ đến chuyện can thiệp. Những lực lượng Bạch vệ bị đè bẹp phải rút lui đến tận biên giới Extôni trong vòng hai tuần, ở trạng thái hoàn toàn tan rã. Chính phủ Extôni tước vũ khí chúng. Ở Lônđôn cũng như ở Pari, không ai còn quan tâm đến chúng. Nạn đói và băng giá mang đi cái mới ngày hôm qua còn được gọi là đạo quân "Tây-Bắc" của Liên minh. Mười bốn ngàn bệnh nhân bị dịch tả được đưa vào các lán trại của quân y viện dã chiến. "Tuần lễ thế giới của cơn sốt thành Pêtơrôgôrát" đã kết thúc như thế.

Sau này, bộ chỉ huy Bạch vệ cay đắng phàn nàn về đô đốc hải quân Anh Cowan: mặc dầu đã hứa hẹn, hình như ông ta không ủng hộ Bạch quân một cách thích đáng từ phía vịnh Phần Lan. Những lời ca cẩm ấy ít nhất cũng quá đáng. Ba chiếc tàu phóng ngư lôi của chúng ta đã bị trúng mìn trong một chuyến đi đêm, cuốn xuống vực sâu 550 thủy thủ trẻ tuổi. Ít nhất cũng phải đưa điều này vào thành tích của thủy sư đô đốc Anh. Nhật lệnh tang lễ ngày hôm đó của lực lượng và hải quân có nội dung như sau:

Các chiến sĩ Hồng quân!

Trên tất cả các mặt trận, chúng ta gặp phải những âm mưu thù địch của nước Anh. Các đội quân phản cách mạng nhả đạn vào chúng ta bằng vũ khí Anh. Trong các kho ở Sencuốcxco [Schenkursk], Ônhêga [Onéga], ở mặt trận phía Nam và phía Tây, chúng tàng trữ quân nhu, đạn

được của Anh. Các tù binh chúng ta bắt được mặc quân phục Anh. Bằng thuốc nổ của Anh, lũ phi công Anh giết hại và gây thương tích cho phụ nữ và trẻ em ở Áckhanghenxơ và Axtorakhan. Tàu chiến Anh bắn phá bờ biển chúng ta...

Nhưng ngay cả bây giờ, trong cuộc chiến gay go chống Iuđênhích, tên lính đánh thuê cho bọn Anh, tôi vẫn yêu cầu các đồng chí đừng bao giờ quên rằng có hai nước Anh. Bên cạnh nước Anh khát máu của lợi nhuận, của bạo lực, của sự đồi bại, còn tồn tại một nước Anh của lao động, của sức mạnh tinh thần, của những lý tưởng cao cả của tình đoàn kết quốc tế. Nước Anh tài phiệt đều cáng và bất lương đang chống lại chúng ta. Nước Anh cần cù, nhân dân đứng về phía chúng ta. (*Nhật lệnh lục quân và hải quân*, ngày 24 tháng Mười 1919, số 159)

Trong trường hợp của chúng tôi, những nhiệm vụ giáo dục xã hội chủ nghĩa có liên hệ chặt chẽ với các nhiệm vụ chiến đấu. Những tư tưởng nhận thức được trong lửa đạn sẽ tồn tại bền chặt, vĩnh viễn với chúng ta.

Trong các vở bi kịch của Sếchxpia [Shakespeare], cái bi xen lẫn cái hài, bởi vì trong cuộc sống, cái cao cả phối hợp với cái nhỏ nhen và tầm thường.

Dinôviép, hồi đó đã ngồi dậy khỏi ghế tràng kỷ và đang leo lên tầng thiên đường thứ hai hoặc thứ ba, nhân danh Quốc tế Cộng sản chuyển cho tôi lời khen sau đây:

Bảo vệ Pêtorôgorát đó là thực hiện một nhiệm vụ vô giá cho giai cấp vô sản thế giới và do đó, cho Quốc tế Cộng sản. Vị trí hàng đầu trong cuộc chiến đấu vì Pêtorôgorát cố nhiên thuộc về đồng chí, đồng chí Trốtxki thân mến. Thay mặt Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, tôi chuyển đến đồng chí những lá cờ này, đề nghị đồng chí trao lại cho những đơn vị xứng đáng của Hồng quân vinh quang do đồng chí lãnh đạo. Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản: G. Dinôviép.

Tôi cũng nhận được những lời khen tương tự từ Xô-viết Pêtorôgorát, từ các công đoàn và những tổ chức khác. Tôi chuyển các lá cờ cho những trung đoàn, các thư ký của tôi xếp tập bằng khen vào kho lưu trữ. Chỉ rất lâu về sau này chúng mới bị rút ra khỏi đó, khi Dinôviép đổi giọng và bắt đầu hát những khúc ca hoàn toàn khác.

Ngày nay, khó mà tái tạo lại -- và ngay cả hồi tưởng lại -- sự hào hứng do chiến thắng ở Pêtorôgorát tạo ra. Hơn nữa, thắng lợi này còn trùng khớp với bước đầu của những thành công quyết định gặt hái được trên mặt trận phía Nam. Một lần nữa cách mạng lại ngẩng cao đầu. Trong mắt Lênin, đánh bại Iuđênhích lại càng quan trọng hơn nữa vì vào giữa tháng Mười, ông vẫn coi điều đó là hoàn toàn không thể tưởng tượng được. Bộ Chính trị quyết định tặng tôi Huân chương Cờ đỏ vì công lao bảo vệ Pêtorôgorát. Quyết định ấy đặt tôi vào một tình thế rất khó xử. Tôi đã chấp nhận việc áp dụng hệ huân chương cách mạng mà không phải là không do dự: bởi lẽ cách đây không lâu, chúng ta vừa hủy bỏ các huân chương của chế độ cũ. Khi lập ra một huân chương mới, tôi nghĩ rằng đây sẽ là một nguồn động viên mới cho những người

không nhận thức được đầy đủ chí hướng cách mạng của mình. Lênin ủng hộ ý kiến của tôi. Loại huân chương mới được chấp nhận. Ít ra là trong những năm ấy, huân chương đã được tặng cho những người có công lao chiến đấu trong lửa đạn. Bây giờ tôi được trao tặng huân chương. Tôi không thể từ chối mà không làm giảm giá trị tấm huân chương tôi đã bao nhiêu lần trao tặng cho người khác. Không còn gì khác là phải cúi mình trước sự đánh giá tượng trưng ấy.

Liên quan đến đây còn có một mẩu chuyện mà chỉ sau này tôi mới thực sự hiểu rõ. Cuối một phiên họp của Bộ Chính trị, Camênhép khá bối rối đưa ra một đề nghị, theo đó chúng tôi nên khen thưởng cả Xtalin nữa.

-- Tại sao? -- Calinhin hỏi bằng một giọng bất bình rất thật thà. -- Tại sao lại thưởng Xtalin, tôi không hiểu.

Mọi người làm dịu sự bất mãn của ông ta bằng một câu bông đùa và đề nghị ấy được thông qua.

Trong lúc nghỉ giữa cuộc họp, Bukharin cúi kính với Calinhin:

-- Đồng chí không hiểu à? Đây là sáng kiến của Ilích: Xtalin không chịu được nếu ông ta không có cái mà người khác có. Ông ấy sẽ không tha thứ điều đó.

Tôi hoàn toàn hiểu Lênin và trong thâm tâm, tôi đồng ý với ông.

Lễ trao huân chương được tổ chức với những nghi thức vô cùng trọng thể ở Nhà Hát lớn. Tôi đọc một bản báo cáo về tình hình quân sự trước phiên họp chung của các cơ quan lãnh đạo của Xô-viết. Cuối đoạn kê khai danh sách những người được khen thưởng, khi chủ tọa phiên họp đọc đến tên Xtalin, tôi cố vỗ tay. Tôi được hai, ba người không mấy tự tin ủng hộ. Một luồng gió thoáng lạnh lẽo và bỡ ngỡ lan khắp căn phòng, đặc biệt rõ ràng nếu so sánh với những tràng pháo tay hoan nghênh trước đó. Bản thân Xtalin -- tỏ ra biết điều -- đã không tham gia buổi lễ.

Tôi hài lòng hơn hết khi tập thể đoàn tàu chúng tôi được thưởng Huân chương Cờ đỏ. Nhật lệnh khen thưởng ra ngày 17 tháng Mười một nhấn mạnh:

Trong cuộc chiến đấu anh dũng của Tập đoàn quân thứ VII, những cộng sự của đoàn tàu chúng ta đã tham gia rất xứng đáng trong những ngày từ 17 tháng Mười đến mừng 3 tháng Mười một. Các đồng chí Cờlighe [Kliger], Ivanốp [Ivanov] và Daxta [Zastar] đã ngã xuống trong cuộc chiến. Các đồng chí Poređe [Prede], Đơraudin [Draudin], Purin, Trécnháp-xép [Tcherniavtsev], Cúpriêvích [Koupriévitch], Chexnhéc [Tesnek] bị thương. Các đồng chí Ađamxôn [Adamson], Purin, Kixelít [Kiselis] bị giập xương... Tôi không kể tên những người khác bởi nếu thế phải nhắc đến tất cả. Trong bước ngoặt diễn ra ngoài trận tuyến, những chiến sĩ của đoàn tàu chúng ta ở vị trí hàng đầu.

Vài tháng sau, Lênin gọi điện cho tôi:

-- Đồng chí đã đọc cuốn sách của Kiécđexốp [Kirdetsov] chưa?

Cái tên ấy không gọi cho tôi điều gì.

-- Một tên Bạch vệ, kẻ thù. Y viết về cuộc tấn công của Iuđênhích vào Pêtorôgorát.

Phải nói rằng nhìn chung, Lênin chăm chú theo dõi báo chí Bạch vệ hơn tôi nhiều.

Hôm sau, ông lại hỏi:

-- Đồng chí đã đọc chưa?

-- Tôi chưa.

-- Đồng chí muốn tôi gửi nó cho đồng chí không?

Chắc chắn tôi phải có cuốn sách đó vì cả hai chúng tôi đều nhận được những sách báo mới từ Béclin.

-- Thế nào đồng chí cũng phải đọc chương cuối, trong đó có lời đánh giá của kẻ thù. Đồng chí cũng được nhắc đến ở đó...

Rốt cục tôi không có thì giờ để động tới cuốn sách.

Kỳ lạ thay, gần đây cuốn sách lại rơi vào tay tôi ở Cônxtantinốp [Konstantinople]. Tôi nhớ lại Lênin đã kiên trì nài nỉ tôi đọc chương cuối như thế nào.

Sau đây là nhận định của kẻ thù -- một bộ trưởng của Iuđênhích --, đã được Lênin rất lưu ý: Ngay từ 16 tháng Mười, Trốtxki đã vội vàng đến mặt trận Pêtorôgorát và với nghị lực sục sôi, ông ta làm thay đổi sự bất lực của Bộ Tham mưu đỏ. Vài giờ trước khi mất Gáttrina, ông còn cố chặn đứng cuộc tấn công của Bạch quân, nhưng khi thấy điều đó là vô vọng, ông ta vội vã rời thành phố để tổ chức phòng thủ Xácxcôie. Các đơn vị tiếp viện đáng kể còn chưa đến, nhưng ông ta đã tập trung tất cả các thiếu sinh quân ở Pêtorôgorát, huy động toàn thể dân cư nam của thành phố, dùng súng máy (?) lừa mọi đơn vị Hồng quân trở lại các cứ điểm; bằng những biện pháp kiên quyết, ông ta đã đặt mọi nẻo đường về Pêtorôgorát vào trạng thái phòng thủ... Ngay trong lòng Pêtorôgorát, Trốtxki đã tổ chức thành công những đơn vị công nhân đảng viên có ý chí vững vàng và tung họ vào cuộc chiến trần trụi. Theo bài học của Bộ Tham mưu Iuđênhích, chính những đơn vị ấy -- chứ không phải (?) lực lượng Hồng quân chủ lực --, và những tiểu đoàn lính thủy cùng các thiếu sinh quân đã chiến đấu dũng mãnh như sư tử. Họ xông lên trước xe tăng với lưỡi lê tuốt trần, ngã xuống hàng loạt trong làn đạn lửa hủy diệt của những con quái vật bằng thép, vậy mà họ vẫn kiên trì bảo vệ các vị trí.

Không ai dùng súng máy để lừa các chiến sĩ Hồng quân. Nhưng rốt cục, chúng tôi đã bảo vệ được Pêtorôgorát.

CHƯƠNG XXXVI PHE ĐỐI LẬP QUÂN SỰ

Vấn đề cơ bản để thiết lập thành công Hồng quân là mối quan hệ đúng đắn giữa giai cấp vô

sản và nông dân. Sau này, năm 1923, người ta bịa đặt ra câu chuyện hoang đường ngu xuẩn rằng tôi "đánh giá thấp" giai cấp nông dân. Sự thực, từ năm 1918 đến 1921, hơn ai hết tôi đã từng có quan hệ gần gũi và trực tiếp với nông dân Nga và đã từng có dịp khảo cứu về vấn đề nông thôn Nga: quân đội đa phần được xây dựng từ giai cấp nông dân và hoạt động trong môi trường nông thôn. Tôi không có điều kiện dừng lại ở vấn đề có tầm quan trọng lớn lao này, chỉ xin trình bày một cách dễ hiểu những điều tôi muốn nói bằng hai, ba ví dụ nhỏ, nhưng tương đối rõ rệt.

Ngày 22 tháng Ba 1919, tôi yêu cầu Ban Trung ương qua đường dây trực tiếp: Cần phải giải quyết vấn đề xét lại Ban Chấp hành Trung ương vùng ven sông Vônga. Nhân danh Ban Trung ương, phải chỉ định một ủy ban có thẩm quyền. Nhiệm vụ của ủy ban này là duy trì niềm tin của giới nông dân vùng ven sông Vônga vào chính quyền Xô-viết trung ương, loại trừ những vi phạm luật lệ quá trớn ở địa phương và trừng phạt những đại diện có nhiều tội lỗi nhất của chính quyền Xô-viết, thu thập những đơn khiếu nại và những tư liệu có thể dùng làm cơ sở cho các sắc lệnh biểu thị sự bênh vực quyền lợi của giới trung nông.

Xin lưu ý -- và điều này không phải là vô ý nghĩa -- cuộc nói chuyện kể trên được tôi tiến hành qua đường dây trực tiếp với Xtalin và tôi giải thích với chính ông ta tầm quan trọng của vấn đề trung nông. Cũng trong năm 1919 đó, theo đề nghị của tôi, Calinhin đã được bầu làm chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương với lý do ông ta gần gũi với các trung nông và hiểu rõ những nhu cầu của họ. Nhưng sự kiện quan trọng hơn nhiều là tôi từng có dịp xem xét đời sống nông dân vùng Uran và qua đó, ngay từ tháng Hai năm 1920 tôi đã kiên trì đòi hỏi phải chuyển sang một chính sách kinh tế mới. Trong Ban Trung ương, tôi chỉ được bốn phiếu ủng hộ trên mười một phiếu chống. Hồi đó Lênin chống lại sự xóa bỏ trưng thu cưỡng bức và ông không khoan nhượng trong việc này. Xtalin cố nhiên bỏ phiếu chống lại tôi. Chúng tôi chỉ chuyển sang đường lối kinh tế mới sau đó một năm, lúc ấy mọi người nhất trí thông qua quyết định này, nhưng là do áp lực của cuộc bạo loạn Corônstát và trong bầu không khí đe dọa ngự trị trong quân đội.

Trong những năm tiếp theo, hầu hết -- nếu không phải là tất cả -- những vấn đề mang tính nguyên tắc và những khó khăn được đặt ra trước hết trong lĩnh vực quân sự, hơn nữa, dưới một hình thức hết sức tập trung. Trong vấn đề đó, thường thường chúng ta không được phép trì hoãn. Những sai lầm gắn liền với sự trừng phạt tức thời. Tuy nhiên, chống lại những quyết định trên, phe đối lập đã thử thách giá trị bản thân tại chỗ và trong thực tế. Từ đó, về đại thể, xuất phát cái luận lý nội tại của việc xây dựng Hồng quân, tránh được những sai lầm giữa các phương thức khác biệt. Giả thử có nhiều thời gian hơn để nghiền ngẫm và tranh luận, chắc hẳn chúng ta còn phạm phải nhiều sai lầm hơn.

Thế mà cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng có lúc rất gay go. Làm sao có thể khác được? Công việc quá mới mẻ và những khó khăn cũng quá lớn lao.

Quân đội cũ còn rải rác trên toàn quốc, reo rắc lòng căm thù chiến tranh ở mọi nơi, vậy mà chúng ta đã phải thành lập những trung đoàn mới. Những sĩ quan Nga hoàng bị tống cổ khỏi quân đội cũ, ở một số nơi người ta còn thanh toán họ một cách vô cùng tàn bạo. Cùng lúc đó, chúng ta buộc phải mời các sĩ quan Nga hoàng làm công tác huấn luyện trong quân đội mới. Trong các trung đoàn cũ, những ủy ban quân đội được coi là hiện thân của cuộc cách mạng, ít nhất là trong giai đoạn đầu. Trong các trung đoàn vừa được thành lập, chúng ta không thể chấp nhận thứ "ủy ban" này, được coi là yếu tố khởi đầu của sự tan rã. Những lời nguyện rửa kỷ luật cũ chưa ngót thì chúng ta đã phải bắt đầu thiết lập một kỷ luật mới. Từ chế độ tự nguyện, trong thời gian ngắn chúng ta đã phải chuyển sang thể chế tuyển quân bắt buộc, những đơn vị dân quân được biến thành một tổ chức quân sự chuẩn mực. Ngày lại ngày, chúng tôi đấu tranh liên tục chống lại những phương pháp du kích và cuộc đấu tranh này đòi hỏi sự kiên trì tuyệt đối, nhất thiết không thể lay chuyển, đôi khi phải dùng đến những biện pháp kỷ luật khắc nghiệt. Tinh thần du kích hỗn độn biểu hiện mặt trái của nông dân cách mạng. Như thế, cuộc đấu tranh chống lề thói dân quân du kích đồng thời cũng là cuộc chiến đấu cho một nhà nước vô sản, đối lập với những thế lực tiểu tư sản tan rã mang tính vô chính phủ, tự phát. Tuy nhiên, những phương pháp và lề thói du kích đã xâm nhập vào cả hàng ngũ đảng.

Trong những vấn đề quân sự, phe đối lập đã hình thành ngay từ những tháng đầu tiên của quá trình tổ chức Hồng quân. Các luận đề chính yếu của phe này có thể tóm tắt trong sự duy trì hệ thống chọn lựa, họ bảo vệ nguyên tắc bầu ra thủ trưởng, bác bỏ việc sử dụng các chuyên gia, phản đối việc thiết lập kỷ luật sắt và tập trung hóa quyền lực quân đội v.v... Phe đối lập cố tìm cho họ một cách diễn đạt lý thuyết tổng quát. Họ khẳng định: một quân đội được tập trung hóa là quân đội của nhà nước đế quốc. Cuộc cách mạng chẳng những phải khước từ chiến tranh chiến hào, mà còn phải thanh toán quân đội tập trung. Cách mạng hoàn toàn được xây dựng trên tính linh hoạt, trên đòn tập kích táo bạo và trên khả năng vận hành. Sức chiến đấu của nó nằm trong các đơn vị độc lập, có quân số nhỏ, phối hợp đủ các binh chủng, không phụ thuộc vào một căn cứ, mà dựa vào cảm tình của quần chúng, đột kích tự do vào hậu phương địch v.v... Tóm lại, họ coi chiến thuật *chiến tranh nhỏ* là chiến thuật của cách mạng. Tất cả những thứ đó vô cùng trừu tượng và xét đến cùng, nó lý tưởng hóa các nhược điểm của chúng ta. Những kinh nghiệm nội chiến thật nghiêm chỉnh chẳng mấy chốc đã phủ nhận những định kiến đó. Những ưu điểm về mặt tổ chức và chiến lược tập trung –

– so với sự ứng biến địa phương chủ nghĩa, với tư tưởng ly khai và tư tưởng liên bang trong quân đội – đã bộc lộ rất nhanh chóng và rất rõ rệt trong thực tế chiến đấu.

Hàng ngàn, sau này có hàng vạn cựu sĩ quan chuyên nghiệp đã phục vụ trong Hồng quân. Trong số họ, nhiều người -- theo chính lời họ -- hai năm trước còn coi những người tự do ôn hòa là những nhà cách mạng; còn những người bên-sê-vích chỉ tồn tại đối với họ trong một không gian bốn chiều nào đó. Tôi viết để chống lại phe đối lập:

Quả thực chúng ta có quan điểm khá tồi tệ về bản thân và về đảng, về sức mạnh tinh thần của lý tưởng chúng ta, về sức hấp dẫn của đạo đức cách mạng chúng ta, nếu chúng ta cho rằng chúng ta không thể lôi kéo về phía chúng ta hàng ngàn, hàng vạn chuyên gia, trong đó có các chuyên gia quân sự.

Cuối cùng chúng tôi đã thành công, mặc dù không phải không có những khó khăn và va chạm. Các đảng viên cộng sản làm quen với công tác quân sự khá khó khăn. Cần phải có một sự lựa chọn những nhân sự thích hợp và huấn luyện họ. Tháng Tám 1918, từ Cadan tôi đánh điện cho Lenin:

Các đồng chí hãy điều đến đây những đảng viên cộng sản biết tuân thủ, chịu đựng thiếu thốn và sẵn sàng hy sinh. Ở đây không cần những tuyên truyền viên nhẹ ký. Một năm sau, ở Ucoraina, nơi trạng thái vô chính phủ rất phổ biến ngay cả trong hàng ngũ đảng, tôi viết trong nhật lệnh gửi Tập đoàn quân thứ XIV:

Để cảnh cáo, tôi xin tuyên bố rằng mỗi người cộng sản được đảng phân vào hàng ngũ quân đội -- do đó trở thành một người lính Hồng quân, có những quyền lợi và nghĩa vụ như bất cứ mọi chiến sĩ Hồng quân khác. Những đảng viên cộng sản bị bắt quả tang vi phạm lỗi lầm hoặc tội ác trong khi thừa hành bốn phận người lính cách mạng sẽ bị trừng phạt bằng hai, bởi lẽ điều có thể tha thứ cho một người dốt nát, vô ý thức, lại không thể tha thứ được đối với thành viên một đảng đứng đầu giai cấp công nhân thế giới.

Rõ ràng trong lĩnh vực này, xuất hiện không ít hiềm khích và không thiếu những kẻ bất mãn. Thuộc phe đối lập quân sự, ví dụ có Piatacốp [Piatakov], hiện nay là giám đốc Ngân hàng Quốc gia. Nói chung, anh gia nhập vô số phe phái đối lập để rồi cuối cùng trở thành một viên chức. Cách đây ba bốn năm, khi Piatacốp còn cùng với tôi thuộc một nhóm đối lập, tôi tiên đoán bông đùa với anh: trong trường hợp một cuộc đảo chính bên-na-pác-tít xảy ra thì ngày hôm sau, anh vẫn cấp cấp và đến cơ quan như thường lệ. Bây giờ, nghiêm chỉnh hơn, tôi phải nói thêm rằng nếu việc đó không xảy ra cũng chỉ bởi không còn cần thiết đến một cuộc đảo chính bên-na-pác-tít nữa. Nói một cách khác, hoàn toàn không phải lỗi của Piatacốp. Ở Ucoraina, Piatacốp có ảnh hưởng đáng kể và không phải ngẫu nhiên, vì anh là một nhà mác-xít có trình độ khá, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, và rõ ràng là một nhà quản lý giàu ý chí. Trong những năm đầu, Piatacốp còn có nghị lực cách mạng, tuy nhiên nghị lực ấy nhanh chóng

suy thoái thành thứ bảo thủ quan liêu. Piatacốp có những tư tưởng nửa vô chính phủ trong vấn đề xây dựng quân đội -- tôi đấu tranh với anh bằng cách giao ngay cho anh một trọng trách, buộc anh phải chuyển từ lời nói sang hành động. Phương pháp này không mới, nhưng không thể thay thế được trong nhiều trường hợp. Chẳng mấy chốc, lối suy nghĩ của nhà quản lý trong anh gợi cho anh phải sử dụng những phương pháp mà anh đã công kích bằng lời nói.

Những biến đổi ý kiến đột ngột như thế thường hay xảy ra. Các phần tử xuất sắc nhất của phe đối lập quân sự ít lâu sau lại tham gia công tác. Đồng thời, tôi đề nghị những kẻ ngoan cố nhất hãy thành lập theo ý họ một vài trung đoàn tôi đảm bảo cho họ mọi nguồn phương tiện cần thiết. Chỉ độc một chính phủ vùng Vônga nhận lời thách thức và lập ra một trung đoàn, thực ra về căn bản chẳng khác gì những trung đoàn khác. Hồng quân giành thắng lợi trên mọi mặt trận và phe đối lập rốt cục trở thành con số không.

Trong Hồng quân và trong phe đối lập quân sự, vụ Xarixun [Tsaritsyne] chiếm một vị trí đặc biệt: ở đó, bộ chỉ huy quy tụ quanh Vôrôsilốp [Voročilov]. Tại đây, đứng đầu các đơn vị cách mạng đa phần là những cựu hạ sĩ quan xuất thân nông dân vùng Bắc Cápcado. Mâu thuẫn đối kháng giữa những người Côđắc và nông dân đã khiến cuộc nội chiến trở nên vô cùng ác liệt trong các vùng thảo nguyên miền Nam. Cuộc chiến huynh đệ tương tàn lan ra mọi làng bản và gây ra cuộc thảm sát toàn bộ các gia đình. Đây là một cuộc chiến thuần túy nông dân, bắt rễ tại địa phương; trên phương diện tàn ác của những người mu- gích, nó còn kinh khủng hơn nhiều so với cuộc đấu tranh cách mạng diễn ra tại các vùng quê khác của đất nước. Cuộc chiến ấy đã tạo ra nhiều chiến sĩ du kích giàu kinh nghiệm tác chiến, họ điều khiển xuất sắc những vụ đụng độ ở mức địa phương, nhưng thường tỏ ra không thích hợp khi phải giải quyết những nhiệm vụ quân sự tầm cỡ lớn hơn.

Tiểu sử Vôrôsilốp nói ông ta là một nhà công nhân cách mạng đã từng trải qua những cuộc đình công, hoạt động bất hợp pháp, tù tội, đày ải. Nhưng cũng như nhiều người khác thuộc tầng lớp lãnh đạo hiện nay, Vôrôsilốp chỉ là một nhà dân chủ cách mạng quốc gia xuất thân là công nhân, không hơn không kém. Điều đó trở nên dễ nhận thấy, thoát đầu trong thời chiến tranh đế quốc, sau đó, trong cách mạng tháng Hai. Trong các tiểu sử chính thức của Vôrôsilốp, giai đoạn 1914-1917 là một khoảng trống rộng hoác, tương tự như tiểu sử đa số các lãnh tụ hiện nay. Bí ẩn của khoảng trống ấy là ở chỗ trong chiến tranh, đại đa số những con người này có tư tưởng vệ quốc và đình chỉ sự nghiệp cách mạng. Sau khi cách mạng tháng Hai thắng lợi, cũng như Xtalin, Vôrôsilốp ủng hộ chính phủ Gutrôcốp-Miliucốp từ cánh tả. Đó là những nhà dân chủ cách mạng quốc gia triệt để nhưng không hề là những người theo chủ nghĩa quốc tế. Chúng ta có thể đặt ra một nguyên tắc: những người bên-sêvích theo tư tưởng vệ quốc trong chiến tranh và trở thành dân chủ vào bước ngoặt tháng Hai, hiện tại là tín đồ chủ nghĩa xã hội

quốc gia kiểu xta-lin-nít. Vôrôsilốp cũng không ngoại lệ.

Mặc dù trong số những công nhân vùng Luganxki [Louga], Vôrôsilốp xuất thân từ giai tầng trên được ưu đãi nhưng xét về các thói quen và sở thích của ông ta, ta thấy rằng ông ta giống như một tiểu chủ hơn là một người vô sản. Sau biến cố tháng Mười, cố nhiên ông trở thành trung tâm của phe đối lập quân đội, gồm những hạ sĩ quan và du kích quân, chống lại tổ chức quân sự tập trung, vốn đòi hỏi những kiến thức quân sự và tầm nhìn rộng rãi hơn. Phái chống đối ở Xarixun đã hình thành như vậy.

Trong nhóm của Vôrôsilốp, người ta tỏ thái độ ác cảm đối với những nhà chuyên môn, những viện sĩ quân sự, những bộ tham mưu lớn ở Mátxcova. Nhưng bởi lẽ các thủ lĩnh du kích không có những kiến thức về quân sự, mỗi vị đều có trong tay một "chuyên gia" kém họ một bậc, cố bám lấy địa vị của mình, gạt ra ngoài những người tài năng hơn và hiểu biết hơn. Các lãnh tụ quân sự ở Xarixun đối xử với Bộ Tư lệnh Xô-viết phía Nam không tốt hơn mấy so với bọn Bạch vệ. Quan hệ của họ với trung tâm ở Mátxcova chỉ giới hạn trong những đòi hỏi tiếp viện thường xuyên. Chúng tôi không có chút lực lượng dự bị nào. Tất cả những gì làm được trong các công xưởng đều được chuyển ngay cho quân đội. Không đạo quân nào "ngốn" nhiều súng ống và đạn dược như đạo quân ở Xarixun. Vừa mới bị từ chối lần đầu, Xarixun đã bắt đầu la lối về sự phản bội của các nhà chuyên môn ở Mátxcova. Một đặc phái viên của đạo quân Xarixun -- anh lính thủy Givôđô [Jivoder] -- thường cư trú ở Mátxcova để bòn rút tiếp viện từ chúng tôi. Khi chúng tôi rải cái lưới kỷ luật một cách chặt chẽ hơn, Givôđô trở thành tướng cướp. Rồi hình như anh ta bị bắt và bị xử bắn.

Xtalin sống nhiều tháng ở Xarixun. Ông ta kết hợp những mưu mô trong hậu trường nhằm chống tôi -- ngay từ hồi đó, đây đã là nét cơ bản trong hoạt động của Xtalin -- với sự chống đối ấu trĩ của Vôrôsilốp và những bạn chiến đấu gần gũi nhất của Vôrôsilốp. Cố nhiên Xtalin đứng ở vị trí thế thủ để có thể nhảy lùi về phía sau vào bất cứ khoảng khắc nào.

Hàng ngày, các vị tổng tư lệnh tối cao và chỉ huy mặt trận phải kêu ca về Xarixun: không mệnh lệnh nào được thực hiện, không thể hiểu người ta làm gì ở đó, không thể có một hồi âm cho câu hỏi đặt ra. Lênin lo lắng theo dõi sự tiến triển của cuộc xung đột đó. Ông hiểu rõ Xtalin hơn tôi và chắc chắn là ông ngờ rằng lý do sự ngoan cố của những người ở Xarixun là "hoạt động" sau hậu trường do Xtalin "đạo diễn". Không thể duy trì mãi tình thế ấy. Tôi quyết định lập lại trật tự ở Xarixun. Sau một mâu thuẫn mới của Bộ Tư lệnh với nhóm Xarixun, tôi đề nghị triệu hồi Xtalin. Điều này được diễn ra qua trung gian Xvéclốp, anh đích thân đi tìm Xtalin trên chuyến tàu đặc biệt. Lênin muốn giảm thiểu sự xung đột và tất nhiên ông có lý. Nhưng tôi hoàn toàn không để tâm đến Xtalin. Năm 1917, ông ta vụt qua trước mắt tôi như một hình bóng mờ nhạt. Trong ngọn lửa đấu tranh, lắm khi đơn thuần tôi quên mất sự hiện diện của ông ta. Quân đội ở

Xarixun là điều quan trọng hơn. Tôi cần một cánh tả đáng tin cậy ở mặt trận phía Nam. Tôi đến Xarixun để đạt được kết quả ấy bằng mọi giá. Xvéclốp gặp tôi ở giữa đường. Anh thận trọng gạn hỏi về những ý định của tôi rồi đề nghị tôi nói chuyện với Xtalin, lúc ấy Xtalin đang trở về cùng toa xe với anh.

-- Chẳng lẽ đồng chí muốn đuổi tất cả bọn họ đi? -- Xtalin hỏi tôi bằng một giọng nhấn nhúc trông thấy. -- Đó là những chàng trai tốt.

-- Những chàng trai tốt ấy sẽ làm cho cuộc cách mạng thất bại, bởi cách mạng không thể chờ đợi họ trưởng thành khỏi thời thơ ấu. Tôi chỉ muốn một điều: tái sát nhập Xarixun vào nước Nga-Xô-viết.

Vài giờ sau tôi gặp Vôrôsilốp. Nổi hoảng hốt bao trùm Bộ Tham mưu. Ai đó tung tin Trốtxki mang chổi và đưa hai chục tướng Nga hoàng đến để thay thế các thủ lĩnh du kích, phải nói thêm là những người này khi nghe tin tôi đến đã tự phong mình thành các trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng và sư đoàn trưởng. Tôi đặt một câu hỏi cho Vôrôsilốp: anh có suy nghĩ gì về các mệnh lệnh của tư lệnh mặt trận và tổng tư lệnh? Ông ta thú nhận thẳng thừng: Xarixun chỉ thấy cần thực hiện những mệnh lệnh mà họ cho là đúng đắn. Thật quá đáng! Tôi tuyên bố nếu ông không cam kết thực thi chính xác và vô điều kiện những nhiệm vụ tác chiến, ngay tức thì tôi sẽ cho lính áp tải ông về Mátxcova và đưa ra trước tòa án binh.

Tôi không phải cách chức ai sau khi đã được họ hứa một cách hình thức là họ sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh.

Đa số các đảng viên cộng sản trong đạo quân ở Xarixun ủng hộ tôi một cách có ý thức, chứ không vì sợ hãi. Tôi đi thăm tất cả các đơn vị, tỏ thái độ nhã nhặn đối với những du kích quân và thuyết phục họ đứng về phía tôi. Trong số đó có nhiều chiến sĩ tuyệt vời, chỉ cần họ được chỉ huy đúng đắn. Tôi trở về Mátxcova với những kết quả như thế.

Trong tất cả sự việc này, trong tôi không hề có chút dấu vết của sự thiên vị hay hiềm khích cá nhân. Thường thường tôi cho rằng những lý do cá nhân không bao giờ có một vai trò gì trong sự nghiệp chính trị của tôi. Nhưng trong cuộc đấu tranh vĩ đại mà chúng tôi đang tiến hành, việc được thua quá lớn để tôi có thể bận tâm đến bên này, bên kia. Và nhiều lúc, hầu như ở mỗi bước tiến, tôi lại phải dấn lên mặt yếu của những thành kiến, tình bạn hoặc tính tự ái cá nhân. Xtalin thu nhặt cẩn thận những người có những mặt yếu bị dấn lên. Ông ta có đủ thì giờ và lý do quyền lợi cá nhân để làm việc đó. Từ đó trở đi, ban lãnh đạo tối cao Xarixun trở thành một trong những công cụ chính của ông. Lênin vừa lâm bệnh, thông qua trung gian là những đồng minh của ông, Xtalin đã thực hiện được việc đổi tên Xarixun thành Xtalingorát [Stalingrad].

Quảng đại quần chúng hồi ấy còn chưa hiểu cái tên ấy có nghĩa là gì. Và nếu ngày nay Vôrôsilốp là ủy viên Bộ Chính trị thì lý do duy nhất chỉ là -- tôi không thể nghĩ đến một lý do nào khác --

năm 1918, tôi đã buộc ông ta phải quy phục bằng cách dọa áp tải ông ta về Mátxcova.

Tôi cho rằng không phải vô ích nếu tôi minh họa những tình tiết của công tác quân sự -- hay nói đúng hơn, cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng liên quan đến công tác này -- vừa được nhắc tới ở trên bằng vài trích đoạn thư từ của đảng từ thời này và chưa hề được công bố ở đâu.

Ngày 4 tháng Mười 1918, từ Tambốp [Tambov], tôi nói với Lênin và Xvéclốp qua đường dây trực tiếp:

Tôi cương quyết yêu cầu triệu hồi Xtalin. Tình thế ở mặt trận Xarixun không thuận lợi, mặc dù ta có lợi thế về lực lượng. Tôi giữ đồng chí ấy (Vôrôsilốp) làm chỉ huy Tập đoàn quân (Xarixun) thứ X với điều kiện đồng chí ấy phục tùng tư lệnh mặt trận phía Nam. Cho đến hôm nay, các thủ lĩnh ở Xarixun vẫn chưa thêm gửi những báo cáo chiến sự đến Côđolốp. Tôi đã buộc họ phải báo cáo hai lần mỗi ngày cho chúng tôi biết về hoạt động và công tác tình báo của họ. Nếu lệnh này không được thi hành vào ngày mai, tôi sẽ đem Vôrôsilốp ra tòa án binh và đưa sự việc ra trước toàn quân bằng nhật lệnh. Tôi cho họ một thời hạn ngắn ngủi để khởi quân tấn công, trước những cơn mưa mùa thu khiến cả bộ binh lẫn kỵ binh không thể hành quân được ở đây. Không có thì giờ để mở những cuộc đàn phán tế nhị.

Xtalin bị triệu hồi. Lênin biết quá rõ rằng tôi làm việc này chỉ vì những suy tính khách quan. Đồng thời, cố nhiên xung đột là mối lo ngại lớn đối với ông và ông cố dàn xếp mối quan hệ của chúng tôi. Ngày 23 tháng Mười, Lênin viết về Balasốp cho tôi:

Hôm nay Xtalin vừa đến, đồng chí ấy đưa tin về ba chiến thắng lớn của quân ta ở Xarixun. (Những "chiến thắng" ấy kỳ thực chỉ mang tính tiểu tiết -- L.T.) Xtalin đã thuyết phục Vôrôsilốp và Minhin [Minine] -- coi họ là những đồng sự rất quý báu và không thể thay thế được --, yêu cầu họ đừng rời vị trí và hãy tuân thủ tuyệt đối những mệnh lệnh của trung ương. Theo đồng chí ấy, có lẽ lý do duy nhất khiến họ bất mãn là bộ phận tiếp viện đạn dược quá chậm trễ hoặc hoàn toàn không đến, hậu quả là đạo quân Cápcado -- gồm hai chục vạn binh lính tinh thần rất tốt -- có nguy cơ bị tiêu vong. (Chẳng bao lâu, đạo quân địa phương ấy tan tác bởi một đòn tấn công duy nhất, chứng tỏ nó hoàn toàn không có sức chiến đấu -- L.T.)

Xtalin rất mong muốn được làm việc ở mặt trận phía Nam... Đồng chí ấy tin rằng bằng công việc, đồng chí có thể chứng minh tính đúng đắn của quan điểm của mình... Lép Davidôvích, tôi chuyển đến đồng chí lời bày tỏ ấy của Xtalin, đề nghị đồng chí suy nghĩ kỹ và cho tôi biết đồng chí có vui lòng đích thân làm sáng tỏ mọi vấn đề với Xtalin hay không -- để làm việc ấy, Xtalin tỏ ra sẵn sàng đến chỗ đồng chí --, mặt khác, cạnh những điều kiện cụ thể đã hay biết, đồng chí thấy có thể phòng ngừa được không những bất hòa trước đây và đề ra một tiến trình làm việc chung, điều mà Xtalin rất mong muốn? Về phần tôi, tôi cho rằng đồng chí phải hết sức cố gắng để tổ chức làm việc chung với Xtalin. Lênin.

Hồi âm của tôi chứng tỏ tôi hoàn toàn sẵn sàng và Xtalin được cử làm thành viên Hội đồng Quân sự Cách mạng của mặt trận phía Nam. Nhưng đáng tiếc là thỏa hiệp ấy đã không có kết quả. Ở Xarixun, không hề có chút chuyển biến nào. Ngày 14 tháng Chạp, từ Cuốcxơ, tôi đánh điện cho Lênin:

Không thể giữ Vôrôsilốp ở vị trí hiện nay, sau khi đồng chí ấy đã vô hiệu hóa mọi cố gắng thỏa hiệp. Phải điều động đến Xarixun một Hội đồng Quân sự Cách mạng mới và một tổng tư lệnh mới, còn Vôrôsilốp phải được điều về Ucoraina.

Đề nghị của tôi được chấp nhận, không ai phản bác. Nhưng tình thế ở Ucoraina cũng không khá hơn. Hơn nữa, trạng thái vô chính phủ ở đó cũng đã ngăn trở công tác quân sự có hiệu quả. Sự chống đối của Vôrôsilốp, sau lưng vẫn là Xtalin như trước, hoàn toàn khiến công việc không thể tiến hành được.

Ngày 10 tháng Giêng 1919, từ ga Goriadi [Griazi] tôi điện cho Xvéclốp, lúc đó là chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương liên Nga:

Tôi tuyên bố một cách dứt khoát nhất rằng không thể chấp nhận được đường lối Xarixun -- đã từng gây nên sự sụp đổ toàn diện cho quân đội ở Xarixun -- tại Ucoraina... Đường lối Xtalin, Vôrôsilốp và đồng bọn sẽ làm đổ vỡ tất cả... Trốtxki.

Đứng quan sát đường lối những người ở Xarixun từ xa, Lênin và Xvéclốp vẫn chưa từ bỏ hi vọng về một thỏa hiệp. Rất tiếc là tôi không còn giữ bức điện của họ. Ngày 11 tháng Giêng tôi trả lời Lênin:

Thỏa hiệp dĩ nhiên là cần thiết, nhưng không phải thứ thỏa hiệp thối nát. Về đại thể, cả nhóm Xarixun đã tụ tập ở Kháccốp... Tôi cho rằng che chở Xtalin đối với đường lối Xarixun là một vết loét nguy hiểm nhất, còn tệ hơn mọi sự phản bội của các chuyên gia quân sự... Trốtxki.

"Cần có thỏa hiệp, nhưng không phải thứ thỏa hiệp thối nát". Bốn năm sau, Lênin nói lại với tôi câu nói này, hầu như đúng từng chữ một, cũng về Xtalin. Chuyện này xảy ra trước Đại hội XII. Lênin chuẩn bị đè bẹp nhóm xta-lin-nít. Ông dự định mở cuộc tấn công trên vấn đề dân tộc. Khi tôi đề nghị một thỏa hiệp, Lênin đáp như sau: "Rồi Xtalin làm một thỏa hiệp thối nát để đánh lừa chúng ta".

Trong lá thư gửi Ban Trung ương tháng Ba 1919, tôi phản đối Dinôviép vì anh có thái độ mập mờ với phe đối lập quân sự:

Tôi sẽ không làm việc khảo sát tâm lý cá nhân để biết phải xếp Vôrôsilốp vào nhóm nào của phe đối lập quân sự, nhưng xin lưu ý: điều đáng trách duy nhất mà tôi có thể nhận về phần mình trong quan hệ đối với đồng chí ấy là đã hành động thông qua con đường đàm phán, thuyết phục và sắp xếp cá nhân, tôi đã cố gắng quá lâu -- chính xác hơn là trong hai, ba tháng trời -- để đạt được kết quả ở một nơi mà vì quyền lợi của sự nghiệp chúng ta, lẽ ra tôi phải có

một quyết định cứng rắn về mặt tổ chức. Bởi lẽ, dù nhìn ở khía cạnh nào đi chăng nữa, nhiệm vụ của tôi đối với Tập đoàn quân thứ X không phải là thúc đẩy cho Vôrôsilốp có cách nhìn nhận chính xác hơn, mà là giành được những thắng lợi quân sự trong thời hạn ngắn nhất.

Ngày 30 tháng Năm, từ Khắccốp, các thành viên phe đối lập quân sự khẩn thiết yêu cầu Lênin thành lập một đạo quân đặc biệt dưới quyền chỉ huy của Vôrôsilốp. Qua đường dây trực tiếp, Lênin hỏi dò tôi ở ga Canchêmirốpca [Kantémirovka]. Ngày mùng 1 tháng Sáu, tôi trả lời Lênin:

Chúng ta hoàn toàn không thể đáp ứng dự kiến của một vài người Ucoraina nhằm tập trung các Tập đoàn quân thứ II, thứ XIII và thứ VIII trong tay Vôrôsilốp. Chúng ta không cần sự thống nhất tác chiến theo hướng Đôn hét, mà cần mở cuộc tổng tấn công chống Đênhikin... Ý tưởng về một nền chuyên chính trong quân sự và cung ứng vật dụng (ở Ucoraina) của Vôrôsilốp là kết quả của tinh thần độc lập dân tộc vùng Đôn hét chống lại Kiép (tức là chống lại chính phủ Ucoraina) và mặt trận phía Nam... Tôi không nghi ngờ gì về chuyện thực hiện kế hoạch này chỉ làm tăng thêm sự hỗn loạn và triệt tiêu hẳn sự chỉ đạo tác chiến. Tôi yêu cầu các đồng chí đòi Vôrôsilốp và Megiôlauơ [Mejlaouk] phải thực thi trọn vẹn nhiệm vụ thực tế đã được giao cho họ. Trốtxki.

Ngày mùng 1 tháng Sáu, Lênin điện cho Vôrôsilốp:

Bằng mọi giá, phải chấm dứt những cuộc hội họp đông dài, tập trung tất cả công việc vào địa hạt quân sự, gạt bỏ mọi dự định lập những nhóm đặc biệt và mọi cố gắng tương tự, nhằm lập lại mặt trận Ucoraina, dưới dạng náu hình... Lênin.

Sau khi qua kinh nghiệm bản thân, Lênin thấy rõ việc đưa những phần tử chủ trương dân tộc tự trị vô kỷ luật vào vòng trật tự khó khăn biết chừng nào; cùng ngày hôm đó, Lênin triệu tập một phiên họp Bộ Chính trị và thông qua nghị quyết sau đây (quyết định ngày được gửi ngay cho Vôrôsilốp và những kẻ có liên quan khác):

Bộ Chính trị của Ban Trung ương họp ngày mùng 1 tháng Sáu và -- hoàn toàn nhất trí với đồng chí Trốtxki -- kiên quyết bác bỏ kế hoạch của những người Ucoraina nhằm thành lập một tập đoàn quân đặc biệt vùng Đôn hét. Chúng tôi yêu cầu Vôrôsilốp và Megiôlauơ hãy làm tròn nhiệm vụ trước mắt... trong trường hợp ngược lại, ngày kia Trốtxki sẽ triệu tập các đồng chí đến Idium [Izioum] và ra mệnh lệnh chi tiết hơn. Được sự ủy nhiệm của Ban Trung ương, *Lênin*.

Ngày hôm sau, Ban Trung ương xem xét một vấn đề khác: sự đoàn trưởng Vôrôsilốp tự động giữ lại phần lớn số chiến lợi phẩm quân sự lấy được của địch để cung cấp cho nhu cầu riêng của đạo quân ông ta. Ban Trung ương ra quyết định sau:

Chúng tôi ủy nhiệm đồng chí Rắccốpxki gửi đến chỗ đồng chí Trốtxki ở Idium một bức điện

tín liên quan đến vấn đề này và đề nghị đồng chí Trốtxki thực thi những biện pháp cương quyết để đưa những chiến lợi phẩm quân sự đặt dưới quyền sử dụng của Hội đồng Quân sự Cách mạng Cộng hòa.

Cùng ngày, Lênin thông báo với tôi qua đường dây trực tiếp:

Đurbencô [Dybenko] và Vôrôsilốp phung phí quân khí. Hoàn toàn hỗn loạn. Không trợ giúp gì đáng kể cho vùng lòng chảo Đônét. Lênin.

Nói cách khác, ở Ucraina lại tái diễn những việc mà tôi từng chống ở Xarixum. Chẳng có gì lạ, công việc quân sự tạo cho tôi nhiều kẻ thù. Tôi không ngó trước nhìn sau, tôi chỉ nhắm một phương châm: đẩy lùi những kẻ cản trở các chiến thắng của quân đội, hoặc giả trong lúc quá vội vã, tôi đã dẫm lên chân của những kẻ bàng quang và tôi không có thì giờ xin lỗi họ. Có những người không bỏ quên những chuyện này. Những kẻ bất mãn và bị xúc phạm tìm đường đến với Xtalin, một số đến với Dinôviép bởi vì hai người này cũng cảm thấy bị xúc phạm. Sau mỗi thất bại ngoài trận tuyến, bọn người bất mãn lại gây áp lực với Lênin. Ngay từ thời đó, Xtalin đã điều khiển những mưu mô đó sau hậu trường. Người ta gửi đi các ghi chép về các sai lầm của đường lối quân sự, về việc tôi ủng hộ các chuyên gia, về chế độ quá hà khắc đối với những người cộng sản v.v... Các lãnh tụ quân sự bị giáng chức và các thống chế huyệt của Hồng quân gửi hàng loạt báo cáo về ảnh hưởng tai hại của các kế hoạch chiến lược, về những hành động phá hoại của Bộ Tham mưu và nhiều điều khác nữa.

Lênin bị thu hút quá mức vào các vấn đề lãnh đạo chung, ông không có thì giờ ra thăm mặt trận hoặc giám sát công việc hàng ngày của Bộ Dân ủy Quốc phòng. Tôi giành gần hết thời gian của tôi vào các mặt trận và điều này tạo điều kiện thuận tiện cho hoạt động của những tay ba hoa chống đối trong hậu trường ở Mátxcova. Đôi khi, những lời thì thào dai dẳng của họ không khỏi làm Lênin lo lắng. Cho đến lần gần nhất khi tôi về Mátxcova, hàng loạt nghi ngại, thắc mắc chồng chất trong ông. Nhưng chỉ cần nửa giờ trò chuyện là đủ để lập lại sự thông hiểu tương hỗ và tình đoàn kết toàn diện giữa chúng tôi. Vào thời gian chúng tôi nhiều lần thua trận ở phía Đông, khi Côntrác tiến đến gần sông Vônga, tôi nhào thẳng từ đoàn tàu về Mátxcova tham dự phiên họp Hội đồng Dân ủy. Trong cuộc họp này, Lênin chuyển cho tôi một mẫu giấy, trong đó có đoạn: "Hay là chúng ta đuổi sạch các chuyên viên quân sự và cử Lasêvích làm tổng tư lệnh tối cao?"

Lasêvích là một người bôn-sê-vích cực đoan, lên được cấp bậc hạ sĩ quan trong chiến tranh "Đức". Tôi trả lời ở mặt sau của mẫu giấy ấy: "Trò con trẻ!..."

Lênin nhú mày, hóm hỉnh liếc nhìn tôi với vẻ mặt rất có ý nghĩa, có lẽ ông muốn nói: "Đồng chí nghiêm khắc với tôi quá!" Trong thực tế, Lênin thích những lời đối đáp sắc bén, không úp mở như thế, xét về nội dung, chúng không để chỗ cho những ngờ vực. Sau phiên họp chúng tôi

lại trò chuyện. Lênin gạn hỏi tôi về mặt trận. Tôi nói:

-- Đồng chí hỏi tôi hay là chúng ta đuổi sạch các cựu sĩ quan. Nhưng đồng chí có biết hiện nay họ có bao nhiêu trong quân đội ta không?

-- Tôi không biết.

-- Xin nói thử một con số!

-- Tôi không biết.

-- Ít nhất là ba vạn.

-- Há?-Thế-à?

-- Ít nhất là ba vạn. Bên cạnh một tên phản bội, có hàng trăm người đáng tin cậy; bên cạnh một kẻ đào ngũ có hai, ba người bỏ mạng. Thử hỏi lấy ai để thay thế họ?

Vài ngày sau Lênin phát biểu về các nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Giữa bao việc khác, ông nói:

M ới đây, khi đồng chí Trótxki thông báo cho tôi biết con số sĩ quan phục vụ ở Bộ Dân ủy Quốc phòng lên đến vài vạn, lúc ấy tôi mới nhận ra một cách cụ thể những phương tiện bí ẩn mà chúng ta phải dùng tới là việc sử dụng những kẻ thù giai cấp của chúng ta... Cần phải xây dựng chủ nghĩa cộng sản ra sao từ những viên gạch mà kẻ thù đã lựa chọn để chống chúng ta!

Trong đại hội đảng được tổ chức v ào khoảng thời gian đó, vào lúc tôi vắng mặt -- tôi ở lại mặt trận -- trong một bài phát biểu sôi nổi, Lênin lên tiếng bảo vệ đường lối quân sự mà tôi áp dụng, chống lại sự phê phán của phe đối lập. Chính vì thế mà cho đến ngày nay, những biên bản các phiên họp của phân ban quân sự Đại hội VIII vẫn chưa được công bố.

M ột lần, Menginxki [Menjinsky] đến chỗ tôi ở mặt trận phía Nam. Đã từ lâu tôi biết anh. Trong những năm của thời kỳ phản động, anh thuộc phe cực tả, nói cách khác anh gia nhập nhóm "Vopêriốt" [Vpérjod] (Tiến lên!), như người ta (Bốđanốp [Bogdanov], Lunatrácxki và nhiều người khác) thường gọi theo tựa đề tờ tạp chí của họ. Hơn nữa, Menginxki còn thiên về chủ nghĩa nghiệp đoàn Pháp. Những người theo nhóm "Vopêriốt" mở một trường mác-xít ở Bôlônha [Bologne] cho mười, mười lăm công nhân từ Nga đến một cách bất hợp pháp. Đó là năm 1910. Trong gần hai tuần, tôi giảng trong trường đó một khóa học về báo chí và điều khiển cuộc thảo luận về chiến thuật của đảng. Ở đó tôi làm quen với Menginxki, anh từ Pari đến. Tôi có cảm tưởng gì về anh? Có lẽ chính xác nhất, phải nói là tôi chẳng có cảm tưởng gì. Đúng ra, anh có vẻ là cái bóng của một người khác, cái bóng chưa định hình, hoặc là phác thảo không thành công của một bức chân dung vẽ còn bỏ dở. Có những con người như thế. Nụ cười bí ẩn và ánh mắt ngượng ngùng của anh chỉ đôi khi chứng tỏ con người ấy đang bị cấu xé bởi cố gắng muốn thoát khỏi sự kém cỏi của mình. Tôi không biết anh xử sự như thế nào trong biến cố tháng Mười, và cũng không biết anh có thái độ gì không? Nhưng sau khi giành được

chính quyền, lập tức anh được phân về Bộ Tài chính. Anh không tỏ ra có hoạt động gì đáng kể hoặc anh chỉ hoạt động ở mức độ kém cỏi của mình. Sau đó, Décginxki thu nạp anh.

Décginxki là một con người đầy nghị lực, hăng say và có tinh thần rất cao. Hình bóng của anh gần như bao trùm Ủy ban Đặc biệt Trêca [Tchéka]. Trong cơ quan này, không ai nhận ra Menginxki đang im lìm khom người trên đồng giấy tờ sổ sách. Và chỉ sau khi Décginxki xích mích với phụ tá của anh, Unsolích [Unschlicht] -- việc đó xảy ra trong thời gian cuối --, không còn tìm ra ai khác, anh đành đề cử Menginxki vào vị trí đó. Mọi người đều nhún vai, không hiểu ra sao.

-- Tôi còn biết lấy ai được? -- Décginxki thanh minh. -- Không còn ai!

Nhưng Xtalin ủng hộ Menginxki. Thường thường Xtalin ủng hộ những ai chỉ tồn tại được về mặt chính trị nhờ ân huệ của cơ chế. Và Menginxki trở thành cái bóng trung thành của Xtalin ở G.P.U. Sau khi Décginxki mất, Menginxki chẳng những đứng đầu G.P.U. mà còn trở thành ủy viên Ban Trung ương. Như thế là trên màn hình của chế độ quan liêu, cái bóng của một kẻ không tồn tại cũng có thể lơ mờ xuất hiện như một con người thực sự.

Tuy nhiên trước đó mười năm, Menginxki còn tìm cách chuyển động quanh những cái trục hoàn toàn khác. Một lần anh đến tìm tôi trong toa xe hỏa, cắp nách một bản báo cáo về những phân ban đặc biệt của quân đội. Khi phần chính thức của chuyến thăm viếng kết thúc, anh bắt đầu bối rối dậm chân tại chỗ với nụ cười bí ẩn, đồng thời khiến tôi lo ngại và ngạc nhiên. Cuối cùng anh hỏi: tôi có biết Xtalin đang giảng những mưu mô phức tạp để chống tôi không?

-- Gì cơ? -- tôi hỏi lại, vô cùng sửng sốt bởi thời đó tôi hoàn toàn xa lạ với những suy nghĩ hoặc lo lắng như thế.

-- Vâng, ông ấy gợi ý cho Lênin và những người khác là đồng chí đang tập hợp quanh mình nhiều người, đặc biệt để chống Lênin...

-- Đồng chí điên rồi, Menginxki ạ, tỉnh lại đi, tôi không muốn nghe những chuyện ấy...

Menginxki bỏ đi, anh nhún vai và húng hắng ho. Tôi nghĩ rằng từ hôm ấy trở đi, anh ta lại đi tìm cho mình những quỹ đạo hoàn toàn khác.

Nhưng một, hai giờ sau, tôi cảm thấy có một điều gì đó không ổn. Con người ấy -- vốn có giọng nói nhỏ nhẹ và không đi thẳng vào vấn đề -- đã gieo trong lòng tôi một nỗi băn khoăn, như thể tôi nuốt phải một mảnh thủy tinh trong bữa ăn trưa. Tôi bắt đầu gọi lại vài ký ức, sắp xếp các sự việc trong đầu và Xtalin hiện lên trước mắt tôi dưới một ánh sáng hoàn toàn khác.

Rất lâu sau này, Corexchinxki nói với tôi về Xtalin: "Đó là một kẻ tâm địa nham hiểm, có đôi mắt vàng úa". Và chính căn bệnh ủy hoàng tinh thần này của Xtalin đã thoáng qua trong óc tôi lần đầu tiên sau lần gặp mặt Menginxki. Sau việc đó, tôi về Mátxcova ít ngày. Theo lệ thường, tôi đến thăm Lênin đầu tiên. Chúng tôi chuyện trò về tình hình mặt trận. Lênin rất thích những

chi tiết thường ngày, những chuyện nhỏ, những nét chấm phá thể hiện ngay lập tức thực chất của sự việc, không quanh co, lắt léo. Ông không thể chịu được khi người ta nói đến cuộc sống thực sự một cách bóng gió. Bỏ qua những mắt xích trung gian, ông đặt hàng loạt câu hỏi được diễn đạt một cách độc đáo và tôi chậm rãi trả lời, thích thú vì thấy ông có cái nhìn bao quát rất nhanh về mọi thứ. Chúng tôi phá lên cười. Thông thường Lenin rất vui tính. Tôi cũng không cho mình là kẻ ử dật. Cuối cuộc nói chuyện, tôi kể lại chuyến đi thăm của Menginxki ở mặt trận phía Nam.

-- Quả thực có chút sự thật nào trong đó không?

Lập tức tôi nhận thấy Lenin xúc động, dường như máu cũng dồn lên mặt ông.

-- Tất cả chỉ là chuyện nhảm nhí -- Lenin đáp, lần này với vẻ cương quyết khiến tôi yên lòng ngay.

Dường như một đám mây tan biến trên đầu chúng tôi. Đặc biệt thân thiết, chúng tôi từ giã nhau.

Nhưng tôi hiểu Menginxki không nói vô ích. Nếu Lenin không nói ra tất cả những điều ông nghĩ, cho dù ông chối thì chỉ bởi vì ông lo ngại sự xung đột, hiềm khích và cuộc chiến cá nhân. Ở điểm này, tôi hoàn toàn cảm thông với ông. Nhưng rõ ràng Xtalin đã gieo những hạt giống tai ác. Chỉ rất lâu sau này tôi mới nhận thấy ông ta đã làm việc này rất có hệ thống. Hầu như ông ta chỉ bận tâm làm việc đó. Bởi lẽ chưa bao giờ Xtalin hoàn thành một nhiệm vụ nghiêm chỉnh nào.

-- Đặc tính hàng đầu của Xtalin là lười nhác -- một hôm Bukharin giảng giải. -- Đặc tính thứ hai là sự đố kỵ không khoan nhượng đối với những người hiểu biết hơn ông ta hoặc làm hơn ông ta. Ông ta còn có thái độ xảo trá ngay với chính Lenin.

CHƯƠNG XXXVII NHỮNG BẤT ĐỒNG CHIẾN LƯỢC

Trong những trang sách này, tôi không nhắc đến lịch sử Hồng quân, cũng không kể lại sự tích những trận chiến đấu của nó. Hai đề tài này, vốn gắn bó khăng khít với lịch sử cuộc cách mạng và vượt quá xa khuôn khổ một cuốn tự truyện, có thể sẽ là nội dung một cuốn sách sắp tới. Nhưng ở đây, tôi không thể bỏ qua những bất đồng chính trị và chiến lược của chúng tôi, đã xuất hiện trong thời nội chiến. Số phận cách mạng phụ thuộc vào tiến trình các hoạt động quân sự. Ban Trung ương đảng ngày càng bị chìm sâu vào những vấn đề của chiến tranh và đặc biệt, vào những vấn đề chiến lược. Các chuyên gia quân sự của trường phái cũ chiếm các cương vị chỉ huy chính, họ không hiểu được những hoàn cảnh xã hội và chính trị. Các nhà chính trị dày dạn kinh nghiệm của cách mạng -- hợp thành Ban Trung ương đảng -- lại không có kiến thức quân sự. Những quan niệm chiến lược tầm cỡ lớn thường là kết quả của một công trình

tập thể và bao giờ cũng vậy, ở trường hợp đó, chúng sinh ra cả những bất đồng và xung đột.

Những bất đồng chiến lược xảy ra bốn lần trong Ban Trung ương; nghĩa là có bao nhiêu mặt trận chính thì có bấy nhiêu bất đồng. Ở đây, tôi chỉ có thể nói ngắn gọn về những bất đồng ấy, mục đích chỉ để dẫn dắt độc giả đi vào thực chất các vấn đề đặt ra trước ban lãnh đạo quân sự và đồng thời, để tôi có thể bác bỏ những điều bịa đặt liên quan đến tôi sau này.

Cuộc tranh luận gay gắt đầu tiên nổ ra trong Ban Trung ương, hè 1919, liên quan đến tình hình mặt trận phía Đông. Tư lệnh trưởng mặt trận này lúc đó vẫn là Vaxetít, tôi đã nhắc đến anh trong chương sách về thời kỳ ở Xviagiơcxơ. Tôi quan tâm đến việc củng cố lòng tự tin của Vaxetít trong chính bản thân anh, cũng như trong quyền lực và uy tín của anh. Không có điều đó thì không thể chỉ huy được. Vaxetít cho rằng sau những thành công lớn đầu tiên của chúng tôi trong cuộc chiến đấu chống Côntrác, không được chọc quá sâu ở phía Đông, bên kia dãy núi Uran. Anh muốn những đơn vị thuộc mặt trận phía Đông nghỉ ngơi mùa đông trên sườn núi. Điều đó lẽ ra đã cho phép chúng tôi chuyển một vài sư đoàn từ phía Đông sang mặt trận phía Nam, nơi mà sự hiện diện của Đênhikin ngày càng trở nên nguy cấp. Tôi ủng hộ kế hoạch này. Nhưng nó gặp phải sự phản đối kiên quyết của Camênhép [Kaménev], tư lệnh mặt trận phía Đông, cũng như các thành viên bên-sê-vích cực trào của Hội đồng Quân sự: Xminga [Smilga] và Lasêvích. Họ tuyên bố: Côntrác đã bị đè bẹp đến mức để truy quét y, chỉ cần một lực lượng không đáng kể; điều quan trọng là đừng để y có thời gian để thở, nếu không y sẽ hồi sức trong mùa đông và sang xuân, chúng ta lại phải mở lại chiến cuộc ở phía Đông. Như vậy, toàn bộ vấn đề là đánh giá cho đúng thực lực của quân đội Côntrác và sự tiếp viện từ hậu phương của y. Ngay từ thời ấy, tôi đã coi mặt trận phía Nam nghiêm trọng và nguy hiểm hơn hẳn miền Đông. Điều đó hoàn toàn được chứng tỏ sau này. Nhưng trong việc đánh giá sức chiến đấu của Côntrác thì những người chỉ huy mặt trận phía Đông đã có lý. Nghị quyết của Ban Trung ương đối kháng với Bộ Tổng tư lệnh tối cao, do đó nó cũng chống lại tôi; bởi tôi đã ủng hộ Vaxetít xuất phát từ suy tính trong cái phương trình chiến lược này có vài ẩn số, nhưng có một giá trị cố định, đó là phải củng cố uy tín còn rất mới mẻ của vị tổng tư lệnh. Nghị quyết của Ban Trung ương là đúng đắn. Mặt trận phía Đông giao chuyển một số lực lượng cho phía Nam, đồng thời -- rượt đuổi theo dấu chân Côntrác -- họ dẫn quân thẳng lợi ngày càng sâu vào Xibêri. Xung đột này dẫn đến việc Bộ Tổng tư lệnh bị cách chức, Vaxetít bị triệu hồi và Camênhép thay thế anh.

Bản thân sự bất đồng này chỉ mang tính chất nghiệp vụ thuần túy và cố nhiên nó không để lại một dấu vết gì, dù nhỏ nhất, trong mối quan hệ của tôi với Lênin. Nhưng bầu vịu vào những bất đồng mang tính tiểu tiết như thế, các thủ đoạn tiếp nối nhau vận hành. Ngày 4 tháng Sáu 1919, từ miền Nam, Xtalin gây hoảng sợ cho Lênin bằng cách báo tin ban lãnh đạo quân sự

đang phạm phải sai lầm quyết định:

Toàn bộ vấn đề bây giờ là thử xem Ban Trung ương có đủ can đảm rút ra những kết luận thích hợp hay không? Liệu Ban Trung ương có đủ can đảm, có đủ kiên trì không?

Ý nghĩa của những dòng này hoàn toàn rõ ràng. Giọng điệu của lời tuyên bố cho thấy đây không phải lần đầu Xtalin nêu ra vấn đề này và cũng không phải lần đầu ông ta gặp phải sự đề kháng của Lênin. Hồi ấy tôi chưa biết về chuyện này, nhưng tôi đã cảm thấy một thứ âm mưu "ghê tởm" gì đó. Vì không có hứng thú và cũng chẳng có thì giờ để gỡ rối, tôi đệ đơn từ chức lên Ban Trung ương. Ngày 5 tháng Bảy, Ban Trung ương trả lời bằng quyết định sau đây:

Ban Tổ chức và Bộ Chính trị Ban Trung ương, sau khi đã xem xét và thảo luận kỹ lưỡng lời tuyên bố của đồng chí Trốtxki, nhất trí đi đến kết luận: hoàn toàn không thể chấp nhận việc đồng chí Trốtxki xin từ chức và không thể thực hiện yêu cầu của đồng chí. Ban Tổ chức và Bộ Chính trị Ban Trung ương sẽ làm tất cả những gì có thể để đảm bảo những điều kiện thuận lợi nhất cho đồng chí Trốtxki và đối với nước Cộng hòa, tạo hoàn cảnh hiệu quả nhất cho công việc ở mặt trận phía Nam -- hiện nay là mặt trận khó khăn nhất, nguy hiểm nhất và quan trọng nhất -, nơi mà chính đồng chí Trốtxki đã tự chọn làm địa bàn hoạt động của đồng chí. Trên cương vị dân ủy Quốc phòng và chủ tịch Hội đồng Quân sự Cách mạng, đồng chí Trốtxki -- trên danh nghĩa ủy viên Hội đồng Quân sự Cách mạng mặt trận phía Nam -- hoàn toàn có thể cộng tác cùng tư lệnh mặt trận do chính đồng chí đề cử và đã được Ban Trung ương thông qua. Ban Tổ chức và Bộ Chính trị Ban Trung ương tạo mọi điều kiện cho đồng chí Trốtxki để đồng chí thực hiện bằng bất kỳ phương tiện nào tất cả những gì mà đồng chí nhận thấy cần phải hiệu chỉnh trong đường lối quân sự và nếu đồng chí muốn, Ban Tổ chức và Bộ Chính trị Ban Trung ương sẽ cố gắng xúc tiến triệu tập đại hội đảng trước thời hạn... Lênin, Camênhép, Corexchinxki, Calinhin, Xêrêbôriacốp [Sérébriakov], Xtalin, Xtaxôva [Stassova].

Trong quy ết định này có cả chữ ký của Xtalin. Trong khi tiếp tục những âm mưu sau hậu trường cũng như đòi Lênin phải can đảm và kiên trì, Xtalin không dám công khai chống lại Ban Trung ương.

Trong nội chiến, như tôi đã nói, mặt trận phía Đông có vai trò chủ đạo. Lực lượng địch gồm hai yếu tố riêng biệt: giới Côđắc, phần lớn là dân Côđắc miền Cuban [Kouban] và Đạo quân Bạch vệ Tình nguyện được chiêu nạp từ mọi miền đất nước. Người Côđắc muốn bảo vệ biên cương của họ, chống lại áp lực của giới công nông. Nhưng đạo quân tình nguyện lại muốn chiếm Mátxcova. Hai đường lối hành động này chỉ trùng với nhau trong chừng mực quân tình nguyện thành lập một mặt trận chung ở vùng Bắc Cápcado với những người Cuban. Nhưng điều động người Côđắc xứ Cuban khỏi Cuban là một nhiệm vụ nặng nề, hay nói đúng hơn, là một nhiệm vụ quá sức Đênhikin. Bộ Tư lệnh tối cao chúng ta tiếp cận việc giải quyết vấn đề mặt trận miền

Nam như một nhiệm vụ trừu tượng, bỏ qua những động lực xã hội của vấn đề. Cuban là căn cứ chính của quân tình nguyện. Vì thế Bộ Tham mưu quyết định giáng một đòn chí tử vào căn cứ này từ phía sông Vônga. Cứ để Đênhikin tấn công và dẫn quân về Mátxcova. Trong thời gian đó, chúng ta sẽ quét gọn căn cứ Cuban của y. Đênhikin sẽ bị lơ lửng trong không trung, chúng ta sẽ tóm y bằng tay không. Đây là lược đồ chiến thuật tổng quát và nếu không phải trong trường hợp nội chiến thì nó có thể đúng. Nhưng trước thực tế mặt trận phía Nam, dự kiến ấy mang tính thuần túy kinh viện và chỉ giúp sức cho kẻ thù. Nếu Đênhikin không thể điều động người Côđắc tham gia một chiến dịch phía Bắc xa xôi thì việc chúng ta tấn công quân Côđắc từ phía Nam lại có lợi cho Đênhikin. Đến khi đó, người Côđắc không thể chỉ tự vệ trên địa thế của họ. Tự chúng ta đã liên kết số phận họ với số phận đạo quân tình nguyện.

Chúng tôi không thành công mặc dù đã chuẩn bị tác chiến kỹ càng và đã tập trung lực lượng và quân khí đáng kể. Sau lưng Đênhikin, quân Côđắc làm thành một chiến tuyến bảo vệ vô cùng vững chắc. Hầu như họ đã bắt rễ vào mảnh đất của họ và chống trả hết sức quyết liệt. Cuộc tấn công của chúng tôi huy động toàn thể dân Côđắc. Chúng tôi tiêu phí sức lực và thời gian và đẩy mọi kẻ còn cầm được vũ khí chạy theo hàng ngũ Bạch quân. Cùng lúc đó, các đạo quân của Đênhikin tràn vào Ucoraina, tiến lên phía Bắc, chiếm Cuốcxơ, chiếm Ôriôn và đe dọa cả Tula. Để mất Tula sẽ là thảm họa đối với chúng ta vì như thế, chúng ta sẽ đánh mất những nhà máy vũ khí và đạn dược quan trọng nhất.

Kế hoạch do tôi đề nghị từ đầu hoàn toàn trái ngược. Tôi đề nghị dùng đòn đầu tiên cắt mối liên lạc giữa những đạo quân tình nguyện với quân Côđắc và bỏ mặc lũ Côđắc, tập trung lực lượng của chúng ta đánh đạo quân tình nguyện. Theo kế hoạch của tôi, đòn chính yếu không phải từ phía sông Vônga về vùng Cuban mà từ Vôrônhegiơ về hướng Kháccốp và lòng chảo Đônét [Donetz]. Trong vùng ngăn cách miền Bắc Cápcadơ với Ucoraina, dân chúng hoàn toàn đứng về phía Hồng quân. Theo hướng này, lẽ ra Hồng quân có thể tiến dễ dàng như lưỡi dao cắt vào bơ. Lẽ ra người Côđắc đã ở yên tại chỗ để bảo vệ biên cương của họ chống ngoại bang mà chúng ta cũng không đụng đến họ. Lẽ ra chúng ta phải giải quyết vấn đề Côđắc như một vấn đề độc lập và thiên về nhiệm vụ chính trị hơn là quân sự. Nhưng trước hết, về mặt chiến lược, phải tách nhiệm vụ này khỏi nhiệm vụ đè bẹp đạo quân tình nguyện của Đênhikin. Rốt cục chính kế hoạch này được chấp nhận, nhưng chỉ sau khi Đênhikin đe dọa Tula mà việc để mất thành phố này còn nguy hiểm hơn để mất Mátxcova. Chúng tôi bỏ mất nhiều tháng trời, bị nhiều thương vong không cần thiết và sống qua khá nhiều tuần lễ vô cùng hiểm nguy.

Nhân thế, xin lưu ý rằng những bất đồng chiến lược ở mặt trận phía Nam đều liên hệ rất chặt chẽ đến vấn đề đánh giá đúng đắn hay "coi thường" giai cấp nông dân. Tôi đã xây dựng toàn bộ kế hoạch, một phần dựa vào mối quan hệ giữa nông dân và công nhân, một phần dựa vào

mối quan hệ giữa nông dân và những người Côđắc. Chính trên đường lối đó, tôi đã đối lập hóa kế hoạch của tôi với ý đồ trù tượng và kinh viện của Bộ Tổng tư lệnh, mặc dù nó đã được đa số trong Ban Trung ương ủng hộ. Nếu tôi chỉ tiêu phí một phần nghìn sức lực mà người ta đã bỏ ra để chứng tỏ tôi "đánh giá thấp" giới nông dân, thì tôi đã có thể dựng nên một lời buộc tội tương tự -- nghĩa là phi lý tương tự --, không những chống Dinôviép, Xtalin và những người khác mà chống lại cả Lênin, xuất phát từ những bất đồng quan điểm của chúng tôi về vấn đề mặt trận phía Nam.

Xung đột mang tính chiến lược thứ ba xuất hiện vào thời gian Iuđênhích mở chiến dịch tấn công Pêtorôgorát. Tôi đã kể câu chuyện này ở phần trên và không cần lặp lại nữa. Tôi chỉ xin nhắc lại rằng dưới ảnh hưởng của tình thế vô cùng khó khăn ở phía Nam -- nơi trở thành mối đe dọa chính -- và bị tác động của những báo cáo đáng sợ từ Pêtorôgorát về tình hình vũ khí ghê gớm và sự tăng gia tiếp tế (giả định) của quân đội Iuđênhích, Lênin đi đến ý kiến phải rút ngắn trận tuyến bằng cách giao trả Pêtorôgorát. Có lẽ đây là trường hợp duy nhất tôi được Dinôviép và Xtalin ủng hộ, chống lại Lênin; chỉ vài hôm sau, chính Lênin cũng từ bỏ kế hoạch sai lầm hiển nhiên ấy.

Bất đồng cuối cùng và rõ ràng là nghiêm trọng nhất nổ ra mùa hè 1920, liên quan đến số phận mặt trận Ba Lan.

Bane Lô [Bonar Law], thủ tướng Anh hồi đó đã trích dẫn lá thư tôi gửi những người cộng sản Pháp trong Hạ Nghị viện để chứng tỏ chúng tôi muốn đè bẹp Ba Lan vào mùa thu 1919. Cuốn sách của cựu bộ trưởng Bộ Chiến tranh Ba Lan Xicoócxi [Sikorski] cũng có một khẳng định tương tự, nhưng ông ta viện dẫn bài phát biểu của tôi tại một đại hội quốc tế tháng Hai năm 1920. Tất cả những chuyện ấy, từ đầu đến cuối, là thứ ngu xuẩn vô lý nhất. Cố nhiên chưa bao giờ tôi có ý bày tỏ cảm tình với nước Ba Lan của Pinxútcki, tức là nước Ba Lan của áp bức và cùng khổ dưới vỏ bọc của những giọng điệu ái quốc và những bộ tịch anh hùng khoác lác. Chẳng khó khăn gì cũng có thể xếp được hàng bó những lời tuyên bố của tôi, trong đó có câu như "nếu Pinxútcki buộc chúng ta vào vòng chiến, chúng ta sẽ cố gắng không dừng lại giữa chừng". Những lời tuyên bố như thế xuất phát từ toàn bộ tình thế lúc bấy giờ. Nhưng từ đó mà rút ra kết luận chúng tôi muốn chiến tranh với Ba Lan hoặc giả chúng tôi đã chuẩn bị cho cuộc chiến ấy, là điều dối trá trước thực tế và trước lương tri tỉnh táo. *Chúng tôi cố tránh cuộc chiến tranh đó bằng mọi sức lực của mình.* Chúng tôi không bỏ qua một bước tiến có ích nào trên con đường ấy. Xicoócxi thừa nhận rằng chúng tôi đã tuyên truyền hòa bình cực kỳ "khéo léo". Ông ta không hiểu hoặc giả bộ không hiểu rằng sự khéo léo đó có bí quyết vô cùng đơn giản: chúng tôi cố gắng hòa bình bằng mọi sức lực, cho dù phải trả giá bằng những nhân nhượng đáng kể nhất. Trong số tất cả mọi người, chắc chắn tôi là kẻ ít mong muốn cuộc chiến ấy nhất: tôi thấy

quá rõ ràng chúng ta khó tham chiến đến mức nào sau ba năm nội chiến liên miên. Chính phủ Ba Lan -- cũng theo cuốn sách của chính Xicoócxi -- đã làm nổ ra chiến tranh một cách có ý thức và chủ ý, mặc dầu chúng tôi đã có những cố gắng không mệt mỏi để gìn giữ hòa bình, những cố gắng khiến đường lối ngoại giao của chúng tôi trở thành sự kết hợp của lòng nhẫn nại và tâm lý sự phạm kiên tâm. Chúng tôi thành thực muốn hòa bình. Pinxútxi buộc chúng tôi phải nhảy vào cuộc chiến. Chúng tôi chỉ có thể theo đuổi được cuộc chiến này vì quảng đại quần chúng nhân dân theo dõi từng ngày cuộc đấu tranh ngoại giao của chúng tôi với Ba Lan và trong đáy sâu tâm hồn, họ tin tưởng chắc chắn rằng đúng là chúng tôi bị cưỡng bức vào cuộc chiến. Và họ không hề nhầm lẫn một chút nào trong niềm tin ấy.

Đất nước lại có những cố gắng thực sự anh dũng. Việc Ba Lan chiếm Kiép -- bản thân sự kiện này hoàn toàn vô nghĩa về mặt quân sự -- đã giúp chúng tôi một việc lớn: làm chấn động đất nước. Tôi lại đi thăm một lượt các đạo quân và các thành phố, huy động người và của. Chúng tôi chiếm lại Kiép. Những thắng lợi của chúng tôi bắt đầu. Quân Ba Lan tháo lui với nhịp độ không ngờ. Tôi không hề giả thiết chiến dịch của Pinxútxi lại được xây dựng trên sự nông nổi đến mức như vậy. Nhưng cùng với những thành công đáng kể ban đầu, về phía chúng tôi, cũng xuất hiện tình trạng đánh giá quá cao những khả năng của mình. Một bầu không khí bắt đầu hình thành rồi mạnh lên, theo đó chúng tôi phải chuyển cuộc chiến tranh -- khởi đầu là cuộc chiến tự vệ -- thành chiến tranh tiến công cách mạng. Cố nhiên, về nguyên lý, tôi không thể có lý lẽ gì để phản bác lập luận này. Tất cả vấn đề là sự nhận xét các tương quan lực lượng. Trong phương trình này, tâm trạng của công nông Ba Lan là một ẩn số. Một vài nhà dân chủ Ba Lan như Giulia Mácsolépxi [Julia Marchlewski], người bạn chiến đấu đã quá cố của Rôda Lúychxămbua, đánh giá tình thế rất tỉnh táo. Cách đánh giá của Mácsolépxi là nhân tố quan trọng trong cố gắng của tôi muốn ra khỏi cuộc chiến càng nhanh càng tốt. Nhưng cũng có những tiếng nói khác. Một số người nuôi những hi vọng quá to lớn về một cuộc khởi nghĩa của công nhân Ba Lan. Dù thế nào đi nữa, Lênin đã vạch ra một kế hoạch dứt khoát: phải hành động đến cùng, nghĩa là phải tiến vào Vácsava để giúp sức quần chúng công nhân Ba Lan lật đổ chính phủ Pinxútxi và giành lấy chính quyền. Ý đồ phác thảo trong chính phủ lập tức được Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tư lệnh mặt trận phía Tây hưởng ứng. Lần gần nhất khi tôi về Mátxcova, tôi nhận thấy trung ương cương quyết về việc tham chiến "đến cùng". Tôi kiên quyết chống lại tâm trạng ấy. Người Ba Lan đã đề nghị hòa bình. Tôi cho rằng chúng ta đã đạt đến tột đỉnh thành công và nếu tiếp tục đi xa hơn mà không tính đến thực lực của mình, chúng ta có thể bỏ mất thắng lợi đã giành được và lao đầu vào thất bại. Sau những cố gắng vô bờ bến khiến đạo quân thứ Tư có thể hành quân 650 cây số trong vòng năm tuần lễ, giờ đây nó chỉ có thể tiếp tục tiến quân dưới tác động của quán tính. Tất cả đều phụ thuộc vào những dây thần

kinh, vốn dĩ rất mỏng manh. Chỉ một va chạm mạnh duy nhất cũng đủ làm rung chuyển mặt trận của chúng ta và biển đả tấn công chưa từng thấy của chúng ta -- điều này Foch [Phổctrơ] cũng phải thừa nhận -- thành một cuộc tháo lui tai họa. Tôi đòi hỏi phải ký kết tức khắc, càng nhanh càng tốt, một nền hòa bình trước khi quân đội kiệt lực. Tôi nhớ chỉ có Rucốp ủng hộ tôi. Những người khác đã bị Lênin thuyết phục lúc tôi vắng mặt. Quyết định được đưa ra: *tiếp tục tiến bước*.

So với thời kỳ Bờrét, các vai trò đều đổi ngược: *hồi đó* tôi yêu cầu không vội ký kết hòa bình và cho dù có bị mất đất đi nữa, cũng hãy để thời gian cho giai cấp vô sản Đức nhận biết tình hình và thiết lập quan điểm của họ. *Bây giờ*, Lênin đòi các đạo quân chúng ta tiếp tục tấn công và bằng cách ấy, tạo cho giai cấp vô sản Ba Lan có cơ hội đánh giá tình thế và nổi dậy. Từ một khía cạnh khác, chiến tranh Ba Lan cũng xác nhận những gì đã xảy ra trong cuộc xung đột ở Bờrét: phải đo lường những sự kiện của chiến tranh và của một phong trào cách mạng quần chúng bằng các thước đo khác nhau. Ở nơi những đạo quân chính quy tính bằng ngày và tuần thì phong trào của quần chúng nhân dân thường phải tính bằng tháng và năm. Nếu chúng ta không ước lượng đúng đắn được sự khác biệt nhịp điệu ấy, các bánh xe răng cưa của chiến tranh có thể tán vụn bộ răng cưa của bánh xe cách mạng, chứ không làm chúng vận hành. Dù thế nào đi nữa, đây là tình trạng diễn ra trong cuộc chiến Bờrét ngăn ngủi và trong cả cuộc chiến lớn rộng ở Ba Lan. Chúng ta đã bỏ mất thắng lợi của chúng ta và lao thẳng vào một thất bại nặng nề.

Không thể không nhắc lại một trong những nguyên nhân khiến thảm họa ở Vácsava có tầm vóc nguy kịch là thái độ của ban chỉ huy phương diện quân Xô-viết phía Nam, tiến theo hướng Lovốp [Lvov] (Lembéc [Lemberg]). Nhân vật chính trị chính của Hội đồng Quân sự Cách mạng phương diện quân này là Xtalin. Ông ta muốn đưa quân vào Lovốp bằng mọi giá, cùng một lúc với Xminga và Tukhatrépxki khi họ tấn công Vácsava. Mới hay vẫn có những con người có những tham vọng kỳ cục như thế! Khi nguy cơ đe dọa các đạo quân dưới quyền điều khiển của Tukhatrépxki đã trở nên rõ nét và Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho mặt trận Tây-Nam phải chuyển hướng tức khắc và đánh vào hông các đơn vị Ba Lan đóng cạnh Vácsava, Bộ Tư lệnh Tây-Nam -- được Xtalin khuyến khích -- vẫn tiếp tục tiến theo hướng Tây. Tự mình chiếm được Lovốp chẳng quan trọng hơn là giúp đỡ "kẻ khác" chiếm Vácsava hay sao? Chỉ sau khi mệnh lệnh trên được lặp đi lặp lại nhiều lần và phải dọa dẫm nữa, ban chỉ đạo quân sự mặt trận Tây-Nam mới chịu chuyển đổi hướng tiến quân. Nhưng mấy ngày chậm trễ này đã có vai trò thảm khốc. Các đạo quân của chúng ta bị đánh bật lại hơn bốn trăm cây số. Sau những chiến thắng rực rỡ hôm trước, không ai có thể bằng lòng với một tình trạng như thế. Trở về từ trận tuyến đánh Voranghen, tôi thấy ở Mátxcova, bầu không khí thiên về một cuộc chiến tranh thứ hai với Ba

Lan. Bấy giờ, cả Rucốp cũng thay đổi ý kiến: "Chúng ta đã bắt đầu thì phải kết thúc" -- anh nói. Bộ Tư lệnh mặt trận phía Tây gửi về những tin tức đáng khích lệ: lực lượng tiếp viện đã đến đầy đủ, pháo binh được chấn chỉnh lại v.v... Sự mong muốn là cha đẻ của tư duy. "Chúng ta có gì ở mặt trận phía Tây?" -- tôi tìm cách phản đối. Những đơn vị đã mất tinh thần chiến đấu, bây giờ được bổ sung bởi thứ bột người không men. Không thể tiếp tục chiến tranh với một đạo quân như vậy. Nói đúng hơn, với một đạo quân như vậy, chúng ta chỉ có thể tự vệ bằng cách này hay cách khác, đồng thời vừa tháo lui vừa chuẩn bị ở hậu phương cho một đạo quân khác, nhưng thật vô lý nếu cho rằng một đạo quân như thế có thể gượng dậy và có thể phản công thắng lợi trên con đường tràn ngập những mảnh tàn binh của chính nó.

Tôi tuyên bố rằng lập lại một sai lầm đã phạm phải sẽ khiến chúng ta phải trả giá gấp mười lần, rằng tôi không chấp nhận nghị quyết mà người ta đang phác thảo, rằng tôi sẽ khiếu nại lên đảng. Mặc dù về mặt hình thức, Lenin có quan điểm tiếp tục cuộc chiến nhưng ông đã không tin tưởng và không cương quyết như trước. Niềm tin không gì lay chuyển nổi của tôi -- rằng chúng ta phải ký kết hòa bình, dù là một nền hòa bình nặng nề đi nữa -- đã gây tác động cần thiết đến Lenin. Cuối cùng ông đề nghị hoãn việc quyết định vấn đề này, chừng nào tôi chưa đi thăm mặt trận miền Tây và chưa có được cảm tưởng trực tiếp về tình trạng các đạo quân của chúng ta sau cuộc tháo lui. Đối với tôi, điều này có nghĩa là về căn bản, Lenin đã tiến lại lập trường của tôi.

Ở Ban Tham mưu mặt trận, tôi nhận thấy người ta cũng thiên về giải pháp mở cuộc chiến tranh thứ hai. Nhưng không có chút gì chắc chắn trong đó: đơn thuần nó chỉ phản ánh tâm trạng của Mátxcova. Càng đi xuống các cấp dưới trong quân đội -- từ Ban Tham mưu đến các sư đoàn, trung đoàn, đại đội --, càng thấy rõ là không thể tiến hành một cuộc chiến tranh tấn công mới. Tôi gửi cho Lenin một lá thư viết tay, không giữ lại bản sao, và tiếp tục chuyển đi thanh tra. Hai, ba ngày ngoài mặt trận thừa đủ để tôi củng cố thêm kết luận mà tôi đã có trước chuyển đi. Tôi trở về Mátxcova và Bộ Chính trị hầu như đồng thanh phê chuẩn nghị quyết ký kết tức khắc nền hòa bình.

Sai lầm trong những tính toán chiến thuật của cuộc chiến tranh Ba Lan đem lại những hậu quả lịch sử khổng lồ. Nước Ba Lan của Pinxútcki ra khỏi cuộc chiến, mạnh lên một cách bất ngờ. Ngược lại, một đòn khủng khiếp giáng vào quá trình diễn tiến của cách mạng Ba Lan. Đường biên giới được vạch ra trên cơ sở hiệp ước Riga phân cách nước Cộng hòa Xô-viết với nước Đức, điều này về sau sẽ có vai trò đặc biệt trong đời sống cả hai nước... Cổ nhiên, Lenin hiểu hơn ai hết ý nghĩa của sai lầm "Vácsava" và hơn một lần, ông đã nhắc lại trong suy nghĩ và lời nói.

Trong nền văn học của bọn người kế nghiệp, Lenin được miêu tả theo cung cách gần như kiểu

các họa sĩ vẽ tranh tường của trường phái Xudơđan [Souzdal] đã từng phác họa các vị thánh và Chúa Kitô: chúng ta thấy một bức biếm họa thay vì một gương mặt tượng trưng cho lý tưởng. Cho dù những người thợ vẽ tranh thánh đã cố gắng vượt bản thân họ đến mức nào đi nữa, rốt cục họ chỉ diễn đạt được sở thích cá nhân của chính họ trên tấm bảng gỗ, và do đó họ chỉ thể hiện được tấm chân dung đã lý tưởng hóa của chính họ. Bởi lẽ uy tín của ban lãnh đạo kế nghiệp được duy trì do việc cấm nghi ngờ tính bất khả sai lầm của Lênin, sách vở của tập đoàn kế nghiệp không diễn tả Lênin như một chiến lược gia cách mạng, một người có khả năng nhận định tình thế một cách thiên tài, mà như một cỗ máy cơ học tự động đưa ra những quyết định không thể sai lầm. Với Lênin, tôi là người đầu tiên dùng chữ *thiên tài*, khi những kẻ khác còn chưa dám nói. Đúng, Lênin là một thiên tài, là hiện thân của thiên tài nhân loại. Nhưng Lênin không phải là một cỗ máy tự động không thể sai lầm. Có điều, ông phạm sai lầm ít hơn nhiều so với bất kỳ ai ở vào tình thế của ông. Nhưng Lênin cũng có những sai lầm, hơn nữa, khi Lênin sai lầm, những sai lầm của ông mang tầm vóc rất lớn: nó chiếm tỉ lệ tương xứng với sự nghiệp vĩ đại của ông.

CHƯƠNG XXXVIII CHUYỂN SANG N.E.P. QUAN HỆ CỦA TÔI VỚI LÊNIN

Tôi muốn nói đến giai đoạn cuối cùng của thời gian tôi cộng tác với Lênin. Giai đoạn này sở dĩ quan trọng cũng bởi vì nó đã tiềm ẩn những nhân tố thắng lợi mà những kẻ kế nghiệp sẽ giành lấy sau khi Lênin mất.

Sau khi Lênin qua đời, người ta dựng nên một tổ chức phức tạp dây mơ rễ má gồm nhiều chi nhánh văn -- sử học để bóp méo lịch sử mối quan hệ giữa chúng tôi. Phương pháp cơ bản của họ là bứt từ quá khứ những thời điểm -- khi chúng tôi bất đồng với nhau -- và dựa vào một số từ ngữ mà chúng tôi đã dùng trong khi luận chiến, hoặc thông thường hơn, dựa vào những chuyện thô thiển, hoàn toàn bịa đặt, để vẽ ra một bức tranh về cuộc chiến đấu không ngừng giữa hai "nguyên lý" chủ đạo: chủ nghĩa lê-nin-nít và chủ nghĩa trốt-kít. Lịch sử giáo hội do các nhà biện giải thời Trung cổ biên chép có thể được coi là một kiểu mẫu khoa học so với sự nghiên cứu lịch sử của trường phái những người kế nghiệp. Trong một chừng mực nhất định, công việc của đám người này được dễ dàng vì mỗi khi bất đồng ý kiến với Lênin, tôi nói to lên, thậm chí nếu thấy cần thiết, tôi còn viện tới đảng. Nói về tập đoàn kế nghiệp ngày nay, nếu họ bất đồng quan điểm với Lênin -- việc này xảy ra thường xuyên hơn nhiều so với trường hợp tôi --, họ thường im lặng hoặc như Xtalin thường làm, họ làm bộ hờn dỗi và nấu mình vài ngày ở một làng nhỏ cạnh Mátxcova. Các quyết định mà Lênin và tôi rút ra một cách

độc lập, trong đại đa số trường hợp, chúng trùng nhau trong mọi tình tiết cơ bản. Chỉ cần nói nửa lời chúng tôi đã thông hiểu lẫn nhau. Khi tôi cảm thấy một quyết định của Bộ Chính trị hoặc của Hội đồng Dân ủy có thể chệch theo hướng sai trái, tôi gửi vài dòng cho Lênin trên một mẫu giấy. Ông trả lời tôi: "Hoàn toàn có lý. Đồng chí đề nghị đi". Đôi khi Lênin cũng gạn hỏi theo cách như vậy, rằng tôi có đồng ý với đề nghị của ông không và ông yêu cầu tôi phát biểu ủng hộ ông. Thông thường, Lênin thảo luận với tôi qua điện thoại về tiến trình công việc và khi có vấn đề quan trọng, ông kiên trì nhắc lại:

-- Nhất thiết, nhất thiết đồng chí phải đến!

Khi chúng tôi cùng hành động -- điều này diễn ra trong tối đại đa số các vấn đề mang tính nguyên tắc --, những kẻ không bằng lòng với quyết định, trong số đó có nhóm kế nghiệp hiện nay, đơn thuần chỉ lặng im. Biết bao nhiêu lần đã xảy ra chuyện Xtalin, Camênhép hoặc Dinôviép không đồng tình với tôi trong một vấn đề nào đó có tầm quan trọng bậc nhất, nhưng họ lập tức im lặng khi họ nhận thấy Lênin nhất trí với tôi. Người ta có thể nghĩ thế nào tùy ý về việc những "môn đệ" sẵn sàng từ bỏ ý kiến của mình để theo ý kiến của Lênin, nhưng thái độ sẵn sàng ấy không có gì đảm bảo cho việc họ có thể rút ra được những giải pháp lê-nin-nít khi Lênin vắng mặt.

Trong cuốn sách này, những bất đồng quan điểm của chúng tôi chiếm một vị trí mà chúng chưa bao giờ có trong cuộc sống thực tế. Điều đó có hai lý do. Những bất đồng giữa chúng tôi chỉ là ngoại lệ và chính vì thế, chúng thu hút sự chú ý. Sau khi Lênin mất, nhóm kế nghiệp phóng đại những bất đồng của chúng tôi đến kích thước ngoài sự tưởng tượng, khiến chúng trở nên những nhân tố chính trị độc lập và hoàn toàn không dính líu gì với Lênin và với tôi.

Trong chương sách nói trên, tôi đã trình bày kỹ lưỡng đến mức có thể về nội dung và sự phát triển của những mối bất đồng xuất hiện giữa Lênin và tôi trong vấn đề hòa bình ở Bờ-rét. Ở đây, tôi cần phải nhắc đến một bất đồng khác, đã khiến chúng tôi đối đầu nhau trong hai tháng rạn vỡ nổi năm 1920 với 1921, trước khi đảng chấp nhận chính sách kinh tế mới.

Không có gì nghi ngờ, cái gọi là cuộc tranh luận về nghiệp đoàn đã rủ bóng xuống mối quan hệ giữa chúng tôi trong một thời gian. Cả hai chúng tôi đều có bản chất quá cách mạng và quá chính trị để hiểu biết hoặc để muốn tách rời cái cá nhân khỏi cái chung. Trong quá trình tranh luận, có thể nói Xtalin và Dinôviép đã có điều kiện hợp pháp để chuyển cuộc chiến đấu chống tôi từ sau hậu trường ra ngoài sân khấu công khai. Họ đã cố gắng hết sức để lợi dụng tình thế. Đối với họ, đó là cuộc tập dượt chủ yếu cho chiến dịch chống "chủ nghĩa trốn-kít" sau này. Nhưng chính khía cạnh đó của sự việc đã làm Lênin lo lắng nhất và ông tìm mọi cách để làm tê liệt nó.

Rác rưởi đã phủ kín nội dung chính trị của cuộc tranh luận, đến nỗi tôi không hề muốn thế

chân nhà sử gia nào đó của tương lai, muốn đào đến tận gốc rễ của sự việc. Rốt cục, sau khi Lênin mất, tập đoàn kế nghiệp phát hiện ra lúc đó tôi có quan điểm "đánh giá thấp giai cấp nông dân" và hầu như tôi là kẻ thù của N.E.P. Về căn bản, tất cả cuộc đấu tranh sau này đều được xây dựng trên hai luận điểm đó. Trong thực tế, cội rễ của cuộc tranh luận hoàn toàn ở chỗ khác. Tuy nhiên muốn tìm ra chúng, phải đi ngược thời gian một chút.

Mùa thu năm 1919, khi số lượng đầu máy xe lửa trong tình trạng hư hỏng lên đến 60% tổng số, người ta cho rằng hoàn toàn chắc chắn là con số đó sẽ lên tới 75% vào mùa xuân 1920. Các chuyên gia xuất sắc nhất khẳng định như thế. Trong hoàn cảnh này, giao thông đường sắt thực tế không còn ý nghĩa gì vì với 25% số đầu máy vận hành chập chờn, chỉ có thể đáp ứng những nhu cầu của tuyến đường sắt hoạt động theo phương pháp đốt củi. Một kỹ sư tên là Lômônôxốp [Lomonosov], người thực tế nắm trong tay nền giao thông vào những tháng ấy, giới thiệu cho chính phủ biểu đồ "bệnh dịch đầu máy xe lửa". Chính xác như một nhà toán học, anh nhấn mạnh một điểm nào đó của năm 1920, rồi tuyên bố:

-- Và đến đây là chết.

-- Vậy chúng ta phải làm gì? -- Lênin hỏi.

-- Không có những phép lạ -- Lômônôxốp đáp. -- Ngay cả những người bôn-sê-vích cũng không thể làm nên những phép lạ.

Chúng tôi nhìn nhau. B ầu không khí càng trở nên nặng nề bởi chẳng ai trong số chúng tôi hiểu biết kỹ thuật vận tải và chẳng ai nắm được những tính toán bi quan kiểu này.

-- Dù sao chúng ta cũng cố thử làm ra một phép lạ -- Lênin thì thầm trong hàm răng, giọng nói khô đi.

Tuy nhiên trong những tháng tiếp theo tình hình tiếp tục xấu đi. Những nguyên nhân khách quan cũng đã quá rõ, nhưng rất có khả năng một vài kỹ sư đã tìm cách chỉnh lại trạng thái giao thông một cách giả tạo cho hợp với biểu đồ của họ.

Năm 1919-1920, tôi trải qua những tháng mùa đông ở vùng Uran, tại đó tôi điều khiển công tác kinh tế. Lênin đánh điện tín đề nghị tôi đảm nhiệm việc chỉ đạo giao thông và thử cố gắng chấn chỉnh nó bằng những biện pháp đặc biệt. Tôi đồng ý đảm nhiệm việc đó.

Từ Uran, tôi trở về với một trữ lượng rất lớn những nhận xét về kinh tế, tất cả có thể tổng kết bằng một kết luận chung duy nhất: phải từ bỏ chế độ cộng sản thời chiến. Thông qua công việc thực tiễn, tôi thấy hoàn toàn rõ ràng là những phương pháp của chủ nghĩa cộng sản thời chiến mà chúng ta bị áp đặt bởi tổng thể các tình huống của cuộc nội chiến, nay đã cạn kiệt và để phục hồi nền kinh tế, bằng mọi giá, cần phải tái lập yếu tố lợi ích cá nhân, tức là thiết lập lại thị trường trong nước đến một mức độ nào đó. Tôi đệ trình lên Ban Trung ương một dự thảo về việc thay sự trưng thu cưỡng bức bằng thuế nông sản và cho phép trao đổi hàng hóa:

... Chính sách hiện nay về trưng thu bình quân dựa trên cơ sở các chỉ tiêu lương thực, về trách nhiệm tương hỗ khi tập trung và phân bố bình quân các sản phẩm công nghiệp khiến nền nông nghiệp bị tàn lụi, giới vô sản công nghiệp bị tiêu hao và đe dọa làm sụp đổ vĩnh viễn đời sống kinh tế của đất nước.

Tôi đã viết như thế trong lá thư đệ trình Ban Trung ương tháng Hai năm 1920. Lá thư tiếp tục như sau:

Các ngu ồn lương thực dự trữ có nguy cơ cạn kiệt, không bộ máy trưng thu nào, dầu cải tiến đến đâu, có thể khắc phục được hiểm họa đó. Có thể chống lại những khuynh hướng suy thoái kinh tế như thế bằng những biện pháp sau:

1 Ổi Thay sự trưng thu những khoản dư thừa bằng một sự khấu trừ theo phần trăm nhất định (một loại thuế thu nhập bằng hiện vật mang tính lũy tiến), tính toán sao cho việc mở rộng diện tích canh tác hay sản xuất tốt vẫn còn có lợi;

2 Ổi Đảm bảo cho nông dân một tương quan tốt hơn giữa những sản phẩm công nghiệp cung cấp cho họ và lượng ngũ cốc họ giao nộp, chẳng những ở từng huyện và từng làng, mà đến cả từng hộ nông dân.

Như chúng ta có thể thấy, các đề nghị đó vô cùng thận trọng. Nhưng không nên quên rằng thoát đầu, những nguyên lý cơ bản được thông qua vào năm sau trong chính sách kinh tế mới cũng không đi xa hơn.

Đầu năm 1920, L ênin kiên quyết chống lại đề nghị trên. Ban Trung ương cũng bác bỏ nó với 11 phiếu thuận và 4 phiếu chống. Tiến trình tiếp theo của các sự việc cho thấy một cách rõ ràng rằng quyết định của Ban Trung ương là sai lầm. Tôi không đưa tiếp vấn đề ra đại hội, đại hội này từ đầu đến cuối vẫn mang bầu không khí của chủ nghĩa cộng sản thời chiến. Sau đó chừng một năm, nền kinh tế vẫn còn vật vã trong ngõ cụt. Bất đồng quan điểm của tôi với Lênin xuất phát từ ngõ cụt ấy. Bởi lẽ mọi người bác bỏ việc chuyển sang các tương quan dựa trên những điều kiện thị trường cho nên tôi đòi hỏi cần phải áp dụng đúng đắn và có hệ thống các phương pháp "thời chiến" để đi đến những kết quả cụ thể trong kinh tế. Trong hệ thống của chủ nghĩa cộng sản thời chiến, khi mọi nguồn lực bị quốc hữu hóa -- ít nhất là trên nguyên tắc --

--và được phân chia theo sự "chỉ định" của nhà nước, tôi nhận thấy các tổ chức nghiệp đoàn không có vai trò độc lập. Trong chừng mực nền công nghiệp dựa trên cơ sở nhà nước bảo đảm những sản phẩm cần thiết cho người lao động, tôi nghĩ rằng cần phải sát nhập các nghiệp đoàn vào hệ thống nhà nước, có nhiệm vụ chỉ đạo công nghiệp và phân phối sản phẩm. Đó là cốt lõi của vấn đề *quốc hữu hóa* các công đoàn, tất yếu xuất phát từ chủ nghĩa cộng sản thời chiến và được tôi ủng hộ trong ý nghĩa đó.

Dựa vào những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản thời chiến được thông qua tại Đại hội IX, tôi bắt đầu hoạt động trong ngành giao thông. Công đoàn đường sắt được liên hệ rất chặt chẽ với bộ máy hành chính của ngành. Những phương pháp kỷ luật quân đội thuần túy được áp dụng khắp ngành giao thông. Tôi thiết lập mối quan hệ rất chặt chẽ giữa bộ máy hành chính mạnh nhất và kỷ luật nhất thời bấy giờ -- Bộ Quốc phòng -- với bộ máy hành chính ngành giao thông. Điều này có những lợi ích đáng kể, nhất là vì từ khi cuộc chiến tranh với Ba Lan nổ ra, vận tải quân sự lại chiếm vị trí hàng đầu trong giao thông. Từ Bộ Quốc phòng, cơ quan mà hoạt động của nó đã phá hủy ngành đường sắt, hàng ngày tôi đi xe hơi đến Bộ Dân ủy Giao thông, tại đó chẳng những tôi cố cứu ngành này khỏi bị tan rã toàn diện mà còn tìm cách phục hồi nó trong một chừng mực nào đó.

Một năm làm việc trong ngành giao thông là một trường học lớn đối với tôi. Tất cả các vấn đề mang tính nguyên tắc của công cuộc tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa đều xuất hiện trong lĩnh vực giao thông dưới dạng cô đặc nhất. Một số lượng khổng lồ đầu máy và toa xe lửa nằm choán các đường đi và xưởng sửa chữa. Bắt đầu công việc chuẩn bị lớn lao nhằm chuẩn hóa ngành giao thông mà trước đây, cho đến ngày cách mạng, một nửa thuộc ngân khố quốc gia, nửa nằm trong tay tư nhân. Các đầu máy được phân loại, công việc sửa chữa trở nên có kế hoạch hơn. Các công xưởng sửa chữa nhận những nhiệm vụ được phác họa chính xác, tùy theo trang thiết bị. Chúng tôi dự kiến sẽ phát triển ngành giao thông trở lại mức độ trước chiến tranh trong vòng bốn năm rưỡi. Các biện pháp được vận dụng dần dần đem lại những kết quả không thể chối cãi. Mùa xuân và mùa hè 1920, ngành giao thông bắt đầu ra khỏi tình trạng tê liệt. Lênin không bỏ lỡ một dịp nào để ghi nhận sự hồi sinh của đường sắt. Nếu cuộc chiến tranh do Pinxútcki phát động -- trước hết nhằm vào việc phá hoại mạng lưới giao thông của chúng ta -- không đem lại cho Ba Lan những kết quả mong đợi, thì chính bởi vì đường đồ thị của biểu đồ giao thông đường sắt đột nhiên đi lên. Chúng tôi đã đạt được kết quả này nhờ các biện pháp hành chính vô cùng cứng rắn, xuất phát từ tình trạng gây cản của ngành giao thông và cũng từ hệ thống của chủ nghĩa cộng sản thời chiến.

Song le, quần chúng công nhân đã trải qua ba năm nội chiến, ngày càng khó chịu đựng những phương pháp độc đoán theo lối quân sự. Bằng bản năng chính trị không thể lầm lẫn của ông, Lênin cảm thấy thời điểm nguy kịch sắp đến. Trong khi xuất phát từ những suy tính kinh tế thuần túy, từ cơ sở của chủ nghĩa cộng sản thời chiến tôi yêu cầu các tổ chức nghiệp đoàn phải tiếp tục gắng sức thì Lênin, từ những mối quan tâm chính trị, lại đi theo hướng giảm nhẹ áp lực của cuộc nội chiến.

Trong đêm trước của Đại hội X, hai đường lối của chúng tôi đi giao nhau một cách đối kháng. Tranh luận nổ ra trong đảng. Cuộc tranh luận hoàn toàn không đi vào đề. Đảng suy tính,

tự hỏi phải đi theo nhịp độ nào trong con đường quốc hữu hóa các nghiệp đoàn, trong khi vấn đề đặt ra là bánh mì hàng ngày, chất đốt và nguyên liệu cho nền công nghiệp. Đảng tranh luận nảy lửa về "trường học của chủ nghĩa cộng sản", trong khi nền kinh tế đang tiến đến gần sự sụp đổ. Cuộc nổi dậy ở Cờnôstát và khởi nghĩa tại chính phủ Tambốp xen vào cuộc tranh luận như một lời cảnh cáo cuối cùng. Lênin khởi thảo những luận đề đầu tiên, rất thận trọng, về sự chuyển tiếp sang chính sách kinh tế mới. Tôi lập tức đứng về phía ông. Đối với tôi, đó chỉ là sự nhắc lại những đề nghị tôi đã đưa ra một năm trước đây. Cuộc tranh luận về nghiệp đoàn liền mất ngay mọi ý nghĩa của nó. Ở đại hội, Lênin không tham gia tranh luận, ông để Dinôviép ngồi chơi với đồng vỏ đạn rỗng. Trong cuộc tranh luận, như một lời nhắc nhở, tôi báo trước rằng nghị quyết về các nghiệp đoàn được đa số thông qua sẽ không tồn tại đến đại hội sau vì định hướng theo chính sách kinh tế mới đòi hỏi sự xét lại hoàn toàn chiến lược công đoàn. Và quả thực, vài tháng sau Lênin khởi thảo những luận đề hoàn toàn mới về vai trò và nhiệm vụ của nghiệp đoàn, căn cứ vào những điều kiện của N.E.P. Tôi hoàn toàn ủng hộ dự thảo nghị quyết của ông. Sự đoàn kết giữa chúng tôi lại được tái lập. Tuy nhiên, Lênin e ngại sự tổ chức những phe nhóm bền vững trong nội bộ đảng, trải qua quá trình tranh luận kéo dài hai tháng, sẽ đầu độc các mối quan hệ và làm trở ngại công việc. Nhưng ngay tại đại hội, tôi đã chấm dứt mọi cuộc trao đổi ý kiến với những người có suy nghĩ giống tôi về vấn đề nghiệp đoàn. Vài tuần sau đại hội, Lênin nhận thấy rằng chẳng kém gì ông, tôi cũng quan tâm đến việc thanh toán những nhóm nhỏ tạm thời, không dựa trên cơ sở nguyên lý nào, đang được hình thành trong đảng. Lênin liền thấy nhẹ nhõm trong lòng. Nhận một nhận xét khiếm nhã về tôi của Môlô tôp, vừa được bầu lần đầu tiên vào Ban Trung ương, Lênin đã cảnh cáo thái độ khiếm nhã của anh ta. Ông nói thêm: "Tuyệt đối không thể chê trách được sự trung tín của đồng chí Trốtxki trong các mối quan hệ thuộc nội bộ đảng". Lênin nhắc đi nhắc lại nhiều lần câu nói đó. Rõ ràng là ông không chỉ đẩy lùi Môlô tôp, mà còn đẩy lùi những kẻ khác nữa. Bởi lẽ Xtalin và Dinôviép cố tìm cách kéo dài một cách giả tạo cuộc tranh luận.

Chính tại Đại hội X, Xtalin được giới thiệu vào chức vụ tổng bí thư theo đề xướng của Dinôviép và trái với ý nguyện của Lênin. Các đại biểu đại hội tưởng rằng đây là sự đề cử nhất trí của toàn Ban Trung ương. Vả lại, không ai để ý gì mấy đến việc bầu bán này. Chức vụ tổng bí thư, lần đầu tiên được lập ra ở Đại hội X, thời Lênin chỉ mang tính chất chuyên môn chứ không hề có tính chất chính trị. Tuy nhiên, Lênin tỏ ý lo ngại, ông nhắc đi nhắc lại về Xtalin: "Anh đầu bếp này sẽ chỉ nấu những món chua cay". Chính vì thế Lênin đã nhấn mạnh "sự trung tín của Trốtxki" trong một phiên họp đầu sau đại hội của Ban Trung ương: nhận xét ấy nhằm vào những kẻ mưu mô nôm nóng.

Câu nói này của Lênin không phải là một nhận xét thoáng qua. Trong nội chiến, có một lần

Lênin đã tỏ ra tin tưởng vô bờ bến về mặt tinh thần đối với tôi -- không phải bằng lời nói mà bằng việc làm -- tới mức độ không ai có thể mong hơn thế và cũng không ai có thể cho ai hơn thế. Nguyên do cũng vẫn là phe đối lập quân đội do Xtalin giết giây trong hậu trường đã tạo ra cơ hội ấy. Trong những năm chiến tranh, tôi đã tập trung trong tay một quyền lực mà thực tế có thể nói là vô biên. Tòa án quân sự cách mạng hội họp trong toa tàu hỏa của tôi. Các mặt trận đều phụ thuộc vào tôi và hậu phương lại phụ thuộc vào các mặt trận. Có những thời kỳ mà toàn bộ phần lãnh thổ của nước cộng hòa chưa bị Bạch quân chiếm giữ thực ra chỉ là hậu phương hoặc là quân khu được tăng cường bảo vệ. Họ hàng, bạn bè những người lọt vào bánh xe chiến đấu của chúng tôi đều cố làm mọi việc có thể để giảm nhẹ số phận người thân của họ. Từ các dòng kênh, các máng khác nhau, những sự can thiệp, những lời than phiền và đơn từ khiếu nại thi nhau dồn về Mátxcova, nhất là về Chủ tịch đoàn Ban Chấp hành Trung ương. Các tình tiết đầu tiên liên quan đến đề tài này phát triển từ khi xảy ra những sự kiện ở Xviiagiơxcơ. Trên kia, tôi đã kể chuyện tôi trao cho tòa án binh xử án viên tư lệnh trung đoàn xạ thủ Léttôni thứ IV, khi hắn đe dọa sẽ rút trung đoàn khỏi các vị trí chiến đấu. Tòa án xử hắn năm năm tù giam. Vài tháng ngắn ngủi sau đó, có hàng loạt những đơn từ xin thả tự do cho hắn. Người ta làm áp lực đặc biệt đối với Xvéclốp, anh đưa vấn đề ra Bộ Chính trị. Tôi trình bày ngắn gọn tình hình chiến sự khi viên tư lệnh đưa ra "những hậu quả nguy hiểm đối với cách mạng" để đe dọa tôi. Trong khi tôi kể, khuôn mặt Lênin mỗi lúc một sa sầm hơn. Tôi vừa chấm dứt câu chuyện thì ông kêu lên bằng một giọng cố nén, khàn khàn, biểu hiện khi ông xúc động mạnh:

-- C ú ể y ở trong tù, nơi y đang ở...

Xvéclốp nhìn Lênin, rồi nhìn tôi và nói:

-- Tôi cũng nghĩ như vậy.

Một sự kiện khác có tầm quan trọng lớn hơn nhiều, liên quan đến sự thực hiện bản án tử hình một tư lệnh và một chính ủy, những người rút một trung đoàn khỏi vị trí của họ ở Cadan, dùng vũ khí chiếm một con tàu thủy và chủ định xuôi dòng về Nhigionhi Nôvơgôrôt. Trung đoàn này được thành lập ở Xmôlenxcơ, tại đó lãnh đạo công việc lại là những người phản đối đường lối quân sự do tôi đề ra; sau này họ trở thành những cộng sự hăng hái của tôi. Nhưng lúc đó họ làm ầm ĩ. Ủy ban kiểm tra được chỉ định theo yêu cầu của tôi đã hoàn toàn nhất trí thừa nhận biện pháp của các cơ quan quân sự, họ coi nó phù hợp với hoàn cảnh. Nhưng những lời bàn ra tán vào mập mờ không chấm dứt. Nhiều lần tôi có cảm giác những đầu mối được điều khiển từ khoảng cách rất gần, hầu như ngay từ Bộ Chính trị. Nhưng tôi không có thì giờ để điều tra và làm sáng tỏ đầu mối các âm mưu. Chỉ một lần duy nhất, trong phiên họp Bộ Chính trị tôi nhắc rằng chúng ta đã không thể họp bàn ở đây nếu không áp dụng những biện pháp hà khắc ở Xviiagiơxcơ. "Đồng chí hoàn toàn có lý!" -- Lênin xen vào và với sự nhanh nhẹn thường thấy,

ông viết vài dòng bằng mực đỏ lên tờ giấy có tiêu đề của Hội đồng Dân ủy. Phiên họp ngừng một lúc vì Lênin làm chủ tọa. Hai phút sau, ông đưa cho tôi tờ giấy như sau:

Nước Cộng hòa Xô-viết Nga Chủ tịch Hội đồng Dân ủy Mátxcova, điện Kremli ... tháng Bảy năm 1919

Các đồng chí!

Tôi biết rằng đồng chí Trốtxki thường ra những chỉ thị nghiêm khắc, nhưng tôi tin tưởng đến mức tuyệt đối vào sự đúng đắn, hợp lý và cần thiết của những chỉ thị do đồng chí Trốtxki đưa ra, tôi hoàn toàn ủng hộ quyết định của đồng chí ấy.

V. Ulianốp-Lênin

-- Tôi sẽ đưa đồng chí bao nhiêu tờ như thế này cũng được, tùy đồng chí -- Lênin nói.

Trong nội chiến, giữa những hoàn cảnh vô cùng khó khăn, khi những chỉ thị được đưa ra cấp tốc và không thể sửa đổi được, khi những sai lầm có thể chen lẫn vào vô số quyết định, bằng chữ ký của ông, Lênin chứng thực trước bất kỳ biện pháp nào của tôi mà tôi thấy cần thiết, mặc dù cuộc sống và cái chết của bao người phụ thuộc vào những quyết định ấy. Thử hỏi có thể tưởng tượng được lòng tin ở mức độ nào cao hơn giữa hai con người?

Ngay cả ý nghĩ về một văn bản bất thường như thế cũng chỉ có thể hình thành trong bộ óc Lênin bởi ông biết hoặc đoán rõ hơn tôi những nguồn gốc của mọi mưu đồ. Ông cảm thấy cần thiết phải bác bỏ những mưu đồ này một cách cương quyết nhất. Nhưng Lênin chỉ có thể đưa ra một quyết định như thế vì trong tận thâm tâm, ông tin không đời nào tôi có hành động bất trung hoặc lạm dụng quyền lực. Lênin đã biểu thị niềm tin ấy trong mấy dòng chữ trên, với một nghị lực tốt bụng.

Tập đoàn kế nghiệp không tìm ra đâu một văn bản như thế trong kho thư khố của chính họ. Trong kho lưu trữ cá nhân của mình, Xtalin chỉ có thể đựng phải "Di chúc" của Lênin mà ông ta đã giấu biệt đi trước đảng; tài liệu đó nói về Xtalin như một kẻ bất tín và có thể lạm dụng quyền hành.

Chúng ta chỉ cần so sánh hai văn bản -- một là sự ủy quyền đạo đức vô hạn mà Lênin đã trao cho tôi, và một là bức thư đánh giá sự bất tin cần cũng do Lênin trao cho Xtalin --, để có thể nhận thấy một bức tranh toàn cảnh, rằng Lênin đã có ý kiến như thế nào về tôi và về Xtalin!

CHƯƠNG XXXIX BỆNH TÌNH CỦA LÊNIN

Tôi xin nghỉ chữa bệnh lần đầu tiên vào mùa thu năm 1920, khá lâu trước Đại hội thứ lần IV của Quốc tế Cộng sản. Tôi ở vùng ngoại ô Mátxcova gần hai tháng. Lúc đó tôi quyết định chữa bệnh một cách nghiêm túc. Tôi chia thời gian điều trị làm hai phần, một phần dành cho việc dự

thảo kỹ lưỡng bản Tuyên ngôn, trong những năm sắp tới, nó sẽ thay thế cương lĩnh của Đệ tam Quốc tế, và một phần để săn bắn. Sau những năm tháng căng thẳng, tôi thấy có nhu cầu nghỉ ngơi nhưng tôi lại không quen nghỉ ngơi. Đi dạo vốn không phải là nghỉ ngơi đối với tôi và giờ đây vẫn thế. Sức hấp dẫn của săn bắn là ở chỗ nó tác động đến tinh thần như ta dán cao lên cái nhọt...

Một chủ nhật đầu tháng Năm năm 1922, tôi thả lưới bắt cá trên một nhánh cổ kính của dòng sông Mátxcova. Trời mưa, cỏ thấm ướt, tôi trượt chân trên bờ dốc và bị bong gân. Không có gì nghiêm trọng lắm, tôi chỉ phải nằm liệt giường vài ngày. Ngày thứ ba Bukharin đến thăm tôi.

-- Đồng chí cũng phải nằm à? -- anh hốt hoảng la lên.

-- Thế ngoài tôi ra, còn ai nữa? -- tôi hỏi.

-- Ích nguy rồi, ông bị chảy máu não! Không đi lại được, không nói được. Các bác sĩ hoàn toàn bó tay.

Lênin rất quan tâm đến sức khỏe các đồng sự của ông và thường hay trích dẫn câu nói của một người di tản: "Người cũ chết dần chết mòn, lớp thanh niên thì bỏ cuộc".

-- Thử hỏi ở xứ ta có nhiều người biết châu Âu là gì không? Phong trào công nhân thế giới ra sao? Chừng nào chúng ta còn đơn độc với cuộc cách mạng của chúng ta, kinh nghiệm quốc tế của nhóm lãnh đạo đảng ta là không gì thay thế được -- ông nói.

Lênin bao giờ cũng coi mình là người hoàn toàn khỏe mạnh. Sức khỏe của ông được coi như một trong những bảo đảm vững chắc của cách mạng. Ông luôn tích cực, tỉnh táo, điềm đạm và vui vẻ. Hiếm khi tôi nhận thấy những dấu hiệu đáng lo ngại ở ông. Trong Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản, tôi đã sửng sốt khi thấy gương mặt mệt mỏi, giọng nói ngắt quãng và nụ cười héo hon của ông. Nhiều lần tôi đã nói với Lênin rằng ông phí phạm sức lực bản thân quá nhiều trong những công việc thứ yếu. Ông gật đầu thừa nhận nhưng không thể làm khác. Đôi khi, chỉ luôn luôn thoáng qua, đượm chút bối rối, ông phàn nàn là ông nhức đầu. Nhưng hai, ba tuần nghỉ ngơi đủ làm ông hồi phục. Dường như Lênin không bao giờ bị hao mòn.

Vào cuối năm 1921, bệnh trạng Lênin nặng hơn. Ngày 7 tháng Chạp, ông thông báo với các ủy viên Ban Trung ương trong một lá thư ngắn:

Hôm nay tôi kh ởi hành. Mặc dầu đã giảm lượng công việc và tăng phần nghỉ ngơi trong những ngày gần đây, càng ngày tôi càng mất ngủ ghê gớm. Tôi sợ sẽ không đủ sức phát biểu ở hội nghị đảng và ở Đại hội các Xô-viết.

Từ đó, Lênin giành phần lớn thì giờ sống trong một làng lân cận Mátxcova, nhưng từ đó, ông vẫn rất chăm chú theo dõi các sự kiện trong chừng mực có thể. Khi đó, công cuộc chuẩn bị

cho hội nghị Gê-nô-va [Génes] đang được tiến hành. Ngày 23 tháng Giêng năm 1922, Lênin viết cho các ủy viên Bộ Chính trị:

Tôi vừa nhận được hai lá thư của Tritrêrin (viết ngày 20 và 21). Đồng chí ấy đặt câu hỏi: phải chăng ta có nên đồng ý chấp nhận một số sửa đổi nhỏ trong hiến pháp để đổi lấy một sự đền bù đáng kể, tức là công nhận các phần tử ăn bám được có đại diện trong Xô-viết. Làm thế để vừa lòng người Mỹ. Theo tôi, đề nghị ấy của Tritrêrin chúng tôi phải đưa ngay đồng chí ấy đi điều dưỡng ở bệnh viện. Mọi sự buông lỏng trong vấn đề này, mọi trì hoãn v.v..., theo ý tôi, sẽ đem lại nguy cơ rất lớn xét từ phương diện những cuộc đàm phán.

Người ta cảm thấy L ênin sống và thở trong mỗi từ ngữ của mảnh giấy này, trong đó ông biểu hiện thái độ chính trị không khoan nhượng đi kèm lòng nhân ái hóm hỉnh. Tình trạng sức khỏe của Lênin vẫn tiếp tục suy giảm. Tháng Ba năm 1922, những cơn nhức đầu càng tăng. Nhưng các bác sĩ không tìm thấy một tổn thương nội tạng nào và họ chỉ định một đợt nghỉ dài hơn. Lênin chuyển đến một làng ngoại ô Mátxcôva và gần như ông cư trú ở đó. Tại đây, ông bị chảy máu não lần thứ nhất vào đầu tháng Năm. Sau này tôi mới biết Lênin đã ốm từ ba ngày nay. Tại sao người ta không báo ngay cho tôi? Hồi đó, tôi chưa hề có một chút ngờ vực nào.

-- Mọi người không muốn làm đồng chí lo lắng -- Bukharin trả lời tôi. -- Họ còn chờ xem sự việc chuyển biến ra sao.

Bukharin nói hoàn toàn thành thực, anh lặp đi lặp lại những gì "cấp trên" đã gợi ý cho anh. Thời kỳ ấy, Bukharin gắn bó với tôi theo một thiên hướng rất "bu-kha-rin-nít", nghĩa là nửa tâm thần, nửa con trẻ. Anh kết thúc câu chuyện về bệnh tình của Lênin bằng cách nhào lên giường tôi, ôm choàng lấy tôi qua tấm chăn và than vãn:

-- Đừng ốm, tôi van đồng chí, đồng chí đừng ốm... Có hai người mà tôi luôn nghĩ đến cái chết của họ một cách kinh hoàng... Ilích và đồng chí!

Tôi thân ái quả trách nhẹ nhàng để đưa anh trở lại trạng thái bình thường. Bukharin không để tôi tập trung tư tưởng vào cái tin anh đưa đến. Tôi gần như choáng váng trước đòn đánh đó. Dường như cả cuộc cách mạng cũng nín thở.

N.I.Xêđô-va viết trong sổ ghi chép của cô:

Mọi người thì thầm thông báo cho nhau biết những tin tức đầu tiên về bệnh trạng của Lênin. Dường như chưa bao giờ, chưa có ai lại nghĩ rằng Lênin có thể ngã bệnh. Nhiều người biết Lênin chăm chú để tâm đến tình trạng sức khỏe của người khác, nhưng ông có vẻ không bao giờ bị ốm. Gần như toàn bộ thể hệ các nhà cách mạng đứng tuổi đều bị đau tim vì làm việc "quá tải". "Hầu như động cơ trực trặc ở tất cả mọi người" -- các bác sĩ phàn nàn. Giáo sư Ghêchie [Guétier] nói với Lép Đavítôvích: "Chỉ có hai quả tim hoàn hảo: quả tim của

Vladimira Ilich và của đồng chí. Có thể sống hàng trăm năm với quả tim như thế". Những đợt khám của các bác sĩ ngoại quốc chứng nhận rằng trong số tất cả những người họ đã khám ở Mátxcova, chỉ có hai quả tim hoạt động không chệch vào đâu được: quả tim của Lênin và của Trốtxki. Đối với quảng đại quần chúng, mọi người đón sự biến chuyển về tình trạng sức khỏe Lênin một cách bất ngờ, như thể có một cái gì đó đảo lộn trong chính cuộc cách mạng. Chả lẽ Lênin cũng có thể ốm, có thể chết như bất cứ một ai khác? Không thể có ý nghĩ Lênin bị mất khả năng đi lại và bị cấm khẩu. Và mọi người tin chắc rằng ông sẽ vượt qua tất cả, sẽ giành phần thắng và sẽ lành bệnh...

Tâm trạng này đặc trưng cho toàn đảng.

Mãi về sau này, khi nhìn lại quá khứ, tôi hồi tưởng với một nỗi ngạc nhiên mới mẻ rằng tôi chỉ được thông báo về bệnh tình của Lênin vào ngày thứ ba. Thời ấy tôi không để tâm đến chuyện này. Nhưng sự việc không thể ngẫu nhiên. Những kẻ đã có ý loại trừ tôi từ lâu, nhất là Xtalin, muốn tranh thủ thời gian. Bệnh trạng của Lênin đã nặng đến mức kết cục bi thảm có thể xảy ra vào bất kỳ khoảng khắc nào. Và lúc đó, ngay ngày mai, hoặc hôm nay, những vấn đề liên quan đến ban lãnh đạo có thể được đặt ra hoàn toàn sắc nét. Định thủ của tôi muốn tranh thủ thời gian, ít nhất một ngày để có thể chuẩn bị. Họ thì thảo với nhau, rờ rẫm tìm đường và tìm phương cách đấu đá. Có thể giả thiết rằng ý tưởng về một "trôica" (Xtalin-DinôviépKamênhép) đã hình thành từ dạo đó: người ta muốn đưa ra cỗ xe tam mã ấy để chống tôi. Nhưng Lênin bình phục sau trận ốm nặng. Cơ thể của ông, có một nghị lực không gì bẻ gãy, đã tạo nên một sức mạnh vô song. Bộ óc Lênin vốn kiệt sức vì thiếu máu và mất khả năng xếp đặt những âm thanh và những chữ cái, đột nhiên phục hồi trở lại.

Cuối tháng Năm, tôi đi săn cách Mátxcova chừng tám chục ki-lô-mét. Tôi được biết ở vùng đó có một nhà điều dưỡng dành cho trẻ em mang tên Lênin. Bọn trẻ đưa tôi đi dạo bên bờ hồ, chúng gạn hỏi tôi về sức khỏe của Vladimira Ilich, nhờ tôi chuyển đến ông những bông hoa đồng nội và một lá thư. Khi ấy Lênin còn chưa tự viết được. Ông đọc cho thư ký riêng chép mấy dòng:

Vladimira Ilich ủy nhiệm tôi viết cho đồng chí: ông nhiệt liệt tán thành ý kiến của đồng chí, thay mặt ông mang quà tặng trẻ em ở nhà điều dưỡng tại ga Pốtxônnhếchnaia [Podsolnetchnaia]. Vladimira Ilich cũng nhờ đồng chí nói lại với các cháu rằng ông rất cảm ơn lá thư thân tình và những bông hoa của các cháu. Ông tiếc không thể nhận lời mời của các cháu; ông chắc chắn rằng sống với các cháu, ông sẽ bình phục.

Vào tháng Bảy, Lênin đã đứng dậy được và mặc dù ông không chính thức trở về làm việc cho đến tháng Mười, Lênin biết và đi sâu vào mọi việc. Trong những tháng hồi sức ấy, giữa nhiều việc khác, ông rất quan tâm đến vụ án những người xã hội cách mạng cánh hữu. Thành

viên đảng này đã ám sát Vôlôđácxki, đã giết hại Urítxki, đã làm Lênin bị thương trầm trọng, hai lần chúng định làm nổ tung đoàn tàu của tôi. Chúng tôi không thể lơ là với chuyện đó được. Mặc dầu không xuất phát từ quan điểm duy tâm như kẻ thù của chúng tôi, nhưng chúng tôi cũng biết đánh giá "vai trò cá nhân trong lịch sử". Chúng tôi không thể nhắm mắt trước nguy cơ đe dọa cách mạng, nếu chúng tôi để mặc kẻ thù lần lượt ám hại từng người của đội ngũ lãnh đạo.

Những bè bạn của chúng tôi -- theo khuynh hướng nhân đạo, thuộc loại "không lạnh, không nóng" -- nhiều lần đã giải thích cho chúng tôi: họ còn có thể hiểu được sự cần thiết của đàn áp nói chung, nhưng xử tử một kẻ thù *đã bị bắt giữ* là vượt quá các giới hạn của việc tự vệ chính đáng. Họ yêu cầu chúng tôi phải tỏ ra "hào hiệp". Clara Détkin [Clara Zetkin] và những người cộng sản khác ở châu Âu -- lúc đó còn dám nói ra điều họ suy nghĩ, chống lại Lênin và tôi -- nài nỉ xin chúng tôi tha chết cho những bị cáo. Họ đề nghị chúng tôi dừng lại ở mức độ giam cầm. Quả thực, điều này có vẻ đơn giản hơn cả. Nhưng vấn đề đàn áp cá nhân trong một thời kỳ cách mạng lại mang tính cách hoàn toàn đặc biệt, từ đó những quan điểm nhân đạo chung chung không có cơ sở tồn tại. Cuộc chiến nổ ra trực tiếp để dành chính quyền mang tính sinh tử -- đây là bản chất của cách mạng --, trong những hoàn cảnh như thế, thử hỏi giam cầm có ý nghĩa gì đối với những kẻ hi vọng chiếm được chính quyền trong vài tuần tiếp tới và đến lượt họ, họ giam cầm hoặc tiêu diệt những người cầm tay lái chính quyền hiện nay? Nhận xét từ quan điểm cái gọi là giá trị tuyệt đối của cá nhân con người, cách mạng đáng bị "lên án", cũng như chiến tranh, cũng như toàn bộ lịch sử nhân loại. Có điều, bản thân khái niệm "cá nhân" cũng chỉ được hình thành trên kết quả của những cuộc cách mạng, và hơn nữa quá trình này còn lâu mới chấm dứt. Để khái niệm cá nhân trở thành thực tế và để khái niệm "quần chúng" -- hiểu theo nghĩa xấu của từ này -- thôi không còn là phản đề của khái niệm "cá nhân" vốn được ưu đãi về mặt triết học, thì điều cần thiết là bản thân quần chúng phải tự nâng mình lên một bậc cao hơn trong bậc thang lịch sử bằng cái "kích" của cách mạng, hay nói đúng hơn, của hàng loạt những cuộc cách mạng. Rằng đứng trên quan điểm triết học quy phạm, con đường đó tốt hay xấu? -- tôi không biết và thú thực tôi cũng không quan tâm. Ngược lại tôi biết chắc chắn rằng đây là con đường duy nhất mà nhân loại được thấy cho đến nay.

Những suy nghĩ này hoàn toàn không có mục đích minh chứng cho sự khủng bố cách mạng. Tìm cách bào chữa nghĩa là hóa ra chúng tôi công nhận ý kiến của những kẻ buộc tội. Mà họ là những ai? Những kẻ tổ chức và lợi dụng cái lò sát sinh tầm cỡ thế giới này? Những kẻ làm giàu mới, tưởng nhớ đến "người chiến sĩ vô danh" bằng cách mơ màng thả những vòng khói xì-gà sau bữa ăn trưa? Hay những kẻ hòa bình chủ nghĩa chỉ chống chiến tranh cho đến lúc cuộc chiến chưa nổ ra và sau đó, sẵn sàng tái diễn tính giả nhân, giả nghĩa đáng ghét của họ? Hoặc

giả Lôi Gioóc, Uynxơn và Pôencarê [Poincaré], những người -- vì các tội ác của dòng họ Hôhendôlécnơ (và của chính họ) -- tự cảm thấy họ có quyền bắt trẻ em Đức phải chết đói? Phe bảo thủ Anh hay những người cộng hòa Pháp, đã từ xa thổi lên cuộc nội chiến ở Nga và hoàn toàn an toàn, họ tìm cách in giấy bạc từ máu người Nga? Tôi có thể tiếp tục đọc danh mục này đến vô tận. Đối với tôi, đây không phải là vấn đề minh chứng triết học mà là một sự giải thích chính trị. Cách mạng là cách mạng chính bởi nó thu hẹp mọi mâu thuẫn trong quá trình phát triển của nó tới hai khả năng: sinh hoặc tử. Thử hỏi có thể tưởng tượng được không, rằng những kẻ cứ nửa thế kỷ lại ngồi doạng chân trên thây xác người chết thành núi để quyết định vấn đề Andátxơ [Alsace] và Lôren [Lorraine] thuộc về đâu, lại có thể biến đổi các mối quan hệ xã hội chỉ bằng sự ậm ọe trong nghị trường? Dầu sao đi nữa, chưa ai chỉ cho chúng tôi biết phải làm việc đó như thế nào. Chúng tôi bào vụn sức kháng cự của những mảnh nham thạch nguyên thủy bằng thép và thuốc nổ. Và khi quân thù nhả đạn lửa vào chúng tôi, thường thường từ họng súng của những quốc gia văn minh nhất và dân chủ nhất, chúng tôi trả lời cũng bằng cách đó. Thấy vậy, Bócna Sô [Bernard Shaw] rung rinh chòm râu vẻ trách móc cả cả phe này lẫn phe kia. Nhưng không ai để ý đến biểu hiện ban ơn ấy.

Mùa hè năm 1922, vấn đề đàn áp được trình bày dưới một hình thức cụ thể hơn vì nó liên quan đến những lãnh tụ của một đảng xưa kia cùng chúng tôi chiến đấu chống thể chế Nga hoàng, và sau bước ngoặt tháng Mười họ đã quay mũi giáo khủng bố lại phía chúng tôi. Những kẻ đào ngũ từ phe xã hội cách mạng khai rằng không phải "bầy sói đơn độc" đã tổ chức các hành động khủng bố nghiêm trọng nhất -- như thoát đầu chúng tôi tưởng --, mà chính đảng Xã hội Cách mạng đã làm điều đó, mặc dầu đảng này không chính thức nhận phần trách nhiệm những vụ giết người do họ gây ra. Bản án tử hình của tòa án quân sự là không thể tránh khỏi. Nhưng thi hành án hắt sẽ làm dấy lên một làn sóng khủng bố trả thù. Nếu chúng tôi dừng lại ở bản án giam cầm, dù dài hạn bao nhiêu đi nữa, cũng chỉ khuyến khích thêm những kẻ khủng bố vì họ không hề tin ở sự tồn tại lâu bền của chính quyền Xô-viết. Không còn lối thoát nào khác là để việc thi hành án phụ thuộc vào thái độ của đảng Xã hội Dân chủ cánh hữu: họ có tiếp tục cuộc đấu tranh khủng bố hay bãi bỏ nó? Nói cách khác: chúng tôi phải coi những kẻ cầm đầu đảng ấy là con tin.

Sau khi Lênin đã lành bệnh, tôi gặp ông lần đầu đúng vào những ngày diễn ra phiên tòa những người xã hội cách mạng cánh hữu. Thở phào nhẹ nhõm, ông chấp nhận ngay quyết định do tôi đề nghị: "Đúng vậy, không còn giải pháp nào khác".

Để thấy là sự lành bệnh chấp cánh cho Lênin, tuy nhiên trong ông vẫn còn một tâm trạng bồn chồn.

-- Đồng chí thủ tướng tượng xem -- ông nói với chút vẻ bối rối --, tôi đã không thể nói,

không thể viết được... Tôi phải học lại tất cả...

Và ông thoáng nhìn tôi, ánh mắt thăm dò.

Tháng Mười Lenin chính thức trở lại công việc, ông làm chủ tọa trong các cuộc họp Bộ Chính trị và Hội đồng Dân ủy. Vào tháng Mười một, ông đã đọc những diễn văn về chương trình hành động; chắc hẳn hệ tuần hoàn máu của Lenin phải trả giá đắt cho những bài phát biểu ấy.

Lenin cảm thấy trong thời gian ông ốm, những sợi tơ hầu như còn rất mỏng manh của một âm mưu đã được giăng sau lưng hai chúng tôi. Nhóm kế nghiệp còn chưa đốt cháy, chưa làm sập cầu. Nhưng ở chỗ này chỗ khác, họ đã cưa các xà đỡ và nhét mìn thuốc nổ vào đó. Cứ có cơ hội là họ lại chống đối những đề nghị của tôi. Như thế họ đã học được tính độc lập và chuẩn bị rất kỹ lưỡng cho những biểu hiện như vậy. Trở lại với công việc, Lenin xem xét những biến đổi trong vòng chín tháng với nỗi lo âu ngày càng tăng; một thời gian, ông không công khai vạch ra những thay đổi ấy để tránh làm gay gắt thêm các mối quan hệ. Nhưng ông chuẩn bị để gạt bỏ "cỗ xe tam mã" và ông cũng đã bắt đầu điều này trong một số vấn đề nhất định.

Bên cạnh vài chục nhiệm vụ lãnh đạo của tôi trong đảng, nghĩa là không công khai và không chính thức, tôi lãnh trách nhiệm điều khiển việc tuyên truyền chống tôn giáo mà Lenin vô cùng quan tâm. Nhắc đi nhắc lại nhiều lần, ông đề nghị tôi không được sao nhãng công việc thuộc lĩnh vực này. Trong những tuần nghỉ dưỡng bệnh, bằng một cách nào đó, ông được biết Xtalin cũng mưu đồ chống lại tôi ở điểm này: ông ta sửa đổi lại bộ máy tuyên truyền chống tôn giáo và gạt tôi ra ngoài. Từ làng quê, Lenin gửi thư đến Bộ Chính trị, trong đó -- dường như không có lý do gì đặc biệt lắm -- ông trích dẫn cuốn sách chống Caoxki của tôi, khen ngợi tác giả mà ông không nêu tên, cũng như ông không nêu tựa đề cuốn sách. Thú thực tôi không đoán ra ngay là bằng cách đó, qua đường vòng, Lenin biểu thị sự chê trách của ông trước những hoạt động chống phá tôi của bè lũ xta-linnít. Tuy nhiên Iarôxláp-xki được đưa lên chức vụ lãnh đạo công tác tuyên truyền chống tôn giáo. Nếu tôi nhớ không nhầm, người ta viện cớ là từ đó trở đi, anh ta sẽ là phụ tá của tôi. Trở lại làm việc và được biết sự việc này, trong một phiên họp Bộ Chính trị, Lenin rất giận dữ rầy la Môlô tôp, thực tế là rầy la Xtalin:

-- Ia-rô-xláp-xki? Chẳng lẽ đồng chí không biết Iarôxláp-xki là người ra sao à? Thật nực cười! Làm sao anh ta lãnh nổi nhiệm vụ này?

Và cứ thế ông tiếp tục nói. Phản ứng gay gắt của Lenin có thể là thái quá trong mắt những người "ngoại cuộc". Nhưng cuộc tranh luận không phải diễn ra quanh Iarôxláp-xki, người mà quả thực Lenin không ưa lắm; vấn đề thực ra là đối với ban lãnh đạo đảng. Tôi còn có thể nêu ra nhiều mẫu chuyện nhỏ như thế.

Tóm lại, từ ngày tiếp xúc gần gũi hơn với Lenin, nhất là từ biến cố tháng Mười trở đi, Xtalin tham gia mọi hành động đối lập âm thầm, bất lực, nhưng ngày càng điên cuồng chống Lenin.

Với tham vọng vô bờ bến đầy tính đồ kỵ, trên từng bước đi, Xtalin phải cảm thấy sự kém cỏi của mình về trí tuệ và đạo đức. Bề ngoài, dường như ông ta muốn xích lại gần tôi. Chỉ sau này tôi mới nhận ra ông ta cố hướng quan hệ của chúng tôi theo chiều hướng thân thiện. Nhưng tôi không ưa Xtalin bởi chính những tính cách, sau này trở thành sức mạnh của ông ta trong làn sóng suy đồi: tầm suy nghĩ hạn hẹp, chủ nghĩa thực nghiệm, tính cách thô lỗ và sự trơ tráo đặc biệt của một chính khách tỉnh lẻ, dầu đã được chủ nghĩa mác-xít giải phóng khỏi hàng loạt định kiến nhưng chúng chưa được thay thế bằng một thứ triết học được suy ngẫm và ngẫm sâu vào thế giới nội tâm của ông ta. Xuất phát từ một vài nhận xét của ông ta mà hồi đó tôi thấy hoàn toàn ngẫu nhiên, nhưng thực tế không phải vậy, Xtalin cố tìm trong tôi một chỗ dựa để chống lại sự kiểm tra của Lênin mà ông ta cảm thấy nặng nề và không chịu đựng nổi. Đứng trước mỗi cố gắng như thế của Xtalin, bất giác tôi lại lùi một bước và lướt qua ông ta. Tôi cho rằng đây là lời giải thích cho sự thù ghét lạnh lẽo của Xtalin đối với tôi, thoát đầu là thái độ hèn nhát, thù địch pha lẫn lo âu và cực kỳ nham hiểm từ đầu chí cuối. Ông ta tập hợp một cách có phương pháp xung quanh mình những kẻ đồng chủng loại, những kẻ khờ dại mong mỗi một cuộc sống bình thường và cuối cùng, những kẻ bị xúc phạm. Có khá đông những kẻ thuộc ba loại ấy.

Không thể nghi ngờ: khi giải quyết những công việc thường ngày, trong nhiều dịp, rõ ràng Lênin cảm thấy dựa vào Xtalin, Dinôviép hay Camênhép thì tiện hơn là dựa vào tôi. Là người thường xuyên lo tiết kiệm thời gian của bản thân và của người khác, Lênin cố gắng giảm đến mức tối thiểu công sức giành cho việc gạt bỏ những mâu thuẫn nội bộ. Tôi có sẵn những ý tưởng, những phương pháp làm việc, những biện pháp của tôi để thực hiện các quyết định đã được thông qua. Lênin biết khá rõ và tôn trọng điều đó. Chính vì thế, ông hiểu quá rõ tôi không phải là người thích hợp để ông ủy nhiệm việc này, việc khác. Khi cần kẻ thừa hành đơn giản cho công việc của ông, Lênin tìm đến những người khác. Do đó, trong một số thời kỳ, đặc biệt là khi chúng tôi bất đồng ý kiến, các đồng sự của Lênin có thể cảm thấy họ rất gần gũi hơn với ông. Như thế, chẳng hạn trên cương vị chủ tịch Hội đồng Dân ủy, trước tiên Lênin đề nghị Rucốp và Xiurupa, sau đó đến lượt Camênhép, làm phụ tá cho ông. Tôi cho sự lựa chọn ấy là đúng. Lênin cần những người giúp việc thực tiễn dễ bảo. Hẳn tôi không thích hợp trong vai trò đó. Và tôi chỉ có thể biết ơn Lênin vì ông đã không đề nghị tôi làm phụ tá cho ông. Tuyệt nhiên tôi không thấy đây là sự thiếu tín nhiệm; trái lại, tôi coi đó là sự đánh giá không chút gì xúc phạm đến tính cách tôi và đến quan hệ tương hỗ giữa chúng tôi. Về sau này, tôi hoàn toàn có thể tin tưởng vào điều này.

Trong thời gian giữa hai lần chảy máu não, Lênin chỉ có thể làm việc bằng nửa sức lực. Hệ tuần hoàn máu của ông thường xuyên bị những chấn động bề ngoài có vẻ không quan trọng, nhưng

thực ra đáng lo ngại, tấn công. Trong một phiên họp của Bộ Chính trị, khi Lênin đứng dậy để đưa cho ai đó một mẫu giấy -- ông thường viết những mảnh giấy như thế để thúc đẩy nhanh công việc --, ông hơi loạng choạng. Tôi chỉ nhận ra tất cả những điều này vì khuôn mặt Lênin biến sắc. Đây là một trong vô số biểu hiện cảnh cáo của cơ thể ông.

Lênin cũng không nuôi những ảo tưởng về tình trạng sức khỏe của mình. Lênin suy nghĩ về mọi mặt, xem công việc sẽ ra sao nếu thiếu ông và sau khi ông mất. Thời ấy, trong óc ông đã bắt đầu hình thành văn kiện mà sau này được biết đến dưới cái tên "Di chúc". Cũng vào giai đoạn đó, tức là trong những tuần cuối trước cơn chảy máu não thứ hai, Lênin có một cuộc nói chuyện rất lâu với tôi về công tác của tôi sau này. Xét đến tầm quan trọng chính trị của nội dung buổi nói chuyện, khi đó tôi đã thông báo cho nhiều người biết (Racốpxki [Rakovsky], Xmiécnốp, Xôxnốpxki [Sosnovsky], Prêôboragienxki [Préobrajensky] và những người khác). Cũng bởi vậy mà cuộc hội đàm đã ghi đậm nét trong ký ức tôi.

Sự việc diễn ra như sau: Ban lãnh đạo trung ương Công đoàn những người lao động ngành Giáo dục cử một đoàn đại biểu đến chỗ tôi và Lênin, yêu cầu tôi nhận thêm nhiệm vụ chỉ đạo Bộ Dân ủy Giáo dục dưới hình thức như tôi đã điều khiển công việc của Bộ Dân ủy Đường sắt trong gần một năm. Lênin muốn biết ý kiến tôi. Tôi đáp rằng trong Bộ Giáo dục, cũng như ở mọi nơi, khó khăn chính yếu có thể nảy sinh từ bộ máy.

-- Đúng, tệ quan liêu ở ta đã lên đến mức kinh khủng -- Lênin đồng tình --, tôi hoàn toàn ghê sợ nhận ra nó, khi vừa trở về với công việc... Nhưng tôi nghĩ rằng chính vì thế, đồng chí không nên nhúng sâu vào các bộ khác, ngoài Bộ Dân ủy Quốc phòng.

Lênin trình bày kế hoạch của ông một cách nhiệt thành, kiên trì và tỏ vẻ xúc động rõ rệt. Sức lực của ông dành cho công việc lãnh đạo bị hạn chế. Lênin có ba trợ lý.

-- Đồng chí biết họ cả. Tất nhiên Camênhép là một chính trị gia thông minh, nhưng thử hỏi đồng chí ấy ra sao trên cương vị một nhân viên hành chính? Xiurupa bệnh tật. Rucốp có lẽ là nhà tổ chức giỏi, nhưng đồng chí ấy phải trở lại Hội đồng Kinh tế Quốc dân toàn Liên Xô. Đồng chí phải làm trợ lý cho tôi. Tình hình hiện nay cần thiết phải tổ chức lại nhân sự cơ bản.

Tôi lại viện vào lý do cơ chế càng ngày càng cản trở công việc của tôi, ngay cả trong Bộ Dân ủy Quốc phòng.

--Đồng chí thấy chưa, vậy thì đồng chí có thể sàng lọc cơ chế đó -- Lênin nhắc lại một lời nói mà tôi đã sử dụng vào một lúc nào đó.

Tôi trả lời rằng ở đây, tôi không chỉ nghĩ đến bộ máy quan liêu nhà nước, mà tôi nghĩ cả đến bộ máy quan liêu đảng; rằng thực chất, khởi điểm của mọi khó khăn tiềm ẩn trong sự liên kết giữa hai bộ máy, và trong sự ủng hộ lẫn nhau của các nhóm có thể lực do đảng cấp những bí thư đảng dựng nên.

Lênin chăm chú lắng nghe và phản ứng lại ý kiến của tôi bằng một giọng trầm, thoát ra từ lồng ngực, đặc trưng cho lời phát biểu của ông những khi ông tin rằng người đối thoại hoàn toàn thấu hiểu suy nghĩ của mình và vứt bỏ những hình thức cần thiết của cuộc trao đổi, ông đi thẳng vào các sự việc quan trọng nhất và đáng lo ngại nhất.

Lênin suy nghĩ trong giây lát, rồi thỉnh thoảng đặt câu hỏi:

-- Vậy, nếu tôi không làm, đồng chí đề nghị chúng ta mở cuộc đấu tranh, chẳng những để chống quan liêu nhà nước mà còn chống cả Ban Tổ chức Trung ương đảng?

Câu hỏi quá bất ngờ khiến tôi bật cười. Ban Tổ chức Trung ương là trung tâm của bộ máy xta-linnít.

-- Nói trắng ra là như thế!

-- Vậy thì chúng ta -- Lênin nói tiếp, vẻ hài lòng ra mặt vì chúng tôi đã gọi bản chất vấn đề bằng chính tên của nó --, tôi đề nghị đồng chí hãy cộng tác với tôi thành một liên minh, chống bộ máy quan liêu nói chung và chống Ban Tổ chức nói riêng.

-- Thật vinh dự được nhập vào một khối chân thật với một người chân thật -- tôi trả lời.

Chúng tôi giao ước sẽ gặp lại nhau sau một thời gian ngắn. Lênin đề nghị tôi suy nghĩ về khía cạnh tổ chức của sự việc. Cạnh Ban Trung ương, ông có ý lập ra một ủy ban chống quan liêu. Cả hai chúng tôi đều tham gia trong cơ quan đó. Về cơ bản, ủy ban nói trên là công cụ để bẻ gãy phái xta-lin-nít -- cái xương sống của chế độ quan liêu --, và tạo ra trong nội bộ đảng những điều kiện để tôi có thể trở thành người thay thế Lênin; theo ý nghĩ của ông, tôi sẽ là người kế tục ông ở cương vị chủ tịch Hội đồng Dân ủy.

Chỉ khi biết rõ những mối liên hệ đó, chúng ta mới hiểu một cách rành mạch và toàn diện ý nghĩa của văn kiện được gọi là "Di chúc". Trong tài liệu này, Lênin nêu tên sáu người và cân nhắc từng câu từng chữ một, ông đã phân tích những đặc điểm của họ. Mục đích không thể chối cãi được của bản di chúc là giảm thiểu khó khăn cho tôi trong vai trò lãnh đạo. Cố nhiên, Lênin làm việc này bằng cách cố gắng tránh gây ra những va chạm cá nhân nhỏ nhất. Ông nói về mọi người với sự cẩn trọng lớn nhất, làm giảm đi những lời xét đoán mà thực chất rất nặng nề.

Đồng thời, khi nói về tôi, ông muốn đề cử tôi vào cương vị đứng đầu, nhưng lại không muốn đề nghị đó quá rõ rệt, ông đã chêm vào đó vài nhận xét có tính cách dè dặt. Chỉ trong cách đánh giá Xtalin mới xuất hiện một giọng nói khác, giọng nói này trở thành một lời buộc tội trực tiếp trong phần tái bút, sau này được phụ thêm vào di chúc.

Về Dinôviép và Camênhép, Lênin nhận xét -- hầu như chỉ qua loa -- rằng hành động đầu hàng năm 1917 của họ "không phải ngẫu nhiên"; nói cách khác, thiên hướng ấy đã có trong máu của họ. Rõ ràng là những kẻ như thế không thể đứng đầu cách mạng. Tuy nhiên, cũng không cần bới móc quá khứ của họ. Bukharin không phải là người mác-xít mà là một nhà kinh viện, tuy nhiên

anh rất đáng mến. Piatacốp là một nhân viên hành chính có năng lực, nhưng không thể sử dụng về mặt chính trị. Nhưng cả hai -- Bukharin và Piatacốp -- còn có thể tự trau dồi kiến thức. Trốtxki có tài hơn cả, khuyết điểm của anh là quá tự tin. Xtalin thô lỗ thái quá, không trung thực và có thiên hướng lạm dụng quyền hành mà bộ máy đảng giao cho. Để tránh chia rẽ trong đảng, phải loại bỏ Xtalin. Đây là thực chất của bản di chúc. Nó bổ sung và diễn giải lời Lenin đề nghị tôi trong buổi nói chuyện cuối cùng giữa hai chúng tôi.

Chỉ sau biến cố tháng Mười, Lenin mới biết Xtalin một cách tỏ tường. Ông đánh giá tính kiên quyết và đầu óc thực tiễn của Xtalin, ba phần tư dựa trên sự xảo trá. Đồng thời, ở mỗi bước đi, Lenin cũng luôn đụng phải sự dốt nát, tầm nhìn chính trị vô cùng thiển cận, bản chất tinh thần cực kỳ thô lỗ và sự cư xử vô tư cách của Xtalin. Trái với ý muốn của Lenin, Xtalin được bầu vào cương vị tổng bí thư; ông đành chịu đựng điều đó chừng nào ông còn đứng đầu đảng. Nhưng khi sau lần chảy máu não thứ nhất, Lenin trở lại làm việc với sức khỏe suy giảm, ông đặt ra toàn bộ vấn đề ban lãnh đạo như một mục đích cần giải quyết. Đây là tiền đề cuộc nói chuyện đầu tiên của chúng tôi. Bản di chúc của ông cũng bắt nguồn từ đó. Những dòng cuối viết xong ngày 4 tháng Giêng. Sau đó, chừng hai tháng trôi qua và trong thời gian này, tình thế đã kết tinh vĩnh viễn. Khi đó, Lenin chẳng những dự định loại bỏ Xtalin khỏi chức vụ tổng bí thư mà ông còn muốn phế truất Xtalin trước phiên họp toàn thể của đảng. Trong vấn đề độc quyền ngoại thương của nhà nước, trong vấn đề dân tộc, trong vấn đề kỷ luật đảng, trong vấn đề Ban Thanh tra Công-Nông và Ban Kiểm tra Trung ương, Lenin lái các sự kiện một cách có hệ thống và kiên trì theo chiều hướng sau: thông qua Đại hội lần thứ XII, ông dự định giáng một đòn không thương tiếc vào chế độ quan liêu, vào nguyên tắc liên kết đồng lõa, bảo vệ lẫn nhau của các viên chức, vào sự lạm dụng quyền hành, vào sự độc đoán và tàn bạo; Lenin hi vọng đạt được tất cả những điều đó bằng cách tấn công cá nhân Xtalin.

Thử hỏi Lenin có thể tổ chức lại ban lãnh đạo đảng như ông từng dự định? Trong thời điểm đó, chắc chắn là được. Có không ít tiền lệ như thế, trong số đó, có một tiền lệ hoàn toàn mới mẻ và có nhiều ý nghĩa. Trong khi Lenin còn dưỡng bệnh ở nông thôn và tôi không có mặt ở Mátxcova, tháng Mười một năm 1922, Ban Trung ương đã nhất trí thông qua một nghị quyết giáng một đòn chí mạng vào độc quyền ngoại thương của nhà nước. Hoàn toàn độc lập với nhau, cả Lenin, cả tôi đều thổi còi báo động. Chúng tôi liên lạc với nhau và thỏa thuận những biện pháp cần làm qua thư từ. Một vài tuần sau, Ban Trung ương đã hủy bỏ quyết định của mình, cũng nhất trí như khi phê chuẩn nó.

Ngày 21 tháng Chạp, Lenin viết cho tôi một cách thẳng lợi:

Dường như đồng chí đã chiếm được các cứ điểm bằng một thao diễn đơn giản, không tốn một phát súng nào. Đề nghị đồng chí đừng dừng lại, chúng ta hãy tiếp tục tấn công...

Hành động chung của chúng tôi chống Ban Trung ương đầu năm 1923 chắc chắn sẽ có kết quả thắng lợi. Hơn thế nữa, tôi không hề nghi ngờ rằng vào đêm trước của Đại hội đảng lần thứ XII, nếu tôi đứng lên chống tệ quan liêu xta-lin-nít theo tinh thần "liên minh Lênin-Trốtxki", chắc chắn tôi sẽ chiến thắng cho dù Lênin không tham gia trực tiếp. Rằng thắng lợi này sẽ kéo dài được bao lâu lại là vấn đề khác; để giải đáp câu hỏi đó, phải đưa vào danh mục một loạt quá trình khách quan diễn ra trong đất nước, trong giai cấp công nhân và cả trong nội bộ đảng. Đây là một đề tài lớn và riêng biệt. Năm 1927, đã có lần Corúpxcaia nói: nếu Lênin còn sống, rất có thể ông đã ở trong một nhà tù nào đó của Xtalin. Tôi nghĩ rằng bà nói có lý. Bởi đây không phải chỉ là vấn đề Xtalin, mà là vấn đề những lực lượng do Xtalin biểu thị, mặc dầu ông ta không hiểu chúng. Tuy nhiên, trong những năm 1922-1923, còn có thể chiếm được các cứ điểm chiến lược chủ yếu nếu chúng tôi tấn công thẳng vào cái nhóm hình thành nhanh chóng từ những viên chức quan liêu có tinh thần quốc gia, đội lối xã hội chủ nghĩa, từ những kẻ tiếm đoạt bộ máy chính quyền, những tên thừa kế vô luật pháp của di sản tháng Mười, từ những kẻ kế nghiệp kém cỏi của chủ nghĩa bôn-sê-vích. Nhưng trở ngại chính trên con đường này là trạng thái sức khỏe của Lênin. Mọi người đều trông đợi ông sẽ bình phục như sau lần chảy máu não thứ nhất và sẽ tham gia Đại hội đảng lần thứ XII, cũng như ông đã tham gia Đại hội XI. Chính Lênin cũng hi vọng vào điều đó. Các bác sĩ động viên ông, dù càng ngày càng kém tin tưởng. Trong giây phút ấy, ý nghĩ về một "liên minh Lênin-Trốtxki" chống những kẻ trong bộ máy chính quyền và bọn quan liêu chỉ được Lênin và tôi biết đến, các thành viên khác của Bộ Chính trị chỉ phỏng đoán mơ hồ. Không ai biết đến những lá thư về vấn đề dân tộc của Lênin, cũng như bản di chúc của ông. Họ có thể diễn giải, hoặc nói đúng hơn, có thể quy hành động phản đối của tôi như một cuộc chiến đấu cá nhân để chiếm vị trí của Lênin trong đảng và trong bộ máy nhà nước. Tôi không thể không rùng mình khi nghĩ đến điều đó. Tôi cho rằng tất cả sự việc có thể gây nên sự chán nản trong hàng ngũ chúng ta, phải trả giá đắt cho việc đó, ngay cả khi chiến thắng. Trong mọi kế hoạch và tính toán, có một nhân tố không chắc chắn mang tính quyết định đối với tôi: đó là bản thân Lênin và tình trạng sức khỏe của ông.

Lênin còn đủ sức phát biểu không? Ông còn thì giờ để làm điều đó không? Thử hỏi đảng có hiểu đây là cuộc đấu tranh chung của Lênin và Trốtxki vì tương lai cách mạng, chứ không phải là cố gắng của Trốtxki để chiếm chỗ của Lênin, hiện đang đau ốm? Do vị trí đặc biệt của Lênin trong đảng, trạng thái sức khỏe bất thường của ông chuyển thành trạng thái bối rối của toàn đảng. Trạng thái tạm thời bắt đầu kéo dài và sự trì hoãn đó hoàn toàn có lợi cho tập đoàn kế nghiệp bởi vì Xtalin, trên cương vị tổng bí thư, tự nhiên trở thành người quản gia của bộ máy trong suốt thời kỳ "khuyết ngôi".

Tôi đang nói đến những ngày đầu tháng Ba năm 1923. Lênin nằm trong căn phòng của ông

tại tòa nhà khổng lồ của Điện Tư pháp. Nhiều triệu chứng báo trước cơn chảy máu não lần thứ hai đang đến gần. Tôi bị cột chặt trên giường vài tuần vì chứng đau lưng. Tôi nằm trong căn hộ của chúng tôi tại tòa nhà Cavalcanti thời xưa, cách Lenin một cái sân bao la của điện Kremli. Cả Lenin, cả tôi đều không thể bước đến gần máy điện thoại, hơn nữa, các bác sĩ còn cấm ngặt, không cho Lenin nói chuyện điện thoại. Hai thư ký của Lenin -- Phôchiêva [Fotiêva] và Gôlaxe [Glasser] -- làm nhiệm vụ liên lạc giữa chúng tôi. Họ chuyển thông tin sau đến cho tôi: Vơlađimia Ilích hết sức lo lắng về sự chuẩn bị của Xtalin cho đại hội đảng sắp tới, nhất là về những âm mưu bè phái ở Grudia.

-- Vơlađimia Ilích đang chuẩn bị một quả bom chống Xtalin trong Đại hội.

Phôchiêva nói đúng từng câu từng chữ như thế. Từ ngữ "quả bom" là của Lenin, không phải của chị.

-- Vơlađimia đề nghị đồng chí nắm lấy vấn đề Grudia, khi ấy ông sẽ yên tâm hơn.

Ngày 5 tháng Ba, Lenin đọc cho thư ký chép lời nhắn sau đây cho tôi:

Đồng chí Trốtxki thân mến,

Tôi khẩn thiết yêu cầu đồng chí đứng ra bảo vệ vấn đề Grudia trước Ban Trung ương đảng.

Hiện nay, Xtalin và Dégixki đang "xử lý" vụ này và vì thế, tôi không thể tin ở sự khách quan của họ. Trái lại nữa. Tôi sẽ yên tâm nếu đồng chí nhận bảo vệ vấn đề này. Nếu vì một lẽ gì khác đồng chí không nhận lời, đề nghị đồng chí gửi toàn bộ hồ sơ lại cho tôi. Như thế, tôi sẽ hiểu là đồng chí đã từ chối.

Gửi tới đồng chí lời chào bằng hữu nồng nhiệt nhất.

Lenin

Tại sao vấn đề lại gay gắt đến như thế, tôi hỏi. Đường như Xtalin lại lạm dụng lòng tin của Lenin: để đảm bảo một chỗ dựa ở Grudia, sau lưng Lenin và toàn Ban Trung ương, với sự giúp đỡ của Oócgiônikitdê và phần nào sự ủng hộ của Dégixki, ông ta đã tổ chức một cuộc "cách mạng cung đình" chống lại những phần tử ưu tú nhất của đảng, dối trá mượn uy tín Ban Trung ương làm vỏ bọc. Lợi dụng lúc Lenin ốm và bị cấm gặp gỡ các đồng chí, Xtalin cố sức bủa vây người bệnh bằng những thông tin dối trá.

Lenin ủy nhiệm Ban Thư ký của ông thu thập một hồ sơ đầy đủ về vấn đề Grudia và quyết định phát biểu công khai lập trường của mình. Khó mà nói được cái gì đã làm Lenin chần chừ hơn trong chuyện này: bản tính bất trung của cá nhân Xtalin hay đường lối quan liêu tàn nhẫn trong vấn đề dân tộc? Có lẽ là cả hai. Lenin chuẩn bị đấu tranh, nhưng ông sợ sẽ không đủ sức đích thân phát biểu trong Đại hội và điều này khiến ông lo âu.

-- Hay là đồng chí thử bàn bạc mọi việc với Dinôviép và Camênhép? -- các thư ký của Lenin

gợi ý.

Nhưng Lênin bác bỏ ý định trên bằng một cử chỉ bức dọc. Ông thấy rõ rằng ngay sau khi ông rời vũ đài, Dinôviép và Camênhép sẽ cùng Xtalin làm thành một "bộ tam mã" chống lại tôi và đo đó, họ sẽ phản Lênin.

-- Đồng chí có biết Trốtxki nghĩ gì về vấn đề Grudia không? -- Lênin hỏi.

-- Trong phiên họp toàn thể, Trốtxki đã phát biểu hoàn toàn theo tinh thần của đồng chí -- Gơlaxe đáp, chỉ đóng vai trò thư ký trong phiên họp toàn thể này.

-- Đồng chí không nhầm chứ?

-- Không. Trốtxki đã phê phán Oócgiônikítđê, Vơrôsilốp và Calinhin là những người không hiểu vấn đề dân tộc.

-- Đồng chí thử coi lại việc này một lần nữa xem sao! -- Lênin yêu cầu.

Hôm sau, trong phiên họp của Ban Trung ương tại nhà tôi, Gơlaxe đưa cho tôi một tờ giấy tóm tắt nội dung bài phát biểu hôm trước của tôi và cuối cùng, chỉ bồi thêm một câu hỏi:

-- Tôi hiểu chính xác những lời lẽ của đồng chí chứ?

-- Đồng chí cần nó làm gì? -- tôi hỏi.

-- Vơlađimia Ilích đề nghị -- Gơlaxe đáp.

-- Bản này đúng đấy -- tôi viết vào tờ giấy.

Xtalin lo ngại theo dõi việc trao đổi thư từ giữa hai chúng tôi. Nhưng lúc đó, tôi còn chưa đoán được tình thế ra sao...

Sau này, Gơlaxe kể lại:

Đọc những thư từ trao đổi giữa chúng tôi, mặt Vơlađimia Ilích rạng rỡ: "Như thế thì bây giờ, việc này hoàn toàn khác!" Và ông bảo tôi giao lại cho đồng chí những bản thảo viết tay, chứa thuốc nổ cho *quả bom* Lênin chuẩn bị vào Đại hội XII.

Khi đó, đối với tôi, ý định của Lênin đã hoàn toàn rõ ràng: lấy đường lối của Xtalin làm ví dụ, ông muốn vạch ra trước đảng, không chút nhân nhượng, nguy cơ sự thoái hóa quan liêu của nền chuyên chính.

--Camênhép ngày mai đi Grudia dự hội nghị đảng -- tôi nói với Phôchiêva. -- Tôi có thể cho đồng chí ấy biết những tài liệu của Lênin để đồng chí ấy hành động ở Grudia theo tinh thần thích hợp?

Mười lăm phút sau, Phôchiêva chạy về, thở hổn hển:

-- Không, không thể được!

-- Nhưng tại sao cơ chứ?

-- Vơlađimia Ilích bảo: "Ngay lập tức, Camênhép sẽ đưa tất cả cho Xtalin xem, rồi Xtalin sẽ làm một thỏa hiệp thối nát để đánh lừa chúng ta".

-- Chẳng lẽ mọi sự đã đến nước này ư? Đến nỗi Ilích thấy không thể đi đến một thỏa hiệp với Xtalin, dù để đề ra một đường lối đúng đắn?

-- Vâng, Ilích không tin Xtalin, ông muốn công khai phản đối Xtalin trước toàn đảng. Lênin sửa soạn một trái bom.

Chừng một giờ sau buổi nói chuyện này, Phôchiêva trở lại, đem cho tôi một mảnh giấy gửi nhà cách mạng lão thành Mơđivani [Mdivani] và những người chống lại đường lối xta-lin-nít. Lênin viết cho họ: Tôi quan tâm đến sự việc của các đồng chí với cả trái tim mình. Tôi bất bình vì sự tàn bạo của Oócgiônikitdê và thái độ đồng lõa của Xtalin và Décginxki. Tôi đang chuẩn bị những chỉ thị và một bài diễn văn cho các đồng chí.

Camênhép cũng nhận được bản sao của lá thư này. Điều đó khiến tôi ngạc nhiên.

-- Thế nghĩa là Voladimira Ilích đã nghĩ lại? -- tôi hỏi.

-- Vâng, sức khỏe của ông tôi đi từng giờ. Đừng tin vào những lời trấn an của các bác sĩ. Ilích đã nói năng khó khăn... Vấn đề Grudia làm Ilích rất phiền lòng, ông lo ông sẽ ngã quỵ hoàn toàn trước khi làm được bất cứ điều gì. Đưa cho tôi những dòng này, Ilích nói: "Tôi phải hành động công khai, đi trước thời gian, kéo quá muộn..."

-- Nhưng như vậy có nghĩa là tôi đã có thể nói thẳng với Camênhép?

-- Hẳn thế.

-- Làm ơn mời đồng chí ấy đến đây!

Một giờ sau Camênhép đến. Anh ta hoàn toàn luống cuống. Ý tưởng về một bộ "tam mã" (XtalinDinôviépCamênhép) đã được xếp đặt sẵn sàng từ lâu. Cái mũi nhọn của hình tam giác nhằm chống tôi. Nhiệm vụ của những kẻ âm mưu chỉ là chuẩn bị một nền tảng tổ chức có đủ khả năng để tấn phong cho "bộ tam mã" thành người kế thừa hợp pháp của Lênin. Chỉ một bức thư ngắn cũng đủ chọc thủng kế hoạch ấy như một cái chêm. Camênhép không biết xử trí ra sao và anh công nhận điều này khá thành thực.

Tôi đưa anh đọc bản dự thảo của Lênin. Camênhép có đủ kinh nghiệm của một chính trị gia để hiểu ngay: đối với Lênin, vấn đề không chỉ là xứ Grudia, mà nói chung là vai trò của Xtalin trong đảng. Camênhép còn cho tôi biết thêm những dữ kiện mới. Ngay trước khi đến nói chuyện với tôi, Nađegiođa Cônxtanchinốpna Corúpxcaia đã cho mời anh qua chỗ bà. Vô cùng lo lắng, bà thông báo cho Camênhép:

-- Voladimira vừa đọc cho thư ký chép một lá thư gửi Xtalin, trong đó ông đoạn tuyệt mọi quan hệ với Xtalin.

Lý do trực tiếp có tính chất nửa cá nhân. Xtalin tìm mọi cách để cách ly Lênin khỏi các nguồn tin tức và trên phương diện này, ông ta đã vô cùng thô lỗ đối với Nađegiođa Cônxtanchinốpna.

-- Nhưng như đồng chí biết đấy -- Corúpxcaia nói thêm --, không bao giờ Ilích cắt đứt mối

quan hệ cá nhân nếu ông không thấy cần thiết phải đánh đổ Xtalin về mặt chính trị. Camênhép hốt hoảng, mặt mũi tái nhợt, anh cảm thấy đất sụt dưới chân, không còn biết phải làm thế nào, quay đi đâu. Có thể đơn giản anh sợ tôi có những hành động ác ý đối với anh. Tôi bày tỏ cho anh biết quan điểm của tôi về tình hình:

--Đôi khi trong nỗi sợ hãi bởi một hiểm nguy tưởng tượng, con người ta có thể tự gây cho mình hiểm nguy thực sự. Đồng chí phải nhớ lấy và nói cho người khác hiểu rằng tôi không hề có ý đấu tranh ở Đại hội để thay đổi tổ chức. Ý kiến của tôi là giữ nguyên trạng (*status quo*). Nếu Lênin có thể hồi phục trước Đại hội, điều ấy khốn thay lại ít có khả năng xảy ra, chúng ta sẽ cùng đồng chí ấy bàn bạc lại về vấn đề này. Tôi phản đối việc truất phế Xtalin, khai trừ Oócgiôníkítđê, đưa Décginxki khỏi cương vị dân ủy Bộ Dân ủy Giao thông và Thông tin. Nhưng tôi đồng tình với Lênin về cơ bản. Tôi muốn phải có thay đổi triệt để trong đường lối dân tộc, phải chấm dứt sự trấn áp đối với các địch thủ của Xtalin ở Grudia, phải chấm dứt áp lực hành chính trong đảng, phải thực hiện một cách cương quyết hơn nữa đường lối công nghiệp hóa và sự hợp tác chân thật trong giới lãnh đạo. Hoàn toàn không thể chấp nhận được dự thảo nghị quyết của Xtalin về vấn đề dân tộc. Đồng chí ấy đặt chủ nghĩa sô-vanh nước lớn thô bạo và ngạo mạn cùng một bình diện với sự phản đối và kháng cự của những dân tộc nhỏ, yếu ớt và lạc hậu. Dưới dạng những đề xuất sửa chữa, tôi đã chuẩn bị dự thảo nghị quyết bổ sung vào giải pháp của Xtalin để tạo điều kiện thuận lợi cho đồng chí ấy chuyển hướng cần thiết. Nhưng cần phải có một bước ngoặt rõ rệt. Ngoài ra, Xtalin phải viết thư ngay cho Corúpxcaia để xin lỗi về sự thô lỗ của đồng chí ấy. Phải thực sự thay đổi cách cư xử! Đừng già néo đứt dây! Đừng có những mưu mô! Phải có một sự hợp tác chân thành. Còn đồng chí -- tôi nói với Camênhép --, ở hội nghị Tiphơlít [Tiflis], đồng chí phải làm sao để thay đổi tận gốc đường lối đối với những đồng chí theo chính sách dân tộc của Lênin ở Grudia.

Camênhép thở phào nhẹ nhõm. Anh chấp nhận mọi đề nghị của tôi. Camênhép chỉ lo Xtalin ngoan cố, bởi "đồng chí ấy thô lỗ và thất thường", như anh nói.

-- Tôi không tin -- tôi đáp --, hiện nay, Xtalin không có lối thoát nào khác.

Đêm khuya, Camênhép cho tôi biết anh đã đến nhà nghỉ của Xtalin ở làng quê và Xtalin đã chấp nhận mọi điều kiện. Corúpxcaia đã nhận lá thư xin lỗi, nhưng chưa đưa được cho Lênin vì bệnh tình của ông nặng lên.

Tuy nhiên, tôi cảm thấy giọng nói của Camênhép hơi khác so với mấy giờ trước đây, khi chúng tôi chia tay nhau. Chỉ sau này tôi mới biết: nguyên nhân sự thay đổi ấy xuất phát từ trạng thái sức khỏe suy giảm của Lênin. Trên đường tới Tiphơlít hoặc ngay sau khi đến nơi, anh nhận được bức điện mật của Xtalin báo tin Lênin lại bị liệt: ông không nói và không viết được nữa. Tại hội nghị ở Grudia, Camênhép đã công khai đại diện cho đường lối của Xtalin, chống lại

Lênin. Được củng cố bởi hành vi phản phúc cá nhân ấy, sự tồn tại của "cỗ xe tam mã" trở nên một thực tế.

Cuộc tấn công của Lênin không chỉ nhằm vào cá nhân Xtalin mà còn nhằm vào toàn thể "bộ tham mưu", trước hết là những cộng sự của Xtalin: Décginxki và Oócgiôníkítđê. Tên hai người này thường xuyên xuất hiện trong thư từ liên quan đến vấn đề Grudia của L ênin.

Décginxki là một người hăng say đến mức bùng nổ. Năng lượng của anh luôn được các tia lửa điện duy trì trong một điện thế. Trong mọi vấn đề, ngay cả những vấn đề thứ yếu, anh lập tức bốc lửa, cánh mũi mỏng phập phồng, đôi mắt náy lửa, cao giọng, có khi đến mức đứt quãng.

Mặc dầu thần kinh luôn bị "quá tải" như thế, Décginxki không có những giai đoạn chán nản hoặc lãnh đạm. Dường như anh thường xuyên trong tư thế báo động cấp một. Một lần, Lênin ví anh như một con tuấn mã thuần chủng. Décginxki say mê đến điên dại trong mọi việc anh làm, anh bênh vực các đồng sự một cách hăng say, chống lại những ai can thiệp và phê bình họ một cách không khoan nhượng và cuồng nhiệt. Nhưng trong trạng thái quá độ ấy, anh không hề có chút suy tính cá nhân: Décginxki hoàn toàn hòa mình trong các nhiệm vụ của anh.

Tư duy độc lập không đặc trưng cho Décginxki. Anh cũng không tự coi mình là một nhà chính trị, ít ra là trong khi Lênin còn sống. Nhiều lần, anh nói đi nói lại với tôi trong những dịp khác nhau:

-- Có thể tôi là một nhà cách mạng không tồi, nhưng tôi không phải một lãnh tụ, một chính khách, một chính trị gia.

Câu nói ấy không chỉ bao hàm sự khiêm tốn. Lời tự đánh giá ấy đúng về cơ bản. Về mặt chính trị, Décginxki luôn cần thiết được ai đó dẫn đạo trực tiếp. Trong nhiều năm dài, anh đi theo Rôđa Luýchxămbua và đứng cạnh chị trong cuộc chiến đấu, được hun đúc chẳng những bởi chủ nghĩa yêu nước Ba Lan mà còn bởi các lý tưởng bên-sê-vích của chị. Décginxki gia nhập đảng bên-sêvích năm 1917. Lênin phấn chấn bảo tôi:

-- Không còn chút dấu vết gì của những bất đồng xưa kia.

Trong hai, ba năm, Décginxki đặc biệt gần bó với tôi. Những năm gần đây, anh ủng hộ Xtalin. Trong công tác kinh tế, anh cũng bị tính khí sôi nổi đưa dẫn: anh kêu gọi, cổ vũ, lôi cuốn mọi người theo mình. Décginxki không có một quan niệm chín chắn về sự phát triển kinh tế. Anh liên đới chia sẻ mọi sai lầm của Xtalin và bảo vệ chúng với sự hăng say cực độ. Hầu như anh chết đứng, chỉ vừa đủ thì giờ rời bọc diễn giả, nơi anh tấn công dữ dội phe đối lập.

Oócgiôníkítđê là đồng minh khác của Xtalin. Lênin nhận thấy phải khai trừ anh khỏi đảng vì tội độc đoán quan liêu anh ta đã vi phạm ở vùng Cápcadơ. Tôi không đồng ý với Lênin. Thông qua thư ký, Lênin trả lời tôi: "Ít ra chúng ta cũng phải khai trừ trong vòng hai năm". Lênin không thể hình dung rồi đây chính Oócgiôníkítđê sau này lại đứng đầu Ủy ban Kiểm tra do Lênin lập

ra để chiến đấu chống chủ nghĩa quan liêu xta-lin-nít, ủy ban này lẽ ra phải là lương tâm của đảng.

Ngoài những nhiệm vụ chính trị phổ quát, chiến dịch do Lênin mở ra có mục đích trực tiếp là tạo cho tôi những điều kiện làm việc thuận lợi nhất, hoặc bên cạnh ông nếu ông có thể bình phục, hoặc ở vị trí thay ông, nếu bệnh tình đánh gục ông. Nhưng hành động này chưa được tiến hành đến cùng, thậm chí bị đứt đoạn khi chưa đến giữa chừng, đã đem lại kết quả hoàn toàn trái ngược. Tóm lại, Lênin chỉ còn đủ thời gian để *tuyên chiến* với Xtalin và các đồng minh của ông ta; hơn nữa, không phải toàn đảng mà chỉ những người có liên quan mới biết tới điều này. Phe phái của Xtalin -- khi đó chỉ mới là phe "tam mã" -- siết chặt đội ngũ sau lời cảnh cáo thứ nhất. Tình thế tạm thời vẫn tiếp tục tồn tại. Xtalin nắm giữ bộ máy của đảng. Quá trình lựa chọn giả tạo những người điều khiển đảng diễn ra với nhịp độ điên cuồng trong cơ chế lãnh đạo. Càng cảm thấy yếu ớt về mặt tư tưởng, "bộ tam mã" càng sợ tôi (sợ tôi bởi họ muốn loại tôi khỏi chính quyền) và càng phải vắn chặt mọi đinh ốc của bộ máy đảng và nhà nước. Khá lâu về sau, năm 1925, trong một cuộc nói chuyện riêng, khi tôi phê phán tính chất đàn áp của đảng, Bukharin trả lời như sau:

-- Ở ta không có dân chủ vì chúng tôi sợ đồng chí.

-- Vậy các đồng chí hãy thử đừng sợ nữa -- tôi khuyên anh --, và cùng nhau làm việc một cách trung thực.

1923 trở thành năm đầu tiên của cuộc chiến có nhịp độ căng thẳng, nhưng vẫn còn chưa thành hệ thống, nhằm bóp nghẹt và hủy hoại đảng bôn-sê-vích. Lênin giao tranh với bệnh tật kinh hoàng. "Bộ tam mã" chiến đấu chống đảng. Bầu không khí căng thẳng nặng nề và tóe lửa vào mùa thu trong cuộc "tranh luận" chống phe đối lập. Mở đầu chương thứ hai của cuộc cách mạng: trận chiến chống chủ nghĩa trốt-kít. Xét về bản chất, đây là cuộc chiến chống sự kế thừa di sản lý thuyết của Lênin.

CHƯƠNG XL ÂM MƯU CỦA BỌN KẾ NGHIỆP

Đây là những tuần lễ đầu của năm 1923. Đại hội XII đến gần. Trong thực tế, không còn chút hi vọng gì về việc Lenin có thể tham dự Đại hội. Một câu hỏi được đặt ra: ai sẽ thuyết trình bản báo cáo chính trị? Trong phiên họp Bộ Chính trị, Xtalin nói:

-- Cố nhiên là Trốtxki!

Calinhin và Rucốp lập tức đồng tình và cả Camênhép nữa, mặc dù anh tỏ vẻ không bằng lòng trông thấy. Tôi phản đối. Đảng sẽ cảm thấy chướng mắt nếu một ai trong số chúng tôi, trên tư cách cá nhân, tìm cách thay thế Lenin. Lần này, chúng tôi có thể bỏ qua bản báo cáo chính trị khai mạc. Chúng tôi sẽ nói những gì cần phải nói khi bàn bạc từng điểm trong chương trình nghị sự. Ngoài ra, tôi nói thêm, chúng tôi có một số bất đồng nhất định trong các vấn đề kinh tế.

-- Thôi đi đồng chí, chúng ta nào có bất đồng gì? -- Xtalin la lên.

Calinhin nói thêm:

-- Bộ Chính trị chấp nhận dự thảo nghị quyết của đồng chí trong hầu hết mọi vấn đề. Dinôviép nghỉ phép ở Cápcadơ. Vấn đề này còn để ngỏ. Dầu sao, tôi cũng lãnh phần báo cáo về công nghiệp.

Xtalin bi ết Lenin chuẩn bị tấn công ông ta, và cố gắng phỉnh phờ tôi từ mọi phía. Nhiều lần ông ta nói: thành viên trung ương có ảnh hưởng nhất và có uy tín nhất sau Lenin, tức Trốtxki, phải lãnh nhiệm vụ thuyết trình bản báo cáo chính trị; đảng không đợi và không chấp nhận một ai khác. Khi Xtalin nói những lời lẽ thân thiện giả dối, tôi cảm thấy ghê tởm ông ta nhiều hơn là khi ông ta biểu lộ thẳng thừng, không giấu giếm lòng căm thù đối với tôi, hơn nữa, vì những động cơ của ông đã quá lộ liễu.

Dinôviép ở Cápcadơ về. Sau lưng tôi diễn ra những cuộc hội ý không ngừng giữa các phe phái, khi ấy còn ở phạm vi rất hẹp. Dinôviép đòi quyền trình bày bản báo cáo chính trị. Camênhép gạn hỏi những người "bôn-sê-vích cực trào" lão thành nhất -- đại đa số đã rời bỏ đảng mười, mười lăm năm -- rằng "chẳng lẽ chúng ta để Trốtxki trở thành người lãnh đạo duy nhất của đảng và nhà nước?" Càng ngày, người ta càng khuấy đảo quá khứ, gọi lại những bất đồng quan điểm cũ của tôi với Lenin; Dinôviép là chuyên gia trong vụ này.

Trong lúc ấy, trạng thái sức khỏe Lenin giảm sút rất nhanh. Như vậy, từ đó trở đi không còn thứ "nguy cơ" gì đe dọa "bộ tam mã" nữa, họ quyết định Dinôviép sẽ dự thảo bản báo cáo chính trị. Tôi không phản đối khi vấn đề này được đưa ra trước Bộ Chính trị, sau khi đã được chuẩn bị đầy đủ trong hậu trường. Tất cả đều mang dấu ấn của tình thế tạm thời. Chưa có những bất đồng trông thấy bởi lẽ "bộ tam mã" cũng chưa có đường lối độc lập. Thoạt đầu,

những luận đề về công nghiệp của tôi được chấp nhận không qua tranh luận, nhưng khi người ta biết không còn hi vọng gì về việc Lênin sẽ trở lại làm việc, "bộ tam mã" đột ngột quay ngoắt vì sợ Đại hội được chuẩn bị quá hòa bình. Bây giờ, họ đương nhiên vận dụng mọi khả năng chống lại tôi trước giới lãnh đạo đảng. Vào phút chót trước Đại hội, Camênhép trình bày một bổ sung vào dự thảo nghị quyết của tôi về vấn đề nông dân, dự thảo này vốn đã được chấp nhận. Ở đây, tôi thấy văn kiện bổ sung đó là một văn kiện vô nghĩa. Nó chẳng có giá trị gì về phương diện lý luận cũng như chính trị, vì nó chỉ nhằm mục tiêu khiêu khích. Nó cần là chỗ dựa -- lúc đó mới chỉ từ hậu trường -- cho lời buộc tội tôi đã "đánh giá thấp giai cấp nông dân". Ba năm sau, khi đã đoạn tuyệt với Xtalin, với vẻ trơ tráo niềm nở đặc trưng cho anh, Camênhép kể cho tôi nghe người ta đã xào xáo thứ tội danh ấy thành món ăn như thế nào; cố nhiên chẳng có ai trong số các tác giả lại coi trọng nó.

Rõ ràng là trong chính trị, sử dụng những phạm trù đạo đức là điều vô vọng. Đạo đức chính trị xuất phát từ bản thân chính trị, là hàm số của nó. Chỉ thứ chính trị phục vụ một sự nghiệp lịch sử lớn lao mới có thể đảm bảo cho mình những phương pháp không thể chê trách được về mặt đạo đức, và ngược lại, khi tầm vóc của các nhiệm vụ chính trị bị hạ thấp, tất yếu sẽ dẫn đến sự suy thoái về đạo đức. Như chúng ta đều biết, nói chung Phigaro [Figaro] không thừa nhận sự khác biệt giữa chính trị và thủ đoạn, mặc dù ông ta sống trước kỷ nguyên của chế độ đại nghị! Khi các nhà đạo đức của nền dân chủ tư sản khám phá ra nguồn gốc đạo đức chính trị thô bạo trong nền chuyên chính cách mạng, chúng ta không thể làm gì khác ngoài việc nhún vai thương hại họ. Giá mà người ta quay một cuốn phim về chế độ đại nghị hiện nay, dù chỉ trong một năm hoạt động của nó, thì thật là hữu ích. Có điều, không nên đặt máy quay cạnh ghế bành của vị chủ tịch viện dân biểu vào giây phút ông ta đọc một nghị quyết yêu nước; phải đặt nó vào những nơi khác hẳn: trong các văn phòng của những chủ nhà băng và những nhà công nghiệp, trong những góc kín đáo của các tòa soạn báo chí, ở nhà các ông hoàng của Giáo hội, tại phòng khách các bà làm chính trị, trong các bộ, đồng thời, cũng đáng đưa lên phim sự trao đổi thư từ bí mật của thủ lĩnh các đảng... Tuy nhiên, cũng cần phải tuyên bố rằng so với đạo đức của chế độ đại nghị, phải đặt ra những yêu cầu rất khác đối với đạo đức chính trị của nền chuyên chính cách mạng. Bản thân tính cứng rắn của những công cụ và phương pháp chuyên chính đòi hỏi sự sát trùng cẩn trọng. Đôi dép bần không nguy hiểm. Nhưng lưỡi dao cạo bị sao nhãng lại vô cùng nguy hại. Trong mắt tôi, những phương pháp của "bộ tam mã" tự chúng đã đánh dấu sự suy đồi chính trị.

Đối với tập đoàn mưu phản, khó khăn lớn nhất là họ phải công khai chống tôi trước quảng đại quần chúng. Giới công nhân biết Dinôviép và Camênhép và sẵn lòng nghe họ. Tuy nhiên, thái độ năm 1917 của họ còn nóng hổi trong ký ức mọi người. Họ không có uy tín tinh thần

trong nội bộ đảng. Hầu như tuyệt đối không ai biết đến Xtalin, ngoài một nhóm nhỏ những người bên-sê-vích cũ. Một số bạn bè tôi nói:

-- Họ không dám công khai chống đồng chí đầu. Trong tiềm thức của người dân, tên tuổi đồng chí đã gắn bó với tên tuổi Lênin quá chặt chẽ, không thể tách rời. Và cũng không thể xóa sạch cách mạng tháng Mười, xóa sạch Hồng quân và xóa sạch nội chiến như một sự kiện chưa hề xảy ra.

Tôi không đồng ý với họ. Uy tín cá nhân có thể đóng vai trò lớn, thậm chí vĩ đại, trong chính trị, nhất là vào thời kỳ cách mạng, nhưng không phải là yếu tố quyết định. Những quá trình sâu kín hơn, tức là những quá trình trong quần chúng, cuối cùng sẽ quyết định số phận uy tín cá nhân. Sự vu khống nhằm vào các lãnh tụ bên-sê-vích khi cách mạng đang đi lên chỉ làm những người bên-sê-vích mạnh thêm. Nhưng sự vu khống cũng nhằm vào những người ấy trong giai đoạn cách mạng thoái trào lại có thể trở thành vũ khí đắc thắng của thế lực phản động Tháng Nóng.

Những quá trình khách quan diễn ra trong nước và trên vũ đài quốc tế có lợi cho các địch thủ của tôi. Văn học, báo chí của đảng và các nhà tuyên truyền còn sống trong ấn tượng của ngày hôm qua, trong tinh thần bộ song tấu Lênin-Trốtxki. Phải quay ngoặt tất cả những thứ đó 180 độ, cố nhiên, không phải một lần mà nhiều lần. Để chứng tỏ tầm quan trọng của bước ngoặt đó, tôi nhận thấy cần phải nêu ra ở đây một vài trích dẫn, nhằm minh họa cho cái giọng điệu bao trùm trong báo chí đảng khi người ta nói đến các lãnh tụ cách mạng.

Ngày 14 tháng Mười năm 1922, nghĩa là khi Lênin đã trở lại làm việc sau lần chảy máu não thứ nhất, Radéc viết như sau trong tờ *Prápda*:

Nếu có thể gọi đồng chí Lênin là bộ óc của cách mạng và đồng chí đã lãnh đạo cuộc cách mạng ấy thông qua sự chuyển giao ý chí, thì chúng ta có thể đánh giá đồng chí Trốtxki như một thứ nghị lực thép được lý trí dồn nén. Lời của đồng chí Trốtxki vang lên như tiếng chuông giục giã làm việc. Toàn bộ ý nghĩa của tiếng nói ấy và toàn bộ ý nghĩa của công việc trong tương lai gần của chúng ta trở nên hoàn toàn rõ rệt trước chúng ta...v.v...

Đúng, tính khoa trương cá nhân của Radéc thì ai cũng biết: anh ta có thể nói thế này, nhưng cũng có thể nói thế khác. Điều quan trọng hơn nhiều là những lời lẽ này xuất hiện trong cơ quan ngôn luận trung ương của đảng, lúc sinh thời Lênin và không ai cảm thấy trái tai.

Năm 1923, khi âm mưu của "bộ tam m ã" đã trở nên rõ rệt, Lunatrácxki là người đầu tiên khởi sự nêu cao uy tín của Dinôviép. Nhưng anh ta đã bắt đầu công việc ấy như thế nào? Lunatrácxki viết trong bài phân tích Dinôviép:

Hiển nhiên Lênin và Trốtxki trở thành những nhân vật đại chúng nhất (yêu cũng như ghét) trong thời đại chúng ta. Dinôviép hơi tụt lại sau họ đôi chút, nhưng phải lưu ý rằng Lênin và

Trốtxki từ lâu đã được coi là những người có tài năng xuất chúng trong hàng ngũ chúng ta, là những lãnh tụ không ai chối cãi được đến nỗi sự bay bổng tuyệt vời của họ trong thời cách mạng không khiến bất cứ ai phải ngạc nhiên đặc biệt.

Sở dĩ tôi trích dẫn những lời tán dương hoa mỹ có mùi vị đáng ngờ đó chỉ bởi tôi cần đến chúng như những bộ phận của bức tranh toàn cảnh, hoặc nếu ta muốn, như những lời khai của nhân chứng trong phiên tòa.

Thực là kinh tởm, nhưng tôi phải trích dẫn một nhân chứng thứ ba nữa: Iarôxlápki, người mà những lời tán tụng có lẽ còn khó chịu hơn những lời đả kích. Ngày nay, con người ấy có vai trò rất lớn trong đảng, sự thăng tiến tinh thần còm cõi của bản thân y cho thấy sự sút kém của ban lãnh đạo đảng. Chỉ thông qua những bậc thang vu khống do y tạo ra đối với tôi, Iarôxlápki mới tiến được đến vai trò hiện tại. Trên cương vị một kẻ giả mạo lịch sử cung đình của đảng, y thuật lại quá khứ như cuộc đấu tranh không ngừng của Trốtxki chống Lênin. Tôi cũng không cần nhắc đến chuyện Trốtxki đã "đánh giá thấp", đã "bỏ qua", đã "không thêm biết đến" giai cấp nông dân v.v... Tuy nhiên, tháng Hai năm 1923, tức là vào khoảng khắc khi Iarôxlápki đã phải biết quan hệ của tôi với Lênin và quan điểm của tôi về giới nông dân, y phân tích quá khứ của tôi bằng những lời lẽ sau đây trong một bài viết tràn giang đại hải về những bước đi đầu tiên trong sự nghiệp cầm bút của tôi:

Sự nghiệp viết văn -- viết báo xuất chúng của đồng chí Trốtxki đã khiến anh có một cái tên mà cả thế giới đều biết đến: "vua đả kích". Văn hào Anh Bócna Sô đã đánh giá anh như vậy. Qua một phần tư thế kỷ nay, những ai để tâm đến hoạt động này đều tin chắc rằng tài năng của Trốtxki đặc biệt chói lọi... v.v...

Chắc hẳn nhiều người đã thấy bức ảnh khá phổ biến của Trốtxki thời thanh niên... v.v... Dưới vầng trán cao ấy, ngay khi đó đã cuộn cuộn một dòng bão táp của những hình ảnh, những suy tưởng, những tâm trạng, đôi khi nó hơi cuốn đồng chí Trốtxki ra khỏi con đường lịch sử chính, khiến đồng chí hoặc phải chọn những đường vòng quá dài, hoặc ngược lại, buộc đồng chí dừng cảm nhào thẳng vào nơi không ai ngờ tới. Nhưng trong tất cả mọi thử nghiệm tìm đường đó, trước chúng ta là một con người trung thành sâu sắc với cách mạng, anh đã sinh ra để đóng vai trò một nhà hùng biện, có ngôn từ cực kỳ sắc bén và mềm dẻo như mũi thép, xuyên qua đối thủ... v.v...

Rồi giọng Iarôxlápki gần như nghẹn ngào:

Người dân Xibêri hào hứng đọc những bài viết chói lọi của đồng chí, họ nóng lòng chờ đợi các bài khác. Chỉ ít người biết tác giả những bài báo ấy là ai; những người biết Trốtxki không hề nghĩ anh sẽ trở thành một trong những lãnh tụ được thừa nhận của quân đội cách mạng nhất và của cuộc cách mạng vĩ đại nhất trên hoàn cầu.

Mọi sự còn tệ hơn nữa đối với Iarôxlápki khi y nói đến chuyện tôi đã "lờ đi" giai cấp nông dân. Tôi đã dành những bước đi đầu của sự nghiệp viết báo chính trị và xã hội cho nông thôn. Thử coi Iarôxlápki nói gì về điều này:

Trốtxki không thể ở tại một làng Xibêri một thời gian mà không hòa nhập vào các chi tiết trong đời sống hàng ngày của làng. Trước hết, anh lưu ý đến bộ máy hành chính của làng quê Xibêri. Trong các bài phóng sự của anh, Trốtxki đã phân tích rất tuyệt vời cơ chế ấy...

Dưới đó một đoạn:

Nhìn đâu Trốtxki cũng chỉ thấy cái làng xung quanh anh. Những thiếu thốn của làng quê trở thành thiếu thốn của anh. Anh thấy bất lực trước tình trạng làng quê bị đè nén, bị tước đoạt quyền lợi.

Iarôxlápki tìm cách để in những bài viết về nông thôn của tôi trong một hợp tuyển. Tất cả những điều này diễn ra vào tháng Hai 1923, nghĩa là đúng vào tháng khi cái thuyết "Trốtxki bỏ qua nông thôn" xuất hiện lần đầu tiên. Nhưng lúc đó Iarôxlápki lại đang ở Xibêri, thành thử y không theo kịp sự thay màu đổi sắc của "chủ nghĩa lê-nin-nít".

Ví dụ cuối cùng tôi muốn nêu ra có liên quan đến bản thân Xtalin. Ngay từ lễ kỷ niệm năm đầu tiên của cách mạng tháng Mười, ông ta đã viết một bài báo chống lại tôi một cách trá hình. Để giải thích, tôi cần nhắc lại một thực tế: trong thời gian chuẩn bị cho cách mạng tháng Mười, Lênin còn ẩn náu ở Phần Lan, Camênhép, Dinôviép, Rucốp, Calinhin có quan điểm chống lại cuộc khởi nghĩa và đơn thuần không ai biết gì về Xtalin. Do đó, trước hết đảng gắn tên tuổi tôi với bước ngoặt tháng Mười. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ nhất, Xtalin làm một thử nghiệm để giảm nhẹ ấn tượng ấy, bằng cách đặt tôi đối đầu với sự lãnh đạo chung của Ban Trung ương. Nhưng để câu chuyện của ông ta ít nhiều được chấp nhận, Xtalin buộc phải viết như sau:

Những nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến việc tổ chức khởi nghĩa được thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Trốtxki, chủ tịch Xô-viết Pêtơrôgôrát. Chúng ta có thể khẳng định chắc chắn rằng trước hết và đầu tiên, đảng có thể cảm ơn đồng chí Trốtxki về việc quân đội địa phương đã nhanh chóng đứng về phía các Xô-viết và về tính hiệu quả khi đồng chí tổ chức Ủy ban Quân sự Cách mạng.

Nếu Xtalin viết như thế thì chỉ vì ở giai đoạn đó, ngay cả ông ta cũng chưa thể viết khác được. Phải đợi tới nhiều năm về sau, sau khi có những cuộc tấn công tôi dồn dập, Xtalin mới đủ can đảm để nói lớn:

Đồng chí Trốtxki đã không có và không thể có bất cứ một vai trò gì đáng kể trong đảng và trong cách mạng tháng Mười...

Khi mọi người chỉ ra những lời tuyên bố mâu thuẫn đó, Xtalin chỉ đáp lại một cách thô lỗ, thế thôi. Dù sao đi nữa, "bộ tam mã" cũng không thể tự đương đầu với tôi. Họ chỉ có thể đưa Lênin

ra để

chống tôi. Nhưng như thế thì phải chờ cho Lenin mất hết khả năng chống lại "bộ tam mã". Nói cách khác, để chiến dịch của họ thành công, "bộ tam mã" cần một Lenin bệnh hoạn, không có hi vọng lành bệnh, hoặc một cái xác ướp hương thơm nằm trong Lăng tẩm. Nhưng ngay điều đó cũng vẫn chưa đủ. Họ còn cần tôi phải rời khỏi hàng ngũ trong thời gian chiến dịch diễn ra. Việc này cũng đã xảy ra vào mùa thu năm 1923.

Trong những trang sách này, tôi không suy luận về triết học lịch sử mà chỉ đơn thuần nói về cuộc đời tôi cùng những sự kiện liên quan đến nó trong hậu trường. Nhưng nhân đây, tôi không thể không nói qua rằng cái ngẫu nhiên đã sẵn sàng trợ lực cho cái quy luật đến mức nào. Nói rộng hơn, toàn bộ quá trình lịch sử là khúc xạ của cái quy luật nhìn qua lăng kính ngẫu nhiên. Dùng ngôn ngữ của sinh học, có thể nói rằng quy luật lịch sử hình thành trong quá trình lựa chọn tự nhiên của các sự kiện ngẫu nhiên. Chính trên cái nền ấy, hoạt động có ý thức của con người phát triển và bắt cái ngẫu nhiên phải qua sự chọn lọc nhân tạo...

Nhưng đến đây, tôi phải dừng lời để nói về Ivan Vaxili êvích Daixép [Ivan Vassiliévitch Zaitsev], người bạn của tôi, xuất thân từ làng Calôsillô [Kalochino] ven sông Đúpna [Doubna]. Vùng này được gọi là Dabôlôtiê [Zabolotie] và bản thân cái tên này cũng ám chỉ một vùng lầy lội, lắm các loại thú săn sống trên đầm lầy. Con sông Đúpna ngập nước ở khắp vùng. Những đầm lầy, hồ và ao được bao quanh bởi lau sậy trải dài trên một giải gần bốn chục cây số. Mùa xuân, lũ ngỗng trời, hạc và vịt trời thuộc đủ các chủng loại, rồi dê gà, chim dê trống, mái và toàn thể những loài sống trong đầm lầy ủa ra đây. Cách đó hai cây số, trong cánh rừng non, giữa những tảng rêu, trên cây quả đỏ, bọn gà rừng kêu cục cục. Bằng một mái chèo ngắn độc nhất, Ivan Vaxiliêvích lái chiếc thuyền độc mộc nhẹ tiến lên phía trước, qua một con kênh hẹp giữa hai bờ hồ lầy lội. Không biết con kênh được mở ra từ thời nào, có lẽ đã hai, ba trăm năm nay, hoặc có thể còn lâu hơn, và hàng năm phải nạo vét để nó không tích bùn lại. Phải lên đường từ nửa đêm ở Calôsinô mới đến kịp cái lều trước bình minh. Cái đầm than bùn lại phình lên sau mỗi bước chân chúng tôi. Có thời tôi còn sợ nó, nhưng từ buổi đầu khi tôi đến thăm, Ivan Vaxiliêvích đã bảo:

-- C úr bước mạnh dạn vào, đã có người chết đuối trong hồ, nhưng chưa thấy ai mất xác ở đầm này cả.

Con thuyền của chúng tôi nhẹ và chênh vênh đến nỗi tốt hơn cả là nên nằm ngửa không động đây, nhất là khi có gió. Những người chèo thuyền thường hay quỳ gối để được an toàn hơn. Chỉ riêng Ivan Vaxiliêvích vươn người đứng thẳng, mặc dù anh thọt một chân. Ivan Vaxiliêvích là bậc thầy của lũ vịt trời ở vùng này. Cha anh, ông anh và cụ cố của anh cũng từng săn vịt. Chắc hẳn cụ tổ năm đời của anh đã chuyên chở vịt, ngỗng và thiên nga cho các bàn tiệc của Ivan Bạo

chúa. Daixép không quan tâm đến gà rừng và dê gà.

-- Đó không phải là chuyên môn của tôi -- anh nói vắn tắt.

Ngược lại, anh biết giống vịt từ trong ra ngoài: lông, tiếng và cả tính tình của chúng. Ivan Vaxiliêvích đứng trên thuyền, thỉnh thoảng nhấc một, hai chiếc lông chim khỏi mặt nước, xem xét chúng rồi tuyên bố:

-- Chúng ta đi Gusotrinô [Gouchtchino], lũ vịt sẽ hạ cánh ở đó...

-- Sao anh biết?

-- Anh thấy không, cái lông chim nổi trên mặt nước, không bị ướt, còn mới, lũ vịt vừa bay qua đây vào buổi tối và không thể hạ cánh ở một nơi nào khác ngoài Gusotrinô.

Và đây là kết quả: trong khi các thợ săn khác chỉ đem về một, hai đôi vịt, tôi và Ivan Vaxiliêvích về nhà với một tá, đôi khi cả tá rưỡi. Công lao thuộc về anh, vinh dự về phần tôi. Ở đời thường hay như vậy. Trong cái lều bằng lau sậy, Ivan Vaxiliêvích đưa bàn tay bị chai lên môi và cạc cạc tiếng vịt mái êm dịu đến mức ngay con trống thận trọng nhất -- từng ngửi mùi thuốc súng -- cũng không cưỡng lại được sự cám dỗ, thế nào cũng phải lượn một vòng quanh lều, nhưng có khi nó đậu cả xuống mặt nước cách chúng tôi chừng dăm bước và con người ta không nỡ ngắt bắn. Daixép nhận ra tất cả, biết và cảm nhận tất cả.

-- Chuẩn bị đi -- anh thì thảo với tôi --, một con trống bay đến chỗ anh đấy.

Xa xa, trên cánh rừng, tôi nhìn thấy đôi cánh hình dấu phẩy nhưng chỉ Ivan Vaxiliêvích -- bậc thầy của hiệp hội vịt trời -- mới biết nó thuộc giống gì. Tuy nhiên, con trống vẫn bay thẳng đến chỗ tôi. Nếu tôi bắn trượt, Ivan Vaxiliêvích chỉ thở dài một tiếng khẽ khàng, khó nghe thấy và lịch sự, nhưng khi ấy con người ta thà muốn không sinh ra trên đời, còn hơn là nghe tiếng thở dài như thế sau lưng mình.

Trước chiến tranh, Daixép làm việc trong một nhà máy dệt. Ngay cả bây giờ anh cũng hay lên Mátxcova vào mùa đông và làm thợ đốt lò, hoặc nhận làm việc trong một nhà máy điện. Trong những năm đầu sau cách mạng, những cuộc chiến bùng nổ khắp đất nước, các cánh rừng và đầm than ngập trong khói lửa, những cánh đồng cháy trụi ở mọi nơi, đàn vịt hoàn toàn không xuất hiện. Daixép bắt đầu nghi ngờ thể chế mới. Nhưng từ năm 1920, lũ vịt trời lại xuất hiện, thậm chí chúng còn diễu thành hàng đàn và Ivan Vaxiliêvích chấp nhận chính quyền Xô-viết không chút dè dặt.

Cách nhà Daixép hai cây số, có một nhà máy Xô-viết làm bắc đèn, hoạt động trong suốt một năm. Thời ấy, giám đốc nhà máy là người lái xe thuộc tập thể nhân viên trên đoàn tàu của tôi. Vợ và con gái Daixép, mỗi người mang về nhà ba chục rúp hàng tháng, vào lúc đó đây là một gia sản kinh khủng. Nhưng chẳng bao lâu, nhà máy cung cấp đủ bắc đèn cho cả vùng và phải đóng cửa. Lũ vịt lại trở thành cơ sở cho đời sống sung túc của gia đình.

Ngày 1 tháng Năm, Ivan Vaxiliêvích đến Nhà hát lớn Mátxcova, anh có một chỗ ngồi trông ra sân khấu, ở lô dành cho các vị khách danh dự. Anh ngồi ở hàng đầu, giấu cái chân khập khiễng và hơi bối rối, nhưng anh nghe tôi phát biểu với vẻ trang trọng như mọi lần. Muralốp đưa Daixép đến, anh là người chúng tôi thường chia sẻ niềm vui và nỗi phiền muộn khi săn bắn. Ivan Vaxiliêvích hài lòng với bài phát biểu của tôi, anh hiểu được tất cả và khi về Calôsinô, anh còn kể lại những điều được nghe thấy. Điều đó càng củng cố chặt chẽ tình bạn giữa ba chúng tôi. Tôi cần nói rằng những tay thợ săn già dặn -- nhất là những kẻ ở vùng phụ cận Mátxcova -- là một đám dân đồi bại, họ cạ sát quá gần với bọn lãnh chúa, là bậc thầy của trò nịnh hót, nói láo, nói ngoa. Nhưng Ivan Vaxiliêvích không như họ. Giản dị, khả năng quan sát và phẩm cách cá nhân là những đặc tính của anh, bởi trong đáy sâu tâm hồn, anh không phải là kỹ nghệ gia mà là một nghệ sĩ trong nghề nghiệp của anh...

Lênin cũng đến chỗ Daixép săn bắn và không bao giờ Ivan Vaxiliêvích bỏ lỡ bất kỳ một cơ hội nào để chỉ cái xó trong lán gỗ, nơi Lênin từng nằm trên đồng cỏ khô. Lênin ham mê săn bắn nhưng không mấy khi ông được đi săn. Rất tự chủ trong những vụ việc trọng đại, song ông rất hăng hái khi đi săn. Cũng như các chiến lược gia xuất chúng lại là những tay chơi cờ xoàng, những thiên tài chính trị lại thường là thợ săn tồi. Tôi còn nhớ gần như thất vọng, Lênin đã kể cho tôi nghe trong một cuộc săn lùng, ông trót để sống một con cáo cách hai dặm thước như thế nào; Lênin coi đó là một sai phạm không bao giờ sửa được.

Không bao giờ chúng tôi cùng đi săn với Lênin dù chúng tôi đã bàn bạc, thậm chí đã thỏa thuận chắc chắn với nhau. Trong những năm đầu sau cách mạng, mối lo nhỏ nhất của chúng tôi cũng còn lớn hơn việc săn bắn. Thỉnh thoảng lắm Lênin còn có dịp rời Mátxcova ra bãi biển, nhưng tôi hầu như không bước chân khỏi toa tàu, khỏi các tòa nhà Ban Tham mưu, khỏi chiếc xe hơi và tôi không có một cơ hội nào để cầm khẩu súng. Trong những năm cuối, khi nội chiến đã chấm dứt, luôn luôn xuất hiện vài tình huống bất ngờ ở phía người này hay phía người kia. Sau đó Lênin lâm bệnh. Trước đó ít lâu chúng tôi đã hẹn gặp nhau ở sông Sôsa [Chocha], vùng Tòvero [Tver]. Nhưng chiếc xe hơi của Lênin bị hỏng tại một quãng đường hẻm và cuối cùng ông không đến nơi được. Khi Lênin hồi phục sau lần chảy máu não thứ nhất, ông kiên trì "đấu tranh" để được đi săn. Cuối cùng các bác sĩ cho phép ông với một điều kiện không được quá gắng sức. Trong một cuộc hội thảo, hình như về nông học, Lênin đến ngồi cạnh Muralốp:

-- Các đồng chí hay đi săn với Trốtxki phải không?

-- Đúng thế.

-- Tốt chứ?

-- Vâng.

-- Lần gần nhất, các đồng chí cho tôi đi cùng, được chứ?

-- Nhưng có được phép không? -- Muralốp lo lắng hỏi.

-- Được, được, các bác sĩ đã cho phép rồi... Thế các đồng chí cho tôi đi theo nhé?

-- Đồng chí Lênin, làm sao không đưa đồng chí đi cùng được?

-- Vậy tôi sẽ bắn thế này, được chứ?

-- Chúng ta sẽ chờ xem!

Nhưng Ilích không bắn được phát súng của ông. Ngược lại, bệnh tật lại nhằm vào ông lần thứ hai. Rồi đến lượt tử thần.

Tôi cần đoạn ngoại đề này để giải thích vào một ngày chủ nhật năm 1923, tôi đã đến Dabôlôtiê, giữa đầm lầy, trên đám lau sậy bằng cách nào. Đêm tối, trời hơi có băng, chân đi ủng dọ tôi co ro trong túp lều nhỏ. Nhưng đến sáng trời hửng nắng, đầm lầy tan băng. Chiếc xe hơi chờ tôi trên dốc. Như mọi lần, anh lái xe Đaviddốp [Davidov] -- từng sát cánh với tôi trong suốt cuộc nội chiến -- lại nóng lòng muốn biết chiến lợi phẩm. Từ thuyền đến chiếc xe, tôi chỉ phải đi cùng lắm là một trăm bước. Nhưng khi vừa nhúng chân đi ủng dọ xuống mặt đầm lầy thì nước lạnh đã làm ứ đọng đôi ủng. Trong lúc tôi nhảy khập khiễng tới xe, hai chân tôi hoàn toàn bị lạnh cóng. Tôi ngồi cạnh Đaviddốp, tháo ủng và hơ bàn chân lên hơi nóng của động cơ. Tuy nhiên chúng cảm lạnh đã thắng. Tôi phải nằm liệt giường. Sau khi hết bệnh, các bác sĩ phát hiện trong cơ thể tôi một chứng sốt không rõ nguồn gốc. Họ cấm tôi đứng dậy. Thành thử tôi phải nằm nhà suốt phần còn lại của mùa thu và cả mùa đông. Điều này có nghĩa là tôi bị ốm trong suốt cuộc tranh luận "chống chủ nghĩa trốt-kít" năm 1923. Có thể dự kiến trước về một cuộc cách mạng hay chiến tranh, nhưng không thể thấy hết được những hậu quả của cuộc săn vịt trời vào một mùa thu.

Lênin nằm ở Goócki, tôi ở điện Kremli. Tập đoàn kế nghiệp ngày càng mở rộng âm mưu của họ. Thoạt đầu, họ tấn công thận trọng, dè dặt, rồi từng bước một, càng ngày họ pha càng nhiều độc dược vào những lời tán tụng. Ngay cả Dinôviép, kẻ nóng vội nhất trong số họ cũng bao bọc những lời vu khống trong vỏ bọc kính trọng. Anh ta phát biểu trong hội nghị đảng ở Pêtôrôgôrát ngày 15 tháng Chạp 1923:

Chúng ta ai cũng biết đến uy tín của đồng chí Trốtxki, cũng như những công trạng của đồng chí. Giữa chúng ta, cũng không cần nói nhiều về điều đó. Nhưng dù vậy, sai lầm vẫn là sai lầm. Khi tôi phạm sai lầm, đảng đã phê bình tôi đến nơi đến chốn...

Và cuối thế, anh nói với giọng điệu châm chọc nhút nhát tương tự, thứ giọng còn là âm điệu chủ đạo của bọn phá hoại phiến loạn trong một thời gian dài; chỉ sau khi đã lần ra địa hình và nắm được những cứ điểm, họ mới mạnh dạn hơn.

Cả một ngành khoa học mới xuất hiện: sáng chế những uy tín giả tạo, bịa đặt những tiểu sử hoang đường, quảng cáo cho giới lãnh đạo theo đơn đặt hàng. Một bộ môn nhỏ và riêng biệt

thuộc ngành khoa học này nghiên cứu vấn đề lựa chọn đoàn chủ tịch danh dự. Bởi lẽ từ tháng Mười, trong vô số cuộc hội họp, việc Lênin và Trốtxki là thành viên của chủ tịch đoàn danh dự đã là một tập quán. Luôn luôn được nhắc đến bên nhau, hai cái tên ấy đã bắt rễ trong những câu chuyện thường ngày, trong báo chí, trong thi ca và dân ca. Bước đầu tiên là phải tách rời hai cái tên đó, dù là tách rời một cách máy móc, để rồi đối lập chúng trên bình diện chính trị. Trong thời gian đó, mọi thành viên Bộ Chính trị đều được lựa chọn vào đoàn chủ tịch. Sau đó ít lâu, tên họ được ghi theo thứ tự A, B, C. Sau nữa, thứ tự A, B, C cũng bị phân rã theo những yêu sách thuộc đảng cấp mới của các lãnh tụ. Người ta bắt đầu đặt Dinôviép lên đầu bảng.

Pêtrôgôrát nêu gương trước. Một thời gian sau, các đoàn chủ tịch danh dự không có mặt Trốtxki trở nên quen thuộc. Tuy nhiên, thường có những lời phản đối gay gắt nổ ra trong hội trường. Nhiều khi chủ tọa phiên họp phải viện vào một nhầm lẫn nào đó để giải thích tại sao tên tôi bị bỏ sót trong danh sách. Nhưng các bài tường thuật trên báo chí dĩ nhiên bỏ qua những trò lạc đề này. Rồi họ bắt đầu dành vị trí đầu cho Xtalin. Nếu một chủ tịch hội nghị không biết phải làm gì, bài tường thuật báo chí luôn sửa chữa thiếu sót của ông ta. Bước đường danh vọng lên cao hay xuống dốc phù hợp với sự hình thành của danh sách đoàn chủ tịch danh dự. Công việc này đòi hỏi một sự kiên trì và tính hệ thống hơn hẳn mọi thứ khác, được sinh ra bởi sự cần thiết của "cuộc chiến đấu chống tệ sùng bái lãnh tụ". Tại hội nghị Mátxcova tháng Giêng 1924, Prêôbôragienxki phản đối bọn kẻ nghiệp:

Quả thực chúng tôi chống tệ sùng bái lãnh tụ, nhưng chúng tôi cũng chống việc thay tệ sùng bái một lãnh tụ duy nhất bằng tệ sùng bái nhiều lãnh tụ có tầm cỡ thấp hơn.

Vợ tôi viết trong những ghi chép của cô:

Đó là những ngày gian nan. Những ngày đấu tranh căng thẳng của L.Đ. trong Bộ Chính trị, chống lại các ủy viên của Bộ. Đơn thương độc mã và bệnh tật, anh chống lại mọi người. Vì L.Đ. bị ốm nên những phiên họp được tổ chức ở nhà chúng tôi, tôi ngồi trong phòng ngủ bên cạnh và lắng nghe anh phát biểu. Anh nói với tất cả tâm hồn, dường như mỗi lần nói anh lại mất một phần sức lực của mình; anh nói toàn tâm toàn ý đến như thế. Và tôi nghe những câu trả lời lạnh lẽo, thờ ơ. Bởi tất cả được quyết định từ trước đó đã lâu. Họ còn lo ngại làm gì? Sau những phiên họp như thế, L.Đ. luôn luôn lên cơn sốt, đầm đìa mồ hôi, anh ra khỏi phòng làm việc, thay quần áo và đi nằm. Phải sấy đồ lót và quần áo của anh như thể anh bị ướt sũng trong một cơn mưa rào. Hồi đó thường xuyên có những buổi họp trong căn phòng làm việc của L.Đ., có trái tẩm thơm cũ kỹ, phai màu. Đêm nào cũng thế, tẩm thơm hiện ra trong giấc mơ của tôi như một con báo: các phiên họp ban ngày trở thành cơn ác mộng buổi đêm. Giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh là như vậy, khi những bất đồng còn chưa hoàn toàn xuất hiện...

Sau này, khi Dinôviép và Camênhép chống lại Xtalin, chính những kẻ mưu phản để lộ ra

những bí mật của giai đoạn này. Bởi đây chính là một mưu đồ phản nghịch. Hình thành một bộ chính trị bí mật -- "liên minh bảy người" -- gồm mọi thành viên của Bộ Chính trị chính thức, trừ tôi, và thêm Quybusép, hiện nay là chủ tịch Hội đồng Kinh tế Quốc dân Tối cao. Mọi vấn đề đều được quyết định trước từ lâu trong cái trung tâm bí mật đó; những thành viên của nó gắn bó chặt chẽ với nhau theo nguyên tắc "liên đới trách nhiệm": họ cam kết không tranh luận chống chọi lẫn nhau, đồng thời tìm cơ hội để hành động chống lại tôi. Các trung tâm bí mật tương tự cũng hoạt động trong những tổ chức địa phương, chúng liên hệ với "bộ thất" ở Mátxcova thông qua những phép tắc kỷ luật nghiêm khắc. Những kẻ này duy trì quan hệ với nhau bằng một thứ mật mã đặc biệt. Đây là một tổ chức bất hợp pháp nhỏ mọn, hình thành vững chãi trong nội bộ đảng: thoát đầu, nó chỉ nhằm chống một người. Những viên chức có thẩm quyền trong đảng và nhà nước được lựa chọn triệt để theo một tiêu chuẩn duy nhất: chống Trốtxki! Trong thời kỳ "khuyết ngôi" xuất hiện và kéo dài do bệnh tật của Lênin, công việc này được tiến hành không mệt mỏi, nhưng đồng thời cũng thận trọng, ngấm ngấm để hòng khi Lênin hồi phục, họ còn có thể gìn giữ được hệ thống cầu cống đã bị gài mìn. Bọn âm mưu hoạt động bằng những ám chỉ. Họ chờ những người được bổ nhiệm vào chức vụ này khác hãy tự vỡ ra: phải làm gì. Ai "đoán" đúng sẽ được thăng tiến. Từ đây, đã hình thành một dạng khác thường của chủ nghĩa cầu lợi, sau này được gọi thẳng bằng cái tên "chủ nghĩa chống Trốtxki". Chỉ có cái chết của Lênin mới khiến những kẻ âm mưu hoàn toàn rảnh tay và cho họ khả năng hành động công khai. Quá trình tuyển chọn cán bộ khi đó đã hạ xuống một bậc thấp hơn. Bây giờ, không thể chiếm được một chân giám đốc nhà máy, bí thư ủy ban xí nghiệp, chủ tịch ủy ban chấp hành tỉnh, kế toán, đánh máy... nếu không chứng tỏ "thái độ chống Trốtxki" của mình.

Các đảng vi ên lên tiếng chống âm mưu bội phản lập tức trở thành nạn nhân của những trận công kích xảo quyệt. Người ta phát động cuộc truy lùng hoàn toàn không phụ thuộc vào nội dung tranh luận, thường bị kèm theo những lý lẽ ngụy tạo. Ngược lại, những phần tử tinh thần bấp bênh, bị khai trừ khỏi đảng một cách không thương tiếc trong năm năm đầu của chính quyền Xô-viết, nay tự đảm bảo địa vị cho mình chỉ bằng một lời công kích rỗng tuếch chống Trốtxki.

Công vi ệc này cũng được tiến hành từ cuối năm 1923 trong tất cả các đảng thuộc Quốc tế Cộng sản: một số lãnh tụ bị phế truất và những kẻ khác được thế vào chỗ của họ, hoàn toàn chỉ tùy thuộc vào thái độ của họ đối với Trốtxki. Đây là một cuộc tuyển lọc nhân tạo với nhịp điệu căng thẳng, tất nhiên không nhằm vào những người ưu tú nhất mà để lựa những kẻ dễ thích nghi nhất. Đường lối chung đòi bại đến mức những người có suy nghĩ độc lập và có tài năng bị thay thế bằng những kẻ tầm thường, chỉ nhờ bộ máy mà có được địa vị của họ. Và như hiện

thân ở mức cao nhất của sự kém cỏi của cơ chế, Xtalin tiếp tục trèo lên cao.

CHƯƠNG XLI CÁI CHẾT CỦA LÊNIN VÀ VẤN ĐỀ QUYỀN LỰC

Người ta đã nhiều lần hỏi tôi và ngay cả bây giờ, đôi lúc họ vẫn còn hỏi: ông đã để mất quyền lực như thế nào? Đằng sau câu hỏi đó, thông thường người hỏi có một ý tưởng khá ngây thơ về việc đánh mất một thứ đồ vật gì đó: dường như để mất quyền lực cũng giống như khi con người ta đánh mất một cái đồng hồ hay một cuốn sổ tay. Trong thực tế, khi những nhà cách mạng đứng đầu cuộc chiến đấu giành chính quyền mà lại để mất chính quyền một cách "hòa bình" hoặc để đổ vỡ ở một giai đoạn nào đó, điều đó chỉ có nghĩa một số lý tưởng và tâm trạng của tầng lớp lãnh đạo cách mạng đã bị giảm sút, hoặc bầu không khí cách mạng đã yếu đi trong quần chúng, hoặc có thể cả hai đồng thời xảy ra.

Các cán bộ lãnh đạo đảng, khi bước ra khỏi vòng bí mật, họ được thúc đẩy bởi những khuynh hướng cách mạng do những lãnh tụ giai đoạn đầu của cách mạng diễn đạt một cách sáng sủa nhất và tốt nhất, khiến họ đưa vào thực tiễn một cách đầy đủ nhất và thành công nhất. Chính điều này khiến họ trở thành lãnh tụ của đảng, qua đảng, trở thành lãnh tụ của giai cấp công nhân và qua giai cấp công nhân, trở thành lãnh tụ của đất nước. Bằng con đường ấy, một số người đã tập trung quyền lực trong tay họ.

Nhưng một cách vô hình, những lý tưởng của giai đoạn đầu cách mạng dần dần mất đi ảnh hưởng của chúng trước nhận thức của một giai tầng, vốn nắm giữ quyền lực trực tiếp trong đảng. Ở trong nước, những quá trình như thế cũng diễn ra mà chúng ta có thể xác định đặc tính trong một khái niệm chung là "phản động". Những quá trình ấy, trong mức độ ít nhiều, cũng bao trùm giai cấp công nhân và đặc biệt, bao trùm giới công nhân trong đảng. Bộ máy chính quyền đặt ra những mục tiêu chính của nó và tìm cách buộc cách mạng phải phụ thuộc vào đó. Giữa những người lãnh đạo biểu thị con đường lịch sử của giai cấp, những người có tầm nhìn vượt quá đầu bộ máy và chính bộ máy ấy -- bộ máy khổng lồ, có trọng lượng vô kể, thành phần hỗn tạp, thu hút dễ dàng những đảng viên cộng sản trung bình --, đã bắt đầu xuất hiện sự đứt đoạn. Khởi đầu, điều này có màu sắc tâm lý hơn là chính trị. Những sự kiện ngày hôm qua còn quá nóng hổi. Những khẩu hiệu tháng Mười còn chưa bay hơi khỏi ký ức. Uy tín cá nhân các lãnh đạo của giai đoạn đầu còn chưa giảm. Nhưng dưới cái vỏ bề ngoài của những hình thức truyền thống, đã bắt đầu hình thành một thứ tâm lý mới. Những triển vọng quốc tế phai nhạt dần. Công việc hàng ngày hoàn toàn nuốt chửng con người. Những phương pháp mới, được vạch ra để thực hiện các mục tiêu cũ, nay lại để ra những mục đích mới và trước hết, để ra khuynh hướng tâm lý mới. Đối với rất nhiều người, tình thế tạm thời là nhà ga cuối cùng của họ. Một mẫu người mới hình thành.

Tự trung, các nhà cách mạng cũng được nặn bằng một chất liệu xã hội như mọi người khác. Nhưng họ cần phải có một số đặc điểm cá nhân mạnh mẽ khiến quá trình lịch sử có thể phân biệt họ với những người khác và hội tụ họ trong một nhóm người riêng biệt. Quan hệ chung, công tác lý luận, cuộc chiến đấu dưới một lá cờ chung, kỷ luật tập thể, rèn luyện trong ngọn lửa hiểm nguy dần dần tạo thành điển hình người cách mạng. Chúng ta hoàn toàn có quyền nói về thể chất tâm lý người bôn-sê-vích, có thể phân biệt rõ ràng với những người men-sê-vích chẳng hạn. Con mắt có kinh nghiệm, chỉ liếc qua, cũng biết phân biệt người bôn-sê-vích với người men-sê-vích với một tỉ lệ sai lầm rất nhỏ.

Tuy nhiên, tất cả những điều này không có nghĩa là người bôn-sê-vích luôn luôn là bôn-sê-vích và là bôn-sê-vích trong mọi mặt. Không phải ai cũng làm được, thậm chí chỉ ít người có thể làm được việc biến một thế giới quan nào đó thành máu thịt con người, để anh ta có thể bắt ý thức mình phụ thuộc vào đó và kết hợp nó với thế giới tình cảm cá nhân. Ở quần chúng công nhân, điều đó được thay thế bằng bản năng giai cấp, bản năng này trong những thời kỳ nguy kịch có thể đạt đến sự tinh tế đặc biệt. Tuy nhiên, trong đảng và trong nhà nước, tồn tại một tầng lớp lớn những nhà cách mạng, đa số xuất thân từ quần chúng nhưng đã xa rời nó từ lâu và do địa vị của họ, họ trở nên đối lập với quần chúng. Bản năng giai cấp đã phai nhạt ở họ. Mặt khác, họ thiếu một sự bền vững cần thiết về lý luận và một tầm nhìn rộng rãi để bao quát toàn bộ quá trình. Trong tâm lý của họ, còn tồn tại khá nhiều vị trí không được bảo vệ, qua đó, khi tình thế thay đổi, những ảnh hưởng ý thức hệ ngoại lai và thù địch tha hồ xâm nhập. Trong những hoàn cảnh hoạt động bí mật, khởi nghĩa, nội chiến, những phần tử như vậy chỉ là những người lính của đảng. Trong ý thức của họ, chỉ có một sợi dây đàn độc nhất ngân vang và sợi dây ấy hòa cùng một âm điệu với đảng. Nhưng khi sự căng thẳng giảm xuống và những nhà cách mạng du mục đã yên vị, đã trở thành những viên chức tự mãn: những tính cách tiểu tư sản lần lượt thức tỉnh, hồi sinh và trải rộng trong con người họ, thấu suốt thế giới sở thích của họ.

Nhiều lần, tôi phải ôm đầu khi nghe một vài nhận xét ngẫu nhiên của Calinhin, Vôrôsilốp, Xtalin, Rucốp. Điều này xuất phát từ đâu? -- tôi tự hỏi. Họ mưu toan gì? Đến phiên họp này khác, tôi thấy những người trò chuyện theo từng nhóm thường ngừng lại khi thấy tôi. Trong những câu chuyện ấy, không có gì nhằm chống lại tôi, không có gì trái với các nguyên tắc của đảng. Ngược lại, có một thứ đạo đức bị buông thả, một sự tự mãn và bằng lòng dễ dãi. Trong đầu mọi người, xuất hiện một nhu cầu phải nói cho nhau nghe những tâm trạng mới ấy, trong đó thứ chuyện đơm đặt tiểu tư sản chiếm một vị trí không nhỏ. Trước kia, chẳng những trước mặt Lênin hoặc tôi, nhưng ngay trước cả chính họ, những con người ấy đã phải ngượng ngùng vì thế. Chẳng hạn, khi Xtalin biểu lộ một sự dung tục gì đó, không cần ngẩng mái đầu đương cúi rất thấp trên mặt giấy, Lênin kín đáo liếc sang phải, sang trái như để kiểm tra xem có ai khác

cũng nhận ra tính chất không thể chịu đựng được trong lời nói của Xtalin hay không? Trong những trường hợp như thế, chỉ cần một ánh mắt thoáng qua hoặc một thay đổi nhỏ trong âm sắc cũng đủ để sự đoàn kết của chúng tôi trong cách đánh giá tâm lý tương tự trở nên hiển nhiên đối với cả hai người.

Nếu tôi không tham gia vào những trò giải trí ngày càng trở nên thói tục của đảng cấp thống trị mới thì điều này không phải là vì những nguyên tắc đạo đức, mà bởi tôi không muốn chịu đựng những nhàm chán tẻ nhạt như thế. Những buổi tiếp tân, những lần đi xem ca vũ ba-lê đều đặn, những cuộc chè chén tập thể, tại đó người ta nói xấu những kẻ vắng mặt, hoàn toàn không hấp dẫn tôi. Giới cao cấp mới cảm thấy tôi hoàn toàn xa lạ với lối sống ấy. Họ cũng không tìm cách kéo tôi vào đó. Cũng vì lý do này mà các cuộc nói chuyện bị ngừng lại mỗi khi tôi xuất hiện và những kẻ tham gia vội vàng giải tán với một vẻ hổ thẹn đối với bản thân và một tâm trạng hiềm khích đối với tôi. Tất cả những điều này có nghĩa là tôi bắt đầu mất quyền lực, nếu bạn muốn dùng những từ như vậy.

Ở đây, tôi chỉ hạn chế ở khía cạnh tâm lý của sự việc, gạt sang một bên mặt dưới của xã hội, tức là sự thay đổi thuộc về khoa giải phẫu học của xã hội cách mạng. Dầu sao, rốt cục những thay đổi ấy đóng vai trò quyết định. Nhưng con người buộc phải đối phó trực tiếp với những phản xạ tâm lý của nó. Những sự việc bên trong phát triển tương đối chậm, vì thế nó tạo điều kiện thuận lợi cho những quá trình vi tổ trong sự thoái hóa của tầng lớp trên và hầu như không để chỗ cho hai lập trường đối kháng có thể chạm trán nhau trước quần chúng. Phải nói thêm rằng những công thức truyền thống đã che giấu trong một thời gian dài và đến nay vẫn còn che giấu những khuynh hướng mới. Điều này khiến chúng ta càng khó chẩn đoán được quá trình suy thoái đã đi sâu đến mức nào. Vụ mưu phản Tháng Nóng cuối thế kỷ XVIII -- được chuẩn bị bởi toàn bộ tiến trình cách mạng -- đã bùng nổ chỉ trong một khoảng khắc và đã có kết cục đẫm máu. Tháng Nóng của chúng ta mang tính chất kéo dài. Máy chém được thay thế bằng sự dối trá, ít ra trong một khoảng thời gian không thể xác định. Giả mạo quá khứ một cách có hệ thống, có tổ chức theo kiểu "dây chuyền" trở thành công cụ trong sự thay đổi vũ khí tư tưởng của các cơ quan chính thức. Bệnh trạng của Lênin và việc không thể dự đoán bao giờ ông mới trở lại lãnh đạo, tạo ra một tình thế chuyển tiếp vô định, kéo dài hơn hai năm kể cả những gián đoạn nhỏ. Nếu phong trào cách mạng đang trong giai đoạn đi lên, điều này hẳn có lợi cho phe đối lập. Nhưng lúc đó, cách mạng đang phải chịu hết thất bại này đến thất bại khác trên bình diện quốc tế và tính chất kéo dài của quá trình này có lợi cho chủ nghĩa cải lương quốc gia, tự động củng cố cho chế độ quan liêu của Xtalin, chống lại tôi và các bạn hữu chính trị của tôi.

Chiến dịch vu khống tầm thường, dốt nát và ngu xuẩn từ đầu đến cuối nhằm chống lại lý thuyết cách mạng thường trực bắt nguồn từ những nguồn tâm lý ấy. Đơm đặt chuyện giữa khi

chè chén hoặc trên đường về nhà sau một buổi trình diễn nhảy múa, một viên chức tự mãn này bảo một viên chức tự mãn khác: "Tay này lúc nào cũng chỉ nghĩ đến cách mạng thường trực". Gắn chặt vào đó, còn có những lời buộc tội tôi "chơi trội", "cá nhân chủ nghĩa" và "quí tộc". "Không thể hy sinh tất cả và vào bất cứ lúc nào cho cách mạng, thỉnh thoảng cũng phải nghĩ đôi chút đến mình chứ" -- khuynh hướng đó, diễn dịch chính xác ra có nghĩa là: "Đả đảo cách mạng thường trực!" Đối với những kẻ như thế, sự phản kháng những đòi hỏi của lý luận mác-xít và những yêu cầu chính trị của cách mạng được thể hiện trong cuộc đấu tranh chống "chủ nghĩa trốt-kít". Dưới chiêu bài ấy, con người tiểu tư sản thể hiện trong con người bên-sê-vích. Tôi đã đánh mất quyền lực như thế và điều này quyết định những hình thức mà quá trình mất quyền lực diễn ra.

Tôi đã kể chuyện từ trên giường bệnh cho đến khi mất, Lênin từng nhắm mũi tên vào Xtalin và các đồng minh của ông ta -- Décginxki và Oócgiônikítđê -- như thế nào. Lênin đánh giá cao Décginxki. Sự lạnh nhạt giữa hai người bắt đầu từ khi Décginxki hiểu rằng Lênin không tin anh có khả năng lãnh đạo kinh tế. Chính điều đó đẩy anh về phía Xtalin. Nhưng lúc này Lênin đã thấy cần giáng một đòn vào Décginxki, chỗ dựa của Xatlin. Ông muốn khai trừ khỏi đảng trong hai năm Oócgiônikítđê vì anh ta có những cử chỉ coi mình như một viên toàn quyền. Lênin gửi cho Mơđivani một lá thư trong đó ông hứa hoàn toàn ủng hộ những người bên-sê-vích Grudia, chống lại Xtalin, Décginxki và Oócgiônikítđê. Qua bốn nhân vật ấy, có thể đo lường một cách rõ ràng nhất bước ngoặt do bè phái xta-lin-nít gây ra trong nội bộ đảng. Sau khi Lênin mất, Décginxki được đưa lên đứng đầu Hội đồng Kinh tế Quốc dân Tối cao, nghĩa là anh ta lãnh đạo toàn bộ nền công nghiệp nhà nước. Oócgiônikítđê, người mà Lênin định khai trừ khỏi đảng, lại ngoi lên đứng đầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Trái với ý nguyện của Lênin, Xtalin chẳng những vẫn nắm giữ chức vụ tổng bí thư mà còn được bộ máy trao cho một quyền hành chưa từng có. Cuối cùng, Bưuđ Mơđivani [Boudou Mdivani], người mà Lênin từng đoàn kết để chống lại Xtalin, hiện nay lại đang bị giam trong nhà tù Tôbônxcơ [Tobolsk]. Một sự "xếp đặt lại" tương tự cũng diễn ra trong toàn bộ ban lãnh đạo đảng, từ trên xuống những cấp dưới cùng. Còn hơn thế nữa: trong tất cả các đảng của Quốc tế Cộng sản, không hề có ngoại lệ, cũng đều diễn ra một sự thay đổi tương tự. Giữa thời kỳ của tập đoàn kế nghiệp và thời kỳ Lênin, không những có một vực thẳm về tư tưởng mà còn có một cuộc đảo chính hoàn thiện về mặt tổ chức.

Xtalin là công cụ chính của cuộc đảo chính đó. Trời phú cho ông ta một bộ óc thực tiễn và tính kiên trì, miệt mài theo đuổi những mục đích tự đặt ra cho mình. Tầm nhìn chính trị của ông ta vô cùng hạn hẹp. Trình độ lý luận của ông ta hoàn toàn sơ khai. Cuốn sách góp nhặt của ông ta -- *Những cơ sở của chủ nghĩa lê-nin-nít* -- trong đó ông ta muốn bày tỏ sự kính cẩn trước di sản lý luận của Lênin, chứa chất đầy rẫy những sai lầm cơ bản. Vốn không biết một

ngoại ngữ nào, ông ta buộc phải theo dõi đời sống chính trị ngoại quốc theo lời kể lại của những kẻ khác. Xét về lối suy nghĩ, ông ta là một người thực nghiệm ngoan cố, không hề có óc sáng tạo. Trong tầng lớp lãnh đạo đảng (nói chung người ta không biết tới ông ở phạm vi rộng hơn), mọi người đều coi ông ta là kẻ sinh ra để đóng những vai trò hạng nhì, hạng ba. Và việc ngày nay ông được ta được nắm giữ vai chính, không đặc trưng cho bản lĩnh của ông ta mấy, mà đặc trưng cho sự suy thoái về mặt chính trị của thời kỳ chuyển tiếp. Henvêtiút [Helvetius] từng nói: "Mỗi thời đại đều có những vĩ nhân của nó, nếu không có, nó khắc tự tìm ra cho mình". Chủ nghĩa xta-linnít trước hết là công trình của một bộ máy vô nhân cách khi cách mạng xuống dốc.

Lênin trút hơi thở cuối cùng ngày 21 tháng Giêng 1924. Đối với ông, cái chết chỉ là sự giải thoát khỏi những đau đớn thể xác và tinh thần. Lênin chỉ cảm thấy sự bất lực của ông -- và trước hết, việc ông mất khả năng lên tiếng khi ông vẫn hoàn toàn tỉnh táo về tinh thần -- là điều tủi nhục vô bờ bến. Ông đã không chịu được sự có mặt của các bác sĩ bên cạnh ông, không chịu được giọng điệu bao dung, những câu bông đùa tầm thường, những lời động viên dối trá của họ. Chừng nào còn nói được, Lênin thản nhiên đặt những câu hỏi chéo cho các bác sĩ, bắt gặp họ tự mâu thuẫn mà họ không hề hay biết, ông yêu cầu những lời giải thích mới từ họ, bản thân ông cũng đọc các sách vở y học. Như trong mọi việc khác, ở đây trước hết ông cũng muốn tìm đến sự thực rõ ràng. Người thầy thuốc duy nhất mà Lênin chấp nhận cho ở gần ông là Phiôđô Alếchxanđrôvích Ghêchie [Fédor Alexandrovitch Guétier]. Đây là một bác sĩ và là một con người xuất sắc, trong ông không hề có chút dấu vết của thứ "bác sĩ cung đình", ông gần bó với Lênin và Corúpxcaia bằng tình cảm quyến luyến thực sự giữa người với người. Vào thời gian Lênin đã không cho các bác sĩ khác đến gần ông, Ghêchie vẫn có thể thăm hỏi Lênin mà không gặp trở ngại. Ghêchie cũng là người bạn gần gũi và là thầy thuốc của gia đình tôi trong những năm cách mạng. Nhờ thế, chúng tôi luôn có những thông tin chính xác và cận kề đến mức tối đa về trạng thái sức khỏe của Voladimira Ilích, những tin này bổ khuyết và hiệu chỉnh các thông cáo chính thức tẻ nhạt.

Nhiều lần tôi gạn hỏi Ghêchie: nếu Lênin bình phục, khả năng nhận thức của ông có còn nguyên vẹn sức sáng tạo hay không? Câu trả lời của Ghêchie đại loại như sau: khả năng chóng mặt mỗi một sẽ tăng, cái nhìn bao quát trong công việc của ông sẽ không còn như xưa, nhưng bậc kỳ tài vẫn là bậc kỳ tài. Trong thời kỳ giữa lần chảy máu não đầu tiên và thứ hai, chẩn đoán đó hoàn toàn được xác nhận. Cuối những phiên họp của Bộ Chính trị, Lênin cho thấy cảm giác một người hoàn toàn mệt mỏi. Các thớ thịt ở mặt ông giãn ra, ánh mắt hầu như tắt ngấm, ngay cả vàng trán đầy nghị lực cũng dường như nhỏ lại, đôi vai nặng nề buông xuôi: có thể tổng kết về mặt và dáng dấp ông bằng một từ duy nhất: mệt mỏi. Trong những khoảng khắc kinh hoàng ấy,

tôi có cảm giác ông không thoát khỏi cái chết. Nhưng chỉ cần một đêm ngủ ngon là đủ để ông lấy lại được sức mạnh tư duy của ông. Những bài ông viết giữa hai lần chảy máu não có thể liệt vào số những công trình xuất sắc nhất của ông. Nhựa sống nuôi dưỡng cội nguồn tư duy của ông vẫn thế, chỉ có điều nó ngày càng cạn đi. Ngay sau cơn cấp phát thứ hai, Ghêchie vẫn không làm tiêu tan hết hi vọng của chúng tôi. Nhưng những kết luận của ông mỗi ngày một bi quan. Bệnh tật kéo dài. Không hận thù nhưng cũng không chút thương xót, những sức mạnh mù quáng của tạo hóa đẩy người bệnh vĩ đại vào tình trạng bất lực không có lối ra. Lênin không thể sống tàn phế. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn không mất hi vọng ông sẽ hồi phục.

Tình trạng đau ốm của tôi ngày một kéo dài. N.I. Xêđôva viết:

Các bác sĩ nhất quyết đòi chúng tôi phải đưa L.Đ. về nông thôn. Ở đó, Ghêchie cũng hay đến thăm người bệnh, ông chăm sóc chân tình và tế nhị. Giáo sư không quan tâm đến chính trị nhưng ông đau xót về hoàn cảnh chúng tôi. Ghêchie không biết làm thế nào để bày tỏ lòng đồng cảm của ông. Cuộc truy hại chống chúng tôi là một đòn bất ngờ đối với ông. Giáo sư Ghêchie không am hiểu tình hình, ông đợi chờ, day dứt. Ở Áckhanghenxcôie [Arkhangelskoié], ông bồn chồn bảo tôi: rất cần thiết phải đưa L.Đ. đi Xukhum [Soukhum]. Cuối cùng chúng tôi quyết định đi. Đó vốn dĩ là một chuyến đi dài -- qua Bacu [Baku], Tiphơlít, Batumi [Batoum] --, lại còn dài hơn nữa vì đường sắt ngổn ngang đầy tuyết. Tuy nhiên chính bởi thế, chuyến đi càng có tác dụng an thần. Càng xa Mátxcova bao nhiêu, chúng tôi càng tách khỏi đôi chút hoàn cảnh khó khăn trong thời gian cuối. Vậy mà tôi vẫn có cảm giác tôi đưa tiễn một bệnh nhân trầm trọng. Nỗi phân vân dày vò tôi, thử hỏi cuộc sống của chúng tôi sẽ như thế nào ở Xukhum, xung quanh chúng tôi là những người bạn hay những kẻ thù?

Ngày 21 tháng Giêng 1924, chúng tôi đến ga Tiphơlít, trên đường tới Xukhum. Tôi ngồi cùng vợ tôi trong khoang làm việc của toa tàu và như bất cứ lúc nào vào thời gian ấy, tôi vẫn bị sốt. Có tiếng gõ cửa. Xécmúc bước vào, anh là đồng sự trung thành của tôi, theo chúng tôi đến Xukhum. Nhìn cách anh bước vào, bộ mặt tái xanh, cặp mắt lơ đãng không nhìn thẳng vào mắt tôi, anh trao cho tôi một mẫu giấy, tôi đã cảm thấy tai họa. Đó là một bức điện mật trong đó Xtalin báo cho tôi biết Lênin đã từ trần. Tôi chuyển tờ giấy cho vợ tôi, lúc ấy cô đã có thì giờ hiểu ra tất cả...

Ít lâu sau, các cơ quan chính quyền ở Tiphơlít cũng nhận được một bức điện tương tự. Tin Lênin mất lan đi nhanh chóng. Tôi liên lạc với điện Kremli qua đường điện thoại trực tiếp. Tôi nhận được lời đáp sau đây cho câu hỏi của mình:

Tang lễ sẽ được tiến hành vào thứ bảy. Đảng nào đồng chí cũng không về kịp. Chúng tôi khuyên đồng chí nên tiếp tục điều trị.

Như vậy tôi không có khả năng lựa chọn. Trong thực tế tang lễ được cử hành vào chủ nhật

và lẽ ra tôi có thừa thời gian để quay về Mátxcova. Mặc dù vô lý đến mức nào đi nữa, đơn giản là tôi bị đánh lừa về thời điểm tang lễ. Những kẻ mưu đồ đã tính toán đúng theo cách của họ: tôi không hề có ý định kiểm tra lại thông tin của họ và sau này, người ta luôn luôn có thể bịa ra một cái gì đó. Để nhắc lại, tôi phải nói rằng tôi chỉ được biết tin Lenin bị chảy máu não lần thứ nhất sau ba ngày. Đây là phương pháp của họ. Mục đích là "tranh thủ" thời gian.

Các đồng chí ở Tipholit yêu cầu tôi phản ứng ngay về cái chết của Lenin, nhưng tôi chỉ có một nhu cầu duy nhất: được ngồi một mình. Tôi không thể cầm bút. Nội dung bức điện ngăn ngui từ Mátxcova quay cuồng trong óc tôi. Tuy nhiên, mọi người đã tụ họp và chờ tôi phát biểu. Họ có lý. Chuyển tàu được hoãn lại nửa giờ. Tôi đặt bút viết những dòng vĩnh biệt: "Lenin không còn nữa..." Rồi tôi đọc vài lời viết tay ấy vào đường dây trực tiếp.

Vợ tôi viết:

Chúng tôi đến nơi, người mệt nhoài. Lần đầu chúng tôi thấy Xukhum. Hoa trinh nữ nở rộ, ở đây có rất nhiều loài hoa ấy. Những cây cọ tuyệt đẹp. Những cây trà mi. Lúc đó là tháng Giêng. Ở Mátxcova trời lạnh khủng khiếp. Người dân Ápkhadia [Abkhazie] đón tiếp chúng tôi vô cùng thân ái. Trong phòng ăn của nhà nghỉ có hai bức chân dung được treo cạnh nhau: chân dung Lenin bọc nhiều đen, bức kia là chân dung L.Đ. Chúng tôi đã nghĩ đến chuyện hạ tấm chân dung của anh, nhưng không dám quyết vì sợ việc ấy có thể mang tính chất phản kháng gì đó.

Ở Xukhum, tôi nằm suốt ngày trên một ban công, mặt nhìn ra biển. Mặc dù đang là tháng Giêng, mặt trời chiếu sáng và nóng nực. Những cây cọ mọc cao giữa ban công và mặt biển lấp lánh. Tình trạng sức khỏe tồi tệ do bị sốt thường xuyên cộng thêm với suy nghĩ nhức nhối về cái chết của Lenin. Lần lượt, tôi điểm lại những giai đoạn của cuộc đời tôi, những lần chúng tôi gặp gỡ nhau, những bất đồng, những cuộc luận chiến, những lần xích lại gần nhau và cùng cộng tác với nhau. Một số tình tiết xuất hiện trước mắt tôi một cách vô cùng sắc nét. Dần dần, toàn bộ cảnh vật được mở ra ngày càng rõ rệt. Càng ngày tôi càng nhận thấy những "môn đệ", thường thường chỉ trung thành theo thầy trong những việc nhỏ nhặt chứ không trong những việc lớn. Nghe hơi thở của biển khơi, bằng cả con người mình, tôi cảm thấy chắc chắn rằng trái với tập đoàn kế nghiệp, chân lý lịch sử thuộc về tôi...

27 tháng Giêng 1924. Trên những cành cây cọ, trên mặt biển cả, dưới nền trời xanh, một bầu không khí yên lành ngự trị. Đột nhiên, tiếng vang của những loạt súng xé rách sự bình yên thành từng mảnh. Những loạt súng ngắn vọng đến chỗ tôi từ đâu đó dưới kia, phía biển. Bằng loạt súng chào đó, Xukhum từ giã vị lãnh tụ mà giờ này người ta đang cử hành tang lễ ở Mátxcova. Tôi nghĩ đến ông và đến người phụ nữ, từng là vợ của ông trong những năm dài, đã thấu hiểu toàn thế giới thông qua ông; nay, người ấy chôn cất ông và không khỏi cảm thấy cô đơn, mặc dù bà ở giữa hàng triệu con người cùng đưa tang với bà, nhưng họ làm theo một cách

khác, không giống bà. Tôi nghĩ đến Nađegiorđa Cônxtanchinốpna Corúpxcaia. Tôi muốn gửi từ đây một lời chào đồng cảm, thân thiết tới bà. Nhưng tôi không quyết định được. Mọi lời lẽ dường như quá nhẹ trước sức nặng của những gì đã xảy ra. Tôi sợ chúng sẽ vang lên một cách trống rỗng. Và tôi biết ơn tận đáy lòng khi vài ngày sau, bất ngờ tôi nhận được lá thư sau của Nađegiorđa Cônxtanchinốpna:

Lép Davidôvích thân mến,

Tôi viết thư này để nói cho đồng chí biết: ngay trước khi qua đời chừng một tháng, Voladimira Ilích lật từng trang cuốn sách của đồng chí và ngừng lại ở đoạn đồng chí phân tích Mác [Marx] và Lênin. Lênin yêu cầu tôi đọc cho ông nghe đoạn đó một lần nữa. Lênin rất chăm chú lắng nghe và sau đó, ông còn đọc lại.

Tôi còn muốn nói với đồng chí điều này nữa: cho đến tận khi mất, Voladimira Ilích vẫn nghĩ về đồng chí như khi đồng chí vừa từ Xibêri đến chỗ chúng tôi ở Lônđôn.

Lép Davidôvích, chúc đồng chí nhiều nghị lực và khỏe mạnh. Ôm hôn thăm thiết đồng chí. Nađegiorđa Corúpxcaia Trong cuốn sách nhỏ mà Voladimira Ilích xem qua một tháng trước ngày mất, tôi so sánh Lênin với Mác. Tôi biết chính xác Lênin đánh giá Mác ra sao: ông nhìn Mác với tình yêu mến biết ơn của người môn đệ, đồng thời, với lòng kính cẩn trong khoảng cách. Tiến trình lịch sử đã khiến quan hệ giữa người thầy và học trò trở nên mối quan hệ giữa nhà lý luận tiền bối và nhà thực hành đầu tiên. Trong bài viết của tôi, tôi đã phá vỡ cái cảm tính truyền thống về khoảng cách. Đối với tôi, Mác và Lênin -- hai con người gắn bó vô cùng chặt chẽ với nhau về mặt lịch sử, nhưng đồng thời cũng rất khác nhau -- là hai đỉnh cao không gì vượt nổi của trí tuệ con người. Và tôi sung sướng được biết trước khi mất ít lâu, Lênin đã đọc chăm chú, có lẽ còn hồi hộp, những dòng tôi viết về ông, bởi vì trong mắt ông kích thích của Mác là kích thích một người khổng lồ, khi người ta muốn đo nhân cách con người.

Giờ đây, tôi đọc lại lá thư của Corúpxcaia với nỗi xúc động không kém. Trong vài dòng này, bà nhắc đến hai thời điểm đầu và cuối trong mối quan hệ của tôi với Lênin: một ngày tháng Mười năm 1902 khi tôi vượt ngục từ Xibêri và lôi Lênin khỏi cái giường nhỏ cứng quèo ở Lônđôn vào một buổi sớm mai, và một ngày cuối tháng Chạp năm 1923, khi Lênin đọc hai lần lời đánh giá của tôi về sự nghiệp của ông. Hai thập niên trôi qua giữa hai thời điểm giáp ranh ấy: ban đầu cùng làm việc chung, sau đó giữa những cuộc đấu tranh phe phái không khoan nhượng để rồi lại cùng nhau cộng tác, lần này trên một cơ sở lịch sử cao hơn. Nói theo Hêghen [Hégel]: luận đề, phản đề, hợp đề. Và Corúpxcaia xác nhận rằng dù đã có một thời kỳ phản đề kéo dài, Lênin vẫn nghĩ về tôi như xưa ở Lônđôn: tức là một sự ủng hộ nhiệt tình và một cảm tình thân ái, nhưng trên một cơ sở lịch sử cao hơn. Cho dù không còn lại một tư liệu nào khác về điều đó, trước sự phán xét của lịch sử, hết thảy những pho sách của lũ giả mạo cũng không có sức nặng

như lá thư nhỏ này, do Corúpxcaia viết sau khi Lênin mất vài ngày.

Tôi lại trích dẫn từ những ghi chép của vợ tôi:

Báo chí bắt đầu được chuyển đến với những chậm trễ đáng kể vì tuyết làm tắc nghẽn đường xá, họ đăng tải các điều văn, các bài truy điệu và các bài viết về người đã khuất. Bạn bè đợi L.Đ. về Mátxcova, họ nghĩ rằng anh sẽ quay về giữa đường. Không ai nghĩ đến chuyện Xtalin đã cắt đường về của anh bằng bức điện ông ta gửi đi. Tôi còn nhớ đến lá thư của con trai tôi, chúng tôi nhận được ở Xukhum. Cái chết của Lênin khiến nó bàng hoàng và dù bị cảm và sốt đến 40 độ, khoác một cái áo mỏng, nó đến Phòng Cột để tiễn đưa ông và đợi hoài, đợi mãi, nóng lòng sốt ruột mong chúng tôi đến. Tôi cảm thấy sự ngạc nhiên cay đắng và lời trách móc hoài nghi vang vọng từ lá thư của nó.

Phái đoàn của Ban Trung ương gồm Tômxki, Phorundê [Frounzé], Piatacốp và Guxép đến thăm tôi ở Xukhum để cùng tôi thảo luận những thay đổi nhân sự sẽ tiến hành ở Bộ Quốc phòng. Về thực chất, tất cả chỉ là một trò hề thuần túy. Việc thay đổi đội ngũ nhân sự của Bộ Quốc phòng đã diễn ra hết tốc lực từ lâu sau lưng tôi và vấn đề chỉ là giữ vẻ bề ngoài. Trong nội bộ Bộ Quốc phòng, đòn đầu tiên nhằm vào Xcolianxki. Trước hết, Xtalin trả thù anh vì nỗi bất hạnh của ông ta ở Tritirín, vì thất bại của ông ta ở mặt trận phía Nam và vì hành động phiêu lưu của ông ta ở Lovốp. Cái đầu rắn của ông ta ngóc dậy để vu cáo. Nhằm giáng chức Xcolianxki và loại trừ tôi trong tương lai, vài tháng trước người ta đã đặt Unsolích -- một kẻ lảm nhảm tham vọng và bất tài -- vào Bộ Quốc phòng. Phorundê thay thế Xcolianxki, trước kia chỉ huy quân đội ở Ucoraina. Phorundê là một chính trị gia có uy tín. Trong đảng, ông có uy tín nhờ những năm tháng tù đầy khổ sai và như thế, uy tín ông lớn hơn uy tín của Xcolianxki, người chỉ mới nhập cuộc vào thời ấy. Ngoài ra, trong chiến tranh, Phorundê chứng tỏ những phẩm chất không thể chối cãi được của một tướng lĩnh. Tuy nhiên, về mặt quản lý quân sự, ông yếu hơn Xcolianxki rất nhiều. Ông hứng thú bởi những lược đồ trừu tượng, không thấu hiểu con người và dễ rơi vào ảnh hưởng của những chuyên gia, đa phần thuộc hạng nhì. Nhưng tôi muốn kết thúc câu chuyện về Xcolianxki. Không hề bàn luận với anh, người ta chuyển anh sang công tác kinh tế một cách thô bạo, nghĩa là theo phong cách xta-lin-nít. Décginxki mừng rỡ vì thoát khỏi Unsolích -- phụ tá của anh ở G.P.U. -- và nhận được một nhân viên hành chính hạng nhất như Xcolianxki trong lĩnh vực công nghiệp, lập tức chỉ định Xcolianxki đứng đầu tờ-rót [trust] làm dạ. Xcolianxki nhún vai, vẻ hơi khó hiểu và ngáp đầu vào công việc mới. Vài tháng sau, anh quyết định đi Mỹ một chuyến để tham quan, học hỏi và mua máy móc. Trước khi đi, anh đến từ biệt tôi và yêu cầu tôi góp ý kiến. Đã kề vai sát cánh suốt cuộc nội chiến, nhưng chúng tôi nói chuyện với nhau nhiều hơn về những cuộc hành quân, về những điều lệ quân sự, về việc chuẩn bị gấp rút đội ngũ chỉ huy, về trữ lượng đồng và

nhôm cho quá trình sản xuất của những công binh xưởng, về quân trang, quân dụng và những mối hàn, hơn là về những vấn đề thuần túy thuộc chính sách của đảng. Không ai trong số hai chúng tôi có thì giờ. Sau khi Lenin lâm bệnh, khi âm mưu của bọn kế nghiệp bắt đầu vươn dài những cái vòi về phía Bộ Quốc phòng, tôi tránh những đề tài về đảng, nhất là với các cộng sự trong quân đội của tôi. Tình thế còn quá bấp bênh, những bất đồng quan điểm chỉ mới vừa xuất hiện, việc thành lập những phe phái trong quân đội tiềm ẩn những hiểm nguy quá lớn. Rồi sau đó tôi bị ốm. Trong buổi gặp gỡ hè 1925, khi đó tôi không còn đứng đầu Bộ Quốc phòng nữa, tôi nói nhiều chuyện, có lẽ tất cả mọi chuyện, với Xcolianxki.

-- Thử nói cho tôi biết -- Xcolianxki hỏi --, đồng chí thấy Xtalin là người như thế nào? Bản thân Xcolianxki cũng biết rõ về Xtalin. Anh muốn tôi cho biết sự phân tích về tính cách, đồng thời, lời giải thích về những thành công của ông ta.

-- Xtalin -- tôi nói -- là kẻ tầm thường xuất sắc nhất trong đảng ta.

Trong buổi nói chuyện ấy, lần đầu tiên tôi cảm thấy tất cả tầm quan trọng -- không chỉ tâm lý mà cả xã hội -- của sự phân tích ấy. Nhìn vẻ mặt Xcolianxki, tôi thấy ngay là tôi đã giúp anh tìm được mấu chốt một sự việc đáng kể gì đó.

-- Đồng chí biết không -- anh nói với tôi --, vào thời gian gần đây, người ta nhận thấy điều nổi bật trước nhất là sự tầm thường tự tại và tự mãn, xuất hiện trong mọi lĩnh vực. Và Xtalin là người đứng đầu tất cả những thứ này. Tại sao vậy?

-- Đây là phản ứng sau sự căng thẳng cao độ trong xã hội và sau tâm lý của những năm đầu cách mạng. Một cuộc phản cách mạng thắng lợi có thể có những nhân vật kiệt xuất của nó. Nhưng ở bậc thang đầu -- Tháng Nóng -- nó cần những kẻ kém cỏi, không nhìn xa hơn đầu mũi của mình. Sức mạnh của họ tiềm ẩn trong sự mù quáng chính trị, cũng như con ngựa xay lúa tưởng đi lên, nhưng kỳ thực nó chỉ xoay quanh cái cối xay từ trên xuống dưới. Một con ngựa chưa đánh mất thị lực sẽ không thích hợp với công việc như thế.

Trong buổi trò chuyện này, lần đầu tiên tôi tiếp cận vấn đề Tháng Nóng một cách hoàn toàn rõ ràng, có thể nói, bằng sức thuyết phục vật lý. Tôi đồng ý với Xcolianxki là chúng tôi sẽ tiếp tục cuộc nói chuyện khi anh từ Mỹ về. Vài tuần sau, tôi nhận được bức điện báo tin giữa lúc chèo thuyền, Xcolianxki đã chết đuối trong một cái hồ nào đó ở Mỹ. Cuộc sống có vô vàn những điều quái gở.

Bình đựng tro của thi thể Xcolianxki được đưa về Mátxcova. Không ai nghi ngờ rằng nó sẽ được đặt ở tường thành điện Kremli, trên Hồng trường, nơi đã trở thành điện thờ danh nhân của cách mạng. Nhưng Ban Bí thư Ban Trung ương lại quyết định chôn Xcolianxki trong một nghĩa trang ngoại ô. Như vậy, người ta đã ghi chép và không quên buổi Xcolianxki đến già từ tôi. Bây giờ, lòng căm thù đã nhắm vào cái bình đựng tro làm đích. Ngoài ra, việc hạ thấp

Xcơlianxki là một bộ phận của cuộc đấu tranh toàn diện chống lại ban lãnh đạo đã giành được thắng lợi trong cuộc nội chiến. Tôi không biết khi còn sống, Xcơlianxki có để tâm đến chuyện anh sẽ được chôn cất ở đâu không? Nhưng quyết định của Ban Trung ương là sự dè hèn về mặt chính trị và con người. Vượt qua sự ghê tởm cá nhân, tôi gọi điện cho Môlô tôp nhưng không thể thay đổi được quyết định đó. Rồi lịch sử sẽ xét lại vấn đề này cũng như các vấn đề khác theo cách của nó.

Mùa thu 1924, tôi lại bị sốt thường xuyên. Vào thời điểm đó, cuộc "tranh luận" lại tiếp tục, lần này được dẫn dắt từ trên, theo một kế hoạch được bố trí kỹ lưỡng. Trước đó, đã có hàng trăm, hàng ngàn hội thảo bí mật diễn ra ở Leningrát, ở Mátxcova và các tỉnh lẻ để chuẩn bị cho cuộc "tranh luận", nghĩa là chuẩn bị một sự sát phạt có phương pháp và có hệ thống, giờ đây không còn nhằm vào phe đối lập mà vào cá nhân tôi. Khi công cuộc chuẩn bị bí mật đã kết thúc, theo hiệu lệnh của tờ *Prápđa*, chiến dịch chống chủ nghĩa trốt-kít được mở ra đồng loạt từ mọi nơi, mọi bức diễn đàn, từ mọi trang và mọi cột báo, từ mọi góc ngách hóc hiểm. Thật là một cảnh tượng kỳ vĩ trong chủng loại của chúng. Sự vu khống bùng nổ như hỏa diệm sơn. Quảng đại quần chúng của đảng bị lay chuyển. Tôi nằm mê man và im lặng. Báo chí và các diễn giả không làm gì khác ngoài việc tố cáo chủ nghĩa trốt-kít. Không ai có thể giải thích chính xác ý nghĩa của cụm từ đó. Ngày lại ngày, người ta lục lại những tình tiết trong quá khứ, những trích đoạn từ các bài bút chiến của Lênin, đã được viết ra từ hai chục năm nay. Họ trộn lẫn, xuyên tạc những trích dẫn, dối trá, nhất là làm như thể chúng mới được viết ra ngày hôm qua. Chẳng ai hiểu gì cả. Nếu tất cả đều đúng như người ta nói thì lẽ ra Lênin phải biết chứ? Bởi cuộc cách mạng tháng Mười chỉ nổ ra sau đó. Bởi sau bước ngoặt, còn có một cuộc nội chiến nữa. Bởi Lênin cùng Trốtxki thành lập ra Quốc tế Cộng sản. Bởi ở mọi nơi, chân dung của Trốtxki luôn được treo cạnh chân dung Lênin. Bởi... Bởi bao nhiêu thứ khác nữa. Tuy nhiên, sự vu khống như một thứ nham thạch đóng băng đã bao phủ lên tất cả, ảnh hưởng một cách máy móc đến tinh thần, và còn tệ hại hơn nữa, đến ý chí.

Thay thế hình ảnh Lênin trên cương vị một nhà lãnh đạo cách mạng, người ta tôn vinh ông như một vị giáo chủ của một thứ đẳng cấp tôn giáo nào đó. Trên Hồng trường, mặc dù tôi phản đối, người ta vẫn dựng lên một lăng tẩm không xứng đáng và xúc phạm đến tinh thần cách mạng. Những cuốn sách chính thức viết về Lênin cũng hóa thạch thành các lăng tẩm tương tự. Tư tưởng của ông bị cắt vụn thành những trích dẫn nhằm mục đích chứng minh cho những lời bịa đặt dối trá. Người ta dùng xác chết ướp hương của Lênin để chống lại Lênin sống động và chống lại... Trốtxki. Quần chúng bị mê hoặc, bị đánh lạc hướng và bị dọa dẫm. Trò bịa đặt xuẩn ngốc, được phát triển về số lượng, trở nên một chất lượng trong chính trị. Nó làm mê man, bại hoại và hủy phá tinh thần. Đảng bị buộc phải im lặng. Một cơ chế độc đoán thuần túy ngự trị

trên đảng được hình thành, nói cách khác, đảng thôi không còn là đảng nữa.

Buổi sáng, người ta đem báo đến giường tôi. Tôi xem qua bảng kê khai các bức điện, đầu đề các bài báo và các chữ ký. Tôi biết khá kỹ những con người ấy để hiểu họ nghĩ gì về bản thân họ, họ có thể nói và phải nói những gì. Đa số đó là những người đã suy kiệt sau cuộc cách mạng. Trong số đó, có những kẻ cuồng tín tự để mình bị đánh lừa. Có những kẻ hãnh tiến trẻ tuổi, vội vã tìm danh lợi, muốn chứng tỏ không ai có thể thay thế được họ. Ai nấy đều mâu thuẫn với bản thân và mâu thuẫn với những kẻ khác. Nhưng lời vu khống không ngừng gào rú từ những trang báo, với những tiếng rống điên óc và rú rít điên dại, đã che lấp các mâu thuẫn và sự trống rỗng nội tại. Nó thắng bởi số lượng.

N.I. Xêđôva viết:

Cơn bệnh thứ hai của L.Đ. trùng với cuộc truy kích lạ lùng nhằm vào anh; chúng tôi sống qua nó như một căn bệnh tàn ác nhất. Những trang *Prápđa* trở nên khổng lồ, vô tận, mỗi dòng, mỗi chữ của tờ báo là một sự dối trá. L.Đ. lặng thinh. Nhưng anh phải gắng sức biết bao mới im lặng được như thế! Bạn bè anh đến thăm ban ngày và đôi khi, cả ban đêm. Tôi còn nhớ ai đó hỏi L.Đ. có đọc báo hôm ấy không? Anh đáp anh hoàn toàn không đọc. Quả thực, anh cầm tờ báo trong tay, lơ đãng xem qua rồi quẳng đi ngay. Có vẻ như anh chỉ nhìn thoáng qua là đủ biết nội dung. Anh biết quá rõ những tay đầu bếp chuẩn bị món ăn này, vả lại ngày nào cũng chỉ đọc một thứ ấy. Đọc báo chí thời đó, anh nói, hết như ta "thọc một cái bàn chải cạo ống khói vào cuống họng". Nếu muốn đáp lời, anh đã có thể tự ép mình. Nhưng anh im lặng. Trạng thái thần kinh tồi tệ khiến bệnh cảm lạnh của anh kéo dài. Anh gầy đi rất nhiều và xanh xao. Trong gia đình, chúng tôi tránh nói tới những cuộc truy hại, nhưng chúng tôi cũng không thể bàn sang chuyện khác được mấy. Tôi còn nhớ hàng ngày, tôi đến nơi làm việc -- Bộ Dân ủy Giáo dục -- với tâm trạng như thế nào. Như thế tôi bị đánh đòn. Nhưng chưa bao giờ, chưa một ai công kích hoặc ám chỉ tôi một lời khó chịu: bên cạnh sự im lìm thù địch của một nhóm nhỏ lãnh đạo, tôi có thể nhận thấy sự đồng cảm rõ ràng của đa số các đồng sự. Đảng dường như có hai cuộc sống: một cuộc sống bên trong, ẩn giấu và một cuộc sống phơi bày ngoài mặt, và hai cuộc sống ấy hoàn toàn mâu thuẫn nhau. Rất hiếm ai có đủ can đảm và liều lĩnh thể hiện những gì tối đại đa số cảm thấy và suy nghĩ, và đa số này che giấu thiện cảm của họ dưới lá phiếu "đồng khối".

Cũng vào thời gian này, người ta công bố lá thư của tôi chống Lênin mà tôi gửi cho Trotskítđê. Tình tiết này xảy ra tháng Tư năm 1913, có quan hệ chặt chẽ với việc tờ báo bên-sê-vích hợp pháp ấn hành ở Pêtorôgorát đã chiếm đoạt tựa đề tờ báo của tôi ở Viên: *Prápđa*, *Rabôtraia Gadêta* [Pravda, Rabochaia Gazéta] (Sự thật, Báo công nhân). Đây là hậu quả một xung đột sâu sắc, thường xảy ra trong đời sống của dân di tản. Tôi viết cho Trotskítđê hai bức thư -- hồi ấy ông ta đứng giữa những người bên-sê-vích và men-sê-vích -- và tôi bày tỏ sự

phần nộ của tôi với trung tâm bên-sê-vích và với cách xử sự của Lenin. Hai ba tuần sau đó, chắc chắn tôi có thể tự kiểm duyệt lá thư ấy, và hai ba năm sau, lá thư đối với tôi đơn thuần không có gì đáng chú ý. Nhưng lá thư có một số phận đặc biệt. Phòng chuyên trách hữu quan thuộc sở cảnh binh tóm được nó và lá thư nằm trong kho lưu trữ của cảnh sát cho đến cách mạng tháng Mười. Sau cuộc chính biến, nó được chuyển sang kho thư khố Học viện Lịch sử đảng. Lenin biết rất rõ về lá thư này. Đối với ông -- cũng như đối với tôi --, nó chỉ như tuyết năm xưa, không hơn không kém. Biết bao loại thư đã được viết ra trong những năm tháng lưu vong! Năm 1924, tập đoàn kế nghiệp lôi lá thư của tôi khỏi các văn kiện của kho thư khố và chụp nó lên đầu đảng, khi đó ba phần tư đã là những người hoàn toàn mới nhập đảng. Không phải ngẫu nhiên mà người ta đã chọn những tháng liền sau cái chết của Lenin. Họ cần đến hoàn cảnh này vì hai lý do. Thứ nhất, Lenin đã không thể đứng dậy để trả lời họ bằng những lời nói đích đáng. Thứ nhì, quần chúng đang để tang vị lãnh tụ của họ. Quảng đại quần chúng đọc lời tuyên bố đầy hiềm khích của Trốtxki trong khi họ không hề có chút khái niệm gì về quá khứ của đảng. Họ không khỏi bàng hoàng. Đúng là những dòng ấy được viết ra từ mười hai năm trước, nhưng niên đại đã biến mất sau những đoạn trích dẫn bị tách rời khỏi văn bản. Cung cách mà nhóm kế nghiệp sử dụng lá thư tôi viết cho Trốtxki là một trong những trò lừa đảo bậc nhất trong lịch sử thế giới. Các tư liệu giả trá do bọn phản động Pháp lắp ghép một cách tùy tiện trong vụ án Đorâyphuyt [Dreyfus] không là gì cả so với những nguy tạo chính trị của Xtalin và đồng lõa của ông ta.

Sự vụ khổng chỉ trở thành sức mạnh nếu nó đáp ứng một nhu cầu lịch sử. Theo đó, tôi nghĩ: có một cái gì đó đã thay đổi trong các quan hệ xã hội hoặc trong các quan điểm chính trị, nếu sự vụ khổng lại có thể thông dụng đến mức không thể tưởng tượng nổi như thế. Vậy phải phân tích nội dung sự vụ khổng. Trên giường bệnh, tôi có đủ thời gian để làm việc đó. Tôi ngẫm nghĩ: từ đâu có lời buộc tội Trốtxki đã "chủ trương bán cùng hóa người mu-gích", thứ khẩu hiệu trống rỗng thường trực mà bọn phản động ủng hộ quyền lợi ruộng đất của địa chủ, bọn xã hội -- thiên chúa giáo và bọn phát-xít thường xuyên đưa ra chống những người xã hội, và hơn thế nữa, những người cộng sản? Từ đâu mà có sự truy hại điên cuồng chống tư tưởng mác-xít của thuyết cách mạng thường trực? Vì đâu mà có sự tự mãn quốc gia chủ nghĩa, hứa hẹn xây dựng thứ chủ nghĩa xã hội riêng biệt trong một nước? Những tầng lớp nào đòi hỏi trò nhảm nhí phản động này? Và cuối cùng, sự hạ thấp trình độ lý luận ở mức độ như thế, sự dằn dặt chính trị ấy xuất phát từ đâu và bởi lý do gì? Lần giở các bài viết cũ, mắt tôi rơi vào những dòng sau đây, do tôi viết năm 1909, vào thời điểm đường lối phản động của Xtôlupin [Stolypine] đạt đến đỉnh cao:

Khi đồ thị biểu diễn sự phát triển lịch sử đi lên, dư luận quần chúng trở nên sâu sắc hơn,

manh bạo hơn, thông minh hơn. Nó có khả năng nắm bắt tức khắc các sự việc và nổi chúng ngay lập tức vào sợi dây khái quát hóa... Nhưng ngược lại, khi đồ thị chính trị đi xuống, sự xuẩn ngốc chiếm lĩnh trong dư luận. Cái khả năng khái quát hóa chính trị có giá trị không gì bì nổi của nó bỗng biến đi đâu mất, không để lại dấu vết gì cả. Sự ngu xuẩn trở nên láo xược, nhe răng và nhạo báng mọi thử nghiệm khái quát hóa nghiêm túc. Ý thức được rằng đằng sau nó có hậu thuẫn, nó bắt đầu lũng đoạn bằng những phương tiện riêng của nó.

Một trong những phương tiện quan trọng nhất của nó là vu khống.

Tôi tự nhủ: chúng ta đang sống một thời kỳ phản động. Các giai cấp di chuyển về mặt chính trị. Những đổi thay diễn ra trong ý thức của các giai cấp. Sau tình hình căng thẳng tột độ là sự suy thoái. Quá trình này rồi sẽ tiến đến mức nào? Dầu sao, nó cũng không trở về điểm xuất phát. Nhưng không ai có thể tiên đoán được nó tiến tới mức độ nào. Cuộc chiến đấu của các lực lượng nội tại sẽ xác định nó. Trước hết, cần phải hiểu điều gì đang xảy ra trong thực tế. Những quá trình sâu kín của các thế lực phản động bắt đầu chen lấn nhau và biểu lộ ra ngoài. Chúng cố tiêu hủy -- hay ít ra cũng làm yếu đi -- sự phụ thuộc của dự luận quần chúng đối với những tư tưởng, những khẩu hiệu và những nhân vật sống động của Tháng Mười. Đây là ý nghĩa của những gì đang xảy ra. Chúng ta đừng rơi vào chủ nghĩa chủ quan. Đừng khó tính và đừng phật ý trước lịch sử, bởi nó đi theo những con đường quanh co và rối rắm. Nếu hiểu được những điều đang xảy ra, chúng ta đã đảm bảo được phân nửa cuộc thắng lợi.

CHƯƠNG XLII THỜI KỲ CUỐI CÙNG CỦA CUỘC ĐẤU TRANH TRONG NỘI BỘ ĐẢNG

Tháng Giêng năm 1925, tôi bị gạt khỏi chức vụ dân ủy Bộ Quốc phòng. Cuộc đấu tranh trước đó đã chuẩn bị kỹ càng cho quyết định này. Bên cạnh những truyền thống của biến cố tháng Mười, có lẽ tập đoàn kế nghiệp sợ nhất những truyền thống của cuộc nội chiến và những mối quan hệ của tôi với quân đội. Không đấu tranh, tôi trao lại chức vụ dân ủy Quốc phòng, thậm chí còn có cảm giác hơi nhẹ nhõm tinh thần, vì rằng tôi đã tước từ tay các địch thủ của tôi thứ vũ khí vu cáo: từ nay trở đi, họ không thể viện cớ tôi có những ý định sử dụng quân đội vào mục đích riêng tư. Để minh chứng cho hành vi của họ, thoát đầu nhóm kế nghiệp bịa ra những chuyện hoang đường quái đản mà sau đó, chính họ cũng tin một phần nào đó vào đó. Tuy nhiên, từ năm 1921, sự quan tâm cá nhân của tôi đã chuyển sang một lĩnh vực khác. Nội chiến kết thúc, biên chế quân đội giảm từ năm triệu ba trăm ngàn xuống còn sáu trăm ngàn. Công tác quân sự chuyển thành những công việc hành chính quan liêu. Những vấn đề kinh tế được đặt vào vị trí hàng đầu trong nước, từ thời điểm nội chiến kết thúc tôi đã chú ý đến chúng hơn

hiều so với các vấn đề quân sự.

Tháng Năm 1925, tôi được cử làm chủ tịch Cao ủy Nhượng địa, ngoài ra tôi còn là trưởng Ban giám đốc Kỹ thuật Điện tử và chủ tịch Ban lãnh đạo Khoa học và Kỹ thuật Công nghệ Điều khiển. Ba lĩnh vực ấy không hề liên quan gì đến nhau. Việc lựa chọn chúng diễn ra sau lưng tôi và người ta có những lý do riêng của họ để làm việc đó: cụ thể là để cách ly tôi khỏi đảng, chất đống lên tôi những công việc thường ngày, đặt tôi dưới sự kiểm soát đặc biệt v.v... Dù vậy, tôi vẫn cố gắng đi vào công tác mới một cách tận tâm. Bắt đầu làm việc ở ba cơ quan không hề quen biết, tôi lập tức ngập đầu trong công việc. Tôi lưu tâm hơn cả đến các học viện khoa học -- kỹ thuật, khá phổ biến ở nước ta nhờ tính tập trung của nền công nghiệp. Tôi chăm chỉ đi thăm các phòng thí nghiệm, quan sát các thí nghiệm với lòng hiếu kỳ đặc biệt, tôi nghe những lời giải thích của các nhà bác học ưu tú nhất, vùi đầu vào các sách giáo khoa Hóa học và Thủy lực học và tôi cảm thấy mình nửa là viên chức hành chính, nửa là sinh viên.

Không phải là vô ích khi thời thanh niên, tôi đã chuẩn bị để vào học khoa Toán -- Lý trong đại học. Tìm hiểu những vấn đề khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tôi như được nghỉ ngơi về khoa chính trị. Là trưởng Ban giám đốc Kỹ thuật Điện tử, tôi đi thăm những nhà máy thủy điện đang được xây dựng và đặc biệt, tôi tổ chức một chuyến đi đến sông Đờnhép, tại đó người ta tiến hành những công trình chuẩn bị lớn cho một nhà máy thủy điện tương lai. Hai người chèo thuyền đưa tôi đi trên một chiếc thuyền đánh cá nhỏ, giữa những thác ghềnh cuộn sóng, theo tuyến đường thủy xưa kia của những người Côđắc Dapôrôgie [Zaporogues]. Thực ra, tôi chỉ thích thú việc này trên phương diện thể thao. Nhưng tôi vô cùng mê say với công trình ở sông Đờnhép, cả về mặt kinh tế lẫn kỹ thuật.

Để phòng ngừa những tính toán sai lầm trong việc xây dựng nhà máy thủy điện này, tôi bố trí một chuyến đi thăm cho một ban giám định Mỹ, những tính toán của ban này được một nhóm người Đức bổ sung. Tôi tìm cách gắn công việc mới của tôi không chỉ với những nhiệm vụ cấp thiết của nền kinh tế, mà với cả việc giải quyết những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh chống lại sự tiếp cận những vấn đề kinh tế theo tinh thần quốc gia thiển cận (một sự "độc lập" hình thành trên cơ sở tự cô lập bản thân), tôi đề nghị xây dựng một hệ thống hệ số so sánh kinh tế quốc gia của chúng ta và kinh tế thế giới. Bản chất của vấn đề là để chúng ta định hướng chính xác trên thị trường quốc tế, giúp chúng ta giải quyết các vấn đề nhập khẩu, xuất khẩu và đường lối nhân nhượng. Xét tới cùng, việc công bố những hệ số so sánh đặt ra một số vấn đề. Bởi lẽ, nếu thừa nhận ưu thế của các lực lượng sản xuất thế giới so với các lực lượng sản xuất trong nước, về thực chất chúng ta đang tiến hành một chiến dịch chống lại thứ lý thuyết phản động "chủ nghĩa xã hội trong một xứ".

Để giải quyết các nhiệm vụ mới, tôi tổ chức các cuộc diễn thuyết, xuất bản sách vở và các tư

liệu. Trên mảnh đất này, các địch thủ của tôi không thể và cũng không muốn chấp nhận cuộc chiến với tôi. Họ đặt cho họ một tình thế như sau: Trótxki tự tạo cho mình một thành lũy mới. Ban giám đốc Kỹ thuật Điện tử và các học viện khoa học bắt đầu gây cho họ sự lo ngại chẳng kém gì Bộ Dân ủy Quốc phòng và Hồng quân trước kia. Bộ máy xta-lin-nít theo tôi từng bước. Mọi hoạt động thực tiễn của tôi lại gây nên những mưu mô phức tạp sau hậu trường. Mọi khái quát hóa lý luận của tôi đều nuôi dưỡng huyền thoại ngu xuẩn về "chủ nghĩa trótx-kít". Công việc thực tiễn của tôi bị cưỡng bức trong khuôn khổ những điều kiện vô lý. Sẽ không quá lời nếu tôi nói rằng phần lớn hoạt động của Xtalin và trợ thủ của ông ta là Môlôtop đều nhằm mục đích tổ chức sự phá hoại trực tiếp trong lĩnh vực của tôi. Các cơ quan thuộc thẩm quyền của tôi hầu như không thể có được những phương tiện cần thiết. Những người làm việc ở đó lo lắng cho tính mạng họ, hoặc ít nhất, cho sự tiến thân của họ.

Như vậy, sự cố gắng của tôi để được nghỉ ngơi về mặt chính trị đã bị thất bại. Những kẻ kế nghiệp không chịu đứng lại giữa đường. Họ quá sợ hãi những gì họ đã gây ra. Những lời vu khống tung ra ngày hôm qua đè nặng xuống họ và đòi hỏi ở họ một sự quý quyết gấp đôi cho hôm nay. Cuối cùng tôi xin thôi chức lãnh đạo Ban giám đốc Kỹ thuật Điện tử và các viện khoa học -- kỹ thuật. Dù sao đi nữa, Cao ủy Nhượng địa cũng ít có đất cho những mưu mô, bởi mỗi vụ nhân nhượng đều đã được quyết định trong Bộ Chính trị.

Giữa chừng, sinh hoạt đảng lại tiến đến một cơn khủng hoảng mới. Trong giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh, người ta dùng "bộ tam mã" để đối đầu với tôi. Nhưng bản thân "bộ tam mã" ấy cũng không hoàn toàn thống nhất. Dinôviép, cũng như Camênhép đều có trình độ cao hơn Xtalin nhiều trên phương diện lý thuyết. Nhưng cả hai đều thiếu một thứ gì nho nhỏ, có tên gọi là cá tính. Tầm nhìn quốc tế rộng hơn so với Xtalin -- có được trong thời gian lưu vong dưới sự chỉ dẫn của Lênin -- chẳng những không làm họ mạnh lên mà ngược lại, càng khiến họ yếu đi. Đường lối được lựa chọn là sự phát triển quốc gia (chỉ riêng nó cũng đủ) và cái công thức cũ của chủ nghĩa ái quốc Nga -- "là cái gì đối với chúng ta" -- ngày nay được họ sốt sắng chuyển sang ngôn ngữ của chủ nghĩa xã hội mới. Dinôviép và Camênhép còn cố bảo vệ đôi chút những tư tưởng quốc tế của họ nhưng trong mắt chế độ quan liêu, điều này biến họ thành những nhà "trótx-kít" hạng nhì. Bởi thế, họ lại càng gắng sức sát phạt hơn trong chiến dịch chống lại tôi để -- bằng cách ấy -- củng cố lòng tin của bộ máy đối với họ. Nhưng những cố gắng đó cũng vô ích. Bộ máy ngày càng phát hiện ra Xtalin là kẻ vững vàng nhất trong số những người đại diện cho nó. Chẳng mấy chốc, Dinôviép và Camênhép tìm thấy bản thân họ trong hoàn cảnh thù địch với Xtalin và khi họ cố đưa những vấn đề tranh luận trong nội bộ "tam mã" ra trước Ban Trung ương thì cho đến lúc đó, Xtalin đã có một đa số áp đảo vững chắc.

Camênhép được coi là lãnh tụ chính thức của Mátxcova. Nhưng từ khi thành ủy Mátxcova

bị thanh toán vào năm 1923 với sự tham gia của Camênhép, lúc đó đa số trong tổ chức quyết định ủng hộ phe đối lập, quần chúng cộng sản Mátxcova giữ thái độ lặng thinh rầu rĩ. Lần đầu, khi vừa mới tìm cách chống cự lại Xtalin, Camênhép hoàn toàn đánh mất mảnh đất dưới chân anh. Tình hình ở Leningorát lại diễn biến khác. Cái vung nặng nề của bộ máy Dinôviép bịt kín mít những người cộng sản Leningorát, không để cho họ có quan hệ với phe đối lập 1923. Nhưng nay đã đến lượt họ. Đến khi đó, công nhân Leningorát đã lo ngại vì thứ đường lối được xây dựng trên nắm đấm và trên lý thuyết "chủ nghĩa xã hội trong một xứ". Sự phản kháng giai cấp của công nhân trùng hợp với sự chống đối "cao cấp" của Dinôviép. "Đối lập mới" hình thành như thế, thoát đầu Nađegiorđa Cônxtanchinốpna Côrúpxcaia cũng tham gia phe này.

Trước sự ngạc nhiên lớn của mọi người và trước hết, của chính họ, Dinôviép và Camênhép buộc phải nhắc lại một phần những lý lẽ phê phán của phe đối lập cũ và nhanh chóng, họ bị liệt vào hàng ngũ những người "trốt-kít". Không có gì lạ nếu trong giới chúng tôi, việc xích lại gần Dinôviép và Camênhép ít nhất cũng là một nghịch lý. Trong số những phần tử chống đối, nhiều người phản đối việc thành lập một khối như thế. Cũng có một số người, dù không đông, cho rằng có thể liên kết với Xtalin, chống lại Dinôviép và Camênhép. Một người bạn gần gũi của tôi, Morátcốpxki [Mratchkovsky] -- nhà cách mạng cự trào và là một trong những chỉ huy xuất sắc nhất thời nội chiến -- phản đối mọi thứ liên minh và đưa ra một lời giải thích kinh điển, có cơ sở, để minh chứng cho lập trường của anh: "Xtalin sẽ đánh lừa chúng ta, còn Dinôviép thì tháo chạy". Nhưng rốt cục, những vấn đề thuộc loại như thế được quyết định bởi sự đánh giá về chính trị chứ không phải về tâm lý. Dinôviép và Camênhép đã công khai thừa nhận rằng ngay từ năm 1923, những người "trốt-kít" đã có lý trong cuộc đấu tranh chống lại họ. Họ chấp nhận những nguyên lý cơ bản của bản cương lĩnh chúng tôi. Trong những hoàn cảnh như thế, thử hỏi chúng tôi có thể làm gì khác? Hơn nữa, chúng tôi liên kết với họ cũng bởi sau lưng họ còn có hàng ngàn công nhân, cách mạng ở Leningorát.

Ngoài những phiên họp chính thức, đã ba năm nay Camênhép và tôi không gặp nhau, tức là kể từ cái đêm Camênhép đi Grudia và hứa ủng hộ quan điểm chung của Lênin và tôi, nhưng khi được tin Lênin lâm trọng bệnh, anh lại đứng về phía Xtalin. Ngay trong lần đầu tiên gặp lại tôi, Camênhép đã lập tức tuyên bố:

-- Chỉ cần đồng chí xuất hiện cùng Dinôviép trên bục lễ đài là đảng sẽ tìm thấy ban trung ương thật sự của mình.

Tôi chỉ biết cười vì ý nghĩ lạc quan mang tính quan liêu ấy. Có thể thấy rằng Camênhép đã đánh giá thấp công cuộc phân hủy đảng mà "bộ tam mã" đã thực hiện trong ba năm rông. Không chút bóng gió, tôi chỉ cho anh thấy điều đó.

Cuối năm 1923, thoái trào cách mạng khởi đầu. Cùng với thất bại của phong trào cách mạng

Đức, nó mang tầm vóc một cuộc thoái trào quốc tế. Ở Nga, cuộc tấn công của thế lực phản động chống lại Tháng Mười đang mở hết tốc lực. Bộ máy đảng ngày càng thiên về hữu. Trong những điều kiện như thế, sẽ là ngây thơ nếu nghĩ rằng chúng tôi chỉ cần đoàn kết là đủ và thắng lợi sẽ rơi xuống chân chúng tôi như một trái chín.

-- Phải nhìn xa hơn -- tôi thường xuyên nhắc đi nhắc lại với Camênhép và Dinôviép --, chúng ta phải chuẩn bị một cuộc đấu tranh nghiêm trọng và lâu dài.

Trong bầu không khí hăm hở ban đầu, những đồng minh mới dũng cảm chấp nhận cái thể thức ấy. Nhưng điều đó kéo dài không lâu. Lòng nhiệt tình của họ phải được đo từng giờ, chứ không phải từng ngày. Mórátcốpxki đã có lý: quả thực rất cục Dinôviép bỏ chạy. Nhưng anh đã không lôi kéo được những người bạn đồng tư tưởng với mình. Dù sao đi nữa, hai lần chuyển bước ngoặt của Dinôviép đã giáng một đòn chí tử vào cái huyền thoại "chủ nghĩa trốt-kít".

Mùa xuân 1926, vợ chồng tôi đi Béclin. Các bác sĩ Mátxcova không biết điều trị ra sao trạng thái sốt dai dẳng của tôi và để khỏi một mình lĩnh tất cả trách nhiệm, đã từ lâu họ giục tôi ra nước ngoài. Tôi cũng muốn tìm lối thoát khỏi cái ngõ cụt này: cơn sốt khiến tôi tê liệt trong những khoảng khắc nguy kịch nhất và như thế, nó là đồng minh trung thành của các địch thủ của tôi. Bộ Chính trị xem xét vấn đề chuyển đi nước ngoài của tôi. Cuối cùng, Bộ Chính trị tuyên bố rằng căn cứ vào những dữ kiện đã có và xét đến toàn bộ tình hình chính trị, Bộ Chính trị thấy chuyển đi của tôi vô cùng nguy hại, nhưng nhượng quyền quyết định cuối cùng cho tôi. Kèm theo quyết định là ý kiến của G.P.U., cho rằng không thể chấp nhận việc tôi ra nước ngoài. Chắc hẳn Bộ Chính trị sợ nếu có gì không hay xảy ra cho tôi, đảng sẽ đổ trách nhiệm lên đầu họ. Hồi đó, ý định dùng bạo lực để trục xuất tôi, hơn nữa, trục xuất qua Cônxtantinốp, còn chưa làm tổ trong bộ óc sen đầm của Xtalin. Cũng không loại trừ trường hợp Bộ Chính trị lo tôi có thể hoạt động ở nước ngoài để chấn chỉnh đội ngũ đối lập. Dù sao đi nữa, tôi cũng thảo luận sự việc với bạn bè và quyết định cứ đi.

Không chút khó khăn, chúng tôi thỏa thuận với sứ quán Đức và giữa tháng Tư, tôi lên đường với tấm hộ chiếu ngoại giao được cấp cho một kẻ tên là Cudomencô [Kouzmenko], thành viên Hội đồng Ucoraina trực thuộc Bộ Dân ủy Giáo dục. Tôi đi cùng anh thư ký Xécmúc, vốn là trưởng đoàn đoàn tàu của tôi, và một người được G.P.U. ủy quyền. Dinôviép và Camênhép từ giã tôi, gần như cảm động: họ rất không muốn ở lại mặt đối mặt với Xtalin.

Trong những năm tiền chiến, tôi biết khá rõ Béclin của dòng họ Hôhendôlécno. Thành phố có bộ mặt riêng của nó, không ai nói là khả ái nhưng nhiều người cho nó đầy ấn tượng. Bây giờ nó đã hoàn toàn không có bộ mặt gì nữa, hay ít ra là tôi không phát hiện ra. Thành phố hồi phục chậm chạp sau một cơn bệnh nặng dai dẳng, kèm theo hàng loạt những thao tác phẫu thuật. Người ta đã thanh toán được nạn lạm phát, nhưng đồng mác ổn định chỉ mới là công cụ

đo lường sự thiếu máu trên tổng thể. Trên đường phố, trong các cửa hiệu, trên gương mặt những người qua lại, người ta cảm thấy sự khan hiếm và lòng nôn nóng, lăm lăm, ước mong cháy bỏng một sự phục hưng nhanh chóng. Trong những năm tháng gian khổ của chiến tranh, của những thất bại và của sự cướp bóc Vécxay [Versailles], những đức tính sạch sẽ, chính xác và đúng giờ của dân tộc Đức đã bị sự bần cùng đánh bại. Kiên nhẫn nhưng buồn chán, những tổ kiến người sửa lại các tuyến đường, các hành lang, các nhà kho bị đôi ủng chiến tranh chà đạp. Trong nhịp điệu của phố phường, trong động tác, cử chỉ của khách qua đường, người ta có thể nhận thấy sắc thái bi thảm của chủ nghĩa định mệnh: làm sao được, cuộc đời là thứ lao động khổ sai vô giới hạn, phải làm lại từ đầu.

Trong vài tuần lễ, tôi trở thành đối tượng quan sát của y học tại một bệnh viện tư nhân ở Béclin. Tìm hiểu nguyên nhân cơn sốt bí ẩn của tôi, gần như các bác sĩ chuyển tôi hết người này qua người khác như một quả bóng. Cuối cùng, một chuyên gia thanh quản học đưa ra một giả thuyết, theo đó nguyên nhân cơn sốt có thể là a-miđan (hạch hạnh nhân) của tôi, và ông khuyên tôi phải cắt đi bằng mọi giá. Các thầy thuốc chẩn đoán và các bác sĩ điều trị đều ngần ngại: họ là những người đứng tuổi và được ở lại hậu phương trong chiến tranh. Từng tham gia chiến trận, vị bác sĩ giải phẫu nhìn họ vẻ khinh thường. Cứ nghe ông nói, ở thời buổi này cắt a-miđan cũng dễ như cạo râu vậy. Tôi buộc phải chấp nhận.

Các trợ lý muốn cột hai tay tôi lại, nhưng bác sĩ phẫu thuật cam đoan là tôi có đủ nghị lực chịu đựng. Nghe những mẩu chuyện hóm hỉnh mà nhà giải phẫu động viên tôi, tôi cảm thấy sự căng thẳng và nổi xúc động cố nén. Điều khó chịu nhất là tôi phải nằm ngửa bất động và bị ghệt thở bởi chính máu của mình. Ca mổ kéo dài bốn mươi, năm mươi phút. Mọi việc kết thúc tốt đẹp, trừ việc nó có vẻ nó chẳng ích lợi gì: ít lâu sau tôi lại bị sốt.

Tôi không để mất thời gian ở Béclin -- chính xác hơn là thời gian ở bệnh viện -- một cách vô ích. Tôi nhào vào báo chí Đức mà hầu như tôi bị đứt quãng từ tháng Tám 1914. Hàng ngày người ta đem đến cho tôi chừng hai chục tờ báo Đức và vài tờ nước ngoài khác, cứ đọc xong tôi lại thả chúng xuống sàn. Các giáo sư khám bệnh cho tôi buộc phải giẫm lên tấm thảm làm bằng báo chí đủ mọi khuynh hướng để đến gần giường tôi. Về cơ bản, bấy giờ tôi mới được nghe lần đầu tiên toàn bộ dàn nhạc chính trị của cộng hòa Đức. Thú thực tôi chẳng phát hiện ra điều gì bất ngờ cả. Nền cộng hòa được coi như đứa trẻ đẻ hoang của sự thất bại quân sự, hòa ước Vécxay ép buộc những người cộng hòa phải thừa nhận nó, phe xã hội dân chủ có nhiệm vụ thực hiện bản chúc thư của cuộc cách mạng tháng Mười một mà họ đã bóp chết, còn Hindenburg đóng vai trò chủ tịch của phái dân chủ. Tôi hình dung sự việc đại loại như thế, tuy nhiên quan sát tất cả những điều này ở một khoảng cách gần cũng vẫn rất bổ ích...

Mùng 1 tháng Năm, tôi cùng vợ tôi dạo khắp thành phố bằng xe hơi, chúng tôi đến thăm

những khu phố chính, xem diễu hành, ngắm những tấm biểu ngữ, lắng nghe các diễn văn, chúng tôi đến quảng trường Alếchxanđê [Alexander-Platz] và hòa mình vào đám đông. Tôi đã thấy nhiều cuộc tuần hành mừng 1 tháng Năm đồ sộ hơn, đông đảo hơn, đẹp mắt hơn, nhưng từ lâu tôi không có dịp vùng vẫy tự do trong quần chúng mà không bị mọi người chú ý đến, để có thể tự cảm thấy mình là một phần nhỏ của một khối vô danh khổng lồ, để quan sát và ngắm nghía. Chỉ độc một lần, người đồng sự đi theo đoàn tùy tùng nói với tôi, vẻ thận trọng:

-- Đồng chí nhìn kia, ở đây người ta bán chân dung đồng chí...

Nhưng qua những tấm chân dung ấy, hẳn chẳng ai nhận ra được Cudomencô, thành viên Hội đồng Ucoraina trực thuộc Bộ Dân ủy Giáo dục.

Trường hợp những d òng này lọt vào mắt bá tước Vextáp [Westarp] hoặc Hécman Muynle [Hermann Müller], Xtơrêdeman [Stresemann], bá tước Rêphontơlô [Reventlow], Hinhphécđinh hoặc bất kỳ ai khác, những kẻ phản đối tôi vào nước Đức, tôi thấy cần thiết phải cho họ biết lúc đó tôi không tuyên truyền những khẩu hiệu đáng trách, không dán những áp-phích kích động, vả lại, tôi chỉ là một quan sát viên đơn thuần, vài ngày sau còn phải đi phẫu thuật.

Chúng tôi còn tham dự ngày "hội rượu vang" ở ngoại ô thành phố. Người đông không thể đếm nổi. Mặc dầu bầu không khí mùa xuân được mặt trời và rượu vang hâm nóng, bóng tối mờ xám của những năm qua hắt lên gương mặt những người đi dạo, những kẻ giải trí hoặc cố gắng giải trí. Chỉ cần một ánh mắt chăm chú hơn đôi chút là có thể thấy tất cả mọi người hình như vừa lành bệnh: nụ cười của họ còn đòi hỏi nhiều cố gắng. Chúng tôi hòa mình trong đám đông vài giờ, quan sát, trò chuyện, ăn xúc xích bày trên đĩa giấy, thậm chí còn uống bia, thứ bia mà chúng tôi đã quên mất mùi vị từ năm 1917.

Tôi bình phục nhanh chóng sau ca mổ và đã dự kiến ngày trở về. Nhưng lúc đó xảy ra một tình tiết bất ngờ, cho đến nay vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng đối với tôi. Chừng tám ngày trước khi chúng tôi lên đường, trong hành lang của bệnh viện xuất hiện hai "ông" ăn vận quần áo dân sự, dáng vẻ bề ngoài hoàn toàn cho thấy nghề mật thám của họ. Tôi nhòm qua cửa sổ và phát hiện ra ít nhất có nửa tá những "ông" y hệt ngoài sân, mặc dù rất khác nhau nhưng đồng thời cũng giống nhau như hệt. Tôi lưu ý Corexchinxki đến điều đó, lúc ấy anh đang ở chỗ tôi. Vài phút sau, một trợ lý gõ cửa và hoảng hốt thông báo: giáo sư của anh nhờ anh đến báo cho tôi biết người ta mưu sát tôi.

-- Tôi hi vọng không phải cảnh sát tổ chức việc ấy? -- tôi hỏi, chỉ vào đám mật vụ đông đúc. Bác sĩ đưa ra giả thuyết cảnh sát đến để ngăn chặn vụ mưu sát.

Hai, ba phút sau, một viên cảnh sát đến và nói với Corexchinxki rằng quả thực cảnh sát được tin

vì ệc chuẩn bị mưu sát tôi và vì thế, ông ta đã cho thi hành những biện pháp đề phòng đặc biệt. Cả bệnh viện xôn xao. Các nữ y tá thì thầm với nhau và với các bệnh nhân của họ cái tin Trótxki đang nằm ở viện và vì lẽ đó, người ta sẽ dùng bom tấn công tòa nhà. Tức thời, hình thành một bầu không khí không thích hợp chút nào với một cơ sở y tế. Chúng tôi thảo luận với Corexchinxki để tôi chuyển sang tòa nhà của đại sứ quán Xô-viết. Cảnh sát chặn con đường trước bệnh viện. Khi tôi di chuyển, có những xe cảnh sát đi kèm.

Giả thuyết chính thức đại khái như sau: trong quá trình tiểu trừ một âm mưu mới của những phần tử bảo hoàng, người ta bắt được một tên phiến loạn, hình như y đã khai với nhân viên dự thẩm là trong thời gian gần nhất, bọn Bạch vệ dự định sẽ ám sát Trótxki, khi đó đang ở Béclin. Tôi phải nói rằng các nhà ngoại giao Đức mà chúng tôi đã thống nhất với họ về chuyến đi của tôi, đã chú ý không thông báo cho cảnh sát biết việc tôi qua Đức vì có rất nhiều phần tử quân chủ trong hàng ngũ cảnh sát. Cảnh sát không tin lời khai của tên bảo hoàng bị bắt. Nhưng dù sao, họ cũng thẩm tra xem quả thực tôi có mặt trong viện không: điều khiến họ rất ngạc nhiên là tin ấy lại có thật. Bởi lẽ cảnh sát cũng dò hỏi tin tức trong giới giáo sư nên cùng một lúc, tôi nhận được hai lời cảnh cáo: một của anh trợ lý và một của viên cảnh sát. Cố nhiên, cho đến nay tôi vẫn không biết quả thực người ta có chuẩn bị ám hại tôi hay không và có đúng là cảnh sát biết tin tôi cư trú ở Đức qua lời khai của tên bảo hoàng bị bắt giữ hay không? Nhưng tôi nghi rằng trong thực tế, sự việc đơn giản hơn. Chắc hẳn giới ngoại giao không giữ nổi "bí mật" và cảnh sát -- méch lòng vì không được tin cậy -- đã quyết định chứng tỏ cho Xtoredeman, hoặc có thể cho chính tôi, rằng không thể cắt a- miđan thành công nếu không có sự hợp tác của họ. Thế nào đi nữa, bệnh viện bị lục tung tóe, còn tôi -- được bảo vệ hùng hậu chống kẻ thù giả định -- phải dọn đến ở đại sứ quán. Sau này, trong báo chí Đức, chỉ có chút tiếng vọng yếu ớt và hoài nghi của câu chuyện đó: dường như không ai tin vào nó.

Những ngày tôi ở Béclin trùng với những sự kiện lớn ở châu Âu: tổng đình công diễn ra ở Anh và Pinxútxki làm đảo chính ở Ba Lan. Hai sự kiện đó càng làm tăng thêm những bất đồng giữa tôi và nhóm kế nghiệp và điều đó gây nên một quá trình đấu tranh quyết liệt giữa chúng tôi sau này. Về chuyện này, phải nói kỹ hơn đôi chút. Xtalin, Bukharin và -- trong giai đoạn đầu -- Dinôviép coi liên minh ngoại giao giữa ban lãnh đạo các nghiệp đoàn Xô-viết và Đại hội đồng Công hội (trade unions) Anh là đỉnh cao trong đường lối chính trị của họ. Thiển cận như một người dân tỉnh lẻ, Xtalin tưởng tượng rằng Pócxơn [Purcell] và các lãnh tụ công hội khác sẽ sẵn sàng ủng hộ nước Cộng hòa Xô-viết trong những giây phút khó khăn, chống lại tư bản Anh, vì họ có khả năng làm việc đó. Về phần các lãnh tụ Công hội Anh, không phải không có lý khi họ cho rằng trước khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản Anh và trước sự bất bình ngày càng tăng của quảng đại quần chúng, tốt hơn cả là họ được che chở về phía tả, dưới dạng tình hữu

ngại chính thức, không hề trói buộc giữa họ với các lãnh tụ nghiệp đoàn Xô-viết. Đồng thời, cả hai bên đều cẩn thận lẫn tránh bát cháo đặc nóng bỏng, người ta sợ nhất là gọi các sự việc bằng tên của chúng. Hơn một lần, con thuyền chính trị thối ruỗng đã tan vỡ khi đụng vào giải đá ngầm của những sự kiện lớn. Cuộc tổng đình công ở Anh tháng Năm 1926 là một sự kiện trọng đại, chẳng những trong đời sống nước Anh mà trong cả đời sống nội bộ đảng chúng ta.

Từ sau chiến tranh, số phận nước Anh hình thành một cách rất đặc thù. Sự thay đổi đột ngột vị thế của nó trên thế giới không thể không gây ra những thay đổi cũng gay gắt chẳng kém trong tương quan lực lượng nội tại của nó. Hoàn toàn rõ ràng là ngay khi cả châu Âu, kể cả nước Anh, tái lập được một cân bằng lực lượng xã hội nhất định trong một thời gian dài ngắn ít nhiều, nước Anh chỉ đến được trạng thái cân bằng ấy thông qua hàng loạt xung đột và chấn động nghiêm trọng. Tôi cho rằng một cuộc khủng hoảng có thể xảy ra trong ngành kỹ nghệ than, sẽ dẫn đến một cuộc tổng đình công ở chính nước Anh. Xuất phát từ suy nghĩ đó, tôi coi những mâu thuẫn sâu sắc sẽ xảy ra trong tương lai gần nhất giữa những tổ chức cũ và những nhiệm vụ lịch sử mới của giai cấp công nhân, là không thể tránh khỏi. Trong thời gian ở Cápcado mùa đông 1924 -- mùa xuân 1925, tôi viết một cuốn sách về đề tài này (*Nước Anh đi đến đâu?*) Về thực chất, cuốn sách đi ngược lại quan niệm chính thống của Bộ Chính trị, hi vọng Tổng hội sẽ chuyển hướng về phía tả và chủ nghĩa cộng sản sẽ thâm nhập dần dần, không đau đớn vào Công đảng và các công hội Anh. Một phần để tránh những diễn biến phức tạp không cần thiết, phần khác để nắm bắt lập trường các địch thủ của mình, tôi đưa tập bản thảo cho Bộ Chính trị xem xét. Vì đây là những tiên đoán chứ không phải là sự phê phán ngược về quá khứ, không một thành viên nào của Bộ Chính trị có ý kiến phản đối. Cuốn sách may mắn lọt lưới kiểm duyệt và được ấn hành nguyên văn, không có chút thay đổi nhỏ nhặt nào. Chẳng bao lâu sau nó được xuất bản bằng tiếng Anh. Những thủ lĩnh của chủ nghĩa xã hội Anh tiếp nhận cuốn sách như tác phẩm giả tưởng của một người ngoại quốc không am hiểu hoàn cảnh nước Anh và mơ màng đưa cuộc tổng đình công "kiểu Nga" sang quần đảo Anh quốc. Có hàng chục, nếu không muốn nói là hàng trăm, những phản ứng loại đó, khởi đầu từ Mắc Đônlan [MacDonald], là người xứng đáng đứng ngôi đầu trong cuộc thi những chuyện tầm phào chính trị.

Thế rồi chưa đầy vài tháng trôi qua và cuộc đình công của thợ mỏ Anh trở thành tổng đình công. Tôi không tính đến việc lời tiên đoán của tôi lại được chứng thực nhanh chóng đến như thế. Nếu cuộc tổng đình công chứng tỏ tính đúng đắn của sự phán đoán mác-xít, đối lập với những đánh giá vụng về của chủ nghĩa cải lương Anh, thì cách ứng xử của Tổng hội trong thời kỳ tổng đình công đánh dấu sự phá sản của niềm hi vọng xta-linnít đặt vào Pócxon. Ở bệnh viện Béclin, tôi hăm hờ thu thập và đối chiếu mọi thông tin về tiến trình tổng đình công và đặc biệt, về quan hệ tương hỗ giữa quần chúng và các lãnh đạo của họ. Giọng điệu những bài viết

trên tờ *Prápđa* khiến tôi bất bình hơn cả. Bởi lẽ tờ báo coi nhiệm vụ chính yếu của nó là che giấu sự phá sản và giữ gìn thể diện. Không thể làm được điều này nếu tờ báo không bóp méo các sự kiện một cách trắng tráo. Đối với một chính trị gia cách mạng, không có thất bại tư tưởng nào nặng nề hơn là đánh lừa quần chúng!

Vừa về nước, tôi đòi phải từ bỏ tức khắc liên minh với Tổng hội. Sau những do dự không tránh khỏi, Dinôviép đứng về phía tôi. Rađéc chống lại. Xtalin dùng hết sức lực để bám vào liên minh, dù chỉ là hình thức bên ngoài. Những phần tử công hội Anh chờ đợi cho cơn khủng hoảng nội bộ của họ kết thúc rồi hất anh bạn đồng minh hào hiệp nhưng ngu xuẩn bằng một cú đá không mấy lịch sự.

Những sự kiện diễn ra tại Ba Lan thời ấy cũng không kém phần quan trọng. Giai cấp tiểu tư sản vội vã, hốt hoảng tìm lối thoát đã đi vào con đường khởi nghĩa và tôn Pinxúttxki làm thủ lĩnh. Vácxki [Warski] (Warsawski), lãnh tụ đảng Cộng sản tuyên bố những gì ông ta thấy chính là "nền chuyên chính dân chủ của giai cấp vô sản và nông dân" và ông ta kêu gọi đảng Cộng sản trợ giúp Pinxúttxki. Tôi biết Vácxki từ lâu. Lúc sinh thời Rôđa Luýchxămbua, Vácxki còn có thể tìm thấy chỗ đứng trong hàng ngũ cách mạng. Nhưng tự bản thân, ông ta không phải là một chính trị gia đáng kể. Năm 1924, sau một hồi do dự kéo dài, Vácxki tuyên bố: rất tiếc ông ta đã hiểu tính độc hại của "chủ nghĩa trốt-kít", tức là "đánh giá thấp giai cấp nông dân" trên lập trường chuyên chính vô sản. Để thưởng công cho thái độ ngao ngoãn ấy, người ta đưa ông lên cương vị lãnh đạo và ông ta nóng lòng chờ đợi có dịp ăn khao những phẩm hàm quá muộn màng ấy. Tháng Năm 1926, Vácxki không bỏ lỡ cơ hội đặc biệt để tự sỉ nhục bản thân và bôi nhọ lá cờ của đảng. Cố nhiên ông ta không bị trừng phạt: bộ máy xta-lin-nít che chở ông ta trước sự bất bình của giới công nhân Ba Lan.

Trong đảng bôn -sê-vích, cuộc đấu tranh trong năm 1926 ngày càng trở nên ác liệt. Vào mùa thu, phe đối lập công khai phát động phong trào trong các cuộc họp chi bộ. Bộ máy trả đũa không thương tiếc. Cơ chế hành chính thay thế cuộc đấu tranh tư tưởng: qua điện thoại, bộ máy quan liêu của đảng được triệu tập tham dự các cuộc họp của các chi bộ công nhân, người ta tiếp đón phe đối lập bước lên bục diễn đàn bằng những hàng xe hơi tắc nghẽn kinh khủng, bằng tiếng còi báo động điên loạn, bằng những tiếng huýt sáo, gào thét ầm ĩ được tổ chức cẩn thận. Nhóm cầm quyền giành được thắng lợi thông qua việc tập trung lực lượng vật chất và sự đe dọa, đàn áp một cách máy móc. Trước khi quần chúng đảng viên kịp nghe để hiểu và nói một điều gì, họ đã hoảng hốt nhìn thấy trước mắt một sự phân ly và một tai họa. Phe đối lập phải lui bước. Chúng tôi tuyên bố vào ngày 16 tháng Mười: chúng tôi đánh giá lập trường của chúng tôi là đúng đắn và đòi cho chúng tôi quyền đấu tranh để những tư tưởng ấy được chấp nhận trong hàng ngũ của đảng, khước từ những hành động có thể gây nên hiểm họa chia cắt.

Bản tuyên bố ngày 16 tháng Mười không dành cho bộ máy, mà nhằm vào đa số các đảng viên. Đó là một bằng chứng về ý định của chúng tôi muốn ở lại trong đảng. Mặc dù ngay ngày hôm sau phái xta-linnít đã vi phạm thỏa thuận hưu chiến, chúng tôi vẫn tranh thủ được thời gian. Chúng tôi được xả hơi đôi chút trong mùa đông 1926-1927 và có điều kiện đi sâu về mặt lý luận trên vô số vấn đề.

Ngay từ đầu năm 1927, Dinôviép đã sẵn sàng hạ vũ khí, nếu không cùng một lần thì cũng trong vài chặng. Nhưng lúc đó ở Trung Quốc xảy ra những sự kiện chấn động. Tính chất tội lỗi của đường lối chính trị xta-lin-nít ngày càng trở nên rõ rệt. Điều đó làm chậm lại một thời gian sự đầu hàng của Dinôviép và của tất cả những người sau này theo chân anh.

Đường lối chính trị mà tập đoàn kế nghiệp cho thực thi ở Trung Quốc là sự giày xéo xuống bùn đen mọi truyền thống của chủ nghĩa bôn-sê-vích. Trái với nguyện vọng của nó, đảng Cộng sản Trung Hoa bị lồng vào Quốc dân đảng tư sản và bị đặt dưới kỷ luật quân sự của Quốc dân đảng. Việc thành lập các Xô-viết bị cấm đoán. Người ta khuyên các đảng viên cộng sản phải kìm lại cuộc cách mạng ruộng đất và không được vũ trang cho công nhân khi chưa được phép của giai cấp tư sản. Rất lâu trước khi Tưởng Giới Thạch tàn sát công nhân Thượng Hải và tập trung quyền lực vào tay một tập đoàn quân phiệt, chúng tôi đã báo trước về kết quả không tránh khỏi của đường lối này. Từ năm 1925 trở đi, tôi yêu cầu những người cộng sản phải rút khỏi Quốc dân đảng. Đường lối chính trị của Xtalin -- Bukharin chẳng những chuẩn bị và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh gục cuộc cách mạng Trung Hoa; hơn thế nữa, hành động đàn áp của cơ chế Xô-viết còn giúp Tưởng Giới Thạch tự do tuyên truyền hoạt động phản cách mạng, chống lại những sự phê phán của chúng tôi. Tháng Tư 1927, trong một cuộc họp đảng ở Phòng Cột thuộc Trung ương Công đoàn Xô-viết, Xtalin còn tuyên bố ủng hộ đường lối liên minh với Tưởng Giới Thạch, ông ta kêu gọi tiếp tục tin cậy vào Tưởng. Năm, sáu ngày sau, Tưởng Giới Thạch đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa của công nhân Thượng Hải và dìm đảng Cộng sản trong biển máu.

Một làn sóng phản nộ bao trùm lên đảng. Phe đối lập ngẩng đầu. Bất chấp các nguyên tắc hoạt động bí mật -- thời đó ở Mátxcova chúng tôi đã buộc phải bảo vệ công nhân Trung Hoa chống Tưởng Giới Thạch bằng những phương pháp bí mật --, hàng chục người chống đối đến tìm tôi ở trụ sở của Cao ủy Nhượng địa. Nhiều đồng chí trẻ của chúng tôi tưởng rằng sự phá sản rõ rệt của đường lối chính trị xta-linnít nhất thiết phải đưa thắng lợi đến gần phe đối lập. Trong những ngày sau đảo chính của Tưởng Giới Thạch, nhiều lần tôi phải dội gáo nước lạnh lên mái đầu nóng bỏng của các bạn hữu trẻ và không còn trẻ của tôi. Tôi cố chứng tỏ phe đối lập không thể vươn lên trên những bậc thang *thất bại* của cách mạng Trung Hoa. Dự đoán của chúng tôi được chứng thực, thu hút hàng ngàn, năm hoặc mười ngàn đồng chí mới đến với

chúng tôi. Còn đối với hàng triệu con người, chính sự kiện giai cấp vô sản Trung Hoa thất bại -- chứ không phải sự dự đoán -- mới là yếu tố quyết định. Sau khi cách mạng Đức bị đè bẹp năm 1923 và tổng đình công Anh bị thất bại năm 1925, thất bại mới diễn ra ở Trung Quốc chỉ làm tăng thêm sự chán nản của quảng đại quần chúng đối với cách mạng quốc tế. Và chính sự chán nản ấy lại là nguồn gốc tâm lý cơ bản của đường lối chính trị cải lương-quốc gia của Xtalin.

Rất nhanh chóng, chúng tôi hiểu rằng rằng quả thực phân số chúng tôi đã lớn mạnh hơn. Chúng tôi đoàn kết hơn về mặt tư tưởng và đông đảo hơn về nhân số. Nhưng lưỡi gươm của Tưởng Giới Thạch đã cắt đôi cuống rốn nối chúng tôi với chính quyền. Xtalin hoàn toàn trở thành đồng minh của Tưởng, ông ta chỉ còn một chủ đích quan trọng là bổ sung sự đàn áp công nhân Thượng Hải bằng việc đè bẹp phe đối lập về mặt tổ chức. Hạt nhân của phe đối lập là một nhóm những nhà cách mạng lão thành. Nhưng chúng tôi đã không còn đơn độc. Hàng trăm, hàng ngàn người cách mạng của thế hệ mới đã tập trung quanh chúng tôi, đây là thế hệ tham gia lần đầu tiên vào đời sống chính trị trong cách mạng tháng Mười, chiến đấu ròng rã suốt cuộc nội chiến, chân thật kính cẩn trước uy quyền to lớn của Ban Trung ương lê-nin-nít và chỉ từ năm 1923 trở đi, họ mới bắt đầu có tư duy độc lập, bắt đầu phê phán và vận dụng những phương pháp của chủ nghĩa mác-xít trong những bước ngoặt mới của sự phát triển, và khó hơn cả là họ đã biết tự đảm nhận trách nhiệm khởi xướng một sáng kiến cách mạng. Hiện nay, hàng ngàn nhà cách mạng trẻ đó đang đào sâu kinh nghiệm chính trị trong các nhà tù của thể chế xta-lin-nít, hoặc tiếp tục nghiên cứu lý luận ở chốn lưu đày.

Ý thức được mọi hậu quả, đôi mắt mở to, nhóm chủ chốt của phe đối lập đã lựa chọn kết cục ấy. Chúng tôi nhận thức rõ ràng rằng chỉ thông qua cuộc đấu tranh công khai, không dừng lại trước bất kỳ một hậu quả thực tiễn nào, chúng tôi mới có thể đưa những tư tưởng của chúng tôi làm thành kho tàng chung cho thế hệ công nhân mới; ở đây, không thể sử dụng thương thuyết ngoại giao và phương pháp gây ảnh hưởng. Chúng tôi chấp nhận thất bại trước mắt, chuẩn bị chắc chắn cho một thắng lợi tư tưởng trong một tương lai xa hơn.

Sức mạnh vật chất đã và đang đóng một vai trò to lớn trong lịch sử nhân loại: vai trò đó đôi khi mang tính tiến bộ, thông thường là phản động, tùy theo giai cấp nào áp dụng bạo lực và nó áp dụng nhằm đạt được những mục đích gì. Nhưng từ đó, còn xa mới kết luận được rằng có thể giải quyết *mọi* vấn đề, có thể vượt qua *mọi* trở ngại bằng bạo lực. Người ta có thể giam hãm sự bùng nổ vũ khí phát triển của các khuynh hướng của lịch sử tiến bộ, nhưng không thể ngăn chặn *vĩnh viễn* con đường tiến lên của các tư tưởng tiến bộ. Vì thế, trong tiến trình cuộc đấu tranh của các nguyên lý cơ bản, chỉ có một quy tắc dẫn dắt người cách mạng: *fais ce que dois, advienne que pourra*.

Càng đến gần Đại hội XV được ấn định vào cuối năm 1927, đảng càng cảm thấy mình đứng trước một ngã tư lịch sử. Một nỗi lo âu sâu sắc tràn qua toàn bộ hàng ngũ đảng. Mặc dầu sự khủng bố tiến đến quy mô kinh khủng, ý muốn được nghe phe đối lập đã thức dậy trong đảng. Chỉ có thể đạt được mục đích ấy bằng con đường bất hợp pháp. Tại các khu ở Mátxcova và Leningorát, diễn ra những phiên họp bí mật của công nhân và sinh viên, bé thì hai chục, lớn thì một trăm, hai trăm người tập trung để nghe một lãnh tụ nào đó của phe đối lập phát biểu. Trong ngày, tôi tham gia hai, ba, đôi khi bốn phiên họp như thế. Thông thường, các cuộc họp được tổ chức tại nhà của giới công nhân. Hai phòng nhỏ chật ních người, diễn giả đứng ở khung cửa nối giữa hai phòng. Đôi lúc mọi người đều phải bệt ngồi xuống sàn, thông thường hơn, vì thiếu chỗ, chúng tôi phải đứng nói. Nhiều khi các đại diện của Ủy ban Kiểm tra xuất hiện ở những phiên họp như vậy để giải tán nhóm người hội họp. Người ta đề nghị họ hãy tham gia tranh luận thì hơn. Nếu họ quấy rối trật tự, mọi người tổng cổ họ ra ngoài. Tổng cộng ở hai thành phố, có gần hai chục ngàn người đã tham gia những buổi họp như thế. Dòng người mỗi ngày một đông hơn. Phe đối lập tổ chức rất tài tình một cuộc mít-tinh lớn trong hội trường trường Cao đẳng Kỹ thuật. Hơn hai ngàn người chen chúc tham dự. Một đám đông lớn còn bị kẹt ngoài phố. Ban lãnh đạo tìm cách ngăn cản chúng tôi, nhưng vô hiệu. Tôi cùng Camênhép diễn thuyết khoảng hai tiếng đồng hồ. Cuối cùng Ban Trung ương kêu gọi công nhân phải giải tán các cuộc họp của phe đối lập bằng bạo lực. Nhưng lời kêu gọi ấy chỉ để che giấu những cuộc tấn công do những phân đội chiến đấu thi hành dưới sự chỉ đạo của G.P.U., được chuẩn bị chu đáo nhằm vào phe đối lập. Xtalin muốn một kết thúc đẫm máu. Chúng tôi ra dấu hiệu tạm thời đình chỉ những cuộc mít-tinh lớn. Nhưng điều đó chỉ diễn ra sau cuộc tuần hành ngày 7 tháng Mười một.

Tháng Mười năm 1927, Ban Chấp hành Trung ương họp ở Leningorát. Một cuộc tuần hành quần chúng được tổ chức để chào mừng kỳ họp. Do một sự trùng hợp ngẫu nhiên của những sự kiện, cuộc tuần hành đó chuyển sang một hướng hoàn toàn bất ngờ. Cùng Dinôviép và một vài nhân vật khác, chúng tôi đi một vòng thành phố trên xe hơi để xem có bao nhiêu người tham gia tuần hành và tâm trạng của họ ra sao. Cuối cùng, chúng tôi đi ngang qua cung điện Tôrit, ở đó người ta dựng các khán đài trên sàn xe tải dành riêng cho các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Xe chúng tôi phải dừng lại trước một rào chắn: con đường bị chặn lại từ đây. Chúng tôi chưa có thời giờ để cân nhắc làm thế nào ra khỏi lối cụt này thì người tổ chức nhào đến xe chúng tôi và không chút suy nghĩ, anh đề nghị đưa chúng tôi lên một diễn đàn. Trong khi chúng tôi còn ngần ngại, chưa biết quyết định ra sao, hai hàng lính bảo an đã mở một con đường cho chúng tôi tiến đến chiếc xe tải cuối cùng chưa có người ngồi. Khi quần chúng vừa hay tin chúng tôi ở diễn đàn cuối cùng, cuộc tuần hành lập tức thay đổi diện mạo. Đám đông thờ ơ diễu qua

trước các xe cam-nhông đầu và chẳng thêm đáp lại những lời chào đón, họ rảo bước về phía chúng tôi. Chẳng mấy chốc, cạnh xe chúng tôi hình thành một "chương ngại vật" gồm mấy ngàn người. Công nhân và Hồng quân đi chậm lại, nhìn lên, thét to những lời chào mừng chúng tôi và chỉ tiến bước khi bị những người đi sau nôn nóng xô đẩy. Một phân đội bảo an được điều đến xe chúng tôi để lập lại trật tự, họ cũng bị bầu không khí chung tác động và không tỏ ra cương quyết gì mấy. Hàng trăm mật vụ trung thành nhất của bộ máy chính quyền được tung vào quần chúng. Bọn chúng cố huýt sáo chê bai, nhưng tiếng huýt cô độc của chúng bị át đi một cách vô vọng trong những tiếng hò reo cảm tình. Tình thế ngày càng trở nên khó xử cho những người lãnh đạo chính thức của cuộc tuần hành. Cuối cùng, chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương liên Nga và một vài thành viên nổi tiếng nhất của Ban Chấp hành bước khỏi diễn đàn thứ nhất, quanh đó chẳng có một ai, và leo lên chiếc xe chúng tôi, vốn đứng cuối hàng và chỉ dành cho những vị khách ít quan trọng nhất. Tuy nhiên hành động táo bạo đó không cứu vãn được tình thế: quần chúng kiên trì gào thét tên những người không phải là chủ nhân chính thức của cuộc tuần hành.

Dinôviép lập tức tràn đầy tinh thần lạc quan và anh hi vọng một kết quả to lớn của cuộc tuần hành. Tôi không có ý kiến chủ quan như anh. Dưới dạng bất mãn đối với chính quyền, quần chúng Leningrát biểu thị thái độ cảm tình của họ đối với các lãnh tụ đối lập, nhưng họ còn chưa đủ khả năng ngăn cản bộ máy, không cho nó thanh toán chúng tôi. Về mặt này, tôi không thể có những ảo tưởng. Mặt khác, cuộc biểu tình sẽ gọi cho nhóm cầm quyền sự cần thiết phải thanh toán nhanh chóng phe đối lập để đặt quần chúng trước chuyện đã rồi.

Cột mốc tiếp theo là cuộc biểu tình được tổ chức ở Mátxcova để chào mừng tròn mười năm cách mạng tháng Mười. Tổ chức tuần hành, viết bài kỷ niệm và đăng đàn diễn thuyết đều là những kẻ trong biến cố tháng Mười đã từng đứng ở phía bên kia chiến lũy, hoặc đơn thuần nấp dưới mái ấm gia đình, chờ xem tình thế xoay vần ra sao và chỉ tham gia cách mạng khi nó đã giành được thắng lợi chắc chắn. Với cảm giác hài hước hơn là bi thảm, tôi đọc những bài báo hoặc nghe trên đài những bài diễn văn, trong đó nhóm người ăn bám này kết tội tôi phản bội cuộc cách mạng tháng Mười. Khi người ta thấu hiểu tính năng động của quá trình lịch sử và nhận thấy kẻ thù của mình bị một bàn tay nào đó giật dây mà không biết, những lời lẽ xấu xa, quỷ quyết mặt hạng nhất cũng chẳng có tác động gì hết đối với họ.

Phe đối lập quyết định tham gia đoàn tuần hành chung với những biểu ngữ riêng. Các khẩu hiệu trên biểu ngữ không hề chống lại đảng: "Hãy dồn toàn bộ hỏa lực vào cánh hữu: phú nông, nép-man và bọn quan liêu!", "Hãy thực hiện di chúc của Lênin!", "Chống chủ nghĩa cơ hội, chống ly khai, vì sự thống nhất của đảng lê-nin-nít!" Ngày nay, những khẩu hiệu ấy là một bộ phận của tín điều chính thức của tập đoàn xta-lin-nít trong cuộc đấu tranh chống cánh hữu.

Ngày 7 tháng Mười một 1927, những biểu ngữ nói trên bị giật khỏi tay phe đối lập và bị xé vụn, những người mang biểu ngữ bị các đội đặc nhiệm đánh đập tơi bời. Những nhà lãnh đạo chính thức đã học hỏi kinh nghiệm của cuộc tuần hành ở Leningorát. Lần này họ chuẩn bị kỹ càng hơn nhiều. Có thể cảm thấy bầu không khí bất mãn trong hàng ngũ quần chúng, mọi người tham gia biểu tình với sự lo âu sâu sắc. Bên trên đám quần chúng khổng lồ mất hướng và xao xuyến là hai nhóm chủ động: phe đối lập và bộ máy. Trong cuộc đấu tranh chống những người "trốt-kít" trên đường phố Mátxcova, các phần tử phi cách mạng quen biết -- có cả một bộ phận phát-xít -- tự nguyện đến ủng hộ bộ máy. Một tên công an nã súng vào xe hơi của tôi. Ai đó đã điều khiển tay hãm. Một nhân viên cứu hỏa say rượu nhảy lên bậc lên xuống của xe tôi, phun ra những lời chửi rủa tục tĩu và đập vỡ kính xe. Ngày 7 tháng Mười một 1927, những ai biết nhìn nhận đều có thể thấy cuộc tổng diễn tập của biến chuyển Tháng Nóng trên đường phố Mátxcova.

Một cuộc biểu tình tương tự diễn ra ở Leningorát. Dinôviép và Rađéc đến đó, hai người liền bị một phân đội đặc nhiệm tấn công và lấy có bảo vệ họ khỏi bị quần chúng hành hung, cả hai bị giam trong một tòa nhà suốt thời gian diễn ra cuộc biểu tình. Cùng ngày, Dinôviép viết cho chúng tôi ở Mátxcova:

Mọi thông tin của chúng tôi đều cho thấy sự việc nhục nhã này sẽ rất có ích cho sự nghiệp của chúng ta. Chúng tôi lo lắng không biết điều gì xảy ra nơi các đồng chí. Những mối "liên lạc" (tức là các buổi nói chuyện bất hợp pháp với công nhân) rất thành công. Có thể thấy một bước ngoặt lớn lợi cho chúng ta. Lúc này, chúng tôi nhận thấy cần phải ở lại đây.

Đó là tia lửa cuối cùng trong nghị lực đối lập của Dinôviép. Ngày hôm sau, anh ta đã trở về Mátxcova và cương quyết chủ trương hạ vũ khí.

Giôphê tự vẫn ngày 16 tháng Mười một. Cái chết của anh hằn một vết sâu vào cuộc đấu tranh đang phát triển.

Giôphê bị ốm rất nặng. Một lần từ Nhật Bản, nơi anh làm đại sứ, người ta đã phải đưa anh về trong tình trạng sức khỏe vô cùng tồi tệ. Phải khó khăn lắm mới xin được cho Giôphê ra nước ngoài điều trị. Tuy nhiên chuyến đi ấy quá ngắn ngủi, mang lại kết quả khả quan nhưng chưa đủ để anh hồi phục. Giôphê trở thành phụ tá của tôi trong Cao ủy Nhượng địa. Toàn bộ công việc dồn lên đầu anh. Cuộc khủng hoảng của đảng tác động rất nặng nề đến anh. Cái đặc biệt làm anh bị chấn động là sự xảo trá, quỷ quyệt. Nhiều lần anh cố gắng lao mình vào tận đáy cuộc đấu tranh. Tôi luôn can ngăn anh, lo cho sức khỏe của anh. Giôphê đặc biệt phẫn nộ về chiến dịch chống phá lý thuyết cách mạng thường trực. Không làm sao anh chấp nhận được chuyện những kẻ chỉ biết hưởng thụ các thành quả cách mạng lại dám bài xích hèn hạ những người nhìn thấy trước tiến trình và tính chất của cách mạng. Giôphê kể cho tôi nghe một cuộc trò

chuyện của anh với Lênin về cách mạng thường trực, hình như vào năm 1919. Lênin đã nói với anh:

-- Đúng, Trótxki có lý.

Ít lâu trước khi mất, Giôphê muốn công bố cuộc nói chuyện đó. Tôi tìm mọi cách để can ngăn anh. Tôi đã thấy trước những lời buộc tội vô liêm sỉ sẽ trút xuống đầu anh như núi lở. Giôphê kiên cường, anh có cách làm của anh: nhẹ nhàng về hình thức nhưng cứng rắn, không gì lay chuyển nổi về nội dung. Cứ mỗi lần sự ngu muội hung hãn và sự phản trắc chính trị nổ ra, anh lại đến nhà tôi, mỗi một và bất bình, anh nhắc đi nhắc lại:

-- Không, phải công bố cuộc nói chuyện ấy!

Một lần nữa, tôi lại chứng tỏ cho anh thấy một "lời khai của nhân chứng" như thế chẳng thay đổi được gì. Tốt hơn cả là phải nhằm xa hơn và phải giáo dục thế hệ mới của đảng.

Giôphê không kết thúc được chuyến điều trị ở nước ngoài và tình trạng sức khỏe của anh tệ đi từng ngày. Vào mùa thu, anh buộc phải thôi việc rồi sau đó nằm liệt giường vĩnh viễn. Một lần nữa, các bạn hữu của anh lại đặt ra vấn đề đưa anh ra nước ngoài. Lần này Ban Trung ương từ chối thẳng thừng. Giờ đây, tập đoàn xta-linnít đã chuẩn bị cho phe đối lập một số phận khác hẳn. Việc tôi bị khai trừ khỏi Ban Trung ương, rồi khỏi đảng làm Giôphê bị chấn động hơn ai hết. Cảm giác đau đớn về sự bất lực của cơ thể Giôphê gắn liền với nỗi bất bình chính trị và cá nhân của anh. Không chút nhầm lẫn, Giôphê dự cảm số phận cách mạng đang ngàn cân treo sợi tóc. Anh không thể đấu tranh được nữa. Mà đối với anh, cuộc đời thật vô nghĩa nếu không có đấu tranh. Như thế, anh rút ra kết luận cuối cùng cho bản thân.

Thời đó tôi không ở trong điện Kremli nữa, mà ở nhà bạn tôi là Biêlôbôrôđốp [Biéloborodov], vẫn còn giữ chức dân ủy Nội vụ, mặc dầu thường xuyên bị các mật vụ G.P.U. theo sát. Trong những ngày ấy, Biêlôbôrôđốp đang ở quê hương của anh, vùng Uran, đấu tranh với bộ máy để gắng tìm đường đến với công nhân. Tôi gọi điện cho Giôphê hỏi thăm sức khỏe anh. Anh đích thân nghe điện, máy điện thoại ở ngay đầu giường anh. Trong giọng nói của anh có cái gì lạ thường, căng thẳng, đáng lo ngại -- nhưng chỉ về sau tôi mới nhận thức được điều này. Anh khẩn khoản mời tôi đến nhà anh. Có một tình huống ngăn trở tôi không thực hiện ngay được yêu cầu của anh. Đó là những ngày tháng rất sôi động: các đồng chí thường xuyên đến nhà Biêlôbôrôđốp để hội kiến với tôi về những vấn đề cấp thiết. Một giờ hay hai giờ sau, một giọng nói không quen biết thông báo với tôi qua điện thoại:

-- Adônphơ Aborâmôvích [Adolphe Abramovitch] vừa mới tự sát bằng súng lục. Trên chiếc tủ đầu giường có một phong thư gửi đồng chí.

Ở nhà Biêlôbôrôđốp luôn luôn có một vài sĩ quan có tư tưởng đối lập. Họ theo tôi ra phố.

Chúng tôi vội vã đến nhà Giôphê. Khi chúng tôi bấm chuông và gõ cửa, ở trong nhà người ta

hỏi chúng tôi là ai và không mở cửa ngay: hẳn có chuyện gì ám muội xảy ra sau cánh cửa. Trên chiếc gối thấm máu, khuôn mặt bình thản, hết sức dịu dàng của Adônphơ Aboramovich hiện ra. B., một thành viên G.P.U. tự do lục lọi trong bàn làm việc của người đã khuất. Không có phong thư trên chiếc tủ đầu giường. Tôi đòi phải đưa ngay cho tôi lá thư. B. lúng búng nói không có. Vẻ mặt và giọng nói của hẳn chứng tỏ một cách rõ ràng là hẳn nói dối. Vài phút sau, các bạn hữu của Giôphê đổ dồn về từ mọi nẻo trong thành phố. Các đại diện chính thức của Bộ Dân ủy Ngoại giao và các tổ chức đảng chắc hẳn phải cảm thấy cô độc trong đám đông đối lập. Đêm ấy vài ngàn người đến thăm căn nhà. Tin lá thư bị đánh cắp lan ra khắp thành phố. Các nhà báo ngoại quốc đưa tin này trong các phóng sự của họ. Không thể tiếp tục giấu giếm bức thư. Cuối cùng, người ta trao cho Racôpxki bản chụp lại của bức thư. Tôi không lãnh việc cắt nghĩa tại sao một lá thư Giôphê viết cho tôi, ni êm phong trong một phong bì đề tên tôi, vì có gì lại được giao cho Racôpxki, hơn nữa không phải nguyên bản mà là bản sao của nó. Lá thư của Giôphê phản ánh trung thành đến tột cùng người bạn quá cố của tôi, nhưng đó là hình ảnh nửa giờ trước khi anh mất. Giôphê biết tôi trọng anh như thế nào. Anh gắn bó với tôi bằng một lòng tin đạo lý sâu sắc và ủy quyền cho tôi có thể xóa bỏ khỏi thư anh những gì tôi cho là thừa hoặc không tiện công bố. Sau khi không thực hiện được ý đồ giấu kín bức thư trước mắt thế giới, kẻ thù vô sỉ đã cố gắng sử dụng cho mục đích của chúng những dòng chữ vốn không nhằm để công bố, nhưng vô hiệu.

Giôphê muốn dùng cái chết của anh để phụng sự sự nghiệp mà anh đã cống hiến suốt cuộc đời mình. Bàn tay nửa giờ đồng hồ sau sẽ bóp cò súng ghì sát thái dương, đã thảo ra lời khai cuối cùng của nhân chứng và những lời khuyên tối hậu của một người bạn. Giôphê viết riêng cho tôi như sau trong lá thư vĩnh biệt của anh:

Lép Davidovich thân mến, hai chúng ta đã gắn bó với nhau bởi những thập niên hoạt động chung, và tôi dám tin tưởng, bởi tình bằng hữu cá nhân. Điều đó cho phép tôi, giữa lúc phân ly, nói ra những sai lầm tôi nhận thấy ở đồng chí.

Tôi không bao giờ nghi ngờ tính đúng đắn của con đường đồng chí đã vạch ra và như đồng chí biết đấy, đã hơn hai chục năm kể từ khi thuyết "cách mạng thường trực" được công bố, tôi cùng tiến bước với đồng chí. Nhưng tôi luôn luôn cho rằng đồng chí thiếu cái *cứng rắn không khoan nhượng* của Lênin, cái bản lĩnh có thể đứng một mình trên con đường mà mình cho là đúng đắn, thấy trước được việc đa số sẽ theo mình. Lênin luôn tin chắc rằng rồi đây, mọi người sẽ thừa nhận tính đúng đắn của con đường ông đi. Từ 1905 trở đi, *đồng chí lúc nào cũng đúng về chính trị* và cả Lênin cũng nhìn nhận điều đó. Đã nhiều lần tôi kể cho đồng chí chính tai tôi được nghe Lênin tuyên bố: ngay cả năm 1905, *chính đồng chí chứ không phải Lênin* đúng. Trước cái chết người ta không nói dối và hôm nay, tôi nhắc lại điều đó với đồng chí...

Nhưng đồng chí thường hay *từ bỏ cái lý của bản thân* để nhằm một sự nhất trí trong đảng, một thỏa hiệp mà đồng chí đánh giá quá cao. Đó là một sai lầm. Tôi xin nhắc lại, trước đây đồng chí bao giờ cũng đúng về chính trị và giờ đây, *đồng chí lại càng đúng hơn bao giờ hết*. Rồi một ngày kia đảng sẽ thấu hiểu điều này và lịch sử nhất thiết sẽ phải thừa nhận.

Vậy đồng chí đừng lo ngại nếu bây giờ một số kẻ rời bỏ đồng chí, và tôi tệ hơn, nếu đa số không đến với đồng chí nhanh như tất cả chúng ta đều mong muốn. Đồng chí đúng nhưng thắng lợi của chân lý đồng chí chỉ được bảo đảm, nếu đồng chí bền lòng ở mức tối đa, cương quyết trước sau như một và cự tuyệt hoàn toàn mọi thỏa hiệp; đó bao giờ cũng là bí quyết thắng lợi của Voladimira Ilích. Đã nhiều lần tôi muốn nói những điều trên đây với đồng chí nhưng chỉ bây giờ tôi mới quyết định nói, vào lúc tôi gửi đồng chí lời chào vĩnh biệt.

Tang lễ của Giôphê được ấn định vào ngày làm việc chủ ý ngăn trở công nhân Mátxcova đến dự. Dầu vậy, ít nhất có hàng chục ngàn người tập hợp lại và lễ tang biến thành một cuộc biểu tình vĩ đại của phe đối lập.

Trong thời gian đó, phái Xtalin chuẩn bị cho đại hội, vội vã để đặt đại hội trước một sự chia rẽ đã rồi trong đảng. Cái gọi là bầu cử lựa chọn các đại biểu địa phương đi dự Hội nghị toàn quốc đã được đặt ra *trước* khi người ta thông báo một cuộc "thảo luận" chính thức và những cuộc "thảo luận" này hoàn toàn giả mạo từ đầu chí cuối. Đến lúc ấy, những cuộc hội họp bị các đoàn người, tổ chức theo lối quân đội, kéo tới phá phách, huýt còi và ngăn cản. Phương pháp hành động này không khác gì bọn phát-xít. Còn gì ô nhục hơn là việc chuẩn bị Đại hội XV! Chẳng khó khăn gì, Dinôviép và nhóm của anh cũng nhận ra rằng đại hội sẽ kết liễu họ về mặt chính trị bằng một cuộc đê bẹp phe đối lập về mặt thể xác, đã khởi đầu trên đường phố Mátxcova và Lêningrát vào dịp lễ kỷ niệm 10 năm cách mạng tháng Mười. Bây giờ, lo lắng duy nhất của Dinôviép và các bạn hữu của anh là làm sao hạ vũ khí vào thời điểm thích hợp nhất. Họ không hiểu rằng tập đoàn quan liêu xta-lin-nít không coi những người chống đối hạng hai như họ, mà coi hạt nhân của phe đối lập có quan hệ gắn bó với tôi là kẻ thù thực sự. Họ hi vọng nếu không xứng đáng được những ân sủng thì ít nhất họ cũng mua được sự tha thứ bằng việc đoạn tuyệt công khai với tôi vào lúc họp Đại hội XV. Nhưng họ đã không tính đến hậu quả của sự phản bội chính trị kép ấy: đơn thuần họ đã kết liễu sinh mạng của chính họ. Nếu với đòn đánh sau lưng đó họ tạm thời làm yếu phe chúng tôi thì họ cũng đã tự kết án tử hình về mặt chính trị. Đại hội XV quyết định khai trừ toàn bộ phe đối lập. Từ đó trở đi, những người mất đảng tịch thuộc quyền định đoạt của G.P.U.

CHƯƠNG XLIII LƯU ĐÀY

Về việc chúng tôi bị trục xuất đi Trung Á, xin trích nguyên văn hồi ức của vợ tôi:

Ngày 16 tháng Giêng 1927. Chúng tôi gói ghém hành lý từ sáng sớm. Tôi lên cơn sốt, chóng mặt vì sốt và vì đuối sức trong đồng hồ đặc lộn xộn vừa chuyển từ điện Kremli về và đã được đóng gói để mang theo. Bàn ghế, hòm xiểng, áo quần lót, sách vở và đám đông vô tận những khách khứa, bạn hữu đến chào từ biệt. F.A. Ghêchiê, bác sĩ và bạn của chúng tôi, ngậy thơ khuyên chúng tôi nên hoãn chuyến đi vì tôi bị cảm. Ông không hình dung rõ ràng chuyến đi của chúng tôi có ý nghĩa gì và việc trì hoãn nó sẽ đem lại hậu quả ra sao. Chúng tôi hi vọng là trên tàu hỏa, tôi sẽ chóng bình phục hơn vì ở lại nhà trong hoàn cảnh "những ngày cuối cùng" trước khi đi, tôi không có điều kiện lành bệnh nhanh chóng. Ngày càng nhiều, những khuôn mặt mới xuất hiện không ngừng trước mặt tôi, lắm người tôi mới gặp lần đầu. Họ ôm hôn tôi, siết chặt tay tôi, bày tỏ lòng đồng cảm và chúc chúng tôi thượng lộ bình an... Tình trạng hỗn loạn càng tăng khi ai nấy mang đến biết bao nhiêu hoa, sách vở, đồ ngọt, quần áo ấm và nhiều thứ khác nữa. Ngày cuối cùng của quá trình chuẩn bị, của tâm trạng căng thẳng, lo lắng cũng sắp kết thúc. Đồ đạc của chúng tôi đã được mang ra ga. Các bạn hữu cũng đã đến đó trước. Toàn thể gia đình ngồi trong phòng ăn, sẵn sàng lên đường, chúng tôi chờ đợi các nhân viên G.P.U. Chúng tôi xem đồng hồ... Chín giờ... chín giờ rưỡi... Không ai đến. Mười giờ. Đó là giờ tàu khởi hành. Có chuyện gì xảy ra? Hay người ta nghĩ lại? Chuông điện thoại reo. G.P.U. cho biết chuyến đi của chúng tôi bị hoãn, họ không nói lý do vì sao.

-- Hoãn đến bao giờ? -- L.Đ. hỏi.

-- Hai ngày -- người ta trả lời --, ngày kia ông đi.

Nửa giờ sau mọi người từ nhà ga chạy về, thoát đầu là những thanh niên, sau đến

Rac ôpxki và những người khác. Có một cuộc biểu tình khổng lồ ở nhà ga. Mọi người chờ đợi chúng tôi. Người ta hét vang: "Trốtxki muôn năm!" Nhưng chẳng thấy Trốtxki đâu cả. Ông ở đâu? Đám đông nổi loạn tại toa tàu giành cho chúng tôi. Các bạn trẻ của chúng tôi dựng trên nóc toa tàu một bức chân dung lớn của Trốtxki. Sự việc đó được những tiếng hoan hô đầy phấn khởi đón mừng. Đoàn tàu chuyển bánh. Một phát giật, rồi hai... đoàn tàu lăn bánh một chút rồi đột ngột dừng lại. Những người biểu tình chạy lên chắn trước đầu tàu, họ bám vào các toa và khiến con tàu phải dừng lại. Mọi người đòi được thấy Trốtxki. Một tin đồn lan khắp đám đông, theo đó những nhân viên G.P.U. đã lén lút đưa L.Đ. lên tàu và ngăn trở, không cho ông xuất hiện trước những người đưa tiễn. Không bút nào tả xiết sự náo động xảy ra ở nhà ga. Trong một số cuộc đụng độ với công an và G.P.U., cả hai bên đều có người bị thương. Nhiều người bị bắt giữ.

Đoàn tàu khởi hành chậm một tiếng rưỡi. Một lúc sau, người ta chuyển hành lý của chúng tôi từ nhà ga về nhà. Bạn bè chúng tôi còn gọi điện thoại rất lâu, họ muốn biết chắc chắn có thực chúng tôi đang ở nhà không và kể cho chúng tôi hay những gì đã diễn ra ở ga. Khá lâu sau nửa đêm, chúng tôi mới đi nằm. Sau những hồi hộp, lo lắng của những ngày hôm trước, chúng tôi ngủ đến 11 giờ trưa. Chuông điện thoại không kêu, mọi thứ yên tĩnh. Con dâu đầu của chúng tôi đi làm: bởi lẽ chúng tôi còn hai ngày nữa. Nhưng khi chúng tôi vừa ăn xong bữa trưa thì có tiếng chuông ở cửa ra vào. Ph.V. Biêlôbôrôđốp đến thăm chúng tôi... rồi sau chị là M. Giôphê [M. Joffé]. Lại một hồi chuông nữa và cả căn hộ tràn ngập những điệp viên G.P.U. mặc thường phục và đồng phục. Họ đưa cho L.Đ. xem lệnh bắt giam và trục xuất tức thì đi Anma-Ata [Alma-Ata]. Thế còn thời hạn hai ngày mà hôm qua G.P.U. thông báo thì sao? Lại một sự dối trá mới! Sở dĩ người ta sử dụng mẹo lừa trong quân sự đó để tránh một cuộc biểu tình nữa lúc khởi hành.

Chuông điện thoại reo li ên hồi. Nhưng có một tay mặt vụ đứng cạnh máy vẻ mặt khá hiền từ, y ngăn, không cho chúng tôi trả lời. Chỉ ngẫu nhiên mà chúng tôi báo được cho Biêlôbôrôđốp biết người ta đã đặt bẫy và dùng vũ lực cưỡng bức chúng tôi lên đường. Sau này chúng tôi được biết Bukharin được ủy nhiệm "chỉ đạo chính trị" vụ áp tải L.Đ. Điều này hoàn toàn ăn khớp với tinh thần những thủ đoạn kiểu xta-lin-nít. Các nhân viên G.P.U. đều bối rối trông thấy. L.Đ. từ chối không tự nguyện đi. Anh lợi dụng cơ hội để đổ nước sạch vào cốc. Số là Bộ Chính trị cố gắng tạo ra một thỏa thuận ngoài mặt -- ít ra là đối với những người đối lập danh tiếng nhất khi đày ải họ -- rằng họ ra đi một cách tự nguyện; người ta sẽ giải thích như thế cho giới công nhân. Phải chấm dứt câu chuyện hoang đường đó, phải chỉ ra tình trạng thực sự, hơn nữa, theo một phương sách để người ta không thể im đi, không thể bóp méo sự thật. Từ đó L.Đ. quyết định buộc địch thủ phải công khai dùng bạo lực. Cùng hai vị khách đến thăm, chúng tôi cố thủ trong một gian buồng. Những cuộc thương lượng với các nhân viên G.P.U. diễn ra qua cánh cửa khóa trái. Nhóm nhân viên không biết phải làm gì, họ do dự, liên lạc với thủ trưởng qua điện thoại rồi nhận được chỉ thị và tuyên bố sẽ phá cửa bởi họ phải thực thi mệnh lệnh. Trong thời gian đó, L.Đ. đọc cho chép những chỉ dẫn liên quan đến thái độ của phe đối lập về sau này. Chúng tôi không mở cửa. Một nhát búa vang lên, kính trên cánh cửa vỡ vụn, một cánh tay đeo lon thò qua lỗ hở.

-- Bắn vào tôi đây này, đồng chí Trốtxki ạ, bắn đi! -- Kítsơkin [Kichkine], một cựu sĩ quan từng nhiều lần đi theo L.Đ. trong các chuyến công tác ngoài mặt trận nói dồn dập, vẻ hồi hộp. -- Đừng nói bậy, Kítsơkin -- L.Đ. điềm tĩnh đáp --, chẳng ai muốn bắn anh đâu, cứ làm phận sự của anh đi.

Các nhân viên m ở cửa bước vào, ai nấy đều xúc động và nhón nhác. Thấy L.Đ. đi dép, họ tìm

giày và xỏ giày cho anh. Rồi họ lục ra chiếc áo lông và mũ của anh..., mặc áo quần cho anh. L.Đ. không chịu đi ra. Các nhân viên xốc nách anh. Chúng tôi đi theo họ. Tôi choàng chiếc áo khoác lên người, đi đôi ủng cao cổ lột da thú... Cánh cửa lập tức đóng sập sau lưng tôi. Có tiếng ồn ào bên trong. Tôi thét lên khiến lũ mật vụ đang lôi kéo L.Đ. xuống cầu thang phải dừng lại và tôi đòi người ta để các con tôi bước ra ngoài. Cửa mở toang, các con trai tôi nhảy ra cùng hai bà khách của chúng tôi, Bêlôbô rô đô va và Giôphê. Họ dùng sức ứa ra ngoài cửa. Xêriô gia áp dụng những miếng nhào lộn nó đã học trong các buổi tập luyện. Khi chúng tôi đi xuống cầu thang, Liô va đập cửa mọi căn hộ và la to:

-- Người ta bắt cóc đồng chí Trốttxki!

Những gương mặt sợ hãi hiện ra ở khung cửa các căn hộ và thang gác. Chỉ có những cán bộ Xô-viết uy tín ở trong tòa nhà này. Tất cả chúng tôi bị nhồi nhét vào một chiếc xe chật cứng. Phải khó khăn lắm Xêriô gia mới dứt được chân vào xe. Bêlôbô rô đô va cũng đi cùng với chúng tôi. Chúng tôi đi một vòng qua các phố xá Mátxcova. Trời lạnh cóng. Xêriô gia không có mũ, quá vội nó không kịp đội mũ, không ai có giày đi bùn, găng tay, không ai kịp mang theo va-li, đến cả túi xách cũng không. Chúng tôi không có một chút hành lý nào. Người ta không đưa chúng tôi ra ga Cadan, mà đi theo một hướng khác hẳn: hóa ra là ga Iarôxláp. Xêriô gia cố nhảy xuống xe để chạy đến chỗ con dâu tôi làm việc, báo cho nó biết tất cả chúng tôi đều bị bắt đi cả. Các nhân viên giữ chặt tay Xêriô gia và yêu cầu L.Đ. bảo con đừng nhảy khỏi xe. Chúng tôi đến một nhà ga hoàn toàn vắng vẻ. Đến lúc ấy, đám mật vụ vẫn xốc nách đưa L.Đ. đi. Liô va kêu to với vài nhân viên đường sắt đang thơ thẩn vô công rồi nghề ở đó:

-- Các đồng chí, nhìn xem người ta lôi đồng chí Trốttxki đi như thế nào! Một nhân viên G.P.U., trước đây còn theo Trốttxki đi săn, túm cổ áo nó.

-- Thăng nhãi ranh, nhìn đây, mày có thấy khẩu súng lục này không? -- hấn láo xược la lên.

Xêriô gia cho hấn một cái tát bằng động tác của một vận động viên thể dục lão luyện. Chúng tôi ngồi trong toa xe. Đội áp tải đứng trấn trước cửa sổ và cửa ra vào của buồng chúng tôi. Các nhân viên G.P.U. chiếm những khoang còn lại. Chúng tôi đi đâu? Không biết. Người ta không mang hành lý đến cho chúng tôi. Đoàn tàu chỉ có mỗi một toa chuyển bánh. Lúc đó là hai giờ chiều. Giữa đường, chúng tôi mới hay thì ra chúng tôi đi theo đường vòng về hướng một ga nhỏ heo hút, ở đó toa xe của chúng tôi sẽ được nối với chuyến tàu chở thư khởi hành từ nhà ga Cadan (Mátxcova) đến Tasken [Tachkent]. Năm giờ, chúng tôi từ giã Xêriô gia và chị Bêlôbô rô đô va, họ phải đi chuyển tàu ngược lại để trở về Mátxcova. Chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Tôi bị cảm lạnh. L.Đ. hăm hở, hầu như anh ở trong tâm trạng vui vẻ. Tình thế đã rõ ràng. Bầu không khí chung trở lại yên tĩnh hơn. Đội áp tải cư xử ân cần và lịch sự. Họ báo cho

chúng tôi biết hành lý của chúng tôi sẽ đi chuyến tàu sau và sẽ theo kịp chúng tôi ở Phorundê (ga cuối của đoàn tàu chúng tôi), tức là vào ngày thứ chín của chuyến đi. Chúng tôi không có bên mình quần áo lót để thay và sách để đọc. Mặc dù Xécmúc và Pôđơnanxki đã sắp xếp sách vở của chúng tôi thật chu đáo và trù mẫn: họ chọn lọc thật tỉ mỉ, sách này để đi đường, sách kia để làm việc trong thời gian đầu. Xécmúc gói ghém những đồ dùng văn phòng của L.Đ. mới cẩn thận làm sao, anh biết đến tận cùng sở thích và thói quen của L.Đ. Trong những năm tháng cách mạng, Xécmúc đã cùng L.Đ. vượt biết bao nhiêu chặng đường, với tư cách tốc ký viên và thư ký. Dọc đường, L.Đ. bao giờ cũng làm việc bằng ba, tận dụng dịp may không có chuông điện thoại, không có khách khứa quấy rầy và gánh nặng của công việc chủ yếu dồn trên vai Goladoman, sau đến Xécmúc. Nhưng lần này, chúng tôi đi một chuyến dài trên con đường gập ghềnh mà không có lấy một quyển sách, một cây bút chì và một tờ giấy. Trước khi đi, Xêriôgia đã tìm cho chúng tôi công trình khoa học của Xemiônốp- Tiansanxki [Séménov-Tianchansky] về vùng quê Tân Cương [Turkestan]; dọc đường, chúng tôi định tìm hiểu nơi ở tương lai của chúng tôi mà chúng tôi mới chỉ hình dung nó một cách đại khái. Nhưng cuốn sách của Xemiônốp-Tiansanxki cũng nằm lại trong va-li ở Mátxcova cùng nhiều đồ đạc khác. Vậy là chúng tôi ở trong toa xe mà không có chút hành lý nào, như thể chúng tôi chỉ đi từ một khu phố này sang một khu phố khác trong thành phố. Tối đến, chúng tôi nằm dài trên những chiếc ghế băng hẹp, dựa đầu vào khuỷu tay. Đội lính gác đứng bên cánh cửa khép hờ của khoang tàu.

Việc gì sẽ xảy ra với chúng tôi về sau này? Cuộc hành trình của chúng tôi sẽ như thế nào? Và nơi đây ả? Chúng tôi sẽ ở đó trong những điều kiện ra sao? Những việc khởi đầu đã báo hiệu những điềm không hay. Tuy nhiên, chúng tôi cũng cố yên lòng. Toa xe đu đưa nhẹ nhàng. Chúng tôi nằm thõng, thả người trên những chiếc ghế băng hẹp. Chỉ có cánh cửa hé mở nhắc nhở chúng tôi đang ở chế độ lao tù. Chúng tôi kiệt sức vì những biến cố bất ngờ, vì tình hình bất định, vì sự căng thẳng của những ngày vừa qua và giờ đây chúng tôi được nghỉ ngơi. Toa xe yên tĩnh. Đoàn áp tải lặng im. Tôi cảm thấy mệt mỏi. Bằng mọi cách, L.Đ. cố gắng làm tôi khuây khỏa nhưng anh chẳng có gì ngoài tâm trạng vui vẻ, trù mẫn, tâm trạng ấy cũng lan sang tôi. Dần dần, chúng tôi bắt đầu quên đi những gì xung quanh và tận hưởng cảnh vật êm ả. Liôva ở khoang bên cạnh. Ở Mátxcova, nó ngập đầu vào công việc của phe đối lập. Nay cùng đi với chúng tôi đến nơi đây ả để giúp đỡ chúng tôi, nó không còn thì giờ để từ biệt vợ nó. Từ lúc đó, nó là phương tiện liên lạc duy nhất của chúng tôi với thế giới bên ngoài. Toa xe hầu như tối om, những ngọn nến mờ cháy leo lắt trên cửa ra vào. Chúng tôi đi về phía Đông.

Càng rời xa Mátxcova bao nhiêu, đoàn áp tải càng tỏ ra ân cần với chúng tôi bấy nhiêu. Ở Xamara, họ mua cho chúng tôi quần áo lót để thay, xà phòng, thuốc đánh răng loại bột, bàn chải răng... Chúng tôi và đoàn áp tải ăn bữa trưa được đặt trước ở các nhà ăn đường sắt. L.Đ. lúc

nào cũng ăn uống kiêng khem, giờ anh vui vẻ nếm tất cả mọi thứ, anh duy trì tinh thần tôi và Liôva. Tôi nhìn anh với vẻ ngạc nhiên pha lẫn lo lắng. Trong sinh hoạt thường ngày, áo quần mua ở Xamara được gọi bằng những tên gọi đặc biệt: khăn tắm mang tên Menginxki, đôi tất mang tên Iagôđa [Iagoda] (phụ tá của Menginxki) và cứ thế. Được gọi bằng những cái tên như thế, các đồ vật có vẻ ngộ nghĩnh hơn. Do tuyết rơi chất đống cản đường, đoàn tàu đi khá chậm trễ. Tuy vậy, ngày lại ngày, chúng tôi càng tiến sâu vào mảnh đất châu Á.

Trước khi lên đường, L.Đ. đò người ta cho hai cộng tác viên cũ của anh đi theo, nhưng bị từ chối. Khi ấy Xécmúc và Pôdonanxki quyết định tự đi cùng chuyến tàu với chúng tôi. Hai người chiếm chỗ trong một toa xe khác. Họ được chứng kiến tận mắt cuộc biểu tình. Mặc dầu không rời khỏi chỗ ngồi, họ đoán chắc rằng chúng tôi thế nào cũng đi cùng chuyến. Ít giờ sau, họ phát hiện ra không có chúng tôi ở đó, cả hai cùng bước xuống ga Aruxi [Arys] và chờ chúng tôi trên chuyến tàu sau. Chúng tôi đuổi kịp họ ở đấy. Nhờ được tự do đi lại ít nhiều trong tàu, chỉ có Liôva gặp họ nhưng tất cả chúng tôi đều rất vui mừng. Đây là những dòng con trai tôi ghi lại ngay tại chỗ:

"Buổi sáng tôi ra nhà ga, nghĩ rằng có thể tìm thấy các bạn hữu; trong suốt cuộc hành trình chúng tôi đã trò chuyện rất nhiều về số phận họ, chúng tôi lo lắng cho họ. Và quả thực: cả hai đều ở đây, họ ngồi trước một cái bàn nhỏ ở quầy hàng và chơi cờ. Tôi mừng rỡ khôn tả. Tôi ra hiệu cho họ rằng họ dừng lại chỗ tôi: sau khi tôi xuất hiện ở quầy hàng, theo thông lệ, lũ mật vụ lại ập đến tấp nập khác thường. Tôi vội quay về toa xe để thông báo phát hiện của tôi. Ai nấy đều vui mừng. Cả L.Đ. cũng khó mà giận được họ, mặc dù hai người đã bỏ qua các chỉ thị của ông và lẽ ra phải đi tiếp thì họ lại chờ đợi chúng tôi trước mắt mọi người -- đó là một sự mạo hiểm vô ích. Sau khi bàn bạc mọi việc với L.Đ., tôi thảo ra một bức thư, hi vọng sẽ đưa được cho họ khi trời xẩm tối. Trong thư có một chỉ thị như sau: Pôdonanxki lập tức phải rời chúng tôi, đến Tasken và chờ tín hiệu ở đó. Xécmúc tiếp tục đi đến Anma-Ata, tạm thời chưa liên lạc với chúng tôi vào lúc này. Đi qua không dừng lại trước mặt Xécmúc, tôi thỏa thuận được với anh một thời điểm gặp gỡ ở một xá xinh tối tăm sau nhà ga. Pôdonanxki đi thay Xécmúc, chúng tôi không tìm thấy nhau ngay; cuối cùng khi gặp nhau chúng tôi xúc động và nói vội vội vàng vàng, ngắt lời nhau liên tục. Tôi kể cho anh nghe chuyện chúng tôi bị phá cửa và bị bắt cóc. Anh không hiểu ai phá cửa và tại sao lại phải bắt cóc. Tôi không có thì giờ để giải thích cặn kẽ hơn, người ta có thể phát hiện ra chúng tôi bất cứ lúc nào. Thực tế, cuộc gặp gỡ không đem lại kết quả gì."

Sau phát hiện của con trai tôi ở Aruxi, chúng tôi tiếp tục hành trình với cảm giác khoan khoái là có một người bạn trung thành cùng đi với chúng tôi. Đây là một điều thật đáng mừng. Vào ngày thứ mười, chúng tôi nhận được hành lý và vội vã lục tìm cuốn sách của Xemiônốp-

Tiansanxki. Chúng tôi thích thú đọc về thiên nhiên, dân cư, về những đồn điền táo; điều chủ yếu là ở đó, có thể đi săn tuyệt vời. L.Đ. vô cùng mừng rỡ khi tìm thấy bọc đồ dùng văn phòng do Xécmúc đóng gói. Sáng tinh mơ, chúng tôi đến Phorundê (Pisopéc [Pichpek]). Đó là ga cuối của chuyến tàu. Băng giá phủ một lớp dày. Tuyết trắng tinh khiết, tuyệt đẹp và rạng rỡ ánh nắng mặt trời khiến chúng tôi chói mắt. Người ta đem đến cho chúng tôi đôi ủng da và áo lông cừu. Tôi gài gù lưng dưới sức nặng của áo quần mà vẫn thấy lạnh. Chiếc xe buýt đi chậm chậm trên con đường đóng băng lạo xạo tuyết, gió quất vào mặt. Chúng tôi dừng lại sau một chặng đường gần ba chục cây số. Trời tối. Cứ như thể chúng tôi dừng chân giữa một hoang mạc tuyết. Hai người lính canh (đoàn áp tải gồm 12-15 người) lại gần chúng tôi và bối rối báo cho chúng tôi biết chỗ trú qua đêm "không được tốt lắm". Khó khăn lắm mới xuống được khỏi xe, chúng tôi lần mò trong đêm tối, tìm cái bậc thềm của trạm bưu cục và cái cửa thấp, chúng tôi bước vào một cái lán gỗ và vui sướng trút bỏ những chiếc áo da cừu. Tuy nhiên, cái lán lạnh buốt và không có sưởi. Những ô kính vuông trên chiếc cửa sổ bé nhỏ hoàn toàn đóng băng. Có một lò sưởi Nga lớn trong góc nhà, nhưng khốn thay nó cũng lạnh như băng. Chúng tôi tự sưởi ấm bằng cách uống trà. Chúng tôi ăn một thứ gì đó. Chúng tôi trò chuyện với chị trưởng ga, một phụ nữ Côđắc. L.Đ. gạn hỏi chi tiết về đời sống vùng này, chêm vào, anh hỏi cả về săn bắn. Tất cả đều rất lạ lùng, nhất là chúng tôi không được biết mọi việc sẽ kết thúc ra sao. Chúng tôi chuẩn bị đi ngủ, đoàn áp tải ở căn phòng bên cạnh, Liôva nằm dài trên một chiếc ghế băng, còn tôi và L.Đ. trải những chiếc áo lông thành lớp đệm trên một chiếc bàn lớn. Cuối cùng, khi chúng tôi đã yên vị trong căn phòng có trần thấp, tối tăm và lạnh lẽo, tôi phá lên cười:

-- Chẳng có gì giống căn phòng chúng ta ở điện Kremli cả!

L.Đ. và Liôva cũng cười vang và hòa vào với tôi.

Vào rạng sáng, chúng tôi tiếp tục lên đường. Trước mặt chúng tôi là quãng

đường khó khăn nhất: phải vượt đèo Cuốcdai [Kourdai]. Trời lạnh cóng, băng giá dày, quần áo nặng không chịu nổi như thể có một tòa nhà đổ xuống lưng. Đến một ga mới, vừa uống chè chúng tôi vừa chuyện trò với một nhân viên G.P.U. từ Anma-Ata đến đón chúng tôi. Từng mảnh vụn của một cuộc sống xa lạ hiện ra dần dần trước mắt chúng tôi. Chiếc xe hơi vất vả chạy trên đường đầy tuyết, thỉnh thoảng lại bị các đồng băng cắt ngang. Anh tài xế lái xe rất khéo, biết rõ đặc điểm của đường đi và anh tự sưởi ấm bằng rượu vốt-ca. Anh ý thức được rằng trong cái hoang mạc đầy tuyết này, mọi người đều phụ thuộc vào anh và anh giải tỏa căng thẳng bằng cách phê bình khá thẳng thắn cấp trên và tình thế... Vị đại diện chính quyền ở Anma-Ata ngồi cạnh anh chỉ co mình lại: miễn là đi được đến nơi bình an vô sự! Có lẽ khoảng ba giờ đêm, xe dừng lại giữa màn đêm tối như mực. Đến rồi đấy, người ta nói. Đến đâu cơ? Hóa ra là đến khách sạn Dêtxu [Djétyx] ở phố Gôgôn [Gogol]; ở đây, những phòng cho thuê –

--kèm đồ gỗ -- quả thực phải có từ thời Gôgôn. Chúng tôi được hai phòng nhỏ. Đoàn áp giải và những nhân viên G.P.U. địa phương chiếm những vị trí bên cạnh. Liôva soát lại hành lý, té ra thiếu hai va-li đựng quần áo lót và sách vở, hẳn đã rớt lại đâu đó trong vùng tuyết. Hỡi ôi! Lại một lần nữa chúng tôi đánh mất Xemiônốp-Tiansanxki! Những tấm bản đồ và sách vở của L.Đ. về Trung Quốc và Ấn Độ cũng bị thất lạc, các đồ dùng văn phòng đều bị hỏng. Mười lăm cặp mắt đã không đủ để giữ nổi đồ đạc của chúng tôi.

Sáng s ớm Liôva đã đi thám thính. Nó làm quen với thành phố, trước hết là với bưu điện và trạm điện báo, cơ sở đóng vai trò trung tâm trong đời sống chúng tôi kể từ ngày đó. Nó cũng phát hiện ra hiệu thuốc nữa. Không mệt mỏi, nó tìm kiếm mọi thứ cần thiết như ngòi bút, bút chì, bánh mì, bơ, nến... Cả L.Đ., cả tôi đều không ra khỏi nhà trong những ngày đầu, sau đó chúng tôi bắt đầu đi dạo ngắn vào buổi tối. Toàn bộ mối liên hệ của chúng tôi với thế giới bên ngoài được duy trì thông qua con trai chúng tôi.

Người ta mang bữa ăn trưa cho chúng tôi từ một tiệm ăn cạnh nh à. Liôva chạy đây đó suốt ngày. Chúng tôi nóng lòng đợi nó về nhà. Nó mang báo cùng mọi thứ tin tức về đời sống hàng ngày của thành phố, về những tập quán của dân trong vùng. Chúng tôi hồi hộp không hiểu Xécmúc làm sao đến được đây. Và bỗng một hôm, vào ngày thứ tư, chúng tôi nghe một giọng nói quen thuộc ngoài hành lang. Chúng tôi mừng rỡ biết nhường nào! Áp người vào cánh cửa, chúng tôi chăm chú mọi lời nói và bước chân của Xécmúc. Điều đó mở ra cho chúng tôi những triển vọng mới. Tôi đi ra hành lang, anh cúi đầu chào tôi từ xa... Còn chưa dám bắt chuyện với nhau, nhưng chúng tôi yên lặng vui sướng vì sự gần gũi đó. Hôm sau, chúng tôi ngấm đưa anh vào phòng, vội vã kể cho anh nghe những chuyện đã xảy ra và bàn bạc tương lai chung của chúng tôi. Nhưng tương lai ấy không được lâu bền. Kết cục xảy ra vào mười giờ tối ngày hôm ấy. Khách sạn yên tĩnh. Tôi và L.Đ. cùng ngồi trong phòng, cánh cửa ra vào hé mở ra hành lang lạnh lẽo vì cái lò sưởi gang thiêu đốt khoảng không gian bé nhỏ, khiến chúng tôi nóng nực không chịu nổi. Liôva ngồi ở phòng nó. Chúng tôi nghe thấy những bước chân đi ủng dạ mềm khe khẽ, thận trọng ngoài hành lang, lập tức chúng tôi bắt đầu chú ý nghe ngóng (sau này chúng tôi mới biết Liôva cũng giống tai nghe và đoán ra những gì sẽ xảy ra). "Chúng đến bắt anh ấy rồi" -- chúng tôi thoáng nghĩ. Chúng tôi nghe người ta vào phòng Xécmúc mà không gõ cửa. "Nhanh lên!" -- họ giục. Xécmúc còn hỏi: "Ít nhất tôi cũng được xỏ đôi ủng da chứ?", vì anh đang đi dép. Rồi lại nghe những bước chân rón rén, nhẹ nhàng và sau đó, bầu không khí yên tĩnh lại được khôi phục như cũ. Cuối cùng, người gác cổng khóa cánh cửa phòng, nơi mà Xécmúc vừa ra đi. Chúng tôi không bao giờ gặp lại anh nữa. Anh bị giam vài tuần trong nhà hầm của tòa nhà G.P.U. vùng Anma-Ata cùng với những tù thường phạm, chỉ được nhận khẩu phần ăn chết đói; rồi anh bị chuyển đi Mátxcova, mỗi ngày chỉ được 25 cô-pếch tiền ăn. Gần

ấy tiền chẳng đủ để mua bánh mì.

Sau này chúng tôi được biết Pôđonaxki cũng bị bắt trong thời gian ấy ở Tasken và cũng bị chuyển về Mátxcova. Chừng ba tháng sau chúng tôi nhận được tin của họ từ chốn lưu đày. Nhờ một may mắn ngẫu nhiên khi họ bị áp giải từ Mátxcova đi về phía Đông, họ lại gặp nhau trong một toa tàu và ngồi đối diện nhau. Hai con người từng xa nhau một thời gian, gặp gỡ nhau để rồi lại xa nhau lần nữa: mỗi người bị đày ải một nơi khác nhau.

Như vậy L.Đ. thiếu những cộng tác viên. Kẻ địch trả thù họ không thương tiếc vì họ đã cùng L.Đ. phụng sự trung thành cách mạng. Từ năm 1924, Goladoman, con người đáng yêu và khiêm tốn đã bị dồn đến chỗ phải tự vẫn. Xécmúc và Pôđonaxki bị đi đày. Butốp [Boutov] -- con người điềm đạm và chăm chỉ -- bị bắt giam. Người ta muốn anh khai ra những lời giả mạo, anh luôn bị bỏ đói đến khi bỏ mạng trong một bệnh xá nhà tù. Thế là cuối cùng, người ta phá tan "ban thư ký" mà những kẻ thù của L.Đ. căm thù một cách kỳ bí và coi đó như nguồn gốc của mọi tai họa. Kẻ thù cho rằng L.Đ. giờ đây đã vĩnh viễn bị tước vũ khí ở vùng AnmaAta xa xăm. Vôrôsilốp công khai khoe khoang trước công chúng: "Nếu hắn chết ở đó, chúng tôi cũng chẳng biết tin ngay!"

Nhưng L.Đ. không bị tước vũ khí. Chúng tôi thành lập một "tổ hợp tác" ba người. Con trai chúng tôi được giao nhiệm vụ trước nhất là tổ chức mối quan hệ với thế giới bên ngoài. Nó giải quyết việc trao đổi thư tín của chúng tôi. L.Đ. lúc gọi nó là bộ trưởng Ngoại giao, lúc gọi là bộ trưởng Bộ Bưu chính và Điện tín. Chẳng mấy chốc, phạm vi quan hệ thư từ của chúng tôi mở ra rất rộng và đè nặng lên đôi vai Liôva. Nó còn là người đóng vai trò hộ vệ. Nó tập hợp các tài liệu cần thiết cho công việc của L.Đ; nó lục lọi trong thư viện, tìm các sách báo cũ, ghi chép lại các văn bản. Nó đàm phán với các thủ trưởng địa phương, tổ chức những cuộc đi săn, chăm sóc chó săn và lau chùi súng ống. Ngoài ra, nó còn chăm chỉ tự học hỏi, nghiên cứu địa dư kinh tế và học các ngoại ngữ...

Sau khi chúng tôi đến vài tuần, công tác khoa học và chính trị của L.Đ. đã được tiến hành hết tốc lực. Về sau Liôva cũng tìm được một nữ thư ký. Cục G.P.U. không đụng đến chị, nhưng chắc chắn là họ buộc chị phải báo cáo lại tất cả những gì chị viết ở nhà chúng tôi. Sẽ vô cùng thú vị nếu chúng ta được đọc những bản báo cáo của cô gái này, vốn không mấy thông thạo trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa trốt-kít.

Tuy ết ở Anma-Ata đẹp, trắng muốt, tinh khiết và khô ráo; mọi người ít đi lại, không có xe cộ máy, thành thử tấm thảm tuyết giữ nguyên vẻ trong trắng suốt mùa đông. Rồi xuân đến, tuyết được thay thế bằng hoa mào gà đỏ. Biết bao nhiêu là hoa! Thảo nguyên được phủ bằng những tấm thảm hoa khổng lồ trải dài mấy cây số, đâu đâu cũng một màu đỏ thắm. Mùa hè có rất nhiều táo, thứ táo Anma-Ata nổi tiếng, loại táo địa phương to và đỏ. Trong thành phố không có

hệ thống nước, không có điện, không có đường cái. Ở khu chợ trung tâm, trong vũng bùn, trên bậc thềm các hiệu buôn nhỏ, những người Kiécghidi [Kirghiz] nằm ngồi tắm nắng và tìm chấy rận trên người họ. Bệnh sốt rét hoành hành kinh hoàng. Có cả những ca dịch hạch ở đây, mùa hè có rất nhiều chó dại và báo chí thường đưa tin về bệnh hủi... Vậy mà chúng tôi sống thoải mái qua mùa hè ấy. Chúng tôi thuê một lán gỗ dưới chân núi của một người làm vườn, từ đó có thể nhìn thấy những rặng núi thoải thoải thuộc dãy Thiên Sơn tuyết phủ. Cùng chủ nhân và gia đình ông, chúng tôi theo dõi mùa trái chín và tham gia tích cực việc thu hoạch. Khu vườn trải qua nhiều giai đoạn. Thoạt đầu nó đầy hoa trắng, rồi các cành cây nặng dần lên, trĩu quả chín dựa vào các gậy chống. Sau đó, trái cây rụng làm thành một tấm thảm sắc sỡ phủ kín gốc cây, các lớp rạ và các cây táo trút được gánh nặng lại vươn cành lên; hương vị táo chín, lê chín tỏa khắp khu vườn, lũ ong và vò vẽ bay nhộn nhịp. Chúng tôi nấu mứt.

Vào tháng Sáu, tháng Bảy, trong vườn táo tây, trong căn nhà nhỏ mái phủ bằng những cây lau đan chéo, công việc được tiến hành ráo riết, máy chữ lách tách không ngừng: đây là cảnh tượng chưa từng có ở vùng này. L.Đ. đọc cho viết bản phê bình cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản, anh sửa chữa rồi đánh máy lại. Thư từ đến rất nhiều, mỗi ngày mười, mười lăm lá, một số lượng lớn các luận đề, nhận xét phê bình, luận chiến nội bộ, tin tức báo chí từ Mátxcova, vô số điện tín về các vấn đề chính trị, sức khỏe. Những vấn đề lớn của chính sách toàn cầu lẫn lộn với các vụ việc địa phương, có tầm quan trọng nhỏ hơn, nhưng xem ra cũng rất có ý nghĩa. Thư từ của Xônxốpki lúc nào cũng đả động đến các đề tài chính trị cấp thời, được viết với phong cách nhiệt tình và mãnh liệt thường thấy ở anh. Chúng tôi sao chép lại những bức thư tuyệt tác của Racốpki và gửi đi cho những người khác. Căn phòng nhỏ có trần thấp bề bộn bàn ghế, trên đó là những tập bản thảo, cặp giấy, báo chí, sách vở, ghi chép, những mẫu cắt ra từ báo. Nhiều ngày liền, Liôva không bước chân ra khỏi căn phòng nhỏ của nó, nằm cạnh chuồng ngựa: nó đánh máy, sửa những tài liệu do cô thư ký đánh máy, dán phong bì, gửi thư, phân loại thư từ nhận được và tìm những trích đoạn cần thiết. Một người tàn tật đi ngựa mang thư từ thành phố về cho chúng tôi. Tối tối, L.Đ. thường xuyên lên ngựa, mang súng và dẫn chó săn lên núi, đôi lúc tôi hoặc Liôva cũng đi cùng anh. Họ đem về chim cú, bồ câu rừng màu xám, gà gô đỏ hoặc gà lôi. Mọi việc đều tốt đẹp cho đến cơn sốt rét gần nhất.

Chúng tôi sống một năm như thế ở Anma-Ata, thành phố của những trận động đất và lụt lội, dưới chân rặng Thiên Sơn. Nơi lưu đày của chúng tôi ở cạnh biên giới Trung Quốc, cách tuyến đường sắt 250 cây số, cách Mátxcova bốn ngàn cây số. Chúng tôi sống với thư từ, sách vở và thiên nhiên.

Mặc dù bất cứ lúc nào chúng tôi cũng chạm mặt những người bạn phải giấu kín tình cảm của mình (còn quá sớm để nói về họ), bề ngoài chúng tôi hoàn toàn bị cô lập với dân chúng địa

phương bởi bất cứ ai tìm cách tiếp xúc với chúng tôi đều bị trừng phạt, đôi khi bị đàn áp rất nặng nề...

Tôi xin bổ sung vài trích đoạn trong thư từ tôi hồi đó vào các ghi chép của vợ tôi. Ngày 28 tháng hai, ngay sau khi đến nơi, tôi viết cho vài người bạn của tôi bị đi đày:

B ởi lẽ chính phủ Cadăcxtan [Kazakstan] sắp đặt thủ phủ tại đây, người ta đưa mọi căn hộ vào hồ sơ đăng ký. Chỉ nhờ kết quả những bức điện tín do tôi trút lên đầu các vị tai to mặt lớn cấp cao ở Mátxcova mà sau ba tuần ở khách sạn, cuối cùng chúng tôi mới được chuyển vào một căn hộ. Chúng tôi mua một vài thứ đồ gỗ, sửa lại cái bếp lò bị hư hỏng và nói chung, chúng tôi phải lo việc xây dựng nằm ngoài mọi kế hoạch: tất cả gánh nặng đè lên vai Natalia Ivanốpna [Natalia Ivanovna] và Liôva. Công việc xây dựng đến nay vẫn chưa kết thúc: bếp lò vẫn chưa chịu nóng...

Tôi nghiên c ứu nhiều về châu Á: địa lý, kinh tế, lịch sử và nhiều thứ khác... Báo chí ngoại quốc thiếu thốn vô cùng. Tôi đã viết thư cho vài nơi yêu cầu họ gửi báo nước ngoài cho tôi, kể cả những tờ không mới nhất. Bưu điện ở đây quá chậm trễ và có vẻ rất thất thường...

Hoàn toàn không th ể hiểu nổi vai trò của đảng Cộng sản Ấn Độ. Báo chí đưa những tin nhanh về các buổi gặp mặt tại một số tỉnh của "đảng công-nông". Ngay bản thân tên gọi ấy cũng đem lại mối lo ngại chính đáng cho mọi người. Bởi thời xưa Quốc dân đảng (Trung Quốc) cũng được tuyên truyền như một chính đảng công-nông. Chớ để quá khứ lặp lại!

R ốt cục mâu thuẫn đối kháng Anh -- Mỹ cũng đã bộc lộ ra một cách trầm trọng. Giờ đây dường như Xtalin và Bukharin cũng đã bắt đầu hiểu điều gì đã xảy ra. Tuy nhiên, báo chí chúng ta đơn giản hóa vấn đề khá nhiều. Các sự việc được trình bày như thể các mâu thuẫn thường xuyên trở nên sâu sắc hơn giữa Anh và Mỹ sẽ trực tiếp dẫn đến chiến tranh. Chúng ta có thể quả quyết rằng trong quá trình này còn phải có một vài bước ngoặt nữa. Đối với cả hai phe, chiến tranh là một trò chơi quá nguy hiểm. Người ta sẽ còn làm một vài thử nghiệm để thỏa thuận và hòa hoãn với nhau. Nhưng nói chung, tình hình sẽ tiến triển những bước khổng lồ về phía một kết cục đẫm máu.

Gi ữa đường, lần đầu tiên trong đời tôi đọc tác phẩm đả kích *Herr Vogt* (Ngài Phốctơ) của Mác. Để bác bỏ hàng tá những khẳng định vu khống của Các Voốctơ [Karl Vogt], Mác đã viết một cuốn sách chữ nhỏ dài hai trăm trang. Ông thu thập các tư liệu, các lời khai nhân chứng, xem xét các bằng chứng trực tiếp và gián tiếp... Đồng chí nghĩ gì nếu chúng ta cũng bác bỏ những lời vu khống của phái xta-lin-nít, cũng chi tiết, tỉ mỉ như thế? Chắc chắn chúng ta phải xuất bản một bộ bách khoa toàn thư hàng ngàn tập...

Tháng Tư, tôi chia sẻ với những người "trong cuộc" niềm vui và nỗi buồn của việc đi săn:

Chúng tôi cùng đi với con trai tôi ra sông Ili, quyết định phải tận dụng triệt để mùa xuân này. Lần này chúng tôi mang theo lều, chăn dạ, áo lông v.v... để khỏi phải ngủ đêm trong những lều trại của dân du mục... Nhưng tuyết lại bắt đầu rơi, đông thành băng. Có thể gọi những ngày ấy là những ngày thử thách lớn. Đêm đêm, trời lạnh âm tám, âm mười độ. Dầu vậy, trong vòng chín ngày chúng tôi không vào một nhà gỗ nào. Nhờ đồ lót ấm và nhiều áo quần mặc ngoài ấm áp, chúng tôi hầu như không bị lạnh. Nhưng ủng của chúng tôi đêm nào cũng đóng băng, chúng tôi phải hó trên lửa, không thì không thể xỏ vào chân được. Những ngày đầu chúng tôi đi săn trong đầm lầy, sau đó trên một cái hồ thoáng đãng. Trên một gò đất to, đầy cây cỏ, nhô lên ở giữa đầm lầy, chúng tôi làm một cái chòi nhỏ để săn vịt và mỗi ngày ở đó mười, mười hai tiếng đồng hồ. Liôva thì đứng nấp trong bãi lau sậy để rình.

Do thời tiết không thuận lợi và các loài chim bay đến thất thường, cuộc đi săn -- nếu chỉ tính đến chuyện săn bắn -- không thật thành công. Chúng tôi mang về nhà hơn bốn mươi con vịt trời và một đôi ngỗng trời. Tuy nhiên, chuyến đi ấy làm cả hai chúng tôi vô cùng thích thú, chủ yếu là để con người ta trở lại thửa hoang sơ: chúng tôi ngủ ngoài trời, ăn thịt cừu nấu trong một cái xô, không tắm rửa, không cởi quần áo và do đó không phải mặc lại, tôi bị ngã từ ngựa xuống sông (đây là lần độc nhất tôi phải cởi quần áo giữa nắng trưa nóng bỏng), hầu như ở dưới nước suốt hai mươi tư tiếng, trong một nhà sàn nhỏ dựng trên mặt nước, giữa đám lau sậy. Tất cả những điều nói trên, ít khi người ta được sống. Khi trở về nhà, chúng tôi không thấy nóng đầu sổ mũi, nhưng ngay hôm sau tôi đã bị ốm và phải nằm suốt một tuần.

Dạo này, dần dần chúng tôi bắt đầu nhận được báo chí ngoại quốc từ Mátxcova và Axtorakhan do Racốpxki gửi. Hôm nay tôi nhận được thư anh. Anh đang làm một luận án về học thuyết Xanh-Ximôn [Saint-Simon] cho Học viện Mác-Ăngghen [Engels], ngoài ra anh còn viết hồi ký. Ai biết chút ít về cuộc đời Racốpxki, người ấy có thể đoán được những hồi ức của anh sẽ gây nên sự quan tâm lớn lao như thế nào.

Ngày 24 tháng Năm, tôi viết cho Prêôboragienxki, lúc đó đã rất dao động:

Sau khi nhận được các luận đề của đồng chí, tôi không viết cho ai về chúng. Ba hôm sau, tôi nhận được bức điện sau đây từ Canpasốp [Kalpachov]:

"Chúng tôi cương quyết bác bỏ những đề nghị và đánh giá tình hình của Prêôboragienxki. Hãy trả lời ngay. Xminga, Anxki [Alsky], Nhêtraiép."

Hôm qua, lại có một bức điện gửi từ Útxchi-Culôm [Ousti-Koulom]:

"Chúng tôi thấy những đề nghị của Prêbagienxki là sai trái. Biêlôbôrôđốp, Valenchinốp [Valentinov]."

Hôm qua tôi nhận được thư của Racốpxki trong đó anh ấy không khen ngợi đồng chí lắm mà

đánh giá quan hệ của đồng chí với "đường lối tả khuynh" xta-lin-nít bằng câu châm ngôn Anh "hãy chờ và xem" -- "wait and see". Cũng hôm qua, tôi nhận được thư của Biêlôbôrôđốp và Valenchinốp. Cả hai đều hết sức lo ngại về một lá thư nào đó do Rađéc gửi về Mátxcova, hoàn toàn phản ánh một tâm trạng chán nản. Họ rất bức tức và làm om sòm. Nếu họ trình bày cho tôi biết chính xác nội dung bức thư Rađéc, tôi hoàn toàn đoàn kết với họ. Tôi không đề nghị khuyến khích những kẻ thất thường.

Từ khi đi săn về, nghĩa là từ cuối tháng Ba, tôi không hề bước chân ra khỏi nhà, tôi thường xuyên ngồi với cuốn sách hay cây bút trong tay, từ bảy, tám giờ sáng đến mười giờ tối. Tôi có ý định nghỉ ngơi vài ngày: vì bây giờ không phải mùa săn bắn, tôi sẽ đi câu cá trên sông Ili cùng Natalia Ivanốpna và Xêriôgia (lúc này đang ở đây). Tôi sẽ kể cho đồng chí việc này một cách kịp thời.

Đồng chí có hiểu việc gì đang xảy ra ở Pháp trong các cuộc bầu cử không? Hiện tại tôi chưa hiểu gì cả. Từ *Prápđa* không đăng tải cả đến tổng số cử tri so với các cuộc bầu cử trước đây, vì thế không thể biết tỷ lệ những người cộng sản tăng hay giảm. Thế nào đi nữa tôi cũng phải bắt tay nghiên cứu vấn đề này một cách kỹ càng từ báo chí nước ngoài, đến lúc đó rồi tôi sẽ viết. Ngày 26 tháng Năm, tôi viết cho Mikhain Ôcútgiava [Mikhail Okoujava], một người bên-sê-vích cựu trào xứ Grudia:

Bởi lẽ đường lối mới của Xtalin xác định những nhiệm vụ cần phải thực hiện, chắc chắn sẽ là một thử nghiệm để xích lại gần lập trường của chúng ta. Tuy nhiên trong chính trị, không chỉ có *cái gì*, mà *cái thế nào* và *ai* cũng là yếu tố quyết định. Những cuộc đấu tranh có tầm quan trọng quyết định số phận cách mạng còn ở trước mặt chúng ta...

Chúng tôi bao giờ cũng nhận định và chúng tôi đã nhấn mạnh nhiều lần rằng không thể hình dung quá trình trượt dài chính trị của phe phái thống trị là một đường biểu diễn liên tục đi xuống. Vả lại, sự trượt dài không diễn ra trong chân không, mà trong một xã hội có giai cấp với những mâu thuẫn nội tại sâu sắc. Quần chúng chủ yếu của đảng hoàn toàn không phải là một khối thống nhất bền vững, đại đa số chỉ có thể coi như một thứ nguyên liệu chính trị. Các quá trình phân hóa trong đảng là không thể tránh khỏi, dưới tác động những động lực giai cấp cùng đến từ phía hữu cũng như phía tả. Những sự kiện căng thẳng diễn ra trong đảng vào giai đoạn cuối này mà chúng ta -

-các đồng chí và chúng tôi -- phải cùng nhau chịu đựng hậu quả của chúng, chỉ là khúc dạo đầu cho quá trình tiến triển sau này của các sự kiện. Cũng như khúc mở màn của một vở nhạc kịch cho thấy trước mọi đề tài âm nhạc của cả vở và báo hiệu chúng dưới dạng cô đọng, "khúc dạo đầu" chính trị của chúng ta chỉ mới cho biết trước những giai điệu, sau này sẽ được triển khai toàn diện: chúng sẽ lên tiếng với sự phối hợp của các kèn đồng, đàn côngtơ-rô-bát, trống và

mọi nhạc cụ khác của âm nhạc cổ điển. Tiến trình của các sự kiện chứng tỏ một cách không thể chối cãi được rằng chúng tôi đã có lý và vẫn còn có lý, không chỉ đối với những kẻ dao động và lập lờ hai mặt -- tức là những Dinôviép, Camênhép, Piatacốp và những vị tương tự --, mà còn với cả những ông bạn quý "cánh tả", những phần tử cực tả tâm trạng mập mờ, những kẻ có khuynh hướng coi bản đạo đầu là vở nhạc kịch chính, tức là nghĩ rằng tất cả các quá trình chủ yếu trong đảng và trong nhà nước đã kết thúc, và Tháng Nóng -- điều mà họ nghe lần đầu trong đời từ chúng tôi -- đã là một thực tế hoàn chỉnh... Chớ mất bình tĩnh. Đừng khiến bản thân và người khác phải cáu giận. Chúng ta hãy học tập, chờ đợi, chăm chú theo dõi các sự kiện và chớ để đường lối chính trị của chúng ta bị han rỉ bởi những bức tức cá nhân: đường lối hiện nay của chúng ta là như thế. Ngày 9 tháng Sáu, Nhina [Nina], con gái tôi, đồng thời là người bạn trung thành đồng lý tưởng của tôi mất ở Mátxcova. Nó mới hai mươi sáu tuổi. Chồng nó đã bị bắt giữ trước khi tôi bị đi đày không lâu. Con gái tôi tiếp tục công tác đối lập đến tận ngày nó phải nằm viện. Bệnh lao phổi cấp tính tấn công và cướp nó đi trong vòng vài tuần lễ. Lá thư nó viết trong bệnh viện lênh đènh 73 ngày trên đường và chỉ đến chỗ chúng tôi khi nó đã mất.

Ngày 16 tháng Sáu, Racốppxki gửi cho tôi bức điện tín sau:

Nhận được thư của cậu hôm qua về bệnh tật trầm trọng của Nhina. Tôi đã đánh điện cho Aléchxandora Gorigôriépna [Alexandre Guéorguievna] (vợ Racốppxki) ở Mátxcova. Hôm nay tôi biết qua các báo rằng Nhina đã kết thúc cuộc đời đấu tranh cách mạng ngắn ngủi của nó. Bạn thân mến, từ sâu thẳm trái tim mình, tôi đồng cảm với cậu, thật đau đớn vì có một khoảng cách không vượt qua nổi đang chia cách chúng ta. Nồng nhiệt ôm hôn cậu nhiều lần. Khorítxchian [Christian].

Hai tuần sau, tôi nhận được một lá thư của Racốppxki:

Bạn thân mến, tôi vô cùng buồn bã vì cái chết của Nhinôscá [Ninotchka], vì cậu, vì hai vợ chồng cậu. Từ lâu cậu đã mang cây thánh giá nặng nề của người cách mạng mácxít, nhưng giờ đây lần đầu tiên cậu phải trực diện với nỗi buồn vô tận của người cha. Bằng tất cả trái tim, tôi đồng cảm với cậu, tôi vô cùng buồn bã vì phải ở xa cậu đến thế...

Chắc hẳn Xêriôgia đã kể cho cậu nghe, người ta đã dùng những biện pháp trừng phạt phi lý đến mức nào với các bạn hữu của cậu, sau khi đã đối xử ngu xuẩn với cậu ở Mátxcova. Tôi đến nhà cậu nửa tiếng sau khi cậu ra đi. Một nhóm các đồng chí tụ tập trong phòng khách, đa phần là phụ nữ. Trong số đó có cả Muralốp. "Ai là công dân Racốppxki ở đây?" -- chợt tôi nghe tiếng hỏi. "Tôi đây, ông cần gì?" "Đi theo tôi!" Người ta dẫn tôi qua lối đi tắt, vào một phòng nhỏ. Trước khi bước vào, họ ra lệnh cho tôi giơ tay lên. Rồi người ta khám các túi tôi và bắt giam tôi. Năm giờ chiều tôi mới được thả. Sau khi tôi đi, Muralốp cũng bị đối xử tương tự. Anh bị giữ lại đến đêm khuya... "Bọn họ đã mất trí" -- tôi tự nhủ và không cảm thấy giận dữ mà thấy tủi

hỗ cho các đồng chí của chúng ta.

Tôi viết những dòng sau cho Racôpxki ngày 14 tháng Bảy:

Khorítxchian Ghêoócghiêvích thân mến! Lâu lắm rồi tôi không viết cho cậu cũng như cho các bạn khác, toàn bộ quan hệ thư từ của tôi chỉ hạn chế ở chỗ gửi đi những bài viết của mình. Sau khi từ sông Ili về, ở đó lần đầu tiên chúng tôi nhận được tin Nhina ốm nặng, lập tức chúng tôi chuyển đến một nhà nghỉ. Vài ngày sau tôi được tin Nhina mất ở đây. Cậu hiểu điều đó có nghĩa gì với chúng tôi... Nhưng, không thể chậm trễ, phải chuẩn bị các tư liệu của chúng ta cho Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản. Thật khó khăn. Nhưng mặt khác, sự cần thiết phải hoàn thành công việc này bằng bất cứ cách nào lại tác động đến tôi như một thứ cao dán giảm đau và giúp tôi chịu đựng được những tuần lễ đầu nặng nề nhất.

Trong suốt tháng Bảy, chúng tôi đợi Dinusca [Zinouchka] (con gái đầu của chúng tôi) đến đây. Nhưng đáng tiếc chúng tôi phải từ bỏ ý định ấy. Ghêchiê cương quyết đòi Dina [Zina] phải vào nằm trong một viện điều dưỡng phổi. Nó đã mắc bệnh lao từ lâu, hơn nữa, nó còn chăm sóc Nhinútsoxa [Ninoutchka] trong ba tháng cuối, khi các bác sĩ đã bỏ mặc em gái nó và vì thế tình trạng sức khỏe của nó đã bị suy sụp nghiêm trọng...

Bây giờ nói về công cuộc chuẩn bị đại hội. Tôi quyết định bắt đầu với việc phê phán dự án cương lĩnh bằng cách xem xét tất cả các vấn đề đã đối lập chúng ta với ban lãnh đạo chính thức. Kết quả là tôi vừa viết xong một cuốn sách nhỏ, dày mười một "trang tác giả". Tóm lại tôi tổng kết trong đó những gì chúng ta đã cùng nhau thực hiện trong năm năm cuối này, từ khi Lênin rời khỏi sự lãnh đạo đảng và nhóm kế nghiệp đắc thắng, không gì ngăn cản nổi; ban đầu họ còn sống bằng lãi suất của số vốn liếng cũ, nhưng chẳng bao lâu họ ăn vào cả vốn.

Về lời kêu gọi của tôi gửi đại hội, tôi đã nhận được vài chục bức điện tín và thư từ. Việc thống kê các phiếu vẫn chưa xong. Dù sao đi nữa, chỉ có ba phiếu (trên hàng trăm phiếu) ủng hộ các luận đề của Prêôboragienxki...

Rất có thể liên minh Xtalin với Bukharin và Rưcốp còn được duy trì ở đại hội này một vẻ bề ngoài thống nhất để làm một thử nghiệm vô vọng cuối cùng nhằm đề lên chúng ta tấm bia "vĩnh viễn" dành cho người quá cố. Nhưng chính cố gắng mới ấy và thất bại không thể tránh khỏi của nó có thể sẽ thúc đẩy rất nhanh quá trình phân hóa trong nội bộ liên minh bởi chỉ sau ngày đại hội, câu hỏi "sau đó sẽ đi về đâu?" sẽ còn được đặt ra gay gắt hơn. Thử hỏi phải trả lời như thế nào cho câu hỏi này? Sau khi đã bỏ lỡ tình thế cách mạng ở Đức năm 1923, chúng ta được bù lại bằng một sự chuệch choạc cực tả vô cùng sâu sắc vào năm 1924-1925. Đường lối cực tả của Zinôviép sống dậy bằng thứ bột nở của cánh hữu: đấu tranh chống những người đòi hỏi công nghiệp hóa, liên minh với Radích [Raditch], La Phôléttrê [La Folette], với Quốc tế Nông dân, với Quốc dân đảng... Khi cuối cùng, cánh cực tả cũng đuối sức vì những cố gắng vô

ích, cũng thứ bột nở của cánh hữu ấy làm dấy lên một đường lối hữu khuynh. Chúng ta cũng không thể loại trừ khả năng "tái diễn" những sự kiện ấy trong một chặng đường mới, nói cách khác, không thể loại trừ một làn sóng mới của *chủ nghĩa cực tả dựa trên cũng những tiền đề cơ hội* ấy. Tuy nhiên, những lực lượng kinh tế tiềm ẩn có thể phá vỡ trào lưu cực tả này và thúc đẩy nó đi những bước quyết định về phía hữu. Tháng Tám 1928, tôi viết cho nhiều đồng chí: Chắc chắn các đồng chí đã để ý, các báo chí của chúng ta tuyệt đối không đăng tải phản ứng của báo chí châu Âu và Mỹ về các sự kiện xảy ra trong nội bộ đảng ta. Bản thân việc này nhắc nhở cho chúng ta thấy: phản ứng nói trên không đồng nhất với những yêu cầu của "đường lối mới". Bây giờ không chỉ là những giả thuyết, mà tôi đã có một bằng chứng báo chí vô cùng rõ ràng. Đồng chí Andorâysin [Andreitchine] gửi cho tôi một trang báo lấy từ số tháng Hai của tờ tạp chí Mỹ *Nation* (Quốc gia). Sau khi trình bày vắn tắt những sự kiện mới nhất xảy ra ở Nga, tờ tạp chí dân chủ cánh tả xuất sắc ấy nói như sau:

"Tất cả những điều đó đặt lên hàng đầu vấn đề sau đây: ai đại diện cho sự tiếp tục cương lĩnh bên-sê-vích ở nước Nga và ai đại diện cho thế lực phản động, chống lại cương lĩnh ấy một cách không tránh khỏi? Độc giả Mỹ bao giờ cũng cho rằng Lênin và Trốtxki đại diện cho cùng một sự nghiệp; báo chí bảo thủ cũng như các chính khách cũng cùng đi đến kết luận như vậy. Như thế, chẳng hạn tờ *Times* (Thời báo) ở Niu Oóc đã thấy việc đem lại nổi mừng lớn nhất cho năm mới là sự kiện Trốtxki bị khai trừ khỏi đảng cộng sản, đồng thời đảng tuyên bố không ủng hộ 'phe đối lập bị trục xuất bởi nó có quan điểm muốn kéo dài mãi những tư tưởng và thể chế đã tách biệt nước Nga khỏi nền văn minh phương Tây'. Phần lớn các báo chí châu Âu cũng có cùng một giọng điệu. Như người ta nói, trong thời gian diễn ra hội nghị Giơnevơ, ngài Ôxtin Trembéclen [Austen Chamberlain] đã tuyên bố nước Anh không thể bước vào đàm phán với nước Nga chỉ vì một lý do đơn giản: 'Trốtxki vẫn chưa bị dồn vào chân tường'. Trembéclen bây giờ chắc hẳn phải hài lòng vì Trốtxki đã bị đày biệt xứ... Dù sao đi nữa, những đại diện cho phe phản động ở châu Âu đều nhất trí trong quan niệm chính Trốtxki, chứ không phải Xtalin, là kẻ thù cộng sản số một của họ." Bài viết đó tự nói lên tất cả, phải không các đồng chí?

Tôi xin viện dẫn một chút thống kê từ các ghi chú của con trai tôi. Từ tháng Tư đến tháng Mười 1928, chúng tôi đã gửi đi 800 lá thư chính trị, trong số đó có một loạt công trình khá dài hơi, và gần 550 bức điện tín. Chúng tôi đã nhận được hơn một ngàn bức thư chính trị dài ngắn khác nhau và gần 700 điện tín, đại đa số là do các tập thể gửi tới. Tất cả những quan hệ thư từ chủ yếu là với những người bị đi đày, nhưng từ nơi lưu đày, nó lọt đến cả các vùng còn lại của đất nước. Thế nhưng, vào những tháng thuận lợi nhất cũng chỉ độ phân nửa số thư từ đến được tay chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi còn nhận được tám, chín bưu kiện bí mật, nghĩa là tài liệu và thư từ bất hợp pháp; chúng được những liên lạc viên chuyển giao. Chúng tôi cũng gửi lại ngần ấy về

Mátxcova. Quan hệ thư từ bí mật liên tục cho chúng tôi biết mọi việc và tạo điều kiện cho chúng tôi phản ứng lại các sự kiện quan trọng nhất, mặc dù có thể rất chậm trễ. Đến mùa thu, sức khỏe tôi giảm sút. Tin đồn về việc này lan đến Mátxcova. Các công nhân liền đặt những câu hỏi tin trong các phiên họp. Các diễn giả chính thức không nghĩ ra điều gì hay ho hơn là tuyên bố trạng thái sức khỏe của tôi thuộc loại "dồi dào" nhất.

Ngày 20 tháng Chín 1928, vợ tôi gửi bức điện sau đây cho Úclanốp [Ouglanov], lúc đó là bí thư thành ủy Mátxcova:

Trong phiên họp của thành ủy Mátxcova, ông nói về căn bệnh *giả tưởng* của chồng tôi, Lép Đaviddôvích Trốtxki. Để trả lời sự lo lắng và phản đối của nhiều đồng chí, ông tức tối thông báo: "Thấy chưa, bây giờ người ta dùng cả đến những phương tiện như thế!" Vậy theo ý ông, những biện pháp không xứng đáng được sử dụng, không do những kẻ đã dày ải các bạn chiến đấu của Lênin và bắt họ phải chịu bệnh tật, mà do những người đã phản đối việc làm đó. Dựa trên cơ sở nào và trên quyền hạn nào mà ông thông báo với đảng, với người lao động, với toàn thể giới rằng những tin tức về bệnh trạng của Lép Đaviddôvích là giả trá? Bởi lẽ bằng việc này, ông đã lừa dối đảng. Trong kho lưu trữ của Ban Trung ương, có những kết luận của các bác sĩ giỏi nhất của chúng ta về tình trạng sức khỏe của Lép Đaviddôvích. Các bác sĩ đó đã hội chẩn nhiều lần theo ý kiến đề xuất của Voladimira Ilích. Ông là người quan tâm nhiều nhất đến sức khỏe của Lép Đaviddôvích. Những cuộc hội chẩn này, được họp cả sau khi Lênin qua đời, đã xác định Lép Đaviddôvích bị viêm ruột kết và bị bệnh thống phong chân do rối loạn trao đổi chất. Có lẽ ông biết tháng Năm 1926, Lép Đaviddôvích đã phải mổ ở Béclin để thoát khỏi căn bệnh sốt đã hành hạ anh từ nhiều năm nay, nhưng ca phẫu thuật ấy đã không thành công. Viêm ruột kết và thống phong chân không phải là những chứng bệnh tự nhiên lành, nhất là ở Anma-Ata. Chúng chỉ có thể nặng lên với thời gian. Người ta chỉ duy trì được tình trạng sức khỏe ở một mức nào đó nếu có một chế độ sống điều hòa và khả năng điều trị thích hợp. Cả hai thứ đó đều không có ở Anma-Ata. Ông có thể tìm hiểu thêm về chế độ sống và phương pháp điều trị cần thiết bằng cách hỏi dân ủy Bộ Y tế Xêmascô [Sémachko], người đã nhiều lần tham gia các cuộc hội chẩn được tổ chức theo chỉ thị của Voladimira Ilích. Ngoài ra ở đây Lép Đaviddôvích còn mắc bệnh sốt rét, căn bệnh này sau đó lại tác động đến viêm ruột kết và thống phong, đôi lúc gây nên những cơn nhức đầu dữ dội. Có những tuần, những tháng khi trạng thái sức khỏe của anh khá lên, rồi lại đến những tuần, những tháng ốm đau trầm trọng. Đây là tình trạng thực sự. Các ông đã dày ải anh theo điều luật 58, như một phần tử phản cách mạng. Còn có thể hiểu được nếu các ông tuyên bố không quan tâm đến sức khỏe của anh. Trong trường hợp này, đơn giản các ông chỉ nhất quán với một sự liên tục có tính hủy diệt, chẳng những sẽ đưa các nhà cách mạng ưu tú nhất mà còn dẫn cả đảng và cách mạng đến nắm mồ, nếu các ông không ngừng lại. Nhưng ngay

ở đó, chắc hẳn vì áp lực của dư luận công nhân, các ông không dám đi đến cùng. Đáng lẽ nói thẳng ra là sự đau ốm của Trótxki rất có lợi cho các ông vì nó cản trở anh suy nghĩ và viết, các ông chỉ đơn thuần phủ nhận nó. Trong các bài phát biểu, Calinhin, Môlô tôp và những người khác cũng hành động như thế. Việc các ông *buộc phải* trả lời vấn đề này trước quần chúng và tìm cách tránh né một cách không xứng đáng như thế, chứng tỏ rõ ràng rằng giai cấp công nhân không tin vào những lời vu cáo chính trị nhắm vào con người Trótxki. Và rồi họ cũng sẽ không tin vào những dối trá mà các ông tung ra về tình trạng sức khỏe của Lép Davidôvích. N.I. Xêđôva-Trótxcaia

CHƯƠNG XLIV LƯU VONG

Kể từ tháng Mười, tình hình của chúng tôi biến chuyển một cách cơ bản. Mọi quan hệ của chúng tôi với các đồng chí, các bạn hữu, thậm chí với họ hàng thân thích ở Mátxcova đột ngột bị đình chỉ, thư từ và điện tín hoàn toàn không đến nữa. Như chúng tôi được biết qua những nguồn tin riêng, vài trăm bức điện gửi cho tôi chồng chất ở cục điện báo Mátxcova, nhất là nhân dịp kỷ niệm cách mạng tháng Mười. Vòng đai bao quanh chúng tôi ngày càng siết chặt.

Trong năm 1928, mặc dầu bị khủng bố ngày một lan tràn, phe đối lập sinh sôi nảy nở trông thấy, đặc biệt là trong các xưởng công nghiệp lớn. Điều đó dẫn đến một sự đàn áp ác liệt hơn nữa, và đặc biệt là sự cấm đoán triệt để trao đổi thư tín, ngay cả những thư tín giữa những người đi đày. Chúng tôi chờ đợi những biện pháp tương tự và chúng tôi đã không lầm.

Ngày 16 tháng Chạp, một đặc phái viên của G.P.U. đến từ Mátxcova thông báo cho tôi tối hậu thư của cơ quan này: tôi phải chấm dứt mọi hoạt động liên kết phe đối lập để tránh cho tôi những biện pháp "sẽ cô lập ông khỏi đời sống chính trị". Vấn đề trục xuất tôi ra nước ngoài không được đặt ra trong lời cảnh cáo này; trong chừng mực tôi hiểu được những điều họ muốn nói, đây là các biện pháp mang tính nội bộ. Tôi trả lời bức "tối hậu thư" này bằng một bức thư gửi Ban Trung ương đảng và Đoàn chủ tịch Quốc tế Cộng sản. Thiết tưởng cần trích dẫn ở đây phần cơ bản của lá thư:

Hôm nay, ngày 16 tháng Chạp, Vôlinxki [Volinsky], đặc phái viên của G.P.U. -- nhân danh cơ quan này -- đã trao cho tôi tối hậu thư miêng sau đây:

"Trong thời gian gần đây, hoạt động của ông và các đồng chí của ông trong toàn quốc -- anh ta nói thế, đúng từng chữ -- đã mang tính chất phản cách mạng không che giấu; những điều kiện được đảm bảo cho ông ở Anma-Ata cho phép ông hoàn toàn có khả năng chỉ đạo công việc này; nhận thấy điều đó, cơ quan G.P.U. đòi ông phải nhất quyết từ bỏ những hoạt động như thế; nếu không, cơ quan buộc phải thay đổi điều kiện sống của ông theo nghĩa cô lập

hóa ông hoàn toàn khỏi đời sống chính trị; trong trường hợp này vấn đề chuyển đổi nơi ở của ông cũng được đặt ra."

Tôi tuyên bố với đặc phái viên của G.P.U. rằng tôi chỉ có thể đưa lại cho anh ta một câu trả lời *viết* nếu tôi nhận được tối hậu thư *viết* của G.P.U. từ anh ta. Tôi từ chối một câu trả lời *miệng* vì căn cứ vào toàn bộ quá khứ của tôi đến nay, tôi tin chắc những lời lẽ của tôi sẽ bị xuyên tạc để đánh lừa quần chúng lao động Liên Xô và toàn thế giới.

Tuy nhiên, bỏ ngoài cách xử sự sau này của cơ quan G.P.U., vốn không có vai trò độc lập trong toàn bộ vụ này mà chỉ thực hiện một quyết định cũ mà tôi đã biết từ lâu của một nhóm nhỏ những người theo chân Xtalin, tôi thấy cần phải báo cho Ban Trung ương và Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản những điều sau đây:

Yêu cầu tôi phải từ bỏ hoạt động chính trị có nghĩa là bắt tôi khước từ cuộc đấu tranh vì quyền lợi của giai cấp vô sản quốc tế mà tôi đã không ngừng tiến hành từ 32 năm nay, tức là từ khi tôi bước vào cuộc đời có ý thức. Mục toan biến hoạt động ấy thành "phản cách mạng" xuất phát từ những kẻ mà tôi buộc tội trước quần chúng vô sản quốc tế vì đã giẫm đạp lên những di huấn của Mác và Lênin, đã vi phạm những quyền lợi lịch sử của cách mạng thế giới, đã đoạn tuyệt với truyền thống và di sản Tháng Mười, đã chuẩn bị một cách vô ý thức -- nhưng vì thế càng nguy hiểm hơn -- cho một Tháng Nóng.

Khước từ hoạt động chính trị có nghĩa là ngừng cuộc đấu tranh chống ban lãnh đạo thiển cận hiện nay của đảng, chống chất ngày càng nhiều những sai lầm chính trị lên những khó khăn khách quan của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa; nguồn gốc của sự việc ấy là do những kẻ cơ hội không đủ sức tiếp tục một đường lối chính trị vô sản có tầm cỡ lịch sử lớn;

có nghĩa là khước từ cuộc đấu tranh chống thể chế bóp nghẹt của đảng, phản ánh áp lực ngày càng tăng của các giai cấp thù địch lên bộ phận tiền phong vô sản;

có nghĩa là thụ động chịu đựng đường lối kinh tế cơ hội, phá hoại những nền tảng của nền chuyên chính vô sản và kìm hãm sự tăng trưởng vật chất và văn hóa của nó, đồng thời giáng một đòn tàn bạo vào liên minh công nông cần lao, cơ sở của chính quyền Xô-viết;

Cánh lê-nin-nít của đảng chịu đựng những đòn này từ năm 1923, tức là từ thất bại chưa từng có của cách mạng Đức. Song song với sức mạnh ngày càng tăng của những đòn ấy, giai cấp vô sản quốc tế và Xô-viết liên tiếp bị thất bại, đó là kết quả của một đường lối lãnh đạo cơ hội.

Sự nhận thức về lý thuyết và kinh nghiệm chính trị cho thấy giai đoạn thoái trào, thụt lùi của lịch sử -- nghĩa là thời kỳ phản động -- có thể xuất hiện, không chỉ sau một cuộc cách mạng tư sản mà cả sau cách mạng vô sản. Đã sáu năm nay, chúng ta sống ở Liên Xô trong những hoàn cảnh của một trào lưu phản động ngày một tăng chống lại Tháng Mười, và con đường biến chuyển dẫn đến Tháng Nóng tiếp tục được khai quang. Trong nội bộ đảng, khuynh hướng phản

động này tập trung rõ rệt nhất và hoàn chỉnh nhất trong sự khủng bố dã man và sự thủ tiêu về mặt tổ chức đối với cánh tả.

Trong những cố gắng cuối cùng nhằm chống lại những kẻ công khai chủ trương Tháng Nóng, phe phái xta-lin-nít sống bằng những mảnh vụn và những vỏ bào của hệ thống tư tưởng phe đối lập. Sức sáng tạo của nó đã cạn kiệt. Cuộc đấu tranh chống cánh tả làm nó mất mọi yếu tố ổn định. Đường lối chính trị thực tiễn của nó đi chệch khỏi hướng, sai lầm, mâu thuẫn và mất xác tín. Chiến dịch ồn ào chống nguy cơ hữu khuynh ba phần tư chỉ mang tính chất bề ngoài, và trước hết để che giấu quần chúng một cuộc chiến tranh hủy diệt chống những người bên-sê-vích lê-nin-nít. Giai cấp tư sản thế giới và chủ nghĩa men-sê-vích quốc tế giống nhau ở chỗ đã từ lâu, họ cùng công nhận rằng trong cuộc chiến này, "chân lý lịch sử" thuộc về phía Xtalin. Nếu không có cái đường lối chính trị mù quáng, hèn hạ và kém cỏi ấy -- vốn chỉ thích nghi với chế độ quan liêu và giai cấp tiểu tư sản --, tình thế của quần chúng lao động hẳn sẽ muôn vàn thuận lợi hơn trong năm thứ mười hai của nền chuyên chính, nền quốc phòng sẽ vững mạnh và đáng tin tưởng hơn rất nhiều; Quốc tế Cộng sản sẽ ở một trình độ hoàn toàn khác, sẽ không lùi hết bước này đến bước khác trước cánh xã hội -- dân chủ phản bội và dễ bị mua chuộc.

Tính yếu ớt bệnh hoạn của những thế lực phản động thuộc bộ máy đảng -- mặc dầu vẻ bề ngoài hùng hậu của nó -- là ở chỗ nó không biết việc nó làm. Nó thực hiện đơn đặt hàng của các giai cấp thù địch. Không có lời buộc tội lịch sử nào lớn hơn đối với một phe nhóm sinh ra trong cách mạng và đang quay lại chôn vùi cách mạng.

Sức mạnh lịch sử to lớn của phe đối lập -- mặc dầu vẻ bề ngoài yếu đuối của nó -- trong khoảng khắc này là ở chỗ nó bắt được mạch của quá trình lịch sử thế giới, thấy rõ tính năng động của các lực lượng giai cấp, tiên đoán và chuẩn bị một cách có ý thức cho ngày mai. Khước từ hoạt động chính trị nghĩa là khước từ chuẩn bị cho ngày mai.

Người ta đe dọa thay đổi những điều kiện sống của tôi và cô lập hóa tôi khỏi đời sống chính trị, làm như thể hiện nay tôi không bị dày ải cách Mátxcova bốn ngàn cây số, cách tuyến đường sắt gần nhất 250 cây số, và ít nhất, tôi cũng cách xa ranh giới các tỉnh hoang vu miền Tây Trung Quốc một khoảng như thế, ở một địa phương mà bệnh sốt rét hủy diệt ngự trị đồng thời với bệnh hủi và dịch hạch. Như thể phe Xtalin -- những kẻ trực tiếp điều khiển G.P.U. -- chưa dùng mọi biện pháp để cách ly tôi, không những khỏi đời sống chính trị mà đồng thời, khỏi mọi thứ đời sống khác. Báo chí Mátxcova đến chậm mười ngày, nhưng có khi còn chậm hàng tháng hoặc hơn. Hiếm hoi lắm tôi mới nhận được thư từ, sau khi chúng đã bị bỏ xó một, hai hoặc ba tháng trong các ngăn kéo của G.P.U. hoặc của Ban Bí thư Ban Trung ương.

Hai cộng sự gần gũi nhất của tôi -- các đồng chí Xécmúc và Pôdonanxki, những người đã ở bên tôi từ thời kỳ nội chiến và tự nguyện theo tôi đến nơi lưu đày -- đã bị bắt ngay sau khi đến, bị

giam trong một nhà hầm cùng các tù thường phạm và sau đó, bị đày đến những nơi heo hút vùng Bắc cực. Lá thư của đứa con gái tôi -- vốn mắc chứng nan y, bị khai trừ khỏi đảng và sa thải khỏi nơi làm việc -- chỉ đến sau 73 ngày từ một bệnh viện Mátxcova, khiến hồi âm của tôi đã chỉ đến được sau khi nó đã chết. Tôi nhận được thư gửi từ Mátxcova báo tin đứa con gái khác của tôi lâm trọng bệnh cách đây một tháng, vào ngày thứ 43 kể từ khi được gửi đi. Nó cũng bị các người khai trừ khỏi đảng và sa thải khỏi nơi làm việc. Đa số những bức điện của tôi thăm hỏi tình hình sức khỏe của nó không đến tay người nhận. Tình hình là như vậy, hoặc còn tồi tệ hơn, với hàng ngàn người bôn-sê-vích lê-nin-nít ngay thẳng, mặc dù công lao của họ trong cách mạng tháng Mười và trong con mắt giai cấp vô sản quốc tế có giá trị muôn vàn cao hơn công lao những kẻ bắt giam và đày ải họ.

Một nhóm nhỏ gồm những kẻ theo chân Xtalin, người mà ngay trong chúc thư, Lênin đã gọi là "tàn bạo và bất trung" khi những đặc tính này chưa phát triển đến một phần trăm, ngày càng chuẩn bị những phương sách đàn áp tàn khốc hơn để chống phá phe đối lập và với sự cộng tác của G.P.U., họ không ngừng vu cáo cho phe đối lập có những "mối quan hệ" với các kẻ thù của chuyên chính vô sản. Trong phạm vi hẹp của họ, những người lãnh đạo hiện nay nói: "Phải làm như thế đối với quần chúng". Đôi lúc, họ còn diễn đạt một cách vô liêm sỉ hơn: "Điều này dành cho bọn ngu ngốc". Một trong những đồng sự gần gũi nhất của tôi, Ghêoócghi Vaxiliêvích Butốp [Guéorgui Vassiliévitch Boutov], từng đứng đầu Ban Thư ký Hội đồng Quân sự Cách mạng Cộng hòa trong suốt thời gian nội chiến, đã bị bắt giam trong những điều kiện chưa từng thấy: người ta tìm cách cưỡng bức con người trong sáng và khiêm tốn ấy, người đảng viên không chút gì đáng chê trách ấy, phải công nhận những tội danh giả trá, bịa đặt, ngụy tạo trong tinh thần Tháng Nóng hỗn tạp. Butốp đáp lại những lời buộc tội ấy bằng một cuộc tuyệt thực anh dũng kéo dài năm chục ngày, dẫn đến cái chết của anh vào mùa thu năm nay. Người ta sử dụng bạo lực, đánh đập, nhục hình thể xác và tinh thần đối với những công nhân bôn-sê-vích xuất sắc nhất vì họ đã trung thành với di sản Tháng Mười. Đó là những điều kiện tổng quát mà theo ngôn ngữ của cơ quan G.P.U., hiện nay "không ngăn cản" hoạt động chính trị của phe đối lập và của tôi nói riêng.

Lời đe dọa đe hèn -- rằng sẽ cô lập hóa tôi một cách nghiệt ngã hơn -- chỉ có thể có nghĩa là phe nhóm Xtalin đã quyết định thay thế đày ải bằng nhà tù. Quyết định này, như tôi đã nói, không có gì mới đối với tôi. Nhìn về toàn cảnh, nó đã có từ năm 1924 và được thực hiện từ từ, từng bước một, ngấm ngầm, ngõ hầu tập cho đảng, vốn bị chà đạp và lừa dối, quen thuộc với những phương pháp xta-linnít, trong đó sự bất tín thô bạo ngày nay biến dần thành sự quan liêu độc hại nhất.

Trong bản "Tuyên bố" đệ lên Đại hội VI, chúng tôi hầu như đã tiên đoán trước bức tối hậu thư

nhận được hôm nay, chúng tôi viết đúng từng chữ như sau:

"Chỉ có một tinh thần quan liêu sa đọa đến tột cùng mới có thể đòi hỏi những người cách mạng phải từ bỏ mọi hoạt động chính trị, tức là khước từ việc phụng sự đảng và cách mạng thế giới. Chỉ có những tên phản bội khốn kiếp mới có thể chấp nhận những lời cam kết như thế."

Tôi không thể sửa đổi chút gì trong lời tuyên bố đó.

Ai có phận nấy. Các người cố tình thực thi những gì mà các lực lượng thù địch với giai cấp vô sản gợi ý cho các người. Chúng tôi biết bốn phận của chúng tôi. Chúng tôi sẽ thực hiện bốn phận của chúng tôi đến cùng. Lép Trốtxki. Ngày 16 tháng Chạp 1928. Anma-Ata.

Sau lời đáp ấy, một tháng trôi qua không có biến đổi gì hết. Các mối quan hệ với tôi với thế giới bên ngoài hoàn toàn bị đứt đoạn, kể cả mối liên lạc bất hợp pháp của chúng tôi với Mátxcova. Trong tháng Giêng, chúng tôi chỉ nhận được báo chí Mátxcova. Người ta càng nói nhiều về cuộc đấu tranh chống cánh hữu, chúng tôi càng chắc chắn chờ đợi những đòn đánh nhằm vào cánh tả. Đó là một phương pháp của chính sách xta-lin-nít.

Đại diện của G.P.U. từ Mátxcova là Vôlinxki ở lại Anma-Ata chờ chỉ thị. Ngày 20 tháng Giêng, anh ta đến nhà tôi cùng rất nhiều nhân viên G.P.U. có vũ khí. Các nhân viên chặn mọi cửa ra vào, còn Vôlinxki cho tôi xem trích đoạn biên bản sau đây của G.P.U., viết ngày 18 tháng Giêng 1929:

Đối tượng: vụ án của công dân Lép Đaviddôvích Trốtxki, bị buộc tội hoạt động phản cách mạng chiếu theo mục 58 điều 10 bộ Luật hình sự. Hoạt động của bị cáo biểu hiện trong việc tổ chức thành lập một chính đảng bất hợp pháp chống nhà nước Xô-viết, trong thời gian gần đây có những hoạt động cổ vũ những cuộc biểu tình khiêu khích chống nhà nước Xô-viết và chuẩn bị một cuộc chiến vũ trang chống phá chính quyền Xô-viết.

Quyết định: trục xuất công dân L.Đ. Trốtxki khỏi Liên Xô.

Sau này, khi người ta yêu cầu tôi ký một lời tuyên bố, theo đó tôi đã nhận được bản quyết định này, tôi viết:

Tội ác trong nội dung và bất hợp pháp trong hình thức, quyết định này của G.P.U. đã được thông báo đến tôi ngày 20 tháng Giêng 1929. Trốtxki.

Tôi gọi quyết định này là tội ác vì nó cố tình nói một cách dối trá rằng tôi chuẩn bị một cuộc chiến vũ trang chống chính quyền Xô-viết. Bản thân cách diễn đạt đó -- Xtalin cần đến nó để biện hộ cho việc trục xuất tôi -- là một mưu mô khốn nạn nhất nhằm chống lại chính quyền Xô-viết. Nếu quả thực phe đối lập do những người tổ chức cách mạng tháng Mười, những người xây dựng nên chính quyền Xô-viết và Hồng quân đứng đầu lại chuẩn bị lật đổ chính quyền Xô-viết bằng bạo lực, thì bản thân điều đó cũng chứng thực hiện trạng tai họa đang ngự trị trong toàn quốc. Nhưng may thay, quyết định của G.P.U. chỉ là một sự bịa đặt vô liêm sỉ.

Đường lối của phe đối lập không liên quan gì đến việc chuẩn bị đấu tranh vũ trang. Chúng tôi xuất phát từ niềm tin sâu sắc vào sức sống và sự linh hoạt của chế độ Xô-viết. Con đường chúng tôi đi là con đường cải cách nội bộ.

Khi tôi yêu cầu được biết người ta sẽ trục xuất tôi bằng cách nào và đi đâu, tôi nhận được câu trả lời: khi nào đến biên giới châu Âu của nước Nga, một nhân viên G.P.U. sẽ đến thông báo cho tôi hay. Ngày hôm sau, công việc diễn ra ráo riết: chúng tôi đóng gói đồ đạc, hầu như chỉ toàn bản thảo và sách vở. Nhân thể cũng xin được ghi nhận: tôi không hề cảm thấy một bóng mờ hiềm khích nào trong cư xử của các nhân viên G.P.U., mà trái lại là khác. Rạng sáng ngày 22, tôi cùng con trai, vợ tôi và đoàn áp giải lên một chiếc xe buýt đưa chúng tôi đến tận sườn bên kia đèo Cuốcdai, theo một con đường tuyết nện rất phẳng phiu. Đèo bị ngăn bởi những đống tuyết mới rơi sau một cơn bão tuyết hoành hành. Cái máy kéo khổng lồ lẽ ra phải lôi chúng tôi qua đèo Cuốcdai thì cũng bị mắc kẹt trong tuyết, cùng bảy chiếc xe hơi mà nó kéo. Trong thời gian bão tuyết hoành hành, có bảy người và không biết bao nhiêu ngựa bị lạnh cóng. Chúng tôi phải chuyển hành lý và quá cảnh trên những xe trượt nhẹ của nông dân. Hơn bảy giờ đồng hồ, chúng tôi mới vượt được một chặng đường khoảng ba chục cây số. Dọc đường ngổn ngang những tuyết là tuyết, có nhiều xe trượt nằm bừa bộn, càng chống lên trời, vô số hàng hóa phục vụ cho tuyến đường sắt Tân Cương -- Xibêri đang được xây dựng, nhiều bình dầu hỏa bị tuyết phủ kín. Người và ngựa tìm chỗ trốn bão tuyết trong các lều trại mùa đông của người Kiécghidi tại các vùng phụ cận. Qua đèo, chúng tôi lại lên xe và khi tới Pisopéc, một toa xe lửa đã chờ chúng tôi ở đó.

Qua báo chí Mátxcova kiếm được dọc đường, chúng tôi được biết người ta đang chuẩn bị dư luận cho việc trục xuất các lãnh tụ đối lập ra nước ngoài.

Đến vùng Áctiubinxơ [Aktioubinsk], chúng tôi được loan báo qua đường dây trực tiếp rằng người ta đã chỉ định Cônxtantinốp làm nơi lưu đày của chúng tôi ở ngoài nước. Tôi yêu cầu được gặp hai thành viên trong gia đình tôi còn ở lại Mátxcova là con dâu và con trai thứ của tôi. Hai đứa được đưa đến ga Riagiơxơ [Riajsk], rồi ở đó chúng cũng phải chịu một cách đối xử như chúng tôi. Bulanốp [Boulanov], đại diện mới của G.P.U. tìm cách thuyết phục tôi về những ưu điểm của Cônxtantinốp. Tôi nhất quyết từ chối. Ở đó người ta đã dự tính tất cả, trừ trở ngại do việc tôi từ chối tự nguyện ra nước ngoài. Con tàu mất hướng, ị ạch lắc lư rồi dừng lại ở một đường xe lửa cắt thuộc một ga xếp bỏ trống và cấm rẽ tại đó, giữa hai khu rừng nhỏ. Ngày lại ngày, cứ thế trôi qua. Vỏ đồ hộp ăn hết chất đông quanh con tàu. Lũ quạ khoang và ác là tụ tập hàng đàn, ngày càng đông, tìm khẩu phần của chúng. Nơi này thật hoang vu, vắng vẻ. Không còn giống thỏ rừng ở đây: mùa thu, một trận dịch khủng khiếp đã tiêu diệt chúng. Ngược lại, những vết chân rón rén của bầy cáo kéo dài đến tận con tàu. Hàng ngày, đầu tàu chỉ

kéo một toa xe đi tới một ga lớn lân cận để lấy thực phẩm và báo chí. Bệnh cúm hoành hành trong toa xe chúng tôi. Chúng tôi đọc lại Anatôlơ Phơrăngxơ [Anatole France] và *Lịch sử Nga* của Còliutrépki [Klutchevsky]. Lần đầu tiên tôi được thưởng thức văn chương của Ixtorati [Istrati]. Trời lạnh đến 38 độ Rêômua [Réaumur], đầu máy của chúng tôi ậm ạch chuyển động trên đường ray để không bị đóng băng tại chỗ. Qua khoảng không, các đài phát thanh gọi nhau, hỏi chúng tôi ở đâu. Tuy nhiên, chúng tôi không nghe được những câu hỏi ấy, chúng tôi chơi cờ. Nhưng dù có nghe được đi nữa, chúng tôi cũng không biết trả lời ra sao: bị đưa đến đây ban đêm, bản thân chúng tôi cũng không biết chúng tôi đang ở đâu?

Mười hai ngày và mười hai đêm trôi qua như thế. Qua báo chí, chúng tôi được biết vài trăm người, trong số đó có 150 thành viên của cái gọi là "trung tâm trốt-kít", đã bị bắt. Trong danh sách, chúng tôi thấy tên Cáptaradê [Kavtaradzé], nguyên chủ tịch Hội đồng Dân ủy Grudia, Mođivani, đại diện thương mại Liên Xô ở Pari, Vôrônxi [Voronsky], nhà phê bình văn học ưu tú nhất của chúng ta và những người khác. Tất cả đều là những thành viên cự trảo của đảng, những nhà tổ chức của sự kiện tháng Mười. Ngày 8 tháng Hai, Bulanốp tuyên bố:

-- Mặc dầu Mátxcova rất cố gắng, song chính phủ Đức cương quyết bác bỏ việc nhận ông vào Đức; tôi nhận được chỉ thị cuối cùng là đưa ông đi Cônxtantinốp.

-- Nhưng tôi không tự nguyện đi đến đó và tôi sẽ tuyên bố điều này ở biên giới Thổ Nhĩ Kỳ.

-- Thế cũng chẳng thay đổi được gì. Tôi phải chở ông đi Thổ Nhĩ Kỳ bằng mọi giá.

-- Vậy là các ông đã thỏa thuận với cảnh sát Thổ để buộc tôi phải ngụ cư ở đó?

-- Chúng tôi chỉ được ủy nhiệm thực thi việc này -- một câu trả lời vòng vo.

Sau mười hai ngày dậm chân tại chỗ, con tàu lại lên đường. Song song với nhân số được nâng cao của đoàn áp giải, đoàn tàu ngắn ngủi dài thêm vì số người tăng thêm. Chúng tôi không được phép ra khỏi toa xe trong suốt chuyến đi, từ Pisốpéc. Đoàn tàu mở hết tốc lực về phương Nam. Chúng tôi chỉ dừng lại đôi chút ở các ga xép để lấy nước và chất đốt. Những biện pháp an ninh vô cùng nghiêm ngặt được đưa ra bởi người ta còn nhớ cuộc biểu tình xảy ra ở Mátxcova tháng Giêng 1928, khi tôi bị đi đày. Báo chí nhận được giữa đường cho chúng tôi biết tin tức về một chiến dịch mới có quy mô lớn chống lại những người trốt-kít. Xuyên qua những hàng chữ, người ta có thể thấy cuộc đấu tranh trong nội bộ ban lãnh đạo đảng về việc trục xuất tôi. Phe xta-lin-nít phải hành động gấp gáp. Họ có mọi lý do để làm thế. Và những người xta-lin-nít phải vượt qua những trở ngại cả về chính trị lẫn vật chất. Để đưa tôi đi từ Ôđétxa, người ta đã chỉ định con tàu *Calinhin*. Có điều *Calinhin* bị mắc kẹt giữa những tảng băng. Mọi cố gắng của các tàu phá băng đều vô ích. Mátxcova không rời chiếc máy điện tín và thúc giục các bộ hạ của họ. Ngay lập tức, người ta khởi động con tàu *Ilích*.

Đêm mùng 10, đoàn tàu hỏa của chúng tôi đến Ôđétxa. Tôi ngắm nhìn những nơi chốn quen

biết qua khung cửa toa xe: tôi đã sống bảy năm thời học sinh ở thành phố này. Toa xe chúng tôi lăn bánh đến tận chiếc tàu thủy. Trời lạnh cắt da cắt thịt. Mặc dầu đã quá nửa đêm, các nhân viên G.P.U. và các đơn vị vũ trang vẫn bao quanh hải cảng. Đây là nơi tôi phải chia tay con trai thứ và con dâu tôi, chúng đã chia sẻ cảnh tù đầy cùng chúng tôi trong hai tuần cuối cùng. Qua khung cửa toa tàu hỏa, chúng tôi nhìn con tàu thủy được chỉ định và nhớ đến một con tàu khác, cũng đã từng chở chúng tôi đến một địa chỉ mà chúng tôi không muốn. Đó là tháng Ba 1917, ở Heliphécxơ, khi ngay trước mắt những hành khách trên tàu, các thủy thủ Anh đã dùng vũ lực bắt tôi đi từ boong chiếc tàu thủy Na Uy *Corítxtianiápgioóc* [Christianiafjord]. Hồi ấy tôi cũng đi cùng gia đình như thế này, nhưng chúng tôi trẻ hơn bây giờ mười hai tuổi. Con tàu *Ilích* không chở hàng hóa và hành khách nào khác trừ chúng tôi rời hải cảng khoảng một giờ đêm. Trên chặng đường sáu mươi dặm, một con tàu phá băng mở đường cho nó. Con bão hoành hành ở vùng này chỉ chạm nhẹ chúng tôi bằng cái đập cánh cuối cùng.

Ngày 12 tháng Hai, chúng tôi vào eo biển Bôxphôơ [Bosphore]. Ở Buyúc-Đêrê [Bioux-Déré], một sĩ quan Thổ Nhĩ Kỳ xuất hiện trên boong tàu để kiểm tra giấy tờ các hành khách; trừ gia đình tôi và các nhân viên G.P.U., không có một hành khách nào khác trên tàu. Tôi trao cho viên sĩ quan ấy một bản tuyên bố, nhờ anh chuyển đến chủ tịch nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, Keman Pasa [Kemal Pacha].

Thưa Ngài, tại cổng thành Cônxtantinốp, tôi có vinh dự nói để Ngài biết tôi đến biên giới Thổ hoàn toàn không phải do lựa chọn của tôi và tôi có bước qua nơi đó cũng chỉ vì sự ép buộc của bạo lực.

Xin Ngài Chủ tịch ghi nhận sự đáng tiếc của tôi nhân những sự kiện trên. Lép Trốtxki. Ngày 12 tháng Hai 1929.

Lời tuyên bố này không đem lại một kết quả nào. Con tàu tiếp tục đi vào hải cảng. Sau hai mươi hai ngày đi đường và trải qua sáu ngàn cây số, chúng tôi đã đến Cônxtantinốp.

CHƯƠNG XLV HÀNH TINH KHÔNG THỊ THỰC

Như vậy, chúng tôi đến Cônxtantinốp, chỗ ở của chúng tôi thoát đầu là tòa lãnh sự Xô-viết, sau đó là một ngôi nhà riêng. Ở đây, xin được trích vài dòng ghi chép của vợ tôi về giai đoạn đầu sống lưu vong:

Tôi nghĩ rằng không nên mất thì giờ chú ý tới những cuộc phiêu lưu vật vãnh, những chuyện dối trá nhỏ mọn và những trò thô bạo lật lọng liên quan đến việc chúng tôi dọn đến Cônxtantinốp. Tôi chỉ nhấn mạnh một tình tiết duy nhất. Chuyện xảy ra khi chúng tôi còn ở trên tàu hỏa trong chuyến đi đến Ôđétxa: đại diện G.P.U. Bulatốp nói ba hoa đủ thứ (hoàn toàn vô bổ) về việc người ta đảm bảo an toàn cho chúng tôi như thế nào ở nước ngoài, L.Đ. đột ngột

ngắt lời anh ta và nói:

-- Hãy để những công sự của tôi -- Xéc-múc và Pô-đơ-nan-xki -- cùng đi với tôi, đây là biện pháp duy nhất có hiệu quả ít nhiều.

Bulanốp lập tức chuyển những yêu cầu đó về Mátxcova. Đến một ga sau, anh ta trình trọng báo cho chúng tôi hỏi âm đến qua đường dây trực tiếp: G.P.U. -- tức là Bộ Chính trị -- không phản đối đề nghị ấy. L.Đ. cười và nói:

-- Chẳng có nghĩa lý gì, thế nào rồi người ta cũng đánh lừa chúng tôi thôi.

Rõ ràng Bulanốp tỏ vẻ phật ý, anh ta kêu to lên:

-- Như thế ông cứ coi tôi là thằng vô lại!

-- Sao anh lại phật ý? -- L.Đ. đáp --, không phải anh, mà Xtalin sẽ đánh lừa.

Sau khi chúng tôi tới Côn-x-tan-tin-ốp, L.Đ. hỏi thăm tin tức về Xéc-múc và Pô-đơ-nan-xki. Vài ngày sau, đại diện của tòa lãnh sự đem lại bức điện trả lời từ Mátxcova: người ta không thả Xéc-múc và Pô-đơ-nan-xki. Thế đấy, mọi việc khác cũng diễn ra theo tinh thần tương tự.

Ngay sau khi chúng tôi vừa đến Côn-x-tan-tin-ốp, từ các báo chí, hàng loạt tin đồn, giả thiết và những chuyện bịa đặt không ngớt về số phận chúng tôi đổ dồn lên đầu chúng tôi. Báo chí không ưa khoảng trống trong các bản tin của họ, họ bỏ sức làm việc không biết mệt mỏi. Để một hạt giống duy nhất nảy nở, thiên nhiên nhờ gió gieo đi bốn phương biết bao hạt giống. Báo chí cũng hành động tương tự. Nó nắm bắt và tung đi mọi phương những tin tức, nhân lên đến vô tận. Hàng trăm, hàng ngàn thông tin biến đi trước khi một giả thuyết đáng tin cậy được thiết lập. Đôi khi điều này chỉ đến sau nhiều năm tháng, nhưng cũng có khi giờ phút chân lý chẳng bao giờ tới.

Trong những trường hợp khi một cái gì đó đụng chạm sống động đến công luận, tôi coi sự dối trá của con người là điều đáng ngạc nhiên nhất. Tôi nói điều này không có một chút bất bình, nhân danh đạo lý nào cả, đúng ra là tiếng nói của một nhà khoa học tự nhiên quan sát sự việc. Nhu cầu dối trá, thói quen dối trá phản ánh những mâu thuẫn trong cuộc sống của chúng ta. Tôi có thể nói rằng báo chí chỉ nói sự thật là điều hiếm có. Nói thế, tôi hoàn toàn không có ý xúc phạm các nhà báo. Họ không khác gì mấy những người khác, nhưng họ đóng vai trò cái loa của những người khác.

Trước kia Dô-la [Zola] nói báo chí tài chính ở Pháp chia làm hai nhóm: nhóm tự bán mình và nhóm được gọi là "không thể mua chuộc", nghĩa là chỉ bán mình trong những trường hợp đặc biệt, nhưng khi đó thì vô cùng cao giá. Có thể nói gần như thế về sự dối trá của ngôn ngữ báo chí nói chung. Báo chí lá cải vàng vọt nói dối theo quán tính, không do dự, không nhìn quanh. Những tờ như *Times* và *Le Temps* (Thời đại) nói sự thật trong những sự việc bàng quan hoặc lật vạt không đáng kể, để rồi trong trường hợp cần thiết, nó có thể đánh lừa công luận với uy

tín toàn diện đã có.

Tờ *Times* sau này đưa tin tôi đến Cônxtantinốp theo một thỏa thuận với Xtalin, để từ đây chuẩn bị xâm chiếm quân sự các xứ Cận Đông. Người ta coi cuộc đấu tranh dài sáu năm giữa tôi và tập đoàn kế nghiệp bất tài chỉ là một tấn hài kịch trong đó các vai trò đã được phân bố từ trước. "Thôi đi, ai mà có thể tin điều này?" -- một người lạc quan nào đó có thể nói như thế và anh ta sẽ lầm to. Nhiều người tin vào điều đó. Có lẽ Sôócscin [Churchill] rồi sẽ không tin tờ báo của mình, nhưng Colainxơ [Clynes] chắc chắn sẽ tin, ít ra là một nửa. Như vậy, cái cơ chế dân chủ tư bản, nói đúng hơn là một trong những động cơ quan trọng nhất của nó, nằm ở đó.

Nhưng tôi chỉ tiện thể mà nhắc lại điều này; về Colainxơ, ta sẽ còn nói đến ở phần sau.

Không bao lâu sau khi tôi đến Cônxtantinốp, tôi được đọc trong một tờ báo Béclin bài phát biểu của ông chủ tịch Râystác nhân kỷ niệm mười năm ngày thành lập Quốc hội Vâyma [Weimar]. Bài diễn văn kết thúc bằng những lời lẽ sau: "*Vielleicht kommen wir sogar dazu, Herrn Trotzki das freiheitliche Asyl zu geben (Lebhafter Beifall bei der Mehrheit)*".

Những lời lẽ của ngài Loêbơ [Löbe] hoàn toàn bất ngờ đối với tôi, vả lại mọi sự đã xảy ra cho phép tôi rút ra kết luận rằng chính quyền Đức đã bác bỏ chuyển đi Đức của tôi. Ít ra các phái viên chính phủ Xô-viết cũng kiên quyết khẳng định như thế. Ngày 15 tháng Hai, tôi cho mời vị đại diện G.P.U. đã đi theo tôi đến Cônxtantinốp và nói với anh ta:

-- Tôi buộc phải đi đến kết luận các ông đã thông tin giả trá cho tôi. Bài diễn văn của Loêbơ được đọc ngày mùng 6 tháng Hai, nhưng chúng ta chỉ rời Ôđétxa đi Thổ Nhĩ Kỳ ngày 10 Tháng Hai. Như vậy, lúc đó Mátxcova đã được biết đến bài phát biểu của Loêbơ. Tôi yêu cầu ông hãy đánh điện ngay lập tức về Mátxcova và bảo họ rằng dựa vào bài phát biểu của Loêbơ, hãy *thực sự* xin Béclin cho tôi thị thực. Đó là con đường ít hổ thẹn nhất để loại trừ mưu toan -- chắc chắn do Xtalin đặt ra -- nhằm ngăn trở tôi nhập cư vào nước Đức.

Hai ngày sau, đặc phái viên của G.P.U. chuyển cho tôi câu trả lời như sau:

-- Trả lời bức điện tôi gửi về Mátxcova, người ta chỉ khẳng định một lần nữa rằng ngay từ đầu tháng Hai, chính phủ Đức đã kiên quyết từ chối cấp thị thực; một đơn thỉnh cầu mới sẽ không có ý nghĩa gì; Loêbơ phát biểu vô trách nhiệm. Nếu muốn chứng thực điều đó, xin ông đích thân đệ đơn xin thị thực. Tôi không thể tin vào câu chuyện này. Tôi cho rằng vị chủ tịch Râystác chắc chắn phải biết rõ ý đồ của đảng ông và chính phủ ông, hơn là các phái viên G.P.U. Cùng ngày hôm đó, tôi điện cho Loêbơ rằng căn cứ vào bài phát biểu của ông ta, tôi đệ đơn xin tòa lãnh sự Đức cấp dấu thị thực. Với một giọng điệu giấu cợt, báo chí dân chủ và xã hội dân chủ làm rộ lên việc một "tín đồ" của chuyên chính cách mạng lại tìm chốn nương thân tại một đất nước dân chủ. Một số còn nói lên hi vọng bài học này có lẽ sẽ dạy tôi có ý kiến tốt hơn về các thể chế dân chủ. Tôi không còn cách nào khác là chờ đợi xem bài học đó sẽ thể hiện ra sao

trong thực tế.

Quyền tị nạn dân chủ cố nhiên không ở chỗ chính quyền sở tại chứng tỏ lòng hiếu khách của mình đối với những người đồng tư tưởng với mình: ngay cả ông xun-tan Ápdun Hamít [Abdul Hamid] cũng từng làm điều này; nó cũng không ở chỗ một thể chế dân chủ chỉ cho phép những người lưu vong được nhập cư nếu chính phủ đã trục xuất họ tỏ thái độ đồng ý. Quyền tị nạn (trên giấy tờ) là ở chỗ một chính quyền cho phép cả những địch thủ của mình được cư trú với điều kiện họ tuân thủ pháp luật của nước họ cư trú. Cố nhiên, tôi chỉ có thể đặt chân vào nước Đức như một địch thủ không khoan nhượng của chính phủ xã hội dân chủ. Tôi cũng cung cấp những lời giải thích cần thiết cho một phóng viên của báo chí xã hội dân chủ Đức, anh đến nhà tôi ở Cônxtatinốp đề nghị tôi trả lời phỏng vấn. Tôi xin trích ở đây những lời lẽ ấy, chúng đã được tôi ghi lại ngay sau cuộc nói chuyện:

B ởi lẽ tôi đã đệ đơn xin được vào nước Đức, nơi đa số trong chính phủ là những người xã hội dân chủ, trước hết tôi thấy cần làm sáng tỏ mối quan hệ của tôi với đảng Xã hội Dân chủ. Trong lĩnh vực này, không hề có gì thay đổi. Thái độ của tôi đối với đảng Xã hội Dân chủ vẫn như trước đây. Hơn thế nữa, cuộc đấu tranh của tôi chống tập đoàn trung phái của Xtalin chỉ là một phần trong cuộc đấu tranh nói chung của tôi chống đảng Xã hội Dân chủ. Các quý vị cũng như tôi, chúng ta không cần ngập ngừng hay nghi hoặc

M ột số sản phẩm báo chí xã hội dân chủ cố gắng tìm ra mâu thuẫn giữa quan điểm của tôi trong vấn đề dân chủ và việc tôi xin thị thực vào Đức. Ở đây không hề có một mâu thuẫn nào cả. Chúng tôi hoàn toàn không "phủ nhận" nền dân chủ như những người vô chính phủ "phủ nhận" nó (bằng lời nói). Nền dân chủ tư sản có những ưu điểm so với những chính thể nhà nước trước nó. Nhưng nó không vĩnh cửu. Nó phải nhường chỗ cho một xã hội xã hội chủ nghĩa. Cái cầu dẫn đến xã hội xã hội chủ nghĩa là nền chuyên chính vô sản.

Trong tất cả các nước tư bản, những người cộng sản đều tham gia vào cuộc đấu tranh nghị trường. Việc sử dụng quyền tị nạn, về nguyên tắc, hoàn toàn không khác gì quyền bầu cử, quyền tự do báo chí, quyền hội họp v.v...

Theo như tôi biết, bài phỏng vấn này không được đăng tải. Không có gì lạ. Giữa lúc ấy, trong các báo chí xã hội dân chủ có những tiếng nói lẻ tẻ đòi cho tôi quyền tị nạn. Một trạng sư xã hội dân chủ, tiến sĩ Các Rôdonphen [Karl Rosenfeld] tự ý nhận việc xin cho tôi được vào nước Đức. Tuy nhiên ngay từ buổi đầu, chắc hẳn ông đã gặp ngay trở lực vì vài ngày sau, ông gửi điện hỏi tôi bằng lòng chấp nhận những hạn chế gì trong thời gian cư trú ở Đức. Tôi trả lời:

Tôi dự định sống hoàn toàn cô độc ngoài Béclin, tôi không có ý tham gia bất kể một cuộc hội họp công khai nào; tôi muốn viết lách trong khuôn khổ luật pháp Đức cho phép.

Như vậy, không còn là quyền tị nạn *dân chủ* mà là quyền được sống ở Đức trên cơ sở *châm*

chước đặc biệt. Bài học dân chủ mà các đối thủ của tôi định dành cho tôi bỗng nhiên có một ý nghĩa hạn chế. Nhưng không phải thế đã là hết. Vài ngày sau, một bức điện mới trở thành chướng ngại vật trên con đường tôi đi: tôi có chấp nhận hay không việc qua Đức chỉ với mục đích duy nhất là chữa bệnh? Để trả lời, tôi gửi bức điện sau:

Tôi yêu cầu, trong trường hợp cuối cùng, ít nhất cũng cho tôi khả năng ở lại nước Đức cho đến hết thời kỳ chữa bệnh rất cần thiết đối với tôi.

Như vậy, *quyền tị nạn* ở giai đoạn này bị thu hẹp thành *quyền được đi chữa bệnh*. Tôi nêu tên nhiều bác sĩ nổi tiếng người Đức đã từng điều trị cho tôi trong vòng mười năm trở lại đây. Giờ đây, sự giúp đỡ của họ là cần thiết hơn bao giờ hết đối với tôi.

Gần lễ Phục sinh, một mẫu tin nho nhỏ lại len lén xuất hiện trong báo chí Đức: trong chính giới, người ta cho rằng Trótxki không ốm đến mức phải được các bác sĩ Đức điều trị tại các vùng suối nước nóng ở Đức. Ngày 31 tháng Ba, tôi điện cho tiến sĩ Rôdonphen:

Theo tin báo chí, tôi không đủ ốm thập tử nhất sinh để được phép cư trú ở Đức. Tôi xin hỏi: Loêbơ đề nghị cho tôi *quyền tị nạn* hay *quyền được ra nghĩa địa*? Tôi sẵn sàng chịu sự thẩm định bệnh tật của bất cứ ủy ban y tế nào. Tôi hứa sau đợt chữa bệnh, tôi sẽ rời nước Đức.

Như vậy, trong vòng ba tuần lễ, nguyên tắc dân chủ ba lần trở thành nạn nhân của sự hạn chế. Quyền tị nạn thoát đầu biến thành quyền được cư trú trên cơ sở châm chước, rồi thành quyền được chữa bệnh, cuối cùng thành quyền được ra nghĩa địa. Nhưng, tất cả những điều này có nghĩa là tôi chỉ có thể đánh giá một cách toàn diện các ưu điểm của chế độ dân chủ sau khi đã vào nhà mồ.

Bức điện của tôi không được hồi âm. Tôi chờ vài ngày rồi lại đánh điện về Béclin: Tôi coi việc không trả lời bức điện của tôi là một hình thức từ chối không trung thực.

Chỉ sau mọi việc này, ngày 12 tháng Tư, tức là hai tháng sau, người ta mới đưa tin chính phủ Đức đã bác bỏ đơn xin thị thực vào Đức của tôi.

Tôi không còn việc gì khác là đánh điện cho Loêbơ, chủ tịch Râystác: Tôi lấy làm tiếc là không được dịp học hỏi trong thực tế những ưu điểm của quyền tị nạn dân chủ. Trótxki.

Đó là câu chuyện ngắn ngủi và đáng tham khảo về cố gắng đầu ti ên của tôi nhằm xin một dấu thị thực "dân chủ" vào châu Âu.

Nếu người ta cho tôi quyền tị nạn, bản thân điều đó cố nhiên không hề chứng tỏ sự thất bại của học thuyết mác-xít về một nhà nước trên cơ sở giai cấp. Hệ thống dân chủ -- bắt nguồn không từ những nguyên tắc tự thân mà từ những nhu cầu thực tế của giai cấp thống trị -- bao gồm cả quyền tị nạn xuất phát từ cái lô-gích nội tại của nó. Việc đảm bảo quyền tị nạn cho một nhà

cách mạng vô sản hoàn toàn không mâu thuẫn chút nào với tính chất tư sản của nền dân chủ. Nhưng giờ đây, chẳng cần bàn đến những lý lẽ đó bởi nước Đức do những người xã hội dân chủ lãnh đạo đã không cho tôi bất cứ thứ quyền tị nạn nào.

Ngày 16 tháng Chạp, qua trung gian G.P.U., Xtalin đã đề nghị tôi từ bỏ mọi hoạt động chính trị. Phía Đức cũng đặt ra điều kiện tương tự, như một việc hoàn toàn hiển nhiên, trong cuộc tranh luận báo chí về quyền tị nạn. Điều đó có nghĩa là chính phủ Muynle và Xtorêdeman coi là nguy hiểm và độc hại các tư tưởng mà Xtalin và những Thêlơman của ông ta cũng chiến đấu chống lại. Xtalin -- qua con đường ngoại giao -- và những Thêlơman -- qua con đường tuyên truyền -- đòi chính phủ xã hội dân chủ đừng nhận tôi vào lãnh thổ Đức. Ở phía bên kia, Trembéclen, bá tước Vextáp và những kẻ cùng loại đòi người ta hãy khước từ cấp thị thực cho tôi, vì quyền lợi của trật tự tư bản. Bằng cách đó, Hécman Muynle đồng thời có thể làm hài lòng những đồng bạn cánh hữu và những đồng minh cánh tả của ông ta. Chính phủ xã hội dân chủ trở thành một mắt xích liên kết mặt trận quốc tế chống chủ nghĩa mác-xít cách mạng. Muốn thấy hình ảnh của thứ mặt trận thống nhất ấy, chỉ cần trở lại những dòng đầu của *Tuyên ngôn đảng cộng sản* do Mác và Ăngghen thảo ra:

Vì một cuộc chiến thần thánh chống lại bóng ma đó (*bóng ma của chủ nghĩa cộng sản*), tất cả mọi lực lượng của châu Âu cũ đã liên kết lại: Giáo hoàng và Nga hoàng, Métécnicích [Metternich] và Ghidê [Guizot], những nhà cấp tiến Pháp và cảnh sát Đức.

Những tên tuổi đã đổi khác, nhưng bản chất vẫn như cũ. Việc cảnh sát Đức hiện nay là những nhà xã hội dân chủ chẳng mấy may thay đổi nội dung vấn đề. Xét về thực chất, họ bảo vệ những gì mà đội quân cảnh binh dòng họ Hôhendôlécno từng canh giữ.

Những lý do mà các nhà nước dân chủ viện ra để từ chối dấu thị thực là vô cùng đa dạng. Chính phủ Na Uy -- độc giả biết không? -- hoàn toàn chỉ dựa vào sự lo ngại cho an toàn cá nhân của tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng ở Ôxlô [Oslo] tôi có những người bạn giữ các chức vụ quan trọng đến thế, tận tâm với tôi đến thế, đã che chở cho số phận của tôi đến thế. Cố nhiên chính phủ Na Uy tuyệt đối ủng hộ quyền tị nạn, cũng như chính phủ Đức, Pháp, Anh và các chính phủ khác. Quyền tị nạn, như ai nấy đều biết, là một nguyên tắc thiêng liêng bất di bất dịch. Nhưng trước tiên, người lưu đày phải trình ở Ôxlô một chứng chỉ, theo đó anh ta sẽ không bị ai ám hại. Rồi lúc đó anh sẽ được tận hưởng lòng mến khách..., cố nhiên, nếu giữa chừng không nảy ra những trở ngại khác.

Hai cuộc tranh luận liên quan đến dấu thị thực của tôi diễn ra trong Xtốtting [Storting] là một tư liệu chính trị độc nhất vô nhị. Đọc văn bản này, tôi đã được đền bù, ít nhất là phân nửa, chuyện tôi không được nhận tấm giấy thị thực mà các bạn hữu tôi ở Na Uy đã vận động cho tôi.

Cố nhiên, ông thủ tướng Na Uy đã bàn bạc vấn đề thị thực của tôi với ông thủ trưởng cơ

quan mật vụ, người có thẩm quyền không thể chối cãi được trong các vấn đề liên quan đến những nguyên tắc dân chủ; tôi xin thừa nhận ngay điều này. Theo lời kể của ngài Mônvinken [Mohwinkel], ông thủ trưởng cơ quan mật vụ nghĩ rằng tốt hơn cả là hãy để những kẻ thù của Trótxki thanh toán ông ta ở một nơi khác, ngoài lãnh thổ Na Uy. Cách diễn đạt có lẽ không được rõ ràng, nhưng ẩn ý chính là như thế. Về phần mình, ông bộ trưởng Tư pháp giảng giải cho nghị viện Na Uy thấy việc bảo vệ Trótxki sẽ là một gánh nặng quá lớn đối với ngân sách Na Uy. Nguyên tắc cần kiệm trong quản lý chung cũng là một trong những nguyên tắc dân chủ không thể chối cãi, lần này lại rơi vào một mâu thuẫn đối kháng với quyền tị nạn. Từ đó, có thể kết luận kẻ đáng được cư trú nhất lại ít có cơ may nhất trong việc nhận quyền tị nạn.

Chính phủ Pháp tỏ ra thâm thúy hơn thế nhiều: đơn giản họ viện cớ chỉ thị trục xuất tôi khỏi nước Pháp của Manvi [Malvy] vẫn còn hiệu lực. Quả là một trở ngại không gì vượt qua nổi trên con đường thực thi dân chủ! Trước đây, tôi đã kể chuyện mặc dù nghị định của Manvi vẫn còn hiệu lực, chính phủ Pháp đã để cho tôi tùy nghi sử dụng các sĩ quan của họ như thế nào, các nghị sĩ, đại sứ và một thủ tướng Pháp nào đó đã đến thăm tôi ra sao. Nhưng chắc hẳn những hiện tượng này diễn ra trên những bình diện khác nhau. Vậy tình hình hiện tại là: không chút nghi ngờ, hẳn tôi có thể được quyền tị nạn ở Pháp nếu trong kho lưu trữ của cảnh sát không có một lệnh trục xuất, được ban bố từ thuở nào do sự thôi thúc của giới ngoại giao Nga hoàng. Mọi người đều biết chỉ thị của cảnh sát như một thứ sao Bắc đẩu: không có cách nào hủy được bỏ nó hoặc di chuyển được nó.

Dù thế nào đi nữa, hoặc nói một cách khác, ở nước Pháp quyền tị nạn là quyền không được thừa nhận. Thử hỏi còn có quốc gia nào mà quyền tị nạn... còn có chốn dung thân? Phải chăng là nước Anh?

Ngày 5 tháng Sáu 1929, Công đảng Độc lập Anh mà Mắc Đônan cũng là một thành viên, đã chính thức đề xướng việc mời tôi qua Anh diễn thuyết ở trường đảng. Giấy mời do tổng bí thư Công đảng ký, viết như sau:

Bởi lẽ một chính phủ công nhân đã hình thành ở đây, chúng tôi không có lý do gì để nghĩ rằng Ông sẽ gặp bất cứ trở ngại gì vào dịp Ông đến nước Anh với mục đích nói trên.

Tuy nhiên, những khó khăn vẫn cứ xuất hiện. Không những không có dịp đến diễn thuyết trước các đảng viên của ông Mắc Đônan, tôi còn không có điều kiện nhận sự giúp đỡ của các bác sĩ Anh. Giấy thị thực của tôi bị bác bỏ không trống không kèn. Colainxơ, bộ trưởng Nội vụ, người của Công đảng, đăng đàn ủng hộ sự cấm đoán này trong Hạ nghị viện Anh. Ông ta giảng giải bản chất triết học của nền tự do nhiệt thành đến mức có thể làm vinh dự cho bất cứ vị thượng thư nào thời Charles Đệ nhị. Quyền tị nạn, theo cách lý giải của Colainxơ, không phải là quyền một người bị đày ải được xin nơi cư trú, mà là quyền của một nhà nước được khước từ

anh ta một nơi như thế. Định nghĩa của Colainxơ đáng chú ý ở chỗ chỉ bằng một động tác duy nhất, nó đã xóa bỏ nền móng cơ bản của cái gọi là dân chủ. Quyền tị nạn như Colainxơ hiểu bao giờ cũng tồn tại trong nước Nga Xa hoàng. Khi ông Sakhor [Shah] ở Ba Tư không treo cổ được tất cả những người cách mạng và buộc phải rời bỏ lãnh thổ thân thiết của ông ta, Nhicolai Đệ nhị ở Nga chẳng những cho ông ta quyền tị nạn, mà còn sắp xếp cho ông một nơi ăn chốn ở khá tiện nghi ở Ôđétxa. Tuy nhiên, chẳng ai trong số những nhà cách mạng Ái Nhĩ Lan lại có ý tìm nơi ẩn náu ở nước Nga Xa hoàng mà hiến pháp được sử dụng thu gọn trong nguyên tắc của Colainxơ: các công dân phải bằng lòng với những gì chính quyền nhà nước cho hoặc lấy đi. Gần đây nữa, Mútxôlini [Mussolini] công nhận cho Pa-đi-sakhơ [Padishah] xứ Ápganixtan [Áfghanistan] quyền tị nạn dựa trên cơ sở lô-gích hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc nói trên.

Ít nh ất ngài Colainxơ mộ đạo lẽ ra cũng phải biết rằng theo một nghĩa nhất định nào đó, nền dân chủ đã thừa hưởng quyền tị nạn từ nhà thờ Cơ-đốc, thật ra, nhà thờ này cũng như bao giáo hội khác đã thừa hưởng quyền đó từ đa thần giáo. Những tội phạm bị xua đuổi chỉ việc chạy vào nhà thờ, đôi khi chỉ cần sờ vào chiếc vòng treo trên cửa ra vào, là được miễn truy nã. Như vậy, giáo hội diễn giải chính xác quyền tị nạn như quyền của kẻ bị truy nã được tìm nơi ẩn náu, chứ không phải một biện pháp độc đoán của những cha xứ đa thần giáo hoặc những viên tư tế Cơ-đốc. Cho đến nay, tôi vẫn tưởng những đảng viên Công đảng mộ đạo, những người ít hiểu biết về chủ nghĩa xã hội, ít nhất cũng phải hiểu biết về truyền thống giáo hội. Bây giờ tôi mới nhận thấy hoàn toàn chẳng phải như thế.

Nhưng thử hỏi tại sao Colainxơ lại khựng ngay lại ở những câu đầu ti ên của lý thuyết về luật nhà nước của ông ta? Thật là dở! Quyền tị nạn chỉ là một trong những bộ phận của hệ thống dân chủ. Xét về cả nguồn gốc lịch sử và bản chất pháp lý, nó không khác gì quyền tự do ngôn luận, quyền hội họp và những quyền tương tự. Có thể đoán trước rằng ít lâu nữa, ngài Colainxơ sẽ rút ra kết luận là tự do ngôn luận không phải là quyền các công dân được nói ra những ý tưởng này khác, mà là quyền của nhà nước cấm chỉ các thần dân được có những ý tưởng như thế. Trên phương diện quyền đình công, cơ quan lập pháp Anh trong thực tế đã tiến đến sự suy diễn tột cùng như thế.

Điều bất hạnh cho Colainxơ là ở chỗ ông phải công khai l ên tiếng biện giải cho biện pháp của ông, bởi trong nhóm đảng viên Công đảng tham gia nghị viện có những nghị sĩ đặt cho ngài thủ tướng một số câu hỏi lịch sử, nhưng khá rầy rà. Thủ tướng Na Uy cũng bị đặt ở tình thế khó chịu tương tự. Nhưng nội các Đức lại thoát khỏi tình huống phiền hà này. Trong Râystác, không có lấy một nghị sĩ nào quan tâm đến vấn đề quyền tị nạn. Sự kiện này càng có ý nghĩa đặc biệt nếu chúng ta nhớ lại ông chủ tịch Râystác -- giữa những tiếng vỗ tay của đa số -- đã hứa hẹn cho tôi quyền tị nạn trong khi tôi còn chưa yêu cầu ông ta.

Cách mạng tháng Mười không đặt nhiệm vụ tuyên bố những nguyên tắc trù tượng của nền dân chủ, trong số đó có quyền tị nạn. Nhà nước Xô-viết công khai dựa trên quyền của chuyên chính cách mạng. Điều đó không ngăn trở Phandécvenđe cũng như các nhà xã hội dân chủ khác, đến thăm nước Cộng hòa Xô-viết, hơn nữa, trước tòa án Mátxcova, họ còn có thể đóng vai trò trạng sư bào chữa cho những kẻ đã thực hiện các hành động khủng bố chống các nhà lãnh đạo cách mạng tháng Mười.

Các bộ trưởng hiện nay của nội các Anh cũng đã đến đất nước chúng tôi. Tôi không thể nhớ được tên tuổi từng người khách đến thăm chúng tôi, tôi không có sổ sách ghi chép trong tay, nhưng tôi nhớ trong số họ có cả ông bà Xnôđơn [Snowden]. Hình như đó là năm 1920. Họ được tiếp đón không phải như những khách du lịch bình thường mà như những vị khách, điều đó tôi nghĩ là quá trớn. Tại Nhà hát lớn, người ta dành cho họ chỗ ngồi ở "lô" hạng nhất. Tôi chợt nhớ đến việc đó nhân một chuyện nhỏ mà ngày nay kể lại có lẽ không vô ích.

Tôi vừa trở về Mátxcova từ mặt trận và còn rất xa mới nghĩ đến những vị khách người Anh. Tôi còn chẳng biết họ là ai bởi tôi hầu như không đọc báo, tôi quá bị thu hút bởi những mối lo khác. Lôđốpki [Lozovsky] đứng đầu ủy ban đón tiếp ông bà Xnôđơn, tôi nhớ hình như có cả Béctoren Rátxun [Bertrand Russell], cả Uyliemxơ [Williams] và hàng loạt nhân vật khác nữa. Anh thông báo qua điện thoại cho tôi hay: ủy ban yêu cầu tôi phải có mặt ở nhà hát, nơi có những vị khách người Anh. Tôi cố tránh nhưng Lôđốpki nài nỉ, nói rằng ủy ban được Bộ Chính trị trao toàn quyền và tôi phải nêu gương kỷ luật cho những người khác. Tôi đành miễn cưỡng đến nhà hát. Trong "lô" có chừng mười vị khách người Anh. Nhà hát chật ních. Ngoài mặt trận, chúng tôi giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Cử tọa vỗ tay mừng chiến thắng đến vỡ ụp. Các vị khách Anh bao quanh tôi và cũng vỗ tay. Trong số họ có ông bà Xnôđơn, giờ đây hẳn ông thấy xấu hổ nếu phải thú nhận câu chuyện nhỏ này. Nhưng không thể không nhắc đến nó. Mặc dầu về phần tôi, tôi muốn xóa bỏ nó khỏi ký ức. Mối quan hệ "thân ái trên chiến lũy" của tôi với các đảng viên Công đảng chẳng dựa trên một sự hiểu lầm, mà còn có vẻ là một sai lầm chính trị. Thế là tôi rút khỏi đám khách khứa càng nhanh càng tốt và tiến về phía Lênin. Ông lo lắng tiếp tôi:

-- Có thật là đồng chí xuất hiện trong cùng một "lô" với các người đó không? (Lênin dùng một từ ngữ gay gắt hơn)

Tôi viện dẫn những lời của Lôđốpki, nhắc đến ủy ban đặc biệt của Ban Trung ương và vin vào ý thức kỷ luật, nhất là tôi không hề biết các vị khách ấy là ai. Lênin rất giận Lôđốpki và vô cùng phật ý với toàn thể ủy ban nói chung. Còn tôi, trong một thời gian dài, tôi không thể tha thứ cho sự bất cẩn của mình.

Theo trí nhớ của tôi, có một người trong số các bộ trưởng Anh quốc hiện nay đã đến Mátxcova

nhều lần, chắc chắn ông đã đi nghỉ ở nước Cộng hòa Xô-viết, người ta thu xếp cho ông ở vùng Cápcadơ và ông cũng từng đến thăm tôi. Đó là ông Lenxơbuêri [Lansbury]. Tôi gặp ông lần cuối cùng ở Kixlôvốtxcơ [Kislovodsk]. Người ta khẩn khoản mời tôi đến nhà nghỉ ít nhất mười lăm phút, ở đó có những thành viên đảng ta và vài người ngoại quốc. Vài chục người ngồi quanh một chiếc bàn lớn. Một bữa tiệc đàm bạc gì đó đang diễn ra ở đây, vị trí danh dự dành cho khách, ông Lenxơbuêri. Sau khi tôi đến, vị khách phát biểu vài lời rồi cất tiếng hát: "*For he's a jolly good fellow*". Vậy đấy, ông Lenxơbuêri đã biểu lộ những tình cảm như thế đối với tôi khi ông ở Cápcadơ. Có lẽ ngày nay ông muốn quên khuấy đi chuyện đó...

Tôi phải nói rằng sau khi đệ đơn xin thị thực, tôi đã gửi những bức điện riêng cho Xnôđơn và Lenxơbuêri, nhắc họ đã từng được hưởng lòng mến khách của Liên Xô và của tôi nói riêng. Các bức điện này không có hiệu quả lớn đối với họ. Trong chính trị, những kỷ niệm cũng có ít trọng lượng như những nguyên tắc dân chủ.

Ông Xítني Vép [Sidney Webb] và bà Bêatơritre Vép [Beatrice Webb] mới đây đã rất thân ái đến thăm tôi vào đầu tháng Ba 1929, khi tôi đã ở Prinkipô [Prinkipo]. Chúng tôi chuyện trò về khả năng Công đảng Anh lên nắm chính quyền. Tiện thể, tôi ghi nhận rằng sau khi chính phủ Mắc Đônlan thành lập, tôi sẽ xin ngay thị thực. Ông Vép tuyên bố có lẽ chính phủ sẽ yếu và phải lệ thuộc vào những người theo tư tưởng tự do, vì thế chắc nó sẽ không được tự do quyết định. Tôi trả lời nếu một đảng không đủ mạnh để chịu trách nhiệm về những việc mình làm thì không được phép nắm quyền. Vả lại, cũng không cần thử nghiệm lại những bất đồng không thể khắc phục giữa hai chúng tôi. Vép lên nắm quyền. Tôi đệ đơn xin thị thực. Chính phủ Mắc Đônlan từ chối, nhưng hoàn toàn không phải vì những người tự do đã ngăn cản họ biểu thị tư tưởng dân chủ của họ. Ngược lại, chính chính phủ Công đảng khước từ việc cấp thị thực cho tôi, mặc dù những người tự do đã phản đối. Ông Vép đã không thấy trước sự kiện này. Tuy nhiên, tôi cần lưu ý rằng khi ấy, ông chưa được lãnh danh hiệu huân tước Pétxôphin [Lord Passfield]. Tôi quen biết riêng một số kẻ trong số những người này. Tôi có thể đánh giá họ bằng *per analogiam*. Tôi nghĩ tôi đã hình dung họ khá chính xác. Những con người ấy thăng tiến trên ngọn sóng nâng cao một cách tự động của các tổ chức công nhân, đặc biệt trong thời hậu chiến, và tạo dựng được quyền lực nhờ sự suy kiệt chính trị của chủ nghĩa tự do. Họ đã hoàn toàn đánh mất cái lý tưởng ngây thơ còn có trong họ cách đây hai mươi lăm, ba mươi năm. Thế vào đó, họ tiếp thu được lẽ thói của lớp chính trị gia bảo thủ và họ áp dụng không ngần ngại bất kể phương tiện nào để đạt tới mục đích. Nhưng xét tầm nhìn về mục tiêu thì họ vẫn như xưa: những con người tiểu tư sản vụng về, có tư duy lạc hậu hơn rất nhiều so với những phương pháp sản xuất của ngành công nghiệp than nước Anh. Hiện tại, điều họ sợ nhất là giới quý tộc và lớp đại tư bản không coi trọng họ. Và cũng không có gì lạ: nắm quyền chính, họ thấu hiểu sự

yếu ớt của họ. Họ không có và cũng không thể có những đức tính đặc trưng cho các thể hệ thống trị trước kia, khi những truyền thống và thủ đoạn cai trị truyền từ đời này sang đời khác, và thường thường những thứ này còn thay thế cho trí tuệ và tài năng. Nhưng họ cũng không có nốt cái có thể làm nên sức mạnh thực sự cho họ, tức là lòng tin vào quần chúng và khả năng đứng vững trên đôi chân mình. Họ sợ quần chúng, những người đã nâng họ lên cao, cũng như sợ các câu lạc bộ bảo thủ đã làm hoa mắt trí tưởng tượng nghèo nàn của họ bằng ánh sáng của sự giàu sang. Để biện bạch cho việc leo lên nắm chính quyền, họ buộc phải chứng thực cho các giai cấp thống trị cũ thấy rằng họ không phải là những kẻ hãnh tiến cách mạng -- lạy Chúa lòng lành! --, không, thế nào đi nữa họ cũng xứng đáng với niềm tin, họ là tín đồ của giáo hội, của nhà vua, của Thượng nghị viện, của các chức vị, nghĩa là họ tận tụy không chỉ với chế độ tư hữu thần thánh mà với mọi thứ rác rưởi thời Trung cổ. Việc từ chối thị thực cho một nhà cách mạng đối với họ là dịp tốt để chứng tỏ một lần nữa cái *respectability* của họ. Tôi rất hân hạnh tạo cho họ cơ hội ấy. Rồi sẽ có ngày họ tính sổ lại cho tôi điều đó. Trong chính trị cũng như trong tự nhiên, không có cái gì mất đi vô ích...

Không cần có quá nhiều trí tưởng tượng cũng có thể hình dung ra cách giải thích của ông Colainxơ trước thuộc hạ của ông ta, vị thủ trưởng cảnh binh chính trị. Trong quá trình nói chuyện, Colainxơ cảm thấy mình như một học trò đi thi và ông ta sợ mình đã tỏ ra không đủ cứng cỏi với tư cách một người đại diện nhà nước, một nhà bảo thủ trước mắt giám khảo. Chẳng cần phải có đầu óc sáng tạo lắm, vị thủ trưởng cảnh binh chính trị cũng gọi cho Colainxơ một giải pháp mà ngày hôm sau, được báo chí bảo thủ nhiệt liệt tán đồng. Nhưng báo chí bảo thủ không dừng lại ở sự khen ngợi đơn thuần. Không, họ khen ngợi một cách châm chọc, phỉ báng. Họ giễu cợt. Họ không thêm che giấu sự khinh thị đối với những kẻ đi tìm sự tán đồng của họ một cách quy lụy như vậy. Ví dụ, chẳng ai có thể nói rằng tờ *Daily Express* (Tin nhanh trong ngày) là một trong những cơ quan thông minh nhất thế giới. Thế nhưng tờ báo này đã tìm thấy những từ ngữ cay độc nhất để tán thưởng chính phủ Công đảng, đã tốn bao công phu che chở cho "Mắc Đônan là người dễ xúc động" trước một quan sát viên cách mạng đang ẩn nấp hành động đằng sau lưng ông..

Và những con người này lại được giao trọng trách đặt nền móng cho một xã hội loài người mới? Không, họ chỉ là lực lượng dự bị gần cuối của xã hội cũ. Tôi nói "gần cuối" bởi cái cuối sẽ là sự khủng bố thể xác.

Tôi buộc phải thú nhận rằng việc thảo luận về các nền dân chủ Tây Âu trong vấn đề quyền tị nạn, giữa bao điều khác, đã tạo cho tôi không ít giây phút thỏa chí. Đôi khi tôi có cảm giác như thể tôi được dự cuộc dàn dựng một vở hài kịch "toàn châu Âu" một màn, nói về đề tài các nguyên tắc dân chủ. Kịch bản có thể do bàn tay Bócna Sô viết ra, nếu ta thêm vào năm phần

trăm hồng cầu của Xoríptơ [Jonathan Swift] vào thứ bạch huyết pha-biên chảy trong huyết quản ông. Nhưng dù ai thảo ra kịch bản đi nữa, vở kịch cũng rất đáng để ta suy ngẫm: *Châu Âu không thị thực*. Đừng nói chi đến châu Mỹ, vô ích! Hoa Kỳ không chỉ là nước mạnh nhất mà đồng thời cũng là quốc gia dễ hoảng sợ nhất. Mới đây, Huvơ [Hoover] giải thích thú ham mê câu cá của ông bằng tính chất dân chủ của trò giải trí này. Nếu quả thật như vậy -- tôi nghi ngờ điều này --, dù sao đi nữa đó cũng là một trong số ít những tàn dư của nền dân chủ còn đọng lại ở Hoa Kỳ. Đã từ lâu không còn quyền tị nạn ở nơi đây. *Châu Âu và châu Mỹ không thị thực*. Nhưng hai châu lục đó làm bá chủ cả ba châu lục còn lại. Vậy kết quả là: *Hành tinh không thị thực*.

Từ mọi phía, người ta giảng giải cho tôi: lỗi chính của tôi là không tin tưởng vào dân chủ. Biết bao nhiêu bài báo, thậm chí bao nhiêu sách vở đã được viết về đề tài này. Nhưng khi tôi đề nghị ai đó hãy cho tôi một bài giảng minh họa về nền dân chủ, thì lại không có ai nhận lời. Nghĩa là hành tinh không cấp dấu thị thực. Vậy tại sao tôi lại phải tin rằng một vấn đề có tầm cỡ lớn hơn rất nhiều -- xung đột giữa những người hữu sản và những người bần cùng -- lại sẽ được giải quyết bằng cách tuân thủ nghiêm ngặt những hình thức và lễ nghi của nền dân chủ?

Thế hệ thừa kế chuyên chính cách mạng đã đem lại những kết quả mong đợi chưa? -- hầu như tôi nghe thấy câu hỏi này. Chỉ có thể trả lời nếu chúng ta vạch ra các kinh nghiệm của cách mạng tháng Mười và phác họa những triển vọng sau này. Nhưng những trang sách của một cuốn tự truyện không phải là nơi thích hợp nhất cho một cuộc thảo luận như thế. Tôi sẽ cố gắng trả lời tất cả những điều này trong một cuốn sách riêng mà tôi đã bắt tay vào viết trong thời gian cư trú ở Trung Á. Nhưng tôi không thể kết thúc câu chuyện đời tôi mà không nói, ít ra là trong vài dòng, tại sao tôi vẫn tiếp tục theo đuổi toàn bộ và toàn vẹn con đường đã vạch ra cho mình.

Có thể tổng kết tất cả những gì đã diễn ra trong đời sống của thế hệ tôi -- thế hệ hiện nay đã chín muồi và đang dần dần tiến đến tuổi già -- theo một dàn ý sơ lược như sau: Trong suốt vài thập niên -- cuối thế kỷ trước, đầu thế kỷ này -- nền công nghiệp đã thống trị dân cư châu Âu một cách khắc nghiệt. Mọi mặt giáo dục xã hội đều bị đặt dưới nguyên lý năng suất lao động. Điều đó đã đem lại những kết quả vô cùng lớn lao và có vẻ như đã mở ra những triển vọng mới trước mắt nhân loại. Nhưng trong thực tế, nó chỉ dẫn đến chiến tranh. Đúng là thông qua chiến tranh, nhân loại mới tin rằng mình hoàn toàn chưa bị suy thoái -- mặc dầu những lời ca cẩm diêm dũ của một triết lý bạc nhược --; ngược lại, nó tự thấy tràn trề nhựa sống, sức lực, lòng can đảm và tinh thần kinh doanh. Cũng từ cuộc chiến đó, con người càng tin hơn bao giờ hết vào sức mạnh kỹ thuật của mình. Như thế con người, muốn biết chắc xem hệ hô hấp và tiêu hóa của mình có hoàn toàn lành lặn

hay không, đứng nhìn mình trước cái gương rồi tự cắt cổ mình bằng một con dao cạo. Sau những cơn phẫu thuật thời kỳ 1914-1918, người ta tuyên bố: từ nay trở đi, hành động đạo đức lớn nhất của con người là chữa lành những vết thương mà việc gây ra nó cũng là hành động đạo đức lớn nhất trong bốn năm trước đó. Tính ham mê lao động và tinh thần tiết kiệm chẳng những được tôn vinh trở lại mà còn được đưa vào khuôn khổ cứng rắn của nguyên tắc hợp lý hóa. Cái gọi là công cuộc "phục hồi" được điều khiển bởi những giai cấp, những chính đảng, thậm chí bởi cả những nhân vật trước đây đã từng điều khiển sự hủy diệt. Nơi nào có sự thay đổi thể chế chính trị -- như ở Đức --, tại đó diễn viên chính của màn kịch "phục hồi" lại là những kẻ đóng vai trò phụ và không đáng kể trong quá trình hủy diệt. Thực chất mọi sự thay đổi là như thế.

Chiến tranh đã cướp đi cả một thế hệ, dường như chỉ để ghi dấu một khoảng thời gian trong hồi ức các dân tộc, và để ngăn trở thế hệ mới nhận thấy quá trực tiếp rằng xét đến cùng, họ chỉ lặp lại những việc đã xảy ra, nhưng ở một tầm lịch sử cao hơn, và do đó, còn đem lại những hậu quả đáng lo ngại hơn.

Giai cấp công nhân Nga dưới sự lãnh đạo của những người bên-sêvích đã cố gắng biến đổi cuộc sống theo chiều hướng loại trừ cho nhân loại những cuộc khủng hoảng bạo lực điên cuồng trong những thời kỳ nhất định và đặt nền móng cho một nền văn hóa ở mức cao hơn. Bản chất của cách mạng tháng Mười là ở đấy. Cố nhiên, nhiệm vụ nó đặt ra chưa được giải quyết; nhưng thực ra nhiệm vụ ấy được đặt ra cho nhiều thập niên. Thậm chí có thể coi cách mạng tháng Mười chỉ là khởi điểm của lịch sử toàn nhân loại trong thời đại mới nhất.

Vào sau cuộc chiến tranh Ba mươi năm, chắc hẳn phong trào Cải cách tôn giáo ở Đức cho ta cái cảm tưởng là sự nghiệp của những kẻ vừa thoát khỏi nhà thương điên. Trong một chừng mực nhất định, điều đó rất đúng: nhân dân châu Âu chạy trốn khỏi những tu viện thời Trung cổ. Đã không thể có nước Đức, nước Anh, nước Hoa Kỳ và nói chung, toàn thể nhân loại hiện nay nếu không có một cuộc cải cách, kèm theo vô số nạn nhân của nó. Nếu có thể chấp nhận những tổn thất -- nhưng biết phải xin phép ai đây? --, thì phải là những tổn thất đưa nhân loại tiến lên phía trước.

Chúng ta cũng cần nói như thế về cuộc cách mạng Pháp. Một kẻ phản động thiện cận và thông thái róm là Tenơ [Taine] khám phá ra rằng vài năm sau khi Lui XVI [Louis] bị chém đầu, nhân dân Pháp còn nghèo khổ và bất hạnh hơn cả dưới chế độ cũ. Nhưng vấn đề là ở chỗ không thể nghiên cứu những sự kiện như cuộc Đại cách mạng Pháp trong tầm nhìn "vài năm". Không có cuộc Đại cách mạng Pháp thì không thể hình thành một nước Pháp mới và bản thân Tenơ vẫn chỉ có thể là một tay thư lại phục vụ một nhân viên thu thuế của chế độ cũ, thay vì một kẻ bôi nhọ cuộc cách mạng đã mở ra cho ông ta một con đường công danh mới.

Cách mạng tháng Mười còn đòi hỏi một khoảng cách lịch sử lớn hơn thế nữa. Chỉ những kẻ thiển cận vô vọng mới có thể trách cứ cách mạng trong vòng mười hai năm đã không đem lại sự hòa giải và thịnh vượng khắp nơi. Nếu suy nghĩ theo tầm nhìn của Cải cách tôn giáo Đức và Cách mạng Pháp, vốn là hai giai đoạn phát triển cách nhau gần ba trăm năm của xã hội tư sản, thì chúng ta phải ngạc nhiên vì nước Nga lạc hậu và bị cô lập mười hai năm sau cách mạng đã đảm bảo cho quần chúng một mức sống tương đương với thời tiền chiến. Chỉ riêng điều này cũng đã là một kỳ tích trong chủng loại của nó. Nhưng ý nghĩa của cách mạng tháng Mười cố nhiên không nằm ở đó. Cuộc cách mạng này là một thử nghiệm để tạo lập một chế độ xã hội mới. Thử nghiệm này sẽ được biến đổi, có thể sẽ được làm lại từ nền móng. Rồi nó sẽ có tính chất hoàn toàn khác dựa trên nền kỹ nghệ mới nhất. Nhưng sau nhiều thập kỷ, rồi nhiều thế kỷ, chế độ xã hội mới sẽ nhìn lại cách mạng tháng Mười cũng như chế độ tư sản nhìn lại cuộc Cải cách tôn giáo Đức hoặc Cách mạng Pháp. Điều đó rõ ràng, không thể bác bỏ, không thể lay chuyển đến mức ngay cả các giáo sư sử học cũng sẽ hiểu ra, cố nhiên, phải sau nhiều năm. Vậy số phận ông sẽ ra sao? -- dường như tôi nghe câu hỏi đó, ở đây sự tò mò xen lẫn dụng ý mỉa mai. Trên phương diện này, tôi không thể thêm gì vào những điều đã nói trong sách. Tôi không đo quá trình lịch sử bằng thước đo số phận cá nhân tôi. Trái lại, không những tôi đánh giá số phận cá nhân của tôi một cách khách quan mà tôi còn sống qua nó một cách chủ quan, liên hệ chặt chẽ với tiến trình phát triển xã hội.

Từ khi bị trục xuất, đã nhiều lần tôi đọc trong báo những suy ngẫm về "tấn thảm kịch" mà tôi phải gánh chịu. Tôi không biết bất cứ một tấn thảm kịch *cá nhân* nào. Tôi chỉ biết có hai người đã từng lãnh đạo cách mạng, hiện nay không ở vị trí ấy nữa. Một tờ báo Mỹ đã in một bài viết của tôi, có thêm một nhận xét đặc biệt "mặc dầu phải chịu nhiều đòn đánh, tác giả vẫn giữ được sự sáng sủa trong suy luận, như bài báo cho thấy". Tôi chỉ biết ngạc nhiên khi nhận thấy người ta đã cố gắng tạo ra mối quan hệ giữa khả năng phán đoán của tôi và cương vị tôi nắm giữ trong chính phủ, giữa sự cân bằng tinh thần và cục diện thời sự. Tôi chưa từng biết và cũng không biết những mối liên hệ như vậy. Trong tù, với một cuốn sách hay ngòi bút trong tay, tôi sống qua những giờ phút mãn nguyện ở mức độ cao nhất cũng như khi tôi dự các cuộc mít-tinh của quần chúng cách mạng. Tôi coi bộ máy chính quyền như một gánh nặng không tránh khỏi hơn là sự thỏa mãn tinh thần. Nhưng có lẽ về tất cả những điều này, tôi xin nói bằng lời của một người khác thì tốt hơn.

Ngày 26 tháng Giêng 1917, Rôda Luýchxămbua viết từ nhà tù cho một người bạn gái: Tôi hoàn toàn không thể hiểu nổi và không thể chịu đựng nổi sự hòa nhập vào cái tầm thường hàng ngày ấy. Bạn hãy nhìn xem, ví dụ Gót [Goethe] đã vượt lên thế sự với tấm lòng cao thượng thanh thản như thế nào. Thử nghĩ xem ông đã phải trải qua biết bao sự kiện: cuộc Đại cách

mạng Pháp mà nhìn gần, đối với ông là một vở hài kịch đẫm máu và hoàn toàn vô ích, rồi sau đó có hàng loạt những cuộc chiến vô tận trong thời gian 1793-1815... Tôi không mong bạn làm thơ được như Gót, nhưng mọi người đều có thể thấu hiểu cái nhìn của ông về cuộc đời -- tính phổ quát trong mỗi quan tâm, sự hài hòa nội tâm --, hoặc ít nhất, có thể cố gắng để hiểu. Và nếu như bạn nói với tôi: nhưng bởi Gót không phải là một chiến sĩ chính trị, tôi nghĩ rằng tôi sẽ trả lời bạn như sau: chính một chiến sĩ phải cố gắng vươn lên trên thế sự, nếu không anh ta sẽ chúi mũi vào mọi thứ như bấn -- cố nhiên ở đây tôi chỉ nghĩ đến một chiến sĩ có tầm cỡ...

Những lời lẽ tuyệt vời! Tôi đọc chúng lần đầu trong những ngày gần đây và lập tức cảm thấy Rôda Luýchxămbua gần gũi hơn và thân thiết hơn so với trước đây.

Xét về phương diện tư tưởng, về tính cách và về toàn bộ phong cách cảm nhận thế giới, tôi cảm thấy xa lạ với Pơruyđôn [Proudhon], chàng Rôbindôn Côrudô [Robinson Crusôé] của chủ nghĩa xã hội. Nhưng Pơruyđôn có thể chất của một chiến sĩ, ông có tinh thần khảng khái, không vụ lợi, có khả năng khinh thường công luận và cuối cùng, trong ông luôn có ngọn lửa của sự ham hiểu biết không bao giờ tắt. Điều đó tạo điều kiện cho ông vượt lên trên cuộc sống của chính ông, vượt lên cả những thăng trầm cuộc đời ông cũng như trên thực tế của thời đại ông. Ngày 26 tháng Tư 1852, từ nhà tù, Pơruyđôn viết cho bạn:

Không chút nghi ngờ, phong trào tỏ ra không đúng đắn, cũng không trực tiếp, nhưng là một khuynh hướng thường kỳ. Điều mọi chính phủ tuần tự làm vì lợi ích cách mạng, trở nên bất khả xâm phạm; còn những gì người ta cố gắng thực hiện để chống phá cách mạng sẽ tan tành như mây khói. Tôi tận hưởng cảnh tượng này, trong đó tôi nhận thức từng cảnh một. Tôi chứng kiến những biến đổi ấy của cuộc sống trên đời như thể tôi nhận được lời lý giải về chúng từ trên xuống. Những gì đè bẹp kẻ khác lại nâng tôi lên ngày một cao hơn, khiến tôi hào hứng và củng cố sức mạnh. Làm sao các anh lại muốn tôi buộc tội số phận, muốn tôi phàn nàn về con người và nguyên rửa họ? Số phận ư -- tôi chỉ bật cười; còn con người ư, họ học hành quá ít và có bản chất quá nô lệ để tôi có thể cảm thấy bị xúc phạm vì họ.

Mặc dầu mang chút ít phong vị bi cảm tôn giáo, đó là những lời lẽ hết sức hóm hỉnh. Tôi xin ký tên.

(Hết - Trọn bộ hai tập)

PHỤ LỤC

Thư gửi Đại hội (Di chúc chính trị của Lênin)

Ở phần trên, khi nhắc đến sự bền vững của Ban Trung ương, tôi định nói đến những biện pháp đề phòng sự chia rẽ, nếu có thể thực hiện những biện pháp như thế. Vì cố nhiên tên Bạch vệ của tờ báo *Rútxcaia Muxli* [Russkaia Misl] (Tur tưởng Nga) (hình như là X.Ph. Ôнденbua [S.F. Oldenburg] thì phải) đã có lý khi trong ván bài chống nước Nga-Xô-viết của y, thoát đầu y đã đặt cược vào sự phân ly của đảng ta, và sau đó, vào những bất đồng quan điểm rất nghiêm trọng trong đảng, như một nhân tố thúc đẩy sự chia rẽ nói trên.

Đảng ta dựa tr ên hai giai cấp và vì thế, tình trạng mất ổn định có thể xảy ra và sự sụp đổ cũng không tránh khỏi, nếu giữa hai giai cấp này không thể đạt được một sự đồng thuận. Trong trường hợp đó, thực hiện biện pháp này hay biện pháp khác, thậm chí, suy ngẫm về sự bền vững của Ban Trung ương là một việc vô ích. Trong trường hợp đó, không một biện pháp nào có thể ngăn chặn được sự chia rẽ. Nhưng tôi mong đó chỉ là một tương lai rất xa xôi và có xác suất quá nhỏ để chúng ta phải bàn luận trong lúc này.

Tôi nghĩ đến sự bền vững, đảm bảo sự chia rẽ không xảy ra trong một tương lai gần và tôi muốn đề cập đến ở đây vài suy nghĩ có tính cách hoàn toàn cá nhân.

Trên phương diện này, tôi cho rằng vấn đề thiết yếu trong việc ổn định là Ban Trung ương và những thành viên như Xtalin và Trốtxki. Theo ý tôi, quan hệ giữa hai người chiếm hơn nửa phần mỗi họa chia rẽ -- có thể tránh khỏi -- và theo tôi, ta có thể tránh khỏi bằng một trong các phương pháp là tăng số ủy viên Ban Trung ương lên năm mươi hoặc một trăm người. Đồng chí Xtalin, từ khi trở thành tổng bí thư đảng, đã thu tóm vào tay mình một quyền hành vô hạn mà tôi không chắc đồng chí ấy sẽ luôn biết sử dụng một cách chừng mực. Mặt khác, ngay như cuộc đấu tranh chống Ban Trung ương về vấn đề Bộ Dân ủy Giao thông đã chứng tỏ, đồng chí Trốtxki không chỉ nổi bật về khả năng xuất chúng mà thôi. Đúng về phương diện cá nhân, tuy rằng có lẽ Trốtxki là người tài năng nhất trong Ban Trung ương hiện nay, nhưng đồng chí hay quá buông lỏng bản thân bởi tính tự tin và sự say mê khía cạnh hành chính thuần túy của công việc.

Hai bản tính ấy của hai nhà lãnh đạo xuất sắc trong Ban Trung ương hiện nay có thể dẫn tới sự chia rẽ và nếu đảng ta không thực hiện những biện pháp đề phòng, sự chia rẽ ấy có thể bất ngờ xảy ra.

Tôi miễn phân tích những ủy viên khác của Ban Trung ương theo bản tính cá nhân của họ. Tôi chỉ lưu ý: biến cố tháng Mười của Dinôviép và Camênhép tất nhiên không phải tình cờ, nhưng

không thể quy điều này là tội lỗi cá nhân của họ, cũng như không thể buộc tội Trốtxki không phải người bên-sê-vích.

Trong số những thành viên trẻ của Ban Trung ương, tôi muốn nói vài lời về Bukharin và Piatacốp. Theo ý tôi, họ là những cán bộ xuất sắc nhất (trong số những người trẻ tuổi) và trong quan hệ với họ, chúng ta cần chú ý như sau: Bukharin chẳng những là lý thuyết gia quý báu nhất và cứng cáp nhất của đảng mà chúng ta còn có quyền coi đồng chí là con cưng của toàn đảng, nhưng những quan niệm lý luận của đồng chí chỉ có thể được coi là hoàn toàn mác-xít một cách rất dè dặt, bởi có cái gì kinh viện trong đó (đồng chí chưa bao giờ học hỏi và theo ý tôi, chưa bao giờ thông hiểu toàn bộ thuyết biện chứng). *Ngày 24-12-1922*

Về Piatacốp, không ai chối cãi được là đồng chí có nghị lực sắt đá và rất tài năng, nhưng lại quá thiên về công việc hành chính và quá thiên về khía cạnh hành chính của công việc, thành thử không thể dựa vào đồng chí trong những vấn đề chính trị quan trọng.

Dĩ nhiên, tất cả những nhận định này của tôi chỉ có giá trị trong giai đoạn hiện tại và trong trường hợp hai cán bộ xuất sắc và tận tâm này không có dịp bồi bổ những hiểu biết và vượt qua những phiến diện của mình.

Ngày 25-12-1922

Bổ sung thư ngày 24-12-1922: Xtalin là người có tính tàn bạo thái quá và nhược điểm này hoàn toàn có thể chịu đựng được giữa chúng ta và trong quan hệ giữa những người cộng sản, nhưng không thể chấp nhận trên cương vị tổng bí thư đảng. Vì thế, tôi đề nghị các đồng chí hãy suy nghĩ về việc chuyển Xtalin khỏi trọng trách ấy và đề cử vào vị trí của Xtalin một đồng chí khác, có bản tính tốt hơn so với Xtalin: kiên nhẫn hơn, trung thực hơn, lịch sự hơn và chu đáo hơn đối với các đồng chí, ít thất thường hơn v.v... Có thể trường hợp này dường như không đáng kể, nhưng để phòng ngừa sự chia rẽ và trên phương diện những gì tôi đã viết ở trên về mối quan hệ giữa Xtalin và Trốtxki, tôi tin rằng điều này không hề nhỏ nhất, bằng không, đó là sự nhỏ nhất có thể mang tầm quan trọng quyết định.

Ngày 4-1-1923 Lênin

Cái chết của Dinaïđa Vôn-cô-va

Gửi các ủy viên Ban Trung ương đảng Cộng sản (bên-sê-vích) liên Nga, Gửi các ủy viên Ban Kiểm tra Trung ương đảng Cộng sản (bên-sê-vích) liên Nga, Gửi Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Liên Xô.

Tôi thấy nhất thiết phải thông báo cho các ông biết về những lý do và hoàn cảnh đã dẫn đến việc con gái tôi tự sát.

Cuối năm 1930, theo đề nghị của tôi, các ông đã cho phép con gái tôi, Dinaïđa Vôn-cô-va, lúc

đó đang bị bệnh lao, cùng đưa con trai năm tuổi Voxêvôlốt [Vselovod] tạm thời qua Thổ Nhĩ Kỳ chữa bệnh. Khi đó, tôi không nghĩ rằng sau hành động tự do chủ nghĩa này lại tiềm ẩn những ý đồ đen tối của Xtalin. Tháng Giêng 1931, con gái tôi đến Thổ Nhĩ Kỳ với vết nhám ở cả hai lá phổi. Sau mười tháng cư trú ở đây, mặc dầu bị các đại diện ngoại giao Xô-viết phản đối liên tục, nó nhận được giấy phép sang Đức chữa bệnh. Tạm thời, con trai nó ở lại với chúng tôi ở Thổ Nhĩ Kỳ, bằng việc này chúng tôi cũng muốn giảm bớt gánh nặng cho người bệnh. Một thời gian sau, các bác sĩ Đức nhận định rằng có thể chữa khỏi những vết nhám của nó. Dinaïda khá lên, nó mơ ước được trở về Liên Xô cùng con trai. Con gái và chồng của nó ở lại Liên Xô, chồng nó bị Xtalin đày ải như một người bôn-sê-vích -- lê-nin-nít.

Bằng chỉ thị công bố ngày 20 tháng Hai 1932, các ông đã tước bỏ quốc tịch Xô-viết của tôi, của vợ tôi, con trai tôi và của cả Dinaïda Vôn-cô-va, mặc dù nó chỉ cư trú ở nước ngoài để chữa bệnh, hơn nữa, nó được các ông cho phép ra nước ngoài với tấm hộ chiếu Xô-viết. Con gái tôi không có vai trò gì và cũng không thể có vai trò gì (do tình trạng sức khỏe của nó) trong cuộc đấu tranh chính trị. Nó né tránh mọi thứ có thể rủ bóng râm xuống bản tính "đáng tin cậy" của nó. Việc truất bỏ quốc tịch của nó không có ý nghĩa nào khác ngoài sự báo thù nhằm vào tôi. Đối với nó, điều này có nghĩa là nó bị tách khỏi con gái, phải xa rời chồng, xa rời bạn bè và toàn thể cuộc sống mà nó đã quen. Bằng quyết định này, thế giới nội tâm của nó, vốn đã bị thương tổn bởi cái chết của em gái nó và bệnh tật của chính nó, lại bị một đòn mới, lần này còn nặng nề hơn vì nó bị hoàn toàn bất ngờ và con gái tôi không hề làm gì để đáng nhận hình phạt đó. Các bác sĩ tâm thần học đều thống nhất nói rằng chỉ có thể cứu nổi nó nếu trong một khoảng thời gian ngắn nhất, nó được trở lại giữa những hoàn cảnh quen thuộc, với gia đình và công việc. Chính chỉ thị tháng Hai 1932 của các ông đã tước đi khả năng này của nó. Mọi cố gắng của những người gần gũi nó -- nhằm giải tỏa chỉ thị nói trên đối với con gái tôi -- đều vô hiệu, như các ông cũng biết.

Các bác sĩ ở Béclin nhất quyết yêu cầu ít nhất con gái tôi phải được gặp lại đứa con trai, càng nhanh càng tốt. Họ thấy điều đó còn có thể khiến tinh thần của người mẹ được cân bằng trở lại. Tuy nhiên, các ông còn truất bỏ quốc tịch Xô-viết của thằng bé sáu tuổi, khiến những khó khăn trong việc đưa nó từ Côn-x-tan-tin-ôp sang Béclin tăng lên gấp hàng chục lần. Nửa năm trôi qua với những cố gắng không ngừng và vô kết quả ở nhiều nước. Chỉ một chuyến đi ngẫu nhiên của tôi đến Cô-pen-haghen [Kopenhagen] mới tạo điều kiện cho chúng tôi đưa cháu bé qua châu Âu. Từ đó, trong vòng sáu tuần rông rã, giữa những khó khăn lớn nhất, nó mới đến được Béclin. Nhưng cháu không thể ở lại với mẹ hơn một tuần lễ vì cảnh sát của tướng Saikhor [Scheicher], chắc hẳn do âm mưu của bè lũ mật vụ Xtalin, đã quyết định trục xuất con gái tôi khỏi Béclin. Nó phải đi đâu bây giờ? Qua Thổ Nhĩ Kỳ? Hay đến đảo Prinkipô? Nhưng đứa bé cần

được đến trường và con gái tôi cần được các bác sĩ theo dõi thường xuyên, cần một cuộc sống gia đình bình thường và cần những điều kiện làm việc. Nó đã không chịu đựng nổi đòn mớ này. Ngày 5 tháng Giêng, con gái tôi tự sát bằng hơi đốt. Nó mới ba mươi tuổi.

Năm 1928, không lâu sau khi tôi bị đi đày, Nhina, con gái thứ của tôi phải vào viện (chồng nó cũng bị Xtalin giam cầm trong xàlim riêng và đã bị nhốt ở đó từ năm năm nay). Cơ thể nó bị bệnh lao hủy hoại. Lá thư nó gửi tôi, hoàn toàn mang tính cá nhân và trong đó không hề có chút bóng dáng chính trị nào, đã bị các ông giữ lại bảy mươi ngày. Và vì thế, hồi âm của tôi chỉ đến sau khi nó đã mất. Nó chết năm hai mươi sáu tuổi.

Trong thời gian tôi cư ngụ ở Copenhaghen, nơi vợ tôi dưỡng bệnh vì bà ốm nặng, và tôi chuẩn bị đi chữa bệnh, thông qua Hãng Thông tấn Liên Xô (TASS), Xtalin tung ra một tin giả cho cảnh binh các nước châu Âu, rằng có một cuộc "hội đàm trốt-kít" diễn ra tại Copenhaghen. Chừng ấy thừa đủ để chính phủ xã hội dân chủ Đan Mạch làm theo ý muốn của Xtalin và vội vã trục xuất tôi, khiến vợ tôi phải bỏ dở kỳ dưỡng bệnh có tầm quan trọng sống còn đối với bà ấy. Trong trường hợp này, cũng như ở hàng loạt dịp khác, ít nhất Xtalin cũng cộng tác với cảnh binh tư sản chống lại tôi vì các mục đích chính trị. Nhưng việc tầm nã con gái tôi không hề có chút ý nghĩa chính trị gì. Truất bỏ quốc tịch của nó, cướp đi tia hi vọng cuối cùng của nó là có thể hồi phục sau khi trở lại môi trường quen thuộc, và cuối cùng là việc trục xuất nó khỏi Béclin: tất cả là biểu hiện của một sự báo thù tầm thường, thiếu mọi nội dung chính trị. Con gái tôi hiểu rõ tình thế của nó. Nó biết rằng không thể trốn chạy trước những móng vuốt của cảnh binh châu Âu, đang truy tầm nó theo ý muốn của Xtalin. Nhận thức đó đẩy nó vào cái chết ngày mùng 5 tháng Giêng 1933. Vào những dịp như thế, người ta thường nói "cô ta tự chọn cái chết". Không, con gái tôi không tự lựa chọn cái chết. Xtalin đã xua đẩy nó vào cái chết.

Tôi chỉ giới hạn trong phạm vi thông báo những điều này và không rút ra các kết luận quan trọng hơn. Sẽ có lúc thời gian làm việc đó. Rồi đây, một đảng hồi sinh sẽ rút ra những kết luận cần thiết. L. Trótxki (*Thông tin Đối lập* số 33, tháng Ba 1933)

Thư của N.I. Trótxcaia về con trai, Xécgây

Ngày 1 tháng Sáu 1935, tôi đã gửi một lá thư cho báo chí trong đó tôi viết về việc đầu năm nay, Xtalin đã bắt giam Xécgây, đưa con trai hai mươi bảy tuổi của tôi, giáo sư một trường đại học ở Mátxcova, người không bao giờ hoạt động chính trị, trung thành với chính quyền Xô-viết ở mức tuyệt đối và còn không hề có quan hệ thư từ với cha của mình. Mục tiêu duy nhất của việc bắt bớ là trả thù những hoạt động chính trị của L.Đ. Trótxki. Ai cũng biết là lời thông báo này gây ra nỗi lo lắng ngay cả trong giới được gọi là "thân Xô-viết". Trong số họ, có vài người

đã dò hỏi những đại diện của chính quyền Xô-viết ở nước ngoài cũng như ở Mátxcova, và họ nhận được câu trả lời là con trai tôi "không bị tù tội", nó chỉ bị đặt dưới một sự theo dõi đặc biệt để cắt đứt mối quan hệ với cha mẹ nó. Nhưng trong thực tế, không hề tồn tại mối quan hệ đó (chính vì chúng tôi muốn bảo vệ Xêriôgia), ngoại trừ vài dịp khi con trai tôi hoặc tôi trao đổi tin tức về tình trạng sức khỏe của nhau. Mọi dấu hiệu cho thấy thông tin Xêriôgia "không bị tù tội" là dối trá. Trong ba tháng vừa qua, nhiều lần tôi chuyển một khoản tiền khá ít ỏi theo tên vợ nó để giúp đỡ Xécgây trong chừng mực có thể. Sau khi không nhận được hồi âm chứng thực của con dâu tôi, đã nhiều lần tôi gạn hỏi ngân hàng nhưng đều vô hiệu. Ngày 6 tháng Mười một, Ngân hàng Tín dụng Na Uy thông báo như sau: "*les ordres en question restent inexécutés, vu que la bénéficiaire n' a pu être trouvé à l' adresse indiquée*" (chúng tôi không thể thực hiện được điều khoản đang kể tới bởi lẽ không tìm được người nhận ở địa chỉ nói trên). Theo đó, như vậy con dâu tôi cũng đã bị bắt. Con dâu tôi làm việc trong thư viện, hoàn toàn xa lạ với mọi cuộc đấu tranh chính trị và trong những năm gần đây, nó còn khổ sở vì bệnh phổi. Ba tháng trước đây, người phụ nữ trẻ này còn được tự do và đồng thời, nó là người duy nhất chăm sóc Xécgây. Lý do khiến người ta bắt nó chỉ có thể là vì tôi đã thử chuyển tiền cho nó. Bất kỳ một ủy ban quốc tế nào, bao gồm những người khả tín và chính trực, đều có thể dễ dàng nhận thấy: đã không có lý do nào khác (và bây giờ cũng không có) cho việc con dâu tôi bị bắt giam. Tôi cần phải tự đặt câu hỏi: giải thích ra sao đây về lần bắt giữ cuối cùng này? Chung quy chỉ là sự báo thù cá nhân, bỏ qua mọi cơ sở và mục đích chính trị? Hay đó là mục tiêu của Xtalin, nhằm giữ bí mật bằng mọi phương diện và càng lâu càng tốt trước công luận về những gì thực sự xảy ra đối với con trai tôi? Không thể thoát khỏi ý nghĩ rằng trong những hoàn cảnh mới này, cái tin do các nhà chức trách Xô-viết tung ra -- theo đó con trai tôi "không bị tù tội" -- đặc biệt có một ý nghĩa báo trước điềm gở và thật thảm khốc. Nếu Xêriôgia không bị tù đầy thì nó ở đâu? Và giờ đây, vợ nó ở đâu?

Natalia Trótxcaia Ngày 15 tháng Mười một 1935

(Thông tin Đối lập số 46, tháng Chạp 1935)

Lép Xêđốp (người con, người bạn, người đồng chí)

Tặng giới thanh niên vô sản

Giờ đây, khi tôi viết những dòng này bên người mẹ của Lép Xêđốp [Léon Sedov], những bức điện chia buồn vẫn đến từ nhiều nước khác nhau. Và mỗi bức điện đó lại đặt tôi trước một câu hỏi không thể chịu đựng nổi: "Chẳng lẽ toàn thể bè bạn của chúng ta ở Pháp, ở Hà Lan, ở Anh và Mỹ, ở Canada và Nam Phi, và ở đây, ai nấy đều coi chuyện Xêđốp không còn nữa là việc đã rồi?" Mỗi bức điện tín là một bằng chứng mới về cái chết của nó. Mặc dù chúng tôi vẫn chưa

muốn tin. Chẳng những vì nó là đứa con trai trung thành, hết lòng và yêu dấu của chúng tôi. Mà trước nhất bởi lẽ không có một ai gần bó mật thiết với đời sống chúng tôi bằng nó, như một người cùng tư tưởng, một cộng sự, một người chăm lo cho chúng tôi, một cố vấn và một người bạn.

Thế hệ đứng tuổi trong đó có chúng tôi, từng đi theo con đường cách mạng vào cuối thế kỷ trước, nay đã bị gạt sang sang một bên. Những gì mà các nhà tù lao khổ của Nga hoàng, chế độ đày ải hà khắc, những thiếu thốn thời lưu vong, cuộc nội chiến và bệnh tật chưa thực hiện được, đã bị Xtalin -- đòn đánh khủng khiếp nhất của cách mạng -- kết liễu trong những năm cuối cùng. Sau thế hệ đứng tuổi, bộ phận ưu tú nhất của thế hệ giữa, từng gây dựng nên 1917 và trưởng thành trong 24 tập đoàn quân thuộc mặt trận cách mạng, cũng bị thủ tiêu. Người ta cũng giày xéo lên phần tinh hoa nhất của giới thanh niên, các bạn hữu cùng thế hệ với Lép. Cũng chỉ nhờ việc đưa tiễn chúng tôi đi đày, sau đó qua Thổ Nhĩ Kỳ, mà Lép mới sống sót một cách kỳ diệu. Trong những năm cuối của thời kỳ lưu vong, chúng tôi đã có được rất nhiều bạn hữu; trong số họ, có vài người gần như đã trở nên thành viên gia đình và rất gần gũi với chúng tôi. Nhưng tất cả những người ấy đều gặp chúng tôi lần đầu tiên khi chúng tôi đã bắt đầu già cả. Lép là người duy nhất biết chúng tôi và góp phần trong cuộc đời chúng tôi kể từ khi nó có mặt trên thế gian này. Lép giữ nguyên vẹn vẻ trẻ trung, như thể nó là người đồng thời với chúng tôi...

Lép theo chúng tôi suốt thời kỳ lưu vong lần thứ hai: Viên, Durích [Zürich], Pari, Bắcxêlôn [Barcelone], Niu Oóc, Amhéc (trại tập trung ở Canada) và cuối cùng, Pêtorôgorát. Từ lúc còn là trẻ nhỏ -- hơn mười hai tuổi --, nó đã cảm thấy theo cách của nó sự cần thiết của giai đoạn chuyển tiếp từ cách mạng tháng Hai đến cách mạng tháng Mười. Tuổi trưởng thành, ngọn lửa cách mạng đã hun nóng nó. Lép khai tăng thêm một tuổi để được vào đoàn Cômxômol [Komsomol] sớm hơn; lúc đó, tổ chức nói trên được mọi nhiệt huyết của thế hệ thanh niên thức tỉnh nung nấu.

Các thợ làm bánh trẻ tuổi mà Lép tuyên truyền trong nhóm họ, đã tặng nó những chiếc bánh mì tròn nhỏ mới ra lò và nó sung sướng cắp đi dưới chiếc áo khoác thùng một lỗ ở khuỷu tay. Đó là những năm tháng cháy bỏng và lạnh lẽo, tuyệt diệu và đói khát. Lép tự nguyện chuyển từ điện Kremli đến một ký túc sinh viên vô sản để khỏi trội hơn các bạn bè. Nó không chịu cùng chúng tôi đi xe hơi để khỏi phải tận hưởng đặc quyền của giới quan liêu. Ngược lại, nó chăm chỉ tham gia những công tác xã hội và những đợt "động viên lao động", nó quét tuyết trên đường phố Mátxcova, nó đi "thanh toán" nạn mù chữ, bốc vác bánh mì và củi sưởi khỏi các toa tàu, và sau đó, khi đã là sinh viên trường Kỹ thuật, nó sửa chữa đầu máy xe hỏa. Lép chỉ không được ra mặt trận thực sự vì nó mới mười lăm tuổi khi cuộc nội chiến kết thúc. Tuy

nhiên, vài lần nó cùng tôi ra mặt trận, cảm nhận những hoàn cảnh ngặt nghèo và nó biết chắc chắn tại sao lại diễn ra cuộc chiến đẫm máu ấy.

Những tin tức cuối cùng của các hãng thông tấn cho biết Lép Xêđốp sống ở Pari "trong những hoàn cảnh nghèo khổ nhất"; chúng tôi phải nói thêm là nó sống khổ cực hơn nhiều so với một công nhân chuyên nghề. Nhưng hồi xưa ở Mátxcova, khi cha mẹ nó giữ cương vị cao cấp, nó cũng không sống khá giả hơn so với thời gian cuối cùng ở Pari, thậm chí còn tệ hơn. Thử hỏi đây có phải là hiện tượng chung trong giới con cái cán bộ? Không, đây là ngoại lệ, kể cả trong thời gian đó. Trong đứa bé này, cũng như trong cậu thiếu niên và chàng thanh niên về sau, ý thức trách nhiệm và chủ nghĩa anh hùng đã thức tỉnh rất sớm.

Năm 1923, Lép lao ngay vào công việc của phe đối lập. Hoàn toàn không đúng nếu ta chỉ thấy ảnh hưởng của cha mẹ trong chuyện này. Bởi lẽ nó chuyển từ căn hộ ấm áp ở điện Kremli đến ký túc xá chật chội, lạnh lẽo và nhộp nháp, và mặc dù không cản đường nó, việc đó đã diễn ra trái với ý muốn của chúng tôi.

Đường lối chính trị của nó, vốn được xác định bởi chính các trực giác, đã khiến nó ưu tiên chọn những toa tàu điện chật cứng thay vì những chiếc li-mu-din của điện Kremli. Cương lĩnh của phe đối lập chỉ mang lại sự diễn đạt chính trị cho những nét cơ bản của tính cách nó. Lép đoạn tuyệt không thương tiếc với các bạn học -- được những người cha quan liêu của họ gắng sức bảo vệ trước họa "chủ nghĩa trốt-kít" -- và nó tìm được đường đến với những người bạn của nó, những người làm bánh. Cuộc đời có ý thức của nó đã bắt đầu như thế, vào năm mười bảy tuổi.

Nó nhanh chóng nắm vững những mưu mẹo của công tác hoạt động bí mật: hợp hành bất hợp pháp, in ấn bí mật, lưu hành các văn kiện của phe đối lập. Chẳng bao lâu, đoàn Cômxômôn tạo nên những người, sau này trở thành các lãnh tụ đối lập với chính nó.

Lép nổi bật bởi năng khiếu toán học xuất sắc của nó. Không mệt mỏi, nó giúp đỡ các học sinh vô sản chưa có điều kiện tốt nghiệp phổ thông. Nó lao vào công việc này với tất cả lòng nhiệt tình, khích lệ, kéo mọi người tiến lên, khiển trách những kẻ lười biếng; nó quan niệm việc giúp đỡ giới thanh niên học hỏi như sự phục vụ giai cấp của nó. Việc học của nó cũng tiến triển rất hiệu quả ở Học viện Kỹ thuật. Nhưng những chuyện này chỉ chiếm một phần nhỏ thời gian làm việc của nó. Nó dành phần lớn thì giờ, sức lực, nhiệt huyết của nó để phục vụ sự nghiệp cách mạng.

Mùa đông 1927, khi cảnh sát bắt đầu đàn áp phe đối lập, Lép mới hai mươi hai tuổi. Nó đã có một cháu trai nhỏ, và nó tự hào đưa đến nhà chúng tôi ở điện Kremli để khoe. Nhưng nó không hề do dự, dù chỉ trong giây phút, khi quyết định rời gia đình và bỏ học hành để chia sẻ số phận với chúng tôi ở vùng Trung Á.

Nó đã hành động không như một thanh niên đơn thuần, mà như một bạn chiến đấu: bằng bất cứ giá nào, phải đảm bảo mối quan hệ của chúng tôi với Mátxcova. Thật thế, hoạt động của nó trong suốt một năm trời ở Anman-Ata là vô tiền khoáng hậu. Nó là bộ trưởng Ngoại giao, là cảnh sát trưởng và là người chịu trách nhiệm thông tin của chúng tôi. Và trong tất cả những công việc này, nó buộc phải dựa vào bộ máy bất hợp pháp. Được sự ủy nhiệm của trung tâm đối lập ở Mátxcova, Kh. -- một đồng chí trung thành và đáng tin cậy -- kiếm được một cỗ xe ngựa và nó hành nghề đánh xe thư độc lập giữa Anma-Ata và Phorundê (Pisopéc), thời ấy là ga xe hỏa cuối cùng. Nhiệm vụ của nó là chuyển bưu phẩm bí mật từ Mátxcova về chỗ chúng tôi, hai tuần một lần, và ngược lại, đưa thư từ của chúng tôi cùng các bản thảo đến Phorundê, tại đó người của Mátxcova chờ nó. Đôi lúc, có những liên lạc viên đặc biệt từ Mátxcova đến chỗ chúng tôi. Gặp gỡ được họ không đơn giản. Chúng tôi bị phân vào một căn hộ mà tứ phía đều có các công sở của G.P.U. hoặc nhà ở của các nhân viên thuộc cơ quan này. Những mối quan hệ của chúng tôi với thế giới bên ngoài hoàn toàn phụ thuộc vào Lép. Trong đêm tối mưa dầm, tuyết đọng, nó lẩn khỏi nhà, hoặc lợi dụng những khi bọn mật vụ mất cảnh giác, ban ngày nó biến khỏi thư viện và thiết lập mối quan hệ với người liên lạc ở bể bơi công cộng, ở bụi cây rậm rạp hoặc ở chợ giời phương Đông, nơi những người Kiécghidi chen chúc cùng lũ ngựa, lừa và hàng hóa của họ. Lần nào cũng vậy, mê say và hạnh phúc, nó trở về với ngọn lửa chiến đấu hừng hực trong đôi mắt và vật báu quý giá trong túi. Trong vòng một năm, không lần nào kẻ địch bắt được nó. Hơn thế nữa, nó còn có thể duy trì mối quan hệ "đúng mực" ở mức độ cao nhất, một mối quan hệ gần như "thân thiện", với những kẻ thù địch, những người "đồng chí" ngày hôm qua, chứng tỏ sự tế nhị và lòng tự chủ cao độ, sẵn sàng và bảo vệ chúng tôi khỏi những đòn đánh từ bên ngoài.

Đời sống tinh thần của phe đối lập trở thành vấn đề then chốt trong năm diễn ra Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản. Trong các bưu kiện từ Mátxcova, những người bạn thân quen và không quen biết gửi cho chúng tôi hàng chục lá thư, bài vở, luận đề. Những tháng đầu, cho đến khi G.P.U. chưa đột ngột thay đổi đường lối, thông qua con đường chính thức, có vô số thư đến từ nhiều nơi dày ải khác nhau. Cần phải xác định phương hướng một cách cẩn thận trong khối tài liệu hỗn hợp đó. Và khi đó, không khỏi sửng sốt, tôi thấy rõ đứa trẻ đã trưởng thành biết nhường nào đối với chính tôi mà tôi không nhận ra, nó hiểu biết tường tận con người đến mức nào, -- nó quen biết nhiều người đối lập hơn tôi rất nhiều -- trực giác cách mạng của nó đáng tin cậy biết bao, tạo cho nó khả năng phân biệt không do dự cái thật với cái giả, nội dung với hình thức. Trong khi chúng tôi trao đổi ý kiến, cặp mắt mẹ nó ngời lên tự hào, bà hiểu rõ đứa con trai hơn tôi.

Từ tháng Tư đến tháng Mười, chúng tôi nhận được khoảng 1.000 lá thư chính trị, văn kiện

và chừng 700 bức điện. Đồng thời, chúng tôi gửi đi 550 bức điện và ít nhất 800 bài luận chính trị, kể cả hàng loạt tác phẩm đáng kể như *Phê bình cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản* v.v... Thiếu con trai tôi, hẳn tôi đã không hoàn thành nổi phần nửa công việc này.

Tuy nhiên, sự cộng tác mật thiết ở mức độ như thế vẫn không có nghĩa là giữa chúng tôi không có những cuộc tranh luận, thậm chí, đôi khi có những đụng độ gay gắt. Quan hệ của tôi với Lép khi đó, cũng như trong thời gian lưu vong về sau, hoàn toàn không bằng phẳng và quang đãng. Đối lại những nhận xét kiên quyết của nó, lắm khi bất kính đối với một vị "lão trượng" nào đó thuộc phe đối lập, tôi cũng đưa ra những ý kiến chấn chỉnh và bảo vệ những quan điểm của bản thân. Hơn nữa, tôi hay tỏ ra cho nó thấy sự cầu kỳ và cầu toàn, vốn đặc trưng cho tôi trong các sự việc thực tiễn. Những tính cách đó của tôi, có thể có ích, thậm chí cần thiết trong công việc có tầm vóc lớn, nhưng tương đối khó chịu đựng trong những mối quan hệ cá nhân, chúng thường gây trở ngại cho cuộc sống những người gần gũi tôi nhất. Và bởi lẽ trong giới thanh niên, con trai tôi là người gần gũi tôi nhất, thành thử đối với nó, mọi thứ đều khó khăn hơn so với bất kỳ kẻ nào khác. Một người quan sát không thông thạo còn có thể tin rằng mối quan hệ của chúng tôi lạnh lẽo và xa cách. Nhưng sau vẻ bề ngoài đó, nung nấu một sự quyến luyến khăng khít, sâu sắc từ cả hai phía, hơn nhiều so với tình máu mủ thông thường: nó có cơ sở trên nền tảng sự tương đồng quan điểm và đánh giá, yêu và ghét, trên những niềm vui và nỗi khổ cùng trải qua, và trên những hi vọng chung lớn lao.

Và vào từng thời điểm, tình cảm quyến luyến chung đó lại bùng cháy thành ngọn lửa sống động, bù đắp cho chúng tôi hàng trăm lần những mâu thuẫn nhỏ nhất thường ngày. Chúng tôi đã sống như thế, cách Mátxcova bốn ngàn, cách tuyến đường sắt 250 cây số. Đó là một năm đầy khó khăn và không thể nào quên, đọng lại trong hồi ức chúng tôi như năm của Lép, chính xác hơn, năm của Lêvích [Levik] hay Lêvusca [Levuchka] như chúng tôi thường gọi. Tháng Giêng 1929, Bộ Chính trị buộc chúng tôi phải rời lãnh thổ Liên Xô -- sau này chúng tôi mới hay -- về hướng Thổ Nhĩ Kỳ. Các thành viên gia đình được phép tiễn đưa chúng tôi. Một lần nữa, không hề do dự, Lép quyết định cùng chúng tôi đến nơi đầy ải, vĩnh viễn để lại sau lưng người vợ và đứa con nhỏ mà nó rất đổi yêu thương.

Bắt đầu một chương mới trong cuộc đời chúng tôi, gần như chúng tôi phải làm lại từ đầu. Cần có những mối quan hệ mới, cần quen biết và kết bạn với những con người mới. Và một lần nữa, chàng trai của chúng tôi là kẻ vạn năng: nó làm công việc môi giới, thư ký như ở Anma-Ata, trong những lĩnh vực rộng lớn hơn hẳn. Trong những tháng năm rục rịch của cách mạng, nó đã quên gần hết những ngoại ngữ mà thuở nhỏ nó từng thạo hơn tiếng Nga. Phải học lại những ngoại ngữ đó. Khởi đầu công việc văn chương chung. Các tư liệu và tủ sách hoàn toàn nằm trong tay Lép. Nó biết rõ các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin, nó vô cùng thông thạo các

sách vở và bản thảo của tôi, nó hiểu biết lịch sử đảng và lịch sử cách mạng, cũng như lịch sử những giả mạo mang tinh thần Tháng Nóng. Trong cái hỗn tạp của thư viện công cộng ở Anma-Ata, nghiên cứu một cách tổng quát những số báo *Prápđa* thuộc thời kỳ Xô-viết với một sự nhanh trí không chút lăm lăm, nó đã chọn lọc và ghi chép lại những số báo đó. Thiếu tài liệu vô giá này, cũng như thiếu quá trình tìm tòi của Lép trong kho lưu trữ và trong các thư viện -- trước tiên ở Thổ Nhĩ Kỳ, rồi ở Béclin và cuối cùng ở Pari --, tôi đã không thể hoàn thành bất cứ một tác phẩm nào trong vòng mười năm trở lại đây, kể cả cuốn *Lịch sử cuộc cách mạng Nga*. Sự cộng tác có giá trị vô ngần của nó tuyệt nhiên không phải chỉ mang tính chất kỹ thuật. Thường thường, việc thu thập dữ liệu độc lập, những tuyển tập trích dẫn và phân tích của nó đã đặt nền móng cho phương pháp diễn đạt cũng như các kết luận của tôi. Trong cuốn *Cuộc cách mạng bị phản bội*, có vô số trang sách tôi viết trên cơ sở vài dòng trong thư con tôi, hoặc nó gửi cho tôi minh họa của báo chí Xô-viết -- thứ tôi không thể có được -- và như thế, tôi có thể sử dụng được chúng. Nó còn tạo điều kiện cho tôi có nhiều tư liệu hơn thế nữa, khi tôi viết tiểu sử Lênin. Chỉ có thể có một sự cộng tác như thế khi tình đoàn kết lý tưởng trở thành máu thịt trong chúng tôi. Thực ra, trong hầu hết những sách vở tôi viết sau năm 1928, cạnh tên tôi cần đề thêm tên con trai tôi nữa.

Tại Mátxcova, Lép còn hai năm nữa cho đến khi đạt được trình độ kỹ sư. Ở nước ngoài, tôi cùng mẹ nó khuyến khích nó học lại bộ môn khoa học bị bỏ dở. Thời gian ở đảo Prinkipô, phối hợp chặt chẽ với Lép, chúng tôi thành lập được một nhóm gồm những cộng sự trẻ tuổi đến từ nhiều nước. Lép chỉ đồng tình ra đi vì lý lẽ ở Đức, nó có thể phục vụ phe tả đối lập quốc tế một cách vô giá. Tại Béclin, nó tiếp tục học tập (phải làm lại từ đầu), đồng thời nó cũng lao vào hoạt động cách mạng. Chẳng bao lâu, nó trở thành chủ tịch phân bộ Nga của Ban Bí thư Quốc tế. Những bức thư nó gửi chúng tôi ngày ấy cho thấy nó thích nghi nhanh chóng với môi trường chính trị Tây Âu và Đức, nó hiểu tường tận con người và thông suốt vô số những đựng độ và bất đồng quan điểm trong giai đoạn trứng nước của phong trào chúng ta. Trực giác cách mạng được làm giàu bởi những kinh nghiệm nghiêm túc đã giúp nó lần ra chính xác con đường đúng đắn trong hầu hết mọi trường hợp. Đọc lá thư vừa mới xé ra của nó, biết bao lần chúng tôi mừng rỡ vì những suy xét và kết luận mà tôi vừa mới lưu ý nó vào ngày hôm qua. Và nó mừng rỡ một cách mê say và kỷ luật biết nhường nào khi những tư tưởng của chúng tôi gặp nhau. Không còn nghi ngờ gì nữa, tuyển tập thư từ của Lép sẽ là một trong những nguồn tư liệu quý giá nhất của quá trình nghiên cứu lịch sử hình thành nội bộ của Đệ tứ Quốc tế.

Nhưng, nhưng vụ việc xảy ra ở Nga vẫn là trung tâm sự chú ý của nó. Ngay từ lúc ở Prinkipô, trong thực tế nó là người phát hành tờ *Thông tin Đối lập* bằng tiếng Nga, kể từ thuở ban đầu (giữa năm 1929); còn từ khi đi Béclin (đầu năm 1931) công việc này tuyệt nhiên tập trung hết

vào nó, sau khi tờ *Thông tin* cũng theo nó rời Pháp.

Lá thư cuối cùng của Lép viết ngày 4 tháng Hai 1938, tức 12 ngày trước khi nó ra đi, mở đầu như sau: "Con gửi cho cha mẹ bản in thử tờ *Thông tin* vì chiếc tàu thủy tiếp tới còn lâu mới khởi hành. Còn tờ *Thông tin* thế nào cũng phải xong vào sáng ngày mai."

Mỗi một số báo ra đời là một sự kiện nho nhỏ trong đời nó, một sự kiện nho nhỏ đặt được thông qua những cố gắng lớn: biên soạn tờ báo, chỉnh lý bài vở, viết bài, sửa chữa cẩn trọng bản in thử, thư từ với các bạn bè và phóng viên, và cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng: tìm kiếm phương tiện làm ra tiền. Ngược lại, nó tự hào đến mức nào trước mọi số báo "thành công"! Trong những năm đầu thời lưu vong, nó có quan hệ thư từ rộng rãi với những người đối lập ở Liên Xô. Nhưng đến năm 1932, G.P.U. đã thanh toán hầu hết toàn bộ những mối quan hệ của chúng tôi. Phải thu thập thông tin qua đường vòng. Lép luôn luôn sẵn sàng, nó chăm chú tìm kiếm những mối quan hệ từ nước Nga. Sự chú ý của nó được mở rộng sang những người du lịch về nước, những sinh viên Xô-viết theo học hệ đào tạo từng phần và những nhân viên ngoại giao đồng tình với nó. Ở Béclin rồi ở Pari, nó chạy ngược chạy xuôi hàng tiếng đồng hồ để thoát khỏi các mật vụ G.P.U. luôn theo sát nó, khởi làm liên lụy đến những người mang tin đến cho nó. Trong những năm tháng đó, chưa bao giờ có ai bị thiệt hại bởi nó mất cảnh giác, sơ xuất hoặc bồng bột. Trong hồ sơ sổ sách của G.P.U., nó được gọi dưới biệt hiệu "Chàng trai". Như Raixơ [Raiss] (đã quá cố) cho biết, nhiều khi người ta phải thốt lên ở Lubianca [Lubianka]: "Chàng trai làm việc khéo léo lắm, ông già hắn sẽ khốn đốn nếu không có anh ta". Đây là một sự thật lớn lao. Hắn chúng tôi sẽ khốn đốn nếu không có nó! Sẽ khó khăn nếu vắng nó! Chính vì thế mà các mật vụ G.P.U. -- những kẻ đã xâm nhập vào các tổ chức của phe đối lập

-- đưa Lép vào khuôn khổ theo dõi chặt chẽ, bao vây nó bởi mạng lưới của những mưu mô, những thủ thuật khốn nạn. Trong các vụ án Mátxcova, tên nó luôn được nhắc đến cùng tên tôi. Mátxcova tìm có để thanh toán nó, bằng bất cứ giá nào.

Sau khi Hítle [Hitler] lên nắm quyền, tờ *Thông tin Đối lập* bị cấm ngay tức khắc.

Lép còn ở lại Đức vài tuần, nó làm những việc bất hợp pháp và trốn tránh cơ quan Ghestapô [Gestapo] trong những căn hộ xa lạ. Cùng mẹ nó, tôi phải lập tức báo động và kêu gọi nó nhanh chóng rời nước Đức. Mùa xuân 1933, rốt cục Lép quyết định rời bỏ đất nước mà nó đã quen biết và yêu quý, và di cư sang Pháp; ngay sau đó tờ *Thông tin* cũng theo nó. Ở đây, Lép lại đi học lại. Nó phải thi theo chương trình phổ thông trung học Pháp, rồi bắt đầu học lại khoa Toán -- Lý từ năm thứ nhất ở trường Xoócbon [Sorbonne], bây giờ đã là lần thứ ba. Ở Pari, nó sống trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, nó cũng chỉ có thể theo học đại học một cách không thường xuyên nhưng nhờ năng khiếu xuất sắc, nó đã hoàn thành mọi nhiệm vụ và đạt được

văn bằng.

Còn hơn cả thời ở Béclin, tại Pari, Lép dành phần lớn sức lực của nó để phụng sự cách mạng và cộng tác viết văn với tôi. Trong những năm gần đây, Lép ngày càng viết đều đặn hơn trong báo chí Đệ tứ Quốc tế. Căn cứ vào một số dấu hiệu nhất định, nhất là vào những ghi chép hồi tưởng cho tự truyện của tôi, ngay từ khi ở đảo Prinkipô, tôi đã cảm thấy tài năng văn chương của nó. Nhưng bởi lẽ quá bận bịu với mọi thứ công việc khác, và bởi chúng tôi cùng có chung những suy nghĩ và đề tài, nó để lại công việc viết lách cho tôi. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, như tôi còn nhớ, nó chỉ viết một bài đáng kể với tựa đề *Xtalın và Hồng quân, hay là người ta đã viết lại lịch sử như thế nào?*, ký bút hiệu Nh. Máckin. Máckin là một thủy thủ cách mạng, Lép từng có một tình bạn đầy lòng mến phục với Máckin từ thời thơ ấu. Công trình này của nó được đưa vào cuốn sách *Trường phái giả mạo lịch sử kiểu xta-lin-nít* của tôi. Tiếp tới, những bài viết của Lép ngày càng xuất hiện thường xuyên trên tờ *Thông tin* và những ấn bản khác của Đệ tứ Quốc tế, lần nào cũng vì nhu cầu cấp thiết.

Lép chỉ viết nếu có gì để nói và khi nó biết rằng không ai có thể viết hơn nó. Trong thời kỳ chúng tôi ở Na Uy, từ nhiều nơi người ta kêu gọi tôi phân tích phong trào Xtakhanốp [Stakhanov]; ở một mức độ nào đó, việc này tương đối bất ngờ với chúng tôi. Khi đã rõ là tôi không thể thực hiện nhiệm vụ đó vì bệnh tật kéo dài, kèm một lá thư khiêm tốn, Lép gửi cho tôi dự thảo bài viết về phong trào Xtakhanốp. Đây là một công trình tuyệt vời, một bản phân tích nghiêm chỉnh và đa dạng, được trình bày cô đọng và sáng sủa. Tôi nhớ là sự khen ngợi của tôi đã khiến Lép rất mừng rỡ. Bài viết được in bằng nhiều thứ tiếng và lập tức, loại công việc ăn lương theo sản phẩm "xã hội chủ nghĩa" thực hiện dưới ngọn roi của chủ nghĩa quan liêu được lộ ra trong ánh sáng đúng đắn. Hàng chục bài viết về sau không thêm được điều gì quan trọng vào sự phân tích đó.

Tuy nhiên, tác phẩm chính của Lép là cuốn sách *Vụ án Mátxcova*, nói về vụ xét xử mười sáu người (Dinôviép, Camênhép, Xmiécnpóp...), đã được ấn hành bằng tiếng Pháp, Nga và Đức. Thời gian đó, tôi và vợ tôi bị giam giữ ở Na Uy, tay chân chúng tôi bị trói buộc và chúng tôi bị đặt trước những lời buộc tội phi lý nhất. Trong một số trường hợp, người bị bệnh bại liệt thấy, nghe và hiểu mọi thứ, nhưng họ không thể cử động chân tay để ngăn chặn nguy hiểm chết người. Chính phủ "xã hội" Na Uy đã đẩy đưa chúng tôi vào cảnh bất động chính trị như thế. Cuốn sách của Lép là một món quà vô giá đối với chúng tôi trong tình trạng lúc bấy giờ. Nó là đòn giáng trả đầu tiên chống lại những kẻ giả mạo tụ tập trong điện Kremli. Tôi nhớ những trang đầu tiên còn có vẻ nghèo nàn, nhưng chỉ bởi nó lặp lại lời đánh giá chính trị về hiện trạng chung của Liên Xô mà tôi đã biết từ trước. Nhưng từ khi tác giả chuyển sang việc phân tích vụ án một cách độc lập, cuốn sách hoàn toàn lôi cuốn tôi. Mỗi một chương mới lại có vẻ xuất sắc

hơn chương trước. "Hoan hô Lêvusca!" -- tôi bảo vợ tôi. "Đã có người bảo vệ chúng ta". Khi đọc lời khen ngợi pha lẫn cảm phục của chúng tôi, cặp mắt nó hằn đã ngời lên vì hạnh phúc. Vài tờ báo -- chẳng hạn như cơ quan ngôn luận trung ương đảng Xã hội Dân chủ Đan Mạch -- thẳng thừng đưa ra ý kiến rằng đối với họ, dường như giữa những điều kiện bị giam giữ khó khăn, tôi vẫn tìm được cách soạn thảo công trình đó, ra đời dưới tên Xêđốp. "Nhận ra ngòi bút Trốtxki"... Tất cả chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng. Tôi không viết một dòng nào trong cuốn sách này. Giờ đây, nhân cuốn sách này, nhiều đồng chí của chúng tôi có chiều hướng chỉ quan hệ với Xêđốp như với "con trai Trốtxki" -- cũng như trong một thời gian dài, người ta chỉ coi Các Lípnech như con trai của Vinhem Lípnech [Wilhelm Libknecht] -- đã có thể nhận ra rằng Lép chẳng những độc lập, mà còn là một nhân vật quan trọng.

Lép đã viết như nó làm mọi việc khác: chính trực. Nó nghiêm cứu, cân nhắc, kiểm tra. Nó xa lạ với tính hiếu danh của kẻ viết lách. Trò hùng biện tuyên truyền không cám dỗ nổi nó. Vậy mà trong mỗi dòng nó viết, bùng cháy một ngọn lửa sống được sưởi ấm bởi tấm lòng cách mạng chân thành.

*

Những biến động chính trị lớn của thời đại chúng ta và hòa nhập với chúng, những sự kiện mang tính chất gia đình của cuộc đời chúng tôi đã làm thành và tôi luyện nên bầu nhiệt huyết cách mạng đó. Năm 1905, người mẹ ngồi trong nhà tù Pêtécbuva, chờ đứa con ra đời. Mùa thu, những xu hướng chính trị tự do giải phóng bà. Thằng bé được sinh ra vào tháng Hai năm sau. Lúc đó tôi đã bị cầm tù. Sau khi trốn khỏi Xibêri, lần đầu tiên tôi mới được nhìn đứa con trai tôi. Như một ấn tượng trước tiên, hơi thở của cuộc cách mạng Nga thứ nhất bao phủ thằng bé, thất bại của cuộc cách mạng đó đẩy chúng tôi qua Áo. Chiến tranh nổ ra khi nó mới lên tám, buộc chúng tôi phải sang Thụy Sĩ. Bài học lớn tiếp tới đối với nó là việc tôi bị trục xuất khỏi Pháp. Trên con tàu thủy, nó trò chuyện bằng cách vung vẩy tay chân ra hiệu với anh đốt lò người Catalan [Catalonie]. Nó coi cách mạng là tất cả những gì tốt đẹp, trước hết là việc nó được trở về Nga. Trên đường về nhà tù Mỹ, tại Heliphécxơ, cậu bé Lêvích mười một tuổi dùng nắm đấm bé nhỏ thụi lấy thụi để tên sĩ quan người Anh. Nó biết phải đấm ai, nó không đấm những người lính thủy đã lôi chúng tôi khỏi con tàu, mà nhằm vào tên sĩ quan chỉ huy. Ở Canada, trong thời kỳ chúng tôi bị giam giữ trong trại tập trung, nó đã học được cách giấu thư từ của chúng tôi và đem đi bỏ vào thùng thư công cộng mà không ai nhận thấy, thành thử những lá thư đó qua được mắt cảnh sát. Về đến Pêtơrôgơrát, lập tức chúng tôi rơi vào giữa một cuộc truy lùng chống những người bên-sêvích. Trong trường học tư sản mà thoát đầu nó đến học, con cái những kẻ có tư tưởng tự do và bọn xã hội cách mạng dần cho nó nhiều trận nên

thân vì nó là con trai Trốtxki. Một lần, tay chảy máu đầm đìa, nó chạy đến Nghiệp đoàn Thợ mộc, nơi làm việc của mẹ nó, vì nó vừa có một cuộc va chạm nho nhỏ với đứa con của Kêrenxki. Nó tham gia mọi hoạt động trên đường phố của những người bên-sê-vích và nó cũng ẩn náu sau các cổng ngõ, lẩn tránh những phần tử vũ trang của Mặt trận Dân tộc hồi đó (liên minh những người dân chủ lập hiến, xã hội cách mạng và men-sê-vích). Sau những ngày tháng Bảy, nhọt nhọt và gày gò, nó đến thăm tôi trong nhà tù của Kêrenxki và Xêrêtel. Trong bữa trưa tại nhà một gia đình đại tá quen biết, Lép và Xécgây lăm lăm con dao, nhào vào người sĩ quan đã dám tuyên bố rằng những người bên-sê-vích là mật vụ của hoàng đế. Cũng bằng một cách thức tương tự, hai đứa trẻ đáp lại kỹ sư Xêrêborốpki, ngày nay là ủy viên Ban Trung ương của Xtalin, khi anh này cố gắng thuyết phục chúng rằng Lênin là gián điệp Đức. Từ sớm, Lép đã cẩn thận đọc những lời lẽ vu khống trong báo chí. Nó trải qua những ngày tháng Mười cùng Máckin, một thủy thủ, anh đã dạy nó bắn súng dưới tầng hầm trong những giờ rỗi rãi.

Người chiến sĩ tương lai đã hình thành như thế. Không, cách mạng đối với nó không phải là một khối trừu tượng trống rỗng, cách mạng đã ăn sâu vào xương tủy nó. Vì thế, nó thực hiện rất nghiêm chỉnh các bốn phạm cách mạng, kể từ những lời hứa hoàn thành nhiệm vụ và những buổi phụ đạo cho những người yếu kém. Vì thế, sau này nó cương quyết tham gia cuộc chiến đấu chống quan liêu. Mùa thu 1927, Lép làm một chuyến đi "đối lập" ở vùng Uran cùng Morátcốpki và Biêlôbôrôđốp. Sau khi trở về, với vẻ khâm phục thành thực, cả hai người đều nói về phẩm hạnh của Lép trong cuộc đấu tranh gay gắt và bế tắc, về những bài phát biểu cương nghị của nó trong các phiên họp thanh niên, về lòng dũng cảm thể xác vô song mà nó đã đem ra để đương đầu với những băng đảng du côn của bọn quan liêu, và về phẩm chất đạo đức đã khiến nó có thể ngẩng cao đầu chịu đựng thất bại. Sáu tuần sau đó, khi nó trở về từ Uran, tôi đã bị khai trừ khỏi đảng. Nó có thời gian chuẩn bị cho chuyến đi đây. Trong con người nó, hoàn toàn không có chút dấu vết của sự bông bột hoặc sự liêu lĩnh kiêu ngạo. Nó thông minh, thận trọng và mực thước. Nhưng nó biết nhân tố tiếp sức sống cho cách mạng, cũng như cho chiến tranh, là hiểm nguy. Nó có khả năng đương đầu với hiểm nguy khi cần thiết, và nó thường xuyên phải làm điều này. Cuộc sống của nó ở Pháp –

–nơi người ta có thể tìm thấy những bạn bè của G.P.U. tại mỗi tầng của tòa nhà nhà nước -- hầu như liên tục bị nguy khốn. Lũ sát nhân chuyên nghiệp theo sát nó. Chúng sống ngay trong căn hộ bên cạnh. Chúng đánh cắp thư từ, tài liệu, chúng nghe trộm những cuộc nói chuyện của nó qua điện thoại. Hồi phục sau một trận ốm, khi nó đi nghỉ hai tuần tại bờ biển Xích đạo -- đây là lần duy nhất nó được đi nghỉ trong suốt bao năm trời rong rã --, các nhân viên G.P.U. cũng xâm nhập chính nhà trọ nơi nó thuê. Khi nó chuẩn bị đến Muynhaoden [Mühlhausen] để gặp gỡ một trạng sư Thụy Sĩ vì những vụ cáo báo chí xta-lin-nít, cả một bè đảng G.P.U. đã chờ

nó tại sân ga Muynkhaoden; đó chính là những kẻ sau này sẽ sát hại Ignati Raixơ [Ignati Raiss]. Lép chỉ thoát khỏi thất bại chắc chắn vì nó bị sốt 40 độ vào ngày hôm trước và không thể rời Pari. Những ban ngành tư pháp Pháp và Thụy Sĩ đã xác nhận các thực tế trên đây. Và còn biết bao bí ẩn ngấm ngầm, chưa được phát hiện? Cách đây ba tháng, những người bạn gần gũi nhất của nó viết thư cho chúng tôi, nói rằng ở Pari, nó đứng trước hiểm nguy quá trực tiếp, và họ thúc giục nó qua Mêhicô [Mexique]. Lép đáp rằng quả thực có những mối nguy hiểm, nhưng hiện tại Pari là một cứ điểm chiến đấu quan trọng, từ bỏ nó sẽ là một tội lỗi. Mọi người phải chịu thua trước lập luận đó của nó.

Từ mùa thu năm ngoái, khi những nhân viên Xô-viết ở nước ngoài lần lượt thoát khỏi ảnh hưởng của điện Kremli và G.P.U., cố nhiên Lép rơi vào giữa những sự kiện dày đặc. Vài bạn hữu của nó phản đối việc tiếp xúc với những đồng minh mới "không thể kiểm chứng nổi", họ nói rằng có thể đó là những kẻ khiêu khích. Lép trả lời: chắc hẳn có mạo hiểm, nhưng không thể thúc đẩy quá trình quan trọng này nếu chúng ta đứng sang một bên. Lần này, mọi người cũng phải chấp nhận Lép như con người được tự nhiên sinh ra và được hoàn cảnh chính trị cấu thành. Như một người cách mạng đích thực, nó chỉ coi trọng cuộc sống của nó trong chừng mực cuộc sống đó phục vụ phong trào đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản.

*

Ngày 16 tháng Hai, một mẫu tin vắn trong báo chí buổi tối ở Mêhicô đưa tin Lép Xêđốp qua đời trong quá trình phẫu thuật. Phải gấp rút hoàn thành công việc, tôi không có thời gian đọc các tờ báo này. Chính Điêgô Rivêra [Diego Rivera] đã kiểm tra thông tin trên đài và đưa tin dữ đến cho tôi. Sau một giờ, tôi thông báo tin con trai chúng tôi qua đời cho Natalia; cũng đúng vào tháng Hai, như 32 năm trước đây, khi Natalia báo cho tôi hay tin nó ra đời trong tù. 16 tháng Hai, ngày đen tối nhất của cuộc đời chúng tôi, đã chấm dứt như thế.

Chúng tôi đã chuẩn bị cho nhiều điều, hầu như cho tất cả, nhưng không nghĩ đến điều này. Bởi lẽ vừa mới đây, Lép viết cho chúng tôi rằng nó đã quyết định làm việc như một công nhân. Đồng thời, nó cũng bày tỏ ý định viết lịch sử phe đối lập Nga cho một học viện khoa học. Nó có biết bao dự định. Hai ngày trước khi biết tin nó chết, chúng tôi nhận được lá thư viết ngày 4 tháng Hai, chứa chan lòng yêu đời. Lá thư ở đây, trước mắt tôi. "Bọn con đang chuẩn bị cho vụ án Thụy Sĩ -- nó viết --, giờ đây, tình thế hết sức thuận lợi trên phương diện 'công luận' và trên cả phương diện chính quyền". Nó còn tính toán trước đến một loạt sự kiện và dấu hiệu thuận lợi. "En somme nous marquons des points". Niềm tin vào tương lai tràn ngập lá thư. Thử hỏi, căn bệnh ác tính và cái chết bất ngờ sau 12 ngày này từ đâu mà ra? Bí ẩn sâu sắc che đậy câu hỏi đó. Có bao giờ chúng ta được biết rõ ràng điều này không? Giả thuyết đầu tiên và

hiển nhiên nhất là người ta đã đầu độc nó. Lẩn lút đến gần Lép, gần áo quần của nó, thậm chí gần cả cuộc đời nó không thể là một nhiệm vụ quá khó khăn đối với các mật vụ của Xtalin.

Một chuyên gia pháp lý, cho dù có tránh khỏi những dẫn đo, những suy xét "ngoại giao", có thể rút được những kết luận cuối cùng như thế không? Nhờ sự phát triển của nền công nghiệp hóa học theo mục đích quân sự, nghệ thuật đầu độc có thể tạo nên những kết quả vượt xa mọi tưởng tượng. Đúng là người trần mắt thịt không thể biết đến các thủ thuật của thứ nghề này, nhưng điều đó không thành vấn đề với những kẻ pha chế độc dược của G.P.U. Không loại trừ sự tồn tại của một thứ độc dược mà sau khi nạn nhân qua đời, kể cả những cuộc khám nghiệm kỹ càng nhất cũng không phát hiện ra nổi. Và nào đã có sự đảm bảo cho một cuộc khám nghiệm cẩn trọng?

Ho ặc giả, có thể người ta đã giết nó không thông qua độc dược? Chàng trai ấy, con người nhạy cảm và tế nhị, dịu dàng tận đáy sâu tâm hồn ấy đã phải chịu đựng quá nhiều. Chiến dịch đối trá từ nhiều năm chống cha nó và những đồng chí thân thuộc nhất -- hơn tuổi nó -- của nó, những người được Lép kính trọng và yêu quý từ thuở thiếu thời, đã chấn động sâu sắc đến cơ thể nó về mặt tinh thần. Làn sóng hạ vũ khí kéo dài của những người tham gia phe đối lập cũng giáng cho nó một đòn không kém phần nặng nề. Rồi việc Dina, con gái lớn của tôi tự sát ở Béclin; nó bị Xtalin chia cắt khỏi các con, khỏi gia đình và những người xung quanh một cách tráo trở, xuất phát từ lòng khao khát báo thù. Ở đó, Lép đứng cạnh tử thi người chị, tay bế đứa trẻ sáu tuần. Nó quyết định tìm cách liên lạc qua điện thoại với em trai là Xécgây ở Mátxcova. Không biết G.P.U. đi đi khi nghe tin Dina đã tự sát, hay vì họ hi vọng sẽ theo dõi và phát hiện ra một dấu vết bí mật nào đó, nhưng vượt ngoài mọi dự tính, Lép nói chuyện được với đứa em ở Mátxcova và trực tiếp thuật lại được cho nó tấn thảm kịch. Đây là cuộc nói chuyện cuối cùng của hai con trai tôi, của hai anh em đau thương trước thi thể chưa nguôi lạnh của người chị. Lép gửi cho chúng tôi một bức thư ngắn và kiệm lời về ấn tượng đó. Nó muốn nhẹ tay với chúng tôi. Nhưng, có thể nhận ra nổi căng thẳng nội tâm không thể chịu đựng nổi từ mỗi dòng chữ của nó.

Lép trải qua những khó khăn vật chất và thiếu thốn một cách nhẹ nhàng, coi đó là trò đùa, như một người vô sản thực thụ; tuy vậy, tất cả những điều đó cũng để lại dấu ấn ở nó. Những ấn tượng tinh thần tiếp tới còn tác động đến nó một cách tàn hại hơn nhiều. Vụ án mười sáu người ở Mátxcova, những tội danh bịa đặt, những lời thú nhận khủng khiếp của các bị cáo, trong số đó có Xmiéc-nốp và Mờ-rát-cốp-xki, những người rất gần gũi với Lép và được nó vô cùng yêu quý; việc cha mẹ nó đột ngột bị tổng đi Na Uy, bốn tháng sống trong cảnh mập mờ xa lạ, giấy tờ bị đánh cắp, chúng tôi bị chở một cách bí ẩn qua Mê-hi-cô; vụ án Mátxcova thứ hai với những tội danh và những lời thú nhận còn phi lý hơn; người em Xécgây mất tích sau khi bị

buộc tội "đầu độc công nhân"; vô số người -- trước đây là bạn thân của nhau, hoặc là bạn thân của nhau đến cùng -- bị tử hình; sự truy lùng và những vụ mưu sát của G.P.U. ở Pháp, vụ ám sát Raixơ ở Thụy Sĩ; sự dối trá, đê tiện, bội bạc và giả mạo: không, đối với Lép, "chủ nghĩa xta-lin-nít" không phải là một khái niệm chính trị trừu tượng mà là một chuỗi không ngừng của những đòn đánh vào đạo đức và những thất bại tâm lý. Thử hỏi những bậc thầy ở Mátxcova có phải dùng đến môn hóa học không hay những việc họ làm từ trước đến giờ đã quá đủ?: kết luận chỉ là một và như nhau. Đó là những kẻ đã sát hại nó. Và cái tin nó chết được đánh dấu trong cuốn lịch Tháng Nóng như một ngày lễ trọng đại.

Trước khi hãm hại nó, người ta đã làm tất cả những gì để những người cùng thời với nó vu khống và bôi nhọ nó trong con mắt hậu thế. Hãn Dugátxvili [Djugachvili] và những trợ lý của ông ta muốn trình bày Lép như một điệp viên phát-xít, một đồng minh bí mật của những kẻ muốn phục hồi chế độ tư bản phản động tại Liên Xô, như kẻ tổ chức những vụ tai nạn tàu hỏa và sát hại công nhân. Thật là những cố gắng vô ích của những kẻ đê tiện! Vô số những lời thóa mạ bắn thủ theo tinh thần Tháng Nóng rơi rụng khỏi thân thể nó, không dấu vết. Lép là một con người hoàn toàn trong sạch và chính trực. Trong bất kỳ một cuộc hội họp công nhân nào, nó cũng có thể thuật lại cuộc đời -- ngắn ngủi làm sao! -- của nó, ngày này qua ngày khác, như tôi đang làm một cách vắn tắt bây giờ. Nó không hề phải ngượng ngập hoặc giấu diếm điều gì. Đức độ của nó làm nên phác thảo tính cách nó. Lép kiên định phục vụ sự nghiệp của những kẻ bị áp bức vì nó có thể trung thành với chính bản thân nó. Những sự kiện trọng đại và khủng khiếp đang ở trước mắt chúng ta, trở nên hạn hẹp trong những con người như thế. Nếu được sống qua những sự kiện ấy, Lép đã có thể chứng thực tài năng kiệt xuất thực sự của nó. Nhưng nó không được sống đến ngày đó! Lép không còn nữa, cậu bé, chàng trai, người bạn chiến đấu anh hùng!

Cùng thân mẫu của nó, người gần gũi nhất với nó trên thế gian này, giờ đây đang trải qua những giờ phút kinh khủng nhất, trong khi tôi gợi nhớ lại hình ảnh nó, từ nét này qua nét khác. Chúng tôi không thể tin rằng nó không còn nữa và chúng tôi bật khóc vì phải tin vào điều đó. Làm sao có thể chịu đựng được ý nghĩ rằng hành tinh này đã xoay vần thiếu nó, con người đã gắn bó với chúng tôi bằng biết bao sợi dây tình cảm triu mến, biết bao nỗi cảm thông và kỷ niệm chung không gì phân tách nổi. Không ai thấu hiểu chúng tôi, biết rõ những ưu và nhược điểm của chúng tôi, như nó. Cả hai chúng tôi là một phần của tuổi thanh niên nó. Hàng trăm, hàng trăm nguyên có khiến những suy nghĩ, những tình cảm của chúng tôi hướng về nó từng ngày, ở Pari. Cùng con trai của chúng tôi, những gì còn trẻ trung trong chúng tôi đã ra đi.

Cha mẹ vĩnh biệt con, Lép! Cầu Trời phù hộ cho con, người bạn duy nhất của cha mẹ! Cùng mẹ con, cha không hề nghĩ số phận lại trút xuống cha một gánh nặng kinh khủng như thế: phải

viết bài truy điệu con. Cha mẹ hằng tin tưởng vững chắc rằng sau cha mẹ, con sẽ tiếp tục sự nghiệp chung, thật lâu. Nhưng cha mẹ đã không giữ gìn được cho con. Vĩnh biệt con, Lép! Cha mẹ để lại kỷ niệm sáng ngời của con cho thế hệ công nhân trẻ tuổi trên toàn thế giới. Con sẽ sống trong trái tim tất cả những người lao động, hằng chịu đựng và đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn. Hỡi giới thanh niên cách mạng toàn cầu! Hãy noi gương Lép của chúng tôi, nó xứng đáng được các bạn tiếp nhận, và từ ngày hôm nay, hãy để nó tham gia một cách vô hình trong cuộc chiến đấu của các bạn, cho dù số phận đã tước khỏi nó niềm vui được chia sẻ với các bạn trong thắng lợi cuối cùng.

Côiôacan, ngày 20 tháng Hai 1938.

(Thông tin Đối lập số 64, tháng Ba 1938)

Di chúc của Trốtxki

Tình trạng sức khỏe thực sự của tôi -- bệnh huyết áp cao (và ngày càng tăng) -- có thể đánh lừa môi trường xung quanh tôi. Tôi còn nhanh nhẹn và có khả năng làm việc, nhưng giải pháp cuối cùng dường như đã đến gần. Những dòng này chỉ được công bố sau khi tôi đã chết.

Ở đây, tôi thấy không cần thiết phải bác bỏ một lần nữa lời vu cáo ngu xuẩn và khốn nạn của Xtalin và bè lũ mật vụ của ông ta: danh dự cách mạng của tôi không hề có một vết nhơ nào. Giữa tôi và những kẻ thù của giai cấp công nhân, không bao giờ có một thỏa thuận bí mật, hoặc giả một cuộc đàm phán, kể cả gián tiếp hay trực tiếp. Hàng ngàn địch thủ của Xtalin đã là nạn nhân của những lời buộc tội tương tự và đã phải bỏ mạng. Mai đây, các thế hệ cách mạng mới sẽ trả lại danh dự chính trị cho họ, và những tên đao phủ điện Kremli sẽ phải trả giá theo "công trạng" của chúng.

Tôi vô cùng bi ết ơn các bạn hữu của tôi, những người đã thủy chung với tôi ngay cả trong những giờ phút khó khăn nhất của đời tôi. Tôi không nêu tên từng người vì không thể nêu tên được tất cả những người bạn đó.

Tuy nhiên, tôi cho mình quyền được thực hiện một ngoại lệ với người bạn đời của tôi, Natalia Ivanôpna Xêđôva. Ngoài hạnh phúc được là người chiến sĩ của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, số phận còn cho tôi niềm sung sướng được là chồng của bà. Trong gần bốn mươi năm của cuộc đời chung của chúng tôi, tình thương yêu, tấm lòng cao thượng và sự tận tâm luôn là nguồn sưởi ấm không bao giờ cạn. Bà đã đi qua những chịu đựng lớn lao, đặc biệt trong giai đoạn cuối của đời chúng tôi. Nhưng tôi cảm thấy yên lòng vì bà cũng từng được biết đến những ngày tháng hạnh phúc.

Tôi đã là người cách mạng trong suốt bốn mươi ba năm trường của cuộc sống có ý thức, trong đó bốn mươi hai năm nay tôi chiến đấu dưới lá cờ chủ nghĩa mác-xít. Nếu có thể làm lại

từ đầu, cố nhiên tôi phải cố gắng tránh sai lầm này khác, nhưng mục đích tổng quát của đời tôi vẫn không thay đổi. Tôi sẽ chết như một người cách mạng vô sản, một người mác-xít, duy vật biện chứng và do đó, một người vô thần triệt để. Giờ đây, niềm tin của tôi vào tương lai cộng sản của nhân loại không kém phần bền vững, mà còn mạnh mẽ hơn những ngày tôi còn trẻ.

Lúc này, Natasa [Natacha] v ừa mở rộng cánh cửa nhìn ra sân để cho không khí tự do tràn vào căn phòng tôi. Tôi thấy luống cỏ xanh tươi chạy dọc tường, bầu trời trong xanh và đâu đâu cũng tràn ngập ánh mặt trời. Cuộc sống tuyệt đẹp. Các thế hệ mai sau hãy gột rửa cuộc đời khỏi những gì tồi tệ, những sự áp bức, bạo lực và hãy hoàn toàn tận hưởng nó.

Côioacan [Coyoacan] ngày 27 tháng Hai 1940. L. Trótxki.

M ọi tài sản còn lại sau khi tôi chết, toàn thể bản quyền văn học (những thu nhập xuất phát từ các cuốn sách, các bài viết của tôi và những thứ khác) đều thuộc về vợ tôi, Natalia Ivanốpna Xêđôva. *Ngày 27 tháng Hai 1940. L. Trótxki.*

Nếu cả hai chúng tôi đều chết...

Ngày 3 tháng Ba 1940.

Theo tính ch ất của bệnh tật tôi (huyết áp cao và ngày càng tăng), như tôi hiểu, kết cục sẽ xảy ra trong một khoảng khắc, nói đúng hơn, lại theo dự đoán của chính tôi, nó sẽ đến theo con đường chảy máu não. Đây là kết cục tốt nhất mà tôi mong muốn. Cũng có thể tôi nhầm (về chuyện này, tôi không có hứng đọc các sách vở chuyên ngành, còn các bác sĩ cố nhiên không nói sự thật). Nếu bệnh xơ cứng động mạch mang tính chất kéo dài và tôi có nguy cơ bị tê liệt lâu ngày (giờ đây, ngược lại, do bệnh huyết áp cao, tôi cảm thấy sức mạnh tinh thần được tăng cường thì đúng hơn, nhưng điều này không kéo dài được lâu), khi đó tôi cho mình quyền được quyết định thời điểm ra đi. "Tự sát" (nếu từ ngữ này phù hợp ở đây) hoàn toàn không phải là biểu hiện của sự vỡ mộng hay nổi thất vọng. Nhiều lần tôi đã nói chuyện với Natasa về một trạng thái sức khỏe có thể sẽ xảy ra khi đối với chúng tôi, tốt hơn cả là rút ngắn cuộc sống, chính xác hơn, rút ngắn cái chết quá chậm chạp của chúng tôi...

Đồng thời, d ù những hoàn cảnh ra đi của tôi có như thế nào đi nữa, tôi chết với niềm tin không gì lay chuyển vào tương lai cộng sản. Niềm tin này -- đặt vào con người và tương lai con người -- giờ đây cũng cho tôi một sức đề kháng m à không một tôn giáo nào có thể đem lại được.

L.T. (Lép Trótxki: *Nhật ký và thư từ*, Niu Oóc, 1986)

Sách của Tủ sách Nghiên cứu *Đã xuất bản:*

-- Quan liêu ở Việt Nam (Nhóm Đệ tứ Việt Nam tại Pháp, 1976)

-- Dân chủ xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản (Vũ Gia Minh, 1980)

- Vấn đề Ba Lan (Hà Cương Nghị, 1981)
- Cuộc cách mạng bị phản bội (Lép Trốtxki, 1993)
- Tờ trình bí mật của Krúpsép về Stalin (1994)
- Người Việt ở Pháp 1940 -- 1954 (Đặng Văn Long, 1997)
- Về nạn sùng bái cá nhân và những hậu quả của nó (Nhikita Khorútsốp, phát hành trên mạng Internet, 1998)
- Đời tôi (Lép Trốtxki, hai tập, 1998-1999)
- Lênin, con người, cuộc đời và sự nghiệp (Nguyễn Văn Liên, 1998)

Sắp xuất bản:

- Văn học và cách mạng (Lép Trốtxki)
- Quốc tế Cộng sản sau Lênin (Lép Trốtxki, hai tập)
- Cách mạng thường trực (Lép Trốtxki)
- Việt Nam (1920-1945) - Cách mạng và phản cách mạng dưới chế độ thuộc địa (Ngô Văn)

Địa chỉ liên hệ:

Tủ sách Nghiên cứu
Boite Postale 246
75224 Paris Cedex 11
France

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>